

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I – 1887-1932
Quyển một

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH



VHSG

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I – 1887-1932

Quyển một

Sưu tầm, tuyển chọn:

HỮU NHUẬN (*Chủ biên*) – HOÀNG LẠI GIANG

CAO THỊ XUÂN MỸ – TRẦN THỊ MAI NHÂN

Biên tập kỹ thuật, tổ chức và đầu tư bản thảo:

NGUYỄN VĂN ĐƯỢC ©



- * Chúng tôi thành thật xin lỗi tất cả các tác giả và gia đình các tác giả (nếu tác giả đã qua đời) khi chưa có điều kiện tiếp cận với tác giả và gia đình tác giả để xin phép đưa tác phẩm của quý bác, anh và chị vào trong bộ tuyển này. Xin quý bác và anh chị cho chúng tôi địa chỉ hoặc điện thoại để liên lạc.

Địa chỉ liên lạc: Nhà Xuất bản Văn hóa Sài Gòn – 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. ĐT: 8376585 hoặc Nhà Xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh – 60-62 Nguyễn Thị Minh Khai. ĐT: 8223637.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I – 1887-1932
Quyển một

Nhà xuất bản TP. HỒ CHÍ MINH



VHSC

Nhà xuất bản VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu, sưu tầm biên soạn về Văn học Việt Nam thế kỷ XX được xuất bản. Dụng ý của những soạn giả và các nhà xuất bản là muốn sưu tầm, hệ thống hóa và bước đầu thẩm định, phân tích, xếp loại những sáng tác của các nhà văn trong một thế kỷ đã cho ra đời những đứa con tinh thần của mình.

Công việc này, xét đến ngọn nguồn của sự nghiêm chỉnh trong học thuật quả tình là không đơn giản. Trở ngại đầu tiên là quan niệm về thể loại, và tiêu chí xếp loại. Thứ đến là giới hạn của thời gian, điểm dừng của sự chọn lựa, sưu tầm.

So với lịch sử phát triển Văn học chữ viết từ khởi thủy đến nay, Văn học Việt Nam thế kỷ XX đã có những thành tựu đáng ghi nhận, đặc biệt là thời kỳ 1930-1945. Trên văn đàn xuất hiện nhiều tác phẩm, tác giả của đủ loại khuynh hướng sáng tác và tư tưởng. Đó là thời kỳ nở rộ của văn, thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự... với nhiều phong cách khác nhau. Văn học Việt Nam những năm sau đó tiếp tục xuất hiện nhiều tác giả mới.

Riêng lĩnh vực văn xuôi, hẹp hơn nữa là các tác phẩm văn xuôi **lãng mạn** cũng đã góp phần làm sinh sắc, tươi mới và phong phú cho vườn văn học nước nhà. Sự phong phú ấy không chỉ nhìn ở khối lượng tác phẩm mà còn thể hiện ở đặc điểm riêng trong phong cách sáng tạo của nhà văn.

Chẳng hạn, đọc các tác phẩm văn xuôi của Xuân Diệu, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh... những nhà văn đã khắc họa bao nhiêu mảnh đời, thân phận con người bằng một lối viết rất riêng, vừa chi tiết, cụ thể, vừa sắc nét mà lại tình cảm nhẹ nhàng, như gió thoảng. Giới phê bình có người xếp họ là nhà văn hiện thực, là nhà văn lãng mạn; có ý kiến lại xem đây là phong cách sáng tác hiện thực – trữ tình.

Cho ra đời một bộ sách bao quát nhiều thế hệ nhà văn với phong cách sáng tác không đồng nhất của thời gian trên

một trăm năm (1887-2000) với hàng trăm tác giả, trên hàng chục ngàn trang theo 4 giai đoạn – mỗi giai đoạn là 1 tập, mỗi tập có nhiều quyển, quả là không dễ dàng chút nào với Nhóm biên soạn. Mở rộng giới hạn khác với thông lệ xưa nay đã khó nhưng không khó và phức tạp bằng việc tuyển chọn tác phẩm và giới thiệu tác giả, nhất là các tác phẩm và tác giả có một thời xôn xao dư luận, khen chê khác nhau. Làm sao để không bỏ sót, mà lại không rơi vào tập hợp một cách xô bồ, lại phải phù hợp với tiêu chí của mình tự đặt ra (văn xuôi – lãng mạn – hấp dẫn, nội dung lành mạnh) là thử thách lớn nhất cần phải vượt qua.

Văn học là tấm gương phản ánh xã hội. Văn học là nhân học. Đọc kỹ thơ văn Lý – Trần của thời phong kiến Việt Nam tự chủ, nghệ thuật văn chương đã đi đúng vào quỹ đạo của tâm thức con người. Đến **Chuyện người con gái Nam Xương, Chinh phụ ngâm, Tang thương ngẫu lục, Truyện Kiều...** thì vấn đề con người được đặt ra một cách sinh động, thống thiết. Đó là bước tiến của văn học, của ngôn ngữ, nhưng là ngôn ngữ Hán – Nôm thời trung đại.

Làm bộ sách **VĂN XUÔI Lãng MẠN VIỆT NAM (1887-2000)**, cái mốc khởi đầu 1887, chính là năm xuất hiện truyện vừa đầu tiên bằng chữ quốc ngữ **Thầy Lazaro Phiền** của Nguyễn Trọng Quản, Nhóm biên soạn muốn gửi một thông điệp tới các bạn đọc về kho tàng tác phẩm của nhà văn bằng chữ quốc ngữ thời cận, hiện đại. Qua đó chúng ta có dịp hiểu thêm tiếng nói, chữ viết, ngôn từ của một thế kỷ đã qua, để ta càng yêu thêm tiếng Việt.

Đối chiếu với những tiêu chí mà Nhóm biên soạn đặt ra và đọc hàng chục ngàn trang tác phẩm, chúng tôi không nghĩ đây là một thể nghiệm mà là một công trình khoa học nghiêm túc, công phu. Nhưng dẫu sao đây vẫn là công trình của một nhóm, nên không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót.

Chúng tôi cũng như Nhóm biên soạn rất mong nhận được sự đóng góp của tất cả các bạn đọc xa gần, trước hết là các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học để lần tái bản được hoàn hảo hơn.

NXB TỔNG HỢP TP.HCM – NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

LỜI ĐẦU SÁCH

Lâu nay, khái niệm văn học lãng mạn thường được dùng để chỉ dòng văn học công khai hợp pháp trước 1945, bị đóng khung trong khoảng vài thập niên trước Cách mạng Tháng Tám. Và như vậy, mảng văn học Cách mạng, văn học hợp pháp ở các đô thị tạm bị chiếm từ 1945-1954 hoặc ở Sài Gòn từ 1954-1975 thường bỏ qua, không được tính đến.

Chúng tôi quan niệm văn học hiện đại Việt Nam, có một quá trình phát triển liên tục, tuy từng lúc, từng nơi có những đột biến tùy theo những biến cố xã hội chính trị thay đổi.

Với đầu đề "Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000", chúng tôi muốn mở rộng đối tượng tuyển chọn cả về không gian và thời gian. Nếu giai đoạn 1930-1945 là thời kỳ tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam đạt đến đỉnh cao thì không có nghĩa là trước và sau đó dòng văn học này bị đứt đoạn. Tuy không hoàn toàn giống với quan niệm chúng ta ngày nay nhưng khái niệm tiểu thuyết đã xuất hiện trên bìa sách một số tác phẩm xuất bản từ đầu thế kỷ. Giờ đây, văn chương không còn thuần là những câu chuyện kết thúc có hậu, đề cao nhân nghĩa lễ trí tín, trung hiếu tiết nghĩa... Cái *tôi* mang màu sắc tiểu tư sản đã xuất hiện. Quyền tự do yêu đương được đề cập. Cái văn mạch này vẫn được tiếp tục ở các vùng bị tạm chiếm sau này. Tuy mang nhiều yếu tố tiêu cực và bị ảnh hưởng nhiều trường phái văn học hiện đại phương Tây, nhưng với tinh thần gan đực khơi trong, chúng ta vẫn có thể ghi nhận ở một số tác giả những đóng góp nhất định cho nền văn học dân tộc ở thể loại này.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, đặc biệt từ sau ngày đất nước thống nhất, các nhà văn đã thực sự đứng trong hàng ngũ có tổ chức, sáng tác theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa nhưng như vậy, yếu tố lãng mạn không phải không nổi bật ở một số tác phẩm.

Mở rộng đối tượng tuyển chọn, chúng tôi muốn đưa đến bạn đọc một cái nhìn bao quát về sự phát triển của một dòng

văn học, đa sắc màu, trong đó truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn, tiểu thuyết lãng mạn là những thể loại đã hiện hữu trong suốt cuối thế kỷ 19 sang thế kỷ 20.

Trong việc bố cục và sắp xếp thứ tự các tập, chúng tôi theo trật tự thời gian, các tác giả sinh trước, tác phẩm xuất bản trước được xếp trước và ngược lại¹.

Trong công trình này chúng tôi cố giữ nguyên phong cách, ngôn ngữ của từng tác giả ở mỗi vùng miền khác nhau ở các thời kỳ khác nhau, mà không lấy ngôn ngữ Hà Nội hiện tại làm chuẩn mực. Khi thật cần thiết, đối với một số phương ngữ cổ lâu nay không còn dùng, chúng tôi đặt cạnh, trong móc vuông ([...]) từ tương đương thông dụng hiện nay. Các chú thích đánh dấu bằng chữ số la-tinh (1,2...) là của tác giả, đánh bằng dấu hoa thị (*) là của người sưu tầm tuyển chọn. Đọc bộ tuyển này bạn đọc sẽ thấy sự phát triển của văn học chữ Quốc ngữ từ Nam Bộ ra Bắc Bộ và sự hòa nhập của dòng văn học lãng mạn trong nền văn học Việt Nam. Sự mộc mạc giản dị gần với lời ăn tiếng nói đời thường coi nhu tuyển ngôn của các nhà văn Nam Kỳ tự buổi sơ khai cho đến cái tinh tế, cái hàm xúc sau này ở các nhà văn trong cả nước là một bước tiến đáng kể của nền văn học Việt Nam nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng.

Trong quá trình làm công việc sưu tầm tuyển chọn này chúng tôi có nghĩ đến giai đoạn năm năm (từ năm 2000 đến năm 2005). Nhưng cân nhắc lại, chúng tôi thấy những tác phẩm và tác giả xuất hiện trong thời gian này cần phải có thêm thời gian để công luận kiểm nghiệm, sau đó chúng tôi sẽ mở rộng công trình, và như vậy công trình sẽ bảo đảm được đầy đủ hơn tính trung thực và khách quan.

Đây là công việc phức tạp và có phần khó khăn, có thể còn nhiều ý kiến tranh cãi. Do những hạn chế của những người tuyển chọn – về trình độ, về tư liệu... nên chắc chắn còn có chỗ bất cập. Chúng tôi luôn chờ nghe những lời chỉ giáo, góp ý của bạn đọc gần xa.

1. Sự sắp xếp ở đây mang tính tương đối, bởi có những tác giả lớn tuổi hơn, nhưng tác phẩm lại xuất hiện sau. Trường hợp này chúng tôi thường sắp tác phẩm ra đời trước.

LỜI GIỚI THIỆU

HOÀNG LẠI GIANG

Chưa một lần tôi dám nghĩ ở Việt Nam đã từng có *chủ nghĩa lãng mạn* trong văn học. Bởi một điều đơn giản, hoàn cảnh xã hội Việt Nam chưa có đủ điều kiện để hình thành một chủ nghĩa về mặt lý luận và cả trong thực tiễn.

Chủ nghĩa lãng mạn trong văn học ở châu Âu thực chất đã manh nha từ thế kỷ XVII, nhưng mãi tới thế kỷ XIX mới đạt tới những thành tựu rực rỡ với những đúc kết hoàn chỉnh về mặt lý luận. Cũng như nền văn học Việt Nam hiện đại, dòng văn xuôi lãng mạn Việt Nam hiện đại ra đời và phát triển gần như cùng với sự phát triển của chữ quốc ngữ. Mặt khác, chế độ khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm xuất hiện ở Việt Nam, đặc biệt là ở các đô thị lớn, một tầng lớp trí thức Tây học và lớp tiểu tư sản thành thị đông đảo. Được tiếp thu những thành tựu mới của văn hóa phương Tây, những tầng lớp này ngày càng thấy rõ tính chất lạc hậu, phản tiến hóa của chủ nghĩa phong kiến với mọi thứ lễ giáo, tôn ti gò bó kìm nén con người. Lần đầu tiên, vai trò cái tôi, quyền sống của con người cụ thể được chú ý và đề cao. Nhiều nhà văn nối tiếp nhau khai thác ngày càng sâu tâm lý xã hội này. Và đây là cơ sở quan trọng để hình thành dòng văn học lãng mạn Việt Nam. Ở mặt khác tác động của trường phái văn học lãng mạn Pháp nói riêng và văn học lãng mạn phương Tây nói chung đối với dòng văn học lãng mạn Việt Nam vào nhiều thời điểm khác nhau là rất lớn.

Công bằng mà nói, những nhà văn lãng mạn Việt Nam đã "tiêu hóa" được những gì mà họ tiếp nhận từ bên ngoài. Và đó là cơ sở cho sự đón nhận của độc giả Việt Nam. Thời đó, văn chương chủ nghĩa ở Việt Nam không phải *rẻ nhu bèo* mà đã bắt đầu có giá.

Những nhà văn Việt Nam, ngoài ảnh hưởng các trào lưu văn học lãng mạn châu Âu, họ còn chịu tác động bởi hoàn cảnh xã hội Việt Nam khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời. Một dòng tư tưởng mới, tiến bộ tràn vào Việt Nam qua nhiều

con đường khác nhau. Khát vọng giải phóng dân tộc một lần nữa lại được nhen nhóm, thấp sáng hy vọng trong nhân dân. Đó là những yếu tố tích cực tác động không nhỏ vào tư tưởng trí thức, đặc biệt là các nhà nghệ sĩ, thổi một luồng sinh khí mới lạc quan vào tư duy các nhân vật. Cùng lúc là tư tưởng chống lại hệ thống phong kiến vốn lạc hậu kéo dài hàng nghìn năm đã làm cho dân chúng chìm trong cùng khổ!

Những nhà lãnh đạo văn nghệ cách mạng có lý do để cho rằng dòng văn học lãng mạn Việt Nam giai đoạn 1930-1945 mang nhiều nét tiêu cực, đẩy hàng loạt thanh niên vào con đường tình ái trụy lạc mà xao nhãng đấu tranh giành lại nền độc lập. Trong thực tế, không phải không có những thanh niên như thế. Họ lao vào tình yêu, họ quên đi đất nước đang còn hằn đầy những vết giày của quân xâm lược. Khi gặp những tác phẩm văn học lãng mạn hợp với quan niệm sống của họ, họ dễ tiếp nhận và trở thành những con người thừa, lạc lõng...

Nhưng xét ở mặt khác, tư tưởng cách mạng vào thời ấy mới chỉ là những đóm lửa le lói, không phải dễ ai đã nhìn thấy, để tin yêu và dẫn thân. Dòng văn học lãng mạn đột phá vào hệ thống tư tưởng phong kiến lạc hậu, bảo thủ, tiêu diệt tự do con người mà xã hội phương Tây đã giành lại được từ hơn thế kỷ trước. Cuộc đấu tranh này vô cùng phức tạp, thắng trầm bởi chủ nghĩa phong kiến đã thống trị ở ta cả ngàn năm. Cho đến hôm nay, ở đầu thế kỷ 21, chúng ta vẫn còn nhận ra tính gia trưởng, sự áp đặt, sự bất khả kháng trước nhiều hiện tượng mang đậm dấu ấn của lễ giáo phong kiến.

Chấp nhận điều này, chúng ta mới thông cảm cho những nhà văn lãng mạn một thời đã mạnh dạn công phá vào thành lũy của chế độ phong kiến Việt Nam. Nói một cách khác, văn học lãng mạn là một cứu cánh cho những tiêu chuẩn về đạo đức mới, tiến bộ hơn của một thời.

Nhưng văn học lãng mạn Việt Nam không chỉ có tình yêu, không chỉ có ước át, sa đọa, mà tự thân nó còn chất đầy những tình cảm, những cảm xúc đặc biệt, tính chất thanh cao, nét đẹp hài hòa, khát vọng chiến thắng những lễ thói hủ bại, và chống lại ở nhiều dạng ước chế về thể chế chính trị tàn bạo của quân xâm lược, dù còn ở mức hết sức nhẹ nhàng, đơn giản. "Các nhà văn lãng mạn coi động lực của nhận thức là thể nghiệm sự mâu thuẫn của cái hữu hạn và cái vô hạn, nỗi buồn

do không đạt được tới cái vô hạn, thái độ mỉa mai đối với bản thân..."¹.

Những nhà văn Việt Nam đi vào dòng văn học lãng mạn không hẳn tất cả đều tiêu cực, đều quên nợ non nước, dù là trí thức du học thành đạt ngay tại chính quốc, các nước Nhật Bản hay phương Tây, và những nhà văn học ngay trong nước nói chung đều là những người có lòng tự trọng, trong mỗi người đều mang tấm lòng của người dân mất nước. Có người yêu nước, do gặp hoàn cảnh, đi được với Cách mạng. Có người tự tìm cho mình một chỗ đứng trong sự nghiệp như thể hiện lòng yêu nước của mình. Thực tiễn 30 năm chiến tranh đã cho chúng ta khẳng định điều đó.

Vào đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam hình thành 3 dòng văn học: Dòng văn học cách mạng mới ra đời khỏe mạnh, mang đầy khí thế tiến công, vạch trần được tội ác của chủ nghĩa thực dân và bọn phong kiến đồng thời vạch ra những lý tưởng để phấn đấu, vươn tới. Dòng văn học thứ hai là dòng hiện thực phê phán chủ yếu vạch trần và lên án xã hội thực dân phong kiến mục nát, bóc lột tàn tệ và làm tha hóa con người. Nhiều tên tuổi lớn xuất hiện ở dòng này như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Nam Cao... Và dòng thứ ba là văn học lãng mạn. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dòng văn học cách mạng luôn bị cấm đoán, tác giả luôn bị chính quyền thực dân đàn áp, tác phẩm hầu như chỉ được lưu hành bí mật hoặc bán công khai. Dòng văn học hiện thực phê phán cũng luôn luôn bị chế độ kiểm duyệt thực dân can thiệp một cách thô bạo, cắt xén. Chỉ có dòng văn học lãng mạn là được hợp pháp, công khai. Và do hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam, dòng văn học này còn tiếp tục phát triển ở những vùng bị tạm chiếm ở miền Nam cho đến sau ngày thống nhất đất nước năm 1975.

Ba dòng văn học này cùng tồn tại trên một đất nước trong nhiều thập kỷ, cùng phục vụ nhân sinh, cùng hướng thiện, cùng lên án cái ác, bảo vệ cái thiện, nhưng đại diện cho ba ý thức hệ khác nhau.

Đánh giá như vậy chính là bày tỏ một thái độ rộng rãi, bao dung và trung thực với lịch sử. Chính điều đó giúp chúng

1. Từ điển triết học, NXB Văn hóa Thông tin, tr.617.

ta có được một kho tàng văn học tiềm tàng, dòng này bổ sung cho dòng kia, tạo thành một bức tranh văn học phong phú, đa sắc màu. Thời gian đã cho chúng ta những bài học về việc tự mình làm nghèo đi bao nhiêu di sản văn hóa do tiền nhân tạo lập mà đáng lẽ ra, hơn ai hết chúng ta phải giữ gìn và coi đó là tài sản vô giá của một dân tộc có cả nghìn năm văn hiến ở phía sau. Điều đó chính là cách tự làm "giàu" lên biết bao nhiêu so với nền văn học của nhiều nước trên thế giới.

Sự uốn nắn về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội được vạch tại đại hội Đảng lần thứ VI đã mở ra cho chúng ta một chân trời mới, những nhà văn nghệ nhìn lại chính mình rõ hơn trong việc đánh giá nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, nền văn học hiện thực phê phán và đặc biệt là dòng văn học lãng mạn mà một thời chưa được đánh giá đúng mức hoặc thậm chí bị phủ nhận.

Ngay trong dòng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, chúng ta vẫn thấy không ít những tác phẩm mang đậm yếu tố lãng mạn. Chính những nét mơ mơ thực thực, những yếu tố huyền ảo lúc lung linh như những giọt sương, lúc bàng bạc như trăm cảm, lại cũng như thăng hoa, bay bổng, đầy chất lý tưởng như men say đưa con người vượt qua những thử thách gay gắt, khốc liệt... để có thể làm nên những kỳ tích lịch sử.

Không ít những tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa chứa trong nó những mầm mống phản kháng những tiêu cực, phản khoa học theo kiểu lập trường "nhập khẩu" một thời đã đi ngược dòng đạo đức truyền thống, hạn chế sự phát triển của đất nước. Đây là hệ lụy của một thời ấu trĩ, một thời coi thường quy luật phát triển xã hội mà nhân loại đã từng trải qua và từng thành công.

Những tác phẩm như vậy, lúc đầu còn le lói, thấp thoáng, run rẩy trước một xã hội tràn ngập tinh thần xả thân. Nhưng dần dần nó lại được độc giả chấp nhận và suy cho cùng chính những tác phẩm ấy không hề làm nhụt chí một ai, ngược lại nó còn thổi bùng lên những khát vọng, những lý tưởng cao đẹp dù hãy còn... rất xa. Tất nhiên không phải không có những phần tử cơ hội nhân thời đổi mới tư duy bộc lộ những thái độ quá khích, đem vận mệnh của dân tộc ra mĩa mai, châm chọc, cười chê! Điều quan trọng là độc giả chúng ta rất tỉnh, rất nhạy và cũng rất bản lĩnh. Một dân tộc như dân tộc Việt

Nam đâu phải dễ đánh lừa. Tất nhiên những tác phẩm như vậy thường không mang giá trị nghệ thuật, nó khiến cưỡng và gán ghép thô vụng.

Có thể có người không đồng quan điểm với nhóm hiện soạn khi khẳng định trong dòng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa vẫn có những tác phẩm mang tính lãng mạn. Chúng tôi nghĩ vấn đề không có gì mới, bởi nhà văn nào cũng đều mang trong mình tính lãng mạn, tính hiện thực và tính lý tưởng. Không ít người gọi bộ: *Những người khốn khổ* của V.Hugo là tác phẩm lãng mạn. Ngược lại vẫn có nhiều người cho đó là tiểu thuyết hiện thực. Người nào cũng có cái lý của mình. Thực chất ba tính lãng mạn, hiện thực và lý tưởng hòa quyện như một bản chất, một đặc thù trong tư tưởng mỗi nhà văn.

Ở Việt Nam, khi nêu khái niệm "văn học lãng mạn" thì ý nghĩa nội hàm của cụm từ này không hoàn toàn mang nghĩa thông thường về trường phái hay thể loại thuần túy. Và sự giới hạn ý nghĩa ở đây cũng không thể rạch ròi. Có nhà văn hiện thực phê phán tiêu biểu nhưng lại có những tác phẩm rất rõ nét yếu tố lãng mạn và ngược lại. Nguyễn Công Hoan, tác giả của *Kép Tu Bền* và *Bước đường cùng* cũng là tác giả của *Lá ngọc cành vàng*, *Tắt lửa lòng*... Và những truyện ngắn của Thạch Lam như *Nhà mẹ Lê*, *Hai đứa trẻ*... đứng rất gần với các truyện hiện thực phê phán của Nam Cao, Nguyên Hồng... nhưng tác giả này vẫn là cây bút tiêu biểu của văn xuôi lãng mạn những năm 30 thế kỷ trước với các truyện ngắn *Dưới bóng hoàng lan*, *Gió đầu mùa*...

Và ở miền Bắc sau 1945 hay cả nước sau 1975, nền văn học thống nhất theo phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Nhưng nói thế không có nghĩa là có sự đứt đoạn, gãy khúc rạch ròi ở đây. Phương pháp sáng tác, bút pháp của nhà văn mặt nào đó có sự liên tục và kế thừa. Chính vì thế, khi chọn tuyển bộ *Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000* nhóm tuyển chọn không dừng lại ở năm 1945 (ở miền Bắc) hay năm 1975 (năm đất nước độc lập thống nhất).

Trên tinh thần đó, nhóm sưu tầm tuyển chọn đã mở rộng phạm vi dòng văn học lãng mạn mà lâu nay vốn đóng băng trong giai đoạn 1930-1945 ra thời kỳ từ cuối thế kỷ thứ XIX, thời kỳ hình thành dòng văn đọc viết bằng chữ Quốc ngữ. Người khởi đầu dòng văn học này là nhà bác ngữ học Trương Vĩnh ký với nhiều áng thơ văn mang đậm tinh thần dân tộc,

đặc biệt là tập Ký sự: *Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi* (1876). Đây là một tập ký sự mẫu mực, không phải của một thời – mà cho tới hôm nay, đây vẫn là một áng văn bất hủ, uyên bác, trung thực giữa một thời tao loạn. Nhưng Trương Vĩnh Ký không phải là nhà sáng tác. Người sáng tác đầu tiên là học trò của ông, Nguyễn Trọng Quản với truyện *Thầy Lazaro Phiên*. Người đương thời gọi đây là *Kim thời tiểu thuyết*. Chính *Thầy Lazaro Phiên* là tác phẩm khơi nguồn cho dòng văn học chữ Quốc ngữ. Người đọc sau này dễ dàng thông cảm cho những chuẩn mực của tiểu thuyết hay truyện của thời hiện đại mà Nguyễn Trọng Quản chưa đạt tới. Nhưng viên gạch đầu tiên bao giờ cũng mang giá trị quan trọng mà những người đi sau luôn trân trọng và ghi nhớ.

Từ truyện *Thầy Lazaro Phiên* – năm 1887 – đến năm 1925 chúng ta đã có hàng loạt tiểu thuyết và truyện vừa, truyện ngắn trong đó nổi bật lên một số cây bút tiểu thuyết như Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách, Nguyễn Trọng Thuật... Tác phẩm của họ tuy mới ra đời nhưng đã đánh dấu một bước tiến dài trong dòng văn học chữ Quốc ngữ nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng, đáp ứng được đòi hỏi của độc giả đương thời... Và từ năm 1932 tới năm 1945 đó là thời kỳ nở rộ của dòng văn học chữ Quốc ngữ. Đây cũng là thời kỳ hàng loạt các văn nhân thi sĩ lãng mạn tài hoa xuất hiện như Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nhất Linh, Khái Hưng... Ngoài những Nhà xuất bản, còn có những tờ báo chuyên đăng tải các tác phẩm văn học, như *Phong hóa*, *Ngày nay*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Phổ thông bán nguyệt san*... Với sự ra đời của Tự lực văn đoàn, văn học lãng mạn Việt Nam mặc nhiên hình thành tổ chức, đội ngũ. Giải thưởng hàng năm của Tự lực văn đoàn là giải thưởng văn học có uy tín trước năm 1945.

Về mặt chính trị, cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một dấu son rực rỡ trong công cuộc giành lại nền độc lập cho dân tộc sau hơn 80 năm đô hộ của đế quốc Pháp. Và tiếp sau đó là cuộc kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ. 30 năm chiến tranh, đất nước và con người Việt Nam có những xáo trộn, những cuộc chia ly khách quan và chủ quan, có đúng đắn và sai lầm... Hoàn cảnh xã hội đó đã ảnh hưởng không ít tới sự phát triển và đánh giá, đặc biệt là đối với dòng văn học lãng mạn.

Thực tế lịch sử Việt Nam trong một thời kỳ dài, đất nước bị chia cắt, mỗi vùng miền theo một chế độ chính trị khác

nhau, nền văn học cũng hình thành những dòng khác nhau. Chọn lựa trong những dòng văn học ở các vùng miền theo những chế độ chính trị khác nhau để tìm ra những giá trị đích thực của từng tác phẩm bao giờ cũng khó hơn là lẫn tránh, "quên đi" hay phủ nhận.

Làm một tuyển tập văn xuôi lãng mạn Việt Nam hơn một thế kỷ đã qua, chúng ta không thể không nhìn lại văn học những vùng miền ở các thời kỳ khác nhau để xem trong đó có những gì còn có thể nhập vào mạch chung của nền văn học dân tộc, trên tinh thần gạn đục khơi trong như đường lối văn nghệ của Đảng.

Đại hội Đảng lần thứ VI được xem là một mốc lịch sử cho sự đổi mới tư duy của những nhà lãnh đạo Việt Nam. Trên tinh thần hòa hợp và hội nhập, khép lại quá khứ nhìn về tương lai, nền văn học ngày càng có điều kiện phát triển theo xu hướng cởi mở và thông thoáng hơn. Nhiều công trình văn học đồ sộ và khoa học là nền tảng cho những công trình tiếp nối như công trình Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000 của chúng tôi hôm nay. Trên 100 năm ấy có biết bao nhiêu hạt châu, hạt ngọc của dòng văn học này đã bị thời gian và hoàn cảnh xã hội che khuất.

Mặc dù đã có hơn 5 năm trực tiếp với công trình này, có những lúc khó khăn tưởng không vượt qua nổi bởi những quan điểm khác nhau, những cách đánh giá khác nhau, nhưng rồi cuối cùng chúng tôi lại thống nhất được với nhau, tiếp tục cho đến khi tạm thấy yên lòng.

Mặc dù vậy chúng tôi vẫn không bao giờ dám quên rằng mọi sự lựa chọn dù là tập thể vẫn mang tính chủ quan. Điều quan trọng là những người tuyển chọn đã cố gắng công tâm, lấy khoa học làm phương châm. Ở đây chúng tôi đặc biệt chú ý tới du luận bạn đọc qua công luận, qua bạn bè đồng nghiệp theo các *tiêu chí* sau:

Một là tác phẩm đó phải là sáng tác văn xuôi – truyện dài, truyện vừa, truyện ngắn, tiểu thuyết đã được in thành sách, hoặc in trên các báo công khai.

Tiêu chí thứ hai là tính lãng mạn. Như trên chúng tôi đã đề cập, mỗi tác phẩm dù được sáng tác trong giai đoạn cách mạng, giai đoạn "hiện thực xã hội chủ nghĩa" thì vẫn có không ít tác phẩm mang đậm yếu tố lãng mạn. Tính lãng mạn ở đây

thường mang tính tích cực, mang nét đẹp của cái thiện, cái thanh cao của con người truyền thống, sống có lý tưởng và luôn khát khao với lý tưởng, đấu tranh cho cái đẹp, cái chân thiện mỹ.

Tiêu chí thứ ba là tác phẩm đó phải hấp dẫn, mang nội dung lành mạnh, mang tính xây dựng và được độc giả chấp nhận - thường được tái bản nhiều lần. Ở đây giá trị nghệ thuật là rất quan trọng để xác lập tiêu chí hấp dẫn. Có thể có một số tác phẩm nào đó được một số người nào đó nhất thời hết lời ca ngợi, nhưng qua thời gian, không còn ai nhắc tới nữa. Những tác phẩm như vậy chỉ làm tròn trách nhiệm của nó trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định.

Để làm một công trình đồ sộ như công trình Văn xuôi lãng mạn Việt Nam từ năm 1887 đến năm 2000, chúng tôi đã phải tìm và đọc hàng ngàn tác phẩm, để khỏi bỏ sót tác phẩm nào đáng được đưa vào, phân loại và đánh giá cho chính xác giá trị tác phẩm theo các tiêu chí trên. Nhóm tuyển chọn đã thể hiện rõ tinh thần xây dựng và khát khao về một nền văn học đa chiều, phong phú về màu sắc nhằm lưu lại cho kho tàng văn học Việt Nam một thể loại mà bất kỳ một nền văn học ở nước nào cũng phải có. Điều này không phải chỉ có ý nghĩa trong hôm nay mà cả cho mai sau. Các thế hệ con em chúng ta có thể nhìn vào những giá trị như công trình này mà suy nghĩ về cha ông, tự hào về cha ông một thời như thế mà làm nên những sự nghiệp lớn!

Công trình này lúc đầu mang tên *Một thế kỷ tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam* do anh Hữu Nhuận làm chủ biên và chị Cao Thị Xuân Mỹ và Trần Thị Mai Nhân cộng tác tuyển chọn. Nhưng sau nhiều lần đo suy nghĩ, chúng tôi thấy nên mở rộng công trình ra ở các thể loại truyện, truyện ngắn và mốc thời gian. Như vậy công trình mới đầy đủ hơn, thỏa mãn hơn mong mỏi của độc giả. Do hoàn cảnh công tác, hai chị Cao Thị Xuân Mỹ và Trần Thị Mai Nhân không có điều kiện đi tiếp công trình. Tôi, người viết bài giới thiệu này đã cùng anh Hữu Nhuận tiếp tục.

Sự mạnh dạn này đâu sao cũng là sự mạnh dạn của những người khai phá. Một công trình văn học kéo dài hơn trăm năm lại chưa một lần được các nhà phê bình, lý luận văn học nhắc tới... chắc chắn không thể nào tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được độc giả, được bạn bè đồng nghiệp lượng thứ và góp ý cho nhóm biên soạn để lần tái bản được hoàn thiện hơn./.

LỜI DẪN

Tập I

(1887-1932)

Chúng tôi coi đây là giai đoạn sơ khai của nền Văn học chữ Quốc ngữ, trong đó có dòng văn học lãng mạn. Cho đến hôm nay đã có không ít người cho rằng *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách (1925) là cái mốc thời kỳ bắt đầu của dòng văn học lãng mạn Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ. Nhưng qua những gì chúng tôi tiếp cận được gần đây nhất, chúng tôi thấy GS Nguyễn Văn Trung có lý khi cho rằng dòng văn học viết bằng chữ Quốc ngữ, trong đó có dòng văn học lãng mạn được bắt đầu vào cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX.

Hoàn cảnh xã hội Việt Nam vào thời kỳ trên chịu tác động không nhỏ trước nạn xâm lăng của thực dân Pháp. Cuộc xâm lăng ấy đã khởi đầu ở miền Trung rồi sau đó là ở Nam Kỳ. Đi cùng với cái họa mất nước này, người dân lục tỉnh buộc lòng phải thích nghi với cuộc sống mới của chế độ thuộc địa. Trong sự bóc lột tàn nhẫn của chế độ thực dân Pháp, kinh tế đặc biệt là văn hóa ở Nam Kỳ đã dần thay đổi. Nền văn hóa Pháp và phương Tây bằng nhiều con đường cũng đã đến Nam Kỳ sớm hơn. Nền văn học ấy có những đỉnh cao như A. Dumas, V. Hugo, G. San, C. Dickens... Ảnh hưởng của Nho giáo ở Nam Kỳ - vốn không đậm bằng Trung Kỳ, Bắc Kỳ, nay lại chịu tác động bởi nền văn hóa phương Tây - càng ngày càng trở nên mờ nhạt.

Cùng với văn hóa là ngôn ngữ, là chữ viết. Vai trò của chữ Quốc ngữ được Trương Vĩnh Ký và các học trò của ông dày công phổ biến và từng bước được khẳng định trong xã hội. Chữ Hán và nền văn hóa Trung Hoa không còn độc tôn như trước. Không ít những lễ giáo tôn nghiêm suốt hàng ngàn năm đô hộ của giặc Tàu không còn phù hợp với trào lưu mới nữa. Nó dần trở nên lạc hậu, trở thành vật cản trong khi hợp lưu với dòng văn hóa châu Âu.

Hơn ai hết, những nhà văn Việt Nam đã nhạy cảm dự báo được khá sâu sắc cuộc đấu tranh này và bắt đầu dùng ngòi bút sắc để sáng tạo ra những tác phẩm phản ánh tâm lý xã hội thời kỳ đầu cuộc đô hộ của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Những chuyện tình éo le thời kỳ này bắt nguồn từ xã hội Việt Nam, hoàn cảnh Việt Nam, tính cách Việt Nam, mặt dù nó có chịu tác động bởi những tác phẩm của những văn hào châu Âu nói chung và Pháp nói riêng.

Nếu Nguyễn Trọng Quản chịu ảnh hưởng của văn hào người Áo Stefan Zweig khi viết *Thầy Lazaro Phiền* thì Hoàng Ngọc Phách cũng thừa nhận ảnh hưởng của các nhà văn, nhà thơ Pháp khi viết *Tố Tâm* như Rousseau, Chateaubriand... Chúng tôi coi đây là cuộc giao lưu văn hóa giữa Đông và Tây.

Như trong lời giới thiệu chúng tôi đã nói, nền văn học Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng của chúng ta không hề bị gãy khúc, bị đứt đoạn mà được thừa kế và phát triển liên tục. Việc chia giai đoạn của chúng tôi chỉ là việc tương đối khi dựa vào những cái mốc văn học, những cái mốc xã hội, chính trị...

Nếu Nguyễn Trọng Quản là nhà văn mở đầu cho nền văn học chữ Quốc ngữ thì Hồ Biểu Chánh là một hiện tượng văn học đặc biệt. Không phải không có người coi thường văn chương Hồ Biểu Chánh. Nhưng suy cho cùng người đọc vẫn có lý của mình khi, cho tới hôm nay, ở thế kỷ 21, thế kỷ của tin học sách ông vẫn được tái bản và bán chạy. Cái gì đã làm cho Hồ Biểu Chánh vượt qua thời gian, sống cùng bạn đọc suốt hơn một thế kỷ. Tôi nghĩ những nhà văn học sử nếu có cái nhìn khách quan và tôn trọng sự thật sẽ ngẫm suy để trả lời thỏa đáng câu hỏi trên.

Tôi nghĩ, trước tiên Hồ Biểu Chánh là nhà văn xứ Nam Kỳ, nhà văn của những lưu dân đi mở cõi, coi nhẹ tiền bạc và công danh mà lại nặng về tình nghĩa. Trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, chủ đề này được lặp đi lặp lại ở nhiều dạng khác nhau, cùng với một ngôn ngữ hết sức giản dị, gần với lời ăn tiếng nói đời thường của dân chúng, đặc biệt là dân chúng Nam Kỳ và một lối dẫn chuyện rất nghệ thuật, luôn buộc người xem phải tiếp tục cho đến khi hết truyện để tìm một kết thúc... Và kết thúc truyện của ông bao giờ cũng thỏa mãn tâm trạng người đọc, đó là một kết thúc có hậu.

Theo nhà nghiên cứu Bằng Giang và GS. Nguyễn Văn Trung thì thời kỳ này, ngoài Hồ Biểu Chánh, ở Nam Kỳ còn có mấy chục tiểu thuyết ái tình khác đã được xuất bản. Đây chính là những dấu hiệu tích cực cho dòng văn học lãng mạn Việt Nam.

Hòa vào dòng văn học lãng mạn ở Nam Kỳ, ở Bắc Kỳ *Tổ Tâm* của Hoàng Ngọc Phách, *Quả dưa đỏ* của Nguyễn Trọng Thuật đã xuất hiện. Đây chính là những tên tuổi tiêu biểu cho dòng văn học lãng mạn ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Mỗi người một phong cách và tài năng đã xây đắp cho gia tài văn học Việt Nam nói chung và dòng văn học lãng mạn nói riêng những diện mạo văn học khác nhau, rất phong phú và đa dạng để bùng phát thành dòng thơ mới và Tự lực văn đoàn với những tên tuổi mới như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam... Đây chính là cái gạch nối của năm 1932 và 1933.

5-2005
Hoàng Lại Giang

NGUYỄN TRỌNG QUẢN
(1865–1911)

Ra đời là lúc Nam Kỳ đã rơi vào tay giặc Pháp. Khi ông lớn lên, cấp võ tới trường cũng là lúc chữ Hán đã bắt đầu nhường chỗ cho chữ Pháp và chữ Quốc ngữ.

Người thầy đầu tiên dạy chữ Quốc ngữ cho ông chính là Trương Vĩnh Ký. Và cũng chính Trương Vĩnh Ký là người cổ vũ, là người tổ chức cho lớp trẻ Việt Nam du học ở nước ngoài. Nguyễn Trọng Quản, Diệp Văn Công, Trương Minh Ký... là những người Việt Nam đầu tiên du học ở Lycée d'Alger thuộc Pháp.

Chính những thế hệ Việt Nam này là những hạt giống uơm mầm cho tư tưởng canh tân đất nước. Thực tế không phải không có trí thức làm tay sai trung thành cho giặc Pháp. Nhưng rõ ràng số này chiếm một tỉ trọng rất nhỏ. Hầu hết trong số họ đều giữ được tinh thần dân tộc, đều khao khát xây dựng một đất nước tốt đẹp hơn bằng việc kiên trì mở mang dân trí như con đường mà sau này Phan Châu Trinh dẫn thân.

Ngoài việc dạy học, truyền những cái khôn của người cho những lớp trẻ, Nguyễn Trọng Quản còn viết văn, hội họa...

Người viết tiểu thuyết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam theo kết cấu châu Âu không ai khác là Nguyễn Trọng Quản. "Thầy Lazaro Phiên" do nhà xuất bản J.Linage, Librairie Éditeur xuất bản năm 1887. Và như vậy, năm 1887 chính là năm nền văn học Việt Nam mở sang một trang mới, năm chữ Quốc ngữ bắt đầu có chỗ đứng trên văn đàn, năm mà các tiểu thuyết chương hồi bằng chữ Hán, chữ Nôm dần dần mất chỗ đứng trong dòng văn học Việt Nam vốn ảnh hưởng sâu đậm văn học bác học.

Ngay từ đầu, Nguyễn Trọng Quản đã có một ham muốn là dùng lời ăn tiếng nói bình thường của dân chúng mà viết nên truyện nhằm trước tiên là quảng bá chữ Quốc ngữ sau nữa là tuyên truyền một lối sống lành mạnh, cảnh báo những sai lầm của con người... "Thầy Lazaro Phiên" sau đó được dịch sang tiếng Pháp và in nhiều kỳ trên báo Pháp.

Sau Thầy Lazaro Phiên, Nguyễn Trọng Quản viết Truyện bốn anh Chà Và cùng chuyện tâm phào chẳng nên đọc, Kim vọng phu truyện...

Quê chính của Nguyễn Trọng Quản ở Bà Rịa và ông mất ở Sài Gòn.

Gia tài văn học Nguyễn Trọng Quản để lại không nhiều, nhưng bạn đọc, nhà văn hay bất cứ nhà nghiên cứu văn học nào khi nhắc tới nền văn học chữ Quốc ngữ cũng không thể nào không nhắc tới ông như

người khai phá, người mở đường, người đặt viên gạch đầu tiên cho ngôi nhà Văn học Việt Nam thời hiện đại.

Thật vậy, sau Thầy Lazaro Phiền của Nguyễn Trọng Quản, chúng ta có "Phan yên ngoại sử" (1911) của Trương Duy Toàn (người minh họa bìa lại là Nguyễn Trọng Quản), Hoàng Tố Anh hàm oan (1911) của Trần Thiên Trung và Ai làm được (1912) của Hồ Biểu Chánh, Hà Hương phong nguyệt (1915) của Lê Hoàng Mưu... Qua những tác phẩm xuất bản ngày càng nhiều, chúng ta lại thấy xuất hiện một đội ngũ nhà văn viết bằng chữ Quốc ngữ đã ra đời, chiếm lĩnh văn đàn. Từ Nam Kỳ, văn chương chữ Quốc ngữ đã tràn ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ: Tản Đà viết Giác mộng con năm 1916, Hoàng Ngọc Phách viết Tố Tâm năm 1925....

*

THẦY LAZARO PHIỀN*

Đi xuống Bà-ri-a, mà có đi ngang qua đất thánh ở trong Cát tại một làng Phước-Lễ, thì tôi xin bước vô đất thánh ấy, kiếm cái mồ có cây thánh giá bằng ván, sơn nửa đen nửa trắng, gần một bên nhà thờ những kẻ Tử đạo¹ mà thăm mồ ấy kéo tội nghiệp! Vì đã hai năm nay không ai thăm viếng không ai màng ngó tới.

Mồ đó là mồ một thầy đã chịu lương tâm mình cắn rứt đã mười năm, bây giờ mới dặng nằm an nghỉ nơi ấy.

*. Đây là một tác phẩm điển hình cho lối sử dụng từ ngữ và chính tả cuối thế kỷ XIX, chúng tôi giữ nguyên văn bản công bố lần đầu.

1. Nhà thờ những kẻ Tử đạo tại Bà-ri-a là nhà thờ nhỏ cất nơi mồ chôn xương những kẻ chịu đốt tại Bà-ri-a. Trong nhà thờ ấy, ở giữa có một cái mồ nơi đầu mồ có một cái bàn thờ, nơi mồ ấy thì có sáu câu như vậy:

Ba trăm bốn đạo xác nằm đây,
Những trông sống lại hưởng phúc đây,
Vì Chúa tù lao dư ba tháng,
Cam lòng chịu đốt chết chỗ này,
Lập mồ tánn chung vào một huyết,
Giáo nhơn coi đó nhớ hàng ngày.

Tôi xin phép thuật lại truyện tôi đã gặp thầy ấy và làm sao thầy ấy đã tỏ truyện mình ra cùng tôi, như sau này:

I.

Đồng hồ nhà thờ nhà nước vừa đánh tám giờ tối, đồ tôi đã đem xuống tàu mà đi Bà-ri-a rồi.

Chiếc Jean-Dupuis định mười giờ mới chạy, nên còn hai giờ chẳng biết làm gì? Muốn lên bờ đi dạo một hai vòng xem phố xá thành Saigon chơi mà trong mình có ý mệt cho nên không lên; vậy mới tính lên sân tàu coi có cái ghế nào không, mà nằm nghỉ cùng xem trăng chơi, vì ngày ấy nhằm ngày rằm tháng chạp annam là 12 janvier 1884.

Lên đến sân thấy trăng thanh gió mát thì tôi lại đứng nơi be tàu hứng gió.

Đứng đó, lòng buồn một ít vì phải xa cách cửa nhà vợ con hơn tám bữa, cho nên dầu trên bờ đèn sáng như ngày, kẻ qua người lại xe ngựa rầm rầm, đầy đầy những kẻ vui chơi, tôi cũng chẳng đem trí mà xem các sự ấy, cứ một xem phía sông Thủ Thiêm mà thôi, vì phía đó chẳng chới sự sang trọng vui chơi, chẳng tỏ bày sự phàm xác thịt, nơi ấy là nơi nghèo khổ làm ăn ban ngày, thông thả mà nghỉ ngơi ban đêm, nên còn một hai chỗ đèn leo lét mà chỉ còn vài nhà chưa ngủ mà thôi.

Còn dưới sông, mặt trăng gội xuống làm cho nước giọng ra như tấm lụa vàng có thả kim sa.

Xem các sự ấy thì lòng lại thêm buồn, nơi tôi muốn kiếm sự giải phiền nơi khác, song vừa giay mặt lại thì tôi thấy một thầy tu đứng gần bên tôi và ngó xuống nước một cách rất buồn bực lắm.

Muốn làm quen cho các bạn vì dưới tàu lạ mặt hết, tôi mới hỏi thầy rằng: "Thầy đi xuống Bà-ri-a hay đi Vũng tàu?" Thầy ấy ngó tôi một chặp rồi mới nói rằng: "Thầy hỏi tôi đi đâu làm chi?" Khi nghe thầy nói, tiếng nói một cách rất buồn bực, thảm nảo lắm, thì tôi ngó mà coi thầy ấy cho tỏ tường, may đâu lúc đó trăng lại tỏ hơn, nên tôi đặng xem thầy ấy rõ ràng: thầy chừng ba mươi tám ba mươi chín tuổi, thấp người, giọng nói đau thương. Mặt mũi thì

xanh xao mét uống, mình thì ốm o gầy mòn, lại cái áo dòng người mặc nó bay phất phơ hai bên làm cho thấy ấy giống như hình con bù nhìn, để nơi ruộng đồng mà đuổi chim, tôi mới trả lời rằng: "Thưa bởi vì tôi biết Cha sở Bà-ri-a lắm, nên tôi tưởng nếu thầy đi Bà-ri-a thì làm sao nay mai tôi cũng gặp thầy."

Thầy ấy mới trả lời rằng: "Tôi không đi Bà-ri-a, tôi đi dưỡng bệnh tại Vũng tàu, vì tôi có bệnh tức đã hai năm nay, song tôi tưởng đi cũng vô ích, vì tôi biết tôi không còn sống được hơn nữa tháng nữa đâu."

Tôi nghe lời ấy thì tôi nói rằng: "Xin thầy đừng nói làm vậy Chúa lòng lành vô cùng người thường làm phép lạ hoài, nên thầy đừng có ngã lòng làm chi, ít ngày đây thầy sẽ lành".

Thầy tu ấy lắc đầu mà nói rằng: "Thầy ôi! Phải thầy biết tội tôi thì thầy không muốn cho tôi sống làm chi...". Nói chưa dứt lời, thầy lấy tay che mặt mà khóc ròng.

Tôi thấy vậy mới nói cùng thầy rằng: "Dầu mà tội thầy nặng thế nào thì Chúa cũng đã tha cho thầy rồi, vì chịu cực cũng đã đủ cho nên xin thầy chớ muốn chết làm chi, vì thầy còn thuộc về những người phải dạy những kẻ chưa biết đạo Chúa, nên thầy phải sống mà đem những kẻ ấy vào đảng ngay".

Thầy tu nghe tôi nói vậy mới cất đầu lên chùi nước mắt mà nhìn tôi và hỏi chậm chậm rằng: "Thầy đã có đôi bạn chưa?" Tôi thưa rằng: "Thưa đã có được 6 tháng nay", thì thầy tu ấy lấy tay mà xô tôi ra cùng nói lớn tiếng rằng: "Vậy thì thầy phải xa tôi cho kiếp kéo mà sự dữ xảy đến cho tôi sẽ làm hại thầy chẳng sai đâu, tôi cũng có đôi bạn như thầy vậy, song phần tôi vô phúc lắm thầy ôi!"

Nói rồi thầy ấy ôm mặt mình mà khóc một lần nữa, song tôi cũng không ngã lòng, tôi nắm tay thầy mà nói rằng: "Tôi thấy thầy buồn bực như vậy, thì tôi chắc thầy đã có chịu sự gì cực khổ lắm hay là đã làm tội gì trọng, sự ấy tôi không muốn biết làm chi, song xin thầy đừng phiền quá mà làm hại mình, nếu mà thầy có tội thì thầy phải sống mà đền tội ấy. Nếu thầy không có tội mà thầy phải chịu phiền về sự gì, thì cũng xin thầy phải sống mà cho đến cùng hầu ngày sau sẽ được phần thưởng trọng hơn".

"Ôi thôi! Thầy đừng có an ủi tôi làm chi? Tội tôi đã lớn lắm. Và sự cực tôi đã chịu thì đã gần quá sức tôi rồi".

"Thầy ôi! Đã 10 năm nay, tôi như thể không còn trái tim nữa, trái tim tôi như thể đã biến hóa ra tro bụi rồi, tôi như thể mất trí khôn vậy. Chớ chi thuở trước tôi đừng có: ôi thôi! Nói đến chùng nào càng đau đớn lòng chùng ấy, bây giờ có một sự chết làm cho tôi quên người đó mà thôi... Tôi có ý đi tu choặng trông cậy có lẽ đọc Kinh Cầu nguyện thì tôi sẽ quên người tôi đã đem hết lòng hết trí mà thương, song vô ích, thầy! Sự tôi chịu cực 10 năm nay thì đã đủ mà đền tội tôi rồi. Bây giờ tôi chặng chết bằng an".

Tôi nghe mà thấy sự đau đớn như vậy tôi làm thình mà để cho thầy ấy khóc khi ấy mới nghĩ trong mình rằng: có lẽ nào dưới thế gian nầy mà có sự gì dữ tợn cho đến nỗi làm cho người ta chịu cực đến mười năm mà chẳng nguôi! Mà thật khi ấy tôi chặng còn phước, còn đang lúc sung túc, là vì mới có vợ chặng ít tháng, còn chi thiết thương nhau nên tôi không hiểu làm sao chặng?

Tôi mới tưởng Thầy tu ấy đau đớn bệnh hoạn nên lãng trí mà nói vậy chăng? Muốn cho hẳn tôi mới ngó mà xem thầy ấy cho rõ ràng chặng coi có làm sự gì tỏ ra như người điên chăng?

Tôi vừa mới ngó một chập, thì tôi thấy thầy ngắc mắt lên xem trời mà thở ra rằng: "A Chúa tôi! Rất lòng lành vô cùng; xin Chúa cho tôi về gặp mặt bạn tôi cho chóng, dẫu mà tội nó thế nào thì tôi cũng quên bởi vì có lời Chúa đã phán! Tao tha lỗi cho bây, như bay tha kẻ có lỗi cùng bay".

Tôi thấy vậy mới nói rằng: "Điên! Thầy nầy điên!" Thầy tu ấy nghe chặng mới nói cùng tôi rằng: "Thầy ôi! Thầy còn trẻ chưa biết đủ chuyện đời, hay là còn đang lúc có phước thầy chưa từng sự đau đớn, nên thầy nói tôi điên, tôi không điên đâu thầy, tôi còn trí khôn đủ, tôi xin Chúa đừng cho thầy mắc sự tôi phải chịu, xin Chúa giản ra cho khỏi đầu thầy sự dữ đã xảy đến cho tôi". Nói vừa dứt lời thì đồng hồ vừa đánh mười giờ, nên tàu thối hơi cùng mở cửa mà chạy; làm cho tôi quên thầy tu mà coi người ta sửa soạn lui tàu.

II.

Khi tàu chạy rồi tôi mới ngó lại thì thấy tu đã xuống phòng rồi. Còn lại một mình tôi mới lại đứng sau lái tàu mà xem tàu chạy, cùng nghĩ tới các sự thấy tu đã nói; khi nghĩ làm vậy, thì trong lòng muốn biết chuyện thầy ấy. Vậy mới tính hỏi, xin thầy thuật chuyện ấy ra, song tôi còn e thầy ấy có chối chẳng? thì tôi đang kiếm mà lo phương thế cách nào làm cho thầy ấy tỏ sự mình ra. Song nghĩ đi nghĩ lại một hồi, lại bàn rằng: "chuyện người mà mình muốn biết làm chi, nên tôi lại cuối xuống xem bọt nước vụn sau lái tàu; trào lên như bạc sôi, lại một hai khi có yểng sáng trắng gioi xuống thì bọt ấy hóa ra như bạc vàng lộn lại vậy, mà dầu làm thế nào trí khôn tôi nó cũng bắt tưởng đến chuyện thầy tu luôn, nên tôi quyết lòng lần này xuống xin thầy ấy thuật lại chuyện mình ra.

Dầu vậy mặt lòng cũng có lần lựa chưa muốn xuống mà hỏi. Vì đoán rằng: "Thầy này đã nói với tôi rằng: "Xin Chúa hãy giãi ra khỏi đầu thầy sự dữ đã đến cho tôi", thì sự ấy là quái gỡ lắm, cho nên có lẽ thầy tu sẽ chẳng nói ra chẳng? Tôi lần lựa như vậy, cho đến khi tàu đi qua khỏi Xóm chiếu cho tới đồn Cá trê, tôi mới xuống phòng tôi.

May dầu sự cũng lạ. Ngày đó không có đòn bà quá giang nên tôi và thầy tu được một cái phòng có hai cái giường.

Đang khi xuống thì tôi tưởng thầy ấy thức khuya mệt đã nghỉ rồi cho nên tôi lại gần phòng, sẽ lên khoát màn ra nhẹ nhẹ kéo thầy ấy giật mình thức dậy. Song tôi vừa bước chon vô phòng thì tôi thấy thầy ấy đang quì gối cuối mặt nơi giường mà đọc kinh cùng thầm thì những lời tôi đã nghe nói trên sân khi nãy.

Tôi thấy vậy muốn lui ra cho thầy đọc kinh kéo lo ra, song tôi vừa bước ra thì thầy kêu tôi mà nói rằng: "Thầy thầy lên giường mà nghỉ đừng sợ gì, tôi đọc kinh rồi có lẽ tôi nghỉ một chốc đây rồi tôi sẽ thuật chuyện tôi lại cho thầy nghe."

Nghe nói vậy thì trong lòng tôi mừng lắm, nên tôi lên giường mà nằm, khi ấy ông thầy cũng lên giường mình. Cách một hồi thì tôi nghe tiếng thầy ấy thở một cách như thở mệt lắm vậy, tôi cất đầu ngó xuống mà hỏi rằng: "Thầy mệt lắm hay sao? Trong mình

thầy làm sao?" Thầy ấy trả lời rằng: "Không hề gì đâu, thầy đừng lo, trong mình tôi như thường".

Vậy tôi mới nằm xuống, có ý thức đợi thầy ấy nói chuyện mình song mắc mệt nên lần lần tôi ngủ quên không hay. Gần nửa đêm khi dưới tàu thiên hạ ngủ hết, mọi nơi đều lẳng lặng, trờ ra tiếng máy ầm ầm, như trống canh nhịp, thì tôi nghe tiếng kêu rằng: "Thầy ôi! Xuống ngồi gần bên tôi, tôi sẽ nói chuyện tôi cho thầy nghe."

Khi tôi nghe kêu tôi giật mình và run sợ cả và mình, vì tôi nghe như thế tiếng bởi nơi mờ ma lên kêu tôi vậy. Lại khi đó cửa sổ phòng tôi mở, nên gió khuya thổi vô làm cho tôi lạnh lắm, thì lại càng run sợ hơn nữa.

Vậy tôi mới lấy mền trùm lại không trả lời, rồi tôi mới nghe kêu một lần nữa.

Khi ấy tỉnh trí nhớ trực thầy tu nằm dưới tôi, tôi mới xuống nhắc ghế lại ngồi gần bên giường thầy ấy.

Tôi vừa ngồi gần một bên, thì thầy ấy nắm tay tôi mà nói rằng: "Thầy ôi! Tôi vô phước lắm, xin Chúa tha tội cho tôi... Tôi là kẻ có tội."

Nói bấy nhiêu lời thì chảy nước mắt ròng ròng. Dầu mà tôi muốn biết chuyện thầy ấy hết sức nặng lòng, khi tôi thấy sự cực mà thầy ấy phải chịu mà thuật lại thì tôi mới nói rằng: "Thầy ôi! Nếu mà sự này làm cực cho thầy thì xin thầy đừng nói ra làm chi."

Thầy ấy trả lời rằng: "Không! Không tôi không còn sống bao lâu nữa mà giấu tội tôi. Mười năm nay tôi đã giấu với mọi người, không ai hay dạng, tôi đã trả giá trước mặt người ta và trước mặt các Cha nơi trường tôi tu, làm cho ai nấy tưởng tôi là người nhon đức, song hẳn thật tôi là đứa tội lỗi ngàn nào. Vậy tôi xin thầy hãy lắng tai nghe tôi vì khi đương nói mà tôi mệt, thì có khi phải nín mà lâu đi chẳng?".

Nói rồi thì thầy ấy nhắm mắt lại, cho dạng nhớ mọi sự trước sau cho đủ hầu sẽ thuật truyện lại cho cùng.

III.

Cách một hồi thầy ấy mở mắt ra và nói rằng: "Xin thầy ghé tai lại mà nghe".

Thầy ôi! Tôi là người Bà-ri-a, quê quán tôi ở Đất Đỏ, ông già tôi là người có đạo đồng tử tế, vốn là người Quảng Bình mà vô ở Đất Đỏ đã lâu, còn bà già tôi là người Gia Định. Tôi sanh là 1847 nhằm năm Tự Đức tước vị.

Tôi là con thứ năm mà khi ấy tôi còn có một mình, vì mấy người trước đã chết khi còn nhỏ.

Khi ấy đạo ta phải chịu nhiều điều khốn cực lắm, chỉ vì Vua dạy bắt những kẻ có đạo cho nhặt, cho nên kẻ ngoại kiếm thế mà làm hại cho những kẻ ấy luôn.

"Vậy khi tôi đã nên ba tuổi thì tôi đã biết chịu cực khổ rồi. Khi ấy bà già tôi được 40 tuổi rồi mắc dịch tả năm 1850 mà chết để tôi lại với ông già tôi một mình, khi ấy ông già tôi hơn 46 tuổi, mà bà con không còn ai cả, cho nên khi cha tôi đi đâu thì tôi cũng đi theo luôn, như khi cha tôi đến nhà nào có Cha làm lễ mà xem lễ, thì tôi cũng đi theo. Khi kẻ ngoại hay được, có kẻ có đạo hiệp nhau lại thì báo với quan đến bắt. Nên ai nấy đều kiếm phương mà ẩn mình cho khỏi chúng nó bắt: nên nhiều lần cha tôi phải đem tôi lên rừng mà trốn cho đến ba ngày mới về được, thì trong ba ngày ấy phải ăn những trái cây và rễ cây cho khỏi chết đói mà thôi.

Từ khi tôi mới sinh ra cho đến 20 tuổi, thì tôi thấy sự bắt bớ kẻ có đạo luôn. Lại ông già tôi trùm họ nên lại càng phải sợ hơn nữa. Ngày chúa nhựt mà muốn xem lễ cho được, thì phải chịu nhiều điều rất cam khổ là quá chừng. Ông cha ở nơi Đất Đỏ thì phải trốn lánh luôn. Khi thì làm lễ nhà nầy khi thì làm lễ nhà kia, có khi kẻ ngoại hay đảng thì phải đi xa cách vài ba làng, cho nên bốn đạo phải chịu muôn vàng sự khốn khó mới tìm đảng Cha Sở mình."

Tới đây thầy nín một hồi mà nghĩ cùng nhớ các sự cho đảng tiếp theo truyện mới nói.

Tôi thấy thầy ấy gác tay lên trán cùng nhắm lại dường như muốn đọc trong một cuốn sách đang khi ấy rồi sẽ thuật truyện lại, cho nên tôi làm thinh.

IV.

Vậy tôi mới nghĩ rằng: "người này từ thuở lên ba mà đã biết sự cực khổ ra thế nào, đã biết chịu đói, chịu khát, chịu mệt chịu nhọc, chịu trốn tránh vào nơi thú dữ, cạp hùm tây voi, ở, đã từng trải sự hiểm nghèo, đã quên sự sung sướng, nên bây giờ lòng đã cứng hơn gan sắt chẳng còn chỗ nào mà sự cực thâu vào đặng, mà đã than rằng: "Sự cực tôi đã chịu quá trí tôi rồi" thì sự cực ấy là độc dữ là thế nào? Mà sự cực ấy bởi đâu mà ra? Thầy tu đã nói: "Tôi cũng có đôi bạn như thầy" mà sao nay thầy ấy lại là thầy tu? Lại thầy ấy có đọc rằng: "Xin Chúa cho tôi gặp bạn tôi," hay là thầy ấy phiền vì đã mất bạn mình là người mình rất yêu mến lắm, cho nên phải phiền vậy chẳng? Như vậy không có lẽ? Nếu phải phiền về sự ấy mà thôi thì không nói rằng: "Dầu tội nó thế nào thì tôi cũng quên rồi". Vậy tôi chắc một là thầy này điên hai là thầy ấy có làm sự gì quái gở quá trí hiểu không đặng.

Tôi còn đang suy nghĩ như vậy thì tôi nghe thầy ấy ho hai tiếng nhẹ nhẹ rồi nói rằng:

"Thầy ôi! Thầy nghe tôi thì thầy biết tôi thế nào? Sanh ra khỏi lòng mẹ thì đã chịu cực cho đến lớn. Tưởng khi có trí khôn thì được sung sướng một ít mà cũng không được, số phận tôi phải chịu khổ nạn cho đến trọn đời mà thôi.

"Song sự cực tôi đã chịu cho đến 12 tuổi thì sánh lại không bằng sự tôi sẽ chịu khi Tây qua. Thuở ấy là năm 1860 tôi được 13 tuổi thì tôi nghe nói xôn xao rằng: "Tỉnh Gia Định đã bị Tây lấy rồi hơn hai ba tháng nay, chừng ít ngày nữa thì Tây cũng sẽ qua đánh lấy Biên Hòa cùng Bà-ri-a. Kề ngoại khi nghe điều ấy thì lo sợ còn kẻ có đạo thì mừng rỡ, vì người ta đoán rằng: "Tây qua sẽ binh vực những người có đạo Datô mà giết những người chẳng giữ đạo ấy.

Song người có đạo thì mừng là vì trông cậy một ít lâu sẽ đặng thông thả mà giữ đạo mình mà thôi.

Phải chi người có đạo biết sự dữ tợn quan Annam sẽ làm cho những kẻ ấy chịu, khi Tây sẽ đánh lấy Bà-ri-a thì những kẻ ấy chẳng trông đợi như vậy đâu".

Hắn thật như vậy, vì năm sau thì nghe Tây đã đánh lấy Biên Hòa rồi, còn kẻ có đạo thì đã bị quan Annam đốt hết, khi ấy ai nấy đều kinh khủng, người thì sợ Tây qua giết, người thì sợ quan Annam đốt trước khi Tây qua. Mà cũng không khỏi vì cách ít tháng (khi ấy tôi đã 15 tuổi) thì có linh truyền dạy bắt những con nhà có đạo cầm tù lại hết, cùng khắc bốn chữ này: "Biên-Hòa tả-đạo" trên hai mép tai, hầu sau có trốn mà bắt cho dễ.

Tôi và ông già tôi cũng bị bắt cầm một nơi¹. Thầy ôi! Tôi muốn nói sự cực những kẻ bị bắt vô ngục cho thầy nghe, song nói chẳng đặng. Ban đầu khi những người ở tù còn đủ tiền mà cho những lính canh thì còn đặng thông thả mà đi việc mình cần, mà đến khi hết tiền cho chúng nó ăn, thì phải chịu các sự cực khổ muôn phần. Mọi người đều bị đóng trằng hết, cho nên những kẻ đau đớn bệnh hoạn hay là những kẻ có việc cần phải đi ra, mà bị lính không cho đi thì lại phải làm nhiều sự dơ dáy nơi mình nằm, thì ngục ấy hóa ra thúì tha góm ghieác lắmm, nhiều người phải mang bệnh mà chết. Chúng ta chịu như vậy cho tới 4 tháng trường, đến năm 1862 thì nghe đồn nói binh Langsa đã kéo qua đánh lấy Bà-ri-a. Nhiều kẻ nghe tin ấy thì mừng, nhiều kẻ thì sợ, nhưng mà mừng sợ cũng không bao lâu, vì binh Tây chưa đến nơi thì ngục đã bị đốt ra tro mạt hết rồi. Đến khi lấy đặng Bà-ri-a thì ngục còn một đống xương mà thôi".

Tới đây tôi chặn truyện thầy ấy mà nói rằng: "Mà thầy không nói làm sao mà thầy ra khỏi tù".

Thầy ấy gác đầu cùng trả lời rằng: "Ông già tôi trước khi đốt ngục thì đã xán bệnh rồi, nên khi đốt ổng nghe tiếng thiên hạ la, thì ổng ngồi dậy mà coi, song ổng vừa ngó thấy ngục cháy thì giựt mình té ngựa ra mà chết". Thầy ôi! Khi tôi thấy cha tôi chết như vậy, thì tôi không còn muốn sống nữa tôi mới chạy đi ôm xác ông già tôi quyết lòng đợi lửa tới mà chết thui với ông già tôi, xong lửa

1. Truyện thầy tu thuật lại sau này về sự giam cầm trong ngục thuở bắt đạo khi Tây qua, thì tôi đã nghe bà già tôi nói lại nhiều lần: vì bà già tôi khi ấy cũng bị bắt bị đốt tại Bà-ri-a song đã trốn ra khỏi – Đã hai mươi năm nay mà bốn chữ: "Biên-Hòa Tả-Đạo" cũng còn rõ ràng nơi mép tai như mới khắc vậy.

mới vừa tới cháy hai chon tôi thì sự đau đớn làm cho tôi quên hết mọi sự cùng bắt tôi chạy a ra cửa mà ra khỏi tù.

Thầy ôi! Trong ngục hết thầy là 300 người mà khi ấy còn sót lại có 10 người mà thôi.

Đến đây, thầy ấy vỗ trán cùng nói rằng: "Đây này! Tôi thấy tỏ rõ các sự ấy như thể mới có hôm qua vậy, nó còn rõ ràng trong trí tôi đây". Nói những lời ấy rồi thầy ấy thở ra một tiếng cùng giấu mặt trong tay mình.

V.

Khi đồng hồ tàu đổ 2 giờ khuya thì thầy ấy nói tiếp theo rằng: khi tôi ra khỏi ngục thì chẳng biết đi đâu, ngó quanh ngó quất thì thấy những người lạ hay là những kẻ ngoại quen, mà những người ấy chẳng dám đem tôi về nhà vì sợ quan nói giấu người có đạo mà bắt chẳng?

"Vậy khi tôi thấy tôi còn một mình bơ vơ giữa đàng không cha không mẹ, không bà con cô bác, không ai đoái thương thì tôi quyết lên trên núi liều mình cho thú dữ ăn đi cho rồi. Tôi phẫn phẫn đi đặng vài dặm đàng như vậy cho đến khi chon tôi bị cháy nó phồng lên làm cho tôi đau đớn lắm, đi không nổi nữa thì tôi mới ngồi lại bên đàng mà khóc, khi ấy mặt trời đã lặn rồi, lại tôi phẫn thì đau phần thì mệt lại đói nên tôi té ngựa trong bụi kia cùng bất tỉnh nhon sự. Tôi chẳng biết tôi nằm đó là bao lâu, vì khi tôi tỉnh trí lại mở con mắt ra thì tôi thấy tôi ở nơi nhà thương lính, nằm một bên người lính bị thương tích kia, còn dưới chon tôi thì có một ông thầy thuốc đang giặc thuốc nơi chon tôi bị phỏng.

Tôi ở nhà thương hơn 40 ngày, không cụ cựa đặng vì hai chon tôi lại bó lại cho nên đi đâu không được, mà trong 40 ngày ấy thì có một ông quan Ba kia cách vài ba bữa thì lại đến thăm tôi một lần, đến khi hai chon tôi lành, thì ông quan Ba đã đến thăm tôi khi tôi đau, cho người kêu tôi lên và biểu người thông ngôn hỏi tôi rằng: "Mấy còn cha mẹ bà con tại Bà-ri-a không?".

Tôi thưa rằng tôi không còn ai hết, cha tôi đã chết trong ngục rồi, còn mẹ tôi đã chết khi tôi còn nhỏ. Thì ổng biểu thông ngôn nói

cùng tôi rằng: "Tao đã gặp mây nằm trong bụi gần chết, tao coi thấy mặt mây sáng sủa thì tao thương muốn đem mây về nuôi cho mây lành, nay tao tưởng mây còn cha mẹ thì tao cho mây về, mà mây nói mây không có ai thì tao đem mây về Gia-Định với tao, mây chịu đi chẳng?"

Tôi mới thưa rằng: "ông đã cứu tôi cho khỏi chết bây giờ ông thương tôi muốn đem tôi về Gia-Định mà tôi không đi thì tôi sẽ bạc ngãi và đại đột là đường nào."

Ba bữa sau tôi xuống tàu mà về Gia-Định với ông quan Ba. Tôi về Gia-Định đăng sáu tháng, kể lấy ông quan Ba mắc bệnh phải về Tây, thì để tôi lại cho Đức Cha Lefebvre.

Tôi ở giúp Đức Cha được một năm rưỡi cùng học chữ quốc ngữ cho đến năm 1864 thì Đức Cha cho tôi vô trường La tinh.

Khi tôi mới vô nhà trường, thì tôi kết nghĩa làm anh em với một người tên là Verô Liểu cũng vô trường một lượt cùng tôi. Người ấy là con ông Trùm họ Cầu kho mà bởi nhỏ hơn tôi hai tuổi, thì nhường cho tôi làm anh, hai anh em thương nhau như hai anh em ruột vậy, chẳng khi nào mà rời nhau, dầu trong nơi học, nơi ngủ, nơi ăn thì cũng gần nhau luôn, khi đến ngày bãi trường tôi muốn ở lại nhà trường, song thấy Liểu một hai không cho, một bắt phải đi về nhà cùng thầy mà thôi.

Lại cha mẹ thầy Liểu, thấy tôi kết nghĩa với con mình thì lại đem lòng thương như con ruột mình, cho nên trong hai năm tôi học nhà trường La tinh thì tôi chẳng thiếu sự gì lại đăng vui lòng lắm vì chung bây giờ tôi thương cha mẹ thầy Liểu và coi hai ông bà ấy như cha mẹ ruột tôi vậy.

Học đăng hai năm đến 1866 khi có thầy dòng qua lập trường d'Adran thì hai anh em xin qua đó mà học. Học đó thì hai anh em cũng còn thiết nghĩa với nhau như củ, lại tôi cũng năng về nhà cha mẹ thầy ấy như thường.

Đến 1870 là năm có giặc người Allenanha và người Phalangsa đánh cùng nhau thì hai anh em tôi ra đi thi tại Saigon. May đâu hai anh em thi đậu một lượt tại Saigon và lại được sai đi làm việc một nơi tại dinh quan Thượng thư cho nên tôi lại còn nương nụ nơi nhà cha mẹ thầy Liểu nữa.

Tôi ra làm thông ngôn đặng sáu tháng, khi cha mẹ thầy Liễu thấy tôi ở nơi nhà ấy mà có lòng ngại chưa đặng thông thả, thì lại muốn giúp mà lo đôi bạn cho tôi để tôi lập cơ nghiệp đặng ra ở riêng cho thông thả.

Ôi! thầy ôi! Phải mà tôi biết người thiết nghĩa ấy sẽ phá sự phước của tôi thì tôi sẽ xa lánh người ấy là thế nào? Ấy thầy xem đó mà coi, thì thầy biết lòng người ta giả trá là thế nào? Nó đang còn thiết nghĩa với mình hết sức, mà nó kiếm sự làm cho mình phải khốn không hay.

Phải chi tôi chết cùng cha tôi trong ngục thì tôi sẽ khỏi chịu cực cho đến bây giờ. Ôi trong ba mươi năm tôi đặng hưởng phước không đầy năm năm còn mấy năm kia thì những chịu cực khổ mà thôi".

VI.

Thuở tôi còn ở nhà trường d'Adran thì cha mẹ thầy Liễu thường đến mà thăm viếng hai anh em tôi, nhiều khi đi thăm thì bà già thầy Liễu hay đem một người con gái chừng 17 tuổi đi lên theo. Người ấy không lịch sự thiệt, song coi phải thế người mà thôi: tiếng nói dịu dàng, mặt mũi cách điệu, tính nết ăn ở thì dễ làm cho người ta thương lắm. Người ấy là con bà dì thầy Liễu.

Ban đầu khi người đi đến thì tôi cũng tưởng là như bà con, mà cách ít tháng thì tôi lại đem lòng thương, cùng hằng tưởng đến người ấy luôn. Tôi đã thương người ấy như vậy là một năm chẳng, cho đến khi thi đậu mà ra khỏi trường.

Song dầu mà tôi thương người ấy mặc lòng, tôi cũng chẳng tỏ sự ấy ra cho thầy Liễu là anh em thiết nghĩa với tôi hay.

Vậy ngày kia nhằm ngày chúa nhật khi xem lễ về, ông già thầy Liễu rủ tôi ra vườn đi dạo chơi. Khi đến một đồng đá thì ông hỏi cùng tôi rằng: "Ta ngồi đây nghỉ một chập và nói chuyện hữ Mi Lazaro!

Khi tôi nghe ông mời tôi ngồi, thì trong lòng tôi bất hồ nghi có sự gì cả thế, cho nên mới kêu tôi ra ngoài vườn một mình, vậy tôi mới ngồi mà làm thinh.

Ông già thầy Liễu cũng làm thình một chặp rồi nắm tay tôi mà nói rằng: "Thầy! Thầy biết xưa nay tôi thương thầy như con ruột tôi vậy, cho nên khi nào bãi trường có con tôi về mà không có thầy thì tôi cũng trông nhớ thầy lắm.

Còn thầy thì tôi cũng biết thầy thương hai vợ chồng già tôi như cha mẹ thầy, cho nên hai vợ chồng tôi cũng mừng, và lại tôi thấy thằng Liễu nó yêu mến thầy thì tôi lại càng mừng hơn nữa vì nó đáng bắt chước cách ăn ở thầy mà sửa mình lại và có khỏi theo những đứa hoang đàng mà hư đi.

Tôi nghe nói như vậy tôi làm thình cúi đầu xuống mà nghe cho cùng, thì ông già thầy Liễu nói rằng: "Thầy nay đã lớn tuổi rồi, cho nên bữa nay tôi muốn nói mà hỏi thầy có ưng nơi nào thì nói ra cho tôi liệu cho thầy.

Xin thầy đừng ngại mà chối làm chi. Nếu thầy từ chối, thì sẽ làm cho vợ chồng tôi buồn bực lắm, tôi không có giàu có muôn hộ chi, song tôi cũng có đủ mà lo cho thầy cách tử tế vì thầy là như con tôi. Còn khi thầy có đôi bạn rồi, mà muốn ra tư riêng thì tôi cũng sẽ lo cho thầy đáng đủ mọi sự, mà lập cơ nghiệp riêng."

Vậy tôi xin thầy tỏ thật lòng thầy đã ưng nơi nào cho tôi biết.

Tôi trả lời rằng: "Bỏ và vú thấy tôi mồ côi mà tôi về nuôi như con ruột, mà tôi chưa đền ơn ấy được nay bỏ vú lại muốn lo đôi bạn cho tôi nữa, thì tôi khi nào trả nghĩa cho vú bỏ cho xong ơn ấy kể sao cho xiết."

Lại thấy tôi xưa rầy chưa tưởng đến sự vợ chồng, cho nên chưa chọn nơi nào cho xong. Ông già mới nói rằng: "Ơn ngài chi đâu mà đền. Mi Lazaro! Thầy là con ta là cha, thầy nói ngay ra thì ta sẽ lo cho. Vậy nếu Mi Lazaro không biết nơi nào thôi để ta chỉ cho.

Vậy thầy có biết ở trong làng ta có người con gái nào chừng 18 tuổi, thường đến thăm ta đây không?"

Khi tôi nghe hỏi như vậy, thì tôi giấu mặt cho nên ông trùm mới cười mà nói rằng: "Bộ đây! Mi Lazaro cũng biết nàng ấy thì phải! Cho nên mới giấu mặt lại như vậy."

Khi tôi thấy ông già thầy Liễu hiểu biết ý tôi đã có lòng thương người ấy, thì tôi quyết lòng nói thật ra rằng: "Thưa với bỏ, xưa nay

tôi không tỏ lòng tôi ra cùng ai, mà nay bỏ đã dò lòng tôi mà biết rõ sự thật, thì tôi xin thú thật: tôi đã có lòng thương cô ấy hơn một năm rưỡi nay, mà bởi tôi tưởng tôi là đứa mồ côi không xứng đáng nơi ấy, nên tôi, để trong lòng không dám tỏ ra cùng ai. Ông già nghe dạng mới cười lớn lên mà rằng:

Hã, hã không hề gì đâu Mi Lazaro! Không hề gì! Các con trẻ tưởng ông già không biết chi! Hã, hã! già biết rõ hết. Để già hỏi đây, thì con cháu sẽ ừ liền không khỏi đâu.

Mà thật thảng sau người con bà dì thầy Liễu và tôi đến bàn thờ chịu phép hôn phối.

Thầy ôi nói sự phước hai đứa tôi thì không cùng tôi tưởng có ít người mà thương vợ như tôi. Dầu mà vợ chồng đã về cùng nhau rồi song lòng tôi cùng thương tưởng như trước.

Lại bạn tôi gặp tôi thì cũng lấy làm có phước lắm, vì cũng đã có lòng thương tôi như tôi đã thương vậy, cho nên không khi nào dầu có phiền lòng thế nào, thì cũng không nói lời gì ra, làm cho tôi nhớ phận tôi là con mồ côi cô độc. Khi sự phước tôi là vô cùng!

Tôi với bạn tôi về nhà thầy Liễu dạng sáu tháng, kể đó có tờ quan sai tôi đi làm thông ngôn tại Bà-ri-a.

Tối đây thầy tu nghe đồng hồ đánh ba giờ khuya thì thầy ấy la hoảng lên rằng: "Đối đối! Thầy! nó nằm đó...! gần chết...! nó nằm tay tôi đây...!"

Rồi nói nhỏ rằng: "Ôi! Tôi là kẻ có tội! Nói dứt lời, thì nhắm mắt lại mà nghĩ.

Nghỉ một hồi, thức dậy nói rằng: "Bây giờ mới đến sự cực tôi đây thầy! Tôi về Bà-ri-a dạng hai tháng rồi, mà bởi tôi có quen với các quan trong đồn cho nên tôi thường đi ăn với các quan ấy. Vậy trong các quan thì có ông quan kia có một con vợ Annam.

Mà con ấy khi thấy tôi thì làm nhiều cách thế, muốn như xuôi giục tôi phạm tội cùng nó, cho nên tôi trốn lánh cho khỏi dịp làm thiệt hại cho vợ mình, vậy lần lần tôi bớt vô đồn ăn cơm với các quan nữa cho nên tôi đã khuất mặt người đàn bà ấy đi.

Qua 1872 thầy Liễu, thôi làm việc đã 4 tháng nay xuống tại Bà-ri-a mà mua ngựa đem về Saigon.

Thầy ấy tới nơi thì anh em rước nhau mừng rỡ bội phần, vì cách mặt đã hơn tám tháng trường, cho nên gặp đặng, thì chuyện vãng cùng nhau luôn.

Tới đây thầy tu nắm tay tôi mà nói rằng: "Thầy hãy ghé tai lại đây mà nghe cho rõ. Đây là đến hai tội tôi, tới đây là tới đầu sự khốn cực của tôi. – Tôi mệt lắm, xin cho tôi nghỉ một chút cùng nhớ các sự cho rõ hơn."

VII.

Thầy ấy mở con mắt ra mà nói rằng: "Xin thầy chịu khó mở rương tôi ra mà lấy cái thơ, tôi để trong ấy mà đọc, rồi tôi sẽ nói tiếp theo cho thầy nghe."

Tôi lại mở rương ra thì thấy có một cái thơ, tôi đem cái thơ ấy kê lên bàn mà đọc rằng:

Bà-ri-a ngày 14 tháng 8 năm Tân Mùi

Kính thăm thầy đặng rõ, người viết thơ này là một người xưa nay những tưởng tới thầy luôn. Dẫu mà tôi biết nói thiệt sự này ra thì đau đớn lòng thầy lắm. Song là sự chán chường trước con mắt mà nhìn đi thì sao đặng?

Xưa nay ai nấy đều khen bạn thầy là người nhon đức, hiền lành trung hiếu cùng chồng lắm, chẳng ai ngờ sự rất quái gở! Tôi không biết làm sao mà người bộ bề ngoài nhon đức như vậy, mà có lòng ngoại tình được. Lại sự rất gớm ghiếc hơn, là người ấy đã chọn bà con mình và bạn hữu thiết nghĩa của chồng mình mà phạm tội ấy. Tôi biết nói rằng, khi thầy được thơ này thì thầy sẽ nói tôi là một đứa nói gian, song tôi có đủ tang án mà làm cho thầy tin tôi.

Vậy xin thầy kiểm trong tủ để áo của bạn thầy, thì thầy sẽ thấy hai cái thơ của thầy Liễu đã gởi cho bạn thầy thì thầy sẽ biết tôi có nói sai chăng?

Bấy nhiêu xin thầy nhận lời cùng miễn chấp.

Khi tôi đọc thơ rồi thì thầy tu ấy nói rằng: "Thầy ôi! Ngày kia đang khi vợ chồng bạn hữu bà con vui vẻ sum vầy cùng nhau thì sự dữ ấy đến nhà tôi, vì ngày ấy tôi đặng cái thơ này đây."

Ôi! Thầy ôi! Nói sự đau đớn lòng tôi đã chịu khi được thơ ấy thì không nổi. Tôi xin thầy đừng khi nào biết sự đau đớn ấy thì hơn.

Nhưng dầu cực thể tôi cũng làm như không có sự gì vậy. Song thật trong lòng tôi quyết kiếm thế nào mà báo cừu hai người đã phá phước tôi vậy.

Ôi! Thầy ôi! Người ta nói rằng: "Chẳng có sự dữ nào mà nó đến một mình đâu, một sự dữ đến thì nó kéo một bầy sự dữ khác theo.

VIII.

Tôi đăng thơ đã hơn một tuần lễ, kể thầy Liễu mua đăng ngựa thì trở về Sài Gòn. Thầy Liễu lui ghe đăng một ngày thì tin báo rằng: "Ăn cướp đã chặn đăng Saigon mà đánh ghe buôn nhiều lắm. Khi quan Tham Biện nghe báo như vậy thì tôi mà hỏi rằng:

Thầy dám lãnh mười tên lính đi bắt cướp chẳng? Tôi suy nghĩ một hồi rồi tôi thưa lại rằng: "Xin quan lớn cho tôi quân lính và thuốc đạn cụ túc, cho được chống trả phi đảng thì tôi dám đi".

Vậy quan Tham Biện liền cho tôi đủ quờn phép khí giải quân lính cùng dạy tôi phải lo xuất hành cho kịp.

Khi tôi đăng phép thì trong lòng tôi bồi hồi run sợ nửa vui nửa buồn, vì tôi có ý xin đăng đủ quờn phép mà làm một sự quái gở kia cho bằng tôi mà thôi.

Sửa soạn rồi tới ngày ấy tôi đem 10 tên lính xuống ghe mà đi. Tôi đi đăng vài con nước thì bỏ Tắc mọi đã xa.

Vậy ngày sau chừng 6 giờ chiều, tôi thấy phía bên kia sông đậu gần bờ, một chiếc ghe giống như ghe thầy Liễu vậy. Khi coi đi coi lại, rõ là ghe thầy ấy, thì tôi day đầu ghe lại ăn cơm, soạn sửa khí giới, vì tối nay nước lớn thì sẽ có ăn cướp mà bắn.

Phải mà thầy thấy mặt tôi khi ấy thì thầy sẽ kinh khủng chẳng sai, là vì khi đó tôi như bị quỷ ám vậy. Một ít nữa thì tôi sẽ giết một người kia vô tội, mà bây giờ tôi còn gượng mà cười đăng thì mặt mũi tôi hóa ra góm ghiếc lắm.

Vậy khi đi ăn cơm nước nghỉ ngơi rồi, thì vừa tới nửa canh ba nước mới lớn, tôi lên dạp dưới ghe tắt đèn hết, cho ăn cướp không thấy mà đi qua.

Súng ống vừa sẵn sàng, thì vừa ghe thầy Liễu đi giữa dòng sông ngang qua ghe tôi, tôi liền dạp tên cai đứng nơi lái mà kêu ghé.

Song người cai mới kêu rằng: "Ghe đi kia ghé! thì tôi nghe một viên đạn đi vo vo bên tai tôi cùng tiếng súng nổ nơi ghe thầy Liễu. Tôi thấy viên đạn gần trúng tôi thì tôi giận quá sức cho nên sự tôi hềm thù thầy Liễu lại càng thêm nữa. Tôi liền la rằng: "Cha, chả, nó cự bây! Bắn."

Tức thì 10 mũi súng giay qua ghe thầy Liễu mà phát một lượt, vừa khi ấy tôi nghe một tiếng rằng: "Cha ôi! Chết tôi!" Tôi nghe tiếng ấy thì tôi biết là tiếng thầy Liễu thì sự giận và sự hềm thù tôi như thể biến đi đâu mất vậy, cho nên tôi sợ hãi và trách mình tội lắm. Vậy tôi dạp chèo ghe lại có ý coi có phương thế nào mà cứu thầy ấy chẳng?

Song vừa lại đến nơi thì thầy Liễu đã tắt hơi rồi. Nên tôi buồn bực trách móc tôi, cùng khóc cho lắm, mà tôi khóc tội tôi mà thôi, chớ còn thầy Liễu thì tôi không thương tiếc chút nào.

Hỏi có sự rồi, tôi dạp lính đem ghe vô bờ mà nghỉ cho dặng đến sáng về mà báo quan.

Về đến nơi thì tôi trình quan Tham Biện rằng: "Ngày kia hồi canh ba có một chiếc ghe đi ngang qua chỗ tôi đậu mà đón bắt kẻ cướp. Thấy ghe ấy đi ngang qua thì tôi kêu ghé, song ghe ấy không ghé mà bắn lại một phát súng, tôi thấy vậy tưởng ghe muốn cự thì dạp lính bắn lại. Bắn rồi mà chèo ghe ra mà coi thì tôi thấy là ghe thầy Liễu đi mua ngựa về có giấy thông hành tử tế, tôi hỏi bạn thì bạn thua rằng: "Khi thấy tôi nghe kêu thì tưởng là ăn cướp, nên treo lên mui mà bắn chúng nó; chẳng ngờ đằng kia tưởng ăn cướp bắn cự thì bắn lại, mà tại thầy tôi ở trên mui nên bị đạn mà chết đi."

Tôi trình rồi, quan Tham Biện nói rằng: "Thầy có phép quan sai đi bắt cướp, mà bởi thầy kia đã không hỏi hang cho rõ trước khi bắn lại cho nên chết thì phải chịu, thầy không tội gì".

Nói rồi quan Tham Biện quở trách tôi sao không hỏi kĩ can cùng dạp tôi về mà chôn cất thầy ấy cho tử tế.

Vậy thầy ôi, từ ngày ấy cho đến bây giờ thì trí tôi không khi nào an định, tôi những thấy súng ống khí giới luôn, nhứt là khi ngủ thì tôi thấy tôi bị ăn cướp bắt mà bắn tôi hoài.

Song dầu mà lương tâm tôi cắn rứt tôi thể nào thì tôi cũng không quên sự lỗi của thầy Liễu và của bạn tôi đã phạm với tôi.

Nhiều lần tôi ở trường án mà về thì tôi muốn lại hỏi mọi sự ra cho vợ hay mà tha lỗi cho vợ. Song khi lại gần, thì tôi không muốn nói ra lại tưởng rằng: "Hỏi nó thì nó đương chịu cho đó". Ai dại mà chịu làm cha ăn cướp, bởi vậy cho nên tôi không khi nào nguị sự lỗi bạn tôi đã phạm cùng tôi định.

IX.

Khi tôi còn nhỏ, thì thường có Mọi hay đến mà bán hàng nơi nhà tôi. Trong mấy người Mọi đó thì có một đứa hay ra ngoài vườn mà hái một thứ bông tím tím kia, ở dưới cỏ mà mọc lên, tôi thấy người ấy hái thì tôi cũng bắt chước hái chơi. Người Mọi thấy tôi hái bông đó thì la tôi biểu đừng có hái vì nó là giống độc lắm: Sắc chừng một nắm mà uống thì phải mắc bệnh lên dần cho đến bảy tám tháng một năm thì phải chết: uống vô rồi không thuốc nào mà chữa được.

Khi ấy thầy Liễu đã chết được 15 bữa rồi. Ngày kia tôi nhớ đến sự cực tôi, thì trí khôn tôi nó bắt xao xiển bối rối làm cho tôi như điên vậy, thì tôi ra đi vườn cho có gió mà giải phiền một ít.

Tôi đi chưa được mấy vòng vườn thì tôi ngó thấy một đám cỏ có bông tím tím dưới chơn tôi, tôi cúi xuống hái nó mà coi, thì tôi thấy nó là cái bông thuốc độc người Mọi đã nói với tôi khi trước.

Vậy tôi nhắm cái bông một hồi rồi cúi xuống hái một nắm bỏ vô khăn cầm vô nhà. Thật sự tôi sẽ làm thì hiểm độc lắm, mà khi tôi vô nhà thì trí tôi cũng an tĩnh như tôi mới làm một sự phước vậy.

Tôi vô nhà thấy bạn tôi đang bắc một cái siêu trên bếp thì tôi hỏi rằng: "Mình sắc gì đó vậy?" Bạn tôi trả lời rằng: "Ba bốn bữa rày nó bắt tôi ho dữ quá, cho nên khan tiếng, tôi sắc thử lá nguyệt bạch với chanh uống coi có hết chẳng?"

Tôi làm thỉnh không nói gì, cứ cúi xuống mà ngó cái siêu luôn tôi ngó cái siêu thì ngó cái nắp nó nhảy lên nhảy xuống dường như

muốn mời tôi bỏ nắm bông trong khăn vô đó vậy. Vừa khi ấy bạn tôi lên nhà trên ăn trầu thì tôi lại đỡ nắp siêu lên bỏ nắm bông ấy vô.

Khi bạn tôi uống rồi, đến ngày mai thì không chỗi dậy khỏi giường cũng không ăn uống gì đặng.

Thầy ôi! Khi tôi biết tội tôi trọng là thế nào, cùng khi ấy bạn tôi nằm trên giường mà than thở thì tôi buồn bực ăn năn trách mình muốn cứu vợ cho khỏi chết. Tôi rước không biết là mấy thầy, mà mỗi khi thầy nào đến tôi cũng lắc đầu hết, vì khi ấy tiếng người Mọi đã nói với tôi hơn hai mươi năm nay thì tôi nhớ lại hết "Uống vô rồi không thuốc nào cứu đặng".

Bây giờ mỗi ngày thì bạn tôi lại thêm ốm o gầy mòn hoài. Khi tôi thấy bệnh bạn tôi càng ngày càng nặng hơn chừng nào thì tôi lại càng trách mình tôi chừng ấy.

Bạn tôi đã đau hơn 11 tháng song tôi không nghe khi nào bạn tôi mở miệng ra mà nói cùng than thở điều gì, khi thấy tôi buồn thì kiếm lời dịu dàng mà an ủi tôi thì có.

Ôi! Trong 11 tháng ấy tôi trách mình tôi không biết là bao nhiêu, tôi buồn bực cho đến đổi có nhiều lần bạn tôi thấy tôi chảy nước mắt ra thì tưởng tôi khóc vì nó, thì nói cùng tôi rằng: "Xin thầy đừng rầu rĩ làm chi, tôi không chết đâu, tôi đã chịu thuốc rồi, ít ngày đây thì tôi sẽ lành."

Những lời như vậy thì nó làm cho tôi đau đớn như lưỡi gươm đâm thấu vào lòng tôi vậy.

Tôi chịu cực thể ấy cho đến gần nửa năm 1873. Ngày kia tôi thấy bạn tôi mệt lắm thì tôi biết đã gần giờ nó phải lìa khỏi thế rồi, nên tôi ở gần một bên bạn tôi luôn. Đến nửa đêm khi tôi thấy bạn tôi còn thở hơi ra mà thôi thì tôi không còn trông cậy gì về sự sống nó nữa, thì tôi cho mời các chức đến mà đọc kinh giúp kẻ mong sanh thì.

Khi các chức đến đọc kinh cùng kêu Chúa đặng một hồi lâu, thì đồng hồ đánh ba giờ sáng. Khi ấy bạn tôi bắt tay tôi mà kéo tôi lại một bên miệng mà nói rằng: "Tôi biết vì làm sao mà tôi phải chết, xong tôi cũng xin Chúa thứ tha cho thầy". Nói rồi làm thỉnh cho đến 4 giờ thì linh hồn rời khỏi xác.

Ôi! Thầy ôi! Khi tôi thấy tôi còn ở đời một mình thì sự buồn bực đó đã quá trí tôi đi. Lại khi tưởng đến hai người, tôi đã thương mến quá chừng mà phải bị tay tôi mà chết thì tôi buồn bực sợ hãi đêm ngày.

Cho nên khi tôi chôn cất bạn tôi rồi tôi xin thôi làm việc mà lên Saigon dâng xin Đức Cha chuẩn bị cho tôi vô nhà dòng Tân Định mà tu trì đức hạnh ít lâu.

Tôi vô nhà dòng rồi, thì tôi ở một cách rất sốt sắng lắm: đêm ngày tôi những đọc kinh cầu nguyện, ăn chay, hãm mình cùng học hành siêng năng tử tế cho nên các thầy bề trên tôi đều bằng lòng mà khen ngợi tôi hết biết. Tôi có ý ra sức mà làm các sự ấy choặng quên hai tội tôi không xưng ra. Bởi vậy, bề ngoài người ta gọi tôi là nhơn đức, mà hễ thật tôi là đứa tội lỗi giả hình mà thôi, cho nên dầu tôi làm thế nào, thì lương tâm tôi cũng cắn rứt luôn chẳng khi nào cho trí khôn tôi bình anặng.

Thầy ôi! tôi chịu cực mà học như vậy đãặng 6 năm chịuặng đặng chúc thầy, cho đến năm kia là 1882, thì tôi mắc bệnh này, vì mình tôi đã mệt lại thêm trí tôi không an nữa thì có sanh ra nhiều chứng bệnh lắm.

Đã hơn hai năm nay tôi ở nhà thương mà uống thuốc song bệnh tôi càng ngày càng tấn công tới thì thầy thuốc dạy tôi xuống Vũng Tàu, ở đó có thanh khí có lẽ ông bớt chặng".

Nói tới đây thì trời vừa sáng, tàu đến Vũng Tàu.

Vậy tôi nói với thầy ấy rằng: "Tội thầy đã nói tôi đó là đều rất độc dữ lắm, song Chúa nhơn từ vô cùng còn dung thầy sống đến nay thì thầy phải xưng tội thì Chúa sẽ tha cho thầy chặng sai đâu".

Thầy ấy trả lời rằng: "Thầy đừng sợ làm chi, mai đây Cha Sở Bà-ri-a xuống Vũng Tàu thì tôi sẽ xưng tội tôi ra hết vì tôi chịu cực cũng đã quá trí rồi."

Tôi lại hỏi rằng: "Thầy xuống Vũng tàu mà ở nhà ai?"

Thầy ấy trả lời rằng: "Tôi xuống ở nơi nhà cha Bà-ri-a đã cất để mà nghỉ tạm khi Cha xuống Vũng Tàu."

Nói chuyện vừa rồi tàu gieo neo, khi thầy ấy bắt tay tôi từ giả lên đất, thì thầy ngó tôi mà rằng: "Thầy coi tôi cho rõ có lẽ ta gặp

nhau lần này là lần sau hết. Xin thầy đi bằng an, đến sau khi thầy có xuống Bà-ri-a, thì tôi xin thầy hãy đọc một kinh noi mô LAZARO PHIÊN". Nói rồi thầy Phiên xuống đò mà lên đất.

X.

Thầy ấy lên đất đặng nửa giờ thì tàu đi vô Bà-ri-a, tôi ở Bà-ri-a đặng một tuần lễ, rồi tôi trở về Saigon không nghe tin thầy Lazaro Phiên nữa cho đến ngày 27 janvier 1884 thì người đem thư đem đến nhà tôi một cái thư. Tôi coi ở ngoài bao thư thì thấy có đóng dấu Bà-ri-a, tôi dỡ thư ấy ra thì có đề rằng:

Bà-ri-a, ngày 25 janvier 1884

Kính thăm thầy đặng mạnh giỏi trong Chúa Khirixitô, cùng xin chúa phù hộ cho hai vợ chồng thầy.

Thầy ôi, tôi xưa nay đã giấu tội tôi khi còn sống làm cho thiên hạ tưởng tôi là người trọn lành cho nên trước khi tôi bỏ thế mà xuống nằm nơi tro bụi tôi muốn cho người ta biết tôi là ai, biết tội tôi là thế nào. Vậy nay tôi mới viết thư này mà xin thầy giúp tôi làm việc ấy cho nên. Bây giờ có một mình thầy cùng Cha Sở Bà-ri-a biết các việc tôi mà thôi, mà Cha Sở người chẳng có phép mà tố tội tôi đã xưng ra với người. Bởi vậy tôi mới dám xin thầy, khi tôi chết rồi, thì thuật truyện tôi lại cho mọi người biết, lại tôi xin thuật truyện sau này đặng cho thấy tiếp theo sự tôi đã nói cùng thầy dưới tàu Jean-Dupuis ngày 12 janvier 1884, có lẽ khi thầy đặng thư này thì Lazaro Phiên chẳng còn ở đời nữa.

Tôi về Bà-ri-a đã đặng 3 bữa rày cho đặng gần Cha linh hồn, vì thầy thuốc đã đoán rằng: "Tôi không còn sống đặng hơn ba ngày nữa. Vậy ngày hôm qua tôi xin phép cha cho phép người ta vồng tôi đi xuống Đất Đỏ mà viếng quê hương tôi một lần sau hết. Ôi! Khi tôi thấy nơi tôi ở thuở còn thơ ấu thì hai hàng nước mắt tôi tuông xuống ròng ròng. Khi ấy trí khôn tôi nhớ trực lại hết những sự trốn lánh cực khổ của ông già tôi và tôi đã chịu khi còn bé thì tôi bước xuống vồng lại ngồi trên miệng giếng ở trước nhà tôi thuở trước cùng ôm mặt tôi mà khóc ròng, một hồi lâu tôi chỗi dậy lên vồng biểu người ta đem tôi về Bà-ri-a.

Tôi vừa về đến nhà thì Cha Sở đưa cho tôi một cái thơ cùng dạy tôi đọc cái thơ ấy cho đến cùng.

Tôi dở thơ ra thì thấy chữ viết trong thơ là chữ đòn bà không có ký tên. Vậy trong thơ ấy viết thế này, tôi xin chép lại cho thầy coi:

"Thơ này là thơ một người đã làm cho thầy phạm hai tội rất trọng cùng bởi hai tội ấy mà làm cho thầy chịu cực khổ 10 năm nay tôi cúi lạy thầy. Nay mai thì thầy sẽ về cùng Chúa cho nên tôi đến mà tỏ ra cùng thầy sự thiệt hại tôi đã làm cho thầy phải chịu, mà xin thầy hãy theo gương Chúa mà lấy lòng thương xót tha tội ấy cho một người đã có lòng thật thà mà ăn năn cùng đến tội mình.

Lạy thầy tôi là một người đàn bà tội lỗi đại dột cùng bùng bạc ác lắm, thuở tôi cùng xuân xanh thì đã theo đàn ông tội lỗi mê sa sắc dục thế gian xác thịt cho đến 21 tuổi. Khi ấy tôi ở với ông quan Ba kia ở tại đồn Bà-ri-a đã đặng ba tháng, rồi qua năm 1871 thì tôi thấy thầy xuống làm thông ngôn tại Bà-ri-a thì tôi đem lòng thương thầy một cách rất lạ lùng lắm. Ban đầu tôi muốn người làm cách nọ thế kia mà đem thầy vô đàn ông tội lỗi cùng tôi mà tôi thấy thầy khinh để chê ghét tôi, thì tôi lại kiếm thế mà oán thù. Tôi đã kiếm sách thế mà hại thầy đã hơn hai tháng, vừa may kế lấy thầy Liễu xuống đây mà mua ngựa, nhon dịp ấy tôi mới viết hai cái thơ giả chữ thầy Liễu, mà sai người đem giấu hai thơ ấy nơi áo bạn thầy, rồi tôi gởi một cái thơ khác cho thầy mà cáo gian hai người nhon đức ấy.

Bây giờ thầy biết rõ ràng rằng: Bạn thầy cùng thầy Liễu là người vô tội mà đã bị chết oan vì tôi. Cho nên tôi lạy xin thầy tha tội cho tôi, thì Chúa cũng sẽ tha tội cho thầy.

Tôi chẳng dám viết tên tôi vào thơ này, tôi xin thầy hỏi Cha Sở Bà-ri-a thì thầy sẽ biết tên người đàn bà tội lỗi ấy là ai."

Qua năm sau, là năm 1885 nhằm ngày bãi trường, tôi xuống Bà-ri-a một lần nữa mà thăm bà con cùng Cha Sở Bà-ri-a. Ngày kia tôi đi cùng Cha Sở ra đất thánh mà viếng nhà thờ Từ-Đạo, vì nơi ấy có ông bà tôi nằm ở đó. Khi tôi ra khỏi nhà thờ thì tôi thấy có một cái mồ gần một bên có cây thánh giá, có đề chữ mà mua đã làm lu hết còn sót 4 chữ 27 janvier 1884 mà thôi, tôi hỏi Cha rằng Mồ ấy là mồ ai? Cha Sở trả lời rằng: "Mồ này là mồ thầy kia đã

phạm tội một cách rất trợn lành cho nên bây giờ ở tại nước Thiên Đàng chẳng sai. Tôi hỏi Cha rằng: "Có phải là mô thầy Phiền chẳng? Cha Sở vừa ừ, thì tôi quì gối noi mô mà đọc rằng:

Chúng tôi cậy vì danh Chúa nhơn từ, cho linh hồn Lazaro dậy lên chốn nghỉ ngơi. Hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng lánh vui vẻ vô cùng.

NGUYỄN TRỌNG QUẢN - 1887

CHUNG

NGUYỄN CHÁNH SẮT
(1869–1947)

Sinh tại làng Long Phú, huyện Tân Châu, tỉnh Châu Đốc – nay là tỉnh An Giang. Bút hiệu Du Nhiên Tử, Vĩnh An

Hà. Xuất thân nhà nghèo, có chí ham học nên ông tinh thông cả quốc ngữ lẫn chữ Hán, chữ Pháp. Từ năm 1900 là cộng tác viên rồi là chủ bút báo Nông cổ mín đàm, tờ báo quốc ngữ đầu tiên của Nam Kỳ lục tỉnh. Năm 1906, ông làm chủ bút báo Lục tỉnh tân văn.

Nguyễn Chánh Sắt là dịch giả nhiều tác phẩm văn học Trung Quốc: Tây Hán, Đông Hán, Chung Vô Diệm, Tam Quốc chí, Nhạc Phi... nhưng sở trường của ông là sáng tác tiểu thuyết. Độc giả Nam kỳ ái mộ ông từ tiểu thuyết Nghĩa hiệp kỳ duyên (tức Chăng Cà Mum) (1917), một tiểu thuyết vừa mang màu sắc trinh thám vừa chứa đựng nghĩa khí của người Nam Bộ. Sau đó là các tiểu thuyết như Gái trả thù cha, Lòng người nham hiểm (1926),...

Ông mất tại quê nhà ngày 6.6.1947.

Chúng tôi chọn của Nguyễn Chánh Sắt hai tiểu thuyết Nghĩa hiệp kỳ duyên (tức Chăng Cà Mum) và Lòng người nham hiểm in vào bộ tuyển này.

*

NGHĨA HIỆP KỲ DUYÊN (CHĂNG CÀ MUM)

(tiểu thuyết)

LÂM TRÍ VIỄN DỤNG MƯU

Vừa cuối tiết thu, trời chiều mát mẻ; trên nhành chim kêu chiu chít, dưới sông cá lội vồn vờ; Lâm Trí Viễn tay cầm nhựt báo, tay xách ba ton (bâton), rảo bước thung dung, thoắt ló cái cầu đường núi Sam là chỗ hẹn hò với tình nhân mà trao lời tâm sự. Gần chót giờ lâu, chẳng thấy dạng nàng, anh ta buồn ý, liền gỡ tờ nhựt báo xem chơi cho tiêu khiển.

Khi xem tới khoản Nam Kỳ Thời Sự, liền xếp tờ nhựt báo, đứng khoanh tay cuối [cúi]* đầu mà suy nghĩ một mình hồi lâu, rồi lại ngảnh mặt lên có ý hân hoan, chúm chím miệng cười và gật đầu lia lia mà rằng:

– Được, được, may dữ a? thần tài đã phát hiện cho...

Nói chưa dứt lời, thành linh phía sau lưng có người bước tới vỗ vai và hỏi rằng:

– Có việc chi may mắn mà coi thấy mừng lắm vậy?

Lâm Trí Viễn giựt mình day lại thì là người tình mà mình đang trông đợi nầy giờ.

Nguyên nàng nầy vốn là con gái của một người khách Triều Châu, buôn bán tại Nam Vang, tên nàng là Đào Phi Đáng [Đán]. Lúc nàng tuổi mới lên ba, cha nàng về Tàu, rủi mang bệnh mà bỏ mình bên ấy; mẹ nàng bên này cũng cứ noi giữ nghiệp chồng, bán buôn mà độ nhựt, hôm sớm một mình hăm hút nuôi con, chẳng được bao lâu rồi cũng đau mà chết. May cho Đào Phi Đáng, còn một bà dì ruột, nhà ở phía Chui-Chèn-Oa¹; nhơn thấy cháu còn thơ ấu, bèn bán hết đồ đạc của em rồi tom góp bạc tiền đem cháu về nhà mà hoạn dưỡng.

Lần hồi ngày lun tháng qua bóng thiêu quang đưa rất lẹ; thoát chút mà Phi Đáng đã 18 tuổi đầu, hình dung yếu điệu, cốt cách vương phi, bá mị thiên kiều, ngư trầm lạc nhạn. Mà ba mươi đời cái kiếp hồng nhan bạc mạng là lẽ tự nhiên. Cho nên khi nàng vừa trông "ra mã con gái rồi", thì tánh không ưa bề trịnh tịnh u nhàn, dạ lại muốn những việc ong chường bướm chán. Lại thêm chơi bời giao thiệp với con nhà bất lương bị những chị em bạn gái rù quấy rủ ren, nên nàng gom góp bạc tiền cuốn gói bỏ bà dì theo chị em quá giang tàu đồ trốn xuống Châu Đốc. Đến đó, may nàng gặp một người đàn bà buôn bán cá tôm ngoài chợ rủ đem về nhà mà cho ở đỡ.

*. Chữ trong dấu móc [] là của người sưu tầm tuyển chọn. Từ đây trở đi, các chú thích đánh chữ số la-tinh là của tác giả, chú thích đánh dấu hoa thị nhỏ là của người sưu tầm tuyển chọn.

1. Chui-Chèn-Oa: là tiếng kêu theo đạo Cao Man, đó là một cái đuôi cù lao nằm thông giữa sông, ngang trước thành phố Nam Vang.

Còn Lâm Trí Viễn này quê quán tại xép Cỏ-Tâm-Bon¹, cha mẹ đem gởi nơi nhà một người bà con ở tại tỉnh thành mà ăn học, tánh tình mẫn tiệp lanh lợi chẳng ai bì. Thường ngày qua lại xem thấy mặt nàng, môi son má phấn rõ rõ như một đóa anh đào bèn xúc động tâm tình, đem lòng luyến ái, mới tính cậy tin ông sư điệt, quyết mong thả lý gieo đào. Ban đầu còn xa, sau hóa ra gần, đến khi giáp mặt nhau rồi, hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa. Từ đó mới gió gió trăng trăng mặc dầu lui tới. Tuy vậy mà hai đảng vẫn còn chùng lén với nhau, chớ cũng ít ai hay cho lắm.

Ngày ấy hai người vẫn có hẹn hò với nhau ra tại cầu đường núi Sam, dạo cùng nhau tình tự.

Lâm Trí Viễn khi bị nàng vỗ vai, giựt mình day lại thấy nàng thì mỉm cười mà nói rằng:

– Thiệt may quá, tôi mới xem nhựt báo, thấy có một việc may mắn phi thường cho cô lắm đó.

– Ủa! Nhựt báo thì nhựt báo, mà tôi thì tôi, có can cặp chi nhau, sao lại may cho tôi, thầy nói cái chi lạ vậy?

– Ấy, vậy mới là lạ chớ! Số là cô nó chưa hiểu, để tôi nói lại cho mà nghe, nguyên trong tờ nhựt báo nầy, nơi khoản Thời sự có đăng một đoạn như vậy:

"Tại Tân Châu có một người giàu có lớn, tên là Trịnh Thế Xương, sự nghiệp đáng trăm muôn, vợ mất sớm, có để lại một đứa con gái mà thôi. Tên nàng là Trịnh Phương Lang [Lan], hình dung yếu điệu, không thấp không cao, da trắng môi son, tóc dài, răng nhỏ, phía bên vai trái lại có cái bớt son bằng ngón tay cái mà tròn, lúc mới lên sáu tuổi vì bị hỏa tai nên đi lạc mất. Từ ấy đến nay đã trót mười hai năm, biệt tích vắng tăm, không ai tìm cho được; nay lên Sài Gòn muốn đăng cáo bạch mà rao khắp Lục châu, nếu ai biết rõ gốc tích Phương Lang lưu lạc nơi nào, tìm được mang về cho ông ấy, thì sẽ đền ơn hai ngàn đồng bạc".

– Đó, cô nghĩ coi có phải là may mắn cho cô lắm chẳng?.

1. Cỏ-Tâm-Bon: xứ này là kêu theo tiếng Cao Man, ở dưới tỉnh thành Châu Đốc, cách chừng sáu, bảy ngàn thước.

– Ấy, ông nhà giàu đó mất con mà sao lại may mắn cho tôi, nghĩa là gì?

– Thiệt cô tối trí quá, vậy chớ cô không nghe tôi đọc đó hay sao? Vì lời nhựt báo mà tả nàng ấy rằng "hình dung yếu điệu, không thấp không cao, da trắng môi son, tóc dài răng nhỏ" thì tôi nghĩ lại nàng ấy giống cô lắm mà, đã vậy mà tuổi tác cũng bằng nhau.

– Ấy! Giống thì giống chớ, mà may cho tôi là may làm sao?

– Thì bởi có giống thì mới gọi là may chớ. Vậy thì để tôi nói cho cô nghe. Vả chẳng ông ấy là người giàu có lớn mà chỉ có một mình nàng đó là con mà thôi, nên người cần lắm, rủi gặp con tai biến mất biệt hơn trót mười hai năm, chắc là nàng chẳng còn; nếu may mà cô chịu giả làm nàng ấy, tôi dắt cô đến cho người, thì chắc sao người cũng mừng mà nhìn quyết cô là con. Chùng ấy chẳng những là hai ngàn đồng bạc thưởng tôi nắm trong tay, mà rồi cô lại được hưởng cái sự nghiệp trăm muôn, biết bao là sung sướng. Ấy có phải là một sự may mắn vô cùng, ngàn năm một hội đó chẳng?

Phi Đáng nghe nói mừng rỡ bội phần, khen trí Lâm lang chẳng ai bì kịp. Rồi đó, hai đảng ngả ngón vui cười, lấy làm đắc ý. Chập lâu Phi Đáng vùng ngó sừng Lâm Trí Viễn; rồi lắc đầu mà nói rằng:

– Ủa, mà không được đâu!

Lâm Trí Viễn nghe nói giật mình, liền hỏi rằng:

– Sao mà cô nói không được?

– Ôi khó lắm thầy ơi, không được đâu; hồi này tôi nghe thầy đọc báo nói rằng: nàng ấy có một cái bớt son nơi vai bên trái, còn tôi đây thì không có; thoảng như ông ấy muốn nhìn con cho rõ, vạch vai tôi ra mà không có cái bớt son, thì người có tin đâu mà gặt người cho được!

Lâm Trí Viễn nghe nói cũng ngẩn ngơ, trong lòng đã thối chí. Anh ta đứng làm thỉnh, cứ ngó mông trên núi Sam mà suy nghĩ hồi lâu rồi lại gật đầu mỉm cười mà nói rằng:

– Được, được không sao.

– Thầy tính sao mà gọi rằng được?

– Không hề chi, việc ấy dễ lắm, tôi tính được rồi; bất quá liều tớn năm bảy chục đồng thì xong việc. Vả lúc này là lúc văn minh

đại tẩn, người bên Âu bên Mỹ nghề khéo khôn họ dám cãi trời. Mới đây tôi có nghe một người làm nghề thay răng, tên là Cao Quốc Thủ, du học Mỹ Quốc mới về, nghề chi cũng thạo, nay ở tại Sài Gòn. Vậy thì tôi phải trốn học ít ngày, giúp cô lên đó tìm cho được người ấy mà muốn vẽ và xăm một cái bớt son, nơi vai bên trái cho cô, lại hứa với người ấy phải bung bít miệng bình, đừng cho ai biết, mai sau dầu mưu ấy được thành, thì ta sẽ thưởng một vài ngàn đồng và đền ơn khó nhọc. Nếu vẽ được cái bớt ấy rồi thì muôn việc đều xong cả.

Phi Đáng nghe nói rất mừng, liền hối Trí Viễn sắm sửa bạc tiền đặng dắt nàng lên Sài Gòn vẽ bớt. Sắp đặt xong, họ liền từ biệt nhau, hẹn hò ngày hậu hội.

Lâm Trí Viễn từ già Phi Đáng rồi, bèn giả ý xin phép về thăm nhà, lân la ít ngày, thừa lúc cha mẹ bỏ quên chìa khóa, lén mở buồng lấy được ba trăm đồng bạc cột lưng, tuốt lên Châu Đốc mà cho nàng Phi Đáng hay, lại dặn dò nàng phải sắm sửa hành lý cho sẵn sàng đặng chờ kỳ tàu mà thượng lộ.

NHÀ KHOA HỌC RA TÀI THỦ ĐOẠN

Cách vài ngày đã tới kỳ tàu, Trí Viễn chẳng cho ai biết, vì đã có hẹn hò với Phi Đáng, muốn người đem đồ hành lý xuống tàu trước rồi, nên khi tàu gần chạy, mạnh ai lo phận nấy, anh ta giả ý đi chơi rồi lén nhảy phóc xuống tàu, thần không hay, quỷ không biết.

Tàu lên tới Sài Gòn, Lâm Trí Viễn bước lên kêu xe chở đồ hành lý, rồi dắt Phi Đáng lên xe, chạy thẳng lại muốn nhà hàng Tây mà ở ngụ. Trí Viễn để Phi Đáng ở tại nhà hàng, rồi một mình thả đi dạo chơi đặng hỏi thăm nhà Cao Quốc Thủ.

Khi hỏi thăm chắc chắn rồi thì trời tối, anh ta bèn trở về com nước nghỉ ngơi. Sáng ra bữa sau, Lâm Trí Viễn và Đào Phi Đáng trà bánh điểm tâm xong, kêu xe dắt nhau đến nhà Cao Quốc Thủ.

Đến nơi, hai người xuống xe, đi ngay vào ngõ cửa. Quốc Thủ ra chào hỏi và mời thẳng vào nhà.

Trà nước xong xuôi, Lâm Trí Viễn bèn đem hết tâm sự mà tỏ thiệt cho Quốc Thủ nghe. Cao Quốc Thủ gật đầu mỉm cười mà nói rằng:

– Việc ấy thiệt chẳng khó chi, vả tôi từ xuất dương du học, chuyên tâm tinh tấn về khoa y học và hóa học các môn, đã nghiên cứu được nhiều phương bí thuật rất nhiệm mầu như: con mắt đui, tôi thay con mắt khác cũng được; môi sứt, tôi vá cũng lành; răng rụng, tôi thay răng mới; sống mũi bị nha cam ăn sứt, tôi vá cũng hay; nói tóm một lời là những phương châm chích, mổ xẻ, cua tháp gì, nhứt nhứt tôi đều tinh luyện; thiệt sức học tôi tuy chẳng dám sánh cùng Biển Thuộc, chớ nghề hay tôi cũng xấp xỉ với Hoa Đà, chỉ như cái việc của thầy muốn cấy tôi đây, thì tôi coi như ăn com bữa; ngặt có một điều là tiền thuốc mắc lắm mà thôi.

Đào Phi Đáng muốn gấp cho nên việc, liền vội nói rước rằng:

– Không hề chi, xin thầy giúp cho tôi được việc, tiền công và tiền thuốc ít nhiều tôi cũng chẳng nệ, mai sau dầu mà mưu ấy dựng thành, thì chẳng những tiền thuốc bây giờ mà thôi, tôi còn tính một đôi ngàn mà đền đáp ơn thầy là khác nữa!

Cao Quốc Thủ lại chum chim cười mà nói rằng:

– Tôi thấy cô với thầy chẳng nệ xa xôi mà tìm tới tôi đây, thì tôi đã biết là người hào hiệp rồi; tôi xin nói thiệt với cô, tiền thuốc ấy phải đúng một trăm đồng mới được, ấy là tiền thuốc không mà thôi, chớ mới lần thứ nhứt tôi muốn làm quen mà chiêu mối hàng, cho nên tiền công tôi không tính. Song cô với thầy phải chịu khó trong 8 ngày mới thành sự, nhưng bây giờ đây, hể tôi khỏi sự làm thì phải đứng trước cho tôi phân nửa, còn bao nhiêu, khi xong việc sẽ trả tất; mà rồi đúng ba năm phải vẽ lại một lần, nếu không thì phai mất.

Đào Phi Đáng nghe nói dứt lời, liền day lại ngó Lâm Trí Viễn mà cười. Trí Viễn muốn cho nên việc, chẳng nệ tốn hao, nên cũng cười mà đáp rằng:

– Không hề chi, bao nhiêu cũng được, xin thầy vẽ làm sao cho thiệt giống thì thôi.

Cao Quốc Thủ nói:

– Thầy chớ lo, ấy là cái sở trường chuyên môn của tôi đó.

Nói rồi liền kêu bồi, hối sấm sửa thuốc men và dọn đồ nghề cho sẵn. Giây lát, tên bồi ra thua đã chuẩn bị xong. Cao Quốc Thủ liền đứng dậy mời hết hai người vào phòng mà ra tài thủ đoạn. Vào đến nơi, Quốc Thủ mời Phi Đáng ngồi nơi ghế dựa trịch áo bày vai bên trái ra rồi lấy một ve thuốc nước chi không biết, màu đỏ, lấy cọ chấm thuốc rồi vẽ trên vai Phi Đáng một đóm tròn hình như cái bót, lại lấy ba mũi kim vàng kết sẵn như đồ xăm đều trên dấu vẽ ấy. Xăm rồi lại thoa thêm một lớp nước thuốc nữa và biểu để vậy cho khô. Độ chừng mười phút đồng hồ, lại thoa thêm một lớp nữa, lấy bông vải đắp lên, lấy vải trắng bó lại kỹ càng rồi mới biểu Phi Đáng mặc áo lại và dặn rằng:

– Cô về nhà để y như vậy và cũng chẳng nên tắm rửa chi, ráng chịu cục như vậy cho đủ tám ngày song mỗi ngày cứ sớm mai, lối tám giờ, cô phải đến đây cho tôi châm thuốc cho một lần, đủ tám ngày thì xong việc. Nếu cô chẳng nghe lời tôi dặn biểu, thì chừng ấy xin cô chớ trách thuốc tôi sao không linh nghiệm.

Đào Phi Đáng và Lâm Trí Viễn mừng rỡ tạ ơn, mở bóp lấy bạc ra trả trước năm mươi đồng, rồi từ giã ra đường kêu xe trở về chỗ ngủ.

Từ đó mỗi ngày, hễ cứ buổi sớm mai, tám giờ thì Trí Viễn dắt Phi Đáng đến nhà cho Cao Quốc Thủ châm thuốc. Luôn luôn như vậy đủ tám ngày, chỗ ấy thành ra một cái bót son tự nhiên, không ai cho rằng cái bót giả được!

Lâm Trí Viễn và Đào Phi Đáng mừng rỡ chẳng cùng, vội vã mở bóp lấy bạc ra thêm năm mươi đồng mà trả đủ.

Trà nước chuyện vãn một hồi, Đào Phi Đáng cứ vạch cái bót son ra coi đi coi lại năm ba lần, rồi cứ trầm trồ khen tài Cao Quốc Thủ mãi, lại nói:

– Tôi xin vô lễ mà tỏ với thầy một đôi điều: Vả tên thầy là Quốc Thủ, mà nghề thuốc thật tuyệt diệu như vậy, thiết rõ ràng bất phụ sở danh, ấy mới đáng cho là Quốc Thủ đó; ngày sau mà việc được toại lòng, thì cái ơn nặng của thầy đây, đôi ba ngàn đồng tôi không dám tiếc.

Cao Quốc Thủ mỉm cười và nói rằng:

– Cô ơi! nhút ngôn thuyết quá, tứ mã nan truy; lời nói ra, xe hơi theo không kịp. Tôi từ ra làm thuốc đến nay chỉ lấy chữ tín thành mà giao thiệp với người, chẳng hề dám đơn sai một mảy; vì thuốc tôi hay mà nếu thất tín cùng ai thì chẳng còn linh nghiệm chi hết. Thôi, cô với thầy hãy an tâm mà về miễn là đừng quên lời hứa thì thôi.

Lâm Trí Viễn và Đào Phi Đáng đứng dậy tạ ơn rồi từ giã Quốc Thủ, dắt nhau lên xe trở về nhà hàng mà nghỉ.

MỘT CHUỐC RẤT MAU

Chiều bữa ấy họ đem nhau xuống tàu trở về Châu Đốc, lúc đi dọc đường, hai người lại toan tính toa rập sẵn với nhau, lo lập mưu nào mà gặp Trịnh Thế Xương cho kín nhem.

Khi về đến Châu Đốc rồi, hai đảng phân nhau ai về nhà nấy. Đào Phi Đáng chẳng ai câu thúc chi, duy chỉ có Lâm Trí Viễn về nhà bị cha mẹ la rầy sơ sịa "Mắc con cung", anh ta kiếm có nói suốt một hồi thì êm chuyện.

Qua bữa sau, Lâm Trí Viễn trở lên trường ăn học như cũ.

Nhằm bữa chúa nhựt, Lâm Trí Viễn thả rểu đi chơi nơi lối kinh phía sau thành phố Châu Đốc, còn đang rảo bước thung dung, bỗng thấy một người con gái bơi xuống đi cầu, rủi bị nước chảy cản cầu chìm xuống, chới với dưới kinh la làng cầu cứu. Lâm Trí Viễn cởi áo nhảy đại xuống sông, lội ra vớt nàng đem được vào bờ, nàng ấy mặt mày tái lét. Xóm giềng nghe la chạy tới, thấy Trí Viễn đã vớt được rồi, ai nấy đều mừng và khen Trí Viễn là người nghĩa đồng; họ lại thấy nàng ấy áo quần ướt át, run rẩy lập cập, liền chạy về lấy áo đem lại mà cho nàng thay kéo lạnh. Nàng ấy thay áo xong, đứng dậy tạ ơn Lâm Trí Viễn và người cho áo, rồi riu riu đi về.

TRỊNH THẾ XƯƠNG MẮC KẾ

Đây nói về Trịnh Thế Xương từ ngày mất con đến sau, ngày ngày buồn bực thương nhớ chẳng cùng, sau nhờ có anh em bày biểu mới tìm lên Sài Gòn muốn nhựt báo kêu rao; từ ấy đến nay trong lòng dầu dầu, hằng lóng nghe tin tức.

Ngày kia, ông đang ngồi thấy một người lính đi thơ ngoài cửa bước vào trao một phong thơ và nói rằng:

– Thưa bác, có một cái thơ của bác đây.

Trịnh Thế Xương tiếp lấy và cảm ơn. Tên lính đi rồi, Thế Xương liền mở ra coi cho biết là thơ ai gởi. Bức thơ ấy như vậy:

Châu Đốc, ngày 24 tháng 9 Annam năm Ất...

Kính lời thưa cho bác rõ, cách chừng hai mươi ngày rày, tôi nhon thấy trong tờ nhật báo có về vụ con gái của bác đi đâu lạc mất, trong ấy tả cái hình trạng của nàng vậy vậy... Mới hôm qua đây, tôi nhon dạo chơi có gặp một người con gái trạc chừng 17, 18 tuổi, hình dung yếu điệu, da trắng môi son, tóc mây dài thậm thuột, đi câu cá rủi bị chìm xuống, tôi liền mình lội xuống vớt nàng đem được vào bờ, áo quần ướt hết. Lối xóm có người làm ơn, đem áo cho nàng thay kéo lạnh. Nhờ vậy nên tôi mới thấy được nơi vai trái của nàng có một cái bớt son, y như lời trong nhật báo hôm nọ, song không biết có phải là lệnh ái chăng, vậy xin bác hãy qua đó mà nhìn, như may có phải là con bác, thì bác đem về kéo bỏ linh đình tất tuổi thân nàng tội nghiệp. Ấy là tôi làm ơn cho bác được phụ tử trùng phùng mách miệng vậy thôi, còn ngoài việc ấy thì thiệt tôi chẳng vọng cầu điều chi khác hết.

*Nay kính,
LÂM TRÍ VIỄN*

Học trò lớp nhứt trường Châu Đốc, đốn thủ.

Trịnh Thế Xương đọc thơ xong rồi nửa mừng nửa nghi, liền hối thúc bạn bè sắm sửa dọn ghe, nội ngày ấy tuốt qua Châu Đốc. Đến nơi chưa nhằm giờ tan học, nên ông phải ở dưới ghe mà chờ, trong lòng nóng như lửa đốt, cứ dòm chừng đồng hồ hoài. Lúc gần tới năm giờ, ông liền mặc áo bịt khăn rồi xách dù lên bờ tìm đến trước trường học. Trịnh Thế Xương cứ đi qua đi lại, mắt lom ngó chừng trong trường, chờ cho học trò đi ra đặng đón hỏi thăm Lâm Trí Viễn. Ông còn đang lóng nhóng ngoài đường, vưng nghe tiếng trống trong trường: "thùng... thùng... thùng..." Trịnh Thế Xương lòng mừng khắp khởi, liền bước tới đón ngay trước cửa trường, thầy trò

nào đi ra cũng kêu mà hỏi. Cách chừng chín, mười trò mới gặp Lâm Trí Viễn vòng tay thủ lễ rồi hỏi rằng:

– Chẳng hay ông bác ở đâu, hỏi thăm đến cháu có việc gì chẳng?

– Trò em đây có phải là Lâm Trí Viễn chẳng?

– Dạ, thua phải, Lâm Trí Viễn là cháu đây.

– Hồi sớm mai này, tôi có tiếp được cái thơ của trò em, nên tôi lật đật qua đây...

– Ủa! nói vậy té ra bác đây là ông Trịnh Thế Xương sao? Có khổ dữ! Vậy mà cháu không biết, xin bác miễn chấp.

– Hèn chi người ta nói con nhà học trò cũng phải, thiệt trò em chưa bao nhiêu tuổi mà ăn nói khôn ngoan lễ nghĩa tử tế quá. Tôi qua đây có ý kiếm trò em mà hỏi thăm, chẳng hay trò em gởi thơ nói vậy mà không biết có kết quả vậy hay chẳng, và con nhỏ ấy nó ở đâu bây giờ, xin trò em làm ơn dắt tôi đi kiếm nó thử coi. Nếu như may mà thiệt là nó, cha con tôi được gặp nhau, thì cái ơn của trò em, tôi chẳng hề dám phụ...

Ông nói tới đó vùng khóc ròng. Lâm Trí Viễn bèn kiếm lời khuyên giải:

– Tôi thấy trong nhựt báo nói vậy, mà người con gái tôi gặp đây, thì mười phần coi bộ phưởng phất bảy tám phần, vậy thì bác hãy chịu khó mà đi theo tôi; tôi cũng liệu một chút công dư, dắt bác đến đó chỉ dùm mà làm nghĩa.

– Từ đây mà đi đến đó chẳng hay xa hay gần? Nếu xa tôi xin mời trò em xuống ghe cho bạn nó chèo, có khi tiện hơn.

– Không xa bao nhiêu đâu bác! Chỗ nhà người ấy ở lại vòm kinh trên, đi vô một đổi thì tới, đi bộ dễ hơn.

– Vậy thì trò em chịu khó với tôi một chút hé?

– Dạ thưa bác, không hề chi, bác cứ việc theo tôi.

Hai người đề huề dắt nhau ra đi, độ chừng 15 phút đồng hồ, Lâm Trí Viễn liền chỉ một cái nhà lá hai căn ở dựa mía kinh, phía trước thì đất, phía sau thì sà, mà nói rằng:

– Tới đó rồi bác, vậy xin bác dừng lại đây chờ tôi một chút, để tôi vô trước đăng coi có ai trong nhà hay không, rồi tôi sẽ dắt bác vô.

Miệng thì nói, chom thì bước thẳng vô nhà, Trí Viễn thấy Phi Đáng đương ngồi may áo nơi cửa sau, bèn bước lại gần kê tai nói nhỏ mà dặn nàng phải đối đáp vậy vậy... Xong rồi, y bèn quay trở ra nói với Trịnh Thế Xương:

– May quá, nàng ấy đang ngồi may áo trong nhà, bác hãy theo tôi vào đó nhìn coi có phải con bác hay là không.

Trí Viễn vừa nói vừa dắt Thế Xương đi thẳng vào nhà. Đào Phi Đáng làm bộ không hay, không biết chi hết, bèn giả ý chào rồi hỏi thăm lơ láo rằng:

– Cơ khổ! Khi nãy tôi ở đằng sau ngó thấy thầy bước vô nhà rồi sao lại trở ra, tôi không ngờ là thầy, bây giờ tôi mới nhớ lại, có khi thầy là người cứu tôi hôm trước đó phải không?

– Phải.

– Ủa! còn ông lão đây là ai, có phải là ông thân của thầy chẳng?

– Không, ông lão đây là người quen biết với tôi, nhà ở bến Tân Châu, nghe cô ở đây nên cậy tôi dắt đến tìm cô mà hỏi thăm một chuyện.

– Vậy sao, trời ơi! Tôi không biết mà nói lầm, xin thầy miễn chấp.

– Không hề chi đâu cô, ông lão đây cũng đáng cha mẹ chú bác của tôi, dầu cô có lầm cũng chẳng tội lỗi chi, xin cô chớ ngại.

– Còn ông lão đây tôi chưa quen biết chi, chẳng hay có chuyện chi mà hỏi thăm tôi?

Trong lúc hai đảng nói chuyện với nhau thì ông Trịnh Thế Xương cứ nhìn sững Phi Đáng. Đến khi nghe nàng hỏi mình như vậy thì ghen ngào chưa biết nói làm sao. Hồi lâu mới chíp miệng thở dài mà nói rằng:

– Tôi xin lỗi với cô, nguyên tôi có một đứa con gái cũng chừng lồi tuổi như cô mà nó mất đã lâu, nay nghe đồn có cô ở đây, diện mạo muông tượng như con gái tôi, nên tôi có ý muốn đem cô về nuôi mà coi làm con, đăng phòng khi hôm sớm thấy cô cũng như thấy con tôi vậy, cho khuây lãng bớt sự thương nhớ, chẳng biết cô có

khúng hay không, và xin cô nói cho tôi biết cô là con ai, cha mẹ tên chi, nhà cửa quê quán ở đâu, đến đây một mình mà ở đậu bạc với người ta như vậy?

Đào Phi Đáng nghe hỏi liền giả ý động lòng, khóc tấu tức tuổi mà đáp rằng:

– Ông lão hỏi tôi, làm cho tôi nhớ lại mà tử cái bốn phận của tôi, vì xứ sở tôi ở đâu thì tôi không biết, mà mẹ tôi mất hồi nào tôi cũng không hay. Tôi nhớ mại mại tôi còn có một người cha, mà tên chi cũng không rõ, đến nay cha tôi còn mất thế nào tôi cũng không biết, chứ phải tôi biết xứ sở tôi ở đâu và cha mẹ tôi tên gì thì tôi cũng tìm mà về, chớ có lý đâu tôi lại cam chịu nổi trôi bình bồng như vậy. Bởi tôi còn nhỏ quá nên không biết chi hết, lúc ấy tôi mới được năm sáu tuổi chi đó, nhà tôi bị cháy, tôi thấy lửa, tôi sợ hoảng chạy bầy xuống mé sông, có một người ở đâu dưới ghe đậu gần lối đó, bước lên bồng phứt tôi xuống ghe rồi nhổ sào chèo tuốt, tôi la khóc om sòm, người ấy lấy bánh cho tôi ăn mà dỗ tôi và gạt tôi rằng:

– Em đừng khóc, để qua chèo đem em về cho tía má em. Tôi lúc ấy còn khờ dại quá, nghe nói đem về cho tía má tôi, thì mừng không khóc nữa. Chẳng dè họ chèo thẳng lên Nam Vang rồi chở luôn vô Ô-dông mà bán tôi cho người đầu gà dít vịt mà người ấy lại thương tôi lắm, ban đầu tôi còn nhớ cha tôi mà khóc hoài, sau họ dỗ dành ngon ngọt tôi, cho tôi ăn mặc phủ phê, lần lần nguôi ngoai, nên tôi không khóc nữa. Tôi ở làm con nuôi người ấy được ba bốn năm, rủi sao cha mẹ nuôi tôi lại bị xuống dịch mà chết hết, làm cho tôi côi cút, một mình khách địa bơ vơ. Chẳng bao lâu tôi lại bị họ gạt, đem vô Khạo hò mà bán tôi cho lái biển. Ôi! Chùng ấy biết bao là sự gian hiểm, cực đã mấy năm. Đến khi tôi trong tuổi biết khôn, thường muốn tìm phương đào tẩu, song chưa có dịp mà đi. Mới hồi tháng ba rồi đây, nhơn lúc vợ chồng người ấy vô Biển Hồ, tôi mới thừa dịp đem vắng canh khuya, cuốn gói quá giang ghe trốn đi xuống đây. Nhưng mà lúc tôi đi cũng không biết đi đâu, miễn là thoát khỏi tay độc ác thì đủ, chẳng dè tôi xuống tới đây, may gặp dì Tư bán cá là chủ nhà tôi đang ở bây giờ đây cũng là người tử tế, gặp tôi ôm gói đi lòi thoi ngoài chợ bèn kêu tôi lại mà hỏi thăm; tôi thiệt tình tỏ hết đầu đuôi. Dì thấy tôi còn nhỏ mà lưu lạc thì thương, nên

rủ tôi về ở đây, nấu nướng với dì. Tôi thấy dì chồng con không có, huôi hút một mình, nên tôi mới an lòng mà ở đây. Lần hồi họa may nhờ trời mười hai bến nước, kiếm đôi bạn mà làm ăn, nhắm mắt đưa chôn tới đâu hay đó. Nay ông bác có dạ thương tôi thì cũng đội ơn, chớ bỏ dì mà đi, thiệt lòng tôi không nỡ.

Nguyên lúc Trịnh Thế Xương mất con cũng bởi sự rủi ro cháy chợ mà ra, vì lúc ấy cả chợ Tân Châu đều còn nhà lá; nên đương con lửa cháy rần rần, ai nấy cũng đều bán lo chữa lửa với dọn đồ, khi lửa tàn rồi, chực nhớ lại con thì nó chạy đâu lạc mất. Nay Thế Xương nghe nàng thuật rõ đầu đuôi, rất phù hiệp tâm sự của mình, song còn muốn cho chắc ý, nên Thế Xương lại hỏi nữa rằng:

– Cô tên họ chi; năm nay cô mấy tuổi?

– Dạ, thua tôi mới 18 tuổi, tên Lang, còn họ tôi, thì tôi không biết, vì lúc họ gặt mà chở tôi đi đó, tôi còn nhỏ quá.

Thế Xương nghe nói 18 tuổi lại tên Lang thì trùng tên trùng tuổi con gái mình, mừng quá đổi mừng, chẳng còn nghi ngại chi nữa. Ông vùng đứng dậy bước tới nắm tay Phi Đáng mà nói lập cập rằng:

– Ủa! Con tên Lang thiệt sao? Đầu mà, con cho cha coi cái vai của con một chút thử coi.

Đào Phi Đáng giả ý sững sờ và làm tuồng mắc cỡ giựt tay đi. Lâm Trí Viễn cũng giả ý bước tới khuyên Phi Đáng rằng:

– Ông bác đây già cả, đáng đạo cha mẹ, bác muốn coi cái vai của cô cũng có duyên cớ chi đó, vậy xin cô cũng nên vị tình người tuổi tác mà cho bác coi một chút, có can chi mà cô phòng ngại.

Phi Đáng cũng còn giả ý dùng dằng năm ba phen rồi mới chịu trịch áo bày vai ra cho Trịnh Thế Xương coi. Trịnh Thế Xương vừa thấy được cái bột son trên vai của nàng rồi; ối thôi, thiệt tôi rất tiếc, không biết bút mực nào mà tả cho rõ hình trạng cái sự mừng của Trịnh Thế Xương lúc nọ cho khán quan hiểu được!

Lúc ấy Đào Phi Đáng cũng làm bộ sững sờ, đứng ngó lơ lảo, dường như không hiểu chi hết vậy. Còn Trịnh Thế Xương thì cứ vượt ve và kêu con oi con hời mà khóc rờn, chớ không nói năng chi hết, chừng đó Phi Đáng mới làm bộ tức tưởi khóc theo. Duy có Lâm Trí Viễn tuy biết Trịnh Thế Xương đã mắc bẫy mình rồi, song thấy cảnh

tượng như vậy, dầu chi thiết thạch tâm trường cũng phải động lòng mà rung rung nước mắt.

Ba người còn đang bận bịu khóc than, kế ấy dì Tư bán cá ở dưới chợ về, lon xon bung rở bước vào, liếc thấy Lâm Trí Viễn thì đã biết rồi, duy có Trịnh Thế Xương thì dì không hiểu là ai, song cũng giả ý hỏi:

– Vậy chớ hai ông nào lạ mặt, đến đây có việc chi mà coi có dạng bi ai vậy, Hai?

Đào Phi Đáng liền chỉ từng người mà nói rằng:

– Thưa dì, thầy này là người cứu tôi khỏi chết chìm hôm trước đó, còn ông này là cha ruột tôi đây?

Trịnh Thế Xương chưa kịp trả lời, Lâm Trí Viễn liền rước mà nói rằng:

– Ông bác đây là người giàu lớn ở bên chợ Tân Châu.

Rồi đó Lâm Trí Viễn mới thuật hết đầu đuôi sự tích lại cho dì Tư bán cá nghe. Dì Tư miệng nhai trầu tích toác, tay xĩa thuốc ba ngoai, nói:

– Trời đất ơi! đây với đó có bao xa mà không biết! Phải tôi dè vậy thì tôi nhắn ông anh hay đã lâu rồi, chớ có đâu mà để cho tới ngày nay. Từ hồi tôi gặp con Hai nó đi lơ thơ ngoài chợ, tôi thấy vậy tôi thương, nên tôi đem nó về mà ở với tôi đây đã mấy tháng nay, dì cháu hăm hút với nhau, thiệt tôi thấy tánh nết nó thiệt thà tôi thương nó quá. Lúc đêm hôm rảnh rang, tôi cũng hỏi thăm gốc gác cha mẹ nó thì nó không biết chi hết, vì lúc họ chở nó đi thì nó còn nhỏ quá.

Trịnh Thế Xương bèn thò tay vào túi lấy ra một trăm đồng bạc, trao chi dì Tư bán cá nói:

– Con gái tôi nó đùm đậu ở đây trong mấy tháng nay, thiệt cũng nhờ cái lòng tốt của chị, mà bởi tôi đi thỉnh linh nên không có đem bạc theo nhiều, vậy thì xin chị nhậm đỡ lấy một trăm đồng bạc này, gọi là của tôi đền đáp ơn dầy của chị, xin chị vui lòng đừng tôi đem con gái tôi về, kéo để tức tưởi cái thân nó tội nghiệp.

Nguyên dì Tư bán cá này là con nhà hàn vi tiện, từ lúc bé thơ cho đến bạc đầu, chưa hề thấy trong tay một lần nào cho được một

số nguyên chừng vài chục bạc; buôn bán ngoài chợ mỗi ngày, bắt quá kiếm lời một hai cắc bạc đủ ăn là may. Nay thành linh mà thấy số bạc trăm thì cái sự mừng nầy lại càng quá hơn cái mừng Trịnh Thế Xương khi nầy.

Dì liền ngửa tay lãnh lấy một trăm đồng bạc và nói:

– Con Hai về ở đây với tôi ấy nhần nay, chẳng phải tốn kém của tôi là bao nhiêu. Nay ông anh cho tôi cái số bạc nhiều quá, lẽ ra tôi chẳng dám lãnh, nhưng mà ông anh đã có lòng tốt, nếu tôi từ chối thì cũng ngặt, nên tôi phải vì tình ông anh, vượt bụng cái xếp mà lấy đỡ đó thôi. (Chín hấu còn mại hơi đa).

Rồi dì lại kiểm lời giả lả đăng nuốt một trăm đồng bạc ấy cho tron cổ, bèn thả giọng đầy đưa rằng:

– Thiệt tôi thương con Hai quá, hồi mới gặp nó, tôi coi bộ tướng nó, tôi biết nó chẳng phải là con nhà hèn hạ; mà thiệt quả!

Dì Tư day lại nói với Đào Phi Đáng:

– Hai! Vậy thì bây giờ con hãy lấy quần áo đồ đạc của con, đăng theo anh về bến mà ở cho nhàn tám thân, thiệt dì cũng mừng cho con đó!

(Từ đây Phi Đáng đã mạo nhận làm con của Trịnh Thế Xương rồi, không ai hay biết chi hết, lẽ thì kêu nàng là Trịnh Phương Lang mới phải, nhưng e khán quan hiểu lộn, nên tôi phải để tên Phi Đáng luôn cho phân biệt).

Rồi đó, Trịnh Thế Xương liền hỏi con sắm sửa theo mình mà về, còn đồ đạc áo quần bao nhiêu thì để lại hết mà cho dì Tư bán cá. Phi Đáng bèn từ giả dì Tư, lại tỏ ý quyến luyến dường như chẳng nỡ lìa nhau. Dì Tư bán cá cũng kiếm lời khuyên giải:

– Bấy lâu tưởng là con không còn cha mẹ thì con ở với dì tới chừng nào cũng được, chớ như nay con đã có phước mà cha con gặp nhau rồi, thôi con đừng bịn rịn làm chi, hãy theo ông anh mà về bến. Đây đó chẳng bao xa, lâu lâu con có rảnh mà đi chợ thì qua thăm dì cũng được, không hề chi.

Dứt chuyện, Trịnh Thế Xương liền đứng dậy từ tạ dì Tư bán cá rồi dắt con ra về, lại mời Lâm Trí Viễn theo mình xuống ghe mà nói chuyện.

Xuống ghe rồi, Trịnh Thế Xương liền đưa tiền cho bạn hồi chạy lên chợ mua đồ ăn rượu thịt đem xuống dọn ra một mâm ê hề mà đãi Lâm Trí Viễn.

Trong lúc ăn uống, Trịnh Thế Xương bèn nói với Lâm Trí Viễn rằng:

– Cha con tôi mà được trùng phùng đây, thiệt nhờ ơn trò em rất nặng, đã cứu nó khỏi chết khi nó bị chìm xuống, rồi lại còn điểm chỉ cho tôi tìm được nó. Lúc nọ tôi có rao trong nhựt báo, hễ ai biết con tôi mà chỉ cho tôi thì tôi đền ơn nghĩa hai ngàn. Nay may mà cha con tôi được gặp nhau rồi, lời tôi hứa thì tôi phải giữ. Không dám nào, tôi xin mời trò em theo tôi về bến, dâng cho tôi đền ơn đáp nghĩa cho vuông tròn, chẳng hay trò em nghĩ sao?

– Dạ, thưa bác, bác nói vậy cũng phải, ấy là thọ ân mạc vong, chớ theo ý tôi thì việc làm ơn chút đỉnh đó là cái phận sự làm người; lẽ đâu tôi lại trông chi những việc đền ơn đáp nghĩa. Vả lại bác còn biết "Thọ ân mạc vong" thay, huống chi tôi lại chẳng hay "Thi huệ vô niệm" hay sao! Xin bác chớ ngại (Cũng là một môn với dì Tư bán cá đa!)

– Trò em nói vậy sao phải, tôi đây nhứt sinh chẳng hề thất tín với ai, dầu việc nhỏ mọn tôi cũng không bỏ sót, huống chi cái việc này là một việc ơn rất trọng, lại thêm cái lời của tôi đã rao trong nhựt báo, lục châu thiên hạ đều hay, nếu tôi chẳng trả được cái ơn này thì trọn cả đời tôi cũng không yên lòng được.

Lâm Trí Viễn giả ý từ chối đôi ba phen rồi mới nói:

– Việc này thiệt khó cho tôi liệu quá! Nếu tôi muốn giữ cho trọn chữ liêm, thì té ra tôi làm hư chữ tín của bác, ở đời muôn việc thiệt khó mà giữ cho được vẹn toàn. Vả lại bác là người giàu có tai mắt với đời, còn tôi đây thì còn nhỏ, bất quá là một tên học trò hèn mọn, chớ chưa ai biết tên tuổi là chi; vậy thì tôi phải vì bác mà chịu mất chữ liêm, để cho bác được tròn chữ tín, chớ biết làm sao bây giờ!

– Thiệt trò em biết điều quá, vậy thì trẻ bạn đâu, coi sắm sửa gay cheo, dâng về cho sớm!

– Ừa! Cơ khổ, tôi cũng quên lửng, vậy trò em có lên rồi trở xuống cho mau nghe, kéo đi không kịp, qua kinh bị nước ròng, mắc cạn lối gồng muối đây, muối nó thui chết đa!

Lâm Trí Viễn lên bờ độ chừng mười lăm phút đồng hồ, rồi xách một gói quần áo chạy xuống. Trịnh Thế Xương thấy Lâm Trí Viễn xuống rồi, liền hối bạn nhỏ sào chèo riết về Tân Châu. Khi tới nhà thì đã canh ba, họ dắt nhau lên nhà hồi trẻ nấu trà giải khát. Trong nhà, tôi trai tở gái nghe nói chủ mình đã tìm được con, đều rùng rùng thức dậy mừng rỡ, chuyện vãn rùm nhà. Xóm giềng hay được tin ấy cũng đua nhau chạy tới hỏi thăm và coi Phương Lang năm nay bao lớn.

(Ấy là cái tình thường, dầu cho đời nào cũng vậy, tôi chẳng cần thuật hết những việc bà con lối xóm tới thăm chuyện vãn làm chi cho đông dài; tôi chỉ thuật rút cái tích nầy cho khán quan tường tặc mà thôi).

Khi khách khứa về hết rồi thì trống đã trở canh tư. Trịnh Thế Xương hối trẻ ở dọn dẹp một cái phòng riêng nơi trong nhà cho con mình nghỉ; lại dọn một chỗ cho Trí Viễn nghỉ ngơi nơi nhà trước. Đâu đó xong rồi, ông cũng vào phòng mà nghỉ.

Sáng ra bữa sau, khi trà nước xong, Trịnh Thế Xương lấy ra hai ngàn đồng bạc và hai cây lụa Tân Châu mà đền ơn cho Lâm Trí Viễn. Trí Viễn làm màu từ chối đôi ba phen rồi mới lãnh, y ở chơi vài ngày rồi Trịnh Thế Xương mới cho người dọn ghe đưa Lâm Trí Viễn trở về Châu Đốc.

Từ đó, Phi Đáng tự nhận mình là Phương Lang, làm con của một ông nhà giàu có trăm muôn bề sung sướng không có bút mực nào mà tả cho rõ được.

TRỊNH PHƯƠNG LAN GẶP CÚU ?

Đây nói về một người hiền sĩ quê quán tại Mỹ Tho, tên là Trần Trọng Nghĩa, làm thông ngôn dây thép, đổi lại ngôi nhà giấy Tri Tôn [tục kêu là Xà-tôn], mới 20 tuổi, cha mẹ mất sớm, chưa có vợ con, tánh tình trung hậu, cung thật ngôn lương, diện mạo khôi ngô, học hành tốt chúng. Nho học, Tây học đều thông, nghề võ học đánh quyền cũng giỏi; tuổi tuy còn nhỏ mà tánh hay vui thú núi non, mỗi ngày chúa nhựt thường giao nhà cửa cho một

đứa bồi tên là thằng Mốc giữ coi, rồi mang súng cỡi ngựa vào núi một mình, trước săn bắn, sau dạo xem phong cảnh.

Ngày kia mảng mê theo mỗi săn, đi lẫn hờn núi Cô Tô, bỗng thấy dựa bên mé rừng có một đứa con gái Cao Man cỡi trâu chạy như dông, phía sau có hai con beo rất to đuổi theo làm dữ. Trọng Nghĩa liền lấy bì đạn bắn hươu nạp vô súng, đứng nép bên rừng, chờ cho con trâu của nàng ấy chạy khỏi rồi hai con beo vừa tới, vội vàng giương súng ra thấy luôn hai phát "bùm... bùm...". Hai con beo nhào ngựa giẫy tê tê, chết tươi tại đó. Trọng Nghĩa liền mang súng lên vai, giục ngựa chạy dông theo mà kêu nàng ấy lại.

Còn nàng nọ khi bị beo rượt thì hoảng kinh, bất cố tả hữu, đánh trâu chạy nhào, cho nên lúc nghe tiếng súng cũng không biết tiếng súng ở đâu, chừng nghe có tiếng người kêu, bèn gò trâu ngừng lại. Trọng Nghĩa thấy nàng ngừng lại thì mừng; song nghĩ vì mình mới đổi lại xứ ấy chưa được mấy ngày, chưa biết tiếng Cao Man, không biết làm sao mà nói chuyện. Tuy là nghĩ vậy, song cũng hỏi liều, hiểu được hay không rồi sẽ liệu:

– Cô là con gái, nhà cửa ở đâu, một mình dám cỡi trâu mà đi đâu cho beo nó rượt vậy? May là gặp tôi bắn nó chết mà cứu cô, nếu không thì cô chạy sao cho khỏi?

Người con gái đó nghe hỏi, liền ngó Trần Trọng Nghĩa, thấy mặc đồ Tây, thì biết là thầy thông, thầy ký chi đó, bèn trả lời rằng:

– Chủ tôi bắt tôi đi chăn trâu đã tám chín năm nay, cũng gần chỗ đám rừng này mà tôi chưa hề bị beo rượt lần nào. Không biết làm sao mà bữa nay lại gặp hai con beo này dữ quá; may có thầy giết được nó mà cứu tôi, chớ không thì còn chi là tôi! Thiệt cái ơn tái tạo này, dầu đến chết, tôi cũng còn ghi vào dạ.

Trần Trọng Nghĩa nghe nói thì lấy làm lạ, nghĩ thầm trong lòng rằng: "Nàng này là con gái Cao Man, sao mà nói tiếng Annam giỏi dữ vậy cà?". Lòng suy nghĩ, mà mắt thì ngó trân; thấy nàng ấy tuy là rách rưới lang thang, mà hình dung yếu điệu, gương mặt bị nắng tấp sạm mặc dầu mà hai cái môi đỏ như bông sen mới nở, chon mày vòng nguyệt, mình hạc xương mai, lại thêm, nét đi đứng ung dung, tiếng nói năng phong nhã, dầu cho con gái nhà giàu cũng ít bì kịp.

Trần Trọng Nghĩa đứng nhắm tuông nàng một hồi rồi lại nói thầm rằng: "Người như vậy mà lại sanh nhằm nơi đê tiện, thiệt là uổng quá; mà không lẽ Cao Man gì lại sanh con gái nét mặt phương phi như vậy cũng lạ, chớ chi mà nàng là con gái Annam thì ta sẽ cưới nàng để phòng khi sửa tráp nung khăn, chớ nàng là con gái của Cao Man dầu ta có muốn cưới, chắc cha mẹ nàng cũng không chịu gả. Ừ! Mà ta nghĩ như vậy sao phải! Hễ đáng làm trai thấy việc nghĩa thì làm, mà có làm ơn nghĩa cho ai cũng không nên trông trả, nay ta mới làm nghĩa với nàng rồi trở lại mà muốn nàng, thì ta có lỗi quá!". Còn đang suy nghĩ tới lui, Trọng Nghĩa bỗng thấy nàng ấy mỉm cười mà hỏi rằng:

– Thầy làm chi mà nhìn sững tôi dữ vậy?

Trần Trọng Nghĩa nghe hỏi thì có ý hổ thẹn, bèn đáp rằng:

– Thiệt tôi không nói giấu chi cô, tôi xem diện mạo cô nầy giờ, tôi tưởng cô không phải là người Cao Man; chắc cô là người Annam, hoặc cô bị ai bắt mà đem bán cho Cao Man hay là cũng có duyên có chi đây, nên tôi nhìn cô là vậy đó.

Nàng ấy chưa kịp trả lời, xảy thấy một người Cao Man cao lớn vạm vỡ, trạc chừng bốn mươi ngoài tuổi, nước da đen sạm, con mắt có khoen thấy mà bắt sợ, ở trong mé rừng hăm hở xốc ra, bộ mặt giận dữ, và đi và nói chi lăng lú không biết, xốc lại xô nàng con gái đó và chỉ tới, hình như biểu nàng con gái ấy phải đi về. Nàng ấy mặt mày thất thanh, riu riu đuổi trâu ra về. Còn người kia thì đứng đó, luôm luôm ngó Trần Trọng Nghĩa, coi bộ muốn gây, rồi quày quả đi theo nàng ấy. Trần Trọng Nghĩa ngẩn ngơ, đứng ngó theo hoài. Chập lâu, nàng đi khuất cụm rừng, Trọng Nghĩa mới lên ngựa, ngùi ngùi trở về Xà-tón.

TƠ HỒNG VƯƠNG VẤN

Trần Trọng Nghĩa về đến nhà thì trần trọc cả đêm, ước có một điều không kịp hỏi thăm nàng ấy cho ra duyên cớ. Ban ngày thì lo việc bốn phận, còn ban đêm thanh vắng một mình, Trọng Nghĩa lại nhớ tới dạng nàng, nằm không an giấc, cứ mơ tưởng nét đi đứng của nàng luôn; có lúc chàng lại nghĩ: "Chắc nàng là con

gái Annam, mà cũng không hiểu vì sao mà nàng lại sa vào tay một kẻ hung bạo gớm ghê như vậy? Thôi, từ đây về sau mỗi ngày chúa nhựt, ta cứ giả đi sẵn bắn ra lối đó mà đón nàng. Nếu như may mà gặp được nàng, biết nàng là người mắc nạn thì ta sẽ thừa dịp cứu nàng mà làm nghĩa". Nghĩ tới đó rồi, Trọng Nghĩa lấy làm đắc ý, bèn nhủ lòng thừa dịp sẽ ra tay.

Đây nhắc lại nàng con gái ấy tên là Chăng-Cà-Mum, đây tó của người Cao Man tên là Thạch Ung là Mệ-sóc¹ cai quản nơi sóc ấy, tánh tình hung bạo, sâu độc, cộc cằn, đàn thổ nơi một sóc thấy kiêng sợ. Chăng-Cà-Mum bị đày đoạ nhiều bề, ngày thì bắt đi chăn trâu, tối thì bắt xay lúa giã gạo. Có lúc bị nó bắt đánh xe vào núi một mình mà lấy củi; có khi nó lại bắt đi với con nó, đánh xe chở gà vịt ra Xà-tón mà đổi trâu cau; đã vậy mà còn đánh đập, giày bừa khổ sở nhiều bề, chịu đòn không nổi. Thạch Ung lại có một đứa con trai tên là Thạch Quít, tuổi mới 20, hình dung cổ quái, con mắt vàng lờm, nước da như quả táo; mà anh ta lại sanh bụng tẹo, có ý muốn lấy Chăng-Cà-Mum làm vợ, song còn ngại lòng cha mẹ chưa dám nói ra, nên mỗi khi cha hấn la rầy khổ khắc Chăng-Cà-Mum thì hấn thường kiếm lời che chở; nhờ vậy nên cũng đỡ cho Chăng-Cà-Mum khỏi chịu đường roi vọt.

Còn Chăng-Cà-Mum từ ngày bị beo ruột, may nhờ người trai tơ cứu khỏi, chưa kịp nói tiếng chi mà tạ ơn, kế bị lão Mệ-sóc la rầy, nên sợ bỏ chạy về một nước.

Về nhà đêm ấy nàng thao thức một mình, suy tới nghĩ lui nằm không an giấc; bèn nghĩ rằng: "Không biết người trai ấy ở đâu, thuở nay chưa hề gặp mặt lần nào, nay lại tình cờ đi tới xứ này sẵn bắn mà cứu ta, hay là lòng trời còn phò hộ người ngay, nên khiến người đến cứu? Ta xem người ấy diện mạo khô ngô, chắc là một đáng chánh nhân quân tử; hoặc là ngày sau ta sẽ nhờ người mà thoát khỏi con quỷ dạ xoa này chăng? Tiếc vì hồi trưa ta chưa kịp hỏi thăm cho biết người ở tại đâu. Từ đây, biết ta có gặp người nữa hay không?". Nghĩ đến đó nàng buồn dầu dầu, rồi lại tính thầm trong lòng rằng: "Vậy thì từ đây ta cứ đem trâu đi ăn nơi đám rừng ấy,

1. Mệ-sóc là tiếng Cao Man, cũng như ông xã của Annam ta vậy.

hễ nghe tiếng súng săn bắn phía nào thì ta men lần tới đó, thoảng như gặp may mà ta gặp được người, thì chừng ấy ta sẽ tỏ bày tâm sự với người, và xin người tể độ". Lập tâm như vậy rồi, Chăng-Cà-Mum cứ ẩn nhẫn một mình mà chờ ngày tái hội.

Chẳng dè lúc ban trưa nàng bị beo rượt nên đã hoảng hốt tâm thần; đêm ấy dùng phát nóng lạnh mê man, rồi nằm luôn hai ba ngày, cơm cháo gì cũng không ngó tới. May nhờ Thạch Quít, lớp lo rước thầy tom, lớp lo kiếm thuốc nam trong rừng mà cho nàng uống. Tuy vậy chớ nàng nằm bệnh hơn trót tháng trời mới mạnh được.

Đây nói về Trần Trọng Nghĩa, mỗi ngày chúa nhựt, hễ sớm mai thức dậy, hoặc cơm cháo, hoặc bánh mì cà phê, lột lòng ba miếng rồi quảy một túi đồ ăn trưa đem theo, vác súng lên ngựa, tuốt đến mé rừng gần chun núi Cô Tô là nơi kỳ ngộ hôm nọ; bề ngoài thì giả đi săn, chớ bề trong thì thiết quyết đi tìm người cũ.

(Thiết lúc ấy dẫu cho chim đáp nơi đầu ngựa của anh ta, có khi anh ta cũng không hay mà bắn).

Ai ngờ đi ngày nào tới ngày nấy, chỉ có đi không về rồi; trọn bốn năm tuần mà không thấy tăm dạng nàng đâu hết! Trọng Nghĩa bứt rứt xốn xang, không hiểu làm sao mà nàng không đem trâu cho ăn nơi cụm rừng này nữa? Tuy vậy mà cũng chẳng ngã lòng, chúa nhựt nào chàng cũng vác súng ra đi, song hễ đi sao thì về vậy, chớ chẳng có bữa nào đem về được một con chim. (Có bắn biếc gì mà được chim!).

PHÂN TRẦN LAI LỊCH

Sáng ngày kia, Trần Trọng Nghĩa vai mang súng, tay cầm cương, cứ cho ngựa huồn huồn đi theo mé rừng, mắt lom lom ngó chừng bốn phía. Còn đang mong mỏi ngó trông, bỗng thấy phía trước góc rừng, có một bầy trâu đương ăn tại đó. Trọng Nghĩa chẳng xiết mừng, liền giục ngựa xon xao bước tới. Mà thiết may, trâu ấy là trâu của Chăng-Cà-Mum thả cho ăn, còn nàng thì ngồi nơi dưới bóng cây mà đụt nắng. Lúc nàng nghe vó ngựa ở đằng xa đi tới, thì mười phần nàng cũng định chắc là chàng; nên khi nàng

nhìn quả thiệt chàng, thì lòng mừng khắp khỏi, liền đứng dậy liềm dung mà nói rằng:

– Tôi chào thầy, hôm nay tôi trông cho gặp...

Nói tới đó vùng nhớ lại mà hổ thẹn, bèn cúi đầu làm thỉnh chẳng nói rằng chi hết. Còn Trần Trọng Nghĩa khi gặp mặt nàng thì cũng mừng quýnh mừng quýu, liền nhảy xuống ngựa mà nói:

– Ủa! Cơ khổ, hơn trót tháng nay, ngày chúa nhựt nào tôi cũng đi săn bắn lối này, có ý muốn tìm cô mà không gặp. Vậy chớ, xưa rày cô cho trâu ăn phía nào? Làm tôi nhớ...

Vì mắc mừng quá mà nói lố rồi giật mình nên nói tới đó rồi cũng ngừng lại, cứ đứng trân, chẳng biết lời chi mà thốt nữa.

Một chập lâu, Chăng-Cà-Mum liền liếc mắt ngó lên, thấy tình hình như vậy thì đã hiểu ý chàng, bèn thung dung hỏi cọt lại rằng:

– Thầy nói chi mà "tôi nhớ", rồi thầy lại nín đi? Chẳng hay thầy muốn nói nhớ ai?

Trần Trọng Nghĩa mắc cỡ nghẹn ngào, song cũng kiếm lời mà nói trớ rằng:

– Tôi nói tôi nhớ, là tôi nhớ... cái lúc tôi bắn hai con beo mà cứu được cô đó mà!

Chăng-Cà-Mum nghe nói, mỉm cười đáp rằng:

– Thầy là người làm nghĩa, tôi là kẻ thọ ơn; mà hễ thọ ơn người thì chẳng khá quên, cho nên cái nhớ đó là về phần tôi nói mới phải chớ! Tôi từ buổi mang ơn tái tạo, ngày đêm tôi chẳng dám quên, song xét thân nhược chất liễu bồ, phần tôi thì ràng buộc tôi mọi nhà người, cho nên kiếp này chắc là không có chi đền đáp ơn này; chớ kiếp khác tôi sẽ làm trâu ngựa mà đền nghĩa cả.

Trần Trọng Nghĩa nghe nàng nói mấy lời, thì càng đem lòng kính trọng hơn nữa; bèn đáp rằng:

– Cô ôi! Tôi cũng nghe những lời cô nói nãy giờ đây thì tôi cũng chắc cô chẳng phải là con của người Cao Man. Chẳng hay duyên cớ làm sao mà cô phải ở tôi tớ với một người hung ác dường ấy? Thiệt tôi chẳng nói giấu chi cô, vì tánh tôi cương trực, thấy nghĩa vui làm, xin cô hãy phân hết lai lịch cho tôi nghe, hoặc là tôi có thể mà cứu cô được chẳng, xin cô chớ ngại.

Chăng-Cà-Mum thấy Trọng Nghĩa là trai, nói chuyện với gái tơ nơi chốn vắng vẻ như vậy mà cứ giữ từ nghiêm, nghĩa chánh, chẳng có mồi quuyến gió rủ trắng, thì biết là người bình lễ quân tử. Nàng bèn ngước mặt lên Trọng Nghĩa, hai hàng nước mắt rung rung, vừa khóc vừa nói:

– Thầy ơi! tôi mà gặp được thầy đây hoặc là tai nạn tôi gần mãn rồi chẳng! Vậy xin thầy hãy tạm ngồi nơi bóng cây đây, đừng tôi phân hết đầu đuôi lai lịch của tôi cho thầy nghe.

Tôi đây vốn thiệt con người Annam, tôi thiệt là tên Lang, còn họ chi thì tôi không biết. Mẹ tôi mất hồi nào tôi không biết được vì lúc họ bắt tôi thì tôi còn nhỏ quá, mới năm sáu tuổi chi đó, nên tôi không biết xứ sở tôi ở đâu; song tôi còn nhớ mảy cha tôi là người giàu có; chỗ chợ tôi ở đó phố xá gì bằng lá cải. Một đêm kia chừng lối canh tư, vùng nghe mờ trống đánh om sòm, thiên hạ đều la lửa cháy chợ. Tôi đang ngủ giật mình thức dậy, thấy cha tôi với người trong nhà bung dọn đồ đạc lẳng xằng; tôi chạy ra thấy lửa cháy sáng loà, nên cũng giật mình chạy hoảng xuống mé sông.

Ai dè dưới sông lại có một chiếc ghe chở trách trà đậu ngay tại bến. Người dưới ghe thấy tôi liền lên ẵm phút tôi xuống ghe lấy khăn nhét cứng miệng tôi, bỏ tôi dưới khoang. Tôi muốn la mà la không được. Rồi sau đó họ hỏi nhau chèo ghe mà đi, hể tới bữa cơm thì họ đem cơm xuống đút cho tôi ăn, họ lại dọa tôi rằng: nếu tôi khóc la thì họ mổ bụng. Tôi thấy cái dao nhọn quá nên tôi sợ mà nằm queo dưới khoang, chẳng dám rúc rích ho hen chi hết. Họ chèo ghe đi gần hai ngày, tới một chỗ kia đậu tại đó, chờ đến tối họ mới bỏ tôi lên xe bò đem tới sóc nầy mà bán tôi cho lão Mệ-sóc là người Cao Man mà rầy tôi hôm bữa thấy mới gặp tôi đó. Khi lão mua tôi rồi thì lão đặt tên tôi lại là Chăng-Cà-Mum theo Cao Man, lão lại bắt tôi kêu lão bằng cha, tung tiu dụ dỗ tôi, cho tôi đừng khóc. Đến khi tôi được tám chín tuổi, lão bắt tôi đi chăn trâu; từ đó về sau, hể tôi một ngày một lón chừng nào thì lão lại đầy xắt tôi chừng nấy; có nhiều khi tôi muốn trốn lão mà đi ngật vì tôi không rõ đường sá thế nào, không biết đâu là đâu, e đi không khỏi, rủi bị lão bắt lại được thì lão đánh chết, bởi vậy nên tôi còn lẩn lưa cho tới ngày nay. Chẳng dè ngày nay may mà tôi lại gặp được thầy thì có khi cái nạn ách của tôi đã gần mãn; song chẳng biết thầy có lòng háo

nghĩa mà ra tay té độ vót người trăm luân hay chẳng? Vả lại cha tôi vốn sanh có một mình tôi, mà từ ngày tôi thất lạc đến nay không biết cha của tôi thương nhớ buồn rầu mà gầy ốm thế nào, thiệt tôi làm con rất nên thất hiếu.

Nói tới đó, nàng vùng khóc rùng. Trần Trọng Nghĩa thấy vậy cũng động lòng, bèn kiếm lời ngon ngọt mà khuyên giải:

– Thôi, cô hãy an lòng, chớ khóc lóc làm chi, ráng mà nhẫn nhục một ít lâu, vì tôi làm thông ngôn dây thép, mới đổi lại Xà-tón ước vài tháng nay, nên khó mà cứu cô cho sớm được; vậy để coi có dịp nào, hoặc tôi xin phép, hoặc tôi xin đổi đi được, thì chừng ấy tôi sẽ lên mà chở cô theo, đem cô về miệt ngoài, rồi lần lần tôi thám dò tin tức cho biết ông thân cô là ai thì tôi sẽ giao cô cho ông.

Chăng-Cà-Mum nghe nói dứt lời, liền quì xuống mà lạy Trần Trọng Nghĩa và nói rằng:

– Được như vậy thì tôi quyết kết cỏ ngậm vành để đền ơn tái tạo.

Trần Trọng Nghĩa không cho nàng lạy, mà nói:

– Hễ là đáng làm trượng phu xử thế, thấy nghĩa thì làm, ấy là phận người phải vậy.

Và chàng thò tay vào túi móc đồng hồ ra coi thì đã quá mười một giờ rồi, liền mở túi lấy bánh mì, gà quay và đồ ăn đem ra, lại mời Chăng-Cà-Mum ngồi ăn với mình cho vui miệng. Lẽ thì Chăng-Cà-Mum mắc cỡ mà không ăn, nhưng vì hai người chuyện vãn này giờ, lòng dạ nhau đã thấu rõ, nên coi ra như tình anh em một nhà, chẳng ngại ngần chi nữa; phần thì nàng thấy Trọng Nghĩa ân cần mãi nên không lẽ chối từ, phải ngồi lại vừa ăn vừa nói chuyện.

Nguyên Chăng-Cà-Mum từ ngày lọt vào tay lão Mệ-sóc đến nay, năm nào tháng nào chỉ ăn rùng những đồ rau cỏ, bồ-hộc mà thôi, nay gặp đồ cao lương thì lấy làm quý trọng. Trần Trọng Nghĩa biết ý nên cứ việc ép nàng ăn mãi. Khi ăn uống xong thì đồng hồ đúng mười hai giờ, Trần Trọng Nghĩa bèn đình ninh dặn nàng hễ đếm đủ bảy ngày là nhằm ngày chúa nhật, cứ đem trâu ra lới đó mà cho ăn, thì sẽ có mình tại đó. Nói rồi chàng bèn từ giã lên ngựa ra về. Còn Chăng-Cà-Mum thì tỏ lòng quyến luyến, cứ đứng ngó trông theo chàng, đến khi chàng đi khuất cụm rừng mới trở lại.

Từ đó, ngày chúa nhật nào hai người cũng có đến chỗ hẹn hò mà đàm luận với nhau. Trọng Nghĩa lại đem sách văn và giấy mực theo mà dạy nàng học, ban đầu còn dạy chữ quốc ngữ, sau thấy nàng có khiếu thông minh, lần lần dạy qua tới chữ Lang sa...

Có lúc Mẹ-sóc lại sai nàng mang trứng gà trứng vịt xuống chợ Xà-tón mà đổi trâu cau, thì nàng dùng dịp ấy hỏi thăm nhà dây thép, tìm đến thăm và đem trứng gà mà cho Trần Trọng Nghĩa.

ĐỘNG LÒNG DU NGOẠN

*L*ần hồi ngày lui tháng qua, thấm thoát đã hai năm trời, nàng học chữ Lang sa cũng vừa thông chút đỉnh.

Việc ấy còn lâu; đây nhắc lại việc Trịnh Thế Xương; từ ngày tìm được con rồi, trong lòng mừng vui chẳng xiết; song nghĩ vì nhà mình giàu có, tiền của chẳng thiếu chi, nhưng mỗi ngày cứ ở không, ăn rồi lại ngủ, lúc thức trong nhà hoài, không biết đâu là đâu, rủi đến ngày hết số mà nhắm mắt đi rồi thì làm một con ma nhà quê, chi cho khỏi tiếng đời dị nghị! Nghĩ như vậy rồi, Thế Xương bèn sắm một chiếc ghe lồng, mui phen rộng rãi, có bốn tên bạn chèo, một đứa tôi trai, một đứa tớ gái, đồ ăn uống sẵn sàng, phú thác của nhà cho một người cháu kêu bằng cậu, tên là Triệu Bất Thanh; rồi dắt Đào Phi Đáng (Trịnh Phương Lang giả) theo tìm mấy nơi danh thắng, đăng có du san ngoạn thủy, mà chơi cho phí nguyền.

Trịnh Thế Xương lại nghĩ rằng: "Nếu ta muốn dạo chơi san thủy, thì có đâu xinh đẹp cho bằng cảnh Hà Tiên". Ông bèn biểu bạn đồ theo ngã kinh Vĩnh An, chèo thẳng qua Châu Đốc; ghé đó nghỉ ngơi, ăn chơi xong rồi lại theo kinh Vĩnh Tế mà qua Hà Tiên.

Khi đến chợ Tịnh Biên thì thấy hai bên núi non liền nhau, Trịnh Thế Xương bèn bảo bạn đậu lại đó vài ngày, dạo chơi cho biết mấy chỗ danh san thắng cảnh. Vì Trịnh Thế Xương vẫn có nghe người ta nói Tịnh Biên có đường đi bộ hai mươi ba ngàn thước, cách đó chừng vài ngàn thước, lại có một hòn núi tên là núi Cô Tô, núi này lớn lắm, đi chung quanh tính hơn hai mươi ngàn thước, trên núi ấy hiện nay có nhiều cảnh chùa của người Annam ở tu tại đó, từ dưới ngó lên thấy có hình như con sấu bằng đá.

Chung quanh theo núi đó, có bốn làng là Giải Âm, Cô Tô, Ô Lâm và Tầm Văn. Kế đó lại có hòn núi Nam Di, núi này người Cao Man lấy đất nắn nôi, nắn trách rồi đem xuống chợ Xà-tón mà bán cho ghe thương hồ mua góp đầy ghe rồi mới chở đi bán khắp trong Lục tỉnh. (Những ghe chở nôi trách đi bán đó, tục gọi là ghe Xà-tón). Gần núi Nam Di lại có hòn núi Lương Do; kế đó thì núi Giang Liên (tục danh là núi Đại) rồi tới hòn Phi Cấm (tục gọi là núi Cấm) hòn núi này cũng lớn và cao hơn hết, kế đó nữa là núi Tượng.

Khi ghe đậu yên rồi, Trịnh Thế Xương liền dắt con lên bờ, muợn xe ngựa chạy vô chợ Xà-tón. Đến nơi thì trời đã tối, xú sở lạ lùng, không nhà tá túc. Còn đang bối rối, xảy thấy một người trai tơ, ăn mặc chỉnh tề ở đằng kia đi lại. Trịnh Thế Xương liền kêu mà hỏi rằng:

– Cậu em, chẳng hay cậu em là người xứ này hay là người xứ nào tới đây mà du lịch?

Người trai tơ ấy đáp:

– Dạ, thưa tôi không phải người ở xứ này, mà cũng không phải người du lịch.

– Ủa! Vậy chớ cậu em là người chi, ở đâu mà đi đây?

– Dạ, thưa tôi là người gốc gác ở tại Mỹ Tho, làm thông ngôn dây thép, đổi lên đây đã hơn 2 năm rồi.

– Cơ khổ! Té ra thầy là thầy thông, vậy mà tôi lại kêu thầy bằng cậu em, xin kiếu lỗi!

– Dạ, không hề chi, bác là người tuổi tác, đáng đạo cô bác mẹ cha, dầu kêu vậy cũng chẳng lỗi chi.

– Thiệt, người có ăn học nói năng lễ nghĩa khôn ngoan quá, tôi chẳng nói giấu chi thầy, tôi là người du lịch, tới đây thăm tối lỡ làng, lại xú sở lạ lùng không nơi đình trú, thầy ở đây đã lâu, có khi quen biết cũng nhiều, vậy xin thầy làm ơn có biết chỗ nào chỉ cha con tôi ngủ đở một đêm thì cái ơn thầy rất trọng.

– Thưa bác, chỗ này nhà cửa sơ sài không có nơi tử tế; vả lại tôi nhắm bác đây là người giàu có phong lưu, thì tôi e không có chỗ xứng đáng. Vậy sẵn đây, tôi xin mời bác cùng linh ái hãy theo tôi

về nhà mà nghỉ; vì nhà tôi chưa dám gọi là đài các chi, song chiếu sạch ván tron, tưởng cũng đủ cho bác nghỉ lưng vài bữa.

Trịnh Thế Xương nghe nói rất mừng, vì đương buồn ngủ mà lại gặp chiếu manh, nên cảm tạ thầy thông chẳng cùng; liền theo thầy thông mà về nhà dây thép. Về đến nơi, Trần Trọng Nghĩa kêu thằng Mốc, hối dọn com nước cho cha con Trịnh Thế Xương ăn, rồi mình cũng ngồi lại ăn chung mà luận đàm thế sự.

Nguyên Trần Trọng Nghĩa vẫn là con nhà trâm anh thế phiệt, ăn nói khôn ngoan; cho nên trong lúc luận đàm có nhiều điều làm cho Trịnh Thế Xương hết lòng kính phục mà khen rằng:

– Thiệt thầy tuy còn nhỏ mà lời ăn tiếng nói của thầy nghe ra dường như kẻ đã lịch duyệt thế tình; thì tôi rất tiếc vì tôi với thầy gặp nhau rất muộn.

Đêm ấy, hai người đàm luận với nhau ý hiệp tâm đầu rất nên tương đắc. Trịnh Thế Xương lại tỏ ý mình muốn xem sơn thủy. Trần Trọng Nghĩa nghe nói, liền mỉm cười mà đáp rằng:

– May quá! Mai là ngày chúa nhật, tôi sẽ rảnh được mà đưa bác đi chơi, vậy thì trước hết ta đi xem phong cảnh núi Cô Tô là một hòn núi rất to hơn hết. (Thiệt, Trần Trọng Nghĩa chẳng hề quên hòn núi Cô Tô).

Đêm ấy, cha con Trịnh Thế Xương nghỉ ngơi tại nhà Trọng Nghĩa. Sáng ra bữa sau, trà bánh điểm tâm xong rồi, cha con Trịnh Thế Xương thì ngồi xe, còn Trần Trọng Nghĩa thì cỡi ngựa, kẻ trước người sau, nhằm Cô Tô trực chỉ.

Nguyên Trịnh Thế Xương từ bé đến chừ, những mảng cần cù lo bề buôn bán, trong ngoài muôn việc đều gom hết, xem sóc có một mình, tháng ngày ràng buộc chẳng hỏ cái tay; đến khi giàu có gia nghiệp trăm muôn, thì lại càng câu thúc hơn nữa, kể thấy con lạc mất; té ra sự cực nhọc rồi kể sự buồn rầu nó dồn dập tới hoài, cho nên chưa hưởng được một ngày thông thả. Nay tuổi đã tri thiên¹ thì coi ý ông ta đã muốn khô tâm với thế sự². Thế Xương mới nghĩ

1. 50 tuổi (ngũ thập tri thiên mạng).

2. Nhàm chán việc đời.

rằng: "Phàm người sanh trong thế, gấm cũng như một giấc chiêm bao; ba vạn sáu ngàn ngày, có mấy ai hưởng trọn; cho nên lúc còn trai là lúc khí huyết phương cương, ai ai cũng liều sống cố chết mà làm cho có sự nghiệp ra, để phòng khi bóng xế nhàn dẫu mà an hưởng lúc tuổi già cho qua ngày tháng. Nay ta đã may mà lập thành cơ nghiệp trăm muôn, lại khốn gì mà chẳng chịu hưởng sự thanh nhàn, để bo bo gồm lấy sự lo cho lao thần mệt xác! Lụi đụi tới số vô thường rồi, thì té ra cả đời ta là thằng mọi giữ của cho đời, chẳng ích chi cho ta mà cũng chẳng ích chi cho nhân quần xã hội!"

Bởi nghĩ cho nên ông ta mới phát tâm đi du ngoạn. Khi đi dọc đường thấy những kỳ hoa dị thảo, thủy tú sơn thanh, thì ông ta lại càng vui lòng hơn nữa.

GẶP NHAU MÀ KHÔNG BIẾT

Ấp những mảng trải xem san thủy mà xe ngựa đã gần kề bên chơn núi Cô Tô. (Trần Trọng Nghĩa vì ham săn bắn, nên còn đi sút lại sau). Tại đó lại có một bầu sen, nhằm lúc hoa sen đang nở, mùi thơm ngệt mũi, làm cho người du ngoạn càng thêm sảng khoái tâm thần. Trịnh Thế Xương còn đương mê mẩn, cứ đứng nhăm nhía đám sen; thỉnh linh dẫu lại thấy một nàng con gái ở dưới bầu sen tay cầm ba đóa hoa sen xấp xấp bước tới trước xe, dâng cho Trịnh Thế Xương mà nói rằng:

– Tôi đương cho trâu uống nước nơi mé bầu, thấy bác dùng xe này giờ đã lâu mà nhăm nhía hoa sen hoài, tôi biết chắc sao bác cũng là người yêu mến hoa sen, nên tôi phải bẻ ít bông đem dâng cho bác.

Trịnh Thế Xương xem lại nàng ấy, tuy áo quần rách rưới giống dạng tôi đòi mà hình dung yếu điệu, cốt cách phương phi, lại thêm lời nói dịu dàng, khiến cho người chạnh lòng thương xót; liền thò tay với lấy ba đóa hoa sen, lại móc ra năm đồng bạc trao cho nàng ấy mà thưởng công khó nhọc. Nàng ấy từ chối không được, phải lãnh lấy mà tạ ơn rồi lừa trâu đi mất. Đào Phi Đáng (con gái giả) trong lòng ganh ghét song chẳng nói ra, khi nàng ấy đi rồi thì mới thỏ thẻ mà nói với cha rằng:

– Sá chi đôi ba cái bông sen mà cha lại cho cái quân khốn như vậy tới năm ba đồng bạc?

Trịnh Thế Xương nói:

– Con nói vậy không nên đâu con! Chẳng phải cha trọng gì ba cái bông sen, ấy là thấy nó nghèo hèn rách rưới mà có lòng thảo lão như vậy, nên cha thương; vả lại thân nó cũng như thân con, chớ chi mà con chẳng đặng gặp cha, thì cái thân con lại hơn gì thân nó! Huống chi lời tục có nói: "Thương người như thể thương thân"; ngày nay mà con được sung sướng như vậy thì con cũng nên thương xót những người khó.

Cha con còn đang chuyện vãn với nhau, kể thấy Trần Trọng Nghĩa vừa tới. Trịnh Thế Xương bèn đem việc mình gặp nàng con gái ấy mà thuật lại cho Trọng Nghĩa nghe. Trần Trọng Nghĩa nghe nói thì nghi, quyết là nàng Chăng-Cà-Mum, vì biết không có con gái Annam nào ở đó, tuy nghi thì nghi vậy, song cũng giả ý lơ là, chớ chưa dám tỏ thiệt đầu đuôi chi hết cả.

TÌM PHƯƠNG ĐÀO TẮU

Mặt trời đã xế qua, ba người bèn dắt nhau trở về Xà-tón. Mà cũng lạ thay cho cái tình cốt nhục chẳng động đến mà đau. Trịnh Thế Xương về nhà đêm ấy nằm không an giấc, trong lòng bứt rứt, cứ thương nhớ nàng con gái đã cho mình ba cái bông sen hoài.

Sáng ra bữa sau, trà nước xong rồi, hai cha con bèn từ giả Trần Trọng Nghĩa rồi trở lại Tịnh Biên.

Đây nói về Thạch Quít, nay thấy Chăng-Cà-Mum đã khôn lớn rồi, bèn nói thiệt với cha mẹ xin ép nàng làm vợ. Cha nó là Thạch Ung thấy ý con như vậy cũng muốn tính phút cho rồi; liền kêu Chăng-Cà-Mum vào mà nói cho nàng hay việc ấy. Chăng-Cà-Mum nghe nói dường như sấm nổ bên tai, sáng sốt tâm thần, hồi lâu mới tỉnh lại, rồi từ chối hoài, khẳng khẳng một lòng quyết không ưng Thạch Quít. Thạch Ung dở hết sức không được, liền rút roi ra hòng làm dữ. Chăng-Cà-Mum liệu thế không xong, bèn giả chước thuận tùng, rồi sẽ lo phương đào tẩu.

Cha con Thạch Quít mừng lòng, bèn lo dọn dẹp cửa nhà, mời hết Cao Man nội sóc tới dọn bữa tiệc đãi đằng, chờ qua tới bữa sau sẽ cho hiệp cần.

Đêm ấy, Chăng-Cà-Mum không ngủ, cứ thao thức hoài chờ cho đến canh tư, cả nhà Thạch Ung đều ngủ hết. Nàng liền lén ra bắt một con bò, nhảy phóc lên đánh chạy như giông, thẳng ra Xà-tón.

Lúc ấy Trần Trọng Nghĩa đang ngủ mơ màng, giật mình thức dậy nghe tiếng Chăng-Cà-Mum thì nửa mừng nửa sợ (mừng ấy là mừng vì gặp mặt người quen, còn sợ là sợ lúc canh vắng đêm khuya, không biết duyên cớ làm sao mà Chăng-Cà-Mum lại ồn ào tới đó). Chàng liền mở cửa ra rước Chăng-Cà-Mum vào rồi hỏi rằng:

– Cô có việc chi khẩn bức lắm sao, cho nên đêm hôm khuya khoắt lặn lội tới đây, lại thêm khí sắc kinh hoàng, dường như sợ sệt chi lung lắm vậy?

Chăng-Cà-Mum đáp:

– Thầy ôi! Bấy lâu tôi nhờ thầy ân cần dạy dỗ, nên tôi cũng có nín nấp cho qua ngày, đợi chờ khi thầy có dịp mà cứu tôi. Không dè ngày nay lão Thạch Ung lại ép tôi cho con lão! Nếu tôi không ưng thì ắt cha con nó giết tôi, bằng mà ưng thì ưng sao cho được, thà là chết phứt cho rồi! Vì vậy cho nên đêm hôm rồi tôi chẳng quản cộp hùm, phải liều sanh tử mà trốn ra đây, may còn gặp được mặt thầy, ấy là ơn trời còn ủng hộ đó. Nay việc đã đến nỗi này rồi, thì cái thân bèo bọt của tôi đây dầu sống thác cũng nơi tay thầy, xin thầy thương xót.

Nói tới đó nàng vùng khóc rùng. Trần Trọng Nghĩa lấy làm bối rối, chưa biết tính làm sao, song sợ nàng khóc mà việc lậu ra, nên phải gắng gượng mà khuyên rằng:

– Cô chớ khóc lóc làm chi, sợ hai bên người ta nghe mà lậu việc, vậy cô hãy an lòng nằm đó nghỉ ngơi, kéo đêm hôm lộ đồ mệt nhọc. Tôi sẽ liệu thế mà cứu cô, xin cô chớ ngại.

Trần Trọng Nghĩa liền bước xuống nhà dưới kêu thằng Mốc thức dậy, hối nấu cà-phê rồi trở lên bàn viết ngồi đó, một mình suy tới nghĩ lui, hồi lâu mới nhớ lại ông Trịnh Thế Xương thì mừng rỡ vô cùng, bèn bước qua nói với Chăng-Cà-Mum rằng:

– Này cô, thật may quá, sẵn có ông Trịnh Thế Xương là người giàu có, ở bên Tân Châu qua đây mà đi du lịch, người mới làm quen với tôi mà coi ý người đúng một vị hiền nhơn quân tử, tánh tình trung hậu, cử chỉ khoan hòa, nay ghe người còn đậu tại Tịnh Biên, sáng mai này lại may mà nhằm ngày chúa nhật; vậy thì tôi tính đem cô ra đó mà gởi gắm cho người, hễ người nghe nói cô là người mắc nạn thì ắt đem lòng thương xót mà cứu cô. Nếu cô được về ở với người thì tôi mới an dạ.

Chăng-Cà-Mum nghe nói thì biết là người mà mình đã gặp tại bầu sen, trong lòng cũng mừng thầm, còn đương bàn tính với nhau, kế thấy thằng Mốc bung cà-phê lên, Trần Trọng Nghĩa liền hỏi thằng Mốc đi lo bắt ngựa thặng xe, còn mình thì lấy ra hai cái tách (tasse) khuấy sữa bò, chế cà-phê, xắt bánh mì ra rồi mời Chăng-Cà-Mum lót lòng với mình ba miếng. Khi ăn uống xong rồi, Trần Trọng Nghĩa lấy áo quần đờn ông của mình mà trao cho Chăng-Cà-Mum, biểu nàng phải cải dạng đổi hình mà đi đường cho đừng ai biết được.

Khi Chăng-Cà-Mum thay đồ đờn ông rồi thì hẩn nhiên như một thầy thông còn tơ, diện mạo rất tuấn nhã. Trần Trọng Nghĩa nhắm nhía một hồi rồi mỉm cười nói rằng:

– Thật tôi coi tướng cô giống như một thầy thông nào đó vậy, chắc không ai biết được sự tình của chúng ta đâu. Vậy hễ ai quen, gặp cô đi với tôi mà hỏi, thì tôi sẽ nói cô là em tôi, học trường Mỹ Tho mới thi đậu mà ra, nay đến thăm tôi. Đường ấy, ắt thần cũng chẳng hay mà quỷ cũng không biết được!

Chăng-Cà-Mum nghe nói cũng cười chum chim, nói rằng:

– Thật đã mười hai năm trời rồi, tôi mới mặc được đồ y phục của quê hương ta, vậy còn y phục Cao Man của tôi đây, phải làm sao bây giờ?

Trần Trọng Nghĩa nói:

– Việc ấy có khó chi, hãy xé tan xé nát mà bỏ xuống sông cho rồi, còn để làm chi!

Vừa dứt lời, thì thằng Mốc thặng xe đã xong, Trần Trọng Nghĩa bèn dặn dò thằng Mốc rằng:

– Thầy có việc gấp phải đi ra Tịnh Biên, vậy bậu ở lại coi nhà cho tử tế, nếu có ai hỏi thầy thì bậu cứ nói thầy đi săn bắn như mọi khi, chớ đừng có nói lậu việc chi mà không nên đa!

Nguyên tên Mốc này là một đứa đầy tớ rất trung tín với chủ mà lại siêng năng, cho nên Trần Trọng Nghĩa tin cậy lắm, hễ có đi đâu cũng phú thác việc nhà cho nó, chẳng hề sợ thất điều chi, vì vậy mà thầy trò đãi nhau như tâm phúc.

TỔ BÀY TÂM SỰ

Dặn dò thằng Mốc xong thì đồng hồ đã gõ năm giờ. Trần Trọng Nghĩa liền hối Chăng-Cà-Mum lên xe, rồi bốn thân cầm cương nhắm Tịnh Biên trực chỉ.

Lúc đi đường, hai người ngồi chung một xe, chuyện vãn với nhau ân hận tình nồng, tâm đầu ý hiệp, Trần Trọng Nghĩa bèn mở lời ướm thử nàng rằng:

– Cô ơi! Từ ngày đôi ta gặp nhau đến nay thì tôi tưởng cô là một người bạn hữu rất yêu dấu của tôi vậy. Nay cô đã thoát khỏi nạn rồi, tôi tính đem cô mà gởi gắm cho ông Trịnh Thế Xương đây, thẳng như người có lòng tốt, biết ái quả tuất cô, mà đem cô về tới xứ Tân Châu rồi, thì từ đây tôi với cô phải xa cách mặt nhau. Và lại, tôi là người làm việc nhà nước, thẳng như nay mai đây quan trên gởi giấy xuống đổi tôi đi tỉnh khác, hoặc ra Bắc, hoặc lên Lào, thì tôi với cô lại càng xa cách nhau hơn nữa. Chớ chi mà tôi với cô được làm anh em bạn ở chung một nhà hôm sớm có nhau thì dầu có thác, tôi cũng vui lòng, chẳng cần chi cưới vợ.

Trần Trọng Nghĩa và [vừa] nói và [vừa] lấy khăn mù-soa (mouchoir) ra mà lau nước mắt. Chăng-Cà-Mum nghe lời nói như vậy, thấy tình trạng như vậy thì đã hiểu ý chàng rồi, nên cũng động tình rung rung nước mắt mà đáp lại rằng:

– Thầy ơi! Từ ngày tôi gặp thầy đến nay, tôi thấy cử chỉ của thầy thì tôi đã đem lòng trộm dấu thâm yêu, song xét thân tôi bèo bọt phận hèn nên chưa dám hở môi là có ấy. Đến nay nghe thầy phân rõ mấy lời thì tôi đã hiểu ý thầy nên tôi cũng tỏ thiệt với thầy, chớ đến nỗi này còn giấu giếm nhau mà làm chi nữa!

Ngặt có một điều là cha con tôi đã xa cách đã lâu, chưa được gặp nhau, thì tôi đâu dám mơ ước tới điều vợ chồng. Vả lại thầy đây là on trọng nghĩa dày sánh tày tái tạo, lại thêm tánh nết ôn hòa, nếu thầy có dạ thương tôi thì tôi lấy làm may mắn vô cùng còn nhờ nơi nào khác cho hơn thầy được nữa sao? Nhưng vì trước tôi đã có lời hoàn nguyện với trời, nếu tôi không gặp được cha tôi thì tôi thề quyết chung thân bất giá¹ vậy xin thầy hãy an lòng mà đãi tôi như bạn hữu vậy thôi; thẳng như ông Trịnh Thế Xương có lòng tốt mà đem tôi về ngoài thì tôi sẽ hết lòng phục sự mà đáp ơn người. Thầy còn ở đây cũng vậy, tôi gởi thơ thăm viếng thầy luôn, nếu thầy có đổi đi đâu, xin cũng cho tôi hay, đừng tôi biết chỗ mà gởi thơ thăm viếng. Ví như tôi với thầy túc trái tiền duyên, thì một ngày kia trời cũng khiến cho tôi tìm được cha tôi, chừng ấy tôi sẽ quyết theo thầy sửa tráp nung khăn mà đền ơn tái tạo.

Trần Trọng Nghĩa nghe lời nàng nói hữu tình, thì sự thương mến càng thêm khăng khít, bèn nói rằng:

– Cô ơi! Thanh sơn bất lão, lục thủy trường tồn, một lời nói ra, ngàn năm ghi tạc! Chớ như tôi đây, quyết với cô kết tóc trăm năm, chớ chẳng phải như bọm quuyến gió rủ trắng đầu mà phòng vội. Một lời hứa của cô thì tôi cũng đủ an lòng. Lời xưa có nói: "Kiết nhon thiên tướng", mà cô được hiểu nghĩa như vậy thì phụ tử ắt cũng trùng phùng có thuở. Miễn là cô giữ gìn lời hứa cho bền, thì tôi cũng an lòng chờ đợi.

Lúc ấy thiệt là đường vắng mà tình dài, hai người còn đang tình tự với nhau thì xe đã tới Tịnh Biên rồi. Trần Trọng Nghĩa liền đem xe ngựa lại nhà quen mà gởi, rồi dắt Chăng-Cà-Mum đi xuống mé sông tìm ghe ông Trịnh Thế Xương.

TAI NẠN VỪA QUA

Lúc ấy Trịnh Thế Xương đương ngồi dưới ghe, ngó lên bờ thấy Trần Trọng Nghĩa đi với một thầy thông nào coi bộ đón dắc đường như kiếm ai, ông liền vội vã bước lên mừng rỡ hỏi rằng:

1. Chung thân bất giá: trọn đời không lấy chồng.

– Ủa! Thầy thông, hôm nay chúa nhứt, thầy rảnh mà đi chơi hay là kiếm ai mà coi bộ xung xăng lắm vậy? Còn thầy thông này ở đâu mà đi với thầy đây, xin thầy nói cho tôi biết mà làm quen kéo ra tình vô lễ!

Trịnh Thế Xương vừa nói vừa nhìn sững Chăng-Cà-Mum rồi nghĩ thầm trong lòng rằng: "Lạ này, thầy thông này sao cái gương mặt lại giống nàng con gái cho ta mấy cái bông sen hôm nọ dữ cà!" Nghĩ vậy rồi ông nói rằng:

– Vậy thì tôi mời luôn hai thầy xuống ghe tôi mà uống nước.

Trần Trọng Nghĩa và Chăng-Cà-Mum liền theo Thế Xương xuống ghe. Trà nước xong rồi, Trần Trọng Nghĩa bèn đem việc Chăng-Cà-Mum mắc nạn mà thuật hết đầu đuôi một hồi, rồi tỏ ý muốn gởi gắm nàng. Chừng ấy, Trịnh Thế Xương mới rõ thầy thông ấy là nàng con gái cho sen, bèn mỉm cười mà nói:

– Thiệt nãy giờ tôi lấy làm lạ, không hiểu có sao mà thầy thông này lại giống người con gái tôi gặp hôm nọ tại bầu sen gần hòn núi Cô Tô. Có thầy nói hết nguyên do thì tôi mới rõ, hèn chi hôm nọ, lúc tôi mới gặp nàng thì tôi đã có hồ nghi, tưởng không lẽ tại xứ ấy mà sanh được con gái phương phi yếu điệu như vậy, nay nghe thầy nói đây thì quả nhiên hỏm rày tôi nghĩ không sai. Vả lại thầy còn biết cứu người lạc nạn, tôi lại chẳng thương kẻ cố cùng hay sao, huống chi tôi tuổi đã tri thiên mà con cái thì ít, nay may gặp được nàng, tôi muốn dùng làm nghĩa minh linh¹, chẳng hay nàng tính lẽ nào, xin nói cho tôi nghe thử.

Chăng-Cà-Mum nghe nói rất mừng, liền cúi đầu lạy Trịnh Thế Xương mà thưa rằng:

– Vả tôi là người lạc nạn, hèn hạ cô cùng, may nhờ người có dạ đoái thương thì ngàn năm tôi cũng tạ dạ ghi xương, quyết kết cỏ ngậm vành mà đền ơn tri ngộ.

Trịnh Thế Xương thấy Chăng-Cà-Mum ăn nói khôn ngoan thì lại càng đem lòng yêu thương hơn nữa, bèn kêu Đào Phi Đáng (Trịnh Phương Lang giả) ra mà ra mắt nàng cho chị em biết mặt.

1. Minh linh: con nuôi.

Nguyên Đào Phi Đáng nãy giờ rình ở phía sau đã nghe rõ đầu đuôi sự tích của Chăng-Cà-Mum nên nghỉ ngại trong lòng, bèn tính thầm rằng: "Theo lời thầy thông dây thép thuật rõ cái lai lịch của nàng này đây thì ta định chắc nó là Trịnh Phương Lang, nếu để ông già này nuôi nó trong nhà; thoảng như sau mà lậu việc ra thì thân ta ắt khốn, vậy thì ta phải kiếm lời mà ngăn trở ổng mới xong". Còn đang suy tính một mình, vùng nghe tiếng cha kêu, ả liền bước ra làm bộ lơ là dường như không hay không biết chi vậy! Trịnh Thế Xương bèn chỉ Chăng-Cà-Mum mà thuật hết đầu đuôi các việc. Đào Phi Đáng giả ý suy nghĩ một hồi lâu rồi nói:

– Cha có lòng nhon hậu mà thương xót người bản tiện cô cùng, thì con cũng vui lòng lắm chứ. Ngặt vì nàng này lai lịch bất minh, biết lời nàng nói vậy mà có thiệt hay chẳng? Lời xưa có nói: "Biết người biết mặt khó biết lòng" như nàng là gái lộn chồng, hoặc con trốn cha, hay là đây tở trốn chủ, mà cha nuôi chứa trong nhà thoảng như ngày sau có thể nào thì chi cho khỏi phải mang lấy tai bay họa gởi. Lời tục nói: "Thương là hại" xin cha hãy xét cho kỹ càng.

Trịnh Thế Xương nói:

– Lời con nói như vậy cũng phải, nhưng sánh theo kẻ thường nhon cà; chứ như nàng này đây ngôn từ phong nhã, cử chỉ đoan trang, ấy rõ ràng là một gái hiền lương, chứ chẳng phải người xảo trá; huống chi cha sẵn lòng làm phúc, mà lại gặp dịp, chẳng may hay sao? thôi con hãy an lòng, chứ nghỉ ngại điều chi mà tội nghiệp cho người lưu lạc!

Lúc ấy có con đầy tớ gái của Trịnh Thế Xương tên là Thị Phụng đang hầu trà nước một bên, nghe chủ nói như vậy thì cũng xen vào mà rằng:

– Thiệt ông tôi là người đại độ lời nói rất nhon từ, không hiểu làm sao mà tôi thấy diện mạo cô này, nãy giờ trong lòng tôi nói bất thương da thương diết.

Trịnh Thế Xương nghe nói mỉm cười, bèn hỏi Thị Phụng:

– Nếu ông đem nàng này về mà nuôi làm con thì con có vui lòng theo nàng mà phục thị hay chẳng?

Thị Phụng vốn là con nhà vi tiện, có tánh hiền lương, song từ ngày vào phục thị Đào Phi Đáng đến nay thì đã bị đánh chưởi [chửi],

khổ khổ nhiều bề, chịu đũa không nổi, nay Thị Phụng nghe chủ hỏi như vậy thì mừng rỡ chẳng cùng, bèn đáp rằng:

– Tôi xem cử chỉ của cô này đây thì tôi chắc là người hiền đức; nếu tôi được theo người, thì dầu cho đến thác, tôi cũng vui lòng hầu hạ.

Trịnh Thế Xương nghe nói cũng vui lòng bèn dạy lại chuyện trò cùng Trần Trọng Nghĩa, còn Trọng Nghĩa thấy Trịnh Thế Xương có lòng nhơn hậu, lại thêm con đòi cũng có dạ hiền lương thì mừng cho Chăng-Cà-Mum đã được chỗ nương thân, chẳng còn ngại ngần chi nữa. Trà nước xong rồi, Trọng Nghĩa liền đứng dậy ân cần từ giã Trịnh Thế Xương và Chăng-Cà-Mum đang trở về Xà-tón. Trịnh Thế Xương và Chăng-Cà-Mum cũng theo đưa lên bờ, tỏ tình quyến luyến. Trịnh Thế Xương lại dặn dò Trọng Nghĩa khi có rảnh việc quan, xin hãy qua Tân Châu mà chơi một chuyến. Dứt lời rồi, ông liền từ biệt xuống ghe. Chăng-Cà-Mum thì nán lại mà tình tự đôi lời cho thỏa tình luyến ái. Hai người chuyện vãn hồi lâu, Trần Trọng Nghĩa định ninh trần trọng vài lời, rồi mới lau nước mắt dứt tình lên xe giục ngựa. Chăng-Cà-Mum giọt lụy chan hòa, cứ đứng ngó trông theo hoài cho đến khi xe đi khuất.

Trịnh Thế Xương thấy Chăng-Cà-Mum xuống ghe rồi, liền hối bạn nhỏ sào trở về Châu Đốc.

Khi về đến Châu Đốc, ông bảo bạn đậu ghe lại đó, Trịnh Thế Xương hối bạn lên chợ mua ăn, rồi một mình cũng xách dù đi lên chợ dạo chơi. Đi một hồi lâu, ông mới trở xuống ghe, ôm một gói đồ đã mua trên chợ, vắn, nhỏ, xuyên, lạnh đủ các thứ hàng Tàu (vì lúc ấy chưa có hàng Bắc) Trịnh Thế Xương kêu Chăng-Cà-Mum mà cho, biểu may áo quần mà mặc. Đào Phi Đáng thấy vậy lại càng bực gan, song chẳng chi, cứ thầm tính trong lòng, toan mưu mà trừ khử.

Khi bạn bè mua chác xong rồi, Trịnh Thế Xương liền hối bạn nhỏ neo trở về Tân Châu.

Về nhà, Trịnh Thế Xương bèn dạy đứa ở dọn một phòng riêng cho Chăng-Cà-Mum nghỉ ngơi, cách cư xử đãi nàng như con ruột vậy. Từ đó, ông cứ lấy tình cha con mà xưng hô.

Trịnh Thế Xương lại nghĩ rằng nàng là con gái Annam, nếu lấy theo tên Cao Man là Chăng-Cà-Mum mà kêu hoài, thì nghe ra bất nhã, bèn đổi tên lại, cứ Thị Quế mà kêu.

(Bởi Trịnh Thế Xương thấy con ruột tên Lang, nay gặp được một đứa con nuôi, nên mới đặt lại là tên Quế, ấy là người có ý lấy câu: "Lang Quế đặng phương", đặng ước trông ngày sau cho nhiều con cháu đó).

Cách ít ngày, quần áo may xong, Thị Quế (Chăng-Cà-Mum) thay đổi y phục vào rồi thì diện mạo chẳng kém chi con nhà trâm anh thế phiệt, nhưng mà nàng có tính siêng năng, mỗi ngày thường săn sóc việc nhà, từ trong tới ngoài chẳng hề để sót sai một việc. Trịnh Thế Xương thấy vậy lại càng thương yêu mừng rỡ chẳng cùng, duy có một điều là nàng chẳng biết nấu ăn, vì bấy lâu việc bếp núc có ai mà dạy dỗ! Trịnh Thế Xương bèn chọn người nấu nướng và may vá giỏi, muốn đem về dạy Thị Quế cho lành nghề. Từ đó, Thị Quế ban ngày thì học uôm học dệt, lại học nấu ăn và làm các thứ bánh kia bánh nọ, còn ban đêm thì đọc sách, khi tập tành thêu tía vá may, chẳng đầy ba tháng trời mà trong việc nữ công, nghề nào cũng khéo.

Bởi đó cho nên từ trong nhà cho tới xóm giềng, ai thấy tánh nết của nàng cũng đều thương mến. Duy có một mình Đào Phi Đáng thì ghét đặng ghét cay mà thôi. Trịnh Thế Xương biết ý con mình, nên cũng thường khuyên răn dạy dỗ.

Còn Thị Quế, tuy là nhờ Trịnh Thế Xương hậu đãi mà được no cơm ấm áo mặc dầu, song biết ý Phi Đáng không ưa, cho nên ngày đêm thường ái ngại. Nhưng cũng may nhờ có Thị Phụng hủ hỉ hôm mai nên nàng cũng được vài phen khuấy lãng.

GIAN NAN CHUA DỨT

Đây nói qua việc cháu ông Trịnh Thế Xương là Triệu Bất Thanh, kêu Trịnh Thế Xương bằng cậu, cha mẹ mất sớm. Trịnh Thế Xương nuôi ở nhà, mới 22 tuổi mà tánh tình phóng dăng, cờ bạc rượu trà, lại thêm có bệnh phong tình, sớm muộn tới đào, trua chim chiều gió, vì vậy cho nên Trịnh Thế Xương ít hay tin cậy, hễ có đi đâu thì giao cho anh ta coi chừng vậy thôi, chớ tiền bạc thì ổng cất kín có nơi, chìa khóa đem theo bên mình, chẳng dám hề rời ra trong giây phút.

Bữa nọ, Trịnh Thế Xương đi tắm, rủ bỏ quên chìa khóa trong phòng, Triệu Bất Thanh nắm được, len mở tủ lấy hết một ngàn đồng, lật đặt khóa tủ, để chìa khóa lại không nhầm chỗ cũ, len len bước ra, rủ gặp Thị Quế đi ngay cửa phòng ngó thấy, Thị Quế bèn đón lại mà hỏi rằng:

– Cha tôi đi tắm, chẳng hay anh vào đó làm chi?

Triệu Bất Thanh trong mình có tịch, mặt mày coi bộ dớn dác, song cũng gắng giọng kiểm lời mà nói trớ:

– Tôi vừa đi ngang qua đây, nghe trong phòng cậu có tiếng chi, xao động, nên tôi vào đó mà coi, té ra tôi thấy con mèo rượt bắt chuột, chó chẳng có chi lạ, nên tôi trở ra, kể gặp cô đây. Vả lại cậu tôi thấy tôi đi chơi bời, nên người cấm nhặt chẳng cho tôi vô phòng này, nay tuy là nghe động nên vào mà coi chừng thì mặc dầu, chó hễ cậu tôi hay dạng thì cũng rầy tôi nặng lắm. Vậy xin cô kín miệng giùm cho tôi.

Thị Quế là người hiền lương nhơn hậu, lại tánh không sanh chuyện, thấy Bất Thanh năn nỉ như vậy nên cũng rằng, chẳng mét thót làm chi, Bất Thanh mừng rỡ giả ơn rồi bước đi mất. (Theo cò bạc đa!).

Trịnh Thế Xương tắm gội vừa xong, vùng sực nhớ lại xâu chìa khóa bỏ quên, liền vội vã trở vào phòng mà kiếm. Chừng kiếm xâu chìa khóa rồi thì mừng, té ra hồi lâu nhớ lại chỗ mình kiếm được đây không phải chỗ bỏ quên hồi nãy. Trong lòng sanh nghi, ông liền mở tủ coi lại thì biết mất hết mười tám giấy bạc một trăm đồng. Trịnh Thế Xương bèn trở ra kêu Đào Phi Đáng mà nói mất bạc và hỏi coi nãy giờ có thấy ai đi vào phòng hay không.

Nguyên Đào Phi Đáng từ ngày thấy Thị Quế (Chăng-Cà-Mum) về ở trong nhà tới nay thì đem lòng đổ kị, lập tâm chờ dịp mà hại nàng. Nay sẵn cuộc rất may, bèn trả lời rằng:

– Tôi thấy con Ba¹ vô đó hồi nãy, song không dè mà nó dám cả gan như vậy, nên tôi không hỏi nó làm chi, bây giờ cha hô mất bạc đây thì tôi chắc là nó lấy, chó không ai vô đó bao giờ! Thiệt cha

1. Trịnh Thế Xương sanh có một mình Trịnh Phương Lang là con nên kêu thứ Hai; nay nuôi thêm Chăng-Cà-Mum làm con nữa, nên kêu thứ Ba.

tôi quá, những quân bá vợ bá vất ở đâu cũng đem hương về nuôi, nay nó trả ơn cha đó, thấy không? Kéo lúc nó tôi cần cha mà cha cũng chẳng nghe, nay nó lấy được một ngàn đây thì mai một nó lấy hết nhà, có khi cha cũng không hay không biết, vậy mà cha còn cần còn thương nó nữa thôi!

Trịnh Thế Xương vẫn biết Thị Quế tánh tình trung hậu, song nghe Phi Đáng đề quyết thì ông cũng phát huy, bèn nói:

– Thôi con hãy về phòng con đi, để cha kêu nó mà hỏi thử coi, rồi cha sẽ liệu.

Lúc ấy Thị Phụng đứng gần ngoài cửa rình nghe rõ hết đầu đuôi, trong lòng căm giận Phi Đáng vô cùng, song chẳng dám nói gì, để coi chủ mình liệu sao cho biết. Chập lâu Trịnh Thế Xương bèn cho kêu Thị Quế vào mà hỏi rằng:

– Con làm chi lui cui dưới bếp vậy con?

Thị Quế nói:

– Dạ, con thấy cha hay ăn gỏi nhộng, nên con biểu con Phụng đi mua một mớ nhộng tươi của trên xóm nó mới uơm đem về, con đương băm đu đủ đắng trộn gỏi để cha uống rượu.

Trịnh Thế Xương thấy Thị Quế tánh tình hiếu thuận, mỗi ngày thường lo săn sóc từ miếng ăn miếng uống cho mình nên đã đem lòng thương yêu hơn con ruột, nay thấy Thị Quế như vậy thì lại càng thương yêu hơn nữa, chẳng nỡ hỏi nàng về sự mất bạc ấy. Ngặt vì số bạc thì nhiều, phần thì nghe Phi Đáng nói vậy, nên cũng phải hỏi lơ là, chớ kỳ trung, thiệt chẳng có một mảy nào mà nghi cho Thị Quế. Ông bèn hỏi khéo rằng:

– Nãy giờ con có vô phòng cha không?

– Dạ, thưa không.

– Vậy chớ con có thấy ai vô đó không?

– Thưa không.

– Nội nhà đây, tôi trai, tớ gái cũng nhiều, vậy chớ con có thấy đứa nào vô đó thì con nói ngay, chớ có sợ chi mà giấu giếm.

– Thừa cha, thiệt con mắc lui cui trong bếp nãy giờ, không thấy chi hết thấy. Chẳng hay có việc chi hay sao mà cha hỏi con như vậy?

– Không, không có việc chi, cha bỏ quên cái ống điều đầu mất, không biết đứa nào mà vô đó mà lấy hay không, như con không thấy đứa nào vô đó thì thôi, chớ không có điều chi lạ.

Thị Quế đi xuống bếp, thì Thị Phụng chạy theo mà hỏi nhỏ rằng:

– Cô Ba, cô có biết ông hỏi cô hồi nãy đó là ý gì không?

Thị Quế nói:

– Không, nào chị có hay biết điều chi đâu em, vậy chớ việc chi mà em lại hỏi chị như vậy?

Thị Phụng liền ngó sững Thị Quế, hai hàng nước mắt rung rung mà rằng:

– Cô ơi tôi thấy cô là người hiền đức, tôi thương mến cô vô cùng, nên tôi phải nói cho cô hay mà liệu trước, từ ngày cô về ở trong nhà này, thì cô Hai đã chẳng biết thương cô, mà lại còn đem lòng đố kị, hễ ông tôi thương cô bao nhiêu thì cổ lại càng ghét cô bấy nhiêu. Hồi trưa này ông tôi đi tắm, bỏ quên chìa khóa trong phòng, không biết quân gian nào lỏn vào đó, mở tủ ăn cắp hết một ngàn đồng, khi ông tôi tắm trở vô mới hay mất bạc, bèn kêu cô Hai mà hỏi, thì cô để quyết rằng cổ thấy cô vô phòng hồi nãy, chắc là cô lấy bạc ấy chớ không ai, nên ông mới kêu cô mà hỏi là có ý đó. Tôi vẫn biết ý ông tôi thiệt chẳng có lòng nào nghi cho cô, nên mới hỏi cô lo là chớ không nói qua việc mất bạc. Tuy vậy, cô cũng phải giữ lấy mình cô, vì tôi ở đây lâu nên tôi cũng biết tánh cô Hai, thiệt là người sâu sắc, độc ác vô cùng, nếu chuyện này mà cổ hại chẳng dặng cô, thì khi khác cổ cũng hại thâm cho được mới nghe!

Thị Quế nghe nói rưng rờ, liền rưng rưng nước mắt:

– Em ôi! Em có lòng thương chị mà nói như vậy thì chị mới hay, chớ xưa rày chị cũng biết ý chị Hai, song không dè mà lòng dạ chỉ độc ngầm cho đến thế! Nếu như quả vậy thì chị ở đây sao được yên, chi bằng chị lánh thân thì xong hơn, ngặt vì chị tứ cố vô thân, biết đâu mà nương dựa!

Nói tới đó, Thị Quế vùng ôm Thị Phụng mà khóc rùng, tôi có nghe nói cô được thơ của thầy thông Nghĩa gởi thăm cô và nói cho cô hay rằng thầy đã đổi ra Châu Đốc rồi, vậy thì cô hãy lên vô trốn đỡ trong nhà mẹ tôi tại làng Phú Hội Đại đây, cũng ở theo lòng kinh Vĩnh An này, rồi viết thư cho thầy thông Nghĩa hay, hoặc may thầy có quen biết chỗ nào mà gởi gắm cô rồi sau sẽ liệu. Sẵn ngày mai này, ông có sai tôi đi về trồng cây mẹ tôi mua giùm cho ông một cặp ngỗng để nuôi, vậy tôi dùng dịp ấy mà nói cho mẹ tôi hay trước.

Thị Quế nghe nói mới nhớ lại Trần Trọng Nghĩa, trong lòng mừng thầm, bèn nói với Thị Phụng:

– Nói vậy thì hay vậy, em chớ khá hờ môi, để chị tính lại coi, một vài ngày sẽ liệu, song ngày mai em có về trồng thì em cũng nên cho dì hay trước đi.

Đêm ấy, Thị Quế trần trọc một mình nằm không an giấc, bèn nhớ lại lúc gặp Triệu Bất Thanh thì định quyết bạc này ắt Triệu Bất Thanh lấy chớ không ai, ngặt vì mình đã hứa lờ với người rằng không mét thót, nếu như nay mình nói ra thì té ra mình thất tín với người. Đã vậy mà Hai Lang lại có lòng ganh ghét, như phen này mà nó không hại được mình thì phen khác nó cũng ghe ngày mà ám hại chớ chẳng không! Chi bằng mình lánh thân trước, thì hay hơn là nói ra đã chẳng ích chi cho mình, mà lại còn mang câu thất tín. Nghĩ như vậy rồi, Thị Quế nhứt định quyết đi, liền lấy bút mực ra viết sẵn một bức thư giấu dưới đầu nằm, rồi mới tắt đèn mà ngủ.

Qua đêm sau, vừa bước đầu canh hai, trong nhà đều ngủ hết, Thị Quế bèn kêu Thị Phụng dậy rồi khóc mà nói rằng:

– Em ơi, từ ngày cha chị mang chị về đây, thiệt người đã hết lòng hậu dưỡng, lẽ thì chị ở đây cung phụng cho trọn đời mà đền ơn dưỡng dục, ngặt vì chị Hai đem lòng say độc, thế chị ở không yên, nên cực chẳng đã, chị phải lánh thân cho vừa lòng chị, ngặt cha chị tuổi tác đã già, trong con uơu yếu, sở cậy có em, xin em ráng hết lòng với chị mà săn sóc thuốc men, chớ như chị Hai, tuy là con ruột mặc dầu, chớ tánh chỉ thiệt không phải người hiếu hạnh, sẵn của tiền thì chỉ ăn mặc cho phỉ phê, chớ đến khi cha chị có uơu yếu thế nào thì ắt chỉ cũng phú liệu cho tôi tớ. Nay chị đã quyết dạ ra đi, vậy thì bao nhiêu quần áo của cha chị may sắm cho chị

thuở nay đây thì chị để lại hết. Chị cứ mặc đồ của thầy thông cho chị lúc nọ đang giả dạng con trai mà đi đường cho dễ, và cũng có ý làm cho cha chị biết cái lòng ngay thật của chị khứ lai minh bạch vậy thôi, đến khi chị ở đâu được yên nơi yên chỗ rồi, chị sẽ gửi thơ về cho em hay, song em cũng ráng mà kín miệng giùm cho chị.

Vừa nói, Thị Quế vừa nắm tay Thị Phụng mà khóc ròng. Thị Phụng thấy vậy cũng động lòng, cùng khóc tấm tức tấm tuối mà nói:

– Từ ngày cô về ở đây đến nay, hôm sớm tôi cũng nhờ cô dạy dỗ, nếu nay mà cô đi rồi thì cô để thương để nhớ lại cho tôi. Sẵn ông có mua cho tôi một cái quần lãnh và một cái áo xuyên nu để dành bạn Tết, nay cô đi mà trần trụi như vậy, thì của ấy tôi để làm chi!

Nói rồi, Thị Phụng liền chạy về phòng mình lấy quần áo ấy đem qua mà rằng:

– Vậy thì cô lấy đồ quần áo của tôi đây đang đem theo mà thay đổi.

Thị Quế từ chối năm ba phen mà không được, lại thấy Thị Phụng có dạ chí thành, nên phải ngửa tay mà thọ ơn Thị Phụng, rồi chỉ cái thơ cho Thị Phụng:

– Nay em, cái thơ này của chị để lại từ tạ cha chị đây, để chị đi khỏi nhà rồi, sáng mai em giả đồ giở cái gối chị lên mà lượm cái thơ, rồi em đưa tới tay cha chị, chớ đừng có đưa cho ai.

Thị Quế liền đứng dậy lén ra ngõ sau, Thị Phụng mở cửa đưa ra, lại trao cho Thị Quế một cái rổ may nhỏ mà nói rằng:

– Nay là cái rổ may của mẹ tôi sắm cho tôi chơi hồi thuở nhỏ, cô hãy đem theo, khi vô khỏi ranh làng Long Phú này rồi, tại đó có một cái đình, ấy là đình của làng Phú Hội Đại. Hễ bỏ cái đình chừng ba cái nhà, đếm tới cái nhà thứ tư, trước cửa có một cây gáo vàng, dưới bến sông có cái cầu vĩ bằng tre, ấy là nhà của mẹ tôi là bà Năm Thọ đó. Cô vô đó rồi đưa cái rổ may này và thuật chuyện của tôi với cô tính đây, thì mẹ tôi ắt tin mà giấu đỡ cô trong nhà một vài ngày, đợi chờ tin thầy thông dây thép.

Dặn dò xong rồi, hai đảng mới từ giã nhau, kẻ ở người đi, thiệt là bi hình thảm trạng!

Thị Quế đi rồi, Thị Phụng bèn trở vào đóng cửa lại, tắt đèn mà ngủ. Trong nhà không ai hay biết chi hết.

Còn Thị Quế ra khỏi nhà thì cứ theo đường kinh mà đi thẳng, gần hết nửa canh tư mới tới nhà Thị Phụng. Nàng nhìn chắc chắn trước cửa có cây gáo vàng rồi mới bước vào kêu cửa. Trong nhà có một người đàn bà trạc lối ngoài năm mươi tuổi bước ra mở cửa rồi hỏi rằng:

– Người ở đâu lạ mặt, đến kêu cửa tôi đang lúc nửa đêm, chẳng hay có việc chi chăng?

Thị Quế nói:

– Chẳng hay nhà này có phải nhà bà Năm Thọ, mẹ của Thị Phụng đây chăng?

– Phải. Ủa! Mà thầy ở đâu lạ, vốn tôi thuở nay chưa biết, sao thầy biết nhà tôi mà hỏi thăm?

Thị Quế liền đưa cái rổ may của Thị Phụng ra và tỏ thiệt hết đầu đuôi các việc. Bà Năm Thọ nói:

– Cơ khổ dữ chưa, nói vậy cô đây là cô Ba phải không? Hồi sớm mai này con Phụng nó có về đây mà nói với tôi, song mắc cô mặc đồ đòn ông, nên tôi không biết. Nãy giờ tôi nhắm nhía cô hoài, tưởng là thầy thông nào mới lại!

Bà vừa nói vừa đi trải chiếu rồi nhúm lửa un muối cho Thị Quế nghỉ.

Đây nhắc lại chuyện ông Trịnh Thế Xương, sáng bữa ấy đã ngoài bảy giờ mà không thấy Thị Quế đem trà vào như mọi bữa. Ông bèn kêu Thị Phụng mà nói rằng:

– Cô Ba con nó còn ngủ hay sao, mà chưa thấy nó đem trà cho ông uống?

Thị Phụng giả ý vào phòng mà kêu, rồi hơ hải chạy ra nói:

– Cô Ba đi đâu không biết mà quần áo cô gói lại để đó y nguyên, lại có phong thơ gì để trên đầu nằm cô đây!

Trịnh Thế Xương nghe nói sanh nghi, liền với lấy phong thơ giở ra xem thử coi thơ gì cho biết.

Bức thơ ấy như vậy:

"Con kính lạy cha trăm lạy, xin dung lỗi cho con, từ ngày con mang ơn cha trị ngộ, đem con về nhà hoạn dưỡng đến nay, on trọng đức dày, sánh tày non biển; đã biết rằng không sanh mà có dưỡng, sanh dưỡng ấy đạo đồng, lẽ thì con phải kết cỏ ngâm vành mà báo đáp cho vừa, ngặt con thấy lòng dạ chị Hai, đã chẳng biết thương lại đem lòng tật đố, con xét phận con thế ở chẳng yên, nên phải tìm phương mà lánh trước. Chỉ như một ngàn đồng bạc của cha bị mất đó, xin cha hãy suy xét lại cho con nhờ. Vả phận con cô độc, bà con chẳng có, cô bác cũng không, mặc ấm ăn no thì đã quá phận, còn lấy tiền bạc nữa làm chi! Vậy mà chị Hai chẳng có dạ nghĩ suy, lại vu lấy tiếng nhờ cho con chịu? Trên có trời, dưới có đất, xin chúng chiếu lòng con, còn số bạc của cha bị mất hôm qua, xin cha hãy dòm kỹ lại trong nhà, người nào lấy chắc ngày sau cha cũng rõ. Bao nhiêu đồ y phục của cha sắm cho con, con đã gói phong để lại y nguyên, một manh áo con cũng không dám lấy. Vậy từ đây con đi lánh xa, nếu kiếp này dầu con không được báo đáp ơn thâm thì kiếp khác con cũng nguyện làm thân trâu ngựa mà đền bồi nghĩa trọng".

TRỊNH THỊ QUẾ
liềm chấm bá bái kính tho.

Trịnh Thế Xương đọc thơ rồi thì khóc ròng, liền hối tôi tớ trong nhà phân nhau đi kiếm cùng xứ khắp nơi, kiếm trọn một ngày mà không thấy tin tức chi hết.

Rồi đó, Trịnh Thế Xương bèn bảo Thị Phụng đem hết quần áo của Thị Quế ra hong phơi cho tử tế, lại xếp hết để vào trong rương đem vào phòng mình mà cất.

Từ đó về sau, hễ mỗi khi ông nhớ tới nàng thì ông lại đem y phục của nàng ra mà nhìn, nhìn rồi lại khóc. Nội cả nhà cho tới xóm giềng, ai nấy cũng đều nhớ thương Thị Quế. Duy có một mình Đào Phi Đáng thì hớn hở vui mừng, lấy làm đắc ý. Đã vậy mà từ ngày được ông Trịnh Thế Xương nhìn lầm đem về làm con đến sau, no cơm ấm áo sung sướng muôn phần, bao nhiêu nghĩa cũ tình xưa thấy đều quên ráo, có nhiều khi hoặc đi Tư bán cá, hoặc là Lâm Trí Viễn qua đó thăm nàng, thì nàng cứ núp ẩn trong phòng, không thềm ra mắt, làm cho hai người ấy ôm oán ngâm hờn, quyết chờ dịp báo nàng chơi cho bõ ghét.

Mà thường con người ta ở đời, hễ ăn no rồi thì sanh tệ; lúc hèn hèn thì bỏ luột bỏ lem, khi sung sướng lại làm kiêu hãnh.

Vì vậy cho nên bữa bữa, Đào Phi Đáng thường bảo Thị Phụng nấu nước thơm rồi bắt tắm gội kỳ mảy cho mình. Chẳng dè cái bột son muốn vẽ đã gần ba năm, bị tắm nước và kỳ mài chà xát thường quá, cho nên càng ngày nó càng phai lợt. Thị ta tính muốn đi Sài Gòn muốn thấy về lại, song chưa có dịp mà đi. Thoảng mắng lần lựa tháng ngày mà cái bột son đã gần bay mất. Tuy vậy mà Đào Phi Đáng cũng không lo, nghĩ vì không lẽ ai đi xét trong mình mà lo gấp. Chẳng dè kẻ có tình hay rình người vô ý. Thị Phụng mỗi khi tắm rửa kỳ mài cho Phi Đáng thì thường hay coi chừng cái bột, thấy sao càng bữa càng lu, rồi lần lần bay mất. Trong lòng phát nghi, song Thị Phụng chưa dám nói ra, còn ôm ấp trong lòng chờ có dịp sẽ nói cho ông chủ nhà mình biết.

OAN GIA CÒN BẠN

Sớm về Thị Quế từ bữa lánh thân vô ở đậu nơi nhà mẹ Thị Phụng là bà Năm Thọ, nàng tính mượn người đem tin cho Trần Trọng Nghĩa hay, song sợ lậu nên còn dùng dằng chưa dám. May đâu bà Năm Thọ lại còn một đứa con trai là em Thị Phụng, được chừng 14, 15 tuổi, tên là thằng Bưởi. Thị Quế bèn năn nỉ với bà Năm Thọ, mượn thằng Bưởi mang thư qua Châu Đốc, tìm đến nhà dây thép mà giao cho thầy thông Trần Trọng Nghĩa.

Đêm ấy bàn tính xong rồi, Thị Quế viết thư sẵn sàng, chờ trời hừng sáng cho thằng Bưởi đi qua Châu Đốc.

Chẳng dè Thạch Quít từ ngày Chăng-Cà-Mum đào tẩu, thì hẩn đi tìm kiếm khắp nơi, muốn ghe và muốn ba người bạn Annam, giả đi bán thuốc, đụng làng nào hẩn cũng lôi tới.

Ngày ấy hẩn đi ngang qua đó, thỉnh linh liếc thấy dạng Chăng-Cà-Mum, bèn làm thỉnh đi bán nơi khác, chờ cho trời tối, trở lại rình núp ngoài nghe rõ hết. Hẩn liền trở xuống hỏi bạn chèo ghe vô đến nửa kinh, lựa chỗ vắng vẻ đậu đó chặn đường thằng Bưởi:

— Mày cầm cái giấy gì đó, mày cho tao coi một chút thì tao thả mày đi, nếu mày la làng thì tao chém chết!

Thằng Bưởi thất kinh phải đưa cái thơ ra cho Thạch Quít (nguyên Thạch Quít này lúc trước có học tại trường Xà-tón ba năm, nên nó biết coi chữ quốc ngữ).

Thạch Quít lấy được cái thơ rồi mở ra mà coi.

Thơ ấy như vậy:

Phú Hội Đại, ngày ... tháng ... năm ...

"Bạn hữu rất yêu dấu ơi!

"Kính thăm thầy an hảo, từ ngày tôi mang ơn thầy gởi gắm tôi cho ông Trình Thế Xương, thì người cũng hết lòng thương yêu tôi như con ruột, ngặt vì đứa con gái của người lòng dạ rất hiểm sâu, thế ở chẳng yên, nên tôi phải lánh thân, tìm nơi ký ngụ. Hiện nay tôi ở lại nhà bà Năm Thọ, gần đình làng Phú Hội Đại, nếu thầy có rảnh thì xin ráng qua đây, thì tôi sẽ phân hết đầu đuôi cho thầy rõ. Tình dài giấy vắn, xin chớ phụ nhau".

Chăng-Cà-Mum

liếm chấm bái thơ

Thạch Quít xem thơ rồi, liền xếp lại y nguyên trả cho thằng Bưởi, lại biểu nó nói tên cho biết rồi thả nó đi liền.

Nói về Thị Quế, khi cho thằng Bưởi đi rồi thì ở nhà cứ việc trông tin. Trời vừa đúng trưa, xảy thấy một chiếc ghe ba chèo mui phen tử tế, tới đậu ngay dưới bến, kế có một người Annam ở dưới ghe bước lên đi thẳng vào nhà mà hỏi rằng:

– Nhà này phải nhà bà Năm Thọ hay không?

Thị Quế nghe, hỏi lại rằng:

– Chú ở đâu mà hỏi thăm nhà dì tôi, thiệt quả là nhà này đa, chú hỏi làm chi?

– Có cô Chăng-Cà-Mum ở đây phải không cô?

– Phải, Chăng-Cà-Mum là tôi đây.

– Ủa, nói vậy cô đây hay sao? Thấy tôi còn mắc giờ làm việc, thấy thằng Bưởi đem cái thơ của cô qua, nên thấy tôi muốn ghe mau mau qua đây mà rước cô, chớ thấy tôi nói lúc này công việc nhiều quá, khó xin phép mà đi đâu cho được, vậy thì xin cô hãy sắm sửa mà đi cho mau, kéo thầy tôi trông lắm.

– Vậy còn thằng Bưởi ở đâu?

– Dạ, thua cô, thầy tôi thấy nó đi bộ mệt nhọc, nên biểu nó ở lại [lại] bến chơi vài bữa, rồi thầy tôi sẽ cho nó tiền mà về.

– Vậy chớ thầy thông có gởi thơ từ chi hay không? Còn chú là người nào?

– Dạ, tôi ở giữ ngựa cho thầy tôi, khi thầy tôi được thơ cô thì mừng quá, nên hồi tôi muốn ghe đi liền, không kịp viết thơ từ chi hết.

Thị Quế suy nghĩ trong lòng rằng: "Ta sai thằng Bưởi đem thơ thì không có ai hay hết, mà người này biết rõ công việc của ta, thì cũng đủ cho ta tin được. Vả lại ta cũng không phải giàu có chi, thì có lý nào mà ai lại mạo nhận đăng gặt ta mà giựt của?". Nghĩ như vậy rồi nàng vội vàng từ giã bà Năm Thọ, xuống ghe ra đi.

Khi ghe vừa tới nửa kinh, nhằm nơi vắng vẻ, thỉnh linh Thạch Quít ở dưới khoang chun lên, Chăng-Cà-Mum xem thấy thất kinh, vùng la lên. Thạch Quít nhảy a lại bắt Chăng-Cà-Mum đè xuống, nhét khăn vào họng và trói lại đặng bỏ xuống khoang chở về Xà-tón.

Chăng dè trên bờ có một người trai tơ nhảy đại xuống ghe, đánh đá tung bùng. Ba người thất kinh nhảy xuống sông lội lên bờ kiếm đường mà trốn, Thạch Quít nổi xung, liền rút cái mác nhảy ra quyết chém người trai tơ ấy. Người ấy lẹ tay hất cái mác văng xuống sông. Thạch Quít nhảy tới đá nhầu. Người ấy cũng tràn qua rồi vói nắm giò Thạch Quít gỡ lên. Thạch Quít thất thế té ngửa. Người ấy liền lấy dây trói lại bỏ đó, rồi mới gỡ khoang mở trói cho Chăng-Cà-Mum mà đem lên. Chăng-Cà-Mum đang lúc kinh hoàng, nghe có người cứu thì mới tỉnh hồn, chùng xem lại thì té ra người trai tơ cứu mình ấy là Trần Trọng Nghĩa!

Nguyên Trần Trọng Nghĩa lúc còn đương trong giờ làm việc, thấy thằng Bưởi đem thơ qua, thì nóng nẩy trong lòng, trông cho mãn giờ hầu, không kịp ăn cơm, tuốt xuống bến đò qua sông, rồi muốn ngựa chạy giông qua làng Phú Hội Đại hỏi thăm nhà bà Năm Thọ tìm vào. Khi chàng đến nơi tỏ thiệt chuyện mình thì bà Năm Ngọ lấy làm lạ mà nói rằng:

– Ủa, thầy mới qua đây, vậy sao hồi nãy có một chiếc ghe đến đây, nói rằng ghe của thầy cho qua mà rước cô Ba, nên cõ theo ghe

ấy mà đi này giờ cũng đã lâu rồi. Vậy chó thầy đi dọc đường thầy không gặp một chiếc ghe cui nào ba chèo hay sao?

Trọng Nghĩa nói:

– Có, mà tôi không dè, việc này cũng đáng nghi lắm chó phải chơi gì. Vậy thôi, xin dì để cho tôi kiếu, đừng tôi tuốt theo ghe ấy thử coi ghe ai cho biết.

Nói rồi, chàng liền thót lên ngựa cho sải riết theo. Vừa theo kịp chiếc ghe thì nghe tiếng Chăng-Cà-Mum la làng, chàng vội vã tuốt xuống, nên mới cứu được Chăng-Cà-Mum khỏi nạn.

PHỤ TỬ TRÙNG PHÙNG

Khi cứu được Chăng-Cà-Mum rồi, Trần Trọng Nghĩa vừa tính muốn giao Thạch Quít cho làng, đừng giải hấn qua tòa mà buộc tội. Dè đâu trời cũng chiều người bồng thấy một chiếc ghe hầu chèo tới, trong ghe có tiếng kêu rằng:

– Ủa thầy thông! Ủa con!

Trần Trọng Nghĩa và Chăng-Cà-Mum giục mình ngó lại, té ra là ông Trịnh Thế Xương. Nguyên ông Trịnh Thế Xương từ ngày Thị Quế (Chăng-Cà-Mum) đi rồi thì buồn bực nhớ thương nên tính qua Châu Đốc, trước thăm thầy thông dây thép là Trần Trọng Nghĩa cho giải khuây, sau là nói cho Trọng Nghĩa hay luôn thể. Ai dè việc cũng tẩu xảo, nên đi đến đó mà gặp nhau, ấy cũng là lòng trời xui khiến! Trịnh Thế Xương liền hỏi bạn ngừng ghe lại đậu cặp với chiếc ghe cui, rồi lật đật bước qua chào hỏi Trần Trọng Nghĩa. Ông day lại hỏi Chăng-Cà-Mum rằng:

– Con đi đâu mấy bữa rày mà làm cho cha thương nhớ buồn rầu, quên ăn, bỏ ngủ vậy con?

Nói bấy nhiêu đó rồi ông khóc ròng, Chăng-Cà-Mum cũng khóc chan hòa, chẳng nói được một lời chi hết.

Trần Trọng Nghĩa thấy vậy cũng động tình mà rung rung nước mắt, rồi mới thế cho Chăng-Cà-Mum mà thuật hết các việc cho Trịnh Thế Xương nghe. Trịnh Thế Xương nghe rõ đầu đuôi thì giận lắm, bèn hỏi Thạch Quít rằng:

– Đang giữa thanh thiên bạch nhật, sao mi dám cả gan đến gạt mà chở con gái tao đi, để tao mời làng mà giải mi qua tòa cho mi ở tù cho đáng số!

Thạch Quít bèn nói:

– Tôi không gạt mà chở con ai hết thầy. Nguyên con này là con nuôi của cha tôi. Hồi trước, có người ở bên Tân Châu chở nó qua Xà-tón mà bán cho cha tôi, hồi nó mới có sáu tuổi, nghe nói tên nó là con Lang, còn tên Chăng-Cà-Mum là tên của cha tôi đặt theo tên đảng thổ. Khi nó lớn rồi, cha tôi muốn cưới nó cho tôi, ai dè nó bỏ trốn đi mấy tháng rồi, nay tôi gặp được nên bắt nó về, chứ tôi có bắt con ai ở đâu mà ông nói vậy?

Trịnh Thế Xương nghe nói tên Lang thì sùng sốt, sẵn cái áo của Chăng-Cà-Mum vì bị vùng vẫy khi nãy mà rách một đường, Trịnh Thế Xương liền vạch ra mà coi, thì thấy rõ ràng cái bớt son đỏ lôm nôi vai bên trái. Trịnh Thế Xương lại càng sùng sốt hơn nữa, ông bèn hỏi Chăng-Cà-Mum lai lịch từ bé đến chừ. Chăng-Cà-Mum liền thuật hết từ lúc mới lên 6 tuổi là lúc lửa cháy chợ, bị chúng bắt chở mình đi bán cho đến hết ngày nay, đầu đuôi gốc ngọn thuật hết một hồi.

Trịnh Thế Xương nghe rõ trước sau, liền ôm con mà khóc. Trần Trọng Nghĩa cũng sùng sờ, không biết trời đất đâu mà vớ!

Trịnh Thế Xương bèn day lại nói với Trần Trọng Nghĩa:

– Nếu lấy lai lịch của tên này vừa nói đó, và điều của con tôi nó thuật rõ lại nầy giờ đây; lại thêm dấu tích trong mình nó cũng đã rõ ràng, thì con này thiệt là con ruột của tôi. Tên nó là Trịnh Phương Lang chứ chẳng phải Thị Quế mà cũng không phải Chăng-Cà-Mum nào sất! Nhưng có một điều nó làm cho tôi rất hồ nghi, không biết làm sao mà hiểu cho ra được, vì con Hai ở nhà hiện bây giờ đó, nó cũng xưng tên nó là Trịnh Phương Lang, bên vai trái của nó cũng có cái bớt son như con tôi đây vậy, bởi đó cho nên lúc nọ tôi mới nhìn nó là con. Song từ ngày tôi đem nó về nhà tới nay, thì tôi thấy các cử chỉ và việc cư xử của nó dường như chẳng phải của con nhà lương thiện, nên cũng mơ hồ nghi. Đến nay tôi nhìn được con gái tôi đây, còn nó đó, thiệt tôi không hiểu làm sao mà...

Trịnh Thế Xương nói chưa dứt lời, bỗng nghe Thị Phụng cất tiếng:

– Tôi nghe nói nãy giờ đây thì cô này quả thật là cô Hai rồi, chớ như cô Hai ở nhà thì rõ ràng là cô Hai giả, chẳng còn nghi ngờ chi nữa hết!

Trịnh Thế Xương hỏi:

– Sao mà con dám chắc nó là con Hai giả?

Thị Phụng đáp:

– Số là mỗi bữa, cổ thường bắt tôi nấu nước thơm cho cổ tắm, lại bắt tôi kỳ mài cho cổ. Không hiểu làm sao mà tôi thấy cái bột son của cổ càng ngày càng lu, cách mấy bữa rày nó đã bay mất hết, nên tôi chắc đó là cái bột vẽ, chớ không phải là cái bột tự nhiên; song tôi chưa kịp thua cho ông hay. Nay sẵn dịp này, tôi phải nói cho ông liệu.

Trịnh Thế Xương nghe nói, gật đầu suy nghĩ một hồi day lại Trần Trọng Nghĩa:

– Nếu vậy thì tôi đã lầm quân gian trá rồi. Vậy tôi xin mời thầy theo tôi thẳng về Tân Châu mà chơi một bữa, chỉ như tên Cao Man này, tuy là nó có tội gạt người, song cha con nó cũng có công hoạn dưỡng con tôi mười mấy năm nay; huống chi nay nhờ trời mà cha con tôi đã được trùng phùng, thì cũng nên dung thứ nó một phen mà làm phúc.

Trần Trọng Nghĩa nói:

– Nếu bác có lòng độ lượng khoan hồng, thì đó cũng là một điều ân đức để lại cho cháu con muôn thuở đó. Chỉ như việc bác mời cháu theo với bác, thì cháu khó mà vâng lời, vì công sự buộc ràng, không lẽ bỏ mà đi chơi cho được!

Chàng vừa nói vừa lấy đồng hồ ra coi thì đã một giờ ruối chiều rồi, liền vội vã đứng dậy từ tạ Trịnh Thế Xương và Trịnh Phương Lang¹ mà nói rằng:

1. Từ đây đã quả thật là Trịnh Phương Lang rồi, chớ chẳng còn kêu Chăng-Cà-Mum hoặc Thị Quế nữa.

– Vậy xin bác hãy đem cô Hai về bến, vì đã gần tới giờ làm việc của tôi rồi nên tôi phải trở về Châu Đốc mới được. Còn chừng vài bữa nữa tới đây đã là ngày lễ, mấy thầy đã được nghỉ ba ngày, chừng đó tôi xin phép ông sếp của tôi, rồi tôi sẽ qua Tân Châu, mà thăm bác.

Trịnh Thế Xương nói:

– Vậy thì xin hãy đừng quên, đến ngày ấy tôi trông thầy lắm đa!

Trần Trọng Nghĩa dạ dạ vâng lời, rồi từ giã hai cha con, thót lên ngựa chạy đông về Châu Đốc. Đi tới làng Phú Hội Đại, Trịnh Phương Lang bèn nói với cha, xin ghé lại nhà cho bà Năm Thọ là bà dì Thị Phụng hay, lại nói thẳng Buổi còn ở bên nhà thầy Trần Trọng Nghĩa, vài bữa nữa thầy qua Tân Châu, thầy sẽ đem nó về theo, trả lại cho bà.

GIAN MUU BẠI LỘ

Cô của Trịnh Phương Lang từ giã bà Năm Thọ, hối bạn chèo thẳng về nhà.

Khi họ đến nhà, bao nhiêu tôi trai tở gái thấy có Thị Quế về theo thì mừng rỡ chẳng cùng, bèn kêu mà nói chuyện lẫn với nhau rằng:

– Ông đã kiếm được cô Ba về kia cà!

Xóm giềng nghe được tin ấy, rủ nhau chạy đến hỏi thăm, chuyện vãn rum nhà, nói nói cười cười rất nên vui vẻ.

Nói về ông Trịnh Thế Xương là một người tánh tình thuần hậu, cử chỉ khoan hòa, cho nên tuy đã biết mình lầm mưu gian trá của Đào Phi Đáng thì mặc dầu, song cũng còn không nổi hờ môi mà gấp nói lời chi tới nàng. Còn Đào Phi Đáng tuy chưa nghe Trịnh Thế Xương rả tới điều chi, song thấy ông tìm được Thị Quế đem về thì trong lòng đã nghi lự. Lại thêm nghe Thị Phụng thăm thì to nhỏ với sắp đầy tở trong nhà thì biết cái gian mưu của mình đã bại lộ. Ấy bèn ở miết trong phòng, lẳng lặng làm thỉnh, tính thế thoát thân cho khuất mắt.

Đêm ấy vừa lúc canh ba, Đào Phi Đáng nghe chùng trong nhà ai nấy đều ngủ hết, bèn mở rương lấy hết áo quần, vòng vàng chuỗi hạt gì đều túm lại một gói, rồi lón ra ngõ sau mà đông mất.

Còn ông Trịnh Thế Xương, đêm ấy tuy đã vô mừng, song nỗi mừng phụ tử trùng phùng, cho nên nằm thẩn thức còn chưa an giấc, lúc trống canh ba điểm ba dùi, vùng nghe bên phòng Phi Đáng có tiếng mở rương, chập lâu lại nghe có tiếng động ngay cửa phía sau cọt kẹt. Ông ta phát nghi, liền ngồi dậy lén bước tới phòng Phi Đáng nom coi. Té ra vừa đến nơi thì thấy phòng không mở hoác, bóng người vắng hoe. Ông ta lại bước luôn ra cửa sau; thấy cửa mở, lại mau bước ra ngoài, ngó thấy dạng nàng xách gói xung xăng đi thoát, chùng ấy Trịnh Thế Xương đã hiểu ý, bèn đứng ngó theo và mỉm cười một mình rồi trở vào đóng cửa lại mà nghỉ.

(Đọc tới đây, chắc sao khán quan cũng lấy làm lạ, vì Đào Phi Đáng đi trốn đây tất nhiên nàng ăn cắp quần áo bạc tiền mà đem theo chứ lẽ nào không! Phải ông Trịnh Thế Xương không hay thì chẳng nói làm chi, chứ ổng đã hay rồi, sao ổng không bắt nàng mà lột đồ lại; lại đứng mà cười rồi để cho nàng đi thông thả như vậy?

Thế thường thì vậy, chứ ông Trịnh Thế Xương vốn là người độ lượng khoan hồng, nay ổng tìm được con ruột của ổng rồi, dầu hao tốn bao nhiêu ổng cũng chẳng tiếc. Vả lại, tiền bạc của ổng thì ổng cất trong rương, chìa khóa ổng giữ mình không ai lấy được. Nếu Đào Phi Đáng có trốn đi mà lấy hết đồ trang sức đem theo thì bất quá lỏi năm bảy trăm, một ngàn, cũng chưa đến đổi. Huống chi nàng biết thân mà lánh trước thì ổng lại khỏi phiền lòng cục dạ đuổi xua, nên hư cũng phú cho trời, ấy là bốn tánh người nhân hậu quân tử đó).

Sáng ra bữa sau, Trịnh Thế Xương bèn dạy tôi tớ trong nhà sắm sửa cỗ bàn rồi cho mời làng xóm tới, trước là làm tờ có về việc Đào Phi Đáng trốn, sau là làm lễ khánh hạ phụ tử trùng phùng cho luôn cuộc.

Lúc ấy, nào gà vịt, nào heo bò, đãi luôn ba ngày. Làng xóm bà con ai ai cũng vui lòng toại chí.

Trời vừa xế qua, quan khách còn đông, kể thấy gia đình chạy về thưa rằng:

– Thưa ông, tôi đi mời ông Hương Chánh xóm trong, tôi thấy có một chiếc đồ ở bên Châu Đốc đưa qua gần tới, ở dưới đồ có một thầy thông giống in thầy thông mà tôi với ông có gặp giữa kinh hôm nọ, nên tôi lật đật chạy về cho ông hay trước.

Trịnh Thế Xương nghe nói rất mừng, bèn nói với khách rằng:

– May quá! Nếu vậy thì thầy thông đây thép bên tỉnh, là người có đại ân với con gái tôi, hôm nay ngày lễ nên thầy qua chơi, vì hôm trước thầy có hứa với tôi.

Nói rồi, ông liền kiêu khách, dắt theo vài đứa gia đình xuống bến đò, đứng đó ngóng trông.

Đò vừa ghé bến, Trịnh Thế Xương nhìn quả là Trần Trọng Nghĩa, mừng rỡ vô cùng, liền hỏi gia đình xuống vác va-ly (valise) lên rồi mời luôn Trần Trọng Nghĩa lên nhà, trình diện cho mọi người đều biết. Lúc ấy Trịnh Phương Lang đang ở nơi nhà dưới, coi sóc chỉ biểu cho sắp tổ gái nấu ăn, nghe Thị Phụng chạy vào cho hay rằng có Trần Trọng Nghĩa qua, trong lòng cũng mừng thầm, bèn bước lên nhà trên, mừng rỡ hỏi chào, rồi nàng cũng trở xuống nhà dưới lo việc bếp núc.

TÍNH VIỆC TRĂM NĂM

Đêm ấy trời cũng gần khuya, quan khách đều về hết, Trịnh Thế Xương bèn mời Trần Trọng Nghĩa vào nhà trong, hỏi gia đình nấu nước, lại dạy bỏ trà Diệc Thái mà đãi Trần Trọng Nghĩa. (Vị ổng biết Trần Trọng Nghĩa tánh ưa trà ngon).

Khi đương uống trà, Trịnh Thế Xương ngó Trần Trọng Nghĩa rồi mỉm cười mà nói rằng:

– Tôi có ý mời thầy qua đây chơi đặng tôi tỏ một tâm sự với thầy, may nhờ thầy chẳng bỏ bụng tôi mà qua tới đây, thiệt ơn rất trọng. Tôi chẳng nói giấu chi thầy, tôi đây tuổi đã tri thiên, sanh có một mình Trịnh Phương Lang là gái, mẹ nó mất sớm, tưởng có cha con hủ hỉ với nhau, chẳng dè gặp lúc rủi ro mà làm cho con tôi phải thất lạc hơn mười mấy năm trời, tôi cũng tưởng chẳng còn chi mà trông gặp được con tôi. May nhờ ơn trời phò hộ, lại gặp thầy là người nghĩa khí thâm trọng, hết lòng chẩn cứu, ra tay tế độ vớt

người trăm luân, cho nên ngày nay cha con tôi mới được trùng phùng. Cái ơn trọng đức dày của thầy đây, tôi không biết lấy chi mà đền đáp cho vừa, vậy tôi xin lỗi với thầy, phòng sau nó sửa tráp nung khăn cho thầy, mà đền ơn tái tạo. Chẳng hay thầy nghĩ thế nào?

Trần Trọng Nghĩa nghe nói, dường như trúng tim đen, song cũng tỏ ý khiêm nhượng, nghiêng mình chấp tay xá thua rằng:

– Vả phận tôi côi cút, may nhờ phúc ấm của tiên nhơn, nên mới hưởng được chút mùi học thức. Lẽ làm người, hễ thấy nghĩa thì phải làm, chớ tôi đâu dám kể ơn cùng linh ái! Huống chi tôi với cô Hai, trước đã có lời ước nguyện, lấy tình bằng hữu mà đãi nhau. Nay bác thương mà dạy vậy, thì tôi cũng đội ơn, song chưa biết ý cô Hai định liệu lẽ nào, tôi đâu dám quyết.

Trịnh Thế Xương hiểu ý, gật đầu rồi kêu Trịnh Phương Lang ra, nói rằng:

– Cha sanh có một mình con là gái, nay cha cũng đã già yếu rồi, nên phải lo định bề gia thất cho con, phòng sau cha có nhắm mắt đi rồi, thì con sẵn có đôi bạn mà giữ gìn cơ nghiệp. Nay sẵn có thầy thông đây là một người trung hậu quân tử, lại là ân nhơn của con, nếu cha gả được con cho thầy thông này thì một là tròn ơn tròn nghĩa cho con, hai là chẳng uống cái công cha sanh con và cũng chẳng phụ tấm lòng cha ước nguyện. Ý con thế nào, con cứ nói thiệt cho cha nghe, mựa¹ đừng nghi ngại.

Trịnh Phương Lang nghe nói thì xúc động tâm tình, rung rung nước mắt, quì xuống lạy cha:

– Thân con vô phúc, bị rủi ro mà phải làm nô lệ mười mấy năm trời, tưởng kiếp này không thấy được mặt cha, dè đâu mà trời còn vãn hộ, khiến cho con gặp được thầy thông này là người hảo nghĩa, đã mấy phen cứu con khỏi nạn mà chẳng hề sanh một mảy lòng tà, chớ chẳng phải như kẻ thường nhơn, thấy gái tơ lạc nạn, cô độc một mình mà hiệp bức việc trăng trắng gió gió, ấy là một người bình lẽ quân tử đáng kính đáng khen. Nay con lạy cha, xin thứ tội cho con tỏ thiệt một đôi lời, bởi con thấy người hiền lương phương chánh, nên đã lâu rồi, con vẫn có lòng trộm dấu thầm yêu;

1. Mựa: chớ.

song con có nguyện cùng trời rằng: nếu con không gặp được cha thì con thề quyết chung thân bất giá.

Bởi đó cho nên từ ấy nhần nay, con chỉ lấy tình bằng hữu mà đãi thầy thông vậy thôi; không dè mà khi nên trời cũng chiều người, ngày nay cha con ta đã được đoàn viên, trời lại còn khiến lòng cha cũng thương thầy thông mà dạy con như vậy, thì một là con chẳng cãi lệnh cha, hai là lời ước nguyện của con đã được toại, ba là việc chung thân của con về sau ắt được chỗ cậy trông, bốn là con cũng được đền bồi ơn tái tạo!

Nói tới đó Phương Lang vùng giựt mình có ý thẹn thâm, nàng ngó chừng Trần Trọng Nghĩa rồi xẽn lén làm thịnh, chẳng nói một lời chi nữa.

Trịnh Thế Xương mừng rỡ vô cùng, bèn nói:

– Thôi, con hãy đi nghỉ đi, để cha nói chuyện với thầy thông giây lát.

Phương Lang lui vào phòng rồi, Trịnh Thế Xương liền dạy lại nói với Trần Trọng Nghĩa:

– Thầy mắc làm việc quan, ít khi xin phép được, vậy sẵn mai này là ngày Thiên hỉ, tôi cho mời làng xóm dâng làm lễ sơ vấn¹ cho rồi.

Trọng Nghĩa liền đứng dậy lạy Trịnh Thế Xương:

– Bác thương tôi mà tính vậy, chớ tôi qua đây thành lính, ngỡ là qua thăm bác thôi, nếu bác tính gấp như vậy thì lễ vật tôi sợ e sắm không kịp chẳng.

Trịnh Thế Xương cười:

– Việc ấy thầy chớ lo, để tôi tính cho.

Nói rồi, ông liền hối gia đình trải nệm giăng mừng nơi nhà trước cho Trần Trọng Nghĩa nghỉ ngơi.

Sáng ra bữa sau, Trịnh Thế Xương dậy dọn nhà cửa để trang hoàng, lại cho mời hết làng xóm, bà con thân thích, họ hàng tụ đến rất đông, rồi ra đứng giữa mà nói rằng:

1. Lễ sơ vấn: Lễ hỏi, tục gọi là "bỏ trâu cau".

– Con gái tôi Trịnh Phương Lang, lúc mới 6 tuổi, rủi bị hỏa tai mà cha con cách biệt đã hơn mười mấy năm trời, lưu lạc xứ người làm thân nô lệ; may nhờ thầy thông dây thép là Trần Trọng Nghĩa, ba phen chẩn cứu, cho nên cha con tôi mới được trùng phùng, nay tôi chẳng biết lấy chi mà đền đáp cho vừa, nên tôi tính gả nó cho thầy, cho tròn ơn tròn nghĩa. Vả lại, thầy thông này là người trung hậu đáng khen, còn nhà tôi thì cơ nghiệp dư muôn; tôi thì tuổi tác càng ngày càng lớn, nếu có thác tôi cũng vui lòng nhắm mắt. Huống chi mình là phận cha mẹ, câu "nam hôn nữ giá" phải sớm lo; vậy sẵn hôm nay đây là ngày Thiên hỉ, rất được ngày giá thú nghinh hôn, nên tôi mời các ông đến đây mà chứng lễ sơ vấn cho con tôi, xin các ông cạ chén cùng tôi mà mừng giùm cho đôi trẻ.

Trịnh Thế Xương vừa dứt lời, ai nấy đều vỗ tay khen rộ. Rồi chủ khách chuyện vãn vui vầy, chén tạc chén thù, đến xế qua mới mãn tiệc.

Trần Trọng Nghĩa ở chơi vài ngày, rồi từ già cha vợ, trở về Châu Đốc.

GIAN GIẢO TRỜI CHẴNG DUNG

Đây nói qua việc Triệu Bát Thanh, từ khi ăn cắp được một ngàn đồng bạc của cậu mình rồi chẳng mấy đã thua sạch! Từ đó tới sau không ai hay biết chi hết. Đến khi Trịnh Thế Xương nhìn được Thị Quế là Trịnh Phương Lang thiệt mà đem về, thì bọm ta lấy làm hối hận chẳng cùng, lại bị lương tâm cắn rứt, ăn ngủ chẳng yên. Ngày kia, hấn vùng thua thiệt cho cậu là Trịnh Thế Xương hay rằng: một ngàn đồng bạc lúc nọ là mình ăn cắp, mà nay đã thua cò bạc hết rồi. Trịnh Thế Xương nổi giận liền mời làng đến làm tờ từ, lại cho hai trăm đồng bạc, đuổi ra khỏi cửa.

Triệu Bát Thanh lãnh bạc, cuốn gói ra đi, tuốt lên Nam Vang, theo cò bạc ít ngày đã sạch túi; đến sau trôi nổi tới Biển Hồ, rồi không biết chết sống lẽ nào mà biệt tích. (Rời đời hết một mạng).

Nói về Đào Phi Đáng khi thoát thân tuốt qua Châu Đốc, quyết tìm Lâm Trí Viễn mà kết cuộc gió trăng như cũ; chẳng dè qua đến nơi hỏi thăm dì Tư bán cá thì dì nói Lâm Trí Viễn đã lên Sài Gòn vào trường lớn mà học rồi. Chị ta sẵn tiền cũng quá giang tàu đò

tuốt lên Sài Gòn mà tìm Lâm Trí Viễn. Ai ngờ kiếm trọn một tuần mà không ra tông tích.

Ngày kia nhằm ngày chúa nhật, học trò các trường đều được ra chơi. Đào Phi Đáng theo đón hỏi thăm, té ra nghe nói Lâm Trí Viễn bị đau bệnh trái trời mà chết cách hai ba ngày trước. (Rồi đời hết hai mạng).

Chùng đó Đào Phi Đáng mới ngã lòng, chẳng còn trông tìm kiếm ai nữa hết, bèn tính muốn một căn phố tại đường mới mà ở.

Từ đây ả mặc sức quên [quên] gió rủ trăng, ngựa quen đường cũ, đánh cho chết cái nét cũng chẳng chừa; sớm muộn, tối đảo; mai nhành chim, chiều lá gió.

*Ngán thay cái kiếp má hồng,
Hại thay mắc phải vào vòng trần ai!*

Lật bật chẳng bao lâu, bao nhiêu vòng vàng chuỗi hột bị điểm dàng lột hết sạch trơn. Mà ba mươi đời cái giống bất lương, hễ chùng hết kiếp thì tai hại dập dồn, lưới trời khó trốn. Bởi đó cho nên lui đui ít ngày rồi phải sa vào chốn lầu xanh, lại bị lây chứng ác sang, chẳng mấy ngày mà bỏ mạng. (Rồi hết đời ba mạng).

ĐOÀN VIÊN MỘT CỬA

Đây nhắc lại chuyện nàng Trịnh Phương Lang, từ ngày cha con gặp nhau rồi, thì nàng cứ chăm lo phận sự làm con, thần tỉnh mộ khan, chẳng hề sai sót, lại thêm nữ công nữ hạnh cũng hoàn toàn, bao nhiêu trai tớ gái trong nhà, mỗi khi sai khiến việc chi, thì nàng dùng lời ngon tiếng êm mà dạy bảo. Vì vậy mà tự trong nhà cho tới xóm giềng, thấy đều yêu chọn. Gặp lúc thanh thoi, nàng lại đem cái lòng nghĩa Thị Phụng mà thuật lại cho cha nàng nghe. Bởi đó cho nên ông Trịnh Thế Xương mới đem lòng thương yêu tin cậy Thị Phụng, đãi như con cháu ruột trong nhà, lại thường châu cấp bạc tiền để Thị Phụng đem về cho mẹ nàng dưỡng thân và cho em nàng vào trường mà học.

Cách vài tháng sau, Trịnh Thế Xương coi được ngày lành, bèn viết thơ cho Trần Trọng Nghĩa hay, rồi dọn dẹp cửa nhà, mời hết làng xóm, thân thích họ hàng mà định chữ Vu Quy cho con gái.

Bên kia, Trần Trọng Nghĩa khi được tin lành, cũng xin phép được một tuần qua Tân Châu cưới vợ.

Đến ngày, Trịnh Thế Xương dọn dẹp nhà cửa trang hoàng, họ đương hai đàn đông đủ, Trịnh Thế Xương ra đứng giữa trung đường, lâm râm khấn vái tổ tiên, rồi cho Trần – Trịnh hai họ làm lễ động phòng huê chúc.

Làm lễ xong, liền dọn cỗ bàn, hai họ ăn uống chuyện vãn, vậy đến xế qua mới mãn tiệc.

Đêm ấy Trần Trọng Nghĩa với Trịnh Phương Lang, vợ chồng vậy hiệp, tình tự với nhau, nhơn nhắc lại những ngày đầu đầu, nhắc tới chùng nào càng mến càng yêu, tình thân ái càng thêm khăng khít.

Từ đây duyên mặn tình nồng, hết lối biệt ly, mừng hồi sum hiệp.

Một đêm kia, Trịnh Phương Lang nhơn lúc thanh thoi bèn nói với chồng:

– Thầy ôi! Đòi ta mà gặp gỡ nhau đây, ấy cũng là duyên kỳ ngộ. Nay vợ chồng ta hương lửa đã bén duyên, thì đã an phận rồi; song còn một con nghĩa tỳ của tôi là Thị Phụng, thiệt là một đứa tình nghĩa đáng thương, ta cũng nên kiếm chỗ cho nó gởi phận trao duyên, cho nên thân nó.

Trần Trọng Nghĩa nghe lời nhơn hậu của vợ phân như vậy thì cũng vui lòng, bèn suy nghĩ một hồi rồi gật đầu mỉm cười và nói rằng:

– Có vậy cũng may, vậy để tôi tính như vậy, cô có liệu coi có được cùng chăng? Cô nó thì có một đứa nghĩa tỳ, còn tôi đây lại có một thằng nghĩa bộc; ta nên tác hiệp cho hai đứa ăn ở với nhau được như vậy thì chúng nó đã gần với ta, ngày sau ta cũng lo gây dựng cơ nghiệp của nhà cho nó; chẳng hay cô nó ý nghĩ thế nào?

Trịnh Phương Lang nghe nói rất mừng.

Sáng ra bữa sau, vợ chồng bèn đem việc mình bàn tính mà thưa lại cho cha nghe. Trịnh Thế Xương vui lòng, cho người đi mời mẹ Thị Phụng là bà Năm Thọ ra mà tỏ việc mình muốn cưới Thị Phụng cho thằng Hai Mốc. Bà Năm Thọ cũng đành. Trịnh Thế Xương bèn cho đi mời một ông hương chức trong làng và ông Cai bộ đến, dọn tiệc đãi đằng rồi xin làm hôn thú.

Đêm ấy, ông Trịnh Thế Xương dậy nấu chè xôi, lại nói bà Năm Thọ vái tổ tiên, rồi cho hai trẻ giao bôi hiệp cần.

Từ đó, hai vợ chồng thằng Mốc đã được ấm no; chồng thì quản suất tôi trai, còn vợ thì điều hành tứ gái, như hai vị quản gia; vợ chồng Trịnh Phương Lang lại đái như em ruột trong nhà.

Ngày kia rảnh việc, Trịnh Thế Xương bèn nói với Trần Trọng Nghĩa rằng:

– Cha tuổi tác đã già, gần đất xa trời ngày nào chưa biết; sự nghiệp này cha phú thác cho vợ chồng con, vậy thì con cũng nên xin thôi việc sở cho rồi, đặng về mà săn sóc việc nhà, chớ một tháng lương cũng chẳng bao nhiêu mà con phải bị bó buộc vào lòn ra cúi.

Trịnh Phương Lang cũng kiếm lời chánh đáng mà khuyên chồng. Trần Trọng Nghĩa thế phải xuôi theo, liền gởi đơn xin từ chức.

Từ đó, cha con chồng vợ sum hiệp một nhà, con thảo rể hiền, trên hòa dưới thuận.

Rồi đó vợ chồng mới thua với cha đặng dất nhau về thăm viếng bà con mà xây mồ đắp mả cho ông bà cha mẹ bên chồng mà đền ơn cúc dục.

Chẳng bao lâu Trịnh Phương Lang sanh đặng hai trai, hình dung tuấn tú, diện mạo khôi ngô, cách ít năm sau lại sanh thêm hai gái, thông minh, dĩnh huệ, cốt cách phương phi. Ấy là con một cháu bầy, Trịnh Thế Xương mừng vui chẳng xiết.

Vợ chồng Thị Phụng cũng sanh được một gái một trai. Ấy rõ ràng hễ người làm phải thì trời đái hậu.

Sau đưa con trai của Thị Phụng cho theo cặp nải với hai đứa con trai của Trịnh Phương Lang, học hành thông minh, chẳng ai bì kịp. Khi ba chàng vừa lãnh cấp bằng tốt nghiệp rồi thì nhằm lúc Annam ta khởi cuộc tranh thương, Trần Trọng Nghĩa bèn bàn với vợ, rồi thua thiệt với cha, tính cho hết cả ba sang Tây du học.

(Hiện nay con trai của Hai Mốc đang ở tại Tunigi (Tunisie) mà học khoa Nông nghiệp. Còn hai con trai của Trần Trọng Nghĩa, một người thì học khoa Thương nghiệp tại Mạcxây (Marseille), còn một người thì ở Bari (Paris) mà chuyên khoa Hóa học).

...

(Bản in chúng tôi hiện có bị rách mất một đoạn. Tiếp đây là lời của Trịnh Phương Lang – Nxb):

... Vậy sẵn lúc này có ông Nguyễn Chánh Sắt là người đồng hương với ta, đang bình bút một tòa báo quán tại Sài Gòn, vẫn là một người trước thuật có danh vậy thì thầy nó cũng nên biên hết đầu đuôi lai lịch của vợ chồng ta đây, gởi lên cây người tô điểm lại cho hoàn toàn mà làm cho thành một pho tiểu thuyết, gọi là *Nghĩa hiệp kỳ duyên* rồi ấn hành ra hầu có nêu để làm gương mà lưu truyền cho hậu thế.

Trần Trọng Nghĩa nghe qua cũng vừa ý, bèn lược biên một bốn, trót hai tháng mới xong.

Ấy là:

*Thiên ác đảo đầu chung hữu báo,
Chí tranh lai tảo dữ lai trì.
Xưa nay những đứa vô nghì,
Gian ngoan cho lắm lại làm gì nên thân.
Trời xanh chẳng phụ hiền nhân.*

NGUYỄN CHÁNH SẮT – 1920

CHUNG

*

LÒNG NGƯỜI NHAM HIỂM

(tiểu thuyết)

Gần bước tháng tư, hơi xuân còn đầm ấm, trên núi mai
đàn rơi lác đác, dưới hồ sen đương lố xố đơm bông. Thuở
ấy vừa tiết tháng ba, chánh là ngày cúng vía Bà nơi trên núi Điện¹.

1. Một Nam kỳ chỉ có hòn núi này là cao hơn hết, bề cao đến 884 thước tây, ở về tỉnh Tây Ninh, cách tỉnh thành chừng 10 ngàn thước. Trên núi có một cảnh chùa Bà. Thánh hiệu của Bà gọi là Bà Đen, cho nên người ta

Lúc bấy giờ, khắp trong lục tỉnh, xiết bao kẻ dở người lui, nuồm nuộm xe xe ngựa ngựa. Thật là:

Dập diu tài tử giai nhân.

Ngựa xe như nước áo quần như nêm.

Nhưng, cũng có người vì lòng thành đến đó mà dâng hương, cũng có kẻ bởi du lịch nên tìm đường khiên húng.

Đang buổi trời mai, vằng đông ánh rạng: *Lố xố đôi ngàn sương điểm cỏ, lơ thơ mấy cụm gió đùa cây.* Kia một con đường ngay thẳng rảnh, hai bên hoa thảo thanh u, chính giữa đường những khách đi hành hương, đua nhau kẻ trước người sau, nào là ngựa, nào là xe, rất nên náo nhiệt; còn những khách đi chơi, thì cứ huồn huồn dò lần, tản bộ nhàn hành, rảo bước thung dung, để ngắm xem phong cảnh. Trong đám này lại có một người trai tơ, tuổi vừa quá hai mươi, khăn áo trang hoàng, vừa đi vừa ngắm nhía hai bên, dường như đã say mê san thủy. Còn đương thơ thẩn, mải xem nước bích non xanh, thoạt đâu nghe phía sau lưng, có tiếng chuông reo thúc leng keng, lại có tiếng người la lớn tiếp theo:

– Ê ếp!...

Người trai ấy giật mình liền nhảy trái qua một bên lề đường mà tránh, bề trong chàng tuy có ý bất bình, mà bề ngoài chàng cũng cứ giữ nét khoan hòa, bèn quay lại xem coi, thấy một cái xe mui, thắt một cặp ngựa kim, ở đằng sau chạy tới, trong xe có một người đôn bà ngồi giữa, độ chừng lối năm mươi ngoài tuổi, mình mặc áo nhung đen, tay đeo cà rá có nhận hột xoàn, nét mặt tươi cười, trông ra rất có vẻ phong lưu đài các. Hai bên lại có hai cô thiếu nữ, ăn mặc cũng đàng hoàng, chạt chừng 17, 18 xuân thu, diện mạo phương phi, dung nghi tề chỉnh. Xe vừa đi trờ tới, người đôn bà trên xe liền ngó người trai tơ ấy mà gật đầu, chúm chím miệng cười, tỏ lòng khiêm nhượng, dường như muốn nói lời chi, ngặt vì xe chạy thoát qua mau, nên chưa kịp nói. Khi xe qua khỏi rồi, chàng ta vừa đi

cũng gọi núi này là núi Điện Bà hay là núi Chơn Bà Đen. Tục truyền rằng Bà linh lắm, cho nên người ở trong tỉnh Tây Ninh đều cử tên Bà, chẳng hề dám nói tới tiếng Đen, hễ màu đen thì gọi là màu thâm, như vải đen thì kêu là vải thâm vân vân...

vừa suy nghĩ một mình rằng: Thật nghĩ mà tức cười cho cái buổi ư thắng liệt bại này, hễ mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, giàu hiếp nghèo, sang hiếp hèn, cho nên xe lửa thì hiếp xe hơi, còn xe hơi thì hiếp xe mui và xe kiến, đâu đâu cũng vậy; ối thôi, ta cũng chẳng hơi đâu mà phiền trách cái thói dối giả trong buổi huỳnh kim thế giới này mà làm chi cho mệt. Vừa đi vừa nghĩ mà cười thầm một mình, rồi cũng cứ việc rảo bước thung dung, đi lần lên trên Điện. Vừa bước đến nơi thì thấy một tòa cổ tự, điện võ nguy nga, chung quanh thảo mộc diêm đà, tùng cúc sum sê, rất u nhã; phía trước có một [một] tòa đại điện, phía sau lại có hai tòa nhà thính cát hai bên đối diện với nhau rộng lớn thính thính, rất có vẻ oai nghiêm tráng lệ. Gần bên đó là Điện thờ Bà, ngày đêm hương đốt đèn chong huy hoàng sáng lạng. Còn những thiện nam tín nữ, kẻ ra người vào, thật không biết số nào mà đếm cho xiết được; trong chùa tăng chúng cũng đông, khuông trống rinh rang, kẻ đốt hương người lạy phật. Chàng ta, vừa mới bước vào, xảy nghe có tiếng nói nhỏ nhỏ mà giọng rất thanh tao rằng:

– Kia má, thầy hồi nãy cũng lên tới rồi kia má!

Chàng ta nghe nói, bèn ngược mặt ngó lên, xem rõ lại té ra là ba người ở trên cái xe mui mà làm cho mình giật mình khi nãy. Còn đương ngờ ngẩn chưa biết là ai, bỗng thấy người đòn bà ấy đứng dậy thì lễ và nói rằng:

– Tôi xin lỗi cùng thầy, vì khi nãy xe đang chạy giữa đường, mà đường thì chật, xe thì đông, bởi sợ việc rủi ro, lại thêm trong lúc bất cập mà thằng đánh xe của tôi nó cũng vô lễ, đã rung chuông mà lại còn la cho rộn, làm cho thầy giật mình giật mảy; vậy mà trong lúc ấy tôi thấy thầy cũng hòa nhan duyệt sắc, chẳng tỏ ý giận hờn, thì tôi biết thầy là người có học, cho nên tuổi tuy còn nhỏ, mà có độ lượng khoan hồng, biết dung nhơn dung vật, hữu trưởng giả chi phong, tôi hết lòng kính phục; thật tự nãy đến giờ, tôi lấy làm ái ngại chẳng cùng, lúc ấy tôi cũng muốn xin lỗi với thầy, ngặt vì xe đang trớn chạy qua mau, nên tôi không kịp nói; vậy xin thầy hoan hỉ thứ cho. Nhưng tôi chẳng rõ thầy năm nay xuân thu được mấy, quý tánh, đại danh, làm việc sở nào, quê quán tại đây hay là ở đâu tới đây mà ngoạn cảnh?

Chàng ta thấy người đồn bà ấy diện mạo đoan trang, cử chỉ ôn tồn, thì biết là người sang trọng, lại thêm nói năng phong nhã rất có lễ nghi, nên cũng chấp tay xá và nói rằng:

– Bẩm bà, ấy chẳng qua là việc nhỏ mọn tầm thường, ngẫm chẳng đáng chi, song đó cũng là tại chú đánh xe, chớ chẳng phải lỗi ấy xuất tự nơi bà, xin bà chớ để ý làm chi mà lao phiền quý thể. Còn cháu đây tiện danh là Hoàng Hữu Chí, tuổi mới 22, quê quán ở Long Hồ, học sanh trường Sư phạm Sài Gòn, mới thi lãnh bằng tốt nghiệp và đổi lại dạy tại trường Tây Ninh đây, vừa được mấy tháng nay, nhơn lúc rảnh rang, nên mới lên đây, trước ngoạn cảnh sau coi cúng vía. Vậy cháu cũng xin vô lễ mà hỏi thăm bà, chẳng hay bà là người bọc chi, quý ngụ tại đây, hay là ở trong lục châu đến cúng vía Bà, còn hai cô nầy có phải là linh ái của bà, hoặc em cháu chi, hay cũng người quen mà đồng đi cúng phật; dám xin bà phán hết cho tận tường, kéo trong lúc xung hô, tôi e không biết mà lỗi lầm, sát mang câu vô lễ.

Người đồn bà ấy mỉm cười, rồi nói rằng:

– Tôi không nói giấu chi thầy, tôi đây vốn là một người sương phụ¹, cha bấy trẻ tôi xưa làm quan Tri phủ cũng ngồi tại quận nầy, mà ông đã mất lộc² hơn ba năm rồi, có để sự nghiệp lại cho tôi chút đỉnh, cũng vừa đủ xây xài, khỏi lo bề hụt hụt, lại cũng may nhờ có hai đứa con gái của tôi đây, mẹ con hủ hỉ sớm trưa, cũng giải khuây được trong con phiền muộn.

Hoàng Hữu Chí nghe nói dứt lời, liền quay lại chấp tay, xá hai cô con của bà phủ và nói rằng:

– Nói vậy hai cô đây đều là linh ái của bà, vậy mà tôi không biết, xin hai cô miễn chấp cho tôi.

Hai nàng ấy vội vàng đứng dậy liềm dung đáp lễ lại, rồi cũng cứ lặng im như cũ.

Bà phủ lại nói rằng:

1. Sương phụ là đồn bà góa (vá).

2. Làm quan mà chết gọi là mất lộc.

– Thật tôi thấy thầy tuổi tuy còn nhỏ mà ăn nói khôn ngoan, nên tôi cũng phục, tưởng là thầy ở đâu xa, chớ thầy cũng dạy ở tại đây, thì tôi mời thầy bữa nào có rảnh, xin đến nhà tôi một phen mà chơi cho biết.

Hoàng Hữu Chí nói:

– Bà đã có lòng chiếu cố, cháu đâu dám chẳng vâng lời, vậy xin bà để xé mai, cháu sẽ tìm đến bà mà tạ ơn hiệu cố.

Chiều bữa ấy việc cúng Phật xong rồi, bà phủ bèn già từ tăng chúng với mấy cụ ni cô, rồi dắt hai cô con xuống lui ra về, bà lại đình ninh dặn dò Hoàng Hữu Chí, nhất định xé mai cũng đến nhà bà chơi, chớ có quên lời hứa mà để cho bà nhọc lòng trông đợi. Hoàng Hữu Chí dạ dạ vâng lời, lại theo đưa bà ra khỏi cửa chùa một đôi xa xa, rồi mới cúi đầu chấp tay từ già bà mà trở lại. Nguyên bà này là vợ của quan phủ Nguyễn Hữu Ân, tánh tình vui vẻ, thái độ ôn hòa, nhà tuy sang mà không kiêu không lằn: thấy người giàu cũng chẳng nịnh chẳng đua, nói tóm lại một lời, bà thật là người đạo đức hoàn toàn, ít ai sánh kịp. Tiếc có một điều là bà làm bạn với quan phủ gần trót ba mươi năm mà chẳng có con. Từ ngày quan phủ thất lộc, bỏ bà lại một mình, vắng trước quạnh sau, cảnh tình thê thảm, phàm những việc nhà bất câu lớn nhỏ, ngoài ruộng trong vườn, tôi trai tớ gái, bà liệu lý có một mình, hôm sớm cần cù, lấy làm cực nhọc. Cách chừng 4, 5 tháng trước, bà cũng nhơn đi dâng hương trên núi Điện, thời may bà gặp được hai cô thiếu nữ, cũng dắt nhau lên Điện mà dâng hương; bà hỏi thăm ra mới biết con nhà danh gia lạc nạn, nên bà động mối thương tâm, mới đem hết cả hai về nuôi làm con, từ ấy đến sau, mới có người thay thế cho bà mà xem sóc việc nhà và sớm trưa hủ hỉ với bà, thì bà cũng được thỏa lòng nơi ngày vắng cảnh.

Còn hai cô thiếu nữ này là chị em ruột với nhau, chị tên Thu Cúc, em gọi Xuân Lan, chị mới mười tám tuổi xuân, còn em thì mười bảy vẫn là con gái của một quan huyện kia, mỹ danh là Nguyễn Trọng Luân. Quan huyện ấy là người đã thanh liêm mà cương trực, giàu chẳng bội, hổ chẳng khi, những kẻ nghèo hèn mà trong sạch thì ông thương, còn những kẻ giàu có mà tham lam thì ông lại ghét, ông tuy là người trong phái tân học, làm quan giúp việc cho Đại

Pháp chánh phủ thì mặc dầu, mà bên Nho học ông cũng siêu quần bạt tụy; phàm một câu văn, một bài phú hoặc một quyển sách chi của ông viết ra thì ai nấy cũng hoan nghênh, thấy đều vui xem vui đọc; ông thật là người tài tình lỗi lạc, lại quảng giao thiên hạ anh hùng, tánh tình hào hiệp, ngôn ngữ như lưu; lại còn một điều này nữa mới kỳ: là hơi ông hát cũng thanh, mà giọng ông ngâm thì cũng nhã. Bởi đó cho nên, những hàng thức giả trong lục châu đều gọi ông là Nam kỳ tài tử. Còn bà huyện cũng là người dòng dõi thơ hương, bà làm bạn với ông từ ngày bà mới tuổi hai mươi, sanh con cái cũng nhiều; nhưng còn nuôi được có 1 trai và 4 gái. Hai cô gái lớn đã có đôi bạn gia thất tự riêng, duy còn có hai cô gái nhỏ là Thu Cúc với Xuân Lan và một cậu con trai út tên là Nguyễn Trọng Liêm, mới 14, 15 tuổi vẫn còn đi học.

Bà huyện này là người hiền đức, nhơn thấy ông hay trọng đức thanh liêm, nên bà hay lo về ngày tương lai, sợ e lúc tuổi già, không có chi dành để bởi đó cho nên bà hay tiện tặn, nhứt dạ cần cù, cứ mỗi tháng nhin bớt trong số bạc lương của ông, chắt lót từ đồng, đem gởi vào kho Tiết kiệm (Caisse d'Epargne).

Đến khi ông tuổi được năm mươi, ông mới bàn tính với bà, rồi gởi đơn xin giải chức hồi hưu mà dưỡng lão. Khi được giấy hưu rồi thì ông liền dứt hết gia quyến về cất nhà cửa tại Vĩnh An hà là nơi hương quán của ông. Lúc này ông đã được rảnh rang, cho nên ngày chí tối ông chỉ lo trồng cây lập vườn mà chơi cho tiêu khiển; chung quanh nhà thì ông trồng ròng những kỳ hoa dị thảo, thơm nức trong ngoài, nơi ao cá, chỗ chậu sen; dòm vào cái cảnh gia đình của ông thật rất thanh u nhàn nhã.

Vả lại ông là một người vẫn có danh thanh bạch đã lâu, cho nên từ ngày ông về ở đó đến sau, tự quan chí dân bất luận là ai, cũng đều kính phục. Lúc bấy giờ, ối thôi, biết bao những thân bằng cố hữu, người xu phụ kẻ phùng nghinh, nói sao xiết những nhơn tình thế thái.

Ông lại nghĩ rằng: Phàm sanh ra làm người mà muốn cho tư cách hoàn toàn, để đối đãi cùng xã hội nơi buổi giao thời này, thì bất luận là trai hay gái, đều phải nhờ học thuật mà bồi bổ lấy tinh thần; bởi đó cho nên trọn năm người con của ông, bốn gái một trai,

thầy đều có học. Nhưng lúc ông còn làm quan, nhơn vì công sự buộc ràng, nên ông chỉ lo dạy sơ hai cô con gái lớn của ông vừa biết đọc biết viết và biết chút đỉnh trong đạo làm người vậy thôi. Duy có ba người con nhỏ sau đây, là hai cô Thu Cúc với Xuân Lan và cậu Nguyễn Trọng Liêm là con trai út. Cậu trai thì ông cho học tại trường tỉnh An Giang, còn hai cô gái thì ông cho vào Nữ học đường Sài Gòn mà học nữ công và trau dồi kinh sử. Vả lại lúc này ông đã được về hưu, nên ông có rộng ngày giờ, lúc ông buồn thì ông chỉ cứ ngâm thi vịnh phú mà chơi, khi ông rảnh thì ông lại viết những sách dạy về luân lý để bảo tồn phong hóa. Mỗi khi bãi trường mà ba người con của ông nghỉ học về nhà, thì ông lại đem sách nhơ ra mà dạy: ông dạy làm thi làm phú, dạy phong hóa lễ nghi, dạy từ lời ăn tiếng nói, dạy cho tới cách cư xử và giao thiệp với đời.

Có lúc trời trong trăng tỏ, gió mát đêm thanh, ông lại khiến đưa ở dọn bàn nhắc ghế đem ra nơi vườn hoa và pha trà ngon cho ông uống, rồi ông mới kêu hết cả ba người con ông ra, dạy kéo ghế ngồi kê bên cạnh. Ông vừa xoi trà và giảng luận việc đời cho ba người con của ông nghe, một chặp lâu ông lại chíp miệng mà than rằng: – Mấy con ôi! Tưởng khi mấy con đã biết ý cha, vả cha là một người đa sầu đa cảm, nay cha đã già yếu, tuổi quá tri thiên rồi, ngồi mà nghỉ lại, bình sanh cha, chỉ có một cái bệnh lo đời, nam chí cuối, những mãi âu sầu mà chẳng có giờ khắc nào cho thơ cái trí được.

Xuân Lan nghe cha than như vậy, bèn rí rén thưa rằng:

– Con vẫn biết ý cha lắm, bởi cha thấy cái trình độ của quốc dân ta hiện nay mà vẫn còn thấp hèn như thế, nên cha lo buồn cũng phải lắm chứ; nhưng con nghĩ lại cái sự lo ấy là phận sự của mấy cậu học sanh và mấy nhà tư bản, chứ chẳng phải một mình cha mà lo cho xiết được hướng chi tuổi cha nay cũng đã lớn rồi nếu cha cứ chác lấy cái sự lo ấy trong mã trong mình, thì con lo cho cha một ngày kia rủi phải sanh bệnh hoạn, vạn nhứt mà cha có bề nào thì còn ai mà dạy dỗ mấy chị em con vậy nên con khuyên cha một lời, xin hãy bảo trọng lấy thân già, sớm khuya hủ hỉ với chị em con mà an hưởng cái hạnh phúc nơi chốn gia đình, ấy là một điều cần nhứt cho con ước nguyện đó cha.

Thu Cúc nghe Xuân Lan nói dứt lại, thì phản đối lại rằng:

– Nếu em tưởng vậy thì em chẳng phải là con tri kỷ của cha mình rồi đó; bởi trí em còn thấp lắm, vậy để chị nói lại cho em nghe phàm những kẻ vì sự lo rầu mà sinh ra bệnh hoạn đó là những bọn lục lục dung thường, phàm phu tục tử, giá áo túi com kia! Bởi những hạng người ấy nhứt sanh chỉ cần có một sự no cật ấm thân mà gọi là ăn sung mặc sướng đó thôi, thản nhiên có rủi mà phải bước truân chuyên, gặp con nguy biến, thì ắt nó ảo não âu sầu, bù xa bù xít, vào thở ra than bần hăn bó hó, chắt lưỡi hít hà, có khi rầu quá mà phát điên, thậm chí phải thác oan mới là uổng mạng chớ như cha của chị em mình đây là người học thức hoàn toàn, chí khí cao thượng; cho nên, dầu cho có gặp con nước lửa, phải bước nan nguy thế nào đi nữa, thì tấm lòng thiết thạch, cái chí liệt oanh của cha mình đây cũng tro như đá vũng như đồng, ai xô không động, ai rúng không xiêu; chớ có phải như bọn thô bỉ kia đâu mà bị lụy hằng ngày, cho đến đổi phải sinh ra bịnh hoạn lận hay sao mà em hòng lo như thế, vậy chẳng là tầm thường lắm chăng em? Nhưng mỗi khi cha mình có buồn, thì chị em mình cứ lựa những thứ nhứt báo nào cho có giá trị, hoặc những sách triết học nào cho kỳ thật là hay, hoặc những tiểu thuyết nào câu văn cho tao nhã, lý tưởng cho thanh cao, rồi đem ra mà đọc; hoặc ngâm ít luận thi, hoặc vịnh vài câu phú cho cha mình nghe chơi cho tiêu khiển; vì nhứt báo với sách là một món thuốc bổ nguon, thật rõ ràng là một phương tỉnh não đề thần của nhà triết học đó đa em à! Song mà chị em ta cũng còn phải đề phòng chớ đừng có vô ý rồi nhè những nhứt báo nói xằng, và những sách lả loi vô vị mà đọc thì ắt là làm cho cha mình phải long óc nhức đầu, mà rồi chị em mình đây cũng phải xây xẩm mặt mày mà phải khốn đa em; nên phải cẩn thận cho lắm mới được...

Thu Cúc nói chưa dứt lời, quan huyện liền vỗ vai con, mỉm cười mà nói rằng:

– Thật con biết rõ cái tâm bịnh của cha, vậy mới phải là con tri kỷ của cha đó.

Thu Cúc lại ngó Xuân Lan mà nói tiếp thêm rằng:

– Này em chỉ như những lời của em đã thưa với cha khi nãy rằng cái nghĩa vụ lo đời đó là phận sự của mấy cậu học sanh và của mấy nhà tư bản; hứy chao ôi! Học sanh làm chi, mà tư bản lại

làm chi? Em cũng thường xem nhật báo, vậy chớ trong khoảng chín mười năm mà trở lại đây, em có nghe cái ảnh hưởng gì không? Em có thấy những ông học sanh nào đi du học ở ngoại quốc đến khi tốt nghiệp mà trở về xứ rồi, họ có quan tâm gì với xã hội ta chưa? Tưởng khi chưa. Một chưa, hai chưa, ba bốn cũng chưa. Cái tôn chỉ của các ông đi du học đó đều lấy có một vinh thân phì gia làm chủ nghĩa, cho nên mỗi khi lo học cho thành tài rồi thì cứ bầu theo đua chen nhau trong đám quan trường, chỉ mong có một sự vinh hiển xấp thời rồi trở lại khinh khi khoát nạt đồng bào mình mà chơi cho thỏa thích; chớ em đã có thấy ông nào mà lưu tâm đến sự mở mang em cháu mấy ổng hay chưa? Tưởng khi cũng chưa nữa mà! Lại còn thăm một nỗi cho bọn nữ lưu Việt Nam ta, có nhiều cô lại thăm trông trộm ước, mong sao cho được làm bà Tú, bà Cữ, mà nhờ chút thom lây của mấy ông du học ngoại quốc mới về. Nhưng, em hãy thử ngẫm lại mà coi; nào có mấy ai mà đạt được cái hi vọng ấy bao giờ! Chỉ có một hai cô có phước mà sanh nhằm nhà cự phú, lúa ruộng mỗi năm cho được một hai trăm ngàn gia kìa, thì mới còn mong đem cái sự nghiệp ấy mà đổi lấy cái chức bà Tú, bà Cữ, để chung chơi cho rục rở với đời; chớ kỳ dư phần nhiều, hễ ông nào học vừa được thành tài, thì đôn bà ngoại vóc họ hót hết đã bao giờ rồi chớ có còn đâu mà bỏ sót lại cho tới tay con gái nhà Nam Việt! Cho nên cái sự du học của mấy ổng đó bất quá hồ là họ mưu lấy có hai chữ Vị Kỳ đó mà thôi, chớ cũng chưa thấy bổ ích gì cho xã hội ta đâu mà em hòng trông mong đến mấy ổng. Còn nói qua tới mấy nhà tư bản, thì chị lại càng chưa xót não lòng. Em nghĩ đó em coi, những nhà tư bản của người ta bên Âu bên Mỹ, thường hay xuất bạc muôn ra mà làm điều công ích, bồi đắp cho quê hương; kẻ lo lập nhà bảo cô để nuôi những trẻ mồ côi, cho khỏi cơ hàn tốt tuổi, người lại lập học đường, để giúp con nhà nghèo khổ, chuyên lo ung đúc nhân tài; hoặc cất nhà bảo sản bảo sanh, mà bảo tồn nhân loại; hoặc hiệp lực với nhau, lo lập Ấu trĩ viện để nung nấu cái khí hạo nhiên cho trẻ bé. Chớ như những nhà tư bản trong nước ta đây thì phần đông lại đam mê bên đường danh lợi, năm chí cuối, cứ lo thâu liễm, rồi để dành tiền bạc sẵn đó cho nhiều mà chờ cho có cái cơ hội nào, hoặc tranh cử Hội đồng, hoặc đành ra Cai Phó tổng, dám liều tổn cho đến năm bảy chục ngàn, có nhiều khi phải đến tán sản

khuyñh gia mà chưa biết ngán. Còn nói qua việc công ích đáng làm, thì một đồng xu cũng không ai muốn lợi; thế thì em còn tính tới mấy nhà tư bốn mà làm gì? Hóa cho nên những đáng ưu thế mất thời, ai là người không ảo nảo âu sầu, chớ chẳng phải có một mình cha mình đây mà thôi đâu em.

Quan huyện nghe Thu Cúc nói dứt lời thì gật đầu và chúm chím miệng cười mà nói rằng:

– Thật con đã động tốt nhơn tình thế cố rồi đó. Vả con là gái mà con lại có cái kiến thức cao thượng như vậy, thì cái sự mừng của cha còn có chi bằng; nhưng cái lời của em con nó khuyên cha khi nãy đó cũng không phải sai, vì nó còn nhỏ hơn con, nên nó chỉ biết có một điều hiếu kính với mẹ cha, chớ nó chưa biết được cái nghĩa vụ trung thành cùng xã hội. Thôi trời cũng đã khuya rồi, mấy con hãy kêu trẻ đẹp đồ rồi đi nghỉ ngơi cho sớm.

Thật cái cảnh gia đình quan huyện lúc này, gồm đủ cả phụ tử tử hiếu, phu xướng thê tùy, cái hạnh phúc này còn có chi bằng. Nào dè đâu Tạo vật khéo khuấy chơi, anh hùng đa ma chiết, đất bằng sóng dậy. Nhà ông đương buổi yên vui, trên êm dưới thuận, thoát đâu ông vùng tiếp được một tin điển báo ở Sài Gòn, đánh lại cho ông hay rằng: Ông Phan Mẫn Đạt là bạn hữu của ông mà ông đã có đứng tên bảo lãnh một số nợ của một hãng buôn kia hơn năm ngàn đồng, mà nay ông Phan công rủi bị hỏa tai, một nhà buôn bán rất to, vì có một ngọn lửa vô tình, mà trong một giây phút phải hóa ra một đồng tro tàn rất nên thâm, vì vậy mà mỗi nợ của hãng không phương trả nổi. Bởi đó cho nên nay hãng ấy nó buộc ông về sự bảo lãnh liên can, phải trả cho đủ số, bằng chẳng thì nó sẽ kiện xin giam thâu, hoặc xin biến mãi gia sản của ông mà trừ cho đủ nợ. Lúc bấy giờ, cả nhà ông đều bán loạn, dường như sét đánh thành linh, đã vậy mà năm ấy ruộng của ông cũng chìm, rẫy của ông lại thất, thật rõ ràng là phước bất trùng lai, họa vô đơn chí; thế thì ông còn có tài nào mà giải cái nguy này cho khỏi được. Đương lúc này Nguyễn Trọng Liêm tuổi còn thơ ấu, chưa biết việc chi, còn bà huyện và hai cô Thu Cúc với Xuân Lan, hôm sớm âu sầu, lấy làm bối rối. Duy có ông, bề trong tuy cũng lo buồn, mà bề ngoài ông vẫn cứ an nhiên, chẳng ai rõ được. Đây ký giả xin nhắc qua việc ông Phan Mẫn Đạt, nguyên ông này cũng là một người chí khí cao thượng,

trước kia ông cũng có làm quan, tức là bạn đồng liêu mà cũng là bạn đồng tâm đồng chí với quan huyện. Ông nhom nghĩ vì mình sanh nhằm trong buổi huỳnh kim thế giới này là buổi ưu thắng liệt bại, vùng vẫy nơi đám thương trường, hầu có bảo tồn quyền lợi cho quê hương, kiếm tư bốn cho nhiều, để hiệp nhau mà lập Ấu trĩ viên, hoặc lập thêm Cao đẳng học đường mà ung đúc nhân tài, dầu được dầu hư cũng chẳng nệ, quyết hiến thân cho xã hội, chỉ cầu cho đạt được cái mục đích của mình mà làm gương cho đám thanh niên đó thôi, phần thì ông cũng chán ngán bên phía hoạn đồ, nên ông mới xin từ chức, để ra ngoài lo dựng nghiệp dinh thương. Trong khoảng năm, sáu năm trường mà cái cuộc buôn của ông đã lần lần khuếch trương ra rất to tát. Ông lại có một người con trai, tên là Phan Quốc Chấn thiên tư đỉnh ngộ, học thức thông minh, tuổi vừa 24, hiện đương học tại Thương nghiệp cao đẳng học đường ở bên nước Pháp, còn một năm nữa mới thi lãnh bằng Tốt nghiệp. Trước kia ông vẫn có hứa kết sui gia với quan huyện, định đến ngày nào con ông học tốt nghiệp mà về, thì chừng ấy ông sẽ cưới Thu Cúc cho Phan Quốc Chấn. Chẳng dè vận thời điên đảo, phú quý tợ phù vân, một nhà buôn vốn liếng ước năm ba muôn, mà trong giây phút đã hóa ra tro bụi.

(Viết tới đây ký giả cũng ngùi ngùi, để bút xuống chíp miệng mà than dài, rồi lại nguốc mặt lên mà hỏi thử Hóa công, vậy chớ cái chủng loại này, hãy còn mắc cái tội tình gì mà ông nỡ để cho những kẻ có chí lo đời, thường bị việc rủi ro, cho đến nỗi phải bại gia tán sản? Còn những kẻ khán tài nô cùng những phường công tử bột, thì ông lại để cho chúng ăn sung mặc sướng, xuống ngựa lên xe, kẻ thì đem bạc vạn mà chôn theo mấy đám trắng hoa, người thì vác bạc muôn mà đi thua cờ bạc, điểm đàn đĩ thõa, vô ác bất tri, những trang ưu thế mất thì, có đáng buồn cho chủng tộc ta chăng?).

Ngày giờ thấm thoát, lật bật chẳng bao lâu mà đã thấy Trưởng tòa đến biên tịch nhà của quan huyện Nguyễn Trọng Luân, không chứa một món. Bà huyện thấy vậy thì than trách ông rằng:

– Ngày nọ tôi có cản ông mà ông không nghe, nay đã đến có đổi như vậy, sự nghiệp ắt tiêu điều, còn chi là danh giá.

Ông nghe bà than phiền như vậy, thật ông cũng động lòng, song ông cũng lấy lời chánh đáng mà an ủi bà rằng:

– Bà nó ôi! Phàm làm người đứng trong vũ trụ, hễ mặc lột người thì phải biết thương người, nhất là người cùng một da, dân cùng một nước mà còn phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau thay. Huống chi là bạn đồng tâm đồng chí. Vả Phan công là trung hậu quân tử, có chí khí trượng phu, trước kia người vẫn có ân nghĩa với nhà ta, lại thêm tôi với người đã cùng nhau hứa kết sui gia, đến nay mà người có gặp rủi ro, ấy cũng bởi vận thời diên đảo, cơ biến nơi trời, chớ chẳng phải tại người rượu trà cờ bạc, tửu điểm trà đình chi mà sanh ra việc diên nguy như vậy. Ôi thôi! Hễ là đáng trượng phu xử thế, thì ta phải vì nghĩa mà chung lo chung chịu với anh em, dầu cho có tán sản khuynh gia cũng can tâm mà chịu, cho tròn cái nghĩa vụ, chớ biết sao bây giờ! Thôi, vợ chồng ta cũng nên thuận theo lẽ trời mà tùy ngộ nhi an, bà nó chớ có phàn nàn mà phải vô vàng gầy ốm. Tuy vậy chớ chúng ta cũng hễ mà nghe cái tiếng trống vô tình, họ sẽ đem tới mà gióng inh inh nơi trước cửa, vậy thì bà nó hãy xuống Sa Đéc hoặc vô Bạc Liêu mà tránh đỡ một ít lâu, chừng nào qua hồi đông gió, rồi sẽ trở về cũng chẳng muộn chi.

Bà huyện cũng thuận theo ý chồng, liền thu xếp việc nhà rồi từ già chồng con mà đi lánh nạn. Bà đi rồi vừa được ít ngày, một đêm kia ông vì buồn bực, thổn thức bồi hồi, nằm không yên giấc, nhon nghĩ lại từ ngày ông mới bước vào đường đời cho tới nay, đã hơn ba mươi mấy năm trời, ông nếm đã đủ mùi ngọt, bùi, cay, đắng, chua, chát, mặn, nồng, đến nay tuổi quá tri thiên rồi mà hãy còn gặp con gian khổ, phải bước truân chuyên, nên ông ngụ ý đặt ra một bài thi, rồi ngồi dậy bước lại thơ phòng, lấy giấy mực viết ra như vậy.

*Khuấy khỏa làm chi hồi Hóa công?
Ba mươi năm mấy chưa vừa lòng.
Tuổi xanh luống chịu điều cay đắng,
Tóc bạc còn mang tiếng mặn nồng,
Thân phận đã dày con gió bụi;
Công danh chưa tại chí tang bồng,
Xiết bao xô đẩy người như thế;
Không lẽ mà ông khuấy tới cùng.*

Ông viết rồi vừa đọc vừa ngâm một mình, chẳng dè Thu Cúc cũng vì lo buồn mà ngủ chẳng yên, còn đương mơ màng, bỗng nghe tiếng cha ngâm thi, liền ngồi dậy ngóng tai nghe rõ hết đầu đuôi, vò sa nước mắt, bèn bước ra rĩ rén thưa rằng:

– Chứ trời cũng đã khuya rồi, sao cha chưa nghỉ, còn thức làm chi cho mệt vậy cha?

Ông đáp rằng:

– Cha nhon buồn lòng, nên ngu ý mà nghĩ ra được một bài thi, nên phải ráng viết ra đây, kéo sớ để sáng ra ngày mai rồi mà quên mất thì uổng lắm.

Vừa nói vừa lấy bài thi trao ra cho Thu Cúc xem. Thu Cúc với tay tiếp lấy bài thi đọc đi đọc lại và suy nghĩ một hồi lâu rồi thưa rằng:

– Luôn đây con cũng nghĩ được một bài, song chẳng phải là con họa vận, con lấy theo điệu liên hoàn mà nối với bài thi của cha, họa may có nhờ cái hơi phú húng trong đấy mà về sau cha con ta có thể phục hồi cựu nghiệp lại chăng? Vậy xin để con viết ra cho cha xem, ngõ nhờ cha phủ chánh.

Nói rồi liền lấy giấy viết ra, bài thi ấy như vậy:

*Tối cùng rồi ắt có ngày xong.
Người phải trời dẫu nữ phụ lòng;
Xô đẩy thế nào rồi lại đỡ,
Lấp ngăn cho mấy cũng là thông,
Lá lay trời kệ loài đen bạc,
Son sắt lòng ta cứng tợ đồng,
Thẳng rằng đường đời xăm xúi mãi;
Còn khi may gặp hội mây hồng.*

Ông xem hết bài thi rồi quay lại ngó Thu Cúc mà nói rằng:

– Trọn bài thi của con làm đây cũng là khá, duy có cặp luận, con đối chưa được chỉnh, nhưng đó cũng bởi cái lòng của con, vì quá ghét những lũ vong ân bội nghĩa, phản phúc tiểu nhân, nên nó lộ ra trong hai câu thi ấy, thôi cũng nên để vậy, chớ chẳng cần phải tô điểm lại làm chi mà làm cho mất cái tinh thần của con trong con cảm húng.

Lúc ấy Xuân Lan cũng vừa thức dậy, nghe cha với chị mình còn đang luận thi, bèn vội vàng dậy đi nhóm lửa lò, bỏ than quạt lửa, nấu nước pha trà rồi đem cho cha uống. Ông vừa uống trà vừa nhìn sững hai cô con, roi đôi giọt lụy mà nói rằng:

– Hai con ôi! Cha vẫn yêu thương chị em con lắm, bấy lâu một bước cha chẳng nở lìa, đến nay mà vận nhà điên đảo, gặp lối hiểm nguy, cái thế nó buộc cha con ta phải tạm lìa nhau; vậy trước khi cha để bước lên đường cha có mấy lời dặn bảo chị em con đây, chị em con phải chữ dạ ghi lòng mà giữ gìn cho tròn danh giá, ấy là một điều cha ước mong hơn hết. Vả em con là Trọng Liêm vẫn còn thơ ấu, khờ dại chẳng biết chi, chớ như hai chị em con đây tuổi đã trộm rồi, cũng vừa đúng cái thời kỳ nghi gia nghi thất; theo lẽ thường thì lúc này là lúc cha mẹ phải kiểm thúc giữ gìn, chớ chẳng nên rời ra trong giây phút, nhưng mà đó là những con gái nhà tầm thường kia, chớ như hai chị em con là gái biết điều, nói ít hiểu nhiều, cha cũng khỏi lo cho lắm.

Nói tới đây ông liền nhìn sững Thu Cúc một hồi rồi ông lại lau nước mắt mà nói rằng:

– Nay con, còn một việc nữa rất quan hệ về cuộc trăm năm của con mà bấy lâu cha thấy con vẫn còn thơ ấu, mãi lo ăn học, nên cha chưa tỏ cho con hay, đến nay con cũng đã khôn lớn rồi, lại thêm cha con ta cũng gần phải lìa nhau, vậy thì cha cũng nên nói cho con rõ mà giữ gìn danh tiết cho nhà người. Nguyên lúc con còn ăn học trong trường cha nhìn thấy thằng Phan Quốc Chấn là con trai của anh Phan Mẫn Đạt, thông minh đỉnh ngộ, hữu quốc sĩ chi phong, lúc nó chưa đi du học bên nước Pháp, thì nó vẫn thường theo cha nó tới lui com nước nơi nhà mình, tưởng khi con cũng đã biết nó rồi. Bởi vậy cho nên cha đã hứa hôn với cha nó mà định gả con cho nó. Nay tuy là rủi vì tai biến của cha nó mà liên lụy tới nhà mình thì mặc dầu, song ta cũng phải giữ gìn lời hứa cho trọn trước trọn sau, chớ chẳng nên học cái thói dă man, hễ mỗi lần đi làm sui, thì cứ xách cái bàn toán ra mà tính trước, chùng thấy người lỡ bước sẩy chơn rồi ngã lòng thối chí, ấy là một điều mà bình sanh cha vẫn ghét lắm đa con. Thôi, cha cũng chẳng cần phải nói chi cho nhiều nữa, cha chỉ xin hai chị em con phải biết rằng người đời họ thường lấy bạc tiền mà làm sự nghiệp, còn cha con mình đây thì

chỉ có lấy cái thanh danh mà làm sự nghiệp đó thôi, ấy vậy phận hai con là gái, thì phải trọng lấy tiết trinh, làm sao cho trong như giá trắng như ngần, được như vậy thì chẳng những hai con đây là một cặp ngọc báu của nhà mình, mà lại cũng là một đôi gương lành của Việt Nam xã hội đó hai con à!

Lúc bấy giờ, hai chị em Thu Cúc với Xuân Lan, tuy đã thoát cái thường tình nhi nữ thì mặc dầu, song mà, vì phụ tử tình thâm, cho nên trong con tử biệt sanh ly, dầu cho có thiết thạch tâm trường, cũng không ngăn giọt lụy. Khi Xuân Lan nghe ông nói dứt lời, liền khóc tức tưởi mà hỏi rằng:

– Chẳng hay cha tính đi đâu? Trú ngụ xứ nào, xin nói cho chị em con biết, phòng sau cho tiện bề tin tức viếng thăm.

Ông nghe lời hỏi rất chơn tình, bèn lau nước mắt vuốt ve con mà nói rằng:

– Xuân Lan con ôi! Bốn biển là nhà, cha chưa biết đâu mà định trước, cha chỉ khuyên con có một điều là phải giữ dạ cho bền mà ghi nhớ những lời của cha đã định ninh dặn bảo, chớ như cha đi phen nầy đây, có lâu lắm là một năm, bằng mau nữa cũng năm bảy tháng dầu thế nào cha cũng ráng lo cho phụ thê phụ tử đoàn viên, hai con hãy an lòng, để cho cha dòi gót.

Xuân Lan nghe vậy liền ôm cứng cánh tay cha, khóc nức nở và nói rằng:

– Cha ôi! Lời cha đã ân cần dạy bảo, thì chị em con phải tạc dạ ghi xương, ngặt có một điều là mẹ con đi đã trót tuần, chưa nghe tin tức ở đâu, nay cha lại đành bỏ chị em con mà đi nữa, mà cha cũng chưa quyết định cư xử nơi nào. Ôi! Thế thì, *từ đây góc bể ven trời, nắng mưa thui thủi quê người biết đâu*. Thoảng như trong cơn mưa gió, may rủi lẽ nào, thì chị em con mới biết đâu mà thăm viếng.

Nói tới đó rồi lại khóc mùi; làm cho ông cũng phải động lòng mà rung rung nước mắt. Thu Cúc cũng sụt sùi lụy ngọc, bước tới thưa rằng:

– Cha ôi! Nay cha phải lìa chị em con mà đi lánh nạn, vậy thì từ đây thiên các nhứt phương, em cha góc biển, con cái ven trời, từ xưa đến nay, thật con chưa hề thấy cái thảm cảnh nào như cái thảm

cảnh của cha con ta lúc này. Tuy vậy, song chị em con cũng phải nhắm mắt đưa chon, ôm lòng mà chịu, chớ biết sao bây giờ. Nhưng con chỉ có lo là lo cha già yếu, tuổi quá tri thiên, nơi xứ lạ quê người, khi ương yếu biết lấy ai mà nương vậy.

Thu Cúc nói tới đây nước mắt chan hòa, liền úp mặt trong mình cha mà khóc mùi mẫn, chẳng nói chi được nữa. Lúc bấy giờ, đầu cho quan huyện có cái gan bền như sắt, ruột cứng tợ đồng đi nữa, cũng phải xiêu lòng, vì con mà rung rung giọt lụy.

Còn đương bịn rịn, đồng hồ đã gõ 3 giờ, ông liền lau nước mắt, lấy lời nghiêm chánh mà khuyên giải con rằng:

– Hai con ôi! Hai con đừng bận bịu làm chi, và người sanh trong Hoàn vũ, bi hoan ly hiệp là lẽ thường thôi, hai con hãy an lòng, để cho cha đời gót.

Miệng ông tuy nói vậy, mà lòng ông cũng vẫn ngùi ngùi, còn hai cô con thì giọt lụy sụt sùi, ruột đau từng đoạn.

Ấy mới thật là:

*Đau lòng kẻ ở người đi,
Lụy rơi thấm đá, tơ chia rẽ tằm*

Khi ông đi rồi, chẳng mấy ngày thì sự nghiệp của nhà của ông đều bị phát mãi hết, mà trừ cũng chưa đủ số nợ ấy, thật khổ biết dường nào! Thật là cuộc đời đời đổi, thương hải tang điền, một cái cảnh gia đình của ông xem rất vẻ vang, trong vui ngoài đẹp như vậy, bỗng nhiên vùng đất bằng sóng dậy, trong một phút mà phải tiêu điều, những kẻ có lương tâm, thấy cái cảnh như vậy, ai mà chẳng đau lòng xót dạ.

Lúc này Thu Cúc với Xuân Lan cũng nhờ có chút đỉnh bạc tiền của ông để lại, bèn đem ra mua một cái nhà tranh cũng gần lối đó, chị em khuya sớm hủ hỉ với nhau, thêu gối mạng khăn bàn lấy tiền mà đắp đổi với nhau, nuôi em là Trọng Liêm ăn học.

Mà thật cũng ngán cho cái thói đời, lúc ông mới về tạo lập gia cư, trong nhà thì tôi trai tớ gái đã rần rần, ngoài ngõ những khách quý bạn sang thêm rộ rộ. Đến nay nhà ông rui mà gặp hồi lưu ly điền bát, sa cơ thất thế đi rồi, ối thôi! *Một khóm lều tranh không kẻ đoái, hai gian nhà lá chẳng ai màng.* Thật rõ ràng là:

*Nhơn tình tợ chỉ trương trương bạc,
Thế sự như kỳ cuộc cuộc tân¹*

Một đêm kia, hai chị em chong đèn đem mặt gối căng ra, rồi ngồi lại vừa thêu vừa trò chuyện với nhau, nhơn nhắc tới những chuyện dẫu dẫu, xiết bao trăm thảm ngàn sầu, dờm lại trong nhà vắng trước quạnh sau, liền nhớ tới mẹ cha, vùng sa nước mắt:

Ôi! Xưa sao nhiều kẻ ra vào?

Chừ sao vắng trước quạnh sau một mình.

Một chập lâu Xuân Lan bèn lau nước mắt rồi nói với Thu Cúc rằng:

– Nè chị! Hồi mình còn ở đằng cái nhà ngói lớn của mình đó, đã có cha mẹ mình ở nhà, lại thêm bạn bè rần rần rộ rộ, lúc ấy em thấy những bạn hữu của cha mình sao mà họ tới tới lui lui thường quá, mà ông nào ông nấy coi bộ cũng anh anh em em, làm ra như tuồng thân thiết với cha mình lắm vậy. Thật hồi đó lo có một việc com com nước nước mà mệt đa chị. Rồi bây giờ sao không thấy mấy người ấy họ tới lui nữa, có nhiều khi em đi chợ, em cũng có gặp họ, mà họ lại ngó ngang, họ coi em như kẻ thù của họ, chớ họ không có mừng mừng rỡ rỡ và kêu em bằng cháu cháu con con như hồi đó vậy nữa đâu chị à! Thật cái nhơn tình gì mà vô đoan quá chị há!

Thu Cúc nghe Xuân Lan nói mấy lời, liền chíp miệng mà than rằng:

– *Nhơn tình lãnh oán, thế thái viem lương*, hơi sức đâu mà nói cho mệt vậy em. Nhưng, cũng có một hai người vẫn còn nghĩ tình giao hảo với cha mình mà chiếu cố chị em mình đó là những người trung hậu quân tử, hữu thủy hữu chung. Chớ còn nói chi những bọn phàm phu tục tử, phản phúc tiểu nhân, hễ lúc thanh thời thì nó lân la lui tới, xu phụ phùng nghinh, nào là rượu thịt, nào là com canh, chị chị anh anh, tình thân mật biết bao là khẩn khít. Tới hồi vận bĩ, hễ nó nghe chùng có sa sút lẽ nào, thì chẳng những nó đã lánh xa, lại còn khua môi uốn lưỡi, kiếm chuyện đem pha, nói chùng nói lén, khi bạc dẽ đuôi, thêm thừa thêu dệt, chiết

1. Nhơn tình bạc bẽo mỏng mỏng như giấy
Thế sự đổi dời chẳng khác cuộc cờ.

bác người, làm cho hư danh giá của người, cho vừa cái lòng gian ngoan giả dối của nó; đó là loài nhơ diện thú tâm, nói sao cho xiết. Lúc đó chị thấy những bọn ấy thường tới tui bợ đỡ, làm ra tuồng anh em thân mật, đằng có cây cha mình giùn giúp cho chúng nó những việc nọ việc kia, thì chị biết là bọn *dĩ lợi giao*¹ bọn dối giả bề ngoài, nên chị có lấy câu: *Luận giữ thị đốc, quân tử giả hồ? Sắc trang giả hồ?*² mà khuyên can cha mình đừng có chơi bời giao thiệp với chúng nó làm chi thì cha mình lại cười mà nói với chị rằng: – Cha vẫn biết chán hơn con, đợi gì con phải nói. Nhưng, cha nghĩ cái câu: *Điều thú bất khả giữ đồng quân, ngộ phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thù dữ?*³. Bởi vậy cho nên cha phải lấy theo cái độ lượng của đức Phu tử mà đối đãi với người đời, chớ hơi đâu mà cố chấp lắm vậy con. Cái lời nói ấy đến nay vẫn còn văng vẳng bên tai, thật chị nghĩ lại cái độ lượng của cha mình thình thình như biển, đối với quân tử cũng xong, mà đối với tiểu nhân cũng được. Thôi, chứ trời cũng đã khuya rồi, hãy dẹp đồ đi mà nghỉ ngơi cho sớm em.

Lần hồi ngày tháng trôi đưa, bóng thiêu quang như tên bắn, từ ngày quan huyện để bước lên đường, lật bật mà tính đã ngoài hai tháng.

Bữa nọ chị em đương ngồi trong nhà, vùng nghe tiếng chó sủa vang, ngược mặt ngó ra thấy có tên trạm ở ngoài sân bước vào, trao một phong thơ, Xuân Lan tiếp lấy, thấy chữ đề ngoài bao, nhìn biết là tuồng chữ của cha mình, chị em mừng rỡ vô cùng, liền xé ra đọc chung với nhau. Bức thơ ấy như vậy:

Tây Ninh, le... 192...

"Mấy con yêu dấu ôi!

-
1. Dĩ lợi giao, là tính làm bạn với ai mà có lợi cho mình thì mới kết bạn.
 2. Ngồi nói chuyện với mình mà hay dùng những lời trung hậu thiên đức; thì người ấy có quả thật là quân tử chăng? Hay là người làm bộ dối giả bề ngoài (Hypocrite) chăng.
 3. Điều thú là khác loại chẳng nên chung lộn với chúng nó, thì đã đành rồi; chớ còn bọn này dầu gì nó cũng là loài người. Nếu ta chẳng cùng với nó thì cùng với ai bây giờ? (Ấy là lời của Đức Khổng Phu Tử nói với học trò của ngài là Tử Lộ).

Từ ngày cha xa cách mấy con, thấm thoát mà đã quá hai tháng trắng rồi, từ ấy đến nay, chẳng có giờ phút nào, mà cha không ảo não âu sầu, nhớ thương con trẻ, nỗi lo cho phận mẹ con, nuong nấu nơi nhà người, đối no ấm lạnh, nỗi lo cho phận trẻ ở nhà, hiu quạnh trước sau, nỗi lo cho cái tiền đồ của cha sau này chưa biết rủi may may rủi lẽ nào, vì vậy mà nó làm cho cha *thân tâm lưỡng địa, tình chữ đa đoan, ngổn ngang trăm mối bên lòng, voi voi đất khách nào nồng cố hương*. Thật đương đứng trong cái cảnh cùng sầu này, dầu cho hình đất trượng cây, cũng phải nhăn mặt nhú mày, hướng chỉ cha là một người đa sầu đa cảm.

Một đêm kia, mấy ông bạn của cha, ban đầu còn khuyên giải chuyện trò, sau lần lần trời đã khuya rồi, mấy ổng đều ngáy pho pho, mê man giấc điệp.

Lúc bấy giờ, còn cha ngồi đó trơ trơ, một người một bóng, lo tới tính lui, đường kia nổi nọ ngổn ngang bời bời. Cha nhơn lấy cái cảnh buồn này mà ngụ ra một bài thi, nên cha gởi luôn về cho mấy con, để tỏ tấm lòng hoài cảm.

Thi rằng:

*Mấy bước quan san mấy bước sầu,
Ngồi đây mà tưởng chuyện dàu dàu,
Tắc lòng bận bịu chia đôi ngã,
Trăm mối ngổn ngang chứa một bầu,
Chúng bạn mê man rên tiếng ngáy,
Mình ta trần trọc trót canh thâu,
Biết ai gởi phút nùi tâm sự:
Còn chác làm chi cái bệnh râu.*

Nói cho phải, từ hôm cha lên ở đây tới nay, những anh em chúng bạn họ thấy cái tình cảnh của cha gian truân như vậy, họ sợ cha buồn râu mà sanh ra bệnh hoạn chẳng, cho nên mấy ổng thường hay kiếm lời khuyên giải cha, nay rủ đi chỗ này, mai kêu đi chỗ nọ, hoặc xoi trà mà đàm luận việc đời hoặc ngồi ngựa mà đi dạo xem mấy nơi thắng cảnh. Nhưng, đi thì đi vậy, chớ bề ngoài tuy cha cũng nói nói cười cười, cho vui lòng chúng bạn, mà bề trong cha vẫn cứ riêng tưởng một mình, dầu cho ai cũng vậy, đương lúc lưu ly diên bá như vậy, nếu có may mà được đến chốn bồng lai, được xem những

kỳ hoa dị thảo, thủy tú san thanh đi nữa, thì trong lòng buồn vẫn hoàn buồn, vì vậy mà cha lại nhớ tới câu:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu?

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Rồi cha lại nhón lấy câu ấy mà làm đề, ngụ ra một bài thi nữa, họa là nó có hả hơi chút đỉnh chi chẳng. Nay cha cũng biên hết mà gởi về cho mấy con, đăng để làm kỷ niệm cái ngày của cha con ta phải bước lưu ly này.

Thi rằng:

*Cảnh nào là cảnh chẳng đeo sầu,
Người gặp lúc buồn cảnh cũng âu,
Mây tỏa muôn chòm non núi ử.
Mưa sa mấy giọt cỏ hoa sầu,
Voi voi lối cũ lòng ngao ngán,
Thui thui quê người dạ đón đau,
Thoảng mắng nhớ thương ba trẻ dại,
Trống thành nghe đã giục canh trâu.*

(Nguyễn Trọng Luân)

Hai chị em xem hết đầu đuôi rồi, nước mắt chảy ra đầm đề, tấm lòng thương mẹ nhớ cha, chẳng có bút mực nào mà tả ra cho rõ được.

Chị em than thở một hồi, Thu Cúc bèn lấy giấy mực họa vắn theo bài thi sau để tỏ tấm lòng thương cha nhớ mẹ, ngâm đi đọc lại một hồi lâu rồi mới phong lại gởi lên cho cha. Bài thi ấy như vậy:

*Cảnh sao cảnh khéo giục con sầu,
Ngắm cảnh thêm buồn dạ phải âu,
Tho kín theo mình lòng cũng toại,
Cỏ hoa trông chủ sắc như sầu;
Thương cha bảy lá gan chưa xót,
Nhớ mẹ trăm chiu ruột quặn đau,
Kính lạy thung đường xin bảo trọng;
Đất đông dàu mất đất dàu trâu.*

Bất hiếu nữ, Thu Cúc,
phụng hòa nguyên vận

Chẳng dè cái nhà của quan huyện, đương gặp hồi vận bĩ, tai nạn dập dồn, hết nạn này tới nạn kia, thật là tạo vật khéo khuấy người, chua cay cho đến thế. Trong lúc hai ông bà, đều đi lánh nạn, còn công tử Trọng Liêm cũng mắc đi học, ở nhà chỉ có hai chị em Thu Cúc với Xuân Lan là gái đương chùng sen ngó đào tơ, những quân lang tử giả tâm, thấy vậy nên mới đem lòng khi dễ, ban đầu nó còn cậy mấy con mẹ đòn bà dài cầm rộng miệng, lần mò lui tới lân la, kiếm những lời nói rất êm tai mát dạ, dùng những câu văn như giọng quyến tiếng kèn, mà phỉnh phờ dụ dỗ. Nhưng mà, hai chị em cô đều nhờ có nếm mùi học thức, gia dĩ cái gia đình giáo dục của quan huyện rất nghiêm trang, rất đoan chánh, hóa cho nên hai chị em cô đã ra mặt gái hiền, đức hạnh hoàn toàn, nét trinh bạch lâu lâu như ngọc đúc. Nhờ vậy mà những quân vô loại ấy, dẫu cho cái miệng ngọt tợ đường, cái lưỡi bén như guom đi nữa, cũng khó mà nói cho hai chị em cô xiêu lòng được. Sau thết đi rồi, chúng nó lại sanh cái thói dă man, khoét vách rình hè, làm cho hai chị em chẳng có đêm nào mà dám ngủ cho yên giấc.

Một bữa kia, Thu Cúc mới tính với Xuân Lan rằng:

– Nè em, chị thấy nhon tình nham hiểm, thế đạo kỳ khu, mà chị ngán ngẫm; nay chị nghĩ lại dẫu cho chị em ta mà có cần gan, cách nào đi nữa thì ở đây cũng bất tiện, cho nên hôm trước đây chị đã lo gởi gắm Trọng Liêm ăn học đã yên nơi yên chỗ rồi, vậy nay hai chị em mình phải cùng đi với nhau, thẳng lên Sài Gòn hoặc lên Tây Ninh mà tìm kiếm cha mẹ chẳng là tốt hơn, chớ ở đây tuy cũng có một vài ông bạn tri thức của cha mình chiếu cố mặc dầu, nhưng mà trong lúc đêm vắng canh khuya, những loài lòng thú dạ lang nó bấu theo khoét vách rình hè mà khuấy nhiễu chị em mình mãi như vậy, thì mấy ổng có hơi đâu mà đề phòng cho chu đáo được, ý em nghĩ sao?

Xuân Lan nghe nói nét mặt tươi cười, tấm lòng phơi phở, mừng rỡ vô cùng, bèn đáp rằng:

– Em vẫn cũng tính như vậy hôm nay, song em không biết ý chị thế nào, nên em chưa dám nói, nếu nay mà chị cũng có lòng như thế, thì rõ ràng là ý hiệp tâm đầu, tình thân ái của chị em

mình còn ai hơn nữa. Nè chị, mà em nghĩ lại thật chị em mình có phước quá chị há!

Thu Cúc vẫn biết ý em, song cũng giả ý sững sờ, bèn nghiêm nét mặt mà hỏi rằng:

– Sự nghiệp nhà mình nay đã tiêu điều, sao em còn gọi rằng có phước?

Xuân Lan cười chum chim mà đáp rằng:

– Chị khéo hỏi mắc em thì thôi đã! Vậy chớ mỗi lần chị dạy em những gì, mà nay chị lại hỏi em như vậy? Sự nghiệp dầu còn dầu mất là lẽ tại trời, huống chi tiền tài là thân ngoại chi vật, mất còn mất cũng chẳng sá chi, vì con người ta ở đời, chẳng phải là lo nghèo, một lo không có đức hạnh mà thôi chớ! Chí như cha mình thật là một người đạo đức hoàn toàn, cư xử với con, lòng dạ rất hiền từ, cha như vậy thì rất dễ cho chị em mình hiếu thuận, vậy nên em mới gọi là có phước. Chớ còn nói chi những kẻ bạo tàn, tánh tình lỗ mãng, ăn nói dọc ngang, cờ bạc rượu trà, say sưa vất mả, đối đãi với vợ con rất là khắc bạc, những kẻ như vậy, dầu cho có con mả thật đại hiền đại hiếu như vua Thuấn đi nữa, cũng khó mà ở cho hiếu thuận được, phải vậy không chị. Bởi em so sánh như vậy, nên em yêu thương cha mình thật là vô hạn. Nay nghe chị tính dất nhau đi tìm kiếm mẹ cha, thì em mừng lắm, vậy thì chị em mình hãy lo thu xếp việc nhà, đặng tính đi cho sớm nghe chị.

Chị em bàn tính xong xuôi, bèn gởi nhà cửa lại cho một bà già hàng xóm, rồi dất nhau ra đi. Lên tới Sài Gòn tìm kiếm trót tuần mà không nghe tin tức mẹ cha ở đâu cả. Hỏi thăm ông Phan Mẫn Đạt thì người ta lại nói ông vì nhà cháy mà buồn, nên phải ra Vũng Tàu mà chơi chi giải muộn, ông đi nay cũng trót tuần, mà chưa thấy ông về. Chị em bơ ngơ báo ngáo, liền nhứt định thắp tùng xe ô tô đưa bộ hành, tuốt lên Tây Ninh mà kiếm.

Khi lên đến nơi rồi hai chị em cứ hỏi thăm tìm tới mấy nhà anh em quen thuộc của cha mình, chắc sao hai ông bà nếu còn lại Tây Ninh thì ắt ở nơi mấy nhà người ấy. Chẳng dè hỏi thăm ba bốn nhà người quen mà ai ai cũng đều nói y có một lời rằng ông lên ở đó đã hơn hai tháng, còn bà thì lại xuống Bạc Liêu. Nay lại nghe ông tính hiệp với Phan Công mà ra Bắc, nên ông đã trở xuống Sài

Gòn hôm nay cũng hơn trót tuần rồi, song không biết hai ông đã cùng nhau xuống tàu hay chưa. Hai chị em nghe nói hơi ôi, hai nàng nước mắt rung rung, khó đứng khôn ngồi, lấy làm thất vọng. Phần thì trong lưng tiền bạc chẳng có bao nhiêu, mà hôm nay lớp đi tàu, lớp đi xe, cũng gần muốn hết. Lúc bấy giờ, hai chị em không biết liệu thế nào, tới khôn đường tới, lui khó nẻo lui, dùng dằng dờ ở dờ về, rất khôn đốn, Xuân Lan bèn nói với chị rằng:

– Em có nghe người ta đồn đại rằng bà trên núi Điện rất linh, vậy thì tiện đây hai chị em mình cũng nên lên đó mà xin một lá xăm, thử coi cha mẹ mạnh giỏi thế nào và cha đã xuống tàu ra Bắc hay chưa, cho tiện bề tìm kiếm, chị nghĩ sao?

Thu Cúc bình sanh ít hay tin những việc xin xăm hỏi bói, mà nay vì lòng quá thương cha mẹ, nên cực chẳng đã, phải thuận theo lời em, bèn mượn một cái xe kiến đi lên núi Điện.

Vào tới chon núi rồi, thấy có một cái xe mui cũng đậu tại đó, lại nghe tên đánh xe của mình kêu tên đánh xe bên kia mà hỏi rằng:

– Anh đi với bà phải không anh?

Tên kia trả lời có một tiếng:

– Ủ!

Hai chị em nghe vậy thì liệu biết cái xe ấy là xe của một bà nào sang trọng chi đây, song cũng chẳng lưu ý đến làm chi, cứ việc xuống xe rồi dắt nhau đi bộ lần lần lên Điện.

(Chẳng dè cái xe ấy là một cái xe có nhiều duyên có, rất có quan hệ với cái tiền đồ của hai chị em. Nhờ nó mà hai chị em được bảo tồn danh giá, nhờ nó mà hai chị em được no dạ ấm thân, nhờ nó mà hai chị em khỏi lỡ bước trái chon, lưu linh đất khách, nhờ nó mà cái kết cuộc của hai chị em sau này rất may mắn, rất vẻ vang, biết bao là hạnh phúc, ấy là cái xe một vị cứu tinh của hai chị em mà không ai ngờ đó).

Khi lên tới Điện, hai chị em khép nép bước vào, thấy có một bà ni cô ngồi giữa thềm đường, độ chừng năm mươi ngoài tuổi, chon mày đen, con mắt sáng, miệng vuông da trắng, cốt cách thanh kỳ, thật rõ ràng là một bà đạo đức ni cô, rở rở có thần tiên khi tượng,

đang ngồi trò chuyện với một bà tuổi cũng lối năm mươi, ăn mặc
đàng hoàng, nét na tề chỉnh. (Bà này tức là bà phủ Nguyễn Hữu
Ân mà ký giả đã có nói trước kia vậy). Hai chị em liền bước tới chào
bái cả hai bà, rồi mới tỏ ý mình. Bà ni cô cũng chấp tay đáp lễ, rồi
hỏi người dắt hai chị em vào nơi chánh Điện đốt nhang lên đèn,
gióng trống đánh chuông, hai chị em bèn ra quì lạy nơi giữa Điện,
thầm thì vái van, rồi lấy ống thẻ xăm nháy ra một lược. Hai chị em
liền đứng dậy lạy Bà rồi với lược hết cả hai cây xăm cầm lên mà
coi, thấy một cây Thượng thượng, số 92, còn cây kia là cây Trung
bình, số 84. Rồi đó, hai chị em lại đề huề dắt nhau trở ra thính
đường, hỏi mượn quyển sách bàn xăm dở ra mà đoán. Thấy trong
lá xăm số 84 là lá xăm Trung bình, có bốn câu nơi bài giải như vậy:

*Tìm thân mà chẳng gặp
Lại gặp chỗ người dung;
Một năm dài dằng dẳng,
Cha con mới gặp gần.*

Đó là cái đại ý trong lá xăm ấy giải rằng: Muốn đi tìm cha
mẹ, nhưng mà không gặp cha mẹ, lại gặp người dung. Trong một
năm nữa cha con mới gặp nhau. Còn lá xăm Thượng thượng số 92
lại có bốn câu như vậy:

*Việc không cầu lại được;
Điều chẳng ước mà xong;
Có quý nhân mà xong,
Gặp may mắn lạ lùng.*

Theo lá xăm này thì tốt lắm. Cứ theo đó mà đoán ra thì hai
chị em sẽ gặp được cái hạnh phúc thành linh. Cái việc mình không
vọng cầu mơ ước mà tự nhiên lại được, lại nên, lại nhờ có quý nhân
cứu vớt giúp đỡ nữa. Hai chị em coi rồi trong lòng bán tín bán nghi,
bàn tới bàn lui, nghĩ vơ nghĩ vẩn, nghĩ tới cái câu: Tìm thân mà
chẳng gặp, thì buồn quá đổi buồn. Chùng nào gặp điều hạnh phúc
đâu chưa biết, chớ hiện bây giờ đây, lấy theo cái câu xăm này thì
quyết nhiên chưa gặp được mẹ cha, nghĩ tới đó vùng sa nước mắt.
Bà phủ thấy vậy cũng động lòng, bèn kêu hai chị em mà hỏi thăm
duyên cớ. Thu Cúc thấy bà tư cách đàng hoàng, thì biết bà là người
trong nhà trâm anh phiệt duyệt. Bèn đem hết trước sau lai lịch của

mình mà thuật rõ lại cho bà nghe, nói tới mấy chỗ gian truân thì lại động lòng mà rung rung nước mắt. Bà phủ nghe rõ đầu đuôi, cũng phải động lòng vàng mà ngậm ngùi cho người trong con hoạn nạn, bèn nhắm nhía Thu Cúc với Xuân Lan, thấy hai chị em nàng tuổi tuy còn nhỏ mà phẩm hạnh đoan trang, cho nên bà cũng khen thầm rằng: Chẳng uống công sanh nơi nhà thi lễ. Rồi đó bà cứ đứng vuốt ve cả hai chị em mà trầm trồ khen mãi. Một chặp lâu rồi bà mới nói với hai chị em nàng rằng:

– Nè, hai cháu, qua thấy hai cháu tuổi còn thơ ấu mà lại gặp cái khổ cảnh như vậy, thật qua thương lắm, tưởng là ai kia, chớ như quan huyện là ông thân của hai cháu đây, qua tuy chưa biết mặt, chớ qua vẫn có nghe cái đại danh của người vẫn cũng đã lâu, lúc ông phủ của qua ở nhà còn sanh tiền, mỗi khi ổng bình luận mấy ông danh sĩ Nam kỳ, thì ổng vẫn thường nhắc nhở cái quý danh của ông thân cháu luôn, cho nên qua cũng là kính phục. Nay mà hai ông bà mắc đi tị nạn phương xa, còn hai cháu đây là phận gái thơ ngây, dễ gì mà đi tìm cho được. Nay qua có một lời muốn nói cùng hai cháu, chẳng hay hai cháu có sẵn lòng mà nghe qua nói hay chẳng?

Thu Cúc liền đáp rằng:

– Bẩm bà, vả bà là người tuổi tác, cũng như cô bác mẹ cha, còn chị em tôi đây là phận cháu con, như bà muốn nói điều chi, nếu phải thì chị em tôi vâng, bằng có điều chi mà chẳng vừa lòng thì tôi xin bà dạy lại, chớ có hệ chi mà bà phòng ngại.

Bà phủ mỉm cười mà nói rằng:

– Nè hai cháu, từ ngày ông phủ nhà qua mất lộc đến nay, bỏ qua lại bơ vơ, con cái gì cũng không có, trước sau quanh quê có một mình qua, thật qua buồn quá. Còn hai cháu đây vẫn là con nhà hàn mặc thơ hương mà lại gặp hồi lưu ly diên báỉ, mẹ cha lưu lạc, cô cút bơ vơ, thật qua không nỡ để cho con gái nhà tử tế, mà phải gian truân tất tuổi như vậy thì cũng là tội nghiệp, nên qua muốn đem hai cháu về nhà nghĩa mình linh¹ mà hủ hỉ với qua cho có bạn, còn thằng em trai của hai cháu mà cháu nói rằng cháu còn gọi nó ở học

1. Minh linh là con nuôi.

tại An Giang đó, thì thỉnh thoảng rồi cháu cũng phải viết thư mà kêu nó về đây, qua cũng nuôi luôn giùm cả ba chị em mà làm nghĩa, rồi qua sẽ đem nó xuống Sài Gòn đóng bạc gởi nó vào trường mà cho nó học. Bao giờ mà cháu nghe được tin tức hai ông bà quan huyện là song thân của cháu ở đâu, thì chừng ấy sẽ hay. Chẳng biết ý thế nào, có vui lòng hay không thì nói, không ngại chi.

Thu Cúc nghe lời bà nói rất có nhon, liền tỏ ý cảm tạ ơn bà và thưa rằng:

– Bà có lòng thương tương, thật tôi rất đội ơn, vậy xin bà để cho tôi bàn tính với em tôi trong một vài phút đồng hồ, rồi tôi sẽ trở vô mà bẩm lại cho bà rõ.

Rồi đó Thu Cúc liền bước ra kêu em mà hỏi rằng:

– Bà phủ nói như vậy, ý em tính sao?

Xuân Lan đáp rằng:

– Nếu được như vậy thì em tưởng chị em mình đây cũng là có phúc lắm đa chị à! Vả bà là nhà sang trọng, lại thêm tánh hạnh rất từ hòa, trong nhà bà lại chẳng có con cháu chi, nếu nay mà bà muốn nuôi chị em mình làm con, mà cái tâm tánh và cái cử chỉ của chị em mình đây chắc là ở lâu chừng nào thì bà lại càng thương lắm. Vả lại lúc này chị em mình đương con khuân bức túng cùng, thì có tài nào mà nuôi em ăn học cho được, thế tốt nó phải hư. Mà nay, bà lại còn hứa xuất tiền nuôi nó ăn học, thế thì em Trọng Liêm mình biết bao là hạnh phúc. Huống chi chị em mình là phận đào tơ liễu yếu, rất đổi là ở trong nhà, lại là xứ sở của mình, mà hãy còn bị những quân lang tử giả tâm nó khuấy nhiễu thay. Phương chi là nay đi chỗ này, mai ở chỗ kia, trôi nổi bình bồng, lưu linh đất khách. Vậy thì chị em mình cũng nên cáo lỗi cùng trời đất và cha mẹ, đăng vào chịu ở làm con bà này cho yên phận mà chờ tin cha mẹ, chị nghĩ lại coi, có phải vậy chăng?

Thu Cúc nghe lời em nói có lý, song cũng còn tấn thối lưỡng nan, cứ ngồi làm thỉnh nhìn sững Xuân Lan mà suy nghĩ trong lòng hoài, chớ chưa kịp mở miệng. Xuân Lan lại vỗ vai Thu Cúc mà nói tiếp thêm rằng:

– À chị! Mà em còn quên đây nữa chứ! Bây giờ em mới nghĩ lại cái lời Bà dạy trong lá xăm số 92 đó, thật là linh quá đa chị à...

Vừa nói vừa lấy lá xăm trao ra cho Thu Cúc xem, rồi lại chỉ từ câu mà nói rằng:

– Đây này: *Việc không cầu lại được. Điều chẳng ước mà xong.* Đó, chị nghĩ lại mà coi, tự thuở đến giờ, chị em mình có cầu có ước cho ai đem chị em mình về mà nuôi làm con bao giờ? Mà nay tình cờ lại gặp bà phủ này thương chị em mình mà tính như vậy thật cũng là kỳ! Ấy có phải là: *Việc không cầu lại được. Điều chẳng ước mà xong* đó chẳng? Trong ấy lại có câu: *Có quý nhon phò hộ, gặp may mắn lạ lùng.* Đó, chị nghĩ lại cái câu này cho chính mà coi, quý nhon là ai? Chắc là bà phủ này đây rồi chứ ai? Mà quả thật như vậy rồi đa chị à! Ấy có phải là lòng trời đã định, mà thánh thần mách bảo cho mình biết đây chẳng chị. Thôi, chị em ta cũng chẳng còn dự dự làm chi, hãy về mà ở với bà cho an phận, nếu bà quả thật là người đạo đức từ hòa, thì cái ơn đùm bọc của bà đây, chị em mình cũng nên kết cỏ ngậm vòng, tôn bà làm mẹ, sớm trưa hủ hỉ với bà và xem sóc việc nhà cùng là thần tỉnh mộ khan trong khi bà uơn yếu, kéo để một người hiền đức như bà vậy, mà không có con cái chi, trước sau hiu quạnh một mình, thật cũng là tội nghiệp.

Thu Cúc nghe Xuân Lan nói rớt một hồi, câu nào cũng có lý, lời nào cũng chẳng sai, bèn vỗ vai em mỉm cười mà nói bốn rằng:

– Thật cái miệng em nói xuôi như nước chảy, ấy rõ ràng là nữ Tùỳ Hà¹ đó.

Xuân Lan cũng cười xòa. Rồi đó hai chị em bèn dắt nhau vào lạy bà phủ mà kêu bằng mẹ.

(Nguyên bà phủ này thuở nay không có con cái chi hết, nay tình cờ mà được một cặp con gái rất mỹ miều, rất quý đẹp như vậy, lại thêm phẩm hạnh đoan trang, nói năng thanh nhã, thì bà mừng rỡ biết là đường nào!) Thật là:

Điều đâu may mắn biết bao!

Mừng này còn có mừng nào cho hơn?

Rồi đó bà liền từ giã ni cô, dắt hai chị em Thu Cúc đi xuống núi, lên xe ra về. Về tới nhà vừa đúng buổi chiều, bà liền hối kẻ

1. Tùỳ Hà là sứ của vua Hán Cao Tổ, cái văn nói rất có tài.

dọn com, rồi kêu hai chị em ngồi lại ăn chung với bà, thật là bà mừng quá. Bà ngồi ăn và nhắm nhía mãi hai cô gấp món này bỏ vào chén cho cô này, gấp món nọ bỏ vào chén cho cô kia, ân cần ép uống, coi ra ý thật là thương yêu tung tiêu lắm vậy. Bà lại gọi thợ xuống Sài Gòn mà hỏi thăm tin Phan, Nguyễn hai ông, thử coi còn ở Sài Gòn hay là đã đi ra Bắc. Cách chẳng mấy ngày mà bà đã được tin hồi âm cho bà hay rằng: Hai ông đã thắp tùng chiếc tàu Paul Le cat mà ra Bắc đã bốn ngày, tưởng khi nay cũng đã tới Hải Phòng rồi. Vì vậy cho nên hai chị em Thu Cúc mới an lòng, đành ở đó mà làm con bà phủ.

Từ ngày hai chị em Thu Cúc với Xuân Lan vào ở làm con bà phủ rồi thì việc nhà của bà bớt câu lớn nhỏ, tự trong tới ngoài, tự gần tới xa, đều nhờ có hai cô ân cần xem sóc. Mà cũng chẳng lạ gì, hề thỉnh khi tương cầu, thì thế tốt phải tâm đầu ý hiệp, bởi đó cho nên, mẹ con mà gần gũi nhau chùng nào thì lại càng tin cậy mến yêu nhà chùng nấy. Thậm chí, chìa khóa tủ sắt của bà mà bà cũng phú thác cho hai chị em giữ gìn thấu xuất, bà chẳng hề nghi ngờ một mảy. Tuy vậy mà, phàm những công việc nào khác thì hai chị em cũng còn chưa lấy chi làm quan tâm cho lắm, chớ hề động tới việc bạc tiền, thì hai chị em lại đau đầu nơi lòng, cần cần nơi chí, nắm nắm nớp nớp, kiên sợ rần dè, thấu xuất rất phân minh không hề dám để cho sót sai một ly một mảy. Vì vậy mà bà phủ lại càng thương yêu tin cậy hơn nữa, thật con ruột tưởng cũng không bằng, lần lần mà cái nghĩa minh linh lại hóa ra tình cốt nhục.

Lần hồi ngày lụn tháng qua, thắm thoát mà đã gần năm tháng. Ngày nọ nhằm lúc cúng vía Bà trên núi Điện, bà phủ cũng nhơn dất hai cô lên Điện mà dâng hương, tình cờ lại gặp Hoàng Hữu Chí. Bà thấy chàng diện mạo khôi ngô, nói năng phong nhã, nên bà cũng đem lòng yêu mến kính vì, ý bà muốn định đôi cho một người trong hai cô con của bà, nên bà mới mời chàng về nhà đặng có làm quen và hỏi thăm lại căn do lý lịch của chàng cho rõ.

Đây nhắc lại Hoàng Hữu Chí, khi hứa với bà phủ rồi thì chẳng dám nuốt lời, cho nên qua bữa sau lối ba giờ chiều thì chàng ta đã hỏi thăm mà tìm, tới nhà bà phủ.

Còn bà phở khi thấy Hoàng Hữu Chí tới nhà thì mừng lắm, chào hỏi lăng xăng, lại hồi trẻ bung trà thết đãi. Lúc ấy Hoàng Hữu Chí miệng thì uống trà mà con mắt thì liếc xem tứ phía, thấy nhà bà tuy là đơn bà góa mặc dầu, mà ở ăn sạch sẽ, trong nhà sắp đặt nghi tiết chỉnh tề, mỗi thứ đều có quy củ chuẩn thẳng, rất đúng đắn. Còn đang nức nở khen thầm, bỗng nghe bà phở và cười và nói rằng:

– Từ hôm qua cho tới bữa nay tôi e thầy hứa lơ là, rồi hoặc có việc gì nó ngăn trở mà thầy đến không được chẳng, không dè mà thầy giữ được lời hứa, nên tôi cũng khá khen cho thầy lắm đó.

Hoàng Hữu Chí đáp rằng:

– Bẩm bà, hễ là làm người mà muốn lập cái thân danh với xã hội, thì phải lo trau dồi tín nghĩa mà làm đầu, nay cháu vừa bước chon vào đường đời thì những lời cháu hứa cùng ai, cháu đâu dám để chi thất tín.

Bà phở lại nói rằng:

– Hôm tôi gặp thầy trên Điện, vì có người ta đông đảo, nên tôi chưa kịp hỏi thăm, chẳng hay thầy, cha mẹ song toàn và đã có nơi nào kết tóc hay chưa, thầy cứ nói thật cùng tôi, xin đừng giấu giếm.

Hoàng Hữu Chí thưa rằng:

– Cha mẹ cháu bất hạnh, mất hồi thuở cháu còn thơ, cháu nhờ có một người chị, bán buôn nuôi cháu ăn học mà thôi. Vả lại cháu học tốt nghiệp vừa mới có mấy tháng nay, nên chưa kịp lo đôi bạn.

Bà phở nghe lời chàng nói thật thà thì lại càng thương hơn nữa, bèn nói rằng:

– Tôi xin lỗi cùng thầy, vì tôi thấy thầy côi cút mà có chí học hành, lập nên danh phận như vậy nên tôi cũng thương, vậy từ đây tôi đãi thầy cũng như con cháu nhà nầy, bất câu là ngày nào, hễ thầy có rảnh thì cứ tới lui mà chơi chớ ngại; thỉnh thoảng tôi coi có chỗ nào xứng đáng, tôi sẽ mách miệng giùm cho, chớ thầy còn nhỏ tuổi, lại ở nơi xứ lạ quê người, sớm khuya trời trời có một mình, trong khi ươn yếu biết lấy ai săn sóc thuốc men, thật cũng là tội nghiệp.

(Nguyên bà phủ mà mời Hoàng Hữu Chí tới nhà đây là bà có ý muốn gả con, xong bà còn để nó xa nói gần, chớ chưa nói quyết; một là vì bà chưa rõ lai lịch của chàng, hai là bà cũng chưa rõ ý hai cô con, nên để chờ hỏi lại). Còn Hoàng Hữu Chí khi nghe bà nói vậy thì tạ ơn, rồi đứng dậy từ giã ra về, đi dọc đường suy nghĩ một mình rằng: "Bà phủ đã mở hơi như thế ắt cũng có duyên có chi đây, hoặc là bà muốn gả con bà cho ta đây chăng? (Cực kỳ thông minh). Nhưng mà không! Ta chẳng hề chịu bao giờ! Vả bà là nhà giàu sang, thì hai cô con gái của bà, chi cho khỏi tập lấy tánh kiêu. Còn ta đây bất quá hồ là một đứa sĩ cùng, nếu cưới vợ giàu sang đem về, thì ắt có ý tiền ý của mà kiêu căng khi về nhà chồng. Hễ vợ mà kiêu căng khi lon chồng, thì ối thôi, cái gia đình ấy còn chi mà kể. Đã vậy mà thiên hạ họ còn dị nghị, họ cho mình là bọn tham tiền, đã vọc nhả cái bàn toán rồi mới đi cưới vợ. Ôi! Hẳn thật ta không thể nào mà cưới con bà phủ được. Thôi, ta cũng để mà coi chớ chưa biết làm sao mà định trước".

Đây nhắc lại bà phủ, nội đêm ấy bà kêu Thu Cúc mà nói rằng:

– Má thấy con nay đã trọng rồi, lẽ phải định bẽ đôi lứa cho kịp tiết kịp thời, nay má thấy thầy giáo nầy học hành đã khá mà tánh hạnh cũng dễ thương, nên má muốn định gả con cho thầy, nhưng định thì định vậy, song cũng còn phải chờ nghe tin tức anh chị ở đâu mà cho hay đã rồi sẽ tính, chẳng hay ý con thế nào, con cứ nói ngay cho má liệu.

Thu Cúc nghe nói vùng sa nước mắt, rồi thưa rằng:

– Việc vợ chồng là đạo nhân luân, cho nên phận làm cha mẹ mà có con, bất luân là trai hay gái, hễ lớn lên thì phải lo bẽ nghi thất nghi gia, ấy là lẽ tự nhiên của trời đất: gia dĩ cái ơn tri ngộ của má đây thật rất cao dày, nói cho cùng mà nghe, dầu má có dạy con chết đi nữa thì con cũng chẳng từ, huống chi là việc hôn nhom, ngặt vì lúc con còn bé, cha con đã hứa hôn, định gả con cho Phan Quốc Chấn, lúc cha con gần để bước lên đường, thì người vẫn cũng định ninh dặn dò con việc ấy. Hiện nay chàng còn đương ở học bên Tây, còn một năm nữa mới là tốt nghiệp; rất rủi cho ông thân của chàng vì bị hỏa tai mà sự nghiệp phải tiêu điều; nay người đã hiệp với cha con mà đi ra Bắc, không hiểu hai ông đi đây là tính xoay

về cái chủ nghĩa nào, mà cũng chưa biết cái nẻo tương lai của hai ông sau này có kết quả được những gì hay không. Còn chàng Quốc Chấn thì còn đương ở bên Tây, nếu tiền bạc đã hết đi rồi mà không người châu cấp thì ắt là chàng phải phế học; mà con lại còn lo cho chàng hụt tiền phí lộ mà trở về, thì lại càng thêm khổ. Chớ như phận em con đây, vì nó tuổi còn thơ ấu, nên cha con chưa hứa với ai; nếu nay mà có đành lòng thầy Hoàng Hữu Chí thì má tính cho nó cũng xong, hễ mà đã đành rồi thì chị em con lẽ đâu dám cãi.

Bà nghe lời nàng nói thì bà cũng ngậm ngùi, bèn nói rằng:

– Có vậy sao xưa nay con kín miệng, không nói ra cho má tính cho, để cứ ôm ấp trong lòng thì má biết ngứa đầu mà gãi.

Thu Cúc liền thưa rằng:

– Bối con nghĩ vì nhà con đương lúc diên nguy, mẹ cha xiêu lạc, con cái bình bông, may nhờ má có dạ nhân từ, đem về hoạn dưỡng, mặc ấm ăn no thì đã quá phận, vậy thì con còn dám vọng cầu những điều chi khác nữa mà làm cho má buồn lòng sao.

Bà phủ nghe lời Thu Cúc nói rất ngọt ngào, thì bà lại càng thương yêu hơn nữa.

Thật là:

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ thương.*

Bà phủ bèn nói rằng:

– Thôi, con chớ ngại chi, vì qua có nghe rằng: Quân tử năng thành nhân chi mỹ. Hễ làm người thì phải giúp nhau cho nên việc mới là. Huống chi nay chúng ta sanh nhâm cái thời đại bán khai, thì cái tiền đồ của quốc dân ta sau này đều trông mong nơi đám thanh niên, cho nên hễ giúp được một người học sanh nào cho học nghiệp được hoàn toàn, thì cũng còn hơn lập một cảnh chùa chín nóc đa con. Rất đổi là người ngoài mà còn phải lấy lòng bác ái để giúp cho nhau thay! Huống chi Phan Quốc Chấn, sau này nó sẽ là chồng của con, thì tức nhiên nó cũng sẽ là rể hiền của má vậy chớ; nếu không lo cho nó, chớ lo cho ai bây giờ. Thôi, để sáng mai hai mẹ con mình đi lại nhà dây thép mua măn da (mandat) mà gởi cho

nó một ngàn đồng, để giúp nó học thêm cho tới kỳ tốt nghiệp. Vậy mà con có biết chỗ nó ở học chắc chắn hay không con?

Thu Cúc nói:

– Dạ, thưa có, vì cha con có biên để lại cho con.

Bà phủ nói:

– Ủ, được đa, vậy thì tốt lắm.

Đêm ấy bà biểu Thu Cúc viết thư sẵn cho bà ký tên. Sáng ra bữa sau ba mẹ con thức dậy rồi bà bèn kêu thằng ở đánh xe, hỏi nó thắng xe, lại biểu Thu Cúc mở tủ lấy ra một ngàn đồng bạc, để Xuân Lan ở lại coi nhà, bà với Thu Cúc lên xe đi lại nhà dây thép mua một cái mấn đa mười hai ngàn quan tiền tây (bạc lúc ấy mỗi đồng là mười hai quan tiền tây, nhằm một ngàn đồng bạc chẵn) rồi để vào bao niêm phong tử tế, lại có gắn keo, gởi rờ-com-măn-đê (recommander) cho Monsieur Phan Quốc Chấn, học sanh trường Thương nghiệp cao đẳng tại Paris bên Pháp quốc.

Đây nói qua việc Phan Quốc Chấn ở học bên Tây, từ ngày tiếp được tin nhà rủi ro như vậy thì đêm ngày lo sợ phập phồng; nỗi lo cho cha mình già yếu mà gặp con nguy biến thế này; không biết người có vì sự ưu sầu mà phải sanh đau ốm gì chẳng; nỗi lo cho mình học mới nửa chừng, nay lại rủi gặp lúc vận nhà điên đảo như vậy thì biết lấy chi mà học thêm cho tới ngày thành đạt. Còn đang suy nghĩ lo tới tính lui, bỗng thấy phắc-tơ (facteur)¹ đem lại một phong thư rờ-com-măn-đê và một cuốn cạt-nê (carnet)² biểu ký tên mà lãnh. Phan Quốc Chấn ký lên lãnh lấy phong thư rồi trong lòng hồi hộp, chưa biết dữ lành, mà cũng không biết của ai, liền mở ra coi, thấy có một tờ mấn đa mười hai ngàn quan, nhìn tuồng chữ viết thư thì lạ hoắc, nhìn mãi mà nhìn cũng không ra; chàng ta nóng nảy, muốn gấp biết người nào gởi bạc cho mình, nên không kịp đọc cho hết bức thư, lại lật ra phía sau đặng coi tuồng chữ ký tên của ai cho biết. Ai ngờ thấy đề như vậy: Madame veuve phủ Ân, Proprinétaire à Tây Ninh. Té ra cũng là lạ hoắc. Phan Quốc Chấn ngạc nhiên, không biết bà phủ nào đây, sao lại gởi tiền cho mình

1. Phắc-tơ là người đưa thư.

2. Cạt-nê là cuốn sổ nhỏ để ký tên mà lãnh thư có bảo kiết.

nhiều lắm vậy. Liền lật trở qua phía trước, đọc cho hết đầu đuôi, dặng cho rõ duyên do kéo ứ. Chừng đọc hết bức thơ, mới hay quan huyện cũng vì sự tai biến của cha mình mà phải liên lụy, bị tịch hết gia sản. Ông rầu bỏ đi, làm cho hai chị em Thu Cúc vì đi tìm cha mà phải trôi nổi lên tới Tây Ninh, may gặp bà phủ này là người háo nghĩa, đem về nuôi hết làm con, thương yêu như con ruột, nàng nhơn tỏ hết gia tình cho bà nghe, nên bà lại lấy lòng hào hiệp, chẳng tiếc bạc ngàn, gởi giúp học phí cho mình dặng học thêm cho tới ngày thành đạt. Sau rốt bà lại đình ninh dặn dò, bảo phải rán học cho đến kỳ tốt nghiệp sẽ về, thoảng như có thốn thiếu bạc tiền, chỉ cứ gởi thơ cho bà hay, thì bà cũng sẵn lòng gởi thêm cho mà ăn học.

Bà lại cho hay rằng cha mình và quan huyện đã cùng nhau đi ra Bắc; song chưa hiểu hai ông ra Bắc làm gì.

Phía dưới chỗ bà phủ ký tên lại có mấy hàng chữ nhỏ gạch thêm như vậy:

"Hai nhà tai nạn, nay đã hầu qua, một tác dạ này, đất trời soi xét, xin hãy gia tâm, dôi mài kinh sử, cho khỏi phụ tấm lòng háo nghĩa của người.

Đôi hàng trân trọng, xin chớ phụ lời. Chí chúc! Chí chúc!

Thu Cúc bái thượng"

Phan Quốc Chấn xem rõ đầu đuôi, trong dạ ngùi ngùi, suy tới nghĩ lui, tâm thần tán loạn, nỗi lo cho hai ông lão đi ra đất Bắc là nơi xú lạ quê người, khi mưa nắng biết lấy ai mà nương cậy, nỗi cảm ơn bà phủ, tấm lòng rộng thình thình, dầu cho biển Thái Bình cũng không bì kịp, nỗi cảm tình Thu Cúc, một lời của mẹ cha đính ước, mà nàng tạc dạ khăng khăng, dầu phải bước truân chuyên, cũng không dôi chí. Lúc bấy giờ, Phan Quốc Chấn ngồi dựa cạnh bàn, tay chống trán, mắt nhìn thơ, một mình nghĩ vẩn nghĩ vơ, mới cảm hoài lai láng. Một chặp lâu chàng ta mới nhứt định lấy giấy viết thơ gởi về cho bà phủ, trước là cho bà hay rằng mình đã được bạc và thơ, sau nữa là để tỏ ý tạ ơn bà luôn thể. Chẳng dè khi đặt bút xuống mà viết được có một hàng là đề chỗ ở và ngày tháng:

Paris, le...

Viết có bấy nhiêu đó rồi ngưng bút lại mà suy nghĩ mãi có một cái vấn đề về cách xưng hô hơn trót một giờ mà chưa quyết định được, bây giờ đây mình gởi thơ cho bà mà phải kêu bà bằng má hay bằng bà? Suy đi nghĩ lại một hồi, rồi hỏi lại mình rằng: Vậy phải kêu bà bằng chi bây giờ? Kêu bằng bà không được? Không được. Bà mà gởi bạc cho mình ăn học đây, là bà đã có ý đãi mình như tình con rể rồi đấy. Vậy phải kêu bằng má hay sao? Cũng không được! Một không hai không, ba bốn cũng không! Rất đổi quan huyện là cha ruột của nàng Thu Cúc kia mà mình còn chưa dám kêu bằng cha thay! Huống chi bà phủ là mẹ nuôi của nàng mà mình lại dám kêu bằng má! Khó cha chả! Phải liệu làm sao bây giờ?

Phan Quốc Chấn lúc bấy giờ, hình như tượng gỗ, cứ ngồi lặng thinh mà trầm tưởng mãi có một mình, như đại như ngậy, lấy làm rối trí. Đến lúc chàng ta đã cùng suy tột xét rồi mới nói rằng: "Nếu bây giờ mà mình kêu bà bằng má thì thật rất ngớ ngẩn, vì mình còn ở xa xuôi bên nầy, không biết được rõ bên ấy hai người đối đãi với nhau làm sao mà mình dám đánh bạo kêu bà bằng má, thành ra mình có ý phùng nghinh, bùng bọ bà vì cái bạc mười hai ngàn quan của bà mới gởi qua cho mình đây chẳng? Ôi! Không phải vậy. Thế thì mình tính kêu bằng bà có khi phải hơn. Bao giờ bà có gởi thơ mà dạy lẽ nào nữa, thì chừng ấy ta sẽ tùy cơ ứng biến, cũng chẳng muộn gì". Nghĩ như vậy rồi mới nhứt định kêu bà phủ bằng bà thôi, liền viết thơ như vậy:

Paris, le... 192...

"Kính bà,

Con mới vừa tiếp được một bức thơ rất quý trọng và một tờ mẫn đa mười hai ngàn quan của bà đã có lòng tốt gởi qua để giúp con ăn học cho tới ngày thành đạt. Thật con rất đội ơn bà là người nghĩa trọng như san, vừa hào hiệp vừa nhân từ, đã cứu người lạc nạn mà bảo tồn danh giá cho mấy chị em Thu Cúc tiểu thơ, lại còn đem lòng trắc ẩn, đoái thương kẻ du học viễn phương mà giúp đỡ con trong cơn chuẩn bức nơi xứ lạ quê người. Thật cái ơn trọng này ví tựa non sông, dầu cho phấn cốt toái thân đi nữa, con cũng quyết kết cỏ ngậm vòng, chờ ngày đền đáp. Bà lại còn hứa rằng nếu ngày nào con còn thốn thiếu mà gởi thơ cho bà hay, thì bà cũng sẵn lòng

gởi cho thêm nữa. Ôi! Thật là thiên cao địa hậu, muôn kiếp ghi xương. Nhưng con nghĩ vì nhà con thuở nay chưa hề có tới lui on nghĩa chi với nhà bà, nay bà vì quá thương cô Thu Cúc mà ái ố cập ô, gởi cho con số bạc quá to, thì con đã quá vọng rồi; lẽ đâu con lại còn dám đèo bè trông mong chi nữa mà làm rộn cho bà phải nhọc công tốn của nữa sao? Huống chi nay con học nghiệp cũng gần thành, tiền học phí còn chừng năm ngàn quan là đủ, còn dư lại bảy ngàn, con sẽ tiện tặn mua sắm chút đỉnh sách vở cùng những vật dùng. Chỉ tốn lại bao nhiêu, con sẽ đem gởi cho nhà băng, để dành làm lộ phí nơi ngày con trở về cố quốc cũng đã đủ rồi. Vậy xin bà chớ có để ý cho con về sự tiền bạc nữa làm chi mà lao phiền quý thể.

Sau nữa con cũng xin bà đoái thương đứa sĩ cùng là một đứa con bất hiếu Phan Quốc Chấn này mà lưu tâm độ giùm tin tức của hai ông lão nhà con, mạnh giỏi thế nào rồi cho con hay, thì con lại càng tạ dạ ghi xương, cảm đội ơn bà vô cùng vô tận. Luôn dịp con kính gởi một tấm ảnh của con đây, gọi là tỏ chút chơn thành mà dâng cho bà để làm kỷ niệm; cúi xin bà nạp cho con.

Vấn tất mấy lời thành thật, con kính chúc cho bà hai chữ vạn an.

Phan Quốc Chấn bá bái kính tho".

Phía sau rút bức thơ, chàng lại gạch thêm mấy hàng mà ngỏ cùng Thu Cúc như vậy:

*"Thu Cúc quý nương nhā giám.
Mấy lời kim thạch, khắc cốt minh tâm.*

*Đa tạ, đa tạ.
Phan Quốc Chấn bái".*

Viết xong, đọc đi đọc lại đôi ba lần rồi mới niêm phong đem bỏ thùng thơ mà gởi về Nam Kỳ cho bà phủ.

Cách chừng một tháng ngoài thì bà phủ đã được thơ, bà mở ra xem hết đầu đuôi, thấy lời nói của chàng vừa trung hậu, vừa khôn ngoan, thì bà đã nức nở khen thầm, đến khi bà xem tới tấm ảnh của chàng, hình dung tuấn tú, diện mạo khôi ngô, thì bà lại càng mừng lắm. Bà nhơn nghĩ rằng: "Nhà mình thì giàu sang, mà chồng lại bất hạnh mất sớm, con cháu cũng không ngo, hôm sớm

một mình, vào ra trời trời, nếu ngày nào mà ta nhắm mắt đi rồi thì sự nghiệp nầy thiên hạ họ chia phay, thế thì có phúc cũng như vô phúc. Ngồi mà nghĩ lại thật ta cũng buồn cười cho những người bỗng sên làm lụng cả ngày, tay lấm chon bùn mà ăn chẳng dám ăn, mặc chẳng dám mặc, năm chí cuối chỉ cứ khư khư làm mọi giữ của cho đời, đến khi tới số vô thường rồi, thì đi lại cũng nắm hai bàn tay không. Chứ như ta đây, vì nhà không con cái, đã cam phận thiệt thòi; có dè đâu mà trời chẳng phụ người hiền, khiến cho ta gặp được hai đứa con, tuy là giá nghĩa mình linh, nhưng cả hai đều tánh tình hiếu thuận, cử chỉ khoan hòa; thật là quan Nguyễn Trọng Luân đã khéo sanh con mà cách dạy con cũng khéo. Nay hai chị em nó đã chịu tiếng làm con ta rồi, thì ta cũng nên chọn cho được một đôi giai tể, mà sánh với cặp nầy thì mới là thỏa mãn. Mới đây ta gặp Hoàng Hữu Chí thì ta đã chấm được một đứa rể hiền rồi, nay ta thấy thơ và hình của Phan Quốc Chấn đây nữa thì cũng là xứng danh; thật rõ ràng là một nhà con thảo rể hiền, song song hai cặp giai nhân tài tử. Nếu ngày nào mà đôi lứa ấy được thành, thì vợ chồng quan huyện biết bao là toại chí; mà rồi ta đây cũng có người dưỡng cũng đạo đồng; hướng chi ta đã chẳng tiếc bạc ngàn mà tác thành cho bốn trẻ, thì có lý nào mà ngày sau chúng nó lại chẳng nghĩ ta, mai sau dầu bóng xế nhành dâu, ắt có kẻ quạt nồng ấp lạnh; thế thì từ đây ta đã thôi lo điều tịch mệnh rồi".

Bà phủ thì trong lòng thầm tính như vậy, còn Hoàng Hữu Chí thì lại khác, vì chàng ta thấy nhà bà giàu sang, sợ e nếu cưới con bà thì chi cho khỏi cô ả ỷ của mà khinh thị mình, nên nhút nhát không chịu cưới con nhà giàu có. Bữa kia, nhằm ngày chúa nhật, Hoàng Hữu Chí đang ngồi trong này, xảy có một thầy thông ngôn dây thép bước vào hai hàng bắt tay chào hỏi rồi mới ngồi lại chuyện vãn với nhau. (Nguyên thầy thông nầy tên là Lê Xuân Kỳ vẫn có quen với Hoàng Hữu Chí). Hoàng Hữu Chí hỏi:

– Hôm nay thầy đến đây mà chơi, hay là có việc chi chăng?

Lê Xuân Kỳ nói:

– Bữa nay nhơn rảnh tôi đi dạo chơi, tiện đường nên ghé thăm thầy và cũng có ý muốn hỏi thăm thầy một chuyện.

Hoàng: – Chuyện chi vậy?

Lê: – Tôi đổi lại đây đã hơn năm sáu năm rồi, tôi vẫn biết nhà bà phủ Ân lắm, hồi tôi mới lại thì ông phủ vẫn còn, tôi không thấy hai ông bà có con chi hết. Mà sao cách mấy tháng nay lại có hai cô thiếu nữ nào đó, xinh đẹp vô cùng, đến ở nhà bà, mà lại kêu bà bằng má; thật cũng là kỳ!

Hoàng: – Điều ấy cũng chẳng lạ gì, vì tôi nghe hai cô ấy đều có học thức cả, hoặc lúc thầy mới đổi lại thì hai cô ấy còn mắc ở học trong Nữ học đường Sài Gòn, nên thầy không biết chẳng.

Lê: – Không mà! Tôi có hỏi thăm mấy người gốc gác nhau rún tại đây, thì họ cũng đều không biết và cũng lấy làm lạ như tôi vậy hết nữa mà!

Hoàng: – Ừ! Sao thầy không hỏi họ lại cho kỹ thử coi?

Lê: – Có chớ! Mà không ai hiểu hết, nên tôi mới lấy làm lạ chớ! Lại mới hôm tháng trước đây, bà đi với một cô trong hai cô ấy đến nhà thếp mua một cái mấn đa tới mười hai ngàn quan mà gởi qua bên Tây cho một cậu học sanh ấy cũng không phải là con cháu chi của bà, thật là người đưng đặc sệt, không biết vì sao mà bà lại gởi tiền mà cho nhiều như vậy?

Hoàng Hữu Chí nghe nói tới tên Phan Quốc Chấn thì biết là bạn hữu của mình, song chẳng muốn cho Lê Xuân Kỳ biết rõ làm chi; mà cũng không hiểu duyên cớ làm sao mà bà phủ Ân lại gởi tiền cho anh. Bên ngoài lặng thinh mà suy nghĩ hoài, Lê Xuân Kỳ thấy vậy phát nghi, liền hỏi thẳng:

– Phan Quốc Chấn nào đó anh có biết chẳng?

Hoàng: – Biết chớ! Phan Quốc Chấn thì tôi biết, còn tại sao mà bà phủ Ân lại gởi tiền cho thì tôi không rõ.

Lê: – Tôi thấy thầy lui tới nhà bà phủ cũng thường mà thầy không hiểu gì hết hay sao?

Hoàn: – Mình là người có học, mắc mớ gì có giữ cái lễ nghĩa, cho nên việc nhà của người ta không lẽ mình tọc mạch mà hỏi tới làm chi. Mà mình cũng chẳng phải là bọn dê rừng, hễ thấy sắc đẹp thì mê, mà cũng không phải là bọn tham tiền, thấy người giàu có mà muốn cưới con gái của người dưng ăn của nên hòng hỏi thăm cho kỹ; vì vậy nên tôi không biết được gì hết.

Lê Xuân Kỳ nghe Hoàng Hữu Chí nói mấy lời thì có ý thẹn thắm, liền đứng dậy từ giã ra về; vừa đi vừa lẩm bẩm rằng: "Mình tưởng nó là anh em, nên hễ có chuyện gì lạ thì nói cho nó nghe, nó lại kiểm điều mà nói đâm hông mình, làm hơi người liêm sỉ, nói rằng không ham cưới con gái nhà giàu. Thằng phách thiệp, mi để mi coi ta". Từ đó mới sanh dạ oán thù Hoàng Hữu Chí.

Nguyên Hoàng Hữu Chí vẫn biết Lê Xuân Kỳ là một tay tham tài háo sắc, kiếm lợi vong nghĩa; cho nên bề ngoài tuy quen mà bề trong thì không thích. Khi thấy Lê Xuân Kỳ về rồi thì cười thắm, rồi bỏ qua, không thèm để ý tới. Nhơn nghĩ lại một mình rằng: "Vả Phan Quốc Chấn với ta là anh em bạn thiết, tâm đầu ý hiệp; thương yêu nhau, tin cậy nhau, lúc ảnh còn ở bên này thì ảnh thường chơi bời chuyện vãn với ta, bà con cô bác của ảnh những ai, ta đều biết hết, mà không hề nghe ảnh nói tới tên bà phủ Ân nào ở Tây Ninh bao giờ! Sao bà phủ lại biết ảnh mà gởi bạc tiền cho ảnh? Hoặ là bà có bà con gì với ảnh hay sao mới vậy chứ! Thôi, để bữa nào ta giả đến thăm bà, rồi ta sẽ lần hồi dò la thử coi cho biết".

Một bữa kia, nhằm ngày thứ năm, Hoàng Hữu Chí nhơn nghỉ dạy, bèn đến thăm bà phủ, rồi hỏi thăm qua việc Phan Quốc Chấn rằng:

– Cháu xin vô lễ mà hỏi thăm bà một việc, chẳng hay Phan Quốc Chấn là người bà con hay là con cháu chi của bà?

Bà phủ nghe hỏi như vậy cũng lấy làm lạ bèn hỏi lại rằng:

– Ủa! Sao thầy biết Phan Quốc Chấn?

Hoàng: – Dạ, bẩm bà, Phan Quốc Chấn là anh em bạn thiết của cháu.

Bà phủ: – Vậy sao? Cơ khổ dữ chưa! Vậy mà xưa rày tôi có đề dàu. Thầy quen với nó hồi nào, đã lâu rồi hay mới?

Hoàng: – Bẩm bà, cháu với ảnh là bạn học với nhau từ hồi thuở nhỏ, thường tới lui chơi bời thân cận với nhau lắm; mới cách nhau là từ ngày ảnh đi du học bên Tây đây mà thôi. Còn ảnh là người chi của bà, xin bà cho cháu biết với.

Bà phủ bèn đem hết các việc từ ngày mới gặp hai chị em Thu Cúc cho đến khi gởi bạc qua bên Tây mà cho Phan Quốc Chấn, đầu

đuôi thuật rõ lại hết cho Hoàng Hữu Chí nghe. Chừng ấy Hoàng Hữu Chí mới biết hai chị em Thu Cúc vẫn là con của một ông quan hưu trí rất có thanh danh, và Thu Cúc lại có hứa hôn với Phan Quốc Chấn là bạn hữu của mình; rủi vì hai nhà ngộ nạn, nên nổi phiên lưu, may gặp bà phủ đem về nuôi mà làm con, đãi như con ruột, bà lại còn châu toàn cho đến Phan Quốc Chấn đương ăn học bên Tây. Đến đây Hoàng Hữu Chí mới biết bà phán là người nhân hậu, thể thượng vô song, thật rõ ràng là nữ trung quân tử. Từ đó chàng ta mới hết lòng kính phục bà và thường lân la tới lui thăm viếng; mà hễ Hoàng Hữu Chí càng biết bà phủ chừng nào thì càng kính, càng khen, càng sợ.

Nhắc lại Lê Xuân Kỳ, nhơn thấy bà phủ đã giàu sang mà chẳng có con trai, duy có hai người con gái mà thôi, nếu cưới được con bà thì ngày sau ắt sẽ nhờ được. Bọn ta tính tới tính lui, (nhon, chia, trừ, cộng gì đủ hết) tính nát trong ruột rồi mới cây mai đến nói. Chẳng dè bà phủ, nhơn vì Thu Cúc đã có nơi rồi, còn Xuân Lan thì bà lại nhứt định để gả cho Hoàng Hữu Chí nên bà kiếm chuyện mà từ rằng con bà còn nhỏ dại, bà chưa chịu gả cho ai, để bà dạy thêm nữ công nữ hạnh một đôi năm nữa rồi bà mới gả. Lê Xuân Kỳ cây mai đến nói đã đôi ba phen mà bà cũng khấn khấn một lời trước sau như một. Bọn ta tức giận vô cùng, phần thì thấy Hoàng Hữu Chí thường hay lai vãng nhà bà, bèn sanh lòng đố kị, quyết toan mưu ám hại cho được mà rửa hờn. Nhưng bề trong thì vẫn cứ hăm hăm, còn bề ngoài thì lại làm màu tử tế; mỗi khi gặp Hoàng Hữu Chí bất luận chỗ nào, bọn ta cũng làm bộ chào hỏi vui cười, chuyện trò niềm nở lắm.

Thiệt là:

Bề ngoài thon thót nói cười

Mà trong nham hiểm giết người không guom.

Nguyên Lê Xuân Kỳ trước đã có tư tình với một nàng kia tên là Cẩm Lệ, nàng ấy nhân phẩm tầm thường, không phải xấu, mà cũng không đẹp. Cha mẹ nàng mất sớm, có để lại cho nàng một cái nhà ngói ba gian và đôi ba chục mẫu ruộng; vì không ai câu thúc, cho nên nàng mới được tự do, Lê Xuân Kỳ tới tới lui lui, giờ nào cũng được. Đêm kia Lê Xuân Kỳ đến thăm Cẩm Lệ mà mặt còn hơi giận lộ ra ngoài. Cẩm Lệ lấy làm lạ bèn hỏi rằng:

– Mọi lần thầy đến đây thì mặt mày vui vẻ luôn, hôm nay thầy có bất bình với ai việc gì hay sao mà coi ý thầy còn hơi giận dữ lắm vậy? (Ấy là Lê Xuân Kỳ muốn lợi dụng Cẩm Lệ cho đắc kế của mình, nên mới làm bộ giận dữ cho Cẩm Lệ hỏi mà nói. Mà quả thật Cẩm Lệ trúng kế, nên mới hỏi bộp ta như vậy).

Lê Xuân Kỳ bèn dùng dịp ấy, bày điều nói láo mà khích Cẩm Lệ rằng:

– Bấy lâu nay tôi tưởng nó là người tử tế, nên mới kết bạn với nó mà chơi, có dè đâu mà nó là một đứa tiểu nhân, kiêu căng xác xược, nói phách chẳng ai bằng; nó thấy tôi tới lui với cô thì nó làm hơi mặt quân tử mà ngăn cản tôi hoài, nó chê tôi đại, lấy cô mà ăn những vật gì, nó lại nhiech cô là gái mất nết, gái chạ, gái hư, thật là nó nhiech rất quá lời, nó lại còn nói phách rằng chừng nào nó có cưới vợ thì nó sẽ lựa chỗ cho xinh đẹp như tiên, lại giàu sang cho tốt bụng thì nó mới cưới; chớ gái mà lục lục như cô vậy, dẫu có đem tới lấy nó mà cho không, nó cũng chẳng thèm. Tôi giận quá, nên tôi gây với nó một hồi, rồi tôi mới bỏ mà lại đây.

Cẩm Lệ nghe nói xúc tâm, nổi giận phùng phùng, liền hỏi Xuân Kỳ rằng:

– Thầy nói thẳng nào đó, thẳng nào mà nói phách lắm vậy?

Lê Xuân Kỳ nói:

– Thì có ai, có một mình thầy giáo Chí đó chớ ai.

Cẩm Lệ chưởi mắng bong lông một hồi rồi nói rằng:

– Thôi, thầy ở đây coi giùm nhà cho tôi để tôi lại nhà giáo Chí, đặng mắng nó ba điều chơi cho nó biết mặt.

Vừa nói vừa lấy áo dài mặc vào rồi ngoe ngoáy ra đi. Lê Xuân Kỳ liền kéo lại vuốt ve rồi nói rằng:

– Cô đừng nóng mà hư việc, để thỉnh thoảng loan mưu hại nó mà rửa hờn, còn hay hơn là chưởi mắng mà có ích gì.

Cẩm Lệ nghe lời, bèn ngồi lại rửa thuốc ba ngoai, giảnh mấy ngón tay có đeo hột xoàn ra mà chung cho Lê Xuân Kỳ coi rồi hỏi rằng:

– Thầy tính mưu gì hay mà hại nó cho được?

Lê Xuân Kỳ nói:

– Khó khiết gì! Để ít bữa cho người ngoài cái chuyện tôi mới gây với nó đây, rồi tôi làm bộ tôi lui giả lả mà làm quen lại với nó, rủ nó đến đây chơi, rồi làm như vậy... như vậy... thì chạy đường trời cũng không khỏi ở tù. Cẩm Lệ nghe nói lấy làm đắc kế, khen ngợi chẳng cùng.

Đêm ấy hai chàng thông thả, mặc dầu gió gió trắng trắng, ăn mặn tình nồng nói sao cho xiết. Cẩm Lệ lại cỏi ra một chiếc nhẫn có nhận hột xoàn mà cho Lê Xuân Kỳ và nói rằng:

– Vật này là vật quý của em, sớm trưa em chẳng hề lìa nó ra mà cho thấy, để làm dấu tích, xin thầy chớ lấy làm thường.

Lê Xuân Kỳ cảm tạ ơn nàng rồi phân tay ra về, vì trời gần sáng.

Bữa kia nhằm ngày thứ bảy, Lê Xuân Kỳ đến thăm Hoàng Hữu Chí và mời Hoàng Hữu Chí đến nhà tình nhân của mình mà dùng một bữa cơm chiều đặng đàm đạo chơi. Nguyên Hoàng Hữu Chí là người tinh tế, hay cẩn thận lắm, thuở nay ít ai nghe mời rủ mà chịu đi đâu bao giờ, và bấy lâu ít ư Lê Xuân Kỳ cho lắm, nhưng vì nghe Lê Xuân Kỳ thường hay khoe khoang Cẩm Lệ cái sắc tài đầy đủ, ngôn hạnh đoan trang, mà nhứt là nghề nấu ăn khéo lắm nên cũng dùng dịp ấy đến chơi cho biết, mà đó cũng là cái phần Hoàng Hữu Chí phải mắc cái nạn lao tù vài tháng, nên khiến cho chàng ta hứa chịu. Lê Xuân Kỳ mừng rỡ vô cùng, bèn dặn dò xin đừng thất tín, rồi từ giả ra về, đi thẳng qua nhà mà cho Cẩm Lệ hay đặng có toan tính với nhau sắp đặt lối rập cho sẵn sàng mà chờ Hoàng Hữu Chí. Chiều bữa ấy lối sáu giờ, Hoàng Hữu Chí vừa bước đến nơi, Lê Xuân Kỳ làm bộ mừng rỡ chạy ra bắt tay mời vào chuyện văn lãng xảng, rồi lại kêu mình ơi, mình hỡi, mà nói rằng:

– Thầy giáo đã lại rồi đây nè mình ơi!

Cẩm Lệ ở trong nhà sau bước ra chào hỏi sơ sài, rồi xin kiếu vì mắc lo đồ ăn sau bếp.

Ngoài này Lê Xuân Kỳ cứ ân cần mời Hoàng Hữu Chí uống vài ly khai vị (apéritif) đặng có dùng cơm cho ngon bữa, uống rượu và kiếm chuyện đông dài mà nói cầm chừng, vì bọm ta nói gạt Hoàng Hữu Chí có mời đôi ba ông bạn đồng liêu, nên phải uống rượu nói chuyện cầm chừng mà chờ khách. Đó là bọm ta cố ý làm bữa ăn trễ cho khuya, cho tiện bề hạ thủ. (Viết tới đây ký giả cũng bắt ghê bắt

góm cho cái lòng nham hiểm của người đời, càng thấy chùng nào càng thêm chán ngán).

Trời một ngày một khuya mà không thấy ai hết. Lê Xuân Kỳ làm bộ xăn vắn xéo véo, chạy ra chạy vào mà ngó chùng hoài, đường như trông ai lắm vậy. Đồng hồ gần gõ tám giờ rồi mới làm bộ giận dữ mà nói rằng:

– Thật mầy anh nầy khốn nạn quá! Đi, không đi gì cũng cho người ta biết, có lý nào đã hứa đi rồi để cho người ta chờ gần trời chết. Thôi thầy kệ, họ có tới trễ thì họ uống rượu khan cho họ biết chùng.

Nói rồi liền nắm tay Hoàng Hữu Chí dắt lại bàn ăn và nói rằng:

– Trễ quá rồi, tôi đói bụng lắm, thôi, hai anh em mình đi ăn, chớ ai hơi sức đâu mà chờ họ nữa.

Rồi đó hai người ngồi lại ăn uống chuyện trò với nhau. Lê Xuân Kỳ cố ý kiểm chuyện mình mình mông mông, ngông ngông nghênh nghênh mà nói mãi chớ không chịu dứt. Hoàng Hữu Chí coi chùng đồng hồ, thấy đã chín giờ rồi, một lát lại thấy mười giờ. Có nhiều khi muốn dợm đứng dậy kiếu về, mà bị Lê Xuân Kỳ cứ ngồi nói chuyện đông đông dài dài mà cầm lại mãi.

Gần mười một giờ khuya, Hoàng Hữu Chí nhút định kiếu về. Lê Xuân Kỳ liệu chùng giờ ấy cũng vừa buổi ra tay rồi, bèn giả chước nói với Hoàng Hữu Chí rằng:

– Bây giờ trời cũng đã khuya rồi, vậy để tôi đóng bớt cửa giùm cho cố, rồi tôi cũng đi về, tiện đường tôi xin đưa thầy về nhà luôn thể.

Đã đôi ba phen Hoàng Hữu Chí muốn dứt ra mà về một mình, song bị Lê Xuân Kỳ ân cần cầm cọng quá, nên không nỡ phật ý. (Thường người quân tử mà mắc kế lừa tiểu nhân, thì cũng vì có một cái lòng không nỡ mà thôi). Lúc nầy chén bác cổ bàn thì Cẩm Lệ đã dọn dẹp hết rồi. Khi Lê Xuân Kỳ đóng cửa xong rồi lại giả ý nói rằng:

– Xin thầy chịu phiền chờ tôi một chút, tôi đi tiểu tiện, tôi trở vô liền, rồi mình sẽ đi về với nhau.

Nói rồi liền tăng hắng một tiếng bèn bước rảo ra ngoài tìm đường mà đông mất. Hoàng Hữu Chí ơ hờ, không đề là kế. Trong

này Cẩm Lệ nghe tăng háng và thấy Lê Xuân Kỳ đi rồi thì hội ý, liền bước ra làm bộ sợ gió, khép cửa lại, rồi quày trở vô, xuất kỳ bất ý, tay chụp niếu Hoàng Hữu Chí, còn miệng thì thổi đèn và la làng inh ỏi. Hoàng Hữu Chí thất kinh, miệng thì kêu Lê Xuân Kỳ, còn tay thì gỡ Cẩm Lệ ra đừng có giải vây mà chạy. Ai ngờ Lê Xuân Kỳ đâu không thấy, lại thấy nào là hương quản, nào là lính tuần, nào là dân làng hơn trót mười người, kẻ đồn ta, người thước nách, ào vô áp bắt Hoàng Hữu Chí, rồi hối đốt đèn lên đừng có mở đảng tra vấn. Hương quản làm bộ nhìn coi rồi giả ý lấy làm lạ mà nói rằng:

– Ủa! Thầy giáo đây mà! Trời đất ôi! Thầy làm cái gì mà la vậy thầy? Nhà người ta là con gái cô út có một mình, đêm hôm tăm tối, thầy lên vào đây chi vậy.

Hoàng Hữu Chí cứ đem việc Lê Xuân Kỳ mời mình ăn com mà thuật lại, mà có ai chịu tin cho. Hương quản nói:

– Thầy nói sao khó nghe quá! và thầy Lê Xuân Kỳ có nhà có cửa, cách đây cũng chẳng bao xa, nếu thầy muốn đãi thầy thì mời về nhà thầy mà đãi, chớ ở đây là nhà của Cẩm nương, có bà con thân thích gì với thầy mà thầy mời thầy lại đây ăn com, thầy nói sao lạ vậy? À! Còn như thầy nói thầy mời thầy ăn com, vậy chớ thầy ở đâu, sao không thấy, có phải là tình ngay mà lý gian chăng?

Hỏi Cẩm Lệ thì Cẩm Lệ cứ khai quyết rằng:

– Tôi đang ngủ nửa đêm, không biết thầy cạy cửa mà vô hồi nào, ý muốn gian dâm, tôi không chịu, thầy lại hăm dọa đòi giết tôi, nên tôi sợ mà la làng. Thầy muốn thoát chạy, bị tôi níu kéo nhúng nhằng, may nhờ mấy ông tới kịp, chớ không thì ắt thầy đã giết tôi rồi. (Nguyên Lê Xuân Kỳ đã muốn bợn này mà sắp đặt trước rồi, cho nên Hoàng Hữu Chí dầu có cái lưỡi bén như gươm đi nữa, cũng không cãi cho qua được). Hương quản lại làm bộ ngay thẳng mà nói rằng:

– Cô này khai vậy, thầy nọ khai vậy, chưa biết ai ngay ai gian, phận tôi làm làng, cứ việc công khai, giải nạp tới quan, chùng ấy hai đảng, mặc dầu dối nài.

Nói rồi liền hối dân cùng Hoàng Hữu Chí lại. Ban đầu Hoàng Hữu Chí còn vùng vầy không chịu cho cùng, sau thấy chúng nó đông quá, liệu cự không lại, mà còn e nếu mình cự với chúng nó đây thì

ắt chúng nó sẽ làm nhục mình, chỉ bằng tùy thời nhẫn nại, chờ đến chỗ công lý sẽ hay. Bởi như vậy nên cũng dần lòng mà để cho bọn đầu trâu mặt ngựa, mặc dầu còng trói.

Thiệt là:

Rồng nằm nước cạn tôm lớn mất.

Cọp xuống đất bằng chó ngoắt đuôi.

Liên đó, Hương quản dạy dân dất Hoàng Hữu Chí đem về giam ở tại bót làng. Sáng ra bữa sau mới làm phúc bảm rồi hiệp với khai báo hai đảng và chúng có mà giải hết nội vụ đến quan Biện lý. Quan Biện lý liền tra hỏi tên họ cha mẹ, quê quán, tổng làng, tên tuổi và chức nghiệp xong xuôi, dạy giam Hoàng Hữu Chí rồi giao hết giấy tờ nội vụ cho quan Bồi thẩm mở đảng tra vấn. Ngày ấy thiên hạ lao nhao lối nhỏ, xậm xì, xậm xít đồn rùm rảng:

– Đêm hôm qua thầy giáo Hoàng Hữu Chí lén đến cạy cửa vào nhà Cẩm Lệ, cố ý cưỡng dâm sao đó, bị làng bắt giải, tòa đã giam rồi.

Nghe được tin chẳng lành ấy nội nhà bà phủ, cả ba mẹ con đều lấy làm lạ, dường như sét đánh vào tai, suy tới nghĩ lui, bàn qua tính lại rằng:

– Không lẽ, một người học thức như vậy, tánh tình như vậy mà lại làm điều nhục nhã, vô liêm sỉ, bất lương tâm?

Rồi lại nghĩ rằng:

– Mà cũng không lẽ, chó đâu có sữa lỗ không? Nếu không vậy thì đêm hôm khuya khoắt, ma dất lối quỷ đem đường hay sao mà đi đâu đó cho người ta bắt vậy?

Lúc ấy bà phủ lấy làm bối rối, vì bấy lâu bà thấy tánh tình và thái độ của Hoàng Hữu Chí mà thương, nên bà quyết ý muốn gả Xuân Lan cho chàng, song chưa kịp tính mà nay lại sanh ra việc luân thường đối bại như vậy, làm cho bà thất vọng. Bèn tính để hỏi thăm và dò nghe lại thử coi cho biết chơn giả lẽ nào rồi sẽ liệu.

Còn Hoàng Hữu Chí bị giam trong khám, cứ ngồi lặng thinh, trầm tư mặc tưởng, suy nghĩ một mình. Nghĩ tới cái mưu gian của Lê Xuân Kỳ thật là quá độc, chừng ấy mới biết lòng người nham hiểm, nghĩ lại mà rùng mình. Bèn nói thầm rằng: "Hèn chi người ta nói: *Bất phách hổ sanh tam cá khẩu, chi khủng nhân hoài tưởng*

dạng tâm¹. Thật là lời ấy không lầm". Một mình suy tới nghĩ lui, mới biết cái đường đời nó gay go là thế. Tuy vậy chớ chàng ta chẳng hề núng tặc lòng, vì tự biết cho mình hẳn thật là vàng mười, càng nung nấu chùng nào thì càng tốt càng tươi, không sòn không rúng.

*Dầu cho sấm sét búa rìu,
Cũng đem vàng đá mà liều với thân.*

Song ngồi mà nghĩ lại từ ngày ta lên đất Tây Ninh đến nay, chẳng có một người biết được lòng ta, duy có một mình bà phủ Ân biết ta mà yêu vì kính trọng đó thôi, thế thì bà phủ này tức là tri kỷ của ta đó. Đến như cái việc hàm oan của ta đây, mặc tình thế tục nghị luận lăng xăng, dầu họ có đề quyết cho ta đi nữa, ta cũng chẳng sòn, ta chỉ phú cho cao xanh soi xét. Ta lo là lo có một mình bà phủ mà thôi, vì sợ e bà cũng lấy theo phụ nữ thường tình mà ức độ cho ta rằng quả có làm điều cang danh phạm nghĩa ấy, thì rất uổng cho cái lòng tốt của bà yêu vì kính trọng ta tự bấy lâu nay. Vậy thì ta phải tạm kính vài hàng gởi ra mà tố trần cái điều oan khuất của ta cho bà rõ, đừng cho bà minh được cái tâm tích của ta, dầu có thác cũng đành nhắm mắt. Nghĩ rồi bèn hỏi lính gác khám, mượn một cây viết chì và xin một chút giấy viết thảo vài hàng như vậy:

*"Một ngày tri ngộ, muôn kiếp ghi xương;
Tai họa phi thường, cao xanh soi xét;
Tình đời thương ghét, cháu để ngoài tai;
Cháu một xin bà, biết cho là đủ.*

Phạm nhân, Hoàng Hữu Chí bái thượng".

Viết rồi xếp lại, cậy người lính gác, chờ lúc mãn phiên, xin đem ra dùm trao cho bà phủ.

Khi bà phủ được thơ, liền lấy ra một đồng bạc mà cho tên lính đem thơ. Tên lính tạ ơn đi rồi, bà mới kêu hai cô con ra, dạy ngồi bên cạnh, rồi mới mở bức thơ ra mà xem chung với nhau. Bà xem thơ, suy nghĩ hồi lâu rồi mới nói với hai cô con rằng:

1. Chẳng sợ cộp sanh ba cái miệng, chỉ sợ người ở hai lòng.

– Thầy giáo thấy nói như vậy thì má cũng bán tin bán nghi quá đi con, vậy sẵn thầy thông đứng bàn cửa quan Bồi thẩm này với má cũng có quen. Thôi, để tối nay má đi lại nhà thầy mà hỏi thăm thử coi, lời khai báo thế nào và việc dữ lành cho biết.

Hai cô con cũng lấy làm phải.

Đêm ấy lối bảy giờ, bà ngồi xe kéo đến nhà thầy thông. Nguyên thầy thông nầy vẫn cũng biết bà là người đạo đức nên có lòng kính trọng đã lâu, khi thấy bà bước vào thì vội vàng chào hỏi lảng xãng, lại vội rót nước bung ra mời bà rồi hỏi rằng:

– Chẳng hay bà có việc chi mà đến nhà cháu tắm tối như vậy?

Bà phủ bèn tỏ thật việc mình muốn đến hỏi thăm về vụ thầy Hoàng Hữu Chí. Thầy thông liền lắc đầu mà nói rằng:

– Cha chả! Tội nghiệp cho thầy giáo Chí quá, vì tôi biết thầy tuổi tuy còn nhỏ mà ăn nói dễ thương; từ ngày thầy đổi lại đây tới nay, thật thầy chẳng biết mịch lòng một thằng con nít. Không biết thầy có thù oán chi với thông Kỳ hay không mà sanh ra việc lằng nhằng như vậy? Thật chuyện nầy tôi sợ cho thầy ắt gỡ không ra rồi đa bà. Vì theo lời khai của thầy thì thầy nói rằng thầy Lê Xuân Kỳ mời thầy lại nhà tình nhân là Cẩm Lệ mà ăn cơm; thầy vô ý ơ hồ, không đề bọn kia âm mưu toan rập với nhau, sắp đặt sẵn trước bao giờ mà gạt thầy, cầm thầy ở lại cho khuya rồi phao vu cho thầy những điều vô liêm sỉ vậy vậy... Còn con Cẩm Lệ thì nó khai quả quyết rằng nó là gái mồ côi, một mình ở nhà, đương ngủ nửa đêm, bị thầy giáo Chí cạy cửa lẻn vào, mong toan cưỡng bức, ép uống gái tơ, muốn vui hoa dập liễu, lại hăm dọa đòi chém đòi đâm nữa là khác. Hỏi Lê Xuân Kỳ thì va khai rằng đêm ấy va ngủ ở nhà va, cách nhà Cẩm Lệ hơn năm trăm thước; va cũng không quen biết chi với thầy giáo Chí mà mời thầy ăn cơm, mà nếu có mời ăn cơm thì mời thẳng về nhà của va, chứ Cẩm Lệ là gái chưa chồng, lại cũng chẳng phải bà con thân thích chi với va, thì có lý nào mà va lại được mời khách tới ăn cơm nơi nhà Cẩm Lệ.

Hỏi chúng là Hương quản và một tên lính tuần với tám tên dân làng, thì chúng nó đều khai có một rập với nhau rằng đêm ấy lối mười một giờ khuya, chúng nó đương đi tuần đường cũng gần lối đó, thỉnh linh nghe tiếng Cẩm Lệ la làng, bèn rủ nhau chạy tới,

thấy trong nhà Cẩm Lệ đèn đuốc tối thui, tông cửa áp vào nổi đèn lên thì thấy Cẩm Lệ miệng còn la làng mà hai tay thì níu thầy giáo Chí nhúng nhằng gần lối cửa buồng, nên chúng nó phải bắt thầy và lấy khai rồi giải nạp. Đó! Bà nghĩ mà coi, bên thầy giáo thì chúng có không ngo, còn phía bên bọn Cẩm Lệ thì đông, mà họ xúm nhau chúng khẩu đồng tù thì chết tươi thầy giáo rồi còn gì! Cha chả! Khó quá! Chuyến này tôi sợ thấy gở không nổi đa bà.

Và nói vừa chắt lưỡi lắc đầu, lại vói lấy một miếng thuốc, quẹt lửa lên đốt hút phì phà vài hơi rồi lại nói rằng:

– Bây giờ mà muốn lo cho thầy thì phải muốn quan Thầy kiện bào chữa mới xong; chứ việc này tuy coi su sơ như vậy, mà nữa đây chắc sẽ giải cho tới đại hình lận đa bà.

Bà phủ nghe rõ đầu đuôi, mặt mày buồn nguyền, liền đứng dậy tạ ơn và từ giã thầy thông rồi lên xe kéo quày quả về nhà thuật lại cho chị em Thu Cúc với Xuân Lan nghe. Thu Cúc nghe rõ trước sau rồi ngồi làm thinh và suy nghĩ một mình, hồi lâu mới hội ý, liền kêu bà phủ mà nói rằng:

– Nè má! Phải rồi đa má! Thật quả thầy Hoàng Hữu Chí đã lầm mưu độc của bọn này rồi đa má. Vì con vẫn có nghe danh Lê Xuân Kỳ là một đứa tham tài háo sắc, phản phúc tiểu nhân, mà nó lại có tư tình với con Cẩm Lệ đã lâu. Còn thầy Hoàng Hữu Chí này là một người khí khái, tánh tình can trực, hay quý trọng người quân tử, mà khinh bạc đứa tiểu nhân. Mỗi khi đàm luận với ai, thì thầy thường dùng nghĩa chánh từ nghiêm, chẳng chịu bợ bung, không hay vì nể, bởi vậy mà hay mịch lòng những kẻ tiểu nhân, cho nên ngày nay mới sanh họa. Vì lời xưa có nói: "*Khinh bạc chi thái thì ư quân tử tắc lánh ngô đước: thì ư tiểu nhân tắc sát ngô thân*".¹ Mà thật rõ ràng như vậy đó.

Bà phủ nghe Thu Cúc luận mấy lời, bà cũng cho là phải, bèn nói với chị em Thu Cúc rằng:

– Việc này cũng tại nó cậy nói em con, mà má không chịu gả, phần thì nó thấy Hoàng Hữu Chí thường hay lai vãng nhà ta, nên

1. Đem cái thói khinh bạc mà đối với người quân tử ắt mất đước của ta, đối với kẻ tiểu nhân ắt giết thân ta.

nó mới sanh lòng đổ kị mà di oán qua cho Hoàng Hữu Chí. Nay thấy Hoàng Hữu Chí mà mắc họa đây, gốc cũng bởi nhà mình mà ra. Vậy thì má cũng phải liều tốn ít trăm và muốn thầy kiện cho đại tài mà cứu thầy, chớ phép sao bây giờ.

Còn đang bàn luận với nhau, bỗng nghe đồng hồ đã ngỏ mười giờ bà phủ bèn đi nghỉ. Đêm ấy hai chị em Thu Cúc với Xuân Lan, cùng nhau luận luận bàn bàn, lo tới tính lui, trót một hai giờ mà lo cũng chưa ra chuyện. Một chặp lâu Xuân Lan mới nói với Thu Cúc rằng:

– Nè chị! Lấy thêm lời của má luận với chị em mình hồi nãy đó, thì té ra thầy Hoàng Hữu Chí mà bị hoạn họa đây là gốc bởi nơi em mà ra. Thế thì em không nỡ điềm nhiên tọa thị mà để vậy cho đành, nên em muốn liều cái thân danh, chịu mang lấy tiếng nơ trong một lúc mà cứu Hoàng Hữu Chí cho được vẹn toàn, chẳng hay ý chị thế nào xin nói cho em rõ với.

Thu Cúc hỏi:

– Em muốn dùng cách nào dặng cứu thầy mà phải liều mất cái thân danh vậy em.

Xuân Lan liền kê tai nói nhỏ với Thu Cúc một hồi rồi lại nói rằng: – Làm như vậy... như vậy... đó, thì cứu thầy mới được. Thu Cúc nghe rõ rồi mỉm cười vỗ vai Xuân Lan mà khen rằng:

– Cái kế của em tính đó dẫu cho Phạm Lãi tái sanh cũng không hơn được, vả nó là đứa háo sắc, nếu em dùng kế đó ắt nó phải mang rồi, em cứ thi hành liền đi, mượn dùng dụ dụ, song em phải cẩn thận cho lắm mới được đa em.

Xuân Lan lại nói:

– *Mưu bất khả chứng*¹ cho nên lời em nói ra thì nó lọt vào tai chị mà thôi, chớ em há đi đại gì lại nói với ai hay sao mà chị phòng dận vậy, chí như mà ở nhà đây, chị em mình cũng phải giấu luôn, nếu chùng nào mà thấy em làm như vậy... như vậy... mà má có tưởng em là đồ mất nết, thì mặc tình quả trách đuổi xua, em cũng can tâm mà chịu, miễn làm sao mưu kế đạt thành mà cứu người là đủ.

1. Mưu chẳng nên đồng; vì mưu mà tính với nhiều người e không kín nhem.

Thu Cúc gặt đầu khen phải. Rồi đó hai chị em lại rủ rỉ nhỏ to với nhau một hồi rất lâu, sắp đặt rập ràng đầu đó xong xuôi thì đồng hồ đã gõ một giờ khuya rồi. Chừng ấy hai chị em mới tắt đèn rủ nhau đi nghỉ. Từ đó mỗi buổi sớm mai, cô Xuân Lan thường đi chợ, đầu cổ cô ngó vắn vang, hình dung cô xem rất đẹp, bữa thì cổ mặc áo cẩm nhung đen, bữa thì cổ đổi áo sa ten màu tím sẫm, cổ cô đeo ba sợi dây chuyền, hai cườm tay cô lại đeo hai xâu chuỗi hột, ngón tay cô như mũi viết, cổ tay cô tròn xoe, nước da cô trắng đỏ, nét mặt cô sáng rỡ như một đóa phù dung. Cái vẻ đẹp của cô thật là tuyệt thế vô song, lục tỉnh ta cũng ít có.

(Phàm viết sách mà dùng cách tả chơn phải tả ra cho rõ mà xem, chớ từ xưa đến nay những cô gái nào có phước mà được có cái vẻ đẹp thiên nhiên rồi, dầu cho ăn mặc cách nào, thức gì, thì cái vẻ tự nhiên cũng xinh đẹp).

Khi ta tới chợ rồi thì cô cứ cố ý mua buôn, mua bán, mua hối, mua hả cho rồi, đăng lựa cho đúng giờ của Lê Xuân Kỳ đi làm việc, mà về cho kịp, cho hai đảng gặp nhau, cô lại làm màu nét mặt tươi cười, chào hỏi một cách rất niềm nở.

(Húy chao ôi! Một cái nét cười của một ả mỹ nhân, dễ gì mà có, dễ gì mà mua cho được).

Ban đầu hễ gặp nhau thì bất quá chào hỏi sơ qua vậy thôi, vậy mà còn làm cho Lê Xuân Kỳ thần tinh phải điên đảo thay! Huống chi sau rồi lần lần cô lại làm ra tuồng mi lai nhân khú, thì Lê Xuân Kỳ tài nào mà không đến ngất cả người.

Thường bữa cũng thường gặp nhau như vậy, mà ngày nào cô cũng cố ý làm môi trêu ngươi như vậy, làm cho tâm hồn thất phách của Lê Xuân Kỳ đều phải dật dờ dật dưới bay bổng theo cô, duy ức có một điều là không biết làm sao cho được gần cô mà tỏ bày tâm sự.

Nhưng mãi lần lữa như vậy mà đã trót tháng ngoài, kể nghe tòa đã giải Hoàng Hữu Chí về Sài Gòn đợi chờ ngày đại hình hội xử.

Bà phủ hay được tin ấy, liền lấy bạc bỏ lung, phú thát nhà của cho Xuân Lan, dắt Thu Cúc theo làm thông ngôn, muốn xe hơi đưa hai mẹ con bà xuống Sài Gòn tìm nhà quan thầy kiện mà lo cho Hoàng Hữu Chí, bà năn nỉ với ngài xin răn bào chữa dùm đảng cứu người vô cô mà thọ khuất. Bà lại nhơn hỏi thăm luôn cho biết

ngày nào tòa đại hình xử vụ Hoàng Hữu Chí. Quan thầy kiện bèn nói cho bà hay rằng ngày 18 tháng Octobre là ngày tòa đại hình hội xử, ngài lại hứa với bà rằng ngài sẽ rán hết sức hết lòng tìm cho ra có, để biện giải mà lấy danh, bà hãy an lòng không sao mà ngại.

Rồi đó bà liền đóng tất số bạc cho quan thầy kiện và từ giã mà ra, bà lại nhơn tiện, bảo xe đưa hai mẹ con bà lên đường Thuận Kiều đặng bà thăm vợ chồng ông phán Ngãi là người quen lớn với vợ chồng bà từ bấy lâu nay.

Khi xe bà phủ vừa ngừng nơi trước cửa, thì vợ chồng ông phán đang trong nhà, xem thấy mừng rỡ chạy ra chào hỏi lảng xảng, hỏi trẻ xách cái quả cảnh của bà vô nhà, trầu nước khuyên mời và cầm luôn bà ở đó dùng cơm. Nhơn thấy Thu Cúc cốt cách phương phi, nét na đậm thắm thì hỏi rằng:

– Ủa! Con cháu đây là con của ai vậy chị phủ?

(Vị hai vợ chồng ông phán vẫn biết bà phủ không có con cái chi, mà nay thấy có một cô gái cực kỳ xinh đẹp, nề nếp đáng thương mà đi theo bà đây, nên mới lấy làm lạ mà hỏi thăm cho biết).

Bà phủ bèn đem hết lai lịch của hai chị em Thu Cúc và Xuân Lan đầu đuôi sự tích từ ngày bà gặp và đem hết cả ba chị em về mà nuôi làm con, hai gái thì ở nhà sớm trưa hủ hỉ với bà, còn một trai thì bà đóng tiền cho ở học tại trường Nguyễn Phan Long Sài Gòn, cùng những việc gởi bạc giúp thêm học phí cho Phan Quốc Chấn bên Tây và việc Hoàng Hữu Chí mắc nạn mà bà phải đi lo, trước sau các việc bà thuật hết một hồi cho hai vợ chồng ông phán Ngãi nghe. Hai vợ chồng ông phán nghe rõ đầu đuôi thì lấy làm khen ngợi bà phủ là người độ lượng khoan nhơn, thật là một người trọng nghĩa khinh tài, nữ trung hào kiệt. Rồi đó ông phán lại chỉ Thu Cúc mà nói với bà phủ rằng:

– Tưởng cháu đây là con ai, té ra nó là con của anh huyện Nguyễn Trọng Luân. Cơ khổ! Vậy mà tôi quên phứt nó đi chớ, vì lúc ảnh còn ở Sài Gòn thì nó còn nhỏ xíu, phần thì chị em nó mắc ở trong Nữ học đường, tôi tới chơi với ảnh hoài mà ít hay thấy nó, rồi từ hồi ảnh về trên tới nay, cũng bốn, năm năm gì đó, bấy giờ cháu đã lớn đại, nên tôi không nhớ được. Tưởng là chị nói ai kia, chớ ông già nó và anh Phan Mẫn Đạt đều là anh em bạn học với

tôi hồi buổi nhỏ. Đây nè!... Vừa nói vừa bước lại kéo cái học tủ lấy ra một bức thơ mà khoe với hai mẹ con bà phủ và nói rằng.

– Đây là thơ của anh huyện, ông già của cháu đây, mới gởi về cho tôi hai ba bữa rầy mà cho tôi hay rằng ảnh với anh Phan bây giờ đương làm chủ bút cho một Toa báo Quốc văn tại Bắc kỳ và ảnh có cậy tôi gởi thơ lên Vinh an hà mà hỏi thăm dùm tin của mấy cháu, tôi chưa kịp viết, mà cũng may sao hôm nay chị lại dắt cháu đến đây, ấy quả là lòng trời xui khiến đó.

Thu Cúc nghe được tin tức của cha mình thì khắp khởi mừng thầm, bèn liếc mắt xem coi thấy bức thơ ông phán đương cầm trên tay nhìn đã rõ ràng thật quả là bút tích của cha mình, không sai một nét, trong lòng mừng quá đổi mừng. Thật là:

*Khi nên trời cũng chịu người
Mừng này dầu được vàng mười chẳng hơn.*

Lúc ấy bà phủ cũng vui lòng, lấy làm toại chí, bà lại hỏi Thu Cúc viết thơ gởi liền ra Bắc mà thăm cha nàng nội trong ngày ấy. Thu Cúc liền hỏi ông phán xin giấy viết thơ, tỏ hết đầu đuôi gốc ngọn nhứt nhứt các việc từ ngày cha mình ra đi cho đến bây giờ, rồi niêm phong tử tế, lại hỏi thăm ông phán cho biết chỗ ở của cha mình mà đề bao thơ rồi đem bỏ thùng mà gởi đi liền nội trong ngày ấy.

Hai mẹ con nghỉ ngơi tại đó cho đến ba giờ chiều, rồi mới giả từ vợ chồng ông phán, bước lên ô tô, bảo sốp phơ chạy lên đường Legrand de la Liraye đậu ghé vào trường Nguyễn Phan Long mà thăm em nàng là Nguyễn Trọng Liêm trong giây phút rồi mới chạy thẳng về Tây Ninh.

Về tới nhà rồi Thu Cúc bèn thuật việc nhờ mẹ dắt mình ghé nhà ông phán Ngãi, nên mới biết được tin tức của cha mình và luôn dịp mình đã gởi thơ ra Bắc mà thăm cha và cho cha mình biết các việc trong này rồi. Xuân Lan nghe nói mừng quá đổi mừng.

Lần hồi ngày tháng như thoi, mới đó mà đã gần tới ngày Toa xử.

Ngày kia Xuân Lan đi chợ về, cũng vừa gặp Lê Xuân Kỳ đương buổi đi làm việc. Hai đảng cũng niềm nở chào hỏi nhau như mọi bữa. Xuân Lan xem trước nhăm sau, liệu chừng chẳng thấy có ai, bèn nói nhỏ nhỏ rằng:

– Trưa nay đúng mười hai giờ, em xin mời thầy đến tại quán của dì Tư Quảng cho em hỏi thăm thầy một chuyện.

Lê Xuân Kỳ mừng quýnh dường như tiếp được đơn chiếu của vua. Liên trả lời rằng:

– Tôi rất sẵn lòng, xin cô đừng thất tín.

Xuân Lan gật đầu, miệng cười chúm chím, rồi đi thẳng về nhà. Lê Xuân Kỳ lòng mừng khắp khởi, vào đến bu-rô (bureau) trọn một buổi sáng mai, không viết lách gì được hết, cứ dòm chừng đồng hồ hoài. Mà thật cái đồng hồ bữa ấy tệ quá! Độc thật! Ác thật! Trông hoài mà sao không thấy tới giờ; nó làm như hình liệt máy rồi vậy, cứ đứng trán một chỗ, trông mãi mà cũng không thấy nó đi. Trông hoài trông hủ, trông hết sức trông, trong lòng nóng nẩy, ngồi đứng không yên. Thình lình vưng nghe tiếng trống tan bầu, dường như tù được tin tha bổng. Lúc bấy giờ, Lê Xuân Kỳ mừng quá đổi mừng, vội vàng xách nón ra về.

Về tới nhà không kịp thay đồ, cứ việc hối đưa ở dọn cơm, ăn hối ăn hủ ba hột, coi chừng đồng hồ, thấy đã mười một giờ ba khắc. Bè sấm sửa đi liền, tuốt lại quán Tư Quảng là nơi ước hẹn.

Còn Xuân Lan khi cơm nước xong xuôi, chờ cho bà phủ nghỉ trưa, mới nói cho Thu Cúc hay, rồi lên ra ngã sau tuốt lại quán Tư Quảng là chỗ đem mồi mà nhử cá.

Khi đến nơi vừa bước chon vào, thấy Lê Xuân Kỳ đã tới hồi nào, đương ngồi chờ đó. Xuân Lan bước tới, xển lên trăm bề, trong lòng hồi hộp, chon bước ngập ngừng; vì nàng là gái đương xuân, hề thấy trai thì khấp nép. Còn Lê Xuân Kỳ mà thấy Xuân Lan, thì nào có khác chi là mèo thấy mỡ; nhưng bởi biết nàng là gái nét na đoan chánh, cho nên lòng cũng kiên đề, chớ không dám bốc hốt như con gái nhà tầm thường kia vậy. Bèn mở giọng rằng:

– Bấy lâu tôi nghe cô là con nhà thi lễ, ngôn hạnh lưỡng toàn, thật tôi lấy làm ái mộ, nên tôi muốn tính cuộc trăm năm, mới cậy người đến nói, không dè mà bà thân mẫu của cô lại không chịu gả, nên tôi lấy làm uất ức bấy lâu. Ai ngờ cô lại có lòng đoái thương, thì cái ơn tri kỷ này tôi phải tạc dạ ghi xương, song tôi chẳng biết tính lẽ nào cho lưỡng toàn kỳ mỹ, nhờ cô dạy bảo cho tôi.

Xuân Lan lúc bấy giờ, đương đối diện với cừu nhân mà phải làm màu vui vẻ, thì trong lòng hổ thẹn, muôn đấng ngàn cay; thật rất khổ lắm thay! Song vì muốn cho nên việc, nên phải ráng bấm gan mà làm mặt dạn mày dày, dềnh lòng nhẵn nhục, nét tươi cười mà nói rằng:

– Bấy lâu em vẫn biết thầy là người trung hậu quân tử, phẩm hạnh đoan trang, thật em cũng hết lòng ái mộ, may sao thầy cũng có lòng thương tưởng cậy mai đến nói em đã đôi ba phen, ngặt vì bà phủ là mẹ nuôi của em, ý không chịu gả, lại muốn để mà gả em cho Hoàng Hữu Chí là một đứa xác xược lại kiêu căng, thật là đáng ghét, nên em không biết liệu làm sao, vì em đã thọ ơn bà, em không dám cãi. May đâu lại khiến cho nó làm điều nhục nhã mà phải bị tù, thật em mừng quá. Vậy nếu như thầy có lòng thương tưởng đến em, thì xin ráng chịu phiền chờ đợi một ít lâu, chẳng vài ba tháng nữa ông thân sanh của em ở Bắc mà về đây, chừng ấy nếu thầy cậy người đến nói, ắt ổng gả liền, vì bình sanh ổng cung em lắm, hễ em ưng chỗ nào thì ổng ưng theo chỗ nấy. Nay em mà ước hẹn với thầy đến đây là có ý tỏ bày tâm sự của em. Vậy nếu như thầy quả thật có lòng thương tưởng đến em mà tính cuộc trăm năm kết tóc, thì em xin thầy hãy cho em một vật quý báu chi dạng để mà làm tin, được như vậy thì em mới tin hẳn lòng thầy, dầu cho đến mấy năm em cũng an lòng mà chờ đợi vậy.

Xuân Lan vừa nói vừa cố ý ngó chùng chiếc nhẫn của Lê Xuân Kỳ đương đeo trong tay mãi. Lê Xuân Kỳ hội ý, biết Xuân Lan muốn chiếc nhẫn của mình, ngặt vì chiếc nhẫn ấy là của Cẩm Lệ tặng cho, để làm dấu tích, không lẽ mà mình lại đem ra mà cho người khác. Ban đầu hãy còn do dự, tấn thối lưỡng nan, sau bị thần ái tình nó giục riết, phần thì tâm hồn thất phách đã phưởng phất theo Xuân Lan, cho nên bọm ta chẳng còn chủ trương gì nữa hết, liền cởi phút chiếc nhẫn trong tay trao cho Xuân Lan mà nói rằng:

– Đây là cái núm ruột của tôi đây, ngặt vì tôi quá yêu nó, nên tôi phải cắt ái¹, để tặng cho cô làm tin, mai sau dầu sở nguyện dạng thành², thì lời ước hẹn xin cô chớ phụ.

1. Cát ái, là cắt cục yêu ra.

2. Sở nguyện dạng thành: là ý và ước trông cho Toa kêu án Hoàng Hữu Chí.

Xuân Lan ngửa tay với lấy chiếc nhẫn rồi nói rằng:

– Như vậy thì em mới dám tin được lòng thầy, vậy từ đây, non xanh chẳng mất, nước biếc hãy còn, một tấm lòng son, ngàn năm chẳng lợt. Nhưng em còn một điều này nữa thật rất nên khó buộc, xin thầy dung thứ cho em, và mẹ nuôi của em là bà phủ, tánh tình gắt gờm lắm, em sợ e không được cùng thầy giáp mặt cho thường, điều ấy em xin thầy chớ ngại. Vậy em đi này giờ cũng đã lâu rồi, xin để cho em về, kéo má em thức dậy ắt là khó lắm.

Lê Xuân Kỳ coi lại đồng hồ, thầy đã hai giờ, cũng gần tới giờ phải đi làm việc rồi, cực chẳng đã nên phải đình ninh vài lời, rồi phân tay nhau ai về nhà nấy. *(Muru kể của Xuân Lan đến đây, thế là xong việc).*

Lê Xuân Kỳ về nhà lấy làm mãn nguyện, đương đương đắc ý, trông cho mau tới ngày Toa xử, đừng coi cho biết Hoàng Hữu Chí bị án mấy năm, suy tới nghĩ lui, lấy làm đắc kế.

Còn Xuân Lan khi về tới nhà thì bà phủ thức dậy đã lâu, bèn hỏi nàng đi đâu, thì nàng kiểm đều che trước đây sau mà nói cho qua chuyện. Tuy là khuất lấp được bà, nhưng mà, từ đó bà đã sanh lòng nghi ngại.

Đêm ấy Xuân Lan chờ cho bà an giấc, rồi mới nhỏ to mà thuật lại hết cho chị nghe, lại lấy chiếc nhẫn ra mà khoe và lấy làm đắc kế. Thu Cúc thấy kể đã thành trong lòng mừng lắm, song cũng dặn em phải cẩn thận cái muru thần, mưa đừng sơ lậu.

Chẳng dè, cái muru thì kín nhem, còn chuyện kia thì chúng khó úp voi, một miệng kín chín mươi miệng hở. Từ ngày Xuân Lan trò chuyện với Lê Xuân Kỳ tại quán Tư Quảng, tiên hạ đồn rùm, thấu tới tai bà phủ. Bà liền tức giận bồi hồi, trách sao nàng lại tư tình với đứa nghịch. Nhưng mà, bà tuy giận vậy song bà không la hét như kẻ tầm thường, cứ lấy điều đại nghĩa mà thống trách âm thầm vậy thôi, chớ người ngoài không ai nghe được. Thu Cúc cũng giả ý rầy em, mắng nhiếc Xuân Lan là đồ hư chạ. Bà nghĩ tới chừng nào thì bà lại càng ứa gan chừng nấy. Bà bèn nhút định đuổi nàng, chớ không thềm nuôi chứa trong nhà thứ đồ hư như vậy nữa.

(Lời bàn: Bà phủ giận lắm, đuổi cũng phải lắm! Điều thứ nhút là con gái trong hạng danh gia mà làm điều nhục nhã, hư danh mất

nết, thật là tội ác quán đin. Điều thứ hai là nhờ đứa nghịch mà tư tình, rất phản đối với cái chủ nghĩa của bà, lẽ nào bà không giận? Bà giận phải! Bà giận nhầm! Ai là người không giận? – Nhưng nghĩ cho đến mấy cái điều đáng giận đó, rồi mới đáng sợ, đáng thương đáng kính, đáng vì cô Xuân Lan là một nàng con gái thiếu niên, đào tơ liễu yếu mà tâm chí rất cao, vì nghĩa cứu người mà phải liều danh giá. Thật khổ tâm thay! Mà cũng đáng thương đáng kính thay!!).

Khi Xuân Lan bị bà phủ đuổi rồi, thì cũng làm màu khóc lóc, gói áo quần, lạy mẹ và chị xách gói ra đi, bà phủ cũng ngùi ngùi, song vì giận quá nên cũng làm lơ, để nàng đi cho rảnh. Còn Xuân Lan khi ra khỏi nhà rồi, chẳng cho ai biết là mình đi đâu, lén lén xách gói đi thẳng lại nhà bà Sáu Thiện mà ở nhờ. Nàng lấy ra năm đồng bạc trao cho bà Sáu, bảo đi mua gạo và những đồ vật cần dùng, nàng lại dặn dò dùng cho ai biết có nàng ở đậu trong nhà, ý nàng có ý sợ e cho Lê Xuân Kỳ biết được rồi ăn quen mà mò tới.

Thật là: *Cực kỳ khôn ngoan, cực kỳ tinh tế*. (Nguyên bà Sáu Thiện này, trước kia vẫn có nấu ăn cho bà phủ, cho nên hai đảng mới biết được nhau. Bà này cũng có một đứa con gái chừng 15, 16 tuổi, chớ chẳng có con trai, ngày chí tối chỉ lo mua gánh bán bưng mà độ nhụt, có hai mẹ con hủ hỉ với nhau). Xuân Lan ở đỡ tại nơi nhà này cũng là an phận.

Việc lôi thôi như vậy, lẽ nào Cẩm Lệ lại không hay, tiếng đồn nghe đã nhiều ngày, nàng ta mới nổi ghen, bèn đón Lê Xuân Kỳ mà hỏi. Còn Lê Xuân Kỳ từ ngày mà được trò chuyện với Xuân Lan rồi thì cặp con mắt của chàng, nhìn Cẩm Lệ như nhìn Chung Vô Diệm.

Ấy là:

*Tằng kinh Thương Hải nan vi thủy,
Trừ khước Vu San bất thị vân*¹.

-
1. Đã từng qua biển Thương Hải rồi thì chẳng còn cho nước ở biển nào là nước.

Đã lên đến núi Vu San rồi thì chẳng có thấy mây nào mà phải là mây. Nghĩa là Lê Xuân Kỳ thấy cái vẻ đẹp của Xuân Lan rồi thì chẳng còn biết ai là đẹp hơn nàng nữa được.

Mà xưa nay những lời nói của đồn bà ghen tuông, thì có lời nào là không xóc ốc? Bởi vậy cho nên Lê Xuân Kỳ cũng nổi giận, nói đi nói lại nhiều tiếng sân si, nhưng cũng còn dùng thẳng với nàng, nên phải kiếm lời chối ngược chối xuôi, rằng đó là lời đồn huyền. Tuy là chàng kiếm lời mà chối suốt cho qua, nhưng mà từ đó hai chàng đã sanh' ác cảm rồi. Bởi vậy cho nên Cẩm Lệ về nhà càng nhớ tới chùng nào, thì lại càng oán giận Lê Xuân Kỳ chùng nấy. Nàng nhon đó mà nhớ lại cái điều tàn nhẫn của bọm ta xúi mình âm mưu hãm hại, làm cho Hoàng Hữu Chí bị giam tù ấy đến nay, thì cái lương tâm của nàng lại hối hận vô cùng. Ngặt vì việc đã lỡ ra rồi, nên phải ôm ấp trong lòng, cũng chẳng dám nói ra cho ai biết.

Ngày giờ thẩm thoát, Tòa Đại hình hội xử đã gần kỳ, Cẩm Lệ với Lê Xuân Kỳ, Hương quản, một tên lính tuần và tám tên dân làng thấy đều được trát Tòa đòi, đến ngày mười tám tháng mười tây, bảy giờ ban mai, phải tựu đến Tòa Đại hình Sài Gòn mà hầu về vụ xử Hoàng Hữu Chí.

Lật bật đến ngày mười bảy, nội bọn đều quá giang xe ô tô đưa bộ hành đặng đi Sài Gòn.

Khi bọn ấy lên xe vừa mới ngồi lên, bỗng thấy Xuân Lan ở đầu cũng lon ton xách dù lên xe lựa chỗ ngồi ngang đối diện với Lê Xuân Kỳ, đặng cố ý trùng liếc trêu ghẹo mà khêu gan Cẩm Lệ. (Nguyên Cẩm Lệ có lòng ghen sẵn, nay thấy tình cảnh như vậy thì gan dạ nào mà chẳng nổi tam bành; ngặt bởi trên xe vì có nhiều người, phần thì mình với Lê Xuân Kỳ cũng không phải là thật vợ chồng, cho nên nàng ta cảm nộ bất cảm ngôn; chỉ cứ háy nguyệt nhúng trề mà chịu trận).

Khi xe đến Sài Gòn rồi, Xuân Lan liền kêu xe kéo bước lên, lại còn làm bộ nháy nhó Lê Xuân Kỳ, dường như chỉ chỗ ở của mình mà dặn Lê Xuân Kỳ lại đó vậy; nàng cứ cố ý khêu gan Cẩm Lệ cho thật nổi ôn rồi mới hối xe kéo bảo đi, chỉ đường cho nó kéo lại nhà chị em bạn học của mình mà nghỉ đó một đêm, đặng mai sáng lên tòa rồi sẽ ra tay thủ đoạn.

Thật báo hại cho Lê Xuân Kỳ, hèn lâu mới xuống Sài Gòn, mà trọn một đêm ấy ngụ tại nhà Nam Việc khách lâu ở nơi đường Kinh

lấp, bị Cẩm Lệ nổi ghen, cứ theo cằn nhằn mãi, lại thêm ràng rịt, theo giữ khít ghim, không đi đâu được hết.

Còn bà phủ Ân biết việc thì việc của ai, mà tội nghiệp cho bà, khi nghe được tin ấy thì trong lòng bà hồi hộp, lo sợ chẳng cùng; không biết Hoàng Hữu Chí sẽ được tha chăng; hay là bị kêu án ít hay nhiều, lâu hay mau, lo tới lo lui, lấy làm rối trí, liền kêu Thu Cúc, hối sửa sang hành lý cho sẵn sàng, rồi muốn một cái ô tô dấn sộp phơ sáng mai chừng lối ba giờ khuya, đem xe lại cho đúng giờ, đợi hai mẹ con bà đi xuống Sài Gòn mà coi Tòa xử.

Sớm mai ngày mười tám, trong khoảng từ sáu giờ rưỡi cho tới bảy giờ, thiên hạ ồ ạt, tụ trước cửa Tòa đợi chờ cho tới giờ mà coi xử; kẻ thì vì chồng, hoặc vì cha, người thì vì con, hoặc vì em vì cháu mà nô nức trước cửa Tòa đông quá dỗi đông, lũ bảy đoàn ba, rất náo nhiệt. Còn các quan Thầy kiện thì hoặc ba ông một chòm, hoặc hai ông một cặp, đi tới đi lui, chuyện vãn cùng nhau mà chờ giờ xử.

Lúc ấy hai mẹ con bà phủ còn ngồi trên ô tô, đậu trước cửa Tòa; duy có bọn Cẩm Lệ với Lê Xuân Kỳ thì ngồi tại chỗ ghế xanh (bane) mà nghỉ căng. Còn một mình Xuân Lan đã đến trước bao giờ, thấy bọn ấy ngồi tại ghế xanh, bèn làm bộ nháy nhó Lê Xuân Kỳ, rồi cứ đi qua đi lại trước mặt Cẩm Lệ, tay thì cầm chiếc nhẫn đưa lên đưa xuống mà coi, còn tay thì rút khăn mù soa ra, làm bộ chùi lau cái hột xoàn cho sáng. Cẩm Lệ xem thấy phát nghi, liền với kéo bàn tay của Lê Xuân Kỳ lên mà coi, không thấy đeo chiếc nhẫn. Máu ghen muốn trào, tay chơn run rẩy, liền hỏi một cách rất gắt gao rằng:

– Vậy chớ chiếc nhẫn ở đâu? Xuống tới Sài Gòn là chốn kinh thành sao không đeo lại cất?

Lê Xuân Kỳ kiểm chuyện dấu quanh dấu quẩn mà dấu chẳng qua. Còn Xuân Lan thấy vậy lại càng cứ theo trêu ghẹo chiếc nhẫn trước mặt hoài. Cẩm Lệ đã quả quyết của mình, bèn nổi giận xung thiên, liền chỉ Lê Xuân Kỳ mà mắng rằng:

– Mi là đồ khốn nạn, quả là loài nhom diện thú tâm, để lát nữa đây rồi mi sẽ coi tao, muốn vậy tao cho vậy.

Lúc bấy giờ, Lê Xuân Kỳ tưởng Cẩm Lệ nổi ghen mà sanh hờn, lời hăm lát nữa đó là nói để lát nữa hầu Tòà rồi ra đường ắt sẽ chửi mắng níu kéo gì đây (Chẳng những Lê Xuân Kỳ tưởng vậy, cùng những người đi coi Tòà xử bữa ấy cũng đều tưởng vậy mà thôi! Tưởng khi chừ khán quan, ai đọc truyện này mà đọc tới đây, thế tốt cũng là tưởng vậy chớ gì!)

Có dè đâu mà lại sẽ có chuyện ly kỳ, thật rất phi thường, xuất nhơn ý ngoai.

Đúng tám giờ, nghe tiếng chuông reo, hai tên lính tập tra lưới lê vào sáng sủa; thật là nghi vệ trên Tòà, ngày xử Đại hình rất có vẻ oai nghiêm, những kẻ gian manh xem thấy phải lạnh mình mà kinh hồn hoảng vía. Cách chừng năm phút, lại nghe tiếng chuông reo. Thầy Đội hô bọ-tê-ấm vang rân, lính bồng súng lên nghe khua lộp rộp. Nội cả Tòà tự quan chí dân, thầy đều đứng dậy. Kế thấy ba ông quan Tòà áo đỏ bước ra ngồi giữa, bốn ông Hội đồng thẩm án ngồi kế hai bên; bên hữu là quan thay mặt cho quan Chuông lý đề hình, bên tả thì quan Lục sự. Ngay chính giữa có để một cái bàn, ấy là chỗ của một thầy Thông ngôn với một quan Trưởng tòa ngồi đó. Phía trước có hai dãy ghế, các quan Thầy kiện phân ra ngồi hai bên. Còn mấy dãy ghế phía sau, bên tả thì phạm nhơn, bên hữu thì người đi coi, ngồi chen lán nhau chật nít. Khi ai nấy ngồi xuống lặng trang, xảy nghe thầy Thông cầm sổ hô danh từng người: Chánh phạm là Hoàng Hữu Chí; Thủ cáo là Cẩm Lệ. Chúng là: Lê Xuân Kỳ, Hương quản tên lính X. và tám tên dân làng, đều có đến hầu đủ mặt. Kêu tên nội vụ xong rồi, Tòà liền dạy kêu chánh phạm là Hoàng Hữu Chí lên mà hỏi rằng:

– Vậy chớ lời của chú khai tại phòng quan Bồi thẩm đó có quá ý như vậy chẳng? Chú còn kêu nài gì nữa chẳng?

Hoàng Hữu Chí bẩm rằng:

– Nội lời của tôi khai nơi phòng quan Bồi thẩm là đủ việc của tôi, thật tôi chẳng còn kêu nài điều chi nữa hết; tôi chỉ xin quan lớn lấy công bình mà minh đoán cho tôi nhờ đó thôi.

Quan tòa liền dạy kêu thủ cáo là Cẩm Lệ mà hỏi. Cẩm Lệ ra đứng giữa Tòà mà hơi giận còn lùng, liền bước tới quỳ lạy quan Tòà mà bẩm rằng:

– Bẩm lạy quan lớn, (vừa nói vừa chỉ tạc mặc Lê Xuân Kỳ), vụ này đầu dây mối nhợ cũng tại thằng khốn nạn Lê Xuân Kỳ này, nó đồ mưu thiết kế mà hãm hại người ngay; nó lại xúi giục tôi làm điều tàn nhẫn, táng tận thiên lương, phao vu cho người vô có mà thọ khuất. Nay ra đến giữa Toa rồi, thật cái lương tâm của tôi nó cắn rứt, xốn xang khó chịu, nên tôi phải tỏ thật hết cho quan lớn nghe.

Rồi đó nàng bèn đọc hết, ba bảy hai mươi một, đầu đuôi gốc ngọn, nhứt nhứt mỗi việc khai rõ hết một hồi, rồi lại lạy quan Toa mà nói rằng:

– Lời thật tình tôi đã khai hết giữa Toa, ngựa nhờ lượng quan trên, dầu giết dầu tha, tôi cũng cam bụng chịu.

Cẩm Lệ khai dứt lời thì nội cả Toa, tự quan chí dân, ai nấy đều sững sốt. Quan Toa liền dạy đòi Hoàng Hữu Chí lên mà hỏi lại, Hoàng Hữu Chí bước lên cúi đầu chào bái các quan Toa rồi bẩm rằng:

– Những lời của cô Cẩm Lệ khai giữa Toa này giờ đó đều thật quả y như vậy, tôi chẳng có lời nào mà còn kêu nài chi nữa, cúi xin quan lớn minh đoán cho tôi nhờ.

Lúc ấy các quan xem thấy Hoàng Hữu Chí đương ở nơi một cái địa vị rất khốn cùng, áo quần xơ vãi mà mặt mày đầy đặn, diện mạo đáng thương; lại thêm lời nói rất chơn thành; thật rõ ràng là người trung hậu, bộc hiên lương, bị phao vu nên nổi. Liên dạy chàng lui xuống ngồi chờ, để hỏi hết chúng có xong rồi sẽ xử.

Đòi Lê Xuân Kỳ lên đứng giữa Toa, tuy là mặc một bộ đồ u hoe hàng tít sọ thẳng thớm, chon mang giày ăn phóng láng đen, thì mặc dầu; mà mặt dài cằm nhọn, gia dĩ trống ngực đánh lia, mặt mày tái ngắt (vì bọm ta nghe lời khai của Cẩm Lệ thì biết gian mưu bại lộ, nên sợ thất thanh tài nào mà mặt mày không tái ngắt). Cho nên lúc này dầu mà bọm ta có cái lưỡi bén tọt guom trường, miệng xuôi như suối chảy đi nữa, cũng khó đem ra mà dùng được; nên đứng nói ló quó một hồi, chùng rớt cuộc rồi cũng phải tàng đầu lộ vĩ¹.

1. Đầu đầu loi đuôi.

Quan Tòa dạy bọm ta lui xuống, rồi đòi hết mấy tên chúng là Hương quản, lính X. và tám tên dân làng lên mà hỏi. Ban đầu chúng nó còn chối cãi, mà ba mươi đời cái thứ gian, dầu có cương cầu mà chối cãi thế nào, cũng chẳng cương qua cho khỏi lý. Bởi vậy cho nên, chừng rốt cuộc rồi chúng nó bị quan Tòa chặn nghẹt nên phải khai thật rằng: "Ngày... Tháng... có thầy thông Lê Xuân Kỳ ngồi tại nhà Hương quản mỗ, lại cũng có tên lính X. tại đó, kêu anh em tôi lại mà muốn mỗi người là hai đồng bạc, dặn chúng tôi từ mười hai giờ khuya ngày ấy, phải ở gần lối đó; hễ nghe cô Cẩm Lệ la làng thì áp vào mà bắt thầy Hoàng Hữu Chí. Thầy Kỳ lại còn hứa với chúng tôi rằng ngày nào Tòa xử xong, kêu án thầy giáo Chí rồi thì thầy sẽ cho thêm anh em tôi mỗi người là năm đồng nữa. Lúc ấy chúng tôi cũng thấy thầy đưa bạc cho Hương quản mỗ và tên lính X. nữa, song cái số bao nhiêu thì chúng tôi không thấy rõ; ấy là lời khai thật ngay, xin quan lớn châm chế cho chúng tôi nhờ".

Quan tòa liền dạy chúng nó lui xuống. Kế đó quan Thầy kiện liền ra đứng giữa mà biện giải sơ sạ vài lời, tỏ ý xin quan Tòa tha Hoàng Hữu Chí là người vô tội, và xin buộc Lê Xuân Kỳ, Cẩm Lệ và nội bọn về tội phao vu cho người lương thiện. Dâu đó xong rồi, quan thay mặt cho quan Chuồng lý bèn đứng dậy mà tuyên bố giữa công chúng rằng:

– Vả Tòa là chỗ cân cân tội phúc, ấy là chỗ chí công chí chánh, cân mực công bình mà thưởng thiện phạt ác. Hoàng Hữu Chí là người lương thiện, bị phao vu mà chức phận phải hư, danh giá phải hỏng. Nay tôi xin tòa hãy lấy điều công lý, mở lượng nhơn hà, tha bổng và phục hồi cựu chức cho chàng mà thương người vô tội. Còn Cẩm Lệ với Lê Xuân Kỳ và nội bọn, thấy đều đồng ác tương tế mà hãm hại người lành, ấy cũng đồng tội liên can, nên tôi cũng xin Tòa bắt hết giam tra rồi luận tội mà phạt chúng nó một cách cho nặng nề, dặng để làm gương cho kẻ khác.

Ngài nói dứt lời rồi, các quan Tòa liền bãi hội, hiệp với các quan Hội đồng thẩm án, lui vào phòng thăm mà nghị án. Ngoài này thiên hạ xôn xao, kẻ nói vậy người nói khác, ai ai cũng cho là một việc rất phi thường thật là kim cổ kỳ quang, thuở nay chưa từng thấy.

Lúc này hai mẹ con bà phủ mừng rỡ vô cùng, song trong lòng cũng còn hơi phập phồng, chưa biết sao mà dám chắc. Kể thấy quan Thầy kiện của bà bước lại nói cho bà biết rằng chắc là Tòà sẽ tha bổng Hoàng Hữu Chí. Chùng ấy bà mới thật mừng, song cũng còn nhóng trông coi Tòà xử về bọn Cẩm Lệ lẽ nào cho rõ. Duy có cô Xuân Lan, trong lòng khắp khỏi mừng thầm, song còn chưa dám nói cho ai biết được. Một chặp lại nghe chuông đổ, ai nấy đều trở vào đặng nghe lệnh Tòà xử đoán lẽ nào cho biết. Các quan điều ra ngồi y chỗ cũ. Quan Tòà liền đọc án một hồi. Kể thấy Thông ra đứng giữa Tòà mà tuyên bố lên rằng:

– Nay Tòà xét vì Hoàng Hữu Chí là người vô tội mà bị hàm oan, nên dạy tha bổng cho thầy và phục hồi cựu chức. Còn Cẩm Lệ với Lê Xuân Kỳ và nội bọn đều phải giam lại nhà chờ tra hỏi cho phân minh rồi sau sẽ xử.

Liền nội hồi đó, lính Sơn đầm dẫu hết nội bọn đem giam vào khám. Lúc này bà phủ mừng rỡ vô cùng, song bà lấy làm lạ quá, không hiểu tại sao mà Cẩm Lệ lại trở lòng với Lê Xuân Kỳ mà khai thật hết ra như vậy. Cùng đó Thu Cúc mới mỉm cười và thuật hết lại cho bà nghe rằng:

– Con xin lỗi cùng má, nguyên đó là tại hai chị em con rõ biết được Cẩm Lệ và Lê Xuân Kỳ đã tư tình với nhau, Cẩm Lệ lại có cho Lê Xuân Kỳ một chiếc nhẫn, nên em con phải liều danh giá dụng trí gạt Lê Xuân Kỳ mà lấy cho được chiếc nhẫn ấy. Rồi cứ làm màu bòn trợn trùng liếc với Lê Xuân Kỳ trước mặt Cẩm Lệ mãi cho nó đổ ghen ra; mà hễ nó đổ ghen ra rồi thì thế nào chúng nó cũng phải sanh ác cảm; chùng ấy nó mới oán hận nhau. Rồi mình lại thừa dịp ấy chờ đến bữa nay, lúc Tòà gần xử, lại đem chiếc nhẫn của nó đã cho tình nhân nó, mà tình nhân nó lại đem cho người thương khác; trêu ghẹo ra trước mắt nó cho nó ngó thấy rồi làm như tuồng khinh khi kiêu hãnh, thì nó như không không vậy; thế thì cái ghen cái tức, cái oán, cái cừu này, dầu giết được nó cũng giết mà không góm thay; huống chi là đến Tòà mà khai thật cho Lê Xuân Kỳ ở tù cho lại gan, cho bỏ ghét thì có khó chi mà không dám. Nay chúng đã trúng kế của chị em con rồi, lại cứu được thầy Hoàng Hữu Chí rồi, nên con phải chịu lỗi cùng má về tội chị em con đã dẫu nhem mà không cho má hay, xin má dung thứ cho chị em con nhờ.

Bà phở nghe nói ngơ ngẩn hồi lâu, lại thấy Xuân Lan đang đứng xa xa ngó lại, chúm chím miệng cười. Bà liền giơ tay lên ngoắt lia ngoắt lia và kêu rằng:

– Xuân Lan! Lại đây con.

Xuân Lan nghe kêu chạy lại cúi đầu, bà liền với xuống kéo đại lên xe vò lia vò lia, rồi rung rung nước mắt mà nói rằng:

– Thật chị em con tệ quá! Có vậy thì cho má hay, để chi cho má không biết mà giận con, mắng nhiếc đuổi xua làm cho thân con tức tuổi, ở đậu ở bạc với người ta hôm tới nay, tội nghiệp thì thôi đa.

Rồi bà lại cười và lau nước mắt mà nói nữa rằng:

– Trời ơi! Mẹ có dè đâu mà chị em con tuổi mới có bấy lớn mà khôn ngoan lanh lợi, mưu trí quá Khổng Minh như vậy. Thôi, kêu thầy giáo, dẫn thầy lấy giấy tờ rồi lên xe đây mà về với mẹ con mình luôn thể con.

Lúc bấy giờ, thiên hạ đều đồn chuyện với nhau rằng. "Có hai cô con gái của bà phở lối 17, 18 tuổi gì đó mà thông minh quá, lại thêm mưu trí cao sâu, biết dụng kế mà cứu người ngay cho khỏi họa". Vì vậy ai ai cũng muốn tranh nhau xúm coi cho biết hai chị em cô ấy ra thế nào mà khôn ngoan như vậy. Ôi thôi! Ban đầu còn ít, sau xít ra đông, đứng vậy chung quanh, làm cho xe của bà không cựa cựa gì được hết. Lúc đang lộn xộn, bỗng thấy thằng bồi của ông phán Ngãi sai lên kiểm bà mà báo tin lành cho bà hay rằng ông phán mới được dây thép của Phan, Nguyễn hai ông đánh về cho hay rằng đã xuống chiếc tàu Orénoque mà trở về Sài Gòn, nay đã tới Tourane (Cửa Hàn) rồi, còn hai ngày nữa sẽ tới Sài Gòn, dây thép ấy ở Tourane đánh lại. Vừa được tin này, hai chị em Thu Cúc mừng rỡ xiết bao. Thật là: *Mừng này còn có mừng nào cho hơn!*

Còn đang mừng rỡ, nói nói cười cười, kế thấy Hoàng Hữu Chí đã lãnh giấy rồi trở ra, bước thẳng đến trước xe mà xá bà phở với hai cô con. Rồi dùng lời trung hậu mà tạ ơn bà với chị em cô Thu Cúc. Rồi đó bà liền mời Hoàng Hữu Chí lên xe ngồi bên cạnh sếp phơ, rồi bà dạy sếp phơ chạy lên đường Thuận Kiều ghé nhà ông phán Ngãi.

Vào nhà còn đang mừng rỡ chuyện trò, kẻ hỏi thăm việc này người hỏi thăm việc khác. Bỗng đâu lại thấy một người Phất to ngoài

cửa bước vào đem lại một cái dây thép nữa. Ông phán ký tên lãnh rồi mở ra coi, té ra là của một ông bạn ở Bạc Liêu đánh lên cho ông hay rằng chiều bữa ấy chuyển xe lửa chót bà huyện sẽ lên Sài Gòn. Ôi! Điều đâu cũng lạ, mừng lại dập dồn.

*Nụ cười Con Tạo lá lay,
Khi tan, khi hiệp, rất dày công phu!*

Mới được tin cha, lại thêm tin mẹ. Hai chị em Thu Cúc mừng quýnh mừng quýnh, mừng quá đổi mừng; bèn thưa với mẹ nuôi, xin nán lại đến chiều mai đợi đón rước bà thân sanh lão mẫu. Bà phủ cũng vui lòng mà nói rằng:

— À phải đa con, vậy để chiều nay ba mẹ con mình ra ga, rước chị rồi sẽ về Tây Ninh, kéo bỏ nhà không có ai coi; rồi sáng một hai chị em con sẽ trở xuống mà đón anh với anh Phan cũng được.

Chiều bữa ấy lối sáu giờ rưỡi, Hoàng Hữu Chí mặc đi thăm anh em, còn bà phủ với chị em Thu Cúc đem ô tô ra ga mà đón bà huyện. Khi xe lửa về tới ga, bà huyện trên xe bước xuống, thành linh so lại thấy hai đứa con gái mình đây, vòng vàng chuỗi hạt nhỏ, nét mặt tươi cười đúng với một bà nào lạ mặt; bà ngỡ là trong giấc chiêm bao, bà đương nhìn sững, chưa biết nói làm sao. Kể nghe hai cô ấy miệng kêu má, má; chơn chạy lại gần, bà cứ nhìn trân, thật là không biết ai xui ai khiến mà được như vậy, khóc lờ khóc, mà cười cũng lờ cười; không nói chi được hết. Hai chị em Thu Cúc liền nắm tay mẹ dắt lại gần chỉ bà phủ mà thuật sơ các việc cho mẹ mình nghe. Chừng ấy hai bà mới nhau, chuyện trò mừng rỡ, bà huyện rất cảm tình bà phủ có lòng nhân hậu mà chiếu cố hai trẻ từ ấy đến nay. Rồi đó bà phủ liền hối Sếp phơ quày xe trở về nhà ông phán. Hoàng Hữu Chí thấy xe về tới, cũng vội vã chạy ra chào mừng bà huyện, rồi hiệp lại một đoàn từ già vợ chồng ông phán trở về Tây Ninh, qua mười hai giờ khuya mới tới.

Sáng ra bữa sau, Thu Cúc xem nhựt báo, thấy có đăng một khoản nói rằng Hội số số đã xổ rồi, bao nhiêu số trúng cũng có đăng trong tờ báo ấy. Thu Cúc liền kêu Xuân Lan, bảo mở trong lấy số của mình mua, đem ra dò thử coi trúng trật. Ai ngờ là:

*Khi nên trời cũng chịu người!
Hết con bĩ cực tới hồi thái lai.*

Cho nên khi Thu Cúc vừa gỡ sổ ra mà dò, thì thấy sổ của mình được trúng độc đắc là một vạn đồng; chị em đều mừng rỡ, bà phủ với bà huyện cũng mừng. Thật là cuộc đời đời đổi, thiên địa tuần hoàn, hết thanh tới suy, suy rồi lại thanh.

Qua bữa sau Thu Cúc với Xuân Lan bèn thua cho hai bà mẹ hay, rồi muốn một cái xe ô tô đi xuống Sài Gòn, trước là đón rước cha, sau là đến nhà Băng mà lãnh tiền trúng số.

Khi xe xuống tới Sài Gòn rồi cũng cứ ghé nhà ông phán Ngải. Ông bèn nói cho chị em Thu Cúc hay rằng:

– Này hai cháu, hôm nay sẽ có tới hai chiếc tàu lớn đến một lượt, chiếc Porthos thì ở bên Tây qua, còn chiếc Orénoque thì ở Bắc kỳ lại; cả hai cũng đều vào tới Cáp (Vũng Tàu), đã báo tin rồi, chiều nay đúng một giờ, có khi hai chiếc cũng vào tới Sài Gòn một lượt. Vậy nếu hai cháu có đi đón anh huyện thì phải coi chừng cái danh hiệu tàu kéo lộn, phải đón chiếc Orénoque thì mới khỏi lầm; mà hay hơn là cho chú đi với cho vui.

Hai chị em nghe nói rất mừng, bèn nhom lúc tàu chưa tới bến, đi trước xuống nhà Băng lãnh tiền trúng số cho xong, rồi trở về nhà ông phán nghỉ ngơi mà chờ tàu tới. Gần một giờ chiều, hai chị em bèn sửa soạn, rồi hiệp với ông phán lên xe ô tô chạy qua cảng nhà Rồng, kiếm chỗ đậu xe mà đợi. Lúc bảy giờ, tại bến tàu thiên hạ lao xao, kẻ đón rước anh em, người đón cha mẹ bà con, chẳng biết số nào mà kể cho xiết được.

Còn đang mơ ước ngóng trông, bỗng thấy xa xa, nơi ngoài mấy khúc quanh, khói tỏa đen sì, ấy là khói tàu đồ đã vào gần tới bến; những khách trên cầu, lại lại qua qua, kẻ ngóng tàu bên Tây, người trông tàu ngoài Bắc.

Một lát đã thấy hai chiếc tàu ló mũi, chiếc trước chiếc sau, hai chiếc nối nhau, riu rít dựa vào cầu rất nên êm ái.

Hai chị em Thu Cúc và ông phán Ngải đứng ngó lên tàu, thấy quan huyện với Phan Công, hai ông đứng kế nhau, thì mừng vui chẳng xiết. Còn trên tàu quan huyện trông xuống thấy hai đứa con, trong lòng ông cũng vô cùng hớn hở. Khi tàu ghé yên rồi, hai ông xách va ly dắt nhau xuống cầu, bắt tay ông phán chào mừng, rồi quay lại vuốt ve hai con, lòng mừng phấn khởi; song vì chỗ đông

người, nên không lẽ hỏi qua gia sự. Cha con còn đương mừng rỡ, chưa kịp nói chi; bỗng nghe ông Phan Mẫn Đạt nói lớn lên rằng:

– Úa! Cơ khổ! Thằng Chấn của tôi nó cũng về tới kia cà!

Vừa nói vừa chỉ bên chiếc tàu Porthos. Ai nấy cũng ngó theo, thấy trên chiếc tàu ấy có một người trai tơ tắn, diện mạo khôi ngô, hình dung tuấn nhã; đứng ngó Phan Công một hồi rồi cũng kêu rằng:

– Úa cha! Con đã về tới đây này cha.

Ồi! Tào hóa khéo xui, tình cờ mà gặp, bên này một cặp, bên ấy ba người, cha cha con con, nói nói cười cười; thật cái sự vui mừng này, ký giả không có tài nào mà tả ra cho rõ được. Còn Phan Quốc Chấn với Thu Cúc mà thấy nhau đây, ký giả chẳng cần tả ra, chớ khán quan cũng chẳng rõ ràng:

Người quốc sắc, kẻ thiên tài;

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

Rồi đó, hai người cha, ba người con và một ông bạn, liền đề huề dắt nhau lên ô tô, chạy về nhà ông phán, Thu Cúc bèn đem hết đầu đuôi các việc của chị em mình và bà phủ mà thuật rõ lại cho quan huyện nghe, Phan Quốc Chấn cũng đem việc bà phủ gởi mười hai ngàn quan tiền tây mà giúp thêm học phí cho mình, nhờ có tấm lòng hào hiệp của bà nên mới được công thành danh toại; đầu đuôi gốc ngọn thuật hết một hồi, Phan, Nguyễn hai ông nghe nói cũng ngùi ngùi, hết sức cảm ơn bà phủ.

Chuyện trò mừng rỡ một hồi, rồi mới đứng dậy già từ ông phán mà lên xe, bảo sếp phơ chạy thẳng lên trường Nguyễn Phan Long ghé vào xin phép và rước luôn Trọng Liêm về chơi ít bữa. Quan huyện cảm cảnh vô cùng, ông càng thấy mấy đứa con của ông đã được bà phủ châu toàn tử tế chừng nào thì ông lại càng cảm tình bà phủ chừng nấy. Rước Trọng Liêm rồi liền hồi sếp phơ chạy thẳng về Tây Ninh.

Đây xin nhắc sơ lại việc Hoàng Hữu Chí, ban đầu thì chàng nhút nhát, chẳng thèm cưới con gái nhà giàu; sau vì mắc nạn mà phải thọ ơn bà phủ, cảm nghĩa Xuân Lan, chừng ấy mới biết trong đám con gái nhà giàu, cũng có kẻ vậy người khác. Lại thêm thấy

Phan Quốc Chấn là bạn thiết của mình, cũng là rể nhà bà; nên chàng cũng vui lòng vào đó mà chèo xuôi cho mát mái.

Ngày ấy Hoàng Hữu Chí cũng ở tại nhà bà phủ mà chờ tin. Thoạt nghe tiếng kèn ô tô, cả nhà đều mừng rỡ, rủ nhau ra trước ngõ ngóng trông. Xe vừa ngừng bánh, ôi thôi! Kề dưới đất, người trên xe, nói nói cười cười, mừng nhau chí xiết.

Khi vào nhà ai nấy đều ngồi yên, Phan Quốc Chấn và Hoàng Hữu Chí liền bước ra tạ ơn bà phủ. Bà cười và dạy hai trẻ ngồi, rồi dạy qua nói với Phan Công và vợ chồng quan huyện rằng:

– On trời phò hộ, phụ tử đoàn viên; vậy thì ngày nay việc hôn nhon của trẻ, cũng nên sớm liệu cho rồi; vả lại cặp lớn đó thì vốn của hai anh định trước, còn cặp nhỏ¹ này là của tôi mới định sau đây; vậy xin anh chị liệu tính lẽ nào, cho trẻ con nó nhờ phúc.

Quan huyện bèn đáp rằng:

– Cái lòng nhân hậu của chị mà đối với trẻ con, từ xưa đến nay, chẳng có ai được vậy bao giờ, mỗi chị cũng đều để ý châu toàn, chẳng hề bỏ qua một mảy, tôi và mẹ nó đây tuy là thân sanh của chúng nó mặc dầu, chớ cũng không sao bì kịp. Còn mấy chị em chúng nó mà đối với cái ân trọng đức dày của chị đây, thật là thiên cao địa hậu, tái tạo chi ân, thế thì chẳng biết kiếp nào mà chúng nó đền bồi cho được. Huống chi việc hôn nhon là việc trọng trong đạo nhon luân, mà chị định cho bốn trẻ cũng vừa chùng, thì vợ chồng tôi cũng vui lòng, lẽ đâu còn dám cãi. Nhưng tôi còn lo một nỗi gia nghiệp chưa yên, vậy xin để cho tôi trở về cố lý ít ngày, đặng lo phục hồi cự nghiệp đâu đó cho xong xuôi, rồi tôi sẽ trở lại đây mà định hôn cho bốn trẻ, cũng chẳng muộn chi, xin chị với anh Phan an dạ.

Bà phủ nghe nói rất vui lòng, mà thật bà rất vui lòng hơn hết. Nghĩ vì bà giúp đâu nên đó, kết quả được nhiều việc rất hay, giúp họ Phan thì họ Phan đã thành danh, mà cứu họ Hoàng thì họ Hoàng lại khỏi nạn, ấy rõ ràng là: *Cường qua hườn đắc qua, chuông đậu hườn đắc đậu*. Một nhà phúc hậu, kiết triệu tới liền liền, ấy cũng

1. Cặp lớn là chỉ Phan Quốc Chánh với Thu Cúc mà nói. Còn cặp nhỏ là chỉ Hoàng Hữu Chí với Xuân Lan mà nói.

vì lòng nhân hậu của bà thật là vô lượng vô biên, nên bà mới được hưởng vô cùng hạnh phúc.

Từ đây cha con, chồng vợ, bạn bè, chị em, một cửa sum vầy, ngàn năm phúc ấm.

Ất Sửu niên, Mộ xuân 1926
NGUYỄN CHÁNH SẮT
tự Bá Nghiêm

CHUNG

TRẦN QUANG NGHIỆP *Là nhà văn cùng thời với Nguyễn Chánh Sắt, đã xuất bản 21 tác phẩm*
(? - ?) *vừa truyện vừa tiểu thuyết từ năm 1928*

đến năm 1932, nhưng hiện nay chúng tôi chưa tìm ra được quê quán cũng như năm sinh, năm mất của ông. Nhưng trong dòng văn xuôi Nam Bộ đầu thế kỷ XX không thể không nhắc đến ông.

Văn Trần Quang Nghiệp hoạt, hóm hỉnh và tràn đầy chất nhân văn.

Tác phẩm của Trần Quang Nghiệp thường được đăng trên các báo và tạp chí ở Nam Bộ, trước khi được xuất bản thành sách ở các nhà xuất bản ở Sài Gòn.

Một số tác phẩm chính:

- Biển cả thuyền con - Sài Gòn - Đức Lưu Phương 1931
- Cù lao thanh thủy - Đăng trên Công luận báo từ 5-11-1931
- Chuyển xe trưa - Sài Gòn - Đức Lưu Phương 1931
- Giọt lệ hồng nhan - Sài Gòn - Đức Lưu Phương 1931
- Lửa Tình - Sài Gòn - Đức Lưu Phương 1931
- Người thương của tôi - Sài Gòn - Impade Nguyễn Khắc
- Hai bó giấy - Sài Gòn - Đức Lưu Phương 1932

*

LỬA TÌNH

(tiểu thuyết)

Chương I **ĐÁP TÀU SANG PHÁP**

Tôi ối ấy tôi ở trên boong tàu Chenonceaux.

Tàu từ từ lìa bến Sài Gòn khởi đem chúng tôi đi lại mấy xứ xa kia nơi ven trời góc biển. Mình là một tên du tử đi đi lại lại, nay chỗ này, mai chỗ kia; nếu trừ mấy bác lính mật thám thì chẳng ai hay, không ai biết rằng mình là thằng nào, đi đâu, làm gì?

Kể ở phát tay người đi lay nón; mình, một thân thước mấy, đứng êm, tay chống lan can, mắt xem đất nước. Lần này là lần thứ nhút mình đi một chuyến xa nên lòng cảm động nhiều lắm. Tuy không ai đưa tay ngoắc mình nhưng tàu lần lần xa bến đem mình đi ra hưởng cái không khí khoáng khoát làm cho mình rút khăn đưa lên cao vung qua vung lại, giã từ và nhấn nhủ anh em ở lại ráng mà tùy duyên yên phận.

Con sông quanh quẹo, tàu đi một đổi, mình không còn biết Sài Gòn là đâu nữa. Nhưng mà còn nhớ con sông nó quẹo quanh như vậy mình mới thấy lại Sài Gòn bên tay mặt. Không phải thấy Sài Gòn mà thấy lầu chuông nhà thờ nhà nước ở đầu đường Catinat.

Lầu chuông cao thật.

Nhà thờ là chỗ đạo đức thật.

Người ngoại quốc đi vào bến Sài Gòn, họ đã thấy cái lầu chuông trước nhút thì họ thâm tưởng rằng mình đến một xứ nhiều đạo đức; họ ngỡ mình đến chốn thiên đàng chung vui với người nơi ấy.

Khi giã từ Sài Gòn họ còn thấy cái lầu chuông ấy nữa; mà bấy giờ họ lại tưởng họ đã dặng thoát khỏi cái nơi tội lỗi, nhẹ mình đi tới cảnh Bồng Lai.

Lầu chuông thật cao.

Trên cao người ta sung sướng tự do thật nhưng nếu mình thử dòm xuống ngay dưới cái chỗ cao ấy thì mình mới thấy cái hạng người ở dưới họ chật hẹp khổ cực là thế nào?

Ngót mấy giờ đồng hồ tàu ra khỏi sông. Một mặt bể rộng mênh mông, một mặt đất xanh cây cỏ; tàu cứ chỉ mũi ra khơi, mình cứ ngảnh lại nhìn xem đất núi, nước sông một lần sau rồi trước khi đem thân đi xứ lạ. Nhưng mà có lẽ trời không muốn vậy nên ta lệnh xuống một đám mưa to, che khuất mắt mình không cho thấy cái vùng đất xanh xanh ấy nữa. Chùng mây tan mưa tạnh, mình chạy trở lại đứng dựa lan can trên boong tàu; chuyến này không còn thấy cái vùng đất xanh xanh ấy nữa mà nhắm lại quay mình thì trời nước mênh mông.

Chúng tôi lia bãi bể Vũng Tàu một quãng khá xa rồi vậy.

Khéo vô duyên rồi thôi, chuyến tàu không có một người Nam nào quá giang khác hơn là mình đây. Đường đi muôn núi ngàn sông,

một tháng trường lênh đèn trên mặt bể không lẽ ngậm cầm mãi đi đặng. Mình đã đứng trên chỗ lạ cảnh lạ người thôi thì tìm khách Viễn phan mà làm quen nói chuyện chơi thì phải lắm.

Chương II **TỚI SINGAPOUR**

Chúng tôi ba người ngồi chung quanh một cái bàn tròn. Tàu vẫn chạy, chúng tôi vẫn uống trà nói chuyện. Anh Lý Tố (Lytaud) năm ấy mới hai mươi lăm, hai sáu tuổi, người vừa vặn không mập không ốm, gương mặt anh tươi cười luôn luôn. Vợ anh là chị Mộng Hoa (Mon Ward) một người đàn bà thật đẹp, có vóc mình thật tốt tưởng không kém gì cái tượng của nữ thần Venus. Chị vừa hiền hậu vừa vui vẻ, mỗi khi chị nói một câu gì thì chị đã mỉm cười xem cái miệng thật có duyên.

Hai vợ chồng người nước Pháp, có tiền có của, đi du lịch từ một năm rưỡi nay đã trải qua mấy xứ: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Hoa và Đông Dương.

Anh Lý Tố hỏi tôi có chuyện gì vui nói cho anh nghe chơi. Tôi nghĩ tới thương mãi thì tôi đau bụng, nghĩ tới học vấn thì tôi điếc tai, nghĩ tới thể thao thì tôi nhẹ nhàng khỏe khoắn. Ừ trong xứ có môn thể thao là thanh hành, vẻ vang hơn hết mà không đem ra khoe, không đem ra nói thì nói những gì?

Anh hỏi anh em Việt Nam mình ưa môn thể thao nào thì mình mau nói:

– Trong xứ tôi chỉ có môn đá banh tròn và môn đánh vợt là thanh hành hơn hết.

Anh Lý Tố lại hỏi:

– Chơi nhiều mà có đặng giỏi hay không?

– Đá banh tròn tuy chúng tôi không giỏi lắm nhưng mấy hội banh ở "Mẫu Quốc", ở Sài Gòn không làm gì nổi chúng tôi, còn về môn đánh vợt thì chúng tôi có Chim và Giao từng đem chuông sang đánh xứ người, đoạt chức vô địch Mã Lai đánh đôi. Mới mấy ngày

đây Chim, Giao đánh ngã cả Aragon, Phi Luật Tân vô địch và Lâm Bửu Hoa, Trung Quốc quán quân.

– Anh biết đánh vợt chớ?

– Thì cũng mới học.

– Vợ chồng tôi ham cái nghề chơi ấy lắm, ở nhà chúng tôi tại Nice có một cái sân riêng, mà đi đây cũng có đem cả vợt theo nữa.

Chị Mộng Hoa làm thỉnh không dặng, chị mỉm cười mà rằng:

– Ở Sài Gòn mấy bữa chúng tôi nhờ có một người bạn quen dắt đi đánh tại sân của hội vợt người Langsa.

Mình nghe chị Mộng Hoa nói thì làm bãnh mà hứa rằng:

– Tới Singapour chị muốn đánh trên sân cỏ hay không? Tôi có quen với anh Khấu Phi Hải vô địch Mã Lai, tụi mình nhờ anh đem đi đánh chơi thì chắc dặng rồi.

Tàu đi ngay lại một vùng đen đen; ấy là chỗ đất bằng. Hải cảng Singapour trước mắt.

Mình nhắm ngay lại đó suy nghĩ một chút rồi ngó anh Lý Tố vừa cười mà nói rằng:

– Nói anh đừng cười người ta sánh xứ sở của chúng tôi là một cục ngọc cõi Á đông nhưng bấy lâu tôi ở trong, thành ra không biết rằng nó có thật vậy không. Để rồi đây tôi sẽ bước chân lên cái xứ lạ này, tôi xem nó, rồi sánh lại cái xứ của tôi.

– Thì Singapour cũng là một cục ngọc của người Bà Lai, do người Ảng Lê cai quản.

Chiều hôm ấy tôi thay quần đổi áo, ôm vợt lên bờ tìm anh Khấu Phi Hải. Ở Singapour xe cộ gì đều đi mé tay trái cả. Nghĩ tức cười, ở đời nói xuôi cũng được, nói ngược cũng dễ nghe; bên mình xe đi tay mặt cho là phải, bên họ đi tay trái họ cũng cho là phải vậy.

Tìm anh Khấu Phi Hải nhưng sực nhớ lại thì anh không còn ở Singapour nữa rồi. Ôm vợt lại sân đánh trái lảng ý tìm anh Lê Hoàng Tuấn nhưng phải mắc cỡ một lần nữa. Hôm ấy nhằm ngày chúa nhật người ta không chơi thể thao.

Ba người chúng tôi xén lên ôm vợt đi ngoài đường. Anh Lý Tố vùng đứng lại nói một cách vui vẻ rằng:

– Kia! Một rạp xiết.

Anh vừa nói vừa đưa tay chỉ ngay một miếng đất trống đằng đầu đường, chằm phía tay mặt của chúng tôi. Chị Mộng Hoa nghe nói thì dường như chị tỉnh giấc vậy, chị nghiêng mình dòm ra trước thì thấy một cái rạp hát xiết thật lớn nằm choáng gần hết miếng đất trống nọ. Chị mỉm miệng cười. Cái cười của chị khác thường làm cho tôi phải để ý, tôi nhìn chị, thấy gương mặt chị vui vẻ lắm, tôi đoán chắc chị đang tưởng một chuyện gì, hoặc nhớ lại một điều gì đó.

Anh Lý Tổ đứng trân lại một chỗ, coi bộ không nhút định đi đâu cả. Mình càng lấy làm lạ cái rạp hát xiết ấy không lạ gì mà hai vợ chồng anh này lại có cảm tình với nó mà ngó nó hoài vậy. Mình mới mở miệng hỏi nhỏ:

– Bộ cái rạp xiết đó làm cho anh nhớ một chuyện gì lạ thường lắm phải không?

– Ừ một câu chuyện lạ thường lắm, tôi muốn nói cho anh nghe.

– Tôi cũng muốn nghe, mà bây giờ phải tính làm sao chớ không lẽ ôm mấy cây vọt nẩy đứng ngoài đường nói chuyện.

– Chuyện này ngộ lắm muốn nghe hoài. Phải không em Mộng Hoa?

Chị Mộng Hoa gật đầu cười mà nói:

– Chuyện hay thật theo ý vợ chồng mình tưởng vậy nhưng không biết nó có vừa lỗ tai anh Nghiệp không?

Mình tỏ ý bằng lòng nghe câu chuyện rồi cùng nhau dắt nhau trở lại tàu ngồi trên boong khởi nói chuyện ấy.

Chương III **BẮT ĐẦU THUẬT CHUYỆN**

Anh Lý Tổ ngồi hút thuốc một hơi, phì khói ra bay thơm phức và khởi đầu thuật lại rằng:

– Thuở ấy tôi mới hai mươi tuổi mà thôi, tôi chỉ là một anh hề trong gánh xiết. Tôi theo gánh đi xứ nọ qua xứ kia, nhà của

chúng tôi là mấy cái xe, nước của chúng tôi là mấy cái trại bố trắng ấy, ngoài ra chúng tôi không còn biết gì nữa cả. Chỗ nào thâm tiền đặng là chúng tôi tới, chỗ nào hết cần dùng cuộc vui của chúng tôi thì chúng tôi cuốn gói đi.

Chị Mộng Hoa xem bộ cũng ngứa miệng nên xen vào nói:

– Gánh xiệt của chúng mình tên là gánh Ba Lợi Ty (Baletti).

Mình nghe chị nói thì sững sờ mà hỏi rằng:

– Ủa! Chị cũng có ở đó nữa hay sao?

Chị Mộng Hoa ngó mình vừa cười vừa nói:

– Có chớ sao lại không. Hồi đó tôi lãnh làm đủ công chuyện hết thầy: Múa hát, đánh đu, thầy dao, thầy đĩa và cũng có làm bia cho người ta bắn tên nữa.

Anh Lý Tố nói tiếp:

– Em đừng quên rằng mấy lớp chánh lớp hay, em làm chung với anh luôn luôn. Trong lúc em nhào nghiêng ngửa trên đu, anh ở dưới nẩy ôm đồn mà khảy; anh ráng làm cho người ta cười trong lúc em ngồi nghỉ. Anh diễn có duyên lắm phải không.

Đang khi ấy mình ngồi thấy rõ ràng hai vợ chồng anh Lý Tố nắm tay nhau, nhưng làm bộ ngó lơ tỏ rằng mình không thấy gì hết và nói rằng:

– Thiệt tình, chuyện của anh nói làm cho tôi nóng nghe lắm, anh nói tiếp đi, tôi tưởng càng nghe tới sau càng hay phải không anh?

Lý Tố rót một ly rượu đầy, tay bung uống hết hơn phân nửa rồi tiếp rằng:

– Tôi nhớ lại có bốn năm năm nay rồi, năm ấy Mộng Hoa và tôi bắt đầu tập hát một lượt với nhau ở bờ biển Địa Trung Anh Hải, trong xứ Ý Đại Lợi. Anh hãy nghĩ suy, rồi đừng tưởng cái kiếp sống nổi trôi của gánh xiệt nghe không. Chúng tôi đi tầm bậy tầm bạ, chúng tôi tự do, không có gì buộc trói; chúng tôi không lo, không nghĩ gì cả, ăn ngày nay mà không cần tưởng tới chuyện ngày mai. Những điều lo nghĩ ấy chúng tôi đều giao hết cho ông chủ là ông Ba Ty Lợi, mặc ông làm gì thì làm. Ông tuy già nhưng ông vẫn còn mạnh, cái nghề xiệt là cái nghề do cha ông để lại nên ông thạo lắm.

Ông thương đào, thương kép, thương cả mấy anh hề nữa; gánh xiết của ông đứng vững là nhờ chữ thương ấy.

Chị Mộng Hoa day hỏi anh Lý Tố:

– Anh nhớ lúc ông giới thiệu đào kép với khán giả không?

Anh Lý Tố cười và đáp lại:

– Nhớ chứ, mà anh thuộc lòng câu của ông nói mới là hay.

Nói rồi anh đứng dậy ngay thẳng nhái Ba Ty Lợi làm cho mấy anh bồi tàu lấy làm lạ lắm. Anh nói như vậy:

– Quý bà, quý ông! Chúng tôi lấy làm vui lòng cho quý bà, quý ông. Mộng Hoa là một cô đào hay nhứt, dạn dĩ nhứt mới đăng là cho người ta tặng một cái tên riêng là "Phong Vân công chúa" lúc này cô bịt mắt, đi đây một lần thứ nhứt nên chúng tôi xin cả rạp hết thầy khán giả giữ im, đừng la, đừng khen, đừng chộn rộn, nín thở mà xem, chừng cô ấy xuống sẽ vỗ tay. Xin nhớ giùm kéo nguy hiểm tính mạng của cô.

– Bữa nào ông cũng nói có bấy nhiêu đó thôi mà. Tôi chẳng thích vì đăng người ta vỗ tay khen ngợi mà lúc nọ tôi mừng bởi diễn đăng một lớp hay.

Nghe hai vợ chồng nói chuyện, dong dài mình cũng buồn lòng bởi vì mình nóng nghe câu chuyện này, mình cần lấy sự tích chó không cần nghe phê bình làm gì hết.

Anh Lý Tố bộ cũng hiểu ý mình, ánh nắm cánh tay vợ và nói:

– Nếu mình cứ nói quanh quẩn như vậy mãi thì anh Nghiệp ảnh ngủ gục mất còn gì? nói như vậy là mình nói với nhau chứ ảnh là một người tập viết tiểu thuyết rồi có lẽ đăng người ta hoan nghênh lắm.

Bây giờ vợ chồng anh Lý Tố thuật lại một cách rõ ràng lắm. Mình nghe mà mê mê mẩn mẩn, không dè trong đời lại có cái chuyện lạ đời như thế, tưởng nếu viết ra chắc đăng nhiều người ưa xem lắm.

Bởi mình tưởng như vậy nên vợ chồng anh Lý Tố già từ mình mà ghé bến Colombo thì mình nhơn cái giờ mà tàu lênh đênh giữa biển để chép lại chuyện này.

Chép lại, nhưng cũng phải có phép anh cho mới dám chớ chẳng phải anh tin mình nói chuyện cho mình nghe rồi mình không giữ kín, lại đem bươi ra cho mọi người biết hay sao.

Chương IV HAI NGƯỜI ĐÀO VÀ KÉP

Từ đây và sau là lời tôi thuật lại chuyện anh Lý Tố và chị Mộng Hoa cũng như hai người trong một quyển tiểu thuyết vậy.

*

Gánh xiệt Ba Ty Lợi là một gánh hát lớn lao, thanh hành phát đạt lắm. Trong gánh có cả thầy hơn ba mươi người vừa đào vừa kép vừa hề; gánh hát đi thành này sang thành nọ, thành nào nhỏ thì mau đi, thành nào lớn thì ở lâu.

Ông chủ gánh buộc người ngồi chỗ ghế thứ nhứt phải ăn mặc cho đúng cách. Ấy là một cái khôn khéo của ông để làm cho giá trị cái rạp trắng của mình, để làm cho chỗ ngồi đặng cao giá. Ông làm như vậy là vì ông có đào hay kép giỏi, người đi xem không biết nhầm chẳng thấy chán.

Cô đào Mộng Hoa vừa đẹp, vừa non, cùng với anh Lý Tố là rường cột của gánh xiệt; người đi xem phần nhiều là cốt để xem cái sắc đẹp, cái tài hay của cặp ấy.

Cô Mộng Hoa có một cái duyên làm cho mọi người mắt vừa thấy là lòng đã ưa, mà rồi phải xem đặng cái lớp của cô rồi mới là càng thích hơn nữa. Nhờ cái cười của cô mà bữa nào cô cũng đặng người ta: tặng cho một bó hoa, để lời khen ngợi, gởi thiệp, mời đi dùng cơm hoặc ước ao trăm trở muốn đứng vào cái địa vị của cô lắm.

Anh Lý Tố thì không bao giờ khán giả đặng xem thấy cái mặt thiệt của anh, anh vẽ mặt hề mà chường ra sân khấu luôn luôn. Anh lãnh phần làm cho cái lớp của Mộng Hoa đặng thêm hay, thêm xuất sắc bởi vì anh có cái duyên ngầm, một cái tài riêng là biết bày ra mà diễn một hay hai cái hay.

Người lớn kẻ nhỏ, kẻ sang người hèn đều chuộng cái tài của anh. Anh khảy đàn hay, anh nhào giỏi anh làm cho người ta ưa và làm cho người ta cười, nội gánh ấy không một người hèn nào trỗi hơn anh dạng.

Ông Ba Lợi Ty chuộng hai người và xem như con mình vậy, ấy là một cách khôn khéo của mấy ông bầu thường đối với kép hát để làm cho dặng lòng chúng nó lại ở với mình luôn luôn.

Công việc ở trong gánh xiết thật là nhọc nhằn lắm, ngày nào cũng phải tập luôn. Muốn diễn dặng một lớp cho xuất sắc đào kép phải tập hoài không nghỉ, cho nhần nhả, cho quen gân cốt.

Anh Lý Tố và chị Mộng Hoa càng chỉ mặt áo vắn mà tập luyện với nhau.

Hai người thương nhau, thương hồi thuở mới khởi làm trò với nhau một lần thứ nhứt. Hai người biết nhau dặng ba tháng thì một tối kia sau khi vãn gánh hát Lý Tố bèn rủ Mộng Hoa xuống mé biển ngồi chơi.

Anh đem theo một cây đàn, không phải để tập đánh một bản khó, một bài mới mà là để đưa hơi với tấm lòng khoan khoái của anh.

Ông Ba Lợi Ty lựa chỗ tốt mà đóng trại, một là làm cho đẹp mắt khán giả, sau nữa là làm cho vui lòng đào kép của mình. Ông thấu rõ cái tâm lý của con người: một người khỏe khoắn vui vẻ sẽ làm công việc nhiều và hay khéo hơn một người khác bực bội âu sầu.

Mấy cái xe đào kép ở, nằm dưới bóng mấy cây thông mặt day ra biển; ngoài biển thì sóng vỗ đầu gành, tàu đi qua lại.

Lý Tố và Mộng Hoa ngồi khít nhau trên bãi cát, tay cầm tay, vai kề vai, hai miệng đối trao câu nho nhỏ nhiều câu nói ân tình rất thâm thúy.

Anh Lý Tố ngược mặt ngó lên trời mà nói:

– Đêm nay trời thanh trăng tỏ, tốt quá.

Mộng Hoa cười và nói:

– Em tưởng lát nữa sẽ có gió.

Hai người làm thỉnh, đưa mắt ngó ngay một chiếc tàu nhỏ chạy tít đàng kia. Con khói bạc, lừng khói đen dưới bóng trăng tỏ rạng

làm cho tim những mảnh ăn rập cùng nhau không khác nào hai người diễn tuồng chung cho nhịp nhàng trước mặt khán giả vậy.

Đêm nay là đêm thanh trăng tỏ, là đêm mà hai người trai gái hẹn hò thệ ước với nhau.

Ông Ba Lợi Ty không khi nào để cho trí của ông nghỉ dặng. Mỗi lần ông bày ra một lớp nào hay vừa dặng công chúng hoan nghinh thì ông tự hỏi lấy mình rằng:

– Bây giờ đây rồi mình sẽ bày ra những trò gì cho thiên hạ xem nữa?

Ông ra khỏi rạp, đi thơ thần ngoài trời, con mắt ngó xuống đất, tay cầm gậy vung qua, vung lại trí suy nghĩ lung lăm, nên ai nói gì ông không nghe, ai làm gì ông không thấy. Ông vừa tìm dặng một ý hay.

Muốn lập một lớp mới hoặc một trò hay thì chỉ có Mộng Hoa là dùng dặng mà thôi.

Mỗi đêm hát, cô múa nhào trên đu dặng cho công chúng hoan nghinh lăm, tuy vậy cũng không phải là đủ rồi mà thôi đâu.

Ông Ba Lợi Ty thường nói rằng: *"Ai đứng lại, là chết rồi"*.

Ông chẳng khi nào muốn cho gánh hát của ông đứng lại và chết đi.

Ông ngó thấy miếng giấy của trẻ nhỏ đốt cháy bay lên cao, gió đưa đi phôi phối thì ông nghĩ ra một điều hay. Ông cầm gậy gõ xuống đất vừa nói thầm rằng:

– Một trái balông.

Cái kiểu này không phải mới lạ gì nhưng nó làm cho mấy người ở trong cái thành dựa mé biển này dặng thêm đẹp mắt.

Đang nhằm mùa tắm biển, các bậc phong lưu niên thiếu, cùng các nhà sang giàu đều hẹn nhau đua nhau tìm đến mấy bãi biển tốt đẹp dặng mà vui chơi cùng là nghỉ mát.

Nhà hàng, lữ quán đều không đủ chỗ chứa người ta. Đẹp hơn hết và lớn nhứt là nhà hàng satiên, rước toàn những khách thật sang, những nhà tỉ phú.

Nếu mà khéo làm quảng cáo thì tiền thâu vô cửa không phải là ít và gánh xiết lại càng nặng nổi tiếng thêm nữa.

Bây giờ trí ông Ba Lợi Ty đang suy nghĩ thử coi ông phải làm cái gì? Ông mua lại một trái ba lông thả bay lơ lửng trên trời đem luôn cô Mộng Hoa theo luôn lên đó mà làm quen cùng dì gió, ả mây. Cô sẽ mang theo mình một cây dù bọc gió rồi khi ba lông lên hết thật cao thì cô buông tay cho rớt xuống.

Nhưng mà biết cô có chịu không? Cô có đủ gan dạ mà chơi cái trò nguy hiểm ấy không?

Ông tự hỏi lấy mình như vậy rồi ông tự trả lời rằng có thể được. Mộng Hoa chắc sẽ bằng lòng vì cái tính dạn dĩ, gan dạ là cái tánh của cô.

Ông trở bước về rạp mà coi bộ ông thích chí lắm, ông lập tức kêu cô Mộng Hoa lại và bày cái ý của mình ra cho cô nghe. Ông cắt nghĩa cho cô hiểu rằng làm được như vậy thì vinh diệu cho mình thế nào: Cái lớp mà mình diễn một mình mình, giữa lúc ban ngày trước mặt mọi người hồi hộp, tên tuổi mình sẽ vang lừng và không một người nào khác dám chen vào chia cái tiếng tăm ấy hết.

Rốt lại ông hứa chắc rằng một ngày kia ông sẽ tăng lương cho cô lên bằng hai.

Mộng Hoa ưng chịu.

Chương V NGƯỜI GIỒNG NGƯỜI

– Chúng tôi rất mừng lòng mà giới thiệu cùng quý bà quý ông cô đào Mộng Hoa biệt hiệu Phong Vân công chúa, trong một lớp tuồng rất nguy hiểm tính mạng của cô. Lớp này đã diễn nhiều rồi trước mặt hoàng đế nước Nhật, hoàng đế nước Anh và đặng ban khen lắm, Quý bà, Quý ông sẽ thấy cái gan của cô Mộng Hoa thế nào: cô ở trên cao một ngàn ba trăm thước – tôi nói thiệt một ngàn ba trăm thước – rồi cô buông tay cho rớt xuống mà không hề gì hết.

Ông Ba Lợi Ty vừa nói vừa cầm gậy đưa lên cao vung qua lắc lại.

Tay kia ông dở nón đưa lên đưa xuống trên cái đầu sỏi sỏi của ông mà miệng thì vừa cười vừa bày đặt chuyện kể tên mấy ông vua, mấy ông hoàng mà ổng gọi rằng đã xem cái lớp ấy rồi.

– Quý bà, quý ông hãy ráng xem cho rõ ràng. Cả ngàn người đứng vây quanh trái ba lông, mà xem người ta sửa soạn cho nó bay lên cao. Có người lại để tìm cô Mộng Hoa để coi cho biết.

Gần đó mấy người làm công trong gánh xiệt lo đốt lửa, cho hơi nóng bay vào cái vỏ bằng bố của trái ba lông to lớn ấy.

Anh Lý Tố đứng xem cho người ta làm.

Anh không chắc lấy ai hết, nên tự mình anh, anh tin lấy mình mà đi thử mấy cái vòng, mấy sợi dây xem nó có dư sức mà chịu nổi cái sức nặng của cô Mộng Hoa không.

Mỗi chỗ nối dây anh đều xem đi xem lại không biết mấy lần sợ nó có sút đi chẳng mà làm cho người yêu của anh phải là người thiên cổ.

Cái đu của Mộng Hoa gắn dính vào một khoanh tròn bằng sắt. Khi ba lông bay lên cao đặng chừng năm bảy thước, vừa đủ cho mọi người đều thấy thì cô sẽ khỏi nhào qua lộn lại như trong lúc ở tại rạp vậy.

Anh Lý Tố không muốn đem mình lên cao quá nên kê tai cô mà bảo nhỏ rằng:

– Hề con mắt em vừa thấy cái nóc lầu Xa tiên Lữ quán thì em thả xuống nghe không?

Cao bực đó cũng đủ chết rồi, nhưng mà anh Lý Tố, tuy không sợ xảy ra chuyện gì nguy hiểm chớ cũng tưởng rằng bớt lên cao chừng nào thì có lẽ may cho Mộng Hoa chừng ấy.

Thường thường thì cái trí tưởng tượng và cái lòng đều luận một lẽ với nhau nhưng mà có khi nó không ăn rập với nhau được nữa. Trí anh Lý Tố chắc rằng không khi nào cô Mộng Hoa gặp chuyện gì chẳng may cả trong lúc diễn lớp này, nhưng lòng anh lại lo sợ cho Mộng Hoa sẽ trúng nhằm cái rủi trong cái may kia vậy.

Mộng Hoa ăn mặc đẹp đẽ gọn gàng, cô kiểm thế làm cho vững bụng anh:

– Anh lo nghĩ làm gì? Em chắc ý cho hai cái tay và mấy ngón này của em lắm.

Mộng Hoa nói rồi đưa tay mỏng mảnh, trắng trẻo mà chắc mạnh cho anh xem.

– Ngón tay cái của em mạnh không? Năm rồi em bị trật một lần nhớ không?

– Như thường có sao đâu, mà đầu nó có yếu đi nữa thì em cũng không lo vì em có thể níu mình trên đu đăng trên bốn ngón kia; hôm qua em có thử rồi.

– Thiệt không?

– Thiệt chứ, trợn một lớp, em đều dùng có bốn ngón mà thôi; anh không để ý coi hay sao?

Nghe nói như vậy tưởng ai cũng lấy làm kỳ vì mấy người hát xiết đều nhờ ngón cái để níu mình chắc chắn trên đu mà nhào lộn được. Khi có xảy ra điều rủi ro nguy hiểm thì phần nhiều cũng tại bởi ngón cái yếu mà ra.

Lý Tố lúc lắc đầu xem coi bộ không vững lòng, anh tưởng nếu Mộng Hoa mà rủi ở trên cao mù kia sa xuống là, bởi cô quá tin cho cái tài lực của cô, cái tỉnh táo của cô làm cho anh phải rùng mình.

Trái ba lông no tròn vì chứa đã đầy hơi và bởi gió thổi nên đưa qua đưa lại.

Nó càng nở lớn ra ngó thấy rõ ràng và làm như muốn bực mình nhảy vọt lên mây xanh.

Lúc này là lúc đáng thả cho nó bay đi, không còn đợi lúc nào nữa vì nó đủ sức mà bay lên cao rồi.

Ông Ba Lợi Ty day lại ngó anh Lý Tố và nhướn mày mà hỏi nhỏ rằng:

– Mộng Hoa sửa soạn xong chưa?

Lý Tố gục gặt đầu.

– Kêu nó lại đây.

Mộng Hoa khoát cái áo choàng xuống thì có hai người dọn khốp mặt cái áo xanh tiếp lấy. Ông Ba Lợi Ty khéo nhiều chuyện, ông

bày cái cuộc này xem có vẻ đang hoành lắm và nó nung cao cái giá trị của Mộng Hoa lên cao thêm nữa.

Ông lui ba bước, đưa cây gậy lên cao vung qua vung lại một lần nữa và nói lớn rằng:

– Cô Mộng Hoa sẽ đeo mình dưới cây sắt ngang cái đu.

Xin hãy xem kỹ, cô chỉ dùng sức mạnh của hai tay cô mà thôi chứ không dựa, không buộc mình vào đâu hết. Cả thầy có trăm ngàn con mắt đưa lại nhìn Mộng Hoa. Cô bước tới nắm lấy cái đu một cách dạn dĩ lắm. Cô mở miệng cười, cái cười của cô khi nào cũng là cho mọi người nhăm nhía và thêm thuồng mãi.

– Buông dây hết!

Lý Tố và mấy anh dạng lớp đứt mấy sợi giây để cột trái ba lông dưới đất.

Trái ba lông đang thông thả cất mình phơi phới bay lên. Tưởng rằng không gì ràng buộc nó sẽ một hơi thẳng tuốt mây xanh chẳng hề dừng chùng hai mươi thước thì bị gió làm cho nó lắc qua lắc lại như cái đồng hồ và khi đưa mình qua tay mặt, lúc trở bộ lại tay trái không biết là muốn về đâu.

Tuy vậy nó vẫn lên cao mãi; lên dừng chùng năm mươi thước thì nó ngay lại hướng nam làm như là cái hướng ấy có cảm tình với nó vậy.

Lý Tố đang đứng với ông Ba Lợi Ty cặp mắt ngó lên trời rồi chạy ngay lại một cái ngựa thẳng sẵn để chờ ngoài hàng trống. Anh tính chạy theo trái ba lông ấy đang khi cô Mộng Hoa xuống đất đang có anh đưa cô về.

Anh thót lên xe một cách lẹ làng và đánh cho ngựa nhảy sảy bởi vì trái ba lông càng lên cao chùng nào thì gió càng đưa đi mau chùng ấy, anh sợ theo không kịp mà cũng sợ cho mấy lùm cây thông che khuất mất đi...

Cái ruột anh thắt lại, rồi anh tự hỏi lấy mình rằng Mộng Hoa lên cao như vậy rồi mà sao không chịu thả xuống còn đợi chùng nào nữa. Cô đã lên quá cao nên thấy còn như một đốm nhỏ vậy thôi.

– Mộng Hoa làm gì vậy?

Lý Tố thở dài một cái: Mộng Hoa đã buông mình cho rơi xuống rồi.

Anh dùng cương ngựa cho xe ngừng coi cây dù bọc gió có mở ra như thường chẳng. Lúc này là lúc lo sợ và hồi hộp nhất.

Mộng Hoa ban đầu rút xuống như một trái banh, cả ngàn người la rùm lên, mấy người đàn bà che mặt không dám ngó còn mấy anh trai thì lướt mình tới đưa tay ra là như để mà cản không cho xuống mạnh vậy.

Thình lình cây dù bọc gió vùng mở tung ra và xuống chậm chậm lần. Mộng Hoa bây giờ xem như đeo một sợi chỉ mảnh gió đưa qua lại.

Bây giờ mọi người mới thở ra rồi tiếng vỗ tay nghe đíck óc. Ông Ba Lợi Ty lột cái nón xuống, lấy tay vò đầu mình và xì ra một hơi dài coi bộ trong mình khỏe khoắn lắm. Rồi đó ông day mình lại ngay trước mắt khán giả ông thấy một đứa bé hỏ miệng, mở mắt ngó xem trên trời không nháy thì ông nói rằng:

– Em nhỏ, em xem có sướng mắt không? Em không tốn một xu nào hết.

Ông khoái chí cũng như ông làm được cái trò ấy vậy nên ông vỗ tay mà nói thầm rằng:

– Lựaặng ngày may!

Ông nhắm chừng buổi tối ấy ông sẽ thâuặng bao nhiêu rồi.

Anh Lý Tố không còn ngừng xe nơi đó nữa, anh nhắm chừng theo cái hướng cô Mộng Hoa xuống mà đánh ngựa chạy lại đó. Anh nóng nảy quá, muốn con ngựa cho mau tới ngật vì nó không phải là một thứ ngựa giòn nó chỉ để dùng mà chở đồ thôi, nên chạy chậm lắm.

Anh muốn tới sớmặng giúp Mộng Hoa trong lúc cô vừa xuống tới, làm thế nào cho cô khỏi bị kéo lôi trên đất hoặc trên bụi cây gai gổc và mở dây dùm cho cô.

Tuy anh muốn vậy mà khôngặng, anh cho ngựa chạy hết sức mà rồi cũng không lại một cái xe kia nó tới trước anh mấy phút.

Ấy là một cái xe hơi sáu máy, to lớn đẹp đẽ oai nghi sơn màu xanh da trời.

Một anh trai mang bao tay da màu vàng vọt cần bánh cho chạy thật mau và bóp một tiếng kèn mà qua mặt anh Lý Tố. Lý Tố không để ý gì tới nó.

Anh không biết gì khác hơn là chạy cho kịp trong khi cô Mộng Hoa xuống đất.

Phút chốc anh không còn thấy cô Mộng Hoa lửng thừng trên lối ngọn cây nữa, anh tưởng cho cô đã xuống tới rồi mà bị lùm cây rậm mé tay trái che khuất mất đi.

Thiệt vậy, Mộng Hoa khi ấy đã xuống tới nhằm một chỗ đất bằng bình yên vô hại, và cũng may gió không bọc vào cây dù ấy mà kéo lôi đi đâu nữa hết, gần bên cô, cây dù bọc gió nằm êm một đồng trống trên mặt đất: phận sự của nó đã xong rồi.

– Nếu anh tới không kịp thì em phải mau mau mở dây ra.

Anh Lý Tố có dặn cô như vậy vì sợ có một luồng gió mạnh thổi tới làm cho cây dù giương ra và kéo lôi cô đi thì hại lắm. Nhưng mà rủi thay cô dùng mấy ngón tay cô mà đeo chặt mình trên không một lúc khá lâu nên bây giờ gân cốt đã oải hết rồi thiếu một điều bị vọt bẽ mà thôi. Cô lần mò tháo mấy sợi dây khó khăn lắm.

Cô quỳ gối xuống, chăm chỉ và tần mẩn mở mấy sợi dây cho mình, cô không lật đặt gì, coi bộ cô vui vẻ vì ở đây có một mình cô, cô khỏi phải chào ai và mỉm cười với ai chớ nếu cô xuống ngay nhằm chỗ đông người như lúc cô lên thì buộc cô phải làm những điều ấy.

– Thưa cô xin cô cho phép tôi mở giùm cô.

Mộng Hoa giật mình và ngược mặt lên.

– Ông?

Người nọ nghiêng mình và nói:

– Tôi kính chào cô.

Cô không nghe không thấy ai đi lại mà sao bây giờ lại có người này đứng trước mặt cô, cô càng ngó sững hơn nữa.

Không phải vì anh chàng nọ ăn mặc sang trọng mà cho cô phải ngó.

Anh chàng này mặc một bộ đồ nữ thật khéo. Anh đưa tay mang sao mà chào cô thì cô thấy một cái xe màu xanh da trời đậu ngay bên mé đường.

Cô lấy làm lạ nhút vì thấy anh chàng này và anh Lý Tố giống hệt nhau không sai một mảy. Nếu anh ta không mặc bộ đồ tốt đẹp ấy, nếu cái tướng tá của anh ta và cái bộ tịch của anh mà không có vẻ phong lưu và sang trọng thì ai cũng tưởng đó là anh hề trong gánh xiết Ba Lợi Ty hết thấy.

Cũng như Lý Tố, anh có tóc nhiều đen và dợn sóng, con mắt đậm đen, ngó xem có oai nghi lắm. Đầu cũng vậy, lớn và hơi vuông là một thứ đầu cứng khó mà làm cho nó cúi xuống lắm.

Hai vai ngang và lớn mạnh bạo lắm, bộ tướng xem có vẻ không đặng hiền từ một chút, hai cái tay như cái kềm sắt tưởng như nắm đặng vật gì thì không ai làm gì cho nó buông ra được. Mộng Hoa nhìn vào hai con mắt thì thấy nó có một cái muốn quỳ quyết.

Mộng Hoa thấy cái dáng anh nọ thì coi bộ cô đã không ưa rồi nên cô trả lời một cách lạt lẽo rằng:

– Không, tôi không cần dùng chi hết, cảm ơn ông.

Anh mau mắn hỏi lại rằng:

– Tôi đưa cô về đặng không?

Anh nói rồi đưa mắt nhìn cô một cách khả ố và trăn trối, cái cách ấy làm cho người ta biết rõ cái bụng của anh nó có lẻo tẹo hay không rồi.

Mộng Hoa hơi giận mà nói xằng rằng:

– Tôi không muốn cần dùng ai hết thấy, tôi ở đây một mình đây thôi.

Anh nọ cười ngã nghiêng ngả ngửa. Có lẽ anh là một bậc giàu sang, anh dùng mấy cách điệu ấy mà nói với một cô đào hát xiết không dè rằng cô này không phải như ai mà hòng...

Anh lại còn thêm mấy tiếng nữa:

– Đừng làm bộ làm tịch, tôi còn muốn biết cô nữa; chừng nào tôi có thể gặp cô đặng?

Cô cúi mặt xuống coi bộ khó chịu lắm nên muốn nổi nóng lên.

Anh móc bóp ra lấy một tấm danh thiếp nhét đại vào tay cô Mộng Hoa tưởng rằng nhờ nó mà làm cho anh dễ nói chuyện với cô đáng.

Liếc mắt qua cô thấy rõ ràng mấy chữ:

"Hoàng Gia Cát Lợi".

Cái tước vương này, cái tên này thuở giờ cô không nghe đến chẳng làm cho nhẹ lòng cô đáng, cô lăm bằm trong miệng rằng:

– Hoàng Gia Cát Lợi, thầy kệ mày.

Cô muốn nói ra như vậy nhưng cô nghĩ đáng thình là hơn bởi vì cô thấy cái xe của Lý Tổ tới đậu ngay sau cái xe của ông hoàng nọ.

Chả thềm nghĩ tới ông hoàng kia, cô bèn đưa tay ngoắt anh Lý Tổ và nói một cách vui vẻ rằng:

– Mau lại đây!

Ông hoàng Gia Cát Lợi quày đầu lại và nhơn dịp ông còn đứng một mình với cô Mộng Hoa, ông bèn nói thật với cô rằng:

– Cô không nên trở về thành với cái xe ngựa tôi ấy, cô cho phép tôi đưa cô bằng cái xe của tôi nó đẹp đẽ, êm ái và chạy mau nữa.

Mộng Hoa bây giờ đã vững bụng rồi, có anh Lý Tổ đứng gần cô thì cô có đủ can đảm trả lời với ông hoàng theo ý muốn của cô. Cô có người bảo hộ, nên cô ngó ông hoàng mà cười một cách khó chịu lắm rồi cô rùng vai nói với ông rằng:

– Khinh già từ ông và tôi ước ao từ nay về sau mà gặp ông lần nào hết nữa.

Nói rồi cô chạy ngay lại anh Lý Tổ, anh nọ bèn đưa tay ra mà ôm lấy cô vào lòng làm cho ông hoàng Gia Cát Lợi xẽn lên và đứng ngó trân.

Hai người lên xe ngựa trở về. Lý Tổ cho ngựa đi chậm chậm bởi vì không cần gì phải chạy mau. Cả ngàn người vẫn còn đứng chờ Mộng Hoa về mà vỗ tay khen ngợi.

Con ngựa mệt, bước đi từ bước, kéo cái xe thùng thẳng đi giữa hàng cây thông rậm rạp và Mộng Hoa khởi thuật lại cái cảm động của cô trong lúc xuống.

Cô đứng vững lòng diễn cái trò ấy mà cô cho rằng không nguy hiểm gì mấy, cô tỏ thật rằng không khi nào cô dặng dạn dĩ hơn lúc ấy. Cô vừa cầm tay Lý Tố vừa nói:

– Cái lúc lên là lúc nhọc hơn hết, em bị nó đưa mau lên rồi em tự hỏi lấy mình rằng đây rồi nó sẽ đem mình về đâu?

Gió thổi càng cao càng mạnh, khí trời trong trái ba lông càng ngội lẩn và cái bố vỏ ba lông kêu xào xào nghe ghê sợ lắm.

Lý Tố lo sợ cũng như mình tự diễn cái trò ấy, cũng như Mộng Hoa không còn gần dặng bên mình nữa, anh lắm bầm:

– Phải buông xuống chớ.

Cô trả lời và cười:

– Thì em làm vậy chớ sao, anh thấy rõ chớ. Em thấy trái ba lông bay trên đầu em như tên bắn và biết rằng em đã té xuống. Em nghĩ: "Cây dù sẽ bọc gió mà mở tung ra không?" Thiệt vậy gió đánh nó kêu "bach bach" rồi vùng phùng ra lớn làm như có một cánh tay thần kéo em lại cho em khỏi chết.

Rồi từ đó về sau mới dễ chịu lắm. Em muốn làm nữa anh Lý Tố à!

– Thôi anh sợ lắm.

Cô ngó ngay ra phía trước xem gương mặt vui vẻ lắm.

Xe tới đây thì đã nghe tiếng người chạy rạo rạo chãi lẩy về cái lớp của cô vừa mới diễn đó, nhưng mà cô không thấy người nào hết.

Trước khi vào thành, ngay con đường cái có một cái dốc cao làm cho con ngựa phải cong xương sống và làm cho không ai thấy rằng hai người đã về tới.

Mộng Hoa nhớ lại chuyện ông hoàng Gia Cát Lợi mà nói với anh Lý Tố rằng:

– Anh tưởng sao người hồi nãy giống anh một cách lạ kỳ, không sai một mảy may nào cả, cho tới tiếng nói cũng giống nữa, anh không thấy sao? Mới thấy em tưởng anh mặc bộ đồ khác chớ.

Lý Tố mỉm cười:

– Vậy thời chàng ta bảnh hơn anh?

Cô ngó anh một cách hữu tình và đưa tay nhen vả vào miệng anh mà nói rằng:

– Thôi mà nói gay gắt hoài, anh không xem kỹ hay sao?

Lý Tố tỏ thiệt rằng lúc ấy anh lo cho cô mà thôi và thấy người ấy thì cũng không lấy làm lạ gì, vì những chuyện như vậy nó xảy ra thường ngày.

Cái chuyện ấy không làm gì mà nói lâu cho mất thì giờ. Xe tới trước mặt thành, đứng trên nổng cao, Mộng Hoa quả mừng mà thấy trước mắt mình người ta còn đứng đông đặt để chờ mình về. Cả thành đều tiếp rước cô. Người ta la, người ta vỗ tay, cô thấy rõ ràng ông Ba Lợi Ty đứng trước hết và la lớn hơn hết.

Theo như người khác mà đăng công chúng hoan nghênh như vậy thì đã tưởng mình là một bậc khác thường, là tài ba lỗi lạc mà sinh chúng kêu, chúng lối.

Cô Mộng Hoa không phải vậy, cô không tỏ dấu kiêu hãnh mà cô chỉ vui mừng và thích vì đăng người ta ngợi khen mà thôi.

Cô hỏi ông Ba Lợi Ty mấy tiếng:

– Ông bằng lòng không? Không rủi ro, không tai hại gì hết.

Chẳng nói ra ai cũng biết ông Ba Lợi Ty khoái chí bậc nào.

Chương VI ... Ở SA TIÊN LŨ QUÁN

Ông hoàng Gia Cát Lợi ngủ một mình tại Sa tiên lữ quán đăng hai hôm rồi.

Bữa chiều thứ hai ông sửa soạn thay quần đổi áo, và chải gỡ xong hết. Ông soi kiến thật lâu và thấy bộ đồ nỉ đen của mình không vấy chút bụi nào cả.

Cái cravate thắt ngay thẳng, cái bầu nỉ láng bóng, đôi giày da láng đen chói ngời và cái hàm râu mép của ông mới chải nên không một sợi nào nằm lộn xộn hoặc là chỉ thiên chỉ địa gì hết.

Ông nói lầm bầm một mình rằng:

– Xong rồi.

Ông nhận chuông gọi anh bồi phòng:

– Cái áo choàng?

Anh bồi hai tay dung lên.

– Không tao chưa đi bây giờ đâu, để nó trên ghế đó mà chạy đi lấy cái giấy mà tao dặn mày đi mua cho tao chiều này đó.

Anh bồi đưa ra một miếng giấy xanh xanh nho nhỏ.

– Được.

Ông nói với anh bồi một cách oai quyền lắm và nghe giọng không êm thấm chút nào. Người ta đoán chắc ông ta là một người gì nên sai khiến, mà sai khiến một cách tự nhiên lắm có lẽ trước kia ông làm quan võ hay một tước gì mà hễ nói một tiếng là mọi người đều vâng dạ.

Anh bồi phòng dạ một tiếng và cúi mình thật sâu, sâu hơn với mấy vị khách khác và bước ra đóng cửa nhẹ nhẹ, không cho nghe tiếng.

Ông hoàng Gia Cát Lợi ở một mình trong phòng. Lúc ấy ông đang ở trong phòng khách, là một cái phòng rộng rãi, đồ đạc toàn làm bằng cây quý giá và đóng kiểu kim thời rất là khéo lạ.

Ông muốn bước qua phòng ngủ, quay chỗ ngạch cửa thông thương, ông dừng chon lại và lóng tai nghe tiếng động nho nhỏ ngoài cửa sổ.

Cửa sổ tuy mở nhưng màn che kiến trong phòng không đặng sáng sủa, ông không vịn đèn khí lên mà con mắt chăm chỉ ngó ngay lại đấy.

Mấy cái cửa sổ này mở ngay ra mặt biển Địa Trung Anh hải và khi nào ông ta ra đứng ngoài hiên lâu thì thấy dưới chon mình cách chừng trăm thước sóng vỗ vào bờ đá nước văng trắng xóa. Nước dợn sóng trào luôn luôn không nghỉ xem rất nguy hiểm lắm.

Tiếng động tuy nhỏ mà không dứt, ban đầu nghe như món chi cọ vào mấy cây song sắt ngoài mái hiên. Rồi đó nghe tiếng một vật gì đánh vào miếng kiến, kế có tiếng chon người đi động đất. Đã quyết có một người muốn mò vào đây rồi.

Ông hoàng sụt lại một bước rồi đi ngay lại chỗ móc áo quần mà lấy cây gậy của mình.

Ông can đảm lắm, phải biết như vậy. Ông không bao giờ sợ mà tính tránh cái sự nguy này nó sẽ tới thình lình cho ông đâu, mà ông lại muốn tìm mà xem cho biết.

Nhẹ gót, ông bước lại chỗ cũ và xem thấy, trong lúc ông đi vắng một chút đó mọi vật đều biến đổi cả.

Có một người đứng tại cửa sổ trước mấy tấm màn con mắt ngó xem dường như muốn kiểm ngả mà đi vậy.

Hai người thấy nhau rồi, bốn mặt nhìn nhau. Người lạ mặt giật mình nhưng lại đứng trân tại đó mắt ngó ngay ông hoàng Gia Cát Lợi.

Người này còn trẻ tuổi tóc dài và đen huyền hai mắt ngó sâu, gương mặt hăm hăm. Anh ta mặc một cái quần đen không giây nịt bụng, không giây treo gì cả; cái áo lót mồ hôi của anh không gài nút bày ngực ra.

Trên tay mặt: một cây súng sáu.

Anh ngó mặt ông ta, anh nhận được rồi nên hai mắt anh ngó ông luôn luôn dường như thù ông lâu lắm.

Anh nói một cách mạnh bạo rằng:

– Tôi đi kiếm ông đây!

Ông hoàng không vẻ gì lo sợ, ông vẫn giữ dạng sự tự nhiên và đi ngay lại anh ta mà nói cứng rằng:

– Anh mau đi khỏi phòng này không tôi kêu người đuổi bây giờ.

Tiếng ông nói không rung mà lại quả quyết lắm tưởng rằng anh kia nghe phải sợ mà lui ra. Nhưng mà anh khách tới thình lình không phải như ai mà sợ chúng hăm dọa, mà thấy chúng cứng cỏi mà lo đi; anh đi tới mấy bước nữa, hai con mắt hung bạo, hai hàm răng cắn xiết lại, cái đầu chòm ra phía trước còn cái mặt ngược lên xem không khác nào một con thú đang nhả nanh lộ móng dọm tới chụp bắt lấy mồi vậy.

Anh nghiêng răng mà rằng:

– Đồ khốn nạn! ngươi biết ta đi đâu đây không?

Ông hoàng trả lời một cách kiêu ngạo rằng:

– Không! ta nhớ không có mời anh lại đây mà.

Anh nọ càng tỏ dấu giận dữ hơn nữa và nói rằng:

– Ta trả thù cho em gái ta.

– Không có lý vậy?

Bây giờ thì ông lại làm nghiêm vì cho rằng nói điều như vậy không ích gì hết mà lại làm mất ngày giờ đi; ông nói quyết rằng:

– Thôi hãy mau ra đi! Bằng không thì cò bót không dung cho đâu. Biết không?

Giữa khi nầy hai người làm thình cả hai một lúc lâu lâu. Một người thì chăm chăm giận dữ toan trả thù nhà mới nghe, một người thì khác lại, rất chắc ý cho cái sức, cái tài của mình mà không sợ gì hết.

Có mấy tiếng gõ cửa nhẹ nhàng làm cho cả hai đều giật mình, mà run sợ thì chỉ có một mình anh trai lạ mặt mà thôi vì anh biết rằng sắp có người đi vào phòng làm cho anh phải bị bắt mà không giết ông hoàng để trả thù đặng.

Tuy vậy mà ông hoàng Gia Cát Lợi không gấp gì đi mở cửa. Ông ngó người nọ hoài và ông nhìn ra anh ta là ai nên nói rằng:

– Ta biết người rồi. Người là anh của nàng Lang Nga phải không?

Anh nọ đưa súng ngay ra và hỏi rằng:

– Bây giờ người biết ta đến đây làm gì chưa?

– Không hiểu.

– Người khuyến dụ em ta, rồi người bỏ nó nên nó tức giận mà gieo ngọc trầm châu rồi.

Ngoài cửa có tiếng gõ mạnh hơn khi nầy một chút. Gia Cát Lợi cũng không đi mở mà nói lại rằng:

– Thôi đi chớ, người hãy quăng súng và nạp mình đi cho rồi, chớ nhiều chuyện làm cản trở không ta đi dạo buổi tối này.

Anh trai nọ quyết tới trả thù, tay lại cầm khí giới mà lẽ nào chịu êm đi sao nên đưa súng lên vừa muốn bóp cò thì bị một miếng ngay cườm tay bải hoải.

Ông hoàng Gia Cát Lợi đợi tới lúc nguy cấp nhứt mà ra tay.

Can đảm và lanh lẹ, ông trờ qua một bên và lanh như chớp, cầm cây gậy thật nặng của ông mà đánh xuống một cái hết tay làm cho cườm tay anh nọ phải gãy.

Anh nọ đau quá và đứng không vững, ngã tới ngã lui, kiếm một chỗ dựa mình.

Ông hoàng thừa thế đưa ngay cho ông một cây nũa thật mạnh trên sọ. Anh nhào xuống vì bị nặng quá.

Anh té nhằm một cái ghế làm cho nó phải ngã theo, tám tám cũng vương theo chơn. Anh ráng đứng dậy nhưng không nổi, anh thở khò khè mấy tiếng rồi ngã ngay xuống nằm dài hết thở.

Ông hoàng Gia Cát Lợi bèn rùng vai mà không thèm ngó lại xem coi anh chàng kia chết sống là thế nào?

Ông khép cửa lại, để cây gậy của mình nằm trên bàn một cách kỹ lưỡng vì sợ nó lăn xuống. Ông vừa thò kéo tay áo lót mồ hôi cho nó ló ra một chút thì nghe có tiếng gõ của phòng cũng như hai lần hồi nãy vậy thì mau chon bước lại mở cửa ra.

Vừa thấy bóng người thì ông giựt mình lùi lại mà nói rằng:

– Ủa cô! cô đi đâu lại đây thình lình vậy?

Ấy là ông nói với một người đàn bà trẻ tuổi, một người đàn bà đẹp để ăn mặc đồ tiệc xem rất sang trọng. Cô ấy đầu không đội nón, đeo bông tai lòng thông bằng hột xoàng chiếu sáng ngời mây sắc và cô choàng một cái áo lông thật đẹp.

Cô đưa mắt nhìn ông một cách đau thương lắm dường như một người đàn bà thất vọng đi tìm người để an ủi khuyên lơn mình. Cô nói giọng buồn bã rằng:

– Xin ông nán lại cho tôi nói vài lời rồi sẽ đi.

Ông đáp lại rất vô duyên rằng:

– Thôi, mời cô vô, mà cô làm rộn cho tôi quá, thiệt vậy.

Ông rước cô vào phòng khách, rồi không thấy hai người nói chuyện gì nhau hết. Ông hoàng làm bộ chộn rộn và lạt lẽo với cô nọ lắm, ông lo đi soi kiến, sửa cái bầu áo lại cho ngay thẳng và nhắm xem coi áo quần của mình có bào nhào chỗ nào không.

Ông móc đồng hồ ra xem thấy đã tám giờ rồi thì trán ông nhả một đường dài chừng rằng cô nọ ở đó làm cho ông bực mình lắm.

Làm thinh không đặng nữa cô ta mới hỏi:

– Coi bộ ông lo nghĩ gì đó phải không?

Ông nghe hỏi thì đi lại chống tay ngay trên bệ ghế mà nói:

– Hãy nghe tôi...

Trong cặp con mắt lu mờ của cô nó có một cái dấu đau đớn lắm. Cô chưa nghe ông nói những gì chớ lòng cô đã tưởng rằng cô sông sẽ nghe toàn những câu nói xoi lòng cô, nó chích dạ cô.

Cô nói chậm chậm và nho nhỏ vừa nghe đặng như vậy:

– Tôi nghe ông nói, tôi đã có nghe ông nói lâu rồi... ông đem chuyện ái tình mà nói với tôi ông nhớ chớ?

Ông làm bộ không nghe và cứ việc tiếp rằng:

– Hãy nghe tôi... nói đây... tôi rất vui lòng mà đặng cô tới thăm đây cô Huệ Linh à, như mà cô không nhớ rằng đã mấy lần rồi tôi có cầu xin bảo cô đừng tới nữa chớ. Chồng cô...

Cô Huệ Linh chận ngang rằng:

– Chồng tôi không dè tôi lại đây đâu. Không có gì đáng sợ hết, ông hãy tin lòng tôi là thiệt...

Cô ngưng lại một chút rồi tiếp rằng:

– Chỉ có một mình tôi biết rõ ông là ai phải không? Mà tôi đòi nào có nói cho ai biết đâu. Như vậy sao ông đành không thương tưởng tôi nữa?

Bây giờ tới phiên ông ta chận cô mà rằng:

– Thôi nín đi, không nên nói chuyện ấy ra.

Cô bị gạt ngang thì cũng sợ nhưng còn rán nói:

– Tôi nín nhưng mà ông phải nhớ rằng tôi biết rõ ông là ai à. (Ông tỏ dấu không bằng lòng và giận).

Ngoài cửa có tiếng gõ, mà chuyển nầy gõ mạnh, cái tay này không phải là tay người đàn bà.

Cô nọ giựt mình và tỏ dấu sợ hãi lắm. Cô nắm cái áo choàng và kéo sát vào trong mình và mắt ngó tứ tung tìm một chỗ ẩn mình. Cô thấy cửa phòng ngủ mở lù thì mau đi ngay lại đó.

Ông hoàng Gia Cát Lợi đưa tay ra ngăn cô:

– Không đừng đi lại đó.

Ông làm như vậy là không muốn cho Huê Linh biết cái chuyện nó mới xảy ra khi nãy nơi trong đó. Cô không ăn nhập gì với chuyện hồi nãy cả. Tiền của của ông nhiều lên thêm hoài và ông xài rộng rãi là chỉ nhờ có cái tài khuyến dụ đàn bà mà thôi. Tuy ông không còn qua lại với cô Huê Linh nữa nhưng ông không muốn cho cô thấy cái ác tâm của ông. Ông thấy trong góc phòng có một chỗ trốn đặng thì ông đưa tay chỉ ngay lại đó và nói:

– Vô đó trốn đi.

Cô vừa vào khuất mình thì ông vừa đi lại mở cửa.

Một người bước vô phòng khách. Ấy là chồng của cô Huê Linh, người đàn bà mới vừa trốn đó.

Anh chồng bước vô không đợi ông hoàng mời hỏi gì cả rồi day qua day lại ngó xem khắp cả phòng dường như biết rằng có vợ mình trong đó. Mà thật quả vậy.

Ông hoàng Gia Cát Lợi mỉm cười một cách tự nhiên. Ông đã quen với mấy tấn tuồng như vậy rồi nên bây giờ ông không hồi hộp sợ gì cả. Ông đi chậm chậm lại trước mặt anh chồng cô Huê Linh rồi tỉnh táo mà khởi ra nói rằng:

– Sự thiệt là...

Ông mới nói ra thì đã biết ông anh nọ không bằng lòng nghe.

Anh nọ là một người tánh nóng nảy, cao lớn và can trường, anh không muốn để cho ai sấn suốt mình, dầu cho cao sang mấy cũng vậy. Anh lầm bầm rằng:

– Đừng có tưởng làm cho tôi sợ mà đi ra và không dám kiếm vợ tôi, ông à. Tôi biết chắc nó đương ở tại đây.

Ông hoàng Gia Cát Lợi không thềm chối cãi gì mà cũng không lấy gì làm lo sợ. Ông nói:

– Được, nếu anh chắc vậy thì anh kiếm đi.

Anh này là một chàng thạo chuyện, anh biết giữ bộ tự nhiên nên nói rằng:

– Được chừng nào tôi kiếm được vợ tôi và đuổi nó về rồi thì chừng đó tôi với ông sẽ có chuyện mà tính với nhau.

– Sao cũng được, tự ý anh, nhưng mà tôi ước ao rằng anh đừng làm gì cản trở hại cho tôi phải lỗi hẹn với người tơ tóc đêm nay.

Anh chồng nắm chặt tay lại dường như muốn thôi, nhưng mà nghĩ sao không biết rồi ngưng lại mà không định cho mình phải làm cái gì. Anh đứng trân lại đó, nửa muốn giết cái người độc hại ấy đi lập tức, nửa muốn giữ mình cho đứng đắn, không phạm phép luật.

Anh không nói gì, anh đứng một hồi lâu rồi dường như ý đã quyết định bèn bước đi lại cửa phòng ngủ.

Ông hoàng bước mau theo sau.

Ông muốn bảo, muốn cản không cho vô nhưng mà trễ rồi, anh nọ đã xô cửa bước vào trong đặng mấy bước.

Ông hoàng Gia Cát Lợi có một cái tánh kỳ lạ hơn người ta, ông không lo nghĩ gì, hễ có chuyện không lành xảy biến đến cho ông thì chừng đó ông mới tùy cơ ứng biến mà giữ mình.

Ông theo chàng nọ vô phòng.

Anh chồng trước hết ngó quanh quất và thấy cái ghế ngã ngang còn ông hoàng thì mau cúi xuống lượm cây súng của người chết khi này làm văng xuống đất.

Anh chồng không hay biết chuyện gì đã xảy ra, anh chỉ quyết tìm vợ mà thôi, anh chăm chỉ nhìn xem thì thấy bàn ghế nằm không đúng chỗ, thấy tấm thảm nằm rớt dưới đất mà dưới ấy có một vũng máu chảy ra gần đụng nhằm chơn mặt của anh.

Gần đó: một người nằm sấp tay chết tự hồi nào.

Thấy vậy anh quên mọi sự gì hết, anh quay mình lại một cách lẹ làng lắm, mắt ngó ông hoàng Gia Cát Lợi đang đứng dựa cửa thì giận dữ mà mắng rằng:

– Đồ khốn kiếp!

Lòng anh muốn quyết phải trừ cái người lòng lang dạ thú ấy nên thò tay mặt vào một cái túi quần may phía sau túi này người ta thường để súng – rồi ông lấy ra một cây súng sáu.

Ông chưa kịp đưa súng lên giết ông hoàng Gia Cát Lợi thì đã nghe một tiếng nổ, đã thấy một chút khói bay ra.

Ông hoàng xuống tay trước.

Anh chồng cô Huê Linh không còn làm chủ mấy cái bộ phận của mình nữa nên đứng không vững, ngã qua, ngã lại rồi té phịch xuống đất.

Trước ngực anh cái áo khoát càng lúc càng ngấm đỏ vì máu cuồn chảy ra nhiều.

Gia Cát Lợi cầm súng ngó trân.

Ông giữ nét vẻ tỉnh táo hơn thường, bởi vì chuyện đó ông đã thấy trước, nó không phải là một chuyện bất ngờ; tuy vậy chó mặt ông cũng hơi xanh đi một chút. Ông bước tới và liệng cây súng gần bên mình người trai mà ông đã đánh chết.

Mấy cái chuyện ghê gớm ấy nó tới ông liên liên mà xem bộ ông không nao núng, không lấy gì làm lo sợ, ông luận rằng ông làm như vậy là không tội lỗi gì cả, ông bị người ta muốn làm hại, ông chỉ giữ mình mà thôi. Ông cũng không cho ông làm vậy là phi anh hùng.

Mà, vừa ngược mắt ngó lên, ông thấy cô Huê Linh đứng ngay trước cửa, gương mặt sùng sờ sợ hãi. Tuy cô không thấy cái chết thảm thiết của chồng cô nhưng cô không thể nghe tiếng súng nổ mà không rung mình dặng.

Cô rung, rằng cô cắn lại, hai tay cô để lên ngực dường như muốn đè nó xuống mà không cho nó nhảy mạnh vậy. Ngay trước mặt cô nằm nghiêng mình trên vũng máu, gần đó là cái thầy anh chàng nọ. Bàn ghế trong phòng đều lộn xộn không có thứ tự gì cả; cô chóá mắt không biết cái thảm cảnh này nó xảy ra như thế nào.

Ông hoàng Gia Cát Lợi không muốn cho cô làm chộn rộn nên chặn trước mặt rằng:

– Cô hãy làm tỉnh mà bước trở lại phòng khách, đây là một cái chuyện đàn bà không nên thấy biết.

– Sao lại không nên thấy, không nên biết, chồng tôi chết phải ai à.

Ông nắm tay cô, kéo cô trở lại và nói nho nhỏ rằng:

– Không nên làm rộn, để tôi lo.

Ông làm như vậy làm cho cô không dám mở miệng mà nói dặng một tiếng gì nữa; có lẽ cô đoán được rằng ông ta là một tay độc ác giết cả hai người nhưng không hiểu ông ta có cái sức lực gì mạnh quá nó nắm hết cái hồn của cô. Thuở giờ, cô thương ông hết tình, cái thương ấy quá nặng, thương hơn thương chồng, mà càng thương lại càng sợ, không hề dám cượng cái một điều gì.

Thình lình cô trượt chơn gần té. Ấy là chơn cô đạp nhảm trên một vũng máu đào trong tim của chồng cô nó trào ra và nó chảy lại.

Sợ hãi quá, cảm động quá cô không thể không run rẩy và không tức tưởi dặng, nên bây giờ xem cô dường như một cái máy hư bể, động dặng mà không chạy dặng. Cô ngã mình nằm trên một cái ghế dựa mà tâm thần đi đâu mất hết.

– Một chút nữa mà thôi ráng đừng làm cho om sòm nghe không.

Có lẽ ông hoàng nói mà cô không nghe hoặc nghe mà không hiểu gì hết nên cô vẫn nằm êm hai mắt nhắm khít lại.

Ông hoàng Gia Cát Lợi bước tới bàn viết quây máy nói kêu người thơ ký trong nhà hàng, liền đó chuông reo trả lời.

– Allo! thầy thơ ký phải không?

Ông hoàng nói một cách tỉnh táo cũng như thường.

– Allo! phải người thơ ký đây. Ông kêu chi?

Được thầy làm ơn cho người chạy đi kêu một ông quan thầy bởi vì người ta mới đánh chết nhau trong phòng tôi đây. Mau đi!

Ông ngưng lại một chút rồi tiếp rằng:

– Mà cũng nhớ kêu giùm một sắn đầm lại nữa nghe không.

Ngoài cửa nghe ba tiếng gõ: cộp! cộp! cộp!

Trước khi bước lại mở cửa phòng ông hoàng quay mắt, mắt ngó cô Huê Linh mà dặn nhỏ rằng:

– Làm thỉnh, đừng nói một tiếng gì hết, để tôi liệu trả lời làm sao xong thì thôi.

Ở ngoài nghe tiếng người đi động và nghe tiếng hỏi rằng:

– Phòng này đây... Chắc phải không?... Phải, phòng số 300...

Ông hoàng đi tới mở cửa phòng thì cô Huê Linh mở mắt ra, chòm ngồi dậy gương mặt sợ hãi như lúc trước.

Cửa phòng vừa hé thì có một người xô nó mà bước vào, ấy là anh bồi phòng. Bộ tướng anh ngơ ngáo, anh đứng ngay tại cửa mắt ngó xem tứ tung mà không thấy dấu gì lạ thì lập bập hỏi rằng:

– Đâu?... chuyện... gì ở đâu?

Đang sau người ta xô tới làm cho anh tránh qua một bên, nhường đường cho thầy thơ ký, người cai quản, và cho hai người đội kết mang lon, có râu cá chốt dài.

Cả bọn vô hết trong phòng, anh bồi mới tỉnh trí lại một chút vì trong ấy không thấy thầy người, không gì lộn xộn hết cả. Chỉ thấy có một người đàn bà tuổi trẻ đang ngồi run rẩy, gương mặt xanh như chàm và hai hàng nước mắt chảy dài theo má.

Anh sẵn dầm vừa muốn khởi hỏi theo bốn phận mình như vậy:

– Sao?...

Ông hoàng bèn chặn ngay mà nói rằng:

– Xin chờ một chút, tôi sẽ đem chuyện này thuật lại rõ ràng cho mà nghe.

Nói vậy rồi ông day lại người ông cai quản mà nói:

– Trước hết tôi muốn nói cho hai vị này biết tôi là ai đã.

Ba người trong nhà hàng đều nghiêng mình một cách cung kính lắm và tỏ rõ rằng:

– Dạ, hai vị này đã đặng hân hạnh mà rõ biết ngài là ai rồi.

Ông hoàng bèn đưa hai tay ra mà rằng:

– Cái chuyện nó xảy ra làm vậy: Rủi thật mà cũng không lạ gì. Cô này và chồng cô lại đây kiếm tôi và rủ tối nay đi xem hát nhưng mà trước khi ra chúng tôi nghe có tiếng động ngoài cửa sổ.

Nói tới đây ông bèn day lại hai người sẵn đầm đang chăm chỉ nghe mà nói riêng rằng:

– Rồi đây hai vị đi xem xét và thấy đủ bằng cứ rõ ràng.

Ông bèn nói tiếp một cách thông thả và rành rẽ dường như đã sắp sẵn trong trí:

– Để cô đây ở lại phòng khách, tôi dắt chồng cô bước qua phòng ngủ thì chúng tôi gặp một một thằng ăn trộm nó tưởng rằng chúng tôi đã đi rồi nên mới dám leo vô. Thừa cơ, sẵn cầm gậy trên tay tôi đánh xuống một cái mạnh, đó, cây gậy còn nằm trên bàn đó, hai ông cứ giữ cất nó và làm món đồ tang... Trước khi ngã thằng ăn trộm đưa súng nhắm ngay chúng tôi bắn một nhát. Rủi thay viên đạn bay nhằm ngực người bạn tôi ngã xuống chết tươi. Tôi bèn đánh xuống một cây nữa và có lẽ cây sau đó làm cho thằng ăn trộm phải chết. Rốt cuộc hai người chết trong phòng tôi.

Ông hoàng đưa tay ngoắc anh bồi phòng đang lóng tai nghe mà bảo:

– Mở thoát cửa ra mà mời hai ông này vào tra soát đi.

Hai vị sẵn đầm đi ngang qua chào ông hoàng một cái rồi sắp bước vào phòng mà làm phận sự của mình thì ông hoàng kêu lại và chỉ cô Huê Linh đang đứng run rẩy hỏi rằng:

– Xin cho cô này về nhà nghỉ bởi vì cô ở đây nhắm không ích gì còn làm cho cô đau lòng xót dạ thêm nữa.

Hai người sẵn đầm bộ không cần gì cô Huê Linh cho lắm nên cô được phép về. Cô thủng thẳng bước ra ông hoàng Gia Cát Lợi đi theo, cầm tay cô hôn một cái mà gương mặt không vui dường như chia sẻ nỗi buồn cho cô.

Sự xem xét không có gì là lâu lắm, vì công chuyện xem như nó xảy ra y như lời ông hoàng khai vậy.

Đã vậy mà mấy người làm việc trong Sa tiên lữ quán đều đối với người khách nầy một cách cung kính khác thường làm cho hai vị sẵn đầm không nghỉ ngơi gì cả và cũng không dám gạn hỏi kỹ lưỡng cho lắm.

Hai người cùng với anh bồi phòng cùng bước trở ra phòng khách thấy ông hoàng đang thông thả ngồi hút thuốc thì nói rằng người ta sẽ mau đem hai cái thầy đó ra khỏi phòng ông.

Ông hoàng Gia Cát Lợi cãi lại rằng:

– Không, rồi đây tôi phải dời qua ở một phòng khác, tôi không muốn ngủ chỗ xảy ra đổ máu này là chỗ tốt cò tới làm việc luôn.

Người săn đầm có râu cá chốt dài và mang hai cái lon nơi tay áo mỉm cười mà rằng:

– Không đâu cò bót đã biết hết rồi, công việc đã như mấy lời ông thuật lại.

Ông hoàng nhượng mảy và nói:

– Phải, tôi cũng tưởng rằng ông không nghi ngờ chút nào cả.

Người săn đầm đáp lại tỏ ý mình lấy làm buồn là phải làm cho ông hoàng phải mất công, ông bèn giục rằng:

– Không, ông làm bốn phận mau mắn nhậm lệ như vậy là phải lắm, không phiền gì hết. Bây giờ xin ông về nghỉ.

Mọi người đều bước ra, anh bồi phòng theo sau chót vừa muốn khép cửa phòng thì ông kêu lại:

– Ê mảy! Trở lại biểu coi, tao biểu mảy mua giấy đặt tới nay tao đi coi xiệt mà sao mảy lại đưa giấy hát bóng đây này.

Ông nói rồi vò miếng giấy xanh liệng trong mặt anh bồi rồi lấy cái áo choàng mặc vào cho mình và trở lại đứng ngang mặt kiến mà sâm soi một lần sau chót nữa.

Chương VII ĐI TẦM HUÊ KHÔI

Khi ông hoàng Gia Cát Lợi đi tới gánh xiệt thì đã mười giờ và người ta khỏi diễn đặt võ thứ nhứt rồi.

Ông mua giấy đi vào, ông làm chộn rộn, mất công mấy người ngồi gần mà bộ ông không khó chịu, không bận lòng gì hết; ông vừa

bước theo người dẫn đường mắt vừa đảo soát đường như muốn kiểm một người nào vậy.

Ông cũng không nghe rằng chung quanh đó người ta xầm xì to nhỏ chuyện mấy người đi xem hát lại trễ làm rộn người ta. Ông mua nhằm một chỗ ngồi ở hàng ghế thứ ba nhưng khi người dẫn đường chỉ đó cho ông thì ông không thềm ngồi xuống. Ông chê chỗ không xứng đáng và coi không sướng mắt, ông đứng mà ngó xem mấy cái vòng, mấy cái đu và người mé bên kia.

Đàng sau người ta mời ông ngồi xuống, ông không nghe. Ông bước lên trên mấy cái ghế mà đi tới trước, bước vào ngồi trên một cái ghế trống trong trường phòng.

Ông ngược mắt lên xem thì thấy ngay trên ấy mấy cô đào đang uốn mình nhào múa rất nên yếu điệu.

Mấy cô đào ấy thấy có người nhắm mình thì ráng làm cho hay thêm một chút.

Nhưng ông hoàng Gia Cát Lợi thì không màng chi mấy cô ấy, ông rảo mắt đưa lại mấy chỗ khác: ý ông muốn xem một người khác.

Mấy anh hề, con mắt cũng biết xem, biết người sang trọng nên đồng tới trước ngay mặt ông diễn cợt cho ông cười, cho vui lòng ông dường như buổi hát này ông trả tiền nên ai cũng cố ý hát cho ông hết.

Ông không ưa mấy anh hề. Nhưng mà cái tiếng của ông Ba Lợi Ty kêu tên đào kép ra diễn làm cho ông chú ý.

Ông thấy rõ ràng cô đào Mộng Hoa đang lấp ló ở trong, và sửa soạn bước ra diễn lớp tuồng của cô. Gần đó, anh Lý Tố, sấm tuồng hề, mà do làm một người hạ lưu, rất thấp hèn làm cho ông hoàng tuồng vậy nên không ngó ngang đến.

Hai người theo tiếng đàn bước ra chào khán giả thì nghe tiếng vỗ tay vang rền. Đang lúc người ta la lối cười mừng thì đàng kia có mấy người anh trai cầm những chòm bông mà quăng lại cho "Phong Vân công chúa":

Ông thấy vậy mới lăm bằm:

– Tưởng một mình mình không dè ai cũng ưa con nhỏ đó hết.

Hai người dọn lớp chạy ra trương tấm vải đỏ lên cao có mấy chữ "nghỉ xả hơi" thì ông đứng dậy bước lên ghế đặng ra và nhắm ngay chỗ vô cửa buồng và đi lại làm cho mấy anh dọn lớp ngó trân.

Ông Ba Lợi Ty thường có tánh muốn chung khoe mấy con thú của ông nên ông đang lau mồ hôi trán vùng ngưng lại thọt khăn vào túi và bước tới hỏi một cách vui vẻ mau mắn:

– Ông muốn xem mấy con voi hay là muốn coi cho beo ăn không? Ngộ lắm, nhưng mà chúng tôi không đòi tiền gì hết. Chúng tôi dẫn cho ông xem không mà thôi.

Ông hoàng không thích mấy chuyện ấy, ông lắc đầu:

– Không, tôi muốn lại chỗ cô Mộng Hoa mà thôi, dặng khen tặng cô ít lời vì cô là một cô đào thật hay.

Con mắt của ông Ba Lợi Ty đảo qua đảo lại; với ông chuyện gì cũng không qua dặng.

Hồi chiều vài giờ trước khi hát ông có đem giùm một cái hộp đựng đầy hoa đẹp giao cho cô Mộng Hoa, bây giờ ông thấy tấm danh thiếp của ông hoàng Gia Cát Lợi thì ông hiểu rõ rồi ông bèn chào ông rất cung kính và nói rằng:

– Ông muốn thăm cô Mộng Hoa; xin theo tôi mà lại chỗ này.

Ông nói rồi đưa tay chỉ và đi trước dắt ông hoàng Gia Cát Lợi ngay lại gian phòng cô Mộng Hoa.

Chương VIII **MỘT NGƯỜI VÔ PHÁ ĐÁM**

Ông Gia Cát Lợi vô buồng hát tưởng không ai ngó thấy. Ông Ba Lợi Ty lấy làm hân hạnh mà rước dặng một người khách sang vào viếng gánh xiết của mình. Đó cũng là một cách làm quảng cáo khôn khéo cho gánh xiết của ông. Ông thì vậy còn mấy người của ông thì lại khác, họ muốn thông thả mà làm công việc hoặc làm phận sự của họ, họ không muốn thấy một người nào khác lạ đi tới chỗ làm của họ mà làm chộn rộn họ.

Bởi vậy mấy anh hề không khỏi đi qua lẩn ông một cái, đi lại lẩn ông một cái và xin ông phải nhường đường cho mấy ảnh.

Chỉ có mấy cô gái to và mấy cô đào già là khác thôi. Thường thường thì cái phe này ưa muốn cho người ta ngó mình, người ta nhăm cái đẹp của mình bởi vậy mấy cô có dạng chút cảm tình với ông hoàng Gia Cát Lợi này.

Ông hoàng biết rằng mấy người kếp hát đều chưa về gian phòng của mình nên ông đứng lại ngó ngay cái đám đàn bà ấy. Coi bộ ông thích ngó lại đó, mà mấy người đó cũng trầm trồ cái tướng sang và cách ăn mặc của ông.

Sở Khanh nhà nghề, ông không đời nào mê mệt vì ai, ông chẳng cho ái tình làm ông phải lụy. Ông không thương ai lâu, ông cũng không tính cuộc lâu dài với ai hết thảy. Người đàn bà nào ông cũng muốn dùng miếng là dạng đẹp dễ và còn trẻ mà thôi.

Ông không thích đàn ông chút nào nên không mấy khi ông thềm nói chuyện mà ông lại lò mò theo mấy cô gái, mấy người đàn bà làm quen nói chuyện. Trong cái kiếp sống của ông, ông chỉ muốn nhập theo vào cái xã hội đó mà thôi.

Người nào, hạng nào ông cũng không chừa, ông làm quen với mấy cô con nhà giàu có, mấy cô dòng quý phái, luôn với mấy ả buôn hương bán phấn nữa.

Trong cái chỗ mới này, ông hành động tự do, ngó bên này, liếc bên kia, sẵn lòng làm quen với mấy người ấy.

Thình lình ông cạ nhăm mình một cô đào non mặc áo đen sát rạt bày cái vóc xem thật đẹp, cô đi ngang mà có ý thúc ông một cái nhẹ chơi.

Ông quay mình lại và thấy trước mắt một cái mặt đẹp dễ rất dễ thương.

Ông nói thầm: chà chà!

Người đàn bà nọ bỏ đi, ông bước theo, có lẽ ông quên Mộng Hoa trong lúc này. Cô ta lại càng đi mau rồi tới ngồi trên một cái ghế để chỗ đi vô buồng hát.

Bây giờ ông hoàng ta đã chắc mình gặp dạng "gió lớn" rồi nên cúi chào:

– Chào cô, tôi xin phép mời cô đi dùng bữa cơm tối nay cùng tôi.

Người đàn bà cười, bày hàm răng trắng mà đáp rằng:

– Được lắm, xin cảm ơn ông.

Nói rồi cô ta để tay lên đầu nắm lấy đầu tóc giả một cách lẹ làng, làm cho ông hoàng Gia Cát Lợi sửng sốt vì thấy lòi ra một cái đầu sói sọi, mà tai lại nghe một tiếng đàn ông cười ngất:

– Sao! ông tính chừng nào đi với tôi... Đi nhà hàng nào.

Ông hoàng sượng sùng quá không đáp một lời, ông xây mình mau bước lánh đi, ý không muốn cho người ta thấy kịp cái lăm của mình. Nhưng mà ông càng bước mau thì ông càng nghe tiếng cười rộ lớn lên vì anh chàng giả gái ấy đang thuật chuyện vui ấy lại cho mọi người nghe.

Một anh hề ngất ngưỡng cười rằng:

– Mình đã làm hề diễu cho người ta cười mà không hề rằng có người khác lại làm hề cho mình cười chơi nữa chứ.

Ông hoàng bất mãn lật đật mà đi không nhằm đường sá gì hết; ông đi đụng đầu một con ngựa, ông trở lại đụng đít một con voi, ông bị một anh làm công quảng chổi trúng giò.

Ông Ba Lợi Ty phải dắt ông đi lại đường khác.

Phen nầy ông tới trước gian phòng của cô Mộng Hoa nhưng mà trước khi gõ cửa xin vào, ông ngó thấy cánh cửa mở hé, cô Mộng Hoa đang tô son điểm phấn và lại nói chuyện với một con người khác ở gian phòng bên cạnh mà ông không thấyặng.

Cái chuyện mà hai người nói với nhau đây làm cho một người như ông hoàng Gia Cát Lợi không vui chút nào hết.

Cô Mộng Hoa bây giờ mới mở cái hộp bông của ông gửi tặng cho hồi chiều và thấy tám danh thiếp trong ấy thì nói lớn rằng:

– Người ta tặng đồ chơi cho tôi anh Lý Tố ạ.

Cái tiếng của anh hề nói nghe rõ ràng:

– Ờ vậy thì may mắn cho em lắm, anh mừng giùm cho.

Mộng Hoa cười và hỏi:

– Vậy anh không ghen hay sao?

– Chưa đâu!

Cô Mộng Hoa vừa cầm tấm danh thiếp trên hai ngón tay vừa xem vừa nói diều:

– Anh biết không?... Đây là một người lớn... một người có tước cao sang lắm.

– Người gì mặc kệ họ chứ.

– Một ông hoàng anh à.

– Thì cũng như người thường vậy... chứ bốn tay bốn cẳng gì hay sao?

– Để em nói mà... Không ai đâu lạ, ấy là cái thằng cha nó giống hịch anh, anh biết không?... Hôm nọ nó muốn mời em lên xe hơi nó đưa về đó.

Hai người làm thính một lát rồi ông hoàng nghe tiếng nói của người mà ông không thấy nói rằng:

– Em nói dùm với tướng đó anh gởi lời thăm va mạnh khỏe nghe không?

– Ừ được, em cũng sẽ nói thêm rằng anh có gởi cho va ba thoi ba đá.

– Phải đa!

Ông hoàng Gia Cát Lợi nghe đặng mấy lời ấy thì lấy làm khó chịu lắm nhưng nó không làm cho ông ngã lòng mà buông cô Mộng Hoa đặng.

Ông muốn xô cửa bước vào thì nghe cô đào nọ nói một câu nên ông đứng sững lại tại nơi trước cửa.

– Ờ, nói chuyện nãy giờ mà quên cho em nhỏ bú sữa.

Câu này làm cho nguội lòng chú sở Khanh nhà nghề vì chú không bao giờ muốn người đẹp làm vậy mà đã làm mẹ một đứa bé mới sanh. Ông nghĩ thầm:

– Cái gì lạ vậy? Cô đã có con rồi sao!

Ông lại nghe tiếng đàn ông nói nữa rằng:

– Quên hoài, hôm qua cũng quên làm cho con nhỏ ngày hôm qua đói gần chết. Làm mẹ gì hư quá vậy?

– Ai biểu anh không nhớ mà nhắc giùm, bữa nay em cho nó bú một bình sữa đầy thì nó nằm im cho tới sáng.

Đang lúc ấy có tiếng rống trong phòng cô Mộng hoa làm cho hai người không nói chuyện với nhau được nữa.

Lấy làm lạ, ông xô cửa ló đầu vô thì thấy em nhỏ của cô Mộng Hoa nuôi ấy là một con beo con, làm cho ông sững sờ.

Ông lăm hai phen.

Ông đi ngay vô phòng thông thả thì thấy cô Mộng Hoa ở đấy một mình. Ông biết cái tiếng của người đàn ông ban nãy là tiếng của người ở gian phòng bên cạnh thì ông vững lòng vì ông sẽ nói chuyện đặng cùng cô Mộng Hoa mà không ai thấy hết.

Mộng Hoa đang day vô cho con beo uống sữa, thỉnh linh vùng biết rằng có người vào phòng mình; đôi giày của ông hoàng đụng xuống đất nghe cộp cộp.

Cô giựt mình, day lại thì thấy có một người đứng ngay trước mặt. Cô không đuổi người ấy ra mà cô lại ngó sững bởi vì cái khuôn mặt giống hích anh Lý Tố ấy làm cho cô nhớ tới chuyện hôm trước. Cô nín thình một giây lát mới nói hơi quạo quạo như vậy:

– Ông không biết rằng mấy gian phòng nầy đều cấm, người lạ chẳng được vào hay sao?

– Bên kia anh Lý Tố nghe chộn rộn thì hỏi:

– Chuyện gì đó, Mộng Hoa?

Mộng Hoa không muốn sanh chuyện ra nên nói êm rằng:

– Có gì lạ đâu người ta tới thăm một chút thôi mà.

Ông hoàng Gia Cát Lợi thấy có hoa của mình gởi cho cô để nằm trên ghế thì đưa tay chỉ mà nói một cách mềm mỏng dịu ngọt rằng:

– Tôi không dám cho rằng mấy cành hoa của tôi tặng cho cô là thật tốt đẹp nhưng đó là những hoa tôi lựa kỹ, tôi tiêm đặng giống nó là đẹp nhất trong xứ nầy. Nơi đây tôi kêu nó là Tiên hoa... Trong cái phòng của cô cho nó nằm là đáng chỗ lắm.

Nghe ông nói không có gì là vô lễ, là thô tục thì tuy cô không ưa nhưng chẳng lẽ trả lời xẵng xóm đặng, nên cô mới gật đầu một chút, ráng giọng nghe êm êm:

– Dạ phải, ông nói thật, tôi không chối cãi gì. Mấy cành hoa này quả có đẹp, nhưng tôi xin ông làm ơn đừng gởi cho nữa... tôi chẳng biết để đâu...

Bên gian phòng kia không nghe một tiếng nói hoặc một tiếng động gì nữa. Lý Tố đã dậm mặt xong và ngồi lẳng tai nghe không sót một câu nào. Anh tự hỏi lấy mình không biết thằng này là thằng nào, có phải thằng gặp hồi lúc cô Mộng Hoa đi ba lông xuống phải không?

Ông hoàng Gia Cát Lợi nghe cô Mộng Hoa nói mấy tiếng ấy thì biết cô đã không ưa mình rồi, đáng lẽ phải lui bước trở lại mới phải. Đang vậy ông càng xê lại gần cô ta và muốn nắm lấy tay mà để lên mũi mình.

Mộng Hoa thụt tay lại.

Cô đi vòng theo một cái bàn tròn và cô suy nghĩ với mấy người như vậy mình phải nói quyết mới được. Cô ngó ngay ý muốn nói một câu cho ông nghe và ông phải nghe lời.

– Bây giờ, xin ông làm ơn bước ra khỏi phòng, tôi phải xuống hát lớp thứ nhì ngay lập tức, mấy người coi không chịu chờ lâu đâu.

Nghe câu này anh Lý Tố muốn giúp cho Mộng Hoa được gỡ ông ta ra nên lên giọng oai quyền mà nói rõ ràng rằng:

– Rồi chưa Mộng Hoa? Phải mau ra làm tuồng chó. Nhạc đã đánh rồi.

Gia Cát Lợi coi bộ không bằng lòng, ông đội nón lên đầu rồi nghiêng mình chào cô mà lui ra, miệng không nói một tiếng.

Ông ở ngoài đứng chờ; cô nọ bước ra đi mà không thèm ngó đến, ông mới thủng thẳng đi sau, mắt ngó xem cái vóc mình tốt đẹp của mấy cô đào đang chen nhau trước cửa buồng hát mà lòng lại không quên cái sự ước ao cho được lấy Mộng Hoa.

Chuyến này nữa, ông cũng đứng không yên chỗ chật này, mấy con ngựa nó lấn nó đụng làm cho quần áo bào nhào hết và mấy tiếng nó hí làm điếc tai long óc.

Ông còn thấy Mộng Hoa, như phen này cô không đứng một mình. Anh Lý Tố mang lớp hể theo bên cô, tay cầm đèn, ông thấy

cái mặt vẻ trắng vẻ xanh ấy thì ông không ưa, ông muốn biết cái mặt coi ra làm sao và ông muốn đánh vài bốp tai choi cho bõ ghét.

Bây giờ rồi ông lại muốn gặp Mộng Hoa tức thì và một mình, đừng ông nói chuyện; ông có một chuyện riêng nói với cô và một vật biếu cho cô làm kỷ niệm nên ông tiếc sao hồi nãy quên phứt đi. Có lẽ lúc nãy ông vào bị cô nọ lo là quá làm cho ông không tưởng đến.

Sự thành linh làm cho ông đừng chuyện. Trời đất một hai khi cũng giúp đũa gian. Trong lúc mấy con ngựa đứng lại một bên để đường cho mấy anh hề đi, anh Lý Tố phải đứng ra xa cô Mộng Hoa.

Ông hoàng ngó thấy vậy thì mau chon đi lại dung cho cô một cái hộp nhỏ mà ông cầm sẵn trên tay từ nãy giờ.

– Khi nãy tôi quên biếu cho cô một vật để làm kỷ niệm, bây giờ cô cho phép tôi chuộc cái quên ấy.

Ông nói rồi bấm ngón tay cái, nắp hộp ấy bung ra, dưới mắt cô Mộng Hoa cô thấy rõ ràng một xâu ngọc thật nên quý đẹp.

Thuở nay không mấy ai tặng cho cô những món nữ trang như vậy, mấy người coi xiết không phải như mấy người coi hát kia. Tuy ưa chuộng đào kép như vậy nhưng ít hay cho món kia vật nọ lắm. Thường thường một bó hoa hương là đủ rồi.

Cái món đồ của anh Lý Tố cho cô, cô vẫn còn cất giữ trong phòng. Ấy là một chiếc cà rá nhận hột xa phía và một đôi bông tai bằng xàan giả.

Cô nhúu mày mà rồi không rõ tới cái hộp của ông hoàng Gia Cát Lợi đưa cho, làm cho ông ngỡ ngàng xèn lén người ta không nhận lấy món đồ mà mình dung cho.

Cô Mộng Hoa không lấy vật ấy mà cô lấy làm bối rối không biết làm sao tránh cho khỏi cái anh chàng nầy.

Ông ta muốn gì đây? Câu hỏi ấy không khó trả lời và cô cũng không phải khờ dại gì mà chẳng hiểu rằng cô đẹp lòng ông ta nên ông mới đeo đuổi làm vậy nhưng mà ông chưa nói thật ra hoặc tỏ ý gì.

May sao anh Lý Tố đi lại.

Ở đằng xa anh đã thấy cái tướng như vậy rồi nhưng anh không thể làm gì được vì anh đang lo sắp mấy con ngựa đứng cho ngay thẳng.

Mấy con ngựa của ông Ba Lợi Ty rất khôn, chúng nó biết đứng đúng chỗ của mình trước khi ra sân hát. Con đứng đầu, không muốn cho con số hai đứng lại chỗ mình và con số ba cũng sắp mình theo sau con số hai.

Bây giờ anh Lý Tố mới rảnh và chạy lại nắm lấy tay cô Mộng Hoa.

Anh day mặt ngó ngay ông hoàng rồi tay đẩy cô đào ra đứng sau lưng mình và nói hơi gay rằng:

– Ông đem mấy cành hoa của ông mau ra khỏi chỗ này và cất lấy món đồ đồ để mà cho cái thứ đàn bà nào ưa nó.

Mộng Hoa thừa cái dịp này mà lén đi mất.

Chung hững, ông hoàng không trả lờiặng một tiếng gì.

Lý Tố nhon đó mà bước đi vào phòng tắm rửa làm một vai tuồng khác. ấy là một lớp tuồng diễn đánh lộn với bò rừng nên anh phải mang một con bò một con ngựa bằng giấy cứng dạng thủ vớ anh tướng núi.

Khi anh ngược đầu lên, anh thấy ông hoàng còn đứng đó mắt ngó một cái tuồng kỳ dị của anh mà cười coi bộ ngạo nghĩnh khó chịu lắm.

Anh Lý Tố có tánh cứng cỏi, không để cho ai nhục mình hoặc cười nhạo mình nên hét rằng:

– Ông còn đứng đó không chịu ra đi hay sao?

Gia Cát Lợi nói bầm rằng:

– Không anh đẹp quá, tôi muốn xem hoài bởi tôi có mua giấy trả tiền hẳn hoi.

Lý Tố giận căm gan, anh muốn một phen rửa phật anh chàng này anh ta tới mà làm rộn cho người ta lại muốn xen vào giữa Mộng Hoa và mình nữa.

Rủi thay, anh mang cái hình ngựa bằng giấy dài kinh càng quá làm cho anh không lại gần ông hoàng dạng, mà đầu có lại dạng cũng thất thế nhiều. Anh đứng đó mà lăm bầm có lẽ đang chửi thề cái giống đồ kỳ quái của mình mang ấy.

Đã vậy mà không còn thì giờ mà làm chuyện gì được, người rút màn kéo tấm màn xanh lên trống luống và ngó lại mà kêu om sòm.

– Mộng Hoa và Lý Tố mau ra làm trò chó!

Mộng Hoa đi ra liền không trễ một giây nào, cô không lỏm đi xa mà khi nãy cô núp gần đấy lóng tai nghe và xem hai người nói gì làm gì nhau.

Cô không muốn sanh chuyện gây gổ làm gì sợ nó xích ra nhiều chuyện oán thù mà có hại cho người yêu của cô. Ở trong một gánh xiết không gì đáng sợ đáng buồn hơn là gặp phải sự rầy rà chộn rộn bởi vì nơi ấy mọi người đều làm công việc cho khán giả mà lại còn tỏ dáng cho người ta ưa, thương nữa.

Ông già Ba Lợi Ty tuy thương đào kép của mình nhưng cũng không dung cho người nào làm phiền lòng khán giả mà nhứt là khán giả ngồi ghế hạng nhứt, ăn mặc một bộ đồ nỉ đen, áo lót mồ hôi ngực cứng và mang cravate trắng thắt tay.

Thường trong một gánh hát ai cũng phải biết mềm mỏng chịu lụy, bởi vậy mới có câu: "Cái gì cũng là cho công chúng"

– Lại đây anh Lý Tố.

Mộng Hoa nói rồi kéo anh đi ra sân hát, đèn đuốc sáng trưng, có mấy anh dọn lớp đứng khoanh tay.

Anh Lý Tố bước theo cô Mộng Hoa mà trước khi ra tới sân, bởi cái tánh hễ tự nhiên của anh, anh cho ông hoàng một đá, một đá mạnh trúng chánh ngay làm cho ông xiềng niễn. Anh làm vậy nhưng ông hoàng Gia Cát Lợi không đoán đặng là ai đá mình vì lúc đá anh đứng ngang hàng với ông ta.

Giận quá, mà cũng mắc cỡ quá, ông muốn đánh cái người cả gan làm nhục ông dường ấy nhưng khi ông day mình lại xem thì không tìm ra ai cả.

Lý Tố và Mộng Hoa đã bước ra tới ngoài sân hát, ngoài ấy nghe khán giả cười rộ lên làm cho ông hoàng càng nhột nhạt hơn nữa.

Bây giờ ông không biết rằng ông phải đi lại chỗ ngồi hay không? Ông chẳng nhứt định hai môi mím lại, tay vò vắn hàm râu mép của mình theo như mấy lần mà gặp chuyện gì không đặng như ý muốn của ông.

Thật chẳng ai có cái tánh quái lạ như ông Gia Cát Lợi là trong lúc bình tĩnh cũng không độc hiểm gì khi nóng nảy. Hễ ông muốn

chuyện gì thì ông theo mãi không thôi, bởi vậy trong cái kiếp sống mâu nhiệm và bí mật của ông đã làm nhiều chuyện hiểm nguy lắm mà không mấy ai biết đặng.

Ông ở đâu lại? Ông là người gì? Coi bộ không một ai biết rõ mà tưởng có may mà biết đặng thì cũng làm thỉnh ngậm miệng cho khỏi họa lây tới mình.

Sau hết, ông quyết định không ngồi lại xem hát nữa, ông thủng thẳng bước ra ngoài, phen này không ai thêm chú ý đến ông nữa.

Đêm không khuya gì lắm mà lắm chuyện xảy ra nội trong buổi ấy làm cho ông tưởng tượng rằng ông ở tại thành đấy trót mấy năm rồi.

Ông nhớ lại từ chuyện, lòng không hồi hộp, gương mặt chẳng chút gì đổi sắc. Những lần như vậy ông làm cho thường sự, mà chẳng thêm để lâu trong trí làm gì cho mệt.

Một đều ông tưởng hoài không thôi: Cô Mộng Hoa.

Ông càng đi càng xa gánh xiệt thì lòng ông lại càng gần cô Mộng Hoa, ông tưởng tượng thấy hình cô biến lộ ra trước mặt ông còn đẹp hơn là cô Mộng Hoa thiệt kia đi nữa.

Ấy là một lần thứ nhứt mà ông thất vọng, ông đương suy nghĩ rồi đây coi ông phải làm cách gì cho đạt được cái ý muốn của ông; ông nói thầm:

– Nếu từ này về sau, mình trở lại gánh xiệt ấy thì mình còn mặt mũi nào ngó thấy người ta.

Ông ngừng lại trước cửa nhà hàng một lát lâu đặng sắp đặt cái địa đồ trận thế của ông. Rồi đó coi bộ tính xong nên ông đi vào trong.

Người cai quản nhà hàng đang nói chuyện với một người thợ ký thấy ông thì ngưng câu chuyện lại và bước tới nói rằng:

– Tôi không kiếm đặng một căn phòng nào khác mà dời chỗ cho ông, bởi vì đâu đấy đều có người ngủ cả, tuy vậy mà không sao, chúng tôi đã lo sửa soạn sắp đặt lại hết làm cho chẳng còn dấu gì của chuyện góm ghê ấy. Cái giường cũng đã đổi lại chỗ khác; trong phòng ngó xem đẹp mắt lắm mà lại lịch sự hơn trước nữa.

– Thôi như vậy cũng đặng.

Người nọ đưa ông lại tới chỗ thang máy và lúc khép cửa lại, thì nói thêm mấy lời rằng:

– Ông cò dưới bót cũng đã dọa tra cái vụ... cái vụ không may này khi nãy rồi. Mọi việc đều y theo lời của ông thuật và tôi lại đừng nghe rằng chuyện này ngày mai không đừng đừng vào báo nào cho người ta biết hết thầy.

Ông hoàng gật đầu một cái nhẹ dường như chuyện ấy nó không quan hệ gì với ông.

Cái thang máy rút lên lên đem ông lại chỗ ông giết luôn một lần hai mạng sanh linh.

Chương IX **MUU SÂU KẾ ĐỘC**

*G*ánh xiệt vẫn tập như thường, mọi người đều lo phận sự của mình một cách sốt sắng lắm.

Tuy ở chỗ ồn ào chộn rộn như vậy mà lòng ai nấy đều dặng yên tịnh. Lý Tố và Mộng Hoa vẫn thương nhau và thương nhau hoài. Ở đây không ai cho hai người cũng không lo nghĩ cho ai.

Cô nuôi nấng cái ái tình trong lòng mà nó càng nức chồi nảy mộng ra thêm hoài, kể từ khi hôm tối, dựa bãi bể, hai người xem trăng húng gió trao lời ước hẹn cùng nhau. Cô biết, thấy rằng lòng này cô hưởng dặng thêm nhiều hạnh phúc, và cô mê mết, mơ màng cũng như mình sống trong một cái kiếp khác, trong một cái đời khác, gió xuân phảng phất màng loan, trăng tỏ lầu vàng sáng giời.

Ngày giờ, quý vật, mọi người, không gì làm cô mơ tưởng tới dặng hết. Trong lòng cô bây giờ chỉ có một người. Trên trời dưới đất dặng có một người... một người mà thôi: anh chàng thương, anh Lý Tố và thêm một cái gánh thế giới: gánh xiệt Ba Lợi Ty.

Còn những điều gì khác ấy là trong tiểu thuyết hoặc điều bày đặt. Con mắt cô chỉ ngó trong vòng cái rạp gánh xiệt mà thôi, ngoài ra cô không biết gì nữa hết.

Cô sống, cô theo gánh xiệt mà đi chỗ nầy lại xứ nọ, cô ăn, cô mặc đều là làm cho vui lòng Lý Tố và đừng giữ anh lại bên mình luôn luôn.

Một bữa kia Mộng Hoa cùng Lý Tố đang cùng nhau tập một trò mới, bỗng có một người dọn lớp đem lại một cái thơ. Thơ gởi cho Mộng Hoa.

Cô ngồi trên cái đu hai chơn đưa tới đưa lui vừa với tay tiếp lấy rồi cúi đầu xuống mà xem; dưới nầy anh Lý Tố ngồi ngược mặt lên có ý trông cô đọc cho rồi đừng hỏi coi trong đó nói những gì.

Cô đọc chậm chậm, đọc đi rồi đọc lại làm cho anh Lý Tố càng ngóng trông thêm nữa. Thành linh cô nhảy phóc xuống một cách lạ lùng, hai chơn cô chắm đất xem đường như một con chim hạ cánh thông chơn đáp xuống vậy. Cô cầm mảnh giấy phất qua phất lại trên đầu cô và kêu rằng:

– Anh Lý Tố!

Anh nọ đang cài nút áo lót mồ hôi nghe kêu vùng ngược đầu lên.

– Giống gì đó?

– Anh biết thơ nầy gởi lại nói chuyện gì không?

– Không?

– Chuyện vui hay chuyện buồn, nói thử coi trúng chẳng?

– Chắc chuyện vui.

– Nếu chuyện vui thì anh phải cho em giống gì?

Anh hể nghe hỏi vùng cười, anh nói giỡn lại rằng:

– Không! anh không cho em giống gì hết, nói vậy sao phải. Nếu có chuyện vui thì em phải cho anh chớ, bởi vì là chuyện của em.

– Thôi đây nầy đọc thử xem.

Nói rồi cô thả bức thư bay bổng lên cao, anh với tay bắt lấy ngồi lại xem như vậy:

Thưa cô.

Tôi là một người ở gánh xiệt lớn bên Amêric muốn nói chuyện với cô về sự muốn đào kép hát xiệt.

Nhưng mà mai này tôi phải về bên ấy nên xin cô vui lòng đi lại ngay buổi chiều nay lối sáu giờ thì mới nói chuyện đặng. Tôi hẹn sáu giờ vì tôi biết giờ ấy cô mới có thể rảnh được và rồi xong rồi thì cô kịp trở về để mà hát.

Cô đi lại Sa tiên lữ quán phòng số 300 và hỏi thăm M. John bin thì gặp tôi.

Xin cô lại chắc, tôi có lòng mong đợi.

Anh hề Lý Tổ xem rồi xếp bức thư lại trả cho cô và trề môi mà rằng:

– Xí!

Mộng Hoa chống nạnh ngó ngay mà hỏi:

– Sao? chuyện như vậy anh không muốn hay sao?

– Sao lại không muốn nhưng thấy đóa quá.

– Gì đâu nà?

– Cái thư đó nó nói chuyện muốn em không mà thôi, nó không thèm kể tới mấy cái miếng hay của anh. Rồi đây em đi một mình, anh ở lại một mình hay sao? Thôi, đừng thèm đi đâu hết ở lại đây cho xong. Xé bức thư vứt đi cho rảnh.

Mộng Hoa lại đứng kê gần anh mà rằng:

– Bởi vì người ta muốn cần dùng một mình em mà thôi; trong mấy lớp, hai đứa mình tập diễn với nhau có phải là em thủ vở chánh hay không? Anh cũng biết rõ như vậy chớ?

Anh hề làm bộ xụ mặt và nói lấy rằng:

– Thôi thì em đi một mình em, anh ở lại cũng không chết chóc gì mà sợ.

Mộng Hoa kê cùi chỏ thúc hông anh một cách nhẹ mà rằng:

– Làm bộ hoài, em đi thì anh cũng đi chớ, em không chịu làm tuồng chung với ai khác đâu.

Hai người cười ngất nắm lấy tay nhau để chia vui cùng nhau bởi vì cái bức thư này làm cho cả hai đều mong mỏi cho tương lai của mình. Không chừng phen này hai người sẽ đặng sung sướng hưởng phúc cùng nhau và... chuyện khác nữa, chuyện này cô gái ta vùng tưởng tới:

– Anh à! Anh hiểu không? Cái này nghĩa là mình qua Amêric du lịch sau bữa giao hôn.

Guang mặt cô then mà ủng hồng tỏ sáng rằng lòng cô vui về hết tình. Cô nói thêm rằng:

– Đi bây giờ nghe không anh?

Anh Lý Tố gật đầu:

– Ừ được, mà nếu anh không mắc công chuyện thì anh cũng đi với em chứ không thì nó rước em đi luôn anh làm sao?

Mộng Hoa hứ một tiếng rồi đưa tay vả miệng anh một cái.

Anh không thể bỏ mà đi đặng bởi vì ngoài cái lớp tuồng của anh với Mộng Hoa anh còn phải diễn một lớp chung với mấy anh khác. Ông Ba Lợi Ty muốn cho mọi người đều làm công chuyện hết, với ba mươi mấy người đào kép của ông, ông ráng mà sắp đặt lớp lang, thay quần đổi áo, vẽ mặt dặm mày làm cho khán giả tưởng rằng ông có ít nữa cũng hai trăm người làm trò.

Đã vậy mà chương trình mỗi tuần mỗi đổi, ai ai cũng phải lo tập mỗi ngày cho nhuần nhả cái lớp của mình tuần tới, như vậy mới có thể kéo người ta xem đông đặng.

Anh Lý Tố để cho Mộng Hoa đi một mình mà anh không vui, không phải là anh sợ rằng cô tính không xong việc, nhưng anh lo cho cô chẳng biết binh vực cái quyền lực của mình, bởi vì mấy anh đi kêu đi tìm muốn đào kéo đó lợi hại lắm.

Đúng xem cô sửa soạn, anh cầm tay mà dặn rằng:

– Bất kỳ là va cho giá nào, em cũng cứ việc đòi bằng hai nghe không, như vậy mới là vừa.

Cô cười vào véo anh một cái:

– Anh tưởng em dại lắm hả? Anh với em, em chắc cứng rằng em đi đây em đòi được nhiều hơn anh nhiều lắm. Cá bao nhiêu em cũng cá.

Anh ta kê môi và nói diều rằng:

– Làm phách hoài!

Lý Tố lấy áo lạnh mặc vào cho cô, cô đội cái mũ cũ lên đầu, bởi vì cô không xa xí lắm.

Cô ra đường bước ra mau vì đường xa mà rồi cô còn về cho kịp giờ hát nữa.

Tới nhà hàng cô lại phòng giấy thấy thơ ký hỏi thăm phòng ông John Albin. Người ta chỉ cô lên tầng lầu chót, nhưng vì thang máy không có dưới đất, cô không chờ được nên đi lại thang lầu mà bước mau lên.

Cô cầm sẵn bức thơ trên tay đi quanh quẹo, lộn đi lộn lại mấy cái đường nhỏ giấy lâu mới tìm được phòng số 300.

Cô gõ cửa nhẹ nhẹ.

Có lẽ người ta đang chờ cô ở trong nên cô vừa gõ thì có tiếng người đi lại mở cửa.

Chương X **LẦM VÀO HANG CỌP**

Cánh cửa vừa mở ra, mắt cô cũng vừa trông thấy người trong phòng thì cô giật mình lui lại muốn tránh đi cho mau, nhưng mà có một cánh tay lớn thò nắm lấy cô mà kéo cô làm cho cô phải bước đi vào.

Ấy cô đi lầm vào hang cọp. Ông hoàng Gia Cát Lợi ở trong đấy.

Trí cô Mộng Hoa bây giờ nó rối tung.

Cô tưởng lại rằng cái người đứng trước mặt cô và xưng rằng hoàng Gia Cát Lợi ấy chẳng qua là một anh chàng làm nghề đi kêu con hát mà thôi nên cô lòng cũng vững dặng một chút.

Cô cũng tưởng mấy chuyện kỳ quái ông làm hai ba hôm nọ đấy là dặng thử lòng cô và anh chàng này không phải lựa con hát có tài mà lại có đức hạnh nữa mới dặng mới muốn.

Như vậy cách đó không phải là cách lạ. Khi nào người ta muốn đem một cô đào đi lại chỗ này xứ nọ mà hát thì phải lựa tài sắc và tánh hạnh nữa. Phải biết rằng cô ta phải giữ tờ giao kèo và không phải muốn bỏ gánh theo ai thì theo, bởi vậy trước khi đi kêu một cô đào hát người ta thử đủ cách.

Cô nghĩ như vậy thì cô càng mừng nên cười và nói với ông rằng:

– Ấy vậy, ông không phải một ông hoàng mà là một người đi kêu con hát.

Ông không trả lời mà cũng không cãi lấy gì, lại mời cô bước vào trong. Trước khi đóng cửa lại, ông kêu người bồi phòng rảo tới rảo lui phía ngoài đưa cho một phong thơ và bảo rằng:

– Dem bức thơ mau lại chỗ... địa chỉ trong bao đây. Đi tức thì nghe không!

Rồi đó ông vào lấy chìa khóa, khóa cửa phòng lại mà cố ý đứng khuất đi làm cho cô Mộng Hoa không thấy dạng.

Ông đi ngay lại cô, tay thọt chìa khóa vào túi, miệng lại hỏi êm êm.

– Cô nói sao?

Mộng Hoa nói lại:

– Tôi nói rằng ông giả làm một ông hoàng mà kỳ thiệt ông chỉ là một người đi kêu con hát cho gánh xiết đó mà thôi. Phải không?

Ông nghiêng đầu mỉm cười mà nói:

– Đừng có tưởng bậy... cô à! Cô lầm lẫn, tôi xin nói thiệt rằng tôi là ông hoàng Gia Cát Lợi giả làm kêu con hát chớ chẳng phải là người kêu con hát giả làm ông hoàng Gia Cát Lợi đâu.

Phen nầy Mộng Hoa biết rằng mình đã sa chon vào hang cọp rồi, cô rùng mình và lui lại mấy bước.

Ông hoàng lại nói thêm rằng:

– Chỉ còn một chước đó nữa để mời cô lên đặng đây nữa mà thôi.

Mộng Hoa tức giận nói lầm bầm:

– Xấu hổ quá!

Ông ta cười và đáp lại:

– Không xấu hổ gì; cô nghĩ coi, tôi nghĩ đặng chước gì thì tôi dùng chước nầy chớ sao?

Không có lý nào cô là một người con gái đẹp đẽ dường như cánh hoa mới nở, tài tình có một không hai mà lại đem mình chôn vào một gánh xiết nhỏ nhen như vậy chẳng là uổng lắm sao? Xin

cô hãy tưởng tới mấy điều sung sướng an nhàn mà tôi có thể lo cho cô được vì cô rất đẹp lòng tôi không khi nào muốn rời cô dạng.

Ông khuyến dụ vậy mà ông không chắc được ông cậy dùng lấy quyền lực mà thôi. Mộng Hoa có ác cảm với ông nhiều nhưng sức lực của cô lại không có nhiều để cự lại với ông.

Cô không thèm đáp mà rồi lại đi ra cửa muốn thoát mau ra chẳng dè cửa đã đóng chặt trước mặt, còn hùm to thì dòm chụp sau lưng. Thôi rồi, cô đã biết mình vương bẫy nên cô phát sợ nhưng ráng dằn lòng làm tỉnh để tỏ ý rằng mình không biết sợ là gì hết và lại sẵn lòng chống cự nếu ai bức hiếp mình.

Cô không phải như mấy cô con gái kia mà để ai muốn làm gì thì làm; cô đã tập lòng cứng cỏi từ hồi mới tám tuổi kia mà. Cô biết một người đàn bà là phải làm sao để giữ mình nếu dạng cứng cỏi và quyết ý một chút.

Cô dựa mình vào cửa, hai tay chấp lại sau lưng và mở miệng lớn hơn mấy tiếng:

– Rồi đây?...

Ông hoàng Gia Cát Lợi cũng không phải một người thấy người ta làm cứng mà sợ. Chuyển nẩy hai bên cũng đồng sức, quả là: đôi chín chống nhau.

Ông thủng thẳng bước lại gần cô, và nhẹ nhẹ thò tay cởi lấy cái áo choàng lạnh của cô làm cho cô trống ngực đánh lung tung và phải chùng lại. Ông nói:

– Rồi đây... tôi tưởng cô và tôi, hai người còn phải cần dùng biết nhau nhiều hơn nữa. Bây giờ không nên đứng làm ngoài tiền đường này; cô hãy tin lòng tôi, tôi chỉ cần cô lại trong mấy phút mà thôi. Xin cô bước vô phòng khách.

Cô bước theo ông, ý muốn dùng cái tài biện bác của mình và trí đang suy nghĩ coi phải làm cách nào thoát thân cho dạng mà không sanh chuyện lời thôi tại đây.

Ông lại nói tiếp:

– Tôi muốn đãi cô một buổi tiệc ở đây dạng đàm luận cùng nhau. Cô nghĩ sao?

Mé ngoài có tiếng người gõ cửa. Lòng cô Mộng Hoa bây giờ có đặng chút hy vọng, không chừng có người nào đi kiếm cô và cứu cô khỏi đặng.

Ông hoàng đi lại mở cửa nhưng chỉ mở hé một chút thôi. Người đứng ngoài nói nhỏ hai ba tiếng gì đó rồi thì ông hoàng đóng cửa lại; Mộng Hoa không kịp ra hay kêu gọi gì hết.

Ông ta phen này cũng đóng cửa lại kỹ lưỡng rồi đi vô.

– Bây giờ cô có thể ở đây lâu đặng khỏi phải ai làm rộn và đành xiết cũng chẳng ai kêu cô về hát nữa. Thế thì cô đành lòng hay chưa?

Giận quá và cũng sợ cho sẽ mang điều nhơ nhớp trên cô mất hết trí tỉnh mà nói rằng:

– Ông nói sao lạ vậy? Ông phải biết rằng đúng bây giờ thì tôi phải có mặt tại gánh xiết chớ?

Ông lắc đầu:

– Không!

Cô lui mấy bước hai tay đè lấy ngực:

– Không hả?...

– Không, tôi có gởi bức thư cho ông chủ của cô, nói rằng tôi cầm cô lại vì có một chuyện cần kíp lắm. Mối đây thằng bồi phòng trở lại nói rằng nó đã đưa thơ tận tay ông rồi.

Giận quá, cô dần không đặng, mặt đỏ, hai mắt ngó đăm đăm, miệng nói rồn rần rằng:

– Ôi! khiếp nhục quá! Chuyện của ông làm sao nó xấu xa quá... Ông để cho tôi ra bây giờ lập tức không? Ông nghe chẳng?

Ông thử làm cho êm cho bớt nóng một chút. Ông tưởng nói cho cô nghe ai dè cô cho nói như vậy là khinh bỉ cô lắm.

– Thôi mà đừng làm dữ... Cô à! Tôi không có ý nào làm cho cô mất sở dẫu mà hòng giận. Trong thơ tôi có ghim theo một số bạc khá nhiều để bù cho ông chủ cô cái lỗ bữa nay.

– Không! Không! ông tưởng tôi tham tiền tiếc sở, ông không đặng làm mất tự do của tôi, ông muốn dùng quyền lực mà bức tôi thì tôi quyết liều sống chết thôi.

Một người đàn ông, ông không còn sợ thay, lẽ mà ông lại chịu thua chị đàn bà. Ông đưa hai tay ôm lấy cái vóc mình của cô.

Mộng Hoa bị vậy nhưng vẫn giữ can đảm mà giữ mình. Cô nhảy trái ra sau, quyết ý phen này phải chống cự đến cùng. Cái người này đã quyết định như vậy rồi, cô biết rằng không khóc lóc, không năn nỉ khẩn cầu gì để mà làm cho dặng lòng dặng. Vả lại ông ta có cái lòng cứng như đinh, dạ như sắt, không biết thương xót gì ai, giọt nước mắt không làm cho mềm dặng, ông xem mấy người đàn bà cũng như món động để cho ông vui chơi vậy.

Gần đấy một cái bàn, cô thấy có gấn máy nói. Cô bèn đi ngay lại đó, nắm lấy và đưa lên miệng.

– Allo! allo! Mau... Mau...

Ông hoàng cũng chẳng chịu nhịn thua. Nhẹ bước, ông lại sau lưng cô, móc túi lấy ra một con dao mà cắt đứt tước sợi dây.

Ấy vậy, Mộng Hoa không còn thông tin tức gì với ai dặng nữa, cô ở đó một mình phú cho ông nấn tròn bẻ méo.

Mộng Hoa ban đầu mới vừa dặng nghe nhà dây thép chánh trả lời, bỗng khi không vùng lạnh trang, không còn nghe tiếng tằm gì nữa.

Lấy làm lạ, cô quay đầu lại thì thấy sợi dây đã đứt mất.

Bây giờ không! phải đứng đó hoài dặng; cô không thể mở cửa mà ra thì cô tính phải thoát nơi cửa sổ. Cô đi ngay lại mấy tấm màn và vén nó lên. Mặt trời sụp mất, hơi tối mù mù, ngoài bể kia gió thổi ào ào, ba đào sóng dợn rồi lại dật úp vào vách đá, chom chồm như guom.

Cô ngó đầu ra mà lạnh mình, dưới mắt thấy rõ một vực sâu.

Gieo mình xuống đây thì cái chết bên lưng. Đã vậy thây lại tả toí, tan nát ngày đêm theo ngọn gió giồi, đánh đập vào mấy mảnh đá to làm cho rã rời trăm miếng.

Tiếng nói của ông hoàng vẫn vẫn bên tai:

– Đây biển, kìa non, đó trời nọ nước, cảnh lắm đa tình sao người đi vô ý?

Cô lấn ông, xô ông ngã vào vách rồi chạy trốn trong phòng ngủ.

Một cái cửa sổ trong này cũng day mặt ra biển vực sâu, nhưng mà ngang phía bên kia có một cửa khác. Cô đi qua phía đó và vịn chốt mà mở bét ra.

Cô nghiêng mình xem thì thấy ngay dưới ấy là một cảnh vườn của khách sạn, cây cỏ sum sê, có nhiều gốc dương và thông to lớn ngọn cao gần tới.

Cái tiếng của ông hoàng Gia Cát Lợi nói theo cô. Ông cũng đi sau cô mà vô phòng ngủ và nói nho nhỏ rằng:

– Lầu này có bốn tầng, mà tầng này là tầng chót cô à; tôi muốn ở mấy tầng cao, bởi vì trên cao xem thấy rõ phong cảnh hơn là để cho mình nói chuyện chơi không ai nghe thấy.

Ông không đoán trước được rằng cô Mộng Hoa sẽ tính làm gì. Liếc mắt một cái cô cũng đã nhắm đặt, đây xuống đó là bao xa, rồi chăm chỉ xem những vật nào, món nào có thể giúp cho mình đặt.

Cô nghiêng mình ra ngoài và leo đứng lên trên.

– Coi chừng!... khéo đa!...

Ông hoàng nói rồi thì cô cũng đã nhảy rồi.

Ông la lên một tiếng nhưng không thể nào nhảy tới kịp mà bắt cô lại đặt.

Ông đi tới ngó mình ra xem thì thấy mấy cây thông gần đó còn đang rung rinh và đánh lên đánh xuống.

Ông cũng hơi khiếp đi một chút nhưng ráng gượng làm tỉnh và nói một cách thông thả rằng:

– Hại quá!

Rồi đó ông không thềm lo nghĩ gì nữa. Ông chẳng tưởng rằng cô nọ chết rồi hay đặt được nhánh cây, ông không biết đặt mà ông cũng không muốn biết chi hết.

Tuy vậy mà, không nghe đặt chi nữa, ông chắc rằng đang ở trên mấy nhánh cây và phải ở luôn trên đấy sáng đêm vì cội cây đã thật lớn mà lại chẳng có nhánh thấp thì thế gì xuống đặt.

Ông cho rằng đó là một bài phạt đích đáng.

*

Mộng Hoa không chết mà cũng chẳng phải mắc trên cây.

Một cô đào hát xiết có sẵn trong tay, trong mình mấy miếng nghề mà đàn bà chẳng thể có được. Thường nhào, thường múa hay thường bắt lấy cái đu, bây giờ nhảy bắt lấy một nhánh cây thì cũng như là một chuyện chơi không khó gì.

Mộng Hoa bắt nhằm một nhánh cây chắc nên tuy nó đưa lên hoàng xuống chịu nổi sức nặng của cô, không gãy.

Mộng Hoa đợi cho hết hoàng hoải rồi thì xích tới xích lui, lấy trớn nhảy qua nắm một nhánh khác. Cô biết cô ở trên cao cách mặt đất mười thước vì con mắt của cô thường quen độ những đồ xa.

Mười thước là quá cao không thể nhảy xuống được.

Cô nhắm một cây gần đó, rồi hai tay phăng phăng đi ra ngoài ngọn đợi cho cái nhánh của mình đeo gãy đi.

Tiếng kêu rộp rộp. Nhánh cây gãy lìa.

Mộng Hoa đã lẹ mình phốc tuốt qua cây nọ, hai tay ôm chặt.

Bây giờ, xuống đất là một chuyện chơi; cô tuột xuống và đứng dưới ngó lên nghe thở dài một cái. Cô đã thoát khỏi tay ông hoàng Gia Cát Lợi mà lại cũng thoát khỏi chết nữa. Cô có thể về gánh xiết kịp giờ hát, nên mừng quá, ngược mặt ngóng lên cửa sổ, đưa tay chào và nói hơi kêu ngạo rằng:

– Chào ông, em về.

Cô tìm ngã ra khỏi vườn và cũng may không gặp được một người nào cả.

Tới đường cô vừa đi vừa chạy về rạp xiết vừa phủ bụi bặm dính trên áo.

Chương XI **LẠI MẤT LÝ TỐ**

Chờng ấy cũng hơn tám giờ rồi, trong rạp xiết xem có vẻ chộn rộn lắm.

Mộng Hoa chạy về gian phòng của mình vừa lẩn người ta, vừa xô ngã ghế.

Trước mặt phòng hát ông Ba Lợi Ty đứng giữa những đào kép, người dọn lớp, mà xem gương mặt ai ai cũng áy náy và tức giận lắm. Nhút là ông chủ xiết, ông ra bộ tịch, xô người này xô người nọ vừa nói chuyện coi bộ giận dữ lắm.

Chỗ ngồi người ta choáng gần hết mà trên giàn thì đã chật cứng rồi.

Mộng Hoa nghe tiếng ông chủ la rằng:

– Rối quá!... Bây giờ biết tính làm sao.

Cô đưa tay lên cao vừa ngoắc vừa kêu rằng:

– Tôi đã về đây... đừng lo sợ gì nữa. Chừng năm phút nữa tôi sẽ ra làm tổng đặng, xin ông cho đổi cái lớp của tôi lại sau, có sao đâu...

Còn anh Lý Tố đâu, anh sửa soạn xong chưa?

Ông bầu rất mừng vì thấy đào nhút mình về đặng đúng giờ, ông đi ngay lại cô còn mấy người kia cũng vững lòng, đều rã tan đi, ai lo phận nấy.

Hai người cùng vào trong gian phòng Mộng Hoa.

– Con về đây... may quá, mà còn anh Lý Tố ở đâu?

Cô vừa muốn cởi áo, mấy ngón đương nắm lấy nút, nghe ông nói vậy thì day qua ngó ông gương mặt đã có hơi lo rồi.

– Anh Lý Tố không có đây sao?

– Không?

– Vậy chớ ảnh đâu?

– Thì nó đi kiếm con, con không gặp sao?

– Không!

Mộng Hoa nói rồi, nắm lấy áo ông, giựt giựt mà hỏi tới rằng:

– Anh kiếm tôi!... Kiếm làm gì,... vậy thì ông với ảnh không biết rằng tôi đi một chút về hay sao?

Cô chẳng nhớ bức thư của ông hoàng Gia Cát Lợi viết, trí cô đã lộn xộn rồi, và lòng cô khỏi lo sợ.

Ông Ba Lợi Ty móc túi lấy ra đưa cho cô bức thư và nói:

– Đây này bức thư mới được hồi nãy bởi giờ nhà không ai chờ con về hết thầy.

Mộng Hoa cầm lấy mảnh giấy tốt màu xanh xanh đọc mấy chữ lớn mực đen như vậy:

Cô đào Mộng Hoa đêm nay không về hát đặng, vì cô mắc đi dùng một bữa cơm tối với tôi. Tôi gọi theo đây một số tiền để đền bồi cái lỗ lả đêm nay vì cô vắng mặt.

Cô cầm thư vừa đọc vừa rung, đọc rồi cô quăng xuống đất vừa hỏi:

– Rồi anh Lý Tố làm gì?

– Thì tự nhiên nó không muốn như vậy... nó chạy đi kiếm con về chớ sao? Khi không nó vùng bỏ đi không hỏi ai nhưng mà thấy tội nghiệp, cũng chẳng giận, chẳng kể tội nó làm gì. Chắc con không dè rằng ở nhà nó đợi con về lung lăm... người ta nói con không tưởng tới nó!

Mộng Hoa la một tiếng ngã dựa mình vào vách.

Ông Ba Lợi Ty không hiểu rõ ý cô, ông tưởng rằng không có Lý Tố thì cô không chịu làm tuồng với ai đặng nên ông bảo rằng:

– Ô, không sao đâu, nó sẽ về... bây giờ đây, bảo một đứa khác làm thế cho nó chớ gì. Tuy rằng không đặng hay bằng mà tưởng ai không mấy ai biết thấu đâu. Phải biết rằng khán giả phần đông xem hát đều không biết gì hết.

Lo quá, giận tức quá, cô đứng lại nắm áo ông và gạn hỏi đủ điều, không tưởng gì tới giờ hát mà ngoài kia, nhạc đã sắp nổi trống lên và mấy anh hề đều sắp hàng sửa soạn đi ra. Cô chỉ tưởng tới cái tánh mạng của người thương mình.

– Ông không biết rằng anh Lý Tố gặp phải ông khách nào. Tôi biết ảnh, tôi cũng biết cái người giống ảnh nữa, hai người sẽ đánh giết nhau... Phải lập tức đi kiếm anh Lý Tố về mà thôi.

Ông Bầu coi bộ rối lung tung ông không dè cái chuyện nó rối như vậy:

– Thì bây giờ phải theo kiếm nó chớ sao!

Mộng Hoa trả lời:

– Phải mau chớ!...

Ngoài kia nhạc đã nổi rùm lên và tiếng người nói chuyện om sòm.

Người này rầy người nọ, người nọ hỏi người kia. Anh này đuổi voi thụt vào chuồng, anh khác sắp dẫn ngựa ra. Ấy là những tiếng chộn rộn trước bữa hát nào cũng có vậy.

Thình lình nghe tiếng vỗ tay rùm lên và nhạc đã nín êm.

Ông Ba Lợi Ty giật mình và nói:

– Không được, tới giờ hát rồi, phải lo mới đặng, thay đồ mau đi còn chuyện rồi đây sẽ nói.

Ông bầu đi, cô đào đứng lại một mình chết sững, rồi thủng thẳng bước vào gian phòng của mình lo thay đồ ra hát.

Thuở nay không mấy người thấy đặng lăm cảnh nghịch đau thương, thường xảy ra trong cái đời của gánh xiệt.

Mỗi khi vương mang nhâm lấy cái cảnh như vậy, thì những người mà sống để cho thiên hạ được vui lòng sướng mắt ấy, trước khi tưởng nghĩ tới những nỗi đau thương của mình, phần cho tròn bốn phận mình trên sân khấu cho đáng đồng tiền người xem hát bỏ ra.

Kiếp đời có khi thảm khổ thật. Cái danh giá mình chỉ ở trong câu này: "Không nên thiếu sót vai tuồng".

Mọi sự đều xảy ra cho mình đặng. Mặc dầu mang bệnh cũng chẳng thể từ chối mà chẳng rất với công chúng. Phải dôi phần cho cái da mặt xanh dòn của mình xem tươi tắn, phải tỏ ra cho người ta thấy mình vui vẻ tươi cười dẫu cho mình mắc lấy sự buồn nát ruột bầm gan cũng vậy nữa.

Phải làm theo điều giao ước là: Làm cho vui lòng khán giả.

Ấy cũng là một cái phận sự cũng như phận sự quân binh; tuy không được cao trọng bằng, nhưng cũng là phải giữ cho tròn để bảo tồn lấy danh vọng của mình luôn vậy.

Không có một người xem hát nào mà con mắt thấy đặng cái vết thương đau đớn trong lòng của kẻ đang đứng trước mặt mình, làm cho mình vỗ tay reo mừng, hoặc phập phồng lo sợ. Kẻ ấy phải

đề nén cái lòng của họ, mà ra, mà chào... mà cười, nói vui vẻ rồi chùng nào xây mặt trở vào buồng, chùng ấy sắp sau mới ôm gối than thở, chảy giòng nước mắt, bắt đầu cho lòng mình đau đớn lại.

Mộng Hoa khi bấy giờ cũng sa vào trong cái cảnh ấy, mắt phải cái luật góm ghê ấy nó buộc lòng nhi nữ.

Cô đang sấm tuồng.

Cô phải dậm phần ba lần mới xong vì nước mắt của cô chảy ra tầm tã làm cho trôi phần chảy son đi hết.

Một người lại đứng trước cửa cho hay:

– Tới phiên cô... Mộng Hoa!

Cô đáp lại giọng buồn bã:

– Một chút nữa.

Cô mau đội mũ lên, soi kiến một lần chót rồi bước đi ra.

Ông bầu Ba Lợi Ty đứng trước cửa buồng trí đang suy nghĩ lo ngại lắm. Chùng ông thấy dạng cô lộ ra gương mặt vùng lộ vẻ vui mừng, ông ngó ngay lại giàn đờn và đưa tay lên.

Mọi việc đều lo xong hết, khán giả ngồi êm chẳng ai hay biết.

Nhạc khởi đánh rùm lên.

Được nửa bản Mộng Hoa trong buồng chạy ra, lệ làng đẹp đẽ như một con bướm bướm, rồi đó thì tiếng vỗ tay nghe vang tai điếc óc.

Cô đứng ngay lại, chào trước một cái rồi chào qua chào lại, từ hữu qua tả và nhẹ mình bước đi lại sợi dây, hai tay nắm lấy phăng lần lần lên tới cái đu treo ngay đó.

Đang lúc ấy, cô nghiêng mắt ngó anh hề sấm tuồng thế cho Lý Tố đang nằm ngay dưới đất.

Tuy lòng cô bán loạn như vậy nhưng cô còn dặng chút hy vọng. Anh hề nầy mặc đồ của Lý Tố mà có phải đó là anh Lý Tố hay không?

Nhưng anh nọ của mình thì cô đã biết là chẳng phải rồi. Đào kép thường có thể mặc một thứ áo quần như nhau, sửa soạn, vẽ mặt vẽ mày y nhau, mà rồi mỗi người đều có mỗi cái vẻ khác nhau, cái tướng, cái cách khác nhau. Mỗi người đều có cái vẻ riêng của mình, mỗi người đều làm theo nghề riêng của mình không ai giống ai dặng.

Anh hề nọ nắm lấy cây đòn trong tay và mở miệng ra thì Mộng Hoa đã biết là không phải Lý Tố, người yêu của mình rồi.

Lòng cô đã bị một vết thương đau đớn lắm...

Tuy vậy mà rồi hai người diễn lớp ấy không lỗi một nhịp nào, không làm cho công chúng nghi được rằng lòng mình đang nát ngấu như tương.

Trong lúc nghỉ, cô ngồi trên đu, thông hai chơn xuống, hai tay cầm khăn lau mồ hôi, rồi ngó xuống thấy anh hề nọ đứng dưới thì ngược mặt lên và day mình vô trong cho không ai thấy để lau nước mắt chảy dài bên má.

Dưới đó là nơi cô thường thấy anh Lý Tố cười, ngó vui vẻ cùng nhau mà quên cái mệt. Hôm nay cũng có một người dưới đấy, cái xác thì giống anh Lý Tố mà không phải thật là Lý Tố, cái hồn không phải hồn anh Lý Tố làm cho cô chết điếng trong lòng, sợ cho cô phải ngẩn ngơ buông tay rớt xuống vậy.

Thảm thiết thay! Đau lòng thay!

Đã vậy mà trò ấy dài, phải diễn lâu, trông cho nó mau hết đi vô cho rồi.

Không muốn cho đông dài, Mộng Hoa mau chạy vô buồng nhưng mà ngoài kia tiếng vỗ tay khen rộ, ông Ba Lợi Ty đứng ngay cửa vô, ông xô, buộc cô trở ra làm cho cô phải nghe lời hiện mặt trước công chúng một lần nữa là đưa tay lên, nghiêng mình cúi đầu chào, mà khó nhút là gượng cười duyên với mọi người hết thấy.

Rồi đó, buổi hát đã vãn, màn hạ xuống, người người đứng dậy ra về, cả thấy đào kép đều xúm lại vây chung quanh mình Mộng Hoa.

Ai cũng biết hề vãn hát rồi thì làm sao Mộng Hoa phải mau mau đi kiếm Lý Tố chừng này mà không nghe anh về lại chẳng thấy nghe tin tức gì hết. Mộng Hoa không thiếu người giúp sức. Anh em, chị em đều sẵn lòng theo cô nhưng mà cô từ chối không cho ai theo mình. Cô muốn đi một mình, mà không đi nữa thì có ông Ba Lợi Ty là cô bằng lòng đi với cô vì cô tin cậy lấy ông.

Bởi vậy liền đó cô vừa chạy vào phòng một phút thì đã bước trở ra áo xiêm thay đổi xong rồi hết.

— Thôi! Đi ông!

Muốn cho ông bầu đi theo thì phải dẫn lòng đợi ông thay đồ lâu lâu một chút. Ông thương Lý Tố, ông cũng muốn đi mau nhưng ông không còn nhậm lệ được nữa. Ông lầm bầm rằng:

– Đợi một chút mà! Bận bộ đồ xanh lét này mà đi ra đường sao dặng?

– Cô phải đứng chờ ông cởi cái áo xanh ra, còn cái quần chật ống ấy ông để nhàu như vậy vì thay ra thì mất công lâu lắm.

Ông lấy một cái quần khác ống rộng mà tròng vào, kiểm áo bận vô xem coi lỗi thôi hết sức vì thuở nay ông có tính như vậy.

Hai người ra đi.

Ngoài đường vắng, đi một dỗi thì gặp vài người coi hát về trễ và một hai cái xe qua lại. Đêm thanh cảnh tốt, trên trời mấy ngôi sao tỏ rạng, tai nghe sóng biển đánh âm âm vào mấy hòn đá lom chom trên bãi cát.

Hai người cứ việc đi không màng gì thấy, không kể gì nghe những điều gì hết.

– Mau! Mau! Không nên trễ một phút nào. Mộng Hoa hối nãi ông bầu Ba Lợi Ty mau đi tới Sa tiên lữ quán. Cô nghĩ rằng anh Lý Tố mắc phải chuyện không lành rồi.

Trong lòng của cô bây giờ rối rắm lo sợ lắm. Cô biết cái tánh nóng nảy của anh Lý Tố mà cô cũng biết rằng lòng của ông hoàng Gia Cát Lợi thì chẳng nguội gì e khi nó đốt cháy nhau.

Cô cho rằng hai người, gương mặt và hình tướng giống nhau cho tới tánh ý gì cũng chẳng khác nhau là không bao giờ ai lại chịu thua, chịu nhịn ai.

Hai người đều nóng nảy, hai người đều hăng hái?

Nhưng mà Mộng Hoa thấy hai người có chỗ khác nhau: Lý Tố nóng nảy là vì không cho ai hiếp mình hoặc hiếp kẻ khác còn Gia Cát Lợi là nóng nảy hăng hái theo như loài thú dữ gặp ai không vừa ý thì muốn giết không tha. Cô nhớ tới cặp mắt hung bạo của ông, cô tưởng tới cái mưu sâu kế độc của ông là hồi chiều thì cô càng lo sợ hơn nữa. Cô nắm lấy tay ông Ba Lợi Ty mà kéo tới:

– Chạy mau ông!

Ông Bầu đứng trân lại mà ngó cô:

– Muốn chạy thì chạy một mình đi, chớ cái bộ giò già này lỏng rồi không chạy nổi đặng đâu!

Thôi, mau gì, chậm gì cũng phải đợi ông. Một người ráng đợi, một người ráng theo, từ rạp xiết mà lại tới Sa tiên lữ quán trong mười phút đồng hồ thì mau rồi nhưng vì Mộng Hoa trông cho tới cho nên cô xem lâu lắm.

Anh gác cửa lấy làm lạ mà thấy mấy người nầy tới trước cửa nhà hàng mình trong giờ nầy. Khách ở nhà hàng không người nào ăn mặc lôi thôi như vậy.

Anh đó lại mà hỏi một cách không cung kính chút nào hết, dường như hỏi một kẻ hèn thấp:

– Mấy người nầy đi đâu?

Mộng Hoa mau miệng nói:

– Muốn đi thăm ông hoàng Gia Cát Lợi ngay bây giờ. Ông đang đợi chúng tôi đây.

Anh gác cửa tỏ dấu không tin, anh dlay mặt ngó người cai quản nhà hàng đang dọn dẹp bàn viết đặng đi ngủ rồi cười lạt mà rằng:

– Mấy người kiếm ông hoàng Gia Cát Lợi hả?

– Phải! Mau được không?

– Không! giờ nầy ông mắc ngủ, ông không tiếp ai hết thầy đâu.

Mộng Hoa tức mình vỗ bàn một cái rầm làm cho người cai quản nhà hàng cũng phải giựt mình rồi lên giọng rống rặng ngang tàng rằng:

– Không đâu! Tôi muốn thấy mặt ông hoàng Gia Cát Lợi mà thôi. Nếu chẳng đặng thì tôi đứng đây hoài không đi đâu hết.

Người cai quản nhà hàng thấy bộ tịch Mộng Hoa như vậy thì biết rằng cô muốn thấy mặt ông hoàng Gia Cát Lợi đặng nói một chuyện cần kíp gấp rút gì đây nên ngó ngay cô mà tỏ giọng êm rằng:

– Cô không thể gặp hoàng Gia...

– Sao vậy?

– Ông đã trả phòng mà đi rồi.

Mộng Hoa lui lại một bước, cô không dè chuyện lỡ làng làm vậy.

– Đi rồi hay sao?

– Đi có khi đặng một giờ rồi. Có người lại kiếm ông, dắt ông đi; bây giờ đây ông đang ngồi trên xe lửa. Ông đi tìm chỗ cao sang tôi biết nhưng không lẽ nói ra đây.

Mộng Hoa chơn đứng không vững dường như bị ai đánh ngang hông. Cô mở miệng tiếng nghe nho nhỏ và ngập ngừng rằng:

– Ông đi đâu... đi ngã nào ông biết không?

Người nọ làm thỉnh suy nghĩ giây lâu mới chịu nói:

– Ông đi về nước Y Lợi Sĩ. Người ta tìm rước ông về nối ngôi cho cha ông mới bằng.

Mộng Hoa liếc mắt ngó thấy ông Ba Lợi Ty tỏ hơi nghi rằng người ta phỉnh mình thôi.

Ông chủ gánh xiệt nãy giờ làm thỉnh không nói một tiếng gì, bây giờ nghe vậy thì bước tới sát mình người nọ, hai tay nắm lại là như muốn đánh lộn và nói hơi cứng cỏi lắm như vậy:

– Thôi đi, ông đừng nói gạt chúng tôi, không được. Khi nãy đây ông hoàng Gia Cát Lợi có tiếp một người khách, tôi muốn tìm người khách đó mà chẳng biết có xuống chưa. Ông thấy không?

Nghe vậy người cai quản lữ quán ấy muốn nói dứt đi cho rồi nên mở miệng rằng:

– Người ta lên xuống dập đầu làm sao biết đặng cho hết mà nói. Còn ông hoàng Gia Cát Lợi thì ông chỉ xuống có một mình lại với mấy người...

– Mấy người nào?

– Mấy người bên nước Y Lợi Sĩ sai qua rước ông.

Chương XII **LÝ TỔ ĐI ĐÀU**

Lý Tổ xem đặng bức thư ông hoàng Gia Cát Lợi gởi cho ông Ba Lợi Ty thì anh không nói gì nhưng tỏ bộ nóng nảy bức rức lắm. Lày quày một hồi, anh đi đâu mất không ai thấy, làm cho ông chủ gánh xiệt càng thêm lo lắng hơn nữa.

Anh chạy riết tới Sa tiên lữ quán hỏi thăm ông hoàng ở phòng nào, từng thứ mấy rồi tự mình đi tìm tới chỗ không cần cây anh bồi dất. Anh không muốn cho ai hay, thấy chuyện của anh.

Thang máy đang rút đem một người lên, anh chẳng thể đứng không mà chờ đợi nên lại thang lầu vừa chạy vừa nhảy.

Anh tìm tầng phòng số 300 rồi thì mau tay gõ cửa.

Ông hoàng Gia Cát Lợi bước đi mở cửa.

Khi ông vừa mới thấy mặt anh khách nầy thì ông muốn đóng cửa lại không thèm nói chuyện nhưng anh Lý Tố đã mau để chon vào trong rồi. Anh xô cửa đi luôn vô và nói xằng rằng:

– Đừng có trông đuổi tôi ra đây, nghe không ngài. Hễ tôi muốn vô thì tôi vô chừng nào xong chuyện thì tôi ra, tánh tôi làm vậy.

Ông hoàng biết rằng đây sẽ có sanh rầy. Ông là chẳng biết sợ, lẽ nào ông sợ anh Lý Tố, nhưng ông không muốn cho anh làm om sòm người ta ở phòng hai bên nghe đợi nên ông đóng cửa lại rồi mời anh Lý Tố xích vào trong.

– Thôi thì cứ việc đi vào, bởi vì là tại ý anh muốn làm vậy.

Trước khi nói anh dòm chung quanh mình con mắt xem chừng coi thấy Mộng Hoa đâu không.

Phòng khách trống luống.

Anh hể đi ngay lại ông hoàng, ngó mặt ông và hỏi hơi gay rằng:

– Mộng Hoa đâu?

Ông hoàng không nao núng gì, ông thọt hai tay vào túi áo, hai chon đứng dạn ra, xích tới xích lui, kêu ngạo anh như vậy:

– Sao anh không mang con ngựa giấy của anh lại cho tôi xem? Tôi ưa lắm.

Ông ngạo Lý Tố vì hôm nọ trong gánh xiệt ông thấy anh sầm tuồng như vậy và ông cũng đã có nhạo rồi.

Ngực của Lý Tố phùng ra lớn. Anh không thể nghe đợi mấy lời người ta sỉ nhục mình như vậy.

– Chuyến nầy tôi không phải lại đây mà điếu với ông đâu. Tôi đi tìm một người con gái mà ông dùng quyết kế dụ lại đây; tôi nói

thiệt cho ông biết rằng nếu không kiếm được nàng thì tôi sẽ không bước chon ra chốn này đâu.

– Ông diều cợt với tôi không ích gì, còn nếu ông muốn kêu ngao tôi thì ông phải coi chừng kéo mà mang hại.

– Mộng Hoa đâu? Ông đừng làm bộ không biết.

Lý Tố vừa nói vừa tới trước mặt ông hoàng. Phen này hai người chỉ đứng cách nhau độ một bước.

Thình lình, anh Lý Tố bất ngờ, cánh tay ông hoàng Gia Cát Lợi bung ra một cái mạnh.

Thoi ấy trúng ngay mặt anh Lý Tố mạnh cho đến đôi anh gương không lại gật gờ gật gương rồi ngã ngay xuống đất mất thở.

Ông hoàng kéo tay áo lại cho thẳng thớm vừa nói:

– Ấy vậy một lần cho biết, sau này đừng có xen xĩa vô trong chuyện của người ta.

Ông nói rồi, đi lại lấy cây gậy sắt nhọn của ông, gậy này ông đã dùng mà giết không biết bao nhiêu mạng rồi, phen này dường như ông muốn dùng nó nữa vậy.

Lý Tố rán găng gương chỗi dậy.

– Muốn kiếm Mộng Hoa thì kiếm đi, bằng kiếm không dặng thì chết luôn đây đừng thềm ra nghe không!

Lý Tố mình còn đau nhưng chẳng khỏi giận thêm dặng. Anh chẳng biết rằng người nghịch của anh muốn làm gì đây nữa. Khi anh dậy dặng, đứng vững vàng rồi thì anh mới thấy chàng sở Khanh ở Sa tiên lữ quán này muốn giết anh nữa.

Anh la lên, không phải cái giọng sợ hãi, vì nếu anh có đề phòng trước thì anh không thua gì ông nọ:

– Đồ ăn cướp!

Anh la như vậy mà thôi, chớ không làm gì, không cử động tay chon gì. Anh đứng chờ, ông hoàng đi tới gần anh, tay cầm gậy đưa ra khỏi đầu mà chừng ông vừa đánh xuống thì anh nắm lấy mà giựt lại mình.

Anh thấy rằng cây gậy rời làm hai khúc. Ông hoàng nắm lấy khúc trong. Khúc ấy có một lưỡi guom sáng ngời còn anh thì đành đành khúc ngoài cũng như là cái vỏ guom vậy thôi.

Lý Tố thấy cái lưỡi guom ấy thì lòng càng thêm ngáy hơn nữa. Anh không biết sợ là gì, anh nhảy tới bắt lấy cánh tay ông đè xuống và đánh loạn đả. Hai người không ai còn khí giới trong tay.

Ông hoàng tránh né lẹ làng tuy vậy mà anh hề lại lẹ làng hơn gấp mấy; gân cốt anh tập đã quen, mình mẩy anh dẻo lẫm, anh nhảy, anh trở, anh đánh đá lung tung làm cho ông hoàng xây trở không kịp và mặt thở không ra hơi. Tuy vậy chó ông cũng đổ gậy đánh mãi.

Ban đầu còn đánh nhau trong phòng khách sau rồi lần qua phòng ngủ xem càng kịch liệt hơn nữa.

Hai người đánh đấm đá cú nhau đã đời rồi vát ghế mà liệng nhau nữa.

Lý Tố liệng một cái ghế lên trúng nhằm bóng đèn điện bể nát làm cho trong phòng tối đen như mực.

Tối thì vẫn tối còn đánh nhau thì vẫn đánh nhau.

Ông hoàng bây giờ mới thấy sức mình chơi không lại anh Lý Tố vì anh thường luyện tập gân cốt mỗi ngày tuy vậy mà ông vẫn rần sức chống cự không thôi.

Ông thuở nay không chịu lui ai mà cũng chẳng chịu thua ai.

Thình lình ông bị Lý Tố ngồi trên mình chưa vùng vẫy gì dặng thì anh lại lấy tay chặn họng nữa.

Lý Tố hỏi gắt ông một câu, ý không muốn làm hại ông mà cũng muốn cho ông chừa lỗi ăn năn.

— Ông hãy hứa với tôi rằng từ này về sau ông chẳng dặng tìm Mộng Hoa và làm rộn cho cô nữa. Tôi thề rằng tôi tha lỗi cho ông, tha cái chết cho ông.

Ông hoàng có lẽ trong mạch còn chút máu anh hùng, ông tự mình cao trọng mà chẳng chịu nghe theo; ông cho rằng ông là một người lớn, danh giá cao, ông chẳng chịu xuống nước mà thề với một người khốn nạn như vậy, với một kẻ đáng ghét thấp hèn.

Ông chẳng thèm trả lời làm cho Lý Tố giận thêm, đập đầu ông xuống đất nghe độp độp.

– Ông nghe không?... Ông có bằng lòng thề cùng tôi rằng chẳng động tới Mộng Hoa nữa không?

Ông hoàng bị ghen hòng nhưng nói cũng nghe được:

– Cái đó tự ý ta thề làm gì?

Anh hề tức giận quá muốn điên, máu tụ lại hai bàn tay nóng hầm. Mặt mày anh choáng váng.

Tuy vậy mà anh rần dần lòng êm xuống mà không đánh nữa, nghĩ mình là người anh hùng chẳng hiếp người thất thế sa cơ.

Anh không biết tính sao, hai tay cũng vẫn còn nắm chặt cổ ông hoàng.

Bây giờ trong phòng vắng em một chút, Lý Tố rần để trí cho tỉnh táo lại mà nghĩ xem coi mình phải làm thế nào.

Cũng còn để chút lòng nhon, anh hỏi gắt lại rằng:

– Còn một lần này là lần cuối cùng, tôi hỏi ông. Tôi hứa để ông bằng yên nếu ông cho tôi biết rằng Mộng Hoa bây giờ ra thế nào.

Anh thở mạnh và nói tiếp rằng:

– Ông hãy suy nghĩ lại cho cùng cho cạn, hãy hỏi lấy lương tâm của ông cũng như tôi hỏi lương tâm của tôi mà không giết ông vậy.

Ông nói mau đi, cô Mộng Hoa đâu?

Ông hoàng rần gắng gượng đáp lại:

– Anh buông tôi đứng dậy, tôi sẽ chỉ cô ở đâu cho.

Lý Tố nghe vậy nhưng cũng không tin:

– Ông dám thề chẳng?

– Tôi không thề nhưng tôi hứa. Tôi không giống nhau lắm nhưng anh cũng có thể tin đặt.

Lý Tố lưỡng lự giây lâu rồi nghe theo. Anh cho ông đứng dậy nhưng giữ thế luôn luôn.

Ông hoàng Gia Cát Lợi không lật đặt gì đứng dậy, khi ông đứng thẳng rồi sửa lại cái bầu áo cho ngay thẳng và bước đi lại gần cửa sổ.

Lý Tố hỏi:

– Đó rồi...?

– Đó rồi Mộng Hoa nhảy xuống từ chỗ này.

Ông chỉ xuống và nói tỉnh táo như thường, trong con mắt ông tỏ ra một cái dấu cười rằng anh Lý Tố lại đây vô ích.

Chuyện này anh không thể đè nén dặng cái lòng giận của anh nó muốn vọt ra từ nãy giờ. Vừa nghe nói thì anh đã hiểu rằng Mộng Hoa đã vì anh mà quên sinh, vì không muốn cho ai làm nhục mình mà liều chết.

Ông hoàng thấy anh nhảy tới mình. Ông lui lại đứng sát cái cửa sổ day mặt ra biển. Ông không thể tránh đi đâu dặng kịp, ông đứng ngay lại đó.

Rồi đó, ông bị anh Lý Tố dặng tới mạnh quá không khác nào xe dặng. Anh đánh ông loạn đã vạ lập thế mà bắt ông. Ông túng thế phải nghiêng mình ra sau.

Thình lình chon hổng đất làm cho ông hoàng tựa lưng trên bệ cửa sổ vồng lên vồng xuống như một cái cân rồi la lên một tiếng mà rớt ngay xuống vực sâu nơi sóng dập gió dồi muôn năm chẳng dứt.

Anh Lý Tố một mình còn lại trong phòng trên lầu ấy. Bây giờ anh như ngây như dại, mắt ngó theo xuống ấy mà trí vẫn vơ vơ vẫn không biết gì hết. Giây lâu anh định tĩnh tâm thần, anh rung, không phải rung vì sợ mà rung vì làm cho người ta chết một cách thê thảm, vì mình lỡ tay ngộ sát.

Chương XIII **HAI NGƯỜI LẠ**

Chuyện này xảy ra trong lúc đêm khuya.
– Theo ý ông nhắm ông bằng lòng không?

Người hỏi như vậy còn trẻ tuổi, mang một cái áo lạnh choàng ngoài xem rất đẹp.

Một người khác cũng trạc tuổi ăn mặc đồ vỏ, đang ngó lên ngắm nghía nhà Sa tiên lữ quán vùng rừng vai mà đáp:

– Tôi chẳng thể trả lời câu hỏi của ông đặng, ông thơ ký của sứ thần à! có lẽ ông không ung chịu đâu nhưng mà mình đã có mạng lệnh theo đây.

Người trẻ tuổi nghiên mình một cách lễ phép:

– Có lẽ vậy quan năm à! ông biết tánh ý ông nhiều hơn tôi ông gần gũi hơn vậy thì trước khi vào chúng ta phải tính trước nhau đã. Có nên dùng sức mạnh hay không? Ông hiểu hơn tôi rằng nên dùng sức mạnh thì tôi phải cần dùng ông. Phải không?

Ông quan năm lắc đầu:

– Khó liệu quá, không biết lẽ nào. Nếu ông hoàng mà giữ tánh theo như mọi lần nghĩa là cách lối chừng tám năm nay thì tôi tưởng chẳng nên dùng lực với ông. Mấy năm sau này tờ bẩm của sở cảnh sát gửi về xem trong đó thì thấy tính ông coi bộ chẳng đổi gì mấy. Tuy vậy tôi cũng ước ao rằng ông bớt hơn khi trước nhiều.

Người thơ ký của sứ thần vùng cười, bộ vui vẻ lắm:

– Theo đàn bà con gái hoài phải không?

Ông quan năm tới vài bước, đứng trong chỗ tối mà đáp rằng:

– Phải như vậy không thì chúng ta có thể lo đặng, nói đặng. Ông hoàng lại còn nhiều tật xấu nữa kìa, ông nhớ chuyện ông lộn xộn với bá tước phu nhân năm xưa không?

– Không, ông quên rồi, năm đó tôi có ở trong xứ đâu mà biết đặng.

Ông quan năm mỉm cười, ông có tánh hay quên:

– Ông hoàng, hay là ông vua của mình bây giờ đây, có thể kêu được là một người khó chịu. Nếu mà ông thấy ông chơi guơm với bá tước vì chuyện bá tước phu nhân thì ông mới hiểu tôi nói làm sao. Mình sẽ đặng một ông vua cứng cỏi lắm đa!

Tuy vậy chớ con người ta một ngày một lớn thì tánh ý càng chịu dần. Vua của mình mới băng đây, hồi nhỏ cũng hung hăng vậy nhưng mấy năm sau này lại dễ chịu quá.

Hai người bước vào Sa tiên lữ quán.

Không người nào lật đặt mà làm phận sự mình cả. Ông quan năm mời ông thơ ký bước lên thang trước. Gặp người gác cửa, hai ông cậy người ấy vào thưa cùng ông chủ nhà hàng rằng mình có chuyện như vậy... muốn nói với ông tức thì.

Ông chủ nhà hàng mời hai ông vào phòng khách nói chuyện. Ông quan năm để cho ông thơ ký một mình nói chuyện, vì ông cho rằng ông nọ nghề hơn mình.

Hỏi thăm về chuyện ông hoàng Gia Cát Lợi thì ông chủ nhà hàng dường như thạo hết nên tỏ thật rằng:

– Ông hoàng Gia Cát Lợi thì xem bộ không màng gì đến chính trị cả. Ông ngày chí tối đeo đuổi theo – xin cho phép tôi nói ngay – chỉ đeo đuổi theo mấy người đàn bà con gái mà thôi. Bởi vậy trót một tuần nay, đêm nào ông cũng đi coi hát xiệt...

Ông quan năm chận hỏi rằng:

– Đi coi hát xiệt mà có lạ gì đâu? Coi ngựa, con voi, coi khi chó đàn bà đâu có...

Ông thơ ký cười mà rằng:

– Ông không biết gì hết, ông quên rằng trong mấy gánh xiệt có nhiều cô đào đẹp lắm sao?

Ông quan năm sực nhớ lại, ông cười gượng mà đáp rằng:

– Phải... Tôi quên phúc mấy cô đào đi chứ! Đào hát xiệt có nhiều cô đẹp lắm mà cô nào cũng mình mẩy, tay chơn nở nang, đều đặn hết cả.

Bây giờ ông chủ Sa tiên lữ quán mới nói rành ra cho hai ông nọ nghe như vậy:

– Ông nói phải lắm, trong gánh xiệt có nhiều cô đào lịch sự bởi vậy ông hoàng Gia Cát Lợi mới hay đi coi xiệt, mà chắc ông có mê một cô nên đêm nào ông cũng có tại rạp hát hết cả.

Nghe một chút vậy cũng đủ hiểu tánh ý của ông hoàng Gia Cát Lợi là thế nào rồi, bây giờ hai ông muốn thấy mặt ông hoàng tức thì đừng nói một chuyện cần kíp.

Hai người cậy ông chủ phòng dắt mình lên. Ông chủ bèn kêu bồi phòng hỏi lại cho chắc thử coi ông hoàng giờ này còn ở trong

phòng hay là đi đâu rồi; anh bồi trả lời rằng ông hoàng ngày nay không đi đâu hết và bây giờ ông đang ở trong phòng ông, mà có lẽ ông sửa soạn đi nên anh ta thấy ông đội nón trên đầu và mình choàng áo lạnh. Ông chủ nghe vậy liền hỏi:

– Ông có kêu mây hay sao mà mây vô phòng ông vậy?

Anh bồi phòng nghe hỏi, ngập ngừng một chút rồi nói:

– Dạ không! ông không có kêu nhưng tôi nghe như có tiếng động mạnh trong phòng nên tôi chạy lên coi thử.

– Rồi mây có thấy giống gì không?

– Tôi không thấy gì lạ hết. Ông hoàng ở trong sửa soạn đi ra; ông vừa thấy tôi thì ổng đuổi ra liền cũng như mọi khi vậy.

Nghe vậy hai người khách lạ hồi nhau lên phòng ông hoàng Gia Cát Lợi.

Chương XIV **LÝ TỔ ĐI QUA XỬ LẠ**

*L*ý Tổ nhớ lại cái chết của ông hoàng Gia Cát Lợi thì lấy làm bối rối và lo sợ không cùng. Anh ta không mang tội giết người anh cũng chẳng có ý muốn giết người; ông hoàng chết là vì ông muốn hại anh, anh chỉ có lo giữ mình mà rồi sơ ý xô ông nhào xuống hố thăm vực sâu.

Nhưng chuyện đó đã xảy ra vậy rồi biết làm sao?

Nếu giờ này, người ta gặp anh trong phòng này thì anh bị cáo tội sát nhon không chạy đâu thoát đặng; vậy phải làm thế nào, phải liệu làm sao? Anh chỉ còn mấy phút nữa để tìm kế thoát thân, anh phải tìm mau ra. Anh nhớ lại rằng mặt mày tướng tá anh giống hệt ông hoàng thì có lẽ anh giả làm ông hoàng thì không ai thấu đặng. Anh vững lòng một chút và nghĩ nữa rằng:

– Mình giả làm ông hoàng đặng ra khỏi chỗ này mà về cho ông Ba Lợi Ty rõ; mình khuyên cả mấy người trong gánh an lòng rồi mình sẽ lại sở san đàm để thuật công chuyện như vậy lại rõ ràng.

Nghĩ rồi, anh kiểm lấy cái áo lạnh ông hoàng mang lên tay; lấy cái nón đen của ông thường đội đi đêm mà đội lên đầu.

Lúc này là lúc ông bồi phòng chạy vô và cũng lầm tưởng rằng anh là ông hoàng Gia Cát Lợi nên mới nói với ông chủ phòng khi này rằng ông hoàng còn đương ở trong phòng và sửa soạn đi ra.

Lý Tố đuổi anh bồi phòng mau ra vì anh nọ làm cho anh lo sợ lắm, rồi đó anh sửa sắp mọi thứ tự và đợi dịp may mà bước ra. Trước cửa phòng, khách qua lại, lại qua thường lắm, Lý Tố chưa muốn ra vì sợ người ta thấy mà có điều chẳng may cho mình. Nếu người ta hỏi anh một câu ghim anh không trả lời được thì làm sao? Anh sẽ bị bắt đem về bót thì có lẽ anh với Mộng Hoa người nào cũng thất vọng cả, cũng không ai thấy ai dạng nữa. Anh nghĩ như vậy rồi anh sợ, anh không muốn ở lâu, anh muốn thoát ra lập tức.

Anh đứng ngay dựa cửa, kê tai lắng nghe phía ngoài không ai đi động... Anh sửa soạn bước ra.

Thình lình có tiếng bước người đi tới làm cho anh mau bước trở vô. Tiếng chom ngừng ngay trước cửa phòng; liền đó anh nghe có tiếng gõ cửa.

Anh dự dự không biết liệu lẽ nào. Anh làm gan mở cửa ra. Anh thấy trước mặt ba người lạ thì trong trí đã tưởng rằng người ta tới bắt mình.

Anh dựa mình, lưng đụng sát vách, hai con mắt ngó mấy người nọ mà bụng thì suy tính làm cách nào để thoát khỏi tay ba anh ấy. Bụng anh tính mà miệng anh vừa hỏi:

– Mấy người muốn làm gì tôi?

Hỏi rồi anh lấy làm lạ mà thấy ba người nọ người nào cũng nghiêng mình, đầu cúi mà chào anh một cách cung kính lắm.

Người thơ ký của quan sứ thần bước lại gần anh và nói nhỏ nhỏ câu này:

– Thưa Điện hạ, chúng tôi muốn nói chuyện riêng với ngài vậy xin ngài cho phép ông chủ nhà hàng này lui đi; sau nữa chúng tôi xin Điện hạ tha lỗi chúng tôi vì đến làm rộn điện hạ trong lúc đêm hôm.

Nghe vậy thì Lý Tố rõ rằng người nói với mình đây không phải là ông chủ nhà hàng, mà còn hai người kia, người nào là ông chủ?

Anh làm thỉnh một chút mà ngó xuống và nói êm rằng:

– Chúng tôi muốn nói chuyện riêng một chút với nhau.

Ông chủ nhà hàng nghe nói thì biết mình ở đó không nên, nên ông bèn cúi đầu chào một cái bước đi.

Trong ba người này, không có người nào để chút tình nghi gì hết. Ai cũng cho rằng đó thật là ông hoàng Gia Cát Lợi. Ông chủ phòng có thấy mặt ông hoàng một lần nhưng ông dè dặt mà xem cho kỹ vài ba cái nét của hai người nó có hơi khác nhau đôi chút. Đã vậy ông cũng không phải là thầy xem tướng.

Còn nói gì hai người kia, họ cách mặt ông hoàng của họ trót tám năm trời thì tài gì họ không lầm cho dạng.

Ông quan năm đứng nhắm xem Lý Tố kỹ lưỡng lắm, ông cho rằng hai cái vai nóc hơi lớn ra một chút, và gương mặt thì không dạng oai nghi như thuở nọ nữa.

Ông nhắm vậy, không sai là vì Lý Tố này chớ có phải ông hoàng Gia Cát Lợi ở đâu mà không có chỗ khác nhau.

Râu mép mọc sâu hơn một chút, cặp con mắt lạnh lẽ nhưng có vẻ hiền từ trung hậu; dầu có khác như vậy quan năm ta cũng dè chắc rằng đó là hoàng tử nước Y Sĩ Lợi chớ chẳng có lòng tướng khác nữa cả.

Bây giờ vị thơ ký của quan sứ thần mới thốt mấy tiếng, giọng cho hơi buồn thảm rằng:

– Thưa Điện hạ, chúng tôi tới cho điện hạ hay rằng hoàng thượng đã băng rồi, chúng tôi đến đây tìm điện hạ cũng vì có mạng lệnh ở trong mình, điện hạ xem giấy tờ đây thì rõ.

Vị thơ ký vừa nói vừa đưa ra một tờ giấy có đóng ấn rõ ràng cho Lý Tố xem.

– Chuyện xảy ra chẳng may như vậy, tôi lấy làm buồn lắm nhưng bây giờ làm thế nào cũng vô ích. Thôi, mấy ông hãy cho tôi ra, tôi có chuyện cần lắm. Người thơ ký đưa tay ngay ra làm như muốn cản không cho đi và nói như vậy:

– Xin ngài khoan đi đã, hãy đứng lại cho tôi thưa rõ vài lời. Chúng tôi thưa với ngài hay rằng vua cha mới băng ấy mới là phận

sự thứ nhứt của chúng tôi đó thôi; chúng tôi còn nhiều phận sự khác nữa quan hệ hơn nhiều...

Ông ta nghĩ hơi một chút rồi tiếp rằng:

– Hoàng thượng băng rồi...

Nghe đằng mới mấy tiếng, ông quan năm làm thỉnh không đằng mở miệng la rằng:

– Hoàng thượng Vạn tuế!...

Ông thư ký nghe vậy thì day lại ngó ông, gương mặt hơi gay nhưng không muốn có chuyện cãi cộ trước mặt ông hoàng nên phải buộc lòng làm theo như ông nọ, song tiếp rõ hơn một chút.

– Hoàng thượng vạn tuế!!!

Lý Tố lấy làm khó chịu lắm, hai con mắt thì ngó hai người nọ luôn luôn. Phải anh đừng đóng nhảm cái vai tuồng rất nguy hiểm này thì mặc sức cho anh cười vì thấy cái lầm to của hai anh chàng lạ mặt nọ.

Anh bước chon lẩn lại vách, nhưng mà ông quan năm ổng làm như biết ý anh nên bước theo bên anh luôn.

Túng quá anh phải hô rằng:

– Hoàng thượng vạn tuế!... Phải rồi, mà bây giờ mấy ông đợi tôi làm gì đây?

– Chúng tôi xin điện hạ đừng đi đâu hết mà lại phải theo chúng tôi, đi chuyến xe đêm về nước ngay, đi bây giờ kéo trễ. Vậy kể từ ngày nay, điện hạ khởi sự bước lên ngôi báu sửa trị dân lành và chúng tôi đây hứa sẽ tận tâm tận lực một lòng vua giúp giang sơn.

*

Họ lầm mình chừng nào thì Lý Tố càng lo sợ cho mình chừng đó. Anh ta muốn giải cái lầm ấy ra cho hai người nọ biết, và thà là bị bắt đem về bót còn an lòng hơn là theo hai người lạ mặt tới một xứ gì đâu mà thuở nay mình chưa từng tới. Anh sửa nét mặt nghiêm trang mà thú thật như vậy:

– Mấy ông lầm rồi, tôi thật không phải là vua của mấy ông đâu. Tôi có bằng có rõ ràng.

Đáng lẽ ông thơ ký phải dùng lời lẽ khôn ngoan mà đáp lại chẳng dè ông quan năm nhay miệng huốt rằng:

– Thưa điện hạ, ngài đừng nói như vậy không nên nữa đâu. Có hơn mười năm nay ngài bỏ xứ mà đi; bây giờ trong nước đang cần dùng ngài, kêu ngài về, chờ ngài về tới, lẽ nào ngài lại từ nan mãi đi sao? Ngài phải về tức thì mà lên ngôi báu vì cả triệu dân trong nước đang ngóng trông ngài vậy.

Lý Tố trán nhỏ mồ hôi, ngực nhảy thịch thịch, anh suy nghĩ giây lâu rồi nói ngập ngừng như vậy:

– Tôi bằng lòng theo mấy ông nhưng bây giờ tôi phải trở lại gánh xiếc trước đã... tôi muốn nói chuyện với mấy người ở đằng, người ta đang trông đợi tôi lung lắm.

Ông quan năm vẫn đứng choáng trước cửa phòng luôn luôn, ông vừa lắc đầu vừa nói ngay rằng:

– Bẩm ngài như vậy không được đâu vì mấy tháng trước đây có người đi tìm ngài về nước, ngài cũng nói để ngài đi thăm người ta rồi ngài đi mất kiếm không dạng. Phen này chết sống gì chúng tôi cũng không cho ngài đi.

Không lẽ để cho ông quan năm nói thay cho mình hoài, ông thơ ký mới xen vô nói một câu dài:

– Điện hạ, tôi xin tỏ thật rằng thế nào đi nữa ngài cũng phải theo chúng tôi mà thôi. Nếu ngài không sẵn lòng đi theo thì chúng tôi phải cậy sức mạnh của quân binh, mà rồi không chừng nó còn có nhiều điều hại cho ngài nữa kia, ngài hãy suy nghĩ cho cùng. Ngài hãy nghe lời tôi, về nước theo chúng tôi. Ngài hãy nghĩ đến cái phận mạng của nước nhà và của ngài luôn nữa.

Ông quan năm lại thêm rằng:

– Chúng tôi đã sửa soạn xong hết rồi bây giờ chỉ có chờ ngài mà thôi. Trên xe lửa chúng tôi có giữ một chỗ ngủ cho ngài nữa, ngài hãy mau đi kéo trễ.

Lý Tố biết rằng mình không còn cượng cái gì được với hai người này mà cũng không mong gì thoát đi dạng trong lúc này. Anh ta tính phải đi theo rồi lừa dịp mà thoát để trở lại.

Nghĩ vậy anh mới nói rằng:

– Bây giờ tôi bằng lòng theo hai người nhưng hai người hãy đợi cho tôi viết một bức thư đã.

Ông quan năm cười mà rằng:

– Ngài nói gì lạ vậy, ngài muốn viết bao nhiêu thì viết chớ có hại gì, nhưng đừng có viết lâu quá mà trễ chuyến xe đi chẳng.

Lý Tố ngồi xuống gòn gàng, lấy giấy của nhà hàng trong học tủ ra mà quẹt lia lia mấy chữ như vậy:

Em Mộng Hoa yêu dấu.

Có một chuyện chẳng lành nó xảy tới thành linh cho anh. Anh phải đi ngay sau khi viết bức thơ này kẻo người ta cáo anh lấy tội sát non; tuy vậy mà không sao, em hãy an lòng chờ anh, anh sẽ về cùng em một ngày kia chớ chẳng lâu.

Anh để tấm lòng lại cho em.

Anh viết rồi đứng dậy, niêm bao thơ lại kín đáo.

Vị thơ ký bước lại, tay đưa ra, sẵn lòng đem gói dùm thơ ấy.

– Ngài hãy giao cho tôi, tôi sẽ đem tới chốn cho.

Lý Tố ngó một cái rồi đưa ra mà dặn rằng:

– Phải đem đi ngay bây giờ mới được, thơ gấp.

– Tôi sẽ giao lại cho bồi tức thì trong mười phút người ta sẽ được.

Ông thơ ký cầm thơ bước ra ngoài rồi đóng cửa lại. Người bước đi vừa xem mấy chữ đề ngoài bao. Ông mỉm cười, cười rằng mình đoán thiệt không sai; ông hoàng gởi thơ từ già một cô đào hát xiệc chớ không ai đâu lạ: Cô Mộng Hoa ở gánh xiệc Ba Lợi Ty.

Thơ này có đem tới chẳng? Không, một ông vua không nên gởi thơ cho một đào kép hát xiệc. Ông đem đi thì tôi sẽ mang lỗi cùng với cả nước ông, ông không đem đi thì ông thất hứa với một người. Ông đứng suy nghĩ rồi vùng xé nát bức thơ đi, không thêm mở ra coi trong đó nói những gì.

Rồi đó, ông bước lại một cái cửa sổ mà liệng mảnh giấy nọ xuống đất. Ông đứng ngó theo một hồi lâu lâu cho Lý Tố khỏi nghi ngại gì rồi mới bước vô nghiêm nghị thưa rằng:

– Dạ xong hết rồi, bây giờ chúng tôi có thể dắt ngài đi dạo.
Hành lý của ngài để chúng tôi lo còn tiền phòng để chúng tôi trả.

Ông quan năm đứng dậy ngó anh Lý Tố mà hỏi rằng:

– Thưa điện hạ bây giờ ngài đi dạo chưa?

Lý Tố nói lại nghe hơi buồn thảm rằng:

– Được!

– Thôi thì đi.

Ba người đồng bước xuống thang lầu. Xuống tới dưới, ông thơ ký phải đứng lại một chút để lo tiền phòng và sai bồi đem hành lý ra xe.

Ông chủ nhà hàng, người cai quản và cả mấy người giúp việc trong khách sạn Sa Tiên đều đứng lại trên mấy nấc thang, hai chon chum lại và cúi đầu chào ông vua một cách rất cung kính.

Mấy người hành khách trong nhà hàng thấy vậy cũng nhín lại một chút thì giờ đứng xem.

Ra ngoài, Lý Tố thấy đường trống trải không người qua lại, ý chàng ta muốn nhờ cặp giò mau lẹ của mình thoát mau đi chẳng dè có một cái tay nắm lấy cái tay mặt của chàng ta rồi lại có một cái tay khác nắm lấy cái tay trái đương lúc ấy thì nghe bên tai mấy tiếng của vị thơ ký như vậy:

– Xin điện hạ cho phép chúng tôi dắt ngài đi, đêm hôm đã tầm tối khó đi mà lại đường thì lòng chòng, sạn sỏi nếu chẳng may ngài trượt chân thì lả gối.

Hai người dắt Lý Tố đi ngay lại một cái xe hơi đang đậu gần đó. Xe này thật là cái xe của ông hoàng mà ông có biết ở đâu.

Chương XV **MỘNG HOA TÌM RA DẤU TÍCH**

Mộng Hoa cùng ông chủ gánh xiếc Ba Lợi Ty đứng nói chuyện với mấy người trong Sa Tiên lữ quán. Mấy người nọ nói thế nào cô cũng không bằng lòng, cô cho là lời không đáng thật.

Cô tới đây là muốn biết sự thật mà thôi.

Cô biết rằng khi này Lý Tố đi tìm ông hoàng Gia Cát Lợi chứ không đi làm gì khác, cô cũng biết rằng ông hoàng ta lợi hại lắm nên lòng cô lo sợ, cô muốn hay tin, muốn tìm cho ra Lý Tố tức thời.

Bởi vậy lời cô nói nghe quả quyết; bộ tướng cô lo sợ, buồn thảm làm cho ông cai quản nhà hàng ấy phải nghe theo.

Ông ta là một người ngay thật, một người có tính hay thương, ông nói:

– Để tôi nói chuyện này cho ông chủ nghe thử coi ông liệu thế nào.

Ông nói rồi lui bước vào trong.

Giây lâu ông chủ nhà hàng bước ra, ông lấy làm lạ mà trong một buổi chiều sao có lắm chuyện xảy ra tại nhà hàng của ông vậy.

Ông mời hết mấy người vào phòng riêng của ông để nói chuyện. Mộng Hoa liền thuật lại mọi sự cho ông nghe, không giấu một câu, một chuyện gì cả.

Sau hết, cô kết luận như vậy:

– Người bạn của tôi là Lý Tố mới lại đây tìm tôi. Tôi tưởng chắc rằng nếu ảnh không gặp được ông hoàng Gia Cát Lợi thì không bao giờ ông chẳng chịu về đâu. Không chừng bây giờ hai người đang còn ở trong phòng. Xin ông hãy giúp dùm tôi, ông lên phòng với chúng tôi mà xem thử. Tôi lo sợ cho tánh mạng của anh Lý Tố lắm.

Mộng Hoa nói rồi hai tay chấp lại, nước mắt muốn chảy ra.

Ông Ba Lợi Ty vừa muốn nói thêm ít tiếng thì ông sững sờ nghe ông chủ nhà hàng nói rằng:

– Cái người mà thuở nay chúng tôi kêu bằng ông hoàng Gia Cát Lợi đó thì bây giờ là ông vua xứ Y Sĩ Lợi. Mới hồi này đây tôi thấy rõ ràng ông đi với hai người trong nước ông lại kiếm ông. Còn cái người mà cô nói đó thì tôi không thấy đi ra một lượt với ông, chắc là đã đi ra trước rồi.

Mộng Hoa vì cái tính thương Lý Tố quá mạnh mà không thể cầm nước mắt lại được.

Ông chủ phòng ngủ thấy tình cảnh như vậy cũng thương tâm, ông định tự mình ông đi xem xét thử coi chuyện gì có xảy ra trước khi ông vua Y Sĩ Lợi ra đi hay không.

Ông nghe nói rằng có một người vô phòng ông hoàng để kiểm một người đàn bà nhưng mà không ai thấy người ấy xuống bao giờ. Ông chắc rằng khi nãy chỉ có một mình ông hoàng mà thôi. Ông cũng lầm như ai mà tưởng rằng Lý Tố là ông hoàng vì hai người giống như một.

Ông ngó Mộng Hoa mà rằng:

– Được, bây giờ hãy kéo nhau lên phòng xem lại cho rõ, nhưng mà cô, cô đừng có khóc lóc lắm vì tôi không muốn cho khách ở phòng tôi hay rằng có chuyện lộn xộn làm vậy.

Ông chủ nhà hàng nói vậy cũng phải là vì ông có hay có biết chuyện gì ở đâu.

Tới lâu chót mọi người đều buong bả bước vào phòng. Mộng Hoa đưa cặp mắt rào qua mà miệng thì kêu Lý Tố om sòm. Cô không nghe một tiếng trả lời nào hết, lòng cô hồi hộp, tay chơn cô muốn run.

Phòng bên này, phòng bên kia, không có phòng nào có dấu gì lộn xộn khác thường hết vì Lý Tố đã sắp đặt đâu đấy ngay thẳng hết rồi.

Mộng Hoa chạy đầu này, lại góc kia mà lòng thì bấn loạn; cô tìm đăng một vật làm cho cô càng chết điếng hơn nữa: Cái kết của anh Lý Tố nằm ngửa dưới đất, trên một tấm khăn vàng. Mộng Hoa vừa cúi xuống lượm vừa run. Liền đó hai con mắt cô vùng đưa lại vách tường mà ngó xem một vật sáng sáng. Cô bước tới và thấy ngay rõ là một ngọn guom ghim trên cửa sổ. Ấy là cây guom của ông hoàng mà Lý Tố phóng lên đó.

Cô bước thêm một bước nữa, cô thấy một chuyện nữa làm cho cô tuyệt hy vọng. Hai cánh cửa sổ mở bét ra.

Ông già Ba Lợi Ty cũng xem góc này, ngó chỗ kia vậy, ông xem xét kỹ lưỡng và bộ tịch của ông, không khác gì một viên thanh tra mật thám. Khi không ông vùng la lớn lên rằng:

– Coi đây này.

Ông chỉ cho mọi người coi một tấm ngạch bể trên bệ cửa sổ. Mộng Hoa nhảy tới và cả ba đều chồm mình ra ngoài cửa sổ ấy. Ông chủ nhà hàng dòm xuống hố sâu rồi thở ra, ông cũng lạnh xương sống mà thốt rằng:

– Nếu người nào rớt xuống chỗ này thì không trông gì thấy họ được nữa.

Mộng Hoa vẫn dòm xuống dưới mãi, nước mắt của cô tưởng xuống dưới đáy không biết là bao nhiêu. Giây lâu cô day mặt vô, hai tay còn cầm cái kết của Lý Tố, bụng muốn dùng khóc nữa thế mà nước mắt cứ tràn ra hoài.

Lòng cô thổn thức xốn xang đau đớn mà óc cô thì tưởng tượng thấy cái thảm trạng ấy xảy ra trước mặt.

Lý Tố nhảy đánh ông hoàng rồi trong lúc đánh nhau ông hoàng xô chàng ta xuống dưới. Thật quả như vậy hay là có cách gì khác chăng? ông hoàng còn lại, ông hoàng đi rồi thì người nào tới dưới hố đó? Lý Tố chớ ai! Lý Tố phải chết, không còn nghi ngại gì nữa hết.

Cô cũng có tưởng tới chuyện ông hoàng và Lý Tố hai người giống nhau nhưng vì cô thường thấy mặt Lý Tố nên cô không lầm mà rồi cô cho rằng mấy người đó cũng chẳng lầm như cô vậy. Rủi thay, cô cũng quên rằng mấy người nọ họ cách mặt ông vua của họ bảy tám năm trường thì tài gì họ không quên cho được, còn ông chủ nhà hàng và mấy người giúp việc, họ không gần thường hai người, họ không có ý xem kỹ thì họ phải lầm ngay.

Họ lầm với nhau cả đám mà làm cho Mộng Hoa khóc ráo nước mắt, đau xé ruột gan.

Tuy vậy mà cô cũng còn hỏi ông chủ một câu chót nữa như vậy:

– Mà ông thấy quả thiệt rằng là ông hoàng Gia Cát Lợi xuống đây và đi rồi khi này phải không?

Ông chủ lầm mà ông không biết nên ông không sợ tội lỗi gì, mạnh bạo mà trả lời rằng:

– Tôi chắc như vậy, con mắt tôi còn tỏ, lỗ tai tôi còn nghe, tôi không lầm đâu cô.

Mộng Hoa biết mình đứng đó cũng không làm ra trò gì hữu ích, cô bước theo ông Ba Lợi Ty mà đi. Dọc đường ông đem hết tiếng

của ông mà khuyên cô nhưng không làm gì cho cô hết đau được; bây giờ làm sao có anh Lý Tổ thì nó mới lànhặng cho.

Về tới rạp thì cô tỉnh táo một chút. Ông Ba Lợi Ty muốn dắt cô lại bớt thua việc đó nhưng cô không chịu. Cô biết rằng trong mấy cái vụ làm vậy khó mà nói chuyện công bằng ngay thẳng lắm.

Cô lau nước mắt mà nói cùng ông Ba Lợi Ty rằng:

– Cái chuyện của mình mà mình không lo thì có ai mà lo thế cho được, tôi nghĩ vậy nên tôi không cậy ai, cậy phép luật nào hết, tôi lo một mình tôi mà thôi. Tôi hứa chắc với ông rằng kẻ sát nhon không bao giờ thoát khỏi tay tôi; nó xuống âm phủ tôi cũng tới.

Qua ngày sau Mộng Hoa già từ gánh xiệc vì ngọn lửa tình của cô nó đang nung nấu trong lòng của cô. Mọi người trong gánh đều cảm động mà nhứt là ông chủ gánh hát, ông không phải buồn vì mất hai người đào và kép nhứt mà là đau thương cho cái tình của đôi trẻ thanh niên.

Chương XVI NƠI XỬ NGƯỜI

Lý Tổ dầu muốn trốn khỏi tay hai người kia cũng không thể nào thoát đặng. Thế rồi anh ta cũng không tính trốn trong lúc này nữa.

Vừa qua khỏi biên giới nước Y Ta Ly, tới đất Y Sĩ Lợi thì anh ta thấy mọi việc gì cũng đều biến đổi cả. Người ta trân trọng mình một cách lạ thường, đi đứng được sung sướng hơn mà có muốn trốn thì cũng khó trốn hơn vậy.

Tới chỗ này ông xã ra nghênh tiếp, tới chỗ nọ ông quan ra chào, người ta, người nào cũng ngó anh một cách cung kính cả. Bây giờ đã có gần cả chục người theo anh đưa anh về chốn kinh đô. Anh nghĩ thâm trong bụng, lo sợ luôn luôn, không biết rằng quốc âm của nước Y Sĩ Lợi có giống quốc âm của nước Y Ta Ly không. Tuy vậy anh cũng yên lòng vì dọc đường người ta đều dùng tiếng Y Ta Ly mà nói chuyện với anh và anh trả lời xuôi hết.

Anh về tới đền vua một bữa sớm mai kia thiết sớm. Nhờ thiết sớm, người người đều còn đương yên giấc nên không ai hay chuyện gì. Như vậy cũng may cho anh nữa. Người ta dắt anh đi vô một cái cửa nhỏ, cửa này dính vô một tấm vách tường thật cao. Trước khi tới một cái đền cũ, um sùm buồn bực xem hơi giống một cái đề lao thì anh phải bước đi ngang qua một cái vườn nhỏ sương sa mù mịch.

Lý Tố vào đến trong đền. Anh dòm bên này, ngó bên kia thấy nhiều gian phòng rộng rãi nguy nga thì trong trí bắt nhớ đến mấy cái viện bảo tàng mà anh đi viếng mấy năm trước. Anh tưởng nhầm và không hiểu rằng mấy ông vua đều phải ngủ giữa mấy cái tượng đồng, tượng đá và những tấm tranh như vậy hay sao.

– Đây là phòng của Bệ hạ.

Lý Tố có nhớ có biết hay không? Anh không biết nhưng anh phải làm bộ biết, tới đây, chuyện gì anh cũng phải biết hết cả. Anh gật đầu một cái nhẹ, làm bộ như mình vui lòng về lại chỗ cũ vậy mà trong bụng anh thì anh lấy làm khó chịu vì cách ở ăn theo lối mới này vậy.

Anh nói nho nhỏ trong miệng, vừa nghe đặng:

– Được, một chút tôi sẽ ngủ cho khỏe.

Đàng sau lưng có tiếng người nói:

– Tôi xin nói cho Bệ hạ rõ rằng một giờ nữa Bệ hạ mới ngủ đặng.

Tiếng nói lạ, anh mới quay đầu lại xem biết là ai. Anh thấy một người cao lớn, tuổi chừng lối bốn mươi, hai con mắt sâu sắc, cằm nhọn, tóc ít mà bạc hoa râm. Anh nghĩ thầm rằng:

– Người này là ai vậy? Và làm chức tước gì mà bộ tướng coi oai quyền lắm vậy.

Lý Tố chưa kịp nói gì thì có một người khác bước tới. Người này là một ông quan võ mà bộ tướng lại chẳng hung hăng.

Bụng ông ta hơi lớn hơn một chút, ông mỉm cười làm như rất vui lòng mà thấy mặt Lý Tố. Không chừng hồi trước ông hoàng Gia Cát Lợi và ông ta có biết nhau nhiều, có tình thân mật với nhau nên ông ta mới cười như vậy nhưng mà những chuyện hồi trước ở

bên này Lý Tổ làm sao biết được; anh ta không phải là ông hoàng mà cũng không phải là một ông thầy bói giỏi.

Ông quan võ nói với anh một cách vui vẻ và cung kính rằng:

– Thưa Bệ hạ, bá tước nói phải, Bệ hạ phải nán lại một giờ rồi mới nghỉ ngơi nhưng xin Bệ hạ đừng phiền, chỉ có một bữa nay là vậy mà thôi, mấy ngày khác Bệ hạ muốn nghỉ chừng nào cũng được tùy Bệ hạ.

Lý Tổ gật đầu một cái nhẹ tỏ ý nghe lời, anh muốn kêu ông nọ nhưng không biết kêu làm sao, kêu là quan hệ gì nên anh chỉ nhếch mép cười một chút rồi khỏi sự cố lấy cái áo choàng ra.

Bá tước lấy làm lạ mà thấy ông vua của mình ăn mặc một cách kỳ khôi làm vậy. Lý Tổ bận đồ thường, không có vẻ gì tốt đẹp sang trọng cả, áo quần này anh dùng khi trong gánh xiếc đi ra mà trong lúc đi đường cũng không thay đổi nên bây giờ xem càng tệ hại hơn nữa. Ông nhắm nhía rồi hỏi rằng:

– Bệ hạ chắc hẳn muốn ăn mặc như vậy, muốn thay hình đổi dạng để cho chúng tôi không tầm ra được nhưng cũng chẳng thể nào bỏ chúng tôi mà đi đâu vắng cho.

Lý Tổ bói rồi không hiểu phải trả lời thế nào, anh ta làm thỉnh giây lâu rồi mới thốt rằng:

– Ông nói như vậy dù trúng hay trật tôi cũng không cãi làm gì.

Ông quan võ cười dài một cái rồi nói:

– Bây giờ ở đây không phải mà nói chuyện dông dài được, tôi xin cho Bệ hạ rõ coi ngài phải làm gì những điều gì bây giờ. Đây là sắc phục nhà binh của Bệ hạ mà Bệ hạ là ông tướng soái. Sắc phục này lạ một chút, Bệ hạ không nhìn được là vì mấy năm nay nó đổi kiểu luôn luôn cho tới tôi là người nai nịt nó trong mình mỗi ngày mà cũng không nhớ được rằng trong lúc Bệ hạ đang còn ở trong xứ, kiểu võ nó ra làm sao.

Ông Bá tước tiếp rằng:

– Nhưng như vậy mà làm sao, có người giúp cho Bệ hạ để mặc vào cho trúng cách. Còn bây giờ đây chúng tôi xin lui. Lối mười giờ sớm mai này chúng tôi sẽ nói lại cho Bệ hạ rõ những chuyện gì xảy

ra trong nước trong khi ngài vắng mặt và xin ngài ký tên đỡ một vài chữ.

Hai người bước lui một cách kính cẩn Lý Tố vô cùng. Bây giờ anh hề ta đã thấy rõ mình đã mắc cứng vào đây, khó mà thoát đi đâu được nữa cả.

Anh là một ông vua, một vị chúa của cả nước Y Sĩ Lợi nhưng mà có lẽ cũng là một người tù của nước ấy vì bao giờ anh cũng muốn vượt ra mà không được. Bộ tướng và cử chỉ của bá tước làm cho anh không ưa; ông quan võ nọ, anh vừa thấy thì anh đã có cảm tình nhiều ít nhưng anh phải lo ít nhiều. Anh tự hỏi:

– Nếu ông hỏi mình những chuyện hồi trước thì mình biết trả lời làm sao? Ông ta biết mình hồi thuở nhỏ.

Anh sợ như vậy cũng may cho anh, ông quan năm không bao giờ hay nhắc chuyện đời xưa.

Lý Tố nằm xuống một hồi lâu rồi ngủ quên.

Lối mười giờ ông quan khả lâm trở lại có dắt theo một người thợ cạo để sửa soạn cho vua. Anh thợ cạo lấy làm lạ mà thấy ông vua gân tay nổi vồng và cứng ngắt, thấy mấy ngón tay chai cứng vì thường nắm lấy mấy cái đu. Anh không hỏi một câu gì ráo là vì anh biết chuyện và anh tưởng thâm trong bụng rằng trước mặt ông chúa như vậy mình không nên lấy làm lạ chuyện gì hết cả. Ấy cũng là may cho Lý Tố nữa.

Đương lúc anh thợ cạo làm nhiệm vụ của mình, ông quan năm Khả Lâm khởi nói chuyện với vua. Ông nói lại nhiều chuyện mà Lý Tố rất vui lòng nghe biết nhiều lắm.

Ông nhắc lại rằng:

– Bệ hạ có nhớ hay không? Lần chót mà Bệ hạ ra khỏi hoàng cung... lối nửa đêm... ra tại cửa nhỏ bên này mà đi...

Lý Tố muốn đáp lại vài câu mà không được, thợ cạo đang vịnh cái cằm của anh mà cạo râu mép cho anh. Anh không dám nói vì sợ phạm mà tưởng lại anh nên lấy cái nỗ ấy mà làm thỉnh luôn vậy. Ông quan năm Khả Lâm nhắc chuyện cũ lại mà chơi chớ không có ý cật vấn gì và có đề đầu mà cật vấn. Ông tiếp rằng:

– Vậy mà bây giờ Bệ hạ đổi nhiều, nhiều lắm nhưng thể nào tôi cũng nhìn được không quên.

Thừa lúc anh thợ cạo liếc dao, Lý Tố sửa soạn hỏi vài câu, hỏi cho biết, cho khỏi lúng túng mai sau này:

– Ông nói tôi đổi, tôi đổi cái gì đâu?

Ông quan năm làm thỉnh suy nghĩ:

– Đổi chó!... Bệ hạ bây giờ xem mạnh mẽ hơn, hai vai nở ngang ra lớn, tướng tá vạm vỡ hơn.

Ông ta bước lại gần, ngó xem kỹ lưỡng, cái đầu của Lý Tố đang dựa ngả ra đằng sau ghế!

– Tôi xem kỹ và tôi nhớ rõ rằng Bệ hạ bây giờ tóc nhiều hơn, cứng hơn mà nhút là...

– Nhút là giống gì?...

– Nhút là cái tánh tình của Bệ hạ. Khi trước không buổi nào, không anh thợ cạo nào mà không bị rầy, bây giờ xem coi Bệ hạ hiền lắm nhưng có một điều là không hay nói chuyện mà thôi.

Ông nghiêng mình một cái, đổi giọng nói lại hơi nghiêm nghị một chút:

– Bệ hạ đổi dạng vậy thì cả mấy triệu dân trong xứ này đều lấy làm có phúc lớn mà chính mình kẻ hạ thần cũng một lòng mà phò một vị chúa như vậy.

Lý Tố đáp lại vài câu cho vui lòng ông nọ rồi lấy tay ra dấu bảo anh thợ cạo, cạo đi cho rồi.

Ông quan năm Khả Lâm bước lui ra ngoài để nói chuyện cùng bá tước Phiệt Năn Đi. Gặp một bá tước ông mau mắn, và vui vẻ mà thốt rằng:

– Vua bây giờ đổi nhiều lắm, nhìn không muốn ra ông à.

Bá tước đi tới đi lui trong một cái phòng rộng rãi, tốt đẹp, hai tay chấp sau lưng, đầu cúi xuống dường như nghĩ điều chi vậy. Ông đứng lại, ngược mặt lên ngó ông quan năm Khả Lâm và nói một cách tươi tỉnh đậm thắm như vậy:

– Không chắc như vậy đâu.

– Sao lại không chắc, thiết vậy chứ, ngài bây giờ đảm thắm oai nghi mà lại hiền hậu dễ thương nữa.

Bá tước rùng vai một cái, rồi vừa bước đi vừa nói một giọng cay đắng dường như mình không ưa ông vua chút nào và như ganh ghét mà thấy ông vua đang đổi tánh đổi hình làm vậy:

– Hiền hậu, dễ thương, ông nói vậy làm cho tôi lấy làm lạ vô cùng, ông Khả Lâm à. Không đời nào mà cái giống đó đổi đi cho được. Cha nào con nấy, ông nghĩ lại coi có phải vậy hay không?... Ông có hỏi tại làm sao mà cha ông chết hay không?

Ông quan năm sừng sốt hỏi rằng:

– Không, ông không có nói một tiếng gì cả.

Bá tước Phiệt Năn Đi cười gằn:

– Đó ông thấy chưa, ông cho rằng ông đổi nhiều lắm phải chăng?... Ông lầm rồi, cả và kiến họ đó người nào cũng bạc nhẽo và hung tợn hết thầy mà.

Ông quan năm đứng ngay thẳng lại, giọng nói nghe hơi cứng cỏi rằng:

– Bá tước, tôi không thể nghe mấy lời ông nói làm vậy được. Chúng ta bề nào cũng là tôi, người bề nào cũng là chúa, chúng ta chẳng nên nói vậy.

Bá tước Phiệt Năn Đi dường như không có lòng khâm phục vua mình nên vẫn nói rằng:

– Ông tưởng rằng một đứa con nít ngày chỉ tối chỉ theo đám đàn mèo chuột làm vậy đáng cho mình cúi đầu chịu lụy hay sao? Ông biết mấy năm nay ông làm gì bên Pháp, bên Y Ta Ly, bên Đức hay không? Những chuyện ấy có người cho tôi hiểu rõ lắm ông à.

Ông quan năm không bằng lòng nghe những lời ấy, ông làm vậy là không đặt trung chánh với phận sự của mình. Ông cãi lại rằng:

– Ông vua mình làm những gì không quan hệ tới mình thì thôi, mình không nên nói quá làm vậy.

Nói tới đây ông vùng ngưng lại vì thấy cánh cửa mở ra và một vị quan võ bước vào đứng thẳng thớm cũng như một con bù nhìn

hay là một cái người bằng sáp chung trong mấy hăng lớn vậy. Ông vua sẽ tới.

Bá tước sửa gương mặt lại và đứng gần một cái bàn làm việc còn quan năm Khả Lâm thì bước lại hầu gần cửa để tiếp vua.

Trong phòng lặng lẽ như tờ.

Lý Tố khoan thai bước vào chỗ không phải vụt chạy như lúc còn làm hề trong gánh xiếc Ba Lợi Ty.

Anh ta dòm quanh quất, xem món nầy vật nọ mà thuở nay chưa từng thấy. Quan năm liền hỏi:

– Bệ hạ xem coi có khác khi xưa không?

– Không, không khác gì mấy.

Anh bước lại bàn, ngồi xuống ghế nhắm xem một mớ giấy tờ nằm ngổn ngang trên bàn mà bụng thì tự nghĩ không biết mình phải làm sao đây.

Trong lúc nầy bá tước bước lại gần ông quan năm đứng sát đằng vách kia mà nói nho nhỏ rằng:

– Ông nói phải, quả thật ông có đổi nhiều...

Bá tước nín một chút rồi tiếp:

– Đổi thêm xấu nữa...

Nghe vậy, ông quan năm không chịu được, ước sức ông vắn họng được bá tước tức thì tại chỗ thì ông cũng vắn đi cho rồi. Ông có một cái tình trù mến với ông vua tự thuở kia lận.

Bao giờ ông cũng bênh vực và châm chế cho một người trẻ tuổi, sự ham muốn còn nhiều mà bây giờ ông lại còn bênh vực vua hơn nữa vì ông cho rằng vua biết ăn năn sửa tánh.

Ông dòm lại bàn thấy Lý Tố ngồi ngay thẳng nghiêm chỉnh thì nói thầm một mình rằng:

– Ngài đang lo nghĩ những việc nước coi phải làm như thế nào... Bá tước quả thật là một thằng ngốc. Vua quả thật là một vị minh quân.

Nói rồi ông bước lại gần vua mà rằng:

– Mấy giấy này phải gửi đi nội buổi sớm mai, Bệ hạ hãy ký cho rồi.

Ông cầm viết chấm sẵn mực mà trao cho Lý Tổ làm cho anh ta hai bàn tang nóng hằm, ngực nẩy mạnh. Ký tên; chuyện không phải khó nhưng ngặt một điều là không biết ký tên gì đó thôi. Xứ Y Sĩ Lợi là một xứ lạ của anh. Anh biết sơ sơ rằng nước đó mới lập ra khi trận giặc 1914 – 1918 và là một nước độc lập quân chủ. Anh không biết nó nằm về đâu, nó bao lớn, kinh đô nó tên gì và cũng chẳng rõ nó bao nhiêu dân.

Anh cầm cây viết lên nghĩ mãi mà không biết làm sao. Bây giờ chỉ có một cái phép tiên thì mới là giúp anh khỏi rối được. Phép tiên thì không thể nào cầu cho có dạng mà cái chuyện này cũng chẳng kém gì phép tiên.

Bá tước thấy vua nghĩ ngợi lâu làm vậy thì bước lại đứng sau lưng mà hỏi:

– Bệ hạ đã tính lấy niên hiệu gì chưa?

Quan năm Khả Lâm lại nói tiếp:

– Bệ hạ chưa lấy niên hiệu gì mà bây giờ có muốn dùng đỡ lấy tên thường hay không?

Lý Tổ nhướng con mắt lên để suy nghĩ rồi nói:

– Tôi tưởng như vậy là thường quá, ông có ý kiến gì hay xin bảo cho biết.

– Trước hết hãy cho biết cái chủ nghĩa của Bệ hạ bây giờ ra làm sao mới được. Nếu Bệ hạ muốn noi theo cái chủ nghĩa của vua cha thì nên lấy theo tên cũ bằng như không muốn vậy thì lựa một tên nào khác cũng được.

– Ông nói vậy tôi bằng lòng lắm, bây giờ tôi xin hỏi ông để cho biết cái lòng dân ra thế nào đáng mà tùy theo mới được. Hết thấy ý dân sự muốn cho tôi lấy hiệu gì?

Bá tước và quan năm ngó nhau như để hỏi ý nhau. Suy nghĩ một hồi quan năm Khả Lâm mới nói:

– Tốt hơn hết là tôi muốn cho Bệ hạ lấy một cái tên mới. Bệ hạ biết hơn tôi rằng thượng hoàng thuở trước có lắm nhiều chỗ trong đường chánh trị, trong cách sửa dân nên bây giờ tôi tưởng sửa đổi

là hơn và không nên để cho người ta nhớ lại làm gì. Tôi tau ngay như vậy Bệ hạ nghĩ thế nào?

– Bây giờ ông nghĩ xem coi nên lấy hiệu gì là được?

Quan năm Khả Lâm rờ đầu suy nghĩ một lát rồi trả lời:

– Nên lấy là Rodolphe. Thuở giờ không có vua nào lấy hiệu đó hết tưởng bây giờ Bệ hạ dùng thì dân chúng lấy làm vui lòng lắm, mọi người ai cũng thấy rõ ràng Bệ hạ có một cái chương trình chánh trị mới lạ.

Lý Tố thở ra một hơi dài xem bộ nhẹ nhàng khỏe khoắn lắm. Anh ta mỉm cười mà rằng:

– Được, tôi sẽ ký tên là Rodolphe. Tôi nghe lời ông chớ tôi thì làm sao cũng dặng và không có ý kiến gì cả.

Anh tập ký vài chữ trên miếng giấy trắng cho quen rồi mới ký vào những tờ giấy nọ. Anh vừa ký vừa nghĩ cho rằng trời cũng chịu lòng hay sao nên mới giúp cho anh bước qua những lúc khó khăn làm vậy. Bây giờ anh mới biết rằng cái nghề làm vua không phải là dễ theo bụng anh tưởng; anh cho nó là một cái nghề cực nhọc và khó khăn gấp hai ba lần cái nghề làm hát xiếc kia lận.

Không có giờ khắc nào rảnh rang dặng mà nghĩ.

Người ta lo chuyện tức vị xưng vương, người ta thảo một chương trình chánh trị đem dung cho mình xem thử, xem cả mấy ngày mà cũng chưa nghị quyết dặng.

Bữa chiều đó vua lại tiếp mấy vị lãnh tụ của các đảng các phái chánh trị trong nước, phải đi dạo xem thành phố, phải dự cuộc điều binh rồi về còn sửa soạn dặng ngày mai làm lễ xưng vương.

Sau hết người ta lại còn lo đám cưới cho vua trong tháng tới đây nữa. Lý Tố không biết vợ mình sẽ cưới là ai, ở nước nào, bao lớn, ra làm sao, nhưng anh không thềm nghĩ tới, anh không chắc cho mình làm vua mãi ở xứ này và anh tính thăm lâu lắm là một tháng thì làm sao anh cũng trốn đi cho dặng mới nghe.

Anh dễ lắm, ai biểu làm gì thì nghe theo làm vậy không cưỡng cãi làm cho bá tước Phiệt Năn Đi phải lấy làm lạ và cho rằng ông quan năm Khả Lâm nói vua đổi nhiều là phải lắm.

Chương XVII
MỘT NGƯỜI TỎI VIẾNG

Bữa kia sau khi dùng bữa cơm sớm mai rồi, Lý Tố nằm dựa ngửa trên một cái ghế dài vừa hút một vài hơi vừa tìm chước thoát thân, bỗng thấy bá tước Phiệt Năn đi bước vào gương mặt không vui mà râu rắng:

– Tâu Bệ hạ có một người muốn vào châu Bệ hạ.

Lý Tố ngược đầu dậy. Xem cặp mắt anh thì thấy rõ anh có một chút hy vọng. Anh không biết là người đàn bà nào nhưng anh tưởng chắc là Mộng Hoa, vì chỉ có Mộng Hoa thì mới tìm đến anh mà thôi. Hy vọng càng cao, tấm lòng anh thơ thối, gương mặt anh vui vẻ hơn mấy bữa.

Mộng Hoa! Anh làm chuyện này, chuyện nọ thì cũng vì Mộng Hoa, anh cũng vẫn đương nằm nghĩ tìm cách cho gặp đảng Mộng Hoa là người yêu quý của anh. Anh tưởng chắc Mộng Hoa lại tìm anh nên anh cảm động quá mà hỏi bá tước rằng:

– Người đàn bà ấy ra thể nào?

Bá tước đưa tay ra coi bộ tỏ hình dáng người nọ một cách khó khăn lắm:

– Người đàn bà ấy... ăn mặc đồ tang nhưng có vẻ sang trọng lắm... thế nào cô ta cũng nài nỉ cho thấy mặt Bệ hạ mới nghe... cô nói rằng quen biết với Bệ hạ nhiều lắm. Hôm qua cô đã có đến một lần rồi.

Lý Tố không thể chờ được, anh bảo:

– Tôi muốn thấy mặt người ấy, ông ta bảo người vào ngay bây giờ.

Bá tước nghiêng mình:

– Tôi sẽ dắt vào đây tức thì, xin Bệ hạ hãy đợi một chút.

Bá tước đi ra thì Lý Tố theo lại đến cửa phòng ý muốn thấy mặt người đàn bà nọ tức thì coi có phải là người yêu quý của mình chẳng. Bá tước trở vào, có một người đàn bà trẻ tuổi theo sau lưng.

Lý Tố thất vọng, xem ngay gương mặt anh thì rõ.

Không phải Mộng Hoa.

Người đàn bà trước mặt anh đây là một người đàn bà đẹp dễ, cô mặc áo bằng một thứ hàng đen thiết mỏng. Bước vào trước hết hai con mắt cô ngó ngay anh một cách rất hữu tình làm cho anh áy náy khó chịu và không hiểu là vì lẽ gì lạ vậy.

Cô cúi chào một cách gọn gàng xem một cái thì biết rằng cô là một người quen vào ra cung điện.

Bá tước thấy hai người gặp mặt nhau thì mau chon bước ra ngoài đóng cửa lại làm cho Lý Tố nhẹ lòng lo một chút, vì anh muốn không cho ai nghe cái chuyện mà anh sẽ nói với người đàn bà này. Anh bước lại nhìn người đàn bà nọ và hỏi:

– Cô tìm đến đây kiếm tôi làm gì?...

Người nọ ngó sững anh, tỏ dáng sững sờ mà nói:

– Làm sao mà tiếng nói của ông đổi làm vậy? Từ ngày cái chuyện chẳng may đó xảy ra ông có sao không?

Cô nhìn gương mặt anh, thấy cái cách ngó của anh lấy làm lạ hơn nữa mà hỏi rằng:

– Sao ông làm gì lạ vậy, ông không nhìn biết, không nhớ tôi hay sao?

Lý Tố không biết phải trả lời làm sao, anh lính quýnh vì tưởng nhầm rằng đây cũng là một cái nguy to cho mình chớ chẳng chơi. Anh nói lập cập nho nhỏ như vậy:

– Không, tôi không nhớ có gặp cô lần nào hết.

Gương mặt người đàn bà đang vui mừng đổi ra vẻ thảm đạm âu sầu rồi lại liền đổi lại ra chiều giận dữ. Con mắt ngó lảo liên, ngực cô nhẩy mạnh, tay chon cô muốn run.

Cô gượng dậy, ngó chằm bắm vào ông vua này mà cô cho rằng là một ông vua bạc tình mà nói:

– Thiệt vậy sao? Ông không nhớ tôi, ông cũng không nhớ chuyện buổi tối nọ tại Sa Tiên lữ quán nữa sao? Ông không nhớ hay ông làm bộ quên cái chuyện chồng tôi với ông...

Cô không nói dứt câu đang có một cái gì nó chặn ngang làm cho cô ghen ngay.

Cô cảm động quá, cô tưởng rằng trước mặt cô đó là người làm cho cô phải chịu điều đau đớn nhứt và chịu thảm suốt một đời cô nên cô không nói được.

Nhưng Lý Tố nào có biết người đàn bà này là người bữa nọ lại phòng ông hoàng rồi xảy ra chuyện sát nhơn đó. Người chồng cô này là người bị ông hoàng Gia Cát Lợi đánh cho một gậy chết ngay mà lại phao tội cho một người khác.

Ông hoàng bao giờ cũng gặp dịp may, mỗi khi đương đầu cùng với kẻ nghịch của mình.

Lý Tố không rõ mấy chuyện làm vậy, ấy là lẽ tự nhiên. Anh đứng sững lại đó, hai tay chấp sau lưng, trí thì rỗng suy nghĩ coi người đàn bà này muốn cái gì. Anh hỏi:

– Cô nói rõ ra coi họa may tôi có nhớ chuyện gì chẳng... họa là cô lắm...

Thình lình anh lui lại, bụng lo sợ.

Người đàn bà bước lại gần anh làm như muốn nhìn anh cho chán chường vậy. Khi này cô tưởng là thật, bây giờ xem coi bộ cô đã có hơi nghi. Cô nói:

– Ủa, ủa...

Lý Tố khoát tay mà hỏi:

– Cô đứng đó. Cô làm gì vậy? Làm gì cô ngó tôi một cách lạ thường quá.

Cô vẫn nhìn anh không nháy mắt rồi gương mặt cô dùng dối lại nữa. Cô nói nhỏ:

– Có lẽ tôi lắm chẳng?

Lý Tố nhếch mép cười gượng:

– Không cô không lắm đâu, tôi là vua đây mà.

Cô nhìn lại một lần nữa, hai con mắt cô nháy lia, hay tay cô bấu chặt vào áo lạnh mà nói bập bẹ rằng:

– Lạ lắm... tôi không biết ông là ai...

– Tôi là tôi, là vua nước này chứ ai?

– Ông không phải là ông hoàng... Ông là... một người khác chứ quyết chẳng phải là Gia Cát Lợi...

Chuyến này Lý Tố mới chết đuối trong lòng, tưởng là hôm nay chỉ có một chuyện này làm cho anh lo sợ hơn hết. Anh sợ lời cái giả của anh ra mà nói có thể làm cho anh chết được.

Anh ráng làm tỉnh mà nói chậm rãi rằng:

– Cô hãy tỉnh trí lại, cô phải hiểu rằng hồi đó khác, bây giờ khác buộc lòng tôi phải quên làm vậy.

Nước mắt của cô vùng chảy tuôn ra tầm tã, cô thút thít hỏi nhỏ rằng:

– Với tôi ông cũng quên nữa hay sao?

Cô vẫn trông cậy rằng người đó thật là người thương thật của cô và cô cho rằng con mắt của cô thấy không lộn, lỗi tai của cô nghe không lầm.

Lý Tố lại dặn một câu:

– Vào đây cô phải dè dặt mới được, kéo người ta nghi mà có thể hại mình vậy.

Người đàn bà trẻ tuổi ngó quanh quất rồi hỏi:

– Ông có nhớ tên của tôi không?

Lý Tố ráng làm tỉnh mà trả lời giả ngộ rằng:

– Cô hỏi mắc làm gì vậy đời nào tôi quên tên cô mà cô phỏng hỏi.

Cô hỏi nữa, ý muốn tìm cho ra cái chuyện lạ kỳ vậy làm vậy:

– Còn tên của chồng tôi, ông nhớ chứ!

– Tên của chồng cô?

– Phải...

Rồi cô nói thêm mấy tiếng nhỏ nhỏ như vậy nữa:

– Tên của người mà ông giết chết ở phòng ngủ Sa Tiên đó.

Anh sảng sốt mà nghe hỏi câu này và cái bộ tịch hờ hãi của anh người đàn bà nọ ngó thấy rõ ràng. Thấy anh không trả lời mà lại sảng sốt làm vậy thì người đàn bà nọ day mặt ra ngoài suy nghĩ giây lâu rồi thêm rằng:

– Phải rồi hèn chi hồi nãy ông nói với tôi rằng ông không thấy tôi, biết tôi lần nào hết.

Anh cũng làm thỉnh, gương mặt suông sùng mà lo sợ. Cô tiếp:

– Chuyện này lạ lắm tôi hiểu không nổi được. Tôi tưởng chắc rằng ông với tôi, hai người mà người nào cũng có một chuyện kín riêng, chuyện ấy tôi nhấm tôi không nên nói ra mà tưởng lại cho ông, ông cũng không nên nói ra làm gì. Thôi chuyện làm vậy thì hay làm vậy; tôi lầm nên tôi tới đây chẳng dè ông không biết tôi mà tôi cũng chẳng biết ông. Bây giờ thì tưởng cũng nên không biết luôn cho rồi, vậy xin ông cho tôi kiểu...

Tức thì cô mau chon bước ra cửa, Lý Tố theo sau ý muốn cầm cô lại. Cô vừa bước qua thêm, anh kêu đứng lại vì anh lo sợ không hiểu cô muốn đi ra dạng làm gì.

– Cô...

Nhưng mà cô đi luôn, cô không đứng lại làm cho Lý Tố cũng phải đứng sững ngó theo, trong bụng bối rối vô cùng.

Đây rồi chuyện này sẽ ra làm sao? Người đàn bà sẽ nói gì không?

Nếu người ta buộc tội anh là vua soán ngôi thì anh biết trả lời làm sao?

Cái án của anh chắc nó sẽ kết rồi.

Không lúc nào mà anh lo sợ cho cái tánh mạng của anh bằng lúc này. Mỗi một nháy mắt là một cái sự đau đớn ghê gớm nó đánh vào trái tim anh; anh tự hỏi cái số mạng của anh đã tới chưa và mấy người đi rước anh lúc nọ có quay mình trở lại bỏ vào khám hay không?

Anh bước lại đứng gần kề cửa sổ ngó mông lung ngoài coi họa may có bớt cái lo sợ đi chẳng.

Trong hoàng cung không có chuyện gì xảy ra lạ cả, các quan thỉnh thoảng qua lại trên một con đường rộng rãi tốt đẹp.

Anh bước vô phòng trong lòng bức rức xốn xang. Trong ngoài lặng lẽ không nghe một tiếng gì. Ấy vì người đàn bà trẻ tuổi nọ mới vừa thôi nói chuyện với bá tước Phiệt Năn Đi.

Bá tước khi này vẫn đương đứng ngoài ngóng trông cho người đàn bà nọ trở ra lắm. Ông muốn biết hết thảy những chuyện của vua.

Vừa thấy người nọ bước trở ra, ông liền mau chơn bước theo nhưng không hỏi một câu gì cả.

Là vì ông thấy rõ ràng cô ấy muốn nói chuyện cùng ông.

Cô đứng lại trước mặt ông nói mở đầu một câu:

– Tôi vào chầu vua mới trở ra.

Bá tước đứng tự nhiên và hỏi gọn gàng rằng:

– Cô nói gì được chẳng!

Ông vừa hỏi vừa ngó ngay, trông cho cô trả lời.

Cô lắc đầu:

– Không phải thiệt là vua.

Bá tước không lấy gì làm lạ. Ông cũng lắc đầu mà đáp lại rằng:

– Xin lỗi cô, cô lầm rồi, ấy thật là vua chứ.

– Tự bấy giờ ông không có để ý mà cho rằng vua của ông là người tiếm vị hay sao?

Bá tước tuy cãi lại nhưng không quả quyết cho lắm:

– Không khi nào chúng tôi tưởng vậy.

Ông nói vậy nhưng có tưởng không làm sao ai biết đặng.

Người tình nhân cũ của ông hoàng Gia Cát Lợi suy nghĩ một lát lâu. Cô nghĩ rằng cô không có ích lợi gì mà nói chuyện nầy cho đông dài hay là làm cho ra chuyện bí mật này. Chuyện người ta mặc người ta, cô muốn lui về cho xong phận mình mà thôi. Cô nói:

– Nếu ông cho rằng đó thật là vua.

– Phải vậy.

– Thì tôi xin cho tôi lui về.

Ông đi trước và nói:

– Để tôi dắt cô ra.

Ông nói vậy nhưng bụng ông nghĩ ông có hơi nghi, ông muốn giữ lại một người mà không chừng nó sẽ hữu dụng cho ông một ngày kia.

Ông cũng không ưa gì vua và cũng không ưa gì cái dòng đó. Ông muốn làm sao cho đã cái ghét của ông.

Ông xin người đàn bà nọ để lại cho ông biết tên và chỗ ở của cô.

– Nếu có chuyện gì đáng nói cô hãy cho tôi biết tôi vẫn kín miệng lắm. Cô hãy tin tôi, tôi sẵn lòng nghe cô nói.

Người đàn bà mỉm cười. Cô không phải là một người lo chuyện thiên hạ mà chuyện gì cũng không kín miệng được. Cô biết rằng không ích lợi gì cho cô mà lo chuyện trong cung, cô cũng biết chắc cái người mới nói chuyện cùng cô đây không phải là người khi xưa yêu ấp cô và cô lấy làm thất vọng, lòng cô nát ngầu như tương.

Cái tình của vua chúa nó không chắc giống cái tình của dân gian, có nhiều khi nó nguy hiểm và nhọc nhằn lắm.

Cái chuyện Lý Tố và người đàn bà này đã bỏ màn rồi không còn gì lôi thôi nữa.

Cô không nói gì với bá tước nữa mà cũng chẳng chịu cho ông biết mình là ai, tên gì, ở đâu dầu cho bá tước nài nỉ thế mấy cũng chẳng được. Cô bước đi ra cũng như hồi cô mới vô, cô vẫn lấy cái tên là người lạ mặt.

Không ai làm gì cô được mà cô tìm đến đây cũng chẳng làm được chuyện gì. Lòng cô càng đau đớn thêm nữa.

Bá tước đưa cô ra rồi trở vào; phen này ông nhìn kỹ vua của mình có ý muốn tìm coi có ra một chuyện bí mật gì không.

Ông đợi một cái dịp khác.

Chương XVIII **HAY TIN TỨC MỘNG HOA**

*L*ý Tố làm vua được mười lăm ngày. Anh vào trong nước được ba hôm thì làm lễ tôn vương. Lễ vẫn long trọng vui vẻ và không có một chuyện gì rắc rối náo động cả.

Anh không quen những cách đi đứng của nhà vua nên nhờ một quan nội giám dạy cho từng chút để dùng trong lúc lễ tôn vương và

nhiều cuộc lễ khác. Bởi vậy anh làm coi đằng hoàng lẫm không sót một chỗ nào.

Anh không hay nói mà ngày nào anh cũng tưởng tới Mộng Hoa và sự thoát thân ra ngoài luôn.

Một buổi sớm mai, xem xét giấy tờ xong rồi anh đi một mình ra ngoài vườn để nghỉ ngơi dưới mấy bóng cây thanh tịnh mát mẻ. Cây cối sum sê, bông hoa đua nở.

Vườn rộng lớn lao cả ba phía hoàng cung, anh hề thủng thẳng bước đi, xem không khác nào một con chim đang bị nhốt trong một cái lồng tốt đẹp. Tới đầu đằng kia anh thấy trước mắt một vách tường cao dưới chơn thì có một cây rậm rạp. Anh muốn tìm một nẻo ra.

Quả vậy, anh tới trước một cái cửa nhỏ.

Cửa không có khóa, chỉ đẩy một cái thì là nó mở ra.

Lòng anh chứa chan hy vọng.

Nhẹ nhẹ anh xô cửa vừa day ra sau lưng dòm xem coi có ai thấy mình chẳng. Anh không thấy bóng người một, cây cối vẫn im lìm lặng lẽ. Anh chen mình bước mau qua khỏi cửa.

Liền đó anh nghe rõ lên một tiếng thình lình làm cho anh giật mình hoảng hốt:

– Hoàng thượng vạn tuế!!

Anh bước lui lại và dòm ngay ra trước mặt xem coi đấy là chỗ nào.

Ấy là một miếng đất trống nhỏ.

Mấy anh lính ngồi sẵn ở đấy để mà canh gác cái cửa này nhưng có lẽ cả ngày không một người đi qua nên mấy ảnh rảnh rang công chuyện, xúm lại cùng nhau với một hai người dân trong thành mà đánh bài.

– Hoàng thượng vạn tuế!

Lý Tổ thấy rằng bây giờ dân chúng đã có lòng mến anh, nhưng vậy anh không vui lòng chút nào, nó mến chừng nào lại càng khó trốn chừng này.

Bữa nay anh không làm gì trốn đằng thôi thì phải đành chờ khi khác. Anh thủng thẳng bước trở vào vườn mà biết rằng từ rày

về sau khó tìm dịp thoát ra hơn nữa. Anh phải ôm lòng lo bồn phận làm vua lại như khi trước.

Một buổi sớm mai Lý Tố lo xem xét giấy tờ và ký tên xong xă, buổi chiều chàng ngồi xe để dạo quanh thành phố. Khi giờ anh được vui vẻ một chút vì thấy đặng một hai cái cảnh lạ trong xứ lạ. Đi ngang qua một chỗ anh vùng hỏi rằng:

– Chà! một cái tháp tốt đẹp quá.

Quan năm Khả Lâm ngồi đằng trước, ông nghe hỏi làm vậy thì lấy làm lạ vô cùng, ông quay đầu lại ngó vua và đáp rằng:

– Bệ hạ quên rồi sao? Ấy là một cái tháp dựng lên để làm kỷ niệm cho nội tổ Bệ hạ đó mà.

Lý Tố mau miệng nói đỡ rằng:

– Ờ phải... mà tôi nhớ không có cao tới bực đó. Xa xứ không có mấy năm mà muốn quên chuyện xưa dấu cũ.

Lâu lâu anh cũng mắc phải một chuyện làm vậy làm cho anh lo hết sức.

Tuy vậy mà anh ưa đi ra với quan năm Khả Lâm hơn là đi với bá tước.

Với quan năm thì rủi mình có lỡ một chuyện gì thì không sao, ông không để ý tới mà cật hỏi một điều gì nhưng với bá tước thì không phải vậy.

Ngày kia đi ngang qua một tòa lầu cao lớn, Lý Tố sơ ý hỏi là một cái chỗ gì thì bá tước đáp rằng:

– Ấy là cả một cái trường dạy các hoàng thân quốc thích.

Rồi ông lại ngó xéo vua mà thêm rằng:

– Bệ hạ thuở nọ đã đòi học trọn mười hai năm trong cái trường đó.

Lý Tố cũng lanh trí đáp lại:

– Ông tưởng tôi quên hết hay sao?

Từ đó anh không dám mở miệng mà nói những gì nữa.

Anh tuy làm vua mà không hiểu biết tình hình chánh trị, kinh tế trong nước là thế nào. Anh ở trong cung luôn và biết đặng một

hai chuyện ở ngoài thì nhờ có bá tước, quan năm Khả Lâm và mấy quan thượng thư.

Từ ngày anh lên ngôi tới ngày nay anh đã phê chuẩn gần mười cái án xử tử và chung thân khổ sai, vì tội toan mưu đánh đổ hay là vì thích khách nhà vua.

Anh không biết rằng đội lính tuần thành của anh mạnh không, các quan có hết lòng cùng anh không nhưng anh nghe bá tước thường nói rằng lính làm không được gặt, phải bắt trừ cho hết những kẻ đáng nghịch trong nước và cần phải cải cách nhiều việc.

Bá tước tuy nói như vậy mà lòng ông không phải vậy, ông lại càng muốn cho dân làm rối loạn để đánh đổ vua đi. Ông không có lòng thương nước, ông chỉ vì tư lợi, vì tách tham lam của ông mà thôi.

Lý Tố rất chú ý về những án tử hình lắm. Anh không phải có tính hung bạo ưa xem người đổ máu mà ký tên mình vào án không cần suy nghĩ.

Anh sợ cho anh làm cái quyền làm vua của anh và cái quyền ân xá của nước mà anh đang chấp chưởng.

Bởi cái lòng nhân từ của anh mà có lắm kẻ vô phần thoát khỏi cái tội tử hình, dầu cho kẻ đó có đúng hay không cũng vậy. Anh xem xét mấy tờ trình của trạng sư rất là kỹ lưỡng và trong cái sự công bằng anh có để chút lòng nhân.

Những hồ sơ mà người ta đem nộp cho anh thì cái nào cũng làm kỹ lưỡng lắm; trong đó có một khoảng thuật lại văn tắt cái buổi tòa xử và có luôn những hình của mấy phạm nhon trọng yếu nữa.

Một buổi sớm mai, bá tước Phiệt Năn Đi đem lại một xấp hồ sơ về một vụ thích khách mà tòa mới xử kỳ rồi. Ông lấy làm lạ mà vua đang chăm chỉ ngó xem cái hình của phạm nhon.

Ông bước lại gần vua, đằng sau lưng ông dòm tới ông thấy rõ ràng phạm nhon là một người đàn bà trẻ tuổi. Ông mới bót lấy làm lạ.

Nếu mà ông biết rằng hình ấy là hình của một cô đào hát xiệc tên là Mộng Hoa thì ông chắc không lấy gì làm lạ đâu. Ông biết vua là người hảo ngọt, ông chắc rằng vua thương tiếc cho một người còn trẻ, đẹp để làm vậy mà mang lấy tội tình.

Ông làm thỉnh để cho Lý Tố đọc hết cái bài thuật văn tắt cái buổi tòa hôm ấy.

Bài nọ không dài, chỉ có mấy hàng như vậy:

Phạm nhon khai tên mình là Văn Cơ nhưng đó chắc là một cái tên giả mà thôi. Tòa khếp vào tội muốn thí vua. Bữa lễ tôn vương, nàng ôm một bó bông trong ấy có giấu một khẩu súng lục. May sao xe vua gần tới tên lính tuần thành Ba Ly lại khám phá ra được. Tòa hỏi phạm nhon trả lời một cách khôn khéo lắm cho mình rằng không có ý thí vua mà là có ý dâng hoa mà thôi. Phạm nhon không thuộc vào đảng phải nào.

Kêu án năm năm cấm cố.

Trạng sư bào chữa: Việt Canh.

Lý Tố xem xong liệng qua mấy câu tòa hỏi và phạm nhon trả lời. Anh xem thật kỹ lưỡng mà lòng thì lo nghĩ và bối rối lắm.

Bá tước dứt vô một xấp giấy tờ khác. Công chuyện còn nhiều, phải ký tên cho mau mới được.

Lý Tố quyết trong bụng không nên để cho Mộng Hoa vào chốn lao tù mà chịu khổ ở trong năm năm. Anh ao ước trông mong tìm cho đảng Mộng Hoa chẳng đề chuyện đâu xui khiến cô lại tìm đến anh nhưng lạ một điều anh không hiểu là tìm đến làm gì.

Dung bông cho anh hay là giết anh?

Anh hỏi bá tước:

– Tôi muốn biết coi chuyện này cho rõ ràng. Tòa xử như vậy không đủ, tôi muốn hỏi tra mà thôi.

Bá tước không hiểu gì ráo trong chuyện này nhưng mà cũng không chùng trước mặt vua ông làm bộ không biết. Ông đáp:

– Tôi không hiểu rõ nhưng nếu Bệ hạ muốn biết tôi xin dò lại.

Lý Tố mau nói:

– Được lắm, ông đi dùm mau mau.

Nói vậy nhưng anh đợi không được, anh hỏi nữa.

– Phạm nhon bây giờ ở tại đâu?

– Chắc là giam tại khám đường.

– Tôi muốn thấy mặt.

– Chuyện đó không biết có được không.

Lý Tố nổi giận. Hôm nào tới nay chỉ có một lần này là lần thứ nhứt mà anh giận. Anh đã làm vua mà không có quyền sai khiến gì hết hay sao? Nhứt định không để cho mình mất quyền, anh buộc bá tước phải làm sao cho anh được thấy mặt người con gái ấy trong giây phút. Nàng không phải bị kêu án nặng, cái tội của nàng luật công bằng không có cơ gì mà quá trách, anh muốn thấy mặt nàng để hỏi lại cũng không hại gì.

Bá tước đứng cúi đầu làm thỉnh nghe nói, nhưng vậy mà trong lòng ông nó đã nảy sinh ra một cái kế độc hiểm sâu xa.

Chừng Lý Tố nói xong, ông nghiêng mình mà tâu:

– Tâu Bệ hạ tôi xin vui lòng lo chuyện ấy cho.

– Vậy thì được.

Anh lột cái mao quăng lên trên bàn bởi vì chuyện nọ làm cho anh xuất mồ hôi. Anh trông đợi, đợi bá tước làm xong chuyện ấy.

Lát nữa anh sẽ thấy mặt Mộng Hoa người yêu của anh. Bây giờ lòng anh đã thoi thối, anh không cho rằng anh ở trong ấy là buồn bực xốn xang nữa rồi. Cái cung điện này khi nào anh cũng xem nó như một cái khám đường mà bây giờ anh thấy nó tốt đẹp vô cùng.

Đứng trong cửa sổ ngó ra, trời một màu xanh biếc, gió thổi đẩy đưa cành cây ngọn cỏ.

Ở không đợi mỗi lòng, Lý Tố muốn cho qua ngày giờ kêu quan năm Khả Lâm lại đánh cờ.

Hai người ngồi đối mặt nhau, bàn cờ ở giữa. Lý Tố nói:

– Ráng đánh cho kỹ để thua đa; đánh cho kịch liệt, thế nào cũng phải chống cự tới cùng nghe không.

Lý Tố thắng đặt một bàn đầu lại thắng luôn bàn thứ hai nữa làm cho anh vui vẻ mà cười nói om sòm.

Mới có một lần thứ nhứt người ta thấy anh nói cười vui vẻ từ hồi anh làm vua đến giờ.

Chương XIX

PHẠM NHON

Khám đường ở sát một bên thành vua. Xứ này một xứ loạn lạc luôn luôn, mỗi lần đổi một đời vua là một lần người ta chết hàng vạn.

Bởi vậy vua nào cũng lo sợ mà xây thành đắp lũy cho thiệt chắc, nuôi tập mấy đạo binh cho mạnh mẽ.

Ông vua đời trước có nói một câu này: *"Một tấm vách thành, một cây guom – có vậy thì làm vua mới yên được đôi chút"*

Bá tước Phiệt Năn Đi chỉ đi có mấy bước, qua một con đường nhỏ thì tới chỗ giam những tội phạm.

Cái quyền của ông, cái chức của ông, hễ ông đi tới đâu thì không ai ngăn cản ông được không thua gì vua.

Có lẽ cái ngày may mắn của ông nó đã tới.

Tưởng có một cái dịp này nó làm cho ông đạt được ý muốn mà lại không phải gì nguy hiểm nữa.

Khi nghe vua bảo mình đem phạm nhon tới trước mặt vua thì lòng ông đã nghĩ ra một cái kế không lành rồi, ông muốn cây tay phạm nhon mà giúp cho ôngặng toại kỳ sở vọng.

Ông lấy hồ sơ ra xem kỹ lưỡng. Xem rồi ông hiểu chắc rằng phạm nhon vì một lẽ gì chẳng biết mà muốn hành thích vua.

Phạm nhon không thuộc đảng phái nào cả, nàng chỉ làm chuyện ấy một mình thôi. Biết vậy thì ông càng mừng hơn nữa. Không còn nghi ngờ gì cả, ông hiểu rằng chắc không phải vì chánh trị mà nàng muốn giết vua mà chỉ vì một cái tư thù, một cái thù về ái tình đó thôi.

Theo ý ông tưởng thì nàng là một tình xưa nghĩa cũ của vua rồi bị vua bỏ bê hay là làm sao đó không biết làm cho nàng sanh tâm oán hận. Cái dịp may này không bao giờ có nữa, ông phải nhớ lấy nó một khi này mà thôi.

Ông vừa xem vào tấm hình phạm nhon vừa nghĩ:

– Cô ta đẹp thật, mà có lẽ vì vậy mà vua để ý chớ gì.

– Đứng lại!

Bá tước vừa bước tới cửa khám thì bị một tên lính gác đón lại. Ông phải nói với quan cai ngục rồi mới được vào trong chỗ cấm ấy.

Chuyện ấy không khó gì lắm vì ông quyền tước lắm mà. Ông đã vào trong và thấy phạm nhon tỏ rõ.

Ông bộ cũng hảo ngọt, ông chưa muốn nói gì chỉ để hai con mắt mà nhìn cô nọ và tưởng thầm rằng:

– Hình ở đằng bóp chụp không khéo một chút nào hết, rõ ràng nó thua cái hình thiết ở ngoài xa quá...

Mộng Hoa lấy làm lạ mà không thấy ông ta nói một tiếng gì, cô nhút định đầu cho ông có hỏi thì cô cũng không khai điều gì khác hơn là khai trước mặt tòa vậy. Tuy vậy cô cũng không hỏi ông tiếng gì, cô đứng làm thỉnh đợi ông nói:

– Cô, Bệ hạ coi bộ tưởng đến cô nhiều lắm.

Bá tước nói câu này nghe hơi giả ngộ, mà ông lấy làm lạ mà nghe Mộng Hoa đáp rằng:

– Tôi lại càng tưởng đến vua nhiều hơn nữa.

Hai người làm thỉnh một chút rồi đó bá tước nghiêm nét mặt lại mà mời cô ngồi xuống, ông không phải xem cô như một phạm nhon thường mà là một kẻ nữ anh hùng, đáng kính mến...

Ông là một người khoa ngôn ngữ, một người rành nghề nói chuyện. Ông vừa nói vừa lật xấp hồ sơ ra xem:

– Nếu không lầm thì... Bữa đó cô đứng tại nấc thang nhà thờ phải không?... cô cầm một bó hoa trong tay... vua đi gần tới, mọi người đều rộn rục ngóng xem và tiếng reo mừng inh ỏi... xe vua đi tới... cô cầm sẵn một bó hoa làm như muốn liệng ra cho vua. Nhưng mà, cô không liệng, bó hoa sang qua tay trái của cô còn tay mặt thì cô đưa ra một khẩu súng lục sửa soạn bắn ngay vua, thì may một tên lính tuần thành ngó thấy mà nắm tay cô lại.

Mấy câu này trong hồ sơ không có nói, nhưng bá tước là một người lanh trí biết bày ra những chuyện làm như vậy mà chặn trước cô.

Ông ngược mặt lên hỏi cô:

– Phải chuyện như vậy không có?

Cô đáp lại tự nhiên:

– Có lẽ vậy.

Bá tước đẹp đống hồ sơ qua một bên rồi hỏi liền một câu như vậy:

– Tại làm sao cô muốn giết vua xin nói cho tôi nghe thử có đáng không?

Cô trả lời lại gắt rằng:

– Không!

– Được chuyện riêng của cô, cô muốn nói ra hay không tự ý cô. Nhưng tôi xin nói cho cô hay rằng vua muốn thấy mặt cô. Tôi tưởng vì người tiếc cái xuân xanh của cô mà muốn cứu cô ra vậy.

Ông lại tiếp một câu nữa nho nhỏ rằng:

– Tôi ước ao cho cô biết đùm cho cái lòng tốt của vua vậy.

Ông vừa nói vừa hơi cúi mặt xuống nhưng ông liếc mắt dòm xem coi gương mặt cô thế nào.

Ông rất vui lòng mà thấy cô nọ hơi đổi sắc sau khi nghe câu nói của ông. Cô đáp lại:

– Không sao! Tôi vẫn biết cái lòng tốt của ông luôn luôn, tôi biết tự hồi nào kia chứ.

– Thôi, tôi hỏi cô một chút vậy là đủ rồi, bây giờ cô chịu khó ở nơi đây mà đợi chừng tôi trở lại sẽ dắt cô vào ra mắt vua. Đừng lo chi hết, tưởng chừng đó thì cô muốn gì cũng được hết.

Bá tước trở lại phòng vua. Ông thấy vua đang ngồi đánh cờ cùng quan năm Khả Lâm mà gương mặt xem vui vẻ hơn mấy bữa nhiều. Đương lúc mê cờ nhưng Lý Tố cũng tạm nghỉ và cho quan năm Khả Lâm lui về để nói chuyện cùng bá tước. Anh hỏi:

– Sao?

– Tôi có gặp mặt phạm nhơn. Nàng vui vẻ lắm.

– Nàng có nói gì không?

– Nàng chắc làm sao Bệ hạ cũng muốn tiếp nàng mà nàng cũng muốn thấy mặt Bệ hạ nữa.

Bá tước bước lại tiếp rằng:

– Tôi tưởng không nên cho một người nào trong điện biết là Bệ hạ có rước nàng con gái nọ vào đây.

Chuyện này làm kín nhem thì Lý Tố cũng muốn mà bá tước cũng tính vậy. Lý Tố vui mừng mà hỏi lại rằng:

– Ông chắc làm vậy mà không một ai hay biết phải không?

– Không một người nào khác hơn là tôi.

– Cô ta có nói gì quan hệ không?

– Cô vui lòng thấy mặt Bệ hạ và nói cùng tôi rằng Bệ hạ có xem tôi là một người dễ hiểu vậy.

Lý Tố ngó mặt bá tước mà lòng có hơi lo một chút. Theo ý anh tưởng thì Mộng Hoa khó mà rõ cái chuyện thiệt ra làm sao.

Anh không biết Mộng Hoa tìm đến đây làm gì. Cô muốn gặp mặt ai? Lý Tố hay là ông hoàng Gia Cát Lợi? Anh suy nghĩ hoài mà không hiểu.

Bá tước tính với anh như vậy:

– Chiều này tôi lo cho cô một bộ đồ thường theo mấy người trong điện, đừng người ta có gặp cũng không sao. Tuy vậy tôi cũng ráng làm sao cho không có người lai vãng gần đây.

Lý Tố nghe vậy thì chịu lắm, anh nói:

– Như vậy được, được lắm.

Tôi đưa đồ cho cô đeo vào.

– Tự ý ông.

– Tôi dắt cô lại đây một mình.

– Phải vậy.

Bá tước đứng suy nghĩ muốn hỏi một câu mà không dám, Lý Tố thấy vậy thì nói rằng:

– Ông còn muốn nói chuyện gì nữa nói đi?

– Nhưng tôi phải dắt cô lại đây?... Tại phòng này hay là vào phòng ngủ của Bệ hạ?

Lý Tố có hơi thẹn, anh đáp:

– Trong phòng này, tự nhiên.

Bá tước nghiêng mình bước lui ra, cái mưu của ông nó đi dặng một khoảng đường rồi. Ông còn ngồi làm gì nữa?

Chương XX **MỘNG HOA TRƯỚC MẮT VUA**

– Đây, cái áo nầy hàng vừa đẹp lại may vừa khéo nữa, cô mặc vào thử tưởng xem xứng với cái sắc lịch của cô lắm.

Mộng Hoa thấy bá tước cho mình một cái áo để thay cho cái áo thường của mình mặc khi đi tới nay thì cười mà rằng:

– Cám ơn ông nhưng áo nào cũng dặng miễn là cho sạch sẽ mà thôi.

– Còn đồ nữ trang nầy!

– Đẹp lắm.

– Cô muốn đeo vào không?

– Được lắm, lát nữa tôi sẽ đeo thử vào.

Bá tước bước lại gần cô và nói nhỏ nhỏ bên tai làm như là hai người bây giờ đã đồng lòng thể thốt mà làm chuyện phản nghịch vậy:

– Những đồ này là của tôi lựa cho cô vậy, xin cô biết cho rằng tôi lựa toàn là những của đẹp mà thôi.

Ông dòm quanh quất.

Chỗ hai người ở đây là một cái phòng nhỏ trong góc đền vua, ở cách phòng vua không mấy bước. Bá tước vừa chỉ một cái bàn rửa mặt có kiếng vừa nói rằng:

– Chỗ này cô có thể vào thay đồ thông thả được.

Ông bước ra cửa vừa nói thêm một câu:

– Một lát nữa tôi sẽ lại rước cô đi.

Ông bước qua phòng khách của vua.

Lý Tố bây giờ đang ở trong phòng riêng của mình đợi chừng nào bá tước cho hay rằng có Mộng Hoa thì anh mới ra. Chuyện gì cũng phải làm trúng phép mới được.

Phòng khách của anh trống lỗng.

Bá tước đi qua đi lại suy nghĩ mà nói thầm rằng:

– Chỗ này được lắm.

Ông dòm quanh quất không ngờ thấy ai thì thò tay vào cái túi lấy ra một con dao nhỏ. Dao này làm thiệt khéo mà cũng thiệt nhọn thiệt bén, đàn bà Y Sĩ Lợi thường hay dùng lấy nó mà làm món phép hộ thân.

Ông cầm, ông ngắm xem kỹ lưỡng vừa mỉm cười coi bộ đắc chí lắm, ông bỏ lại vào túi rồi nói thầm rằng:

– Bây giờ có lẽ cô cũng đã thay mình rồi chẳng phải không.

Ông biết rằng thường đàn bà thay mình sửa soạn lâu lắm nhưng ông cũng biết rằng khi nào kìa chó khi này Mộng Hoa sửa soạn mau lắm. Mà thật vậy, Mộng Hoa mau mắn đã quen rồi, cái nghề làm đào làm kép là phải thay mình cho mau mới đáng.

Trong giây phút thì cô thay xong và đeo nữ trang vào mình. Bá tước vừa gõ cửa thì cô bước ra mở liền.

Khi ông thấy Mộng Hoa thì ông ngỡ sững, cái sắc đẹp của cô nó lóng lánh trước hai con mắt của ông. Cô mặc áo nhung đen làm cho thấy rõ ràng nước da vừa mịn màng vừa trắng trẻo nữa. Đồ nữ trang nhấp nhánh làm như gấm thêu hoa khiến cho bá tước tuy tuổi đã trọng mà phải nhớ lúc xuân xanh.

Sẵn đây ông lại cũng muốn thử lòng cô mà nói một câu này:

– Tôi không khi nào ước ao đăng làm vua nhưng một ngày kia có lẽ tôi sẽ ngồi thế cái chỗ cho vua bây giờ.

Mộng Hoa nghe câu nói ấy cầu cao và can đảm quá cũng phải giựt mình nhưng cười một chút. Bây giờ cô chỉ trông đợi cái lúc gặp mặt người kia mà cô tưởng là ông hoàng Gia Cát Lợi. Cô không biết rằng cái chuyện mạo hiểm của cô nó sẽ kết cục ra làm sao và cô quyết định nói với người hại Lý Tố biết rõ tấm lòng của cô rồi mới ráng hết sức mà giết cho được để báo thù cho Lý Tố.

Như vậy nhưng có được hay không, cô chỉ phú thác cho cái số mạng của cô và cho sự công bằng của tạo hóa. Cô nói với bá tước:

– Bây giờ tôi xin theo ông.

Bá tước nắm tay cô dắt đi mà nói:

– Cô bước vào phòng khách của vua đây, tôi đi cho người hay rằng cô đã đến rồi.

Ông dắt cô vào cái phòng rộng rãi là nơi Lý Tố ở mà làm việc trót ngày mà nói rằng:

– Cô ở đây chờ tôi chút rồi chừng năm phút nữa cô sẽ thấy mặt vua.

Ông bước ra ngoài cửa làm bộ như để đi kêu vua nhưng ông không đi luôn, ông núp lại ở ngoài rình xem chừng coi Mộng Hoa làm thế nào, xem coi cái kế của ông thành hay chẳng. Mộng Hoa ngồi làm thinh trên ghế, đồng hồ gõ bảy tiếng. Cô dòm chỗ này, ngó chỗ kia, con mắt cô nhìn ngay lại trên bàn và ngó thấy rõ ràng một cái dao nhỏ nằm trên chồng sách.

Cô lẹ tay chụp lấy, dấu vào trong tay áo, ngay chỗ trước ngực. Thành linh cô vùng sững sốt, ngực nhảy mạnh, hai con mắt mở lớn ra, hai tay cô ôm ngực, cô sợ lắm.

Cô lẹ tay mà bá tước cũng lẹ mắt, ông ngó thấy ông bước vào trước mặt cô ngay thẳng gương mặt nghiêm trang oai dũng Mộng Hoa chắc rằng chuyện đã không xong rồi, cô sẽ bị bắt giam lại khám đường mà cái mối thù nọ thì chẳng mong trả đặng.

Bá tước vùng nói thẳng rằng:

– Cô đưa cây dao ấy lại đây bằng không thì tôi kêu quan tuần cung tức thì.

Mộng Hoa ráng làm tỉnh cái lại rằng:

– Ông nói chi tôi không được hiểu.

Bá tước đưa tay ra.

Ngón tay trở ông chỉ ngay ngực Mộng Hoa trước cái da trắng của cô, trong cái áo đen, dao nhỏ ấy lộ cán ra rõ ràng. Mộng Hoa vì lật đật mà dấu không được kín hay là có ý để làm vậy đặng lấy ra cho mau mà dùng cũng không biết chừng.

Cô thấy đã bại lộ cơ mưu thì không biết làm sao chỉ đứng ngó trân trân bá tước mà thôi. Cô ráng tìm thử cho biết người này muốn làm gì mình. Tại làm sao ông chưa kêu lính lại? ông muốn gì khác?

Thiệt ra, chuyện này nghĩa làm sao? Có phải là một cái bẫy để đánh lừa cô không?

– Dưa cây dao lại đây.

Cô thò tay lấy ra đưa lại cho bá tước.

– Đây này.

– Tôi hỏi thiệt cô muốn làm gì?

– Tôi muốn giết nó.

Cô nói làm vậy nhưng ông đứng tự nhiên, ông muốn cho cô làm vậy. Mộng Hoa coi bộ bây giờ đã biết ý ông muốn cậy tay mình cô còn một chút hy vọng. Hy vọng của một mối thù quá nặng mà bấy lâu nay ôm ấp.

Guang mặt của bá tước bây giờ đổi khác, gương mặt ác thần. Cô ngó thấy tỏ tường hai con mắt sâu sắc, cái mặt vuông khó thương, cái trán cứng cỏi hể muốn gì thì được nấy dầu cho khó khăn mấy cũng làm cho được mới nghe.

– Cô muốn giết vua?

– Phải.

Bá tước bước lại kề tai nói nhỏ:

– Cũng vì có đó mà tôi đem cô vào đây.

Này giờ cô nghi ngại mãi, bây giờ cô nghe vậy mới thở ra hơi. Cô đã có một người giúp sức, một người cũng ghét ông hoàng Gia Cát Lợi như cô.

Người ta muốn lợi dụng cô dặng làm một món khí giới mà giết vua, biết vậy cô bằng lòng làm dặng mà trả thù cho người thương dầu chết cũng cam lòng.

Cô nói:

– Tôi xin nghe ông.

Bá tước là một người tôi bất trung, ghét người ta mà chẳng có can đảm lãnh chịu điều trách nhiệm.

– Nước tôi phải diệt trừ những dòng vua như vậy, những dòng vua làm hại cho nước cho dân. Lúc này là lúc phải làm mới được.

Vua bây giờ đã biết cô là ai mà lại bằng lòng thấy mặt cô. Cô quyết định làm vậy phải không?

– Tôi quyết định.

– Thế nào cô cũng phải làm cho chết.

Mộng Hoa bậm môi rồi nói:

– Chùng nào nó chết nằm dưới chơn tôi, tôi mới chịu ra khỏi chỗ phòng này.

Guơng mặt của bá tước dịu dần. Ông cũng lấy làm thương hại cho cô vì bối tình tình của cô quá nóng mà ông cũng phải cảm phục cái lòng, cái tình cao thượng của cô. Ông cũng còn phải dặn cô một vài điều nữa:

– Khi cô làm xong chuyện rồi thì cô bước theo ngã này mà ra.

Cô băng qua một cái vườn bông mà thẳng tuốt ra ngoài đồng. Rồi đó cô muốn đi đâu cũng được.

– Chùng xong chuyện thì sao cũng đừng, tôi không cần lắm.

– Cái đó tự ý cô...

Nói vậy nhưng ông thêm rằng:

– Nhưng tôi muốn cho cô về xứ đừng bình an, tôi ước ao lắm.

Mộng Hoa ngó mặt ông rồi cười một cách không tin lòng. Cô thấy rõ ràng người nói chuyện với cô có nhiều nét giả dối nhưng khéo làm mặt thật thà đó thôi. Cái đường mà ông chỉ cho cô đi ra, cô không biết có ra được hay không nhưng cô chẳng cần gì miễn là giết cho được người thù mà thôi, cô không kể cái mạng của cô.

Bá tước tiếp nói chuyện khác rất quan hệ rằng:

– Đồng hồ bây giờ là bảy giờ rưỡi, nếu quá đến tám giờ mà cô không làm xong phận sự thì sẽ có một cái tay khác làm thế cho, nhưng tội lỗi ấy sẽ buộc vào cho cô, cô gánh chịu.

Cô đáp lại khẳng khái rằng:

– Không cần một cái tay nào hết cả, cái này của tôi là đủ rồi.

Giao tính như vậy đã xong, không còn gì nói nữa nhưng còn phải lo mà hành sự của mình Bá tước để Mộng Hoa một mình ở lại

phòng còn ông thì ông đi rước cái người ghét của ông đi lại của tử cho rồi.

Cái mưu nào thuở này ông không dùng thì thôi bằng ông dùng thì không khi nào ông thất bại.

Chương XXI CHUYỆN CÀNG RỒI RẰM...

Trong phòng vua, Mộng Hoa một mình ngồi lo nghĩ. Cô day mặt ngó ngay ra chỗ cửa mà bá tước mới bước ra, cô xem chừng luôn luôn, tai cô cũng lắng nghe mỗi khi có tiếng động gì.

Tuy rằng lửa tình cô nung nấu, sức khỏe cô vẫn còn, đủ lực mà báo thù trả hận nhưng vậy cô cũng chẳng thể ngồi yên được. Lòng cô hồi hộp bức rức xốn xang, không biết mình sẽ làm sao, làm có được việc hay không.

Ông vua, mà nói cho đúng ra là ông hoàng Gia Cát Lợi là người cô muốn giết đặt báo thù cho người thương của cô có nghĩ ngại gì không? Người sẽ làm gì?

Tám màn lay động.

Chỗ ấy nằm trong góc, ánh sáng mờ mờ chỉ có chỗ Mộng Hoa đứng là nhằm chỗ sáng mà thôi.

Cô thấy trong bóng tối thấp thoáng một bóng người. Cô định rằng có lẽ là vua đấy.

Vua đứng chỗ đó đã lâu, làm thỉnh ngó cô từ hồi nào nhưng cô mới hay. Cô dòm kỹ thấy một người mang sắc phục quan binh, mấy cái nút vàng chói ra sáng sáng.

Cô thấy ngó mình, nhìn mình thì cô chào một cái rồi đứng ngó ngay lại đó.

Vua vẫn đứng trân trong chỗ tối mà không thốt một lời làm cho cô chờ khôngặng mới hỏi rằng:

– Bệ hạ cho đòi tôi?

Vua mở miệng kêu nhỏ vừa đủ nghe:

– Lại đây!

Cô bước đi ngay lại vua, phen này cô cũng ở trong bóng tối vậy. Cô nhìn biết là cái người ở lữ quán Sa Tiên lúc nọ, cái người mà làm cho cô thảm khổ, chẳng biết cái sống là vui.

Cái lưỡi dao nhỏ nằm cắn chặt cô, cô vững lòng mà tưởng rằng hễ rằng cô xoay tay một cái là thù kia xong trả.

– Tôi đến đây ngài dạy bảo chi?

Hai người bây giờ đã đứng gần nhau không quá hai bước. Vua vẫn không nói một tiếng gì cả mà hai con mắt thời vẫn nhìn một cách thương yêu vô thời hạn.

Thấy vua không nói gì cô phải mở lời trước nhưng cũng chẳng phải dễ gì nói. Khi nọ ông hoàng Gia Cát Lợi có phải là hiền từ và chùa chiền như bây giờ đâu, mà bây giờ ông làm thình làm tỉnh thì cô tưởng là ông vì chức tước của ông quá trọng nên ông không liếng xáo nữa.

Ông có biết rằng mong hành thích ông, cô bị bắt không?

Ông kêu cô lại làm gì?

Cô muốn bỏ lơ làm lãng chuyện xưa nên cô nói:

– Bây giờ tôi đã rảnh rang, tôi không còn làm trong gánh xiếc nữa.

Cô vừa nói vừa mỉm cười nhưng vì ở chỗ không được sáng nên vua chẳng thể xem thấy đặn trong cái nét cười ấy có những vẻ thương tâm đau đớn.

Cô lại tiếp rằng:

– Buổi tối này tôi xin hầu ông và hết lòng cảm ơn ông có lòng tưởng đến mà vời tôi đến đây.

Lý Tố thở mạnh, mình xuất mồ hôi và làm như có một vật gì nó chặn ngang họng anh vậy.

Mộng Hoa lại lấy làm lạ mà thấy anh làm thình mãi và đứng tro tro lại đó.

Cô tưởng anh giận, cô lại càng bước lại gần.

– Ông chẳng tha cái lỗi mọn của tôi khi xưa tại Sa Tiên lữ quán sao?

Cô thấy anh đưa tay ra làm như muốn chụp tay cô nhưng anh nghĩ làm sao chẳng rõ mà anh lại lấy tay vô.

Hai người làm thỉnh mãi.

Lúc này Mộng Hoa sao chẳng ra tay? Là vì cô thấy cái cử chỉ của vua làm vậy mà cô lấy làm lạ.

Bây giờ Lý Tố vùng hỏi:

– Ấy vậy, cô vui lòng mà đến đây chẳng?

Mộng Hoa ngó mặt vua.

Tiếng nói ấy làm cho cô giật mình nhưng vậy lòng cô đã tưởng Lý Tố là chết rồi cô có dè dặt người nầy thế mạng và thế chúc cho người kia.

Lần nầy là lần thứ hai cô lăm người nầy với người kia.

Thấy cô không đáp lại Lý Tố mới hỏi lại rằng:

– Sao? cô vui lòng mà đến đây phải chẳng?

Cô đáp lại ngay rằng:

– Phải vậy.

Nói rồi cô day mặt chỗ khác cho anh đừng thấy nhưng cô cũng hổ người mà nói:

– Con gái thường hay đại dột, từ lúc ông đi rồi tôi nghĩ lại mấy chuyện tôi làm khùng tôi lấy làm ăn năn lắm.

Anh gạt đầu mà nói hơi gắt rằng:

– À!

Cô liền bước lại sát mình anh.

Cô chưa ra tay, có lẽ cô không đủ can đảm mà làm cái chuyện làm vậy. Cái sức khỏe của cô đâu mất, nó phản nghịch cô nên cô không giết cái người mà cô muốn giết, mà cô đã thể giết cho được mà cô mới nghe.

Ai cũng hiểu rằng cầm dao mà giết một người không phải là dễ dàng gì mà nhút là một người đương đứng hay là đương ngủ. Lương tâm của mình không bao giờ giúp sức mình.

Mộng Hoa ráng cầm mình cho đừng tỉnh táo, bao nhiêu trí não đều gom lại làm một chữ thù. Cô đưa tay nắm lấy dao, nhưng cô không vừa kéo ra thì tay cô bị nắm chặt làm cho cô mất cả hồn vía tưởng rằng mình đã bị lậu cơ mưu.

Lý Tố nắm tay cô kéo ra ngoài sáng.

Bây giờ con mắt của hai người mới ngó kỹ càng rõ ràng mọi vật được.

Chuyến này Mộng Hoa ngược mắt lên nhìn tận mặt. Cô chẳng nói đặng lời gì chỉ la một tiếng lớn là thôi.

Cô nhận được là Lý Tố.

Nếu thuở này người nọ ai cũng lầm hai người giống nhau thì Mộng Hoa cũng phải lầm như vậy.

Con mắt của cô lầm, lỗ tai của cô lầm, nhưng tấm lòng của cô chẳng hề lầm, người thương và người ghét được.

Cô la một tiếng hai tay chấp lại gương mặt vui vẻ một cách lạ thường.

– Lý Tố! Anh phải không?

Lý Tố lui lại một chút, một bước thôi còn cô thì đưa hai tay ra muốn ôm anh nhưng anh không để vậy, anh lấy tay mà đẩy cô vừa nói:

–Ừ, phải!

Tiếng này làm cô đau lòng và tức dạ. Cô tưởng rằng cô nhìn được Lý Tố thì Lý Tố cũng vui vẻ nhìn cô chẳng dè Lý Tố không biết tới cô, có chiều nguội lạnh cùng cô mà quên hết những lời hẹn cũ thề xưa.

Chuyện của hai người này mình xem mình thấy rõ ràng làm vậy chớ còn họ, họ không rõ hết thì họ không biết, họ lầm nhau là phải.

Lý Tố tưởng rằng Mộng Hoa đã bỏ mình mà theo ông hoàng Gia Cát Lợi và lầm mình là ông mới theo đến đây mà thốt lời như trên kia vậy. Anh ta ngán ngẫm cho nhơn tình thế thái, cho cái lòng của con người mà buồn tanh.

Anh muốn thấy mặt cô, mà chùng thấy cô, nghe cô mở môi mà nói mấy lời với anh như vậy thì anh không vui chút nào. Anh lại không thấy kịp cô muốn lấy dao ra nên anh nổi giận hỏi rằng:

– Bây giờ cô còn muốn gì ở đây làm gì nữa?

Cô làm thình nước mắt đầm dề vì cái người thương của mình, cái người mà mình liêu sống với họ lại đi nói một câu rất đau lòng cô như vậy.

– Anh!

– Anh gì nữa.

– Cho tôi...

– Thôi đi, cô nào có đến đây tìm tôi? Cô đi tìm thằng khốn nạn Gia Cát Lợi kia mà.

Cô lắc đầu, trái tim cô đập mạnh quá làm cho cô muốn ngất ra bất tỉnh, anh lại tiếp:

– Vậy mà khi nào cô thể thốt rằng cái tình của cô cùng tôi dù cho bề cạn non mòn cũng không đòi đổi?

Tại làm sao Lý Tố lại chẳng hỏi coi Mộng Hoa có được thơ của mình lúc nọ chẳng? Anh tưởng cho cô chẳng đặt thơ nên cô mới lầm cho anh là ông hoàng.

Đã vậy mà lúc này anh giận quá, anh ghét, anh chán cho cái người đàn bà mà bấy lâu anh thương tưởng vô cùng rồi ngày nay đi lại gạt anh làm cho anh đau đớn xốn xang, làm cho anh không biết chữ tình là sao nữa.

Cô gượng đưa tay ôm lấy anh một lần nữa nhưng anh phen này anh xô mạnh, làm cho cô té nhào xuống đất mặt mũi đầm dề, không còn sức mà đứng dậy nổi. Cô đau đớn quá.

Lòng anh cũng đau đớn bức tức quá, anh tiếp thêm rằng:

– Cô làm cho tôi mất cả hy vọng về sau mà lại đau lòng về chuyện trước, cô làm cho tôi chẳng biết sống đây là vui mà có lẽ cô làm cho tôi chết dạng.

Nói rồi anh bước lại gần cô, cúi xuống mà thêm một câu quá nặng nề này nữa:

– Cô phải mau mau bước ra khỏi chỗ này... nghe không? Và nhớ từ rày về sau đừng cho tôi thấy mặt nữa... Đi mau ra... cô ở đây càng làm cho tôi gay mắt đau lòng hơn nữa.

Cái tấn tuồng thảm thiết cho Mộng Hoa là đường nào?

Trước mắt anh là một người đàn bà làm vậy Lý Tố nghe dường như mùi cay đắng bức tức tới cuống họng anh vậy. Anh chán ngán, anh bước lại cửa sổ ngó mông ra ngoài.

Chòm mây đen kịch bị gió đưa ngang làm cho khuất mất bóng trăng tròn đương chiếu rạng. Sau lưng anh, anh nghe Mộng Hoa nói mấy tiếng đau thương tức tưởi:

– Anh! day lại nghe tôi đây.

Anh không thềm day lại, quyết định chẳng thềm nghe. Anh nhớ lúc cùng nhau ngồi dưới bóng trăng, bên bãi cát mà hẹn ước thì anh bồi hồi trong dạ, anh tuy giận mà thương, tuy hờn mà không nỡ. Anh nghe Mộng Hoa kêu một lần nữa. Giọng nói yếu ớt mà đau thương ấy lọt vào tới trong tâm phổi anh làm cho anh phải xiêu động tấm lòng mà thuở nay anh thường cho là cứng cỏi.

– Tôi nghiệp cho em lắm.

Anh day lại nhìn cô. Cô muốn đứng dậy, hai tay chỗi dưới đất mà nước mắt thì vẫn trào ra hai bên má.

Anh vùng dậy động lòng thương.

Anh quên giận, bước dậy đưa tay đỡ cô đứng lên. Tuy vậy anh cũng không nói gì anh sợ cho mình vì sắc mà phải lụy, phải lầm nữa chẳng.

Cô đứng không vững, phải dựa vào mình anh, ngược mắt lên nhìn anh mà nói:

– Em tìm đến đây mà báo hận cho anh, nhưng anh làm em đau lòng quá.

Mấy tiếng ấy làm cho Lý Tố nghe mà tấm lòng thương hại.

– Vậy, khi nãy em không biết là anh hay sao?

– Không!

Cô lắc đầu, và bắt đầu thuật lại tự sự trong lúc mình tại Sa Tiên mà mắc mưu ông hoàng nọ cho tới ngày nay.

– Còn bức thư của anh gửi, em không có đăng hay sao?

Bây giờ chuyện đã rõ ràng minh bạch. Ở đời thường khi chuyện gì đã trật trật một chút thì nó có thể làm hại cho người chẳng ít.

Một bức thư đi không tới chỗ, một chút vậy mà hại người phải ở trên một cái tiền nghiên nguy hiểm, thảm khổ. Bây giờ hai trẻ thanh niên nam nữ rất vui, rất toại lòng mà tỏ những nỗi thảm khổ trong lúc cùng nhau cách biệt.

Ân tình dài mà giờ khắc vắng, đương minh câu chuyện bỗng dâu Mộng Hoa vùng ngó lên vách và nhìn sững cái đồng hồ treo trên đó.

Cô giựt mình, hai tay nắm chặt lấy hai cánh tay của Lý Tố làm cho anh lấy làm lạ, anh nhìn cô, anh cũng sững sờ lo sợ vì cái gương mặt sồn sát của cô. Mộng Hoa thấy rõ ràng là tám giờ thiếu hai phút.

Cô ghen ngào, chảy nước mắt, giây lâu mới nói được rằng:

– Thôi rồi, em hại anh.

Lý Tố không hiểu gì cả.

Anh vẫn đứng gần cô, nắm tay cô, anh chẳng khi nào tưởng rằng sẽ có một chuyện gì khác nguy hiểm cho anh.

Anh còn đương ngỡ ngẩn thì Mộng Hoa hối hả nói lại chuyện mình kỳ hẹn với bá tước cho anh nghe vậy:

– Khi nãy em vào đây là cố ý giết anh... Muốn giết ông hoàng Gia Cát Lợi... cái người ấy biết vậy mới giao cây dao nhỏ nầy cho em làm sao cũng giết cho được trước tám giờ... Mà bây giờ đồng hồ đã chỉ tám giờ thiếu một phút thì em chắc rằng người ấy đã ở ngoài cửa ấy nầy rồi... Anh đừng đi, đừng ra, em chắc có người ở ngoài mà hại anh.

Cô vừa nói vừa dòm ra cửa một cách lo sợ lắm.

Lý Tố đi ngay ra nhưng khi anh vừa thò tay mở cửa thì cô nắm lại và nói:

– Không! Anh đừng mở.

Anh thấy cô lo sợ quá, anh cũng nghi có chuyện chẳng lành nên bước trở vào.

Lý Tố là một người cứng cỏi, đầu gặp chuyện gì nguy hiểm mấy anh cũng chẳng nao lòng, anh vẫn có thể mà giữ mình luôn luôn.

Anh hỏi lại Mộng Hoa, anh rõ hết mọi chuyện đã xảy ra là thế nào. Chùng nào Mộng Hoa thuật rõ, đầu đuôi thì anh làm cho cô vững lòng.

– Không sao! Em đừng lo phen này chúng nó không làm gì đặng anh đâu.

Thấy anh tỉnh táo làm vậy Mộng Hoa cũng yên tâm được đi đôi chút. Cô nói:

– Anh muốn gì thì em làm cho, em nghe anh và em theo anh.

– Để anh làm.

Hai người làm thình, kê tai vào cửa lắng nghe. Được một chút lâu lâu, Mộng Hoa nắm lấy tay Lý Tố mà bóp mạnh. Anh nháy mắt một cái tỏ ý rằng:

– Ừ, anh nghe.

Tiếng người đi động mé ngoài mà tiếng ấy lại càng gần làm như muốn đi ngay lại cửa vậy. Cái nút vặn xây qua nhẹ nhẹ, cánh cửa mở hé ra.

Tức thì Lý Tố nắm tay Mộng Hoa bước ra ngay mặt cái người muốn đi vào đó.

Bá tước Phiệt Năn Đi giật mình bước trái ra sau vì ông thấy vua thình lình trước mặt không đầy nửa bước. Cái thói quen kính trọng chúa vua vẫn còn trong mình ông nên ông cúi đầu làm lễ:

– Bệ hạ!

Tuy vậy Lý Tố không có ý xem chẳng thấy được cái lính quỳnh của ông.

– Ông tránh qua.

Anh vừa nói vừa đưa Mộng Hoa đi ra trước.

Bá tước còn đương sững sốt nên chẳng nói được câu gì. Chùng Mộng Hoa đi đặng mấy bước ông mới day theo đưa tay ra ý muốn kêu lại nhưng Lý Tố chặn ngang ông và nói với cô rằng:

– Đi đường này, xuống thang lầu mé tay mặt mà ra vườn. Chùng ra ngoài hãy ở lại đó mà đợi anh.

Mộng Hoa thoát chạy ra ngoài còn Lý Tố thì đứng ngay trước mặt bá tước:

– Ông đứng cản trở làm gì, tôi lấy áo lạnh rồi sẽ theo cô ấy.

Cái tuồng khi nãy thế nào, bá tước cũng không rõ đằng một chút ít. Ông không trông mong gì cô nọ nữa, phen nầy ông quyết cạy tay ông không nên dụ dợ gì nữa mà không ra tay cho rồi vì làm sao Mộng Hoa cũng khai ra cái mưu của ông. Nếu ông không dám trừ vua thì ngày mai thế gì ông cũng phải bị bắt và tổng giam vào khám.

Ông cản Lý Tố đứng lại.

Cái tay ông nãy giờ giấu trong áo bấy giờ lại đưa ra; Lý Tố thấy rõ ràng một cây súng sáu thì hỏi rằng:

– Ông lại muốn giết vua, vua của ông?

Bá tước sượng sùng, nhưng cắn răng mà trả lời mấy tiếng độc hiểm như vậy:

– Phải, tôi đi lại đây giết vua. Vì người đàn bà ấy không giết nên tôi phải giết nhưng tội lỗi thì phần cô ta gánh chịu.

Lý Tố mặt không đổi sắc một chút nào, anh vỗ vai bá tước mà nói giọng nghe rất vui vẻ:

– Nếu vậy thì ông phải đi tìm chỗ khác còn bây giờ đây thì ông làm to rồi.

Nói rồi anh lại làm nghiêm để tỏ rằng chuyện nầy chẳng phải chuyện chơi; anh bước tới lấy tay đỡ vệt cây súng ra một bên rồi kê miệng nói nho nhỏ rằng:

– Tôi là một người soán vị.

Bá tước nghe nói vùng ngó sững Lý Tố và mới gần rằng:

– Một người soán vị?

Lý Tố gạt đầu một cái.

– Phải, một người soán ngôi vua. Tôi chẳng phải là vua mà cha tôi khi trước cũng chẳng hề làm vua; thuở giờ tôi chẳng có khi nào ở trong xứ nầy trừ ra một tháng nay mà thôi. Như vậy ông bằng lòng để cho tôi đi hay không?

Bá tước làm thính, ông không biết liệu lẽ nào còn Lý Tố thì nói tiếp rằng:

– Thôi thì để tôi đi phức cho rồi, ở lại đây làm gì?

Nói xong anh bước tới nhưng không đứng, cây súng đưa ngay lên mặt anh.

... Một chút,

Bá tước Phiệt Năn Đi bây giờ mới chắc rằng Lý Tố không phải thiệt là vua. Ông nhớ lại rõ ràng mấy lời nói của người đàn bà mặc đồ tang đi châu vua hôm nọ; người ấy cũng quả quyết rằng chẳng phải là vua vậy.

Tuy vậy cũng khó tính cho ông một chút.

Lý Tố là một người mà ai ai cũng nhìn nhận là vua, bây giờ nếu ông để cho anh đi thì ông mới nói làm sao được với người ta đây? Phần việc của ông là phải giữ vua và chăm nom cho vua luôn luôn.

Nếu muốn giết Lý Tố thì dễ vì ông đã sắp đặt xong để tội lỗi về một người khác chịu chớ cái nầy vua đi mất, vua trốn thì tội ấy về ông.

Ông muốn rõ hết các chuyện của Lý Tố nên vẫn cầm súng đưa ngay anh và buộc anh phải thuật lại gốc ngọn cho mình nghe. Lý Tố thật tình, đem hết chuyện mà thuật lại rõ ràng tưởng rằng làm vậyặng ông ta thả mình đi. Anh tỏ thật anh là ai:

– Tôi là một anh hề hát xiếc, nếu ông để thông thả thì tôi cảm ơn ông mà gởi cho ông giấy mời đi xem hát.

Rồi đó, anh thuật lại tự làm sao anh biết ông hoàng Gia Cát Lợi; ông nầy muốn khuyến dụ Mộng Hoa nên mới xảy ra cuộc gây gỗ cùng nhau mà rồi rốt cuộc thì ông hoàng lợt xuống hố sâu.

– Thôi bây giờ ông đã biết hết chuyện rồi, ông hãy để cho tôi đi. Người đàn bà ấy trông tôi lắm.

– Khoan đã.

Phen nầy Lý Tố biết rằng chuyện đã chẳng lành, phải khéo khôn làm sao mới được...

Guơng mặt bá tước vẫn lườm lườm không thôi, chuyện gì ông cũng giữ phần chắc cho mình luôn luôn. Ông khởi nói:

– Bởi vì ông không phải là vua...

– Vậy chớ sao?

– Bởi vì ông không phải là vua nên tôi bắt ông cái tội giết vua.

Cái lúc này là lúc nguy cho Lý Tố lắm nhưng vậy mà nếu mình lanh lợi tỉnh táo thì cũng chẳng sao cho mấy.

– Được, tôi bảo vậy mà ông chẳng bằng lòng làm vậy thì tự ý ông. Bây giờ tôi ở lại làm vua, tôi vẫn là vua, tôi xin ông phải xem tôi là vua như mọi bữa vậy.

Bá tước nghe Lý Tố nói cứng quá thì ông cũng phải mềm đi. Ông không dè cho Lý Tố nói trở lại đừng làm vậy, ông lưỡng lự không biết có nên làm gắt trong lúc này hay là làm lờ mờ chờ dịp khác. Cây súng của ông vẫn đưa ngay Lý Tố nhưng cái tay của ông lại hạ xuống một chút. Anh Lý Tố thấy vậy thì biết rằng lời nói của mình có công hiệu, mình phải biết thừa cái lúc yếu trí của bá tước mới đúng. Anh nói nữa:

– Sao? tôi là vua, ông lấy có gì mà ông cho rằng không phải ông nói tôi nghe thử coi. Tôi sợ ông. Bây giờ bạn của tôi là Mộng Hoa đang ở ngoài vườn, nếu ông giết tôi thì ông không chạy đâu cho khỏi tội, còn Mộng Hoa thì có sao đâu, lính canh thì đã có thấy cô ra ngoài rồi.

Lý Tố nói vậy làm cho ông càng thêm lo hơn nữa. Anh ta không còn đợi chờ gì lâu nữa; bàn cờ đã đánh, anh lại thắng; anh bước ngang qua mặt bá tước rồi nhanh chơn đi mất.

Trước khi quẹo xuống thang lầu, anh quay mình lại đưa tay chào bá tước một cái thì cũng còn thấy ông đứng sững tại đó tay cầm cây súng vô dụng xuôi lơ xuống đất.

Chương XXII THOÁT VÒNG NGUY HIỂM

Mộng Hoa bước xuống thang lầu và đi thẳng tuốt ra ngoài vườn. Nhờ đêm hôm tối tối nên chẳng một người thấy dạng cô.

Xa xa, trên vách có đốt một ngọn đèn lu, cái tối mờ mờ ấy giúp cho cô trốn dễ dàng.

Đêm tối không ai đi lại, trên trời thì có mấy chòm mây đen kịch án khuất cả sao. Cô nắm lấy cái choàng kéo vào mình đứng lại chờ Lý Tố vì sợ anh ra mà không gặp.

Đứng đặng một lát, cô sợ người ta thấy mình nên cô bước lần tới, ý muốn ẩn mình dưới bóng cây đằng trước.

Cô vừa đứng lại trong lùm cây thì nghe có tiếng người đi động trên sỏi. Ngực cô nhảy mạnh. Cô tưởng có người theo cô nên cô nép sát mình vào trong bụi, nhưng rủi cho cô, cô vướng chân nhả một nhánh cây nhỏ dưới đất làm cho cô gần té.

Cô gương dậy, chưa đứng lại đặng ngay thẳng thì đã có một cái tay để xuống vai cô và cô nghe tiếng hỏi nhỏ rằng:

– Ai đây?

Cô đứng lại ngay thẳng, cô thấy một người lính đứng trước mặt, lưỡi gươm nhấp nháng trên đầu cây súng.

Cô sợ quá không biết trả lời làm sao; cô dự dự rồi mới nói rằng:

– Tôi ở đây đợi vua.

Tên lính không tỏ chút gì hung bạo, anh ta cúi nắm lấy tay cô mà dắt đi trở vào trong.

Tới đây Mộng Hoa lại thấy có hai người lính canh khác nữa, súng ống hẵn hoi đứng coi uy nghiêm lắm. Cô đương sợ sệt bỗng nghe trong bóng tối gần đó có tiếng hỏi rằng:

– Chuyện gì vậy?

Tên lính dắt cô ra nghe hỏi thì đáp rằng:

– Dạ bẩm quan, chúng tôi đón được ở đây rồi.

– Được lắm!

Cô nghe động và nghe tiếng gươm khua thì biết rằng quan ấy đứng dậy mà đi ngay lại cô. Một tên quân cầm đèn soi lên cao để rọi cho sáng đường cho quan đi.

Ngọn đèn vừa sáng quan đã đứng trước mặt cô chào cô một cái rồi nói:

– Bá tước dẫn chúng tôi ở đây mà chờ cô xuống và không cho cô được ra ngoài.

Câu nói nhẹ nhàng làm vậy nhưng Mộng Hoa biết rằng nguy cho cô lắm; cô bị bắt, cô hiểu rằng bá tước nói gạt cô. Ông chỉ đường cho cô ra, nghe coi bộ dễ dàng lắm nhưng ông lại ra lệnh cho người ta đón bắt cô khi cô đang còn trong vườn.

Cô nghe nói bá tước bảo bắt cô mà cô không lấy gì làm lạ, cô làm như đã rõ bụng của bá tước rồi vậy.

Khi ban đầu cô âm mưu với bá tước dặng giết vua mà bây giờ cô lại âm mưu với vua mà đi trốn. Cái chuyện nó đổi ra bậy bạ và rối tung làm vậy.

Cô bị bắt cô ráng cuống cãi lại:

– Không! Tôi tưởng cho ông lầm rồi; tôi ở đây chờ vua và tôi chắc rằng lệnh của bá tước không ăn nhập gì với tôi cả.

Quan nọ lắc đầu:

– Không phải vậy!

– Ông chắc vậy sao?

Cô nói mà ráng mỉm cười có ý làm cho quan ta tin mình nhưng quan ta vẫn lắc đầu mãi:

– Không tôi không bao giờ lầm đâu, Bá tước có vẻ hình dạng của cô cho tôi nghe kỹ lưỡng lắm. Cô nói sao chứ tôi quả thiệt không lầm.

Ông lại thở ra một hơi dài mà tiếp rằng:

– Tôi không muốn làm nhọc cô chút nào nhưng vì phận sự của tôi làm vậy xin cô biết cho. Bây giờ cô hãy bước vào trong nấy ngồi nghỉ mà đợi xem coi bá tước ngài dặn lẽ nào.

Ông ta vừa nói vừa đưa tay chỉ vào chỗ mình đi ra khi nãy.

Mộng Hoa không ngó theo mà lại ngó lên thang lầu chỗ cô đi xuống. Cô trông chừng Lý Tố, mà Lý Tố biệt tăm. Anh làm gì ở trên lầu vậy? Nếu anh xuống tới dưới vườn mà không thấy Mộng Hoa thì làm sao?

Nhưng vậy chẳng biết anh có xuống dặng không? Anh làm gì với bá tước ở trên?

Mộng Hoa sợ bá tước, sợ ông giết Lý Tố bất tử vì chuyện đã tính trước làm vậy, tính cho cô mang tội ấy. Bá tước là một người dám làm liều chẳng phải như ai đâu.

Đương cái lúc cô hồi hộp lo sợ, cô cũng còn có ý trông chừng Lý Tố luôn. Cô nói:

– Không, tôi không muốn vào trong, tôi muốn ở ngoài này thôi. Tôi không chạy trốn đi đâu mà ông phòng sợ.

Cô ngó quanh quất rồi cười mà tiếp rằng:

– Mà dầu tôi có trốn nữa thì trốn đi đâu bây giờ.

Nếu là một người đàn ông thì đã bị bắt rồi nhưng với Mộng Hoa thì quan ta cũng vị lòng một chút, hai nữa ông cũng biết rằng sức đàn bà dầu có muốn chạy cũng không chạy khỏi. Ông bằng lòng cho cô đứng ngoài, chừng năm phút ông nói:

– Cô ở ngoài này nhưng ở một mình không được.

– Không, tôi có muốn ở một mình đâu, tôi lại muốn có ông cho vui chớ.

Quan ta coi bộ bằng lòng lắm. Ông trợn mắt ngó anh lính cầm đèn mà rằng:

– Chối con mắt lắm! Xách đi vào trong đi.

Ông ta cũng bảo mấy anh lính kia cùng đi vào trong hết để cho một mình mình canh giữ Mộng Hoa mà thôi.

Mộng Hoa không có ý muốn trốn tránh đi đâu cả; cô chỉ muốn ở đó chờ Lý Tố mà thôi. Ngồi không, cô kiếm chuyện nói cùng quan ta rằng:

– Tôi sợ cho vua có chuyện gì sao chớ.

Ông day mặt ngó cô, quên cô là một người mình đang canh giữ và hỏi rằng:

– Chuyện gì? Vua làm sao? Sao cô biết?

– Hồi này tôi để ông ở trong phòng với một người đáng sợ.

– Người nào?

– Bá tước Phiệt Năn Đi.

Ông lui bước mà nói:

– Ở đây không ai được phép nghi cho ngài chuyện gì hết, ngài ra lệnh ai cũng phải tuân theo.

– Ông lại hơn vua nữa sao?

– Phải, ông làm hết thấy chớ vua có làm gì đâu.

Mộng Hoa nghe câu trả lời ấy lại càng thêm lo hơn nữa.

Thình lình cô phát rùng mình.

Cô nghe tiếng người bước mau trên mấy nấc thang. Cô vừa nghi vừa sợ vừa đưa mắt nhìn ngay lại chỗ có tiếng động ấy.

Trong bóng tối có một người bước ra, Mộng Hoa nhận quả là người yêu của mình. Lý Tố mặc một bộ đồ võ, ngoài có choàng một cái áo lạnh.

Mừng quá cô liền mở miệng kêu rằng:

– Đây này, lại đây!

Lý Tố ngừng chon, dòm ngay lại rồi bước đi ngay lại trước mặt cô.

Quan nọ đứng lại ngay thẳng chào vua nhưng khi Lý Tố dắt Mộng Hoa bước đi thì ông rút gươm ra đưa ngay cản lại mà rằng:

– Bệ hạ, ông vâng lệnh giữ chỗ này đêm nay không cho ai được ra.

Lý Tố trợn mắt nói xẵng rằng:

– Ta ra cũng chẳng được nữa sao?

Quan nọ cúi đầu thưa nho nhỏ rằng:

– Dạ cũng không dặng nữa.

– Ai ra lệnh vậy?

– Bá tước.

– Mà ta muốn đi...

– Phận sự của tôi là đủ quyền ngăn cản.

– Đủ quyền ngăn cản?

– Dạ...

Quan ta dạ một tiếng nho nhỏ mà hơi run.

Ông bây giờ rất làm khó liệu vì một là phận sự, một là lệnh vua mà mình thì ở giữa.

Lý Tố nghĩ thầm chỉ có dùng mưu chước mới là đi được. Anh nói:

– Vậy thì hãy kêu quan năm Khả Lâm và nói rằng ta muốn nói chuyện với ông ngay bây giờ đây.

Quan nghe nói cả mừng vì đang trao cái gánh nầy lại cho một người khác.

– Dạ được, quan năm vẫn ở gần đây.

Ông sai một tên quân chạy đi mời quan năm làm cho ông lấy làm lạ không hiểu chuyện gì trong lúc nửa đêm. Ông hỏi:

– Cái gì vậy? Chuyện gì vậy?

Tên quân dẫn đường cho ông đi, chừng ông thấy có một đám người có vua, Mộng Hoa và quan tuần nọ thì ông mới hết lăm bầm mà lại hỏi rằng:

– Bệ hạ đi đâu chừng nầy?

Lý Tố vùng cười.

– Chừng nầy, chừng nào cũng được chớ làm vua rồi lại không được dạo vườn mà thưởng trăng hay sao?

Quan năm ngó sững:

– Không, có trăng đâu mà thưởng trăng?

Lý Tố bước lại gần ông:

– Vậy thì càng hay lắm, tôi lại muốn tìm chỗ cho thật tối.

Quan năm Khả Lâm dòm tới trước mà nhìn mặt Mộng Hoa rồi ông hiểu liền. Ông biết tánh ý của vua ông hỏi thuở nào tới bây giờ.

Ông cười mà rằng:

– Bệ hạ muốn đi chơi đâu lại không được nhưng phải nhớ sáng dậy cho sớm mà xem xét giấy tờ mà ký tên cho rồi.

– Cái đó ông khỏi lo.

– Đêm nay Bệ hạ đi có tôi chứng giám cho nhưng đừng đi luôn mất mà báo lại chúng tôi đi tầm như trước nữa.

– Không đâu, làm vua không làm lại bỏ đi đâu cho cực.

Anh làm thỉnh giây lâu rồi lại tiếp rằng:

- Tôi đi ra đây bá tước có nói gì không?
- Không, có tôi đây mà.
- Ông không sợ bá tước sao?
- Không! Không! Tôi có thể làm cho va êm dặng.

Lý Tố bèn vịn vai ông mà hỏi chắc rằng:

– Nếu tôi bảo ông đi bắt bá tước vì tội lộng quyền thì ông làm sao?

– Tôi đi bắt liền.

– Vậy thì ông hãy đi đi... Vì khi này bá tước cầm súng mà vào phòng làm việc của tôi, bây giờ nếu ông lại đó thì có lẽ ông gặp ông đang lục soát giấy tờ vậy.

Quan năm Khả Lâm vẫn không ưa bá tước mà gặp dịp này thì ông mau mau điểm quân kéo đi làm phận sự. Đàng này Lý Tố nghĩ ở lại xem cuộc bắt bớ này không ích gì, nên dắt Mộng Hoa đi quanh queo một hồi thì tới một cái nhà xe trong ấy có hai cái xe tốt đẹp của nhà vua.

Chương XXIII **KẾT CUỘC**

Tôi bây giờ cũng là sắp tối rồi.
Đòm qua hướng tây ngay chỗ mặt trời lặn thì thấy một đóa ửng hồng mà đòm lại bàn thì thấy mấy ly rượu của chúng tôi đã cạn.

Tôi nhìn anh Lý Tố, hai vợ chồng anh cũng nhìn tôi, anh không thuật chuyện nữa mà có ý muốn để cho tôi đoán thử xem kết cục thế nào.

Anh không nói tiếp coi kết cục thế nào, anh báo hại tôi ngồi mà ngẩn ngơ ngơ ngẩn, vì cái chuyện của anh thật là kỳ dị không khác nào một chuyện trong tiểu thuyết, trong tuồng hát bóng vậy. Tôi nói:

– Anh gặp nhầm một chuyện nguy hiểm nhưng thật mà lạ quá giả sử đem ra làm một tuồng hát thì hay biết mấy.

– Chưa lạ đâu, kết cục lại càng lạ hơn nữa.

– Anh thuật tiếp cho nghe.

Anh đốt thuốc, dòm ra biển hút một hơi rồi tiếp thuật như vậy:

– Chúng tôi lấy xe hơi vua, bỏ ngôi vua, bỏ nước Y Sĩ Lợi mà về tìm gánh xiếc Ba Lợi Ty, Mộng Hoa làm đào còn tôi thì cũng làm thằng hề như cũ.

Trong một năm chúng tôi đi khắp xứ đăng công chúng hoan nghênh nên tiền lương khá lắm. Không nói anh cũng hiểu chúng tôi cười hỏi nhau liên hồi lúc mới về.

Một bữa kia gần giờ hát ông Ba Lợi Ty vào phòng cho chúng tôi hay rằng có một người muốn nói chuyện với tôi. Tôi cho người ấy vào. Tưởng ai đâu lạ chẳng dè là quan năm Khả Lâm.

Ông này là người ơn của tôi nên tôi mừng rỡ và tiếp rước ân cần lắm.

Ông nhìn tôi một hồi, ông mỉm cười rồi gục gặc đầu mà rằng:

– Ngài bỏ đi luôn làm báo hại cho tôi quá.

Nghe ông nói tôi hồ nghi, tôi không hiểu khi tôi đi rồi công chuyện bên nước ấy ra làm sao. Tôi không hề léo bước trở lại qua bên mà cũng không thấy báo nào nói chuyện gì hết.

Bấy giờ không thể nói chuyện đó nữa được vì đã tới giờ hát; tôi và Mộng Hoa mời ông xem hát và đợi chúng tôi chừng vắng hát sẽ tiếp chuyện.

Khuya vắng hát chúng tôi mời ông đi ăn cơm đăng chuyện vắng luôn thể. Ông cho biết ông tìm tôi làm gì nên ông nói với tôi như vậy:

– Xin ông giùm nghe tôi mà trở lại làm vua chúng tôi.

Tôi vừa khoát vừa lắc đầu mà nói:

– Ông nói chơi sao chứ! Tôi không khi nào làm được như ý ông muốn đâu, tôi chỉ là một anh hề hát xiếc mà thôi.

– Phải, tôi khi nọ cũng biết rằng ông chẳng phải là vua nhưng sao tánh ý ông mềm mỏng hiền từ làm cho tôi có cảm tình nhiều

quá. Tôi xin thú thật rằng ông chẳng phải là vua nhưng còn đáng mấy ông vua thiệt kia nữa mà. À, còn khi ông đi rồi chuyện nó rối lung tung lắm, nước lại đổi lại làm một nước dân chủ.

– Ai bày ra làm vậy?

– Bá tước Phiệt Năn Đi chó ai. Ông nhớ chẳng, ông biểu tôi bắt ông chẳng dè ông lại bắt tôi.

Tôi nghe quan năm Khả Lâm nói vậy thì nín cười không đặng. Ông lại tiếp rằng:

– Chuyện làm vậy: Khi tôi vào phòng với toán quân của tôi thì thấy bá tước đã hiệp các quan lại đó khá đông mà diễn thuyết. Ông diễn hay, người ta nghe lắm làm cho mọi người tung hô lớn lên rằng: "Quốc dân vạn tuế".

Chúng nó lại muốn cho chúng tôi tung hô theo như vậy nữa. Mà tôi, ông biểu không, tôi tưởng ông còn ở đâu gần đó với cô đây nên tôi rút gươm ra mà hô lớn lại rằng: "Hoàng thượng vạn tuế". Đàng sau, quân của tôi, chúng nó cũng hô như vậy. Bá tước liền truyền lệnh bắt chúng tôi mà giam quách cả vào khám đường chúng tôi lại ra được vì nhờ một trận động đất dữ dội lắm.

– Động đất hay sao!

– Động đất làm cho lâu đài sập nát mà bá tước cũng vì đó mà chết queo.

Tôi ra được thì chiêu tập một vài người anh hùng đồng chí mà rồi thấy nước Y Sĩ Lợi không người cai trị thì chúng tôi quyết định lại nền quân chủ.

Tôi giao việc triều chánh cho một người bạn tạm quyền coi đỡ mà đi tìm ông mấy tháng nay, bây giờ mới gặp. Tôi xin ông nghe theo lời tôi, trở lại làm vua. Dân chúng ai cũng chịu ông làm vua cả.

Tôi nắm tay quan năm Khả Lâm mà rằng:

– Tôi cảm ơn ông có lòng tốt nhưng tôi chẳng thể mà nghe theo được. Tôi thà chịu chết đây còn hơn là sống mà làm vua nơi xứ đó. Tôi chắc rằng Mộng Hoa cũng đồng ý với tôi vậy.

Thấy tôi quyết chắc làm vậy, quan năm không biết làm sao, ông suy nghĩ một chút rồi đập tay trên bàn mà rằng:

– Nếu vậy thì tôi cũng không trở lại làm gì. Cái hy vọng của tôi là kiếm ông đi về cùng tôi mà ông không đi thì tôi cũng chả về làm gì.

Tôi nghe ông nói vậy thì bảo ông ở lại cùng chúng tôi trong gánh xiếc không màng gì nữa đến quốc sự Y Sĩ Lợi. Bây giờ chúng tôi thôi làm trò xiếc, chúng tôi đi du lịch thì quan năm Khả Lâm lại lãnh phần xem chùng nhà giùm cho chúng tôi.

Tới đây là đã kết cuộc.

Ngồi lâu cũng mỏi chúng tôi đứng dậy đi khỏi bàn mà về phòng mình ngơi nghỉ. Tôi còn chưa đi, tôi mở miệng hỏi chị Mộng Hoa một câu này:

– Chị không khi nào nghĩ lại mà tiếc cho cái ngôi hoàng hậu hay sao?

Chị mở miệng cười rất có duyên mà đáp lại rằng:

– Không! Còn như anh có muốn làm vua thì nên qua bên ấy, tưởng lại bây giờ ngôi vua còn trống.

TRẦN QUANG NGHIỆP
(In lần đầu – Nhà in Đức Lưu Phương, 1931)

LÊ HOÀNG MUU
(1879–1941)

Là tên thật và cũng là bút danh chính. Ngoài ra ông còn có các bút hiệu khác: Mộng Huê Lầu, Cao Hiến Vinh... Ông sinh tại quê làng Cái Cối, nay là xã Mỹ Thạnh An, thuộc Thị xã Bến Tre. Thuở nhỏ học tại Bến Tre, sau lên học tiếp ở Sài Gòn và sống ở đó cho đến cuối đời.

Ông đi vào nghề báo nghề văn khá sớm, từ những thập niên đầu của thế kỷ XX. Ông từng chủ bút hoặc Tổng lý nhiều tờ báo lớn của Sài Gòn: Nông cổ mín đàm (1912-1915), Lục tỉnh tân văn (1921-1930), Long Giang độc lập (1930-1931), Công luận báo (1924)... Chính trên tờ Nông cổ mín đàm, từ năm 1912 ông đã cho in nhiều kỳ tiểu thuyết Truyện nàng Hà Hương rất được người đọc Nam Kỳ lục tỉnh mến mộ (truyện này sau được in thành sách đổi thành Hà Hương phong nguyệt – 1915, 1920).

Với Lê Hoàng Mưu, tiểu thuyết quốc ngữ Nam Bộ đã tiến một bước mới, tuy cốt truyện vẫn còn lỵ kỳ mang nhiều yếu tố ngẫu nhiên nhưng nhân vật đã bắt đầu có cuộc sống nội tâm và có những nét cá tính nổi bật.

Tác phẩm chính:

– Đầu tóc mượn, tiểu thuyết, in nhiều kỳ trên Lục tỉnh tân văn năm 1924, xuất bản thành sách năm 1926.

– Đỗ Triệu kỳ duyên, kịch thơ, in trên Lục tỉnh tân văn năm 1923, in thành sách năm 1924.

– Giọt nước nhành dương (còn có tên Hoa chìm bể khổ), tiểu thuyết, in trên Công luận báo năm 1924, còn dở dang.

– Hà Hương phong nguyệt, tiểu thuyết, in trên Nông cổ mín đàm từ 1912 đến 1915, in thành sách năm 1915, 1920.

– Người bán ngọc, tiểu thuyết, 1931.

Tiểu thuyết Người bán ngọc của Lê Hoàng Mưu mà chúng tôi giới thiệu dưới đây được tác giả phóng tác từ một cuốn tiểu thuyết Trung Hoa, được viết theo lối chương hồi truyền thống với một kết cấu mang nhiều yếu tố éo le, đột xuất. Văn Lê Hoàng Mưu thời kỳ này mang nhiều đặc điểm chung của văn xuôi Nam Bộ đầu thế kỷ XX – dùng nhiều từ Hán Việt, đặc biệt là lối văn biền ngẫu, mang nhiều lối chính tả (dấu hỏi và ngã, ut và uc, at và ac...) và nhiều từ địa phương (ngập ngừng thay vì ngập ngừng, khấn khải thay vì khẳng khái, diêu dàng thay vì diu dàng...). Song vì tôn trọng văn bản có tính lịch sử và cũng để bạn

đọc thấy được quá trình phát triển của ngôn ngữ Việt Nam ở vùng cực Nam tổ quốc, chúng tôi vẫn để nguyên.

*

NGƯỜI BÁN NGỌC

(tiểu thuyết)

HỒI THƯ NHƯT

Người bán ngọc bày mưu mua ngọc,
Kẻ vô tình mắc kế say tình.

Trong nước Trung-huê, người có đến có biết, không tỉnh nào người xinh cảnh lịch bằng tỉnh Tô Châu; thật là một cảnh phiên ba, nữ tú nam thanh, quan quân đô hội. Người chưa từng biết đến, mới để mắt trông vào thăm tưởng mình còn trong mộng huỳnh lương; lạc nẻo tới cảnh Thiên thai Bồng đảo. Bởi vậy những vương tôn công tử, phú hộ hào gia, cùng là những khách phong lưu ở viễn phương nghe tiếng tìm tới chơi thường hay lấy đêm làm ngày tỉnh say canh vắng. Hễ tới lại rảo bước chung quanh thành phố, ngảnh mặt ngó lên cửa sổ lầu, thì thấy, đèn giăng sáng rỡ, nghi tiết trang hoàng, đèn địch nhạc khoang, ca xàng lảnh lót. Trừ ra những người không có chút tình gì, mới là ngo mắt lảng tai, bỏ qua không nghĩ tới. Chỉ như những người mà có mang nặng chữ tình còn bận bịu bên lòng, dầu là ở cách xa, vắng nghe tiếng đồn ca, cũng tìm đến dưới lầu, đứng lóng tai nghe quên khuya quên sáng. Có ấy nên trong những đêm có đồn ca, chẳng cần đếm canh gà, giờ nào trước nhà cũng có thiên hạ tụ coi đông nức.

Một ngày kia, cũng còn trong tiết xuân, tính chắc lại nhằm bữa rằm tháng Giêng, lúc trời đã rạng đông, vắng Ô lộ mọc, trên chót một cảnh lầu ba tầng trở cửa dựa mé sông, rã tiệc đồn ca, thấy một vị thiếu niên, trạc chừng ba tám; râu mày nhẵn nhụi, quần áo bảnh bao, diện mạo khôi ngô hình dung tuấn tú, ở trên đi xuống tới

dưới rồi khoan thai bước ra lên xe dặn xa phu: "Mau đưa ta lên chùa Bảo Anh lập tức!".

Những người còn đứng ngóng xem, chưa trở gót, nghe nói chùa Bảo Anh, đều biết là một cảnh chùa rất linh thiêng, xa gần đều sùng bái; vì ai có lòng muốn cầu khẩn chi, đến cầu cũngặng; nhưt là cầu con và ký bán con trẻ lại càng. Nghe bảo mà không hiểu vì thiếu niên ấy bốn phận làm trai, xét chẳng cầu khẩn việc gì mà phải bôn đến chùa Bảo Anh gấp vậy; nên ai nấy đều tro mắt nhìn nhau, ý dường muốn hỏi nhau cho biết. Giây phút, trong bọn có kẻ nhớ lại, nói ra mới hay, bữa nay là ngày rằm tháng Giêng, chùa Bảo Anh làm chay, thiên hạ tới lui náo nức; mà nhưt là thiện nam tín nữ xa gần, kè hoa quả, người hương đăng tới cúng; làm ra cái cảnh chùa Bảo Anh từ đây tới bữa xô giàn; hóa ra một cái cảnh khác thường.

"Dập diu nữ tú, nam thanh"

"Ngựa xe như nước, áo quần như nêm".

Cho nên hàng vương tôn quý khách cũng tụt tới chùa Bảo Anh để xem chơi cho thỏa chí chớ gì.

Kẻ khác lại nói: "Vậy thì chúng ta cũng nên noi gương, thừa nhân rảo bước đến coi chơi cho biết". Dứt lời cùng nhau nắm tay ra đi.

Khi nội bọn đến chùa Bảo Anh bước vào, thì đã thấy vị thiếu niên lên xe khi nãy kia, đang đứng nhìn trần trời, một người đòn bà nhỏ, trạc chừng ba bảy, nhan sắc tuyệt trần. Đến khi người đòn bà ấy bước ra thêm, lên kiệu mà về, thì vị thiếu niên lại ngó theo cho mặng nhãn, rồi cũng vội vàng bước ra, lên xe dục theo sau kiệu.

Xe theo mãi cho tới ngoại thành rồi cũng còn theo. Chừng kiệu về tới trước cửa dinh, quanh vào ngõ mất rồi, vị thiếu niên cũng còn thơ thẩn ngoài rào, thả xuống thả lên, chưa chịu dục xe trở bánh. Ý người mong mỗi tìm hỏi cho ra. Mà biết hỏi thăm ai bây chừ? Có ai lại qua chốn này, phòng hỏi! Duy có đôi ba con trẻ lên bảy chạy chơi, chúng nó có biết gì mà hỏi thăm; hỏi tới chúng nó ngần ngo trở mắt vào tai mà không hiểu thấu. Ấy mới quả:

"Người một nơi, hỏi một nơi,

"Mênh mông nào biết bể trời là đâu".

Đi qua đi lại, đi tới đi lui mãi thế mà không gặp đặng ai hỏi thăm, vị thiếu niên ấy tuy không ngả lòng cho ra chán ngán, chớ cũng đã chạnh dạ sầu tư; lúc bấy giờ mặt trời lên cũng đã cao, lại nhơn tiết tháng giêng, xuân hầu qua hạ gần đến, hơi nắng đã nực nồng, vị thiếu niên bèn nương bóng cây bên triền lộ đứng khoanh tay mà ngó mong, ngó đầu này hết sức xem cuối kia, trông mong gặp khách qua đường, thăm hỏi thử nàng cho biết. Mà nào có thấy ai đâu! Thảm thay cho kẻ hữu tình, mắt càng ngóng trông, lòng càng thăm thía, ý càng trông đợi, dạ càng ngẩn ngơ! Vả lại, lúc mới gặp mặt nàng tại chùa Bảo Anh, thì chàng đã rõ biết nàng là gái có chồng; lẽ gì chàng có học, có biết bài thơ của anh Dịch Nhon Kiệt làm nơi quán thuở nọ rằng:

*"Mỹ sắc nhân gian tối lạc xuân,
"Ngả dâm nhân phụ, phụ dâm nhân,
"Nhược tương mỹ sắc tu vong phụ
"Bán thế thơ toàn duyệt sắc tâm".*

Thì chàng xét biết phận mình là trai, phải đối với gái có chồng cách nào mà xa lánh; nhưng bởi cái nét hồng nhan không thuốc mà mê nó khiến cho chàng thấy mặt phải lòng, vội quên cái thân hồ thỉ bốn phương, say đắm phù giun chi sắc, cho ra người mơ bóng tưởng hình, mang mẫn khối tình triệu triệu. Hết sức ngó mong đầu nọ cuối kia, rồi chàng đứng khoanh tay xây mặt ngó vào dinh, mong mỗi thấy hình người ngọc. Chưa biết cái hy vọng này đến bao giờ mới kết cuộc cho chàng mãn nguyện! Chớ con bấy giờ đây sự ước mơ của chàng nó khiến cho chàng thấy dạng một con thế nữ chàng cũng mông tưởng nàng ra; thấy bóng một con đòi, chàng lại định cho nàng tới; cho đến khi nghe ngọn xuân phong thổi đến, khua lá đầu nhành, chàng cũng giật mình, vội tưởng có người ngọc đến.

Ngóng trông mãi không đặng, chàng đứng lâu cũng mỏi; mới sắp lung đi tới đi lui, đi mà gương mặt đảo đảo, nét mày ủ dột, bộ coi lơ thơ chẳng khác nào Kim Trọng xưa tìm hỏi Kiều nhi; may đâu, đi tới khúc đàng quanh, thấy trước mắt một cảnh nhà tranh, có một lão bà da môi tóc sương, đang chấp nối tấm tơ sứt sắn. Chàng ghé đại vào, ý không ngại ngần chút nào.

Chàng vào vừa tới, bà vừa ngược mặt ngó ra, chưa kịp tiếp chào, đã thấy chàng cúi đầu, chấp tay thi lễ. Lão bà, tuy tuổi tác đã già mà có tính thật thà chon chắt. Tự ấu chí trưởng chỉ biết có một nghề cũi lục làm ăn theo thú quê mùa, ít oi lễ nghĩa; nên dầu là vương tôn quí khách đến nhà bà, bà cũng tiếp đãi sơ sài như một người lân cận, không hề biết làm màu mè, bãi buổi theo phép lịch sự như người chốn phiên ba thắng cảnh. Bởi vậy khi cậu bước vào thi lễ, bà gượng chào tiếp hỏi cậu đến già có việc chi cần, rồi bỏ qua, lo làm công chuyện.

Tay viết truyện bàn rằng:

"Người thông thạo như vị thiếu niên nam tử này thấy bà tiếp đãi sơ sài, cần công đến thế, nên để lòng khen, chớ không trách; nghĩ vì bà sinh đời trước mà bà đã biết rõ *"một tác quang âm một tác vàng"*, nên bà không chịu lãng phí thì giờ để ngồi cầm khách. Gấm phép lịch sự nào cũng không thể, nổi tay làm hàm nhai của bà. Ấy cũng nên gương cho phụ nữ đời nay, nhà không dư để dư ăn, mà dám lãng phí thì giờ, luống công vô ích!".

Cậu thiếu niên đứng coi bà chấp nối tầm tơ và kiếm chuyện giả đàm giây phúc rồi hỏi thăm bà:

– Thưa bà, chẳng hay dinh ở cách xa nhà bà chừng trăm tước là dinh của ai, giá cao phẩm trọng lắm sao mà ngoài ngõ có một đội quân canh xem ra nghiêm nhặt, vậy bà?

Lão bà mỉm cười và đáp:

– Vậy chớ cậu là người ở đâu mới đến đây mà không biết dinh ấy là dinh quan Đề đốc mã binh Cách mạng?

Thiếu niên:

– Thưa bà thương phận cháu con mưa chấp, bởi cháu là khách viễn phương mới đến đây, chưa rõ dạng nhân vật cảnh tình xứ này chút nào, nên thấy thì hay thấy, thật không hay biết.

Lão bà:

– Nếu cậu không biết thì mụ nói cho:

Quan Đề đốc này họ Hồ tự là Quốc Thanh, vẫn cũng một tay anh hùng tạo thời thế, nên đã lập đảng công lớn với nước với dân trong cuộc khởi nghĩa, đập đổ nhà Thanh, dựng nghiệp Trung Huê

Dân Quốc. Nhờ công cang ấy, tân Chánh Phủ mới phong cho ngài chức Đề đốc tọa trấn tỉnh Tô Châu. Ngài ngồi đây cất dinh ở đó cũng gần giáp năm; nhơn lúc sau này quân cường đạo nó tụ đảng sơn đầu nhiễu loạn. Ngài vắng chỉ đi dẹp chưa về. Lúc này không có ngài ở tại dinh, nhưng bởi tính ngài nghiêm khắc hẳn hoi, nên quân lính chẳng hề dám vi quân lệnh; ngày đêm cứ canh giữ thường xuyên.

Thiếu niên:

– Bẩm bà chẳng hay ngài niên kỷ bao cao; người đồn bà nhỏ ngồi kiệu về dinh khi nãy đó là con cháu chi của ngài, hay là...

Lão bà:

– Ngài là một vị anh hùng thiếu niên, nên tuy ngài chức trọng quyền cao, tọa trấn tỉnh Tô Châu này, chớ tuổi chưa đầy ba chín. Ngài mới cưới vợ dâu dặng vài tháng kế có chiếu chỉ sai ngài tương binh dẹp loạn. Người đồn bà nhỏ cậu thấy ngồi kiệu về dinh đó là lính phu nhân của ngài; bà ở nhà một mình quanh quẽ loan phòng, thương chồng nhớ bạn, nên mụ có nghe nhân tuần thượng ngươn, bà đến chùa Bảo Anh tụng hương để cầu cho chồng bà bền quân thắng trận.

Thiếu niên:

– Đáng thương dữ a!

Lão bà:

– Húy! Cậu này bộ gương máy kêu cổ hay sao mà kiếm điều nói bõn vậy hử?

Thiếu niên:

– Thưa bà trẻ mô dám nói bõn. Từ trẻ gặp người đồn bà nhỏ này tại chùa Bảo Anh, trẻ thầm khen là tay quốc sắc thiên hương, làm cho trẻ phải lòng thầm dấu trộm yêu mà tiếc than trong lúc cháu nom theo sau xe rằng:

*"Giả đành trong nguyệt trên mây
Hoa sao hoa khéo đã dày bấy hoa!
Nỗi con riêng giận trời già,
Lòng này ai tỏ cho ta hồi lòng?"*

Bấy giờ theo đến đây, nhờ ân của bà dạy bảo, cháu mới hay người trong cửa giàu sang; cháu nói thật, phải chi mà...

Vị thiếu niên nói tới đây, lòng có hơi ngán ngại, nên miệng nọ ngậm ngừn; lão bà tuy nghe chưa dứt câu, mà hiểu ý cậu muốn nói lẽ gì, nên lấy làm lạ quá, ngảnh mặt, dừng mảy, trơ mắt ngó ngay cậu mà hỏi:

– Cậu nói thật, phải chi mà... làm sao, cậu nói dứt cho già nghe tất?

Thiếu niên:

– Bẩm bà, cháu nói ra e bà quở la đó thôi; bà nghĩ cho cháu là đứa kiếm ăn theo lối nguyệt hoa, không cửa không nhà, không cha không mẹ, trôi nổi tới đây kiếm đều nói bõn, như kẻ tuồng lăm đàn văng hát chơi; chớ thật, cháu không phải như kẻ bà tưởng đó đâu; cháu dám ước ao, phải chi mà trời khiến xuôi cho người đồn bà non ấy cùng cháu nên điệu tào khang, cháu nói thiệt, dầu phải đem mà đúc nhà vàng cũng đáng.

Lão bà:

– Cha chả! Chẳng hay cậu là con nhà ai ở đâu? Quê ở tỉnh nào? Sự nghiệp đường bao? Cậu nói chuyện cầu cao đến thế?

Thiếu niên:

– Thưa bà cháu quê ở Quế Châu; bà biết Quế Châu là một tỉnh phú cường hơn hết trong nước Trung Huê Dân Quốc. Vì rủi phận mẹ cha sớm mất, để lại cho cháu sự nghiệp trăm muôn mà cháu chưa nên bề nghi thất nghi gia; cháu nghĩ cháu dầu có học đòi thiên hạ lấy của che thân, ra mà lo làm quan cho tới bậc công hầu cũng chẳng chi là, sao bằng ở không vậy cho thông thả, tìm danh thắng xứ xa du lịch. Cháu nghe đồn, tỉnh Tô Châu người xinh cảnh lịch, có lắm mặt phù giun, đẹp như ngọc châu không vết không tì; cháu muốn tìm đến Tô Châu xem chơi cho biết, song không biết lấy chi làm có mà ở chơi cho lâu; cháu mới mượn lấy nghề bán ngọc ra đi, dặng mà tìm người ngọc họa khi có gặp.

Tới đến đây, ngẫu nhiên ngộ thiên hương quốc sắc, chưa biết phải chăng số trời xuôi không mà khiến cho cháu, nặng khối tình thấy mặt dạ đành; cháu quyết lòng đem to-loan xin nối kim lành,

nhưng mà cháu lưỡng ngại, vì chưa ác, cuộc giai ngẫu thiên thành có định.

Nếu mà đừng Di gió với Ả trắng giùm tính, tính sao cho hai họ sinh nguyên đào; dẫu có đòi chày vàng cùng cối ngọc cũng chẳng cao, cháu nguyện, cầu Lam đến xin vào nạp thể".

Lão bà:

– Cậu chó tưởng, cầu Lam mà dễ, dẫu nhà vàng chứa dễ cũng không; cậu' cũng rõ biết, Hồ phu nhân là gái có chồng, chẳng mặt gà đồng mèo mả. Mụ nói đến điều này cho cậu nghe: Mụ chẳng phải là người xa lạ, mụ ra vô trong dinh cũng thường, mà mụ thấy quân lệnh truyền nghiêm quá mụ ghê; quân lệnh dạy rằng: Ngày nào Hồ gia chưa thắng trận trở về, thì cấm nhạc nam nhân bất luận lão ấu, không ai được, vào ra chốn phòng khuê cửa các. Bởi vậy mới có, ngoài ngõ đặt đội quân canh gác, ai vào ra kiểm soát hẳn hoi; thấy vậy mụ cũng ít dám vào, trừ khi nào có lệnh bà đòi, mụ mới dám lần hồi tới cửa.

Cậu mà muốn nhuộm nhen hương lửa, gắm khác chi là sứa nhảy dăng; cậu nghĩ đó coi, ai những không phải mặt Minh hoàng, vào thêm Quế cung trăng sao dăng? Cậu chó ngờ đây là đàng vắng, vách có tai chó chẳng phải chơi; nước tới tròn khó lội khôn bơi, họa dấy đến kêu trời sao thấu?

Thôi đi, cậu cũng chẳng nên gấn bó theo cái hy vọng đó làm gì.

Thiếu niên:

– Thừa bà, bà giải hết những điều nguy sự hiểm như vậy mà khuyên cháu vậy, cũng phải; nhưng mà xin bà mưa chấp, tình thật cháu khai, ngay – nhưng mà tất dạ ước mơ từ khi thấy mặt, tấm tình hoài ái từ lúc phải lòng, nó theo chẳng chẳng buộc mãi; nó lại còn dặn bảo từ phúc nhắc nhở từ hồi rằng, nếu cháu chưa gặp mặt người ngọc mà vội về, thì nó quyết làm cho cháu trần trọc đêm trăng, thiết tha canh vắng, đó bà. Chó chi bà có mưu chi hay, kế nào giỏi, hay là bà có phép thần thông biến hóa, bà đem cháu vào dinh cho cháu thấy người quốc sắc thiên hương, cho phỉ chí như cuộc Minh hoàng du nguyệt, thì cháu nguyện – xin bà rộng lượng thứ dung. Nếu lời cháu nói ra có điều xúc phạm – cháu nguyện, vì phận cô

cúc, đem hết cái sự nghiệp trăm muôn về tỉnh Tô Châu này để nuôi bà làm mẹ, nếu bà chẳng may không người lập tự.

Lão bà:

– Cảm ân cậu có lòng quảng đại tưởng đến phận già. Mụ tưởng cái thân góa bụa đang thần nhĩ thuận, lại thêm nhà vắng trước quanh sau như vậy đây, có chi may mắn cho bằng có người giàu sang như cậu mà đem về hoạn dưỡng. Mụ đã lẫn lộn chi đâu (mụ và nói và mỉm cười) hòng chẳng biết phước đến cho mụ trong lúc cận địa viễn thiên, nang thức âm dương chi nhựt mà không vui thọ hưởng; song mụ nghĩ, đều cậu muốn đó chẳng dễ gì cho mụ làm xong; mụ tưởng thà mà cậu bảo mụ treo cây đếm cá, mụ còn có thể tính kham, hơn là cậu dạy mụ tìm vàng sông lệ. Mụ e cho mụ thầy gọi bãi bần, xác nướng hàm cá lăm cậu!

Chớ chi cậu là người buôn bán đồ chi quý báu, mà cũng là phụ nữ như nhau, thì mụ còn có thể, dầu khó cách nào, ráng đem cậu vào tới trong dinh cấm; ngặt cậu chẳng phải là tay buôn bán chi...

Thiếu niên:

– Thừa bà, cháu đã thừa cùng bà, cháu là tay bán ngọc.

Lão bà:

– Mà cậu lại là đồn ông, quân lĩnh cấm nam nhân vào ra cửa các, thì mụ mới biết tính sao cho thành.

Thiếu niên:

– Ước như cháu đổi làm một người đồn bà bán ngọc, bà có thể đem vào dinh cấm ấy chẳng?

Lão bà:

– Nếu cậu là phụ nhân mụ chẳng đợi dày lời năn nỉ. Mà cậu sao trở nên đồn bà cho đáng? (Nói tới đây lão bà cười xòa, rồi lại tiếp). Cậu phải biết rất đổi ngọc ẩn đá, mà hãy còn có Biện Hòa coi ra đáng thay; hướng hồ chi loài người ta, dễ gì lấy vải thưa che mắt thánh lăm chẳng? Thôi thôi, cậu cũng chẳng nên mơ ước việc không có mà làm gì:

*"Vả trong thềm quế cung trắng.
Chữ Trương đành đã Chị Hằng ở trong".*

Thôi, cậu hãy về đi! Cậu có tưởng đến thì mẹ cảm ơn, chứ thật, việc của cậu muốn đó, có quan hệ lớn, mẹ quyết không làm đặng".

Dứt lời, vị thiếu niên cũng gượng người, rồi móc túi lấy vàng bạc để ra làm lễ tạ ân bà mà từ già. Lão bà chối từ hết sức không đặng; vị thiếu niên bỏ ra đi. Vị thiếu niên đi rồi lão bà lấy vàng bạc đem đi cất, nghĩ đến cũng thương tình, song khó nổi giúp người thành nguyện.

Sáng ngày, lúc trời bình minh, bà mới mở cửa, thì đã thấy vị thiếu niên ngừng xe, xách gói xâm xâm đi vào; bà vội vã tiếp chào, khuyên mời trà nước. Lão bà mới hỏi:

"Nay cậu đi bán ngọc hay đi đâu mà xách gói ra đi sớm vậy?"

Thiếu niên:

– Thưa bà, cháu đi bán ngọc, chứ có đi đâu. Hồi hôm về, cháu nằm nghĩ mấy lời bà khuyên giải rất phải, nên cháu đã bỏ dẹp sự tình. Nếu nay cháu còn tới nhà bà sớm như vậy đây, chẳng phải cháu vì tình mà vì lợi.

Lão Bà:

– Cậu vì lợi nào đến đây, nói cho mẹ biết. Nếu có thể giúp cậu đặng lợi, dầu khó mấy, mẹ cũng chẳng từ.

Thiếu niên:

– Thưa bà, cháu nghĩ cháu là tay bán ngọc, bà là người quen thuộc trong dinh; bà dầu không khẩn giúp nên tình, lý nào chẳng nghĩ mình mà giúp lợi. Nghĩ vậy nên cháu muốn đến thưa cùng bà dặt giùm cháu vào dinh bán ngọc cho Hồ phu nhân thôi. Xét vì Hồ phu nhân nhà giàu sang hơn hết trong tỉnh này, không lý không yêu ngọc. Nếu bà mà dặt cháu vào dinh đặng, cháu bán có ít nào cũng đôi muôn; cháu hứa cùng bà, lời bao nhiêu cháu cũng chia hai, bà phân nửa, cháu ăn phân nửa; chẳng hay bà có khăng vậy không?

Lão bà:

– Làm sao không! cậu phải biết, bữa qua cậu mới đến, mẹ chưa quen biết thì không nói gì; chứ như từ cậu ra về, hồi hôm tới giờ, mẹ nghĩ lại mẹ thương tình cậu lắm. Cho nên, mẹ nói trong bụng mẹ rằng; cậu mà cậy đến việc gì mẹ có thể làm xong, ắt mẹ không từ chối; há cần phải chia lời chia vốn mà làm gì. Nay cậu muốn cậy

mụ dắt cậu vào dinh Hồ phu nhân bán ngọc, thật mụ sẵn lòng song ngặt có một điều cậu là đờn ông – bộ cậu quên lời mụ nói rồi sao? – phạm quân lệnh làm sao vào đặng.

Thiếu niên:

– Thưa bà, cháu chưa quên. Nếu cháu xin bà ra sức dẫn kiến vào dinh bán ngọc, là cháu đã sắp đặt sẵn một người đờn bà có phẩm hạnh đi theo bà, chớ phải cháu đi hay là đờn ông nào đâu mà bà hồng ngại.

Lão bà:

– Nếu cậu có sắp đặt đờn bà vào dinh bán ngọc, thì mụ sẵn lòng dắt đi liền, chẳng màng sự chia lời chia vốn. Mà người đờn bà ấy là ai? Ở đâu bây giờ? Chùng nào đến đây đặng đi theo mụ?

Thiếu niên:

– Thưa người đờn bà ấy chẳng lạ với bà, mà cũng chẳng đâu xa; bà muốn thấy mặt đến bao giờ cũng đặng.

Lão bà:

– Ủa! Cậu nói chi nghe lạ vậy? Mụ thì tình thiệt, cậu nói sao coi ý như chơi vậy cậu?

Thiếu niên:

– Thưa bà, cháu mô dám kiếm lời pha lũng, buông tiếng nói chơi với một người tuổi tác đáng kính trọng như bà.

Lão bà:

– Vậy chớ sao cậu nói sao nghe lạ vậy?

Thiếu niên:

– Thưa bà, lời cháu nói là lời thật đó chớ.

Lão bà:

– Thật sao, cậu lại nói người đờn bà ấy chẳng lạ với mụ; ai mà không xa lạ? Thật sao cậu lại nói người đờn bà ấy chẳng phải ở đâu xa mụ muốn có bao giờ cũng có ai đó mà sẵn gọi là người ở gần quen mặt với mụ?

Thiếu niên:

– Thưa bà, người đờn bà ấy cũng là cháu của bà, chớ có ai dẫu lạ!

Lão bà:

– Phải là vợ của cậu chăng?

Thiếu niên:

– Thưa bà, cháu chưa có vợ. Hẳn thật người đờn bà ấy là cháu đây.

Lão bà nghe dứt, tro mắt ngó vị thiếu niên một cách sững sờ, trí lầy lăm lạp, dường có chỗ nghĩ: Bộ cậu này tư lự thất tình sao chớ! Bởi vậy, trong cái cách ngó mà lầy lăm lạp của bà, như hỏi vị thiếu niên có sao lại có điều phi thường đến thế. Cho nên vị thiếu niên hiểu ý, không đợi hỏi bèn tiếp:

– Thật vậy bà, cháu đây là người đờn bà nói đó. Vì quân lệnh nghiêm cấm, nam nhân không dặng lộn vào; cháu nghĩ, phận cháu đi buôn đã gặp chầu, không nỡ bỏ qua cơ hội. Bỏ một chỗ này, bán mười nơi không bì kịp. Nghĩ vậy nên cháu tiếc, quyết mưu vào cho dặng cấm cung, cháu mới mua đồ đạc sửa sang, đủ mọi món cải trang phụ nữ. Cháu có đem đủ hết theo đây; thật cháu bận vào coi in hịch đờn bà; nếu bà chẳng tin, xin bà đợi nội trong giây phút bà coi, cháu tưởng dẫu mắt thánh cũng khôn tường chơn giả, nữa bà!

Lão bà nghe qua lầy lăm ngạt ngào cặn xét rất hải hùng cha chả! Bà thầm nghĩ: "Cậu này tận số rồi sao mới khiến bày đều chơi ác, đã vậy lại còn muốn di họa cho mụ, không cho mụ thêm tuổi chết già; nếu mụ lờ đại nghe lời, thác rồi biết ăn năn sao kịp!" Thầm nghĩ vậy rồi, mụ xây lại nói cùng vị thiếu niên rằng:

– Thôi đi cậu! Con mắt người là ngọc dễ gì, làm những điều bung mất bắt chim; vả lại người ở đây thuở nay cậu phải biết, nghe Hồ gia ai chẳng khiếp oai, cậu đừng có lấp lửng, dễ người tới đặt bày nhiều chuyện. Mụ tưởng như cậu, mắt chẳng thấy lẽ nào không nghe tiếng, trong lúc khởi nghĩa đập đổ nhà Thanh, tay gươm đang nữa kiền dụng nên; nếu mà mụ nghe theo lời cậu, trớ trêu không xét phận giữ gìn, nào có khác đem mình vào hổ huyết. Bấy giờ đây, dẫu bung kín, không hở cho ai biết, lâu rồi chắc sao cũng đổ bể ra, ắt mụ già phải mạng cai; chuyện éo le khuyên chớ đặt bày, mựa cắc có bắt trai giả gái!"

Thiếu niên:

– Không sao đâu bà! Để cháu vào trong cái trang trong giấy phúc rồi cháu ra cho bà coi. Như bà coi dạng thì dắt cháu đi, bằng coi không dạng thì thôi, có sao bà ngại. Mà cháu dám tưởng, nếu không nói trước cho bà biết, chừng cháu cái trang rồi bà thấy cũng khó mà nhìn ra là cháu lắm bà!

Nói rồi, vị thiếu niên xách gói đi vào trong lo việc cái trang; lão bà thấy vậy mỉm cười, rồi cũng bỏ qua, lo làm công chuyện. Cách mười phúc đồng hồ, lão bà đang hái dâu trước sân, chợt thấy một người đôn bà ngoài ngõ đi vào, nét na điệu dàng hình dung tươi tắn. Lại xem chẳng biết ai, lão bà mới ngừng tay, đứng ngó thầm khen: Nét xuân sang gương thu thủy. Thật là thiên kiều bá mị, vạn chường phong lưu; lão bà thầm khen vậy rồi, vừa muốn chép miệng tiếp chào thì thấy người đôn bà ấy cười, dường quen, mà lão bà cũng chưa nhìn biết dạng. Chừng người đôn bà ấy cất tiếng nói ra, hỏi:

– Bà làm chi đó vậy bà?

Lão bà nghe tiếng mới nhìn biết và nói:

– Cậu thật khéo thì thôi đa! Vậy mà mụ lại lắm tưởng người ở cung nào lạc bước tới nhà của mụ. Phải cậu không lên tiếng thì mụ đã lật dật tiếp chào hỏi rồi!

Thiếu niên:

– Ra vào mấy bữa đã quen, mà cháu cái trang đến đổi bà nhìn không biết, thì còn tưởng ai là mà soi thấu nỗi. Như vậy, bà có khăng dắt cháu vào tới dinh Hồ phu nhân chẳng?

Lão bà:

– Dạng chó! Rất đổi mụ quen biết mà mụ thấy còn phải lắm thay, hướng hồ chi người lạ; mụ há còn sợ ai soi thấu mà không khăng dắt. Biết vậy mà cũng còn ngại một điều, cho nên mụ bán tín bán nghi, lưỡng nan tấn thối đó cậu.

Thiếu niên:

– Thưa bà, bà còn ngại điều chi; xin bà ra ơn chỉ bảo.

Lão bà:

– Đã là bà cháu, mẹ cũng chẳng giấu chi cậu; -đều mà mẹ còn ngại lòng, là điều này: Dắt cậu vào đến đình thì đứng rồi; e khi dẫn kiến tới trước mặt Hồ phu nhân, cậu...

Nói tới đây mẹ ngập ngừng, mắt thì liếc ngó vị thiếu niên, miệng lại cười duyên dường như kiêu hãnh. Vị thiếu niên thấy vậy, mặt có sắc thẹn đôi má ửng đỏ; song cũng lợt lạt, nói cười cho qua mà hỏi:

– Thưa bà, chẳng hay là bà e nổi chi, xin bà nói luôn, kẻo cháu nghi lòng tội nghiệp.

Lão bà:

– Nếu mẹ biết trước lời mẹ nói ra không để phiền lòng cậu, thì mẹ sẽ nói mẹ luống e, tới trước mặt lệnh phu nhân, cậu ló đuôi ra mang khổ!

Thiếu niên:

– Thưa bà, bà quên rồi? Từ Cách mạng đập đổ nhà Thanh, dựng nghiệp Trung Huê Dân Quốc, cháu cũng như dân Cách mạng trong nước, cháu đã...

Lão bà:

– Không! Không phải cái đó!

Thiếu niên:

– Thưa bà, nếu chẳng phải cái đó thì cháu đây còn cái nào.

Lão bà:

– Có chớ sao không! Mẹ nói mẹ sợ khi tới trước mặt Hồ phu nhân, cậu ló đuôi, là ý mẹ muốn nói: Mẹ đem cậu tới trước mặt Hồ phu nhân mà dẫn kiến, dối rằng cậu là cháu gái của mẹ, tay bán ngọc ở Quê Châu; Hồ phu nhân thấy cậu nét na đầm thắm, nhan sắc mặn mà, tin thật là chị em bạn gái với nhau, chỉ cho khỏi bà mời vào, gạn hỏi trước sau cho biết. Bà hỏi đến, không lý cậu dám vô lễ mà không thưa, hay là giả tai điếc mặt ngo choặng. Làm gì cậu cũng phải trả lời. Mà hể cậu mà mở miệng trả lời, bà nghe tiếng ắt là biết. Té ra giấu đầu lòi đuôi đó.

Thiếu niên:

– Nghe thì nghe, chớ có lý nào Hồ phu nhân lại biết.

Lão bà:

– Làm sao không! Tiếng cậu nói nghe như ghè bể, giọng cậu buông như giọng vịt xiêm, ai nghe qua chẳng thấu nỗi niềm, dầu không dạ kiếm tìm cũng hẫ. Mà hễ, Hồ phu nhân rõ đặng thì còn chi giấu nhem cơ gian; cậu cũng biết cơ bất mật, họa thiên phát, cho nên có gian mà lậu ra rồi, thì cậu với mụ, biết chối sao cho khỏi tội cải trang, cậu ôi, rui mà đổ bể ra như vậy rồi, còn kể chi, bà cháu ắt pháp trằng thọ tử, đó cậu!

Thiếu niên:

– Thưa bà, lý đâu ra đến đổi mà bà phải nặng lo cho nhọc! Cháu mà học cải trang phụ nữ cho hếch như vậy đây, chẳng phải học một ngày một buổi mà đặng. Không nói bà cũng biết rằng cháu chí công mài sắt mới nên kim. Tục ví rằng: Có khôn thì có ngoan; lẽ nào cháu học đặng cải trang, lại chẳng học cho hoàn toàn, để đến chuyện phải mang tai họa! Cháu học cải trang đặng rồi, cháu học từ tiếng nói giọng cười, học cho tới tướng đi nét đứng. Tiếng cháu nói ra người trong nhà nghe còn phải lằm, huống lựa người ngoài đường thấu sao cho nổi. Vậy mà cháu hãy còn e chưa tận thiện; cháu dám quên danh phận, quên sự nghiệp mà theo gánh hát bên Nam Kinh; theo trọn ba năm, cháu đóng rơng một vai đào, khi thì Lưu Kim Đính, khi thì Mộc Quế Anh, khi Thoại Ba, khi Hồng Ngọc. Cháu làm đào nổi danh tại Nam Kinh, sau có qua hát tại Xăng xèn mấy đêm, cháu đóng vai Nguyệt Anh Cô, ai xem đến cũng đều khen ngợi. Bởi vậy người tỉnh ấy mới đặt hiệu riêng cho cháu là "Ảnh Ngọc". Xin bà chớ ngại; tiếng nói giọng cười, tướng đi nét đứng của cháu, không ai soi thấu nổi đâu.

Lão bà:

– Cậu nói vậy chớ lẽ nào không soi thấu. Tiếng đồn ông với tiếng đồn bà khác nhau xa lắm mà! Như cậu có quyết hẳn rằng cậu giả tiếng như giả hình, ai thấy cũng lằm, ai nghe cũng tưởng, thì thôi, để mụ thử coi. Mụ giả làm Hồ phu nhân, cậu làm người đồn bà bán ngọc, hai đảng cùng nhau nói chuyện hếch tiếng đồn bà, thì mụ mới dám đơm đương dẫn kiến cho.

Thiếu niên:

– Thưa bà; bà muốn thử thế nào cháu cũng cúi đầu vâng dạ; miễn bà mở tất dạ thương chiếu cố.

Lão bà:

– Mụ giả Hồ phu nhân hỏi cháu đây:

"Chẳng hay hiền nương là người ở tỉnh nào đến đây mà bán ngọc?"

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, tiện thiếp quê ở Quế Châu, dỗi nghiệp chồng, dạo khắp giang hồ mua châu bán ngọc.

Hồ phu nhân:

– Nói vậy hiền nương chẳng may sớm đã mất chồng, phòng không thủ tiết; chẳng hay hiền nương năm nay niên kỷ đăng bao nhiêu?

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, tiện thiếp năm nay ba tám có dư, góa chồng thuở tuổi lên mười chín.

Lão bà hỏi thử mấy điều, nghe đáp tiếng thanh thao, hệt giọng đờn bà, thì lấy làm lạ hết sức. Lão bà ngó vị thiếu niên mà cười và nói rằng:

– Cái trang dạng vậy, thật mụ khá khen lắm đó. Nếu mụ không biết trước, thì mụ không làm gì rõ thấu cơ gian cho dạng.

Cậu định bữa nào theo mụ vào dinh?

Thiếu niên:

– Thưa bà, vì cháu gấp sang tỉnh khác, nên cháu muốn xin bà, nội buổi chiều nay, dẫn giùm cháu vào dinh bán ngọc.

Lão bà:

– Cậu muốn vậy cũng xong. Vậy thì cậu ở đây nghỉ ngơi, để mụ lo muối dưa ba miếng đỡ lòng, xế lại, bà cháu sẽ đề huề tới cửa.

Xế lại, lão bà dắt người bán ngọc vào. Khi tới cửa lão bà cậy tên quân canh vào bẩm lĩnh phu nhân, rằng lão bà có dẫn theo một người đờn bà bán ngọc gởi xin ra mắt. Đứng đợi giây phút quân canh trở ra nói lĩnh phu nhân cho vào. Bà cháu cả mừng, lật đặt

bước qua khỏi cửa. Vào đến dinh, lão bà để người bán ngọc ngồi ngoài đợi, lão bà đi thẳng vào trong, ra mắt lĩnh phu nhân mà vấn an, rồi bắm hết sự mình dắt cháu vào dinh bán ngọc: Hồ phu nhân nghe nói có người bán ngọc, lấy làm vui lòng mà cho vào; vì nhà giàu sang, Hồ phu nhân có ý muốn mua sắm châu báu đã lâu, mà không có khi nào gặp dịp. Hồ phu nhân liền dạy lão bà dẫn người bán ngọc vào đến phòng khách ngồi đợi. Giây phút Hồ phu nhân bước ra. Người bán ngọc lật đặt đứng dậy thi lễ. Hồ phu nhân thấy người đàn bà bán ngọc, tuy chẳng phải mặt quốc sắc thiên hương, ngư trầm nhận lạc, chớ cũng là tay xinh lịch trên đời, mày liễu, mặt hoa, môi son má phấn. Đã vậy lại còn thêm nét na đầm thắm, đi đứng dịu dàng; nên Hồ phu nhân thầm khen, lại cũng có lòng kiêng nể; chẳng dám xem như một người buôn bán tầm thường. Còn người đàn bà bán ngọc, thấy Hồ phu nhân thì lòng mừng khắp khỏi, mắt tuông đôi giọt chan hòa thiết là mừng biết lấy chi cân, mừng tợ cửu hạng phùng cam vớ. Hồ phu nhân bảo đem ngọc lại coi một hồi, lựa không đáng hột nào, nên không khẩn mua; song e để tiếng chê bai mà phiền lòng người chẳng nên Hồ phu nhân kiếm lời già lã cùng người bán ngọc rằng:

– Không mấy khi hiền nương tìm đến ta, lại hiền nương là cháu của lão bà là người tới lui quen thuộc, lẽ gì ta muốn mua giùm cho vài cặp, song ngặt quá, ngọc lựa không đáng cặp nào; biết sao! Vậy hiền nương hãy chịu phiền đem về để bán cho người ta; chừng nào hiền nương có qua đây nữa, có ngọc tốt, sẽ đem vào cho ta lựa. Ý ta mua ngọc chẳng phải như ai, ta không nài giá cả thấp cao, miễn là ngọc tốt, giá nào mua cũng đáng.

Người bán ngọc nghe dứt mấy lời liền đáp:

– Bẩm lĩnh bà, kẻ tiện tì đi bán bữa nay chẳng quyết vào dâng dinh bà, nên không có đem ngọc tốt; chớ trong bản ngọc của tiện tì đi bán đây, ngọc tốt chẳng thiếu gì; có một cặp ngọc, bà tổng trấn tỉnh Giang Tây trả ba muôn, tiện tì chưa dứt giá. Lỡ bữa nay không có, xin lĩnh bà mở lòng hạ cố cho tiện tì về, nội ngày mai tiện tì đem ngọc tốt đến đây, dung để lĩnh bà chọn lựa; song tiện tì có một điều ngăn trở, Bẩm xin lĩnh bà khả dung: Là một lần vào cung cấp khó lòng, nên không dám đến. Chớ chỉ lĩnh bà truyền cho đội quân canh cửa, mỗi khi thấy kẻ tiện tì đến, cho ra vào thông thả như

thường; dặng vậy tiện thì mới là dám tới lui, bằng chẳng, bị chờ đợi mà ngã lòng, vì có khi đợi buổi này hết sang buổi kia, đợi mãi mà không vào thầu dinh lịnh bà, quá ngặt.

Hồ phu nhân:

– Không sao đâu! Hiền nương có muốn vậy để ta truyền dạy đội quân; tưởng như ai thì không dặng ra vào, chỉ như hiền nương, cháu của lão bà, lòng ta không ngại.

Nói rồi, người bán ngọc đứng dậy cùng lão bà từ tạ lui ra; Hồ phu nhân đưa ra tới thêm kêu đội quân canh, dặn để cho người bán ngọc ra vào thông thả. Người bán ngọc cảm ơn bà bước ra, hẹn nội ngày mai, sao cũng có ngọc tốt đem đến cho bà lựa, Hồ phu nhân vào dinh; lão bà cùng người bán ngọc ra cửa. Người bán ngọc mừng lòng, cảm ơn lão bà mà rằng:

– Nếu chẳng nhờ bà tiến dẫn, cháu biết sao vào thầu tới dinh, thật ơn bà rất nặng đường lấy chi đền cho phỉ. Vậy cháu xin biếu bà một hột ngọc, bà đeo để làm tin.

Nói vừa dứt đã thấy đến nhà, hai người vào rồi, người bán ngọc lấy ra một hột ngọc, trao cho lão bà mà rằng:

– Công ơn bà, cháu chẳng hề quên, chẳng phải một vật mọn cháu trao để làm tin mà gọi đủ. Bao giờ cháu cũng tới lui thăm viếng bà, và quyết nuôi bà trọn đời mà đền đáp. Ngày mai đây, vì cháu đã có xin lịnh phu nhân cho phép ra vào thông thả, nên bà chẳng cần phải nhọc công dắt cháu tới lui; bà để cháu vào dinh một mình, bán dặng cùng không, cháu ra về sẽ ghé cho bà biết.

Lão bà từ chối mấy phen không dặng, phải ép lòng lấy ngọc cầm tay; Lão bà nói:

– Công mụ chẳng có gì, cậu đền ơn quá trọng. Vì sự ra vào trong dinh, tự ý cậu muốn đi một mình, hay là muốn mụ dẫn đi cũng tốt. Bao giờ mụ cũng sẵn lòng. Ngày mai, như cậu có đi một mình, khá giữ gìn cẩn thận. Bán dặng không cũng ghé lại đây com nước rồi sẽ về.

Nói rồi, vị thiếu niên từ giã lão bà xách gói ra về, lão bà theo đưa khỏi cửa.

Vị thiếu niên ra về thăm nghĩ, lúc gặp Hồ phu nhân, lấy làm đắc chí vô cùng, phỉ dạ ước ao, đêm ngày hoài vọng. Cũng bởi khi Hồ phu nhân bước ra khách phòng lựa ngọc. Hồ phu nhân nào rõ cơ gian, những tưởng người bán ngọc cũng là phụ nữ như mình, nên không ái ngại. Nói cười vui vẻ, để cho kẻ cận người kẻ Hồ phu nhân thật là vô tình, lòng không tư niệm. Còn người bán ngọc lại là người có ý, quyết mưu gian cho thấy mặt giai nhân; có ấy nên, khi thấy mặt lòng mằng mằng mà sợ nên lòng hồi hộp. Cho nên đến lúc cúi đầu thi lễ, đôi mắt đôi giọt lệ chứa chan, nhưng luống sợ mưu gian kia lậu. Bởi vậy, thương mà sợ, sợ nên phải giấu, không dám cho tấm tình thương lộ thấu ra ngoài; trời đất ôi, khiến chi người đàn dúi đeo đai, mang nặng gánh tình hoài dạ ái!

Về đến trú phòng, com nước xong, vị thiếu niên chẳng chịu dạo chơi như mọi bữa; chàng nhút định vào phòng nghỉ ngơi cho khỏe, dặng sáng ngày có đi; dè đâu, lúc chưa gặp Hồ phu nhân thì tư tư thiết thiết, mơ bóng tưởng hình, thổn thức canh chầy, không an giấc nháp. Nay thấy mặt người yêu rồi, lòng lại mằng khắp khỏi, bỏ những lúc ước ao, năm canh cũng luống ra vào, bàn tính những mưu sâu kế độc. Đi lại cũng ôm lòng trần trọc, mong sao cho tơ tóc vấn xe, cho hay gánh tương tư thật quá nặng nề, trông đợi tơ như Nghê trông Thoại!

Sáng nay, vị thiếu niên đã lo sắp sẵn gói, xách lên xe đi riếc tới nhà lão bà; song chàng chẳng gấp vào dinh, cứ việc ở tại nhà lão bà com nước nghỉ ngơi, đợi cho tới xế qua; chàng mới sắp sửa cải trang, xách gói vào dinh bán ngọc. Bận này chàng tới một mình, không cậy lão bà dắt đi, biết rằng có linh Hồ phu nhân truyền, quân canh không ngăn cản. Mà thật vậy, tới cửa dinh, quân canh biết mặt, hỏi sơ sài rồi cho vào. Người bán ngọc sấn vào tới dinh, cậy thế nữ gọi xin ra mắt.

Hồ phu nhân nghe có người bán ngọc đến thì lấy làm vui lòng lắm, lại tin như người trong dinh; nên chẳng để cho người bán ngọc phải chờ đợi một phút nào cho cực lòng bà lật đặt cho vào mà cũng chẳng cho vào phòng khách như bữa qua, bà cho vào nhà trong như người thân thích. Vào tới nhà trong, người bán ngọc thấy Hồ phu nhân đang đứng chờ, phơi phở tất lòng, cúi đầu thi lễ, Hồ phu nhân hỏi:

– Sao nay hiền nương vào dinh có trễ lắm vậy, e sắp tối mà lựa coi không kịp lắm chăng?

Người bán ngọc cúi đầu thi lễ rồi còn đang trộm liếc dong quang, xảy nghe hỏi đến giục mình, bụng hồi hộp nửa mừng nửa sợ. Bởi vậy người đáp nghe nói hơi lập cập rằng:

– Bẩm lệnh phu nhân, tiện tì chẳng hề dám để cho lệnh phu nhân nhọc dạ đợi trông, cho nên, lúc trời mới bình minh, tiện tì đã sửa gói vào dinh, quyết ra mặt lệnh phu nhân sớm lắm. Nhưng bởi đường sá cũng xa một thì, lại thêm cuộc buôn bán không thường; mảng có ghé nhiều nơi mà ra trễ bước đường, xin mở tất lòng thương mưa chấp!

Hồ phu nhân:

– Không, ta có chấp nhứt chi đâu; song ta luống ngại, trời sắp tối tới rồi, muốn chọn ngọc khó mà lựa chọn.

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân chớ nghi. Tiện tì mà vào tháu cấm dinh thật lòng mảng quá sức. Tiện tì muốn có ngọc tốt dâng cho vừa lòng lệnh phu nhân, đặng lệnh phu nhân tin và thương, cho dễ ra vào buôn bán; tiện tì dại gì dám làm chuyện phỉnh phờ cho mất lòng tin cậy sao. Xin lệnh phu nhân hãy tin rằng ngọc nào mà tiện tì dâng để lệnh phu nhân xem, đều là ngọc tốt.

Hồ phu nhân:

– Buôn bán vậy mới rành nghề, chuốt ngọc nghe sát lẹm.

Người bán ngọc đặng Hồ phu nhân khen lại càng mảng hơn, song cũng gượng khi nói khiêm nhượng rằng:

– Tiện tì mô dám chuốt ngót mà phỉnh Hồ phu nhân. Đây tiện tì xin dâng trước hai hột ngọc vô giá để Hồ phu nhân xem tường rồi sao sẽ dâng thêm ngọc khác.

Hồ phu nhân:

– Hai hột ngọc này hiền nương định giá mấy mươi?

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân, đã rằng vô giá, thì còn biết tính mấy mươi; hễ ngọc kia sổ ở tay người, người yêu ngọc mấy mươi cũng đặng.

Hồ phu nhân:

– Buôn bán mà nói sao nghe dễ lắm vậy hiền nương? Sức hiền nương dám cho ta hai hột này chăng?

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân khó có nơi, mà dễ cũng theo chỗ, chớ phải dễ với mọi người sao. Từ tiền tì có phước mà vào dâng tới dinh ra mất lệnh phu nhân, tiền tì dòm thấy tánh hạnh từ hòa, khoan hồng đại độ của lệnh phu nhân, đối với tiền tì, thì tiền tì đem lòng yêu mến quá. Ước lệnh phu nhân bảo tiền tì dâng hết ngọc cho lệnh phu nhân, rồi ở đây hầu hạ sớm khuya, tiền tì cũng vui lòng vâng dạy; chẳng lựa thứ một hai hột ngọc giá có là bao mà tiền tì chẳng dám cho, lệnh phu nhân phải thử.

Hồ phu nhân:

– Hiền nương có lòng tưởng ta, ta già ơn cho đó. Hiền nương còn có ngọc nào tốt nữa không?

Người bán ngọc:

– Bẩm còn thiếu chi, ngọc đem bán biết số nào mà kể; song muốn lựa rút ngọc tốt cho lệnh phu nhân xem cho đẹp mắt, thì tiền tì chọn lại còn chừng vài mươi, xỏ làm một xâu dây, để chờ lệnh phu nhân xem tới.

Nói rồi người bán ngọc đứng dậy, hai tay cầm xâu ngọc dâng lên; Hồ phu nhân vừa với tay tới lấy cầm coi, không phải cầm vô ý mà bỗng không ngọc đổ xòa, hột văng tứ tán. Hồ phu nhân giựt mình, chụp lại, mà chụp sao cho kịp. Bấy giờ Hồ phu nhân có sắc thẹn, đứng tro mắt ngó trân trân; đâu rõ là chúc quý mưu thần, người bán ngọc, làm đổ ngọc dâng gần người ngọc.

Mà thật đó là kế của vị thiếu niên, đó chúc. Khi nghe lão bà nói dinh Hồ đô đốc quân lệnh rất nghiêm, mũi kim qua không lọt, thì đã ngụ ý hỏi thử lão bà: "Ước có người đờn bà muốn vào dinh bán ngọc, bà có dắt vào tiến dẫn dâng chăng?" Lão bà vô ý miệng lơ rồi, thì vị thiếu niên ra về, trọn đêm liệu kế. Ngoài cái mưu cải trang phụ nữ mà vào dinh kia, vị thiếu niên còn toan làm làm sao tối ở lại trong dinh cho dâng. Chàng mới tính lựa ngọc tốt xỏ xâu; xỏ xâu rồi cột một đầu, thả một đầu, để khi Hồ phu nhân hỏi ngọc

đưa ra; hễ vô ý cầm thế nào cũng sút. Mà hễ ngọc sút mỗi đồ xỏ, văng tứ tán, lượm bao giờ cho đủ! Thiễm lại lựa lúc gần tối mới vào dinh mà đưa. Hồ phu nhân tỉnh ngay, lý nào ngọc lượm chưa đủ, lại để cho người ra về, không cầm ở lại trong dinh sáng ngày tìm kiếm, nghĩ kế thật rất sâu. Bởi vậy khi Hồ phu nhân chung hũng, trân trân đứng ngó, thì người bán ngọc ngồi xuống và lượm ngọc và nói:

– Bẩm lệnh bà, không sao đâu. Lệnh bà hãy an lòng, để mặc tiện tì lượm lại.

Đặng lời như mở tất lòng; Hồ phu nhân mới vui, bèn kêu đoàn thể nữ trong dinh mà cấm tuyệt vào ra, rồi cũng ngồi xuống lượm cùng người bán ngọc.

Trong lúc hai đảng cùng nhau ngồi kê lượm ngọc đây, thì có ai? Ngoài mấy con thể nữ, thì còn có ai dám lộn vào tới phòng này? Mà bởi khi sút mỗi dây, đồ ngọc xuống đất rồi, thì Hồ phu nhân muốn để tự nhìn vậy mà kiếm lượm cho dễ, chẳng để cho ai vào ra lộn xộn mà khó tìm, nên đã cấm hết đoàn thể nữ vào ra, thì còn có ai đâu nữa. Ngó quanh ngó quất cũng một mình Hồ phu nhân với người bán ngọc. Mà Hồ phu nhân vô tình, đã tin thiệt rằng người bán ngọc là phụ nữ như mình, thì còn e chi chớ! Biết tự nhận lỗi mình, tại mình vô ý mà ngọc đồ xỏ xuống đất, làm cho người phải thất công ngồi lượm, mà chưa từng lượm lại đủ chẳng, nên trong cơn ngồi lượm, Hồ phu nhân lấy những cam ngôn mĩ từ, tỏ lòng than tiếc. Không quảng sự kể vai cạ vế, chỉ nài cười nói lả loi; còn người bán ngọc, mấy khi mà đặng kể người ngọc cho phỉ dạ ước ao như vậy, nên lăm lăm mắng mắng sợ sợ, nghĩ biết bao mà kể sự tình; Bởi vậy, tuy cũng ngồi vậy chớ, xác còn đây mà hồn phách ở đâu, tay thì lượm ngọc, mà trí những toan trộm ngọc.

Mong tính những đem tơ chờ kết tóc, dạ thâm toan kế độc mưu sâu; cơ khổ thì thôi, ngồi với trắng mà ngỡ những đâu, nên, khi thì cười rộ, khi lại cười đầu dựa gối. Động vì sắc, muốn tỏ tình thương vội, mà còn e lăm nổi khó lòng, có ấy nên trăm mối tình cất để nằm trong cú ngồi lấy mắt mà ngó, như kẻ khát, đứng cầm gáo mà trông quá ngật.

Hai người ngồi kề nhau, và kiểm và lượm và nói cười với nhau cho tới tối, đèn nhà nổi ngọn đã lâu, mà lượm không hay hết. Vì, Hồ phu nhân thì vô tình, trông lượm cho mau rồi, đừng có mời vào com nước, nên thường hay kêu hỏi: đủ chưa? Còn người bán ngọc lại có ý muốn để dây dưa đừng kể vai cạ vế; nên hỏi tới thì cứ đáp rằng: Chưa đủ.

Kiểm cho tới khuya, bươi móc tới hóc hẻm mà không còn hột nào; mà Hồ phu nhân hỏi, thì người bán ngọc cứ bảo rằng còn thiếu đâu vài hột. Hồ phu nhân nói:

– Bây giờ đã khuya không lý ngồi đây kiểm mãi. Vậy thôi, đâu còn có đó, để chờ tới sáng sẽ hay; hiền nương hãy ở lại đây, com nước nghỉ ngơi, đàm đạo mà chơi, đừng coi chừng luôn thể. Ta cấm tuyệt thế nữ ra vào. Bao giờ sáng ngày, kiểm lại không đủ xâu, ta sẽ thường bồi y giá.

Người bán ngọc nghe nói trúng ý mình, thì lấy làm phôi phở tất lòng; song, không lý chịu liền, nên còn gượng mở hơi từ chối. Người bán ngọc chẳng lấy lẽ gì khác hơn là đây là nhà quan, quân lĩnh nghiêm, e ở lại khó lòng; nên xin để ra về, rạng ngày trở lại. Hồ phu nhân không cho, đáp rằng:

– Hiền nương mà về, nếu rủi mai vào kiểm lại không đừng, thì hiền nương mới biết nghi ai. Chi bằng hiền nương ở lại đây, mai dầu còn mất lẽ nào, hiền nương cùng biết mà mình ra đừng. Không sao đâu; có lệnh ta cho, thì thôi, không ai dám hỏi chi tới hiền nương mà sợ: hiền nương mua chối từ, ta không bằng bụng.

Đặng lời, người bán ngọc mừng biết bao; nghe Hồ phu nhân ép biểu mua đừng chối từ, lại càng hoan tâm bất tận.

Bây giờ, Hồ phu nhân mới mời vào phòng trong dùng com. Người bán ngọc theo chơn Hồ phu nhân, bước vào, thấy căn phòng, nghi tiết đẹp đẽ, chung dọn trang hoàng, bên tay mặt có để một cái giường ruột gà, gối diệm niệm êm, mùng mền tinh sạch. Vào khỏi cửa phòng, đứng xây mặt lại ngó ngay cái giường, lại còn thấy, bên tả thì bàn rửa mặt, bên hữu thì ghế xích đu, dưới chơn thì gạch bông, trên đầu thì quạt máy. Dầu thơm bay nặc mũi, thơm như mùi "phá xủi", "Coty", nghĩ cho mình không lạc đường đi, có sao lại, sẵn mình chốn thiên thai bỗng đảo!

Xây lại phía sau lưng, thấy phòng ăn rục rờ, nghĩ mông mông sợ sợ biết bao; nghĩ cho thân ông bướm lộn vào, nút có dặng nhụy đào cùng chẳng.

Hồ phu nhân mời ngồi.

Bàn dọn hai người ăn, để ngồi ngang nhau, sắp sẵn hai cái khăn thêu, hai đôi đĩa ngà hai cái chén ngọc. Ngoài ra còn có hai cái ly thủy tinh, giữa có nhạo rượu cúc. Hồ phu nhân mời ngồi rồi với tay cầm lấy nhạo rót rượu ép người bán ngọc uống; giây phút, thế nữ bung lên một mâm, sắp đầy những đồ cao lương, mỹ vị, hải vị, sơn trân, Hồ phu nhân ép ăn; người bán ngọc ngồi nhìn, bộ coi lơ láo.

Sự ngồi nhìn, mặt coi lơ láo đây chẳng bởi thấy nhà giàu sang mà khộp, hay vì cuộc dài đằng trọng hậu mà e người bán ngọc ngồi mà chাম chút có chừng, không uống không ăn cho thỏa, là bởi có một cớ: Chỗ ước mơ thành nguyện, dạ mông như bàn điệu ngộ lam phong; nghĩ còn có chi khoái hơn là ước bấy lâu nay phỉ một tấm lòng, mong chi nữa mà không nhìn rõ ngọc. Ngồi chাম chút mà trộm liếc cũng đủ no, chẳng lựa đến đều ăn uống. Có khi ngồi ngó không nháy mắt, mê mẩn mà quên lũng sự đời; Hồ phu nhân xem thấy mỉm cười, song cũng chẳng nghĩ, nên hỏi:

– Nghĩ chi đó mà sững người như thế?

Hỏi rồi, Hồ phu nhân lại tưởng cho người bán ngọc lạ lùng nên bợ ngợ, mới gắp những món này món kia bỏ qua chén ăn; Hồ phu nhân lại còn, muốn cho người bán ngọc hết e mới bày chuyện nói cười vui vẻ.

Hồ phu nhân hỏi:

– Chẳng hay hiền nương năm nay niên kỷ là bao; có chồng hôn nào; cùng nhau ở tới năm nào, gầy gánh?

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, niên kỷ tôi mới vừa ba tám; thuở ấy, cha mẹ còn song toàn, có để nguyên ước sơ giao cùng nhà họ Tô tự là Đông Pha cũng bực tài ba trong tỉnh. Tiện thiếp khi lớn lên, tuổi mới nên mười ba, chẳng may mẹ cha sớm mất để lại cho tiện thiếp sự nghiệp ước năm muôn; bởi tiện thiếp còn nhỏ dại, chưa rõ phận

đi gì, phải đeo theo chân chú, mà nhờ ân diu dắt. Chừng tuổi mới nên mười sáu, nhà họ Tô, mới gởi hồng thiếp qua, mà xin nạp lễ vu quy: vì ước xưa chẳng dám lỗi nghi, cháu phải vâng chịu xứng tuyền trọn điệu. Có chồng theo chồng, tưởng dặng cùng nhau nhau kết tóc đến già; không dè, phận chẳng may, khiến ra về nhà chồng mới dặng hai năm, gánh cang thường bổng không vội gãy; làm cho tiện thiếp phòng không, nệm chịch, chăn lạnh, gối nghiêng, chịu góa bụa từ mười tám tuổi đến giờ, trực tiết thờ chồng, không thay mái tóc.

Hồ phu nhân:

– Từ ấy những nay, chưa gặp chỗ nào cho vừa, nên hiền nương chưa chịu nối chỉ chấp tơ, chớ hề gặp phải chỗ rồi, thì có lý nào hiền nương lại chê mà cam thủ tiết đến già, xuân xanh bỏ quá mà chịu thiệt thời mãi sao?

Người bán ngọc nghe Hồ phu nhân hỏi dứt lời làm bộ mặt mày đổi sắc, buông đũa đứng dậy chấp tay xá xá Hồ phu nhân mà đáp cách khấn khải rằng:

– Xin lệnh phu nhân chớ nghi! Phận gái mười hai, xét trong tam giang, tứ hải với ngũ hồ, để biết đâu đục đâu trong mà chọn lựa. Nếu tiện thiếp giữ tiết thờ chồng, là tại tiện thiếp ngán ngấm sự tình, nên chẳng chịu nối tơ chấp chỉ đó thôi chớ. Tiện thiếp ngán ngấm vợ chồng cho đến nỗi, tiện thiếp phải dạn lòng.

*"Một lần mà tồn đến già,
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân".*

Nên chẳng may lỡ một lần rồi thôi, cũng đành.

*"Bấy chầy khép cửa phòng thu,
Chẳng tu thì cũng như tu mới là"*

Nếu có ai thấy cái phận cô quạnh này mà thương, không nề tiếng vết hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa, mà tính chuyện giữa đường chấp gánh, đem tơ loan xin nối kim lành đi nữa, thì tiện thiếp cũng xin quyết lại một lời.

*Ai dẫu nghĩ đến gần xa,
Đem tình cảm sắc đổi ra cảm cò.*

Ấy vậy tiện thiếp cuối xin lệnh phu nhân chớ nghi lắm, kén chọn. Lệnh phu nhân có thương tiện thiếp xin lệnh phu nhân đừng.

*"Nói chi nổi tóc chấp to,
Cho buồn cả bụng, thêm nhơ cả đời"*

Hồ phu nhân nghe dứt vừng để đĩa xuống cười rè, rồi cầm lấy khăn lau miệng, lau tay và hỏi người bán ngọc rằng:

– Hiền nương có học hay không mà nói lạ lùng vậy? Ta thật mới nghe hiền nương nói lần này là lần thứ nhứt, chớ thuở nay, tức là từ buổi ấu xung còn ở với cha mẹ cho đến khi trưởng thành, nghi thất nghi gia, có vợ có chồng, ta chưa từng nghe ai nói lạ lùng như thế.

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, tuy tiện thiếp chẳng phải con dòng kim chi ngọc diệp, nhà thế phiệt trâm anh như mạng phụ vậy chớ, nhà cha mẹ, buổi sinh thời, cũng có dư ăn dư để, lại tiện thiếp nhờ ân cha mẹ tung tiu cho ăn đi học, nên lớn lên tiện thiếp cũng biết đặng ít nhiều bút nghiên, đọc trọn thiên nột tắc.

Hồ phu nhân:

– Thế thì đủ cho hiền nương hiểu biết cuộc vợ chồng là lẽ tạo đoan, nào phải tại lòng người sở định. Hiền nương xem lấy nhân vật ở trước mắt đó mà coi, trời đất tạo nên muôn vật ở đời, có loại nào mà không có thụ hùng chẳng? Nhỏ hơn hết là loài trùng đến mà hãy còn có trống mái, lấy tình ái tác thành, để hóa hóa sanh sanh, truyền để đời đời kiếp kiếp thay; huống chi loài người ai lại bậc đàn tình ái. Nói như hiền nương vậy chẳng là nghịch ý trời lắm chẳng? Hiền nương phải biết Hóa công dụng nên muôn vật ở đời, tuy chẳng có lời sấm truyền dạy biểu nhân vật rằng trai gái, đục cái, trống mái phải lấy tình ái, hiệp nghĩa phu thê, đặng có sanh con kế hậu, để cháu nối dòng, nhưng mà nhân vật ở đời bị cái dây tình ái buộc ràng, chắc cho đến đời, buộc rồi không ai mường gỡ ra, thì cái dây tình ái ấy là luật tự nhiên sử, nào phải ở lòng người gây nên.

Bởi vậy thánh hiền xưa mới do lẽ trời định mà dạy trai thì tam cang gái thì tam tòng; mà phận trai, trong ba cang ấy, lấy cang thứ ba làm gốc; nên mới có câu: Quân tử tạo đoan hồ phu phụ; còn phận gái, trong ba giếng phải lấy giếng thứ hai làm trọng, nên có

câu: Xuất giá tòng phu; nếu nhân vật ở đời này đều đồng một ý kiến mới hiền nương vậy, thì nhân vật phải dứt, có đâu roi truyền.

"Thoã lại một đời người ở trên cõi tạm này, có lúc nào vinh hiển, vui sướng hơn là lúc cầm sắc vầy duyên, phỉ nguyện cá nước. Bởi vậy người đời mới dám lấy câu.

*"Long vân thiên cổ kỳ phùng,
Loan phụng bách niên túc ước"*

Mà chúc cho lưỡng tánh tương phùng nhưt gia Hồ Việt. Nếu chẳng may, cùng nhau không trọn một đời, giữa đường gãy gánh, người sương phụ, cũng biết nghĩ tình mặn nghĩa nồng, đầu áp tay gối, mà thệ lòng giữ tiết thờ chồng, cho trọn sự tử như sự sanh, sự vong như sự tồn, không chịu thất thân với ai vậy chứ; nhưng bởi tuổi còn non, đường còn dài, e nổi bậc đường tà dâm, chứ không thể dứt đường tình ái, sợ giữ không trọn mà phải mang tiếng đời, nên sau rồi cũng phải chịu chấp gánh cang thường, nổi to chấp chỉ; chứ có mấy ai nói như hiền nương ngán ngẫm vợ chồng, gớm ghê tình ái bao giờ.

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, thật vậy lĩnh phu nhân. Lòng có sao nói vậy, dám đáo phớm phỉnh những lời; thật thì, tiện thiếp không ngán sự đời, mà luống sợ đời chán gối. Bẩm lĩnh phu nhân, xưa cũng đã trao tơ lụa mối, phận tề mi lăm nổi đắng cay; đạo xướng tùy chữ dạ khun sai, mà tại phận mười hai tráo chác. Tiện thiếp dễ giấu chi lĩnh phu nhân, rủi cho tiện thiếp gặp nhằm ông chồng: Cũng là bực tài ba lỗi lạc, cũng là tay hàng mặt trâm anh; nhưng mà chẳng biết sao, vô tình thay, chẳng biết thương tới phận mong manh, không xót đến chút tình chồng vợ. Nay nhắc lại, tấm lòng còn sợ, nói tới thêm mắc cỡ sượng sùng; lĩnh phu nhân nghĩ đó coi, có lạ chi, thân Các Đẳng nương dựa bóng Tùng, nhờ che chở bảo bọc sương tuyết. Chồng của tiện thiếp nghĩ âu quá nghiệt, cách ở ăn xét thiệt gắt gao; mở miệng ra cha mày mẹ tao, có nói lại thì đào thì bói. Tay đã đánh miệng còn mắng chưởi, đầy dọa hơn kẻ dưới trong nhà; hễ gặp con phiến nộ phong ba, đá cũng nát huống là xương thịt.

Đã vậy lại còn thêm: Chơi chẳng kể khi còn khi hết, xài phá không biết tiếc của nhà; ngày thì theo cờ bạc rượu trà, tối lại đốt nguyệt hoa, hoa nguyệt. Nơi trưởng súy mặt nào chưa biết, một trận cười không tiếc bạc ngàn, say mê rồi quên nghĩa tào khan, chẳng e miệng thế gian đồn tiếu.

Bẩm lĩnh phu nhân, dường ấy có nát gan bồ liễu, nhưng mà, phận vô doan phải chịu biết sao, không lý mà tiện thiếp lấy nề đó, làm đến đều phân áo rề bầu, ra mà kén chọn vàng thau nào khác. Chồng dẫu có dối dời tráo chác, mình giữ sao đừng để cho gió tạc bức rèm; gìn cho tròn phận cải duyên kim, mưa sai chạy, lỗi niềm vàng đá. Cũng không lý nghe theo miệng thá, mà nói câu ông chả bà nem; đại chi mà chẳng giữ lấy nền, tốt gì chớ tiếng ghen cho nhục. Chồng dẫu lỡ ngày xuân lắm lúc, vợ phải toan lúc thúc trong nhà, tiện thiếp cũng nghĩ, đã rủi sanh ra phận đồn bà, liệu một kiếp kinh xoa quần bố.

May dâu, nhà hậu phúc, lòng trời còn độ khiến oan gia nợ ấy trả xong, lang quân lâm bệnh ngặt tảo vong, bỏ tiện thiếp cô phòng từ ấy. Thiếp trực tiết thờ chồng ở vậy, khép phòng thu đã mấy năm trường; chẳng phen người chấp gánh cang thường, không học thói ong chường bướm chán.

Nay nhắc tới nghĩ càng thêm nghĩa nát mà cam chiếc bạn lẻ đôi, thôi đã đành phận bạc như vôi, còn chi chẳng phải rồi tình ái.

Hồ phu nhân:

– Hiền nương nói vậy, theo lẽ đời nghe cũng phải, vì lẽ đời hằng buộc người chẳng may gãy gánh, khép phòng thu mà giữ tiết thờ chồng; nhưng mà theo lẽ trời, thì nghịch ý hóa công; vì hóa công đã đặt bày, tình ái ấy là dây oan, dễ mà buộc nghĩa tào khan, gây tình phu phụ. Ít ai ở đời chẳng muốn vui sướng xác thịt mà vội ngo lấp biển ái với nguồn ân cho đành! Mà nhứt là người góa chồng tuổi trẻ như hiền nương, với ta đây, lại càng khó mà chống cự nổi với cái tình ái là luật tự nhiên, là khối vô hình của Khuôn Linh ung đúc. Bởi khó cho người đời xác phàm mắt thịt cưỡng nổi, cho nên đời mấy ai giữ tiết đặng tròn; lại cũng bởi ít giữ tiết đặng tròn, thờ chồng tới trắng tóc xanh, nên lẽ đời mới phong tặng người giữ đặng trọn là tay Tiết phụ. Hiền nương nói rằng hiền nương có học, có biết

đặng ít nhiều bút nghiên, hiền nương nhớ lại coi từ xưa có mấy tay tiết phụ thanh tử danh lưu; hiền nương lấy đó mà xét lấy mình, thì biết hiền nương giữ tấm son có trọn. Ta chĩnh e hiền nương cam phận cô phòng chiếc bóng cho đến khi mái tóc của hiền nương trở nên nửa trắng nửa vàng rồi hiền nương chợt giấc vu san, xót phận lơ lửng, hiền nương mới hồi ngộ, ngó lại mình mà coi thì thấy xương mai xỏ mòn, ngày xuân đã lụn; hiền nương dầu có than tiếc cho lắm, cũng không thể đổi đặng cái hoa cuối mùa, nhụy rữa, canh tàn, ong bướm đâu màng tới nữa. Chùng ấy hiền nương dầu có ăn năn, thì cũng muộn rồi.

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân, mấy lời lệnh phụ phu nhân giải nầy giờ đều là lời ngay lẽ chánh; tưởng cho một người thiếu trí non dại tâm thường học vấn như tiện thiếp đây thẳng dễ gì phản đối. Hẳng thật, tình ái là một cái khối vô ảnh vô hình. Khuôn Linh ung đúc; mạnh như sóng động như gió; mặn hơn muối, ngọt tợ đường; há tướng có mảnh má hồng nào ở đời này cượng cải cho qua mà dám noi gương Tiết phụ? Thế thì tiện thiếp diên gì mà mất chồng lại phải muốn lấy chồng? Nếu tiện thiếp đành bỏ hết những điều vui sướng xác thịt của loài người ở nơi cõi tạm nầy, nghĩa là phủ sạch hồng trần, lánh xa tình ái, cho dứt rồi oan trái, rãnh thân mắc phải nợ nần, mượn lấy gương tiết phụ soi mình, giữ vẹn cang thường, cho tròn một kiếp, là tại tiện thiếp rõ thấu sự mật nhiệm của hàng tiết phụ xưa, là biết đặng kế mầu, dùng để cản ngăn cái ái tình, ngày đêm đeo đuổi theo hoài, khuya sớm chần chần buộc mãi. Nhờ có vậy, tiện thiếp mới chắc mình ở vậy đến già; bằng chẳng, tiện thiếp cũng là thân phận đờn bà, cũng là máu thịt như ai, lý nào lại cự trần bất nhiễm.

Hồ phu nhân nghe người bán ngọc nói biết đặng ý mầu của người xưa giữ tiết, thì lấy làm lạ hết sức; nên bung ly rượu đưa lên tới miệng rồi lại ngừng tay, cầm để đó, trơ mắt ngó người bán ngọc, ý dường một nghi ngại ngờ; nghi cho lời nói phỉnh phờ, dạ không tin thật. Giây phút, thấy người bán ngọc mặt không đổi sắc, Hồ phu nhân mới hỏi:

– Chẳng hay kế mầu giữ tiết của người xưa là kế chi, và hiền nương làm sao thấu nổi?

Người bán ngọc:

– Bẩm lĩnh phu nhân, tiện thiếp biết rằng tiện thiếp nói ra mà không giải tất, thì làm gì lĩnh phu nhân cũng không tin, mà lĩnh phu nhân lại còn nghi mà thăm quở tiện thiếp sao dám vô lễ, bày chuyện phỉnh phờ, để dui mạng phụ. Vậy tiện thiếp xin giải, lĩnh phu nhân chịu khó ngồi nghe:

Bẩm lĩnh phu nhân, lĩnh phu nhân đã rằng tình ái là khối tự nhiên, của tạo hóa đã ung đúc trong lòng nam nữ, thành ra một thứ dây oan trái để mà buộc trói lấy nhau cho thêm khấn khít, nên hễ một dây đã buộc rồi, không ai mường gỡ được, lại thêm sự khấn khít ấy, càng lui tới ra vào, càng quen thuộc nết, thì tình lại càng dúi dan, thương yêu tưởng nhớ nhau một phút cũng không rời nhau; nên hễ hai đàng cùng nhau căn vặn tất lời rồi, thì lia tử không lia sanh, mái tóc dầu thay lòng tơ không đổi. Mà nhứt là người nhỏ tuổi, mới có chồng đang một đôi năm như tiện thiếp đây, tình ái lại càng chứa chan đầy đặn hơn ai hết thấy.

Nếu cuộc áp yêu lỡ làng vì một có nào phải chia cách nhau, để cho người đờn bà phải chịu khuya sớm cô phòng, gối nghiêng nệm chích, thì lại khôn khó cho cái thân phận người đờn bà tuổi trẻ ấy hơn nữa; vì người ấy, còn đang xuân xanh không thể chống trả lại với cái tình ái chan chứa tràn trề kia sức đang mạnh dường như sóng gió thừa dịp đẩy xô dôi dập; nên dầu người xuân xanh gãy gánh ấy có tức nước bẽ bờ đi nữa, thì cũng là lẽ tự nhiên không đáng trách, chẳng nên chê, vì phận bạc khó nổi trọn đời thủ tiết.

– Bẩm lĩnh phu nhân, về gia đạo, tiện thiếp đã thua thiệt cùng lĩnh phu nhân rằng buổi tiện thiếp mới xóc áo cài trâm, vung chịu chữ từng xuất giá, về cùng chồng đang mấy trắng, bỗng gặp lúc chẳng may khiến chồng đổi tánh. Ngoài sự dầy dọ đánh chửi, chồng thiếp bỏ đạo nhà, thả luống chơi bời, tối dựa thanh lâu, ngày theo cờ bạc, say mê tửu sắc, say đắm nguyệt hoa, bỏ tiện thiếp hiu quạnh một mình, nệm nghiêng gối chiếc, cô phòng lạnh ngắt, biết cùng ai than thở sự tình; lĩnh phu nhân nghĩ coi, thân gái mới về nhà chồng một đôi trắng, tình nghĩa đang nồng, lửa hương đang đun; bỗng không mà nguồn ân vội lấp, bể ái cạn giong, thì không nói lĩnh phu nhân cũng biết, dầu là đào là mạn chi chi đi nữa, đào không nắng

táp cũng dun mềm, mặn chẳng sưng teo ử dột; hướng chi phận thiếp Bẩm lệnh phu nhân, tiện thiếp cũng thân phận bọt bèo như ai cũng máu chảy, cũng ruột mềm, cũng biết duyên kim phận cải như ai; có lẽ nào tiện thiếp lại không ngả lòng, vì nổi chích bóng cô phòng, đêm đông lạnh lẽo một mình thất thểu, nghĩ thôi chua xót ruột gan nằm canh dạ luống bàn hoàn, giọt lệ chảy tràng bầu áo. Tiện thiếp nghĩ đến chồng bạc bẽo chùng nào, tức mình chùng nấy. Tức mình muốn cửa công khổng cáo nhưng còn e lỗi đạo tào khang; để vậy thì thiệt phận hồng nhan, một mình chịu năm canh chiết bóng.

May đâu, lối xóm có một vài vị sương phụ tuổi quá nửa đời, thấy tiện thiếp đêm đắp thảm, ngày đeo sầu, vào ra luống mảy châu mặt ử; thấy vậy thương, các bà mới đem những tích xưa truyện cũ, gương báu, kiểu thơm tỏ bày, rồi mượn những lời ngọt tiếng ngon cam ngôn mỹ từ khuyến nhủ, bảo tiện thiếp học đòi các bà mà thủ tiết thờ chồng đừng giận lấy mưa hờn ghen, gây nổi tóc tơ rắm rối. Muốn cho tiện thiếp khỏi ngại lòng, các bà lại còn đem chuyện các bà mà thuật lại và dạy tiện thiếp ý nhiệm mầu như vậy:

"Buổi xuân xanh, bề gia đạo của ta có khác gì bề gia đạo của cô mi ngày nay, ta cũng dao dao tất lòng đêm trông ngày đợi. Thương chồng, nhớ chồng, trông chồng, đợi chồng mãi không đặng rồi thì cũng lửa hờn dậy máu ghen trào, ta cũng muốn đá hất cho rồi, ra mà tìm chốn khác, trồng huê lập kiến.

Nhờ có một hai người bạn tác, mà cũng là sương phụ như ta mới bày: "Hoi nào mà tư lự thất tình cho uống: Cứ hễ ông ăn chả, thì bà ăn nem, đại gì lại nhịn thềm; chồng nó có chẳng nghĩ tình vợ chồng chia lòng vàng đá, ra đi cười son cợt phẩn bẻ mặn hái đào, bỏ mình ở nhà vắng vẻ loan phòng nệm nghiêng gối chiếc, thì mình dầu chẳng chơi hoa giỡn nguyệt, sợ thất tiết mà phải mang tiếng đời thì mình cũng dụng kế nào mà giải phá lòng sầu, tìm phương tiện mua vui trong canh vắng chó đại gì lại để vậy chịu đổ ngọc rơi châu đeo sầu đắp thảm mãi chẳng".

Nghe chị em nói lạ tai, ta mới hỏi phăng tới cho biết làm làm sao giải phá sầu tình, mà không thất tiết; thì các chị lại bảo ta rằng: "Cần chi phải có chồng mới vui, khôn gì phải tư thung với ai mới thỏa; chồng nó có bỏ mình mà riêng vui theo trường sếu, mình coi

trong chị em bạn gái người nào đẹp đẽ, thích tình, mình đem về làm bạn gối chăn, sớm khuya chung chạ. Lâu ngày rồi quen thuộc nét nhau rồi, thương yêu nhau hơn vợ với chồng, nồng mặn hơn tình với nghĩa. Chùng chị em dan díu nhau, một phút chẳng lìa nhau thì, không những trong trí chẳng còn bận nghĩa tóc tơ, hoài tình cầm sắc hút nào với người đen bạc kia thôi, mà có khi lại còn sanh sự ghét vợ không trông gặp gỡ. Thấy nó ló mặt về tới nhà sức ghét muốn đuổi phứt nó đi cho khuất mặt! Chồng không phải nghĩa có cần chi là chồng. Hai người đờn bà làm bạn với nhau tình còn mặn nồng hơn; ở vậy tới già cũng đặn. Nhờ vậy người xưa chẳng may gây gánh giữa đàng, trực tiết thờ chồng mới trọn; bằng chẳng có vậy, xét lại cũng như ai, ai lại tài gì, đang lúc xuân xanh, lấp nổi nguồn ân biển ái.

Nghe theo lời chị em, lại thêm trong lúc rầu diên, trông có ai biểu dâu làm đó, ta mới chọn một người trong chị em bạn gái, nhan sắc đẹp đẽ, tánh nét hiền lành, đem về ở một nhà chồng chạ. Càng lâu càng yêu nhau, tình dan díu hơn tình chồng vợ. Từ đấy ta chẳng còn thương nhớ chi đến chồng nữa mà phải lóng mơ ước gối chăn, tưởng tơ hoa nguyệt. Nhờ vậy ta mới thủ tiết tới giờ, không mang tiếng nhục. Nếu nay cô mi có gặp cái cảnh thảm ấy, cô mi nghe theo kế mầu của ta mới bày đó mà làm, tự nhiên cô mi giải nổi sầu tình, lại đặn vui lòng sướng dạ".

Nghe qua, bầm lịnh phu nhân, lúc cùn chẳng đã, con túng phải liều, tiện thiếp chíp để trong lòng, chờ dịp tốt thì hành thử kế. Làm thử rồi mới hay quả thật như lời, chẳng sai. Tiện thiếp mà giữ vẹn phận mình, trong lúc sắc còn xuân thắm; biếng nghe đều hoa nguyệt, ngơ mắt ngó bướm ong, cũng nhớ, từ sáu bảy năm nay, tiện thiếp bạn cùng Hằng nữ. Chung chạ cùng nhau khuya sớm, vui say trong lúc canh tàn, hoặc là xem hoa nở, hoặc là chờ trăng lên, mê mẩn nét hồng nhan biết mấy. Bởi có, chồng phụ rầy mà tiện thiếp an tâm ở vậy, ai có lòng chác quấy mặc ai; chồng dầu ham tửu sắc vui say, tiện thiếp cứ giữ phận ở nhà, tuy cửa đóng then gài cũng thỏa. Chùng trời khiến cây sao vội ngã, đàng ngôi nhân kia đã lấp rồi; miệng thế thường, ai chẳng rằng trâu nọ xa vôi, có kẻ lại nói, vung kia bể, e nổi khó đây. Tưởng cho thiếp không cam ở vậy, vì phong trào xô đẩy khó dần; mấy ai ngờ thiếp có Á Hằng, vui với thêm Quế

cung Trăng cũng thỏa. Ấy là kế của các bà sương phụ truyền bày cho tiện thiếp đó.

Bẩm lĩnh phu nhân, theo ý tiện thiếp nghĩ; người lẻ bạn dầu không chắc dạ, sợ loan chông phụng chạ khó lòng; thì cũng nên sắm một tay trong; để vậy bạn cô phòng trực tiết. Vui hơn cuộc đêm thanh giỡn nguyệt, người ngoài ai rõ biết đặng chăng? Chồng cũng không thấu nổi cơ gian, mình lại đặng, khỏi thiệt phận hồng nhan chiếc gối!"

Hồ phu nhân nghe người bán ngọc kể hết sự tình, thì lấy làm lạ lắm, song chưa dễ biết đâu chơn đâu giả, đâu thiệt đâu hư mà ngờ, nên xem như tuồng lơ lơ lác lác, ngẩn ngẩn ngờ ngờ tợ người trong mộng, mới vừa chột tỉnh giấc nồng; nhưng mà ngoài cũng có vẻ mềnh vui, tất lòng phớt phỡ; cười cười nói nói hai má ửng điều, coi ý người động dạ ấp yêu, nên ngoài cũng có chiều lơ lã. Hồ phu nhân với tay lấy nhạo rượu, kêu thế nữ bảo vào phòng chiết thêm cho người bán ngọc một ly, ép uống; rồi từ đây cứ bồi tũ ép người bán ngọc uống mãi; nghĩ vì thuở nay chưa từng nghe ai bày đặng kế thay giải nỗi tình hoài dạ ái, nay nghe người bán ngọc tỏ vẻ ý mâu, thì bụng Hồ phu nhân đã thâm mềnh quyết học cho đặng để dùng trong con một mình chiếc bóng, nương gối tương tư; song Hồ phu nhân không biết toan mưu nào khác hơn là ép người bán ngọc uống say, đặng mà nhơn dịp rượu vào lời ra, học hỏi cho tường tận. Người bán ngọc thâm hơi, hiểu thấu ý Hồ phu nhân, song cũng làm lơ, giả như không hiểu biết, ngồi gượng cười gượng nói mà từ chối rằng sợ uống quá lỡ say; Hồ phu nhân nghe nói say, trúng ý mình lại càng rót thêm, ép người bán ngọc uống thêm và nói:

– Không mấy khi vào dinh ta, hiền nương cứ việc ăn uống chơi cho thật tình, dầu có lỡ say, mềnh kia, nệm kia, gối kia, giường sẵn một bên kia, hiền nương nghĩ chông với ta, có hệ gì mà sợ. Hiền nương hãy uống thêm cho vui, mượn từ chối mà ra tình lọt lọt.

Nói rồi Hồ phu nhân lại hỏi:

– Kế gì mà hay lắm vậy hiền nương? Vậy bạn cách nào mà lấy nghĩa chị em giải nỗi tất tình chần gối lận? Ước như hiền nương kết bạn cùng ta lấy nghĩa chị em chung chạ, có đặng vậy cùng chăng hiền nương?.

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân đừng chớ sao không! Mà đừng cùng không cũng tại nơi lòng phu nhân; vì phu nhân là mạng phụ, tiện thiếp sợ e phẩm giá không đồng nhau, kết với nhau, mà chẳng thương nhau, thì không đáng; cũng bởi trong cái kế mầu ấy, yếu tại cái ái tình; cho nên kết nhau mà chẳng thương nhau, gần nhau, mà không yêu ấp nhau, như vợ với chồng, thì có chỗ mặn nồng gì đâu hồng giải nổi gánh sầu lẽ bạn.

Hồ phu nhân:

– Có sao lại không! Hễ kết nhau, thì thương nhau, yêu ấp nhau, chớ sao lại không. Hiền nương phải biết, từ thấy mặt hiền nương vào dinh, ta xem diện mạo hiền nương, thì ta, tuy cũng là phụ nữ như nhau, đã có lòng thương hiền nương rồi. Bởi vậy ta mới cầm hiền nương ở đêm trong dinh, đừng ăn uống nghỉ ngơi cùng ta cho phí; nếu chẳng vậy, hiền nương tưởng đâu ai muốn ở đêm trong dinh này cũng đáng hết sao?

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân, tiện thiếp vẫn biết lệnh phu nhân có lòng hạ cố đến phận hèn này nhiều; nên gặp lúc lệnh phu nhân mới thương tiện thiếp mà cho ở đêm lại trong dinh, để cùng lệnh phu nhân hầu chuyện cho lệnh phu nhân mượn mả làm vui canh vắng.

Hồ phu nhân:

– Thật vậy, ta chẳng giấu chi hiền nương, gái mới về nhà chồng đặt một đôi trướng, tình yêu ấp nghĩa gối chăn, nồng mặn thể nào hiền nương cũng biết; mà vì việc nước, bỗng không phân cách nhau như vậy đây, bụng ra rầu nổi chia phôi thật khun kẻ xiết. Nếu hiền nương có kế hay, lấy nghĩa chị em đem thể làm tình chăn gối, ấp yêu cách nào, mà giải nổi mối sầu tư này cho ta hết năm canh luống ra vào, trần trọc canh chầy chẳng ngủ, thì may mắn cho ta biết bao.

Người bán ngọc:

– Bẩm lệnh phu nhân tiện thiếp không những có thể mà gỡ nổi mối sầu cho lệnh phu nhân mà thôi, mà tiện thiếp còn làm đáng vui lòng thỏa dạ lệnh phu nhân hơn cái tình chăn gối nghĩa ấp yêu kia nữa; song tiện thiếp có lời xin trước lệnh phu nhân là đừng chấp

nhút tiện thiếp về sự chông chạ cùng linh phu nhân trong những lúc nằm ngồi đi đứng, cạ vế kề vai, hoặc là cười nói lả loi, vui giỡn như tình phu phụ.

Hồ phu nhân:

– Không sao đâu! đã rằng lấy nghĩa chị em làm tình chồng vợ, thì ta há còn nê chấp chi chẳng. Hiền nương chớ ngại lòng, cứ việc đứng ngồi thông thả.

Nói rồi, Hồ phu nhân rót rượu éo người bán ngọc cùng mình ăn uống tới khuya. Lúc bấy giờ, hai đàn ông đều có bộ quá chén lờ say; song say thì Hồ phu nhân say, chớ người bán ngọc trong lòng còn tỉnh. Vậy mà Hồ phu nhân có rõ biết đâu. Ăn uống xong, Hồ phu nhân cũng gượng ngồi nói chuyện cầm chừng, đợi cho thể nữ dọn dẹp, rồi mới mời người bán ngọc vào phòng an giấc.

Vào tới phòng, Hồ phu nhân vì lờ vui quá chén say, nhào đại lên giường nhằm lim dim đôi mắt; song cũng chẳng quên người bán ngọc nổi gót bước theo sau mình; nên Hồ phu nhân còn gượng kêu: "Hiền nương! hãy lên giường, nằm phía trong đây mà nghỉ!"

Người bán ngọc, từ nổi gót Hồ phu nhân mà vào phòng, phổi phở tất lòng, phập phồng trong dạ; cũng bởi hai đàn ông khó liệu, tấn thối lưỡng nan; nửa sợ nửa mừng, bán nghi bán tin. Bởi vậy cho nên theo vào tới phòng rồi, mà chẳng dám lên giường, cứ thơ thẩn đứng ngồi, mắt nhìn tứ cố. Cho đến khi nghe có tiếng Hồ phu nhân biểu, dạ dạ rồi cũng chẳng dám vào; ngồi ngoài mà dạ luống bồi hồi, dần dần sợ cơ gian tiết lậu, nghĩ rằng: Mình vì phải lòng Hồ phu nhân, nên làm tròn làm tréo, mưu này kế kia, vào dinh cho đặn, thì cũng đã hết sức rồi; tới đến đây mình lại lợt đặn vào phòng; ví biết mình chưa phỉ tất lòng, chớ cũng đã vui dạ tợ vào đặn chốn cung trăng thêm quế. Nếu chẳng giữ lấy mình cho vẹn mà chờ cơ hội đặn có sẵn tay mở cửa động đào, vào thấu cảnh thiên thai bỗng đảo, vội ham nghe lời nàng mà nhảy phóc lên giường, rủi thời vận bỉ quỷ thần xuôi, khiến cho nàng vì nghĩa chị em không nệ, lảng qua lộn lại đụng nhâm cái mối "oan gia" mà giựt mình đổ bể ra thì thân phận này phải ra sao? Có khôn khó cho chẳng? Không những cơ mưu dĩ lậu, vỡ lở xa gần thôi, còn e nổi lụy mình; ví chẳng khác kẻ lén vào vườn hồng, quyết trộm linh bẻ đào hái mạn; mà rủi

đào kia chưa bẻ đặng, đã bị người trói tại gốc đào; chùng ấy, ăn làm sao, nói làm sao, mình biết liệu kế nào thoát nạn. Chi bằng, nàng kêu gọi mấy lần cũng mặc, mình cứ việc dần lòng kiếm có ngôi ngoài, chờ cho nàng mê mẩn giấc say; chùng ấy, nhấm cũng chẳng muộn gì, vào vén trướng ra tay bẻ mận!.

Nghỉ chưa kịp dứt, xảy nghe Hồ phu nhân mớ, kêu: "Hiền nương, Hiền nương, hãy thật tình ăn uống với ta cho vui!" Nghe qua, biết rằng Hồ phu nhân đã mê mẩn giấc say rồi; người bán ngọc mắng cười, rồi nhẹ rút tới gần, tay khoát màn loan tay vén trướng phụng.

Vén mừng rồi vừa gát chon để lên giường, xảy thấy một tòa thiên niên, lịch sự như tiên giáng thế, làm cho người bán ngọc mẩn mê nhan sắc tro mắt đứng nhìn; quên bốn phận mình, mưu sự tề tình, bất cần. Cái người làm sao mà: Môi son má phấn, mắt phụng mày tằm, gương mặt tợ trăng rằm, màu da như tuyết diễm. Nhan sắc, bạc ngàn cân, khó kiếm dung nghi, vàng trăm lượng khôn bì; cốt cách xem chi nhượng Tây Thi, diện mạo nhấm thua gì Kiều nữ. Liếc mắt ngó tợ đôi châu chói rờ, neho miệng cười như sen nở đua hàng; đẹp dễ thay, nét mày xanh như từ cái lá thắm cũng ghen, lẳng môi đỏ tới con chim đen cũng ghét. Tay mười ngón, như mười mũi viết, răng hai hàm trắng thiết tợ ngà; ngó lên trời nhận ngần ngơ sa, dòm xuống nước cá lừ đừ lụy. Thiên kiều bá mị, vạn chuồng phong lưu; người bán ngọc trộm liếc hiệp nghĩa thơ cuu, chón này có phải là chón ngân gian đây chăng? đêm nay khiến hảo cừu Ngưu Nữ!"

Trộm ước thâm mơ vậy rồi, người bán ngọc ngồi ghé bên cạnh giường nhìn mặt cho tường hơn nữa. Lúc bấy giờ, trong phòng lặng lẽ, dòm quanh ngó quát chẳng còn nghe chi khác hơn là tiếng đồng hồ treo trên tường chạy tích tắc nghe hoài không ngớt; lại cũng chẳng còn thấy chi khác hơn ngọn đèn khuya chong để ánh còn sáng trung, sáng cho đến đổi say vui vẩn. Thấy Hồ phu nhân mê mẩn giấc nồng, sổ đầu không hay, nằm bỏ tóc, xấp xả quanh mình, người bán ngọc càng trông thấy càng mẩn tình, lòng tự giục khó gìn cho đặng. Bèn sề lén lấy mềm đáp bụng cho Hồ phu nhân rồi lại muốn đưa tay rờ rắm vuốt ve cho thỏa. Không dè, mới thò tay ra vừa tới, bụng sợ phập phồng nó làm cho tất dạ bồi hồi, tay rung lập cập. Người bán ngọc không dám rờ! Lật đặt thực tay vào rồi, xay mặt

ngó quanh quẩn bên mình, tuồng như kẻ cấp sợ gặp bà già mà không dám động. Ngó quanh ngó quẩn bên giường không ai, bèn ngồi tĩnh lại, dần lòng, cho bớt rung bớt sợ. Giây phút, người lại lộ tay ra; phen ni quyết chí đánh liều, rờ hoa thắm, vuốt má hồng cho thỏa. Vuốt qua vuốt lại, rờ xuống rờ lên đôi ba phen mà Hồ phu nhân mê mẩn không hay, người bán ngọc thấy vậy mới dễ người, ái tình lại đổi lòng tư dục; khiến người nép ẩn bóng cây, trộm lĩnh bẻ đào hái mận kia khun dần, muốn kề má hun cho phỉ dạ. Ấy cũng bởi cái tình sắc giục của người đời, sức mạnh đường sóng gió; người cứng cỏi cách nào nó xô cũng ngã, nó đẩy cũng xiêu; xét kỹ, nó chẳng khác nào cái tham nan vô để, không đáy không ngăn kia, nó hay làm cho con người quáng mắt điên đầu, ham muốn không ngăn, không kể phép nước luật quan ra gì, lại cũng chẳng quăng chỉ là đạo lý. Miếng đắng thỏa lòng ao ước là hơn! đã vậy nó lại còn khiến người lầm tưởng trong sự ham muốn không có điều gì khó mà e! Bởi vậy người bán ngọc mới dám tưởng mình như kẻ trộm kia thừa lúc chủ giấc mê, lỏn vào nhà đăng rồi, thì muốn lấy món chi cũng đừng hể hết ngoài rồi thì lần tới trong, khó chi mà sợ! Hể rờ rảm đăng vuốt ve đăng, thì mặc tình muốn hun cũng đăng, có ai ngăn trở mà lo! Nào ngờ trong cái sắc còn có cái oai, nên tuy nó không độc như rắn, dữ như hùm, lại nó cũng chẳng hay làm sóng gió mà nhận nước ai, mà ai thấy mặt nó, cũng thương mà ghê mê mà sợ, hoài kỳ nghĩa, khiếp kỳ oai; bởi có, hiền xưa mới có để câu "Sắc bất bá đào di nịch nhân" mà truyền dạy những tay háo sắc. Người bán ngọc có rõ cho chẳng!

Chưa ắc người biết chẳng mà khi bỏ tay qua chống dựa hai bên đai ngọc cốt liễu mi nằm tro tro kia, đăng có cuối mặt xuống hun cho thỏa thì tắt lòng thương sợ sợ lại càng bằng hai, ngực đánh rầm rầm, tay rung bầy bầy; rung sợ cho đến đổi mồ hôi tuôn đọt giọt mũi thở chẳng ngớt hơi, khiến người bán ngọc cuối chưa tới mặt phu nhân, mà đã giựt mình tỉnh ngộ.

Người bán ngọc vụt ngồi dậy, thở ra, song chẳng quên nhìn cái gương thu thủy, nét xuân sang còn sừng sừng trước mắt mình kia, ngồi nhìn mà muốn ăn năn, bỏ mưu sự tẻ tẻ cho rảnh; những bởi cái sắc dục sức mạnh phi thường, mạnh hơn cái trí lực của con người bội phần, nên trí thì muốn dứt bỏ, mà tình không đành dứt bỏ.

Gặp con tấn thối lưỡng nang người bán ngọc còn đang ngồi tính tới tính lui, lo quanh lo quẩn, bỗng không, có con Thần Lăn ở đầu bò tới đeo gần bên sợi dây đèn hồi nào, vùng chắt lưỡi giao canh, làm cho người bán ngọc giựt mình, ngoảnh mặt ngó lên, ngó trên trời một hồi, rồi lại bàn qua tình tự. Thầm nghĩ: "Rất đổi con Thần Lăn là một loài nhỏ nhen, đục cái không phân, thu hùng nang biện, háo sắc mà không háo nghĩa, biết đục mà chẳng biết tình, thấy cái sắc tuyệt trần còn không đành bỏ qua, dám rình ta mà trộm xem cho phỉ; bấy giờ thấy ta ăn năn muốn bỏ cái sắc mà ngọc mắt không nhìn, nó còn biết tiếc của đời, mà chắc lưỡi hít hà thay; huống chi ta là ngọc đã vào tay, ta lại là tay biết ngọc, lẽ nào lại không lòng yêu ngọc. Bao đành bỏ bù lằng bù lóc, đã không đem về mà trao đổi, cho nên vốc, lại nở để cho ngọc trắng cát lăm; đào tiên đã rơi đến tay phàm, thà mà vinh nhàn quít cho cam sự thế!".

Nghĩ vậy rồi, người bán ngọc xây lại nhìn mặt Hồ phu nhân; nhìn cho mặng nhãn rồi cũng ngồi chống tay, cúi mặt xuống quyết hun cho thỏa. Cúi xuống ngược lên đôi ba bận như vậy nữa, rồi đi lại cũng bị có một điều bụng sợ pháp phông, tay run lập cập mà ngại ngần không dám đụng. Sau rốt; người tức mình cúi xuống một bận nữa. Phen nì người thệ quyết làm gì cũng hun, dầu chẳng may, con mưa gió bão bùn cũng chịu; dè đâu, cúi xuống vừa tới mặt Hồ phu nhân, bỗng nghe chuông đầu đổ một tiếng bon, làm cho người giựt mình thất kinh, lom côm dậy xây mặt nhìn tứ cố. Nhìn bốn phía rồi tròng đôi mắt ngó, ngó rồi lại đưa bàn tay sè lên, khoát khoát mà ra bộ biểu thôi, trong bụng lại thầm nói: Có lẽ tay khinh động một dùi, thôi! đừng làm lỡ cuộc vui tội nghiệp! Tưởng là dứt ai dè còn đổ tiếp, tiếng chuông rền, không kịp trở ngăn; người bán ngọc giận, dừng lông mày trợn mắt, nghiêng răng, đường khoát mặng: "Ai cây mi, ai mượn mi mà mi kêu, làm vỡ lỗ gối chần canh vắng!"

Đồng hồ đã điểm hai, người bán ngọc sợ Hồ phu nhân giựt mình, mở mắt thỉnh linh ngó thấy, bèn bước trái qua ghé ngồi xây mặt ngó vô mừng, mà xét tới xét lui, lo quanh lo quẩn: nghĩ càng thâm tiếc, tiếc từ hồi hôm tới giờ mặng ngại ngần mà bỏ hết thì giờ: đến bây giờ là bao giờ, mình hãy còn chờ mãi thế.

Nghĩ không lẽ mình ngồi bên giếng, chịu thiệt thòi nhịn miếng cho đành; thà đánh liều uống cho đặn hớp nước thanh, dầu chẳng

may, uống vô khỏi cổ rồi có chết đi nữa, cũng sướng dạ, phỉ tình khao khát. Nghĩ vậy rồi, người đứng dậy, sắp mình trở vô; lúc bấy giờ trong phòng lặng lẽ như tờ, ngó ra cửa sổ, lại thấy trên trời, ngựa nghiêng sao mọc, dật dờ sương bay. Người bán ngọc đi nhón gót, không dám cho động đất; sợ động, Hồ phu nhân có giựt mình tỉnh giấc dậy chẳng. Mà thăm thay, ba con chuột lắt, thấy vậy lại cắc có, không chịu để êm; bầy thì giành ăn với nhau cắn lộn nhau mà vỡ chạy tung bùng, còn lủ lại, vui trăng gió reo cười thôi vỡ lờ. Người bán ngọc sợ nó nhảy bắt tử đồ đồ trên bàn mà Hồ phu nhân giựt mình đi chẳng, nên muốn đuổi cho nó sợ mà đem nhau ra khỏi phòng cho rồi đi, ngật nổi, không dám hở môi cho lộ một tiếng chi, cứ tro mắt ngó, đưa tay khoát, chuột nó cũng khi không thềm nhút nhít. Đuổi mà chuột nó không sợ biết sao! Rốt cuộc phải nhịn thua nó mà đi, để mặc nó reo túc gì tự ý. Người giận bỏ lần bước lại giường. Gấm có lại gì mà phải vẽ ra; thì bận này cũng như bận kia, hễ vào tới, thì cũng vén mừng, cũng ngồi ghé bên giường, cũng nhìn cũng ngó, cũng vuốt cũng ve như thường, có chi lạ nữa. Có một điều là rờ rẫm vuốt ve thì không sao, chớ hễ muốn kê má xuống hun, thì lại hườn cự lệ, trống ngực đánh rầm rầm, tay chơn rung bầy bầy! Đi lại cũng chẳng dám hun! Bởi vậy người cứ ngồi đó mà nhìn ngó, vuốt ve, nuốt nước miếng mà chịu như kẻ thêm me, sụt sè ngồi dựa gố! nghĩ có ứa nước mắt cho chẳng! Vậy mà cũng đổ mồ hôi ướt đầm, như người bị cảm mạo phong sương, gặp cơn sốt rét; trong mình nóng tựa như lửa đốt, tay chơn thì lạnh ngắt như đồng, trong bụng sợ phập phồng, ngoài mặt thì biến sắc. Vậy mà cái tình sắc giục cứ đeo đuổi theo hối thúc, chẳng để cho một phút nào nguôi; có khi lại nghe vắn vắn bên tai như có tiếng người hỏi:

"Có phải tu thì tìm cửa. Không nhờ, dưa muối với chuối xôi, ở chi đây, hương lửa đã bén mùi, lại ngồi đó mà tro mắt ngó, chẳng liều tổn mua vui canh vắng hử?"

Dục thúc quá dần lòng không tiện, người bán ngọc bèn gượng đưa tay rờ cái ngọc cốt phi phàm; mà nghĩ khổ cho cái thân kẻ hữu tình biết bao, cũng vì, hữu tình thì kiến sắc động tâm; Bởi vậy rờ tới đâu chết đến tới đó, lòng tư giục ai cầm cho đậu! Dục riết, người bán ngọc chẳng biết liệu sao cho thỏa tấm tình, bèn đánh liều cầm lấy bàn tay tiên đỡ lên mà hun; hun mà sợ, hun mà thương,

hun mà đôi giọt lệ chảy rung rung, hun rồi lại liếc mắt ngó chùng, ngó mặt Hồ phu nhân mà khóc! Khóc mà không buồn bực, khóc mà chẳng ngã lòng, nên khóc thì khóc vậy mà tay mình thì chẳng để ở không, cứ rờ rẫm mảy mò từ trên tới dưới. Rờ xuống tới chơn Hồ phu nhân, người bán ngọc ngồi ngẩn ngơ, dờ tỉnh dờ say, như hình trong mộng. Nghĩ cho mình lạc lối tới đào nguyên động, gặp tiên sa phụng lộn chi đây; thật giả đành trên nguyệt trong mây, hoa sao khéo dả dây lăm bấy. Nghi nghị hồi lâu, cầm lòng không đậu, người bán ngọc bèn cúi xuống ôm lấy bàn chơn Hồ phu nhân mà hun, hun trơ hun trất một hồi, càng hun càng động tình, hun đến đổi Hồ phu nhân giựt mình mở mắt. Ngó cái tình cảnh như vậy, ai có rõ lúc bấy giờ người bán ngọc ra sao chẳng? Hồ người biết bao mắc cỡ biết bao; thẹn lòng biết bao, ước sức muốn chôn xuống giường mà trốn! Mà để trốn kịp cho chẳng! Người bán ngọc chưa day, Hồ phu nhân đã nắm tay, kéo xển nằm dài trên bụng hỏi: "Hiền nương thương ta lắm sao?" Hỏi rồi lại hỏi: "Bộ hiền nương cảm mạo thương hàn sao mà mình mẩy nóng đỏ mồ hôi, tay chơn lạnh run en phát rét?"

Người bán ngọc từ bao giờ đã khấn khấn một lòng, thâm ao trộm ước mà chưa gặp dịp nào may mắn, gần đây cái ngọc cốt liễu mi cho thỏa tác lòng hoài ái phù dung chi sắc; bấy giờ lại gặp hồi may, dì gió ả trăng khiến cho người quốc sắc thiên hương đem dạ yêu đương, gối chần chun chạ, lại còn chẳng nệ cạ vế kê vai, nắm tay kéo nịu, thì có mằng nào cho quá mằng này mà chưa chịu chông gối vui vậy cho thỏa, lý đâu Hồ phu nhân nịu lấy tay mà kéo xển lên mình, người bán ngọc lại trì lại như tình không khấn. Thoản lại người bán ngọc mà dặng Hồ phu nhân bắt lấy tay, thì phỉ lòng ai ước biết bao, tác dạ vui mằng chi xiết: thật thì nổi mằng biết lấy chi cân; mằng có khác nào điệu ngô lam phong, cửu hạn phùng cam vô; mằng đến đổi trong lòng khắp khỏi, mắt rung rung hột lụy chứa chan, nhưng bởi e tuyết lậu cơ gian, nên chẳng dám chồm lên tới mình nàng cho đụng. Đường ấy cái nỗi sợ sức còn trội hơn cái nỗi mằng biết bao. Nếu muốn đem cái nỗi sợ đẩy ra mà sánh với cái nỗi mằng này mà coi, thì thấy, mằng có một, sợ tới mười, nên trong bụng sợ run, ngoài tay chơn như rét. Rõ ràng cái nỗi mằng dặng dựa kê mình hạt, không cho lấp nổi cái nỗi sợ lậu cơ. Mằng có cái tịch như vậy biểu sao, khi Hồ phu nhân nắm tay kéo lên, người

không trì lại, chớ như người mà dặng tay tiên rờ tới, thì tắc lòng ái truất tư lương kia, không những dặng phỉ nguyên mà thôi, mà lại còn dặng khoái lạc vô cùng; khoái chẳng khác mình hoàng du nguyệt diện. Nhưng bởi cái sợ hãi kia nó đã diệt tận sự khoái lạc nọ hết rồi, còn tưởng biết chi là toại chí. Cho nên lúc Hồ phu nhân nắm tay mà kéo người lên, thì trong bụng người chỉ còn biết có một điều quá sợ phúc rung, chẳng dám chồm lên tới mình nàng; vì sợ lên đó ló đuôi, chi cho khỏi đụng chạm mà ra đổ bể. Tuy vậy, người tránh trức cũng chẳng khỏi tay. Nhắc lại khi người bị níu thành lĩnh chưa kịp khom lưng trì lại, thì Hồ phu nhân kéo tay người lên đã tới trên, đụng đôi hoa cát để hai bên, nên người sợ quỳnh quuyến mà run lập cập.

Vả lại sự khủng khiếp không những nó làm cho con người áy náy tắc lòng, chon tay run rẩy vậy thôi, mà nó hãy còn làm cho người phải khớp mà ra nghẹn ngào, nói chẳng ra lời, mở không ra tiếng. Bởi vậy Hồ phu nhân hỏi câu này tới câu kia mà không nghe đáp, thì chẳng phải là tại người bán ngọc không nghe; thật thì người nghe tạng tai, nhưng bởi tắc lòng hãi kinh khủng khiếp nó làm cho người khớp mà nghẹn ngào, chưa kịp mở ra lời; kể Hồ phu nhân nắm lấy tay mà kéo xấn lên, làm cho người phải sợ thêm thất vía mà run lên phát rét.

Hồ phu nhân thấy vậy lại tưởng người rét thiết, nên tiếp nói:

– Dữ không! Bị sốt rét đến đổi rung rẩy như vậy, sao hiền nương không nói cho ta hay, dặng ta trùm mền cho và úm cho bớt lạnh? Ngại nỗi gì để vậy chịu rung?

Dứt lời, Hồ phu nhân vói tay lấy cái mền đắp chung với người rồi lại ôm người sát vào lòng, chiến hơi mà úm; tình hình xem có khác nào phận cải duyên kim. Thoán lại người bán ngọc mà dặng vậy, thì phỉ lòng biết bao; khoái lạc biết bao; xét kỹ, có kém chi cuộc đẹp duyên côi rỗng, phỉ nguyên sánh phụng; còn mong mỗi tìm tòi sự khoái lạc nào hơn mà chẳng tưởng mình cười hạc mà lên côi tiên đạo xem cảnh vật? Thật, người bán ngọc lấy làm khoái chí toại lòng khun kể xiết. Nhưng mà rủi thay, cuộc vui vắn chẳng đầy gang, khiến cho tấm lòng thâm ước trộm ao dặng phỉ nguyên bao nhiêu, dặng khoái chí bao nhiêu, thì sự nghi sợ cũng có đủ bấy nhiêu, nghi

sợ có một điều, làm lộng quá mà tiết lậu cơ gian không toàn tánh mạng. Bởi vậy người bán ngọc chẳng dám để cho Hồ phu nhân ôm; nên, trên thì cũng choàng tay qua ôm cái vóc ngọc mình vàng như Hồ phu nhân ôm người vậy; còn dưới, thì cứ nằm chèo queo, mượn hai gối chỏ ra mà đỡ che tội lỗi. Tuy vậy mà mũi đặn kê má phấn, tay ôm đặn mình vàng, thì cũng đủ cho người bán ngọc phối phở tắc lòng, nên mình nằm đấy mà trí lảng về đâu không biết. Chùng nghe Hồ phu nhân hỏi bớt lạnh chưa; người mới giựt mình tỉnh lại. Đáp rằng: chưa, lại nói: "Chẳng biết sao bữa nay, có uống chút rượu, trong mình khó chịu".

Hồ phu nhân nghe người bán ngọc nói vậy, liền tiếp:

– Phải, ta đây cũng vậy! Bữa nay ta uống không mấy ly, mà chẳng biết tại sao tứ chi phũ động! Phải chi hiền nương không có đau, ta mượn hiền nương chịu khó bóp giùm tay chơn một lát cho bớt mỏi.

Người bán ngọc nghe biểu đến đều lấy làm mừng lòng, ví tựa đi buôn gặp châu, đi câu gặp vậ, bèn xin vâng chịu liền:

– Bẩm lĩnh phu nhân không sao. Tiện thiếp nhờ ân lĩnh phu nhân bấy giờ cũng đã bớt lạnh rồi. Vậy, để tiện thiếp ngồi đấm bóp cho lĩnh phu nhân một hồi miễn lĩnh phu nhân đặn yên quý thể.

Nói rồi, người bán ngọc vụt chỗi dậy, coi vén tay vén chơn, vén áo vén quần Hồ phu nhân, rồi ngồi lại dựa kê, ra tay mần mò đấm bóp. Bấy giờ đồng hồ đã quá điểm ba; người bán ngọc ngồi và bóp và nhấm xem cái gương thu thủy nét xuân sang, nhan sắc tuyệt trần, cốt cách phí phạm bất tục, mà thầm khen rằng:

*"Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên".*

Thấy vậy, nghĩ cũng đáng thương hại cho kẻ hữu tình biết bao! Càng nhìn càng khen, càng hoan càng hỉ; lại hề biết toại lòng khoái chí thì ái tình càng giục thúc lả loi; nó giục thúc cho đến đổi, ngồi nhìn trân mà quên lũng sự đời, ngơ ngẩn tựa như người trong mộng. Lòng riêng tưởng dâm tình càng đông, làm cho người tản mẩn đề mê, đường thuyền cây bị sóng giữa vời, tử như hùm sa xuống giếng khơi, thân lúng túng khun bơi khó lội. Ngồi suy nghĩ lấy làm tức tối, tơ kia không phải mối thì thôi, nợ nần chi buộc trói đền bồi, nên

phải ngồi nhìn mặt mà chịu thiệt thòi chút phận. Duyên kia dẫu mà ra hờ hững, vì thuở nay, nhện này chưa vương vấn tơ kia, nghĩ con tạo thật cũng khéo lá lay, khiến cho chi như khóa với chìa, rồi lại để ngồi đấy trơ mắt mà nhìn nhau, tựa như súng nhìn bia, không mồi, đã vậy lại còn muốn trêu ngươi làm chi mà, đem cái sắc khuynh thành quen thói, cảm treo heo nhện đối nở nào; đường ấy nghĩ mà đau, con trăng già độc địa làm sao, dây chẳng lựa dăm buộc vào lấy dạng!

Còn năn nỉ than dài thở vắn, bỗng đâu nghe tiếng đồng hồ vẳng vẳng bên tai, nghe chưa dứt tiếng chuông, bèn than: Bốn giờ rồi! Trời đất ôi!

"Nỉ non đêm vắng tình dài.

Ngoài hiên thở đã non đoài ngậm gương".

Than ôi, người ngồi bóp chơn Hồ phu nhân bóp từ dưới cườm lên lên tới trên vế rồi ngồi nhìn giọt châu tầm tã. Lúc bấy giờ Hồ phu nhân giấc lại càng mê, không còn hay biết chi cả; mê cho đến đôi khi tựa mình lẫn lộn bỏ chơn qua gát trên vế người bán ngọc, mà nàng không hay; còn tay thì ôm lấy gối người mà nàng cũng không thềm biết. Người bán ngọc dặng vậy thỏa tấc lòng biết bao, nên muốn để cho nàng nằm an vậy hoài cho cam, bèn không dám động; cứ giữ ngồi cứng ngắt một chỗ đấy mà chịu chết đứng trong lòng, tảng mẩn mê mỗi cách mấy cũng không hề dám dấy dậm trở.

Cái dâm tình bấy giờ có khác nào lửa cháy mà tưới dầu thêm, làm cho người bán ngọc lửa tâm phùng phùng, lòng nghi sợ khun cầm nữa dặng. Người mới thầm nói:

"Trời đã gần sáng rồi, liệu sao; trời đất ôi, nếu mà bỏ qua cái cơ hội may mắn này, thì biết bao giờ gặp dặng một lần vậy nữa! Từ hồi đầu hôm tới giờ, phải mình dùng ngại ngùng sợ sệt mà dùng dằng cho ra vụng tính, thì mình dẫu muốn sẵn tay mở cửa động đào, rẽ mây tìm kiếm lối vào thiên thai mấy lần cũng dặng rồi, có đâu trễ đến bây giờ, còn ngồi đấy mà ngơ ngẩn. Để ra đến bây giờ đây.

Người bán ngọc ngược mặt lên ngó đồng hồ rồi chắt lưỡi lắc đầu bộ coi lính quỳnh, dường như bồn chồn sợ trễ nãi một việc gì gấp rút không thể bỏ qua, rồi lại tiếp tục mà thầm tiếc trộm than rằng:

– Trời đất ôi, giờ khắc lệ như tên; mới đây đã bốn giờ rồi sáng rồi, còn gì mà kể. Kìa kìa gà gáy tan khoan nhật bên tai, xe cộ chạy rần rần ngoài ngõ, mình còn ngồi mà đợi chờ cơ hội nào nữa đây mà chưa chịu mây mưa đánh đổ? Từ hồi hôm đến giờ, mắng có, ai ôi có thấu:

*"Nỗi riêng riêng những bàng hoàng,
Dầu chong trắng đũa, lụy tràn thấm khăn".*

Mảng có vụng tính nhìn trần mà khóc thầm, nên phải cam chút phận thiệt thòi, nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong; chỉ như bây giờ đây trời đã gần sáng rồi, còn đợi chi?

Mình hỏi lấy mình, đáp lời chưa đáp; bỗng nhiên Hồ phu nhân tựa mình rên: "U... u..." rồi lẩn lộn lại, nằm ngửa ra, bày hoa liễu chán chường trước mặt. Người bán ngọc giục mình, lật đặt bóp lia bóp lia. Bóp lần lên tới trên, người lại ngừng tay, ngồi ngó không nháy mắt. Ngó xuống ngó lên một hồi, thăm cho cái thân phận kẻ mang nặng khối tình dữ a!

*Ngon đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đấy cũng ngo ngẩn sầu.*

Nhìn trần trời một hồi, ruột rối bời bời, tác lòng khoan khoái; người bán ngọc, lúc bấy giờ lại thường hay ghé mắt coi chừng đồng hồ, thấy kim qua lệ như thoi đưa, thì người lại càng lo sợ quính quếu mà chết điếng trong lòng hơn nữa. Lại hễ người mà lo sợ quính quếu chừng nào, thì cái tình sắc giục nó lại càng làm cho lửa tâm càng dập càng nồng chừng nấy; ví chẳng khác nó dục thúc người phải mau ra tay bẻ cái nhụy đào; đã vậy, con bấy chừ người lại vẫn vẫn bên tai, như có ai trách lẫn rằng: rõ ràng của dẫn tay trao, sao chưa chịu lãnh đi cho rồi, còn ngồi đợi hội nào đâu nữa!

Người bán ngọc ngó cái cảnh trạng lạ thường như vậy, mới ngồi định tâm nghĩ lại một mình rồi quyết hăng rằng:

*Một đêm gió mát trăng trong,
Năm canh nayặng chút lòng chứa cam.*

Làm gì cũng đánh liều cho thỏa tấm lòng ước mơ; chớ không lý mờ để trước miệng mèu ngồi nhìn mà liếm mép. Làm gì cũng phải ăn; dầu rằng duyên phận chẳng may, gỏi chông đầu rồi thác cũng ung. Nghĩ nghị xa gần như vậy rồi, người bán ngọc:

*Sóng tình đường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm, có chịu lỗi.*

Người bán ngọc ngồi ngó Hồ phu nhân mà lên từ nước tóc màu da, tới cành hoa nhụy đoá; ngó trên trời một hồi rồi lại khen:

*Hoa hương càng tỏ thức hồng.
đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.*

Khen rồi, người lại nhìn mặt Hồ phu nhân càng thêm tươi mà mỉm cười; mà trong chỗ cười của người đấy, không những còn có dấu yêu thôi, mà hãy còn có dạ nghi ý sợ; song đồng hồ đã điểm năm, tiếng gà đã gáy sáng, còn giờ nào nữa mà e; nếu chẳng quyết ra tay, để hết đêm tới ngày, té lẻ hoài công vô ích. Bởi vậy người dằn lòng sợ, guồng làm gan mà quyết:

*Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chịu nên phải chán chường én anh*

Tưởng vậy là vậy, dè đâu người mới vừa sấn tay mở cửa động đào, rẽ mây trông rõ lối vào thiên thai, thì người đã giựt mình mà thực tay vô liên; dường như có điều chẳng hiền, sự duyên trắc trở. Người bèn ngừng; ngó cái vóc ngọc mình ngà, mặt hoa mày liễu, của người nằm đấy mà đôi mắt chan giọt lệ. Người bán ngọc mới thâm xét lấy mình.

HỒ THƯ NHÌ Nhìn nước miếng mà tường gia biến Xem lá "Xâm" gây chuyện phong tình

*Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương.*

Từ gặp nàng nơi Bảo Anh tự vì, mình phải lòng nàng mà mưu sự cải trang giả cuộc vào dinh bán ngọc, nàng đã hết lòng thương mà hậu đãi, lại tin ta là phụ nhân nên quá nghe lời mà ra chông chênh; nàng chưa hề có một phút nào nghĩ cho ta là đờn ông, cùng là yêu ta vì tình nào khác. Nếu nay ta mà thừa lúc chén say, canh vắng nàng đương mê giấc, mà ra sức trộm đào cắp mặn,

chi cho khỏi lúc leo lên vịn nhánh, rung nhành long cội mà nàng hay. Như nàng thuận tình chẵn gối vui cuộc gió trăng thì chẳng nói chi, chí như nàng là một người đồn bà trinh tiết trao mình, chữ dạ gìn vàng giữ ngọc, nàng không thuận, la ó lên thì mới sao? Thân ta phải ra sao? Ngoài cửa có quân canh, trong dinh đoàn thể nữ, ta mới liệu sao thoát thân cho khỏi? Thế thì tánh mạng ta còn gì? Thân danh ta còn gì? Mạng ta vì nàng mà thác cũng đành, ngật nổi cái tên tuổi này, cũng là bực râu mày, anh hùng tứ hải, há cam chịu đi xú bách niên vậy sao?" nghĩ tới đây người bán ngọc dùng dằng, dường có chỗ ần nần chưa cãi.

Thật, người bán ngọc nghĩ tới đều nguy sự hiểm, nhục nhã tông môn mà ngã lòng muốn bỏ; xét vì, đời nào cũng thế, nước nào cũng thế, làm người ở trong xã hội có chi hổ thẹn thẹn trộm, nhơ nhuốc thân danh cho bằng cường dâm phụ nữ trong lúc thâm canh; lại thêm, cường dâm một người đồn bà tằm thường dân dã, dầu nó không thuận tình đi nữa thì bất quá chửi cùn chửi quét nó đom, cho nhục đó vậy thôi, không đến nỗi gì thiệt mạng; chí như cường dâm nhằm một vị mạng phụ như Hồ phu nhân đây – thuận thời chơi lý đồn đào, nghịch thì chàng ắc nập vào bụng ta – nàng mà không thuận tình trăng gió, la lên, vỡ lẽ xa gần, thì ắt lưới guơm vô tình không hay dung vị.

Không lý vì một cuộc trăng gió gọi là mà coi mạng nhẹ to lông, đành phận, bách niên đi xú. Nghĩ vậy nên người hồi tâm định tánh quyết xa lánh tội tình; nhưng bởi lương tâm thì muốn bỏ, mà cái lòng tà dâm lại chẳng chịu buông, cứ chẳng buộc hai con mắt của người châm chỉ ngó xuống hoài, rồi lại còn dục thúc lòng người xiêu theo sắc dục; nên nổi dâm tâm khun dần, lửa tâm càng dập, làm cho người quên phúc những lời khuyên nhủ của lương tâm. Bấy giờ người nghe theo lòng tà dâm, mà không, tưởng đến đều nguy sự hiểm, cũng bởi lòng tà dâm sức nó mạnh hơn lương tâm; mạnh cho đến nỗi khiến sao người hay vậy, dầu là đều quấy lẽ hư đi nữa, người cũng phải xiêu theo, không dám cãi lẽ nào cho đặng. Thoản lại người bán ngọc, tuy là tay tằm thường học vấn, chó cũng là bực trí thức ở đời, rõ thung đạo lý: con bình thường người biết rõ đều hư sự thiệt đều phải lẽ quấy, đen trắng phân minh; đến khi bị cái lòng tà dâm nó dục thúc tới rồi, tới mất diên đầu, quên hết cách cư

xử ở đời, không phân biệt nên hư phải quấy. Bởi vậy trong lúc tà dâm chen lấn với lương tâm, tranh giành với lương tâm, thì người thấy bên thường bên phạt rõ ràng, mà bên phạt lại có lưỡi guom trần sáng tợ như dao mài, để mà giết kẻ cường dâm phụ nữ; thì có lý đâu người lại chẳng rõ biết khun thì sống bống thì thác, hễ xiêu theo lòng tà dâm, thì tránh chẳng khỏi lưỡi guom vô tình phân xử; mà có sao người lại nghe theo lòng tà, dám liều thác mà noi đảng quấy. Nhưng bởi sức tà dâm nó mạnh hơn lương tâm, nó ép uống người phải theo, dầu rằng thấy guom treo trước mặt, cái chết sau lưng cũng không ghê gớm. Cho nên khi người xiêu theo tà tâm, nhứt định chẳng bỏ qua tình tệ, người dám buông lời thảm nói rằng:

"Gối chung đầu đầu có thác, dạ cũng vui". Thế thì lương tâm nào còn theo mà cản đảng nữa đảng. Mà thảm lúc người xiêu theo lòng tà, quyết kế bẻ đào hái mệnh, giờ khắc lại thúc tới bên lưng; dường như có tiếng vắn vắn bên tai, hỏi người rằng:

"Sáng rồi, sáng rồi! Trống gần tàn canh, có sao còn chưa tỉnh!"
Làm cho người quính trong ruột, bộ mặt dáo dác, đôi mắt lảo liên; ngó lên nhìn đồng hồ, ngó xuống nhìn phụ nhân, lòng bấn loạn, đến đổi:

*Giọt châu thánh thốt quyền bào,
Mằng mằng sợ sợ biết sao là tình!"*

Vẫn biết lòng tà dâm mạnh hơn sức người, nên người dầu bực nào vương tới nó rồi cũng khó mà cượng nổi; song mạnh vậy chớ nó không thể che lấp nỗi chỗ nghi sợ của người; nên hễ nó mà dục thúc tới chừng nào, thì lòng nghi sợ lại càng thêm, làm cho người tay phải rung, lòng phải khớp. Bởi vậy trước khi muốn xoang tay vịn nhánh, người bán ngọc cuối xuống hun Hồ phu nhân mà thử ý coi thúc ngủ thể nào. Thấy sao hun qua hun lại mấy phen mà Hồ phu nhân không hay, người mới lần giả ý kêu: Hồ phu nhân, Hồ phu nhân; kêu năm bảy tiếng mà Hồ phu nhân cũng không cụt cựa. Giờ đã đến rồi, còn nghi sợ nổi gì mà dùn dằn đợi mãi. Người bán ngọc bèn..."

Bỗng nghe có tiếng la hoảng:

Ủa! Ủa! Ủa! Hay cho hiền nương! Ủa! Hay!

*Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao!*

Từ đây, Hồ phu nhân cấm tuyệt bấy thế nữ ra vào, trừ ra có một con, tên là Đào Anh, là tay trong, theo hầu đỡ tay chơn Hồ phu nhân, đặt lòng Hồ phu nhân thương yêu như ruột mà cũng bị cấm, khi nào có lệnh đòi vô thì mới đặt vô thôi. Hồ phu nhân lại dặn Đào Anh từ đó về sau không dọn ăn nơi phòng ăn nữa, mà phải sửa sang bàn ghế dọn trong phòng ngủ; lại mỗi bữa ăn đều phải dọn đủ hai người ăn luôn luôn. Bởi vậy, Hồ phu nhân với người bán ngọc bữa nào cũng:

*Chén hà sánh giọng quỳnh tương
Dải là hương lạn bình gương bóng lồng*

Bữa sớm bữa tối gì hai người cũng ăn uống vui say với nhau trong phòng; mà nhứt là bữa tối lại càng. Đêm nào chỉ những đêm nấy, hai người vui say tới canh gà cũng chưa mãn tiệc. Mà hễ mãn tiệc rồi, thì đem nhau đi nghỉ, xem tính khấn khích với nhau cũng dường, hải dường mơn mớn nhàn tơi, ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng. Mà hễ hai đàng khấn khích nhau, say đắm nhau không nỡ rời nhau chừng nào, thì cái tình nguyệt hoa, hoa nguyệt lại càng thêm não nồng chừng nấy; làm cho hai đàng một tỉnh mười mê, ngày xuân lắm lúc. Hồ phu nhân không cho người bán ngọc về, cứ cầm ở trong phòng vui say mãi thế. Ngày lụn tháng qua, hai đàng, mập mờ trong cuộc truy hoan, càng quen thuộc nét càng dan dít tình, say mê nhau dan dít nhau cho đến đổi quên sợ lậu tệ tình; có nhiều khi trước mặt thế nữ, cũng dám quen nét bốc rồi, nói cười ngả ngón; làm cho thế nữ, ban đầu còn lấy làm lạ mà sanh nghi, sau rồi để ý tìm tòi, mới rõ thấu tình hình, răn có chơn hẳng thật. Biết thì biết vậy, chớ cũng cứ cất để trong lòng mãi thôi, há dám dỉ hơi tiết lậu.

Một đêm kia, khi sánh giọng quỳnh tương rồi hai đàng mới trưởng Tô hiệp mặt; Hồ phu nhân hỏi người bán ngọc:

– Mình là người ở tỉnh nào đến đây? Thấy tôi thì biết tôi là gái có chồng, lại là mạng phụ, chẳng hay ai bày mưu chỉ kế cho mình mạo hiểm cải trang, dám thâm nhập giả hình vào dinh dâm loạn. Tôi mà chẳng nghĩ, tôi tri hô lên, hay là rủi chừng Hồ công tôi về mà đổ bể tới tai người, chẳng hay mình liệu sao nói cho tôi nghe thử?.

Người bán ngọc ngần ngừ giây phút rồi đáp:

*Bây giờ sự đã dường này,
Phận hèn dầu rủi dầu may tại người.*

Chớ tôi có biết liệu sao cho vẹn. Vả lại mình với tôi đã cùng nhau trong phòng này gây cuộc gió trăng, sớm đào tối mặn, tính lại thì cái tình ân ái mặn nồng cũng đã sáu trăng, nay mình thật dạ yêu vì mà hỏi đến, lẽ nào tôi còn dám giấu một mảy lòng, không tỏ thật lòng vàng đá.

Tôi vẫn là người ở tỉnh Quế Châu họ Tô, tên Thường Hậu con nhà phú giàu có lớn; chẳng may, cha mẹ mất sớm để sự nghiệp lại trăm muôn. Rủi lại gặp buổi ly loạn cuộc đời, thay ngôi đổi chúa, công danh chẳng khác nào như bọt nước chảy giòng sông, nên tuy tôi cũng có học dặng ít nhiều bút nghiêng thì mặc dầu, chẳng muốn công hầu mà trót phải vào lòn ra cuối. Mà cũng không lý ăn no rồi ở nhà làm mặt nghiệp chủ, lâu ngày cũng chẳng vui, tôi mới mượn cuộc bán buôn đi xứ kia sang xứ nọ trước là xem phọng cảnh sau chọn người nội trợ tề gia; thật tôi đi cũng nhiều tỉnh rồi mà chưa gặp dặng người vừa ý. Tôi nghe đồn tỉnh Tô Châu là một tỉnh người xinh cảnh lịch, lăm tay quốc sắc thiên hương; nghe vậy tôi lấy làm mừng lòng, dời chơn qua đó. Tới rồi; thấy rồi, mới hay là tiếng đồn không sai.

Thật không đâu người thanh cảnh lịch cho bằng đất Tô Châu. Tôi mượn cơ bán ngọc mà sang chơi, nay tính lại cũng hơn tháng ngoài, tôi dạo đả khắp non sông, rảo cùng thành phố; cho tới một chốn làng quê, nhỏ nhoi hơn hết, tôi cũng có để bước tới chơi; cho nên nhân vật cảnh tình ở đất Tô Châu này không còn một nơi nào mà tôi chưa nếm trải. Ngoài ra, tôi còn dặng những hàng vương tôn công tử, phú hộ, hào gia hậu đãi tôi; nên lúc tôi mới đến đây, họ thay phiên với nhau mà mời thỉnh tôi, thết đãi tôi, kể đã không ngớt. Thường đêm thường hội yến, mà đêm nào cũng sáng đêm nấy; song chẳng chi khác hơn là trong yến diên thết đãi, ngoài nữ nhạc ca xang; vui đầy thán, cười trót đêm, nhấm lại với bọn ca nhi ở đất này, ai lại chẳng trọng vì tài, mê vì sắc.

Hồ phu nhân:

– Vậy sao mình lại chẳng chọn một người xinh đẹp hơn hết mà chuộc về tề gia nội trợ? Để đi...

Tô Thường Hậu:

– Mình biết tôi tìm người kết tóc xe tơ, xứng đáng duyên kim phận cải, há phải gặp con túng phải quyền chẳng mà đem vàng chuộc ca nhi đem làm giai ngẫu? bởi tôi chơi hoa, nếm biết mùi hoa, cầm cân cho biết cân già cân non, nên tuy trong những khi vui hạnh, khi nét người, khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa, tôi mê sa lắm lúc thì mặc dầu, sáng ngày rã tiệc rồi thôi, ai ra đường nấy; xét kỹ bất quá là một cuộc vui gương kéo là, ai có mặn mà chi đó. Nếu tôi dám lạm dụng ca nhi là tri âm thì thôi, tôi có đi đâu mà lạc bước tới chùa Bảo Anh cho vướn phải dây oan buộc trói. Bởi tôi không thể lấy mao tròng chon, dép đem mà đội đầu, để miệng thế khôn hầu xét nét, lại nghe dịp thượng ngươn nấy, tại cảnh chùa Bảo Anh, dập dìu tài tử gia nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm, nên tôi mới bương bả tới đó, quyết chí tầm giai nữ họa là có gặp. May đâu, lúc này trời cũng chiều lòng, khiến cho tôi vừa đến chùa Bảo Anh tôi lại gặp mình, rõ ràng mặt hương trời sắc nước. Hỏi thăm ra, mới hay mình là mạng phụ Hồ Quốc Thanh, khó nổi gây tình trăng gió; nhưng mà tắt lòng trộm ước thâm ao này quảng bao. Một điều làm cho tôi ngại ngùng hơn hết là không biết ai mà hỏi thăm, hỏi cho biết chút phận bèo mây, có may mắn mà dặng đài gương soi đến. Tính không ra kế chi, tôi không biết liệu sao, túng phải đánh liều, vì có nghe danh chùa Bảo Anh rất linh thiêng, tôi mới đánh liều, vào vái lạy xin xâm cầu hỏi.

Hồ phu nhân:

– Nói vậy khi tôi vái lạy cầu cho chồng tôi bền quân thắm trận đó, mình cũng có vào quỳ mà xin xâm nữa sao? Mình xin xâm tốt xấu, lành dữ thế nào nói cho tôi biết; thử coi cái cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên này, khiến cho đôi lứa mình thâm dẫu, trộm yêu như vậy đây có điều gì nữa?

Tô Thường Hậu:

– Nếu lời sám mà mách cho tôi gần dữ xa lành, thì thôi, tôi cũng đã đành ôm dạ tương tư cho rồi một kiếp; chớ tôi có dám đeo bông làm chi cho không thành mà phải bia danh miệng thế. Để tôi

đọc lời xâm cho mình bàn thử coi lẽ nào; có in như ý tôi đã bàn vậy chăng?

LỜI SÁM HỐI VẬY:

*"Trần thế kiết thành duyên,
Kim triều nhậm tiền khiêng:
Khẩu như bình thủ định,
Mạt thổ tại nhân tiền!"*

Mình nghĩ coi có phải bốn câu xâm này theo ý tôi bàn – dạy rằng mình với tôi, vì tiền khiêng tức trái mà có duyên gặp gỡ chăng? Nhớ hai câu trên dạy vậy đó, tôi mới dám đánh liều nhắm mắt đua chon, mạo hiểm, vầy dươn oan trái. Còn như hai câu sau, tôi tưởng chẳng chi lạ hơn là dặn tôi có hiệp nghĩa cùng mình đặng rồi, phải bung kín miệng bình, đừng lộ một tiếng chi trước mặt người cho lậu sự.

Hồ phu nhân:

– Theo ý tôi không phải vậy đâu. Hai câu trên chỉ rằng mình với tôi có duyên gặp gỡ, thì đã đành; chỉ như hai câu dưới, mà nhứt là câu chót: *Mạt thổ tại nhân tiền*, đó, chẳng phải dặn mình bung kín miệng bình, đừng cho lậu tiếng; mà hẵng thật dặn mình – cứ theo chữ mà bàn – dặn mình có đặng thỏa nguyện rồi đừng kiêu mà khắc nhổ vào mặt người, chọc cho người giận hờn mà gây thù oán, tức là, cứ trong ý tứ mà suy, lời sấm dặn mình phải giữ lấy mình, chớ có để người lậu sự mà lâm tai họa. Câu xâm ấy trúng ý tôi, in như lời tôi đã hỏi mình, rủi ra chồng tôi mà hay, thì mình phải tính sao cho vẹn?

Tô Thường Hậu:

– Nói vậy có khi mình bàn câu chót đó trúng hơn tôi; nhưng mà theo ý tôi xét, mình với tôi, tuy là tình cờ gặp gỡ, thì mặc dầu, chớ cái tình dan díu mặn nồng xét kỹ còn hơn nghĩa vợ chồng yêu ấp; nên lòng tôi chẳng có một phút nào tưởng cho cái cuộc sớm đào tối mặn này là cuộc trăng gió gọi là, mà tôi lại tưởng cho là một cuộc đá vàng, một thác mối xa nhau, sống chẳng để keo tan hồ rã. Cho nên từ phen đá biết tuổi vàng, tôi hằng thệ nguyện cùng mình một lời:

*"Dầu cho giải kiết đến đều,
Thì đem vàng đá mà liều với thân".*

Tô Thường Hậu dứt lời, Hồ phu nhân liền với tay véo miệng Tô Thường Hậu mà trơ mắt ngó, neho miệng cười duyên, tỏ tình thương dạn dít. Tô Thường Hậu tiếp thuật sự mình cậy lão bà làm mai không đặng, cho tới con hiệp mặt hoa đào, rồi hai đáng mới vậy, tiệc vui say canh vắng. Hồ phu nhân cứ việc biểu Tô Thường Hậu cải trang mà chông phụng hết năm này sang năm nọ. Chung chạ như vậy trót đã hai năm chẳng phải là không ai hay, Đào Anh biết, mà chẳng hề dám hở môi cho lậu tiếng. Có nhiều khi, vì cùng nhau rần rít trong phòng hết ngày này sang ngày nọ, chẳng hề thấy rời nhau một bước, tù túng quá mà hóa ra lạc cực sanh ai, Tô Thường Hậu mới bày, khi thì thưởng mai, khi thì tắm biển. Ban đầu Hồ phu nhân còn e, chẳng dám làm lộng quá; nên mỗi khi Tô Thường Hậu than buồn, thì nàng, cực chẳng đã nặng vì tình mà phải chịu lòng, toàn cho thế nữ dọn bàn bày tiệc nơi vườn, để canh vắng cùng nhau vui chén. Bởi vậy lúc trời có trăng hai người thường hay ăn uống ngoài vườn; có lúc thì chén rượu; lúc lại cuộc cờ, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên. Trừ con Đào Anh ra, bao nhiêu thế nữ trong dinh thấy thì hay thấy, chớ ít ai hay biết; phần nhiều lại tưởng cho Hồ phu nhân cầm người đờn bà bán ngọc ở lại chơi cho có bạn, cùng là mượn mỏ làm vui, trong lúc cô chiếc bóng phòng, nệm nghiêng gối chích vậy thôi; mấy ai thấu nổi. Bởi vậy Hồ phu nhân với Tô Thường Hậu tưởng cho đoàn thế nữ không biết gì, mới dạn mà hun hít như chơi, lả lơi cười nói. Nhiều khi còn dám cười phẩn cợt son, ngâm hoa ngời nguyệt trước mặt đoàn thế nữ mà không chút gì ngần ngại.

Lần lần, Tô Thường Hậu xui dục riết, Hồ phu nhân phải nghe theo mà dạo rừng tắm biển. Trong những lúc du ngoạn như vậy đây, anh én chán chường kể sao xiết nổi; nói tắt một lời người mà mang nặng gánh tình, dầu có đi tới đâu, thì cũng hai vai hoảng hoại. Thoảng lại câu thanh khí lẽ hằng, lạ gì phải kể. Một đêm nên nói là một đêm kia, người người đồng lòng mua vui, rủ nhau đi coi hát. Tô Thường Hậu cũng cứ cải trang như thường, mà lại có ý tô điểm cho tạc hình, phụ hơn nữa cho thiên hạ trông vào không biết, cho dễ mà kẻ cận Hồ phu nhân giữa chốn muôn mắt người. Vào rạp, lẽ cố nhiên, hai người đều ngồi bên phía nữ. Ngồi kề nhau mà coi tới nửa đêm không sao, chừng hết canh ba, đờn bà con gái ngồi gần lắm tưởng Tô Thường Hậu là phu nhân, nên xúm làm quen nói

chuyện. Trong bọn đồn bà con gái ấy lại có một mảnh đào thơ xinh đẹp vô cùng, nhan sắc chẳng kém gì Hồ phu nhân, thêm diện mạo phương phi, cho đến đồn bà trông vào cũng yêu cũng muốn; cô này thấy Tô Thường Hậu xinh đẹp lại ưa chuyện văng thường hơn. Hồ phu nhân thấy vậy bất bình, lửa lòng hùng dậy; đang xem hát lúc vui, ai nấy đều tươi cười, duy có Hồ phu nhân buồn tình xụ mặt, lòn tay trong túi mà ngắt véo Tô Thường Hậu nháy nhòm; làm cho Tô Thường Hậu phải sợ mà ngó lảng chỗ khác, chẳng dám ngó ngay cô nọ mà nói thêm tới một tiếng gì. Vậy mà Hồ phu nhân cũng chưa vừa lòng, còn ngồi sục sục máu ghen, giây phút quùng quàng bỏ ra đi về. Tô Thường Hậu phải theo nối gót. Từ ra hát về tới dinh, Hồ phu nhân, ngồi mặt đầm đầm, miệng không nhút mép. Có mặt thế nữ, Tô Thường Hậu không dám tiếng gì, về tới dinh, Hồ phu nhân xuống xe đi thẳng vào phòng, Tô Thường Hậu cũng theo, năn nỉ ý ôi, kiếm lời khuyên dỗ. Nhờ có nghề riêng, thung thạo cách đồn bà, nên tuy Hồ phu nhân giận lẫy hờn ghen dữ vậy mặc dầu, về tới phòng rồi, không mấy phút đã thấy hai người vậy lại bàn ăn uống nói cười, thương yêu như cũ!

Ngày tháng như thoi đưa, hai đảng mãng có vẻ mặn nết ưa, đầu ấp tay gối, cùng nhau lăm lức vui say mà quên nỗi buồn rầu rẽ đôi, xẻ nửa, xa cách chia phui, bỗng đâu, một bữa kia, hai người đang giấc trưa, xảy nghe:

*"Ngất trời sát khí đằng đằng,
Đầy sông kinh ngạc, đập dằng giập binh".*

Hai người vừa hay, thì vừa có Đào Anh vào báo rằng có lệnh Hồ công về gần tới dinh; Tô Thường Hậu với Hồ phu nhân, lúc bấy giờ đều đứng sững sốt, tro mắt nhìn nhau, lỗ khóc lỗ cười, giọt dài giọt vắn; hai người mở chẳng ra lời. Giây phút Tô Thường Hậu mới bước lại cầm tay Hồ phu nhân và khóc và than rằng:

– Mình ôi!

*Sự đâu chưa kịp đôi hồi,
Duyên đâu chưa kịp một lời trao to!*

Than rồi gục đầu vào ngực Hồ phu nhân mà khóc òa, kể nỗi sự tình cách bức, Hồ phu nhân cũng đổ ngọc như chan không xiết đau lòng con xẻ nửa. Nàng lau lụy mà rằng:

– Việc gấp như lửa cháy mày mình chẳng nên bận bịu tất lòng, dùng dằng chi nữa. Mình hãy mau dời chơn ra khỏi dinh này, kiếm nơi đình trú; mình ẩn mặt mà đợi tôi trong năm ba ngày; yên việc nhà rồi tôi sẽ liệu kế nào hay, đôi ta giáp mặt; xin mình hãy an lòng. Bấy giờ đây, mình chẳng nên diên trì, vì hễ mình chậm bước để Hồ công tôi về tới dinh, gặp mặt thì khó nổi. Vậy mình mau tạm lui ra. Ra ngoài, mình kiếm đặng chỗ ở an rồi, mình chịu khó đón con Đào Anh mà nhắn tin vào cho tôi hay; mình ôi, dẫu rằng biển cạn non mòn, con tằm đến chết cũng còn kéo tơ!

Tô Thường Hậu nói:

– Ở đây, tôi thật không quen biết với ai, chỉ quen có một ông thầy ở chùa Bảo Anh, vậy để tôi lên đó nấu nướng cho an phận đợi chờ, mà tôi tưởng cũng là, tiện cho mình, đối việc dung hương, sao sao trong mười bữa nữa tháng mình cũng ráng mà tới đó một lần, cho tôi gặp mặt kéo để thương để nhớ.

Hồ phu nhân:

– Đặng vậy thì tiện lắm. Vậy mình hãy mau yểm lỵ dời chơn đi; kìa tiếng trống nọ tiếng chiêng nghe đã gần tới dinh mình chẳng nên bịn rịn.

Tô Thường Hậu lau lỵ bước ra. Hồ phu nhân trở vào, bước thẳng vô phòng trang điểm. Chập lâu, Hồ Quốc Thanh về tới dinh, xuống ngựa bước vào, gặp mặt Hồ phu nhân đang đứng chờ nghinh tiếp. Thấy mặt nhau, Hồ phu nhân mừng biết bao; bên vạn phúc, bên hàn huyên, bỏ lúc vợ chồng chia cách. Hồ Quốc Thanh vào phòng thay đổi y phục, liếc thấy trên bàn ăn sắp hai đôi đĩa, hai cái ly để hai bên, ngay chỗ hai cái ghế ngồi ngang mặt nhau, thì lấy làm lạ lắm; thâm nghĩ: "Khi mình còn ở nhà, thì đủ chồng đủ vợ, ngày đêm thường vui chén tạc thù với nhau; nên thế nữ mới là dọn mỗi món đĩa hai, để sẵn cho vợ chồng mình vậy tiệc. Chớ khi mình xuất sư, để bước ra đi rồi, thì vợ chồng quạnh hiu, cô phòng chiếc bóng, có ai đặt vào ra chốn dinh cấm này hòng có kẻ lộn vào đây ngồi ăn uống với vợ mình mà lại có hai đĩa hai ly cũng lạ! Không lý, vợ mình tánh ý nghiêm chỉnh trong việc tề gia có tiếng, nay lại đổi tánh, để bàn, chịu cho thế nữ chồng bàn mượn mả làm vui giải con phiền lẽ bạn? Mà cũng không lý vợ mình chịu mất nét ngồi ăn uống

cùng ai, quên mình là gái có chồng, quên mình là mạng phụ? Đường ấy, mới biết sao mà hiểu thấu nỗi riêng. Vậy mình cũng nên hỏi vợ mình coi ở nhà nó thường ngồi ăn uống với ai, mà trên bàn lại có sẵn bày hai đôi đĩa với hai cái ly uống rượu". Thăm nghĩ vậy rồi Hồ Quốc Thanh liền xây hỏi vợ:

– Này phu nhân, vợ chồng kể từ buổi mới hiệp nhau cho đến khi lửa bén hương nồng, vợ chồng lấy cái nghĩa đầu ấp tay gối mà nói, thì dạ hằng thương yêu nhau không rời rời nhau; tôi tưởng cái tình khấn khít, nghĩa ấp yêu của đôi lứa ta, dầu mắt nào trông vào cũng đều nghĩ cho một thác mới xa nhau, chớ như sống ở dương trần cùng nhau mãi thế, thì không chi ngăn đón gió đông, làm đôi lứa ta thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi, nên nổi rời chán rã gối.

Lại như từ khi vì việc nước mà vợ chồng phải cách mặt khuất lời cùng nhau, mình đưa tôi lên ngựa đi rồi, thì chẳng nói cũng biết đôi ta, người về chiếc bóng năm canh, kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi; cho nên dẫu vợ chồng ta có cách nhau muôn dặm quan hà đi nữa, mình cũng chẳng nên quên lời người chãi gió dầm mưa, một ngày nặng gánh tương tư một ngày; chớ có lý đâu mình vội quên lời căn dặn mình ở nhà phải ráng mà gìn vàng giữ ngọc cho hay, cho đành lòng kẻ chơn mây cuối trời. Thật không lý đâu có vậy mà tôi cũng không chút lòng tưởng cho mình đành tham lục tiếc hồng, loan chông phụng chạ mà phụ nghĩa nhau bao giờ. Thế mà có sao từ tôi về đến đây, tôi lại thấy có sự khác thường, lắm điều lạ mắt, dường như có kẻ lộn vào chén thù chén tạc với mình vậy mình?

Hồ phu nhân nghe qua, ngồi làm thinh một hồi hình như suy xét trong lòng, rồi cười mà đáp rằng:

– Phu quân về đến dinh, dòm thấy trên bàn ăn có để sẵn hai đôi đĩa, hai cái ly, nên phu quân sanh nghi mà hỏi thiếp vậy chẳng? Ồ! tưởng chi kìa, chỉ như việc đó có chi gọi khác thường có chi rằng lạ mắt a... phu quân! Phu quân đã rõ biết đôi ta từ kết nghĩa tào khang, cang thường chông gánh đến giờ bể ái nguồn ân đây đây, bỗng không mà vỡ lở tóc tơ, chia tình vàng đá há chẳng đau lòng kẻ ở người đi lắm sao? Như phu nhân mười vạn tinh binh, phát cờ, đóng trống, ra trận còn có chỗ khuây lảng dặng lòng sầu chia cách; chỉ như thiếp ở nhà một mình đây, để đâu phu quân lại chẳng biết:

Vàng trắng khuyết, đĩa dầu hao, mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng, nên thiếp phải kiếm thế nào giải tác sầu tình, đắng mà chữ dạ cô phòng trực tiết.

Phu quân vẫn biết người sanh ở nơi cõi tạm này có tình nào nặng cho bằng tình chẵn gối, có nghĩa nào dày cho bằng nghĩa ấp yêu; mà rủi ra hương đang nồng, lửa đang đun, thỉnh linh có lệnh sai chàng muôn đội binh rồng, Trường-sa đẹp giấc, khiến nỗi chia uyên, rẽ thùy, cầm sắc ngẩn ngơ; vàng trắng phút rẽ làm đôi, nửa in gối chích, nửa soi dặm trường, bỏ thiếp ở lại một mình cô phòng quạnh quẽ; chiếc bóng năm canh, đắp thảm đeo sầu, ngày trông đêm đợi. Nỗi thương nhớ chẳng phút nào nguôi! Thiếp tưởng dầu cho lòng dính dạ sắt mà vương phải mối sầu tình đi rồi cũng còn phải hao mòn thay; huống lựa là thiếp, cũng loài người, cũng thịt cũng xương như sai, lý nào chẳng bầm gan tím phổi. Nỗi đau đớn biết kể sao cho cùng! Bởi vậy thiếp mới trộm lĩnh chồng bày chuyện khiến sầu, tìm phương giải muộn, đắng mà:

*"Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chon mây cuối trời".*

Một lời này đây, thiếp tưởng cũng đủ cho lang quân thấu hiểu rằng, tuy thiếp trộm lĩnh chồng bày chuyện giải phiền chia cách thì mặc dầu, thiếp chẳng gan dạ nào làm đến điều bất sấu mua vui, nên nỗi thân ngàn vàng để ô danh má hồng. Thiếp chỉ có mỗi khi có chị em xa gần đến viếng, thiếp cầm ở lại trong dinh, để chị em trước cùng nhau chén tạc chén thù, sau mượn mỗ làm vui trong canh vắng. Bởi vậy mới có những đĩa những ly trên bàn mà lang quân còn trông thấy đây; thiếp tượng không điều gì nữa mà ngờ, xin mượn hoài nghi tội nghiệp. Ngoài ra thiếp còn xin tỏ thêm một có này nữa cho lang quân nghe: Không những có khách mà thế nữ dọn đủ phần hai người ăn vậy thôi, con một mình thiếp, thiếp cũng biểu dọn đủ hai, như lúc phu quân còn ở dinh, đặt cho thiếp dầm thấy đầy, tưởng như có phu quân ngồi tại. Cho nên dầu có khách, dầu không có khách, cũng có đủ hai cái ly, hai đôi đĩa luôn luôn. Mà nhứt là trong mấy bữa sau đây, nghe tin thắng trận bang su, thiếp tuy khôn chắc bữa nào phu quân về tới dinh, mà thiếp đã phối phở tác lòng sớm trông tối đợi; nên thiếp đã dạy thế nữ sửa đặc yến diên, để sẵn cho vợ chồng mình vui say, bỏ lúc thâm thương hoài vọng.

Hồ Quốc Thanh nghe dứt, tuy mặt có sắc vui mà lòng chưa phải hết nghi tình vợ, song cùng gượng nói gượng cười mà che lấp cho qua. Hồ công vừa muốn hỏi việc nhà, kể có quân báo động vào rằng có những quan hàm chức sắc trong tỉnh tới lễ mừng thắng trận. Cục chẳng đã, không tiếp thì ra vô lễ, Hồ công phải ráng ra khách giấy lát tiếp năm mười người thôi, còn bao nhiêu xin kiêu để mai, đừng nghĩ kéo mới về còn đang mệt. Trong khi Hồ công vào phòng nằm nghỉ, thì Hồ phu nhân còn đương thôi thúc đoàn thể nữ sắp đặt yến diện, ngõ cho chồng còn ngồi tại thính đường tiếp khách.

Hồ công nằm trên giường, hút thuốc phì phà, mắt ngó theo vầng khói cuộn cuộn bay lên nóc mừng mà chiêm nghiệm sự mình lập nên công lớn. Chắc làm gì bận nầy Chánh Phủ Bắc kinh cũng phong thưởng mình chớ chẳng không. Lại nghĩ: "Gặp đời ly loạn, việc nước đổi dời, khiến nên thiên hạ đảo huyền, sanh linh đồ thán, mà mình tuy chưa phải sức to treo nổi vạt, cũng không tài tế thế an bang thì mặc dầu, chớ cũng đã đông xông, tây đột, nam tảo bắc trừ, tiên đầu loạn ngạch mới là đáng vinh vang huê hạ như vậy, nghĩ cũng đủ rồi, chẳng còn thiếu chi khao khát; cực có một nỗi nhà, không biết lúc mình ra giữa chốn chiến trãng, luống chịu nằm sương gối vác, đội nguyệt mang sao, ngựa chẳng rời yên, người không lia giáp, xông tên đột pháo, ra tử vào sanh nhọc nhằn trót mấy năm, chia cách hai mươi bốn tháng; chẳng biết vợ mình ở nhà nó có xót thương phận chồng mà giữ tròn tiết gái hay không, mà khi về, thấy vậy cũng nghi lòng e có bướm ong lẫn lộn. Hỏi lại, thì, lẽ cố nhiên, mấy ai chịu lỗi mình; nó nói nghe ra dường nó giữ tiết thờ chồng, cửa đóng then cài, không cho gió lọt; nhưng có biết sao mà ngờ. Nghĩ vì, đời hằng ví: nhưt dạ sanh bá kế, lại có câu tối độc phụ nhân tâm; cho nên từ xưa, nào là anh hùng đấm sắc mà lâm; nào là hào kiệt nghe lầm mà lụy. Câu sắc bất ba đào thường thấy, những đờn bà hạng ấy, đạo từng phu hữu tử vô chồng; chẳng nhớ khi khăng khít dải đồng, nên, mới chẳng tưởng nhưt gia sàng chồng giả ái. Biết mấy mặt sách xưa còn để lại, cho đời soi tích gái bội phu; biết mấy tay dĩ ngã vì thù, dạ bao quăng tình phu nghĩa phụ". Thăm nghĩ tới đây, Hồ công vừa xoay mình trở qua, vừa thở ra, bỗng chút sút tay rút điếu thuốc Hồ công không chịu bỏ, mới nằm sắp xuống gieo mình cúi đầu với tay mà lấy. Chợt thấy một bãi nước

miếng trắng lộn đăm, khắc nhỏ hồi nào còn rành rành trên gạch; Hồ công sanh nghi, nên tay chưa với tới điều thuốc mà mắt đã chăm chỉ nhìn bãi nước miếng ấy. Lúc bấy giờ Hồ công mới đổi nghi làm tin; quả quyết vợ mình ở nhà có tư thông với ai, đem vào chung phòng, chuyện trò canh vắng; nên mới có nhỏ nước miếng còn mới rành rành như vậy. Lại như bãi nước miếng mình còn trông thấy đây, chẳng phải là nhỏ hồi hôm tới giờ, mà hẳn thật mới nhỏ trong lúc ban trưa: chừng thấy chéo cờ phát, nghe tiếng trống rung, quan quân rộn rục, chừng ấy, mới giục mình tỉnh giấc lật đật thoát thân, lánh ra ngoài khỏi. Chắc quả vậy, chẳng còn chỗ ngại ngần nghi sái tưởng lầm chút nào. Làm gì vợ mình ở nhà lâu ngày thua buồn cũng có sanh tâm, đành dạ ôm cầm quá biệc. Nghĩ đến lẽ, Hồ công sụt sịt máu ghen, lửa lòng hùng dậy, tức giận sức muốn rút gươm giết vợ cho rồi, nhưng bởi bụng còn nghi chưa hỏi lại vợ cho rõ ngay gian mà vội giết nó đi thì ra lẽ bất minh, sợ miệng thế không hầu xét nét. Chi bằng, việc đâu còn có đó, tang chúng đã hiển nhiên, kêu vợ lên mà hỏi lại liền, cho khỏi tiếng trách phiến to tọc.

Nghĩ đến lẽ, Hồ công liền kêu vợ lên, rồi chỉ bãi nước miếng mà hỏi!

– Này mình! Mình hãy bước lại coi bãi nước miếng này của ai nhỏ đây? Thật rõ ràng là bãi nước miếng đờn ông, lại cũng mới nhỏ rành rành; chớ chẳng phải nhỏ bằng hôm sớm mai gì mà nói.

Hồ phu nhân nghe hỏi, trơ mắt ngó bãi nước miếng, mà mặt đã biến sắc chàm; nghĩ cơ gian đã lậu rồi, còn chi mà giấu. Hồ phu nhân mới đáp:

– Nếu không phải của mình thì nước miếng của tôi, chớ của ai; từ lúc ban trưa tới giờ, có ai lộn vào phòng này hòng nghi cho nước miếng của ai nhỏ đó!

Nói rồi Hồ phu nhân giả ý giận dữ, quày quã trở ra: và đi và nghĩ đi nghĩ lại một mình, nghĩ cho lời sấm thiết hay, tại mình bàn sái. Chí như câu: "Mặt thổ tại nhân tiền" rõ ràng lời sấm dặn bảo đừng nhỏ nước miếng trước mặt người mà sanh sự đây chớ gì!

Bởi bàn nghĩa không ra, xét xa không tới Tô Thường Hậu mới sơ ý nằm khắc nhỏ xuống gạch, để giấu cho Hồ công nhìn đấy mà nghi tình rồi còn gì. Lỡ vậy rồi thì thôi, từ đây ta cũng nên bụng

kín miệng bình mà giữ lấy mình, và dặn Tô Thường Hậu cũng phải giữ lấy mình; nếu chẳng kiên tiết lậu sự tình, thì ắt khó nổi giữ mình cho vẹn. Muốn đăng vậy, làm gì sáng ngày mình cũng phải giả chước lên chùa Bảo Anh mà dặn dò Tô Thường Hậu mới xong, bằng chẳng, người không biết mà lầm, thì tội nghiệp cho người, vì mình mà phải tẩm thân nguy khốn.

Hồ phu nhân đáp cùng chồng như vậy và riêng lòng thâm tính như vậy rồi cứ chăm chỉ lo sự đi chùa Bảo Anh dâng hương, còn Hồ Quốc Thanh nghe đáp thế ấy lại lấy làm bất bình lắm nổi; nghi quyết cho vợ mình ở nhà làm gì cũng có bề lự hái đào chơi hoa giỡn nguyệt; cũng một chiếc bóng năm canh, quạnh quẽ đêm thanh, mối sầu tình vương vấn; những khách phong tình thấy vậy mới cậy mai mối dỏ giành, quyến anh rủ én, lâu ngày rồi thua buồn phải nghe, mới sanh đến đều núp bóng vườn giàu, trộm ân thâm ái. Không những một người ngoài đứng vào làm mai mối mà thành; đây chắc sao cũng có tay trong; mà tay trong đó là ai? Chắc con Đào Anh chớ không ai! Nội nhà một mình nó là tâm phứt ruột rà của vợ mình; ngoài nó thì không đứa nào dám đeo bông tới chuyện. Chắc là nó chớ không ai, tại nó mà gây nên chuyện. Cho nên chẳng nghĩ nào mà giận người ngoài trăm mối tại tay con Đào Anh mà ra hết thấy.

Xét đến Hồ Quốc Thanh ngồi giận căm gan, thề quyết giết con Đào Anh, phân thân trăm đoạn thì mới thỏa lòng hờn. Xét rồi Hồ Quốc Thanh vừa muốn đứng dậy, rút gươm đi giết con Đào Anh, thì người lại nghĩ lại:

Tuy cũng có tại con Đào Anh mà ra, nên nổi tóc tơ lảng mối, nhưng mà xét cho xa nghĩ cho cạn lại rồi, cũng chẳng nên trách con Đào Anh: vì, nếu vợ mình mà giữ tiết trao mình, thì dầu con Đào Anh có nói chi đi nữa, vợ mình không kháng thay lòng đổi dạ, thì nó cũng không cãi quá đáng. Thế thì tại nơi con vợ mình chớ chẳng phải tại con Đào Anh mà hận con Đào Anh, thì oan nó lắm. Thật tại vợ trác nét lang tâm, chẳng nhớ vợ chồng khăng khít dải đồng, đầu ấp tay gối, tình mặn nghĩa nồng; lại cũng chẳng nhớ ngày mình bước chân ra: Tóc tơ căn dặn tác lòng, trăm năm tạc một chữ đồng ghi xương. Nó làm màu bịn rịn đưa mình đi cho khỏi dinh rồi ở nhà không giữ ngọc, chẳng gìn vàng, lại nó làm đàn ong bướm; chẳng

quần chút thân phận chồng hiu quạnh chốn đồng quang, đội nguyệt mang sao nằm sương gối vác".

Nghĩ đến đây, Hồ Quốc Thanh lấy làm đau đớn không kể xiết. Thương bao nhiêu, tiếc bao nhiêu, lòng càng giận lấy hờn ghen bấy nhiêu; mà hể hờn ghen bao nhiêu, thì lại càng oán càng trách vợ bấy nhiêu; cho nên Hồ Quốc Thanh ngồi: Lửa tâm càng dập càng nồng trách người đen bạc ra lòng trắng hoa. Trách phiền vợ đến đều rồi, thệ quyết rửa hờn, cho lũ gian dân biết mặt. Hồ Quốc Thanh tính làm gì cũng giết vợ cho rồi, thà rằng khuất mặt, hơn đau lòng, ăn không ngon, nằm không ngủ. Không những thệ lòng giết vợ mà thôi, mà Hồ Quốc Thanh những còn mong giết cho đặng kẻ lấy vợ mình, giết cho tới những kẻ làm mai, giết sạch hết loài gian, mới là an thừa dạ.

Tính tới đây, Hồ Quốc Thanh vừa muốn đứng dậy rút gươm đi, bỗng đâu Hồ phu nhân bước vào, ngó Hồ Quốc Thanh mà cười mỉm chi, rồi bước tới gần, ngả ngón đứng ngồi, đồng danh động kèn động quyển. Tội nghiệp cho Hồ Quốc Thanh, nư giận còn tràn hưng, mà chẳng biết sao, vừa thấy cái mảnh gương sáng rõ trước mắt, hơi hương bay cận mũi rồi, thì con quỷ giận trốn đâu, con ma thù biến mất, nó bỏ cái xác Hồ Quốc Thanh ngồi tro, dường bị hớp hồn, chẳng còn biết chi là thù chi là hận! Đã chẳng còn nhớ tới thù hận thì chớ, người lại tỏ sắc hân hoan, hơn hử vui cười ví chẳng khác cá kia gặp nước.

Hồ phu nhân thừa lúc cạ về kê vai, má hồng đồng danh, mới nói cùng chồng:

– Minh ôi, vì tình mặn nghĩa nồng, lòng yêu dạ mến, yêu áp chẳng rời, cùng nhau quyết trọn một đời, không dời không đổi, nên khi mình, muôn đội binh ròng, phát cờ dóng trống, thiếp ở nhà một mình ôm dạ nhớ thương, ngày trông đêm đợi; thiếp lại còn lo sợ hết hồn cho thân chàng ở chốn đồng quang, đột phát xông tên, vào sanh ra tử, nên thiếp có trộm lịnh chàng trong con vắng mặt, tới chùa Bảo Anh mà dung hương, khẩn cầu cho chàng đàng sá bình an, bền quân thắng trận. Nay đặng thỏa nguyện rồi là chàng đã lập nên công lớn với nước với dân, vợ chồng lại đặng một nhà sum hiệp, thiếp tưởng còn có chi vui đẹp cho bằng mà nữ quên lời khẩn hứa.

Vậy thiếp tính sáng ngày thiếp xin phép lên chùa Bảo Anh, hoa quả hương đăng lễ tạ; chẳng hay lang quân có bằng lòng cho thiếp đi chăng?

Lúc bấy giờ Hồ Quốc Thanh còn ngồi trên giường, chon thòng xuống đất; Hồ phu nhân, khi nói dứt, liền dựa mình vào lòng Hồ Quốc Thanh mà xây mặt ngó ra, nắm hai tay Hồ Quốc Thanh giắt ngang trên vai, bỏ thòng xuống ngực, rồi lại ngửa mặt ngó lên nhìn mặt Hồ Quốc Thanh, tay thì vói lên sờ cằm mon trón; xem ra hình ngả ngón, lả loi một cách phi thường; làm cho Hồ Quốc Thanh ngồi ngó cặp mắt phụng, đôi mày tằm, nhìn môi son, xem má phấn mà chết tê; cho nên, không những Hồ Quốc Thanh không còn nhớ chút chi là hận tình, mà thôi, mà lại còn mê mẩn tâm thần, say đắm nét mày gương mặt. Bởi vậy Hồ Quốc Thanh mới đổi buồn làm vui, quên thù nhớ nghĩa mà hun hít nụng nịu như thường; lại thêm nghe nói chi cũng ừ, tính chi cũng phải, chẳng hề đối cãi một lời. Nghe vợ tính sáng ngày đi cúng chùa, cũng xuôi theo một nước; song chàng có ý để lời căn dặn như vậy:

– Lúc này là lúc loạn ly, trong nước, trộm cướp đầy bốn phương, đường xá không thường họa phước chẳng biết đâu mà ngừa đón. Như mình muốn đi chùa Bảo Anh, thì để tôi cho theo một đội quân hộ tòng, kéo đường xá xa xuôi, núi non hiểm trở, để mình đi với đoàn thể nữ, thật tôi chẳng an lòng. Vả lại đường từ đây tới chùa Bảo Anh thật xa, chẳng phải đi trong một buổi sớm mà về kịp. Làm gì cũng xé qua mình về mới tới dinh. Vậy mình đi, có đội quân của tôi cho theo hộ tòng, thì mình chẳng cần đem thể nữ theo làm chi nhiều cho rộn; một vài đứa phục sự tướng cũng đủ cho mình dùng. Còn bao nhiêu mình để lại dinh coi phục sự cho tôi, thì hai bên đều đáng tiện.

Nghe qua, Hồ phu nhân không kịp nghĩ, liền chịu như lời chồng; nên sáng ngày cùng vài con thể nữ lên kiệu ruổi dong, có đội quân ủng hộ.

Chuyện Hồ phu nhân đi cúng chùa hãy còn dài, xin để dẹp lại sau; bấy giờ kể sự Hồ Quốc Thanh ở nhà một mình nghĩ con vợ bạc tình tức mình ám ách: "Đã đôi phen, muốn cầm guơm mà giết phút nó đi cho rồi, mà chẳng biết sao, hễ thấy mặt nó vào, chíp miệng cười duyên, ngửa nghiêng ngả ngón mon trón lả loi, thì bao nhiêu

giận hờn thù oán nó biến đi đâu mất rồi; bỏ cái xác đấm sặc, say tình ngồi tro đường mặt sất. Nay nó đã đi cúng chùa rồi, bỏ đoàn thể nữ ở lại dinh; tưởng muốn rõ chơn tình, mình cũng nên bắt chúng nó ra mà tra hỏi".

Xét đến đây, Hồ Quốc Thanh vừa muốn đứng dậy, kêu hết đoàn thể nữ vào phòng tra hỏi, thì chàng liền tỉnh ngộ mà nghĩ lại rằng:

"Nếu mình kêu hết vô mà tra hỏi, như chuyện có, dầu khi vợ mình trở về, nó có học lại cũng không sao; còn như chuyện không, mà mình nghi mà tra hỏi như thế, thì khi vợ mình về nó học lại, chỉ cho khỏi sanh sự bất bình, đất bằng sóng dậy. Chi bằng mình hỏi một đứa mà hỏi, tưởng cũng đủ rõ ngọn nguồn. Phải lựa đứa nào bây giờ? Tính lại nội đoàn thể nữ trong dinh, có con nào đáng vợ mình tin dùng hơn con Đào Anh. Nó là con tâm phứt ruột rà của vợ mình; cho nên thường một mình nó đặng ra vào phòng nội. Nếu quả vợ mình ngoại tình để cho ong bướm lộn vào trong con vắng mặt thì, lẽ cố nhiên, con Đào Anh rõ biết đục trong thấu nổi kẻ rằng chơn tót. Vậy mình cũng nên tra vấn một mình nó là xong, chẳng cần phải hỏi nhiều cho rộn".

Lúc bấy giờ trời mới vừa rạng đông, đoàn thể nữ trong dinh còn chưa tỉnh giấc, trừ ra đứa nào tới phiên nấu nước, thì mới dậy sớm mà lãnh phiên thôi. Có ấy nên Đào Anh cũng còn nằm ngáy pho pho như mấy chị em khác vậy. Bỗng đâu có lệnh quan Đô Đốc đòi hầu. Thế nữ lật đật chạy vào kêu giựt ngược Đào Anh, rồi đỡ xóc dậy mà nói có lệnh đòi tức tốc. Đào Anh bị kêu vội kéo đưa, đôi mắt lim dim, hồn còn chưa tỉnh, nên dậy ngồi mà ngơ ngẩn như say; đến chừng nghe có lệnh trên đòi, nàng mới giựt mình tỉnh giấc. Nàng vội vàng để chơn xuống, lật đật chạy nhào, không kịp rửa mặt rửa mày, gỡ đầu bới tóc. Vào tới phòng, thấy Hồ Đô Đốc còn nằm trên giường, Đào Anh mới chường; Hồ Đô Đốc ấy lại ngó Đào Anh không nháy mắt. Ngó mặt Đào Anh mà nhìn giây phút rồi vừa muốn mở miệng hỏi Đào Anh, thì Hồ Quốc Thanh lại e tai vách mạch rừng mà không chịu hỏi; bèn sanh một kế hay, giả sai Đào Anh ra vườn bẻ hoa, đặng có thừa cơ hội cấp gươm theo đón hỏi; vì Hồ Quốc Thanh thầm nghĩ, ra tới nơi vắng vẻ, sau trước chẳng có ai, mình những dầu lỗ giận xuống tay, cũng không có ai hay nông nổi. Nghĩ vậy rồi, Hồ Quốc Thanh không hỏi chi tới Đào Anh một lời; chỉ có

sai Đào Anh phải mau ra hồ sen, bẻ hoa dâng cho sớm, Đào Anh vâng lệnh ra đi, nào ngờ chủ mình toan kế giết mình, nên đi mà có bụng mắng cho phận tôi đòi dặng lòng chủ yếu sai khiến. Đào Anh nào thấy cái chết đợi mình giữa chốn vườn hoa; mà Đào Anh cũng không ngờ số mạng mình ngày nay phải chết về lưỡi guom vô tình của quan Đô Đốc; cho nên Đào Anh khi ra tới hồ sen, lòng vẫn an như thường lại có vẻ hân hoan hơn mọi bữa. Bởi vậy nàng bẻ dặng cái hoa nào nàng cũng cầm mà ngửi lấy mùi thơm, cũng cầm mà ngắm soi sắc đượm. Đòi phen, nàng thăm ước cho cái gương mặt của nàng dặng xinh đẹp như hoa, dặng mà, chẳng phải để cho bướm liệng quanh vành, ong làm đàn qua lại; nàng chỉ mong có ngày trở nên người phẩm trọng giá cao, làm một vì mạng phụ trong triều, chứa ở lầu cao cửa kiến. Cái hy vọng của nàng làm cho nàng phơi phở tất lòng biết bao. Đã vậy, cái cảnh trời đông lặng lẽ, mát mẽ còn giúp cho nàng đẹp mắt vui lòng hơn nữa; khiến nàng, lúc trời bình minh, đứng giữa đám hoa sương sa lác đác, mịt mù đường khói tỏa, mây ung; nàng đứng mà nhìn trân từ hột sương đeo ngọn cỏ rất nảo nùng, nếu đem mà sánh với mảnh má hồng, rõ ràng đúng, trắng như ngà trong như ngọc.

Còn đang nghĩ tới xét lui, lo quanh tính quất, thoát nghe có tiếng Hồ Quốc Thanh kêu "Đào Anh! Đào Anh!" nàng vội vàng xây lại dặng mặt Hồ Quốc Thanh, nàng sợ thất kinh hồn vía. Đã vậy, nàng lại còn bị Hồ Quốc Thanh nhảy tới thộp ngực, cầm gương đưa ngay hòng Đào Anh mà hăm rằng:

– Nếu mi chẳng e hở miệng ra răn, mi la lên một tiếng, ắc mi chết chẳng toàn thân toàn mạng!

Dứt lời Hồ Quốc Thanh nắm lấy mà dắt lần Đào Anh đi; đi tới một chỗ hóc vắng, cũng nội trong vườn hoa ấy, Hồ Quốc Thanh mới ngừng để Đào Anh ngồi trên một gốc cây hình như một cây dừa ngã ngang giữa một đám chuối cây, lá che kín tợ màn treo trướng Phủ. Hồ Quốc Thanh mới kêu Đào Anh, nhưng bởi Đào Anh lúc bấy giờ hồn những còn gỏi đám gió vàng, phách nương mây bạc, nàng mở mắt nhìn tứ cố, tưởng đâu mình ngồi trong chốn cửu nguyên; cho nên nàng ngẩn ngẩn ngờ ngờ, lơ lơ, lảo lảo, xem Hồ Quốc Thanh dường yêu quái tà tinh, hiện tại hại mình, nên chẳng dám nhìn tạng mặt. Hồ Quốc Thanh thấy bộ Đào Anh kinh hãi đến thế, bèn dẹp

oai hùm mượn tiếng ngọt dễ dành; hồi lâu Đào Anh nhìn biết Hồ Quốc Thanh, mới là hỏi có sao mình ngồi đây! Hồ Quốc Thanh bấy giờ mới hỏi:

– Đào Anh! Từ mi vào phục sự linh bà, từ ấy chỉ những nay, ta dòm thấy trong đoàn thế nữ, có một mình mi tận tâm trung nghĩa, thật dạ kính thành, cho nên một mình mi đăng lĩnh bà thương tình, trọng dụng mi hơn hết. Mi là tay tin cậy như ruột rà của linh bà. Tự vốn biết vì lòng trung nghĩa ấy, dầu việc lớn việc nhỏ chi của linh bà mi cũng bung kín miệng bình, chẳng hề lậu ra cho ai biết.

Nhưng với ai ai kia mi giấu nhem vậy thì phải, chỉ như với ta, mi vẫn biết ta là chồng của Hồ phu nhân, ta cũng là chủ của mi, mi cũng phải kính thờ ta như thờ Hồ phu nhân vậy – không lý mi đi giấu ta, cho ra lỗi đạo. Vậy ta có hỏi mi, mi phải cứ thiệt mà khai ngay, mi đừng có giấu đầu lòi đuôi mà phải đền tội lỗi. Ta hỏi mi:

– Vậy chớ từ ta muôn đội binh ròng, phát cờ dóng trống, ra đi dẹp giặc Trường sa cho đến khi trở về, bà mi ở nhà tư thung với ai; ai đem mối ai làm mai mi phải khai cho rõ? Mi phải biết, ta mà hỏi đến mi, là bởi ta có đủ bằng cứ trong tay rồi, mi đừng toan giấu dím; lại mi cũng phải nhìn cho tằng cái lưỡi guom vô tình này nó không hay dung vị ai; nếu mà mi quyết chẳng khai ngay, thì chẳng khỏi tai bay họa gọi.

Nghe qua Đào Anh lấy làm sợ hãi, chùng ngó lên thấy lưỡi guom trên tay chủ mình sáng tợ dao mài, thì thất vía hồn kinh, tay chon bủn rủn ngồi chết tê như có sát không hồn, còn miệng mà không ngở nói giây phút, Hồ Quốc Thanh không nghe đáp lời, lạ hỏi nữa:

– Sao? Mi có chịu cứ thiệt mà khai ngay chẳng? Ở nhà bà mi tư thung với ai; đem ai vào phòng trung chông gối?

Bấy giờ, Đào Anh mới thở ra, rồi lấy hơi vào, gượng gạo dần lòng mà bầm răng:

– Bẩm thượng quan, từ vào phục sự, lĩnh bà cho đến con thượng quan tấn bình ải ngoại phận con đòi chẳng hề dám sai; ngày những lần đêm thường ở một bên lĩnh bà mà hầu đỡ tay chon không khi nào hở, mà tiện tì chẳng hề thấy có ai ra vào lạ mặt, cùng là nhỏ to chuyện vãng sớm khuya; thật là lĩnh bà trực tiết phòng không, cửa gày then đóng; lãng tai lời hoa nguyệt, ngo mắt cuộc bướm ong,

lại thêm từ thượng quan xuất sư cho đến khi thắng trận trở về, tiện tì chẳng hề thấy lệnh bà bước chon ra khỏi phòng, có sao thượng quan lại nghi cho lệnh phu nhân ở nhà đổi dạ thay lòng, làm đến chuyện ô danh sử tiết.

Hồ Quốc Thanh:

– Mi chớ có xảo ngôn mà oan hôn ăn năn không kịp. Ta đã nói ta mà hỏi đến mi là bởi chuyện ta biết đã rõ ràng, còn chi toan giấu dìm. Mi dám nói rằng từ ta xuất sư, bà mi cam phận chiếc bóng cô phòng bướm ong ngơ mắt, chẳng hề có ai ra vào nơi dinh cấm nửa chi?

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan, tiện tì nói không ai ra vào sớm tối, là ý tiện tì muốn nói không có ai vào dinh tư thông với lệnh bà như ý thượng quan tưởng lầm nghi lỗ đó vậy. Chớ như người ra vào, hoặc chị em quen biết, hoặc là kẻ bán buôn, thì có ngày nào là ngày không có người gọi xin ra mắt.

Hồ Quốc Thanh:

– Mi thiệt xảo, mong kiếm lời che lỗi cho phu nhân; này, Đào Anh, vậy chớ từ khi ta đi cho đến khi ta ra về, mi dám chắc không có người vào dinh chông phòng chông gối với lệnh bà đêm này sang đêm nọ, và vậy tiệc với lệnh bà, chén tạc chén thù, bữa sớm bữa tối bữa khuya sao? Mi hãy nói thiệt đi cho ta nghe; nếu mi còn che quất giấu quanh, ắc chẳng khỏi gươm linh sát hại.

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan, tưởng chi lạ, chớ như chuyện chung chăn chung gối, chén tạc chén thù, đó là sự thường, có khi nào không có. Thượng quan đi rồi, bỏ lệnh bà ở dinh một mình, cô phòng hiu quạnh thất theo năm canh, có lý nào lệnh bà không phiền chia cách mà trông có khách đến thăm, dặng cầm ở lại mượn mỗ làm vui, chuyện vãng sâu trong canh vắng hay sao? Mỗi khi có khách lạ chị em xa gần đến viếng, tiện tì thấy lệnh bà thường hay cầm ở lại có ít lắm cũng một đêm một ngày, cầm ở trong phòng ăn uống chuyện trò cùng lệnh bà để giải con phiền não. Tiện tì chẳng bao giờ mắt thấy hay là tai nghe có người khách đôn ông nào vãng lai tất cả, xin lượng trên hãy thương tình.

Hồ Quốc Thanh:

– Ngày ta về gần tới, trong phòng linh phu nhân còn có người khách nào nữa không?

Đào Anh:

– Thưa có, song khách vừa ra về thì thượng quan về gần đến; bởi có linh phu nhân không cầm.

Hồ Quốc Thanh:

– Người khách ấy đến bao giờ mà nghe ta về gần tới dinh lại kiêu mà từ qui?

Nghe nói đến điều này, Đào Anh có hơi sượng sùng ngần ngại mà đáp thẳng, lại xây mặt ngó Hồ Quốc Thanh rồi ngó lưỡi gươm bộ mặt dáo dác xem luồng như quá sợ nếu phạm lỗi; Hồ Quốc Thanh thấy vậy, bèn quở la, rút gươm ra làm dữ, đá xuống nhắm chém Đào Anh, Đào Anh thất kinh, né tránh lưỡi gươm rồi lạy và bắm lia bắm lịa, xin Hồ Quốc Thanh nhiều dung, để mình khai thật, Hồ Quốc Thanh mới nói:

– Chuyện không soay có gì đến mi; nếu mi không dôi lòng trung chánh mà khai ngay, thì chớ trách bữa nay mi tận số. Mi hãy cứ thiệt mà khai ngay đi; ta đã thấu nỗi riêng tư, còn giấu chi cho hại.

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan sử nữ mô dám giấu thượng quan. Thật thì tiện tì không nhớ chắc người khách này vào dinh bữa nào; song, nếu muốn nhắm chừng lâu mau mà nói thì tưởng cho người vào dinh, từ ngày mới đến cho tới bữa ra về, có ít cũng đặn chừng hai năm nay, thượng quan xuất sư chưa đầy tháng, thì đã có người khách ấy đến gọi xin ra mắt.

Hồ Quốc Thanh:

– À há! Mà người khách ấy là ai? Đồn bà hay đồn ông? Ai tuyển dẫn người vào dinh nội?

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan tó chẳng rõ người khách ấy là đồn bà hay là...

Hồ Quốc Thanh:

– À! Mi còn muốn giấu nữa à!

Hồ Quốc Thanh và nói và đưa guom lên; Đào Anh thất kinh mà nói hoản rằng:

– Bẩm thượng quan xin hãy ráng mà nghe cho hết lời, chớ nóng giận mà oan tình sử nữ. Thật tớ không hề biết người khách ấy là ai, nên khó mà rõ đặng đờn ông hay đờn bà, song, khi bà bán tơ dắc vào dẫn kiến lĩnh phu nhân, thì thấy cách ăn bận theo dáng đờn bà, lại nghe bà bán tơ nói là tay bán ngọc ở Quế Châu mới sang, tớ đâu có biết.

Hồ Quốc Thanh:

– Vậy thì người bán ngọc ấy là đờn ông, không phải đờn bà, mà cũng chẳng phải là tay bán ngọc. Rõ ràng là tình nhân của mạng phụ đó. Mụ bán tơ với mi làm mai dẫn vào tư thung với lĩnh phu nhân từ hai năm nay; người mai ngoài, kẻ mai trong, sao mi dám dối rằng mi không rõ thấu. Vậy thì đáng tội mi chưa: còn chi trách guom lĩnh không vị!

Dứt lời Hồ Quốc Thanh cầm guom đứng dậy chém Đào Anh; Đào Anh hết hồn, cúi lạy tam thiên, xin dung tánh mạng, và hứa chịu tử hết sự tình, kể từ chơn tóc kẻ răn, cho thấu đáo khúc sông nguồn ngọn. Nghe Đào Anh hứa chịu khai ngay, Hồ Quốc Thanh mới dần lòng ngừng tay mà nói:

– Chuyện làm sao, mi khai thiệt hết đầu dây mối nhợ ta nghe; đầu làm sao, đuôi lại làm sao; nếu mi còn vị tình lĩnh phu nhân mà giấu một mảy lông, thì ắc mi không toàn mạng. Mi hãy ngó lưới guom này mà khai; tưởng mi cũng nên xem lấy nó để dò từ khúc, nhớ từ hồi, mà khai, kéo quên mà mang khổ!

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan để tớ khai ngay.

Miệng thì nói khai, mà Đào Anh còn ngồi dầm dề chưa chịu mở lời, xem tuồng như bụng còn tuồng Hồ phu nhân mà không nở, tỏ hết nỗi niềm, bày tâm sự thiệt; nên Đào Anh ngồi, đôi giọt lệ tràn mặt dáo dác ngó quanh ngó quất; hình như ngó chừng coi có lĩnh phu nhân về chưa, hoặc có ai trong dinh ra dòm thấy, nghĩ tình chạy đi thung tin cầu cứu. Mà nào có thấy ai đâu! Đào Anh lúc bấy

giờ coi một phút hơn một giờ, ngồi trên cỏ mà chẳng khác nào ngồi trên chông, lấy làm đau đớn tấm lòng xốn xang gang tấc. Ước chẳng thấy cái chết nằm kề bên lưỡi guom nằm trên tay Hồ đồ đốc kia, thì Đào Anh cũng còn toan kế dần dà, dục mưu cầu hườn mà chờ tin cứu ngặt nổi, lưỡi guom vô tình không hay dung vị, lại thêm tánh Hồ đồ đốc nóng như lửa đốt dễ gì ngồi đợi cứu tin; cực chẳng đã, thật là lúc cùng chẳng đã, con túng phải liều, cực chẳng đã, Đào Anh phải cam, cứ lẽ thẳng mà khai tình ngay mà bẩm; nghĩ không lý mình khai rồi người còn chẳng dung, hay là người đành cầm guom mà giết vợ người hồng sợ.

Nghĩ vậy rồi, nàng mới chịu khai rằng:

– Dạ dạ, thân sử nữ là thân hèn hạ, phận tôi đòi, hết dạ hết lòng.

Từ vào phục sự lệnh phu nhân từ ấy chí những nay:

*Đã rộng nhờ lượng cả bao dong,
Mong chi nửa dèo bồng cho lỗi,
Từ Đô đốc binh ròng muôn đội,
Chốn Trường sa tặc bối khử trừ,*

Bà ở nhà ôm dạ tương tư,
Cắt tóc thệ khư khư chữ tiết,
Tai kia lánh xa lời huê nguyệt,
Mắt không nhìn những việc bướm ong,
Năm canh đành chiếc bóng cô phòng,
Hai tháng chẳng đổi lòng vàng đá,

Bẩm thượng quan, lệnh bà mà thờ chồng như vậy đó:

*Còn chi gọi loan chông phụng chạ,
Ai dám rằng tham lục tiếc hồng;
Dầu gặp cơn mưa gió bão bùng,
Cùng sấm sét cũng không nao núng,
Có dè dàu, biển dàu cạn ai dò dặng rúng.
Lòng dầu sâu thế cũng khó đo,
Cuộc lửa hương dương nhuộm nên lò,
Loan phụng bỗng sánh so đôi lứa,*

*Bà dẫu chẳng thấp cao chọn lựa,
Ả trắng toan mắng gở mối tơ,
Khiến hồng nhan động dạ đào thơ,
Tủi chút phận bơ vơ chiếc nhận,*

Năm canh luống băng khuôn nhớ bạn,
Nghĩ đàng tên mũi đạn mà thương.
Dám phơ gan giữa chốn chiến trường,
Cam trái mật nằm sương gối vác,
Bà trai giải giữ lòng thành thật,
Cầu cho chồng thắng trận bên quân,
Đặng có thuở long vân tương hội
Trăng già khiến tóc tơ lơ mối,
Cuộc áp yêu xây đổi gối chần,
Lúc dập dìu tài tử giai nhân,
Lại có kẻ thâm ân trộm ái.
Nhìn quốc sắc mắt kia không nháy
Thấy phu nhân lòng lại phải lòng.
Dẫu biết cho là gái có chồng,
Cũng quyết kể tư thông cho đặng,

Bẩm thượng quan, như lệnh phu nhân!

*Vô tình có biết đâu là chẳng,
Cứ tóc tơ căn dặn tắt lòng,
Quyết trăm năm tạc một chữ đồng,
Mặc dẫu kẻ thù rồng vể phụng,*

Lòng bà thì vậy, còn người trai kia:

*Đả chẳng sợ thành tai, dục tưng
Dám toan mưu lấy thúng úp voi,
Không kiên vằng nhứt nguyệt sáng soi
Cũng chẳng quăng miệng đòi dị nghị.*

Hồ Quốc Thanh:

– Khoan, Đào Anh, khoan, mi nói rằng lệnh bà mi đi cùng chùa, xảy gặp một tay tài tử thấy lệnh bà mi xinh đẹp mà phải lòng, chớ còn lệnh bà mi thì khư khư giữ tiết thờ chồng không dạ loan công

phụng chạ, rồi sao đến đổi khách tình ấy vào đặng dinh mà trộm ái thăm ân cùng lệnh bà, và người trai ấy là ai; người ở tỉnh nào mà đến? Mi nói phúc đi cho ta nghe cho mau, kéo mà lúc nóng giận ta cho một đao hồn về âm kiểng đi giờ.

Đào Anh. – Dạ dạ, Bẩm thượng quan để thủng thẳng tỏ nhớ hết đầu đuôi, là thuật rõ kẻ rằng chon tóc.

Dạ dạ, như người trai ấy:

*Diện mạo nhấm cũng nhà quyền quý,
Cùng con dòng thế phiệt trâm anh,
Chẳng phải như những kẻ phụ tình,
Cùng là mặc lâu xanh quen thói.
Mặn vì sắc ngàn vàng quyết đổi,
Nên chẳng nài lặng lối kiếm tâm,
Mong cây tay xé dải đồng tâm,
Cho bà phải ôm cầm quá biệc,
Tới cửa mù bán tơ tính việc,
Xung con dòng phiệt duyệt thế gia,
Ở Quế Châu nhà ngói mấy tòa,
Giả bán ngọc son hà đạo khắp.
Vì trời khiến tới đây lại gặp,
Lệnh phu nhân nhan sắc phi phàm;
Người quyết lòng để bước cầu Lam,
Gần cho đặng kết làm giai ngẫu.*

Bẩm thượng quan, tỏ nghĩ cho vì thiếu niên ấy tìm đến mù bán tơ mà cậu làm mai mối nên tỏ bẩm khai như vậy, chớ thật, lúc người đến cậu nào có mặt tỏ đâu. Mà tỏ dám tưởng chỗ nghĩ của tỏ không sai, hẳn thật người có cây mù bán tơ dắc mối, nhưng bởi mù bán tơ biết rõ khó dễ thế nào, nên:

*Mụ tỏ lại cho người hăng thấu.
Trước sau không dám giấu một lời;
Rằng: Phu nhân chẳng phải chỗ chơi,
Mà bày chuyện lá loi tình tẻ.
Chốn dinh cấm tới lui chẳng dễ,
Ngoài quân canh chẳng dễ vào ra,*

*Dầu cho người thân thích trong nhà,
Không có phép, không qua khỏi cửa.
Mai mỗi phải nay lần mai lựa,
Buộc trói cho đôi lứa yêu đương,
Thì lửa kia có thuở bén hương,
Quá chịu mới chán chường ong bướm.*

Nào phải như những ai đâu:

*Đỗ một buổi, hương nồng lửa đun
Trong nửa ngày thấy bướm ngộ hoa;
Mụ là tay quen thuộc trong nhà,
Còn chưa để qua qua lại lại.
May phụ nữ, phép còn không thể cãi,
Hướng nam nhân đâu trái lệnh quan;
Thôi cậu đừng tính chuyện vô quàng,
Hại mụ phải thác oan tội nghiệp.
Giải rồi mụ lại còn nói tiếp,
Phải chi hàng thê thiếp còn mong;
Người không nghĩ sứ điệp tin ong,
Mượn buôn bán vào trong may dặng,
Tay giàu có bạc tiền đã sẵn,
Mặc dầu lòng đổi trắng thay đen,
Lòng đang mong hương lửa nhuộm nhen,
Nệ chi cuộc bèo sen khác bực,*

Hồ Quốc Thanh:

– Đào Anh, mi nói mụ bán tơ không dám làm mai, lại nói phải chi người là đồn bà con gái, đồng phe phụ nữ với nhau mụ lấy cuộc bán buôn làm có mà dẫn biến thì họa may; chẳng hay mụ nói vậy, rồi người thiếu niên ấy làm làm sao vào dinh dặng mà mi gọi trong tay có sẵn bạc tiền, muốn đổi trắng thay đen cũng dễ? Có phải mi muốn nói người đem vàng bạc mà lót đường, nên quân môn tử vì của hối ấy để cho người thâm nhập chăng?

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan không! Quân canh có rõ chi đâu! Tớ nói như vậy là ý tớ muốn chỉ khi nghe mụ bán tơ hay tỏ thiệt hơn rồi, vì thiếu niên ấy liền ngụ ý:

*Sanh một kế cải trang hình thức.
Giả dối vào làm bức phu nhon:
Họa quỷ thần rõ thấu nguồn con,
Người dễ biết cơ gian cho đặng.
Mụ dì biết mà túi tham quá nặng,
Ngửa hai bàn tay trắng lãnh vàng.
Đá chẳng ghê họa gởi tội tràng,
Dám lãnh mạng đem dàng dắc ngổ.*

Bẩm thượng quan, còn như linh phu nhân:

*Tính ngay thật cơ gian nào rõ,
Bà không tường rấn nọ có chon;
Lầm tưởng cho là bọn phụ nhon,
Không tính thiệt so hơn chi cả.*

Hồ Quốc Thanh:

– Đào Anh, mi nói bà mi lầm tưởng người mà mụ bán tơ dẫn kiến đó là phụ nhân, nên bà mi cho vào dinh bán ngọc; ta hỏi mi: Bà mi mắc lầm mà cho vào bán buôn thông thả lỡ vậy thì thôi, bán rồi thì ra; dầu người có năn nỉ ỷ ôi cách nào mà xin ở lại trong dinh một đêm cũng không đặng; vì là dinh cấm; có sao người bán rồi lại còn đặng ở lại trong dinh mà tư tình với bà mi mà mi gọi bà mi trong sạch hử? Mi chớ có chở che cho bà mi mà xảo ngôn; ta e cho mi giấu đầu lòi đuôi mà chết không kịp trời bây giờ!

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan, tiện tì mô dám lộng ngôn xảo ngữ cùng thượng quan. Thật thì linh phu nhân lầm: bởi tin nên mắc, bởi nghe nên lầm, lầm gian kế đến dối phải cam chịu cho người bán ngọc ở đêm trong dinh cũng vì:

*Người bán ngọc là tay đa trá,
Dầu quỷ thần cũng chẳng biết đâu,
Bao nhiêu châu xỏ lại một râu,
Một đầu gút, một đầu lại thả
Hữu tình khéo biến sanh kế lạ,
Khác nào đo hàm cá uốn câu:
Vô ý, bà có rõ thấu đâu,*

Mới cầm lấy râu châu sút sổ.
Bà cũng ngỡ tại bà làm đổ,
Hột châu vắng chẳng chỗ nào không
Bà sượng sùng đứng sững như trông,
Cứ lấy mắt mà trông tro tráo.
Giây phút tỏ nghe bà dặn bảo,
Bà dặn đoàn thể nữ,
Dừng đứa nào lạo xạo vào ra:
Để cho người với một mình bà
Ngồi mà lượm châu sa kẻ mắt,

Bẩm thượng quan, lúc bấy giờ đây:

Nhục đã xé tây dài hầu khuất,
Nghe đồng hồ,
Đổ bảy giờ cửa dứt tiếng chuông;
Ngoài vệt gà thôi thoát vô chuồng,
Trời lại có mưa tuôn rỉ rả.
Bà ngồi lượm, mượn lời tao nhã,
Tiếc than cho mát dạ mát lòng:
'Khúc rủi ro khiến chuyện mắc công,
Lượm tới sáng cũng không hay hết!'

HỒI THU BA

Thầy sử nữ bèo mây đành chôn lấp,
Hồn phu nhân mái rượu luống dật dờ

Người bán ngọc tỏ tình thành thiệt,
Xin bà đừng than tiếc uống công:
'Một bộ châu là của mấy đồng,
Bà phải chịu cực lòng tìm tôi!'
Nói vừa dứt lời rồi lại nói:
'Bảy giờ đêm tâm tôi canh trâu,
Tớ xin về mai sáng trở vào,
Dầu còn mất không sao mà ngại'

*Trong lời nói có hơi khí khái,
Phu nhân nghe dạ lại thâm khen!
Đôi mắt xanh phân biệt bèo sen,
Nên rõ đặng sang hèn khác bực;
Bà cũng muốn tỏ lòng ngay thật,
Bao người dùng tính quắt lo quanh,
Cầm ở ăn rồi nghĩ trong dinh,
Mà đợi lúc bình minh kiếm nửa.*

Bẩm thượng quan:

*Con trong tiệc chuyện trò sao nữa,
Cùng rúa răng rặng rúa nào hay,
Phận tôi đòi đâu dám nghiêng tai,
Hong thấu nổi mưa mây đánh đổ.*

Nghe tới đây, Hồ Quốc Thanh sứt sứt máu ghen lửa lòng hùng
dậy, bèn trợn mắt, nghiêng răng, cầm guom đứng dậy mà than rằng:

– Thôi rồi! Trời đất ôi, vợ tôi đành đoạn dữ a!

Than rồi xây lại hỏi Đào Anh:

– Sao nữa, Đào Anh, hãy nói luôn đi cho ta nghe, cho mau.

Đào Anh:

– Bẩm thượng quan:

*Xem càng bữa tình càng thổ lộ,
Dan díu nhau mấy độ sen tàn,
Cuộc vui say trong lúc canh tràng,
Điều hư thiệt hành tàn ai biết,
Thì cũng tưởng cho bà trực tiết,
Mới lầm tin người thiệt phụ nhân,
Mấy ai ngờ rấn nọ có chon,
Mà thấu nổi đào kia lộn hột
Cùng nhau đã nặng lời thề thốt,
Quyết trăm năm tạc một chữ đồng,*

Tó lại có nghe bà nói:

*‘Kiếp này không nên điệu vợ chồng,
Tái sanh nguyện đạo Tòng chẳng đổi’.*

Hồ Quốc Thanh nghe nói vợ mình thể thốt với tình như thế, bèn tức mình cầm gương chỉ ngay vô dinh mà thệ rằng:

– Ta dầu còn một tác hơi ta cũng quyết chẳng dung loài gian phu dâm phụ!

Thề rồi cũng xây lại hồi Đào Anh.

Đào Anh tiếp:

*Thời cũng tưởng còn nhiều chẵn gối,
Bỗng không nghe quân đội vội về;
Lúc ban trưa giấc ngủ đang mê,
Vụt chỗi dậy dầm dề giọt lệ,
Nói sao xiết nỗi riêng khóc kể,
Trách khun cùng trăng rẽ làm đôi;
Đau đòi đoạn lại ngất đòi hồi,
Tĩnh ra khóc, khóc rồi than thở.*

Hồ Quốc Thanh:

– Sao nữa, nói cho mau đi Đào Anh?

Nghe có ta về, hai đảng khóc lóc cùng nhau, rồi sao nữa? Thằng giả mang ấy đi đâu? Hay là bà mi giấu nó đâu? Bây giờ nó ở đâu; chỉ cho ta biết đi cho mau; còn dằn dả chi nữa?

Đào Anh:

– Dạ, dám Bẩm thượng quan tiện tì mô dám giấu thượng quan. Hai đảng khóc lóc với nhau một hồi rồi, tớ nghe lệnh bà nói: "Con gấp như lửa cháy mày, không dễ ngồi đây mà khóc". Lệnh bà biểu người phải mau ra khỏi dinh, kiếm nơi đình trú, thì tớ lại nghe người ấy khóc và đáp rằng:

*"Minh ôi! Bây giờ biết tìm đâu mà ở.
Xứ lạ lòng tứ cố một thân;
Nhớ có quen am tự Bảo Anh,
Phải đến đó ẩn mình chờ bạn,
Minh ôi, có lâu lắm mười ngày nửa tháng,
Sao sao mình cũng ráng thăm nhau;
Trước vui con hạn Hán gặp dào,
Sau phỉ chí thăm ao trộm ước".*

*Dứt lời nói người liền để bước,
Ra khỏi dinh tới trước phật đài,
Chùa Bảo Anh còn ở hôm nay,
Tên tuổi thật không ai rõ thấu.
Việc tình tự tỏ đà tiết lậu,
Tiện gì đâu dám giấu khúc trung;
dám xin nhờ lượng cả bao dung,
Phận hèn mọn kiết hung âu hăng".*

Hồ Quốc Thanh:

– Nói vậy thẳng khốn ấy ngày nay còn nương nấu nơi Bảo Anh tự nữa chi! Hèn chi phu nhân chẳng là xin đi dâng hương đáp lễ! Ta nói thiệt ta mà còn sống ở thế gian này giờ nào, ta nguyện chẳng để cho loài gian phu dâm phụ đã làm nhục danh giá ta còn trông thấy nhau nữa đặng. Nay mi thua rõ sự tình, giải hết khúc sông nguồn ngọn, ta thấu hiểu đầu trong đầu đục rồi, thì ta chẳng còn nghi ngờ chi mi nữa. Hẳn thật sự tệ tình này tại nơi mụ bán tơ mà ra; tại nơi ả gian phu dâm phụ mà có; chẳng tại nơi mi cùng đoàn thể nữ trong dinh chút nào! Thật mi vô tội; song mi thuật cho ta nghe rõ trước sau, thấu đáo kẽ răng chon tóc rồi, ta mà để mi thì ta luống e lậu sự mà hư kế của ta đã đặt bày trong trí ta mà rửa hận. Ấy vậy muốn khỏi lâm câu: "Cơ bất mật họa thiên phát" thì ta phải cam mọi đáng tội lỗi với trời đất và với mi mà giết mi; mi có vô tội mà phải thác về tay ta, ta xin mi chớ phiền sao ta có nhẫn tâm, dám làm chuyện bất nhân bất nghĩa.

Dứt lời, Hồ Quốc Thanh chẳng để cho con Đào Anh năn nỉ một lời, trời trần nửa tiếng, hèn hơi gươm chém Đào Anh một đao, rồi đá thây văng xuống ao, làm cho máu nhuộm nước hồ, thây chịu bèo sen chôn lấp. Hồ Quốc Thanh đứng ngó giây phút, rồi xách gươm trở vào dinh, bỏ Đào Anh nằm giữa hồ sen, u ơ với cái cảnh quạnh êm đêm, nào ai hay biết. Ngoài trời đất với cỏ cây thì còn có mắt nào thấy sự tội tình này mà chứng cho Đào Anh; minh oan cho Đào Anh, nghĩ thật đau lòng không kể xiết!

Hồ Quốc Thanh vào dinh cất gươm rồi lên giường nằm, tay cầm điều thuốc mà hút, ngửa mặt ngó lên, nằm nghĩ; hi sự mình, toan mưu rửa hận. Thật là chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau, Hồ

Quốc Thanh nằm chẳng biết liệu kế nào cao, mưu nào độc mà rửa cho sạch tình, trả thù oán nặng, nên lấy làm bối rối tấm lòng xốn xang gan tấc. Tính mưu này không tiện, toan tới kế kia; toan tính hết sức mà cũng chưa ra kế gì, Hồ lại càng tức mình, mà nằm ngồi không yên chỗ. Hồ bèn thầm than:

"Hay vậy ta cũng chẳng giết con Đào Anh là đứa vô tội làm gì! Ngờ giết nó mà giấu nhem sự mình, dựng có giả hình cười tỉnh nói say, tra kế độc rửa hờn cho sạch; có dè đâu giết nó rồi, mình lại tính không ra kế gì; như vậy, nghĩ người thác oan, dầu là lòng sắt đá đi nữa, há chẳng động niềm thương xót!"

Than rồi, Hồ cầm điều thuốc đưa lên miệng mà hút, hút một hơi dài, phà khói ra mù mịt. Lúc bấy giờ, Hồ bị có tơ tưởng nổi mình, ưu tư thù hận mà ngồi có hơi lảng lơ, nên khí vẫn khói cuộn cuộn bay lên; Hồ ngược mặt nhìn theo, nhìn như chiêm nghiệm sự tình, nên nhìn sững ngó trần, nhìn không nháy mắt. Vì lòng tư tưởng ấy, bỗng không Hồ thấy hình Đào Anh ôm đầu lẫn lộn theo trong vầng khói; ví chẳng khác, phách nương mây bạc, hồn vẩn vít bên chàng, khiến Hồ nghĩ đến người thác oan vùng sa nước mắt, Hồ liền đưa tay chỉ ngay vầng khói mà thầm nói rằng: "Đào Anh, ta vẫn biết vì ta mà người thác oan; song người chó phiến vẩn vít theo ta mà đòi mạng: vì là lúc cùng đặng đã dó. Hễ ta mà không giết người, thì người tiết lậu cơ mưu, ta trả thù nhà sao đặng. Vậy ta xin người khá sanh thuận tử an; ta nói thiệt, ta giết lỡ người rồi mà ta không làm gì nổi cái lũ gian dân này, cho thỏa, thì ta nguyện chẳng sống ở trên cõi tạm này nữa làm gì cho nhục!"

Thầm nói vậy rồi, Hồ liền nghĩ ra một kế hay; Hồ mắng, cười, cũng ngó theo vầng khói mà cười, dường như ý muốn chia vui với hồn con Đào Anh còn đương phưởng phất. Tức thì Hồ đứng dậy bước ra, cất tiếng lên kêu quân hầu, dạy đòi Hồ Lăng vào trong dạy việc.

Hồ Lăng này là ai? – Có phải là anh em hay là bà con thân thích chi của Hồ Quốc Thanh chẳng? – Không Hồ Lăng này vẫn là một tên Thợ lại, theo hầu Hồ Quốc Thanh đã mấy năm trường, nhờ một lòng trung nghĩa không dòi, mà đặng Hồ Quốc Thanh yêu dùng.

Nghe có lệnh đòi, Hồ Lăng lật đật chạy vào hầu nghe dạy việc. Hồ Quốc Thanh mới dắt Hồ Lăng vào phòng nói nhỏ cùng Hồ Lăng rằng:

– Người theo hầu ta đã nhiều năm, ta biết người thật dạ thờ ta, tận tâm trung nghĩa, nên – người cũng biết – ta xem người như tay chơn, tin cậy người như vi kiến. Nay ta có việc riêng, muốn thành cần phải phải có người lo lắng; nhưng hồi, ngoài người thì ta chẳng còn biết tin cậy ai hơn người; vì vậy nên ta muốn sai người đi, người chớ nài khó nhọc.

Hồ Lăng:

– Bẩm thượng quan, từ thuở tớ mới vào hầu thượng quan, tớ đã từng xông tên đột pháo ra tử vào sanh, ngàn tứ muôn chông, không từ chốn thác; huống chi nay là lúc tọa hưởng thái bình, trong tĩnh an như bàn thạch, tớ tưởng thượng quan đâu có sai khiến tớ đều riêng tư gì khó dễ cách nào đi nữa cũng không qua nổi việc nằm suong gối vác, đội nguyệt mang sao, thế thì có chi gọi hiểm nguy, đến đổi tớ nệ công khó nhọc. Tớ sẵn lòng chịu sai khiến luôn; xin thượng quan vật ngại.

Hồ Quốc Thanh:

– Ta vẫn biết rõ tấm lòng trung nghĩa của người thuở nay. Mà việc sai người đi đây chẳng có điều chi khó nhọc, song nó là mật sự, cần dặn dò bung kín miệng bình; nên trước khi đi, ta phải giả ý giận dữ đánh đuổi người ra; người cũng phải làm bộ khóc lạy một đôi lần xin tha, xin không dặng sẽ đi ra khỏi. Ra khỏi dinh rồi người cởi hết chỉnh y, bận quần áo theo người phường rầy; rồi người đi thẳng tới chùa Bảo Anh vào lạy thoàn sư mà xin nương náu.

Vào dặng ở an rồi, người dọ coi trong chúng tăng có tên nào là người ở Quế Châu, lại là tình nhân của phu nhân, người tỏ thật người là người ở hầu dinh ta mới bị đuổi ra, giả thán oan mà kết giao cùng người ấy. Người phải liệu thế mà cầm người ấy ở tại chùa Bảo Anh đó luôn với người; cho đến khi nào có quân đem quan tài lệnh phu nhân đến mà gọi nơi chùa và thấy người tình ấy canh đầu lén ra ôm lấy hòm mà khóc kể, thì người, thừa lúc thanh vắng, giả làm gian nhân, xách búa cạy hòm lệnh phu nhân mà trộm hết châu báu ngọc vàng để liệm. Người gói lại một gói, rồi đem tới phòng kẻ

tình nhân của linh phu nhân mà để. Giá họa cho nó rồi, người phải mau tuốt về dinh mà phi báo với ta, đừng ta tới dất quan Phủ doãn theo ta, lên đó, quả tang, bắt đưa gian tra khảo. Tác thành như nguyện rồi, người sẽ trở về dinh ta mà ở an như thường, ta chẳng phụ công tôi khó nhọc.

Hồ Lãng nghe qua, đứng ngấm nghĩ một hồi rồi vâng chịu làm y kế nội. Bởi vậy, thành linh mà nghe có tiếng Hồ Quốc Thanh quở la, đánh đuổi Hồ Lãng ra cửa, thì nội trong dinh không ai rõ có chi, lấy làm lạ, ai nấy mới chạy lên, dòm coi cho biết. Bây giờ Hồ Quốc Thanh lại giả ý và đuổi Hồ Lãng và nói: "Mi đừng lay lục chi cho uống công; mi dám làm đến điều tác tệ, trong dinh ta, người thừa lúc linh phu nhân đi khỏi mà người tư tình với con Đào Anh, chẳng kể phép nhà nghiêm cấm, thì thôi, con Đào Anh đã bị đuổi đi rồi, mi cũng phải đi theo, còn úc gì mà năn nỉ ỷ ôi chi nữa. Ta chẳng hề tha tội cho những kẻ sanh lòng tình tệ, làm gương xấu trong dinh ta.

Nghe vậy, ai nấy mới hay, tưởng thật Hồ Lãng lén cùng Đào Anh trăng gió. Hồ Anh khóc lạy xin tha một hai lần không được, túng phải cam tâm từ giả ra đi; Hồ Lãng ra khỏi cửa rồi, Hồ Quốc Thanh lại kêu hết trong dinh mà dặn rằng:

– Hãy xem lấy gương Đào Anh với Hồ Lãng mà giữ mình cho vẹn về!

Từ đây trong dinh, trên dưới, đều lặng lẽ, chẳng còn ai to nhỏ tiếng chi; Hồ Quốc Thanh đặt kế xong rồi, cũng trở vào phòng nằm nghỉ.

Nằm mà nghĩ sao an! Hồ Quốc Thanh nằm gác tay lên trán, chất lười thở ra, lộn lại lặn qua, tọa ngọa bất an cảm trướng. Đã vậy lại còn thêm một nỗi khổ tâm hơn hết là, hễ ngó lên thì thấy con Đào Anh phát phơ trước mặt, ôm lấy cái đầu roi đỏ giọt máu hồng; ngó xuống lại thấy cái bãi nước miếng đờn ông, còn nổi bọt trắng tợn như bông, trên gạch. Nỗi than tiếc với nỗi cừ thù nó chen lẫn nhau trong một tác lòng, thì gan nào chẳng teo, ruột nào không thắt? Ai là người có gan, có ruột, có nhứt điểm lương tâm, ngộ phải cái cảnh trường hận này mà nằm ngời cho an chỗ? Lại hể Hồ Quốc Thanh mà thấy cái đầu con Đào Anh với bãi nước miếng kia trước

mắt chùng nào, thì cái nư giận càng lừng, máu ghen càng dậy; khiến cho Hồ Quốc Thanh ghen tương bao nhiêu, càng hận bao nhiêu, lòng lại mong tận sát loài dâm phụ gian phu bấy nhiêu, nhưng hồi gánh nặng chữ tình, hai vai còn hoằng hoại, chưa dễ biết sao mà lấp cho cạn lòng bể ái với nguồn ân; có ấy nên ngoài nỗi than tiếc với nỗi hờn ghen kia, trong lòng Hồ Quốc Thanh hãy còn chứa thêm một nỗi oán oán thù thù, thương thương nhớ nhớ mà ra không định. Làm sao mà nằm ngời cho an! Thật Hồ Quốc Thanh ngời không an, nằm cũng không an; nên chàng vùng chỗi dậy đi; chấp tay sau đít mà đi, đi tới đi lui, đi qua đi lại trong phòng, đặn mà giải khúc sầu tình, bót con phiến não: đề đâu nỗi thương nỗi nhớ, nỗi oán, nỗi thù ở trong lòng nó chẳng chịu nằm an mà để cho nguôi; nó cứ chen lấn, giằng xé với nhau ở trong, làm cho tâm như dao cắt, ruột tợ tuần hườn khiến chàng đau đớn xốn xang, châu mày ủ mặt. Dòm thấy chỗ vợ chồng ngồi ăn uống nói cười, chén thù chén tạc ngày xưa mà phát râu; thấy chỗ vợ chồng nằm ngủ, gối chăn chông chênh, tay áp má kề mà phát ghét. Ghét sao ghét cay ghét đắng, ghét lạ ghét lừng, ghét cho tới cái giường cái mùng, cái mền cái gối!

*"Giận ru ra dạ thế thường,
Cười ru mới thiệt khùng lòng hiểm sâu".*

Hồ Quốc Thanh mắng có đeo lòng giận lấy hờn ghen mà sanh dạ ghét cay ghét đắng, ghét đến đổi dần lòng không dặng, mà phải nhiech phu nhân là "gái bội phu"; nhiech đến thế mà chưa cam lòng, nư giận còn tràn hưng mặt lửa dậy phùng phùng, gan dầu sôi sục sục. Đang con giận duỗi như vậy, bỗng không, nghe tiếng chuông đồng hồ vội đồ mười hai; Hồ ngoảnh mặt ngó lên, nhìn trần trời rồi cũng đưa tay chỉ ngay mặt đồng hồ mà mắng là: "Đồ phản chủ!" Mắng rồi lại thâm nói: "May cho mi biết sống mà không biết nói, cho nên ta rộng lòng làm nher mà dung thứ cho mi; chớ chi mà mi biết nói năng dặng một tiếng gì ắt lưỡi gươm này chẳng tha mi, mi cũng phải hôn quy di lộ. Giận vì ta đã chịu tổn mà chuộc mi về trong nhà đã bao lâu, ta lại còn phải chịu tổn công người lo săn sóc mi, để mi chẳng ích gì cho ta nhờ, khác hơn là nhứt gia thường xiêng, canh giờ điểm khác. Ngày đêm không hề nhắm mắt, thì có chi trong nhà ta xảy ra mà mi chẳng nghe, chẳng thấy, chẳng biết đến chẳng? Có sao trong khoảng vắng canh tràng, vợ ta sanh lòng

lang, hòa gian với kẻ, mi thấy, mi nghe, mi lại đành yêm ẩn tẻ tình, lúc ta về, mi không hề tỏ cho ta hiểu biết. Đường ấy, có phải là mi phản ta chăng? Bấy giờ đây, đang lúc ta hận nỗi nhà ta mà kết oán thâm xương, cừu hờn căm dạ, không an tọa ngoại, khổ tâm đường nếm mật nằm gai, ai cầu mi mà mi vội đồ mười hai, làm cho ta hoài nhứt thình oán nhứt thình, nhớ những lúc vợ ta ở nhà say đắm với ai, vui lắm lúc tình dài đêm vắng.

Thầm trách vậy, rồi Hồ Quốc Thanh chấp tay sau đít chậm rãi trở vào, lơ lảo mắt nhìn tứ cố. Trở vào phòng ngủ, trước tủ đứng, Hồ lại dùng bước đứng xem, nhìn trên ngó dưới giây phút rồi lại móc túi lấy xương chìa khóa ra lựa chìa mà mở. Mở rồi, Hồ kéo hoát hai cánh tủ, thấy những quần những áo của vợ móc đầy từ trên tới dưới, bèn vội lấy cái áo bông thêu của vợ thường hay bận, cầm lật qua trở lại mà sẫm soi trong ngoài cho mẫm nhãn rồi đưa lên mũi mà huởi hơi Hồ bắt tới cái mùi chần gối áp yêu, hương nồng phấn đượm rồi phút chúc động niềm, quặng nhớ đến tình căm sắc. Ôi! nỗi đau biết kể sao cho cùng! Bởi vậy Hồ mới đồ ngọc như chan! Hồ vừa khóc vừa than: "Minh ôi! Nỡ nào phụ nghĩa tào khang! Nào khi dận ngọc thể vàng bây giờ kim mã ngọc đàn với ai. Đành vong gia thất duyên hời!"

Dứt lời, Hồ ngó xuống thấy cái quả may, liền với tay bụng lấy. Dở ra xem, thấy những khăn hỉ mũi của vợ, lúc ở nhà một mình, quanh quẽ phòng không, nhớ chồng, ngồi mà rút từ cái khăn để dành cho chồng về dùng, không quản tới công khó nhọc. Thấy vậy, Hồ lại càng động niềm xót thương hơn nữa. Hồ vừa khóc vừa xốc xốc quả may, cầm từ cái khăn lên coi, mới hay trong một chục khăn của nàng rút cho chồng, có phân nửa, thêu danh hiệu của chồng là hai chữ "Quốc thanh"; còn có phân nửa sắp để ở dưới, lại thêu tên họ của "Tô Thường Hậu" là ai đâu lạ. Hồ Quốc Thanh không hiểu cứ đứng cầm mấy cái khăn, coi đi coi lại mãi, mà nghĩ nghĩ không ra; nên coi mà giận căm gan, đứng chết đĩnh, trong lòng, lửa tâm càng dập. Lúc bấy giờ, Hồ mới than: "Hèn chi!" Than rồi bao nhiêu lòng thương thán oán, nỗi nhớ hóa cừu: Hồ Quốc Thanh vội vàng đẹp quả may lại có nơi, rồi khóa tủ, ngồi mà nghĩ nghĩ xa gần, lo quanh tính quất. Hồ quyết chẳng dung tình! Hồ mới rút gương ngồi chờ; trong cho thấy mặt vợ đi chùa về tới đình, để bước vào phòng,

tức thì, Hồ ra tay tận sát. Lòng Hồ nhút định thế ấy, ai còn tưởng cho Hồ phu nhân còn đặng sống nữa chẳng? Hồ đã quyết chí rửa hờn, ai tưởng cho Hồ còn có chỗ thay lòng đổi dạ? Hồ phu nhân chết rồi! Làm gì Hồ phu nhân cũng lằm tay chồng mà thác rồi còn màng chi nữa!

Dè đâu khi Hồ phu nhân về tới dinh, để bước xuống kiệu, đi thẳng vào phòng, thấy chồng bộ mặt giận dữ, tay cầm gương hăm hở xóc ra, Hồ phu nhân liền chíp miệng cười duyên, xáp lại ôm chồng mà hun, rồi mon trớn hỏi: "Tướng công sao giận dữ?"

Hồ Quốc Thanh lúc mới xóc ra thấy vợ bước vào chíp miệng cười duyên, thì lòng hờn đã cỗi bớt nên tay cầm gương bủn rủn, cử động chẳng muốn lên; đến chừng tới gần, bị vợ ôm hun con quỷ giận với lão thần hờn trốn đi đâu mất hết! bỏ xác chàng lại đó tro tro như khúc cây; lặn lội giữa nguồn ân, nổi chìm nơi bể ái! Còn biết chi đến sự oán hờn! Đã vậy Hồ Quốc Thanh lại còn đổi giận làm vui, quên thù nhớ nghĩa, ôm lấy vợ mà hun hít nựng nịu và nói rằng:

– Ác tặc cho con Đào Anh với thằng Hồ Lãng nó dám làm điều bung mắt chim mà tư tình với nhau trong dinh; ta bắt đặng nên đã đuổi hết hai đứa nó rồi, mà lòng ta chưa nguôi giận; ta hãy còn muốn...

Hồ phu nhân nghe qua, liền choàng tay ôm chồng mà hun mà ngả ngón cười nói cùng chồng rằng:

– Thôi đi mình! Đuổi nó đi ra khỏi dinh rồi thì thôi, chém giết nó làm chi tội nghiệp. Bề nào nó cũng người ăn người ở của mình mà nó lại làm phận liễu bồ nhược chất, mình há nữ chẳng dung, mình sao cứ quen cái tánh thọc trời khuấy nước vậy hoài. Về dinh tư của mình, mà mình cũng tưởng như ra vào chốn ngàn tuồng thiên binh, nên với đờn bà con gái mình cũng nghiêm quân lệnh!.

Lời can giáng, tuy là tình cờ, mà là một lời rất thâm rất diệu, làm cho Hồ Quốc Thanh đau thấu ruột gan mà phải ăn năn việc mình toan tính. Bởi vậy, nghe chưa dứt lời, Hồ Quốc Thanh đã hạ gương, đổi giận làm vui, tỏ lòng dan díu đứng tro đôi mắt hữu tình mà nhìn lấy cái gương thu thủy treo bên mình, rồi ríu ríu đi theo vào phòng; ví chẳng khác voi cái dụ voi đực về chuồng xem thế

dị như phản chuồng. Ấy mới thật là: Anh hùng nang quá mỹ nhân quang đó! Tác giả lại bàn:

"Trách nào thánh hiền xưa đặt bày câu cách ngôn này để lại răn đời rằng:

*"Vô vô thiết tả năng lưu khách,
Sắc bất ba đào dị nịch nhân".*

Đời sau, ông Nguyễn Du đặt Kim Vân Kiều, mượn câu: Sắc bất ba đào ấy mà để lời rằng:

*"Lạ chi cái sắc khuynh thành,
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi".*

Ngoài ra, người đời lại còn mượn những tích anh hùng hào kiệt vong vì sắc lụy vì tình, đổ nước nghiêng thành, cơ đồ táng bại mà để lời ca điệu rằng:

*"Nét hồng nhan không thuốc mà mê,
Nước kia muốn chảy, thành này muốn long".*

Cho nên Hồ Quốc Thanh đang cơn nộ khí xung thiên, phải lúc lửa lòng hùng dậy, nghe vợ về tới, quyết xách guom ra rửa sạch hận tình, trừ loại dâm phụ, mà khi gặp mặt vợ rồi, thấy cái miệng cười như hoa nở, sắc tợ phù dung mà bủn rủn tay chơn, lửa tâm vội tắt, làm cho anh ta quên thù nhớ nghĩa, đổi giận làm vui, ríu ríu theo vợ vào phòng mà cọt phẩn cười son, vậy chẵn gối cho phỉ niệm ân ái. Lấy đấy mà suy, cái sắc mạnh thua gì sóng, cái tình sức thua gì gió; lại rằng cái tuồng mặt anh hùng như chiếc thuyền cây, thì sóng gió muốn nhận bao giờ lại không chìm không đắm. Ấy mới rõ rằng:

*"Nét quốc sắc tợ con sóng lượn,
Mặt anh hùng như chiếc thuyền cây"*

cho chó. Không những nó muốn nhận chìm bao giờ cũng dặng trôi, ngoài ra còn nhiều khi nó làm cho người say đắm nó, phải tối mắt, điên đầu điếc tai, cầm miệng mà phải lăm lức trong vào đau ruột, nói ra nghẹn lời. Bởi vậy Hồ Quốc Thanh khi ở nhà một mình mở tủ lục đồ, rồi lấy rổ may ra soạn, thấy vợ mình thêu tên "Tô Thường Hậu" trong nửa chục khăn, thì hiểu biết vợ mình tư tình cùng Tô Thường Hậu; nên giận lấy hờn ghen, thù thâm kết oán quyết ngồi

cầm guơm đợi vợ về mà giết cho tuyệt loài lang tâm cầu hạnh tham lục tiếc hồng dè dàu, đến chùng giáp mặt đôi đường, Hồ Quốc Thanh bị vợ hun có mấy cái mà dỗi dỗi ghét làm thương, lấy hòn làm nghĩa mà quên hết những nỗi oán thù, nên không đành cầm guơm sát hại người quốc sắc thiên hương thủy thần ngọc cốt ấy thôi; lại còn, Hồ Quốc Thanh, lúc bể lạng sóng êm, rã cuộc mây mưa đánh đổ rồi, muốn hỏi vợ coi Tô Thường Hậu đó là ai, mà dám trộm lĩnh rút khăn thêu chữ mà chẳng biết sao muốn hỏi hoài mà không hỏi được; làm như tuồng hờ môi luống thẹn thường ghen miệng nói không ra tiếng. Cứ ngồi trơ mắt đó nuốt nước miếng mà chịu, để mặc tình Hồ phu nhân, uốn éo dộng kèn, thấp cao hơi quẩy. Nghĩ thật cũng lạ đường!".

Có ấy nên, rồi ra, Hồ Quốc Thanh không làm chi động tới nàng đăng rửa hòn, nghĩ lại tức mình quá sức. Thật là tức ám ách cũng bắng lé cây; cho nên phút nào vắng mặt nàng thì anh ta dừng mảy, chắc lưỡi, trợn mắt, nghiêng răng, gằm hét một mình như con hùm ngầy; thệ quyết chẳng dung tánh mạng. Mà khi trông thấy nàng vào, chíp miệng cười duyên, thì thôi chàng ngồi... làng nước ôi, ngần ngơ như ốc mượn hồn, ngắt ngưỡng tợ hình cây tượng gỗ!

Rốt cuộc Hồ Quốc Thanh nghĩ biết cái sắc của nàng rất mạnh, khó nổi mà báo oán trả thù; có họa là trở mặt xây lung, thì mới mong hạ thủ; chỉ như đối diện với nàng, tưởng chắc dầu cho sắt đá thấy mặt nàng cũng còn phải động dung thay, chẳng lựa là loài người, có đủ gan, đủ ruột, đủ thịt, đủ xương, lý nào thấy cái nét xuân sang mà chẳng động tình ái sắc. Ấy vậy, muốn giết cho đăng nàng, trước là rửa hận tình, sau nữa trừ loài dâm phụ, thì phải đợi lúc nàng mê giấc, thì họa may. Vả lại từ đây cho đến giờ đi ngủ, thì cũng, còn bao lâu; vậy thì từ đây cho đến khi dùng bữa cơm chiều, giữ chừng lộ sắc bất bình ngoài mặt; mà mình lại phải cười tỉnh nói say, giả tình dạn dĩ cho nàng không nghi, mới đăng cho.

Tối lại khi dùng bữa xong và trước khi đi nghỉ, Hồ phu nhân lại mời chồng cùng nhau ra vườn, trước là thưởng nguyệt xem huê, sau là mượn chén làm vui, ngư thủy, nhứt tràng, bỏ lúc thâm thương xa lờ khuất mắt. Hồ phu nhân trăn cho thế nữ dọn tiệc tại huê viên, rồi thỉnh chồng cùng mình ra đó. Muốn cho đăng toại lòng

chồng và tỏ tình khẩn khít mà giấu nhem nỗi riêng của mình, Hồ phu nhân bày biết bao là cuộc vui:

*"Lúc chén rượu lúc cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên".*

Gắm trong những cuộc truy hoan như vậy đây, phải chi vợ chồng. Hồ như vợ chồng người ta, ý hiệp tâm đầu đẹp phận giai nhân tài tử, thì thôi, vui mừng biết lấy chi cân; bởi vợ chồng Hồ, ngoài xem đường đồng thanh đồng khí, mà trong xét không thật dạ thật lòng; cả hai đều giả hình mà đối đãi nhau, nên trong cái tình dan díu có hơi lợt lạt. Thật, Hồ Quốc Thanh không vui. Bởi muốn giấu nhem sự mình để chờ cơ hội thi hành kế độc; chớ Hồ, không những không vui, mà lòng càng nhớ càng xốn xang, càng trông càng đau đớn; ví chẳng khác Hồ bị một mũi tên thuốc ở đâu bay tới ghim vào gan phổi vậy. Biết vậy mà Hồ cũng nghĩ hết; nếu Hồ mà không bề ngoài lợt lạt nói cười cho qua, thì làm sao mà giấu nhem bề trong nham hiểm; cho nên, ép ăn thì hay ăn, ép uống thì uống, Hồ cứ việc:

*"Tẩy trần vui chén thông dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra".*

Hồ cứ việc dằn lòng đừng quên, nhứt nguyện giết hết lũ dâm phụ gian phu rửa hận tình cho sạch.

Vợ chồng cùng nhau ngồi mượn chén chuyện trò cho đến khi trăng lên, ánh dọi sáng vườn, trăm hoa đua nở. Lúc bấy giờ cảnh quanh yêm diêm, trước sau vắng tiếng; Hồ ngó quanh quẩn không thấy ai khác hơn là vợ với chồng ngồi núp bóng trăng thanh, giả đàm canh vắng; mà Hồ xem đường tình yêu trước mắt, cừu hận sau lưng; Hồ sực nhớ đến nỗi mình, lòng lại dục thúc, chẳng cần phải đợi chờ cơn mê giấc. Trong cơn mong tính vậy, Hồ lại nghe vãn vãn bên tai, dường có tiếng ai biểu Hồ: "Gặp cơ hội này sao chưa ra tay, còn muốn đợi chờ tới cơ hội nào đâu nữa?" Hồ nghe dứt lấy làm sự phải, vừa muốn chồm vờn đứng dậy lấy làm sự phải mà chưa kịp thì đã nghe có tiếng Hồ phu nhân kêu, Hồ giật mình ngó lại. Thấy Hồ phu nhân đứng trước mặt mình mà ngó trân và cười nói: "Hoa bữa nay nở rộ đầu vườn, mình với tôi rảo bước xem chơi, rõ là một cuộc trăng huê cảnh tình cả đẹp". Hồ nghe qua, cười đáp với vợ mà chẳng mở lời, cứ ngồi trơ mắt nhìn mặt Hồ phu nhân, trong lúc ánh

trắng sáng dọi sáng ngời, nhìn vẻ đẹp mà mê mẩn dạ! rõ ràng trong như ngọc trắng như ngà, hoa nào không nhường, trăng nào không thẹn. đã vậy Hồ phu nhân còn lại gần ôm chồng hun rồi ngã ngón kéo chồng đứng dậy. Hồ bèn phủi động tấm tình mà ngẩn ngơ ngơ, quên phứt cái tiếng vắn vắn bên tai hồi nãy kia, song Hồ chẳng nguôi hờn, nên tiếng cười nói nghe cay nghiệt. Mà Hồ phu nhân có thấu nổi đâu! Bị ý mình đặng chồng yêu, lại tưởng cái tình dan díu bề ngoài đây kín nổi riêng khép mở, nên Hồ phu nhân không dè chồng sâu sắc nước đời.

Vợ chồng dắt nhau đi thưởng huê, đi từ đầu này tới cuối kia, vào nhiều chỗ quanh quanh lộn lộn. Tới một chỗ, Hồ sực nhớ lại tiếng văng vẳng bên tai biểu Hồ khi nãy kia, Hồ muốn ra tay bẻ họng. Hay đâu Hồ chưa kịp ra tay, đã thấy Hồ phu nhân xây mặt lại kêu Hồ mà nói:

– Nay mình, chỗ này đây tôi biểu trông tình những hoa tường vi, không có một thứ bông gì khác. Nay nó cũng đua nở chật nhành mùi thơ bát ngát; mình với tôi cũng nên ngừng lại đây giây phút xem chơi.

Đồng đánh rồi lại cười mỉm chi với Hồ, rồi cầm lấy tay Hồ mà dắc; làm cho Hồ ngẩn ngơ mà phải chịu lòng, Hồ vừa đi vừa lắc đầu mà thầm nghĩ: "Nét quốc sắc mạnh mẽ dị thường, làm cho người dầu cù hận cách nào, càng trông mặt càng ngẩn ngơ, không đành lòng sát hại. Muốn giết cho chết cái nét hồng nhan thì phải nhắm mắt xây lung hay là làm cách nào cho đừng thấy tới cái mảnh gương trong thì họa may giết đặng". Thầm nghĩ vậy rồi bỏ qua, để cùng nàng thưởng hoa, tỏ tình hân hỉ. Hồ phu nhân lấy làm vui mừng khôn cùng; bởi vậy nàng ngửi hoa này nhìn hoa kia, chỉ bông cao, rờ bông thấp. Nàng còn lựa những hoa mới nở, hương đang nồng, sắc đang đượm, đem đưa tặng mũi cho chồng ngửi mà đồng đánh với chồng. Giây phút, nàng chợt thấy trên chót một nhánh cao, có một chùm hoa mới nở còn đương tươi tốt, nàng kêu Hồ mà chỉ và xin bẻ giùm, Hồ nói: "Nhánh ấy vượt cao, dễ gì mà bẻ! Mình biết tường vi có gai, nếu muốn bẻ cho đặng chùm hoa ấy cho mình, thì chẳng khỏi bị trầy tay xể mặt. Vả lại gai nó quàu cũng đau thấu ruột gan vậy chứ chẳng phải chơi!"

Nghe lời Hồ phu nhân ngó mặt chồng mà mỉm cười xét kỹ, trong vẻ cười ấy có hơi kiêu ngạo. Hồ Quốc Thanh thấy vậy bất bình, lộ sắc chẳng vui, lấy lời gạn hỏi Hồ phu nhân liền đáp:

– Tôi nghe mình đem sự thường tình lẽ hằng thiên hạ mà nói với tôi, tôi tức cười chớ có gì.

Hồ Quốc Thanh:

– Chi mà gọi là lẽ hằng thiên hạ?

Hồ phu nhân:

– Thì lời mình nói với tôi đó là lẽ hằng thiên hạ chớ có chi khác hơn. Tôi vốn biết tường vi có gai, muốn bẻ đặng bông thế nào cũng bị xẻ tay rách mặt; nhưng tôi nghĩ cho mình xót nghĩa tóc tơ, nặng tình vàng đá, mình vì tôi mà quên sự đau đớn nhỏ mọn ấy đi; nên tôi mới gởi xin mình bẻ giùm cho tôi; đề đâu, mình lại đem điều tôi sẵn biết để làm cớ nói với tôi mà chối từ, tôi há chẳng buồn cười cho chẳng? Vả lại tường vi thường có gai nhọn, ai vườn mang lấy nó thì nó quàu rách thịt xẻ da; nhưng vì cái hoa tường vi, có hương thơm có sắc đượm; người mà mũi ngửi còn biết thơm, mắt xem còn biết đẹp, thì ai lại chẳng yêu chẳng chuộng nó mà tìm bẻ để chơi, chẳng kể những sự đau đớn xốn xang nhỏ mọn. Chỉ như hoa thúi địch, nếu dây nó mà có gai, thì ai lại chịu đau, tìm bẻ chi cho uống. Cớ ấy nên những hoa, nhụy thơm cánh đẹp, thì nhánh thường có gai, muốn đặng mũi ngửi hương nồng, mắt xem sắc đượm, thì chớ nệ xẻ tay rách thịt!".

Hồ Quốc Thanh nghe dứt thắm ngấm gặt đầu rồi bỏ qua, không một lời nói lại: bèn mượn cớ buồn ngủ mà ép biểu Hồ phu nhân trở vào. Vào phòng Hồ Quốc Thanh nằm xét nỗi mình mà dạ luống bần hoàn đêm trăng chẳng ngủ; năm canh thức đủ thất thểu ra vào nghĩ tức mình chẳng biết liệu sao, trả cho đặng oán nhà cho thỏa. Đang cơn suy nghĩ, Hồ lại chạnh nhớ lời vợ mới nói ngoài vườn hoa khi nãy kia, lời nó tuy chẳng phải là ót tiêu gì, mà thấu hiểu càng cay nghiệt lắm. Chẳng biết vợ mình có để ý nói hơi xa gần chi với mình chẳng, chớ lời nó nói đó nghe ra dường nó buộc những tay nam nhi chi chí, phải rộng lượng hải hà, hễ muốn chơi hoa, phải chịu xẻ da rách thịt; cũng như nó buộc mình muốn đặng một người vợ quốc sắc thiên hương như nó mà kết tóc đến già, một nhà vinh hiển, thì phải

chịu đau đớn tấm lòng, xốn xang gan tất về những sự tệ tình của nó làm; dầu cho nó có ham vui lỗ đại, tham ván bán thuyền đi nữa, cũng phải cam ngậm đắng trou cay, mưa chó nếm mật nằm gai, cùng là than dài thở vắn. Sau đau đớn chút đỉnh kể là đều nhỏ mọn, chẳng nên nề cố làm gì.

Xét cặn lẽ, theo như đời ni, lời tử húng của nó đó nghe ra cũng phải; song kể là chuyện nhỏ mọn mà bỏ qua là chuyện tội lỗi gì về việc trong gia đình kia; chi như nó mà phụ nghĩa tóc tơ, thay lòng đổi dạ, dám làm đến đều nép bóng vườn dâu, tư tình với kè, thì há gọi cho là đều nhỏ mọn mà bỏ qua cho nó sao? Không! Không! Tội lỗi chi thì ta đành tha, chứ như tội thất tiết với chồng là tội lớn của đờn bà, lẽ nào ta tha dặng! Không! Không! Làm gì ta cũng chẳng dung tha. Làm gì ta cũng phải xử phạt mi. Mà ta lại chẳng lấy luật chồng mà xử mi cho có hạng lệ. Ta không lấy hình phạt chồng mà phạt mi chi có chừng đối. Ta quyết lấy luật riêng của ta là luật theo lương tâm của ta mà xử mi và lấy hình phạt riêng của ta mà trừng tội mi, làm gương treo để về sau cho đoàn phụ nữ lang tâm cầu hạnh biết rằng tội gái bội phu chẳng kém gì tội trai phản quốc. Nếu giáp mặt nhau ta giết mi không dặng, nghĩa là mi trông thấy ta, ta trông thấy mi, cặp con mắt hữu tình của ta nó dục tắt ngọn lửa lòng của ta đi, nó lại còn làm cho ta xót tình cảm nghĩa mà thương mà tiếc mi, không nhẫn tâm hạ thủ, thì ta nguyện nhắm mắt xay lung mà vót trái mi, không thì ta đợi lúc thâm canh mi ngủ mê, ta cầm guơm vào mà sát hại mi cho rồi một kiếp. Để làm gì thứ gái bội phu! Dung dưỡng chi loài ác phụ! Nếu ta còn thương tiếc cái nét hồng nhan của mi, nhắm mắt bỏ qua, để mà áp yêu chẵn gối với mi, thì làm gì ngày sau ta cũng chẳng thoát khỏi cái tay tối độc của mi giết ta một cách rất nên tàn nhẫn. Không lý rõ biết câu: Vật vi sản khẩu chông vi bệnh, nữ sắc hồng nhan tiện sát thân, mà ta còn đợi cho đến ngày ta bị tay mi hại ta mà ăn năn không kịp.

Ừ, ta đã nuốt nguyện giết mi mà rửa cái hận tình, thì không lý nào ta dung chế cho mi dặng nữa. Làm gì ta cũng phải giết mi. Từ đây tới sáng ta còn đủ giờ mà giết mi, không lý đêm năm canh mi thức đủ năm không một phút nào mi nhắm mắt. Hễ ta nghe mi ngáy thì ta mau đưa hồn mi về âm kiểng liền".

Hồ Quốc Thanh thâm toan trộm tính vừa tới đây, bỗng thấy phu nhân ở ngoài bước vô, tro mắt ngó chồng, mặt mày ủ dột, rồi thẳng tới ôm chồng, mà nói hơi đồng đành với chồng rằng:

– Minh ôi! Tôi buồn ngủ quá đi mình; mình đi nghỉ cho tôi nghỉ với.

Ác nghiệp cho Hồ Quốc Thanh, vắng mặt vợ thì gằm thì hét nguyền rủa trộm mắt, giận đuổi quá chừng tính mưu này, toán kế kia, hăm bê kia, dọa nõi nọ, mà hể mắt thấy cái mặt phù dung, tay sờ nhằm ngọc cốt rồi, thì trong lòng đã khắp khởi mải mê mà quên hết oán hờn; Bởi vậy khi nghe vợ biểu "mình đi ngủ cho tôi ngủ với" tức thì Hồ riu riu ước lại giường lên nằm vui vẻ. Đã vậy lại còn ôm mà hun hít nâng niu một cách nồng mặn phi thường.

Cùng nhau chuyện trò không mấy phút, Hồ Quốc Thanh vì việc binh đao, xông tên đột pháo, sức đã mỏi mê, nên chẳng nằm thì chớ, hể nằm xuống thì đôi mắt mở chẳng lên, bộ lim dim muốn ngủ; nhưng mà nằm một bên cái vóc ngọc mình ngà, mặt hoa mày liễu, dầu là lòng sắt đá đi nữa, chẳng biết chút tình gì mà bị lượng sóng tình nó dôi dập, còn phải xiêu mà bày chiu lả loi thay; hướng chi lòng người, cũng ruột cũng gan lại thêm mang mền khối tình triêu triệu, thì lý nào nằm gần một bên:

*"Hải đường môn môn nhành to,
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng".*

Mà chẳng động thừa tình sắc giục. Có ấy nên mê mệ mấy thì mê mệ Hồ cũng ráng rút móc tai và lông nhím của vợ mà chống đôi mí con mắt lên; dặng gượng thức mà:

*"Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nồng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng dặng chẳng!".*

Còn Hồ phu nhân, tuy chẳng phá lũy đập thành vào sanh ra tử như chồng vậy chớ phải biết cho nàng đi chùa Bảo Anh mới về tới nhà trong lúc xế qua; lại thêm chồng đi chinh chiến mới về, nàng mảng có lo khi rượu sớm khi cò trưa mà mỏi mê, nên chẳng đặt lưng xuống nệm thì chớ, hể đặt lưng nằm xuống chưa đầy phút thì đã mơ mộng Huỳnh lương giấc say Hồ điệp; làm cho Hồ Quốc Thanh ngẩn ngơ, mới thấy đó, bỗng nghe ngáy đó!

Một mình buồn, Hồ Quốc Thanh nằm lẳng qua lẳng lại giây phút rồi day lại nhìn mặt Hồ phu nhân; thật là mặt nhìn mặt càng thêm tươi, nên Hồ cứ ngồi chằm chỗ ngó mà lắc đầu cũng dường tiếc cho cái sắc, giá đáng trên mây trong nguyệt. Nằm mà nhìn ngó như vậy một hồi, ôm mấy đoạn tình trộm yêu thầm ái, bỗng không Hồ Quốc Thanh sực nhớ lại câu chuyện Hồ phu nhân bạc tình, khiến mình nguyện trả hờn rửa hận, thì Hồ Quốc Thanh, máu ghen khun dần, lửa tâm hùng dậy, vực chối dậy ngồi mà nhìn ngó cái gương mặt nét mày của Hồ phu nhân lại nữa. Thì cũng ngồi mà ngó sững nhìn trân, như này giờ đây, song chẳng phải nhìn mà thương ngó mà tiếc vậy nữa; duy nhìn mà giận, ngó mà hờn, khiến lòng Hồ, tiếc bao nhiêu hận cũng bấy nhiêu; bao nhiêu ái ân hờn đủ bấy nhiêu thù oán. Lúc bấy giờ, Hồ lại nhớ cái tiếng vắn vắn bên tai xuôi Hồ khi còn ở ngoài Huê viên, nhưng bởi ngó mặt nàng mà giết nàng không đành, nên Hồ có liệu kế, chờ lúc nàng giấc mê, sẽ ra tay tận sát.

Nhớ tới đây, Hồ thầm nói: "Thì bấy giờ cơ hội đã đến cho ta rửa hờn rồi, còn chi ngần ngại!" Thầm nói vậy rồi Hồ liền để bước xuống giường, đi rút lưỡi guom cầm tay trở lại; Hồ đứng dựa đầu nằm, chon dưới chon trên, mặt đỏ phùng phùng như lửa. Hồ dững mày trợn mắt, lườm ngó Hồ phu nhân, ví như cọp nọ gặp mèo, mèo kia rình chuột. Hồ bèn hai tay cầm guom, hươi lên quyết lòng chém xuống, dạ chẳng còn chút gì hoài ân tiếc nghĩa mới cái mảnh đào yêu đang nằm nghiêng kia, xây mặt vô vách, còn mê giấc mộng, không hay. Thôi rồi còn chi là Hồ phu nhân! Thảm thay cho chút phận mong manh, tấm thân nhược chất, cái chết đã kề với lưỡi guom trong tay người tình chồng mà không đề, cứ việc nằm yên, giấc mộng những còn mơ tình tưởng nghĩa.

May đâu, lúc Hồ Quốc Thanh vừa dợm xuống tay, Hồ phu nhân lại tựa mình day trở qua, mắt thì nhắm tay lại rờ, còn miệng thì nói: "Mình ôi! Mình đâu? Chùng này sao mình còn làm gì, chưa ngủ?"

Hồ Quốc Thanh thấy mặt vợ lòng đã bất nhẫn, Phũ động tâm tình, lại nghe mấy lời của vợ miệng thì hỏi, tay thì mần mò rờ kiếm, thì Hồ lại càng động niềm tơ tóc, xót nghĩa gối chăn mà bủn rủn chon tay, mắt tuông giọt lệ. Bèn ném guom xuống ghế rồi vói tay ôm vợ mà hun; thương hóa ghét, ghét đổi lại làm thương; nghĩa hóa

thù, thù chưa trả, thù trở ra làm nghĩa. Nghĩ cũng đáng nực cười cho mối nợ ba sinh, trái oan sao khép!

Ôm vợ mà hun hít nựng nịu một hồi cho thỏa tình ân ái, rồi vợ chồng nằm đầu lưng nhau, và ngủ. Ngờ đang nghĩ an giấc điệp, hay đâu tắc dạ luống bồi hồi nên nằm thao thức hoài dường có ăn năn trách mình sao nhẹ tánh; hận tình này bao thuở trả xong. Con bấy chừ Hồ nằm thức chưa phải là thức, ngủ cũng chẳng ra ngủ, Hồ cứ nằm trần trọc canh chầy, xốn xang gan tắc, vì một lẽ đôi đành hơn thiệt khó tư lương. Hồ thật là khổ tâm, chẳng biết sao liệu lượng; giết thì cũng muốn giết mà rửa hờn, mà lòng luống tiếc hoài mảy liễu mặt hoa, không đành nhẫn tâm sát hại. Còn đang tán thối lưỡng nang, Hồ xảy nghe bên tai có tiếng vắn vắn, nói với Hồ: "Hội này người bỏ qua, còn có hội nào người mong giết đằng. Nó đang mê giấc đó, sao không lấy gươm mà giết nó đi cho rồi; còn ân nghĩa gì mà thương tiếc. Thứ loài dâm phụ dẫu có phân thây trăm đoạn, xẻ thịt muôn phần đi nữa, cũng chưa vừa thừa tội". Nghe lời, Hồ Quốc Thanh xây qua ngó vợ, thấy vợ nằm xây mặt vô vách mừng, Hồ bèn chỗi dậy, vói tay nghe ghé rút lấy lưỡi gươm rồi day lại ngồi cách "chơn chống chơn quỳ" nhìn mặt vợ.

Hồ Quốc Thanh cấp gươm thủ thế ngồi nhìn mặt vợ như vậy đây, thì ai trông vào lại chẳng biết, nghe đến lại chẳng hay rằng phen ni Hồ quyết chẳng dung tánh mạng, làm gì Hồ cũng giết vợ mà rửa hờn: song chớ lầm tưởng Hồ không xót nghĩa ấp yêu, niệm tình chăn gối mà làm ra nông nổi ấy. Thật thì lòng Hồ thương vợ ít ai bằng. Nhưng bởi khi Hồ nằm một mình xét đến nỗi niềm, chạnh nhớ sự vợ mình ở bạc, là lúc máu ghen sục sục, lửa tâm càng dập càng nồng, Hồ lại nghe có tiếng vắn vắn bên tai xúi Hồ gặp cơ hội chớ bỏ qua mà uống. Vả lại đang lúc Hồ giận lấy hờn ghen mà có kẻ đốc sử như thế, nghĩ ra có khác nào lửa đang cháy, lại chế dầu thêm, thì lẽ cố nhiên, lòng giận càng dồi, dạ hờn càng dập, Hồ còn hoài ân tiếc nghĩa gì mà chẳng thê sát thê. đã vậy khi Hồ cấp gươm thủ thế ngồi mà nhìn mặt vợ, Hồ lại còn nghe có tiếng vắn vắn bên tai giục, Hồ mà rằng: "Hãy xuống đao cho rồi đi, có ta đây ta nguyện ra tay giúp sức. Có sao người còn ngần ngại nỗi gì. Bất quá người giết nó rồi người đem thây mà bỏ dưới ao sen như thây con Đào Anh kia, ai biết đằng mà e lậ sự. Vả lại người là tay nâng thành

đỡ vạc, ruồng cột nước nhà, người không đủ quyền mà xử một con ác phụ như vậy sao; ai dám làm tội người mà người sợ? Người hãy hạ thủ đi cho rồi, dung chi loài dân phụ". Hồ nghe dứt càng tức càng giận hơn nữa, bèn cầm gươm đưa lên vừa muốn chém xuống. Hồ lại nghe tai bên kia, có tiếng vẫn vẫn, dường có ai nói với Hồ: "Đừng, đừng, đừng, có nghe lời kẻ bất lương mà nhẫn tâm sát hại! Uổng lắm nà! Lẽ nào người chẳng rõ câu: Thiên hạ chi hữu lưu giữ ái hữu chi nhơn, sao, mà của báu trời dành để cho người nữ nào người đem bỏ. Người tưởng dễ mà tìm của báu vậy lắm sao? Người có nói vợ người trong lúc chiếc bóng cô phòng, ác đại ngoại tình với kẻ, thì bất quá như một cục ngọc có chút tì vậy chớ hại gì lắm sao, mà người quyết chết? Người xét coi đời mấy ai lựa ngọc đặng vẹn toàn. Ta e cho người giết bỏ đi rồi, sau người ăn năn không kịp lắm chớ! Ta lại còn e cho người sau người tìm không ra thứ trong giá trắng ngân, túng rồi người phải chịu dùng ngọc đầy vích tích.

Đừng, đừng, đừng, có nghe lời kẻ bất lương mà nhẫn độc thương; uổng lắm mà! Sắc nước hương trời đời ít khi mà có!"

Nghe lời như mở tắc lòng, Hồ ngừng tay cầm gươm nửa lòng đó mà ngó mặt Hồ phu nhân, ngồi đó mà ngẩn ngơ, lúng đủng lơ như người trong mộng. Ngó sững nhìn trên cái vẻ phi phạm bất tục một hồi rồi ngồi mà chất lưỡi lắc đầu; vùng sa nước mắt! Đang con đau đớn như vậy, Hồ lại nghe phía tai bên nọ có tiếng nói: "Chuyện gì mà khóc? Người mắng có tánh yếu đuối như vậy hèn gì đòn bà nó không khi sao đặng, nói vậy hể sợ giết bỏ đi rồi kiếm lại không đặng, nên phải chịu để cho nó muốn làm ngang nào đặng ngang nấy vậy sao? Trong đạo tòng phu, đòn bà con gái phải lấy tiết trinh mà trao mình cho vẹn; nên phận đòn bà, có tội chi trọng cho bằng thất tiết với chồng; nếu muốn bỏ lên cân cân thử mà coi; thì cái tội đòn bà thất tiết có kém gì trai phản quốc. Dầu có đem nó mà xử bá đao đi nửa găm cũng chẳng vừa mà! Huống chi người muốn xử êm trong phòng cho khỏi tiếng đời dị nghị, thì có chi gọi quá mà có chỗ ăn năn? Người phải biết câu sắc bất ba đào, từ xưa đến đã mấy mặt anh hào phải lụy. Nếu vợ người đã ngoại tình, tư thông với kẻ, người còn tiếc cái sắc đẹp của nó mà dung chế cho nó, thì ngày sau làm gì người cũng phải chết về tay nó mà di xú bách niên. Chùng ấy người mới có chỗ ăn năn mà ăn năn không kịp đó;

chớ như người giết nó về tội trặc nết thì có chi oan ức mà phải có ăn năn?"

Nghe qua, Hồ lấy làm phải, muốn nghe theo mà xuống đao, song còn bị lương tâm bên kia trì kéo, nên còn dửng dăng không nỡ, bỗng không Hồ phụ nhân của mình, lần qua, ôm lấy chơn của chồng mà hun; hun tro hun trất rồi lại nói:

"Mình ôi! Mình đừng khi nào phụ tôi; xin mình đến bao giờ cũng xót chút thân mỏng manh, chớ che giấu thân Cúc!"

Hồ gan dạ nào mà không phải động tâm tình, tay chơn bủn rủn; lòng nào còn mong giết vợ cho đành.

Té ra Hồ Quốc Thanh đã hai phen cầm gươm giết vợ, mà bị thấy mặt hồng nhan mà đắm sắc, nghe lời thanh nhã mà say tình rồi phải ném gươm không nhẫn tâm tàn hại. đã vậy, Hồ lại còn giả quên mà bỏ đẹp những sự tội tình của vợ mình làm, cứ việc đầu ấp tay gối hân hỉ sự duyên như thường, để chông gối trướng trung tới sáng.

Sáng ngày, Hồ Quốc Thanh dậy lo việc bình gia và tiếp đãi những khách quan tới viếng. Còn Hồ phụ nhân, tuy nhà có đủ tó trai tó gái, khỏi lo miếng uống, miếng ăn; thật, nàng cũng cứ thông thả hơn chồng, cứ ngồi một chỗ mà sai trai, khiến gái. Nàng khỏi lo hết lo còn gì. Nhưng bởi băng khuâng nhớ cảnh nhớ người, nhớ nơi kỳ ngộ nên nàng khoan khoái tắc lòng lo sợ cho Tô Thường Hậu. Bởi vậy Hồ phụ nhân mặt tươi mà lòng héo, miệng nói cười mà ruột thất gan teo; lo là lo cho Tô ăn ở chẳng an, sợ là sợ Hồ mà rõ đặng cơ gian, thì ắt Tô Thường Hậu với nàng không toàn tánh mạng. Biết lo sợ vậy nên từ đấy, Hồ phụ nhân, không những giả hình giả dạng, theo dan díu với chồng để tỏ tình vẻ mặn nết yêu mãi thôi, Hồ phụ nhân còn rộng lượng với tôi đòi, cho nó thương mà giấu nhẹm thừa mồi mối lang chạ.

Tới bữa cơm trưa, vợ chồng ngồi ăn vui chuyện nói cười chén thù chén tạc với nhau cho đến khi gần xong bữa không có điều gì xạo dợt, thành linh Hồ Quốc Thanh ngồi nhìn sững ngó trên mặt vợ một hồi, thấy Hồ phụ nhân cười nói như chơi, má đào ửng đỏ, Hồ bèn sực nhớ đến điều ông bướm lả lơi mà tưởng tượng trong trí rằng trong cái cuộc chông tình lạng lẽ này, lúc mình không có ở nhà, cũng thường có kẻ lộn vào, ngả ngón vui sa. Hồ phát giận nổi ghen;

sông Hồ cũng dần lòng, không dám nói ra, cứ bung kín miệng bình, nên nổi ám ức trong lòng, chua xót tợ triêu cay ngậm đắng. Hồ cũng ngó cái bàn, cái ghế ngồi ngang nhau, với đôi đĩa cái ly để ngang nhau, Hồ càng nhớ khi mình mới về nghĩ lại tức mình ám ách. Hồ thầm nghĩ: đã mấy phen muốn giết nó mà giết hoài không được, là tại nơi mình mặng nhìn gương mặt nét mày mà không đành dạ; nay mình giân quyết việc sát tha, mà nếu mình chẳng toan mưu nào cao, kế nào giỏi, cho khác hơn, thì e ra vô ích, đi lại cũng giết nó không được vậy hoài, há chẳng buồn thẹn làm sao. Vả lại những mấy khi nhìn sắc xem gương động tình không nổi, mình có nói, muốn giết nó thì phải nhắm mắt xây lung hoặc toan kế nào cho đừng thấy mặt nó thì họa may; vậy nay, mình toan kế nào cho hay, giết nó mà đừng cho thấy mặt. Thoảng lại mình phải dụng cách nào giết nó mà không thấy mặt? nghĩ hễ muốn cầm gươm chém xuống thì có lý nào trở mặt xây lung; bề nào cũng mở mắt ngó chừng; mà hễ ngó thì thấy tránh sao cho khỏi. Vậy mình dùng gươm mà giết nó có được chăng?

Nghĩ tới đây, Hồ thầm hỏi lấy mình như vậy rồi mỉm cười, dường như mặng tìm được kế hay; tức thì Hồ buông đĩa, đứng dậy bước ra tráng miệng. Chừng uống nước rồi; Hồ lại nằm trên ghế dài, hút thuốc phì phà nghĩ nghị việc mình thêm nữa. Hồ trộm tính: "Muốn chẳng dùng gươm mà giết nó gẫm có khó chi. Tra một liều thuốc độc cho nó uống, tự nhiên xong việc. Mình khỏi cầm gươm chém xuống mà e thấy mặt không đành, rồi ra công uống. Mình thừa lúc vợ chồng vui say với nhau, mình tra độc được vào ly rượu của nó, rồi giả ý chén tạc chén thù, thì nó chạy đâu cho khỏi. Dầu mình có yếu tánh làm lỡ rồi xét thương muốn gỡ, thì gỡ cũng không nổi được. Làm gì nó cũng mạng vong".

Tính tới đây, Hồ lại ngần ngừ dường như còn tiếc; nên ngần ngừ giây lâu rồi Hồ lại nói:

"Tiếc làm gì nà! Thứ đồ đâm phụ bội phụ, giết phút nó cho rồi một kiếp!"

Quyết vậy rồi, Hồ dẹp lại một bên đứng dậy đi tới đi lui, đi ra đi vào, cùng vợ nói cười vui vẻ. Hồ phu nhân đâu có thấu nỗi niềm! Giấu nhem tội mình, lầm tưởng chồng thương, chồng yêu như thường,

nên cứ theo đồng đánh với chồng, cạ về kề vai, đứng ngồi ngả ngớn. Nào dè chồng sâu độc trong lòng, xét biết nỗi mình, mua ngày mà ở. Nào ngờ mình phải chết về tay chồng!

Giây phút, vợ chồng đem nhau vào phòng cùng nhau gối chung đầu an giấc.

Hồ phu nhân nào rõ thấu lòng chồng!

Bởi Hồ phu nhân không thấu nỗi lòng chồng hòng biết dạng khúc sâu khúc cạn, nên cứ lầm tưởng chồng mình thật dạ tóc tơ, nặng tình vàng đá mãi ru. Lầm tưởng tác lòng của chồng là một cái bể thương, ngàn thuốc mênh mông, không thể nào dò rún; lại như cái bể thương ấy chẳng khác chi hơn là lượng sóng tình, bấy lâu nó đã làm cho chồng mình mê vì sắc trọng vì tài, mà phải chịu ngày đêm dập giả; chớ nàng có dè đâu bể ái cạn giòng, nguồn ân lấp mạch; khiến nổi, tình yêu thành oán, dạ mển hóa thù; quyết một lòng giết gái bội phu, để răn lũ gian phu dâm phụ. Vì không thấu cơ gian, lầm tưởng tình chồng nghĩa vợ, Hồ phu nhân mới dám sớm những tối đắm say chần gối, ngày lẫn đêm nồng mặn ái ân: cho nên nàng an lòng nằm mà mơ mộng Huỳnh Lương, nào biết cái chết đã hầu kề, đứng đợi mà rước hồn nàng về quê cũ, nghĩ cũng đáng tiếc cho một cái mảnh thiên hương, không gặp con đông gió bão bùng mà phải cam lấy phận gãy nhánh lìa cội!

Ngờ cho Hồ Quốc Thanh khi nóng còn có khi nguội, lúc giận còn có lúc thương, nên tuy tính kế độc thì tính, toan mưu sâu thì toan vậy thôi chớ làm gì rồi cũng bỏ qua; chớ người đời không ai yêu hoa, mà nhẫn tâm đưa tay ra làm đến đổi vùi hoa dập liễu. Dè đâu Hồ Quốc Thanh nhẫn tâm, không xót phận yếm mang quân vận; chàng toan mưu cầm gươm giết vợ không được rồi quyết tra độc được; nên chàng từ xong bữa sớm dẫn cho tới buổi tối, cứ theo gạt Hồ phu nhân giả ý:

*"Bề ngoài lọt lọt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao!"*

Chàng mới bỏ thuốc độc vào rượu, để riêng một nhạo, chờ tới bữa cơm tối, chàng lấy tình phu nghĩa phụ mà ép uống Hồ phu nhân cho quá chén lở say, không cũng có hơi xoàn xoàn đi rồi, chàng sẽ rót ra một ly rượu hồng mà mời ép nàng, dùng lấy một là rượu tắt

lửa lòng hai nữa rửa sạch bụi trần, Phủi rồi sự thế! Vậy mà Hồ phu nhân, thăm thay, tin chồng nào dè mắc phải tay chồng!

Bởi vậy khi hai vợ chồng dùng bữa tối, Hồ Quốc Thanh cứ theo ép vợ chén tạc chén thù, cứ lấy nể giặc đã dẹp yên, nay trong tỉnh bốn phang đều phẳng lặng; vợ chồng há chẳng, thừa lấy đêm thanh, cảnh vắng tình dài, cất chén giao hoan bỏ lúc vợ thì chiếc bóng cô phòng, chồng luống chịu nằm sương gối vác. Hồ phu nhân tin lòng chồng chẳng dám chối từ, nên nổi lờ say về quá chén.

Bấy giờ Hồ Quốc Thanh mới tráo nhạo thuốc độc vào, mà dẹp nhạo rượu đào ra; rồi chàng rót một ly đầy, tay cầm lấy mà trao cho vợ. Hồ phu nhân biết đã quá say mà từ chối mãi không qua, bị Hồ Quốc Thanh cứ theo lấy nghĩa vợ chồng mà ép nàng chén tạc chén thù, cho sự duyên hân hỉ. Nghe lời, Hồ phu nhân còn dám chối từ nửa sao. Vả lại nãy giờ, nàng đã tin đã vì bụng chồng mà uống hơn năm bảy ly rồi, không sao; không lý còn một ly này, chồng đã ép uống hết lời, mà nàng không nở không vâng lãnh, Hồ phu nhân, cực chẳng đã vì lòng chồng mà phải vâng; nên khi thò tay mà bụng lấy ly rượu của chồng, nàng sắc vui cười, má đào ửng đỏ; xem cái dung mạo của nàng chẳng kém gì Tây Thi giáng thế. Hằng nữ ly cung; làm cho Hồ Quốc Thanh, chưa trao ly rượu qua tới tay nàng, mà đã ngời mặt nhìn mặt càng ngấn ngơ, quên hết sự đời, lại lầm tưởng cho mình lạc lên thiên thai, để bước tới Đào Nguyên động. Thấy vậy tiếc quá, không đành! Bởi vậy chàng bụng ly thuốc độc chưa trao qua tới tay nàng chàng đã chạnh lòng ăn năn, thương tiếc nguôi nguôi, dạ bao đành dạ; chàng bèn ngả ý sút tay, buông ly xuống đất đổ hất cho rồi. Hồ phu nhân lúc bất cập có vói tay qua chụp mà chụp phòng kịp, ly sa xuống đất, đổ rượu bể ly; vợ chồng trở mắt nhìn nhau mà cười, rồi lại ôm nhau mà hun, kể sao xiết nỗi niềm ân ái! Lúc bấy giờ Hồ Quốc Thanh còn nhớ tưởng điều chi khác hơn là tình dan díu, nghĩa ấp yêu; ví biết chàng mà buông ly thuốc độc ấy rồi, khi tỉnh rượu chẳng phải lòng chàng không bức bức. Hồ nghe vẫn vẫn bên tai, có tiếng trách móc Hồ sao đã gặp cơ hội rửa hận tình, rồi lại có say đắm cái sắc tuyệt trần mà bỏ qua cơ hội. Trách rồi lại hỏi: "Chùng nào thù ấy mới trả xong? Hay là người cam lòng, chồng hai vợ một?" – Nghe hỏi đến điều chồng hai

vợ một, Hồ Quốc Thanh, tuy chưa tỉnh giấc say, mà đã dửng mảy trộn mắt. Sực nhớ lại nỗi nhà, bèn giận cầm gan mà thề đáp rằng:

"Bất quá ta vì lỡ say mà bỏ qua cho một lúc đó thôi, chớ ta mà kết oán thù thâm, hận thâm trong dạ rồi, ta dễ chịu nhục mà để vậy cho cái lũ gian phu dâm phụ ấy nó khi ta mãi sao. Không! Làm gì ta cũng chẳng dung; mà ta lại nguyện một đêm nay, ta xử rồi ân oán".

Đồng hồ đã điểm mười; Hồ Quốc Thanh nằm nghĩ nghĩ một mình, xốn xang tợ như kim châm dạ. nghĩ đã mấy phen rồi, mưu này không đáng, thì tới kế kia, không dùng gương linh, dùng qua độc dược, mà làm cũng không thành sự; bèn thầm hỏi: Hay là chưa tới tuần thời, số mạng của nó chẳng phải chết về tay mình, nên xuôi khiến lòng mình sùi sụt. Mình hỏi lấy mình vậy rồi, Hồ nổi gan vùng nói, song cũng nói trong bụng rằng: "Nếu nói số mạng của nó chẳng phải chết về tay mình, nên mình muốn giết cách nào cũng không đáng, thì số mạng mình đây có phải chết về tay nó chăng? Vì hễ mình không giết nó, thì có ngày nó giết lại mình; thứ đờn bà ngoại tình, lòng sáu độc, nhứt dạ sanh bá kế. Kia từ xưa đã mấy mặt anh hùng, đắm sắc say tình mà phải lụy mình về phụ nữ? Làm gì ta cũng chẳng dung, song bấy giờ đây ta chưa biết liệu kế nào hay làm cho nên việc".

Nghĩ tới đây, Hồ lấy làm bực mình lắm nỗi. Nghĩ mình là một tay anh hùng từng trải việc chiến tranh, vào sanh ra tử, ai lại chẳng nghe danh mình văn võ kim toàn, mưu mô nhả tháo; một kế mọn của mình cũng đủ mà phá nổi ngàn tướng thiên binh; huống chi một mảnh má hồng, phụ nhân nang hóa, ngoài cái sòng sắc, thì nó chẳng có cái tài gì lạ hơn; mà ta không mưu chi giết nó đáng thì há chẳng hổ thâm cho cái chí trượng phu sao? nghĩ vậy nên Hồ tức mình, trần trọc canh chầy, thao thức hoài không ngủ; hết sức nằm lẩn qua lộn lại rồi, Hồ chỗi dậy đi tới đi lui, đi ra đi vào, toan mưu liệu kế. Hồ lại thường thệ quyết trong lòng nếu chẳng trừ nổi cái lũ dâm loạn này mà trả hận tình, sau rửa sạch nhuốc nhơ cho tên tuổi, thì thà là khuất mặt còn hơn đau lòng, thác trong sống đục. Tới đến đây, Hồ vừa xây mặt ra, chợt thấy trên bàn ăn, hai con thằn lằn cắn lộn. Con cái thua chạy, con đục rượt theo; lúc bắt cập, con cái nhảy đại, chạy đùa, bộ sợ hãi dường như chạy chết, chẳng

may vào nhạo rượu không đây nắp còn để tại trên bàn; đã rủi lại còn rủi thêm, té mà cắm đầu xuống, đưa đuôi lên, vùng vẫy hết sức mà cất mình lên không nổi. Bị rượu còn nhiều, nên cạnh đó mà chịu uống rượu một hồi, rồi ngất lên nhắm mắt, Hồ bước lại kéo con thần lần ra coi; đứng mà ngó coi giây phút rồi thắm ngấm gật đầu, miệng cười chúm chím. Hồ bèn để đó vào giường kêu vợ dậy coi, Hồ phu nhân khi nãy đã quá chén lỡ say nên giấc mê chưa tỉnh, thỉnh thoảng nghe tiếng chồng kêu; cực chẳng đã, phải guồng mà mở mắt trở lời chớ dậy sao cho nổi Hồ thấy vậy lại ôm vợ mà hun hít nựng nịu một hồi rồi đỡ xốc dậy, bảo ra coi sự lạ. Hồ phu nhân từ chối đôi ba phen không dậy, sợ cực lòng chồng, nên phải ép chi mình gắng guồng bước ra; ra tới bàn, Hồ phu nhân ngồi dựa ghé lim dim, để chồng kể thuật. Nghe nói tới con đục ruột con cái chạy chẳng may sa vào nhạo rượu uống rượu mà chết, thì Hồ phu nhân vùng mở mắt tỉnh tuồng, ngồi ngó sững cái thấy con thần lần còn để nằm kia, rồi day mắt ngó chồng mà nói:

– Nhân vật giữ đồng!

Người đời có hiền nhân quân tử, cùng thất phu ngu xuẩn tiểu nhân; vật cũng có giá thấp phẩm cao, khinh với trọng bởi lòng hiền dữ. Con thần lần đục mà ra oai thanh nộ, làm cho con cái phải sợ hết hồn, thì có khác nào loài người, bậc hạ lưu, có lắm kẻ tiểu nhân, đã chẳng thương chút thân nhược chất, liễu bỏ, lại còn làm hùm làm hổ, mong ra sức đập hoa vùi liễu.

Dứt lời Hồ phu nhân ngó chồng mà cười rồi lại hỏi:

– Bộ khi hết rượu rồi sao, nãy giờ không thấy nhậu?

Hồ Quốc Thanh đáp:

– Rượu còn đây chớ hết đâu song uống không dậy, vì bởi con thần lần té cắm đầu vào trong mà chết. .

Nói rồi Hồ vội vàng, lấy nhạo rượu mà trút ngay xuống đất. Trút hết rồi, Hồ lại nói:

– Mình chịu khó kêu thế nữ dậy, bảo nó xuống hầm rượu chiết cho tôi một nhạo khác.

Hồ phu nhân liền đáp:

– Có tôi đây làm gì mà phải cậy tay ai cho nhọc. Để tôi đi chiết rượu lên cho, kêu thế nữ làm gì, mất giấc ngủ đang mê tội nghiệp!

HỒ THỦ TƯ

Tình nặng, khóc giọt hồng thành họa Oan hồn, nhờ lượng cả minh oan

Hồ nghe vợ nói trúng ý mình muốn, nên không cản dãn. Cứ việc để cho vợ bung nhạo ra đi xuống hầm, rồi Hồ nhẹ gót bước theo; Hồ phu nhân nào biết.

Xuống tới hầm là chỗ Hồ Quốc Thanh chứa rượu để dành khao quân thưởng tướng; Hồ phu nhân tay cầm nhạo, tay bung đèn rọi coi, mái nào mái nấy cạn khô, còn rượu đâu mà mức. May đâu, rọi đến một mái lớn trong góc, lại còn, song mức lấy cũng đã nhiều, rượu còn không đầy nửa mái. Muốn mức cho đặn. Hồ phu nhân, vì phận mình hạt sương mai liễu bồ nhược chất, phải chồm lên miệng mái, de mình vào, thông đầu xuống dưới xa, vói tay mà mức rượu. Hay đâu Hồ phu nhân thông đầu vô vừa quá nửa mình, thì Hồ Quốc Thanh nói gót theo sau, rình đầu hồi nào thấy vậy chẳng thương, lại chòn vòn nhảy tới nắm lấy chơn Hồ phu nhân mà lật lên, rồi cầm chặt đó mà thông đầu Hồ phu nhân xuống rượu. Thành linh Hồ phu nhân có biết đâu; lại còn thăm cho súc nhược chất vùng vẫy sao cho nổi! Lúc bị rượu chun vào mũi vào miệng, vào mắt vào tai, ngọt quá, Hồ phu nhân thở không đặng, cùng có vùng vẫy một ít hơi chớ chẳng phải không; nhưng bởi, mái rượu thì hẹp mình lại bị nắm chặt hai chơn mà thông đầu xuống, không để cho ngóc dậy, thì Hồ phu nhân vẫy vùng sao nổi. Ngộp quá, tức quá, giây phút Hồ phu nhân học máu ra cửu khiếu rồi vật mình mà chết!

Hồ Quốc Thanh đứng đợi hồi lâu thấy Hồ phu nhân hết cựa quậy gì nữa, biết nàng đã tắt hơi, mới buông thân nàng trông chuối trong mái rượu đó mà đi lên, đặng có giả ý không biết, tri hô lên, thúc đoàn thế nữ trong dinh, dậy nổi đèn đi kiểm. Đoàn thế nữ nghe vậy hết hồn, cùng nhau đèn đuốt sáng dinh, kiểm trong, kiểm ngoài,

hết sức tìm trên tìm dưới mà tìm không thấy dạn. Hồ Quốc Thanh mới nói: "Bây chảng xuống hầm rượu coi có bà bây xuống chiết rượu dưới không?" Thế nữ nghe lời, kéo nhau xuống hầm mới gặp đảng thầy Hồ phu nhân, trông chuối trong mái rượu, phu nhân còn cầm nhạo rượu trên tay. Tri hô lên, Hồ Quốc Thanh lật đật chạy xuống, đem thầy vợ ra, rồi làm bộ thương tiếc, ôm lấy nhào lăn mà khóc kể. Vỡ lẽ tiếng tâm, xa gần chạy tới; ai trông vào cũng tưởng cho tại phận rủi của Hồ phu nhân, đi chiết rượu trọt té cặm đầu vô mái rượu mà vẩy vùng lên không nổi. Mấy ai dè lòng sâu độc của chồng; vì chút giận lấy hờn ghen, mà đoạn nghĩa tóc tơ, dứt tình cầm sắc, đành ra tay giết vợ thế này! Vả lại, trong lúc Hồ Quốc Thanh nhẩy tới nắm lấy chơn vợ mà dựng lên, cho thòng đầu xuống rượu, thì có ai mắt thấy chứng cho. Ngoài ngọn đèn leo lét của Hồ phu nhân bung theo còn để kia, với mấy cái mái đựng rượu dưới hầm này, thì còn có ai khác hơn là Hồ Quốc Thanh lén theo sau rình rập; tưởng khi trời đất cũng khó mà rõ thấu nỗi niềm này!

Bấy giờ Hồ Quốc Thanh thấy thiên hạ tụ chặt dinh, vợ mình nằm trơ đó thì có hơi ăn năn, song muộn rồi, biết sao; Hồ chỉ còn có khác hơn là lo liệm cốt hài Hồ phu nhân, đợi ngày mai táng. Chảng đợi giải ra cũng biết đám táng của một vị mạng phụ như Hồ phu nhân thì trong tỉnh từ quan chí dân còn ai mà dám không châm nom giùm giúp. Cho đến quan Tuần Phủ sở tại cũng đến ở ngày đêm, giúp cho Hồ Quốc Thanh trong lúc đau lòng bận bịu chia uýên rẻ thúy. Bởi vậy trong lúc tấn liệm Hồ phu nhân, Hồ Quốc Thanh có ý buộc quan Tuần Phủ chúng kiến đem những châu báu ngọc ngà sắp để trước mặt giao cho quan Tuần Phủ coi mà tấn liệm. Vì vậy nên các quan văn võ đều thấy rõ khi liệm, có đem châu báu ngọc ngà theo cho mạng phụ. Liệm xong, Hồ để tại dinh, trần thiết trang hoàng, bày lễ tế rất nghiêm, để mà tiếp những phúng điếu xa gần dung đến. Tế trọn mười lăm ngày như vậy rồi, Hồ mới bàn tính cùng quan Tuần Phủ sở tại rằng lúc này là lụt lội, nước nổi trắng đồng, lại thêm năm nay là năm xung, không thể tán an hài cốt. Ninh quàng để hết năm xung, tới mùa khô hạn rồi sẽ tổng táng. Bấy giờ đây muốn quàng để tại dinh thì bất tiện, nên Hồ tính đưa linh cửu lên Bảo Anh tự mà quàng để thì phải hơn. Nghe lời nói

phải, ai còn dám cãi lẽ nào, quan Tuần Phủ mới ra sức giúp Hồ, lo việc đưa linh cửu lên chùa Bảo Anh mà gọi.

Chuyện Hồ Quốc Thanh gọi cửu nơi chùa Bảo Anh hãy còn dài, xin dẹp lại, để sau sẽ tiếp.

Bấy giờ đây, nhắc lại Tô Thường Hậu từ phân tay chia cách Hồ phu nhân mà ra khỏi dinh thăm thay, dư chon một bước hóa mười lui, tro mắt hai nhìn ra bốn giọt. Ra khỏi dinh Tô Thường Hậu, vì bị nhốt để trong phòng trót đã hai năm, nên nay ra đàng chon bước gặp ghình mắt nhìn bọ ngỡ, đứng ngó mông trông ngó giây phút rồi đề nẻo Bảo Anh nhắm chừng lần tới. Vả lại buổi chưa gặp Hồ phu nhân còn vui chơi nơi tửu điểm, buổi sáng nọ lên xe đến chùa Bảo Anh thì, nhớ lại, đàng đi chẳng xa gì là bao; cho đến khi gặp Hồ phu nhân rồi lên xe tuốt theo sau kiệu, thì nhắm đàng về lại càng gần; có sao nay cũng là đi, đàng lại xa cha chả! Đi bước có hơi bôn mà chẳng biết có sao sao đi hoài không thấy tới.

*"Gởi thân dựa chốn am mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thong dong".*

Đi tới chiều mặt trời đã chen lạng. Tô Thường Hậu vừa đến Bảo Anh, thì trong tiếng mõ công phu vừa dứt. Tô Thường Hậu vào gõ cửa gọi xin ra mắt Huệ thượng mà xin nương náo. Trù trị nghe, liền ra mở cửa rước vào, rồi dắt tới trước sư trưởng để mặc người tiếp chuyện. Huệ thượng niệm Phật vừa xong, còn đang ngồi tại liêu bắt mặt ngó ra, bỗng đâu thấy từ đi vào, sau lưng lại có một vị thiếu niên nam tử. Huệ thượng nhắm xem diện mạo giây phút, rồi gạn hỏi cho tường hương sở. Vị thiếu niên liền đáp:

– Bạch quá Huệ thượng, tó vẫn con nhà ở Quế Châu, buổi sanh thời, cha mẹ của tó cũng là bực hào gia phú hộ. Tưởng đặng sống đời, vói con dè đâu cha mẹ vội tách miền âm kiến, bỏ tó ở lại chốn dương trần này, trọi trọi một thân, cô bác xa gần không có. Tuổi còn thơ ấu, đâu tường nẻo tắt đàng quanh, đại nghe theo miệng thế đồ giành, mặc sức dựa lầu xanh say tình đắm sắc; ngày đã lút óc lút đầu. Không thể mới dĩ đào vi thượng. Nay trôi nổi đến đây, nghèo đói quá không ai thương tưởng, nên phải tìm cửa thiên mà nhờ lượng từ bi;

*"Sớm khuya ra mái phen mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nặng sương".*

Nghe qua, Huệ thượng ngồi làm tỉnh hồi lâu rồi mới ngân ngữ mà rằng:

– Cửa Phật chẳng hẹp gì với ai; vì cửa này là cửa thập phương, khách thập phương hưởng lấy; nhưng mà chốn này đã biết cho là cửa Phật, muối dưa trai gái tháng ngày, thì những ai vào đây, mong nhờ giọt nước nhàn dương mà rưới tắt lửa lòng, thì phải Phải sạch bụi hồng lánh xa trần cấu. Ta xem tướng diện nhà ngươi, chưa chịu đựng nầu sồng ngày tháng kệ kinh chuông mõ sớm khuya, ta luống e cho nhà ngươi lâu ngày rồi ngã lòng, mà phải luống công vô ích lắm chăng? Nhà ngươi tên họ là chi, tuổi năm nay đang mấy mươi?

Tô Thường Hậu:

– Bạch quá Huệ thượng, tuổi trẻ chưa đầy ba chín, họ Tô Thường Hậu là tên, bởi ngán đời nên dạ mới đành, quyết đời việc kệ kinh sớm tối. Liều một kiếp rửa đàng tội lỗi, nhờ kiếp sau may khỏi trầm luân, việc muối dưa cực khổ đã tăng, nào phải mới một lần mà ngán. Lời nhỏ nhẹ bẩm phân đã cạn, xin Pháp sư mở lượng từ bi, nguyện một lòng giữ việc tu trì, cuộc thế chẳng mong gì danh lợi.

Huệ thượng vì Tô Thường Hậu năn nỉ đến đều, không lẽ chối từ cho đành, bèn nhậm cho vào tu; song Huệ thượng có lời dặn Tô Thường Hậu trước hết phải thí phát thọ phái qui y, sau là gìn lấy phận cho tròn giới cấm, Tô Thường Hậu vâng lời Huệ thượng làm y cạo trọc đầu rồi ở yên nơi chùa Bảo Anh mà đợi. Tô Thường Hậu ngày theo các đạo hữu mà làm công chuyện trong chùa, đêm thì khi tụng kinh rồi, liêu ai nấy vào mà ngủ Tô Thường Hậu tuy cũng giữ phận làm như các đạo hữu trong chùa, chẳng hề để thiếu chút nào, song trong lòng chẳng yên, đêm đắp, ngày đeo sầu, thương nhớ Hồ phu nhân quá sức. Có nhiều khi Tô Thường Hậu ngồi niệm kinh mà lòng luống ngẩn ngơ như người trong mộng.

*"Bâng khuâng dấn Hiệp non Thần,
Còn nghi giấc mộng đêm xuân mơ màng".*

Tối lại, vào liêu, thăm cho phận Tô Thường Hậu, phần thì lạ cảnh, phần lại lạ nhà, cũng đủ cho một người ngộ cảnh thăm như Tô Thường Hậu trần trọc canh gà, lẫn qua lộn lại đếm từ giờ chờ từ khắc, ra vào thao thức sáng đêm; khối tình mang triệu triệu, thì lụy nào dễ ngăn, lòng nào cầm dậu. Bởi vậy chàng cứ mơ bóng tưởng

hình người quốc sắc mà khóc thầm sau đêm. Hết hồi khóc rồi chàng dậy ngồi khoanh tay, mắt nhìn lấy ngọn đèn chong canh khuya leo lét mà nghĩ nghĩ mà mình sự tình cách bức. Nhớ những lúc vào màn ra trướng, cùng những khi kẻ gối phụng dựa màn loan, bây giờ sao phân rẽ hai phang ví như kẻ, đồng một Tương gian, đầu ví bất năng tương kiến. Chưa xa cách chơn trời, góc biển, mà xem cũng dường diệu viễn khôn tìm; lúc lại nhớ những cuộc vui đầy tháng, cười trót đêm, xót đến nỗi niềm khun nguôi đoạn thảm. Có khi chàng lại mơ bóng tưởng hình mà nhớ cho đến giọng nói tiếng cười, tướng đi nét đứng. Chàng ước mong sao đầu chẳng gần nhau như trước, thì cũng gặp mặt nhau cho phỉ tấm tình, ví chẳng duyên nợ ba sinh, làm chi đem thói khuynh thành trêu người. Hết hồi khoanh tay ngồi ngó, tư tưởng một mình rồi, mỗi mê, chàng lại nằm, mà hễ đặt lưng xuống chiếu, giấc nháy chưa an, đã chiêm bao, thấy Hồ phu nhân, như lúc chộng chạ một nhà, gối chăn yêu ấp vậy. Thấy Hồ phu nhân dường đi đâu mới về, vào phòng tay khoát màn loan, tay choàng ngang cổ, ôm lấy chàng mà hun hít nựng nịu, tỏ tình dan díu biết bao; chàng thấy mặt nàng mông rất đổi mông, mông khắp khỏi lòng chàng, nên nổi đôi giọt lụy tràn bầu áo. Chàng vừa muốn hỏ môi: Trách lòng hơ hẩn bấy lòng lửa hương nhuộm để lạnh lòng quá lâu, mà chàng chưa kịp hỏ môi, phút đã giật mình tỉnh giấc. Mở mắt ra, nhìn tứ cố, thấy mình nằm trong am tự, mới hay lạ cảnh lạ nhà, đôi giọt chan òa, nỗi đau đớn biết sao mà kể xiết. Chàng vự chỗi dậy ngồi thở ra mà thâm than: "Mình ôi, biết làm sao gặpặng mặt nàng một lần vậy nữa? Nếu đôi lứa ta còn trông thấy nhau, họa là nhờ giấc chiêm bao mà thấy!" Thâm than trộm trách vậy rồi chàng ngồi, khi dựa gối, khi cuối đầu, khi vò chín khúc khi châu đôi mày!

Còn đang dở tỉnh dở say, bỗng nghe có tiếng các đạo hữu trong chùa kêu nhau thức dậy. Kẻ thì lo trà nước, người thì lo hoa quả hương đăng; không lẽ chàng còn dám nằm đấy mà ôm ấp sầu tình, nên chàng phải gượng gạo bước theo với kẻ. Dè đâu ra vừa khỏi liêu chàng nghe động tiếng chuông vàng, thầy gõ mõ kệ kinh câu cũ. Giây phút, lại thấy các đạo hữu kéo ra trước bàn lạy Phật, chàng cũng phải theo quỳ lạy có chừng; lạy rồi, chàng vừa sắp lung trở vào, phút nghe tiếng chào rào. chàng bèn vác mặt ngó ra, thấy quân lính ở đâu tới đó. Còn đang suy nghĩ, bỗng nghe đạo hữu lại vào

bạch quá Huê thương rằng: "Có kiểu Hồ phu nhân mới đến". Nghe qua, chàng mắng biết bao; song cũng cất để lòng, dễ dãi tiếng gì cho lậu. Muốn đặng gặp mặt Hồ phu nhân, chàng giả ý coi sóc nhan đèn, lộn ra bàn phật. Coi bàn này rồi, sang tới bàn kia, chàng cứ qua lại, lại qua nội mấy bàn ấy hoài, không chịu bước ra khỏi chỗ.

Khi Hồ phu nhân vào đốt hương vái lạy, bỗng không ngó qua bàn bên kia thấy Tô Thường Hậu đứng trông, thấy vậy chưa ác phải không, nên Hồ phu nhân, tuy miệng vái lâm lâm, mà đôi mắt liếc sợ lắm người cũ, cũng vì Tô Thường Hậu là người yêu cũ của bà, mới bữa hôm qua, mặt mày bảnh bao, áo quần chải chuốt, chớ nào phải đầu tròn, khăn vuôn, nâu sồng như thế đâu. Còn Tô Thường Hậu thấy mặt Hồ phu nhân thì khoăn khoái tất lòng, dạ mắng khắp khởi, ví chẳng khác cá kia gặp nước, hạn nọ gặp dào, nên đứng xó rớ đó mà liếc mắt đưa tình, trông cho Hồ phu nhân nhìn mình mà ra dấu. Chẳng hiểu tại sao Hồ phu nhân ngó thì liếc ngó, mà nhìn lại chẳng nhìn, rình ý xem như hình muốn lạ. Thấy tình như vậy, Tô Thường Hậu không biết liệu sao, túng phải đánh liều, lần tới bàn chánh cho gần, nhìn cho tạt mặt. Bấy giờ, Hồ phu nhân thấy rõ mới hay là người tình của mình, thân hình ra như thế, thì lấy làm đau đớn khun cùng, động niềm mà khóc. Bởi vậy bà, miệng vái phật mà dạ tưởng người đầu trọc, tay thì cầm hương mà đôi mắt liếc đạo nhom, trách vì ai, chuốc dữ mua hờn, làm cho lỡ bực đòn như thế!

Nhìn biết đặng rồi, Hồ phu nhân mới liếc mắt, ra dấu biểu Tô Thường Hậu ra chỗ vắng đợi mình; Hồ phu nhân cúng phật rồi bước ra, thì trời đã hùng sáng. Hồ phu nhân đứng mắt nhìn tứ cố giây phút rồi nhắm chùng bước ra, giả ý dạo xem sau trước, nghĩ cho ma dắc lối quỷ đem đường cũng đáng nực cười thâm! Hồ phu nhân thuở nay đi cúng thì hay đi cúng, rồi về, chớ có để bước ra phía sau đâu hồng biết đâu là đâu; mà nay vì chút tình riêng hẹn hò gặp mặt, nên phải đổ đàng tìm nhau, lẽ gì cảnh lạ khó mà kiếm nhau lắm đó; nhưng mà chẳng hiểu sao Hồ phu nhân đứng nhìn tứ hướng một hồi rồi để bước nhắm chùng, xâm xâm đề nẻo lần ra liền gặp, làm hình như trong cái tình sẵn có một cái năng lực tự nhiên kéo níu nhau, rút nhau, như đá Nam châm rút sắt vậy; cho nên, hai người có tình với nhau, người đứng đầu này, kẻ đợi cuối kia, mà khi muốn

gặp mặt nhau, tìm nhau rất dễ; mắt nhắm về hướng nào cạnh nào rồi để bước đi tìm thì gặp, làm in như đã biết sẵn chỗ hẹn với nhau rồi vậy. Nếu chối rằng trong cái tình không có năng lực nào kéo nín nhau, thì trong sự gặp gỡ ấy phải có người đem đường dẫn lối!

Hồ phu nhân lần theo dãy nhà bếp mà đi vừa khỏi, thì thấy phía sau vách có một cây gia lớn, dưới gốc gia lớn tàng cao bóng cả che Phủ mịt mù, dưới gốc cây gia ấy lại có người núp bóng chờ ai mà khi Hồ phu nhân vừa thấy, thì đã nghe có tiếng người gọi Hồ phu nhân lại đó. Hồ phu nhân, tuy chưa biết là ai, mà lòng đã nghi cho Tô Thường Hậu, nên nghe tiếng xit kêu như vậy mà không thẹn mà chối từ, cứ việc xâm xâm bước tới. Khi lại gần hai hàng giáp mặt nhau, nhìn nhau, biết nhau rồi liền ôm nhau mà khóc, nỗi cay đắng biết kể sao cho cùng! Hai hàng chưa có ai nóiặng một lời, mà xem lại chơn trời đã rạng. Ấy là dấu thôi thoát Hồ phu nhân phải mau trở ra đó.

Cùng nhau, khóc lóc một hồi, Hồ phu nhân mới nói:

– Từ đây mình cứ việc ở yên đừng phiền hao tổn. Năm ba tháng, gặp cơ hội nào, tôi xin điặng, thì tôi đến mà thăm mình, bằng chẳng, mình cũng biết, tướng công tôi mà có ở dinh, thì chẳng dễ gì điặng. Lại thế, nếu tôi mà đi thường lắm, phải e tai vách mạch rừng; nếu rủi mà tướng công tôi nghe lọt vào tai, thì, mình cũng chẳng dễ phận tôi âu chẳng dễ. Mình biết oai quyền của một viên đại tướng trong lúc đời loạn ly này ra sao?

Tô Thường Hậu nghe qua liền ôm Hồ phu nhân mà khóc òa kể hết sự tình; trăm nỗi đắng cay nồng mặn:

– Mình ôi, từ đôi ta trộm yêu thầm nhớ nhau, bể ái tràn trề, nguồn ân đầy đặn, thương nhau không một phút lìa nhau nay vì chồng mình về, thế ở không yên, cực chẳng đã phải đánh liều đưa chơn nhắm mắt; chớ mình cũng biết, phận tôi ở chốn này, sớm nhớ tối thương, ngày trông, đêm đợi, làm cho tôi, ruột không vò mà rối, gan chẳng dần lại đau, có chút nào an ổn. Vì thương nhớ mình, trông đợi mình, một giờ bằng một ngày, đắng cay chi xiết. đã vậy lại còn thêm một nỗi sớm khuya kinh kệ, dua muối tháng ngày, khổ cho chút phận trường chai, mình nghĩ coi vì ai nên nỗi. Nếu mình không thể tới lui thăm viếng, để cho tôi mang nặng sầu tình, nói

như mình vậy, thà là tôi thác xuống diêm đình, thà vậy cho đành, hơn là sống mà gổi chẵn chia cách.

Dứt lời, Tô Thường Hậu buông Hồ phu nhân ra mà đi quyết liều mình xuống giếng. Hồ phu nhân kéo Tô Thường Hậu lại, ôm khóc một hồi rồi mới kiểm lời khuyên giải. Hồ phu nhân biểu Tô Thường Hậu phải dần lòng chờ đợi ít lâu, mưa dầm thương vội, đôi ta gặp gỡ còn nhiều. Nói chưa dứt lời, Hồ phu nhân bỗng không, rờ nhằm đầu Tô Thường Hậu thấy chàng đã thí phát quy y; Hồ phu nhân lấy làm đau lòng, khóc thôi nức nở. Khóc rồi lại hỏi:

– Minh ôi, có sao mình cạo cái đầu mình trọc lóc đi vậy mình? Khi còn chung chạ với nhau, tóc mình tuy không dài, chớ cũng không phải vắn; nay mình vì trắc trở mà phải xa cách nhau một ít lâu, có sao mình cạo trọc đầu mình đi như vậy, mình ôi, nỗi đau đớn kể làm sao xiết!

Tô Thường Hậu mới đáp:

– Biết sao! Nắng bề nào phải che theo bề nấy, chớ biết sao. Vả lại chùa là chốn tu hành, ai vào đó cũng phải Phủi sạch hồng trần, đổi thay khác tục. Không lý tôi vào mà chẳng tùy ý Huê Thượng còn muốn theo thế gian, thì ở sao cho yên. Không những tôi cạo đầu cho vừa theo ý Huê thượng mà thôi, tôi mà thí phát đi, tôi còn có một ý riêng, là làm cho không ai nhìn đặng; cũng bởi, mình biết rõ, chồng mình oai quyền lớn, nha trảo đông, nếu tôi để tóc vậy mà ở đây; rủi tới lui với nhau mà đổ bể ra, chi cho khỏi chồng mình tìm kiếm tôi mà giết. Lên đây, thấy tôi là người thế gian khác hơn các sãi, thì tôi biết liệu sao mà thoát thân cho khỏi. Có ấy nên mình ôi, tôi mà còn muốn nương náu ở đây, chờ khi gặp gỡ, tôi há đi tiếc ba sợi tóc làm gì. Tôi tưởng cái tình dan díu nhau, thương yêu nhau; dầu phải lên thác xuống ghềnh, vào sanh ra tử, cũng còn phải liều thay, hướng chi thí phát quy y, có chi là cay đắng mà đeo phiên cho nặng; miễn là mình, mình ôi, khi nào có dịp lên đây mà viếng nhau, tôi xin mình phải dè lòng, coi cho kỹ cang, đừng thương vội mà lầm, vì trong chùa, chẳng phải một mình tôi đầu trọc! Nếu mình đến trong lúc canh khuya, rủi ra mình lầm lạc, thì thôi, mình ôi, chết tôi đi, mình ôi!

*"Cũng liều một giọt mưa dào,
Mà cho thiên hạ trông vào cho hay!"*

Nói tới đây chơn trời đã rạng, hai đàng người thì thấy các đạo chạy ra chạy vào, kể lại thấy đoàn thể nữ đưa lui đưa tới, thì sợ e có kẻ kiếm tìm mình mà thấy đi chẳng: nên hai đàng phải rời tay nhau, nghĩ đau quá đổi.

Vả lại tình cách bức nhau là một cái tình uất ứa, thương nhau nhớ nhau không một phúc không mơ, trông cho gặp mặt nhau mà kể chuyện tóc tơ, dan díu biết mấy giờ cho thỏa. Chớ có lý đâu trông đợi tợ nghe trong thoại, rồi gặp mặt nhau, chẳng chi cho thỏa tấm tình duy có khóc lóc với nhau rồi lại chia nhau, lòng nào không nao, dạ nào không núng. Tô Thường Hậu cho lòng biết bao; ước có phép nào mà ngưng mặt trời đặng năm ba giờ, Tô Thường Hậu dầu phải chịu nhọc nhằn cách nào cũng vui thừa dạ. Huống chi lại đàng may mà gặp nhau đây, khóc chưa ngừng giọt lệ, thở than khun xiết sự tình mà đã thấy sáng ra rồi, dục Hồ phu nhân trở gót, thì gan nào không héo, ruột nào chẳng teo; Bởi vậy khi trở vào chùa, Hồ phu nhân lên kiệu mà về, thì lại càng đau đớn cho Tô Thường Hậu, tâm như dao cắt.

Tô Thường Hậu lén theo đưa Hồ phu nhân một hai dặm đàng rồi trở lại chùa, đắp thăm đeo sầu, mơ hình tưởng bóng. Chẳng biết bao giờ đặng gặp nhau một lần như vậy nữa. Chẳng tìm đâu cho thấy cố nhân, đây với đó cách nhau không đầy mấy dặm tràng, mà xa tợ quan san diệp viễn.

Tuy vậy mà Tô Thường Hậu cũng an lòng ở chùa chờ cơ hội khác; nghĩ cho cuộc núp bóng chuyện trò của mình không ai hay, nào dè có người trong chùa ngó thấy. Bởi vậy khi Tô Thường Hậu trở lại chùa thì nghe trong các đạo to nhỏ chỉ chỗ cùng nhau rồi lại hăm bạch quá Huê thượng đuổi ra khỏi chùa, làm cho Tô sợ sệt phải theo mà năn nỉ.

Trưa lại, đang cơn thanh vắng, Tô đang ngồi chuốt dưa trước chùa, thỉnh linh ngược mặt lên thấy một người lạ mặt ở đâu tìm tới. Vào đến trước mặt Tô, người ấy lại gởi ra mắt Huê thượng mà xin nương nấu ít ngày, nhờ hột cơm dư nhà Phật, Tô Thường Hậu ngồi tay chuốt dưa mắt lại nhìn xem diện mạo người ấy giây phút rồi hỏi:

– Chẳng hay chú là người ở đâu, tỉnh nào huyện nào; nhân việc chi đến đây mà lữ làng nện nổi vào cửa Phật? Người ấy đáp:

– Tôi chẳng phải đâu xa lạ, vốn cũng con nhà ở tỉnh này; tôi vốn thiệt là Hồ Lăng, bộ hạ của Hồ đồ đốc. Tôi theo hầu đỡ tay chơn Hồ đồ đốc cũng đã lâu; cũng lắm lúc vào sanh ra tử, biết mấy khi đột pháo xông tên, nay an giấc rồi trở về, Hồ đồ đốc chẳng biết xét, tất công đem lỗi nhẹ mà trừ công cả. Ngài chẳng thương đánh đuổi tôi ra dinh, lại cấm tôi ở Tô Châu, nếu tôi cãi. Ngài còn thấy mặt thì không dung tánh mạng. Bởi tôi không quen biết với ai cho lắm, lại dẫu có quen biết cho lắm đi nữa, cũng không ai dám chứa tôi; vì vậy nên tôi phải cam đánh liều tới cửa Phật xin tá túc ít ngày giải bớt sầu tình. rồi sẽ liệu đường lánh mặt. Người ở ăn thiệt là độc hiểm vô cùng. Nếu bữa hôm qua tôi không nhờ linh phụ nhân rồi cho tôi, thì tôi đã làm quỷ không đầu, còn gì mà kể!

Dứt lời Hồ Lăng ngồi mà khóc òa; còn Tô Thường Hậu nghe nói người trong dinh Hồ phu nhân bị đuổi ra, thì có nghe lòng mắng, mắng đặng có người cho mình dò hỏi sự tình, song Tô hãy còn phòng ý, bưng kín miệng bình, chưa chịu dĩ nơi cho Hồ biết. Tô chỉ quyết tính kế nào giúp cho Hồ Lăng vào đặng trong chùa cùng mình mới nghe. Thăm nghĩ vậy rồi, bèn đáp cùng Hồ Lăng cách nhơn đức rằng:

– Nghe chú nói cũng thương tình muốn giúp người lỡ chơn trái bước. Vậy như chú có muốn vào cửa thiền nương náu, chú hãy nghe lời tôi dặn bảo mới nên; kéo mà lạ lòng chú không biết mà lỗi lầm, ắt Huê thượng không cho tá túc. Chú phải biết tánh Hòa thượng không tôi đây, không ưa Hồ Quốc Thanh, nên chú có muốn nương dựa trong chùa, chú đừng có nói chú là tay chơn bộ hạ của Hồ Quốc Thanh, mà chú cũng đừng khi nào nói tới tên Hồ Quốc Thanh, chú cứ việc nói là người viễn phương lỡ đường vào xin nhờ bữa vậy thôi. Chuyện Hồ Quốc Thanh chú cứ cất để trong lòng, con nào rảnh, anh em mình hội đàm cùng nhau, sẽ bày ra nói với nhau, ngoài tôi đây, chú chẳng nên nói với ai tất cả. Tôi đây cũng chẳng phải người không quen thuộc trong dinh Hồ Quốc Thanh; song từ khi tôi ra khỏi đó rồi, thì phát quy , bụi trần Phủi sạch rồi, tôi không thèm nhớ chi tới chuyện. Thật Hồ Quốc Thanh là người sâu độc vô cùng.

Nghe qua Hồ Lăng biết mình trúng nhằm người mình muốn tìm làm quen rồi, song chưa phải hỏi hỏi tên họ người, nên dần lòng bỏ qua, để cầu người tiến dẫn vào xin nương náu, Hồ Lăng mới nói:

– Tôi vả phận lạ lòng, đâu rõ khúc sông nguồn ngọn; tôi may vào đây gặp sư huynh thật lòng chiếu cố, tôi lấy làm có phúc biết bao; sư huynh dạy sao tôi cứ vâng theo lời, miễn đừng sư huynh tiến dẫn.

Tô Thường Hậu:

– Việc ấy chú chó lo. Vậy chú hãy theo tôi, vào đây yếu kiến.

Tô Thường Hậu dẫn Hồ Lăng vào ra mắt Huệ thượng; Huệ thượng hỏi thăm quê quán tên họ rồi cũng nói cửa phật chẳng hẹp gì với người lỡ bước. Nói rồi Hòa thượng dạy Tô Thường Hậu dắt Hồ Lăng ra, dạy lần phép tắc trong chùa, rồi sẽ dạy kệ kinh cho đủ. Tô Thường Hậu dắt Hồ Lăng ra. Từ đây hai đảng mới biết tên họ nhau, lại có tình dan díu nhau; Tô Thường Hậu thì vì tình, đeo theo Hồ Lăng mà nói chuyện cho giải khuây; còn Hồ Lăng vì kế độc của chủ trao lại cần đeo đuổi theo Tô Thường Hậu mà dò hỏi mọi đảng tâm sự. Tô Thường Hậu đâu rõ tactic lòng sâu độc của Hồ Lăng.

Hai đảng, tuy đảng nào cũng có tình riêng ý khác nhau, quyết để mà kẻ mò đáy kim người dò rúng biển thì mặc dầu, mà khi chung chạ đứng ngồi vào ra một cửa với nhau rồi hai đảng lại chẳng để gì hội đàm với nhau cho mãn nguyện; lần tay tính đã sáu ngày rồi mà Hồ Lăng mẫn có vâng lệnh ni cô, cùng mục vải vào rừng hái củi mãi đến nay, cho nên không gần dặng chàng tô mà dò thám, cho hay chàng Tô, dặng phần sung sướng hơn, ăn no rồi không làm chi cho nặng nề khác hơn là ra trước cửa chùa ngồi núp bóng cây chuối đũa, như bữa Hồ Lăng mới vào, trông cây gỏi xin ra mắt. Không gặp nhau cho đến ngày thứ bảy, Hồ Lăng mới rảnh tay, ăn rồi dọn dẹp xong, Hồ mới men ra cửa, tìm cho dặng Tô mà chuyện vãn. Gặp mặt nhau chỉ miết nổi mắng. Nói quanh quẩn chuyện này sang chuyện nọ một hồi, bấy giờ Tô Thường Hậu mới ướm hỏi Hồ Lăng từ nguồn ngọn khúc sông, cho rõ thấu đầu dây mối nhợ; hỏi cho biết Hồ Lăng khi còn theo dưới trướng Hồ đồ đốc làm tới chức gì; công nghiệp là bao, vì sao mà bị biếm? – Hỏi như thế, Hồ Lăng ước súc muốn đáp mấy lần lại không dặng; nhưng mà Hồ Lăng không chịu đáp liền; nghe hỏi trớ trêu như vậy Hồ giả ý dần dà như tuồng ngại ngừng mở chẳng dặng lời, sùng sượng nói không ra tiếng vậy. Giấy lâu Hồ mới đáp:

– Tôi vẫn con nhà tầm thường học vấn, cha mẹ mất sớm có để của lại đôi muôn, bởi tôi ăn no rồi ở không, sanh sự chơi bời hao mòn tiền bạc. Không mấy năm, ruộng bay nhà nát, đất bán, vườn treo, tôi trở nên thân nghèo rồi mà cũng không biết nghề gì làm ăn, vì phận lỡ quê lỡ chợ. Sư huynh biết người sanh đời nay, vẫn không đầy lá mít, võ nhảy chẳng khỏi ngọn tranh, thì biết che mình vào đâu choặng! Thật bên văn không thể lập thân, song bên võ còn miễn cưỡng; bên võ còn chờ thuở đầu quân lập công mayặng. Dịp đâu, cuộc đời ly loạn, việc nước đổi dời, khiến cho những đấng anh hùng tạo thời thế cùng nhau hiệp lực đồng tâm, đập đổ nhà Thanh, lập Dân quốc dựng cờ Tự do Bình đẳng. Lạ gì, nước mà sanh biến như thế, thì tám hướng anh hùng phóng dậy, bốn phương trộm cướp lấy lòng, mặc tình định bá đồ vương, thông thả giết người cướp của. Nhon dịp này các tỉnh đều có mộ quân, tôi mới ra đầu quân tại Tô Châu, theo Hồ Quốc Thanh dẹp giặc. Hồ đô đốc, thấy tôi nhậm lệ có lòng thương, mới rút tôi vào để hầu dưới trướng. Chẳng cần nói cũng biết năm nay kể đã sáu năm, công tôi đột pháo xông tên, vào sanh ra tử kể sao cho xiết. Nhờ vậy Hồ đô đốc mới ghi công mà thưởng tôi, lên lần tới chức đội trưởng. Tưởng thân danh của tôi từ đây nên hư gì cũng ở chốn binh đao mà ra. Có dè đâu, dẹp an cuồng khấu rồi trở về, người ngựa chưa nghỉ an, họa dấy thành linh, làm cho tôi vì một chữ tình mà công nghiệp đổ dòng sông, thân đành đành trôi nổi.

"Sở là tôi có tư tình với một con thế nữ ở trong dinh, theo lệnh bà hầu hạ. Thật lòng thương yêu nhau quyết việc nối tóc đến già cùng nhau, dầu chẳng may gặp cơn binh địa ba đào, cũng chẳng phụ nhau choặng. Nhưng bởi lệnh nghiêm phép ngặt. nên bấy lâu dầu thương nhau, quyết vợ chồng cùng nhau cũng giấu để trong lòng, không hề dám hở môi lỡ tiếng; e lệnh trên hay mà chẳng dung tình cho chẳng. Sợ thì sợ vậy, giấu vậy đó thôi, ai lấy thúng úp voi; bị miệng sấp tôi đời mà trong dinh đều thấu đáo. Hồ đô đốc với phu nhân rõ biết sự tình; song ông bà thương nên chẳng nói ra, nhắm mắt bỏ qua, để mặc tở nhà yêu vụng.

"Nay dẹp an giặc trở về, Hồ đô đốc nghe ai mà ghen gió ghen mây, nghi cho Hồ phu nhân tội nọ lỗi kia, hòa gian với kẻ. Ngài lại nghi quyết cho con tình nhân của tôi là con Đào Anh ở nhà mai

mối. Ghen vậy nghi vậy mà Ngài không hề dám rĩ hơi với Hồ phu nhân, cũng vì – không phải Ngài mà không dám nói; nhưng bởi Ngài biết rõ Hồ phu nhân không sợ Ngài, mỗi khi Ngài mở miệng ra làm oai, thì Hồ phu nhân cướp mắng, nên Ngài giận lấy, không thềm nói tới làm gì.

Ngài không dám dĩ hơi với Hồ phu nhân, ngài lại chờ dịp Hồ phu nhân mắc đi chùa, Ngài ở dinh một mình, Ngài nhân lấy cơ hội, dẫn Đào Anh ra vườn hoa mà vấn tra, tra hết sức không ra, ngài nổi giận sát tha sử nữ. Giết rồi ngài ném thây nó xuống hồ sen, bỏ đó trở vào, kêu tôi mà gạn hỏi; nghi quyết tôi có tình cùng sử nữ, lý nào tôi trong đục không tường. Ngài quyết tôi mà không khai ngay, ngài cũng giết tôi, may đâu, ngài còn đang vấn tra, Hồ phu nhân về tới. Ngài ngỡ ngàng, mong giấu đầu e nổi lòi đuôi; Ngài mới lật đặt e tôi mà đuổi ra khỏi dinh, đối cùng Hồ phu nhân, vì tôi tư tình với con thế nữ. Hồ phu nhân đâu thấu nỗi niềm! Sau có người học lại mới hay, tôi đi ra rồi ngài còn muốn xách gươm đuổi theo, song nhờ có Hồ phu nhân ngăn cản. Bằng chẳng tôi đã làm quỷ không đầu. Sư huynh nghĩ coi ỨC là bao nhiêu; chuyện thật tôi không biết gì mà phải chịu tai bay họa gởi!"

Nghe Hồ Lãng nói dứt, Tô Thường Hậu mặt biến sắc chàm, ngồi xúi xuống chăm chỉ chuốt đũa dường như nghĩ nghị sự mình hồi lâu, rồi thở ra mà than rằng:

– Đào Anh chết oan dữ a!

Than rồi, xây mặt lại ngó Hồ Lãng mà hỏi rằng:

– Nói vậy, hiện bây giờ đây, thây con Đào Anh hãy còn nằm tại hồ sen, bèo mây chôn lấp, chớ Hồ đô đốc giết rồi không vì gì đến chút phận thác oan mà cấp táng cho khỏi lộ lồ thân thể sao? Thật người lòng độc da sâu ít ai bằng. Biết vậy mà trong lúc nhà nước khinh nguy, thay ngôi đổi chúa, làm cho cuộc đời ly loạn, thiên hạ đảo huyền, ai bình quyền lớn nha trảo đông thì hơn, lý luật sao cho kịp thế! Tưởng đang trong nội này. Hồ Quốc Thanh dầu con nộ bất cập lượng lỗ tay giết oan năm mươi mạng đi nữa, cũng không ai làm gì nổi; chẳng lựa thứ giết một con Đào Anh là con thế nữ trong dinh, phẩm giá chi thân phận tôi đòi, có tội lỗi gì là bao mà sợ!

Thế thì, Hồ Quốc Thanh đã rõ biết ai là tình nhân của mạng phụ rồi chứ!

Hồ Lăng:

– Làm sao mà rõ ràng! Chẳng những một mình Hồ đô đốc không rõ mà thôi, cả một dinh cũng không ai hiểu. Theo ý tôi tưởng ngoài Hồ phu nhân thì chẳng còn ai biết dạng người tình nhân đó là ai.

Tô Thường Hậu:

– Vậy trước khi giết con Đào Anh, Hồ đô đốc không có cất vấn nó hay sao?

Hồ Lăng:

– Có chứ sao không! Song cất vấn nó thì nó nói có người giả gái vào ân ái với Hồ phu nhân, chứ nó có biết người trai giả gái đó là ai. bởi nó nói dạng mà chỉ ngay ra không dạng, nên Hồ đô đốc giận mới nhấn tâm hạ thủ chứ.

Tô Thường Hậu:

– Đã biết có người giả gái vào ân ái với phu nhân, thì hẳn có khó gì tìm ra. Cứ Hồ phu nhân mà hỏi tra, tự nhiên lời ra mối, chứ há phải hỏi ai cho nhọc.

Hồ Lăng:

– Tưởng Hồ đô đốc cũng có hỏi lĩnh phu nhân, nhưng bởi lĩnh phu nhân không thú thật ngay, nên mới không tường nguồn ngọn chứ. Vả lại Hồ đô đốc tuy là một viên đại tướng, oai khí đàng đàng, đóm đương trăm trận, mà nhất không dám cự với lĩnh phu nhân. Cứ hễ đô đốc nói ra, lĩnh phu nhân chuôi đùa mắng vãi cho lấp rồi thôi, đô đốc tục đầu, không còn dám tiếng gì hó hé. Thật nghĩ cũng lạ đường. Bởi vậy đô đốc biết có người giả gái vào dinh bán ngọc tư tình cùng Hồ phu nhân, mà tìm không ra; bấy lâu ôm ấp để lòng tức mình ám ách.

Tô Thường Hậu:

– Vậy chứ Hồ đô đốc không có sai người dò thám, tìm cho rõ mối mang ấy sao?

Hồ Lăng:

– Tôi không thấy sai ai; duy thấy nói rồi bỏ qua, khuya sớm cứ nguyệt hoa hoa nguyệt.

Hồ Lăng nói rồi lại hỏi:

– Còn sư huynh nói sư huynh là người quen thuộc trong dinh, chẳng hay sư huynh tới lui hồi nào mà tôi không biết? Bộ khi sư huynh mới quen biết với Hồ phu nhân trong những lúc đi chùa sau này đây chứ?

Tô Thường Hậu nghe hỏi đến nỗi mình, cũng muốn nói ra cho hả hơi, kéo bấy lâu uất ức trong lòng không biết cùng ai than thở; nghĩ vì Hồ Lăng tuy là người của Hồ Quốc Thanh bị đuổi ra khỏi dinh vì một cố thật mình không biết, thì cũng đã kết oán trong lòng, kể ra ngoài miệng, chẳng còn giữ lòng trung hậu với Hồ Quốc Thanh nữa rồi; nên dầu mình có kể hết nỗi niềm, bày tỏ sự tình sau trước không lý Hồ Lăng đem đi thuật lại với ai; nghĩ vậy nên Tô Thường Hậu muốn nói cho hả tắc lòng, không dè Tô Thường Hậu vừa mới hở môi chàng lại nghĩ mà thẹn thườn, nhớ lời hẹn với Hồ phu nhân mà nín. Không lẽ làm thính! Chàng bèn kiếm chuyện nói qua, rằng mới quen buổi Hồ phu nhân đi cúng chùa, nên có tới lui nơi dinh bà, trong lúc Hồ Quốc Thanh đẹp giấc. Nói rồi lại hỏi:

– Nếu chuyện đổ bể tới tai Hồ đô đốc hay mà sanh nghi rồi, tưởng từ đây Hồ phu nhân chẳng dặng thông thả ra vào như xưa vậy nữa. Thương hại cho con Đào Anh, vô tội mà giết chẳng toàn thân, nghĩ tới cũng đau lòng cho người chín tuổi.

Nói rồi Tô Thường Hậu giả lơ, bực bỏ đi làm chuyện khác; không muốn ngồi dai, cho Hồ Lăng gạn hỏi sự mình. Tuy vậy mà Hồ Lăng cũng đã soi thấu rồi, nhận quyết Tô Thường Hậu là tay cải trang dâm loạn. Từ đây mỗi khi Tô Thường Hậu thấy mặt Hồ Lăng hay hỏi có chuyện gì mới lạ hay không, nói cho y biết. Lại hỏi: Hôm nay có nghe trong dinh Đô đốc, còn có sự tai biến nào xảy ra nữa không Hồ Lăng, tuy đáp rằng không mà nghe hỏi vậy lại càng nghi quyết; song cũng phòng ý như thành, cất để trong lòng không cho lộ mối.

Một ngày kia, Tô Thường Hậu ngồi một mình nghĩ lại sự tình cách bức chàng nghĩ:

– Mình chẳng phải là con nhà hàn vi không thể sai nhai đắp đổi, nên nổi phiêu lưu đất khách bỏ xứ lìa quê, trôi nổi đến đây, vào mà nương dựa chùa này, phải chịu nổi sông ngày tháng, nếu mình mà bỏ phế việc nhà, chẳng kể trăm muôn sự nghiệp mà đem thân vất vả như vậy đây cũng vì mang nặng chữ tình cùng Hồ phu nhân, quyết định trúc mai vậy bạn. Tưởng định chặn gối an vui, yên anh một cửa, không ngờ chồng nàng về làm cho vỡ lở áp yêu, ra tình cách bức, buộc mình phải vào chùa Bảo Anh, giả việc tu trì, thí phát quy y ẩn tích mai danh đợi thuở. Con gặp gỡ nàng căn dặn ta, sao sao cũng dần lòng ở đây chờ nàng; nàng chẳng phụ ta, xin ta chớ ngã lòng phụ rẫy cuộc ái ân tình hãy còn dài. Tin thật như lời, ta mới chẳng nề chút thân khó nhọc; cứ ở đây mà đợi nàng không gặp được cơ hội nào may, gặp được mặt nàng mà hỏi việc tóc tơ bao nữa. Dè đâu nàng về đến dinh thì đã nghe lúc nàng giả đi cúng chùa Bảo Anh mà gặp gỡ ta, thì chuyện nhà nàng vỡ lở. Tuy, theo lời Hồ Lăng nói, Hồ Quốc Thanh vì đó mà giết oan Đào Anh, đuổi Hồ Lăng, chớ chẳng dám động chi tới nàng thì mặc dầu, ta há chẳng e từ đây nàng khó mà dễ bước ra ngoài, cho ta thấy mặt. Dầu nàng có đi được tới đây đi nữa, ta há chẳng tưởng Hồ Quốc Thanh nghi mà cho người tâm phúc theo rình sao? Nếu ta mà không dần lấp lửng vườn dâu núp bóng Hồ Quốc Thanh rõ ràng, thì tánh mạng ta còn gì. Thế thì, trong cuộc tình của Hồ phu nhân với ta đây, ngày nay đã trở nên gặp ghềnh, bước đường ra ngẩn ngại, còn chi trông thấy nhau đây. Mà nếu, xét cho khối tình còn mang nặng, nghĩa triệu triệu hồng vai, ta chẳng còn mong gặp gỡ người yêu mà ta luống sớm trông tới đợi, mơ bóng tưởng hình, thì phận ta lại trở nên sao? Ta có phải sạch nợ tình, phản hồi cố địa đành chẳng? Hay là ta phải cam dạ sâu tình, tháng đợi ngày trông, mãi ru!

Tô Thường Hậu nghĩ thế nào sự cách bút gối chặn, chia uyên rẽ thúy như vậy đây, mình chịu cũng không nổi với cái tình thương nhớ buộc ràng, ái ân nồng mặn, thà cam một thác là xong. Từ đây Tô Thường Hậu càng nghĩ càng thương, càng trông càng nhớ, thêm biết về chuyện đổ bể tới tai Hồ Quốc Thanh, rồi Hồ phu nhân không thể nào đến chùa Bảo Anh cho đôi đôi gặp gỡ nhau nữa, Thì Tô Thường Hậu lấy làm đau đớn tâm tình, xốn xang gan tác không kể xiết. Ngày thì ngồi ngơ ngẩn như ngây, đêm luống ra vào không

ngủ. Năm canh thức đủ, trần trọc đêm trăng, biếng nói biếng cười, bỏ ăn bỏ uống. Biết vậy mà Tô Thường Hậu bữa nào cũng giả ý ra trước cửa chùa ngồi mà làm công chuyện đặng có ngóng trông người ngọc đằng xa; nghĩ đến cũng thương: mỗi khi Tô Thường Hậu thấy bóng ai đi lên, cũng ngỡ cho là Hồ phu nhân nên lòng vội mừng trong khoan khoái. Đến chừng người đi tới gần, coi ra không phải, thì lòng chàng chua xót xốn xang; chàng ngồi gục đầu mà khóc thầm, hết hồi khóc than một mình, rồi chàng cũng cứ nghĩ:

*"Chẳng may dải cầu đến đều
Thà đem vàng đá mà liều với thân".*

Quyết định vậy rồi, chàng lại ngó quanh quẩn một hồi rồi ngó lại trong mình mà thầm nói:

"Mình vẫn cũng nên phú hậu, cha mẹ để của lại trăm muôn, nào phải là nhà hàn vi đến đổi ra thân vất vả. Có sao mình thân hình ra đến thế này? Ấy cũng vì mình mang nặng chữ tình với Hồ phu nhân, đeo dạ thầm yêu trộm giữ. Chẳng may chồng nàng về thành linh, sợ đổ bể ra chồng nàng hay, nên phải lánh mình lên đây ẩn tích mai danh mà chờ đợi; cũng bởi nguồn ân không ngơ lấp, bể ái lại tràn trề, ta vì thương nàng; quyết hiệp nghĩa gởi chẵn với nàng, chẳng nệ tơ loan chấp nối, cho nên ta ôm cầm không nỡ dứt dây; còn như nàng, trót lỡ cùng ta từ ấy, nàng cũng say trăng đắm gió, yêu nguyệt mến hoa dan díu nhau không nỡ rời, nên nàng ép biểu ta – vì cuộc lỡ vỡ biết sao? – phải ra mà nấu nướng, chờ thuở nàng ôm cầm quá biệt; nên ta vì nàng mà phải cam đồ việc thí phát quy y, vào đây nương nấu, kê kinh qua buổi, phủ sạch hồng trần, ngày tháng nầu sùng, dưa muối sớm trưa chờ đợi. Nay rủi ta, đang ngồi nhân vội lấp, còn chi mong gặp gỡ nhau đây; hết sớm đợi tối trông, ngày thương đêm nhớ, há chẳng toan một thác cho rồi; kiếp này đành chia cách tương giang, kiếp sau nguyện nhút gia Hồ Việt".

Xét đến lẽ, Tô Thường Hậu, lòng sầu mặt héo, ruột thắt gan teo, chẳng còn biết sống là vui, quyết một thác cho rồi, cho khỏi hổ với kẻ ôm cầu thuở trước.

Chưa gì đã tới bữa ăn. Tô Thường Hậu măng có đeo sầu đắp thảm mà no, lại thêm lòng phiền miệng chẳng muốn ăn, song muốn giấu nhem sự tình, không cho ai soi thấu nỗi mình, nên chàng phải

guồng làm vui mà theo vào, ngồi lại chông bàn cùng các sãi. Thấy đồ ăn mà ngẩn ngơ! Sớm tương rau, tối cũng tương rau; trưa dưa muối, chiều cũng âu dưa muối! Tô Thường Hậu ngồi giọt lệ chứa chan! Sợ các sãi thấy mà đon hởi tâm sự mình chẳng, nên chàng, muốn che lấy lụy hồng, tay cầm dũa, tay bưng chén đưa lên, cuối mặt xuống mà che đôi mắt. Chàng làm bộ và nhiều dũa đặng có cầm chén để đó cho lâu mà che. Vậy mà đôi mắt cũng không ngưng, cứ đổ giọt chang com, ví tợ bình nghiêng nước đổ. Nỗi đau đớn biết kể sao cho cùng! Chàng thâm nghĩ, từ thuở bé đến lớn, dầu khi ở nhà, cho tới khi để bước giao du tứ hải, thật mình chưa hề biết đến mùi dưa muối với tương rau. Đồ ăn này cũng chưa phải là đồ ăn của mình cho kẻ hầu hạ cùng là tôi tớ trong nhà mình ăn; mà nay, vì một gánh tình, triệu triệu hồng vai nên nỗi mình phải cam ăn lấy sống. Vậy mà những khi mình còn trông mong gặp gỡ người yêu, mũi bắt lấy mùi lại biết ngon, biết thềm, lua lảo tợ cao lương mỹ vị. Nay chông tình tuy chưa mặng, mà đàng ngồi nhân xem đã lấp rồi, chàng ngó thấy những món đồ ăn chàng ăn từ buổi mới vào nương dựa cửa thiền chàng lại thối chí, ngả lòng, thêm một có dục lòng chàng Phủi rồi sự thế. Thật thì chàng.

*"Đã không biết sống là vui,
Tám thân nào biết thiệt rồi là thương!"*

Tô Thường Hậu lại còn nghĩ thà cam khuất mặt hơn đau lòng, thác trong hơn sống đục: "Nếu ta mà chẳng liệu bề quyền sinh, cứ ở đây ngồi khoanh tay mà ngậm thở nguôi than, trộm tiếc nợ tình chưa trả, thì cái nỗi uất ức vì lẽ xẻ nửa gối chăn, chia uyên rẽ thúy như vậy đây nó làm cho ta thân thể xỏ mòn, tương tư mang nặng, nhiều ngày rồi cũng không thể còn hồn. Vả lại ta vẫn biết Hồ phu nhân. Từ phen đá biết tuổi vàng, lòng hằng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ, Hồ phu nhân cũng thiệt dạ thương ta chẳng kém nào lòng ta thương nàng vậy: cho nên ta chẳng tưởng nổi cách bức này ta đeo sầu đeo thảm riêng một mình ta, mà ta lại dám tưởng cho nàng ở đó cũng như ta ở đây, cũng trong dạ như bào, gan teo ruột thắc. Không chừng nàng vì thương nhớ ta mà liệu bề quyền sanh trước ta, ta há chẳng phen người ôm cầu thuở xưa, mang mển khối tình xuống cửa nguyên ngôi đợi. Thế thì ta chẳng chi mà chẳng dám liều thân cho rồi một kiếp.

Bây giờ ta phải liệu cách nào mà chết cho êm? Từ xưa đến nay, tăng nghe có ba cách chết: Một là tự ải với guom hai là với dây, ba là thuốc độc; ta chọn lấy cách nào? Thoản lại từ xa xin vào cửa phật nấu nướng, ơn thầy chưa trả, nghĩa bạn chưa đền, không lý ta chết trong phòng này di họa cho chùa hư hại. Ta phải liệu mà chết cách nào cho quan làng không nói thốt chi đến ai trong chùa và cũng không nghi điều oan khức. Nếu ta dùng guom mà đâm hòng, dùng dây mà thắt cổ, dùng thuốc độc mà hủy mình, thì làm gì quan làng cũng nghi oan khức nổi nào, ức lòng nên nổi; thì chi cho khỏi quan làng đòi tới đòi lui, cật vấn xét tra tội nghiệp. đã vậy ta chưa ắc Hồ phu nhân cũng liều như ta, cho đôi lứa xuống diêm đài còn mong gặp gỡ. Chỉ bằng ta chết như vậy thì hay hơn, đã khỏi thiệt hại cho chùa, mà ta lạiặng cùng Hồ phu nhân khỏi đau dạ lìa sanh, giữ lời nguyện cũng không lìa tử. Vậy thì từ đây cấp guom theo mình ta luôn luôn, để chớ con nào, Hồ phu nhân giả ý dĩ cúng chùa mà viếng ta thừa lúc núp bóng vườn đào, tỏ tình thương nhớ, ta rút guom ra ta phúp nạng một cái, phúp ta một cái cho rồi sống chi cách trở".

Nhút định vậy rồi, Tô Thường Hậu mỉm cười vùng đứng dậy đi ra đi vào, đi lui đi tới, xem đường cỏi sạch sâu tình. Bồng đầu, lúc day mặt trở ra, Tô Thường Hậu ngó thấy vọi xa xa có kiệu của ai mà tốp trước tốp sau, đề huề đi tới. Chàng nghị quyết cho Hồ phu nhân nhớ chàng, đổi việc đi cúng chùa cho vui con gặp gỡ. Mà bộ phen ni chồng nàng nghi mà đi theo cho nên mới có kiệu trước kiệu sau tốp nam tốp nữ. Thấy vậy nghĩ vậy chàng lại càng vui mừng hơn; vui mừng đến nỗi chàng quên hết những mưu chàng đã toan, kể chàng đã định; chàng quên cho tới lưỡi guom chàng giấu để trong mình. Đến chừng hai kiệu tới cửa chùa, hai vợ chồng một vì thiếu niên nào đâu bước xuống, cùng nhau bước vào chàng mới trơ mắt đứng nhìn, lòng đà chung hửng; nhưng mà chàng cũng không thối chí ngã lòng. Chàng thấy người quốc sắc kẻ thiên tài chàng lại nhớ Hồ phu nhân trong buổi còn chông chạ một nhà sánh vai loan phụng, thì có khác nào đôi lứa trông thấy đây. Chàng lại thâm tính: "Hồ phu nhân thật lòng thương tưởng ta cũng như ta thương tưởng Hồ phu nhân, thì có lý nào ta trông đợi Hồ phu nhân mà Hồ phu nhân lại không hoài vọng ta. Vả lại cuộc gặp gỡ của đôi ta hãy còn dài;

nếu ta vội trả sạch nợ trần, Phủi rồi sự thế, thì chẳng là ta phụ tình Hồ phu nhân lắm chăng? Tuổi ta bây giờ chưa đầy hăm lăm; sự cách trở nhau có dài thì cho đi nội trong mười năm rồi đôi ta cũng hiệp. Từ hai hăm lăm tới già, đôi lứa trắng tóc xanh, tính lại cũng còn trên ba mươi năm, tưởng cũng đủ cho cuộc ái ân phỉ nguyện. Đường ấy ta nữ nào vụng suy mà làm cho ta thất vọng vậy sao. Không! Ta không dại gì mà hủy mình ta, cuộc ái ân ta hãy còn dài, chông tình ta chưa mảng. Hồ phu nhân với ta còn có thuở hiệp nhau một nhà chông hưởng cuộc vinh hoa phú quý. Thế nào ta cũng phải chờ đợi nàng, như lời nào đã căn dặn ta trong lúc phân tay, chớ vội mà ra phụ bạc.

Tô Thường Hậu còn đang suy tính duyên phận về sau, cuộc gặp gỡ còn dài, nhiều năm ân ái, bỗng không nghe có tiếng quan quân xạo xự trước cửa chùa, hè huội cũng dường đang khiêng đồ nặng. Lại cũng nghe có tiếng âm nhạc bên tai. Tô Thường Hậu vừa muốn tách mình ra coi cho biết việc chi, xảy nghe có tiếng thầy Hai truyền lệnh đại sư rằng: Các sãi, các vãi, các đạo, chúng tăng trong chùa phải mau đổi áo nhứt bình, kéo ra cửa tụng kinh rước xác. Quan tài còn để phía ngoài. Tô Thường Hậu chưa rõ là xác của ai, vừa muốn hỏi, lại gặp Hồ Lăng, nói mới biết Hồ phu nhân tạ thế. Hồ đồ đốc đem quan tài mạng phụ lên chùa, quàng để chờ khi mai táng. Tô Thường Hậu nghe qua cũng dường sấm nổ, chớp giáng, điếc tai quán mắt; chàng chết điếng trong lòng. Bởi vậy chàng đứng mà ngẩn ngơ, miệng không mở lời, mắt tuông giọt lệ. Chàng lại còn sợ nỗi dằn lòng không đành lộ dấu ai bi mà người soi thấu nỗi niềm chăng? Nên chàng cũng chẳng dám vâng lệnh đại sư, ra ngỏ tụng kinh rước xác. Chàng giả đau mà xin vào trong liêu.

Vào liêu chàng nằm lăn qua lộn lại, một tỉnh mười mê, xót dạ đau lòng tức mình ám ách. nghĩ không ra có gì mà Hồ phu nhân Phủi sạch nợ tình, phụ lời nguyên ước. Lăn khóc một hồi rồi chàng gượng gạo dậy ngồi khoanh tay mà ngó ra, chàng cũng chẳng dám mở hoát cửa phòng, cứ đóng chặt lại rồi, dòm theo kẻ ván. Nỗi đau đớn biết kể sao cho cùng! Chàng ngồi rình coi quan quân hộ đưa quan tài từ ngoài tới trong, cho đến khi quàng an bên điện rồi, chàng cũng chưa dám chường mặt ra, chàng cứ ẩn mặt ngồi trong nhà chịu lắm lúc gan teo ruột thắt. Nếu chẳng sợ tiết lậu sự tình mà phải

lụy mình về tay Hồ đồ đốc thì, khi mới nghe nói Hồ phu nhân chết cho đến khi hộ quan tài vào trong đẽ quàng, chàng đã vì cái tình chang chứa bấy lâu yêu vụng nhớ chừng Hồ phu nhân, ngày đợi đêm trông, đeo sầu đắp thảm, chàng đã nhào lẳng ra mà ôm lấy hòm, khóc than khun xiếc. Tưởng cho chàng còn tỏ tình thương tiếc Hồ phu nhân hơn người đã cùng Hồ phu nhân kết nghĩa tóc tơ, nặng tình vàng đá kia nữa. Nhưng bởi, chàng không danh không phận, không thể không quyền, dẫu rằng biển ái tràn trề nguồn ân dầy dẩy thì mặc lòng, chàng cũng còn phải sợ tội tình hòa dục nhờn thê, nên chàng phải cam ôm lấy mối tình cam ẩn mặt khóc thầm than trộm. Nhắc cân lại mà coi, thì cái khối tình của chàng đối cùng Hồ phu nhân nặng biết mấy cân. Thoản lại người mà mang mển gánh tình trên vai triệu triệu mà phải nép mình ẩn mặt mà ngó người yêu trong con vĩnh biệt, thì dầu sắt đá cũng đau lòng, chẳng lựa là người biết tiếc nghĩa hoài ân, niệm tình xót nghĩa thì gan ruột nào chịu đựng. bởi vậy trong giờ, chàng núp trong liêu ngôi dòm kẻ ván mà khóc, thì ai mới nghĩ sự khổ tâm của chàng là bao. Thật là chàng:

*"Đau đòi đoạn, ngất đòi hồi,
Tình ra lại khóc, khóc rồi lại than!"*

Tưởng cho chàng, chẳng cần kể ra cũng biết, trong một phút đồng hồ, mỗi tiếng lại qua "tích tắc" đó là một mũi kim, châm lòng chích ruột chàng, làm cho chàng tím phổi bầm gan, đau đón tợ dao phân phế Phủ. Thật chàng ngồi ngó sững nhìn trần, ngồi mà chết điếng trong bụng khác nào kẻ tội nhờn kia bị xử tử hình, giờ đã thúc tới, ngồi trong khám mà chịu đau từ phút, khổ từ giờ, đợi cho đến khi dẫn tới pháp tràng quỳ mà đợi giám quan hạ thủ. Nỗi đau đón tằm lòng, xốn xang gan tất của Tô Thường Hậu, trong những giờ khắc ấy có kém nào kẻ bị xử tử hình ấy đâu:

*"Đã không duyên trước chẳng là,
Thì chi chút đỉnh gọi là duyên sau!"*

Thật, Tô Thường Hậu lấy làm khổ tâm khôn kể xiết. Quan quân, quàng đẽ quan tài Hồ phu nhân an chỗ an nơi rồi, rút về lần hết rồi, trong chùa xem đã vắng hoe mà Tô Thường Hậu cũng còn ngại bụng các sãi thấu tình nên chưa dám ra tới chỗ quàng mà đổ giọt lụy hồng than tình tiếc nghĩa. Tô Thường Hậu phải ép trí nhớ,

dần lòng thương, hoặc ngồi trong liêu ngó ra, hoặc ở đằng sau trông tới, chờ đến lúc thâm canh, vắng đầu vắng chuông vắng hình vắng bóng rồi chàng sẽ lén ra chôn điện tiền khóc người mạng bạc. Lúc bấy giờ, trời vừa mới xế qua. Tô Thường Hậu nghĩ không lẽ mình ngồi trong liêu hoài mà giấu mặt cho đặng. Còn ra thì không dám ra, sợ nổi các sãi thấy mặt biết lòng chẳng dễ. Bề nào cũng phải ra cho có mặt mới an; song chưa biết làm sao mà bôi cái giọt thấm này cho mất dấu. nghĩ đến thật là khó cho cái phận chàng trăm bề. Tô Thường Hậu ra rồi trở vô, tấn thối lưỡng nang, tới lui không dễ. Rốt cuộc, chàng tính cũng không ra kế chi mà giấu nhem sự mình dùng để lậu cho ai biết, chàng phải toan nhắm mắt đánh liều! Chàng bước khỏi phòng lăm lủi đi thẳng ra nhà sau, múc nước rửa mặt sạch sẽ rồi mới dám chường ra làm bộ vui chuyện nói cười như thường, cho vẻ thăm lấp mạch sâu không cho ai biết. Chàng tưởng là nhem sự tình, có dè dàu, ngó đâu ngó đó thì không sao, hễ chàng mà ngó vào chỗ để quan tài Hồ phu nhân thì ruột thắt gan teo, trong dạ như bào, lụy tuông như xối. Chàng guồng cầm hết sức, mà cũng không ngăn nổi giọt sầu. Sợ các sãi dòm thấy rõ tình hình, chàng mới, con túng phải quyền, đưa tay dụi mắt và kiếm lời nói dối cho qua rằng: "Bụi rớt vô trong con mắt, thật rất xốn xang khó chịu!" Các sãi vô ý, ngỡ thật như lời, nên không ai nói chi; duy có một mình Hồ Lăng rõ thấu tình hình, bèn sinh kế quí. Hồ Lăng lết lại gần bên Tô Thường Hậu mà nói rằng:

– Sư huynh ôi, Hồ phu nhân là người ân của tôi; tôi mà còn sống đây cũng nhờ Hồ phu nhân rộng lượng. Nay chẳng may Hồ phu nhân tạ thế ly trần đi rồi, đem quan tài quàng để nơi đây, tôi biết mà giả lơ, ra mặt kẻ vong ân bội nghĩa. Tôi, từ hồi sớm mới tới giờ, muốn ra mà khóc lạy bà, thương tiếc người hiền, gọi tắt lòng thành hoài ân tiếc nghĩa, chẳng biết có đặng cùng chăng?

Tô Thường Hậu nghe mấy lời Hồ Lăng như chọc dạ sâu, nhắc tình khêu nghĩa, lấy làm đau đớn xốn xang quá sức. Bởi vậy khi nghe dứt chàng ngồi ngẩn ngơ dường dở tỉnh dở say; ngời chăm chỉ ngó Hồ Lăng, có không nháy mắt. Giây phút, chàng ngụ ý, mới đáp:

– Không nên đâu! Ta đây há chẳng phải là người mang ân mạng phụ như ngươi vậy sao? Ta cũng muốn ra chôn điện tiền để than đáp nghĩa; mặt ta luống e tình ngay mà lý gian, rủi có điều

gì đồ bể ra, người ta nghi mình, thì khó nổi kêu oan cho đặng. Chi bằng, có thương tiếc để lòng, một tiếng than thầm cũng đủ. Há phải đến trước quan tài khóc lạy mới gọi đền bồi sao?

Hồ Lãng nghe mấy lời Tô Thường Hậu khuyên dút, hiểu thấu ý chàng, nên mỉm cười mà chẳng nói ra, chàng cất để trong lòng chờ khi rình ý. Nghĩ vậy nên, Hồ Lãng gặt đầu tỏ dấu cảm ân Tô Thường Hậu rồi bắt chuyện khóc giả dầm giây lát mới chia nhau.

Bấy giờ Tô Thường Hậu còn một mình xét tới xét lui, lo quanh tính quất, tính đi tính lại mãi không ra kế chi, duy thấy chàng lộn ra lộn vào, đi lên đi xuống, hình như người lãng trí loạn tâm. Chàng tính đợi cho tới tối, trong chùa đầu đó lẳng lẳng như tờ, đặng chàng có lên ra chỗ quàng thầy Hồ phu nhân mà ôm lấy hòm khóc than người ngọc; mà, thắm thay, từ xế đến huỳnh hun cách không mấy giờ đồng hồ không hiểu tại sao chờ đợi hoài mặt trời không chen lặn, cứ chiếu dẫn hắt hờ tuông như cái tội tình hòa gian thăm than trộm trách giấu nhem trong lòng chàng, mặt trời đã soi thấu rồi sao mà chờ xem cho tạnh. Chàng lấy làm tức tối, nhức nhối quá chừng! Nhưng mà chưa để biết sao! Dầu rủi dầu may thế nào chàng cũng phải cam, để dấm hờ môi cho lậu tiếng.

Tối lại vào liêu, Tô Thường Hậu nằm khóc thầm mà đợi cho trong chùa đầu đó ngủ an hết rồi, chàng mới sẽ lên trời dậy để chon xuống giường, lần bước mà ra chánh điện. Lúc bấy giờ trong chùa tối đen, ngửa tay đà chẳng thấy; trước sau còn có một hai ngọn đèn chong leo lét bên hòm Hồ phu nhân; cảnh quạnh yêm diêm, xem ra gớm ghiết. Tô Thường Hậu vừa lần bước đến, thấy điện rộng rãi, bốn phía tối mò, giữa để một cái hòm rất lớn rất cao, nằm trên hai con ngựa, ngó ngay vô bàn phật. Trên hòm, hai đầu cặm hai cây đèn sáp nhỏ, dưới hòm chong một cái thép đèn dầu, nhờ ba ngọn đèn, tuy là cháy leo lét thì mặc dầu, cũng dọi đặng chông quanh, mới dòm thấy, một bên thì treo đại đồng chông, một bên thì treo đại cổ. Trống thì có cốt ông thiện, chiên thì có cốt ông Ác, trong bóng tối lờ mờ mà thấy hai cái cốt dữ tợn này cũng đủ mà rún sợ trong lòng, gan nào không nún. đã vậy ngó vô trong lại còn trông thấy những cốt phật, ông to ông nhỏ ông đứng ông ngồi, ông thấp, ông cao, ông trên ông dưới. Ngoài ra, chẳng còn thấy chi, nghe chi khác hơn là trong chùa thì chuột bầy nổi đuôi nhau mà chạy kêu

chút chút, trên trính thì thần lẫn chất lưỡi, giao canh; ngoài sân trên những cây cao bóng ngả, cổ thọ son hồ, lại nghe những tiếng chim hôm, góc này rủ rủ góc kia rừ rì, chim ụt kêu ụt ụt, chim cú kêu cú cú rất buồn, còn thêm một cái giống chim heo cắn lộn với nhau đôi tiếng kêu ét ét. Tô Thường Hậu ra tới giữa cái cảnh lạnh lùng thâm tối nầy, nghe thấy đà mọc óc đầy mình; nghĩ cho chẳng khác cho mình lạc lối, trong lúc canh thâu, vào cảnh đồng không, nằm giữa mả mồ vô chủ. Người dầu gan dạ nào vào hăm một cái cảnh như vậy há chẳng sợ mà tháo mình trở ra sao? Tật, Tô Thường Hậu thấy mà sợ nghe mà ghê, ngực đánh rầm rầm bồi hồi tất dạ; chàng đã giựt mình ý muốn trở lui; nhưng bởi trong lòng chàng còn chất chứa một cái mối thương tâm, lâu ngày đã thành ra một cái khối tình rất lớn, làm cho chàng thương thương sợ sợ, mà sợ kia không lấp nổi nỗi thương; nên chàng làm gan lần bước tới quan tài, ôm lấy hòm Hồ phu nhân mà khóc. Tô Thường Hậu khóc nức nở một hồi rồi ngồi mà kể thâm than trộm cùng người nằm đấy rằng:

"Minh ôi! Từ ngày ngẫu nhĩ gặp nhau tôi cũng tưởng cùng nhau căn dặn tất lòng, trăm năm tạc một chữ đồng ghi xương; nên tôi chẳng nệ tám thân khó nhọc, đem mình gởi chốn am mây ở mà chờ đợi mình, đợi có ngày sum hiệp; dè đâu, đêm nay đợi gần nhau, tôi ngồi đây, mình nằm đấy, có sao mình không một tiếng rằng chi cho phỉ tất nguyên; mình lại vội để bước diêm đài, tình chông chia gánh. Chẳng hay số mình vắn vỏi, khiến cho mình với tôi vô duyên nên phải chịu chia lìa; hay là mình vì tôi mà phải lụy mình, lấm tay kẻ nhẫn tâm sát hại. Minh ôi, cùng nhau đã nặng lời thề thốt, nay mà mình bỏ tôi ở lại chốn am mây này đây, mình ôi! mình nữ chẳng thương chẳng nhớ lời tôi đã nguyện cùng mình ngày xưa:

*"Dầu cho giải kiết đến điều,
Cũng đem vàng đá mà liều với thân!"*

Thế thì tôi há còn mong mỗi sống côi quạnh nơi côi trần này nữa chi..."

Tô Thường Hậu vừa khóc kể tới đây bỗng nghe có tiếng khua động bên chái. Tô Thường Hậu bèn vội vã đứng dậy chóng bước vào liêu, dường sợ có người rình nghe trong hóc tối.

Ấy là Hồ Lăng; từ nghe Tô Thường Hậu ngăn trở, mượn lời khuyên nhủ thấp cao. Hồ Lăng hiểu ý, bèn dần lòng chờ tới canh khuya rình coi cho biết. Lúc đang rình thấy Tô Thường Hậu ôm lấy hòm khóc kể, Hồ Lăng cũng muốn để nghe cho cạn sự tình; nhưng bởi rủi dẫu xảy tới thành linh, chuột làm cho chàng giật mình, trở tay khua động. Tô Thường Hậu vào liêu nằm than khóc một mình, khuya rồi mới mệt ngủ quên. Hồ Lăng bước ra trước, hết tới chỗ nằm, nghiêng tai nghe quả chàng đã giấc mê, Hồ Lăng mới sẽ lên cấp búa tới chặt néo cạy hòm, lấy châu báu ngọc ngà liệm để trong hòm, gói lại một gói đem lại phòng Tô Thường Hậu mà phao, rồi ra đi tuốt về dinh, báo công cùng chủ.

Hồ Quốc Thanh, tay sâu sắc nước đời, tấm lòng tàn nhẫn kia, từ sai Hồ Lăng thi hành kế quỷ cho đến khi vợ chồng canh thầu vậy tiệc thừa cơ giết vợ rửa hờn, giết rồi lại tri hô lên làm mặt ai bi, giả hình thống khóc, cầm khăn lau giọt lụy vô tình mà che miệng thế gian, rồi lại giả chuốc quàng thầy, tẩn liệm đem lên chùa Bảo Anh mà gởi, Hồ Quốc Thanh về dinh cứ ra vào không ngủ, năm canh thức đủ, tọa ngọa bất an, luống cuống trông tin Hồ Lăng, đặt có dẫn quan tới bắt cừu nhân về nha tấn tra cho đã giận. Hết ngày tới đêm, trông tới gần canh ba, mà chưa thấy Hồ Lăng về báo. Chàng lấy làm nóng nảy hết sức, một lo sợ cho Hồ Lăng mê ăn mê uống no say rồi không nhớ đến mà ngủ quên; hai là lo chàng vụng tính để lậu tình, cừu nhân đã lánh mình chốn khác. Sợ vậy nên lòng chàng bức rức bồi hồi khun ngồi khó đứng. Đợi mãi không thấy, chàng nóng nảy đến đổi kêu quân canh mà hỏi từ hồi; hết sức kêu hỏi rồi chàng lại mở cửa ra trước ngõ ngó chừng; ngó mong một hồi rồi vào, vào rồi lại ra, ra vào mãi dận chừng quân canh cửa. Qua tới nửa canh tư cũng chẳng thấy Hồ Lăng về. Hồ Quốc Thanh ra chắc lưới, vào dặm chon, xón xang tợ kim châm muối xát. Hồ Quốc Thanh dường đã ngã lòng. Nghe trống thành gần mông canh tư, chàng đã hết kể. Chàng tính vào phòng nghỉ an, chờ sáng sẽ toan kế khác. May dẫu, vừa mới trở gót chưa vào tới cửa phòng, xảy nghe có tiếng quân canh ở ngoài chạy vô báo rằng có đạo nhon gởi xin ra mắt. Hồ Quốc Thanh mừng cười, quày quả trở ra, miệng nói lắm thăm. Ấy là Hồ Lăng về đấy. Hồ Lăng về tới dinh, đem hết sự tình bẩm bạch, Hồ Lăng lại tiếp:

– Bấy giờ đây, Tô Thường Hậu còn đang mê giấc trong liêu; nếu thượng quan đến đó chó chầy; dặng đồ tại thử. Tôi vừa để gói châu báu dưới sàng rồi, tôi lật đặt chạy về phi báo.

Hồ Quốc Thanh nheo miệng cười cách sâu độc không hối hận chút nào, chàng để tiếng ban khen Hồ Lăng, rồi vội vã tới dinh quan Phủ doãn. Lẽ cố nhiên, quan Phủ nào ngờ một người như Hồ Quốc Thanh, là một vị anh hùng, vào ra trăm trận, nhấn tâm làm sự tể vì đến thế sao. Ngài cũng ngỡ cho là sự thật tình mà thôi chớ. Bởi vậy khi Hồ Quốc Thanh thâm canh tới Phủ, ngài tiếp vào trà nước giải lao rồi, Hồ Quốc Thanh nói ra, ngài liền tin mà lên kiệu tới chùa cùng Hồ Quốc Thanh tra xét.

Tội nghiệp cho Tô Thường Hậu bị râu khóc mà mòn mỏi, nằm xuống đã mê, nào có biết chi đâu. Mê cho đến đổi chàng nằm thấy Hồ phu nhân hiện hồn, ở trong hòm ngổi dậy, cầm đèn đi thẳng vào liêu, vỗ về kêu chàng mà bảo rằng:

*Tình nhân hồi tình nhân,
Mau thức dậy dòi chon,
Họa bên mình đã đến,
Chớ nằm đấy lụy thân!*

Tô Thường Hậu nghe kêu giục mình mở mắt, thấy Hồ phu nhân đầu bỏ tóc xă, mình mẩy ướt dầm tay cầm đèn đứng gần bên mình, thì lúc còn nửa tỉnh nửa say, lầm tưởng cho Hồ phu nhân hãy còn, tìm đến thăm mình cho phủ tình nguyên ước. Chàng vụt dậy ngổi mắng rõ biết bao; mắng đến đổi chàng với tay ôm nàng mà lụy chang đôi mắt. Không ngờ, chàng với tay tới mình nàng thì nàng lại dan ra, mà nói:

*Thiếp đã thác ra ma.
Mình có biết chẳng là?
Xin phải mau xa lánh
Cho khỏi lụy vì ta!*

Tô Thường Hậu nghe dứt, bèn với tay kéo áo, miệng thì kêu Hồ phu nhân, Hồ phu nhân; thì Hồ phu nhân đã biến mất. Tô Thường Hậu ngổi ngơ ngẩn như say. Nghĩ không ra mình vì mang nặng sự tình, thương thương nhớ nhớ mà mơ màng thấy, hay là Hồ phu nhân đã thác ra ma hiện hồn mách bảo. Nghĩ đến đây, Tô Thường Hậu

lại thâm hỏi lấy mình: Như quả Hồ phu nhân hiển hích vì tình mách bảo cho mình, bảo một hai mình xá kiếp đời chơn, kéo họa tới thành linh trở tay không kịp, chẳng hay họa ấy là họa gì mà Hồ phu nhân nói bên mình đã đến? Chưa kịp xét ra, bỗng đâu, Tô Thường Hậu nghe có tiếng giầy bước đến phòng mình, bèn vừa ngoảnh mặt ngó ra, thì đã thấy người xô cửa phòng bước vào, hỏi Tô Thường Hậu. Chàng lật dật đứng dậy, chưa kịp đáp lời thì người bước vào trước hết nói: "Ta là quan Phủ doãn tỉnh này, vì có đơn cáo người trộm của báu nhà quan liệm trong hòm mạng phụ nên ta tới đây xét bắt".

Dứt lời, bèn hô quân bắt Tô Thường Hậu trói lại rồi lục soát nội phòng lấy ra một gói để dưới chõng Tô Thường Hậu nằm đem ra mở xem, thì thấy quả châu báu ngọc ngà, nhà tâm thường đâu có. Dẫn người và cửa ra chỗ quạng Hồ phu nhân mà coi, mới hay hòm kia bị phá, quan Phủ đưa tay chỉ hòm, mắt xây lại ngó Tô Thường Hậu mà hỏi:

– Người có biết ai cạy phá hòm của mạng phụ mà trộm châu báu ngọc ngà đấy chẳng? Người thật là to gan, chẳng sợ phép quan luật nước.

Tô Thường Hậu thành linh bị bắt trói, thì ngẩn ngơ nào có biết; đến chừng quan Phủ chỉ hòm, chỉ ngọc mà hỏi, Tô Thường Hậu lại càng chết điếng trong lòng, mắt đổ giọt, miệng mờ không ra tiếng. Chàng chẳng biết một lời chi khác hơn là ngửa mặt kêu oan. Trong chùa từ đại sư tới chúng tăng thấy sự tác tệ như vậy, đều mắc cỡ mà giận tràng hung xúm máng Tô Thường Hậu là quân côn đồ, dám đối việc tu hành mà làm những điều gian ác. Tô Thường Hậu khôn chối cãi lẽ nào cho qua, cứ việc đứng gằm đầu mà chịu. Khám nghiệm xong, quan Phủ dạy dẫn Tô Thường Hậu đem về trước tổng giam; còn quan Phủ thì lấy gói châu báu ấy để làm tang, rồi đi sau cùng Hồ Quốc Thanh, thỉnh thoảng bước đến chuyện vãng. Hồ Quốc Thanh thừa lúc mới nói nhỏ cùng quan Phủ rằng:

– Chuyện trước mắt như vậy đó, tang chứng hiển nhiên; nếu không có quân về báo với tôi, thì tôi có biết đâu mà cầu ngài tra vấn. Vẫn biết, tôi là một vị quan Đô đốc nắm cả binh quyền lớn trong tay, tôi có đủ quyền mà xử một đứa gian chớ chẳng phải không, mà nhút là gian của châu báu liệm để trong hòm mạng phụ; song

tôi không muốn thiên hạ nói tôi ỷ quyền giết oan mà thán oan tôi; nên tôi xin trông cậy tay ngài tra minh bạch, cho kẻ vô tội khỏi mắc hàm oan. Còn như đủ có đủ tang, tội nọ đã đành, lỗi kia không thể chối, thì xin ngài cứ phép gia hình, rửa hận giùm cho ở nhà tôi, tội nghiệp thay, thác rồi nằm không an, còn phải bị côn đồ làm nhục. Ân ngài tôi chẳng hề quên.

Quan Phủ nghe lời Hồ Quốc Thanh cầu mình thì lấy làm thương tình, bèn đáp:

– Xin ngài an tâm để đó mặc tôi; tôi chẳng để cho lũ bất lương hỗn hào chẳng kiên phép nước. Nhứt là nó dám làm nhục một vì mạng phụ, dầu muôn thác nó cũng phải cam.

Mãng trò chuyện lại qua, mà tới đàng tử không hay; quan Phủ kiếu Hồ Quốc Thanh mà tách đàng về dinh; Hồ Quốc Thanh còn với theo căn dặn hết lòng làm thẳng. Về tới dinh, Hồ Quốc Thanh vào liền thẳng lại tử mở ra lấy hai cây bạc phong để trong quả rồi ngồi lại thảo một bức thư, sai kẻ tâm phúc bung qua dâng cho quan Phủ. Thật là người sâu độc phi thường. Xét như một vị đồ đốc, có việc cây đến quan Phủ doãn một lời nói cũng đủ quan Phủ vị tình mà làm thẳng tay; huống chi đồ đốc dùng tới lễ mà cầu, thì phận quan lẽ cố nhiên lại càng phải sốt sắng hơn. Cho nên quả bạc ấy với bức thư này, có khác gì liều thuốc độc, một lưỡi guom linh của Hồ Quốc Thanh gởi đến Phủ cây tay quan Phủ giết giùm kẻ cô thế, cô thân mà rửa chút hận tình bấy lâu ôm ấp. nghĩ đến thật cũng quá đau!

HỒI THƯ NĂM

**Tô Thường Hậu chịu hàm oan nơi ngục thất
Hồn Đào Anh đội trạng cáo giữa công đường**

Quan Phủ doãn trước đã muốn cho đăng lòng Hồ Quốc Thanh, sau nhờ người giúp đỡ, nên đã sẵn lòng tra khảo Tô Thường Hậu cho ra, để kết án tử hình, xử quyết Tô Thường Hậu. Tính vậy mà chưa kịp dẫn Tô Thường Hậu ra vấn tra, đã thấy có bạc và thư Hồ Quốc Thanh gởi sang, căn dặn tra cho đến lẽ, thì quan Phủ ngụ ý biết Hồ đồ đốc quyết chẳng dung tình, muốn cây

tay mình, lại còn thúc hối; bèn cười rồi dạy quân lính dẫn Tô Thường Hậu ra giữa công đường tra hỏi.

Tô Thường Hậu đến giờ này hãy còn tưởng mình vô tội luôn, nghĩ cho bất quá là một vụ vu oan để nhờ mình quan tra xét. Cho nên tuy bị giam cầm nơi ngục, từ ấy những giờ mà lòng chưa ngã lòng, dạ không lấy chi làm buồn dạ. Chàng ngỡ lấp sấu tình, gương gạo tới lui đứng ngồi tỉnh táo, để mà chờ lệnh quan đòi hỏi. Bởi vậy khi lính vào mở còng dẫn ra. Tô Thường Hậu mặt có sắc vui, nói cười rất tỉnh, xem dường như Tô Thường Hậu không nao núng chút nào. Ra tới giữa Phủ, là chốn thịt nát xương mòn, từ xưa những nay nhiều tay gan sắt mình đồng, ra tới đó còn phải kinh tâm táng đởm thay; huống chi Tô Thường Hậu là một người con nhà giàu, lại thêm tướng tá học trò chưa từng chịu đòn roi mũi vọt, lẽ đâu lại chẳng sợ run. Biết vậy mà Tô Thường Hậu ra tới Phủ, mặt không biến đổi sắc chàm, lòng cũng không hồi hộp, chàng cứ việc ngồi suy nghĩ một mình, mắt nhìn tứ cố; nhìn khắp hết rồi chàng lại ngó ngay vô giữa, Phủ đường mà xem; chàng thấy những đồ nghề của quân nha lại bất lương sấm để sẵn mà chờ tra khảo người cho đổ máu. Thấy vậy chàng lại mỉm cười và thầm nói: "Ta phạm tội gì mà bắt ta còng trói đêm ngày, lại còn dẫn đem ra tra khảo? Còn như lũ gian ác, lấn thế ý quyền cậy phép nước oai vua mà áp chế người lấy của; thật rõ ràng là lũ hút máu người, có sao luật đâu, phép đâu lại nỡ dung dưỡng, không bắt nó ra làm tội?"

Nói tới đây bỗng nghe có tiếng gọi gọi vào; lính bèn dẫn Tô Thường Hậu vô để ngồi giữa nhà chờ quan tra hỏi. Tô Thường Hậu mặt ngó lên, thấy giữa có một vì quan ngồi; hai bên có lính hầu, thêm giáo đóng hàng châu, oai nghiêm tỏ rõ. Tô Thường Hậu liếc xem tướng diện quan Phủ, coi ra người thuần hậu hiền lương, thì có bụng mừng cho mình gặp đấng minh quan, mình giùm oan khức. Nào hay chỗ tưởng của Tô Thường Hậu quá lầm. Mắng khắp khởi chưa qua, bỗng nghe có tiếng quan Phủ gọi mình bảo phải khai cho thiệt.

– Tô Thường Hậu, ngươi thiết tên họ là chi, quê quán ở đâu, cha mẹ làm nghề gì, người làm nghề gì trôi nổi tới tỉnh này hồi nào, vào chùa hồi nào khai cho mình bạch?

Hồi bộ coi dữ tợn, tiếng tâm rang rãng, mắt trùng như cộp nọ nhìn mỗi; Tô Thường Hậu nghĩ biết mình lầm rồi, khun thế vấy vùng khỏi tội, Tô Thường Hậu mới bắm:

– Bắm quan lớn, tớ thiệt họ Tô Thường Hậu, quê quán ở Quế Châu nhà cha mẹ sang giàu, của trăm muôn dư để, bởi cha mẹ tớ sớm mất đi rồi không ai kèm thúc, tớ mới đi xứ kia sang xứ nọ, dạo xem cho khắp giang hồ, trước là dạo cảnh xem người, sao lựa chỗ chọn người cuối làm nội trợ. Rủi tớ đi tới đây, tớ ngụ nơi khách phòng, một bữa tớ dạo xem phường phố, để đồ đạc ở phòng bị gian nhân đoạt hết chẳng còn; đồ đạc không còn, tiền bạc cũng không, lại thêm tứ cố vô thân, tớ không biết tính sao về xứ, đã vậy lại còn thêm chủ phòng không chịu chứa, biết chi đắp đổi cho qua túng thế tớ không biết liệu sao, tớ phải cam phạm xuất gia, vào chùa nhờ cơm Phật. Tớ mới vào ở đây chưa đầy một tháng nay, Bắm thượng quan, rõ ràng họa gởi tai bay, tớ vốn thật người ngay mắc nạn!

Quan Phủ:

– Chưa, ta là hỏi đến đó đâu mà mi la oan. Oan làm sao mà mi gọi oan? Đã bắt đăng quả tang, còn chi nữa mà la oan than ức. Ta thật chẳng muốn nghe mi nói tới tiếng oan. Ta chỉ muốn cho mi thuật rõ sự nầy cho ta nghe:

Mi cạy hòm phá nắp hời nào, cấp của trộm đồ với ai; có ai bày biểu cho mi chẳng, hay là một mình mi sắp đặt? Mi cứ thiệt khai ngay cho ta nghe thì hay hơn là đội quân lính phải nhọc công tra khảo. Dùi nọc với roi da kia mi có thấy chẳng?

Nghe mấy lời nghiêm khắc của quan Phủ, Tô Thường Hậu ngược mặt lên liếc ngó quan Phủ mà thầm nói rằng: "Thuở nay chưa từng quen biết, mà cũng chưa từng gặp gỡ lần nào, có sao quan Phủ lại tỏ lòng sâu hiểm với mình, làm in như tuồng mình đã có làm mịch lòng Ngài, nên Ngài để dạ oán thâm, chờ con trả thù thâm cho đăng, nghĩ thật cũng khó mà dò đăng đáy lòng sâu độc của Ngài. Bằng chẳng vậy, có lý đâu khi mình mới bước vào, Ngài vừa thấy mặt, thì Ngài đã hầm hầm uống huyết ăn gan; vả lại việc chưa vấn tra chưa rõ ngay gian, Ngài buộc quyết, vì có gói đồ tang đã sẵn. Tức mình, Tô Thường Hậu mới Bắm:

– Bẩm quan lớn, tó đâu có rõ việc cạy hòm trộm báu ấy đâu hòng biết có ai bày biểu. Thật tó mắc ngủ không hay biết đặng lẽ gì. Chùng sáng ra, quan Phủ tới phòng, xét bắt đặng đồ tang, tó mới hay nông nổi. Chẳng rõ có ai oán tó, quyết vu oan giá họa thế ni, thật rõ ràng họa gởi tai bay, xin quan lớn xét giùm cho tó nhờ, chón ly tiết lẽ đâu chẳng có người ngay mắc nạn.

Quan Phủ nghe dứt liền đập bàn xô ghế, trợn mắt, nghiêng rắng; ngó Tô Thường Hậu lườm lườm như cọp đói ngó mồi rồi lại đưa tay chỉ ngay mặt Tô Thường Hậu mà khoát mắng rằng:

– Cha chả! Mi làm ra có đổi ni, tang chứng rắng rắng, mi còn dám chối rắng mi không biết?

Mắng rồi quan Phủ xây mặt qua bên tả, kêu lính và nói một mình rằng: "Giấu ta ta sẽ liệu bề giấu cho!" Tức thì có lính chạy vào, đứng khoanh tay chờ lệnh. Quan Phủ mới bảo:

– Quân bay đâu, căng dùi nọc nó ra mà tấn cho ta coi nó có chịu không cho biết!

Quan Phủ chưa kịp dứt lời, bỗng nghe tiếng dạ rân, liền theo đó quân áp lại kéo cổ Tô Thường Hậu đè nằm dài mà căng dùi nọc. Tội nghiệp cho Tô Thường Hậu từ ấu chí trưởng chưa từng chịu khổ hình, nay chẳng may vì một chữ tình mà phải kẻ vu oan, nguyệt mình nan chiếu, nên nổi, quân vừa đóng nọc, tay chon kêu râm rât, mới căng ra mình mẩy đã chết tê, thắm thay, đứt ruột rà đôi giọt lệ chảy đầm dề, rân gân cốt nghĩ ghê quá đổi. Roi đom ngọn đôi bên quất xối, gan dạ nào chịu nổi không la, cả mình đều đổ máu xể da, đá cũng nát huống là xương thịt!

Tô Thường Hậu chịu không nổi ban đầu còn kêu khóc xin tha, lính quất riết một hồi chàng nằm thiêm thiếp coi ra đã chết giấc. Thấy vậy, quan Phủ dạy mở Tô Thường Hậu đem ra đổ thuốc cho chàng tỉnh lại. Hầu lâu Tô Thường Hậu mới lấy hơi thở ra, giây phút lại cựa mình rên siết. Cách chùng một giờ đồng hồ mới tỉnh, Tô Thường Hậu mở mắt ra thấy mình nằm ở giữa khám đường, dòm tứ phía không ai, lại đau đớn cựa mình đã không nổi, thì chàng lấy làm lạ lắm. Chùng dòm lại mình, thấy quần áo tả tơi vấy đầy những máu, chàng mới hay mình bị tấn tra rách thịt xể da; trời đất ôi khúc oan này ai có thấu chẳng là, thân chưa biết còn phải ra sao nữa!

Còn đang than khóc một mình, bỗng đâu có quân vào dẫn ra, đem để vấn tra lại nữa. Bấy giờ Tô Thường Hậu sợ đã thất thanh, thấy mặt quan Phủ đã hết hồn, ví chẳng khác chim nọ bị cung nghi bóng. Chàng chẳng hề dám liếc ngó tới mặt quan Phủ như lúc ban sơ; chàng cứ ngồi ủ mặt châu mày, cuối mặt ngó ngay xuống đất. Chập lâu, nghe quan Phủ kêu hỏi lại nữa:

– Tô Thường Hậu, mi còn chối cãi lẽ nào nữa thôi? Tang án sờ sờ, ta đã thương mà biểu mi chịu thiệt khai ngay đi cho rồi, cho khỏi nhọc lòng quân tra tấn; có sao mi không chịu thiệt, còn dấu dím ngã nào, mi phải biết, mi nhặng dầu có tài xa chạy cao bay, cũng khó nổi giấu, vì một lẽ lưới thưa mà khó lọt. Thà mi chịu thiệt đi, ta liệu bề châm chước cho chẳng là hay hơn sao? Nếu mi không ăn năn, chối hoài, ta luống sợ cho mi, bị tra khảo mà nang tổn tính mạng đó mi.

Quan Phủ nói rồi lại đỡ:

– Ta xem tướng diện mi chẳng phải là gian nhân, tướng của mi dầu không phải con nền phú hậu, bực tài danh, thì mi cũng là bực học sanh tốt nghiệp. Không lý mi làm sự tể vi ấy đâu. Đây chắc mi nghe lời ai biểu ai bày, không cũng có tay xúi giục. Mi hà chẳng tưởng mi khai thiệt cho ta bắt hết mà làm tội, để cứu giải mi khỏi tội sao?

Tô Thường Hậu liền bẩm:

– Quan lớn ôi! Oan tôi lắm quan lớn ôi! Chuyện này đây tở thật không hay, đâu có kẻ mưu bày kế biểu. Quan lớn ôi, họa ở đâu không hiểu, đem tới vu cho tở chịu hàm oan, phận hèn này xin nhờ lượng minh oan, may thoát khỏi tai nạn cùng chẳng!

Thảm thay, Tô Thường Hậu kêu oan bao nhiêu; làm cho quan Phủ nổi giận bấy nhiêu; mà hễ quan Phủ giận thì dạy tấn tra thì Tô Thường Hậu rách thịt xẻ da, chịu không thấu một ngày chết dư ba bốn bận.

Quan Phủ nghe Tô Thường Hậu từ chối nữa thì dừng mày trợn mắt vỗ bàn vỗ ghế mà quả van rằng:

– Tang chúng rõ ràng, mi còn kêu oan than ức mãi sao? Có họa là phần số mi đã hết rồi, phải thác giữa này về tay ta tra khảo, mới là khiến cho mi khẳng khăng một lòng quyết hẳn; chớ có lý đâu

đã bắt đặng đồ tang tại phòng mi, mi còn muốn đổ tội cho ai mà mi không gánh chịu. Hay là mi nói chúng tăng dứt néo bữa hòm mạng phụ, lấy đồ đem mà giá họa cho mi?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tó không dám nghi cho chúng tăng vu oan giá họa cho tó, song tó quyết hẳn rằng, chẳng rõ có bởi đâu, có kẻ ghét vợ, mong hại tó, làm ra có đổi thật tó chẳng phải hạng người làm đến đều di xú bách niên. Vả lại, Hồ Lăng biết tó chẳng phải là người xa lạ chi với Hồ phu nhân...

Quan Phủ:

– Khoan, mi nói cái gì mà mi không xa lạ chi với Hồ phu nhân, nói lại cho ta nghe thử?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tó tuy chưa hề biết mặt Hồ đô đốc ra sao, chớ như Hồ phu nhân, mấy phen đến chùa dung hương tó cũng đã mang ơn rất nặng, lý nào tó nhẫn tâm làm sự tệ vì như thế. Tó tưởng cho Hồ Lăng, vì đã gần tó nhiều ngày, biết rõ tó là người phải quý. Nếu quan lớn muốn đòi Hồ Lăng mà hỏi thì tường.

Quan Phủ:

– À há! Mi tưởng Hồ Lăng chưa có khai đây sao? Này, mi hãy lóng tai, ta đọc lời Hồ Lăng cho mi nghe:

"Trong đêm mờng sáu rạng mặt mờng bảy, lối bước đầu canh ba, tôi Hồ Lăng là người của Hồ đô đốc sai lên Bảo Anh tự ở mà coi chừng quan tài, tôi có nghe và thấy rõ trong giờ ấy Tô Thường Hậu đạo nhon, ra chỗ quàng mạng phụ mà làm chi khua động, lúc trong chùa lặng trang như tờ. Tôi vừa bước ra coi, thì Tô Thường Hậu đã vào liêu mà ngủ. Tôi thấy hòm dứt néo cạy nắp, tôi thất kinh, chẳng quảng bờ bụi chông gai, canh khuya đàng vắng tôi chạy tuốt về dinh phi báo cho lệnh trên tường tấ".

Đó, lời khai của Hồ Lăng như vậy đó, mi còn nài đòi hỏi Hồ Lăng nữa thôi? Mà mi có lúc canh khuya, ra chỗ để quan tài Hồ phu nhân mà làm gì khua động chẳng?

Nghe dứt lời khai của Hồ Lăng, nghe tới câu hỏi của quan Phủ, Tô Thường Hậu đứng chết sững dường như người có xác không

hồn, ví tờ kẻ còn mơ trong mộng. Chàng, giây phút tỉnh lại, nghĩ ra mới biết Hồ Lăng đã trá đờm hành; muộn rồi, ăn năn thì sự đã rồi, tại bởi mình quá tin nên mắc. Bấy giờ biết chối cãi lẽ nào cho qua. Mà cũng không lý mình chịu thiệt sự tình của mình với Hồ phu nhân, chịu như vậy mình đã chẳng cứu nổi thân mình, mình lại làm nhục cho người mình thương, đã thác xuống cửa tuyến, còn không an nhắm mắt. Nghĩ vậy rồi Tô Thường Hậu bèn cuối lạy quan Phủ mà bẩm rằng:

— Tớ chẳng hiểu sao mà Hồ Lăng, lấy nghĩa làm thù lấy ân làm oán mà khai vãi cho tớ như vậy; chớ thật tớ có ra chỗ quàng thây mạng phụ làm gì trong lúc thâm canh cho khua động. Có họa là Hồ Lăng thấy ai mà tưởng lầm là tớ sao chớ. Vả lại tớ cũng đã lớn khôn, tớ đâu có bụng gian tham cấp của hồn ma đi nữa, tớ đại gì không đem mà giấu đâu, lại nhè trong phòng mình mà giấu. Một có ấy, tưởng cũng đủ mà khêu dạ minh quan, quyết đoán ngay gian hai lẽ; phận tớ, không còn biết cãi lẽ nào!

Quan Phủ nghe qua cũng biết lời cáo là lời hữu lý, song quờn tước của Hồ Quốc Thanh lớn hơn, bạc với thơ quân bụng đem qua cho kia, mạnh hơn, không lẽ vì một có nhỏ mọn ấy đủ giải nghi mà nhắm mắt bỏ qua cho mịch lòng người trên trước. Cho nên quan Phủ tỏ hình như "đói bụng điếc tai", Tô Thường Hậu nói chi cũng trời thấy, cứ việc ép biểu khai mình có. Một tiếng chối của Tô Thường Hậu đủ làm cho quan Phủ truyền lời đình chi nộ, phẩn lịch chi oai, truyền cho quân cứ đánh khảo hoài, tội nghiệp cho Tô Thường Hậu, mình mẩy xể xài, mặt mày rách nát. Một ngày chết đi sống lại không biết mấy lần. Có khi bị đánh chết giắc cả đôi ba khắc đồng hồ, chùng vực hồn lại, tỉnh ra Tô Thường Hậu khóc và thầm than:

"Hồ phu nhân ôi! Có hay nông nổi!"

Tô Thường Hậu khi nào tỉnh, nằm một mình nơi ngục thất, nghĩ đến khúc oan, thì lấy làm tức giận bồi hồi, xốn xang gan tất. Chàng thâm xét sự tình của chàng với Hồ phu nhân đã cùng nhau chung chạ đứng ngồi, áp yêu chăn gối, tình nghĩa mặn nồng kẻ không xiết nổi; lại thêm đôi đàng còn để nguyện cùng nhau mái tóc không dời, lòng tơ chẳng đổi, quyết cùng nhau chung gối trọn đời; có dè đâu, bình địa ba đào, khiến nổi cây cao vội ngã; làm cho đường ngời nhân

đã lấp, còn chỉ mong đem tơ loan chấp chới kim lạnh; từ đây kẻ dương gian người âm kiến đã đành, còn chỉ đợi yến anh vầy hiệp.

Đã vậy lại còn phải mang lấy cái tai bay họa gởi, của ai đem giá họa vu oan cho chàng như vậy đây; chàng nghĩ không lý chàng đành tiếc chút thân khốn đốn này nữa chi mà làm nhục cho người đã thác xuống suối vàng không an nhắm mắt, nên nhiều khi chàng sợ sống thừa, mà phải chịu tấn chịu khảo, nát thịt tan xương, nên nhiều khi chàng muốn liều mạng quyền sinh cho rồi, sống chi cho khổ. Chàng tính muốn va đầu vô tường mà thác cho rồi; nhưng bởi lính tráng canh giữ nghiêm nhặt quá, không để nói ra một phút nào làm sao cho được. Phần lại cổ mang gông, tay mang còng, chơn mang xiềng, day động dờ không muốn nổi, làm sao mà tự vận cho được. Có lúc chàng lại muốn vì tính đã hết kế mà không nên một kế nào, chàng lại muốn nhin đói nhin khát mà thác cho rồi, sống chi phải chịu khảo chịu kệp, chịu đòn chịu bộp, một ngày đôi ba bận.

Bởi chàng còn mối nào đây, nên chàng tính đợi, phải để vậy mà chịu mình mấy nức nở như trái dưa gang, thân hình như nộm nang, càng bữa lại càng rút rĩa. Quan Phủ ban đầu còn mỗi ngày mỗi đem ra khảo, sau lại vài bữa tấn một lần, trông cho chàng chịu tội cho rồi, đợi có lên án tử cho vừa lòng Đô đốc. Chẳng biết Tô Thường Hậu là mình đồng gan sắt chi mà khảo chùng nào thì khảo, chàng cứ việc tro tro như đá. Chàng cứ khóc kể kêu oan than tức vậy hoài. Kể đã dư một tháng trường quan Phủ tra hoài không ra mối. Ngài không biết liệu sao kết án hành hình. Túng thế, chàng phải để vậy mà khảo cầm chùng và hện lần, rồi xin thuyên nhậm.

Chẳng khỏi bao lâu, có quan Phủ khác lại thế; Tô Thường Hậu nghe đồn có lòng mắng trông mong đợi một vị minh quan, tra ra giùm khúc oan, cứu lấy thân khốn đốn này ra khỏi nơi tử địa. Ngặt nỗi Tô Thường Hậu trông mong bao nhiêu, Hồ Quốc Thanh cũng trông cậy bấy nhiêu; hễ có quan mới tới nhậm, thì Hồ Quốc Thanh cứ chơi miếng cũ hoài; là viết thơ phong bạc để vô khay sai quân bâng tởi. Bị vậy mà Quan Phủ mới nuốt ột rồi cũng ngã theo phe với Hồ Quốc Thanh, cũng cứ tra tấn ép biểu Tô Thường Hậu phải mau chịu thiệt đi cho rồi, đợi ra làm án. Tô Thường Hậu cũng cứ việc chối dài, một hai không tội. Quan Phủ này tra khảo lại càng độc hơn, dữ tợn hơn. Muốn cho đợi lòng Hồ Quốc Thanh, ngài dạy

lính nướng kèm cho đỏ mà kẹp vé non, chế dầu lửa vô chơn mà đốt. Tô Thường Hậu khóc la thối dậy Phủ, chết giấc một ngày không biết mấy lần.

Làm dữ vậy mà đi lại rồi tra cũng không ra, túng phải nhắm mắt bỏ qua như Quan Phủ trước. Rốt cuộc không làm chi nên việc rồi cũng lặt đặt xin đổi đi liền.

Cách ít bữa sau, nghe đồn có quan Phủ Trang Tử Minh đáo nhậm. Nghe đồn ai nấy đều để ý tới xem. Thật đáng mặt một vị minh quan, diện mạo đường đường, oai phong lẫm lẫm. Ngoài ra còn nghe, ngài có tánh cương trực phi thường. Ngài hay thương những đáng anh hùng những tay hào kiệt. Chẳng hề biết vị giàu hiếp nghèo, sợ mạnh hiếp yếu bao giờ!

Tô Thường Hậu lòng mắng khắp khởi, chắc rằng dặng một vị minh quan như Ngài, nổi oan nầy sao cũng dặng minh; vì thuở nay đã có nghe danh Ngài chẳng kém tái Bao Công, việc xử đoán một mảy lông không qua lọt. Tuy vậy mà biết vậy ai tỏ hết khúc oan của mình Ngài nghe! Tưởng cho Ngài dầu có lòng công bình chánh trực thế nào, soi sáng cách nào đi nữa thì bất quá như mặt trăng mặt trời vậy thôi; mà nhật nguyệt tuy minh phúc, hồn còn nang chiếu thay, huống chi Ngài cũng người phạm mất thịt như ai; nếu ai không cậy dặng tay, đem khúc độc giải bày, để cho nó cứ theo khai báo và giấy tờ nội vụ mà vấn tra phân xử, thì cũng khó nổi trọng vậy Ngài là tay cứu vục người ngay, ở chốn ly tiết này mắc nạn.

Nghĩ đến điều, Tô Thường Hậu lại nhớ Hồ phu nhân có hiện hồn về kêu mình bảo phải mau dời gót lánh mình, rõ ràng nàng thật anh linh, chết rồi còn hiển hiện nhưng bởi tại nơi mình nặng vì tình ngôi mà ngăn ngại, cứ để diên trì, mới ra nông nổi. Phải mình tin theo lời xá kịp lánh thân, thì có đâu mắc vòng lao lý. Ngôi nhớ lại mà xét nét vậy rồi chàng lấy làm ngậm ngùi, thương tưởng Hồ phu nhân; mà hề chàng thương Hồ phu nhân bao nhiêu, tưởng Hồ phu nhân bao nhiêu, thì chàng lại càng.

*"Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng vằn mà đau"*

Tô Thường Hậu nằm co dũi nơi ngục hình, rên xiết một mình, khóc than khun xiết. Hết hồi khóc rồi chàng lại gấn gượng dậy ngồi,

ngước mặt ngó ngay lên khoảng trống mà xem trời, trong lúc nhặt xế tây đài, mây đỏ mây xanh cuộn bay lấp núi. Ngồi ngó mênh mông một hồi rồi chàng thở ra, nhìn lại cái gông trên cổ, cái còng nơi tay, mình mẩy xể xải, áo quần rách rưới, thì chàng lấy làm khổ tâm sâu não biết bao. Đã vậy chàng lại còn sực nhớ đến mỗi ngày dẫn ra vấn tra hai buổi, chết giấc mấy lần, chàng lại càng đau đớn tất lòng, đổ giọt máu theo nước mắt. Chàng thầm vái Hồ phu nhân, có khi chàng lại gọi đến hồn Đào Anh có linh xin chứng. Có phải số mạng chàng đã tận, khiến cho tới đến đây cuộc thế Phũ rồi, nợ tình trả sạch, thì xin hãy giúp cho chàng điu dắt giùm hồn chàng đi lộ xa chơi; còn như số mạng của chàng hãy còn dài; ân oán có ngày bồi đắp, thì xin hiện hồn về mách giùm cho án quan, rõ thấy cơ gian, minh oan cho đảng: kéo để thân này, Hồ phu nhân ôi, Đào Anh ôi...

"Dạ..."

Than thở tới đây thành linh Tô Thường Hậu nghe tiếng chủ ngục kêu, bèn liền đáp dạ. Dạ rồi chàng lại nghe lời chủ ngục troàn rằng:

— Có lệnh quan lớn đòi, người hãy ngồi dậy sửa sang theo vào hầu cho kíp!

Tô Thường Hậu liền vâng, guồng dậy bước ra, thu ba đồ giọt. Cái giờ khổ tâm cực xác, đau dạ xốn lòng đã đến trước mắt rồi!

Đây nói đến quan Phủ Trang Tử Minh vẫn là người sanh trưởng ở Quế Châu, con nhà hàn vi, học hành nổi tiếng. Năm hai mươi hai tuổi ra thi ngài chiếm thủ khoa; nhưng bởi nhà nghèo không có tiền đi lễ, nên ngôi nhà trót năm mới đắc chỉ tri Phủ Tứ Xuyên. Ngài nhậm tỉnh này trót dư bảy năm, dân trong tỉnh, nam phụ lão ấu gì cũng yêu mến ngài, còn trộm cướp bốn phương phẳng lặng; cũng vì ngài là một vị quan đúng mực thanh liêm, lại có tánh công bình chánh trực. Chẳng hề ngài vì quyền thế hay là vì của hối mà hiệp kẻ có thể yếu đuối bao giờ.

Lúc đang ở an tại Tứ Xuyên, bỗng không có chỉ thuyên ngài qua Tô Châu bổ khuyết. Bá tánh thì thương tiếc Ngài mà khóc, còn ngài cho làm quan đâu cũng vậy nên ngài vui cười mà sửa tráp ra đi.

Qua tới Tô Châu, trước hết ngài lo ra mắt văn võ các quan trong tỉnh nhứt là các quan trong tỉnh nhứt là các quan có quyền trước lớn hơn ngài.

Trước hết Trang Tử Minh đến ra mắt Hồ đô đốc, dâng Hồ đô đốc tiếp đãi một cách trọng hậu lắm. Trang Tử Minh thầm nghĩ mà khen Hồ đô đốc là một vị anh hùng, xử thế ít có tay bì kịp; nghĩ vì phận mình làm quan Phủ Doãn nếu muốn đem tước phẩm mà so sánh nhau, thì một cao một thấp, một lớn một nhỏ khác xa; mà nay mình dâng Hồ đô đốc tiếp đãi hậu tình như vậy, thật ân rất trọng; thuở nay chưa gặp đặng một vị tướng quân nào mà ăn ở khiêm cung như ngài. Bởi vậy đôi đảng thuở nay chưa từng gặp gỡ nhau, mới biết mặt nhau một lần đầu mà coi ý Trang Tử Minh cũng dường thật tình yêu mến. Con đàm đạo, Hồ đô đốc lại nói:

— Trong nước đặt ra có văn có võ để mà nương nhau, cậy nhau, giúp nhau mà trị an; nay may ngài vâng chỉ đáo nhậm tỉnh này ngài xem lại đó mà coi, sau trước không ai khác hơn là ngài với tôi; vậy xin ngài hãy lấy tình thân thiết mà đãi nhau, văn có ngài, võ có tôi, dùng lấy chỗ văn võ lưỡng ban mà nghi nhau, nên nổi sanh tâm đố kỵ. Ngài hãy tể ngài với tôi là anh em mà lấy tình thật đãi nhau thôi. Ở tỉnh này, ngài mới đến ngài chưa thấu đáo, nếu văn võ mà phân tâm, thì không thể trị dân cho đặng. Không tỉnh nào dân sự ngỗ ngang như dân tỉnh Tô Châu này.

Trang Tử Minh nghe qua liền đáp:

— Dân mà chẳng kể quan, dám ngỗ ngang khi thị, là tại quan không biết trị dân, tôi chẳng đáo nhậm tỉnh này mà rằng, chớ tôi mà nhậm tỉnh Tô Châu này, tôi nói thiệt, tôi thà treo ấn từ quan, hơn là để cho dân loạn phép. Xin ngài hãy an tâm để đó mặc tôi lo liệu.

Hồ Quốc Thanh cười và tiếp:

— Thì mới đây có một vụ ăn trộm kẻ gian dứt néo cạy hòm của mạng phụ tôi để quàng tại chùa mà cắp lấy châu báu ngọc ngà của tôi để liệm. Đồ bề ra xét bắt đặng tang vật trong liêu của một gã đạo nhân thiếu niên xưng hiệu là Tô Thường Hậu. Tang chứng như vậy đó mà tôi giao nội cho hai đời quan Phủ doãn rồi, mà cũng không ai kết án. Chẳng rõ nguyên có bởi sao. Nay có Ngài nhậm đây, tôi cũng xin nhờ Ngài, tra khảo giùm cho ra đặng lên án xử quyết đứa gian ấy cho rồi, trả thù giùm cho ở nhà tôi còn đang ngậm hờn nơi chín suối!

Trang Tử Minh ngồi ngẫm nghĩ giây phút rồi đáp cùng Hồ rằng:

– Việc nhà của ngài như việc nhà của tôi, xin ngài chó lo để mặc tôi toan liệu. Tôi chẳng hề chịu để cho đũa gian làm chẳng kể luật quan phép nước.

Nói rồi, Trang Tử Minh cáo từ. Ra về và đi và nghĩ chuyện Hồ Quốc Thanh nói thì lấy làm lạ hết sức; nghĩ như tang án sò sò, có sao quan tiền nhậm lại dám bỏ qua không xét tra mà kết án. Nghĩ thật cũng lạ đường. Lại như Hồ Quốc Thanh là một vị đô đốc, có quyền thế lớn, giết năm mươi mạng không sao, sá gì một đũa gian, mà Hồ đô đốc phải cạy đến oai quyền quan Phủ. Chuyện này ắt trong còn có điều gì khuất lấp chớ chẳng không. Chắc quả vậy nên các quan tiền nhậm, nhắm mắt bỏ qua thì sợ mịch bụng Hồ đô đốc mà không dám bỏ qua, còn muốn kết án, thì làm sao mà kết án. Không lý bỏ phép công bình xử hiếp cho dân thán oán. Vậy thì thúng thẳng xét coi, không nên vội tin theo lời Hồ Quốc Thanh mà xử oan người vô tội.

Trang Tử Minh về tới dinh, măn lo sắp đặt trong Phủ chưa xong mà không tưởng tới.

Dọn dẹp vừa xong, đầu đó an bài, qua bữa sau, Trang Tử Minh chưa ra khách còn ở nhà tư, bỗng có quân báo rằng có người bên dinh Hồ Quốc Thanh đến gọi xin ra mắt. Trang Tử Minh, tuy là chưa phải ngày tiếp khách thì mặc dầu, nghe có người bên dinh Đô đốc gọi sang cũng vị tình mà cho vào, vì nghĩ có chuyện gì, Đô đốc mới sai người bước đến; bèn dạy cho vào. Tên quân tâm phúc của Hồ Quốc Thanh vào, trên tay có bung một quả; tới trước mặt quan Phủ liền quỳ, hai tay dâng lên mà bẩm rằng:

– Đô đốc dạy dâng chút lễ mọn đến mừng tân quan, có gọi theo một phong thư, xin quan lớn xem qua thì biết.

Trang Tử Minh nghe dứt với tay lấy phong thư, trí lại thâm nghĩ: "Đô đốc mà hậu tình với quan Phủ doãn đến thế này đây, hẳn thật xưa nay ít có".

Nghĩ thì nghĩ vậy chớ cũng không dám cãi lẽ nào; chùng Trang Tử Minh xem tất phong thư mới là tường chơn giả. Ấy là mũng cũ kế hèn của Hồ Quốc Thanh thường làm, để mua lòng các quan tiền nhậm. Nay tới Trang Tử Minh, Hồ Quốc Thanh cũng tưởng như nhau, nên cũng tặng bạc trao thơ, xuôi biểu lên án tử, giết Tô Thường

Hậu. Xem thơ rồi Trang Tử Minh mỉm cười rồi dạy quân về bẩm lại cho Hồ đô đốc hay rằng:

– Ta cảm ân; xin Hồ đô đốc an lòng, để mặc ta toan liệu.

Quân cúi lạy tạ từ, trở gót lui ra, Trang Tử Minh ngồi vác mặt ngó theo và thầm nói:

– Nghĩ thật không ra, sự này cũng lạ! Hồ Quốc Thanh vả chăng là một vị đô đốc trấn Phủ tỉnh này, oai danh cả dãy, vị chi một đứa gian như Tô Thường Hậu cấp của trong hòm mà phải trông nom theo mãi. Nó có đại làm lơ đến đều bắt đảng thì thôi để mặc lượng quan sửa phạt, cần gì phải chuốc dũ mua hờn đến đối phải đem bạc làm tin, khiến làm sự bất minh bất mục. Xét kỹ, Hồ đô đốc còn có quyền thế lớn hơn ta bội phần. Dầu có hẹp lượng chẳng dung kẻ dưới đi nữa Hồ đô đốc không quyền tận sát một tên gian nhân như Tô Thường Hậu vậy sao mà phải cạy đến ta xử quyết. Nghĩ thật cũng lạ đường. Chập lâu, Trang Tử Minh lại tiếp:

– Nếu đô đốc có quyền mà không giết, để tặng bạc mua lòng, giao nghĩa mượn tay, ắt trong còn có lẽ gì, khuất lấp chưa minh ra đảng. Vậy bây giờ ta cũng nên bỏ qua, đợi bữa ta ra khách, ta dò hỏi trong nha rồi đòi Tô Thường Hậu vấn tra minh bạch.

Thầm tính vậy rồi, Trang Tử Minh bỏ qua; đến bữa ra khách, quan Phủ mới đòi nha lại hỏi qua, song chẳng có ai mà rõ thấu. Quan Phủ liền qua quân xuống khám đòi Tô Thường Hậu và dẫn lên, Tô Thường Hậu bước vào, cúi đầu thi lễ; quan Phủ ngó diện mạo Tô Thường Hậu giây phút rồi gật đầu mà nói thầm rằng: "Ai nói thằng này là thằng ăn trộm?"

Thầm nói vậy rồi, chập lâu dọn dẹp tờ giấy trên bàn để có nơi có chỗ rồi, quan Phủ mới ngồi ngó ra, kêu Tô Thường Hậu, mà hỏi:

– Tô Thường Hậu vụ của ngươi đây đã có tra hỏi hai đòi quan tiền nhậm rồi, lẽ khi mi biết rõ mi bị cáo về tội gì chớ?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn tôi đã hiểu rõ tôi bị quan đô đốc cáo về tôi dút néo cạy hòm Hồ phu nhân mà cấp đồ châu báu, song oan khúc cho tôi biết bao; thân thể của tôi ngày nay ra đến thế nào mà tôi

luống kêu trời cao không thấu. Không lý từ đây cho đến ngày thịt nát xương tan tôi không gặp được một vị quan minh oan cho tôi.

Quan Phủ:

– Oan nổi chi mà minh oan. Mi trộm của, có đồ tang bắt được rõ ràng còn oan chi nữa?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn bởi đồ độc với quan Phủ xét bắt được tang vật trong phòng của tôi nằm, nên oan tố chịu bấy lâu không minh được. Kỳ trung, có kẻ, hận tôi nổi chi đem của cắp mà vu oan giá họa, khiến cho tôi thành linh mang họa gửi tai bay; chớ quan lớn xét lại đó mà coi, tôi đâu có trộm của nầy, tôi đại gì không giấu đâu, nhờ để tại am mây mà giấu.

Quan Phủ:

– Tại gấp quá mi không dời đi kịp chớ có lạ gì mi lấy đó làm cớ mà chữa mình rằng phải.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, dầu vậy đi nữa, bị gấp tôi đem đi không kịp mà phải giấu tại phòng, thì ai biết được mà mách với quan Phủ và đồ độc đi ngay vào xét bắt; cho hay trong chùa Bảo Anh tăng chúng đông, ở đôi ba chục cái phòng chớ chẳng phải một mình tôi ở. Có sao không xét phòng nào cứ châm chỉ đi ngay vào phòng tôi. Đường ấy há chẳng đáng tin rằng có kẻ phao phẩn cho tôi, rồi trở lại mách miệng lập công, mà minh oan giùm cho tôi lắm sao?

Quan Phủ nghe lời hữu ý thì ngụ ý gặt đầu ngồi gở lần khai báo ra xem và tiếp hỏi:

– Trong chùa thường ngày mi hay chơi bởi chuyện vắng với ai, và có gây gổ với ai mà sanh thù oán chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn đã rằng thí phát quy y, thì tôi có làm điều gì nên nổi sanh thù oán: duy có một mình Hồ Lăng là người mới lỡ bước vào chùa xin nhờ cơm Phật, thường bữa cùng tôi chia buồn chia vui; Hồ Lăng nói mình là người hầu hạ Hồ Quốc Thanh lỗi lầm bị đuổi. Sau rõ lại Hồ Lăng là người tâm phúc của Hồ đồ độc sai giả dạng vào chùa ở mà coi chừng quan tài mạng phụ.

Trang Tử Minh nghe Tô Thường Hậu nói sự Hồ Lăng dối việc lơ chon trái bước xin vào nương cửa Phật tháng ngày, không dè Hồ Lăng là người của Hồ Quốc Thanh, sai đến giả hình giữ gìn hòm mạng phụ, thì lấy làm lạ mà sanh nghi; Bởi vậy ngài tro mắt ngó bị cáo một cách rất nghiêm nhiên, tuy ngài không mở miệng thêm lời; chớ trong cái vẻ ngó sừng nhìn trân ấy dường như hỏi: Mi nói chơi hay nói thiệt? Chập lâu quan Phủ mới tiếp:

– Tô Thường Hậu, mi nói vậy mà lúc quan tới xét bắt mi tại phòng, Hồ Lăng có mặt tại chùa hay đi đâu? Rồi từ ấy mi có biết Hồ Lăng còn ở trong am, hay là về dinh Hồ đô đốc?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi không rõ đặng Hồ Lăng còn ở hay về, vì từ khi tôi bị bắt đến giờ, tôi không đặng thấy mặt ai khác hơn gương mặt nét mày chúa ngục. Nhưng mà có một điều chứng rằng Hồ Lăng đã trở về dinh vì trong những tờ giấy khai báo về vụ tôi bị cáo đây, có lời khai của Hồ Lăng mới hiểu. Xin quan lớn xem lấy đấy thì tường.

Quan Phủ lật lia lia đóng tờ giấy ấy mà kiểm tờ khai của Hồ Lăng; kiểm đặng rồi, ngài ngồi xem qua xem lại đôi ba lần, ngài mới gặt đầu, tỏ ý chịu cho Tô bẩm thật. Chập lâu quan Phủ mới nói:

– Tô Thường Hậu, vì có lời của mi nài xin ta minh oan, ta xem xét lại vụ của mi bị cáo đây có lắm điều khuất lấp, ta chưa thấu nổi. Vậy mi muốn đặng ta minh oan cho mi, ta khuyên mi một điều là Bẩm thật ngọn nguồn cho ta nghe; nếu mi còn giấu một mảy gì, thì mi chớ trách rằng ta bất chánh. Theo ý ta tưởng trước khi mi cũng có quen biết với ai trong dinh Hồ đô đốc, không cũng có quen với vợ chồng Hồ đô đốc lắm chớ?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi không quen biết chi với vợ chồng Hồ đô đốc, lại tôi cũng chẳng quen biết với ai trong dinh tất cả.

Quan Phủ:

– Ủa! Mi nói vậy, hiểu sao cho đặng? Nếu mi không quen thì có ai biết mi đâu hòng có sự giận hờn, phao phảo cho mi mang họa? Hay là trong lúc Hồ Lăng vào nương dựa cửa thuyền, mi có làm điều chi mịch lòng Hồ Lăng chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không, từ Hồ Lăng vào nói chuyện mới bị Hồ đô đốc đuổi ra, vì một tội nhỏ nhoi không đáng, thì tôi có lòng thương xót mà chiếu cố Hồ Lăng lắm chớ. Thật thì nếu chẳng có tôi giúp lời, đại sự chẳng chịu cho Hồ Lăng nương vào. Đường ấy, tôi đối với Hồ Lăng có ân mà không có oán.

Quan Phủ:

– Thật mi không hề quen biết tới lui với Hồ phu nhân hay Hồ đô đốc sao?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không!

Quan Phủ:

– Mi nói ta không biết ngỏ nào mà hiểu khúc oan của mi cho dặng. Không quen không biết, không nghĩa không thù, không ân không oán; có sao lại có người vu oan giá họa cho mi?

Con Hồ Lăng từ khi vào chùa nói với mi những chuyện chi?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, Hồ Lăng thường nói với tôi rằng Hồ đô đốc là người xấu xa độc hiểm, không hay xét tất công tội; nếu chẳng nhờ Hồ phu nhân rỗi cho, thì nó đã làm quỷ không đầu, chẳng lựa bị đuổi ra khỏi cửa.

Quan Phủ:

– Ừ Hồ Lăng nói vậy mà không phải vậy, nay trở về dinh Hồ đô đốc như thường thì ta dám tưởng, mi có điều ân oán nặng nề với Hồ đô đốc lắm đó. Nếu mi từ chối rằng không quen không biết, thì Hồ Lăng cần chi phải đem chuyện Hồ đô đốc hiểm tâm mà nói với mi; mi phải biết trong sự giả dối của Hồ Lăng phải có lẽ gì, mà nói như mi vậy, ta không biết sao mà nghĩ nghĩ. Bộ mi bị tâm sự buộc ràng mà không tỏ hết nỗi mình uất ức, chớ có lý nào mi vô cang, mà mắc phải hàm oan bao giờ.

Quan Phủ nói rồi lại thắm nói: "Nếu quả mi vô cang, không làm điều chi ân oán với Hồ đô đốc, thì có lý nào Hồ đô đốc, dẫu mi

thật là thằng ăn trộm đi nữa, theo mi mà chẳng buộc nhục hình; thật là khó nghiệm dữ a! Tình ngay có lý gian cũng có!"

Thăm xét đến đầu quan Phủ liền xây lại mà nói với Tô Thường rằng:

– Thôi, ta rộng để cho mi ba ngày, trở về ngục mà xét lấy nỗi mình, rồi ta sẽ đòi lên hỏi lại. Ta có một lời này để vào lòng dạ mi: Là mi đã gặp mình quan theo lòng mi nguyện; nếu mi chẳng tin ta mà tỏ thật ngọn nguồn, thì ta nói thật, ta không thể xử phân minh bạch.

Thế nào mi cũng phải tỏ thật mọi điều cho ta biết, thì ta mới minh oan cho. Theo lời mi khai, theo chỗ ta thấy, Hồ Lăng là đứa giả hình hại mi, song bị mi giấu nhem tâm sự của mi, nên ta còn phân vân bất nhứt.

Dứt lời quan Phủ dạy quân dẫn Tô Thường Hậu xuống khám để giam chờ lĩnh.

Tô Thường Hậu xuống ngục, chon mang trắng, tay mang còng, cổ mang gông trở trần đả bất tiện; song chẳng quảng chi thân, mắng có để trí suy nghĩ việc mình, phải thú thật, hay không nên thú thật. Chàng thăm xét:

Làm quan như quan Phủ Trang Tử Minh thật cũng đáng một vị mình quan, xa nghe rộng thấy, xem nội mấy trang giấy gọi là khai báo, nghe mấy lời Bẩm gọi là khẩu cung, đã thấy rõ có điều khuất lấp. Ý ngài hiểu, nếu lấy tang có ấy làm chứng thì vụ trộm này không có chỗ oan; còn như tin cho rằng có khúc oan thì lời bẩm báo chưa phải là lời lẽ thật. Phải còn có chỗ gì. Bởi vậy ngài theo mà gạn hỏi ta trước có gây hờn với Hồ Quốc Thanh chẳng; nên nổi có Hồ Lăng giả dạng quy y, vào cửa phật tu trì mà dọ thăm tin tức. Tại ta muốn giấu nhem sự tình của ta đã riêng cùng Hồ phu nhân, ta từ chối mãi một hai thuở hay không quen biết, cho nên trắng kia dầu tỏ, chậu úp khun soi. Ngài không rõ sự tình mới khó mà biện lý. Xét hoài không ra. Ngài mới dạy dẫn ta trả xuống khám đường, rộng để cho ta ba ngày xét nét sự mình cho chính, rồi sẽ lên bẩm thật cùng ngài. Vậy thì ta nên thú thật tâm tình cùng ngài cầu ngài ra sức minh oan cứu giải, cho khỏi cửa khó tấm thân; hay là nên

giấu nhem lỗi mình, thà cam thác mà che chở người ở chốn cửu tuyền khỏi nhục?

Hỏi lấy mình như vậy rồi, chưa dễ tính sao, hai lẽ tới lui khó liệu, chàng nằm chắc lưỡi thở ra; chàng nghĩ đến, chàng lại động lòng thương nhớ Hồ phu nhân là người chàng đã thề cùng sanh tử; chàng càng thương càng tiếc, càng nhớ càng khóc, giọt lệ tuông, ruột lại quặn đau; chàng thầm hỏi:

"Tình nhân hỏi tình nhân"

Bao thuở đắng gần, thăm hỏi cái nguồn ân biển ái"

Than khóc sự tình một hồi, chàng mới xét phận chàng rằng:

"Thân này còn chi nữa mà mong. Bề gì cũng đã nát thịt tan xương, chết đi sống lại mấy lần, dầu quan Phủ có minh oan mà cứu mình thoát thân, thì mình cũng trơ trọi giữa phong trần, sống chi vô ích. Chi bằng để vậy mà cam khổ tận, chở che tiếng nhục cho người yêu; dầu chẳng mai phách lạc hồn xiêu, ấy là thương nhau sanh tử phải liều, họa là cùng nhau cảnh tiu điều có gặp!"

Thầm xét vậy rồi, chàng vùng khóc òa, quên rằng mình ở chốn ngục hình, có đủ quân canh lính gác. Chùng nhớ sự lại, chàng lật dật lau lụy, rồi gượng chống tay ngồi dậy ngó ra; bấy giờ chàng đã thấy có người đến tận mặt chàng, quăng đồ xuống đất mà bảo: "Com đó! Ngồi dậy ăn đi cho no, rồi chết!"

Tô Thường Hậu ngó người lính lệ bung com rồi ngó lại thúng com mắt chan hòa mà thầm nghĩ: "Cho tới một tên lính lệ nó cũng thị mình như loại thất phu bảo mình ăn cho no lòng rồi có chết. Nó lại đoán quyết cho mình bề nào cũng phải chết; đường ấy mình còn tiếc gì mà phải khai tâm sự mình với quan cho nhục người mình thương; rồi mình thác xuống diêm đài, con gặp gỡ nhau, làm sao mà ngó mặt nhau khun thẹn. Vì biết mình phải chết về một lưỡi gươm vô tình của một vị quan bất minh tham vàng không kể mạng, đành đem mà đổi cho kẻ đen bạc tới mua, thì không những mình không thềm khai, để chịu hàm oan cho đành lòng kẻ thôi, mà mình cũng chẳng thềm ăn những com thô đồ thối, ngạt mũi bung đầu này mà lấy sống làm gì; thà nhịn đói nhịn khát mà thác cho xong, lấy lòng cùng mãnh thiên hương, vì ta mà lụy đến. Bấy giờ xác tuy còn nằm đó, chớ hồn ta đã dật dờ nơi dị lộ đợi ta; nếu ta mà húy tử tham

sinh đem hết sự tình bẩm bạch, thì té lẽ ta phụ tình người đã thệ sống thác cùng ta đó sao?"

Nghĩ đến lẽ, chàng ngồi thở ra, đầu đón kể làm sao xiết. Ngày những lần đem Tô Thường Hậu luống những ruột héo gan bầm, nằm không an giấc; cứ thở ra thở vào, lắc đầu chắt lưỡi mà đếm canh; chàng nghe tiếng trống thành trở khắc chẳng khác nào muối xát lòng kim châm dạ, nó làm cho chàng ngoài cổ nhứt thình oán nhứt thình, oán những kẻ cuu lòng sâu độc mưu hại thình lình, thêm hận nỗi mình chia tình chẵn gỏi.

Đếm lại trót đã ba ngày đêm rồi Tô Thường Hậu không ngủ không ăn, thân thể xỏ mòn, gương đã không muốn nổi. Mặt nhẵn má thỏn, mắt thực, răng lòi, mình mẩy ốm o, da mặt xanh như tàu lá. Người mà trước đã biết Tô Thường Hậu là một tay giàu có phong lưu, diện mạo đoan trang, hình dung nho nhã, xem ra một vị thiếu niên nam tử, chẳng kém gì Tống Ngọc với Trường Khanh, nay mà thấy chàng thân hình ra đến thế này, thì chắc không nhìn biết dạng. Chàng trở nên xấu xa lạ thường; tưởng cho một người trai thô kệch xấu xa hơn hết ở đời này, xem cũng chẳng tệ như chàng, trở dậy không muốn nổi. Sáng ngày thứ tư, Tô Thường Hậu thân hình càng mòn mỏi thêm, tay chơn đều rũ liệt. Tuy vậy mà Tô Thường Hậu cũng cứ nằm an như thường không hề rên siết, chỉ có nằm một chỗ mà thở ra thở vào, thấy ai vào cứ tro mắt ngó. Cặp con mắt cũng đã sâu hoắm, xem dường nhân đã thất thần. Nếu muốn đem Tô Thường Hậu trong lúc ban đêm, để đứng một bên góc đường, người lại kẻ qua, thấy mặt tưởng ma mà la hoảng. Bởi vậy những lính giữ ngục con ra vào thường hay chăm chỉ ngó mặt Tô Thường Hậu mà lòng khiếp sợ. Có nhiều tên lính lệ có tánh nhác, từ đây không dám lại gần, tưởng Tô Thường Hậu là một cái thầy ma, còn quàng để đó.

Thình lình có lệnh quan Phủ đòi Tô Thường Hậu, lính vào, đi có cặp chó không dám đi một mình như lúc trước, vào kêu Tô Thường Hậu dậy, mà lòng tưởng Tô Thường Hậu mình mẩy đã cứng như một khúc cây, không còn thấm biết, nên vỗ mà kêu rất mạnh, vỗ nơi bàn tọa một cái bốp; đầu đón quá chừng, mà Tô Thường Hậu cũng phải cắn răng để dám tiếng chi cho mích bụng. Vỗ một cái bốp rồi lại hỏi, hỏi mà mắt láo liên dường khiếp sợ ngó chừng, hỏi vậy chó sống chết thế nào, còn gương nổi hay là đi không nổi? Tội nghiệp

cho Tô Thường Hậu ba bốn ngày đêm không ăn không ngủ, tay chon rủ liệt xương thịt xỏ mòn, còn gượng sao cho nổi mà đi, song dễ dấm tiếng chỉ nói mình đi không muốn nổi. Dẫu còn một phút nữa tắt hơi, hồn quy dị lộ đi nữa, bây giờ đây cũng phải gượng dậy ráng đi, chớ hể làm cục lòng người chút gì, thì roi mây quất bổ. Vì vậy mà Tô Thường Hậu bị vỡ một cái đầu quá, nhíu mặt nhăn mày rồi cũng gượng dậy ráng đi; dè đâu, bước ra khỏi chỗ nằm, chàng đã té nhuối. Lòng sắt đá đâu có chút lương tâm! Lính thấy vậy đã chẳng đỡ dậy lại cười gằn và nói:

– Bộ mày muốn bắt anh em ta công mày bữa nay sao chớ!

Hỏi rồi lấy cánh tay Tô Thường Hậu mà kéo xốc dậy và nói:

– Thôi em! Đừng có nhõng nhẽo lắm vậy em. Đứng dậy mà đi cho mau, kéo cái gót chon của qua thiệt nó vô tình không hay dung vị!

Tên lính khác lại nói:

– Lại có nói hơi đó cho nó dễ người! Hãy cho nó hai thoi ba đạp từ nhiên nó mạnh!

Nói rồi xốc tới đạp vô lưng Tô Thường Hậu mà kéo xễn dậy xem, chẳng khác nào đánh ngựa đánh trâu; Tô Thường Hậu nương lấy sức kéo mà chống gối đứng dậy và kêu trời, chú lính động cho hai ba thoi té nhuối:

– Mày rửa ai? Chuyện gì mà kêu trời? À thuở nay mày không nghe danh tao hay sao, mày nhè tao mà lấp lửng? Tao đánh thì thấy chết chớ không thềm thấy máu như chú kia đâu! Đồ chó chết! Từ mày vô đây đến giờ ai nhờ cậy mày đồng lớn đồng nhỏ gì mày nhõng nhẽo. Mày đứng dậy đi cho mau không?

Tội nghiệp cho Tô Thường Hậu bị đánh đá như tử, sức còn đâu mà gượng nổi bước đường; nhưng mà nghe lính hăm đâm bụng sợ hết hồn, nên phải gượng dậy tay chon rung bầy bầy. Bước ra khỏi ngục, lính mới còng tay dẫn tới cửa nhà. Tô Thường Hậu yếu đuối quá, rung rét quá, bước đi không dặng bao xa, đã thấy ngời xuống đất rên la như chết. Người qua lại bên đường ai thấy cũng thương; duy có tên lính dẫn Tô Thường Hậu thấy vậy không xót dạ động niềm mà giùm đỡ thì thôi, lại còn theo mà thúc hối mau đi, miệng thì hối tay cầm roi quất bổ. Từ khám lên tới Phủ, Tô Thường Hậu bị đánh không biết mấy hiệp, đánh cho đến đổi áo quần rách nát,

thịt da nổi khúc lằn; thật là quân không nhút điểm lương tâm, chẳng biết thương đồng loại.

Vào nhà, Tô Thường Hậu ngồi dựa vách ngoài chờ lệnh. Giây phút có lệnh đòi; Tô Thường Hậu bước vào cúi đầu thi lễ; quan Phủ cũng chăm chỉ ngó Tô Thường Hậu như mấy bữa trước rồi hỏi:

– Tô Thường Hậu, mấy bữa rày mi đã xét cặn nỗi mình, bụng đành thú thiệt chưa hử? Ta nhắc lại cho mi biết một lần nữa: Nếu mi gọi mình mắc phải hàm oan mà mang tai họa, muốn cho ta mình oan cho, thì mi phải tỏ hết sự tình khúc sông nguồn ngọn cho ta thấu đáo mà xét xử phân cho; bằng chẳng, nghĩa là mi không chịu thú thiệt, thì mưa trách nguyệt mình nan chiếu.

Nghe hỏi, Tô Thường Hậu đứng tro mắt ngó quan Phủ, mắt ngó mà lòng có chút ngại ngùng, nên ngó mà không hở môi, ngó mà suy nghĩ đôi đường khó liệu. Quan Phủ thấy vậy, hiểu ý, nên thúc hỏi Tô Thường Hậu:

– Sao? Chuyện ấy tại sao mà ra đến đời? Mi còn nói mi không quen biết gì tới nhà Hồ Quốc Thanh nữa thôi? Này, mi vẫn biết ta muốn lấy lẽ công mà vấn tra, không muốn dùng tới nhục hình mà tấn người cho khổ; vậy người phải bằng lòng mà thú thiệt đi? Trước khi mi quen biết gì với nhà Hồ Quốc Thanh không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không, con chẳng hề quen biết gì với Hồ Quốc Thanh.

Quan Phủ:

– Không! Ta hỏi mi có quen biết gì với nhà Hồ Quốc Thanh hay không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, Hồ Quốc Thanh tôi vẫn không quen, chớ nhà Hồ Quốc Thanh tôi có một hai lần lui tới.

Quan Phủ:

– Mi lui tới với ai? Mi có làm sự gì bất bình trong nhà Hồ Quốc Thanh chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm tôi không quen biết với ai hòng tới mà thăm viếng duy có lúc tôi còn buôn châu bán ngọc, tôi có lui tới một hai lần vậy thôi.

Quan Phủ:

– Phải, có vậy thì họa may. Mà lúc mi lui tới buôn bán đó có mặt Hồ đồ đốc thấy chăng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi có biết mặt Hồ đồ đốc ra sao hòng biết có ở nhà hay là đi khỏi, song tôi nghe phong phanh Hồ phu nhân trực tiết phòng không, vì nói chồng đi chinh chiến.

Quan Phủ:

– Hồi khi ngài ban sự, mi có trở lại dinh buôn bán lần nào nữa chăng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không.

Quan Phủ:

– Khi người vào buôn bán đó thì thường quen biết với ai nhiều hơn? Ai tiếng dẫn người vào tới Hồ phu nhân mà hỏi bán?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi nhờ bọn thế nữ dẫn vào, nên tôi quen biết với một vài con đòi thôi chớ.

Quan Phủ:

– Mi có tình riêng gì với bọn thế nữ không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn không; lý nào tôi dám làm sự tế vi mà nữ đi tư thông cùng thế nữ.

Quan Phủ:

– Vậy chớ mi tư thông với ai?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm, tôi không có tình riêng gì với ai tất cả.

Quan Phủ:

– Nếu vậy có ai oán hận chi mi mà vu oan giá họa hòng có khúc oan?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm vậy mà có kẻ cruu thù.

Quan Phủ:

– Kẻ ấy là ai? Nói cho ta nghe thử.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm, tớ có biết ai mà chỉ! Nếu quan lớn không soi thấu, thì tôi tài nào thấu nổi.

Quan Phủ:

– Nếu chuyện của mi mà mi không hiểu, hoặc mi hiểu biết mà không chịu thiệt, thì ta biết bắt lấy mối nào mà phăng ra mà mần gỡ? Ta đã cạn lời cùng mi; muốn cho ta minh oan, thì mọi đảng tỏ thật; mà mi, chẳng hiểu tại sao, mi giấu mãi, ta có ý coi cách mi khai bẩm dường mi còn lẩn nể ngại ngùng. Mi mà không lòng tin ta, thì khó nổi cho ta minh oan cho đặng.

Tô Thường Hậu, trong cuộc mua bán châu báu ngọc ngà nơi dinh cho Hồ phu nhân, có điều gì xảo trá chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không; những châu ngọc tôi bán cho Hồ phu nhân đều là tốt cả.

Quan Phủ:

– Từ mi ra vào buôn bán trong dinh, mi coi ý Hồ phu nhân có tỏ tình gì yêu mến trọng hậu mi chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn Hồ phu nhân tánh tình vui vẻ, mỗi khi tôi vào ra nơi dinh, tôi thường đặng Hồ phu nhân đãi tôi là một tay thương nhân thôi chớ.

Quan Phủ:

– Hồ phu nhân, theo lời mi nói có tánh vui vẻ, có khi nào cười nói với mi trước mặt thế nữ không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, việc cười nói lẽ nào không, nhứt là một người đờn bà xuân sắc nỏn nà như mạng phụ lại hay cười nói lả lơi cùng kẻ dưới.

Quan Phủ:

– Có khi nào Hồ phu nhân cầm mi ở lại ăn cơm chẳng?

Nghe hỏi tới câu này, mặt Tô Thường Hậu liền đổi sắc; nghĩ cho có ai mách miệng tình riêng của mình với Hồ phu nhân hay sao mà ngài biết mà hỏi lần qua tới đó. Nghĩ vậy rồi Tô Thường Hậu sợ hết hồn, trong bụng phập phồng, bồi hồi tất dạ; song không lý dám Bẩm thật nỗi mình, chuyện đã bấy lâu nay bụng kín. Mà cũng không lý dám vô lễ không trả lời. Nghĩ rồi, Tô Thường Hậu liền đáp:

– Bẩm quan lớn, tôi có phải là người phẩm giá xứng đáng đồng tọa đồng âm với Hồ phu nhân hay sao mà Hồ phu nhân cầm mời.

Quan Phủ:

– Cũng không khi nào mi vào dinh buôn bán lờ tới, Hồ phu nhân cầm mi ở lại an nghỉ trong dinh sao.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm, không hề khi nào có! Nếu có, thì tôi cũng chen lộn theo quân lính mà nghỉ, chớ dễ dám thâm nhập dinh trong lắm sao!

Quan Phủ:

– Theo lời mi khai cùng ta mấy lần, ta quyết hẳn cho bị cáo không oan chi cả. Rõ ràng mi là thằng ăn trộm bị bắt tang án hiển nhiên. Mi muốn giả ý kêu oan mà gạt quan, kỳ trung có khúc oan gì mà phiền phức. Quân đâu, coi dẫn Tô Thường Hậu xuống ngục giam cầm đợi lĩnh ta.

Dứt lời, quân lính dạ rân, áp tới nắm Tô Thường Hậu mà kéo xễn ra ngoài; Tô Thường Hậu còn muốn bẩm ráng một lời, mà mới hỏ miệng chưa ra lời, đã thấy mình lọt ra ngoài cửa. Lính đóng gông lại rồi dẫn tuốt xuống khám đường.

Quan Phủ lúc bấy giờ, ngồi lại bàn viết, ngồi suy nghĩ việc Tô Thường Hậu chẳng phải là việc khó đến nỗi tra hỏi không ra; ngặt bởi, Tô Thường Hậu muốn phá ta, nên không chịu khai ra mình bạch. Ta giận muốn để vậy mà kết án cho nó biết khun một lần; nhưng bởi ta không nỡ để cho ai thán oán, nên ta cầm để mà gạn

đục khoi trong chỗ tường khúc độc, mà chẳng biết sao nó đại quá cứ kiếm đều chạy chối mãi ru; ta nói thiệt, ta chẳng chịu thua trí của mi, chuyện này mà ta tra vấn không ra, ta nhứt nguyện từ quan treo án.

Mãi thăm toan trộm tính gần xa một hồi, Trang Tử Minh ngồi dựa ghế thiu thiu, lại thêm ngọn gió thổi hiu hiu, bèn tay chống trán, mình dựa bàn ngủ gục.

Thế thường con mệt mỏi quá, ngồi chống tay lim dim ngủ gục, thì bất quá mơ màng giấc nhấp vậy thôi; nên hễ có một tiếng khuya động một chút liền hay giật mình thức tỉnh, chớ có đâu mê giấc cho đến đổi chim bao, như trong lúc canh thâu, trong chốn gối loa, nệm túy. Thế mà Trang Tử Minh chiêm bao mới lạ cho chớ! đằng sá mỗi mê, cảnh lạ thêm buồn, Trang Tử Minh tay chống trán mình dựa bàn, suy tính việc quan, gió thổi mơ màng, bỗng không thấy một người đội trạng bạch, tới quỳ trước mặt ngài mà kêu oan. Ngài nghe kêu, vác mặt ngó ra, thì thấy rõ một nàng con gái trạc chừng hai chín, đầu bỏ tóc xả mình bận áo xanh, xem ra, tuy chưa phải là người quốc sắc thiên hương chớ cũng bực mặt hoa mày liễu. Ngài lấy làm lạ, song quên mình ngủ gục, mới vói tay lấy tờ giấy và hỏi:

— Nàng là người ở đâu, tên họ là chi, oan khúc nỗi gì, tới đây đầu cáo?

Nàng con gái nghe hỏi liền đáp:

— Bẩm quan lớn, tiện thiếp vốn con nhà họ Đào tên Anh, theo hầu Hồ phu nhân tại dinh từ thuở mới lên mười bảy; nay vì có điều oan khúc, quyết tới đây nhờ lượng minh quan.

Trang Tử Minh nghe nàng xưng là Đào Anh, lại nghe nàng nói nàng là thế nữ của Hồ phu nhân, thì lấy làm mừng rỡ hết sức; nghĩ vì chuyện trộm của trong hòm mạng phụ, Hồ đô đốc giao cho Phủ đã hai đời quan mà tra án không ra, nay tới phiên ta, tra hỏi cũng đã hết sức; may đâu lại có con Đào Anh này tới đây đầu cáo có khi nhờ nó mà ta tra nổi án này chẳng. Nghĩ vậy rồi, ngài liền tiếp:

— Mi nói mi là Đào Anh thế nữ của Hồ phu nhân; nay đã chẳng may Hồ phu nhân tạ trần, hồn về chốn cửu nguyên, xác còn quàng nơi am tự, chẳng hay mi có khúc oan gì đến đổi buộc tới trước cửa công mà xin ta minh oan, mi hãy nói đi cho ta nghe thử?

Đào Anh:

– Bẩm quan lớn, tiện thiếp có khúc oan, cất để trong lòng không tiện; nhưng bởi bấy lâu chưa gặp đặng mình quan, nên tiện thiếp không ra đầu cáo. Nay trời khiến cho Ngài một vị mình quan, tới nhậm tỉnh này tiện thiếp trông cho quan lớn ra khách đặng tới đầu cáo, mà hỏm nay quan lớn chưa ra khách. Nay nghe quan lớn thẳng đường mắng lòng, lật đật đến kêu oan, chớ thật giờ nầy đây, thiếp không tiện lâu, e ra mắc tội. Vậy xin quan lớn hãy nghe, tiện thiếp bẩm khai vắn tắt đôi lời, đặng cô hồn về kéo trễ.

Quan Phủ:

– Khai đôi lời chi thì mi khai đi cho ta nghe thử.

Đào Anh:

– Bẩm quan lớn.

*Phu nhân hữu nhiệm
Thanh tiêu đã lạc tửu hoàng trung
Sử nữ vô can,
Bạch họa hoành suy liên trì nội!*

Đào Anh khai dứt vừa muốn cất mình ra đi, Trang Tử Minh không hiểu ý gì, mới kêu vực nàng lại mà nói:

– Khoan Đào Anh, khoan, mi khai vắn tắt thế ấy ta chưa hiểu đặng lẽ gì mà mi vội bỏ đi, thì ta làm sao mà tra ra, hầu có minh oan cho mi đặng? Mi hãy rón gối trong giây phút mà khai lại cho ta rõ thấu.

Đào Anh:

– Bẩm quan lớn giờ khắc quá rồi, tiện thiếp ở lâu chẳng tiện. Nếu quan lớn muốn rõ thấu chơn tóc kẻ rằng khúc sông nguồn ngọn, quan lớn sẵn có Tô Thường Hậu một bên tay, quan lớn đòi hỏi lấy, Tô Thường Hậu không những biết tiện thiếp là ai thôi, Tô Thường Hậu còn biết cho đến Hồ phu nhân vì sao mà chết!

Dứt lời Đào Anh biến đi; Trang Tử Minh giật mình tỉnh giấc, ngồi ngẩn ngơ nửa tỉnh nửa mê, mồ hôi tuôn đổ giọt ướt đầm, giây lâu mới biết mình nằm chiêm bao. Trang Tử Minh bèn kêu quân

quạt hầu, còn ngài thì vừa cầm khăn lau giọt mồ hôi và thâm nghĩ nghĩ chiêm bao mộng mị.

Trang Tử Minh nghĩ có khi tại mình mê mệt quá, lo lắng quá, giấc mơ màng tưởng thấy vậy chăng? Chắc vậy, nên người đời mới dễ cầu mộng mị mà khuyên đời đừng tin lẽ ấy. Vậy thì mình cũng chẳng nên tin tưởng đến điềm chiêm bao đó là gì. Nếu hẳn thật là chiêm bao, chẳng phải tại mình lo lắng mê mệt mà mơ tưởng, thì chẳng phải trong một giấc ngủ gục trong năm ba phúc đồng hồ mà thấy.

Nghĩ đến lẽ rồi lại xét:

Thật cũng khó nổi bỏ qua. Chớ phải mơ màng thấy về chuyện chi tầm thường, thì cũng nên cho là mộng mị mà bỏ qua; chi như thấy điều có quan trọng lớn, thấy vụ mình tra xét không ra mà trong đường có đến đều án mạng, thì há dám gọi mộng mị mà bỏ qua cho đành chăng? Vả lại mình thấy đứa con gái đẹp đẽ, mình bận áo xanh vậy đây những máu, xưng là con... à à phải, ta còn nhớ, nó xưng nó tên là Đào Anh tì nữ của mạng phụ Hồ phu nhân, đội trạng bạch đến trước mặt ta mà đầu cáo, kêu nài xin ta mở lượng mình oan; ta chưa kịp hỏi, nó chưa kịp khai một lời gì, nó lại sợ trễ giờ ở lâu không tiện; nó lật đặt ra đi. Hỏi nó thì nó nói lại hai câu chi chi đây...

Trang Tử Minh vùng đứng dậy đi tới đi lui, đi ra đi vào, đường như Ngài muốn định trí bình tâm, tìm nhớ hai câu Đào Anh khai bẩm. Ngài đi như vậy hồi lâu Ngài mới nhớ lại dạng câu đầu; Ngài mường hết sức; song chẳng dám nói ra; Ngài cứ làm thỉnh, để ý chăm chỉ, chóng bước lại bàn viết lấy giấy viết biên liên sợ để lâu mà quên nữa. Ngài biên

Phu nhân hữu nhiệm

Thanh tiêu đã lạc tửu hoàng trung

Biên rồi Ngài đứng coi đi coi lại và thâm nói:

Câu này có quan hệ lớn chẳng phải chơi! Hồ phu nhân chết, nay tính lại cũng đã năm sáu tháng trường xa gần đều biết. Ai cũng tưởng Hồ phu nhân mắc bệnh hiểm nghèo, đau một giây, chết một giờ, không kịp trời trăng chi cả, nào có nghi cho Hồ phu nhân thác vì nỗi oan nào khác hơn; mà nay, nếu lời con Đào Anh mách bảo

đây hẳn thật, thì Hồ phu nhân vì nhiễm lấy tình riêng nào, nên nổi, trong máu rượu phải tay ai giết bỏ. Nghĩ thật cũng lạ lắm phải chơi!

Thoãn lại con Đào Anh xưng là thế nữ của Hồ phu nhân, mách bảo về phận Hồ phu nhân thác oan trong hầm rượu; còn nó, nó thác cách nào mà mình mẩy vấy đầy những máu? Nó có nói về phận nó hay không? – Có; nó có nói về phận nó làm sao mà chết, nên nó có tiếp câu thứ hai rằng:

Sử nữ vô can...

rồi sao nữa đây...

Trang Tử Minh liền buông vít nơi bàn, kế xây lưng trở gót; để bước đi lên đi xuống, một hồi rồi, ra chắt luoi vào dậm chơn, định trí nhớ mà tìm hoài không được. Bấy giờ đồng hồ đã mười hai. Trang Tử Minh lấy làm bối rối tất lòng xốn xang gan tấc. Kế có quân vào thỉnh ngài xoi cơm, Trang Tử Minh từ rồi lăm lăm bước đi, miệng không hở tiếng; xem cái gương mặt nét mày biết thì nói ngài có vẻ âu sầu, chẳng biết nói ngài nghiêm khắc. Quân lính thấy vậy đều sợ hết hồn, bốn phận ai nấy lo mà làm, không dám một tiếng gì hó hé. Trang Tử Minh ngồi để trí tư tưởng về sự Đào Anh mách bảo mãi, mà tìm nhớ cũng không ra, ngài tức mình ăn không ngon bữa. Trong khi ăn hề biết mấy lần ngài gấp đồ ăn để vào chén cơm, rồi ngài ngồi mà ngó trần ngó trời chẳng biết ngó ai, ngó như vậy hồi lâu, ngài sực nhớ lật đặt bung chén cơm lên và, và một miếng rồi để chén xuống, rồi cũng ngồi mà miệng ngậm cơm, mắt nhìn không thấy mắt, Ngài ăn cho được một miếng cơm thật rất lâu; cái sắp quân lính đưa coi dọn ăn, đưa cầm quạt hầu, thôi đã rứt chơn rửa tay, song cũng giao đầu túng nhĩ! Cho đến rượu cũng vậy, hầu rót được một tăng, cũng đã hết hơi hết sức, Ngài tư tưởng chi đâu mà một ly rượu, ngài bung lên để xuống năm bảy lần chưa nhấm vào một miếng. Có nhiều khi ngài ngưng, cầm đó mà ngó sững một hồi, rồi ngài để xuống. Thật là cực lòng quân lính biết bao! Những đứa có tánh nóng nảy, thấy vậy tưởng cho ngài làm cách điệu phong lưu, giận song cũng nói lăm thăm, để dám hở môi to tiếng.

Xong bữa, Trang Tử Minh vào phòng nghỉ trưa, mãng cái tư tưởng cái án trệ này hoài, nên nổi không an giấc nhắp. Nằm lăn qua lộn lại, thở ra thở vào mãi cho đến mãng giờ rồi dậy sửa sang

ra khách. Ra tới thính đường ngài cũng ngồi đứng không an, bối rối tất lòng, không làm chi đáng, Ngài già ý đạo xem chỗ này chỗ kia khắp hết rồi trở vào nhà, ngài cũng cứ đi tới đi lui, để trí lo quanh tính quất, lo tính cho hết sức rồi đi lại cũng chẳng ra kế chi, ngài lập đi lập lại câu: *sử nữ vô can*, nói thầm thì một mình mà cũng chẳng nhớ đáng câu sau rốt. Ngài lấy làm uất ức tức tối biết bao. Mãi đến xế chiều, ngài mới bỏ ra đi dạo khắp phố phường, rảo tới chốn đồng không mông quạnh. Tối lại ngài trở về tư dinh. Ngài dùng bữa xong, vào phòng ngồi nghỉ, ngài cũng chẳng quên tìm nhớ lời con Đào Anh nói với ngài. Ngài nằm lập lại mãi đến khuya, nhắm mắt tìm nhớ không ra, ngài mới van vái hồn con Đào Anh, có linh xin chứng.

Chẳng cần giải ý cũng biết, tưng lý ngài van vái cho có chùng, cho nguôi hận vậy thôi, chớ ngài là một tay học thông, thạo hết cảnh tình nhân vật, lẽ đâu ngài lại chẳng rõ từ xưa ai vái van mà đáng điều gì; có ấy nên vái rồi, ngài nằm gác tay lên trán, miệng hút thuốc phi phà, chơn thì gác tréo ngoe, mắt nhìn theo vầng khói. Khói cuộn cuộn lên mấy tầng, mắt ngài nhìn theo chiêm nghiệm, xem cũng dường ngài còn thấy hình Đào Anh, mình bận áo xanh, chen lòn theo trong khói vậy. Nhìn ngó cho đến khi khói tan mất hết rồi, ngài lại nằm thở ra; thở ra thở vào, lắc đầu, chắc lưỡi, hết sức rồi ngài lập đi lập lại câu: *Sử nữ vô can*, mà tìm nhớ thêm cho trọn. Dè đâu bận sau này, đêm khuya canh vắng, trong phòng lặng lẽ như tờ. Ngài lập vừa dứt tiếng *Sử nữ vô can*, bỗng nhiên trên trính nhà văng ra một cục lửa tròn bằng trái cam, đỏ lỏm; rồi xẹt ngay xuống chỗ ngài nằm, dài và uốn khúc như con rắn lửa. Sợ trúng nhằm mình ngài, ngài vụt trỗi dậy liền đang có né mình tránh khỏi, hay đâu ngài vừa trỗi dậy ngồi thì làn lửa đã biến tan; ngài lại nghe vẫn vẫn bên tai có tiếng người, ngài nhìn quả là tiếng con Đào Anh đã nói với ngài trong lúc ban trưa, lập câu ngài mới nói: *sử nữ vô can*, rồi tiếp: "*Bạch họa hoành suy liên trì nội*". Nghe dứt ngài day mặt nhìn tứ cố mà không còn thấy chi nữa cả; duy ngó lại mình ngài thì thấy hình ngài lồm cồm trỗi dậy, mình còn nằm nửa ngồi đấy thôi. Nghe tiếp trọn câu chót, ngài biết đáng, lấy làm mừng rỡ biết bao; sợ để lâu mà quên đi, ngài mới lật đặt để chơn xuống giường, chạy đi lấy giấy viết biên liên ra để nhớ. Biên trọn câu rồi

ngài mới nghĩ: "Hiển hích chon hiển hích, anh linh thị anh linh, thấy dường ni há dễ chẳng tin, còn chi nữa nghĩ mình mộng mị".

Tóm lại chuyện Đào Anh hiện hình đầu cáo cho đến canh này mách bảo ta đây, thì ý con Đào Anh muốn nói: "Hồ phu nhân ngoại tình, bị chồng giết thác trong mái rượu thì đã đành; chỉ như nó vô can, có làm tội chi đâu mà cũng bị giết bỏ thây cho bèo sen chôn lấp. Nói như vậy đây nghĩ cũng thật khó mà tra xét lắm chớ chẳng chơi. Vì một là Hồ Quốc Thanh là nhà quan, hai là không chứng không tang, dễ dám lấy chuyện mơ màng làm có. Vả lại, theo như mình nghe thấy đây thì con Đào Anh cũng đã chết rồi, phải còn sao mà đi chứng. Thế thì mình phải liệu sao mà truy cho ra. Nghĩ không lẽ bỏ qua, vì dụ Tô Thường Hậu còn kia, thêm có Đào Anh đội trạng. Sánh lại thì hai vụ có liên can nhau. Nếu chẳng phải tại một gốc mà sanh, thì cũng bị một tay mà thác.

À, à nói tới Tô Thường Hậu mới nhớ khi con Đào Anh bức bỏ ra đi, ta kêu vực lại, thì nhớ nó có lời dặn ta: "Nếu muốn rõ thiệt ngọn nguồn, thấu hết kẻ rằng chon tót, thì cứ đòi Tô Thường Hậu tra vấn thì tường".

Vậy thì ta cũng nên ráng đợi sáng ngày mai quân dẫn Tô Thường Hậu lên cật vấn".

Tô Thường Hậu, tuy lúc sau này chịu cho quan Phủ Trang Minh Tử vật vấn khỏi bị tra tấn khảo kẹp như buổi đầu, tấn đến đổi máu chảy ruột mềm, xẻ da nát thịt thì mặc dầu, mà những dấu roi dấu kẽm, lằn ngang lằn dọc, chỗ bầm chỗ sưng hầy còn rành rành kia, càng thăm càng thêm đau mình, càng lở càng thêm rát thịt, nên chàng nằm năm canh luống những khóc thầm, trở trăn chẳng tiện; chàng cứ lăn qua rên, lăn lại cũng rên, rầm rĩ sáng đêm, riêng than từ khắc. Đã vậy còn thêm tính trợn mấy đêm không ngủ, cứ mơ màng thì nằm thấy chiêm bao, tưởng dầu cho sắt đá kia cũng phải kém hao, huống hồ chi, cũng xương thịt, cũng ruột gan như người, lẽ nào lại không mòn mỏi. Có ấy nên đêm hôm, trống chưa trở canh hai, chàng đã nằm sải tay, mê say giấc điệp. Tính lại từ ngày chàng bị cầm ngục tới giờ, đêm đã sáu trăng, không có một đêm nào chàng ngon giấc cho bằng đêm nay, ngủ vui mà không hay chi cả. Chàng ngủ thật quá mê; mê cho đến đổi cái còng chàng mang,

trên cổ chàng, nó lặn qua lộn lại theo với chàng mà chàng không biết. Hễ chàng lặn qua, nó cũng lặn qua, chàng lộn lại nó cũng lộn lại với chàng, và mỗi khi nó lặn qua lộn lại với chàng như vậy, thì nó đập mình nó xuống ván lợp cộp lạch cạc, khua động om sòm khua động lớn cho đến đổi vọng quân canh ngoài cửa ngục kia rất cách xa là bao nhiêu mà hễ còn nghe mà chạy vô thay; lầm tưởng cho những tội đầy lưu, thừa canh vắng phá khám đường, mà thoát thân khỏi ngục. Huống chi là chàng nằm đây, cái gông kê một bên tai đó; mà chàng mãi có giấc say, nên không biết không hay chi cả. Chàng nằm ngáy pho pho mãi cho đến tan canh. Thình lình ai cũng nghe chàng nằm chiêm bao thấy chi đây mà cả tiếng kêu: "Mình ôi! chậm đợi tôi đi với mình ôi!" Kêu như vậy đôi ba lần, rồi vụt trỗi dậy ngồi, quay mặt nhìn tứ cố. Nào có thấy ai đâu! Nào có thấy chi đâu! Nếu chẳng phải cái gông sắt, cái còng sắt, là bạn tri âm tri kỷ của chàng giao kết từ mấy tháng nay, với cái thép đèn dầu mù u chong để leo lét một bên cây cột nhà từ năm nào đâu, mà nó đã cháy sém cày, khuyết cột vô gần phân nửa. Tô Thường Hậu ngồi ngo mắt ngó cái đĩa dầu hao mà lao giọt lụy tràn; giây phút chàng lại chép miệng than: "Chẳng biết phải thiệt nàng, hay là ta trong giấc mơ màng nằm thấy!"

Nàng bảo ta mau tỉnh giấc gương theo nàng tới nha, đặng mà nhờ lượng hải hà, xét tra minh bạch. Nàng lại dặn ta hãy khai thật sự tình đi, đừng giấu nữa chi, vô ích. Hễ ta mà chịu khai thật, thì nội trong ít ngày nữa đây ta sẽ đặng khỏi chốn ngục hình, lại đặng minh oan khúc. Thấy vậy hay vậy, chưa biết phải thật nàng hiện hồn về mách bảo ta vậy chẳng? Như thật nàng bảo ta vậy, ta nghe lời nàng mà khai hết tâm sự của ta, thì không nói chi; chí như không phải nàng bảo ta, hửn thật là diêm mộng mị, ta tin theo mà khai hết ra, thì uống bảy công ta, ở chốn diêm đài, không an nhắm mắt. Đường ấy, nàng lẽ nào, không trách ta sùyt tử tham sinh, đem dạ phụ tình ân ái".

Còn đang suy tính, giọt châu còn đượm chảy ướt bầu, bỗng đâu có hai tên lính lệ bước vào, dạy rằng:

– Có lệnh Phủ đòi lập tức.

Dứt lời, một tên bước lại mở còng cho chàng, còn một, nắm lấy cánh tay chàng mà xóc dậy: "Hãy ráng đứng dậy mà đi cậu!"

Nói rồi lại hỏi:

– Cậu biết tôi đây là ai chưa? Tôi là thằng Bếp Thập đây lẽ khi cậu cũng đã có nghe danh tôi chớ. Cậu phải biết từ tôi vô cơ lính lệ này tới giờ, tôi thường bắt tội công tôi, chớ thật tôi chưa hề công tội. Tôi phải nói cho cậu biết, kéo cậu lắm tưởng tôi như mấy lão kia, cậu chơi miếng cũ, khó lòng cho cậu? Thôi, cậu hãy gượng dậy mà đi cho mau. Sáng chưa có chút gì lót lòng, theo lên Phủ kiểm "ba tê" đỡ dạ! Cậu thiệt có phước! Từ hôm cậu vô đây đến nay, cậu đã bị tấn mấy lần, mà may cho cậu, rủi cho tôi, chưa có lần nào cậu gặp phiên tôi cầm roi cầm nọc! Không chừng bữa nay, vái cô hồn, cho cậu gặp tay tôi căng dùi nọc cậu một lần cho biết!

Nghe nói mà hồi ới. Tô Thường Hậu lắc đầu rồi gượng bước theo quân Phủ. Dọc hàng Tô Thường Hậu phần đầu giảm sức, phần đuôi gầy mòn, đi một hồi hạng xuất triêm thân, mệt đuối, mỗi rung, mặt đỏ ửng sắc. Tuy vậy mà đầu dám ngưng bước ngồi nghỉ cho mắc phải tay! Phải gượng gượng theo chon, cho khỏi đường roi mũi vọt.

Tô Thường Hậu đi tới Phủ, mới vừa bước vào, đã nghe trong có tiếng, rõ là tiếng của quan Phủ Trang Tử Minh, nóng dọi, hỏi ra:

– Lính đã dẫn tội nhơn tới rồi hay chưa đó hả.

Nghe dứt, tức thì có một thầy cai đầu thì trọc lóc lại vấn khăn Bùng, mình mặc áo the, chon mang dày hàm ếch, lép quọp chạy ra, xằng xái nói:

– Có Tô Thường Hậu ngồi đây cùng chẳng!

Nghe lính kêu Tô Thường Hậu mà nói, mới biết thầy hỏi đấy là thầy Đề lại:

– Tô Thường Hậu, thầy Đề hỏi mi kia sao mi ngồi yên đó?

Tô Thường Hậu vội vàng đứng dậy chấp tay xá; thầy Đề mới gục gặc đầu, đưa tay khoát bảo Tô Thường Hậu cứ việc ngồi và nói:

– Thằng này mi vào đây bao giờ mà chưa thấy ra mắt ta vậy hử?

Tô Thường Hậu chưa kịp trả lời, có tên lính lệ tên là Thập mới dẫn Tô lên đến đó, chíp cười mà đáp rằng:

– Bẩm thầy, nó có gì mà ra mất ai! Ở dưới ngực anh em tôi phải nuôi nó từ điều thuốc. Vậy mà nó chẳng nghĩ mà thương, có khi còn muốn phá chơi bắt anh em tôi công nó nữa chứ!

Thầy Đề:

– Vậy sao trong tờ bẩm nói nó là con nể phú hậu bậc tài danh lại lịch sự trai, chẳng kém Trường Khanh – Tống Ngọc?

Lính Thập:

– Bẩm thật, mà là nhà ở bên tỉnh Quế Châu kia; chỉ như bên kiến Tô Châu nầy nó sang ở chơi cũng lâu bị mấy ả cạo đầu trọc lóc!

Nghe nói bị mấy ả cạo đầu trọc lóc, thầy Đề háy tên lính Thập mà tỏ sắc bất bình, rồi xây lại Tô Thường Hậu mà nói:

– Vậy chừng ta có qua Quế Châu, mi gặp đừng giả ý quên ta mà ngó lơ, đa ghê!

Nói rồi lật đật trở vô; Tô Thường Hậu dạ dạ rồi thầm nói:

"Lạ dữ a! Cái giống sâu mọt này không ai gây giống dưỡng nuôi, mà cả nước đi tới tỉnh nào, Phủ nào cũng không nhiều thì ít!"

Thầy Đề trở vào liền theo đó có lệnh ra đòi dẫn Tô Thường Hậu vào hầu quan Phủ. Vừa thấy mặt Tô Thường Hậu, Trang Tử Minh tỏ ý vui, cười chum chim và nói:

– Tô Thường Hậu, hãy nghe theo ta mà tính một ngày nay cho xong, đừng ta có tha người ra, đừng có trở về tỉnh mà thăm nhà viếng cảnh!

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi sẵn sàng nghe theo lệnh quan lớn mà cúi đầu vâng dạy, tôi đâu dám còn gượng cãi lẽ nào; quan lớn cũng biết, tôi mong nhờ lượng cả bao dung, lấy công lý minh oan cho tôi.

Trang Tử Minh:

– Lấy công lý mà minh oan là phận sự của ta, chẳng đợi tới mi nài nỉ; song mi phải biết, ta mà minh đảng chẳng cũng ở nơi mi, nếu mi chẳng tưởng trắng tỏ khôn soi chậu úp, thì ta làm sao thấu hiểu mà minh oan cho mi đảng. Vậy thì bữa nay đây mi cứ thiệt sự mà khai ngay đi. Nếu mi nói rằng có kẻ vu oan, mi chẳng có lòng gian trộm cắp, thì tại làm sao Hồ đồ đốc với Hồ Lăng lại chẳng

khai cho ai, cứ mi mà khai vãi? Tạo sao bắt của tang tại phòng mi, mà mi hay la oan than ức? Nhứt là mi nói khi mi vào dinh bán ngọc cho Hồ phu nhân, mi quen với Hồ phu nhân, mi biết đoàn thể nữ, mà mi không hề có tâm sự tế vi, không hề có chuyện, vì tình tẻ, mi trong sạch mà mang lấy tai bay họa gởi, thì vụ mi bị cáo trộm cắp ngọc ngà châu báu trong hòm mang phụ quàng để tại am đó, ai chịu cho mi mắc phải hàm oan mà phải kêu oan mãi thế?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, oan thật là oan! Lòng con con biết, dạ tôi tôi hay, lý đầu gian mà tình tôi thật là ngay, chẳng rõ oan khúc tại ai, khiến tôi chịu tai bay họa gởi.

Trang Tử Minh:

– Có sao mi gọi tình ngay lý gian, nói cho ta nghe thử?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tình ngay lý gian là tôi có vào dinh bán ngọc, mà tôi không làm sự tế vi; tôi trong lúc đêm hôm đó đến viếng quan tài, mà tôi thật chẳng đặt tay cấp của.

Trang Tử Minh:

– Đêm khuya mi đến chỗ để quan tài mà làm chi? Mi nói đến viếng, vì sao mà mi viếng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, viếng là vì tôi có vào dinh bán ngọc, tôi có biết phu nhân, thật là tay trong như giá trắng như ngần, tại có dạ khoan nhân đại độ. Trách trời nữ khiến chi vắn số, chưa mấy mươi mà trâm gãy bình tan, tôi thương người vốc ngọc mình vàng, nên tôi chờ canh vắng để tiếng than gọi tiết kẻ dung nhan mảy liễu.

Trang Tử Minh:

– Mi mượn có đó mà che chở lỗi mình thật khó tin. Đòi mấy ai vị quen biết qua đàng, dung nhan mảy liễu mà than tiếc nếu chẳng có chút tình riêng gì, ân nặng gì.

Mi nói khi mi vào dinh bán ngọc mi có quen với đoàn thể nữ, những đứa mi quen đó là đứa nào? Mi có quen biết với một con tì nữ chữ đặt tên là Đào Anh?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tớ vào ra buôn bán nơi dinh cũng thường, song với đoàn thể nữ trong dinh, tớ thấy thì hay đấy, quen thì hay quen, chớ ít biết tên cho hết; trừ ra con Đào Anh là con tì nữ yêu dấu của Hồ phu nhân, là con mà quan lớn mới hỏi đó thì tôi quen hơn nên mới biết tên biết họ.

Trang Tử Minh:

– À hà! Nói vậy mi quen với Đào Anh, mi biết con Đào Anh, mà mi có tình riêng gì với Đào Anh không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không! Không tình riêng gì tất cả.

Trang Tử Minh:

– Mi biết Đào Anh bây giờ ở đâu chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không; từ thôi vào ra buôn bán trong dinh, tôi không khi nào gặp mặt Đào Anh dặng nữa. Tuy vậy mà tôi tưởng nếu nó chưa thôi Hồ phu nhân, thì nó còn ở tại dinh Hồ đô đốc chớ đâu.

Trang Tử Minh:

– Đào Anh không còn ở với Hồ phu nhân, vì mi biết Hồ phu nhân chết thây còn quàng đó. Đào Anh thôi ra rồi, mi biết rõ Đào Anh ở đâu, song mi không muốn chỉ. Mi muốn ta bảo lính lệ tẩn mi không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, Đào Anh dẫu thôi ở, vì mạng phụ qua đời, thì Đào Anh về nhà cha mẹ chớ ở đâu, tôi làm sao rõ thấu.

Trang Tử Minh:

– Mi rõ thấu! Ngoài mi thì chẳng còn ai biết hơn.

Vả lại – mi hãy nghe – Đào Anh đã có nói với ta, tâm sự của nó một mình mi rõ thấu.

Tô Thường Hậu nghe qua nghĩ cho Trang Tử Minh kiếm chuyện phỉnh mình, chớ Đào Anh thác rồi. Đào Anh đâu còn mà nói. Nghĩ vậy rồi, chàng liền bẩm:

– Bẩm quan lớn, tôi nhớ ngày Hồ Lãng vào chùa Bảo Anh, Hồ Lãng có nói với tôi một khi rằng, Đào Anh đã chết.

Trang Tử Minh:

– Lời nói ấy chẳng ngoa. Mà Hồ Lãng có nói tại sao mà Đào Anh thác hay không.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm Hồ Lãng có nói Đào Anh bị Hồ đồ độc nghi tình mà giết bỏ.

Trang Tử Minh:

– Nghi nổi tình gì?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn tôi đâu có biết.

Trang Tử Minh:

– Mi biết lắm chứ. Đào Anh cũng có nói với ta rằng mi biết rõ.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn. Đào Anh đã thác ra ma, tôi mới bẩm qua rồi đó.

Trang Tử Minh:

– Phải, Đào Anh đã ra ma, nhờ vậy nàng mới hiện hồn mách bảo cho ta rõ thấu kẻ chơn rằng chơn tóc. Đào Anh thật anh linh. Ta nói cho mi biết, ta đã rõ hết ngọn ngành, khuyên mi chớ giấu tình, muốn bung kín miệng bình sao dặng.

Tô Thường Hậu nghe nói tới đây mặt mày biến sắc, thâm nghĩ không lý con Đào Anh nó hiển hích đến thế, thác rồi mà hiện hồn về đội trạng kêu oan. Nghĩ đến lẽ, Tô Thường Hậu lại sực nhớ sự mình nằm chiêm bao thấy Hồ phu nhân như buổi mình còn ở tại chùa, thấy hiện về bảo mình sự tình khai thiệt. Lấy sự Hồ phu nhân mách bảo mình đối với sự Đào Anh mách bảo quan Phủ đây, có khi hai đều hẩn thiệt; chẳng phải quan Phủ bày chuyện phỉnh mình. Vả lại khi trong mộng, Hồ phu nhân có nói với mình, hãy khai hết sự tình, từ nhiên, nhờ lượng quan mình thoát nạn. Vậy thì, mình cũng nên khai thật hay hơn, xét nét kỹ càng, Tô Thường Hậu ngược mặt lên ngó quan Phủ, ngó dường như muốn nói với quan Phủ rằng:

Tôi có khai, xin nhờ lượng cả bao dung. Quan Phủ ngó thấy mặt, biết ý Tô Thường Hậu muốn khai thật sự tình mà lòng còn ngại, nên tiếp:

– Không sao đâu; mi cứ việc khai ngay, đừng ngại mà giấu quanh giấu quất. Ta đã nói, mi khai thật ta mới hiểu ý mình oan; nếu mi giấu nhem sự tình, lạ gì mi chẳng biết, phúc bồn ấy nguyệt minh nan chiếu.

Hồ đô đốc nghi tình gì mà giết Đào Anh?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, nếu Đào Anh đã mách bảo quan lớn rõ ràng.

Trang Tử Minh:

– Ta muốn hỏi lại mi coi lời Đào Anh có quả! Mi hãy nói cho ta nghe coi Hồ đô đốc nghi tình gì mà giết thác Đào Anh.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, ngoài cái tình riêng của Hồ phu nhân thì còn biết nghi tình gì mà nói, Hồ đô đốc nghi cho con Đào Anh lúc ngài xuất sư dẹp giặc, ở nhà mưu kia kế nọ, nhỏ to òn ỷ dễ giành, dễ cho đến đổi, Hồ phu nhân say tình như tiết mất trinh, để lộ dấu ngài về bắt dặng.

Trang Tử Minh:

– Bất dặng! Mi chắc hẳn rằng Hồ đô đốc bắt dặng? Ta chẳng tin! Vì hễ bắt dặng Hồ Quốc Thanh là một vì đô đốc có quyền giết dặng mạng phụ lỗi lầm; có lý nào đã bắt dặng lại chẳng giết Hồ phu nhân, để đi giết Đào Anh tội tình gì, dẫu rằng Đào Anh lấy tay trong, vì nó làm mai mối.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, theo lời Hồ Lăng nói với tôi rằng Hồ đô đốc về thấy bãi nước miếng đờn ông nhỏ bên đầu giường, nghi hỏi, Hồ phu nhân chối dài, Hồ đô đốc mới thừa dịp chặn Đào Anh ngoài vườn mà hỏi. Đào Anh thật vô can. Song khi Đào Anh khai rõ sự tình kia kia nọ nọ rồi. Hồ đô đốc sợ để Đào Anh lậu sự mà ngài làm không thành kế chằng, nên ngài, tuy biết Đào Anh vô tội, cũng quyết chẳng tha, giết thác rồi bỏ thây dưới hồ Phủ mặc bèo sen chôn lấp.

Trang Tử Minh:

– Á há! Lời mi khai đó rõ thật như lời Đào Anh cho. Mà chẳng biết Đào Anh khai với Hồ đô đốc ai là người tình nhân của hồ phu nhân, nói luôn cho ta biết?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm tôi không rõ đặng.

Trang Tử Minh:

– Mi không rõ thì ai trong thế gian này rõ! Ngươi hãy ngó lấy sự mi la oan than tức về vụ trộm ngọc trong hòm kia rồi sẽ chối. Đó là chỗ rửa hận tình chung đó!

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tôi thật...

Trang Tử Minh:

– Ấy ta đã hiểu rõ, mi đừng giấu đầu lòi đuôi. Còn Hồ phu nhân làm sao mà chết mi có biết chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không!

Trang Tử Minh:

– Mi không biết mà ta đã biết. Ta nói cùng ngươi một lời chót này: Nếu mi không kháng khai ngay từ ngọn tới nguồn cho ta hiểu kẻ rằng chon tóc, thì ta kêu quân căng mi ra tấn liền, ta không dung vị nữa. Việc đã rõ ràng, sáng tỏ ban ngày mi còn giấu nổi gì mà không thú thật. Ta là minh quan, ta là người cứu mi, mi chưa chịu khai còn chờ ai nữa. Ta cho mi nghĩ năm phút đồng hồ rồi khai. Nếu mi không thú thật đầu làm sao đuôi lại làm sao, trộm tình với Hồ phu nhân hồi nào, thì ta chẳng dung mi đặng nữa. Mi có phải là đứa trộm ngọc trong hòm chẳng? Hay là trộm tình nơi dinh Hồ đô đốc? Trong hai điều mi phải chịu một thì ta mới minh oan cho. Mi phải nhớ Đào Anh vì nỗi oan, đã hiện hồn đến ta mà đầu cáo, chẳng còn chi mà ta chưa thấu đáo cơ gian.

Tô Thường Hậu nghe qua nghĩ thầm, nếu cượng chối, ắc chẳng khỏi bị quân tra tấn. Vả lại nãy giờ mình cũng đã khai lọt vào vòng rồi đã mắc lưới vầy vùng sao đặng. Lại thêm con Đào Anh oan hồn

nó đã kêu nài. Vậy thì thà mình cam lỗi với Hồ phu nhân, chịu thật trước sau, may đáng mình oan khức.

Nghĩ thầm vậy rồi Tô Thường Hậu lẩm thầm trong miệng dường như khấn vái tình nhân; vái rồi ngó quan Phủ mà nhìn, dường muốn tỏ bày khức độc, quan Phủ hiểu ý liền nói:

– Sao, mi nhút định khai thật tâm sự của mi chưa, hay là đợi phải có người tra khảo?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, xin để tôi khai ngay.

Trang Tử Minh:

– Á há! Vậy mới có thể minh oan cho chớ.

Nói vậy rồi lại kêu thầy Đề lại mà bảo:

– Đề lại đâu! Đem giấy mực lại đây, ngồi mà biên hết lời khai của Tô Thường Hậu. Biên đừng cho sơ sót tiếng nào. Còn Tô Thường Hậu mi có khai, cũng phải khai đủ đầu đuôi, đừng che đậy chỗ nào nữa hết.

Dứt lời quay bảo Tô Thường Hậu khai đi.

Tô Thường Hậu bèn khai:

– Bẩm quan lớn, tôi gốc ở Quế Châu tên Tô Thường Hậu, con nhà giàu có, cha mẹ mất sớm, để sự nghiệp trăm muôn; tuy tôi thuở bé nhờ cha mẹ tung tiu rước thầy về dạy, nên tôi chẳng dặng ít nhiều bút nghiêng, dầu rằng tôi chẳng phải tay khoa mục. Từ thừa hưởng sự nghiệp cha mẹ để lại, ước mơ ngồi nhà làm một mặt phú gia cùng một tay nghiệp chủ, tôi cũng dặng sung sướng trọn đời, của tiền chẳng thiếu. Nhưng hồi, tôi chưa có người nội trợ tề gia, mà tôi lại có chí bốn phương, nên tôi thừa lúc thông dong, tha đi các tỉnh nhân du, trước là xem cho biết đủ nhân vật cảnh tình, sau chọn cho dặng chốn gieo cầu, không cũng mặt trao tơ lụa ối. Nhút định rồi tôi giao hết nhà cửa sự nghiệp cho lính cô giữ gìn, dặng tôi có lên yên dục vó. Tôi vừa sửa bước ra đi, lính cô của tớ lại cản nói gặp hồi ly loạn, thay chúa đổi ngôi, trộm cướp bốn phương sanh linh đồ thán; nếu tôi ra đi du lịch một mình như vậy e lữ côn đồ dọ biết tôi là tay cự phú mà âm thầm hãm hại. Muốn đi, phải lấy một nghề gì làm cơ dặng mà giả thương khách qua đàng, thì mới an lòng lịnh

cô tôi. Chẳng dám cãi lời cô, tôi mới gom góp châu ngọc trong nhà và quơ thêm của các nhà cự phú trong tỉnh cho nhiềuặng giả thương khách đi buôn châu ngọc. Đi tỉnh này sang tỉnh nọ, từ Bắc kinh đi chí Nam kinh, lúc tới Thiên Tân tôi nghĩ tôi đã biết đủ nhân vật cảnh tình xa gần khắp hết rồi, lại thêm tôi đi cũng đã đầy tháng năm lâu ngày rồi, nên tôi tính muốn trở về bốn tỉnh. Xảy đâu đêm chót tôi còn ở tại Thiên Tân, tôi có xem một hội hoa đăng, tôi thấy tài tử giai nhân, nam thanh nữ tú, tôi lấy làm vui lòng đẹp mắt mà để tiếng ngợi khen không ngớt. Có người đứng gần nghe tôi khen, mỉm cười dường chê tôi là tay chưa thông thạo, rồi lại nói: "Túc hạ thấy những nữ tú nam thanh đất Thiên Tân này như vậy mà túc hạ khen rồi; ước đặng túc hạ để bước tới Tô Châu là một tỉnh kiển xinh như vẽ người tươi như dôi, thì túc hạ mới biết tặng khen sao nữa. Đất Tô Châu, chẳng cần nói những gái nhà thế phiệt trâm anh đầy dẫy sẵn đúc, đều là tay thiên kiều bá mị, vạn chuồng phong lưu, thanh thủy vi thần, ngọc vi cốt mà làm chi, nên nói những lũ ca nhi cùng là bọn lầu xanh đệ nhứt chi cũng đều là mặt phù dung chi sắc. Bởi vậy những tay cự phú cùng là vương tôn công tử ở đâu xa, lại chẳng tìm tới Tô Châu mà chơi; làm ra tỉnh Tô Châu trở nên một cái cảnh phiên ba, quan quân đô hội. Không có tửu lầu nào mà không lấy đêm làm ngày, đờn dịch nhặt khoan, hát ca lạnh lốt.

Nghe qua tôi chíp để lòng, về phòng nghỉ hỏi thăm, tôi quyết định tới chơi cho biết. Tới Tô Châu tôi cũng lấy nghề bán ngọc mà giới thiệu, ở chơi một hai bữa đầu tôi thấy thật là tiếng đồn chẳng sai; lần hồi ngày gió đêm trăng, say mê lắm lúc. Ở trót hai tháng trường, tôi không biết tới một xóm nào làng nào trong tỉnh Tô Châu khác hơn là xóm phiên ba khách sạn tới tửu lầu, đêm ngày luống lui lui tới tới.

Vui tột sanh buồn, cứ đêm nào cũng hội yến đêm nào cũng đờn ca, liên quá cũng nhàm tai chán mắt.

Một bữa tôi nghe đồn chùa Bảo Anh tuần hạ ngươn có làm chay thí tế. Thiện nam tín nữ xa gần nô nức tới dung hương. Nghe qua tôi chíp để lòng, chờ sáng tới xem cho biết. Sáng ngày rả cuộc hội yến, tôi không trở về khách phòng, tôi cứ việc kêu xe dung ruổi tới Bảo Anh am tự. Tới nơi, xem hát thật là vui; không những bốn

đạo tới quỳ hương khấn nguyện khô; cho đến hàng phu nhân trong lầu các cũng ngồi kiêu tới chùa cúng phật. Trong hàng mạng phụ đi cúng đầy có Hồ phu nhân là một người đờn bà còn non. Tôi thấy mà không biết vợ ai, nên tôi phải lòng đứng nhìn ngó mà thầm tiếc hương trời sắc nước. Ước đặng gối chung đầu đầu có thác cũng vui. Vì tất lòng thầm mơ trộm ước ấy, tôi không biết tôi có đặng mãn nguyện cùng chăng, nên lúc Hồ phu nhân còn đang quỳ lạy các bàn, tôi vào trước bàn thờ Quan công, tôi xin xâm cho biết kéo lường công vô ích.

Tôi vái lạy xin đi xin lại hai lần cũng đặng một thẻ xâm hạ, tôi đem lãnh bài xâm coi, thì trong đây có câu như vậy:

*Tiền thế kiệt thành duyên
Kiêm triều nhậm tiền khiên
Khẩu như bình thủ định
Mạt thổ tại nhân tiền*

Xem qua tôi lấy làm mừng lòng, biết chắc làm gì tôi cũng đắc thành sở nguyện, nên tôi...

Trang Tử Minh:

– Khoan! Mi xin xâm có bốn câu như vậy, chẳng hay mi hiểu nghĩa ra làm sao mà mi chắc cái hy vọng của mi thành tựu; mi cất nghĩa cho ta nghe rành thử coi?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, trong bốn câu xâm dạy biểu rõ ràng, chữ đầu nghĩ đó; chớ có chi kín nhiệm cao xa mà phải tìm hiểu cho quá cao mà ra thấp. Thì câu đầu dạy rằng: Kiếp trước người đờn bà ấy với tôi đã có kết nên vợ chồng một lần rồi, nên mới có mối nợ tiền khiên dây dưa đến ngày nay, phải vay trả cho nhau mà gặp nhau lại nữa; song phải biết kín miệng như bình chẳng nên dễ người, nhỏ trước mặt người, nghĩa là thổ lộ sự tình trước mặt người, mà sanh hậu họa, chớ có gì.

Trang Tử Minh:

– Nếu mi hiểu vậy thì mi lầm rồi, câu thứ tư có phải nói như ý mi, bảo đừng nhỏ hay là đừng thổ lộ sự tình trước mặt người đâu. Nếu quả thánh thần muốn dạy bảo người bung kín miệng bình, đừng

cho thổ lộ thì câu xâm phải nói chữ gì, chớ có phải dùng chữ thổ là mưa ra, nhổ ra, phúng ra mà nói vậy đâu. Ta chắc mi hiểu sai lắm rồi. Mà thôi lắm chẳng lắm cũng chẳng sao, mi cứ việc tiếp theo cho trọn; nói đi khai đi cho ta nghe.

Tô Thường Hậu:

– Tin chắc theo lời xâm làm gì tôi cũng dạng thành như nguyên, nên tôi chực sẵn đợi Hồ phu nhân lên kiệu ra về, tôi tuốt theo sau coi thử về dinh nào cho biết. Theo về tới dinh Hồ đô đốc, kiệu Hồ phu nhân vào ngõ, bỏ xe của tôi bơ vơ ngoài đường, ngo ngẩn tợ như nhận lạc bầy, chim lẻ bạn. Tôi đi qua đi lại ngó vô dinh đôi ba lần, thấy có vọng quân canh, chẳng dám đứng mà nhìn lâu, tôi mới lần bước tới tìm người hỏi thăm cho rõ. Nào có hỏi được ai! Cũng có gặp đôi ba trẻ thiếu niên qua lại trên đường, mà hỏi đến không biết dinh của ai mà nói. Buồn tình tôi mới lo thơ bước lần tới nữa, họa may có gặp nhà nào ghé vào hỏi thăm nữa chẳng; chớ hỏi chưa ra mồi mà vội ôm cái khối tình cảm này về phòng mà mơ bóng tướng hình, băng khuâng nhớ nét mày gương mặt, thì để nào ngồi yên chỗ, đứng an nơi lắm sao. May đâu, lúc nên trời cũng chịu lòng, khiến cho tôi đi tới một cảnh nhà tranh, ở dựa một bên trên lộ. Tớ mừng lòng quá, lật đặt tước vào, thấy, một lão bà còn đang đứng tại sân, hết hồi bẻ lá gân xanh rút ruột tâm rồi, đứng mà chấp tợ nói chỉ. Tôi liền ra mắt bà mà thi lễ, rồi hỏi thăm bà chẳng biết dinh của ai ngoài có vọng canh, trong có tôi đòi, hầu hạ một người đờn bà vừa trạc thanh xuân, má phấn môi son, mày tằm mắt phụng. Lão bà cười và nói tôi phải là người ở đâu đến đây mới chẳng biết dinh ấy là dinh Hồ đô đốc, người đờn bà ấy là Hồ phu nhân chồng mắc đi dẹp trường sa, vợ nhà quạnh quẽ đó. Tôi cầu lão bà làm mai, tôi chịu nhiều vàng bạc, nhưng mà bà lão không khứng chịu, nói rằng quân lệnh nghiêm không thể ra vào; bà lại còn e làm đến điều phạm nghĩa cang danh, chẳng may đổ bể ra tới tai Hồ đô đốc, hay lúc ngài ban sư về dinh, ắt chẳng khỏi tay ngài, phải làm quỷ không đầu, danh ô nang thực. Tôi năn nỉ với lão bà đem vàng dặt ngõ, tiến dẫn tôi vào đến dinh ra mắt phu nhân lão bà cũng không; lão bà lại nói quân lệnh cấm đờn ông dầu thân thích cũng không vào dạng. Rồi lại tôi xin cải trang vào dinh bán ngọc, lão bà mới chịu tiến dẫn

cho. Mà trước khi dặt vào, tôi phải giả gái cho lão bà coi, coi như hệch lão bà mới chịu.

Trang Tử Minh:

– Khoan! Mi có biết lão bà tên họ là chi! Nhà ở đâu? Bấy giờ còn hay mất.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn từ thâm dinh cấm rồi, từ ấy những nay tính lại đã gần ba năm, tôi không hề gặp mặt lão bà nữa. Thật tôi không rõ tên họ bà, mà tôi cũng chẳng biết nhà còn ở đó hay đã dời đi chỗ khác. Bà còn mất không tường.

Trang Tử Minh:

– Thế thì việc mi cải trang thâm nhập dinh cấm là mưu của mi sắp đặc trước phải chăng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, không những tôi vì lòng gái truất tư lương gương mặt thiên hương quốc sắc mà sắp đặc kế cải trang vào dinh choặng mà thôi, mà tôi những còn toan một kế mẫu dễ cầm chơn ở lại trong dinh chặng có kiến cơ nhi tác. Là tôi vào mấy lần đầu đem rờng những châu ngọc thấp giá cho Hồ phu nhân lựa không chặng không khứng mua, tôi sẽ hứa sau đem châu ngọc tốt. Tôi lựa sẵn mấy mươi hột châu rất báu xâu làm một sợi chuỗi. Xâu châu này cột gút một đầu thả lơ mỗi một đầu cố ý để người cầm vô ý thì sút sổ để xòa hột châu xuống đất. Đã vậy qua bữa sau là bữa tôi quyết ở lại trong dinh ban đêm, tôi đợi tới xế qua, tôi mới vào dinh gởi xin ra mắt, lĩnh phu nhân cho vào trong nhà, vì trước đã quen tánh nết vừa lòng. Tôi vào, phu nhân thấy mặt mừng, nói cười vui vẻ hỏi chuyện này sang chuyện nọ, tôi mới đỡ châu sắp sẵn đem dâng; tôi nói xâu châu này là đáng mấy mươi ngàn, vì là châu lựa, hột nào như hột nấy, không tì không vết. Hồ phu nhân với tay lấy, tỏ mừng lòng, biết Hồ phu nhân đã trúng kế rồi; phu nhân vừa cầm, tôi vừa buông, thì xâu hột châu đổ xòa xuống đất. Hồ phu nhân vì vô ý, tỏ sắc không vui; còn tôi, thì tôi cứ việc vui cười như thường, tôi lại theo mà an ủi Hồ phu nhân, để mặc tôi thủng thẳng lượn lần lại đủ. Rủi trời đã tối rồi, lượn không đủ số Hồ phu nhân lòng

ngay, mới cấm đoàn thể nữ ra vào, rồi cấm tôi ở lại trong dinh, ăn với Hồ phu nhân rồi nghỉ, đợi bình minh kiểm nữa.

Khi dùng bữa đàm đạo, tôi kiểm những lời tư dâm, những điều sắc dục mà nói về phận tôi góa chồng thuở mới có chồng, tôi bày tỏ cái sơ yếu của đờn bà, sự nhiệm màu của phu nhân, làm thế nào mà giữ tiết. Tôi biết rõ gái mới về nhà chồng một đôi trăng vắng trăng kia vội rẽ thì lạ chi câu bảo noãn tư dâm dục, ví chẳng khác kẻ khát cầm gáo mà trông; nếu có ai mà nói đến chuyện vợ chồng, thì thế nào cũng khó dằn lòng choặng. Tôi bày chuyện thương riêng mà nói cho trong lúc Hồ phu nhân chén say ửng đỏ má đào; Hồ phu nhân vì sự vắng vẻ loan phòng, mong có kẻ giải dặng lòng tha thiết, nên nghe Hồ phu nhân liên tin như lời, muốn cho tôi chung phòng để bà thí nghiệm. Vì tin thật tôi cũng là phụ nữ như hoa Hồ phu nhân, tôi thừa lúc Hồ phu nhân say giấc, tôi xuất kỳ bất ý, công ky vô bị, cho thỏa lòng tự niệm. Việc lỡ rồi biết sao! Lại thêm hạng phùng cam vô, vì chẳng khác kẻ đói lòng ăn trái khổ qua, muốn vô thì đắng nhả ra thì uống, nên lỡ rồi phu nhân cũng cam, thuận tình để trong lúc chích bóng cô phòng có kẻ giỡn đào chơi lý. Bấm quan lớn, sự đời gấm có lạ chi. Rượu chẳng uống, uống thì say, hoa chẳng chơi, chơi thì mê, càng ngày xem phu nhân một tỉnh mười mê, cùng tôi đêm ngày lăm lăm. Trong dinh nào có ai hay biết chi đâu.

Trừ một mình con Đào Anh là con tở ruột, là đứa đã chết còn hiện hồn đội trạng kêu oan, thì nội trong dinh từ lớn chí nhỏ, có ai biết tôi cải trang, hồng nghi cho tôi làm điều tình tặc. Tôi ở trong phòng với Hồ phu nhân trót đã hai năm, ngày thì lúc chén rượu, lúc cuộc cờ, đêm lại khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Chẳng nói quan lớn cũng biết; tôi mà dặng Hồ phu nhân như dặng ngọc, như dặng đào tiên rơi đến tay phàm, nên tôi mong sao cho hiệp nghĩa sắc cầm, quyết một cải cầm nên điệu. Còn như Hồ phu nhân vì lỡ cuộc ngọc trắng cát lăm rồi phải chịu, nên để cho ép liễu nài hoa; chớ có lý đâu dám đem lòng phụ mặt tài ba, vùi gió bụi cho uống cái mình ngà vóc ngọc. Có ấy nên tôi biết rõ, Hồ phu nhân có thương cho lăm bất quá là mê nhứt kiếp ngộ nhứt thời đó thôi; chớ hễ ngày nào Hồ đô độc đẹp an cường khấu rồi trở về dinh, thì tôi với Hồ phu nhân, phải một đứa một nơi rồi rã!

Bầm quan lớn, tôi đã nói tôi ăn ở chung chạ cùng Hồ phu nhân trong phòng trót đã hai năm, không hề Hồ phu nhân để cho tôi bước chon ra khỏi cửa; trừ ra một đôi khi, đêm nào vì sự tù túng lâu ngày mà vui tột sanh buồn tôi ép uống hết lời Hồ phu nhân cực chẳng đã, thương tưởng lắm, mới là kháng chịu chờ đêm khuya canh vắng, cùng tôi đem nhau đi coi hát. Vậy mà ba bốn tháng, hoặc nửa năm mới đặn xem diễn một lần. Tính lại trót hai năm tràng đi đặn có ba lần mà hết. Trong sáu tháng sau này chưa hề để bước đi đâu. Hồ phu nhân có tính đà xem hội Huệ đăng mà chưa kịp đi, bỗng nhiên, một buổi trưa kia, ăn rồi cùng nhau đang nằm trên giường trò chuyện, có tin thế nữ – ấy là con Đào Anh – vào báo có Hồ đô đốc ban sư, tiếng trống quân còn nghe vãn vãn. Nghe báo, Hồ phu nhân cùng tôi, nghẹn ngào miệng mở chẳng nên lời, tro mắt nhìn nhau giọt dài giọt vắn; khác nào như sét đánh nửa lưng trời, nghĩ đôi lứa cùng nhau chông chạ đứng ngồi, gổi chẵn yêu ấp trót đã hai năm một phút không lìa, nay thỉnh linh có tin Hồ đô đốc về làm rả tùy chia uyên, vì chẳng khác bình địa phong ba, thì lòng nào không động. Bởi vậy Hồ phu nhân cũng tở, ôm nhau mà khóc òa, kể nỗi sự tình, từ đây chia cách. Hồ phu nhân nghĩ con gấp lửa cháy mảy sợ cho tôi diên trì mà Hồ đô đốc về tới dinh ngó thấy, Hồ phu nhân mới hối tôi mau tạm bước ra ngoài, tìm chốn dung thân, chờ con tái ngộ. Tôi nói gần đây tôi không quen biết với ai duy có Bảo Anh tự chẳng xa, tìm tới đó giả cuộc ẩn vương nương Phật. Tôi ra đi, cuộc như vậy đây, quan lớn cũng biết, đau lòng biết bao; nỗi đau đón nó làm cho tở, đưa chon một bước hóa mười lui, Hồ phu nhân nhìn theo, tôi quày đầy ngó lại thật là tro mắt hai nhìn ra bốn giọt.

Tới chùa Bảo Anh tôi gởi xin ra mắt Hòa thượng mà xin nương náu. Từ đến Bảo Anh cho đến sau là ngày tôi bị xét bắt đấy, hẳn thật tôi có gặp mặt Hồ phu nhân một lần; Hồ phu nhân có tỏ cho tôi hay rằng Hồ đô đốc sanh nghi, vì bãi nước miếng của tôi nhỏ khi cùng nhau lúc ban trưa chông giường trò chuyện. Bấy giờ tôi mới biết lời xâm thật quá hay, tại tôi hiểu lầm có một câu chót, câu thánh thần dặn bảo: "*Mạt thổ tại nhân tiên*" mà sanh nông nổi.

Trang Tử Minh:

– Tại mi hiểu cao ra thấp đó; chữ thổ là mưa là nhỏ mi hiểu bóng dáng làm gì mà tưởng cho nghĩa "nói". Nói vậy vì một bãi nước miếng của mi mà lậu sự tình riêng nên gây nông nổi. Từ gặp Hồ phu nhân đến sau, chuyện ra làm sao, khai luôn dứt?

Tô Thường Hậu:

– Hồ phu nhân về rồi thôi, tôi chẳng còn trông mong chi khác hơn là đêm đắp thảm ngày đeo ầu, sớm ngóng trông, chiều mỗi đợi. Nào có chi đâu.

Cách ít ngày, bỗng đâu Hồ Lăng đến xin tá túc. Tôi nghe rằng là người ở trong dinh Hồ đô đốc bị đuổi ra, Tôi mừng dặng có người nhỏ to chuyện vãng; nên tôi mới hết lòng tiến dẫn Hồ Lăng. Hồ Lăng nói với tôi Hồ đô đốc nghi tình Hồ phu nhân, nên thừa con Hồ phu nhân đi chùa gạn hỏi Đào Anh ép khai nguồn ngọn. Đào Anh ngỡ khai thật thì dặng thứ tha, dè đâu Đào Anh khai thật đuôi đầu, Hồ đô đốc nhẩn tâm hạ thủ. Giết rồi bỏ thây dưới hồ sen. Nghe vậy tôi ngỡ cho Hồ Lăng thật tình, tôi mới lựa lời hỏi thăm tới Hồ phu nhân dò cho biết chuyện đổ bể ra rồi, có can chi tới tánh mạng Hồ phu nhân cùng chẳng? Hồ Lăng lại nói Hồ đô đốc có dám nói chi động tới Hồ phu nhân; tôi mừng cho Hồ phu nhân; dè đâu, Hồ Lăng là người của Hồ đô đốc sai đi mật thám. Sau rồi tôi mới rõ tình hình. Sự cạy hòm mạng phụ cấp của châu báu mà vu oan cho tôi đây, hẳn thấy tay Hồ Lăng làm ra, gieo họa cho tôi gia phá nhân vong cho vừa lòng kẻ.

Tóm lại tôi có trộm tình không trộm ngọc, nhờ thượng quan dĩ đức minh oan, tôi chẳng may hồn xuống suối vàng, nguyên kết cỏ ngậm vành cho phỉ.

Trang Tử Minh:

– Có vậy ta mới dặng rõ ngọn nguồn khúc sông, đầu dây mối nhợ cho chớ. Thế thì sự vu oan gia họa, trộm báu trong hòm đây trước sau gì cũng có Hồ Lăng; vậy Đề lại đây mau vãng lĩnh ta, tới dinh Hồ đô đốc bẩm cùng ngài, cho Hồ Lăng sang qua cho ta hỏi việc.

Trang Tử Minh dạy rồi quay lại hỏi Tô Thường Hậu:

– Người nói sự Đào Anh bị tay Hồ đô đốc giết bỏ dưới hồ, người biết đúng là có Hồ Lăng thuật chuyện cho mi nghe; còn như Hồ phu nhân, mi có biết tại sao mà Hồ phu nhân cũng chết đó chẳng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, về phận Hồ phu nhân thật tôi không tường; ngày đem quan tài tới chùa Bảo Anh để quàng thì tôi mới hay chớ bữa chết tôi không có biết.

Quan Phủ:

– Ngày đem quan tài lên chùa Bảo Anh đó có mặt Hồ Lăng còn ở tại chùa không?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm ngày đó Hồ Lăng còn ở tại chùa.

Quan Phủ:

– Nó không có tỏ chuyện gì cùng mi về phận Hồ phu nhân hết sao?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không? Duy có khi tiếp quan tài vô chùa, chính mình Hồ Lăng kêu nói cho tôi biết: Rằng Hồ phu nhân đã thác rồi.

Quan Phủ:

– Nó không có nói tại sao lại thác hay sao?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm không.

Quan Phủ:

– Còn theo ý mi nghĩ thì tại sao Hồ phu nhân tạ thế? Trong đấy có lẽ gì chăng?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, Hồ phu nhân...

Nói tới đây Tô Thường Hậu động lòng rơi lụy, ngậm ngùi nói chẳng ra lời, quan Phủ thấy vậy, mới dỗ Tô Thường Hậu:

– Không sao đâu, dầu oan ức lẽ gì, cũng có ta mình đoán. Mi hãy nín khóc, thúng thỉnh nói cho ta nghe; Hồ phu nhân chết vì nghiệp gì hay là ai giết Hồ phu nhân, mi biết cứ việc khai ngay, đừng sợ chi ai mà giấu?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, Hồ phu nhân chết hồi nào, chết về nghiệp gì tôi thiệt không hay; nhưng mà một đêm kia, ví thương nhớ nhau,

đôi mắt tôi không ngừng giọt lụy tôi mãi có trần trọc canh chầy, không ngủ, chùng mê mệt quá, tôi vừa ngủ quên, bỗng thấy Hồ phu nhân đầu bỏ tóc xả, mình mẩy ướt đầm tới đứng trước mặt tôi, khóc mà nói rằng: Nàng vì chút tình riêng, phải tay chồng ghen, giết nàng trong mái rượu. Tôi nghe thì hay vậy chớ ý không nghĩ tới tôi chỉ thấy mằng gặp đảng người của tôi nhớ thương, nên tôi chòn vòn ngồi dậy với nắm lấy tay nàng, mong kéo nàng lại gần mình, hun hít cho phỉ dạ: dè đâu tôi vừa với tới, nàng đã lách mình, nàng dang ra mà nói rằng đã thác ra ma, nghĩa ấp yêu đã đành âm dương chia cách nhưng bởi nàng còn nghĩ tình xưa nghĩa cũ, nàng chẳng muốn để cho tôi vì nàng mà lụy đến thân; nên nàng hiện hồn về tỏ thiệt nguồn cơn, cho tôi lánh mình, kéo tai họa đã gần bên cửa.

Nói rồi nàng biến đi, tôi giựt mình tỉnh ngồi khóc nức nở một mình khóc vì thương tiếc chút tình, chẳng quảng đến điều tai họa. Tôi còn nghĩ cho tại tôi mơ tưởng quá mà thấy vậy, chớ chẳng có tai họa gì xảy đến. Cho tới đêm tôi ra ôm quan tài mà khóc, chùng nghe tiếng khua động tôi lật đật bước tránh vô phòng, tưởng tránh đỡ giây phút rồi trở ra, không dè mê mệt quá tôi đặt lưng đã ngáy, tôi cũng thấy nàng hiện hồn bảo tôi phải lánh thân, tai họa đã tới gần, chớ nên chậm bước, bởi tôi không tin, tỉnh giấc còn ngồi nghĩ nghị quan quân đâu kéo tới rần rần, quan Phủ với Hồ đô đốc kéo thẳng vào phòng tôi mà vấn tra, rồi xét đảng tang vật tại phòng, mới là bắt tôi dẫn về phòng giam ngục thất. Tôi nào có biết chi đâu. Nếu lấy theo lẽ tôi nằm thấy Hồ phu nhân hiện hồn về mách bảo, thì Hồ phu nhân phải tay chồng giết tử hoàn; tôi xin nhờ lượng cả minh oan, cho người chốn xuôi vàng, đảng an nhắm mắt.

HỒI THƯ SÁU

Trang Tử Minh chẳng vị tình kháo án
Hồ Quốc Thanh e tội nặng hại mình

Tô Thường Hậu khai rồi đứng khoanh tay, mắt chưa ráo giọt mà nhìn quan Phủ, mong chờ nghe coi quan Phủ có vấn tra mình không hay đâu Tô Thường Hậu đã mỗi chờ, mà không nghe hỏi han chi cả; duy thấy quan Phủ ngồi dựa án thiêu thiêu,

tay chống trên mái đầu bộ như ngủ gật. Nào có ai dám làm khua động bên tai. Cho đến thấy thông hình, thế cho Đề lại lấy khai, chép rồi lời khai cũng để đó mà bước ra, chớ chẳng dám kêu quan Phủ. Giây sau quan Phủ mở mắt ra ngó Tô Thường Hậu mà nói một cách nghiêm nhiên rằng:

*Ung cũng có ung, oan cũng có oan,
Oan là không trộm ngọc cấp vàng,
Ung là có dâm loạn vợ quan dinh cấm*

Nói rồi quan Phủ dạy lính lệ dẫn Tô Thường Hậu ra ngoài chờ, để cho ngài gạn hỏi Hồ Lăng đủ sau trước mới tâng hắc bạch.

Đề lại dẫn Hồ Lăng vào.

Hồ Lăng đứng sững trước mặt, không cúi đầu, không thi lễ. Quan Phủ nổi giận, quở Hồ Lăng:

– Người biết chốn này là chốn nào không?

Hồ Lăng:

– Lý nào tôi ở chốn này mà không biết đây là Phủ.

Quan Phủ:

– Người biết sao người không thủ lễ? Người tên họ là gì, làm chức gì, ở đâu?

Hồ Lăng:

– Ước vì tôi vô tội mà bị bắt, tôi muốn hiểu chỗ đó mà nóng lòng nên vào tới Phủ tôi quên thi lễ.

Quan Phủ:

– Không! Ta có dạy bắt người đâu? Thơ của ta gửi qua Đô đốc, cũng xin dạy người sang đây cho ta hỏi việc chớ. Người mượn chó tưởng lắm mà hờn vội. Người tên họ là chi, nói đi cho ta rõ?

Hồ Lăng:

– Có vậy tôi mới an lòng mà hầu hồi cho. Tôi tên Hồ Lăng đang làm đội trưởng trung quân đô đốc.

Quan Phủ:

– Người có khi nào bị quan Đô đốc đuổi ra chăng?

Hồ Lăng:

– Bẩm không! Tùng chính từ buổi mới đầu quân, tôi lấy làm may mà đừng dô đốc yêu dùng hơn hết.

Quan Phủ:

– Vậy cũng là đáng khen! Người ở đây có biết Bảo Anh tự là chùa nào không?

Hồ Lăng:

– Bẩm biết chứ sao không! Đã nhiều lúc dung hương cầu nguyện.

Quan Phủ:

– Người có con nào tá túc đó một ít lâu không?

Hồ Lăng:

– Bẩm không; mắc việc quan, có rảnh ngày nào đâu mà đòi đổi.

Quan Phủ:

– Người nói sai rồi. Ai khai với quan Phủ ngày trước đây, nói rằng vâng lệnh lên giữ quan tài mạng phụ?

Hồ Lăng:

– Bẩm tôi, song đó là việc quan sai, chứ về tư gia tư sự thì tôi chưa hề ở đó.

Quan Phủ:

– Người lên ở đây mấy ngày?

Hồ Lăng:

– Bẩm chưa đầy nửa tháng.

Quan Phủ:

– Khi người đến gọi xin nương nấu người mượn có nào vào xin?

Hồ Lăng:

– Bẩm vì mật lệnh, tôi dối bậy rằng bị dô đốc đuổi ra, nghèo đói không chỗ dựa nương, vô phang thê chỉ.

Quan Phủ:

– Khi mới vào, người có làm quen với ai mà cậy tiến dẫn chẳng?

Hồ Lăng:

– Bẩm có, song không biết là ai, duy nhớ có một vị chúng tăng tiến dẫn.

Quan Phủ:

– Thật người không biết và cũng không nhớ là ai hay sao?

Hồ Lãng:

– Bẩm thật thì không?

Quan Phủ:

– Trong những ngày người dối giả nương dựa của thuyền nhờ của thập phương đó người thường đàm đạo cùng ai hơn.

Hồ Lãng:

– Bẩm, tôi thường đàm đạo với chúng tăng, mà trong tăng chúng có một vị, tôi thường gần ngày đêm hơn hết. Mà tôi cũng không nhớ mặt biết tên là gì!

Quan Phủ:

– Có khi nào người thuật chuyện trong dinh đô đốc cùng tăng chúng hay không?

Hồ Lãng:

– Bẩm dám đâu! Tôi đã vâng mật lệnh đi dò tin, lý đầu bày tâm sự.

Quan Phủ:

– Người không nói với ai rằng con Đào Anh là thế nữ trong dinh chết rồi sao?

Hồ Lãng:

– Bẩm không! Tôi không hề có nói; thê mấy chùa mấy miếu tôi cũng dám thê đa!

Quan Phủ:

– Muốn thê để sau rồi sẽ.

Người cũng không nói đô đốc nghi tình giết Đào Anh, đuổi người ra khỏi sao?

Hồ Lãng:

– Bẩm không. Cái đó mới thật là nước lả khuấy nên hồ đó.

Quan Phủ:

– Đào Anh bây giờ ở đâu?

Hồ Lãng:

– Bẩm tôi biết đâu; nam nữ có đặng gần nhau đâu hòng biết.

Quan Phủ:

– Nhưng mà người biết nó còn ở trong dinh chăng?

Hồ Lãng:

– Bẩm nó còn ở trong đó chứ đâu.

Quan Phủ:

– Người biết nó không.

Hồ Lãng:

– Bẩm, tôi biết nó lắm chứ.

Quan Phủ:

– Hay a! Vậy ta cậy người đi với Đề lại với lính nhà, cầm thơ ta về trình quan Đô đốc rồi đòi Đào Anh sang qua nhà cho ta hỏi.

Hồ Lãng lờ lờ, nghe dầy mặt mày điếng xanh, song không lẽ nói sao, phải chịu hàm thỉnh lãnh thơ về dinh đặng có trần tình cùng đô đốc.

Hồ Lãng lãnh thơ cùng Đề lại đi rồi, quan Phủ ngó theo cười mà thâm nói: "Cáo đội lột hùm đây ai không kiên sợ. Ta há phải như ai đó sao, khuyên thì đừng lâm tuởng. Dẫu rằng thật là hùm, phải lối ta cũng dám lừa vô rọ vậy chứ!"

Nói rồi quan Phủ dạy dẫn Tô Thường Hậu vào mà gạn hỏi:

– Nay, mi nói con Đào Anh chết rồi, bị chủ nó giết, mi nói vậy mà thiệt hay không, mi rõ biết hay mi nghe nói?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn, tở mắc ở chùa có đâu rõ biết. Lời tôi nói đó là lời của Hồ Lãng khi nọ đó chứ. Mà quan lớn đã chiêm bao thấy Đào Anh hiện về đội trạng bạch, quan lớn còn nghi lẽ gì.

Quan Phủ:

– Phải, ta không nghi Đào Anh còn sống, song ta e vì ta sai đòi Đào Anh, ta e Hồ Lãng mưu trá. Ta chưa biết mặt Đào Anh, thì biết lấy chi làm bằng mà cãi, nếu có lệ trí bắt con thế nữ nào vào mạo hiệu Đào Anh.

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn nghi vậy cũng có lý, nhưng mà không sao, nếu quan lớn chẳng chê tôi xin dâng một kế. Nếu quả Hồ Lăng mưu tính, bắt thế nữ thế vào, thì tôi có kế làm cho lộ mối.

Quan Phủ:

– Kế chi? Phụ nhĩ thử coi cao thấp?

Tô Thường Hậu bước lại kê bàn quan Phủ mà nói nhỏ và dặn nếu Hồ Lăng về có dẫn Đào Anh, quan lớn dạy dẫn tôi vào ra oai khoát nạt, thỉnh nộ tôi mới hỏi như vậy như vậy; rồi để mặc tôi khai sao thì khai, tự nhiên giới kia lời giả. Quan Phủ khen hay, rồi dạy Tô Thường Hậu ra ngoài ngồi đợi.

Ngồi đợi giây phút, hẵn thật chỗ nghi của quan Phủ không sai, Hồ Lăng cùng Đề lại trở về có dắt một nàng cũng trong thế nữ. Dem vào trình với quan Phủ con đó là Đào Anh. Thật là một tuồng hát có một đoạn điệu cợt lạ lùng mà quan Phủ cười tỉnh nói say giả hình chưa biết. Ngài liền dạy quân dẫn Hồ Lăng ra ngoài, để cho ngài gạn hỏi Đào Anh cho thấu đáo kẻ rằng chơn tặc.

Hồ Lăng ra rồi, ngài mới hỏi Đào Anh:

– Mi là Đào Anh thế nữ bên dinh đô đốc phải chăng?

Thế nữ:

– Bẩm phải, tiện tì tên thiệt là Đào Anh, ở hậu dinh đô đốc.

Quan Phủ:

– Mi còn có tên chi nữa không?

Thế nữ:

– Bẩm không.

Quan Phủ:

– Mi có quen biết chi với Tô Thường Hậu chăng?

Thế nữ:

– Bẩm con chưa biết Tô Thường Hậu là ai.

Quan Phủ:

– Nếu mi là thế nữ trong dinh, lý nào mi không biết Tô Thường Hậu là một tay thiếu niên nam tử, lúc đô đốc mắc đi đẹp giấc, lệnh

phu nhân còn ở đình một mình, nó thường sớm tối ra vào, khi bán ngọc, lúc dâng ngọc?

Thế nữ:

– Bẩm quan lớn con chưa quen biết Tô Thường Hậu.

Quan Phủ:

– Mà mi biết người bán ngọc chẳng?

Thế nữ:

– Bẩm quan lớn con có biết mặt.

Quan Phủ:

– Sao nó khai rằng quen biết với mi lắm, nhờ mi tiến dẫn mà vào thâu lĩnh phu nhân.

Thế nữ:

– Bẩm quan lớn người nói sao chó phận con là tôi đòi, mắc lo giữ phận tôi đòi, khi người vào bán ngọc, thấy thì hay thấy chó không hay làm quen lắm lời.

Quan Phủ:

– Mà mi thiệt là Đào Anh chẳng?

Thế nữ:

– Bẩm thật.

Quan Phủ:

– Lạ dữ a! Hai đảng khai khác. Vậy để ta đòi Tô Thường Hậu ra đây đối diện. Thôi mi ngồi dẹp lại một bên bàn kia mà nghe.

Nói rồi quan Phủ cho đòi dẫn Tô Thường Hậu vào Tô Thường Hậu vừa ló mặt vào, quan Phủ vỗ bàn ra oai thịnh nộ.

Quan Phủ mới hỏi:

– Tô Thường Hậu, mi đã khai rằng mi biết rõ Đào Anh, việc cạy hòm mạng phụ trộm ngọc cấp châu có Đào Anh tư thung với mi mà chỉ mưu bày kế, sao nay ta hỏi Đào Anh lại nói không hề quen biết với mi lần nào, dầu khi người vào đình bán ngọc cho Hồ phu nhân Đào Anh cũng chẳng hề quen biết?

Tô Thường Hậu:

– Bẩm quan lớn rõ ràng Đào Anh sợ tội mà chối đó thôi, chớ thật, buổi tôi vào dinh bán ngọc, tôi chẳng hề có quen biết với ai khác hơn Đào Anh, lần lần đôi lứa tư thung với nhau cho tới khi Hồ đồ đốc dẹp giặc trở về nên nổi gối chẵn chia cách. Không gặp mặt nhau yêu ấp nhau như buổi ban đầu, thương nhớ nhau mới có thơ nhắn tin cá nhẩn nhe, ấy là thư từ nạp giữa đường phải nào lời nói ngược. Đến khi Hồ phu nhân chẳng may qua đời đi rồi, Đào Anh chắc mình không còn ở trong dinh lâu nữa, quyết vẫy cùng tôi, cứu thất hủ gia, Đào Anh mới tư tình cùng tôi cạy hòm trộm ngọc, chỉ cho tôi cấp cho đặt châu báu trong hòm mạng để gây sự nghiệp cho nên; thơ của Đào Anh mà xuôi mưu cũng còn kia, tôi đã có nạp rồi, bằng chẳng tôi có biết mà lấy.

Tô Thường Hậu khai rồi, quan Phủ xây lại ngó thế nữ mà quở van, lại nói:

– Đào Anh tội lỗi rõ ràng, đủ đáng phân cang còn chi nữa mà la oan than ức!

Thế nữ nghe rõ trước sau, mặt xanh như chàm, thất kinh hồn vía, đã vậy lại còn bị quan Phủ quở phạt hăm he, nàng lại càng sợ run, lật đặt đứng dậy ra giữa mà bẩm rằng:

– Bẩm quan lớn, xin dạy Tô Thường Hậu nhìn lại cho kỹ kẻo lầm. Nếu quả có Đào Anh tư thung với gian nhân thơ qua thơ lại xuôi mưu trộm báu trong hòm, thì là Đào Anh kia, chớ không phải Đào Anh này, tuy cũng là Đào Anh mà chẳng phải tình nhân của Tô Thường Hậu.

Quan Phủ:

– Nói vậy trong dinh còn có tên Đào Anh khác nữa sao?

Thế nữ:

– Bẩm có, Đào Anh đó là tay yêu dùng cho Hồ phu nhân, thường ở một bên Hồ phu nhân mà chớ sai khiến.

Quan Phủ:

– Đào Anh đó bây giờ ở đâu?

Thế nữ:

– Bẩm Đào Anh đó đã mất rồi, nên mới có lệnh dạy tôi phải vào mà thay thế.

Quan Phủ:

– Nói vậy vì sự thay thế ấy mà mi phải chịu cái danh là Đào Anh kỳ trung mi còn có tên thiệt của mi khác nữa phải chăng?

Thế nữ:

– Bẩm quả vậy; vì sự thay thế ấy mà tiện tì phải chịu lấy tên Đào Anh, chứ tên thiệt của tiện tì chẳng phải là Đào Anh mà rõ là Giáng Tuyết.

Quan Phủ:

– Hay a! Tại vậy nên Tô Thường Hậu không thấy mặt mi mà lầm cũng phải. Bấy giờ ta tin thật không phải mi, song mi phải khai ngay cho ta biết con Đào Anh thiệt tại sao mà chết.

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn, nghe nói Đào Anh chết thì hay chết chứ ít ai rõ tại sao mà chết. Nhưng mà một tên thế nữ phục sự Hồ phu nhân, có chết thì tại số trời nên không cãi dặng.

Quan Phủ:

– Ta biết mi có tình ngay, ta khen mi và muốn tha mi về bây giờ, nếu mi không giữ lấy mực mà khai thật hết cho ta tường những điều ta đã hay biết rõ, thì ta e cho mi phải bị tội vạ tròng mà bất năng hồi cố đa con! Mi phải biết tại sao mà con Đào Anh thác, ngày nay thiên hạ đều hay; cho đến Tô Thường Hậu là tình nhân của nó cũng đã có khai, mi còn toan giấu dìm?

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn, thật sự khi Đào Anh chết thì hay chết, không ai rõ có chi, chứ tiện tì mô dám giấu.

Quan Phủ:

– Rồi từ ấy những nay không khi nào mi nghe ai nói lại sao?

Giáng Tuyết:

– Bẩm, tiện tì có nghe song chỗ ấy nghe không lấy chi làm chắc.

Quan Phủ:

– Mi nghe người nói sao

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn tiện tì có nghe rằng Đào Anh bị...

Quan Phủ:

– Có phải bị chủ nghi tình mà giết bỏ vậy chăng?

Giáng Tuyết:

– Bẩm phải vậy.

Quan Phủ:

– Nghi tình cách nào, giết cách nào, mi nghe thuật cho ta nghe coi có y lời Hồ Lãng khai hay chăng?

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn, vì cùng chung một dinh Hồ Lãng nghe sao, tiện tì nghe y vậy.

Quan Phủ:

– Lời mi nói phải, song ta muốn nghe coi Hồ Lãng có gian giấu chút nào không?

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn, sự nghi tình đấy bởi khi Hồ đô đốc bang sự, về tới dinh vào phòng còn thấy bãi nước miếng nơi đầu giường, xem ra nước miếng đờn ông, hỏi Hồ phu nhân chối ngược. Tánh sâu sắc nước đòi nghe Hồ phu nhân chối vậy, ngài liền nói bỏ qua, nhưng mà ngài không bỏ luôn; ngài ghi chó để chờ khi gạn hỏi. Kế đó Hồ phu nhân đi cúng chùa. Hồ đô đốc ở nhà một mình, sai Đào Anh bẻ hoa, ngài mới ra chặn hỏi. Vườn vắng vẻ có ai, bởi thấy Hồ đô đốc hỏi mà có guom cầm tay, hăm he đòi giết, nếu Đào Anh giấu giếm một lời. Đào Anh lúc cùng chẳng đã biết sao phải khai ngay, nổi tâm sự của bà từ ông bước ra, và những khi bà ở nhà, chích bóng cô phòng sanh sự loan chung phụng chạ. Đào Anh vẽ cho tới hình người bán ngọc già gái vào ra, cho đến khi ông về nhà, bà ôm lòng đòi đoạn gần xa, bà mới giả việc cúng chùa, cho có thể bướm hoa tương hội.

Tưởng khai thật hết mà dặng Hồ đô đốc tha, đe đâu khai rồi. Hồ đô đốc lại sợ để Đào Anh mà lậu cơ mưu, vì ngài tính kế trả cừ, nên ngài mới nhấn tâm hạ thủ. Giết rồi ngài quảng thầy Đào Anh xuống hồ, phỏ mặc bèo sen chôn lấp. Giết Đào Anh rồi ngài

quyết ý giết Hồ phu nhân với Tô Thường Hậu. Tưởng ngài có quyền muốn giết bao giờ không đặng; nhưng bởi ngài không muốn giết liền cho nhờ, ngài muốn làm cho rõ mặt phi thường, cho Tô Thường Hậu phải chịu tang xương nát thịt; nên ngài khi Hồ phu nhân về, đối bày chuyện tình tệ của Đào Anh, ngài giận đuổi Đào Anh với Hồ Lăng mà chưa an lòng, ngài còn muốn theo tận sát. Hồ phu nhân ngờ thật giáng can, nào dè ngài đã sai Hồ Lăng, giả hình tới Bảo Anh, xin nương náo mà dò tin Tô Thường Hậu. Nhờ có vậy, ngài mới rõ thấu những khi nào Hồ phu nhân còn đến chùa Bảo Anh to nhỏ cùng tình nhân. Ngài giận lắm song ngài kết oán thù thâm để dạ chờ khi rửa hận. Một đêm kia vợ chồng chén tạc chén thù cùng nhau trong phòng, bộ ngài nhờ lúc hết rượu sai Hồ phu nhân xuống hầm mà chiếc thêm; rồi ngài đánh mò theo sau mà ra tay nên lúc gần sáng ngài tri hô mất Hồ phu nhân, hối đoàn thể nữ chạy đi kiếm khắp hết trong ngoài, cùng trên tới dưới. Kiếm không thấy Hồ phu nhân chốn nào. Chùng vào hầm rượu kiếm mới gặp thấy Hồ phu nhân, chết một cách thảm thiết vô cùng, đã chết trong mái rượu mà thấy lại trông xuôi ngược. Ngài khóc than Hồ phu nhân, nói Hồ phu nhân rủi trật tay nên nông nổi; Ngài là một vì quan Đô đốc, nói vậy hay vậy, nào ai dám cãi tiếng chi. Khi liệm thấy rồi, ngài lại không chôn, đành đem gói trên chùa quàng để chờ ngày chờ tháng. Tưởng thật vậy ai dè là kẻ chi. Ít ngày nghe Tô Thường Hậu cạy hòm phu nhân mà trộm châu báu ngọc ngà, chùng ấy ai mới biết, tro mắt nhìn nhau mà hít hà chắc lưỡi.

Quan Phủ:

– Khoan! Mi nói chùng ấy ai nấy biết tro mắt nhìn nhau mà hít hà chắc lưỡi, chẳng hay mi muốn nói biết giống chi, biết sự gì mi hãy nói huych ra cho ta hẳn thấu?

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn tiện tì muốn nói biết là oan, biết Tô Thường Hậu bị vu oan vì nổi tình kia sanh oán chó biết giống chi.

Quan Phủ:

– Tại sao mi biết vì tình kia sanh oán, nên bị vu oan, chó thật Tô Thường Hậu không lòng gian xảo.

Giáng Tuyết:

– Bẩm, Tô Thường Hậu là tình nhân, nghe Hồ phu nhân thác, thương tiếc không biết, chớ dạ nào đành làm sự tể vi như thế. Nếu quả Tô Thường Hậu mà chịu có cạy hòm trộm ngọc, có Đào Anh chỉ kế bày mưu thì tại Tô Thường Hậu bị khảo kẹp, chịu không nổi mà phải cam chịu lấy cho rồi, thà chịu chết hơn là ngồi mà chịu khảo.

Quan Phủ:

– Ta cảm ân mi khai rõ đầu đuôi. Vậy mi hãy tạm bước ngồi ngoài, chờ ta hỏi Hồ Lăng coi có điều gì đối cãi.

Giáng Tuyết với Tô Thường Hậu bước ra. Bấy giờ quan Phủ mới dạy đòi Hồ Lăng vào, cho ngồi cật vắn, Hồ Lăng bước vào, quan Phủ ngó Hồ Lăng mà cười và nói:

– Hồ Lăng, mi có làm tới chức Đội trưởng, mi biết chốn nha môn chẳng phải là chỗ chơi, có sao mi dám làm chuyện bung mắt bắt chim phỉnh gạt ta như thế hử?

Hồ Lăng nghe qua lấy làm lạ mới ngước mặt tro mắt, dường muốn hỏi quan Phủ thì đã nghe quan Phủ nói tiếp:

– Thật ngươi muốn giu ta, nên ngươi dám đem con Giáng Tuyết đến mà dối làm Đào Anh là con tì nữ đã bị tay chủ gia tận sát. Cái tội khi quan ấy không có chỗ thứ dung.

Hồ Lăng:

– Bẩm quan lớn, ai nói con thế nữ của Đô đốc gọi tới đó là không phải Đào Anh, thì người ấy là người nhục mạ quan đô đốc. Ai nói con Đào Anh bị chủ giết, thì người ấy là vu oan giá họa cho Hồ đại nhân. Mà quan lớn rõ biết Hồ đại nhân là một vị tướng quân bên thượng liêu, đang con ly loạn này đây đã ra tài đông xông tây đột, đáng tay rường cột nước nhà, ai nói hai điều tội lỗi ấy, tưởng quan Đô đốc cũng không dung tha dặng!

Trang Tử Minh nghe dứt, phác đại nộ, vỗ bàn mà khoát nạt Hồ Lăng rằng:

– Ngươi dám hăm dọa ta là một vị minh quan của triều đình. Á lệnh ngồi đây phân xử nữa sao? Ngươi tưởng đâu ta là người sợ mạnh hiếp yếu hay sao mà ngươi đem quyền thế của đô đốc ra mà hăm dọa ta. Ta nói cho mi biết, nếu mi chẳng khai thiệt sự con Đào Anh bị tay ai giết, ai giết Hồ phu nhân, ai bày kế độc, chỉ mưu sâu

cho người tới chùa Bảo Anh cạy hòm lấy ngọc mà vu oan cho Tô Thường Hậu, thì ta quyết hẳn truyền quân căn đuổi nọc mi ra mà tra cho đến bao giờ mi khai thiệt thì ta mới nghe cho.

Hồ Lăng nghe tiếng khảng khái, bụng đã sợ hết hồn; song còn gượng lời, nghĩ cho trong tỉnh không còn ai có quyền thế lớn hơn Hồ đô đốc; nên sợ thì sợ mà Hồ Lăng cũng còn làm gang nói trả treo rằng:

– Tôi tội gì, ai dám tra khảo tôi thì tra khảo thử coi; tôi có quản gì thân tôi, e cho ai vì chút lợi trước mắt mà phụ nghĩa anh em đồng liêu, đến chùng vàng đá không phân ăn năn thì đã muộn thôi chớ.

Quan Phủ:

– À há, mi lấy oai thế của Hồ đô đốc mà hăm dọa ta; hễ ta mà tra khảo mi, thì chủ mi là Hồ đô đốc kéo quân tới đây, không phân vàng đá. Ta muốn biết thế lực của mi ra làm sao, nên ta sẵn lòng tra mi lắm. Nói vậy người tự quyết chẳng khai thiệt sự Đào Anh phải chăng? Quân bây đâu, hãy bắt Hồ Lăng căng ra khảo giùm cho ta thử coi đến chùng nào nó nói.

Quân lính vâng lệnh áp bắt Hồ Lăng căng ra; Hồ Lăng cượng lý không vâng, song ngó quất ngó quanh, trước sau một mình cượng sao cho nổi. Cho nên cượng thì cượng vậy đó thôi, rồi ra không qua phép. Đi cũng bị quân kéo cổ đi ra căng đuổi nọc. Bị khảo chưa đầy mười roi, Hồ Lăng khóc la một cách rất dữ tợn, kêu Hồ đô đốc làm rung động hết cả Phủ. Quân đánh riết một hồi, hết khóc hết la mà cũng hết kêu Hồ đô đốc. Hồ Lăng túng phải xuống nước chiều lụy xin tha. Lại nói:

– Quan Phủ dầu không tưởng nghĩa cũng nghĩ tình Hồ đô đốc là chủ tôi, chớ có lý đâu quan Phủ chẳng vị chút nào, đánh tôi không kiên chủ.

Quan Phủ cười mà rằng:

– Đánh tở kiên chủ là việc tư gia kia; chỉ như việc công, quan pháp bất vị thân, lý đâu ta dám làm điều bất minh bất chánh. Nếu mi muốn ta dung người, thì khai ngay đi, khó gì mà không chịu. Chuyện Đào Anh bị giết làm sao, Hồ phu nhân bị chết thế nào, mi phao cho Tô Thường Hậu làm sao mi cứ khai thiệt thì ta tha thứ.

Mi đừng tưởng con Đào Anh giả của mi dẫn tới phỉnh ta đó nó chưa khai thật mà lắm. Nếu mi không tin, ta dẫn nó ra nói cho mi biết.

Nói rồi quan Phủ dạy dẫn Giáng Tuyết vào, Giáng Tuyết bước vô cúi đầu, quan Phủ dạy ngược mặt lên coi có biết Hồ Lãng cùng chẳng. Hai đảng nhìn mặt nhau, quan Phủ mới hỏi:

– Thế nữ, mi tên họ là chi; có phải tên là Đào Anh như lời Hồ Lãng khai trước?

Thế nữ:

– Bẩm quan lớn, tiện tì là Giáng Tuyết chẳng phải tự là Đào Anh; Đào Anh đã thác rồi Hồ Lãng dạy tôi vào thế mặt mà trông tên đổi họ.

Quan Phủ:

– Đào Anh chết rồi đó vì sao mà chết, bị ai giết hay là chết cách nào?

Giáng Tuyết:

– Bẩm quan lớn, ngày nọ chính mình Hồ Lãng nói với tiện tì rằng Đào Anh bị chủ nghi tình chận giết giữa vườn ném thây xuống nước.

Quan Phủ:

– Đó mi có nghe không Hồ Lãng? Còn gì mà mi chưa chịu khai ngay cho ta xử án?

Hồ Lãng:

– Bẩm quan lớn quan lớn, nữ nào chẳng vị tình chủ tôi là Hồ đô đốc để đi nghe chi lời nói mờ hồ của một con tiện tì mà bắt tôi khảo tra tội nghiệp.

Quan Phủ:

– Thế thì mi quyết hẳn chẳng khai ngay nữa chi?

Hồ Lãng:

– Bẩm quan lớn, lẽ nào tớ lại dám lấy chuyện không làm có mà vu oan cho chủ.

Quan Phủ:

– Vậy thì ta phải dạy quân tra khảo mi: cái là tại nơi mi cù khô, mưa trách ta sâu độc, đa nhé!

– Quân bây đầu đem Hồ Lăng ra khảo nó coi có chịu khai chẳng?

Phán dứt lời, quân chưa kịp vâng, có kẻ bước vào bẩm quan Phủ có Hồ đô đốc đến, còn chờ ngoài ngõ. Quan Phủ vội vàng sửa áo bước ra, và đi và khoát biểu quân dẹp việc tấn tra, dẫn hết đem giam chờ lĩnh.

Nghinh tiếp Hồ đô đốc và thỉnh vào nha phân ngôi đàm đạo. Quan Phủ giữ lễ cung kính Hồ đô đốc là một vị tướng quân bên thượng liêu, lại tỏ ý vui mừng, chịu lòng từ lời nói. Trà nước giải lao, giây phút quan Phủ mới thừa lúc trò chuyện vui vẻ, mở lời hỏi Hồ đô đốc:

– Bữa nay, ngày thừa nhàn hứng cảnh, quá bộ tới nha, thật là đều may mắn cho tôi hết sức; song tôi còn một điều chưa dám quyết nên xin hỏi lại: "Chẳng hay Đô đốc có lòng hạ cố mà đến chơi, hay là có việc chi cần dùng đến tôi, xin Đô đốc ra ân dạy bảo."

Hồ đô đốc từ để bước vào nha cũng vui vẻ nói cười như tình bạn bạn không trở tánh kiêu căng, ý mình binh quyền lớn, nha tráo đông có công với nước mà khi nhân ngạo vật như xưa nay vậy nữa. Đến chừng nghe quan Phủ hỏi tới câu có lời chỉ dạy bảo, Hồ Quốc Thanh đứng dậy mắt ngó miệng cười vuốt ve mon trớn Trang Tử Minh rồi nói:

– Quan Phủ khéo hạ mình chi lắm đấy! Chỗ anh em làm quan trong một tỉnh với nhau, dầu là bên võ bên văn cũng đồng liêu, phải lấy nghĩa mà đi nhau như vi kiến, như tay chơn, phải thương yêu nhau, giúp đỡ nhau như ruột thịt: há lấy cao thấp, mạnh yếu mà chia lòng nhau cho quân lính trông vào không kiên không nể. Đặt ra anh em nương dựa nhau, tương y tương trợ với nhau, cho ra đồng mây tây tào, có việc chi tỏ thật cùng nhau, đặng mà cậy nhau giúp nhau mới là phải nghĩa. Nay bốn chức đến nha đây chẳng chi khác hơn là vì nghĩa anh em đến trước là viếng nhau, sau hỏi vụ Hồ Lăng luôn thể; vì nó vâng lệnh sang hầu bên nha đã ba ngày rồi, không thấy về, bốn chức nghi chắc nó có điều gì phạm tới phép quan luật nước, nên quan Phủ mới cầm nó lại mà vấn tra, bằng chẳng

vậy, lý nào quan Phủ chẳng nghĩ bốn chức là anh em mà thứ tha cho nó.

Nói rồi Hồ Quốc Thanh lại ngó Trang Tử Minh mà cười mon, rồi tiếp:

– Coi như không có chi trọng hệ lớn, quan Phủ nên nghĩ bụng tôi là anh em, vì lời tôi xin là đáng mấy mà thứ tha cho nó!

Quan Phủ nghe qua mặt có sắc thẹn, song cũng gượng cười đỏ tía tai cười rồi đáp:

– Nói vậy Đô đốc vì chuyện Hồ Lăng mà sang đây, trước là hỏi thăm, sau rồi giùm cho nó nửa chi? Thật lòng đô đốc đối với kẻ dưới rất hãì hà, mà trách thay, cái lũ tiểu nhân như ếch nằm đáy giếng thấy bao nhiêu trời, dám trở trách trời rằng hẹp. Một lời đô đốc dạy bảo, Hồ Lăng dầu phạm tội sát nhơn đi nữa tôi cũng nghĩ tình Đô đốc với tôi như thầy với trò, mà tha thứ cho nó đáng; ngặt cái tội của nó làm ra đây, không trọng bằng tội sát nhơn mà tôi coi trọng hơn tội sát nhơn nên mấy bữa rày đây tôi có cầm để vấn tra, đáng làm án cho vừa tội nó. Tôi tưởng, nếu đô đốc trước khi sang đây mà rõ đáng tội của nó làm là tội gì, thì chắc Đô đốc cũng phiền mà không chịu thất công vì nó. Thật là thằng bất nghĩa vô nghì không ai bì kịp đó Đô đốc.

Hồ Quốc Thanh:

– Còn con Đào Anh?

Trang Tử Minh cười lớn và đáp:

– Tôi nghi cho Đô đốc bị Hồ Lăng gạt mà lầm tưởng con đó là con Đào Anh nên mới giao nó qua cho tôi khi tiếp thơ tôi đòi hỏi; nay mới biết chỗ nghĩ của tôi không lầm, vì nay Đô đốc sang đến đây mà hãy còn lầm tưởng là Đào Anh không ngờ nó – con đó, con thế nữ đó – nó hẳn thật là con Giáng Tuyết!

Hồ Quốc Thanh nghe dứt, có sắc thẹn nên mặt mày đỏ au; thẹn rồi lại nghĩ đến cơ mưu dĩ lậu mà sợ, sợ lại thêm giận, nên rung; mặt ửng đỏ hóa ra mét xanh, tay chơn lại rung, mồ hôi như xối. Lau ướt trơn một cái khăn mà trán hãy còn đổ giọt như chan! Hồ Quốc Thanh lấy làm ghen ngào mở chẳng ra lời; song cũng gấn

guống giả hình cười tỉnh nói say, dường như chuyện không trọng hệ gì tất cả, Trang Tử Minh thấy rõ Hồ Quốc Thanh giấu ý bèn nói:

– Lời tôi nói đó là lời đoan chánh hẳn hoi, phải nào lời nói chơi, xin Đô đốc mưa nghi tình tội nghiệp.

Hồ Quốc Thanh:

– Bốn chức tin quan Phủ bằng lời dám dẫu nghi ngại. Thật bốn chức không biết Đào Anh là con nào, Giáng Tuyết là con nào. Hồ Lăng dẫu muốn gạt chẳng phải khó gì mà không gạt được. Và lại mình biết câu: Quân tử khả khi dĩ kỳ phương thì chẳng lấy chi làm lạ. Ủ! Còn quan Phủ nói thẳng Hồ Lăng nó phạm tội chi mà quan Phủ xem trọng hơn sát nhân, nên nổi nhăm mắt bỏ qua không đáng?

Trang Tử Minh:

– Bẩm Đô đốc, theo lời tôi đã nói Hồ Lăng dẫu phạm tội sát nhân mà nghi tình Đô đốc với tôi như thầy với trò, thì tôi cũng có chỗ thứ tha cho nó; chỉ như tội này đây, tuy không trọng bằng tội sát nhân, mà vì tình thấy trò với nhau, tôi phải coi tội của nó làm nặng tội sát nhân đó Đô đốc.

Hồ Quốc Thanh:

– Tội gì mà trọng vậy?

Trang Tử Minh:

– Chẳng chi trọng bằng tội nó khi quan; nó khi Đô đốc nó khi tôi, dám bày điều tội ác mà vu oan, rồi lại dám giả dối đem con này làm con nọ.

Hồ Quốc Thanh:

– Tưởng chi, chó thứ nó nói hành, lạ gì; đứa tiểu nhân thường có; quan Phủ giận nó làm gì. Vì nó là đứa bốn chức đang yêu dùng lúc này, thôi xin quan Phủ vì bốn chức mà thứ tha, thả nó ra, cho nó đi lo làm công chuyện.

Trang Tử Minh:

– Phải nó nói hành, một lời Đô đốc, đủ cho tôi thả nó ra; ngặt nó vu oan...

Hồ Quốc Thanh:

– Vu oan cho ai? mà quan Phủ biết bốn chức, bốn chức biết quan Phủ theo lời quan Phủ nói, như tình thầy với trò; nên dầu nó có ngỗ nghịch đem điều tội ác mà vu oan cho ai đi nữa, gẫm cũng chẳng thiệt hại gì, can có gì đến ai mà sợ.

Trang Tử Minh:

– Sao lại không thiệt hại, sao lại không can có gì đến ai? bởi chuyện nó vu oan can hệ tới quan Đô đốc, thiệt hại tới mạng phụ Hồ phu nhân, nên tôi mới cầm mà tra hỏi nó chớ.

Hồ Quốc Thanh nghe Trang Tử Minh quyết hẳn, mặt biến sắc chàm, song gương cười nói như chơi mà hỏi:

– Chuyện nó vu oan là chuyện chi?

Trang Tử Minh:

– Chuyện chi... chuyện chi... Đô đốc mượn lấy làm chơi mà ăn năn không kịp. Nó dám tới đây đầu cáo rằng Đô đốc giết vợ là mạng phụ Hồ phu nhân, giết một cách thảm thiết vô cùng, giết lén tại nơi hầm rượu. Nó nói Đô đốc ghen, thừa lúc canh khuya sai Hồ phu nhân xuống hầm chiếc rượu mà nhận đầu Hồ phu nhân vô mái rượu. Hỏi nó có chứng ai, nó lại nói có con Đào Anh biết, rõ ngọn nguồn thấu đáo kẻ rằng chon tóc. Viết trác sai nó đi đòi Đào Anh, nó lại dám làm chuyện báng mắt bắt chim, đem Giáng Tuyết làm Đào Anh mà khi quan thêm nữa. Nhờ Giáng Tuyết khai thật, tôi mới biết mà quả phạt nó và tra gạn sự gian dối của nó; nó lại nói: "Con Đào Anh thiệt biết rõ nên cũng đã bị Đô đốc sợ lậu mà giết đi rồi, nên nó đem con này, tuy Giáng Tuyết mà cũng như Đào Anh, vì Giáng Tuyết cũng hiểu thấu đầu dây mối nhợ.

Dường ấy, Đô đốc nghĩ coi hệ trọng là bao tha sao cho dặng. Đô đốc cứ an lòng về dinh, để đó nó mặc tôi tra hỏi. Bao giờ ra mới thiệt hư chon giả rồi chừng đó sẽ hay, tôi sẽ mời Đô đốc sang qua nha dự thỉnh.

Hồ Quốc Thanh nghe qua nhóm gáy, biết cơ gian đã lậu hết rồi mặt xanh như chàm, lương tâm hồi hộp. Đang ngồi vùng đứng dậy, dường như muốn bỏ mà đi; song tỉnh lại rồi dần dần lòng sợ mà ngồi lộn xuống. Ngồi rồi Hồ Quốc Thanh vùng cười xòa, cười mà trong lòng không vui, nên cười lọt lọt để lộ dấu ra ngoài mắt xem để biết. Cười thì cười mà không giấu nổi cái sắc sợ thất thanh, Hồ

đô đốc với cầm lấy tay Trang Tử Minh đối tình dịu dàng thân thiết mà nói lời ràng buộc rằng:

– Loại thất phu nó khéo dễ dãi mà làm chuyện dễ cười không hổ. Biết rằng trong tỉnh không mấy người, quan Phủ với ta thân thiết như cắt ruột mà nó dám đem những điều vụ oan cho anh, tới cáo với em, nghĩ coi còn có cái ngu nào hơn nữa! Vậy thôi cần gì phải âm mưu vu cáo, thà nó đến mà xuôi anh em mình đoạn tình thủ túc cầm gươm mà giết nhau chẳng là hay hơn. Thật thì quân độc ác chẳng vừa! May là gặp quan Phủ là đáng thông minh, từng trải việc dân việc nước, lại cũng hay niệm nghĩa anh em, vị tình bằng hữu mà tra đi gạn lại không chịu vội nghe theo cho lắm; ước như rủi gặp nhầm một vị quan không thanh, lại không hay vị nghĩa; cố giao cố kết, đồng đảng đồng liêu thì, có phải, dầu không liên lụy đến mình, thì cũng vì đó mà thân danh vùi lấp! Thật ta cảm ân quan Phủ khôn cùn! Ừ mà Hồ Lăng phản ta vu cáo ta như vậy đó, chẳng hay quan Phủ có tin hay không và tra gạn ra rồi chơn giả làm sao nói cho ta biết với? Quan Phủ sẽ liệu xử thế nào?

Trang Tử Minh:

– Phải tôi mà tin theo lời, thì tôi có cần phải nhọc công tra hỏi mà làm gì; tôi cứ theo lời nó khai, tôi trình lại cho Đô đốc biết rồi cứ việc tư chỉ về kinh xin minh oan khúc. Bởi tôi vì nghĩa thầy trò, chẳng chịu để nhờ danh giá, tôi mới cầm Hồ Lăng lại đây mà tra khảo tra hôm nay; tôi nói thiệt, tôi trá nó mà nó chẳng chịu khai ngay, tôi quyết hẳn từ quan treo ấn.

Hồ Quốc Thanh:

– Thôi! Chút vậy cũng đủ thấy lòng quan Phủ vị tôi nhiều lắm. Chỉ mà phải nhọc lòng về một sự nhỏ nhen; với lũ tiểu nhân hơi nào mà chấp. Ta tưởng quan Phủ có lòng vị tình trọng nghĩa ta cũng nên phóng xá nó cho rồi, ích gì mà phải nhọc công ngồi tra hỏi.

– Thôi, quan Phủ hay vị ta mà tha nó đi; bao giờ nó tái phạm, quan Phủ sẽ ra oai khoát nạt.

Trang Tử Minh:

– Lời Đô đốc dạy đáng mấy, lẽ nào tôi dám chẳng vâng; nhưng nghĩ ví phần trách của tôi buộc tôi phải minh, nên tôi cần phải vấn

tra cho rõ, Đô đốc có nói vậy thôi, xin Đô đốc hãy an tâm về dinh, để đó mặc tôi, tôi sẽ liệu bề chế chắm.

Dứt lời Trang Tử Minh vùng đứng dậy, dường như dục Hồ Quốc Thanh phải đứng dậy về; bởi vậy Hồ Quốc Thanh bụng còn muốn rón ngời lấy những cam ngôn mỹ nữ từ năn nỉ ỷ ôi với Trang Tử Minh cho qua mà ngặt Trang Tử Minh đã đứng dậy đưa mình, nên không lý còn ngời đấy nữa. Cực chẳng đã Hồ Quốc Thanh phải đứng dậy giả từ; Trang Tử Minh theo đưa ra cửa.

Ra tới cửa, Hồ Quốc Thanh còn dùn dẩn chưa nỡ rời tay, muốn cầm Trang Tử Minh đứng đó với mình, dặng kiếm những lời ngọt tiếng ngon, giải xin cho dứt việc, Trang Tử Minh biết rõ ý Hồ đô đốc, nên khi đưa ra tới cửa, Trang Tử Minh cứ bứt ngang lời nói của Hồ Quốc Thanh mà từ tạ trở vô; chẳng chịu để cho Hồ Quốc Thanh bày chuyện đông dài, đứng nói tới ngày chưa dứt.

Trang Tử Minh quày trở vô Phủ, Hồ Quốc Thanh mới chịu lên ngựa về dinh!

Về dinh Hồ Quốc Thanh ngời nghĩ nghĩ sự mình, thấu hiểu tức mình ám ách. Biết Hồ Lăng với con Giáng Tuyết bi tấn chịu không nổi hoặc mắc kế của Trang Tử Minh, nên đã lậu cơ gian; lại thêm Trang Tử Minh thuở nay đã nghe danh là một vị minh quan, giữ mực công bình, không chịu vị tình xử đoán; thế thì sự này thấu tới kinh, làm gì mình cũng không khỏi tội. Hay vậy mình chẳng làm chi vậy cho đổ bể tiếng tăm! Bấy giờ đây mình phải liệu sao đây, trước là che đậy cho mình, sau cứu Hồ Lăng cho dặng!

Nghĩ đến lẽ Hồ Quốc Thanh lấy làm bức rức bồi hồi không an ngời đứng. Ngài cứ đi tới đi lui, đi ra đi vào từ trưa tới chiều, quên ăn quên nghỉ. Tối lại, ngài cũng tọa ngọa bất an, bồi hồi nan giải; ngài ngời với đèn tới khuya, mới nghĩ ra một kế hay, rằng: "Trang Tử Minh dầu mình dùng vàng ngọc mua tình cũng dặng. Nếu ta đã lấy lời ngon tiếng ngọt mà xin mãi mà Trang Tử Minh không kháng cho, là tại không lễ vật gì; chớ hễ ta mà dùng tới lễ hậu mà nói, thì lý nào y không dung vị. Vậy thì đêm nay, ta lấy vàng bạc đựng đầy một quả làm lễ đem tới cho y, ta chẳng cần phải đi cho y ngại lòng, ta cứ ngời nhà, sai quân đi với một phong thơ cũng đủ. Hễ y mà chịu nhận vàng bạc đem tới, thì tự nhiên y vì của hối mà tha

ngay Hồ Lăng với Giáng Tuyết chẳng sai; làm như vậyặng vẹn cả hai; vẹn cho danh phận của ta mà cũng vẹn cho tánh mạng Hồ Lăng, Giáng Tuyết là hai đứa đã tận tâm vì ta là chủ mà phải liên lụy thế này."

Nghĩ vậy rồi, Hồ Quốc Thanh liền đứng dậy, đi thẳng lại bàn viết, ngồi tả một nan thơ để gởi cho Trang Tử Minh; thơ ấy chẳng chi ngoài tâm sự của mình, năn nỉ xin nghĩ tình che đậy giùm cho kẻo. Viết xong: Hồ Quốc Thanh cầm coi đi coi lại đôi ba lần rồi mới niêm phong. Niêm rồi đề rồi. Hồ Quốc Thanh lại vào phòng mở tủ lấy những vàng thoi bạc nén sắp đầy một quả, để phong thơ lên mặt đây nắp lại kín đáo rồi mới đi mở cửa đánh thức kẻ tâm phúc dậy mà sai đi. Lúc bấy giờ, đồng hồ đã điểm mười, Hồ Quốc Thanh dạy bảo ân cần, rút lại còn căn dặn tên quân, qua tới Phủ, Trang Tử Minh mà xem thơ, kháng thầu lễ vật rồi, sao sao cũng nài nỉ mà xin Trang Tử Minh một bức hồi thơ cho đặng. Tên quân vâng dạ, lãnh quả bạc ra đi. Hồ Quốc Thanh theo đưa ra khỏi cửa dinh rồi mới trở vào cùng ngồi với đèn mà đợi.

Đây nhắc lại quan Phủ Trang Tử Minh từ đưa Hồ Quốc Thanh ra khỏi nha, lên ngựa về dinh rồi ngài trở vào, nghĩ sự quả tang, cười thầm trong bụng; vì con ngài kiếm lời hay có xảo mà đỡ ngực Hồ Quốc Thanh, ngài xem khí sắc Hồ Quốc Thanh ngài biết; lại thêm khi ngài động tới mấy may sự tình của Hồ Quốc Thanh, thì ngài chẳng hề nghe Hồ Quốc Thanh có một tiếng gì chối cãi; chỉ có dùng những cam ngôn mỹ từ mà năn nỉ ỷ ôi, lấy sự rối cho Hồ Lăng mà che mình, chẳng dám lấy oai nghiêm mà đối cãi; khác hơn ý thiên hạ biết Hồ Quốc Thanh xưa nay, dầu là việc quân việc dân việc nước việc nhà gì, Hồ cũng dụng cường quyền không dùng công lý. Hôm nay Hồ giảm khí nộ mà hạ mình thì đã biết sự đã quả nhiên không còn có mấy gì lầm lạc. Bởi vậy quan Phủ ngài lấy làm đắc chí mà đòi những kẻ phạm ra giữa nha mà tra tấn nữa. Tô Thường Hậu với Giáng Tuyết cả hai đều khai y; duy có Hồ Lăng chối từ hoài, không chịu khai ngay sự tích. Tại vậy nên quan Phủ tức mình không chịu thôi; bữa dịp tra hỏi tới mười giờ đêm hãy còn ngồi mà tra hỏi nữa. Lúc ngài dạy quân tấn Hồ Lăng, vừa dứt lời bỗng đâu có lính bầu bước vào Bẩm báo rằng có quân bên dinh Hồ đô đốc sai qua, đứng ngoài ngõ gởi xin ra mắt. Quan Phủ nghe

nói có quân bên dinh Hồ Quốc Thanh sai qua, thì ngài ngụ ý mà sanh nghi rồi, nên ngài chẳng muốn cho vào giờ ấy; song ngài còn nghi: Nếu lấy lễ công phép chánh mà tuyệt giao đi thì phải cho phạt một vì mình quan trọng lúc đang tra án; nhưng mà không hay; vì làm, như vậy đã không rõ thêm dặng ý gì, mà lại còn e nổi sanh thù sanh hận; chi bằng cho nó vào cho tặng mặt thì hay hơn một là mình rõ dặng cơ quan; hai nữa, Hồ Quốc Thanh lại an lòng, không nghi sợ mình mà sanh kế nào khác nữa.

Xét cạn lẽ, ngài mới dạy dẫn tên quân ấy vào và để dẹp việc tấn tra lại trong giây phút.

Tên quân tâm phúc của Hồ Quốc Thanh vào tới thấy Trang Tử Minh liền cúi đầu thi lễ, rồi bước đến trước mặt Trang Tử Minh, mà quỳ dâng quả kim ngân. Trang Tử Minh với bụng lấy quả, nặng quá, biết trong đó có bạc có vàng nên hỏi Hồ đô đốc có dặn lời chi riêng không; tức thì tên quân bẩm rằng: Trong quả có phong thơ, lẽ hơn thiệt tỏ bày, ngài xem qua thì rõ. Bẩm rồi lại tiếp: Ngoài ra Hồ đô đốc có căn dặn tiểu nhân, sao trở về cũng phải có hồi thơ của Ngài để chứng quả lễ vật đã tới tay Ngài hăng thật.

Nghe dứt, Trang Tử Minh gục gặt rồi cười, giả ý vui mừng lễ hậu. Đoạn ngài mới dỡ quả ra lấy thơ xem; ngài thấy đầy một quả bạc vàng, ngài lấy làm giận sao Hồ Quốc Thanh dám khi ngài là tiểu nhân, kiến tài ám nhãn, nên mới đem vàng bạc làm mồi, câu ngài như thế. Tuy vậy mà ngài cũng dần giọng ngồi mà xem cho hết phong thơ. Thấy tình ngài cũng thương nhưng mà tình sao qua lý. Xem rồi ngài liền đổi giận làm vui nói cười hớn hở; rằng nghĩa thầy trò với nhau, Đô đốc sao lại làm như với người dung kẻ lạ! Ngài cố ý nói lớn cho Hồ Lăng nghe, rồi ngài lại lấy vàng bạc ra sắp để trên bàn, cố ý để cho Hồ Lăng thấy. Sắp hết ra rồi Ngài đẩy quả lai giao cho tên quân của Hồ Quốc Thanh đem về, và dặn nói: ngài cảm ân, xin Đô đốc an tâm để mặc ngài liệu định.

Tên quân lãnh quả vừa đứng dậy cáo từ, bỗng không chàng nhớ sự lời dặn của Hồ Quốc Thanh, dặn nài cho dặng hồi thơ, bèn quỳ lạy nữa nài xin quan Phủ. Thấy tên quân không soi thấu ý ngài, nên Ngài cười; cười và nói:

– Không sao đâu! Muốn vậy thì mi hãy đứng mà đợi ta, ta viết hồi thơ về cho Đồ đốc.

Trang Tử Minh mới nghĩ: Gặp cơ hội như vậy không tỏ cho Hồ Quốc Thanh biết, còn chờ hội nào? Nghĩ vậy rồi Ngài lấy giấy viết đề thơ hồi âm cho Hồ Quốc Thanh; trong thơ Ngài chẳng nói chi tới cái lễ hậu mới dâng đến Ngài còn đây; ngài cũng chẳng nói chi tới vụ Hồ Lăng, Giáng Tuyết tha giết lẽ nào, Ngài lại viết hai câu của Đào Anh mách bảo cho ngài bữa nọ rằng:

*"Phu nhân hữu nhiệm,
Thanh tiêu đã lạc tửu hoàn trung;
Sử nữ vô can
Bạch họa hoàng suy liên trì nội".*

Viết rồi Ngài xếp đề vào phong, giao cho tên quân đem về cho Hồ đồ đốc. Tên quân, nào thấu lẽ chi; dâng thơ hồi âm mắng, lật đặt lay từ lui gót.

Về dinh, trao cho Hồ Quốc Thanh. Hồ Quốc Thanh dở ra xem thấy hai câu của Trang Tử Minh viết hồi âm cho mình, liền tức ghen mở chẳng ra lời, té ngựa nằm trên trường kỷ. Giây lâu Hồ Quốc Thanh tỉnh lại, tay còn cầm thơ, coi đi coi lại rồi đọc:

*"Phu nhân hữu nhiệm
Thanh tiêu đã lạc tửu hoàn trung"*

Hồ Quốc Thanh hạng xuất triêm thân, uớt cả hòa mình, mồ hôi đổ giọt; bèn nghiêng răng trợn mắt, ngó ngay qua Phủ Trang Tử Minh mà mắng rằng:

Chuyện của ta mặc ta, ai cầu mi xỏ miệng vô mà châm chích ta? Chuyện ta làm đã kín như mùng, ngoài trời đất với cỏ cây, thì không còn ai biếtặng; có sao ai mà đem học với mi, cho mi biết thấu chơn tót kẻ rằng mà châm chích ta, nói rằng vợ ta... nên ta giết thác...

Đã vậy, mi còn nói:

*"Sử nữ vô can
Bạch họa hoành suy liên trì nội."*

Sao mi biết là vô can? Nếu nó không tình gì riêng có sao khuê môn ta bất chánh, khi ta về nó là một con thể nữ tâm phúc nó

không đem mà học lại. Đường ấy mi há gọi là vô can mà cho rằng ta giết oan nó nữa?

Mi biết một không biết mười, không sợ thầy lay phải chày cán cổ. Mấy lời mi châm chích ta đây, ta muốn tức thì bây giờ, uy động ba quân kéo qua Phủ bắt người trị tội, thì mới vừa lòng ta, mi chớ tưởng ta sợ một đứa lực bất phuộc kê như mi mà lắm. Nếu ta không làm theo ý ta là tại ta còn kiên Chánh Phủ Bắc Kinh, nên ta tạm dung cho mi khỏi thắc đó."

Mắng rồi, Hồ Quốc Thanh vò thơ của Trang Tử Minh, rồi xé nát bỏ vô giỏ giấy rồi vào phòng an giấc.

Vào phòng Hồ Quốc Thanh ngủ cũng không an; không biết sao không quên đăng chuyện Hồ Lãng vì mình mà bị khổ hình, nên cứ trăn trở một mình, lăn qua lộn lại. Buộc Hồ phải để trí mà chiêm nghiệm việc mình, nghĩ nghĩ những điều hư lẽ thiệt. Bấy giờ Hồ Quốc Thanh mới xét tới mà hỏi lấy mình:

"Thoã như, vì phép nước, kiến lệnh Chánh Phủ Bắc Kinh, mình chẳng sai quân vây Phủ, bắt Trang Tử Minh vấn tội, mà mình cũng không làm sao cho nhem vụ này chẳng phải là vụ tầm thường, không can phạm đến thân danh mình đăng, thoã như Trang Tử Minh cứ nẽo mực công bình, không vị nghĩa, chẳng vị tình, số về Bắc Kinh, thì mình liệu sao? Chánh Phủ Bắc Kinh có dung vị mình chẳng? Hay là có điều chi can hệ đến danh phận mình mà mình không nghĩ tới?

Nếu Trang Tử Minh kết án vụ này rồi số về Bắc Kinh, thì làm gì mình cũng bị triều đình quở trách. Vậy thì bây giờ đây việc còn đang ở đây mình cũng nên bỏ dẹp oai quyền hờn giận, chịu khó hạ mình, đến lấy cam ngôn mỹ từ năn nỉ ỷ ôi với Trang Tử Minh; nói tắt một lời mình phải ráng chiều lòng sao cho Trang Tử Minh vị tình mình mà giấu nhem bỏ qua, không thì cũng làm chuyện phui pha che dấy. Chịu cho xong vụ này, cho qua hội này, rồi sau sẽ hay, oán trả ân đền chẳng muộn; chớ bây giờ đây, mình có khác nào cá nằm trên thớt, cượng lý e sanh sự khó lòng; vẫn biết Trang Tử Minh không dám làm chi, nói chi động tới mình; nhưng mà quyền sanh sát ở tay; còn mình tuy mạnh mẽ hơn mà thế hiểm yếu tợ kiến bò miệng chén.

Xét cặn lẽ thiệt hơn, Hồ Quốc Thanh mới nhứt định ngày mai sang qua phủ Trang Tử Minh, đừng dùng lễ hậu ngôn tí, hạ mình năn nỉ.

Rạng ngày Trang Tử Minh cũng dạy quân dẫn hết nội vụ ra giữa nha tra hỏi, nhứt là Hồ Lăng là tay tâm phúc của Hồ Quốc Thanh, còn chưa chịu khai ngay sự tích.

Quan Phủ lấy lời cật vấn không ra, tra khảo cũng không ra, túng lý quan Phủ mới sanh một kế. Là vàng bạc của Hồ Quốc Thanh sai quân bung qua hồi hôm hãy còn để trên bàn kia, quan Phủ mới chỉ vàng bạc ấy cho Hồ Lăng thấy và nói:

– Hồ Lăng mi để mà chịu tra tấn như vậy thật mi dại lắm. Mi không biết vàng bạc này bởi đâu mà đến hay sao? Nếu mi biết thì mi phải hiểu tình Hồ đô đốc với ta ra sao; mi dầu khai thật sự ra, can có chi mà mi sợ. Mi lại rõ biết ta làm quan ngồi một mình một tỉnh, quyền sanh sát ở một tay ta; thế thì tha giết gì cũng tại ta, ai có quyền gì vào đây ngăn trở. Có sao mi chưa chịu khai ngay đi, còn giấu giếm làm chi cho cực?

Hồ Lăng nghe dứt liếc mắt ngó thấy quả vàng bạc để trên bàn thì có lòng mừng và tin thật những lời Trang Tử Minh mới nói. Bèn liền bẩm:

– Bẩm quan lớn, phải chi tiểu nhân mà sớm biết dạng như lời quan lớn mới phán, thì kẻ tiểu nhân đã khai thật hết từ đầu tới đuôi hồi nào rồi; có đâu đến giờ, tôi phải chịu tan xương nát thịt.

Quan Phủ:

– Vậy thì bây giờ mi cứ việc khai ngay đi.

Hồ Lăng:

– Bẩm quan lớn, sự tích đã đành rành, cần gì tôi phải khai thêm nữa. Một con Giáng Tuyết với Tô Thường Hậu khai ra đó cũng đủ rồi.

Quan Phủ:

– Nói vậy mi cũng khai quyết rằng Hồ đô đốc, sát thế nữ, giết phu nhân, như lời Tô Thường Hậu và Giáng Tuyết khai vậy phải chăng?

Hồ Lăng:

– Bẩm quan, Hồ đô đốc giết thế nữ sát phu nhân hồi nào và cách làm sao thì tớ không hay, vì tớ mới cùng Hồ đô đốc ban sư xin phép về nhà an nghỉ. Tớ biết có một điều, khi có lệnh đòi tớ vào, Hồ đô đốc dạy tôi thi hành độc kế.

Quan Phủ:

– Kế chi mà mi gọi là độc kế.

Hồ Lăng:

– Bẩm quan lớn Hồ đô đốc dạy tôi giả ý làm lỗi nặng cho Hồ đô đốc đánh đuổi tớ ra; ra rồi tôi phải lên Bảo Anh tự mà nấu nướng, giả phản kế mà cầm chôn Tô Thường Hậu. Chùng nào có quan tài Hồ phu nhân quàng để trong am, chùng ấy – theo lời Hồ đô đốc dạy – thừa trong khoản vắng canh tràng, ra sức cạy hòm, lấy vàng ngọc phao cho Tô Thường Hậu, rõ ràng việc cạy hòm trộm báu đó là tớ làm, chớ chẳng phải là Tô Thường Hậu.

Quan Phủ:

– Hay a! Nếu quả Hồ đô đốc ỷ quyền giết oan thế nữ, sát mạng phụ rồi lại âm mưu cùng mi mà vu oan, báo hại người phải bị khổ hình; thật Hồ đô đốc với mi tội ác quá đáng, còn chi bảo dung tình cho đáng!

Trang Tử Minh chưa kịp dứt lời bỗng có quân báo có Hồ đô đốc đứng chờ ngoài ngõ. Tức thì Trang Tử Minh dạy quân dẫn hết phạm nhân ra, rồi chính mình ra ngõ tiếp nghinh Hồ đô đốc. Tiếp rồi thỉnh ngay vô nhà, phân ngôi trà nước giải lao; Hồ Quốc Thanh mới hỏi:

– Vụ Hồ Lăng tới nay ra làm sao mà quan Phủ chẳng vì tình dung thứ?

Trang Tử Minh cười và đáp như chơi rằng:

– Chẳng vị tình Hồ đô đốc chớ vị tình ai; nhưng bởi thằng súc nghiệt Hồ Lăng thiệt là thằng bất nghĩa bất nhân, đã hại chủ, còn hại luôn tới tôi là khác. Nó khai quyết Hồ Đô đốc giết thế nữ, giết phu nhân rồi lại còn xúi nó cạy hòm cắp châu báu phao cho Tô Thường Hậu. Nó nói rằng Đô đốc mong hại cho Tô Thường Hậu phải chịu khổ hình cho tan xương nát thịt.

Nghe mấy lời Trang Tử Minh nói, Hồ Quốc Thanh thất kinh, sợ đổ mồ hôi, tay chơn run rét; song Hồ cố gắng dần lòng, gương cười dã lã, mà thâm nghĩ cơ gian dĩ lậu rồi không lý mình còn từ chối cho qua; chỉ bằng mình liệu thế giải bày, mà xin vị nghĩa châu tàng, lẽ nào không đăng. Nghĩ trong bụng vậy Hồ mới nói:

– Hồ Lăng với Giáng Tuyết vì không biết mà khai vậy, chớ kỳ trung không phải vậy đâu, trong đây thiệt thì ít giả thì nhiều, ta xin phân lại. Quan Phủ biết vì việc nước mà ta chịu nằm sượng gối vác đột pháo xông tên trót hai năm trường bỏ phế việc nhà, gia đạo nên hư phú mặc. Tưởng phu nhân ở nhà cô phòng giữ tiết mà xót thâm người ăn gió nằm mưa, dè đâu phu nhân quên mình là mạng phụ triều đình, không gìn phẩm giá. Dám vui chuyện loan chung phụng chạ, theo những phường tham lục tiếc hồng, dám đem trai vào chốn khuê phòng, cải trang để trộm yêu thâm dấu.

Đẹp giấc xong, về tới dinh, ta thấy sao phu nhân lơ lửng ý tình, mơ hình tưởng bóng, ta lại thấy dựa bên giường, một bãi nước miếng ràn ràn, ta hỏi thì phu nhân chối từ, tra gạn Đào Anh chịu thiệt.

Nói tới tên Đào Anh, Hồ Quốc Thanh dường ăn năn, mặt biến sắc chàm, láo liên đôi mắt; Trang Tử Minh thấy vậy mới chụp hỏi:

– Bẩm Đô đốc, chẳng hay con Đào Anh bây giờ ở đâu, còn mất lẽ nào mà không nghe tin tức, rồi vì ý gì Hồ Lăng lại đem Giáng Tuyết vào thế mặt Đào Anh, khai rằng Đào Anh đã thác rồi, vì Đô đốc nghi tình mà hạ sát?

Hồ Quốc Thanh:

– Lời ấy phi! Đào Anh có cang có gì ta giết. Nếu ta có thể cải nổi số mạng, ta còn muốn cho Đào Anh sống thêm đăng làm chứng vụ này đây; nhưng bởi thiên số nang đào, khiến cho Đào Anh rủi đau mà bỏ mạng. Vì Đào Anh thác không ai làm chứng, Hồ phu nhân chối qua, tức mình ta mới sát tha, bằng chẳng ta để vấn tra cho rõ nỗi nhà tan tác. Đào Anh đau mà thác, chớ nào phải ta giết như Hồ phu nhân vậy đâu.

Ta đã nói Đào Anh chịu thiệt, còn Hồ phu nhân thì chối từ, nhưng bởi Đào Anh không còn mà làm chứng sự nhà, ta tức giận mới giết Hồ phu nhân dâm phụ.

Thật rõ ràng ta giết Hồ phu nhân. Ta giết rồi, nghĩ đến thằng Tô Thường Hậu, không lý bỏ qua, ta mới thiết kế sai Hồ Lăng, lên chùa Bảo Anh, làm cho có cớ cho nó phải bị khổ hình, chịu đau đớn như nó đã làm cho ta đau đớn lắm; nghĩ vì cái tội nó dâm mạng phụ là tội rúng đầu, không luật nào dung chế.

Trang Tử Minh:

– Nói vậy Đô đốc có giết mạng phụ, có chỉ kế bày mưu cho Hồ Lăng vu oan cho Tô Thường Hậu, chớ con Đào Anh đâu mà thác, chớ chẳng phải Đô đốc sợ lậu cơ mưu mà tuyệt mạng Đào Anh; bầm Đô đốc, chẳng hay Đào Anh đau ngày nào, thác ngày nào, chôn tại đâu, phiền Đô đốc chỉ cho tôi biết? Chớ theo như lẽ tôi thấy biết rõ ràng, cũng vì khúc oan Đào Anh đầu cáo, thì Đô đốc giết Đào Anh mà đá thây xuống ao sen; Hồ Lăng Giáng Tuyết với Tô Thường Hậu cũng đều khai y, Đô đốc chẳng nên từ chối.

Khai lỗ rồi biết sao, Hồ Quốc Thanh cũng muốn chối luôn mà gạt chúng có đành rành lại e thiệt sự cãi cho nổi; bèn đáp:

– Nếu cả ba đều khai vậy, e khi ta có giết Đào Anh trong lúc ta lảng trí diên đầu, làm mà không biết chẳng? Tuy vậy mà đầu có đầu không, việc giết Đào Anh chẳng trọng bằng mạng phụ.

Trang Tử Minh:

– Tuy vậy cũng là một mạng người. Nếu lấy phẩm mà nói thì nó là tì nữ trong dinh, còn như lấy quyền lấy giá mà nói, thì nó cũng một mạng người trong vũ trụ. Phép công há lấy chỗ sang hèn giàu nghèo mà bỏ qua cho đặng. Nếu quả Đô đốc ném thây Đào Anh dưới hồ sen, xin chỉ tôi sai người mò lên chôn cất.

Hồ Quốc Thanh nghe mấy lời đoạn chánh hấn hỏi của Trang Tử Minh lại càng kiên nể hơn nữa, nên muốn kể thuật sự giết Đào Anh cho rồi, nhưng bởi mình mới chối kia, sợ nói ra nghẹn lời, nên miệng còn ngẩn ngừ chưa mở, thì đã nghe Trang Tử Minh tiếp:

– Bao giờ chưa tìm đặng thây Đào Anh thì chưa biết sao mà kết án Tô Thường Hậu cho đặng. Hồ đô đốc còn ngại nổi gì mà chưa chịu, con nộ bất cập lượng, lỡ tay giết thác Đào Anh là một con tôi đòi nhỏ nhen trong dinh quyền sanh tử ở trong tay Đô đốc.

Nói rồi Trang Tử Minh liền xây mặt qua tòa hình kêu Đề lại và Thung hình mà bảo:

– Đề lại với Thông hình mau vâng lệnh ta dẫn Hồ Lăng với Giáng Tuyết qua dinh Hồ đại nhân – xin Đô đốc rộng thương mựa chấp – ra sau vườn huê, tại hồ sen, bảo nó chỉ coi thầy Đào Anh vùi lấp nơi nào, rồi dạy quân mò kiếm cho ra, lượm cho đủ thủ túc, để vào quách đem về đây cho ta khám nghiệm rồi để làm tang chứng chắc.

Dứt lời, quan quân vâng dạy tức tốc ra đi.

Hồ Quốc Thanh mới nói:

– Quan Phủ nghĩ tình, đừng làm vậy thế gian người đồn tiếu. Nếu muốn tìm thầy Đào Anh dưới hồ sen, quan Phủ hãy chịu phiền đi cùng ta qua dinh với đôi ba tên quân, ta sẽ chỉ chỗ cho mà mò kiếm cũng dễ; há phải quan quân rầm rộ dẫn Hồ Lăng, Giáng Tuyết theo làm gì, cho miệng đời không dung vị.

Trang Tử Minh nghe nói cũng thương tình, nên cản Đề lại với Thông hình lại và nói:

– Đô đốc chịu thiệt có lẽ giận giết thác Đào Anh mà ném thầy xuống hồ, chỗ nào đó chỉ ra minh bạch, thì tôi cũng liệu thế mà chở che, làm nhẹm cho, có đâu vỡ lở; bởi Đô đốc không chịu khai thiệt, nên tôi vì phần trách của tôi đối với phép nước luật quan, tôi phải xét soi minh bạch. Đô đốc có nói vậy thôi, một mình Thông hình với vài tên lệ, theo cùng ta đi với Đô đốc về dinh; xin Đô đốc nghĩ đó coi, tuy là tôi há vị công bình chứ cũng biết, đâu là nghĩa, đâu là tình vậy chứ.

Bấy giờ Đô đốc mới lật đặt đứng dậy dẫn quan Phủ qua dinh; đi dạo dạo, Hồ Quốc Thanh năn nỉ hết tình, việc đã lỡ vậy rồi, xin che chở cho mình khỏi tội! Trang Tử Minh cũng kiếm lời an ủi, giải nghi lòng Hồ cho an mà rằng:

– Đô đốc vật ngại! Lý nào tôi đành không vì tình nhau sao. Cái nghĩa thầy trò dầu thác cũng chẳng quên. Nếu tôi tra xét vụ này là tại cái phần trách nhậm của tôi buộc tôi phải minh oan cho kẻ đó thôi, phải nào tôi mong buoi móc sự chẳng lành làm chi cho nhơ danh Đô đốc, Đô đốc khá nghĩ cho tôi mà làm ra là sự cực chẳng đã có. Nếu bỏ qua mà chẳng lỗi phận tôi với phép công bình thì khi

Đô đốc đến nha cáo Tô Thường Hậu cạy hòm trộm báu, thì tôi đã năn nỉ với Đô đốc bỏ qua cho tôi khỏi cực lòng. Ấy cũng bởi tôi vị tình Đô đốc mà ra đều Đô đốc làm khuất lấp.

Còn đang bàn luận, phút đã tới dinh. Hồ Quốc Thanh mời Trang Tử Minh tạm bước vào dinh giây phút giải lao, mà Trang Tử Minh không kháng tình, xin Hồ cứ việc dắt mình thẳng ra ao sen chỉ chỗ cho quân mò kiếm.

Mò kiếm hồi lâu dụng nhằm cây Đào Anh, bị gài dưới rễ sen, đã rã, quân hô lên, quan Phủ mới dạy Thủng thẳng mà vớt lên, có thiếu chút nào, ráng tìm kiếm cho nguyên thủ túc.

Vớt đủ lên hết rồi sắp để trong một cái quách, quan Phủ đã truyền sắm sẵn, ráp để y nguyên thủ túc rồi quan Phủ mới mời Hồ Quốc Thanh lại gần mà coi, Hồ trong bụng sực sùi dường như thấy mà sợ nên có hơi nhút nhát. Quan Phủ ép biểu đôi ba lần. Hồ mới chịu bước lại gần: đứng coi; quan Phủ mới hỏi:

– Cây này có phải là cây Đào Anh là con thế nữ trong dinh mà Đô đốc vì chút nghi tình lỡ tay tận sát đó chăng?

Hồ Quốc Thanh:

– Phải! Ấy là cây Đào Anh đó.

Quan Phủ:

– Khi ấy nó đang ở đâu làm gì, và Đô đốc giết nó cách nào mà ném cây xuống nước? Đô đốc chịu khó thuật lại cho nghe thử coi.

Hồ Quốc Thanh:

– Khi ta chặn hỏi nó rồi, nó ngồi dưới đất lạy ta mà xin tha; thật lòng ta có ghét gì mà không muốn tha, song ta nghĩ, tha nó ra e sau lậu sự, nên ta phải – ấy cũng là cực chẳng đã, thật dạ không đành – ta phải ra tay chém nó một guom rồi sẵn trốn ta đá luôn cây nó xuống hồ, bỏ đó đi vô không quản gì sống thác!

Trang Tử Minh nghe nói Đào Anh vái lạy mà Hồ Quốc Thanh còn nhẫn tâm, không tha, thì lấy làm thương xót, nên ngó Hồ mà chất lưỡi lắc đầu; song cũng chưa dám tiếng chi, xây lại hỏi quân mau dậy nắp rồi khiên đem về Phủ. Quân khiên đi rồi còn một mình Hồ Quốc Thanh với Trang Tử Minh; Hồ xin thỉnh vào dinh, Trang cũng không kháng chịu. Cứ việc từ già Hồ mà về; lại dặn Hồ:

– Đô đốc hãy an tâm như thường, mưa nghỉ đừng ngại. Bây giờ tôi kết án xong, tôi sẽ cho mời Đô đốc!

Trang Tử Minh dặn vậy mà Hồ Quốc Thanh lòng không an, ngồi đợi sao an; nên Trang Tử Minh về nhà chưa được một giờ đồng hồ, đã thấy Hồ Quốc Thanh đến Phủ.

Con Hồ Quốc Thanh đến Phủ lại gặp hồi quan Phủ đang gạn hỏi những Tô Thường Hậu, Hồ Lăng và Giáng Tuyết lại thêm một lần sau hết. Cả ba đều khai y như lời mình đã khai, và lạy quan Phủ, như Tô Thường Hậu xin mở lượng hải hà mình oan kéo ứ; còn như Hồ Lăng lại xin dĩ đức nhiều dung, vị tình trên tha kẻ dưới; xét vì phạm làm tội, chủ cho sống thì hay sống, biểu thác thì hay thác, tôi há dám chẳng vâng; hướng chỉ Đô đốc chỉ kể dạy thi hành, dầu biết là việc bất nhân, cũng phải cúi đầu, cho vẹn đạo áo com, há dám cãi qua, cùng là nệ tất công khó nhọc. Duy có một mình con Giáng Tuyết biết mình không tội lỗi gì, nên tuy cũng bị giam cầm như Hồ Lăng mà mặt hớn hở, miệng nói cười như thường xem đường không nao núng.

Quan Phủ mới nói:

– Bốn phạm ta làm quan, áo mão triều đình, bổng lộc nhà nước, ta phải liệu sao cho vẹn phần chức trách của ta, cho khỏi hổ mặt non sông, then cùng xứ sở; ta há đi vị mạnh hiếp yếu, vì giàu hiếp nghèo, vì sang hiếp hèn cho các người phải khấn cầu ta mình đoán. Nếu ta có ý tư vị, thì vụ này đây, ta khỏi nhọc lòng cực trí vấn tra; bởi ta chẳng chịu để cho ai thiết xỉ ta nha, dân chúng giao đầu túng nhĩ; nên nổi cái danh chánh trực vô tư của Trang Tử Minh phải mòn phải khuyết; nên ta mới tra xét ra dặng như vậy, các người còn sợ nổi gì mà khấn vái. Như phạm Giáng Tuyết trước sau khai thiệt, nên tuy trá danh mà khỏi tội liên can; kết án rồi ta sẽ tha về mưa chó cực lòng nghỉ sợ. Còn như Hồ Lăng vẫn biết ơn áo com phải trả, nhưng mà trả sao cho vẹn phạm làm tội; chỉ như vị chủ mà hại người, dám thi kế độc mà du oan giá họa đã vậy lại còn khi quan cột phép, vô lễ giữa nha môn, tội của mi đáng chém đầu, song ta nghĩ cho mi phạm tội tở mà chế cho, nên ta tha giết mà đầy lưu xa ngàn dặm. Một mình Tô Thường Hậu oan ung hai lẽ, mình ra rồi có chỗ dung mà có chỗ nang dung; như vụ cạy hòm trộm ngọc,

thật thì họa gởi tai bay, khiến cho mi mắc phải hàm oan, vì kẻ vu oan giá họa. Nhưng mà xét cặn lẽ, không lửa sao có khói, không ăn mà có chịu mấy ai, bởi tại mi chốn cấm dinh mà mong dạ hảo cừ, mi lập gian kế cải trang, giả phụ nữ lộn vào dâm mạng phụ. Ấy là tội rúng đầu đó. Nhưng mà nghĩ mi hãy còn niên thiếu chưa đủ trí mà xét mình; cho nên ta cũng dung tình, tha giết mà đày đi khỏi xứ.

Trang Tử Minh nói vừa dứt việc Tô Thường Hậu, bỗng có lính lệ vào bẩm có quan Đô đốc đứng chờ; Trang Tử Minh mới hỏi quân dẫn hết xuống ngục giam, rồi ra cửa tiếp Hồ đô đốc. Thỉnh vào nha, phân ngôi trà nước giải lao rồi Trang Tử Minh mới hỏi:

– Chẳng hay Đô đốc có lời chi dạy biểu tôi chẳng, nên phải chịu nhọc nhằn, tắm mưa trải gió?

Hồ Quốc Thanh:

– Có chi ngoài vụ thăng khốn kiếp Tô Thường Hậu đó quan Phủ! Chẳng hay quan Phủ xử sao bây giờ nói cho ta biết, dẫu rằng ta thấu hiểu tất lòng nhân nghĩa của quan Phủ mười phần vì ta; không lý quan Phủ nỡ đi vì kẻ tiểu nhân mà phụ mặt đồng liêu ngọc hử?

– Phận tôi là hạ liêu mô dám lời oan Đô đốc. Nếu Đô đốc hỏi tôi xử sao, thì tôi dòm thấy Hồ Đô đốc cười tôi là ngốc hớn. Tôi và chẳng vâng mạng triều đình ngồi làm quan tỉnh xử đoán việc dân, thật tôi chẳng vị giàu hiếp nghèo vì mạnh hiếp yếu mà làm cho lỗi phận. Tôi cứ giữ mực công bình, xử phân đoan chánh, chẳng để cho dân giao đầu túng nhủ, thiết xỉ ta nha; song với dân kia thì tôi có quyền xử phân; chí như với Hồ đô đốc, dạ dám Bẩm Đô đốc, dẫu lỗi ngập sông, tội tình đầy núi đi nữa, thì còn có Chánh Phủ xử phân, nào phải ở tay tôi phân đoán. Cho nên, về phận Tô Thường Hậu thì tôi làm án lưu, bởi tội vào dịnh cấm làm hảo cừ, dâm tình cùng mạng phụ; nếu chẳng có khúc oan mà Hồ Lãng phao phản cho nó đó đem ra mà trừ, thì nó đã làm quỷ không đầu, có đâu còn thấy. Còn như Hồ Lãng vẫn biết phận theo hầu Đô đốc, ngày đêm trải hết mật trung; sanh tử phải liều, không nài khó nhọc, nhưng mà là nói về việc nước việc dân kia, chí như việc này đây vẫn là việc nhà của một vì quan; nó chẳng nên xen lẫn. Nếu nó a ý khúc tòng làm sự vu oan giá họa, khiến người chịu khổ hình cho nát thịt

tan xương, thì vu phản ấy tội đồng, tránh sao khỏi luật. Nhưng mà nếu nó khỏi chết mà phải chịu đầy xa muôn dặm là tại tôi còn nghĩ nó vì sợ Đô đốc mà phải vâng; bằng chẳng nó cũng phải chịu xử bá đao, thịt một nơi một miếng. Trừ ra con Giáng Tuyết là một mảnh đào thơ, vì chuyện tình cờ mà mang tiếng, nên tôi tha về thôi còn bao nhiêu...

Hồ Quốc Thanh nghe tới án Hồ Lăng cả mình rớn óc, đổ giọt mồ hôi, và ngó và hỏi quan Phủ:

– Nếu quan Phủ xử Hồ Lăng là kẻ tay chơn của ta như thế, còn ta đây lẽ nào dung vị chắc quan Phủ cũng có định tội ta rồi chứ?

Trang Tử Minh:

– Tôi không có quyền định tội Đô đốc, theo như lời tôi đã nói.

Hồ Quốc Thanh:

– Dầu không định tội thì cũng đã lược tội ta rồi chứ lẽ đâu không. Vậy quan Phủ, tội của ta là tội gì, nói cho ta nghe?

Trang Tử Minh:

– Tưởng Hồ đô đốc dư biết nếu Hồ Lăng có tội vu oan; chẳng ngờ Đô đốc còn hỏi tôi, tôi há không bày tỏ. Như chuyện của Đô đốc làm ra có đổi. Đô đốc lẽ nào chẳng biết hai tội đầu là "khuê môn bất chánh" với "trị gia bất nghiêm" tội ấy tuy ở việc nhà, mà xét cho đáo để cũng có chỗ lây qua việc nước; há tưởng không phạm đến thân danh Hồ đô đốc hay sao? Trước hết, xin Đô đốc hãy xét lấy mình.

Đô đốc trị gia bất nghiêm, ra mà trị nước sao xong; cho nên triều đình mà dong dưỡng cho Đô đốc làm quan tới cực phẩm triều đình thì Đô đốc ti nào sửa an việc nước bởi có về tội trị gia bất nghiêm tôi có phê:

1. *"Mạng phụ tư thung.*

Bất chánh gia yên năng chánh quốc"

Còn như con Đào Anh nó là phận liễu yếu đào thơ, từ bé đã theo hầu mệnh phụ; trong việc mệnh phụ tư tình với Tô Thường Hậu, mưu cho Tô Thường Hậu cải trang, giả gái vào dinh, nhốt để trong phòng cười son cột phấn, giỡn nguyệt chơi hoa, thì Đào Anh có quyền gì nói vô, mà Đô đốc nhần tâm, chẳng thương giết nó. nghĩ

có phải là Đô đốc là người độc tâm chăng? Thoảng lại với tôi tớ trong nhà là binh trảo nha, dầu chẳng sánh với phụ tự tình thâm, chớ cũng là tình thân ái; Đô đốc chẳng thương nhẩn tâm cầm guom giết nó, thì Đô đốc dầu có quyền điều đình việc nước việc dân đi nữa, lòng nào thương dân như xích tử mà mong; cho nên về tội này đây, tôi có phê:

2. *"Đào Anh thám tử*

Dũng truất ấu, yểm đặc truất dân?

Ấy là hai tội đầu đó.

Còn nữa, Đô đốc há quên mình là danh thượng tướng, quyền thế một tay hay sao? Mạng phụ dầu trong con Đô đốc vắng mặt, không giữ trọn tiết trinh, gây tình trắng gió, Đô đốc về hay ra, tra hỏi phân minh, tội tình tỏ rõ rồi, Đô đốc có quyền tha giết trong tay, lựa phải, toan kế độc, lập mưu sâu, gạt mạng phụ canh khuya xuống hầm, rồi theo mà hại. Như vậy đó Đô đốc mới nghĩ cho phận Đô đốc làm chồng xứng đáng vô chỗ nào? đã chẳng thương nhược chất liễu bồ, lại chẳng tưởng duyên kim phận cải. Ấy là chồng bất chánh đó.

Cho đến Tô Thường Hậu là một đứa tiểu nhân, nó không tội tình gì, Đô đốc muốn giết, đòi vào mà giết cũng được; huống chi nó đã phạm thượng, lấy dinh cấm làm hảo cừu, giả gái vào dâm mạng phụ, thì tội đã đáng rụng đầu rồi; có sao Đô đốc lại không bắt nó vào, hài tội lỗi nó ra mà giết phút nó đi; Đô đốc lại mượn cái thầy của Hồ phu nhân để làm có mà vu oan giá họa. Đường ấy, Đô đốc là quan bất công đó.

Đô đốc tự nghĩ lấy mà coi trong một việc của Đô đốc làm, mà xét tội lỗi ngập non tràn biển; ước như Đô đốc ngồi cầm quyền xử đoán, Đô đốc gặp một vị quan nhân, quyền cao lộc cả, làm đến đều tội lỗi thế nì, chẳng hay Đô đốc liệu sao, xử sao cho vừa phép nước. Chí như phận tôi, đã rằng là phận thấp hèn, mô dám đoán tội người trên trước; nếu tôi giải hết cho Đô đốc nghe đó là tại, một là có lời Đô đốc hỏi han, hai là có nghĩa thầy trò, nên chẳng dám để ra vô lễ. Vậy xin Đô đốc rộng lòng thứ tha mưa tưởng lời tôi đoán đó là tôi dám vượt bực đoán phân tội lỗi của người trên trước.

Hồ Quốc Thanh:

– Quan Phủ đã làm án Tô Thường Hậu và Hồ Lăng mà dày đi; còn một mình ta là chủ mưu là đầu tội, quan Phủ lại nói rằng không dám vượt bậc xử phân, chẳng hay quan Phủ liệu sao cho tròn phần trách? Vả lại quan Phủ cũng biết việc ta làm tuy tội lỗi bằng non thì mặc dầu, chớ ta chắc trong hàng các quan ngoài quan Phủ, thì không còn ai hay biết. Vả lại ta cũng đã hết lời năn nỉ ỷ ôi xin nghĩ giùm trong một lúc ngộ bất cập lượng mà châu tàng giùm cho ta, cho khỏi mang tiếng với triều đình, thì nguyện mình tâm khắc cốt; có sao quan Phủ chẳng nghĩ tình mà nhắm mắt bỏ qua, còn muốn buộc ta phải tội vạ gì mới chịu?*

LÊ HOÀNG MƯU – 1931

*. Theo bản của GS Nguyễn Văn Trung, bị mất mấy trang cuối, chưa phát hiện được bản đầy đủ.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT
(1883-1940)

Còn có các bút danh khác: Đồ Nam Tử, Quảng Tràng Thiệt cư sĩ. Ông sinh năm 1883 tại xã Mạn Nhuế,

huyện Nam Sách, Hải Dương.

Xuất thân nhà giáo, kiêm nghề viết báo thuộc thế hệ đầu tiên làm báo quốc ngữ ở miền Bắc. Có một thời đi sâu nghiên cứu Phật học, biên tập viên của tờ Đuốc Tuệ (Hà Nội). Ông là một trong những cây bút chủ lực của tạp chí Nam Phong do Phạm Quỳnh chủ trương, từ năm 1917.

Quả dưa đỏ đoạt giải cuộc thi văn chương do Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà Nội) tổ chức năm 1925. Dựa vào một truyện cổ trong tập Lĩnh Nam chích quái của Trần Thế Pháp từ thế kỷ XV, Nguyễn Trọng Thuật đã tiểu thuyết hóa thành một tác phẩm văn học theo bút pháp thời hiện đại ghi nhận một bước tiến của văn xuôi quốc ngữ thời kỳ bắt đầu trưởng thành.

*

QUẢ DƯA ĐỎ

(tiểu thuyết)

I. TỘI-TÌNH

Trước triều-đường đức Hùng-vương XVII, ngày hôm ấy, trên ngai vàng vôi-vôi một đấng chí-tôn, tóc bạc da mồi, mới làm lễ Thánh-Thọ thất-tuần vừa xong, ngài đương nổi con lôi-đình giận dữ, nét mặt hầm hầm. Trước bệ ngọc một quan Lạc-hầu¹ đứng tâu việc, tuổi cũng đã chùng ngoại tuần "kỳ"², râu thì rậm mà mới nửa đen nửa trắng, hai con mắt quăm-quăm mà sâu, người thì béo, màu da bung-bủng, nét mặt tẻ ngắt mà có oai, đang lom-khom chấp

1. Chức Thừa-tướng đời Hùng-vương.

2. Kỳ: Sáu mươi tuổi.

tay chăm-chăm cúi gằm trông xuống, làm ra ý kinh-sợ lắm. Ngoài sân đàn-trì thì một vị thiếu-niên tướng-quân, đầu không mũ, chân không giày, mình mặc một cái áo thường-phục mà dong-mạo rất kỳ-vĩ, mắt sáng như điện, môi đỏ như son, mặt trái soan đầy-dặn mà da đỏ hồng-hồng, thoạt trông ai cũng đoán ngay ra là người trung-thực mà thông-tuệ. Chàng lạy rồi phủ-phục dập đầu xuống sân để đợi mệnh. Hai bên cạnh chàng có hai người võ-sĩ, đeo gươm đứng kèm, trên chỗ chàng đương phủ-phục thì có một quan Tư-đồ đứng đương dơ tờ cáo-mệnh¹ ra sắp tuyên đọc. Còn về hai dãy hiên hành-lang thì các quan văn võ đứng im phăng-phắc trông ra, ai nấy đều có ý ngo-ngác sợ hãi, đưa mắt trông nhau, hình như chưa hiểu rõ việc gì. Bởi vì vị thiếu-niên tướng-quân ấy chính là An-Tiêm, con nuôi đức Hùng-vương XVII, ngài đang sủng quyến, nay nhất đán vì có gì mà phải phủ-phục đợi tội ở đấy, thì ai cũng phải lấy làm nghĩ rằng: Đương cái buổi nước nhà đa-cổ, trong thì phủ-khố không-hư, dân-tình điêu-háo, ngoài thì rợ Thục càng ngày càng xâm-lãng, chính là lúc kẻ thần-tử phải phoi gan nát óc báo đáp quân-quốc thì mới phải. Ai ngờ An-Tiêm là một người thiếu-niên anh-nhuệ; có cái tài thao-lược, cả cái học phú cường, trên được Thiên-tử sủng-nhiệm như con đẻ, dưới thì triều-dã đang khen-lao, thực là người sắp sửa có địa-vị cho nước nhà ỷ trọng. Thế mà chàng bỗng kiêu-hoạnh làm cho đến nông nổi này, lạ quá! Số là An-Tiêm thuở nhỏ cô-đơn lưu-lạc, không biết quê quán ở đâu. Có người lái buôn ở Dương-tuyền² đưa lên kẻ-chợ Phong-châu³ đức Hùng-vương XVII bấy giờ đi vi-hành bắt được. Ngài thấy bé nhỏ mà ngộ-nghĩnh, nên thương yêu nuôi làm con nuôi, đặt tên là Mai-Yến, hiệu An-Tiêm, cho ăn học, lớn lên thành người học rộng tài cao, hiểu biết cả các sự vật. Vua cho quản-giữ kho nội-thắng⁴. Chàng làm việc công-liêm cần-cán, các Quan-lang⁵ không được tiêu-xài tự-tiện sinh ra ghen-ghét mà vua thì lại càng tin yêu. Năm 18 tuổi, hộ-giá đi thân-chính rợ Thục, hai

1. Cáo-mệnh: tờ sắc của vua.

2. Nay là Hải-duong.

3. Kinh-dô đời Hùng-vương nay thuộc Vĩnh-an.

4. Nội thắng: Kho của riêng trong cung vua.

5. Túc là ngôi Hoàng-tử đời sau.

lần xung-đột rước thiên-tử ra khỏi trùng vi, khi về được phong làm Nội-đình thân-vệ Lạc-tướng¹. Năm 20 tuổi, chàng trông thấy cái việc dân-sinh quốc-kế đương lúc gian-nan bèn dâng thư cho thiên-hạ khẩn hoang để trừ binh tức quốc. Thiên-tử đều khen là phải mà giao cho quan Lạc-Hầu họ Thi tức là ông Hầu già đương tâu việc trên nọ, đem tờ thư ấy yết lên tượng ngự² ngự: Cái cửa treo bảng yết-thị đời cổ. cho trong từ họ nhà vua, ngoài đến quan dân đều được lĩnh đất khai-hoang, mà cho cha truyền con nối nạp thuế-ngạch để cung quốc-dụng, ở vương-kỳ thì thiên-tử truyền cho Lạc-hầu lập ra một sở Lạc-điền³ đại-tư-nông, mà Hầu phải kiêm-quản để cổ-lệ việc nông-chính toàn-quốc. Bấy giờ An-Tiên cũng xin ra lĩnh một khu-đất hoang về vùng sông Bờ, chiêu dân vỡ ruộng. Chàng có một người vợ là Cao-thị, hiệu Nàng Ba, con gái cụ cố Cao Lạc-hầu, đức Hùng-vương XVII lấy cho. Nàng Ba có nhan-sắc, biết văn-thi lại có tài nội-trợ. Chồng thì thân đi coi gặt thăm cày, vợ thì ra tay hái dâu nuôi tằm. Hai vợ chồng hết sức đôn-đốc cho dân trong tám năm trời, mở ra được hơn một trăm chốn làng Kinh trại Thổ, gà gáy chó sủa râm-ran, hơn mười vạn khoảnh ruộng lúa nương cày, chị cấy anh cày dòng-dã. Tiền dư thóc đụn, như núi như non; ngựa thả bò giong, đầy đường đầy đồng. Khiến cho một hạt sông Bờ, ngày nào còn hoang rậm mà nay nên một nơi trù-thịnh phong-hạnh. Đến khi vừa được tám năm, cuối năm đức Hùng-vương XVII làm lễ thọ 70, theo quốc-triều điển-lệ, từ các vị Quan-lang Mị nương⁴ họ ý thân⁵ đến các quan Lạc-hầu Lạc-tướng và mười lăm bộ⁶, mỗi chúc mỗi xứ đến ngày chúc-hỗ, phải dâng một lễ để tế thọ, rồi thi với nhau, cỗ nào nhất thì được thưởng. Lệ đó từ thời ông Lang-Liêu⁷ chế ra bánh dầy bánh chung được thiên-tử ban khen, rồi lệ thi cỗ từ đó thành ra một cái thịnh-diễn, các đời vua triều Hùng, đời nào cũng cử hành. Nay vua Hùng-vương

-
1. Chúc đầu quan võ đời Hùng.
 2. Tượng
 3. Ruộng đời Hùng gọi là Lạc-điền.
 4. Tức là công-chúa đời Hùng.
 5. Ý thân là họ nhà vua.
 6. Đời Hùng chia nước ra làm 15 bộ.
 7. Ông Liêu là một vị Quan-lang đời Hùng trước.

thứ XVII cũng tuân theo, An-Tiêm cũng được dâng một cỗ, đến ngày tế thọ thi cỗ, các cỗ kia, ngoài các thứ trâu bò bánh trái ra nào gấm nào vóc, nào châu báu bạc vàng, mà cỗ An-Tiêm thì không có thức gì trân-kỳ, chỉ có trâu bò bánh trái gạo rượu, thuần là những sản-vật ở trong Tân-ấp, mà thứ nào cũng đều to béo cam-mĩ lạ thường. Lại có vải trắng như tuyết, lụa nhũn như nồn chuối non, là của Nàng Ba với các con gái trong Tân-ấp dệt ra. Tế xong Triều-đình tuân lệ cử bốn ông huân-nghịet lão-thần đã qui-điền đi chấm xem cỗ nào nhất. Bốn ông bèn cho cỗ An-Tiêm được giải nhất mà tâu vua rằng: "Gấm vóc là của ngoại-bang, châu-bảo là của thiên-nhiên; duy có lễ của An-Tiêm mới là chân-thành, lấy tài lực mình mà kính dâng quân-thượng, thật là có cái triệu phong-thịnh của bang-gia". Vua Hùng-vương XVII đương lưu-ý việc phú-cường, bèn bằng lòng mà ban thưởng cho cả hai vợ chồng An-Tiêm, và tỏ ý sẽ cất lên ngôi tể-phụ. An-Tiêm lại nhân dịp cũng dự cáo cái thành-công việc khẩn-hoang, xin sang năm thì dâng Tân-ấp để về châu chực nơi cung cấm. Cái giải nhất ấy có hai ông Quan-lang với Thi Lạc-hầu không bằng lòng, nhất là Thi Lạc-hầu vốn già yếu ngại việc, chỉ khéo phùng-nghênh để che cái vụng của mình, nên lại lấy làm lo sợ rằng: cái sở Lạc-diễn đại-tư-nông từ khi thiên-tử ủy cho mình tới nay, phí của nước hết nhiều mà chưa đâu thành được việc gì, thế mà thằng cha An-Tiêm nó khéo mãi-lộng tài-danh, để vua yêu, nay mai dâng trại hồi triều, thiên-tử tất nhân đó xét đến cái sở Tư-nông của mình thì làm thế nào? Thôi, An-Tiêm tất thay chân mình mà làm Lạc-hầu chứ không sai! Nghĩ như thế bèn lập tâm để triệt An-Tiêm trước đi là xong. Hầu nghe biết An-Tiêm có tin về cái thuyết "*tiền-thân*"¹ chàng cho người ta làm sự gì cũng có đức Thượng-đế xét soi, đời này là thừa-thụ ở tiền-thân đời trước, người ta cứ lấy cái tạo-ngộ của mình đời này hành-truân thế nào, thì biết cái công-quả cái họa-phúc của tiền-thân đời trước tổng-kết lại thế ấy đó, không sai một hào-ly nào. – Hầu biết đích An-Tiêm hay trì-luận cái lý-thuyết ấy. Hầu bèn chúc-thuyết thêm ra, rồi cho phao ngôn ra ngoài để thiên-hạ huyền-truyền đi. Độ trong tuần-nhật, từ kẻ chợ đến nhà quê, đâu đâu cũng xì xào bàn-luận, kẻ thì nói An-Tiêm bây giờ đắc-thế

1. Tiền-thân: Đời trước của mình.

lộng-quyền, phụ ơn thiên-tử, nói: "*Phú quý là của tiền-thân mình*"; người thì nói An-Tiêm là một bậc dị-nhân nhớ được cả tiền-thân, nói cái gì cũng là của tiền-thân mình, có một lần nói: "*Ngày mai được ăn thịt con thông-thiên-tê*"; lại một lần nói: "*Mười ngày nữa có người đem cho hòn ngọc "chiếu-thặng"¹ vốn của mình đã chơi ba đời rồi*", hình-thể nhan-sắc thế nào, quả-nhiên đúng ngày giờ có người đem đồ ăn, ngọc quý đến tặng thật không sai tý nào. Những câu thí-nghiệm, đại-khái như thế cả. Lại người thì nói An-Tiêm cổ-hoặc nhân-tâm, ý định hi-đồ thế kia thế khác. Khi ấy Hầu bèn đem vàng ngọc vào lễ hai ông Quan-lang, rồi đem những lời thiên-hạ chỉ-nghị ấy mách cho hai ông biết mà nói rằng: "Người ấy không vừa xin hai ngài phải nên tảo-đồ mới được".

Nguyên hai ông Quan-lang con vua Hùng-vương XVII, ông cả là Lang-Tiến, ông thứ hai là Lang-Phùng, hai ông đều hoang chơi, thấy phụ-vương sủng-hạnh An-Tiêm, thì vẫn ghen ghét, nhất là hôm tế thọ, cổ An-Tiêm được giải nhất, vinh-diệu ở chốn miếu-đường, mà cổ mình thì thua lại càng thêm tức lắm, nay thấy Thi-hầu nói đến cái việc An-Tiêm cuồng vọng như thế, thì lập tức vào cung, tố với phụ-vương. Vua Hùng-vương XVII bèn sai người thân-tín ra ngoài thám-thính, thì quả-nhiên thiên-hạ đương xôn-xao kẻ khen người chê An-Tiêm như thế thực, rồi đồn cả vào trong cung. Vua giận lắm, lập tức sai ra sông Bờ bắt An-Tiêm về. Chàng đương ở trong trại thấy vương-mệnh cần-cấp, không biết việc gì, vào đến sân rồng, thiên-tử hỏi rằng:

– Cái nghĩa "*tiền-thân*" có không?

An-Tiêm cứ ngay giọng râu rằng:

– Muôn tâu Thiên-tử, nghĩa ấy quả không sai.

Thiên-tử cả giận thét mắng lên rằng:

– Đã bởi tiền-thân thì còn phải nhờ ai.

Rồi không cho kêu một câu nào nữa. Bèn triệu Thi Lạc-hầu đến mà phán rằng:

1. Chiếu-thặng: Đêm mà ngọc sáng soi được suốt những xe đồ.

– An-Tiêm vốn là một kẻ truân-thành, nay bỗng sinh ra mê-hoặc. Hầu tìm lấy một cách trừng-phạt cho nó biết hối về sau.

Ấy chính là lúc chàng đang phủ-phục đợi tội ở đấy. Lạc-hầu vắng mệnh rồi nghĩ thầm trong bụng rằng:

"An-Tiêm là một thằng thiếu-niên dũng-lược, nếu có ngày khai-phục lại được mà biết chuyện này thì y tất cam-tâm với ta. Y lại có một con vợ là con gái nhà họ Cao vốn một nhà có thân-thế. Nàng lại có trí-tuệ, nếu để nàng vô-sự tất tìm đường báo thù". Nghĩ như thế rồi tìm ngay được một kế mà tâu rằng:

– Tôi xét trong sách *Việt-diện Vũ-cống*¹ nói về gần mé bể Cửu-chân, có một cái đảo rộng, dân ở lo-thơ, gọi là đảo Nam-hải. Nay Mai Lạc-tướng vốn tự có tài khấn-hoang, và cái gì cũng cho là của *tiền-thân*, vậy xin cho chàng và gia-quyển ra khai-thác đảo ấy, mà không trợ cấp cho vật gì, để xem cái của *tiền-thân* của chàng thế nào, tất khi đó chàng nghĩ đến hồng-ân của Thiên-tử mà tỏ lòng biết hối, thì Thiên-tử sẽ tha tội cho về. Còn Tân-ấp sông Bờ thì cứ lời chàng xin mà biên vào vương-phủ.

Vua Hùng-vương XVII nghe Lạc-hầu tâu, ngài nghĩ một cái đảo ngoài bể mà dân cư còn ít thì cũng đã tiêu-tụy lắm rồi, bèn nói:

– Hầu nói có lẽ, vậy Hầu thảo một tờ sắc-mệnh, tuyên cái tội-trạng cho Mai-Yễn nó nghe, rồi đem giam nó và vợ con nó vào linh-ngũ² ba bữa nữa cho đưa nó ra hải-đảo.

Khi Lạc-hầu vắng mệnh thảo tờ cáo-mệnh rồi liền sai quan Tư-đồ tuyên trước sân rồng cho An-Tiêm nghe. An-Tiêm sợ hãi rụng-rời cứ lảng-lặng gục xuống gạch lát ở sân mà nghe. Quan Tư-đồ tuyên rằng:

"Đại-văn-lang-quốc³ Thiên-vương chế viết:

"Nội-dinh thân-vệ Lạc-tướng Mai-Yễn hiệu An-Tiêm, tuổi nhỏ cô-don đời on thiên-quyển, nay cả dám phụ bạc, nói "phú-quí là của tự tiền-thân mình cả" công nhiên cô-hoặc sĩ-thứ. Cú trong kinh-diễn:

1. Tên sách địa-dư cổ.

2. Tiếng cổ gọi ngục là linh-ngũ.

3. Văn-lang: Tên nước ta về đời Hùng.

"yêu-ngôn, hoặc-chúng", tru lục đã nên, nhưng vì thiên-tử tiếc công cứu-dục, vậy lưu Mai-Yến và vợ con ra đảo Nam-hải, để giáo hóa kẻ thổ-dân, mà khai-thác đảo ấy. Lúc ra chỉ cấp cho ba tháng lương, còn thì phải liệu-lý lấy để xem cái của tiền-thân thế nào. Khi nào thành-công sẽ đặc ân triệu hồi long-thưởng. Khâm tai!"

An-Tiêm nghe xong nghĩ ngay ra rằng: mưu này chính ở bọn gian-thần đổ ky, phi lão già họ Thi kia thì không ai thêu dệt nên được cái oan-ngục này, không biết họ gièm-pha tự bao giờ, để Thiên-tử thân-hận mình đến thế, có oan-khốc cho mình không! Liền dập đầu xuống, toan kêu to lên mà biện-luận cái lý-thuyết ấy cho rõ ràng, thì trên đền nổi hiệu bãi-triều, hai người vũ-sĩ đưa ngay An-Tiêm ra nhà linh-ngữ.

Thi-hầu thì sai người ra sông Bờ bắt vợ con An-Tiêm về phò giam. Lại đòi Trần thủy-sur vào tu-đệ dẫn dò công việc áp-giải An-Tiêm và gia-quyến ra đảo Nam-hải.

II. VẤN KẾ CỤ HOÀNG-CẦU¹

Trời đã xế chiều, mé chân núi Tam-đảo có ba người vừa dần ông dần bà cuối ba con ngựa, cứ vừa trông lên mặt trời lại vừa trông ngóp lên con đường đi lên trước mặt, rồi giắt cương giục ngựa đi mau, có ý cần-cấp; sợ tối và sợ lạc đường. Đi một cung nữa, đến chỗ ngã ba đường, thấy có một cái quán bán giầu nước, ba người xuống ngựa vào quán nghỉ-ngoi nói chuyện, nhà hàng mới biết là: một vị phu-nhân tuổi đã cao, mà phong-độ tôn-nghiêm cuối con ngựa đi trước, là chính-thất cụ cố Cao Lạc-hầu; một người con trai thiếu-niên tuấn-tú cuối con ngựa đi sau là Cao công-tử, con bà thứ cụ Cao-hầu; người dần ông lưng đeo đồ vật cuối con ngựa đi sau nữa là tên gia-bộc. Nguyên Cao phu-nhân hiếm-hoi chỉ được một Nàng Ba, từ khi con theo chồng ra sông Bờ, ít được gần-gụi, bà vẫn nhớ mong. Nay bỗng nghe nói vợ chồng An-Tiêm đã tống giam, sắp đem đây ra hải-đảo, bà mê-mẩn sợ-hãi, chạy đi hỏi dò tin-tức, mới

1. Hoàng-cầu: một tôn-hiệu của bậc tiên-tri, đại-lão đời thượng cổ nước ta, sử Trung-quốc có chép đến.

biết là An-Tiên phạm tội phụ ơn thiên-tử, tạo lời yêu-ngôn. Nhưng mà cụ Cao-hầu trước tuy làm đến tể-thần, mà gia-phong vốn thanh-bạch, cụ bình-sinh trung-trực, bè đảng cũng ít. Bà thương con chỉ thở ngắn than dài, mà không biết làm thế nào được. Trong nhà có Cao công-tử là con bà thứ-thất, thấy mẹ già phiền-não về việc nhà chị gái, liền thưa rằng:

– Việc này chỉ có một cách là mẹ phải tìm lên hỏi cụ Hoàng-cầu, họa có phương-kế gì cứu cho anh chị con và các cháu chẳng.

Cao phu-nhân hỏi:

– Cụ Hoàng-cầu là ai?

– Cụ Hoàng-cầu là một vị đại-lão trong thiên-hạ, tuổi tác già quá, tóc râu đã vàng ra như sợi tơ chưa giã, mà học sâu biết xa, đạo cao đức trọng hơn cả một đời. Khi nước nhà có việc lớn, thường phải đến cố-vấn, người ta gọi là bậc "*Tiên-tri*" hay là "*Thiên-dân tiên-giác*"; cụ Hoàng-cầu đời này là Cao-Son¹ tiên-sinh, thấy đời hỗn-loạn, không ra làm quan, vẫn kết-lu ở núi Tam-đảo, vừa dạy học, vừa hái thuốc, tiên-quân con lúc sinh-thời vẫn thờ cụ làm thầy, việc lớn việc nhỏ cũng đến hỏi.

– Vậy thì con kíp đưa mẹ lên đến chốn hạnh-đàn², nhờ cao-nhân cứu mệnh cho toàn-gia chị con.

Công-tử bèn sắp đồ chí-kiến, hai mẹ con với tên gia-bộc lên ngựa ra đi. Đi từ nhà ở Phong-châu lên đến đấy nghỉ-ngoi. Rồi hỏi thăm lối vào Vân-am của cụ Cao-Son tiên-sinh thì ra đấy đã tới gần nhà tiên-sinh rồi. Ba bà con phóng ngựa đi qua một cái ngàn thông, cây cao bóng mát, hàng mấy trăm cây, cây nào cũng thẳng như chiếc đũa, dưới gốc lác đác có những hòn đá cuội to và nhẵn để làm thạch-bàn, thoạt trong cảnh-trí thiên-nhiên, đã ra ngay cái thú du-quan của đáng hiền-triết. Cuối ngàn thông gần cửa sài-môn có một cái vườn thuốc, trong đủ các thứ Linh-nam dược-phẩm, chia ra hàng ngũ, đường lối phong-quang, hương đưa ngào-ngạt. Trong vườn có mấy chú tiểu-đồng đang hái thuốc, công-tử bèn nhờ một chú

1. Cao-Son, Quý-Ninh, Bạch-Mã là ba duệ-hiệu của vị thần ở núi Tản-viên.

2. Nhà giảng học của Khổng phu-tử có trồng nhiều cây hạnh, nên gọi là hạnh-đàn.

tiểu-dồng đưa vào trước học-đường; mẹ con báii-yết Cao-Son tiên-sinh, rồi Cao phu-nhân đem việc An-Tiêm là con rể từ thuở ở trong vương-cung đến khi hiến sách ra khắii-hoang, vốn một dạ trung-thành, thờ vua giúp nước, nay bỗng nói ra cái thuyết "*tiền-thân*" để bề trên bắt tội. Ngày kia thì toàn-gia phải đẩy ra Nam-hải, phù-châu. Kể hết ngành ngọn tiên-sinh tìm cho một chước thoát khỏi nạn ấy.

Cao-Son tiên-sinh ngắii-nghĩ hồi lâu rồi nói:

– Người khác thì không về nữa, nhưng An-Tiêm thì rồi tất về, là vì An-Tiêm có biết tin. Ta muốn giúp cho An-Tiêm được chóng nên công, lão phu-nhân nhớ lấy lời ta mà kíp về làm việc này cho cẩn-mật.

Nói rồi tiên-sinh dặn nhỏ cho mẹ con phu-nhân nghe mà giục về ngay.

Con phu-nhân nghĩ cụ Hoàng-cầu cũng là một thầy đạo-sĩ, bèn hỏi:

– Thế có phù-trú gì nữa không, thua-cụ?

– Thế là phù-trú ở cả đấy rồi.

Tiên-sinh dạy thế, mẹ con phu-nhân mừng lắm, vội-vàng tạ ơn ra về.

III. TRONG NHÀ LINH-NGŨ

Lại nói An-Tiêm vào nhà linh-ngũ ngồi ở một cái chõng trong một cái buồng kín. Không phải gõng cùm gì, nhưng tối đến đèn dầu không có, tối như mực; nền nhà thì ẩm-thấp, xung quanh gió lọt lạnh-lùng; nghe tứ bề lá tre xào-xạc, tiếng đế nỉ-non, lúc khoan lúc nhặt, vắii-vắii như tiếng hồn oan quỉ khóc, ghê rợn cả người. An-Tiêm tự nghĩ một mình rằng: "Mới ngày hôm qua màn che trướng phủ, chú vệ cô hầu, bọn dân quê ra vào luồn cúi, kinh sợ như cha mẹ quỉ-thần, nghiễm-nhiên một ông chúa-tể nho-nhỏ, tác oai, tác phúc cho một phương-dân, phú-quí là dường nào. Thế mà bỗng đâu tối hôm nay, một mình vò-vò làm một thằng Sở-tù, giam trong áii-thất, thê-thảm tiêu-tụy đến thế này. Mới biết cái cảnh mặii-bào của nhân-thế biến-ảo vô-doan chóng quá. Nhưng mình được một điều là mình tuy ở trong cuộc phú-quí, mà mình vẫn không lấy

làm hệ-lụy cho lắm. Trước là nhờ duyên mà gặp, sau là vì nghĩa mà làm, thì nay nhất-đán tay không mình cũng không lấy làm thiết-tha, thương tiếc chi cả. Bởi vì mình đã tin có cái *tiền-thân*, thì đắc-táng vinh-khô, há không bởi ở *tiền-định*, mình có oán-hận chi ai". Rồi gật-gù lại nói: "Ồi! người đời lắm kẻ nghĩ cũng u-ám đáng thương-hại thay! Phú-quí đã do phận định, mà còn cam-tâm làm những sự bất-nhân bất-nghĩa để môi cầu làm gì. Đã không môi-cầu được mà lại để cái ô-danh trên nhân thế, thêm tội ác cho hậu-lai, thế thì hai chữ phú-quí chả là cái bả độc cho kẻ dung-ngu là gì? Phải biết rằng người ta sống ở đời, là sống bằng mối thân-ái, bằng dây ân-tình, vì thế mới có thân-gia bang-quốc; trượng-phu sinh ra ở đời, còn phải báo đáp cho đời nữa, phương chi là đức Thiên-tử với mình, vì đâu mà mình được ngài coi mình như con, mình được coi ngài như cha mẹ, thân-ái biết bao, ân-tình biết bao. Nếu không phải phúc-duyên tự đời trước lưu lại đến đời nay, thì sao có thể được. Ấy mình sở-dĩ muốn thuyết-minh cái áo-lý¹ ra với thiên-hạ là thế. Mà ngờ đâu ngài vội tin lời gièm pha, không xét cho mình, thực là oan-uổng thay cho Mai-Yến này! Nhưng mà thôi, ý Thượng-đế thân-mình còn muốn thử ta, thì đạo làm tôi con, bắc nam duy mệnh, xa gần có mà chi, sông Bờ là đất nhà, thì Nam-hải cũng là cõi nước, mà việc đâu cũng là việc của nước của vua". Nói đến đây An-Tiêm ngồi ngẩn ra một lát, rồi giật mình lên một cái và nói: "À! nhưng mà ta còn ngờ một điều là lúc quan Tư-đồ đọc cáo-mệnh đem đây ta, cứ ý mấy câu sau thì có lẽ đem cả vợ chồng con cái nhà ta mà vớt lên một cái hoang-đảo cô-tuyệt nào, không có dấu vết nhân-loại gì nữa, chứ không phải là chỗ có dân đâu. Dù thế nào chẳng nữa, ta cũng thuận-thụ mệnh trời, mắt ta còn thấy sáng, tai ta còn nghe tiếng, ta còn sống ở đời một ngày một giờ một khắc nào, ta cũng vui lòng mà làm việc nghĩa-vụ. Tuy thế, nhưng một mình ta đã vậy, còn mẹ con Cao-thị thì sao, dễ đến nổi rón vào với nhau một chỗ mà chết, oan-nghịch biết dường nào! Ta biết làm sao bây giờ. Ta biết tìm cách gì mà xin cho mẹ con Cao-thị được lại chốn vương-kỳ này mà nhờ ơn mưa-móc muôn đời! Còn ta thì... Song khốn nạn thay, thời-hạn thì kíp, chỉ còn một ngày nữa, mà ta đã bị giam ở đây, âm-tín đoạn-tuyệt, còn

1. Áo lý: Cái lẽ sáu-sắc.

nhờ ai cứu vớt cho mẹ con Cao-thị bây giờ!" Nói rồi thỗn-thức lên mà lăn vật xuống đất; thở dài một cái. Bỗng có tiếng động cửa, An-Tiêm trông ra thì trời đã sáng, thấy lục-sĩ đưa vợ với hai con mình vào. An-Tiêm vội-vàng ra đón lấy đứa con gái bé mới lên ba tuổi gọi là Quế-nương mà Nàng Ba đương ẵm. Còn một đứa con trai lớn lên năm tuổi gọi là Mai-lâm đi đất, thì Nàng Ba méch vào. Nàng Ba trông thấy chồng ở trong ngực ra đón vợ con, nàng vừa mừng vừa thương, xụt-xùi nói rằng:

– Sự đâu sóng gió bất-kỳ mà nên nỗi này?

An-Tiêm làm tươi nét mặt lên nói một cách ôn-tôn rằng:

– Không hề gì, phu-nhân hãy ngồi xuống với con cho định-thần đã, kéo đi sương gió lạnh-lẻo.

Vợ con ngồi yên rồi, An-Tiêm nói:

– Chỉ vì bọn gian-thần ghen công, đem cái thuyết "*tiền-thân*" đặt lên tội vong-ân, gièm-pha với thiên-tử bao giờ không biết, đến lúc ngài hỏi đến, tôi ngay lòng cứ sỗ-kiến mà thua, chưa hết lời thì ngài giận mà bắt cả toàn-gia nhà ta ra khai-tịch chốn hải-đảo khi nào thành công, xá tội cho về. Thôi trăm đường tránh chả khỏi số, thì bốn phương đâu cũng là nhà. Song ta thương nàng liễu-bồ chất-yếu, con bé thơ ngây, kham sao cho nỗi cái công việc lầm-than chốn bãi bể. Vả nàng còn chút huyền-đường răng long đầu bạc, tựa cửa mong chờ, thì đạo làm con bỏ đi sao nổi! Tôi định ngày mai lúc giải đi, tôi tìm phương kêu-cầu cho mẹ con nàng được ở lại mà nuôi già dạy trẻ để tôi đi cho yên bụng. Cái phúc *tiền-thân* ta còn, âu rồi ta lại gặp, trọn tấm lòng đối với cao thâm; mặt tuy cách, lòng vẫn gần, chẳng bao lâu có ngày tương-kiến.

Nàng Ba khóc nức nở lên mà rằng:

– Con theo cha, vợ theo chồng là nghĩa thông kim-cổ, còn thanh-nhàn vất-vả có kể làm chi. Xưa nay thiếp vẫn nói rằng "phú quý có nhau thì hàn-vi cũng có nhau, số-phận chung thì chí-khí cũng phải chung". Nay chàng đã dâng mình việc nước để báo ơn vua, chẳng may gặp con vận-hạn, có đâu thiếp dám quản nỗi gian-nan mà quên lời vàng đá. Còn mẹ già thiếp, tuy có một mình thiếp nhưng gốc cù dây cát, đã có kẻ kế-thừa. Thiếp vẹn nghĩa với chồng, tức là

trợn hiếu với mẹ. Vả mẹ thiếp cũng là người có biết, xin chàng chớ nghĩ lăm cho bận lòng.

– Thôi đừng chấp-nệ để lỡ việc trượng-phu.

– Con có cha như nhà có nóc, gái có chồng như rồng có vây, dẫu bên trời góc bể, rừng thẳm non cao, cũng phải tìm nhau cho thấy. Chàng đừng lấy cái lòng ăn xổi ở thì mà khinh-miệt thiếp.

An-Tiêm thấy vợ nói quả-quyết lăm, bất-đắc-dĩ phải nói thực rằng:

– Tôi thấy lời cáo-mệnh đọc cho tôi nghe ở trước sân rồng, tuy có nói đầy ra đó để giáo-hóa thổ-dân, nhưng lại nói chỉ cấp cho ba tháng lương, và nói để xem cái phú-quí của tiền-thân thế nào. Thì tôi đoán có lẽ đem vợ chồng con cái nhà ta mà bỏ lên cái gò bể, không có người nào đấy; một mình tôi đã vậy, còn mẹ con nàng sẽ tương như chi-hà. Dữ-kỳ ngồi mà đợi chết, thì hạt-nhược liệu trước mà tránh nạn. Nay tôi đã phụ-phàng với non sông đất nước này, thì nàng phải vì tôi mà trân-trọng lấy đôi giọt máu đào của đôi ta này lại, để sau họa có ngày đền bồi với non sông đất nước cho đôi ta chút-đỉnh. Còn tôi thì xin cam-tâm mà đợi mệnh trời, dù tuổi vàng khuất mặt, nhưng cái vong-hồn cũng được thỏa lòng mà quần-quanh-phảng-phất ở bên mình mẹ con nàng nơi tôn-quốc, để phù hộ cho vợ hóa con côi. Chả hơn là nàng lấy cái nghĩa nhỏ ép tôi, bắt tôi phải bó tay ngồi nhìn thấy cái thảm-hại của bốn mạng thịt xương trước khi nhắm mắt ư? Ngày mai khi giải ra khỏi cửa thành tôi kíp nhờ người đưa tin cho bà, để bà tìm phương van-vĩ cho mẹ con nàng được ở lại, nàng không nên cưỡng lời tôi nữa.

– Nếu chàng đi việc nước như mọi khi, thì mẹ con thiếp không dám theo chân cho bận dạ, nhưng việc đi này đã cầm chắc có cái chết, thì lẽ nào thiếp lại tham-sinh úy-tử, tìm kế thoát thân cho đành. Thôi, con là cốt-huyết của cha, vợ là tình-ái của chồng, chết một đồng hơn sống một người; nếu chàng quyết không cho mẹ con thiếp trốn nghĩa theo chàng trong lúc hiểm nghèo, sống thác có nhau; thì khi chàng đi khỏi, tuyệt hẳn tăm hơi rồi, thiếp cũng phải phiền muộn mà chết. Thiếp chết thì con chàng là giống nghiệt-chủng, ai sá đoái-hoài, có sống sót cũng chả nên người. Thế thì tránh nạn mà đến chết phiền chết não, sống nhục sống nhơ, thì chi cho bằng chết

hiếu chết nghĩa, cùng nhau kết làm một khối oan-hồn ở nơi bãi bể khi đêm thanh cảnh vắng, vo-vo giữa trời mà cầu-nguyện Thượng-đế cho dân an quốc thái có hơn không? Phương-chi vương-mệnh đã bắt cả mẹ con thiếp phải đi với chàng, oai trời lẫm-liệt, ai dám sai ly-thù, mà nài kêu cho mẹ con thiếp được. Vả lời cáo-mệnh đâu lại là lời nói sai, xin chàng đừng vội quá lo mà mềm lòng sắt-đá.

An-Tiêm thấy vợ nói khẳng khăng một mực, tự nghĩ bụng rằng: Thương hại thay cho tấm lòng trinh-liệt của vợ mình. Nhưng đàn-bà nhẹ dạ, có biết đâu đến những cái mưu quỷ chước gian của kẻ thâm độc. Nay đã sẵn có cáo-mệnh, mà nàng lại nhất định không chịu ở lại, thì dầu có cách kêu được, không chắc nàng có nghe cho. Vợ mình thật có nghĩa thiết với mình, mà không nghĩ đến cái kế tự-tục của mình, thương nhau mà hóa bằng mười phụ nhau, biết làm sao đây! – Ngồi yên một tí rồi lại nghĩ: Tuy vậy còn đoán thế mà thôi. Dù sự không đến thế thì không phải nói, nhưng dù việc quả-nhiên như thế thực, thì phú-quí đã là bởi trời, tử-sinh há không phải mệnh. Một người còn có mệnh, nữa là bốn người trong một nhà. Nếu cái mệnh một nhà ta mà tới ngày từ già cỗi nhân-thế; thì dầu chui vào trong ống cũng không thoát: mà nếu cái mệnh một nhà ta còn nhiều duyên phận với nước-non, thì dầu vút vào nơi tuyết-xứ rồi cũng gặp cơ sinh-lộ, mà như con cóc bơi vôi lại về. Một cây làm chả nên non, ba cây chấp lại nên hòn núi cao; nhà ta đã có bốn người rồi, thì hễ chỗ nào có đất có nước, có thể kiếm được thức ăn mà sống như những cách sinh-nhai của con cầm con thú, thì cái câu thành-công sẽ được về mà thiên-tử đã hẹn cho ta, biết đâu không phải là câu nói thực. Vậy thì vợ con ta là tử-sinh cốt-nhục với ta, là cái vườn xuân vui thú của ta, mà lại là nhân-dân giúp việc cho ta nữa. Vợ ta không phải là nhẹ dạ, vợ ta thực là chí cao, ta cũng cam-tâm cho mẹ con nàng đi, mà xem Thượng-đế bảo thế nào ta sẽ hay thế. Tuy nhiên, đàn-bà lấy đâu làm dừng-cảm và kiên-nhẫn lâu dài được. Bây giờ đương lúc thương tiếc chồng con thì nồng nàn như thế, e tới khi lâm-nguy lý-hiểm, trông thấy những cái tai-nạn góm ghê, nó làm cho kinh hồn sởn tóc, không vững dạ được, phải sinh ra rối trí, lại càng khốn thay. Như thế thì trước khi đi, ta phải yên-ủi cho nàng biết tin cậy ở đức Thượng-đế cho đủ sức chống cự với cái họa-hoạn nó đến chiến-đấu với chúng ta.

An-Tiêm nghĩ thế rồi lại nói với vợ rằng:

– Nàng đã quyết chí, tôi cũng phải chiều lòng, thời từ nay mà đi, dù gặp sự lành sự dữ mặc lòng cũng là bởi thượng-thiên chỉ-phán. Nếu ta chưa hết hạn côi phù-sinh này, ta cứ vui lòng mà vâng lệnh đức Thượng-đế, ta hết thành hết kính thờ ngài mà cùng nhau làm việc bốn-phận cho kỳ tới lúc thành-công để mong ơn ngài về mai hậu. Bởi vì người ta gặp lúc nguy-hiểm khóc-liệt để sinh ra nát đờm phiền lòng. Cái nát đờm với cái phiền lòng kia, không những không ích gì cho kẻ bị nguy-hiểm, mà tự nó lại làm tăng thêm cái tai vạ cho mình. Người ta chỉ có cái bụng quả-cảm, cái lòng thành-thực, cái chí nhẫn-nại là đủ thắng-đoạt được muôn vàn cái nguy-hiểm ở trước mặt đem lại mà thôi. Có được như vậy mới là con thảo tôi trung của đức Thượng-đế, ngài sẽ gia ơn cho hưởng phúc đời đời. Vậy đến đâu ta cũng phải nghe ý ngài, mà vợ chồng giải-khuyên lẫn cho nhau, quyết không để lòng son dạ sắt bị những cái tai-ương nó làm phai nhạt đi được.

Nàng Ba thấy chồng cho đi thì vội mừng mà rằng:

– Thiếp tuy đàn bà nông-nổi, cũng xin một dạ vững bền, tử-sinh còn chẳng ngại, ngại chi hiểm-nghèo. Xin cúi đầu vọng-bái hoàng-thiên, liệt-vị quốc-tổ, chư-vị gia-tiên chứng-giám cho Mai-Yến chồng Cao-thị, một lòng thờ trời thờ vua, yêu dân mến nước này, được thoát nạn qua cầu, chóng nên công cả; mà cha con vợ chồng lại được cùng trở về nơi quê cha đất tổ, bệch-bạch cái oan-tình ra để Thiên-tử với mọi người cùng biết.

An-Tiêm thấy vợ khẩn những lời thành-thực chí-thiết, cảm-động đến cả tâm-hồn, rung mình lên một cái mà cũng khẩn theo lên rằng:

– Xin cho Cao-thị là vợ Mai-Yến, một lòng tiết-ngĩa theo chồng, được đủ can-đảm mà cứu chồng con trong lúc tai-biến.

Từ bấy giờ hai vợ chồng An-Tiêm cùng thấy trong mình khoan-khoái nhẹ-nhàng, dường nghe vắng-vắng trên không có tiếng Thượng-đế đã nhận lời khẩn của hai vợ chồng và, đã cử thần-minh đi hộ-mệnh cho một nhà mình rồi; thì cái con đường sẽ phải đi tới kia cứ thẳng chân mà bước, vững chí mà làm. Bao nhiêu cái phiền cái khổ, cái kinh khủng gớm-ghe, đều coi làm những cảnh lạc-quan của Thượng-đế đem đến cho mình thưởng-ngọa cả, chứ chẳng có gì

làm đáng ghê mình. Hai vợ chồng quên cả rằng mình ở trong linh-ngũ mà cũng tưởng như những khi thư-nhàn, bàn câu tâm-sự ở trong viện sách phòng hương, có điểm năm ba tiếng nô cười của đôi chút con thơ yêu-giấu, để cung cái hứng-thú đoàn-viên. Thành ra hai người chuyện trò bàn-bạc quanh-quẩn suốt một ngày đêm, trông ra thấy bóng nắng lợt qua khe cửa mà rọi vào vách nhà.

IV. ĐÊM ĐI ĐẤY

Vợ chồng An-Tiêm đương bảo nhau rằng: cái nhà này hướng đông mà bóng nắng rọi vào vách thì là ngày hôm sau rồi, bỗng thấy bọn võ-sĩ mũ da áo giáp, cấp giáo đeo guom mở cửa vào báo rằng: "Có lệnh giải vợ chồng con cái Mai-Yến ra hà-tân để xuôi thuyền ra bể". Vợ chồng An-Tiêm liền đứng lên. Chồng bế đứa con bé, vợ dắt đứa con trai lớn, thung-dung theo bọn võ-sĩ đi ra. Ra khỏi cửa thì quan võ-tướng sai hai tên võ-biên bế thay hai đứa con cho vợ chồng An-Tiêm đi không. Mà vợ chồng An-Tiêm thì người nào cũng tự nhận mình làm được bốn-phận, trọn đạo làm người. Nên mặt mũi tươi-tĩnh, chẳng khác chi những lúc ở Tân-ấp về triều-hạ không có chút vẻ âu-sầu gì. Cứ thản-nhiên mà đi, liếc mắt trông sau trông trước, có ý cáo-biệt với nhân-dân, thành-quách, một cách rất kính-trọng. Đi khỏi vương-kỳ một quãng, An-Tiêm trông lên trước mặt thấy một bọn già trẻ gái trai, gồng-gánh lễ-mễ đứng đón ở đó. Xem ra thì là những dân Tân-ấp sông Bờ đưa lễ vật vàng bạc đến tiễn mà rằng:

– Chúng tôi đội ơn phủ-tuất, vực thẳm non cao, nay nghe có lệnh tức-hạ và tôn-quyến phải viễn-hành, xin có tấc thành, để khao quân-sĩ, gọi là ghi chút nhớ mong.

Nói rồi đều sụp lạy xuống đất, khóc như cha mẹ chết.

An-Tiêm thấy dân tình kính mến, có ý cảm động rồi nói rằng:

– Tôi là bầy tôi vua đi làm việc nước, đến đâu thủ-dụng đến đấy, không cần những vật này làm gì. Thôi cảm ơn phụ-lão nhân-dân, cho đem về mà cùng nhau lạc-nghiệp, trọn bốn-phận làm dân đời

thái-bình. Kể du-tử này không bao lâu lại trở về cố-lý mà được gặp nhau. Nay vương-mệnh cần-cấp không nên ngăn-trở việc xuất-hành.

Nói rồi gạt ra mà đi.

Bụi hồng gió cuốn, mây bạc ruổi-giong, trông lên đã thấy bến thủy-quân bên sông Cái. Cao phu-nhân với Cao công-tử đang đứng chờ ở bên sông. Cao công-tử cầm một cái áo giáp nỉ đỏ và một cái mũ đầu-mâu là hai cái vật vua gia-ban cho An-Tiêm đã lâu, khi có đại-lễ mới mặc đến. Hai vợ chồng thấy mẹ và em đi tiễn mình, cảm-tình chan-chứa, không cầm lòng được, đều òa lên mà khóc. Cao phu-nhân cũng xụt-xùi cầm một tờ giấy của quan Lạc-hầu cho phép An-Tiêm được phục-dụng hai cái mũ áo quân-ân ấy, đưa ra trình quan Thủy-sur. Rồi bà bảo An-Tiêm đội cái mũ đầu-mâu vào. Công-tử thì khoác cái áo giáp đỏ lên vai An-Tiêm, An-Tiêm đội mũ mặc áo thấy nặng khác mọi ngày nhiều, thì chàng tự nghĩ rằng: cái này là lão phu-nhân giấu vàng bạc châu báu gì vào để cho vợ chồng mình làm vốn ra khai hoang đây chứ không sai. Nên chàng không dám hỏi nữa, sợ tiết-lộ. Cao phu-nhân bèn hôn hai cháu và nhỏ nước bọt vào bàn tay mà dặn vợ chồng An-Tiêm rằng: "Thiên-tử đối với con cái thần-dân cũng như trời đối với muôn vật, trước tuy lời-dinh dũ-dội, sau lại vũ-lộ thắm-nhuần ngay. Vợ chồng nhà con không nên nghĩ ngại chi phiền, phải trân-trọng giữ lấy áo mũ của on vua này, cùng nhau nuôi con khuyến dân, hết lòng việc nghĩa, để đức bề trên thương lại mà ân-xá cho về. Cho già này được kịp thấy con thấy cháu, thì chín tuổi cũng cam lòng". Nói thôi, cả nhà đều ứa lệ trông nhau. Quan thủy-sur bèn giục già xuống thuyền để nhỏ sào cho được chiều gió. Cao phu-nhân, vợ chồng An-Tiêm, Cao công-tử, với hai đứa cháu bé, cùng nhau tương-biệt mà gạt lệ chia tay. Mẹ con Cao phu-nhân lên ngựa trở về; thủy-quân thì đưa vợ chồng con cái An-Tiêm xuống thuyền, lính thủy các mảnh đánh lệnh rúc tù-và vang-lừng sông nước. Kể nhỏ sào người kéo buồm tới-tấp, nháy mắt ba cái thuyền mảnh to tướng đã ve-ve chạy giữa dải tràng-giang.

Ngày hôm ấy về tháng trọng-xuân, trời dâm-dâm man-mát. An-Tiêm ngồi trong khoang thuyền dòm ra cái cửa sổ trấn-song nhỏ, thấy hai bên bờ sông cao hơn khoang thuyền. – vì mùa ấy sông cái nước cạn. – cây cối trên bờ thì vùn vụt như đám lao về sau lái, muốn

trông xa ra một tí nữa để ngắm xem cảnh-vật cũng không được, An-Tiêm nói với quan thủy-sư rằng:.

– Buồm xuôi nước xiết, thuyền đi như bay, trong giây phút nữa, chúng tôi không còn trông thấy cái cột cờ thành Phong-châu này nữa; ngày về còn xa. Cái tình ly-hương khứ-quốc, ai cũng một lòng. Xin cho tề-quyển đều được lên mui ngồi chơi mà từ-giả với non sông, thở than với đất nước, gọi là đãi chút ly-tình của kẻ thần-tử khi bị lưu phóng. Bể-phu này bình-sinh chỉ biết có vua có nước, chưa từng nghĩ kế thân-gia, xin túc-hạ đừng ngại.

Quan thủy-sư thấy An-Tiêm nói một cách khảng-khái, nể lời bèn cho cả gia-quyển lên mui ngồi, nhưng bắt hai cái mành kia đi sát vào hai bên, có ý phòng-bị. Vợ chồng An-Tiêm đưa hai con lên mui cùng ngồi. An-Tiêm từ lúc vận thêm đồ nhung-trang trở đi thấy nặng-nề khó chịu lắm. Nhưng chàng đã chắc là đồ vàng bạc gì của Cao phu-nhân, cho nên bà đã dặn ý phải trân-trọng giữ lấy. Vậy nếu ra đây mà được chỗ có dân-cư, thì cái vàng bạc này, tức là cái lợi-khí của ta; bằng phải chỗ hoang-tịch chưa có người, thì cũng chả hề chi. Nếu ở đây mình bất-cẩn để người ngoài biết ý, thì lỡ chuyện mà uống cả cái lòng thương con của Cao phu-nhân đi. Bởi thế lắm lúc ngồi thì nó đề chú ý đầu xuống, nằm thì nó kênh-kênh ở hai bên nách, mà không dám cởi mũ áo ra. Vợ chồng ngồi xong đều trông lên xem phong-cảnh hai bên bờ đàng sau lái. An-Tiêm nói:

– Kìa núi Hùng-vương cao chót vót, khí thiêng như vẫn phảng-phất ở những chỗ cây cối khói mây u-uất kia.

Nàng Ba nói:

– Sao núi lại gọi tên vua?

– Đức Hùng-vương đệ-nhất mới mở-mang ra cuộc trị-hóa cho nước Văn-lang ta, cũng như Nghiêu-Thuấn ở Trung quốc. Ngài xây cung ở núi ấy, khi ngài thăng-hà lại táng ở mé núi mà cung thì để làm nhà thái-miếu thờ ngài, nên lấy hiệu Hùng-vương đệ-nhất mà đặt tên núi là để cho thần-dân con cháu muôn đời tưởng nhớ công-đức mà không bao giờ quên đi được. Lại chỗ này – vừa nói vừa trỏ – là thành Phong-châu, quốc-kỳ đồ chói xa-xa phất-phới ở giữa trời kia. Ôi! cái chốn bang-kỳ của Văn-lang ta là đó, cái chốn văn-vật uy-thanh hơn hai nghìn năm của người Bách-Việt tụy-tụ ở đó, mà nay

vượng-khí uất-kết ở trong chỗ hồng-trần mù-mịt kia không phát-tiết ra được. Người trong thuyền như đôi ta này, với thành Phong-châu kia lại càng có cái cảm tình thiết-tha. Ta lớn khôn ở đó, ta đội ơn cao dày ở đó, ta được biết nhau cũng ở đó. Thượng-đế nở lòng nào, cho ta được trông thấy cái thành Phong-châu này một lần nữa, thì dù búa rìu sấm sét ta cũng cam lòng; nay ta phụng-mệnh đi xa, qui-kỳ ở trời, ta chưa đoán trước được, trong khoảnh-khắc nữa là chúng ta tạm-biệt với thành Phong-châu kia. Chúng ta trông về nơi quốc-đô; trông về cái ngọn cây chốn cô-viên, có lẽ nào mà đôi ta không ngậm-ngùi thốn-thức được!

Nàng Ba nghe chồng nói cũng lã-trã giọt hồng, rồi hai vợ chồng trông chòng-chọc về núi Hùng-vương thành Phong-châu cùng tỏ ý từ-giã. An-Tiên sợ vợ động mối thương tâm ly-biệt quá, vội nói rằng:

– Kia núi Tản-viên ở bên tả-ngạn kia, mé tây núi ấy là sông Bờ, tức là chỗ vợ chồng mình đã đem mấy giọt mồ-hôi nước mắt để mở-mang một cõi hoang-vu nên miền sầm-uất, mới ngày hôm qua; lại núi Tam-đảo ở bên hữu-ngạn nọ, cảnh-vật thanh-u, các hiền-triết hay đến ở: còn con sông Cái ta đương đi thuyền này, phát nguyên từ sông Thiện-hà¹ qua núi Hoàng-côn, nên bốn mùa nước đỏ. Lại qua thành Phong-châu xuống dưới ít nữa thì hợp-lưu với hai con sông Đà-giang và Lô-giang mà ra bể Đông-hải. Ôi! non sông muôn dặm, như họa như thêu của tổ-tông khai-tịch mấy mươi đời để lại, sao lúc thịnh-thời non sông ấy, mà nay cũng non sông ấy, thì trông lên hai bên bờ sông tre-pheo xò-xạc, làng mạc tiêu-sơ, ải bắc xa-xa khói lang mù-mịt, non sông có vẻ rầu-rầu; đó là bởi cái khí-vận của non sông, hay là bởi người ta không tận-trung thờ Thượng-đế, tường-tặc bác-tước lẫn nhau, phạm tội với Thượng-đế, nên ngài sắp giáng tai mà non sông ra điềm cho biết trước chăng?

Nói đến đây chàng lại hỏi Nàng Ba rằng:

– Phu-nhân có còn nhớ cái đêm hôm rằm tháng tám năm ngoái, mà tôi với phu-nhân lúc ngồi đang ngoạn-nguyệt ở trước hiên, nghe

1. Thiên-hà: Sông trên trời. Cổ-nhân thấy những con sông dài lắm, chưa tìm thấy nguồn thì cho là nguồn tự trời xuống, như Tàu nói: Nước Hoàng-hà tự trời xuống.

có cô nông-nữ hát lên một bài thơ, thơ là thơ tình mà gắn bó với non sông cao dày, thực là càng hợp với cái cảnh-tình của đôi ta bây giờ, mới biết cũng là cái triệu-trăm nó đã báo ra từ đó. Tuy bài thơ ấy nói về đêm trăng mà nay là cảnh ban ngày, nhưng ý nói trăng tức cũng là nói trời đó thôi, ta bất phương đọc lại để mà khiễn-húng.

Nói thế rồi An-Tiêm lại gật-gù đọc lên mà ngâm-ngã mãi, thơ rằng:

*Sông Lô dòng nước cuốn quanh,
Tản-viên ngọn núi chênh-vênh ngất trời;
Giữa vùng núi thẳm sông khơi,
Có đây có đấy trên trời có trăng.*

Ngâm xong lại nói:

– Sông Lô cuốn quanh núi Tản ngất trời kia, giữa cái vùng núi thẳm sông khơi này, có ai biết đến lòng này cho chẳng, hay là chỉ có đây có đấy và trên nữa thì có trời mà thôi? Xưa nay ta bận công bận việc, mỗi khi có cao-húng, hai vợ chồng cùng lười, chỉ đem thơ cổ ra ngâm-nguội, nay nhân đi thuyền ngòi rồi, mà rồi đến cả tâm-tư nữa. Thế cũng là hay. Ta không nên bỏ phí thì giờ, thánh-nhân còn tiếc thốn-âm¹ nữa là mình. Nằm lấm mỗi lung, trông lấm mỗi mắt, chuyện lấm mỗi mồm, mà nghĩ lấm nhác trí, sinh ra buồn-bã vô ích. Nay đọc lại bài thơ cổ gọi đến lòng thơ, ta muốn nhờ dịp này mà mỗi khi làm một đôi bài chơi, may được một vài câu khá có khi cũng nhờ đó mà gửi được chút tâm-hồn lại với non sông. Vừa có việc vừa dùng cách chống-cự với cái phiền-muộn, thì hiền-thê nghĩ sao?

– Thơ là việc khó, mà ta lại không hay làm thì làm sao cho nghe được?

– Mình có phải là thi-nhân đâu mà phải kén chọn từng chữ một, quý hồ nghĩ thế nào nói ra thế, có tình có cảnh thì thôi, không phải cần lời cho lấm. Tôi tưởng những thơ như thế lại hùng-hồn dễ cảm hơn là thơ nhà nghề điêu-luyện từng chữ một kia đấy. Xem những câu phong-dao chốn lý-hạng đời xưa ở miệng đàn bà con trẻ mà ra, họ có chuyên-trị nghề thơ đâu, mà tình-tứ chả hay đáo-đế. Thôi ta cứ thử làm mỗi người một bài thơ nôm xem sao.

1. Thốn-âm: Một tắc bóng, nghĩa là một chút thì giờ.

Bấy giờ hai vợ chồng cùng ngồi lẳng-lặng nghĩ thơ.

Nước sông càng chảy xiết, gió tây may càng thổi mạnh, ba chiếc mảnh thẳng cánh chạy như ba con chim đại-bằng¹, bay ra bể Nam-minh². Người trong thuyền đều được rồi-rài, kẻ thì ngồi, kẻ thì nằm xoài cả ra trên mũi để xem cái gia-đình họ Mai tuy trong luy-tiết, mà tình-ái một cách êm-đềm, chuyện trò một cách trung-chính, ai cũng phải thương thay.

Thuyền đã đi hai ba quãng sông, trời đã xế bóng, An-Tiêm mới đọc lên một bài rằng:

*Dập-dìu cá nước chim còn,
Gió mây đưa đón cánh bướm ra khơi,
Tà-tà bóng xế non đoài,
Nhớ ai ai biết biết ai nhớ mình.*

Rồi lại đọc liền một bài nữa:

*Nghìn thu vụng-khí mơ-màng,
Ngất trời ngựa sắt giáo vàng như bay.
Chiều hôm nổi gió tây may,
Nước non hiu quạnh, cỏ cây lạnh-lùng.*

Nàng Ba nói:

– Bài trước là cảm-hứng, bài sau là hoài-cổ. Ngựa sắt giáo vàng là đức Đồng-thiên-vương. Ý-tứ man-mác lắm. Tôi cũng xin đọc:

*Gió xuôi dòng nước càng xuôi,
Vườn dâu³ sau lái trông vời càng xa.
Đàn âu⁴ bên bãi bình-sa,
Bể hồ lai-láng, cửa nhà lênh-dênh.*

An-Tiêm nói:

– Vườn dâu sau lái trông vời càng xa, cái bụng hiếu tâm bi-thiết là đường nào, thế chả hay là gì đấy?

1. Đại-bằng: Con chim bằng to.

2. Minh: Cái bể to, Nam-minh là cái bể to ngoài cõi nam.

3. Vườn dâu là chỗ cha mẹ ở, vườn dâu sau lái là ngôi trên mũi mà trông về đằng sau lái.

4. Âu: Con chim bồ-nông.

Nàng Ba lại đọc:

*Đi đâu với mấy cô ơi?
Hỏi cô cô có lên chơi sông Bờ.
Rẽ vào thăm gốc cây mơ,
Xem hoa xuân trước xuân giò bao hoa.*

An-Tiêm nói:

"Mơ" tức là "mai" là trở về họ Mai, rõ thực ra lời thơ nhà phong-dao lắm. Từ rầy hễ khi nào tình-tứ vô-liêu, ta cứ giở ra cuộc làm thơ là một cách tiêu-sầu khiễn-muộn thú hơn cả, tự ta ta có, không phải mua đâu.

Quan thủy-sur ngồi ở màn bên nghe thấy vợ chồng An-Tiêm ngâm-vịnh với nhau, cũng bước sang chơi mà xin đọc lại cho nghe. An-Tiêm nể lòng đọc hai bài thơ của mình rồi đọc hai bài thơ của vợ cho quan thủy-sur nghe, Quan thủy-sur nói:

– Quan Lạc-hầu truyền vương-mệnh cho chúng tôi có nói về ngài nhiều điều lắm! thế mà nay nghe thơ thì tâm-sự của ông bà lại chân-thành ngay-thảo là dường nào; nhất là trông thấy lệnh-lang và lệnh-ái, chúng tôi càng lấy làm ái-ngại lắm. Nhưng trời cao nghe thấu, thời thế nào quý-quyển cũng lại được trở về chốn quê-hương.

Vợ chồng An-Tiêm đều vui lòng cảm-tạ.

Thuyền đi mấy chiều nước mới tới cửa Đại-nha¹ thì vừa tối, quan thủy-sur truyền xuống cánh, mà neo nọc để đậu lại đây, sáng mai sẽ ra cửa.

V. BỎ LÊN HOANG-ĐÀO

Trời hăng-hắng rạng đông, ba chiếc màn, đánh cánh ra cửa. Cửa bể mênh-mông, đêm sương lạnh-lẽo, thủy-thủ ai nấy đều ngồi vào chỗ khuất để tránh rét. Lúc đó ở cái màn đi giữa, lò-mò có một người đứng ra trước gió, dựa lưng vào cột buồm trông xem cảnh bể, tự nghĩ một mình rằng: "Mình vốn sinh ở vùng đường

1. Đại-nha: Cửa sông Cái.

bể, nhưng còn bé chưa từng ra bể mà biết cảnh bể thế nào. Sau lưu-lạc vào được vương-cung, lúc việc chực-chầu, khi đi chinh-thảo, lại lúc đi khẩn-hoang: nào cái cảnh vương-triều đế-khuyết, nguy-nga hùng-tráng; nào cái cảnh hậu-cung thượng-uyển mỹ-lê huy-hoàng; nào cái cảnh rừng núi, cây cao suối mát, vượn hót chim kêu. Lại như cái cảnh điền-gian thì lúa mạ xanh om, tiếng nông-ca theo tiếng gió véo-von quăng đồng vắng. Cảnh nào mình cũng đã lịch-duyet qua, mình chỉ ước được xem cảnh bể về buổi sáng nữa, thì cái chí tang-bồng kia mới phỉ. Thế thì lần này mình không may mà lại hóa ra may. Nếu không bị đẩy ra qua đây, thì bao giờ được biết cảnh thiên-nhiên nọ. Phương-chi lại được cái cửa bể Đại-nha này là một cửa bể có danh tiếng nhất trong vùng Nam-hải, cửa này thông với cửa Thần-phù.

*Lênh-dênh qua cửa Thần-phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm.*

nổi chìm nhờ đức cao-xanh, ta đã đến đây ta cứ ta xem ta ngắm cho sướng mắt thích-tình".

Thuyền chạy vùn-vụt; gió thổi ù-ù, sóng vỗ chòng-chành, người ấy cứ đứng sừng-sững, không hề nhúc-nhích chút nào. Chợt đâu vùng thái-dương ở dưới gầm thương-hải kéo lên đỏ lừng-lừng, trong hàm cái sắc kim-quang lóng-lánh, không lấy vật đỏ nào của thế-gian mà tỉ-nghĩ được. Bấy giờ ánh chiều-dương chiếu ra mây khói sóng nước đều đối có vẻ hồng-hồng cả. Rồi mặt trời càng lên thế-giới càng rạng dần ra, mà nhỡn-quang của người càng chiếu rộng xa mãi ra được; sóng mông-mênh bát-ngát, tí-tấp mù khơi, không biết đâu là bờ, con mây bốn chân trời kéo lên tới-tấp, khoảnh-khắc biến-thiên, vô-số hình-sắc. Mà ngảnh lại phía tây chốn non sông tôn-quốc¹ thì mây ám sương sa không rõ gì cả, người ấy lại thêm ngậm-ngùi vô-hạn. Người ấy không phải là An-Tiên ở ba cái mảnh áp giải ra phối-sở thì còn là ai? An-Tiên ngảnh lại trời tây tựa-hồ có ý buồn, mà trông ra bể thì càng lấy làm thích-ý, vì được thưởng một cuộc hào-du hiếm có trong thân-thế, lòng thơ phoi-phới, bèn ngâm lên một bài rằng:

1. Tôn quốc: Cũng như tổ-quốc hay tôn-bang, đều là nước của ông cha mình.

Vàng hồng lưng-lưng bể đông.
Thần-châu¹ mù-mịt mây phong non đoài.
Sóng kênh² dào-dạt doanh khơi,
Lung ngao ngùn ngụt chân trời mênh mang.
Sa chân xuống cỏi trần-hoàn
Đã xem xem khắp kỳ-quan của trời.

Ngâm rồi đứng lảng-lặng một lúc, mình ra khỏi cửa, bỏ đất cạn đã xa, sóng to vỗ mạnh, thuyền chòng-chành lắc. An-Tiêm phải trở vào trong khoang mà nằm. Vừa thuật lại cảnh bể, vừa đọc bài thơ "*Hải-khẩu chiêu-duyên*" của mình mới nghĩ trên mui cho vợ nghe.

Nàng Ba nói:

– Những cảnh kỳ-quan của tạo-hóa, để chỉ có cảnh bể là hay hơn đẹp hơn cả, vì tầm mắt được rộng khơi mà cuộc biến rất nhanh chóng. Thế mà không gọi thiếp ra xem với cho vui?

An-Tiêm nói:

– Sợ u con yếu-ớt không chịu nổi cái khí lạnh của sóng nước trên mặt bể sớm mai.

Bấy giờ An-Tiêm thấy sóng càng vỗ dữ, mình càng lão-đảo, hai vợ chồng với hai con nằm trên ván sạp, cứ lặn long-lóc như bốn cái mỡ. Chàng phải ngồi dậy bò sang khoang bên, kéo lấy mấy tấm ván sạp khác đem chặn vào như cái ô để vợ con nằm cho yên. Còn mình lại muốn dòm ra bể xem nữa, nhưng bấy giờ các cửa sổ người ta đã đóng chặt cả lại để cho nước sóng khỏi tràn vào trong thuyền. An-Tiêm mới phải chịu nằm xuống bên chỗ vợ con nằm mà giữ tấm ván cho khỏi xô người đi. Bỗng nghe trên thượng-tầng bên kia có lệnh truyền rằng: "Ba mình phải đi sát vào nhau hàng ba, qua cái cù-lao thứ tám này vừa hết phận bể Hoan-Ái. Khúc này vắng không có đảo-dữ³ làm dấu, cao-công phải nhìn luôn vào la-bàn⁴ mà bể lái".

-
1. Thần châu: Kinh đô, hai câu thơ này là dịch ở hai câu thơ của cụ Nguyễn-Bỉnh-Khiêm.
 2. 3. Kênh, ngao là 2 thứ cá to quá, ý nói bể rộng. Hai câu thơ này dịch ở hai câu thơ lên núi Dục-thúy của cụ Phạm Su-Mạnh.
 3. Đảo-dữ: Những núi ở giữa bể.
 4. La-bàn: Kim chỉ nam.

An-Tiêm nghĩ bụng bảo dạ rằng thế thì cách lục-địa xa lắm rồi, nhưng không dám nói cho vợ biết. Được một lát trông lên lòng mui và hai bên "lành-canh"¹ thuyền, thấy quay tít cả đi như chong-chóng. Trước còn tưởng trời nghiêng đất sứt hay là trời đất chuyển-vân thế nào, lâu lâu mới biết là mình say sóng. Ngồi dậy lại ngã lăn xuống. Nàng Ba cũng thế, từ lúc ấy An-Tiêm mới phải chịu nằm yên, không còn ngáp ghé ra xem sóng bể được nữa.

Bấy giờ trong khoang thuyền thì tối như bung lấy mắt, đến bữa người ta đưa com với nước vào cho. Vợ chồng cứ nằm bốc com ăn và đút cho con, chẳng biết là ngày giờ tối sáng nào nữa. An-Tiêm đương mơ-mơ màng-màng, bỗng nghe có tiếng lệnh tiếng còi râm-ran cả trên mui. Ngẩng đầu lên trông thì thấy lính thủy-thủ, người thì mở cửa bỗng, người thì kéo cầu nôi lên bờ mới biết là đã tới bến. Mà từ cửa Đại-nha ra đến đây, mất hai ngày một đêm trên mặt bể rồi. Lúc đó trời đã tối, trên thượng tầng đèn đốt sáng rực. Quan thủy-sư cầm gươm đưa bọn lính thủy-thủ giơ đóm đuốc đi lên bộ, một lát thì lại xuống; ông sai lính khiêng lương lên chỗ ông đã dặn, rồi ông triệu An-Tiêm và gia-quyến lên cả trên mui. Đứng yên rồi, ông vừa giơ một vuông lụa vàng ra vừa bảo An-Tiêm: "Tôi tuyên vương-mệnh cho ngài nghe". An-Tiêm vội vàng quì xuống mui thuyền, Cao-thị cũng đặt đứa con bé xuống mà quì ở bên chồng. Quan thủy-sư tuyên lên thì An-Tiêm nghe cũng là đạo cáo-mệnh đã tuyên ở đan-trì hôm nọ, mà nay tuyên lại. Tuyên xong, An-Tiêm khấu đầu năm lễ. Quan thủy-sư cuốn vuông lụa vàng lại đưa cho An-Tiêm mà rằng: "Quý-hầu phụng-lĩnh lấy vương-mệnh mà ở lại trị lấy đất này cho chóng nên công. Trời thương người thiện, không bao lâu tôi lại đến đây để đón ngài và lệnh-quyến trở lại vương-kỳ; thôi, ngài cho lệnh-quyến lên bộ, để tôi về phục-mệnh với Thiên-tử". An-Tiêm giơ hai tay nâng lấy cáo-mệnh, cúi đầu cảm ơn rồi dặt vào bọc chặt chẽ. Hai vợ chồng đều gửi lời quan thủy-sư về chúc Thiên-tử, Hậu-phi thọ-khảo vô-cương. Quan thủy-sư bèn giục bọn thủy-thủ giơ đuốc đi trước. Vợ chồng An-Tiêm chẳng biết là đi đâu, cứ vâng lời theo bọn thủy-thủ lên bờ. Đi qua một bãi cát dài, đến một cái dốc cao, thấy

1. Lành-canh: chỗ hai bên giáp mui thuyền về trong khoang, mỗi bên có để tám ván làm cái chạn.

có mấy cái bao bằng vải to và tròn, đã để ở đấy. Bọn thủy-thủ trở vào mấy cái bao mà nói: "Luong đây, ngài nhận lấy, ngài hãy đứng đây, chúng tôi xuống xem quan thủy-sư có sai mang gì lên nữa không". Bọn thủy-thủ lại đưa cho An-Tiêm một bó đuốc đương cháy rồi kéo nhau xuống thuyền, An-Tiêm đứng cầm bó đuốc cháy gần hết, không thấy bọn thủy-thủ lên nữa. Nghe ngoài bờ bể có tiếng sào chèo động nước lộp-bộp, chàng cầm ngọn đuốc khuất đi mà trông thì trời tối như mực không còn thấy gì nữa. An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

– Thôi, thế là trại Lạc-diễn-tân-ấp thứ hai của ta ở đây rồi. Luong-thực chỉ có mấy cái bao này, không biết là những gì. Còn nhất-thiết tùy-thân-chỉ vật không có một tí gì nữa đó. Thật không sai lời tôi đã đoán trước. Kìa tiếng người tiếng động nước càng ngày càng thấy xa ra mãi thế kia, là bọn mình họ lui đi chỗ khác họ đó, cho ta khỏi xuống kêu-ca khóc-lóc làm rầy-rà họ đó, chứ chả sai. Cho nên phàm sự gì mà đoán trước và tính trước được, thì lúc lâm-cục không đến ngạc-nhiên thất-vọng mà phải rối trí ngã lòng. Thiên-tử đã đặc mệnh cho ta khai-tích cái đảo này, thì tất ý Thượng-đế cũng đã định. Ta xin vâng lời mà nhận lấy cái chức-trách của ta. Nay đêm đã khuya, ở ngoài giữa trời, sương sa gió lạnh, ta hãy dọn chỗ cho con nó ngủ và vợ chồng ta nghỉ lưng đã, rồi mai hẵng hay. Hai hôm nay vợ chồng con cái cùng phải mệt say sóng quá, đi chơi một cuộc cũng thú mà cũng mệt, vì mình không ra bể quen.

Nói rồi đưa bó đuốc cháy dở còn độ nửa gang mà đã tắt ngọn lửa cho vợ cầm vung lên để có ánh sáng. An-Tiêm thì vẫn những cái bao xếp vào một chiều cho gọn-gàng bằng nhau một lượt, rồi vừa cởi áo mũ châu ra vừa nói: "Không biết tôn-phu-nhân giấu cho vàng bạc gì vào trong mũ áo này mà nặng lắm, mấy hôm nay phải cố chịu, sợ lộ liễu ra, không dám nói cho hiền-thê biết". Cởi xong bảo vợ con trèo lên đồng bao. Đặt hai con nằm giữa, vợ nằm một bên, chồng nằm một bên, kéo áo hồng-giáp đắp lên cho vợ con, còn cái mũ thì úp lên cái bao ở trên đầu. Cứ thản-nhiên như mọi tối ở nhà đi ngủ, không có ngần-ngại chi cả. Hai vợ chồng bấy giờ còn đang choáng-váng, mà trong bụng cùng không lấy cái cảnh-huống tối hôm ấy làm lạ-lùng gì, nên nằm yên một chốc thì đều chợp đi được cả.

*Bên trời góc bể lênh đênh,
Bốn thân hồ-diệp bốn mình Trang-sinh¹.*

Được một lát An-Tiêm với Nàng Ba đều tỉnh giấc thức dậy, thấy tinh-thần đều được khoan-khoái. Nàng Ba bảo chồng rằng:

– Coi như trời nổi cơn giông-tổ to lắm, nghe tiếng sấm-sập tới nơi rồi. Làm thế nào cho con khỏi ướt khỏi lạnh bây giờ!

An-Tiêm nói:

– Phải, mưa bão tới nơi rồi!

Vừa nói vừa ngồi nhồm dậy, lại nói:

– Sao trời quang sao sáng, không có cơn mây nào, gió chỉ hiu-hiu, đêm lại ràn rạng, dễ trông hơn lúc mới ở màn lên, mà tiếng gió tấp mưa dào kia vẫn âm-âm như gần như xa, có điều có độ làm vậy?

Hai vợ chồng cùng trông quanh trông quẩn, thấy chỗ ánh nước lóng lánh, biết là mặt bể, mà tiếng gió mưa ào-ào chính ở chỗ ấy. Vợ chồng cùng nhìn xem thì thấy muôn nghìn gợn sóng trắng xóa từ ngoài xa chạy ô-ô vào đến bên chân cái dốc mình nằm rồi lại ô-ô chảy ra, cứ như thế luôn luôn.

An-Tiêm nói:

– Chắc là bể rộng đêm thanh, gió to sóng cả, mỗi một lần sóng nhô nước lên, hết làn lại lui ra mà thành tiếng dào-dạt như thế, chứ không phải là tiếng cơn bão táp. Thế mà nghe cái tiếng sóng dào-dạt lại tiết-tấu hay lắm, tưởng cũng là khúc hải-nhạc của các hải-thần, cứ đêm thanh cổ-vũ để ca-tụng cái công đức của đáng tạo-hóa chẳng?

Vợ chồng đều lặng yên vừa xem vừa nghe bằng dường quên mất cả cái ưu-hoạn ở chốn hoang-đảo này từ mai trở đi. An-Tiêm thấy sáng dần dần ra, trông lên thấy một góc trời đỏ rùng-rục như lửa cháy, bèn nói:

– Trời đã rạng đông, sắp sáng rồi. Sáng hôm kia, thuyền ở cửa Đại-nha ra bể, cứ chỉ hướng đông-nam mà đi cho đến cái đảo này. Nay cứ chỗ mặt trời mọc là hướng đông của cái đảo này, thì phía

1. Ông Trang Chu nằm chiêm bao thấy hóa ra con hồ-diệp (bướm bướm).

tây-bắc kia tức là nước Văn-lang ta đó. Phía tây-bắc đó, thân-ái của ta ở đó, ân-tình của ta ở đó, trời còn đó đất còn đây, mà non sông cảnh-vật của ta thì đâu?

Nói đến đây ngồi ngẩn người ra một lát rồi lại nói:

– Dù thế nào thì bây giờ cái đất mới này cũng là cái sản-vật của ta phải thừa-nhận, cái phận-sự của ta phải làm. Ta phải đem mồ hôi nước mắt của đôi ta, sau này của cả con cái ta mà tưới vào đó cho thấm nhuần ra. Ta tuy mới bước chân lên cái đảo này được có vài bước, mà lại là lúc tối trời. Địa-thế chưa hiểu ra thế nào. Nhưng ta cũng đã kinh-nghiệm cái phong-khí ở đây được một đêm rồi, chờ đến rạng ngày ta sẽ đi tìm xét xem. Dù tự cổ chưa có ai khai-khẩn, hay là hiện đã có người đương mở-mang mặc lòng, song ta chắc chỗ này cũng là chỗ đất nước trong lành mát-mẻ, chứ không phải là nơi quê-hương của giống quái loài yêu.

*Biết nhau chỉ một đêm nằm,
Một ngày kia với trăm năm là gì?*

Ta qua được một đêm, ta quyết không để ta đến phải sai lời Thiên-tử, trái ý Thượng-đế. Tuy-nhiên, có nước Văn-lang kia mới có tổ-tiên ta mà có ta. Có nước Văn-lang kia mới có cái di-sản xa-xôi này của tổ-tiên trong nước để lại cho ta phải kết-chí thuật-sự mà mở mang ra. Nhưng ta có thể nào yên vui cái sản-nghiệp mới mà quên ngay cái đất nước cũ kia đi được; quên ngay cái thân-ái, cái ân-tình, cái giọt máu liên-lạc, cái công-đức bình-thành kia đi được. Vợ chồng ta có thể khuyên giải cho nhau, mà chống chọi với cái tai-biến trước mặt đem đến, chứ không tài nào ngăn cấm nhau không có nhớ-nhung đến nước Văn-lang là chốn tôn-bang cố-quốc của ta được.

*Bể trời mây nước một mầu,
Trông vời cố-quốc biết đâu là bờ.*

Ôi! ta lòng nào mà chả động lòng bi-thương!

An-Tiêm mãi nói câu chuyện xa gần với Nàng Ba xong thì trời vừa sáng bạch, hai con thúc dậy.

Mai-Lâm hỏi:

– Sao thầy u không cho con với em bé về nhà?

An-Tiêm vừa trở vào trong giữa đảo vừa nói:

– Nhà mới của các con trong kia, rồi thầy u đưa con với em bé về nhà mới ở đây bây giờ.

Nàng Ba nói:

– Quế-nương quấy thế này dễ đói rồi đây.

An-Tiêm nói:

– Từ chiều hôm qua đến giờ, người lớn cũng phải đói nữa là trẻ con. Để tôi giở những cái bao này xem Thiên-tử ban cho ta những lương gì đây, để ta làm cơm ăn đã, rồi sẽ đi xem địa-thế và tìm chốn đình-trú. – An-Tiêm vừa tháo cái lõi khâu ở miệng cái bao ra vừa nói:

– Có thực mới vực được đạo, muốn vực được đạo thì phải ăn cho sống lấy người. Gặp những cảnh đáng thương-tâm, mà vẫn ăn no ngủ kỹ thì là kẻ không có ruột gan; nhưng gặp những cảnh phải phẩn-chấn mới làm nổi nên việc, thì phải bổ-dưỡng lấy sức khỏe.

An-Tiêm nói đến đây vừa tháo hết cái lõi, vạch miệng bao ra, thấy tinh một thứ bánh dày khô. Bèn buộc túm lại rồi bảo vợ xê con ngồi sang bao khác, cứ lần lượt tháo hết sáu cái bao, bao nào cũng sục tay xuống cả dưới bao, xem ra chỉ thấy tinh một thứ bánh dày khô ấy thôi. An-Tiêm nói:

– Việc binh khi lâm-trận, phải đem gạo rang, gọi là lương khô, để phòng khi không thối nấu được. Cái lương này để dùng cho ta khi bỡ ngỡ mới bước chân lên hoang-đảo cũng tiện lắm.

Nói rồi bóc lấy một bóc để ra ngoài, còn lại buộc vào chặt chẽ.

Nàng Ba cầm lấy một miếng đưa cho Quế-nương mà rằng:

– Mới ngày hôm nào chung-đỉnh cao-lương, chẵn bông chiếu miến. Mà bỗng bây giờ vợ chồng con cái mỗi người một miếng bánh dày khô, ngồi cho-chổng giữa trời, trên một cái cù-lao một nước một trời, sóng vỗ như non như núi. Chung quanh vắng tanh vắng ngắt, không còn thấy vết chân người đi nhẵn đất, hay là bóng thôn-trang nhà cửa ở xa xa gì cả. Trong thế-gian ai có oan-khổ lưu-ly đến như một nhà tôi này không?

Nàng vừa nói vừa rom róm nước mắt toan khóc. An-Tiêm vội vàng gạt đi mà rằng:

– Hiền-thê đã vội quên cái lời hứa lúc ra đi rồi sao? sao Thượng-đế lại không biết, chính là việc Thượng-đế khiến nên đó, chứ

ai làm nên cho mình được. Vả Thượng-đế phú cho người ta có cái thân ở đời, là để giúp-giáp nên công kia việc nọ ở dưới thế-gian này đỡ ngại, mà tu lấy phúc lành. Chứ có phải Thượng-đế phú cho người ta có cái thân ở đời chỉ để ăn lấy sướng, ở lấy sang, cho hại của trời đi đâu, Khổng-phu-tử có nói rằng: "Quân-tử cứ nhân cái địa-vị mà làm. Đang phú-quí thì làm ra phú-quí, đang bần-tiện thì làm ra bần-tiện, đang hoạn-nạn thì làm ra hoạn-nạn, đang di-dịch thì làm ra di-dịch. Cho nên quân-tử đi đâu cũng tự-đắc được." Quân-tử chính là người vâng trời theo mệnh đó. Vậy cái địa-vị ta bây giờ là quý-hồ cho đủ sống với nhau mà làm việc nghĩa-vụ, tu lấy phúc sau cho xứng ý đức Thượng-đế, thì cái sống của ta tự có cái vui cái sướng cái lý-thú riêng, khác với cái sống của người khác cùng của con vật. Còn cái ngoại-cảnh để cung cho ta, dù phú-quí bần-tiện hoạn-nạn di-dịch, ta có kể chi; phương-chỉ lúc ta ra đi, ta đã liệu có cái quang-cảnh như ngày hôm nay. Mà còn nhiều cái quang-cảnh khe-khắc hơn ngày hôm nay nữa, mà kẻ non gan hèn chí không thể đương nổi, ta cũng đều quyết đem bao nhiêu cái khổ-thú mà coi làm những cảnh lạc-quan cả. Nếu đang khi ta chân ướt chân ráo, mới bước lên đây, mà không có mấy bao bánh khô nọ, thì ta lại còn phải đi tìm kiếm thức ăn trước đã, phỏng có vất-vả không? Coi đó thì Thiên-tử cũng còn là thương ta, mà bữa ăn này chính là cái ăn mừng của ta khi mới dọn đến chỗ tân-cư. Xum họp ở đây, sinh-cơ lập-nghiệp ở đây, vui-vầy ở đây đó.

Nàng Ba nói:

– Nhưng bánh khô rắn lắm, tôi phải nhai nhót cho con.

– Bánh này chính là bánh phần lễ chúc-hỗ còn lại, cho nên mới được trắng mà thơm thế này, giá bây giờ có lửa mà nướng thì tốt, nhưng tìm đâu cho có lửa bây giờ? Thôi, vợ chồng ta với thằng Mai-Lâm ăn rắn càng ngon; ngày xưa ông Hạ Vũ đi trị-thủy, qua rừng hết lương phải ăn cả củ nâu, nên đời sau gọi củ nâu là "Vũ-du-lương" nghĩa là cái lương ông Vũ ăn còn thừa; hai anh em ruột ông Bá-Di thì không thèm ăn thóc nhà Châu, đưa nhau lên núi Thủ-duong, hái rau vi mà ăn để giữ cái cô-trung với cố-quốc, sau thác hóa ra giống gà gô tiếng gáy rằng: "Đạp cả thóc nhà Châu ra"; Khổng phu-tử đem đạo-nghĩa đi giáo-hóa cho các vua Chu-hầu, phải tuyệt lương ở nước Trần. Ấy những ông ấy tự hứa mình làm con

thảo tôi ngay của Thượng-đế, lấy cái việc đời làm cái việc nghĩa-vụ của mình, mà đều phải bước khốn-đốn như thế cả. Mà có chịu nổi cái khốn-đốn ấy mới làm nên những sự-nghiệp lớn-lao, để người ta đến nay tôn-sùng làm bậc đại-thánh trong thiên-hạ. Còn những kẻ cam đắc-tội với Thượng-đế, với thiên-hạ, làm những sự vô-liêm vô-sĩ để cầu lấy ăn sung mặc sướng cho một thân một nhà, thì có khôn gì. Thế thì nay ta còn được cầm miếng bánh trong ngọc trắng ngà, hương thơm xạ ngát của lộc nước ơn vua, của trần-cam thổ-sản quê cha đất tổ này, mà quây-quần ăn hưởng với nhau chả còn may lắm ru!

Nàng Ba nghe chồng nói cũng vui lòng mà cùng nhau ăn uống ra một cách ngon lành lắm. Ăn xong, Mai-Lâm đòi uống nước. An-Tiên bảo Nàng Ba rằng:

– Ăn rồi phải uống, nhưng xem quanh đây không có nước rồi, hãy dỡ con đi, để chốc nữa vào trong kia tìm có suối rãnh gì, thì cả nhà ta sẽ cùng uống.

– Nước bể kia trong lắm, ra đấy mà uống cũng được.

– Nghe hiền-thê nói mà tôi phải chạnh lòng, thật là một người của các phòng khuê, từ thừa lợt lòng ở nơi sơn-quốc, không từng trải qua cái bước phong-trần nơi đồng chua nước mặn bao giờ; nước bể vừa mặn chát, vừa tanh, chứ không ngọt như nước suối nước nguồn ở trên ta mà uống được.

Nàng Ba nói:

– À, hèn nào trong sách nói: "nấu bể làm muối" là lấy nước bể mà nấu làm muối đó. Nhưng nước bể mặn thế thì cá mú trong sông có ra bể ở được không?

– Cũng được, vạn-vật sinh trên mặt đất, ở đâu quen đấy. Đến khi vật nào vì có gì mà phải đổi cái cảnh-ngộ khác hẳn với chốn xưa, thì vật ấy phải có đủ sức, đủ tài mà lựa mình theo với cuộc biến cho thích-hợp, thì dần dần rồi cũng quen đi mà sinh-sôi nảy-nở ra được. Xem trong sông cũng có cá mè, ngoài bể cũng có cá rô, thì biết hai thứ cá ấy phải đổi cái cảnh-ngộ mà vẫn sống được. Lại trong sách *Nam-minh-chí* có nói: "Ở Xà-bàn có cái Nhiệt-đàm, nước quanh năm nóng như sôi, trâu bò đến bên không chịu được, mà loài thủy-tộc thì nhiều, tôm cua vỏ đỏ ra như luộc." Vậy loài thủy-tộc ở trong Nhiệt-đàm há không cùng giống với ngoài hay sao? Không những

vật loại, người ta cũng vậy; bất-kỳ gặp phải cái cuộc biến khắt-khe, tự mình phải dùng hết tài hết sức mà khéo xử với cảnh-ngộ mới, thì cũng thắng-đoạt được.

Bấy giờ Mai-Lâm sờ tay vào xem cái hoa vàng khảm ngọc ở cái mũ đầu-mâu úp ở trên cái bao bên chỗ ngồi. An-Tiêm bảo Mai-Lâm rằng:

– Con đưa cho thầy xem, bà giấu cho vàng bạc gì vào trong mũ này.

Mai-Lâm bê cái mũ lệnh-kệnh đưa cho bố, có ý nặng-nề không nổi. An-Tiêm đón lấy rồi ngửa cái mũ mà trông vào trong lòng mũ thì thấy có một cái vành to bọc lụa đỏ. Chàng kéo cái vành ra bóc hết lụa đi thấy một cái lưỡi gươm cuốn tròn lại năm sáu vòng. An-Tiêm bèn giang hai tay vừa nắn cho thẳng ra vừa ngắm nghía mà rằng:

– Lưỡi gươm này chính ở thanh gươm của tôi, hai má trở hai con rồng bay đây mà. Nguyên thanh gươm này có đã lâu lắm, các ông danh-tướng dùng đã nhiều đời. Chuôi và vỏ bằng sừng tê, nạm vàng khảm ngọc, gọi tên là "Tản-linh điện-quang". Sau người ta đánh rơi xuống hồ Lãng-bạc¹. Lúc Thiên-tử ta ra hồ xem đánh cá, có người mò được đem dâng. Ngài vẫn cho tôi đeo đi hồ-tụng! Trận tây-chinh rợ Thục, tôi gạt được cái lưu-thủ của giặc xuýt vào mình vua là nhờ ở thanh gươm này. Lại trận sau phá võ trùng-vi, cũng nhờ ở nó. Bởi vậy Thiên-tử mới gia ban cho tôi làm của riêng. Nay tôn-phu-nhân tháo lấy lưỡi mà giấu vào đây cho tôi, là ý tôn-phu-nhân biết rằng ta bị bỏ lên hoang-đảo tuyết cõi nhân-gian, để có đồ thiết-khí mà dùng: hay là không biết đến cái cảnh-huống này, chỉ thấy nó với hai cái mũ áo là vật "vua ban" thì giấu cho đem đi để lấy khước đấy thôi chăng?

Nói rồi đưa cho vợ xem, lại áo hồng-giáp, sờ vào một bên nách áo thấy một miếng vuông-vuông mà nặng, bèn nói:

– Đây mới là vàng bạc này, mà vàng bạc thì làm gì được ở chỗ này?

1. Túc là Hồ-tây bây giờ.

Nói rồi xé cả hai bên nách áo chỗ đã khâu cẩn-thận ra được hai hòn, ngắm kỹ thì ra hai hòn đá lửa. An-Tiêm nói:

– Nay hai vật này nữa, thì thực là cái mưu kế của họ đã vỡ ra từ lúc đó, nên tôn-phu-nhân với công-tử biết mà tìm kế hộ-thân cho ta đây. Guom để chém để chặt, lửa để đốt để nướng, nếu không biết trước là chỗ tuyệt-vô-nhân tích, thì giấu cho những vật này làm gì? Cao-phu-nhân thật là thâm-mưu viễn-lự quá. Thảo nào mà phu-nhân đình-ninh dặn tôi phải thận-trọng giữ lấy áo mũ này. Tôi thấy nặng thì cứ nghĩ là vàng bạc, bây giờ té ra hai cái quý-vật thiết-dụng này, ra mình thiển-kiến thực. Vì lúc nấy ta tìm đến thì ta đã có lửa nướng bánh cho giẻo mà ăn với nhau rồi. Lương-gian¹ tuy rộng, vạn-vật tuy phiền, mà bất ngoại có năm hành. Người ta với vạn-vật đều nắm-thụ cái khí chất của năm hành mà sinh-dục. Nhưng người ta sở-dĩ làm được con yêu của Thượng-đế, chúa-tể cả vạn-vật, là biết dùng đủ cả thể chất của năm hành, chế-tác ra khí-dụng mà làm phong-hậu cho cuộc nhân-sinh. Cho nên xét từ đời hồng-hoang, người ta cũng như các loài vật, ăn sống nuốt tươi, nằm hang ở lỗ, mới biết dùng có ba hành là thủy thổ mộc mà thôi. Đến đời vua Toại-nhân mới dùng cây lấy lửa, dân mới biết ăn chín. Lại đến đời vua Hiên-viên Hoàng-đế mới biết dùng sắt làm ra can-qua rìu. Bởi có sắt có lửa mà nghệ-thuật mở-mang; tiến đến Đường Ngu về Trung-quốc, Hùng-triều về nước ta, thì thuyền xe cung-thất, hồ-liễn cân đai, văn-vật đủ cả mà đời mới mở ra hội nhất-nguyên văn-minh từ đó. Ta nay, đã là những người ở đời văn-vật, ta đem hành kim hành hỏa đến để phối với hành thủy, hành thổ hành mộc đã thiên-nhiên có sẵn ở cái hồng-hoang nho nhỏ này, thì cái công khai-vật thành-vụ của ta, há lại chẳng chóng thành hơn các cụ đời thái-sơ ư? Tôn-phu-nhân thật là tạo-hóa của ta.

– Chắc có người nào cao-kiến bảo cho, chứ bà biết đâu những kế sâu xa ấy.

An-Tiêm đứng lên lấy mũ áo mặc vào, rồi xé một miếng vải áo mặc trong, quần vào cái cay² guom. Quần xong bước ra chỗ bãi

1. Lương-gian: hai khoảng trời đất.

2. Cay guom: chỗ sắt nhỏ hơn mà nhọn để cắm vào chuôi guom

cát phẳng, một tay chống guom xuống bãi, một tay chống vào ngang thắt lưng, trông uy-phong lại càng lẫm-liệt hơn xưa. Chàng nói với Nàng Ba rằng:

– Ngày tôi ở trong cung, khi có đại-lễ, thường phải múa khúc nhạc *Đại-hùng-vũ* để vua xem; khúc ấy có tám người; tôi là một, vừa múa guom vừa hát bài *Thiết-mã đằng-vân* và bài *Thần-phù khóa-lăng* là hai bài tụng để ca-tụng cái đại-vũ-công của Văn-lang ta. Tiết tấu bộ-vũ hay lắm, tưởng nhạc Thiệu nhạc Vũ¹ hay là nhạc Bát-dật của Trung-quốc cũng không hơn được. Nay ta nhân khi mới đến thừa-nhận cái đảo này, tôi xin múa khúc nhạc ấy để tạ Thượng-đế thần-minh, tuyên-dương cái hùng-phong của tôn-bang ra nơi hải-biểu, mừng các thần Đông-minh các thần đảo-dữ, mừng cả cỏ hoa đất nước và trấn áp cả các loài "ly mị vọng lượng"² ở chốn biển khơi này. Sau là để u con được xem mà hăng-hái cái chí-khí lên.

Nói xong bèn vung guom ra múa. Nàng Ba bé Quế-nương ngồi với Mai-Lâm ở trên những cái bao bánh, mẹ con trông ra chỉ thấy cái vết loang-loáng, chạy vùn-vụt như chớp, mà không trông ra lưỡi guom nữa. Người thì theo lưỡi guom lộn tít đi, nhanh quá, cũng không kịp nhìn rõ mặt. Múa rồi lại hát, hát rồi lại múa, lúc khoan lúc nhặt, lên bổng xuống trầm, tiếng guom vù-vù, tiếng hát sang-sảng, vang lừng cả trong động ngoài khơi. Hòa với tiếng gió thổi, tiếng sóng dào, làm một khúc *quân-thiên nhạc*³. Nàng Ba nghe thấy những bài thơ cổ hùng-tráng cũng cảm-kích xôn-xao, tưởng như mình theo chồng đi nơi hàng-trận mà vì nước đẹp loạn. Múa hát luôn ba hồi thì khúc nhạc mới cáo-chung. An-Tiêm vào ngồi lên một cái bao mà nghỉ một lát, lại nói:

– Bây giờ tôi lấy làm đặc-ý lắm, tưởng như Thượng-đế thần-minh đều được hoan-lạc cả, mà một vùng trời bể ở đây đều là những tường-vân thụy-khi⁴, tôi thừa hứng cũng làm một bài ca mới để hát một lúc nữa, hiền-thê nghe xem sao.

-
1. Nhạc thiệu của vua Thuấn, nhạc Vũ của vua Vũ-vương và nhạc Bát dật của ông Chu-công chế ra, đều dùng người múa hát.
 2. Tên bốn loài ma, tiếng cổ.
 3. Nhạc tự-nhiên của trời.
 4. Mây lành khí tốt.

Nói rồi ra múa và hát lên rằng:

*Tiêu-dao ngoài cõi càn-khôn,
Xe bằng chín vạn, ngựa côn¹ ba nghìn.
Cánh bèo nhật nguyệt² nổi chìm,
Ngồi trên sóng bạc chờ xem cát vàng³.
Guom thần một lưỡi sáng choang,
Vung lên mở cửa thiên-hoang ra đòi.*

Múa hát xong lại vào ngồi. Nàng Ba nói:

– Bài mới này khí-thế mạnh-bạo, nghĩ-ngợi rộng xa, cứ cái kiến-giải như thế, tưởng trong vũ-trụ này không còn cái gì là đáng hã nữa.

– Phải, mình đội mệnh Thượng-đế đi khai-tịch thế-gian, còn có gì đáng lo sợ.

VI. ĐÊM THỨ HAI Ở HOANG-ĐẢO

Bấy giờ Mai-Lâm lại đòi uống nước, Nàng Ba cũng kêu khát. An-Tiêm nói:

– Tôi hát múa một lát cũng ráo cổ lắm, bây giờ ta đưa nhau vào trong đảo xem đường đất, tìm nước uống, tìm chỗ ở một thể. Số lương-thực này cũng dùng được ít lâu, thiết-khí hỏa-khí đủ cả, chỉ còn thiếu nước uống thôi. Vậy trước khi tìm chỗ trú chân, ta phải tìm nơi nước ngọt đã, vì người ta đói bảy ngày không chết, mà khát một ngày thì không sống được.

– Thế ngộ không có nước ngọt thì uống nước mặn có được không?

-
1. Chim bằng bay một cái chín vạn dặm, cá côn nhảy một cái ba nghìn dặm, là hai vật cực to trong vũ-trụ; nay nói xe bằng, ngựa côn là vì cuộc tiêu-dao ở ngoài vũ-trụ cực rộng.
 2. Mặt trời, mặt trăng ở trong vũ-trụ chỉ như hai cánh bèo, trở vũ-trụ mông-mênh, câu thơ cụ Giới-hiền Nguyễn Trung-Ngạn đề hồ Động-dinh.
 3. Đứng trên bề sóng mà chờ cho cát nổi thành bãi, nói vũ-trụ lâu dài, bề dâu biến đổi cũng hay.

– Nước mặn là liều thuốc hạ mệnh, uống nước mặn vào thì đi tả ngay. Nhưng mà ở đây thấy có núi đá núi đất, thì sao lại không có chỗ đọng nước mưa mà lo; vì chỉ thuần một bãi cát như đất lưu-sa ở Tây-vực thì mới sợ.

Nói rồi cõi bao bánh bóc lấy ít bánh cho vào bọc để phòng khi chưa kịp ra mà đói ở đâu thì ăn với nhau. Lại dắt đi một hòn đá lửa. Một tay cầm thanh Tản-lĩnh điện-quang, một tay bế Quế-nương đi trước, Nàng Ba thì dắt Mai-Lâm đi sau, Đi được vài bước An-Tiêm đứng dừng lại bảo Nàng Ba rằng.

– Tôi đặt tên cái bến này là Bến-Sứ, vì thuyền sứ-giả của vương-triều đưa ta đến cửa bể này lần thứ nhất, rồi sau tất có ngày sứ-giả vãng lai hay là lại đón ta ở đây. Khi ta vào trong đất ở yên rồi, năm bảy ngày ta lại ra đây chơi mát và tắm giặt mà tưởng-vọng thuyền Sứ đến một lần. Vậy cái bến này là cái bến đáng ghi nhớ buổi trước buổi sau, trong cuộc khẩn-hoang cái đảo này của ta đó. Ta phải cùng nhau nhớ đến hai chữ "*Bến-Sứ*" mà nói luôn cho thành tên, rồi để truyền lại cho con cháu ta về sau.

– Tên ấy cũng dễ nhớ.

Nàng Ba trả lời thế vợ chồng con cái kéo nhau thung-dung đi trên bãi cát như một bọn người nhà quê ở trung-thổ bông-bế nhau ở đâu xa về cố-hương, không chút lạ-lùng ngo-ngác gì cả. An-Tiêm thấy cái bãi cát chạy dài theo ven bể, bát-ngát minh-mông, thuần một thứ cát bồi. Sóng bể đêm ngày dào vào, rửa mặt bãi sạch-sẽ, cỏ cây cũng không mọc được một mống nào, chỉ có ít bọt nước còn vương lại mà thôi. Thì chàng cứ đưa vợ con đi theo xem, đi được một thôi dài, ngảnh lại Bến-Sứ đã bị cái vành bãi hình tròn khuất đi mất rồi, mà tuyệt-nhiên không tìm thấy cái vết chân của loài người loài súc-vật hay là tí gậy vụn gì của cái khí-cụ mà những người làm nghề ngư tiều canh mục đã bỏ rơi vương ra ở đâu đấy. Bấy giờ Mai-Lâm mỗi chân lấm, không đi được nữa mà An-Tiêm bế Quế-nương cũng thấy sái-cánh, vợ chồng con cái bèn ngồi xuống chỗ bãi cát mà nghỉ. An-Tiêm bảo Nàng Ba cõi cái thất lưng ra, rồi chàng buộc quàng lên cổ cho Nàng làm cái đu để đu Quế-nương, chàng nói:

– Cái cách đu con của đường rừng tiện lắm, đi đường xa không mỏi, mà ở nhà làm được mọi việc. Chính kiểu họ lấy một miếng vải

vuông bốn góc có đỉnh dài đeo, có khi lại thêu mạng đẹp-đẽ kia đấy. Cho hay có lưu-lạc mới trải mùi nhân-thế, nếu cứ phú-quí như mọi ngày thì còn biết đâu đến cái cảnh vun-thu cơ-nghiệp, gây dựng con cái của người bình-dân gian-khổ là thế nào nữa.

– Hôm nay đêm trời, không có mặt trời nhưng bây giờ cũng đã đến trưa rồi, ta phải đi vào trong rừng núi kia xem có trang trại gì không. Bằng không thì cũng phải tìm lấy một chỗ cho con nó ẩn-núp đã, rồi sẽ liệu. Nếu cứ loanh-quanh ở trên bãi này, mưa đến thì rét, nắng lên thì khát, làm thế nào với nhau.

– Phải, tôi cũng nghĩ thế.

Bây giờ vợ thì điu con gái bé, chồng thì công con trai lớn, không có cây cao bụi rậm. Chỗ giáp bãi cát mới bước vào thì thấy lộn lên trên bãi cỏ mà đi. Bãi chênh-chếch cao lên, đất khô ráo, cỏ bông lo-thơ, và những thứ cói nước mặn cây nho nhỏ. Dần-dần vào thì có bụi lau bụi lác, phải rẽ ra mới đi vào được, mà một cái vũng đọng nước nào cũng không. An-Tiêm vừa đi vừa nói:

– Ngày mới ra sông Bờ, cũng đã thấy hoang-uế, nhưng còn có cỏ xanh cây tốt, suối sâu nước trong, đủ biết là nơi phì-nhuận. Mà đây xem ra thì thủy-thổ thiển-bạc lắm, việc điền-viên không lợi. Tuy-nhiên, ngắm trông sơn-thủy kỳ-tú, khí-sắc thanh-quang thế này, không có cái địa-lợi nọ, tất có cái thổ-ngoi kia, đức tạo-hóa ngài đã thừa trù rồi, người ta phải biết mà thiện-dụng lấy mới được.

Đang nói thì vừa đi đến chân cái đồi mà ở ngoài bãi đã trông thấy. Đứng chân đồi trông lên, đồi cũng không cao mấy mà thuận bằng đất cả. Vợ chồng bỗng con bế cái, lóp-ngóp trèo lên đến lưng đồi, mới thấy cỏ-rả như những núi đất trong nội-địa. Đứng ở đấy trông xuống thấp-thoảng ngoài bến Sứ. An-Tiêm nói:

– Thôi, thực là cái hoang-đảo từ thượng-cổ không có ai đến rồi. Xem rừng rậm cây to không có, thì chắc những giống rắn độc thú dữ cũng không, mà đến loài điều-thú thường thì cũng hiếm. Bây giờ lên đỉnh đồi thì có thể thu quát được cả toàn-thể cái đảo này, nhưng cả nhà đều bụng đói miệng khát. Lại đi bị cỏ nó vướng vào chân, vợ chồng cùng mỏi cả, ta hãy nghỉ lại đây mà làm bữa đã.

Bèn tìm một chỗ cỏ mùa xuân xanh non, vợ chồng cho con đứng xuống. An-Tiêm bỏ bánh và đá lửa trong bọc ra, vội-vàng đi

vơ được một ít cỏ khô đến. Lấy guom chặt vào hòn đá lửa đánh chất một cái, hạt tinh-hỏa bắn vào đồng cỏ khô, lửa cháy bật lên vù-vù. An-Tiên nói:

– Mới từ sáng đến giờ, độ ba bốn giờ mà ta đã qua đời Hồng-hoang đến đời Toại-nhân rồi đó, cuộc đời của ta ở đây mở-mang thế có chóng không! Vậy thì tiến lên đời Đường Ngu cũng chẳng lâu gì. Cái khói lửa đốt đây là lần thứ nhất từ khai-tịch đến nay ở cái đời này, mà ngọn khói bốc lên trên chín tầng mây u-ám kia tức là tin của ta báo với Thượng-đế biết rằng ta vâng mệnh ngài đi thừa-nhận đảo này đã đến đây là trung-độ rồi đó. Xem chỗ này quang-đăng không có sự gì đáng nghi-ngại. Mẹ con cứ ngồi đây, nàng thì nướng bánh cho con nó ăn, để tôi xuống chân đồi, những chỗ giáp núi đá bên kia mà tìm lấy nước uống mới được.

– Nhưng mà lang-quân phải cầm guom đi.

– Thôi, để guom cho mẹ con có cắt gì chẳng.

An-Tiên nói thế rồi nắm hai tay giơ lên đứng ra một cách rất hùng-hổ mà rằng:

– Một ông danh-tướng nước Đại-văn-lang hách-dịch như thế này, đến đâu mà không chấn-phục được hết cả, còn có sợ gì.

Nàng Ba cũng bật cười, cái bật cười ấy đáng ví như cành hoa cung quế mà cô tiên-nữ cầm tặng thưởng cho đáng trượng-phu can-đảm, để an ủi bao nhiêu cái tai-vạ thốt-nhiên, cái oan-khốc tày trời của một nhà từ hôm bước vào nhà linh-ngũ đến nay. Nàng dặn chồng rằng:

– Lang-quân xuống mau rồi mà lên với con.

An-Tiên lại nói:

– Đi rừng người ta lấy tiếng "hú" mà gọi nhau, tôi xuống dưới này, mỗi chốc tôi hú lên một tiếng, trên này hiền-thê cũng hú trả lại một tiếng, thì tôi đến đâu biết ngay.

Dặn xong, An-Tiên rẽ cỏ mạn đông-bắc cái đồi ấy mà đi xuống. Nàng Ba thì ngồi nướng bánh cho hai con ăn, còn mình thì để đợi chồng lên ăn một thể. Cứ một lát nghe tiếng "hú" ở dưới chân đồi thì nàng lại "hú" trả. Trước gần sau xa dần mãi đi, hề thấy chậm, nàng lại "hú" lên. Trước còn thấy "hú" trả lại, lâu lâu mẹ con cùng

khát lắm. Mẹ còn cố nhìn được, hai đứa con thì khóc méo đòi uống nước, trước nàng còn dỗ "một tí nữa thì thầy con đem nước lên cho con với em bé uống". Hai đứa chờ mãi cũng không thấy đem nước lên, chúng nó khát quá mà lả đi không ăn bánh được nữa. Quế-nương thì thôi bú đã sáu bảy tháng nên Nàng Ba hai vú đã hết cả sữa. Nàng vạch vú cho con bú, nó bú mỗi cả mồm cũng chẳng có gì, nó lại nhả ra. Nàng Ba ứa nước mắt ra ròng ròng, ràn cả nước mắt vào mặt, vào mồm nó, nó hóp lấy những giọt nước mắt mà nuốt. Nàng Ba trông thấy đau lòng; nức-nở lên thì nước mắt lại chảy ra ngoài mắt cả. Mai-Lâm thì lả đi, gục xuống đầu gối mẹ. Nàng cứ một lát lại hú để gọi chồng, bỗng thấy bặt đi một lúc không hú trả, rồi nghe đến muôn nghìn tiếng hú vang-lùng cả trong vùng núi đá và tiếp theo những tiếng như reo như hò, xôn xao rúc-lác như bọn quân giao-chiến, như buổi chợ đang đông. Nàng Ba thất-kinh rụng rời, không biết là tiếng đám đông người nó đuổi bắt hay là tiếng loại yêu-quái nó nã tróc chồng mình, chứ không phải là tiếng lành. Nàng vội đứng dậy mà hú to lên mấy tiếng liền, thì không thấy hú trả lại nữa. Nàng cầm lấy thanh Tản-linh-diện-quang khoa lên một cái chực chạy xuống để cứu chồng, thì con mây con gió ngoài khơi kéo đen mù-mịt, trông xuống chân đồi không rõ nữa. Hai con thơ lú-lít, túm lấy mẹ mà khóc. Trời phoi-phới mưa xuống tối-tăm cả lại. Nàng không biết thế nào được, lại phải ngồi xuống với hai con mà bế lấy Quế-nương. Nhưng trời chỉ mưa ướt áo mà thôi, chứ không to. Nàng phải xé cái vạt con áo mặc trong để phoi ra mưa, hễ thấy ướt thì lại cầm lấy mà vạt vào mồm cho con bé, rồi đến con lớn, dần dần hai con tỉnh-tỉnh lại, nàng mới vạt vào mồm mình. Mẹ con đỡ khát, thì mưa càng nặng hạt, ba mẹ con đều ướt cả, rét lắm. Nàng đặt Quế-nương xuống mà sờ lấy thanh guom cắt lấy cỏ chỗ vùng quanh mẹ con ngồi. Cắt vội-vàng một lúc được ít cỏ, thấy tay xon-xót và sái cánh không cắt được nữa, mới sờ ra mà thu lấy những cỏ đã cắt rồi. Một tay đỡ hai con nằm gục vào lòng mình mà ôm lấy, một tay vơ cỏ phủ lên cho hai con, rồi kéo cái chuôi guom quán rể để vào gần mình mà ngồi. Từ lúc nàng ngồi xuống với con, những mê-man về việc giải khát che mưa để cứu-cấp cho con, trời tối mịt lại bao giờ không biết. Mong chồng thì không thấy về, cái tiếng ồn-ào trong núi đá cũng im, nàng chắc là chồng bị nguy-cơ làm sao rồi. Xuống

tìm chồng thì không nỡ bỏ con, mà ngồi với con thì lo sợ cho chồng, nằng tâm-thần rối loạn, chấy ruột đau lòng. Nàng phải sè-sè ngã lưng xuống, xê hai con nằm vào lòng, kéo cỏ trùm lên cho kín. Mãi chùng quá nửa đêm mới tạnh mưa, hai con nằm yên. Thỉnh thoảng thấy động cỏ xột-xạt. Nàng Ba nghĩ chồng về, góc cổ lên trông, thì trời lại chớp nhoáng một cái trông rõ cả những bụi cỏ trước mặt mà chả thấy người đâu. Lại nằm xuống lẩm-nhẩm một mình rằng:

- Đã đến thế này, đã cam chịu chết với nhau, mà trời không cho được hoàn-nguyên, không cho chết với nhau một chỗ, không cho già nhau một đôi lời mà chết lại bắt ly-biệt nhau mỗi người một nơi mà chết, thời cái lòng mẹ con tôi quyết chí con theo cha vợ theo chồng kia, thành ra oan-uổng cả mà không khỏi chết. Cái tiếng râm-ran trong núi đá lúc bấy giờ, chắc không phải là tiếng của bọn đông người. Vì từ đây đến đây cũng không xa gì, nếu có dân-cư thì hôm nay đi ngoài bờ bể đã thấy dấu vết người mà đêm nằm đây cũng nghe thấy tiếng gà kêu chó cắn mới phải chứ. Ở trong hoa-hạ¹ là chỗ đông dân, còn có những rừng thiêng nước độc, ma-quái hại người. Nữa là cái nơi giữa bể xa-cách đời người như chỗ này. Tôi chắc những sơn-tinh hải-quỷ nó kéo nhau ra mà bắt chồng tôi đi rồi! Tôi cũng dại, biết nông nổi này thì tôi không để cho chồng tôi đi một mình, mà cùng đi với nhau. Có gặp cái nguy-cơ này cũng được cùng nhau sống thác. Bây giờ chồng tôi chết trước mẹ con tôi, thì ở giữa cái cù-lao trên trời dưới nước, cách hẳn cõi thế-gian này, mẹ con tôi biết nương-tựa vào đâu mà sống được! Ba hồn bảy vía Mai-Yến chàng ôi! bây giờ chàng ở đâu? chàng còn sống hay là chàng chết vào tay bọn yêu-quái kia rồi? Khốn nạn thay, cái gia-cảnh nhà tôi! vợ chồng nhà tôi, một lòng thờ kính Thượng-đế thần-minh, không dám dối lòng tơ tóc, mà sao Thượng-đế thần-minh đầy-đọa đến thế này? một lòng thờ vua yêu dân không hề quản sức kể công, mà sao cả vua lẫn nước ruồng bỏ đến thế này? Người ta nói: lạc-loài, là không được ở với cha mẹ họ hàng phải lưu-lạc đi xứ khác đã lấy làm khổ. Mà một nhà tôi đến biệt hẳn loài người ra ngoài vòng trời đất thế này, thì khổ đến thế nào? Đến bây giờ lại không được tử-sinh có nhau nữa! Sao những kẻ dối trời dối đất, hại vật hại dân, thì trời

1. Chỗ giữa đất đô-hội có giáo-hóa văn-vật.

không bắt chúng phải chịu những cái khổ-cực này; để chúng biết oai trời là thiêng, biết cái nghĩa bạn-bầu giúp-đỡ lẫn nhau của nhân-dân là trọng. Nếu chồng tôi có đây mà tôi hỏi thế, thì chắc chồng tôi nói rằng: "trời không lầm, dãi-dầu nạn trước, đền bù duyên sau", tôi cũng xin vâng thế. Nhưng tôi đàn-bà, cạn lòng nông dạ, thấy chồng vợ cha con một nhà tôi cùng nhau phải chịu những cảnh thảm-khốc gớm ghê, nhân-gian chưa từng chịu nổi. Mà tự xét mình không làm gì nên tội, thì tôi không khỏi oán-hận mà tố-cáo Thượng-đế thần-minh.

Nói đến đây thì mệt lắm, nghỉ một tí rồi lại khấn:

– Xin Thượng-đế thần-minh cho mẹ con tôi được qua cái đêm hôm nay. Sáng mai tôi quyết đem hai con tôi xông vào trong dãy núi đá kia, mà tìm chồng tôi cho biết còn mất thế nào. Cho được cùng loài yêu-quái chiến đấu một trận, để báo thù cho chồng tôi, rồi mẹ con tôi sẽ cùng cam lòng mà chết. Chứ trong khi tôi đang chịu cái hành-phạt rất thảm thiết của Thượng-đế, của thần minh này, cái oan-tình dường như mang nặng trong mình mà giam buộc lấy cái oan-hồn không cho thoát khỏi ra được. Phần nào chồng con sống thác ở đây, phần nào từ-thân phiền-tử ở nhà. Bể trời mù-mịt, Phong-châu thành ấy chốn nào, lão-thân tôi mình già sức yếu, đêm nay bây giờ có yên giấc ngủ hay không. Hay là mấy bữa nay, thương xót đứa con hiếm hoi bồi-liều một canh, cửa nhà trôi-giạt, mà để năm canh nguyệt, cuộc ba tháng hè, hồn lìa chiêm bao, mái theo giọt lệ, thì cái cảnh đau lòng ấy, biết lấy ai mà khuyên giải. Một thân tôi hiếu đã không toàn, tình lại không vẹn, rồi đến đôi giọt máu đào bù-trì cũng không xong, thì cái oan-hồn này cũng đến ngắc-ngỏi mà không chết được. Dù có chết mang oan-khổ kia đến chín tuổi, bao giờ cho nguôi!

Nàng Ba đang kêu khấn, lại thấy động cỏ, lại ngóc đầu lên trông, thì trời đã sáng. Nàng ngồi lên, hai đứa con cũng nhồm dậy. Xống-áo ba mẹ con chỗ thì lấm, chỗ thì ướt, cỏ rác bễ bộn cả ở trên đầu trên cổ. Nàng vội vàng gạt những cỏ rác ra, thì thấy cỏ rây nhê-nhết cả những máu. Trông vào tay trái thấy toạc ra một miếng to, nước mưa thấm vào đã nhọt ra mà không thấy chảy máu nữa. Mới biết là đêm qua cắt cỏ, bị lưỡi guom cắt vào bao giờ không biết, chỉ thấy xon-xót mà thôi.

Mai-Lâm hỏi:

– Thấy đâu, hở u?

Nàng Ba nói:

– Thấy con đi lấy nước.

Nói chưa dứt lời, thì nước mắt ràn-rụa thốn-thức lên, hai con cũng hòa lên mà khóc. Nàng sợ mẹ con đang mệt mà lại thương-tâm quá, không đủ sức gượng lại với cái mệnh cùng số tận trong một đôi thời-khắc để tìm đến chỗ chồng bị hại. Bèn gạt nước mắt đi, lấy vạt áo lau mặt cho hai con mà rằng:

– Chúng con nín đi, thầy đã mang bánh với nước lên cho chúng con đây kia.

Nàng tưởng nói dỗ con cho nó nín đi, ai ngờ trông xuống chân đồi về mé tây, thấy rõ-ràng một người đàn ông cao lớn. Đầu búi tóc trần, mình cổ trần, đóng khố trùng-trục, trắng nhẽ trắng nhại, ra dáng dữ tợn. Tay xách cái vật gì đen đen, có nhiều chân đang rầy-rụa ngó ngoáy. Người ấy chạy đến thoảng một cái khuất vào cái dốc đồi, không kịp trông thấy mặt. Nàng Ba sồn người lên ôm chặt hai con vào lòng, vợ lấy thanh guom cầm giờ lên để thủ thế. Vì nàng chắc là loài yêu trong núi đã bắt chồng rồi, bây giờ nó nghe tiếng mẹ con khóc thì nó lại đến mà bắt nốt.

VII. TÌM CHÓN Ở

Nàng Ba đang hằm hằm nín hơi nín nghĩ, lấy sức để chờ con yêu-quái dưới dốc lên mà chiến-đấu, thì người đàn ông cổ trần ấy chạy lên đến nơi, vừa thở vừa nói:

– U con làm gì đấy, tôi đã lên đây.

Nàng Ba mắt long lên sòng-sọc, mặt đỏ bằng đỏ bạnh, vung guom chực chém.

An-Tiêm vội lùi lại mà rằng:

– Tôi đây mà. Mai-Yến đi lấy nước từ chiều hôm qua, mới về đây mà.

Nàng Ba nhìn vào mặt, nhận đích thực chồng, nộ-khí mới từ từ hạ xuống. Bỏ thanh gươm ra đồng cỏ, hỏn-hẻn nói:

– Khốn nạn! làm sao thế? sao phu-quân bây giờ mới về được, quần áo đâu cả?

Hai đứa con nghe thấy tiếng bố cũng ngồi nhòm dậy mừng hớn hở. Nàng Ba trông thấy chồng vừa mừng vừa thương, thỏn-thức nói không ra lời nữa. An-Tiêm bèn bước vào ngồi bên chỗ vợ con, bỏ cái xâu mấy con cua bể với cái áo ướt xuống đồng cỏ, bế lấy Quế-nương mà hôn, rồi kéo Mai-Lâm ngồi lên một bên đầu gối, cầm lấy tay Nàng Ba mà rằng: – Ba mẹ con phải một mẹ vừa lo sợ vừa rét mướt khổ-sở từ tối hôm qua đến nay. Tôi thương lắm mà không thể lên được.

Nàng Ba nói:

– Gặp giống yêu-quái gì thế? Cái lúc có nhiều tiếng hú râm-ran ở trong núi đá, rồi lại những tiếng quát tháo rầm-rĩ lên, tôi hú gọi thì không thấy trả lời nữa. Lúc đó tôi tưởng là loài sơn-tinh hải-quái nó kéo nhau ra mà bắt mất phu-quân đi rồi. Tôi toan mang gươm chạy xuống thì hai con nó túm lấy, trời ập mưa đến, tối mù-mịt lại, không thể xuống được... Rồi nàng đem những nỗi húng nước cứu khát, cắt cỏ che mưa cho con, cùng những sự nàng lo quanh lo quần thâu đêm suốt sáng nói cho chồng nghe.

An-Tiêm tủm-tủm mà rằng:

– Trong thiên-hạ thường có những cảnh vốn là tự-nhiên, người chưa trải thì ngờ là quỷ-quái đáng kinh sợ; chứ Thượng-đế dựng nên vũ-trụ cũng chỉ theo cái luật phép tự nhiên mà thôi, có cái gì quái-gở đâu. Số là lúc tôi ở đây đi xuống khỏi chân đồi, rồi đi theo dãy núi đá về mé tây-bắc, vào cả các khe núi đá cũng không tìm thấy nước. Nghĩ trở lại mà chịu khát với nhau thì cũng nguy, tôi mới lên một ngọn núi thâm-thấp trông sang ngọn núi bên kia thì thấy nhấp-nhoáng có bóng nước. Tôi vội xuống để đi sang đến nơi mà trèo lên xem sao. Đi được một quãng, hú lên một tiếng, thì núi đá ở đó có nhiều những hốc sâu hang rỗng, tiếng người vọng vào, hưởng-ứng lên thành nhiều tiếng vang-lùng như thế, chứ có ai đâu. Bấy giờ có ba bốn con gười to lắm, mỗi con bằng một cái quạt lúa, mình cánh vện ngũ-sắc, ở trong núi bên bay ra. Tôi trông vào thì thấy có một

cái hang cửa kê với mặt đất. Tôi mừng lắm, chắc có hang ấy là mình có nhà ở rồi. Mới bước vào cửa động dòm xem, thì giới ở trong hang thấy người, vỡ tổ bay ra, không biết bao nhiêu mà kể, hoảng-hốt và đập cả vào đá vào hốc, thành tiếng huyên-náo như bọn đông người la lối quát-tháo vậy. Tôi chờ bọn giới bay ra hết, mới bước vào, thấy động rộng lắm. Loài giới ở tận trong cùng hang đã lâu năm, phân giới xuống từng đồng lớn, hôi-hám khó chịu lắm. Nhưng nếu chưa tìm được đâu, cũng phải ở tạm ngoài cửa. Tôi trông mắt trước mắt sau, lại vội vàng chạy ra đi tìm nước. Bấy giờ sợ hú thì nó lại vọng vang-lùng lên, u con ngoài này thêm sợ, nên không dám hú nữa. Lóp-ngóp men lên chỗ có nước mà ở núi bên kia đã trông thấy. Nước ở đấy là nước đọng lại một cái vũng trên mỏm núi đá bằng miệng cái giếng thôi, sâu độ một thước mà trong vắt không có một tí rêu bụi gì. Tôi uống ném một tí thì ngọt lắm, tuy mình cửu khát phùng cam mà thương vợ con, nên không nỡ uống thích lấy một mình trước. Bấy giờ lại khốn không biết lấy gì mà xách nước về, thế mà cũng sông-sộc đi tìm nước về cho người khát ở một nơi xa, thì có xuẩn không! Trông quanh trông quẩn, giá có bụi tre hay bụi nứa nào thì chặt lấy cái ống tre hay ống nứa mà múc nước mang xuống. Nhưng mà những thứ cây ấy ở đảo cũng tuyệt không. Vô-khả nại-hà, tôi đã nghĩ trở lại đào mằm lau mằm bông mà nhai lấy nước cho đỡ khát, rồi mai sẽ hay, nhưng thấy nước trong cũng lại tiếc. Trời thì tối, con-có quẩn lấy người, tôi bèn xé vạt áo mà thấm lấy nước, vội-vã mang xuống bị sườn núi rêu trơn, trượt chân một cái, lăn người xuống một cái bãi về bên kia núi. Nước bãi độ đến đầu gối mà dưới thì bùn lầy. Càng nhúc-nhích thì lại càng sụt xuống, không tài nào nhấc chân lên được. Kể từ chỗ đứng vào đến bờ, trời tối trông lơ-mơ chỉ độ năm thước. Nhưng thấy bùn càng sâu, sợ mình mà cựa-cậy thì người xuống đến ngập đầu. Tôi phải đứng yên để nghỉ một lát, rồi cởi mũ áo ra, ném vào bờ cho nhẹ người đi và đỡ vương nữa. Mỗi bận ném động đến người lại thấy sụt xuống một tí. Khi ném hết cái mũ và mấy cái áo thì nước đến ngực, bùn đến thắt lưng rồi. Tôi mới cố sức vượt mạnh một cái, người nằm soài lên trên mặt nước, chân còn vương bùn; tôi đạp theo cái nứa, thì đầu vào đến bờ, vịn cổ men lên. Lúc ấy đã đến quá nửa đêm rồi, trời vẫn mưa. Cái núi đá mà mình ở đó lăn xuống thì cao, mặt ấy nhiều đá vách khó

trào, quên cả phương-hướng không biết đâu mà lần lên nữa. Tuy vậy mà nghĩ vẫn thương u con trên này. Nhưng chắc trời mưa thì không khát nữa, mà đảo này quang-đăng ở giữa bể thì cũng lành, nên không lo lắng, bèn chút quần lấy giầy lung đóng khố, đành ngồi chờ đến sáng rõ, mới ôm cả mũ áo trèo lên núi mà bò sang mé bên này. Lại để cả áo mũ lấm ở chân núi, cầm một cái vạt áo mỏng thấm nước tối hôm qua, thấm thêm nước đọng ở chân núi mà trông cái đỉnh đồi này đi ra. Đi qua cái eo bể, thấy động ở góc bụi sù bên bờ, dòm xuống thì thấy có mấy con cua bể, cúi xuống bắt thì thành ra ba con cua rē sắp lột, tôi mới lấy cở buộc đem lên để nướng cho con ăn đây.

Nàng Ba nghe chồng nói vừa mừng vừa tạ ơn Thượng-đế mà rằng:

– Thế thời lòng trời còn tựa, phúc nhà còn may, tuy không phải quí-quái, mà cái bãi lầy ấy cũng đủ chết. Tối hôm qua tôi không chắc gì còn có bây giờ nữa.

– Một sự xảy ra như thế, thường-tình ai mà không lo sợ hết hồn hết vía. Chỉ có tôi thì tôi tin ở Thượng-đế mà cho là cái lý-thế tất-nhiên của kẻ bở-ngờ chưa thuộc thung-thổ, chưa có chỗ ẩn núp thì phải chịu những cái long-đong nhỡ-nhàng như thế là phải. Chứ có phải là Thượng-đế có ý hà-ngược gì mình đâu.

Chàng đang nói thì trông thấy máu rây khắp cả ở cổ, vội hỏi:

– Máu gì thế này?

Nàng Ba giờ bàn tay trái lên cho chồng xem mà rằng:

– Đêm, lúc tôi cắt cỏ để phủ cho con, xát vào guom, mãi vừa mới rồi mới biết.

An-Tiêm vội nhấc hai con ngồi xuống cỏ, hai tay nâng lấy bàn tay vợ lên mà xem chỗ dấu đau; chàng nhìn cái bàn tay của vợ, cổ tay thì vừa trắng vừa tròn, lòng bàn tay thì mềm nhũn và đỏ như son, năm ngón tay vuôn-vuốt tròn-trặn như năm cái mầm gừng¹ mà lá cỏ mới xát vào sây-sở, các đầu ngón tay thì nước mưa thấm vào,

1. Sách tướng nói: Bàn bà mà ngón tay như mầm gừng thì là người khéo tề-gia.

vừa nhọt, vừa giãn-giúm, đất cát nhét cả vào móng. Ba cái nhẫn, một cái bằng mã-não hình bát-giác, một cái bằng ngọc bít vàng, một cái bằng vàng khảm hạt chai, vẫn đeo hằng ngày ở trước mặt lang-quân ngắm-nghía cho cái tay ngọc-ngà thêm xinh đẹp, thì tụt mất hai cái rồi. Mà cái dấu ác-hại kia phạm ngay vào chỗ bắp thịt dưới ngón tay cái, loáng đến xương, động vào thì nó lại dom-dóm chực chảy máu. Chàng nhìn vào cái dấu đau trùng trùng nhằn mặt lại lắc đầu hai ba lần. Rồi lại ngẩng đầu trông vào mặt vợ, tỏ ý từ khi hoạn-nạn đến nay chưa có cái gì đáng thương-tâm bằng trông thấy cái dấu đau ấy. Chàng nói:

– Dấu này đau lắm, dịt thuốc khỏi rồi thành sẹo to. Nhưng cái sẹo này lại chẳng phải là một cái dấu vết trên bàn tay "tê-gia cự-phách" này, mà ghi nhớ lấy cái đêm qua là đêm thứ hai đến đảo này, có bao nhiêu cái cảnh tình truân-chiên, ái-ân thống-thiết, đáng ca đáng khấp trong cái công-nghiệp đề-tạo của vợ chồng con cái nhà ta ở nơi hoang-vu thiên-cổ này dư!

– Ở đây còn làm gì có thuốc?

– Hôm qua đi ở chân đồi, tôi có ý trông thấy một thứ lá dấu. Vì tôi vốn là nhà quân có biết mấy thứ lá thuốc dấu, để tôi xuống tìm, và tìm ít củi khô một thể.

Chàng bèn chạy bổ xuống. Một lát, ôm được một ít lá lau với cái cành khô đem lên, mồm thì đang nhai lá dấu lúng-búng. Bỏ củi ra, xé áo lấy rễ, rồi nhả lá dấu ra buộc vào chỗ dấu đau cho vợ cẩn-thận xong, đánh lửa đốt, cỏ cháy lên, cả nhà ngồi quây vào sưởi.

An-Tiêm hỏi:

– Bánh còn hay hết để tôi ra bến Sứ lấy vào?

– Con nó ăn có vài miếng, còn thì lấp cả vào cỏ rác.

Chàng bèn bới cỏ nhặt lấy những miếng bánh lấm-láp chùi đi bỏ vào than đỏ thui-lụi với ba con cua. Một chốc nhặt bánh với cua ra, vợ chồng con-cái xụt-xùi ăn với nhau.

An-Tiêm nói:

– Cua bể rẽ này là một thứ hải-vị rất quý, trong vương-triều đã liệt vào chức-cống. Nếu cái mệnh tiên-thân của ta chỉ đến thế là cùng, thì cái vật phú-quí này ta cầu nó đâu mà sao nó tự đến. Thế

là cái số-phận của ta, nhân một thức ăn này, có thể tin cậy ở Thượng-đế thần-minh về sau này được. Còn như cái cảnh quạnh-hiu, cái nỗi lao-lụy, về buổi ban đầu này cũng là sự thường, là tạm-thời, là cái con đường tất kinh-quá, chứ có lạ gì. Ta cứ vui lòng vững chí mà nâng lấy công việc. Ví như kẻ trèo đèo, đèo càng cao thì trèo càng lâu càng khó; mà việc làm càng to thì công càng chậm. Nhưng khi trèo đã đến đỉnh, làm đã nên công, thì cái lòng sở-nguyện lại càng được đền-bù cho phui.

Ăn xong, An-Tiêm cầm cái áo ướt vắt nước vào cái mai cua cho vợ con uống rồi mình uống. Chàng nói:

– Ta đi từ qua đến nay, trông mặt đảo, chỗ nào cũng thấy sóng nước, thì đảo này cũng không to gì. Cái đại-thế cũng đã lược-khảo được rồi, việc lên đỉnh đồi ta hoãn lại ngày khác. Bây giờ trời hắng, tôi đưa u con vào cửa động, để tôi ra bến Sứ mang bánh dân vào.

Nói xong, vợ chồng bỗng con bế cái đi xuống. Đến cửa động, cho vợ con nghỉ-ngoi. Rồi suốt mấy ngày, chồng thì đi giặt-rửa phơi-phóng, khuân dọn lương-thực; lúc đi kiếm củi để dành, khi đi cắt cỏ để giải ố. Vợ đau tay thì ở nhà tháo những bao vải đựng bánh ra làm chần chiếu, và ngồi chơi với con. Hai người cùng mài-miết để thu xếp chỗ ăn chỗ ở cho yên sở, là cái việc cần trước nhất trong cái cửa nhà co-nghiệp mới của mình. Vừa yên yên, một buổi sáng, An-Tiêm ở ngoài núi về, nói với Nàng Ba rằng:

– Tôi mới tìm được một cái động ở quả núi đá về phía tây núi này. Động hẹp, ra vào phải cúi. Về mùa nực thì không mát mẻ như cái động này, vì động này hướng đông-nam, mà động ấy hướng tây bắc. Nhưng tôi thích vì có hướng ấy mà khi ta ăn ở lúc ta ra vào, xem mây buổi sáng, trông sao tối trời, để mà tưởng tượng đến cái quê-hương nước Tổ-Việt ta. Ôi! Con chim trĩ khi đến ở U-yên nó cứ làm tổ ở cái cành mé nam. Vật còn biết nhớ cái phong-khí của quê-hương đất nước, nữa là người. Ta phụng-mệnh đến đây, là đến để gây dựng lấy cơ-đồ tân-tạo cho nơi quốc-giới xa-xôi này; để truyền-bá cái giáo-hóa, cái trị-công của tôn-bang ra bốn bể. Cái cơ-đồ này chưa biết ngày nào, dù ngày một ngày hai, dù đời ta đời con cháu ta chẳng hạn. Mà khi đã cáo thành, thì ta hoặc con cháu ta có ngày lại được phản-hồi nơi trung-thổ, đem trung-hồn mà phối-hợp

với những tinh-linh khí-phách bất-tử của tổ-tông ở vùng sông Lô núi Tản, thì mới là bản-tâm. Chứ có phải bị phóng-trục đến đây thì oán trời giận người, liều sống liều chết, dù chẳng làm gì được ai, cũng đoạn-tuyệt ngay với cái mối ân-tình, dây thân ái, là những cái trên chẳng dưới rể với mình, mà không nghĩ đến nữa đâu. Bởi vậy tôi muốn đi sang bên ấy, nhưng sợ u con vất-vả, thì nàng nghĩ sao?

– Người đàn bà nước Việt, nặng tình bang-quốc, đã có tiếng với thiên-hạ; thiếp từ hôm vượt bể ra khơi đến nay, nhớ nhà nhớ nước, ruột đứt lòng đau, nhưng nể phu-quân phải giữ lấy lời đã hứa, không dám thở than. Nay phương trời tây-bắc là nơi cỗi-rễ của ta, nơi huyết-mạch đời truyền của ta, nào mẹ già, nào họ-hàng làng nước, nào ân-tình thân-ái, giàng buộc vắn-vít biết bao. Cái oan-vu kia nó có thể xua đuổi được một nhà ta ra ngoài bờ cõi, mà nó không thể xua đuổi cái oan-hồn của một nhà ta, không cho vắng lai lẫn-quất về nơi xứ-sở của ta được. Bây giờ cái hang mới lại quay hướng về phương tây bắc, khi thu-thả cùng nhau trông về cái vệt mây xanh-xanh thấp-thoáng bên kia làn sóng bạc, mà nói câu chuyện đất nước nhà, chả cũng nhắc lại đôi chút thiên chân biết sống làm người có những cái gì quan-hệ hay sao. Vất-vả chốc lát mà yên chí lâu dài, thiếp đâu dám quản.

An-Tiêm nghe vợ nói có ý hiên-ngang¹, mừng lắm, cùng nhau bông-bế khuân-dọn lếch-thếch sang bên động mới. Vừa dọn xong thì trời đổ mưa xuống sầm-sập, suốt ngày suốt đêm, hết trận này đến trận khác, ngày hôm sau cũng chưa tạnh. Ngó cổ ra ngoài cửa hang, thì mây trời nước bể, gió cuốn mưa sa, mù-mịt chả còn trông thấy gì. Nước ngọt mưa ngoài cửa bắn ướt đến giữa hang, khí lạnh ngắt như tháng trọng-đông, vợ chồng con cái không đi đâu được một bước, cứ nằm co với nhau trong ổ rác. Lúc rét quá phải đốt lửa sưởi, đến bữa thì nướng bánh ăn, lấy mai cua hứng nước giọt mưa mà uống. An-Tiêm ngồi nghĩ đến những cái công việc phải lo-liệu đến nơi, mà bị mưa dòn gió đập nó làm đình-đốn cả lại, có ý nóng ruột lắm, ngồi thờ ra một hồi, rồi giật mình lại nghĩ: "Cái giặc phiền muộn nó hay thừa những lúc người ta ngồi rồi, lén vào làm cho người ta hồi-tâm

1. Hiên-ngang: Cao-xanh, mạnh-bạo.

đoản-khí, nhất là người đàn bà yếu sức"; chàng đổi ngay nét mặt lại mà rằng:

– Từ hôm ở cửa Đại-nha, ra bến Sứ, tôi nghĩ được hai bài thơ, là vì ngồi rồi mà lại có cảm-xúc. Còn từ hôm vào núi đến nay, vợ chồng những bối-rối về việc đi tìm kiếm nơi ăn chốn ở và củi nước, còn lúc nào thư mà nghĩ đến thơ. Nay nhân ngồi buồn, ta lại giở ra cuộc làm thơ ca để tiêu-khiển mà chơi.

– Phàm thơ là được những khi cảnh trời quang-đăng, tình khách chứa-chan, thì mới có hứng mà có thơ. Chứ như tình-cảnh của một nhà mình bây giờ, đang là người ở đời, bỗng hóa ra kiếp cầm-thú thế này, mà lại là con cầm thú xảy đến lạc đất, thì còn thú gì mà làm thơ để ai nghe?

– Tôi vẫn biết cái kiên-nhẫn là cái khó. Thường-tình bạt-hạnh gặp cơ cùng quẩn, hay hờn duyên trách phận, khu-khu giữ chặt lấy cái lo phiền làm cái kết-cục cuộc đời mình. Đó là những người sống chỉ nương nhờ vào cái cuộc vắn-xoay của nhân-thế, mà tự mình không có sở-chí việc gì. Nhược-bằng mình có sở-chí mình cứ làm thế nào cho toại cái chí của mình; còn thành-bại, hanh-truân, khổ-lạc, quyền tự cao-xanh, mình có nghĩ gì. Hiền-thê không nhớ cái câu chuyện "ngôn-chí"¹ của đôi ta ở dưới bóng trăng đêm hôm rằm tháng tám năm ngoái, trong cái trại Lạc-diên sông Bờ hay sao? Như câu hiền-thê đã nói "cảnh nào cũng tự cái thú riêng của cảnh ấy", thế thì ở đây cũng tự có cái thú riêng ở đây chứ. Lại như câu thơ: "*Giữa vùng núi thẳm sông khơi, có dây có dấy trên trời có trăng*". Ở sông Bờ là nơi hoa-hạ, đất cũ người đông, mà người ta biết nhau, bất-quá chỉ có dây có dấy và trên trời có trăng mà thôi. Nay ở đây tuy cách xa nhân-thế, nhưng biết nhau cũng đã có dấy có dây, trên nữa thì có trời. Thế thì ở chỗ đông người phỏng có ích gì? Vậy ta cứ chí ta ta làm, thơ ta ta nghe, đâu mà không cảnh không tình thì đâu mà không thơ. Càn-khôn là một áng cảnh-tình, vũ-trụ là một quyển thơ đại-toàn; đáo-xứ tiện-thị có một bài. Ông tạo-hóa tiện-thị là ông chủ ra đầu bài. Người ta là khách đến làm thơ cả, ai không biết tả-mạc cái đầu bài ra là thiệt. Vả chẳng, người ta với muôn vật cùng là con

1. Ngôn-chí: Nói cái chí mình.

của tạo-hóa, duy người ta chịu được cái khí tinh-minh hơn, nên mới vận được cái trí khôn mà dựng lên công-nghiệp để giúp cho tạo-hóa những chỗ còn thiếu thốn, mà được Thượng-đế tin yêu; ta đã sẵn cái khôn-khéo ở cuộc đời cũ ấy, ta vâng mệnh đức Thượng-đế mà mở mang cái cuộc nhân-trị ra giữa chốn thiên-hoang này, tưởng cũng không khó gì cho lắm. Ấy ta sở-dĩ chỉ tin ở Thượng-đế, mà chắc rằng Thượng-đế cũng chỉ tin ở ta có thể mà thôi. Ta là con yêu của Thượng-đế tin dùng; hay là loài vật có không, còn mất, Thượng-đế chẳng sá nghĩ chi đến, cũng có thể mà thôi. Cảnh là cảnh trời, mà chí là chí ta, ta sao không thú, ta sao không thơ.

Nàng Ba nói đi đường khác mà rằng:

– Ở động bên kia hơi-hướng khó chịu, cả nhà ngựa-ngáy không ngủ được. Vài hôm nay, bên này sạch sẽ khô ráo, xem hai con nó cũng sỗ-sơ, tôi cũng ngủ được. Nhưng hễ chớp mắt đi là chiêm-bao lẫn-quẩn ở nơi quê nhà. Ôi! càng chiêm-bao lại càng thêm thương tiếc, nào mẹ mẹ con con, làng làng nước nước, khóc khóc cười cười, chứa-chan lai-láng, biết là đường nào; ai ngờ cái chiêm-bao kia nó khéo bất-tình, bằng con mắt dậy thấy mình tay không; lại tro ra chỉ có hai vợ chồng với hai mụn con thơ ở trong cái hang đá tối mò giữa bể giữa trời, sóng nước ồn ào, gió mưa lạnh-lẽo, dường như muốn cuốn cả mà đem đi!

– Tôi cũng thế, hễ nằm là mộng đó cũng là bởi thần-hồn tưởng nhớ quá mà kết nên. Nhưng cũng có một cái hay, cổ-nhân cho cuộc đời là đại-mộng; đem cái cảnh hiện-tiên mà so với vũ-trụ lâu dài thì lại là mộng. Thế là mộng tuy huyền nhưng đem mà so với không, chẳng lại là chân dư? Ta tuy chẳng được xum-vầy với chân-cảnh, mà ta được vui thú với mộng-cảnh, há chẳng đủ khuây-khỏa cái niềm riêng trong lúc mơ-màng hay sao? Một câu chuyện mộng ta vừa nói đây, cũng tình cũng cảnh, cũng đủ thi-tứ thi-hoài rồi đó, để tôi xin nghĩ trước một bài xem sao.

An-Tiêm ngồi nghĩ một lát rồi đọc lên rằng:

*Đêm đêm luống những mơ-màng,
Thấy non Tam-đảo thấy sông Tam-hà¹.*

1. Sông Thao, sông Lô và sông Đà là Tam-hà.

*Non xanh nước đỏ bao-la,
Nước non thì thấy thấy nhà ta đâu.
Tuyết vời trời thăm vực sâu,
Con hồ trăm tuổi quay đầu về non¹!*

– Non xanh nước đỏ, thật là sơn hà đất Việt, không còn gán vào cho nước nào được nữa. Càng thơ bao nhiêu càng thăm-thiết bấy nhiêu, thế sao lang-quân vong-khuốc ngay cả đi có hơn không?

– Một đàng là tri-chí, một đàng là thuật-hoài, có tri-chí mới làm nổi việc, mà có thuật-hoài mới gọi là thơ. Hai đàng phải giữ gìn lẫn nhau cho cái cảnh tro-vơ này có hứng-vị mà không đến tê-diệt.

Nàng Ba cũng đọc lên rằng:

*Quyết đem một mối thân-tình,
Hóa làm vôi trắng cau xanh trầu vàng².
Muôn năm địa cửu thiên tràng,
Càng nồng càng thăm mối thương càng dài.
Có thương là bởi có người,
Không ai biết tới ai thời có thương.*

– Người đàn bà nước ta, *miếng trầu là đầu câu chuyện*, nay miếng trầu lại là đầu cả câu thơ nữa. Từ khi lạc-loài đến nay, hiền-thê cũng thềm trầu lấm đấy nhỉ, nên cái tình tư-gia luyến-quốc cũng cùng nó mà phát-lộ ra. Ôi! miếng trầu càng nồng càng thăm ở miệng nhân-gian thì cái khối thân-tình của ba người anh em vợ chồng trong một nhà đã toàn-tiết với nhau kia, càng lâu người ta càng thương nhớ đến. Nhưng đến như ta bây giờ cũng quyết kết làm một

-
1. Ngạn-ngữ có câu: Cáo chết quay đầu về núi.
 2. Đời Hùng có một nhà ba người là hai vợ chồng với một em giai chồng, bỗng em giai giận anh chị bỏ đi đến một chỗ cách suối không sang được rồi ngồi khóc mà chết, hóa ra một cây (tức là cây cau). Anh thương em đi tìm đến đấy vật mình bên gốc cây mà chết, hóa làm hòn đá. Sau chị dâu nhớ chồng thương em đi tìm đến đấy biết chuyện cũng đập đầu vào hòn đá mà chết, hóa ra dây giầu leo lên hòn đá (tức là cây giầu-không). Đến đời vua Hùng-vương đệ thập đi tuần-du, đến đấy thấy lạ hỏi, thổ-nhân nói đầu đuôi. Ngài sai lấy quả cây với lá dây leo để vào đá giã nát ra thì thấy đỏ và thơm cay, bèn dùng làm phẩm-vật ăn chơi khi yến hội, tức là miếng giầu bây giờ.

khối thâm-tình như một nhà ai ở nơi tuyệt-trần tuyệt-thế này, thì nào ai còn biết đến mà ai còn thương đến nữa. Tình-tứ vô-hạn, thật là tận thành với đức Thượng-đế, ngài có nghe cũng phải động-tâm. Hiền-thê lúc thiếu-thời nhờ có tiên-tướng-công truyền-thụ cho những cái tâm-pháp trong thiên-thập¹, nên thơ vẫn có cái thanh-thoát tự-nhiên của nhà phong-nhân². Thế mà cứ không chịu làm, nếu mình không vật-nài cưỡng-ép, thì những lời vàng tiếng ngọc ấy còn bao giờ phát-siễn ra cho người làm ở đời, ta phải lấy lòng chân-thành mà làm việc để thờ ngài, ta quả chân-thành thì ngài tự biết, thánh với cuồng khác nhau chỉ trong chân với ngụy, thành với bại khác nhau, cũng chẳng ngoài thực với hư. Trước khi làm việc, ta đem cái chân-thành mà ngụy vào một vài câu thơ để ngê-u-ngao giải-trí, dù là *hung, quan, quần, oán*³, cũng đều có ý ca-tụng công-đức Thượng-đế, cùng than thở nỗi lòng của ngài. Đến khi làm việc ta đem cái chân-thành mà cử-thố ra các công việc mà ngài đã cho ta phải làm ở đời này, thì biết đâu sau này không trông vào đấy mà đủ nghiệm biết cái phúc-mệnh của tiền-thân ta sao.

An-Tiêm nói đến đấy, nghe sấm kêu xa xa ngoài cửa động, trông ra thì ngót mưa, trời hân-hỉ, chàng ngó cổ ra dòm, thấy về mé tây mây ám sát trời đen kịt như mực. Trong tầng mây đen, thỉnh-thoảng có cái chớp chằng ngòng-ngoeo như con kim-long xuất-một đến vụt một cái lại thôi, thì có mấy tiếng sấm như tiếng trống trận ran-rỉ theo sau. Ngoài tầng mây đen thì những đám mây trắng xóa ở từ ven bể mà pháp-phối kéo vào. An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

— Kia cái chỗ trời thâm mây trắng, chớp lờ sấm nổ kia, là nơi non nước Văn-lang ta đó, mồ cha mả ông ta đó. Vắng què phụ-mẫu, một ngày ba thu. Phương-chi là đã thắm-thoắt non một tháng trời nay, không còn được nghe-ngóng đến cái tin-tức ở trong ra thế nào, mà nay trông ngoài trời tây muôn dặm, gió thổi mây bay, đường

1. Kinh thi của Tàu chia làm từng thiên từng tập.

2. Phong-nhân: Người làm thơ phong-dao của các nước trong kinh Thi hay lắm.

3. Khổng-phu-tử nói kinh Thi có thể khiến cho người ta hưng khởi được, quan-cảm được, hợp-quần được, oán-mộ được.

như trong ấy có việc gì tất-tả mà chớp như nháy ta mà bảo, sấm như gọi ta để báo tin làm vậy. Mắt ta trông, tai ta nghe, ý ta tưởng-tượng, lòng ta tài nào không rộn-rã xôn-xao.

Nói rồi hai vợ chồng cùng bước ra khỏi cửa hang đứng ngắm, An-Tiên liền ngâm lên rằng:

*Âm-âm sấm động trời tây,
Nước non ngựa sắt áng mây khơi chùng.
Ngóng tin thấy sấm nên mừng,
Âm-âm sấm có đãi-dăng điều chi?*

Nàng Ba cũng đọc tiếp theo ngay rằng:

*Cửa hang sớm sớm chiều chiều,
Cùng nhau ngong-ngóng nhìn theo mây lồng.
Trời tây non nước nghìn trùng,
Nhờ mây đưa hộ tấm lòng về nơi.
Vội-vàng chi mấy mây ơi?
Khoan-khoan tôi nhắn một lời đã nao.*

Hai vợ chồng ngâm đi ngâm lại cả hai bài thơ của hai người vừa làm xong, và cùng trông về chỗ sấm chớp mây mưa ở trước mặt mà chỉ trỏ: chồng thì đoán chỗ kia là ngàn Rừng Ngang, vợ thì đoán chỗ nọ là dãy núi Ba-vì. Mai-Lâm thấy bố mẹ nói chuyện xì-xào ngoài cửa hang, đang ngồi với em, cũng bỏ chạy ra, thì cơn mưa lại ở đằng sau hang ô-ô rội xuống. Hai vợ chồng vội bế con vào trong hang, ngồi với nhau. Nàng Ba còn mang cái tình-tự ở ngoài cửa hang dằng-dặc như sợi tơ dài muôn nghìn đoạn, nghĩ cái cảnh hướng khe-khắc lạ đời của một nhà mình ở nơi lo-lúng giữa trời này, bất-miễn đến rón vào với nhau một chỗ mà chết, như cái lời chồng mình đã liệu từ lúc bước ra. Trông sau trông trước tuyệt nhiên không còn cái gì khả-dĩ sống được với nhau như ở trong đất cạn. Nhưng nào đã chết cho; đang khi còn ngoi ngóp với nhau này, hai vợ chồng ai là người nữ phụ-bạc liễu mình trước cho thoát vong-linh mà để hai mối thắm-tình lại cho ai gánh nặng! Thôi, bởi cơ-sự khiến nên, mà cũng trời kia bắt phải, lo sợ cũng không được, mà phiền-muộn lại càng thêm hại. Nếu hai vợ chồng bây giờ một người lo nghĩ quá, hao-tổn tâm lực, ốm đau nằm đó. Thì một người làm thế nào mà chu được cho nhau qua. Ví bằng ta không sớm nghĩ, cứ trông thấy

cái tai-nạn nguy-ngập như thế này, kinh hồn mất vía khóc sớm kêu khuya, than dài thở ngắn, làm rối lòng vàng đá kẻ trượng-phu, thì liệu có ích gì cho chỗ này. Ta tuy phận nữ-nhi, nhưng cũng tai cũng mất, há không có can-dảm để mà chống-chọi với cái hiểm-nghèo hay sao? Mà đã đến thế này, chẳng can chẳng đảm cũng chẳng được, từ nay ta quyết gượng sâu làm vui, đổi dặt làm bạo. Gắng sức cho khỏe, cho có tinh-thần, có sức lực mà giúp đỡ chồng con, cho một nhà ta còn sống được với nhau ở đây ngày giờ nào là sống một cách vui vẻ êm-ái như thường. Rồi đến khi Thượng-đế bảo cho hết kiếp, thì sẽ vâng mệnh ngài mà cùng nhau một giấc, chẳng còn oán hận chút chi. Ta quyết làm cho chồng ta khuây-khỏa, làm cho chồng con ta được trông cậy. Mà không để cho chồng ta phải bận lòng về ta, mỗi lúc mỗi câu lại phải tìm những lời uyển-chuyển mà an-ủi cho ta nữa. *Đã quyết thì hành, đã cấy thì gặt với anh qua mùa.* Nàng nghĩ như thế rồi nàng nói với chồng một cách tươi-tĩnh mà rằng:

– Thiếp còn một bài nữa.

– Đọc cho tôi nghe với nào.

Nàng Ba đọc:

*Hôm qua xem nước bể Đông,
Vợ chồng thuận tát nhưng không có gầu.
Hôm nay ta nhủ cùng nhau,
Hóa chim tha đá¹ bắc cầu ta sang.
Thiếu đâu xe cát Giã-tràng²,
Đường về quê thiếp quê chàng thôi hơn.*

An-Tiêm vỗ tay khen hay, rồi cười ran cả trong hang lên. Ví ở đây mà có hàng xóm láng-diềng như ở trong nội-địa, thì người ta cũng phải nghị-luận mà rằng: "Vợ chồng con cái nhà này từ khi dọn đến, trời mưa tầm tã, ý-giả hôm nay mới đặc tiệc ăn mừng nhà mới,

-
1. Chuyện cổ Trung-quốc con gái vua Hoàng-đế đi chơi bể chết đuối. Hóa làm chim tinh-vệ, cứ tha đá đến vát xuống để lấp bể.
 2. Con Giã-tràng hình như con cáy con, ở bãi bể nhiều lắm. Cứ cấp cát đút mồm rồi dùn ra thành từng viên tròn như viên thuốc tể một, thì sóng lại tràn vào đánh tan đi. Đó là cái việc của nó làm ăn. Nhà thi-nhân cổ bèn mượn cảnh mà tả ra câu thơ rằng: Giã-tràng xe cát bể đông, nhọc mình mà chả nên công cán gì.

mà vui-vẻ nô cười rầm-rĩ như thế" Nàng Ba thấy mình vừa đọc buông mồm, thì chồng cười âm lên, không biết ra làm sao, nàng then đỏ mặt lên, chả kém cái then ở dưới bóng trăng tối hôm rằm năm nào. Nàng hỏi:

– Thơ sao mà phu-quân cười lăm thế?

– Nghe thơ biết cái chí của hiền-thê đã định, chí định thì sự nghiệp ta thành. Bởi thế mà tôi mừng không kịp giữ ý nữa.

An-Tiêm lại bảo Nàng Ba đọc lại. Nàng đọc một cách chững chạc đắc ý, chứ không dụt-dè ngượng-ngượng như hôm đọc thơ ở thuyền. An-Tiêm nói:

– "*Thôi hơn*" là tiếng đi đường của người thổ-dân thượng-du. Ta đi đường hỏi thăm họ, còn xa chừng nào, họ cũng bảo "*còn thôi hơi*". Thôi hơn ở đây cũng ý ấy; không biết hơn một thôi, hay là còn hơn không biết mấy mươi vạn mớ một thôi nữa. Nhưng xa thì xa, ta cũng cứ đi – Rồi lại khanh-khách cười.

Mai-Lâm ngồi lên hai cái mắt hau-háu, thấy bố mẹ cười nói ngâm-nga với nhau, nó cũng tủm-tỉm cười.

VIII. BÀN VỀ KẾ SINH-NHAI

Bấy giờ ngoài cửa động cứ mưa sà-sã, trong thì u-ám lại, không biết là mấy ngày mấy đêm rồi, cứ đến bữa thấy đói thì vợ chồng lại đốt lửa nướng bánh ăn trước, những lúc rét quá còn đốt thêm lửa để sưởi; sau thấy mưa mãi, phải để dành củi không dám sưởi nữa, chỉ bữa nướng đủ bánh rồi thì tắt đi. Lâu lâu đốt hết củi rác ở ngoài, lại phải lấy cả ổ ra để nướng bánh, mà cái ổ cũng gần hết. Soi xem cái số bánh để góc hang thì ước chừng ăn hết đến non nửa. Nàng Ba nói:

– Khí-hậu ngoài này khác với trong ta, không thấy bao giờ mà mưa rội nước xuống đến thàng trời không tạnh. Không thò đi được đến đâu mà tìm kiếm cái sinh-kế ra thế nào. Củi rác hết còn tìm được, ít bánh nọ mà hết thì lấy gì để nuôi nhau được!

– Đức Hoàng-cầu đời xưa có nói rằng: "*Đời thanh-bình, cảnh-tượng hưu-minh, trời không mưa dầm gió táp, bể im không có sóng*".

Nay đòi quý-thế, gió mưa dữ-dội, trời bể cũng không yên. Trung-quốc thì các nước chu-hầu, cá lớn nuốt cá bé. Nước ta thì dân cùng nước háo, nội-chính hỏng ở trong, ngoại-hoạn nhiều ở ngoài, cái cơ vỡ-lở như chực tới nơi. Đó cũng là vì người không biết hối-quá để tạ lòng trời, mà xui ra làm vậy. Minh tuy bị lưu-phóng ra đây, là vua tuyệt mình, chứ mình có dám tuyệt vua đâu; nước quên mình, chứ mình có dám quên nước đâu. Lúc nào nghĩ đến cái ẩn-ưu của tôn-quốc, lại thở dài một tiếng kêu trời. Ấy là tôi nhân thấy mưa cũ gió tuần, trời sâu đất thăm mà động mỗi thương-tâm là thế. Còn cái kế sinh-nhai ở đây thì tôi cũng sớm liệu cả rồi, thế nào cũng đủ sống với nhau, để đợi Thượng-đế dặt cái cơ-duyên đến dần dần. Ở hải-tân nhiều những thủy-sản có gia-vị mà tư-bổ, mấy hôm ở hang đằng kia, trời nắng ráo, vớ được vài thức hải-vật đem về nướng ăn với nhau, là tìm thấy ở các bãi bể, các khe núi đá trên mặt nước mé đảo này; vì mạn nam đại sóng đại gió, những giống sản-vật không ở được, mà mạn bắc thì khuất núi khuất đồi nên nó ở nhiều. Ta sẽ tìm phương lập kế mà kiếm được. Cho nên sáng hôm mới lên bến Sứ, tôi đứng ngoài bãi cát mà trông vào, thấy một bức họa chon-von trên làn mây nước, mà cảnh-sắc thanh-quang khéo léo; tôi biết ngay là Thượng-đế vẫn tin mình, thiên-tử tuy giận mà còn thương. Bây giờ tôi chỉ còn lo tìm lấy một cái mạch nước ngọt nữa là đủ, mấy hôm nay uống nước mưa không kể, còn mấy hôm ở hang bên kia vẫn uống nước mưa cũ đọng ở vũng đá mà thôi. Cái thời-tiết ở đây chắc là bất thường, đã có trận mưa hàng tháng, tất có kỳ nắng hằng mùa; nước vũng cạn hết thì lấy đâu mà uống. Nhưng cũng không lo, vì cái lệ thường của tạo-hóa, hễ có núi đá là có mạch nước, thì ở đây rồi tìm cũng thấy. Nắng ráo lên, tôi đi tìm, chỉ nội vùng này là có nước ngọt. Hễ ta đã có thức ăn có nước uống, có sắt có lửa, là ta đủ tiêu-dao tự-tại được rồi. Ta đã tiêu-dao tự-tại được thì cái sự-nghiệp của ta đâu có xa gì, mà cái phúc tiền-thân của ta dễ cũng ở đâu chốn này.

— Người ta làm nên sự-nghiệp là nhờ ở kẻ giúp vào; kẻ giúp vào tức là họ hàng làng nước, mỗi người làm mỗi việc, người nào khéo dùng thì thành công cán riêng. Một ông tướng dũng-lược, nếu không có ba quân thì ai đánh thành cướp đất cho mà được huân-lao, một ông vua anh-chủ, nếu không có thần-dân, thì ai tả-phụ hữu-bật

cho mà nên vương-nghiệp. Không những thế, lại phải trăm nghìn đời di-truyền pháp-chế, mỗi đời một tí tích-lũy dần dần, đời sau mới nhờ mà lập nên công-nghiệp hoàn-toàn. Chứ tro-trọi ra chỉ có bốn người ăn hang ở lỗ, tuyệt-tích nhân-hoàn như nhà ta ở đây, chỉ lo sao cho sống được với nhau là họa, còn nhờ vào đâu mà nên công nọ việc kia. Cho nên *không có kẻ dã-nhân¹, ai nuôi người quân-tử, không có người quân-tử ai trị kẻ dã-nhân*, mình kiêu sao cho nổi hết cả mọi sự được. Thế thì có phải tiền-thân dẫu còn, để trời trao tay cho sao?

– Cái lệ ở lục-địa xưa nay thì vẫn thế, nhưng ở đây mà ta đã sống được, ta đã có chí làm, cái mệnh tiền-thân ta còn, thì cái lệ trong lục-địa kia tất có cơ-hội mà Thượng-đế ngài run-rủi cho đem lại, chứ ngài có làm gì được, mà ta có phải đợi ở trời mà không biết đến ai giúp nên cho đâu.

– Tuy nhiên, không có ngũ-cốc, thì cách ăn vấ² đồ ăn như thế, lấy gì làm bổ-dưỡng mà sống được. Cho nên thường thấy có người chỉ ăn cơm mà sống, chứ chưa có người nào độc ăn cá thịt mà thọ bao giờ.

– Ở đời cái gì cũng là quen. Trời sinh muôn vật, có giống ăn thịt, có giống ăn cỏ, có giống ăn cả cỏ cả thịt; người ta thuộc về giống sau cùng. Người ta về thời Hồng-hoang, vớ được cái gì ăn cái ấy, ăn sống nuốt tươi, cũng như các loài diệu thú trùng ngư. Đến đời Toại-nhân mới biết ăn chín, ăn chín đã quen, hễ thấy ăn sống thì chê là tanh, có khi ăn vào cũng thương tì-vị thì ăn bằng gì? Vả đã biết đâu mà chê mà sợ. Đến đời đức Viêm-đế Thần-nông là tị-tổ ta với Trung-quốc phân chia với nhau là đấy, ngài mới dạy dân lấy các giống thóc cấy ruộng mà ăn, người ta mới lấy cơm làm thức ăn chính từ đó. Việc nông-phố đã thành rồi người ta mới biết chọn lấy giống cây có quả ngon lành về trồng, bắt những con cầm-thú tính thuần về nuôi, để mà ăn dùng cho tiện. Xem thế thì biết những cách ăn dùng như ngày nay, có phải lúc so-thủy đã thế ngay đâu. Đến khi ăn dùng cách mới đã quen, thì không muốn phản-hồi cái thói

1. Dã-nhân: Người thường dân.

2. Ăn-vấ: tức là ăn bộ, ăn thuần một thứ đồ ăn phụ mà không có cơm là đồ chính.

xưa nữa. Song cái gì đã quen cũng thành ra ua, mà ua cũng có cái hay: nghiệm như giống chó nuôi trong nhà, vốn là một giống chó sói ăn thịt ở rừng, người ta thấy nó cắn đêm, bắt đem về nuôi, chỉ cho ăn cơm, ít cho ăn thịt. Ấy là chuyên ăn thứ nọ đến khi phải ăn thứ kia mà cũng quen; lại béo lớn khỏe mạnh hơn giống chó sói ở rừng. Gia-chi-dĩ ở gần người lâu, lại nhiễm được tính có nghĩa có trí-khôn để giúp chủ, khác hẳn với họ-hàng xưa là đường nào; ấy cổ-ngũ nói cái nghĩa "*cu di khí, dưỡng di thể*" là thể. Nay ta ăn uống bằng những thứ hải-vị cam-mĩ, cư-xử bằng một thứ địa-khí trong lành; chắc rồi thì quen, quen rồi thì ua, ua rồi cái khu-thể nó tự đổi ra một cách tốt đẹp khác. Lúc đó có ngũ-cốc ta lại không thiết nữa. Vả ta đã xa thể-tục, thì cái nét hư thói xấu của người đời không tiêm-nhiễm vào cho con cháu ta được. Ta giữ toàn vẹn những cái đức-tính của trời phú-bẩm, những điều di-luân đạo-nghĩa của thánh hiền, những công-đức sự-nghiệp của tổ-tôn trong nước đã triệu-bồi mà truyền lại cho con cháu ta. Thì cái dòng giống của ta ở đây, há lại chẳng phải là miêu-duệ chân-chính của Thượng-đế, mà ngài sẽ chọn làm khuôn làm phép cho thiên-hạ hay sao. Bây giờ là người ở đời Toại-nhân, mà cái lịch-duyet của ta là người ở đời cận-thế, cái cách phanh-nhằm¹ điều-nhiếp đời nay ta đã sành hơn lúc mới biết ăn chín nhiều. Nặng ráo lên ta kiếm củi hầm than, khi bắt được thức gì, nướng bằng than không bụi không khói; lại thường thay đổi cách ăn cho khỏi chán. Tuy-nhiên cái gì chưa quen cũng phải tập mới quen, bữa trước ta ăn vừa bánh vừa đồ ăn, rồi mỗi bữa bớt dần mãi bánh đi. Đến khi chỉ ăn độc một thứ hải-vị, thì tạng phủ đã quen đi rồi, mà con ta ta cũng phải tập cho chúng nó như thế.

– Thế nào mà chả phải chịu với nhau.

Hai vợ chồng trông ra cửa hang, trời mưa đã tạnh, mừng lắm bế cả hai con ra cửa hang chơi. An-Tiêm nói:

– Từ hôm dọn đến đây mưa mãi, không lúc nào ra được mà ngoạn-thưởng. Bây giờ tôi mới ngấm kỹ, thì chỗ này thực là một cái cảnh thần-tiên, hóa-công đã ra tay thần-trùu quỷ-tạc lập nên mà dành để đợi ta. Ngoài cửa hang một miếng đất rộng-rải phẳng phiu

1. Phanh-nhằm: Cách nấu nướng. Điều-nhiếp: Cách ướp trộn.

này cỏ đầy phủ kín như cái đệm để làm cái sân chơi-bò đi lại; trăng trong gió mát, thủ-dụng không lúc nào cùng. Quả núi có hang này, vừa cao vừa lớn hơn cả các núi kia, từ cửa hang trở lên, toàn là một thứ đá bích-lập¹ tần-vân, ngửa hẳn cổ mới trông thấy ngọn.

An-Tiêm đang nói thì nghe thấy tiếng chim riu-rít trên những bụi cây nhỏ ở các khe đá vách thành ngang sườn núi, chàng vừa trở vừa nói:

– Kìa những con hoàng-yến bạch-yến, con thì bay vào bụi, con thì ở trong khe bay vụt ra, vừa bay vừa kêu kìa kìa. Ở đây có đủ cả các thứ chim yến, tổ chim yến gọi là yến-sào, là một vị đồ ăn trong bát-trân, người ngư-nhân ở tần-hải chở thuyền ra khơi, trèo lên các núi đá mà tìm tổ yến, kiếm được lợi to. Nhưng đảo này ở xa quá, họ không ra đến bao giờ, nên chim yến sinh sản đông lắm, chỉ hiềm vì núi tuyết-thế kia, thì mình cũng khó mà lên được. Song ở đây đã có sẵn chim yến thì thế nào ắt cũng tìm được yến-sào mà thôi. Đó là về cái núi có hang ta ở, còn từ núi ra bãi bể mé tây-bắc, lại từ tây-bắc vòng về đông-nam, núi đá mọc trên bãi cát liền nhau, bóng thụ-quang phản-chiếu vào những vệt đá cẩm-thạch², đứng xa trông như cái thành bằng thái-hà³ lóng-lánh đủ các sắc. Các khe núi trên mặt bãi, cách nhau chỉ rầm ba thước một, trừ một cái bãi lầy tôi đã sa xuống bữa nọ mà đã đánh dấu để dễ nhớ, thì chỗ nào cũng đất tro, có thể lội ra được cả. Những khe núi đá chỗ nào cũng có những cây sú bụi mắm mọc rải-rắc, nên cá mú vào gốc cây khe đá mà tụ nhiều lắm. Về phía nam thì cái đồi đất kia để chắn gió bể, ngoài chân đồi một khu đất cao quảng-mạc, có thể võ ra làm nương làm trại; ngoài đất cao thì là bãi cát mông-mênh có thể làm bến buôn bán đồ chài. lại đứng cửa hang trên áng cỏ xanh này mà trông về trước mặt khi trời cao mây tạnh, một dãy núi non từ Hoài-hoan, Cửa-chân trở lên đến Đông-son, Đông-việt, thấp-thoảng lơ-mờ, tuy ngoài dặm nghìn mà như trong gang tấc. Ta ngự cái phủ tráng-lệ thiên-nhiên này, mà trị cái đảo hình-thẳng ấy, thực là xứng đáng lắm thay! Vậy ta đặt tên cho cái hang này gọi là hang

1. Bích lập: Thẳng như cái vách dựng.

2. Cẩm thạch: Đá có nhiều sắc đẹp như gấm.

3. Thái-hà: Đám mây đáng chiều hôm có nhiều vẻ đẹp như xà-cừ.

Hướng-Việt; ta dùng hai chữ to-tát rõ-ràng mà tỏ ý triều-củng như thế, là để biểu dương một cái cảnh tú-chung anh-dục của chốn quốc-giới xa-xôi này. Trước khi ta chưa đến đây thì đã có hang từ bao thuở bao thì rồi, mà bây giờ ta đến đây thì hang mới có tên. Hang vẫn hướng về nước Việt đó, nhưng hang có biết gì không? Hang đã từng nghĩ gì đến cái xứ-sở trước mặt xa xa cách trùng trùng mây nước kia, trời đã an-bài ra để thuộc cùng nhau làm một khu-vực đứng chênh-vênh trong đại-vũ, tranh lấy phần on-huệ của Thượng-đế chưa? hay là từ khi hang có người rồi thì hang mới có biết và có nghĩ? Ôi!

*Trước ta hang nhớ có ai,
Sau ta hang nhớ mấy người như ta;
Núi non trời đất bao già,
Còn hang còn hướng trăng tà còn soi.*

Ấy hôm nay tôi hãy đọc mấy câu "Vấn động" để tả cái dật-hung khi mới đến bốc-cư cái cảnh tuyết-phạm này, còn hôm nào thu-thả, ta sẽ có mấy câu đề lên cửa hang để khi ra vào mà ngâm-ngã cho khiên-muộn. Lại còn cái hang thung-thỉnh rộng rãi hôm nọ, thì để chơi mát, và tích-trữ lương thực củi rác, ta đặt tên là hang Gió hay là hang Kho, thế là ta mới kinh-doanh được ba chỗ là có tên. Cái phương-pháp khai-thác một nơi tân-địa hoang-thiên nào, bắt đầu phải đặt lấy tên cho từng chỗ từng sở có quan-hệ để mà ký-chú xung-hô cho tiện, rồi ra thố-trí đến đâu, ta lại đặt tên dần dần đến đấy. Cái hình thể đảo này, từ hôm ở bến Sứ vào đến nay, tôi đã đi vùng quanh hết một lượt rồi. Chỉ còn nắng ráo thì ta lại đưa nhau lên đỉnh-đôi mà tú-vọng để thu-quát lấy cái toàn-cực và trông xa muôn dặm cho rộng tầm con mắt.

– Cảnh-vật ở đây thật là một nơi thiên-nhiên kỳ-xảo, thần-tiên tất có lúc giáng-lâm. Ví ở vào gần nội-địa mà ai được dạo qua thì đã lấy làm phúc-duyen lắm đấy.

– Ở đây mà ta ra được, lại càng phúc-duyen lắm chứ sao. Nói rồi chàng trở lên mỏm đá gần chỗ đứng mà rằng:

– Núi đá không có cây to, là vì không có đất màu cho nó ăn. Chỗ kia có cái cây, ở đây như thế cũng đã to lắm rồi, để tôi lên chặt lấy.

Chàng liền cầm guom ra, treo lên mỏm đá chặt mấy nhất thì đứt. Kéo xuống phạt bỏ cành ngọn đi, còn một đoạn to độ chét tay, không-khỏe (xóc xách) xem ra đã lâu ngày. Đeo vỏ đi, thấy gỗ đỏ có nhiều vân mà thơm, không biết là gỗ gì, chàng đưa cho vợ xem mà rằng:

– Cái gỗ này đeo được cái chuỗi guom đẹp lắm.

Bấy giờ lại có mấy hột mưa, vợ chồng lại cho con vào hang. An-Tiêm ngồi cầm khúc gỗ vừa đeo vừa nói:

– Ta ở đây tuy là nơi u-tịch, là bước lưu-ly, nhưng dù thế nào mặc lòng, người ta ở đời, lúc nào chỗ nào cũng có thể chinh đốn được; người với vật, văn với dã, thịnh với suy, chỉ khác nhau có chinh-đốn với cấu-thả mà thôi. Cho nên trừ cái lúc cần-cấp phải tùy-tiện cho được việc thì không kể, còn thì dầu mình đối với một mình mình trong một đôi khoảnh-khắc, cũng không nên cấu-thả việc gì. Vậy nhất-thiết những đồ đạc khí-dụng cần cho việc dưỡng-sinh mà ở đây ta có thể làm được cái gì, và có thể làm được tử-tế, dù tiện-dụng hay dù vui mắt, ta cũng nên làm. Cái gì không có thể làm mà có thể dùng vật thiên-nhiên khác thay vào được, như cái mai cua cái vỏ ốc, dùng làm chén bát hồ liễn được cũng nên dùng. Sao cho trong một cái hang cũng được đủ những thức ăn dùng như trong nội-địa. Lại đến những lúc vợ chồng cha con ăn ở cũng không nên lấy cái cảnh tiêu-diệt này mà nhãng bỏ cả lễ-nghi. Vì những cái khôn cái khéo, những lễ-văn chế-độ ở đời mà lưu-hành được là khó lắm; phải tích-lũy, phải biến-thiên bao nhiêu lần mới thành, hiền-thê cũng đã biết mà nói đến đó, nó tức là cái vốn, cái nề-nếp đạo làm người mà tổ-tôn đã truyền để lại cho con cháu đó. Ta phải nên giữ lấy cái vốn ấy cái nề-nếp ấy mà lưu-truyền lại cho con cháu ta. Nhất là cái lúc dễ tiêu-diệt như ngày nay ở đây, lại càng phải lưu-truyền lại lắm. Cho con cháu ta sau này được nhờ có cái vốn cái nề-nếp để làm người, rồi sẽ nhân đó mà mở rộng ra lấy những cái nhu-yếu mới cho thích-dụng với cái cuộc đời của họ. Cho họ không đến nỗi cái gì cũng khó-khăn thiếu thốn, không biết lấy đâu làm mẫu mực mà phải kêu ca rằng tiền-thân không có kế-thâm lự-viễn gì cho con cháu sau.

An-Tiêm vừa nói chuyện vừa lấy mũi guom tấn-mấn tĩa-tách mất nửa ngày hôm ấy, đến trưa hôm sau thì thành một cái chuôi guom đầu hổ, đưa cho vợ xem. Nàng Ba ngắm đi ngắm lại thấy nó đủ hình đủ dáng cũng như cái chuôi guom khi ở nhà nàng thường trông thấy. Nàng nói:

– Phu-quân cũng có hoa tay¹ thật, cái gỗ này cầm lâu lên nước rồi đẹp lắm!

IX. TÌM ĐƯỢC THỨC ĂN

An-Tiêm cầm lấy thanh guom tháo cái giẻ quấn ở cái cay guom ra rồi ướm vào cái chuôi guom mới đeo mà nói:

– Lưỡi guom này tra vào cái chuôi này vừa-vặn, lại được thứ gỗ cũng quý, để hôm nào có than sẽ nung đỏ mà cắm vào.

Ta cứ ngắm một cái cơ-duyên nho-nhỏ của cái chuôi guom này, có phải ta đã định bụng tìm thì tự gặp ngay được cái gỗ quý này không, thì đủ chứng rằng trời không có quên người có chí. Ở đời chỉ sợ mình không có chí, chứ nếu mình đã có chí quyết làm thì dù nhỏ dù nhón, dù chóng dù chậm, không một việc gì mà lại không gặp không thành.

Trải xem thánh hiền hào kiệt từ xưa nhần nay, có ai đã quyết chí làm mà lại không thành, và có ai không quyết chí làm mà lại thành bao giờ. Duy việc sở dĩ thành nhỏ thành nhón, thành chóng thành chậm là đều bởi ở cái sở nhân của chí quyết, cái chí quyết lại bởi ở cái sở nhân của sức thiên phú, mà cái sức thiên phú cũng lại có sở nhân.

Ấy cái lẽ tiền định là thế đó, cái cơ cảm ứng của nó rất là mâu nhiệm; dù những việc xoay vần vũ trụ, hóa sinh muôn vật của hóa công, ngày hằng vô cùng mà cũng không ra ngoài cái cơ cảm ứng ấy.

Bởi vậy người ta có thể đem từng việc ra mà xét biết được cái nhân do tiền định. Song le việc thì trờ trờ ai cũng trông thấy mà

1. Hoa tay: cái tay có hoa, nghĩa bóng những người có thiên-tài về mỹ-thuật không tập mà làm được và khéo, xứ Đông hay nói.

nhân do của nó thì mờ nhỏ tiềm tàng ít kẻ hay, chỉ có người đạt nhân phải tĩnh tâm mà xét, quyết chí mà theo, khi việc kết cục rồi thì cái tiền định cũng vừa liễu kết.

An-Tiêm nói đến đây, lại gơ cái cay guom lên ngấm một lúc mà rằng:

– Cái cay không nên cầm chặt quá, còn muốn để làm cái dùi, khi dùng thì tháo ra cho dễ. Phàm làm việc gì cũng phải tùy nơi tùy lúc, sao cho tiện lợi mà quyền vẫn ở mình. Ở đây người hiểm của kiem, ta phải nghĩ cho một việc mà đôi ba tiện mới được.

An-Tiêm đang nói, trông ra thấy bóng nắng sáng lòa ngoài cửa hang, vội chạy ra trông trời, thì con-có mây-mưa mọi ngày kéo sạch đi đâu mất cả, vắng thái-dương lơ-lơ giữa trời, dương-khí chiếu ra khắp thế-giới, cỏ hoa muôn vật ấm áp sồn sò, bao nhiêu cái hàn khí tê-tái buồn-rầu đều tiêu-tan hết. An-Tiêm lại trở vào trong hang bảo vợ rằng:

– Hôm nay thật hết mưa rồi, trời đang hửng nắng, mà cái vết thương của hiền thê đã kín miệng sắp khỏi, vậy u con ở nhà phơi phóng quần áo lương thực, để tôi ra bãi xem có cách gì tìm kiếm được thổ sản ở đây không.

Nói rồi vào góc hang, cởi quần áo, đóng một cái khố đi ra. Nàng Ba thấy chồng vốn là một vị hổ-thần đường-đường của vương-triều, mà bây giờ phải lấm-than tiểu-tụy đến thế này, nàng sầm nét mặt xuống, ngánh đi đằng khác mà không nở trông.

An-Tiêm nói:

– Ý hiền-thê thương tôi vất-vả mà không nở trông có phải không? Thương là nệ mà nghĩ lại là sai. Người ta ở trong vũ-trụ, chẳng khác chi một giọt nước trong bể thương-hải, một mảy bụi trong cõi thái-hư, có thấm vào đâu. Thân còn chả thấm vào đâu, nữa là những cái để cung-phụng cho thân thì hèn-mạt còn có ra gì. Tuy-nhiên, cái thân thì nhỏ thế, những nhờ cái tâm nó quán-thông được cả thiên-địa, cảm-cách được thần-minh, thời lại là to. Trời sinh ra người mà người làm nên trời, là nhờ có thế; người ta sở-dĩ biết sống làm người là quý, cũng chỉ có thế. Thượng-đế sở-dĩ tin yêu người ta hơn các loài vật, cũng chỉ có thế. Mình làm việc chân chính, cao đầy khả-dĩ đối với trời đất, u-minh khả-dĩ đối với quỷ-thần, thì thế này là mình

hành cái chí của mình, sao lại vất-vả. Nếu mình làm việc tà-tích, không biết có trời-đất quỷ-thần là gì, cam-tâm đồng-loại với các con cầm-thú, thì càng ngọc vàng găm vóc quần vào mình bao nhiêu, dền cao gác rộng che cho thân bao nhiêu, càng thêm bôi nhem bôi nhọ cho cảnh huy-hoa sán-lạn tự-nhiên của vũ-trụ này bấy nhiêu, chứ có ích gì cho vũ-trụ.

Nói xong liền cầm gương đi.

Nàng Ba thì cho hai con ra cửa hang ngồi chơi, rồi nàng đem bánh và quần áo ra phơi, quét dọn than tro, ổ rác trong hang cho sạch. Xong lại đưa hai con ra bờ bãi gần đấy, mẹ con tắm giặt cho nhau. Khi trở về lại điếu Quế-nương lên lưng mà dắt Mai-Lâm đi theo, thơ-thẩn ra chỗ bờ bụi gần cửa hang, dứt lấy cỏ khô lá khô cùng bẻ lấy cành con phơi ra làm củi. Kiếm được kha khá mới ôm về cửa hang; thấy con đói, toan đi đốt lửa nướng bánh cho con ăn, nhưng lại sực nhớ ra có một thanh gương thì chồng đã mang ra bãi không lấy gì mà đánh cá được, phải cho con ăn bánh khô cho đỡ đói. Ba mẹ con ngồi chơi với nhau ở chỗ khuất bóng nắng ngoài cửa hang để đợi chồng về. Mai-Lâm ôm cổ mẹ, ghé vào tai, thổ-thẻ hỏi rằng:

– U oi, bao giờ về nhà ta?

Nàng Ba vỗ vào lưng con mà rằng:

– Vua bắt phải ở đây, bao giờ thấy u làm được giàu có, có cửa nhà ruộng-nương ở đây thì mới được về.

– Thế bà có ra chơi không?

– Không, ở đây xa lắm, bà không ra được.

Nàng Ba vốn ôm tấm lòng thương mẹ nhớ quê, nghe con hỏi đến, càng thêm: *Ruột tằm chín khúc rồi bời, ngâm câu trắc Dĩ¹ trông vùi dăm dăm*. Bấy giờ nàng ngồi tựa lưng vào hòn đá cửa hang, ôm Quế-nương lên lòng mà ruỗi thẳng chân ra một cách đau-đớn nặng-nề. Vì hôm ở mảnh lên còn đi bằng hai chiếc hài vải, mà nàng thêu lấy ở nhà. Đến tối hôm nằm ở trên đồi, lúng-túng với con, đánh rơi đầu

1. Trắc Dĩ: trèo lên núi Dĩ, là một bài thơ của người đi lính đi xa nhớ mẹ, nói trèo lên núi Dĩ mà trông ngóng mẹ. (Kinh Thi, Tần-phong)

không biết. Từ đấy đến nay, phải đi chân không, hai bàn chân từ thuở bé đến giờ chỉ quen ra hán vào hải. Nền lòng bàn chân thì dày và mỏng, đi lên đá lên sỏi hay mầm cỏ nó đâm vào buốt như dùi đâm, phải nhăn mặt lại, có lúc giỏ nước mắt ra mà không dám nói, sợ làm rầy-rà cho chồng thêm nghĩ; lắm lúc nàng nghĩ đến khi ở nhà, có dịp đi qua thôn-dã, gặp những người đàn bà con gái nhà quê, có khi lại là người nặng bụng nữa, vai gánh nặng, chân rần-rỏi, chạy son-son, lên đèo xuống giốc, đang lúc nắng chang-chang, mồ hôi tằm-tã, hay là khi họ đang gánh nặng mà rón-rén qua một cái cầu noi bằng cây tre trên cái ngòi ngoài đồng vắng, vừa đi cầu vừa dùng-dinh, qua cầu rồi lại lội lóp ngóp giữa quãng đường vỡ, vấy sắn khỏi đầu gối, vừa rét vừa mưa. Khi đó mình ngồi trên đầu voi hay là trên yên ngựa, thấy bọn má hồng chồn dân-gian phải lấm-than cơ-cực mà sụt-sùi thương hại cho chị em. Đến bây giờ mình lại phải qua cái bước lấm-than cơ-cực gấp mấy mươi người ta. Cái chân non-nót mềm yếu này, lại còn bị đau đón là đường nào. Hồi-tưởng đến cái tài-lực cha chị em bạn gái chồn quê mùa mà lại thêm. Bởi vì hổ sinh ra phận phụ-nữ ở nơi man-dã, nếu không xương đồng da sắt, chân cứng đá mềm, thì sao gánh nổi cái gánh giang-son cho chồng con, mà mong lập nên cái nền gia-đạo. Nếu bây giờ gặp chị em ở đây, thì chị em lại phải thương-hại mình. Thế thời đàn bà con gái on cha nhờ chồng mà được cái cảnh lên xe xuống ngựa mặc lòng, tự mình phải đôi khi làm việc nặng, đi đường vã, cho cứng-cáp chân tay để phòng khi cơ-nhờ mà đủ sức theo đuổi với cái truân-chiến. Chớ như mình đi chân không không quen, mà đau khổ sở thế này có thảm-thiết không! Ấy nàng vẫn nghĩ-ngợi một mình như thế. Bây giờ ruỗi hai chân ra thì hai bàn chân đã sút-sở nhiều chỗ, hai mu bàn chân còn tùm-hụp sưng mà hai cái gót bò câu vẫn đỏ chon-chót. Một tay ôm con bé, một tay vỗ-về con lớn, hai mắt thì trông trùng-trùng về mé tây-bắc; kể mọi ngày mà nàng trông như thế, tuy vẫn trông vẫn trông vơ, nhưng trên khoảng không còn được rằm bảy đám mây hoặc xanh đỏ đen trắng vàng, khi tụ khi bay, để mà mơ-tưởng đến chỗ khóm huyền nhà bắc, dặm tử cỗi phần cho khuây chút nhớ thương; đến như cái cảnh hôm nay, trời nắng gió im, trên không quang-đăng, tuyệt không còn ít vẩn mây nào qua lại, sắc trời với sắc bể xanh ngắt một màu lẫn với nhau không phân biệt đâu là

trên dưới nữa. Càng trông càng không biết lấy gì làm khiên-muộn, mạch sấu không khỏi chan-chứa tuôn sa. Nàng sức nhớ đến cái câu chồng dặn "hễ khi rồi-dài hay lúc tình-tự vô-liêu, nên giở ra cuộc làm thơ cho khuây-khỏa". Nàng tự nghĩ rằng nay đang khi nhớ mong cố-quốc, thương-xót từ-thân, một mình ngồi với hai con bé, phu-quân thì chưa về, ta nên nghĩ một đôi câu giải chút u-hoài, đến khi phu-quân về, ta đọc cho phu-quân ta nghe cho vui-vẻ tấm lòng dầu sương dãi nắng, chân lấm tay bùn, để đi tìm kiếm miếng ăn về nuôi vợ nuôi con. Mà chàng sở-dĩ từ hôm ngộ-biến đến nay, thường khuyên ta làm thơ là ý chàng muốn cho ta biết quên những cái lo phiền mà cùng nhau quyết-chiến với cái tai-nạn. Chàng thương ta, chiều ý ta, ta lại không biết báo-đáp lại thì sao cho phải đạo làm vợ, mà việc chàng không phải là việc ta sao? Một cái thuyền nan bị gió tấp ra bể khơi, lênh-đênh giào-giạt, người trong thuyền hết sức kè tát nước, người boi chèo, họa may mới mong vào bờ. Nếu người này đùn cho người nọ, thì bất-miễn cùng nhau mà chết. Nhưng lúc này đang lúc người buồn cảnh vắng, không có gì xúc-cảm, lấy đâu mà ngụ-tình. Nàng bèn trông quanh trông quẩn, tìm xem có cái gì mà cấu-tứ, bỗng trên núi sau hang nổi tiếng ào-ào, nàng ngẩng đầu trông lên thấy hai ba cái lá vàng con con bay ở núi ra qua đầu. Nàng trông theo thì những cái lá ấy bay phát-phối ra mãi ngoài bờ bể, nàng nói một mình rằng:

– À, trận gió đông-phong rung cây thổi lá, thơ của ta đây rồi. Hôm nọ vợ chồng ta đứng đây, đang khi nhớ nước thấy mây bay về nước, thì ta làm thơ nhắn mây đem tin; hôm nay mẹ con ta ở đây đang khi nhớ mẹ già, thấy gió thổi về quê nhà, thì ta làm thơ mượn gió đưa tờ. Gió đưa dù gió chẳng đưa, sự ấy đã đành rồi, nhưng có thơ mà chẳng có tờ thì là giả-tá thì còn có cảm-tình gì!

Nàng vừa lẩm-bẩm nói rồi bèn đặt Quế-nương xuống để ngồi với anh nó mà ra tìm lấy một cái lá để viết thư. Nhưng ở đây tiêu điều đến không có cái lá gì khá to, tìm mãi mới được cái lá độ bằng hai ngón tay, cầm vào, ngồi xuống đá với con, nàng lại nghĩ rằng "*máu chảy ruột mềm*", máu ta là của mẹ ta, nay ta viết tờ cho mẹ, chi bằng viết bằng máu.

Nàng bèn cầm chiếc lá quay mặt đi đằng khác, không cho con biết, nghiền răng cắn đầu ngón tay trở bên tả một cái giạt thịt ra,

máu chảy rờn-rờn xuống đất. Nàng nhặt lấy cái đầu cỏ chấm vào máu mà viết vào cái lá ấy hai chữ "Từ thọ". Viết xong mới lấy rỏ buộc đầu ngón tay lại, rồi cầm chiếc lá đi ra trước áng cỏ mà đứng khấn. Khấn dứt lời, vừa gặp con gió sau núi đưa ra, Nàng Ba tung chiếc lá lên, gió lốc cuốn lấy xoay tít cái lá như là chong-chóng, đưa lên cao rồi lại đưa xuống thấp, mà dập-dìu đưa ra mãi ngoài bờ bể xa xa, dường như trời cũng chiều lòng nhận lấy lá tờ mà đem đi vậy; hai đứa con cũng trông theo chiếc lá mà cười. Nàng Ba lại bước trở vào ngồi với con mà nghĩ ngợi, thì An-Tiêm ở mỏm đá đánh bên cạnh cũng bước ngay về, tay bỏ cái bọc gì xuống đám đất cỏ xoảng một cái mà rằng:

– U con xem cái lá bay hay lắm nhỉ, gió thổi vạt-vờ, lá bay tít-tấp, cũng là một cái cảnh lạ-quan, tôi đứng nấp mỏm đá xem ra u con đều vui lắm.

Nàng Ba nói:

– Mẹ con ngồi mong phu-quân, nhân động lòng nhớ đến gia-từ muốn vịnh vài lời mà không biết lấy gì làm thi-liệu, bèn bẻ chiếc lá viết hai chữ "từ thọ" nhờ gió đưa về, rồi ngồi đang chực ngâm một câu đây.

– Viết bằng gì?

– Viết bằng máu đầu ngón tay này.

Vừa nói vừa giơ ngón tay trở ra.

– Tay đứt ruột xót, thư dẫu chưa về, mà cái khổ-tâm đã thấu đến trên cao xanh. Thơ nghĩ xong chưa? đọc cho xem nào.

Nàng Ba đọc:

*Cắn tay bẻ lá viết lời,
Lá xanh máu đỏ viết rồi ngồi trông.
Lạy trời cho cả gió đông,
Tay cầm chiếc lá vừa tung vừa nhìn,
Gió bay chiếc lá ngả nghiêng,
Lạy trời trời thổi tới miền Phong-châu.*

An-Tiêm nghe thơ rồi gật đầu mà rằng:

– Diệu-cảnh diệu-thi, chân-tình chân-ngữ! tôi bây giờ cũng đang lòng thơ phoi-phới, như ngọn lửa mới bốc lên, không tài nào dập xuống được nữa, tôi cũng tục-vận một bài.

Nói xong, dứt một nắm cỏ đem cọ vào cái vầng đá phẳng-phiu trên cửa hang mà rằng:

– Hôm nọ tôi còn hẹn làm một bài đề cửa hang, tiện đây tôi đề, hiền-thê coi xem.

Chàng bèn cắn đầu ngón tay bên hữu lấy máu giở xuống đá, cầm cành cây tẩm xuống máu nói rằng:

– Thơ của ta là thơ bằng máu cả, nay lại viết bằng máu, thế mới đủ tả một khối thảm-tình.

Nói xong trên vách đã đỏ lœlœ một bài sáu câu thơ rồi. Nàng Ba trông thơ như sau này:

*Cắn tay lau đá viết lời,
Đá mềm máu thấm mặt trời soi cao.
Bể trời đôi ngả tiêu-hao,
Ra trông về nước mà vào trông tho.
Còn hang nét chữ còn tro,
Mà người viết máu bây giờ là đây.*

Lúc ấy trời nắng chang-chang. Nàng Ba đưa hai con vào ngồi nép một bên cửa hang cho rợp để trông ra. Thấy chàng xé xoàn-xoạt một cái vạt áo lụa già trắng của vợ mà nàng giặc phơi ở cái bụi gần đấy, cầm vào giải xuống đá mà nói lên rằng:

– Còn máu để làm gì?

Rồi lại viết. Nàng Ba tay ôm con, mắt nhìn xem chồng viết được chữ nào đọc lấy chữ ấy. Lúc ấy máu đã động mà đầu que kéo nhanh phăn-phất, nét chữ cứng như danh như sắt một cách đẹp tự-nhiên, viết được bốn câu rằng:

*Cắn tay xé áo viết lời,
Trăm năm lụa nát máu thời không khô.
Mặc dầu nắng dãi sương mù,
Gió doanh thổi sớm, trăng gò soi khuya.*

Viết xong An-Tiên trở vào mảnh lụa mà rằng:

– Một bài gửi về, một bài đề động, còn một bài này cất vào trong hang, để lưu về sau.

– Hai bài của phu-quân, tứ thâm hơn là của tiện-thiếp.

– Cũng nhờ có cái vần đầu tứ sẵn mà tôi nối thêm được hai bài nữa, thành ra ba bài cũng vần đầu mà khác ý, giống với thể thơ Trung-quốc, ta gọi là *"khiết chỉ tam chuơng"*, nghĩa là ba bài cắn ngón tay.

Nói rồi ngâm cả ba bài lại một lượt, lại nói:

– Những lúc cao-húng mà làm được những bài thể này, tôi lấy làm đắc-ý lắm; bao nhiêu cái u-trung biểu-lộ ra lời thơ hết cả, trong mình băng-khuâng nhẹ-nhôm, quên cả thân-thế, quên cả cảnh-huống, không còn cái gì vui thú bằng.

Hai vợ chồng mừng vui quên cả thì-giờ chạy qua, hai con ngồi mỗi, gục cả vào lòng mẹ mà ngủ. An-Tiêm bấy giờ mới trông lên, thấy mặt trời đã xế, mới ra giở cái đùm bỏ ngoài bãi cỏ cửa hang lúc mới về, thì là một cái rọ bẹp chàng mới chế bằng những cành xú mà đan thành ra, trong thuần một thứ những con sò, An-Tiêm nói:

– Cái vật này vừa ngon vừa bổ, ăn sống ăn nướng được cả. Bắt nó chỉ bót cát ra thì thấy, nhưng nó là một thứ dễ tìm, tôi muốn để dành khi nào hết thức ăn sẽ dùng đến, vì nghĩ rằng người ta mà không nên sự-nghiệp cửu-viễn được là bởi có tính hay lười, thấy cái gì dễ kiếm, thì chỉ dòm vào đấy mà thôi. Song trời sinh có hạn mà nhật-dụng vô-cùng, khi cái dễ tìm đã hết, thì không có cái cách gì tìm lấy cái khác để thế vào. Cho nên không biết lo xa tất có ngày họa đến. Nay chùng cuối xuân sang hè, mà tôm he còn nổi lờ-lờ trên mặt nước, thì ta chế lấy những cái vỏ nho-nhỏ mà cất, và làm mấy cái vọt mà chao, thì tất được tôm he để ăn. Có mấy cái bao đựng bánh bằng vải thưa, ta đem ra làm vỏ và làm vọt.

Nàng Ba nói:

– Có mấy cái bao ấy để làm chăn làm chiếu. Sau này quần áo rách, để quần vào người với nhau.

– Thế lấy gì mà làm vỏ làm vọt được?

– Ta lấy những cây bông cây cói, phơi héo đi, tước nhỏ ra mà tết làm vỏ cũng được chứ gì.

– Thế được đấy, hiền-thê nói có lẽ phải lắm, làm thế không những bây giờ ta có vỏ tôm mà rồi sẽ lại có cả lưới cá nữa. Cái việc tát bể đông, ta đã có gầu rồi.

Nàng Ba thấy chồng nói động đến bài thơ "*xem nước bể đông*" hôm nọ tùm-tỉm mà rằng:

– Cũng phải tùy cơ ứng-biến, chứ làm thế nào. Bây giờ ta đi làm bữa đã, mai sẽ tìm đồ bện vó đan vọt để cất tôm.

Đến tối mai, hai vợ chồng làm được năm cái vó con và hai cái vọt, đem ra bãi bể vừa cất vừa chao, thì mẻ nào cũng được một vài con tôm he tôm dảo. Từ đó hai vợ chồng cứ buổi sáng tước dây bện vó, chiều đến thì ra bờ bãi che một cái vòm, giải ỏ cho hai con ngồi chơi và ngủ, lại đốt một đồng giấm trước vòm, rồi hai vợ chồng lần mò cất vó cả đêm, được tôm ăn không hết thì phơi khô để dành.

X.

TÌM ĐƯỢC MẠCH NƯỚC NGỌT

Vợ chồng con cái An-Tiêm ở hoang-đảo mới hơn một tháng, khỏi cái ách mưa lũ, đến cái nguy đại-hạn, kỳ này nắng chang chang, các vũng đá cạn hết cả nước mưa đọng, hôm nào An-Tiêm cũng phải lên cái núi đá có vũng nước mà hôm ở bến Sứ mới vào, đã bị trượt chân sa lầy xuýt chết, bây giờ lại phải lên thấp áo đem nước xuống. Hôm nào bận việc thì phải nhai mầm lau cho đỡ khát. An-Tiêm lo lắng, một hôm đi vào trong núi đá sau hang chột trông lên có một cái vệt cây cỏ từ đỉnh cái dốc đất ở chân, hai cái núi đá giáp nhau mà đi khuất-khuất xuống đến bờ bể, thành một cái khe bằng cây cỏ, coi như con rắn xanh bò ở trên cao xuống. An-Tiêm lấy làm nghi, bèn vội-vàng đi đến chỗ bờ bể theo cái vệt cây cỏ mà lần lên cho đến đầu dốc chỗ chân núi, giẫm đến đâu cũng thấy đất mềm và có nước dính nhom-nhóp, chàng mừng lắm, biết là cái mạch nước rỉ ở gầm khe hai cái núi ấy mà thấm ra đến bãi. Vì nước có ít không đủ xung-khích được đất đi để chảy thành suối, chỉ đủ thấm nhuần cho một vệt cỏ cây tươi tốt hơn ngoài mà thôi. Chàng bèn lấy guơm moi đất ở chỗ gần hai bên khe núi ra, moi ra độ một sọt đất thì nước róc rách chảy ra ba bốn chỗ như mạch lươn, chàng lấy cái lá quán lại mà mút để nếm xem, thì nước ngọt lắm. Chàng mừng quá, rú cả người lên, lẩm-nhẩm một mình rằng:

– Thật là Thượng-đế không nỡ tuyệt ta, ta dốc tin ở ngài, thật không đến uổng công. Bởi vì Thượng-đế không có đánh lừa kẻ đã

tận-thành tận-tín với ngài bao giờ. Cái phúc-phận tiền-thân của ta đây rồi.

Nói thế rồi chạy tất-tả về hang, đưa vợ con ra xem, chàng trở vào cho vợ biết, rồi cho hai con đứng ra một bên. Chồng thì phạt cây cỏ đi rồi quì xuống đào đất, vợ thì ôm cây cỏ và nhặt đất vút ra, hai vợ chồng hùy-huych đào trũng xuống thành một cái chuôm con độ bằng cái nia, để chứa nước, nước chảy ra hể đầy cái chuôm ấy mới ràn xuống khe. Đào xong, nước chảy ra chóng lắm, hai vợ chồng uống rồi cùng ngồi xung-tung công-đúc Thương-đế.

An-Tiêm nói:

- Tạo-hóa lập nên vũ-trụ, sinh ra vạn-vật, chỗ nào, lúc nào cũng đã tiềm-tàng ký- trú cho đủ cả những cái để mà tư-sinh; nhưng cái kho vô-tận hay để vào nơi kín-đáo, vạn-vật phải có công tìm tòi bới móc mới thấy được; người ta là con trưởng yêu-quí của đức Thượng- đế, nên ngài càng ủy-nhiệm cho phải đem trí-lực của thiên-phú ra mà tìm tòi bới móc lấy những cái kho bí-tàng kia để tham-tán¹ lấy những việc kinh-doanh trong bờ cõi; càng mở rộng được cái kho tàng vô-tận ấy ra bao nhiêu, thì lại càng tăng-tiến cái phúc-trạch cho cuộc nhân-sinh, mà Thượng-deg càng quyến-ái bấy nhiều. Cho nên những dân lười biếng, phóng-khí cả thiên-chức, tiêu-ma cả lương-năng, bỏ cả những kho bí-tàng vô-tận của kỷ-phần mà không biết tìm tòi bới móc ra, cam chịu khổn cùng, trước còn tự dè sẻn cả cái sinh-co, rồi hèn yếu dần đi, đến tê-diệt cả tộc-loại, đó là con bất-hiếu của Thượng-deg mà lại oán rằng: "*trời không thương*". Chứ kỳ-thực của đời chán-vạn, mà Thượng-deg là đáng chí-cong chí-nhan đối với loài người đều như từ mẫu đối với con, có đâu là phong-sắc khinh trọng gì hơn đâu. Cho nên tôi vẫn chắc rằng một cái cảnh sắc đẹp-để tốt lành như cái cù-la-o này, có phải tạo-hóa vô-tình mà sáng-tạo ra đâu. Không phải là một bức tranh sơn-thủy của anh thợ vẽ, chỉ vẽ lấy những vẻ kỳ-tú cho sướng con mắt, mà tru-trung chả có chút vật-hoa thiên-bảo gì. Tôi chắc đây là một

1. Tham-tán: Tham là thêm vào làm ba, tán là giúp giập vào. Sách Chung-dong nói: Tán thiên địa chí hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ", giúp giập cái việc sinh-hóa dưỡng-dục muôn loài cho trời đất thì có thể thêm vào với trời đất mà làm ba.

co-nghiệp sẵn-sàng có cả tài-sản của cha mẹ để đời một đứa con về ở, chứ không phải là một bức tranh để chơi vậy. Nay ta đến đây ta thì tay không mà đây thì chẵn-hoang, thế mà ta đã tìm được thức ăn, tìm được thức uống, thì là ta đã thừa-nhận cái co-nghiệp của kỷ-phần ta mà ta đã bước đến trước cửa cái kho bí-tàng vô-tận ở đây rồi đó; còn sẵn tay mà mở toan cái cánh cửa kho ra, để sửa sang tu tạo lấy co-đồ của mình ở đây, tưởng cũng không bao lâu nữa. Cái vận-mệnh của ta về trước đến đảo này là cùng, mà cái vận-mệnh của ta về sau cũng từ đảo này là đầu, thì cái suối nước trong lành tứ-thời bất-tuyệt này,, tức là cái dây tục-mệnh của hai phần đời ta đó. Bởi vì ở chỗ hải-đảo này, không lo gì thức ăn, mà chỉ lo về nước uống. Có tìm được một cái mạch nước tứ-thời bất-tuyệt như cái mạch này thì cái sinh-lộ của một nhà ta mới có bậc mà bước lên. Nay được như thế, là ta đã đủ mà sống với nhau rồi đó, còn có lo gì.

– Thượng-đế vốn lòng hiếu-sinh mà lang-quân thật là dốc một lòng tin cậy ở ngài. Thiếp tôi nhi-nữ, tuy vốn sẵn lòng tin-ngưỡng, nhưng dạ hèn trí-quần, cái tín-lực còn non nớt, nên những khi gặp tai-ách góm ghê, lòng cầu khẩn Thượng-đế thì vẫn cầu khẩn mà lòng lo sợ thì vẫn lo sợ; lâu nay nương tựa vào cái tín-lực của lang-quân trong dạ đã hơi vụng-vững.

– Cái cảnh-huống lạ đời thế này, nếu không có cái tín-lực nhất-định thì ai là không phải ngã lòng. Còn cái lo là sự tất có ở đời, mà cái sống liền với cái lo, ông Lão-tử nói rằng: *"Ta sở dĩ có cái lo lớn là vì ta có cái thân"*. Có cái thân nên phải có cái dưỡng thân, phải có cái quây-quần giúp đỡ với cái thân, vì thế mới thành ra có sản-nghiệp, thân-ái gia-bang, thành ra cái cuộc thông-công dịch-sự với nhau, đều là những mưu-sinh tất-yếu cho cái thân mình cả; muốn cho cái việc nhu-yếu ấy hằng được nảy nở sinh-sôi cho cái thân mình cùng những cái thân khác cũng như thân mình mà cùng chung cuộc hưu-thích¹ với nhau được hả-hê sung-sướng, thì mình hằng phải mang lấy cái lo ngay-ngáy bên lòng. Lo càng to càng xa thì cái cuộc chất-trị² càng tiến lên, mà nhân-sinh càng được thỏa

1. Hưu-thích: Yên vui với lo lắng. Có câu: Dữ quốc đồng hưu thích. Với nước cùng yên vui cùng lo lắng.

2. Chất-trị: Rất bình-yên thịnh-vượng cũng như chữ chính-trị.

lòng hi-vọng. Đó là ở trong bang-vực, ở lúc bình-thường, mà còn không khỏi phải mang cái lo như thế, huống là nhất-đán bốn con người trong một nhà bị bỏ lên nơi tuyết-xử này; trước mặt thuần là cái khổ cái chết, không còn có một tí gì đủ sống với nhau cho qua đời, thì ai mà không phải kinh hồn mất vía, lo sợ hãi hùng. Thế mà ta không đến nỗi rối trí, là nhờ cái sức tự-tín nó giúp cho mình vững dạ mà kháng-cự với cái hiểm-nghèo. Nay ta đã có mạch nước này, thì cái lo đại-đoạn của ta ở đây đã khoan được một phần rồi đó. Ta muốn làm người hay làm vật, công-nghiệp ta muốn lâu hay chóng, cũng chưa biết chừng, nhưng thể nào vũ-trụ này cũng không tiêu-diệt được hết tăm-hoai hình-ảnh của ta đi được rồi đó. Ta phải cùng nhau gắng sức lên mà hành cái chí của ta, còn cái giếng nước này từ nay trở đi, trừ khi có nước mưa đọng, hay là khi đã có đồ kín nước đựng nước ở cửa hang rồi thì ta cứ mỗi ngày đưa nhau ra đây mà uống nước, tuy có đi xa ra mất một quãng đường ngắn, cũng là sự tiêu-dao mà luyện cân-cốt hằng ngày.

Nói rồi vợ chồng hôn-hở đưa con về hang.

XI. LÊN NÚI LÀM LỄ CẠO ĐẾ

An-Tiêm tìm được mạch nước ngọt, mới có cơ sống, mừng lắm. Sáng mai dậy sớm, làm bữa cho vợ con ăn, con thì ăn một phần bánh hai phần tôm, vợ chồng thì chỉ ăn độc một thứ tôm trừ bữa mà thôi. Ăn xong An-Tiêm nói:

– Hôm nay đã yên các công việc, ta đưa nhau lên chơi trên đồi.

Bèn đứng dậy đi sắm sửa hành-lý, đùm tôm gói bánh, dắt đá đeo gươm và lại giếng mới, thấm một cái áo ướt, rồi An-Tiêm cùng Mai-Lâm, Nàng Ba điệu Quế-nương, sặc-sếch đưa nhau lên đỉnh đồi. Đến nơi cho hai con ngồi xuống, rồi vợ chồng đứng xem phong cảnh, thật là:

*Bốn bề sóng vỗ như non,
Đảo thần một quả rập-ròn như phao.*

mà bốn người đứng trên đỉnh chóp cái phao đất lớn-lao ấy bằng đường cũng theo mà đưa lên đưa xuống ở giữa cỏi phù-không vậy.

Thoạt-tiên trông xuống xem hình-thế cái bản đảo thì cũng không thấy có cái gì khác với khi ở dưới chân đồi đã xem xét khắp một vòng. Và không những không có cái gì khác, lại thấy nhỏ kém đi, mà trông ra ngoài bốn mặt đảo, lại càng thấy bông-lông, bát-ngát, nhất là ba mặt đông nam bắc, gọn sóng liền với chân trời không còn có đâu là gốc là bờ. Cái cảnh tượng nước mây trời bể mênh-mông biến-hiện ở cửa Đại-nha ngày nọ đã lấy làm kỳ-quan, mà so với cảnh đứng trên đỉnh cù-lao giữa Đông-minh này, lại chưa thấm vào đâu.

An-Tiên nói:

– Có lên đỉnh Tản-Viên mới biết trời là cao, có ra đến Đông-minh mới biết đất là rộng. Đất trời cao rộng, vũ-trụ lâu dài, cảnh-tượng biến-ảo vô-cùng, người ta sinh ra ở đời, so với đất trời vũ-trụ, chẳng khác như cái phù-du¹ trên bãi bể, sáng mới sinh ra, chiều đã chết xác ra rồi, thân-phận rất mờ nhỏ, tuổi tác rất ngắn-ngủi là dường nào. Mình cũng như những bạn ở đời kia, thế mà mình được tiêu-dao khắp trong vũ-trụ, xem qua mọi việc đại-biến, cái tâm-thần hình như muốn bay bổng lên mà hòa-hợp với cái khí minh-thông. Tưởng đến chúng bạn một đời chui rúc vào trong cái chuồng người chật hẹp, đem cái chí hèn khôn vặt ăn quanh lẩn quẩn bà con, trẻ rồi già, già rồi chết, mơ-màng mờ-mịt cũng như cái đời của thảo-mộc côn-trùng, ăn hại của trời mà không ích gì cho vũ-trụ. Làm cái kiếp con người mà đón hèn tủi-nhục như thế, nghĩ cũng nên thương!

Nói đến đây, An-Tiên bèn ngâm lên rằng:

*Lâu nay ta ở trên trời,
Nghe trời than-thở việc ngoài trần-gian.
Của trời tiền gạo chứa-chan,
Việc trời đất lở trời nghiêng bồi-bồi.*

Ngâm rồi trông xuống đám núi đá mé bắc chân đồi, thì bởi lên cao, nên trông càng thấy rõ-ràng ra từng ngọn, hai vợ chồng đếm được hơn một trăm quả lớn nhỏ.

An-Tiên nói:

1. Phù-du: Con vờ.

– Dương khi khí trời thanh-lãng, bóng nắng sáng choang chiếu dội vào dãy núi đá vùng bên đông ta ở kia, quang-cảnh càng thêm rực-rỡ, những vẻ phong-loan đảo-dữ, cùng với sắc vân-yên hoa-thảo cùng phiêu-diệu lung-linh, chỗ thì y như rèm châu của ngọc, chỗ thì chẳng khác gác tía lầu son, thật là một cõi thần-tiên thế-giới xa đất gần trời vậy; tôi nghe ngoài bể đông là chốn thần-tiên tụ-hội. Như bể đông quả có thần-tiên mà không tụ-hội ở đây, còn ở đâu nữa.

Nàng Ba nói:

– Thiếp thuở nhỏ hay thích xem những truyện thần-tiên, thấy nói ngoài Đông-hải có một cái đảo gọi là Quỳnh-viên, có tiên-ông trụ-cư ở đó, hoặc-giả Quỳnh-viên là đây chẳng?

Bấy giờ hai vợ chồng đều mỗi chân cùng ngồi xuống với con, An-Tiêm hỏi:

– Truyện ấy ở đâu?

– Nước ta vốn là nước miếu-duệ *rồng tiên*, nên có nhiều truyện thần-tiên hay lắm. Đảo Quỳnh-viên chép trong truyện bà Tiên-Dung với ông Trửu-đồng-tử, hai ông bà thành tiên phi-đăng được là nhờ có tiên-thuật của tiên-chủ ở đảo Quỳnh-viên ngoài Đông-hải này. Ôi! người là người trần mà bỗng kết nên một cuộc lửa hương trên thượng-giới, hai ông bà Họ Trửu có quả phúc, tự mấy mươi đời. Nay ta không chắc đây là đảo Quỳnh-viên, song cũng một vùng Đông-hải, nhớ đến câu chuyện "*tráng-sinh giai-lão*" mà bất-giác động lòng kim tích, tôi muốn nghĩ với câu hoài-cổ để thêm cái cao-húng trong cuộc đăng-lâm.

– Thế còn nói gì, hiền-thê nghĩ xong chưa, đọc cho nghe nào?

Nàng Ba đọc:

*Có công ra tận bể Đông,
Vườn Quỳnh đâu đấy tiên-ông chốn nào?
Đành lòng bội đức cù-lao,
Chăm tiên một trận ào ào cho xong.
Trần-ai cho thoát khỏi vòng,
Nhân-gian đề truyện kỳ phùng về sau.*

An-Tiêm nói:

– Truyện hai ông bà họ Trử tương-ngộ, tôi có nghe qua, mà chưa được tường, nên cái diệu-xứ trong bài thơ này, tôi chưa lĩnh-lược được hết.

– Ở Dạ-trạch bây giờ vẫn có đền thờ hai ông bà, thiếp ngày còn nhỏ đã được theo gia-từ về lễ một lần. Chỗ đền thờ tên là "*Nhất-dạ trạch*" ở về bộ Dương-tuyền, tức là chỗ phi-thăng đó. Nguyên đức bà Tiên-Dung là con gái của vua Hùng-vương đệ-tứ-thế, bà tuổi vừa đôi tám, sắc nước hương trời mà tình-nguyên "bất-giá". Chỉ thích đi du-hành khắp thiên-hạ, mỗi năm cứ đến tháng hai, tháng ba, cười mành ra chơi ngoài bể lan-man mãi mới về; một ngày thuyền đỗ của sông Xích-đăng, bà lên bãi cát chơi, trông thấy cái bãi cát trắng tinh sạch-sẽ, bèn sai thị-nữ quây mùng lên chỗ có mấy cây lau, để bà tắm gội. Khi đang tắm, nước rội xuống, cát trôi đi, trơ ra một tên đồng-tử nằm trần trong cát, bà kinh-ngạc thét hỏi căn-do, đồng-tử thưa: "Hạ-thần họ Sủ, cha Kính-Huyền, ở làng bên sông nọ, mẹ chết sớm bất-hạnh nhà bị hỏa-tai. Chỉ còn một cái khố vải, cha con đóng chung nhau. Khi tiện-phụ bệnh nặng sắp chết, di-chức để cái khố lại cho con; song kẻ hạ-thần không dám vâng lời. Từ đó phải chịu ở trần, ngày ra bờ sông này câu cá và xin ăn của các thuyền buôn qua lại. Vừa rồi thấy thuyền đến mà tàn vàng tán tía, trông giống chiêm hồi, hạ-thần khiếp sợ, chạy không kịp, phải bới cát vùi mình xuống đây, xin ngài tha tội." Ai hay một lời thật-thà chí-hiếu của một tên đồng-tử cô-cùng như thế mà lại cảm-động ngay tấm lòng cao-khiết của một vương-cô. Bà liền nghĩ thâm trong bụng rằng: Mình, chỉ đã rắp ra ngoài đào-chú, mà lộn vòng phụ phụ cho cam, ai ngờ trờ chẳng cho làm, quyết đem cái sợi tơ tình nọ mà giam lấy cái bông hoa đào, thời có chán không! Thôi, nghiệp-duên ấy đã không chốn được, thì tên đồng-tử này há lại không bởi sự trời run-rủi đến sao!" Bèn truyền cho tắm gội, mặc quần áo mà đưa xuống thuyền, mở tiệc ca-quản vui-vầy. Rồi cho đồng-tử họ Trử được chung cuộc nguồn ân bể ái trăm năm. Bấy giờ có một người tụng-giả chạy về tâu vua, vua giận con, mượn tiếng ngao-du, buông tình Tang bộc, thề không trông mặt nữa, bà biết tin không dám về, vợ chồng ở lại cái bãi cát ấy, lập nên cửa nhà phố xá, mở một cái chợ cho thương-khách bán buôn, lâu rồi người ngoại-quốc cũng đến mậu-dịch mà gọi bãi ấy là Trử-gia-loan, gọi làng ông là Trử-gia-hương. Ít lâu

nữa có người thương-khách đưa ông Trử ra núi Quỳnh-viên giữa Đông-hải, học phép tiên; lúc đắc đạo về, tiên-ông tặng cho một cái gậy và một cái nón. Ông về lại truyền phép cho bà Tiên-Dung, từ đó hai ông bà thường đi du-quan các nơi danh thắng, nhờ tối giữa đường thì cầm cái gậy xuống đất che cái nón lên, thì hóa ra đủ các cung-thất ti-bộc hắc-hoại. Sau vua Hùng-vương đệ-tứ-thế nghe nói chỗ thất Trử-gia-loan, nghiễm-nhiên đủ cơ-đồ một nước, ngài giận con gái đem lòng phản-loạn, thân đem binh đến đánh. Dân ở Trử-gia-loan xin ra kháng-cự, bà Tiên-Dung thống khốc can dân mà rằng: "*Ta bát-cốc phụ-mẫu* mà tự kết lấy thiên-duyên, ta chịu tru-lục là phải, ta đâu dám đối-địch với cha". Đêm hôm ấy binh nhà vua sắp tiến vào đánh, thì bỗng nổi cơn gió bão, bao nhiêu thành-thị nhân dân với hai ông bà Tiên-Dung đều bay lên trời, mà chỗ ấy thụt xuống thành một cái chằm lớn, người ta gọi là "*Nhất dạ trạch*" và lập đền thờ.

- Thế thì cái ý thơ hay lắm, hiểu trọng tình thâm thà học cổ-nhân mà cùng nhau thoát cõi hồng-trần cho xong. Tuy-nhiên, hai ông bà Tiên-Dung đã bởi duyên trời, thì chúng mình há không phải là mệnh Thuợng-đế hay sao? Ở đời ai tránh khỏi lò đại-dã¹, thần-tiên thánh-trí cũng trong một cuộc chuyển-vân. Thần-tiên thì cầu thoát khỏi trần-hoàn, mà thánh-trí thì mong mở-mang vũ-trụ. Một đảng độ được một mình, một đảng độ được cả vạn-thế; bên thanh bên phúc, bên nào hơn. Ôi, cõi trần-lục kia đã không phải là chốn trong sạch thom-tho đáng nên mê mệt gì, mà cái cuộc vũ-trụ nọ cũng không phải là chỗ du-địa, Thuợng-đế lập ra mà bỏ hoài. Ta đã đội mệnh trời xuống thế, ta nên có cái chí-khí thanh-cao của thần-tiên, mong bay bổng ra ngoài đám tham-tàn ô-trọc của trần tục; mà ta lại phải có cái tâm-sự của thánh-trí mong mở-mang sự vật mà bổ trợ cho càn-khôn. Thì cái thân-hồn mới không chìm đắm mà vẫn được sống lâu với vũ-trụ. Ghi công xét phúc, Thuợng-đế ngài hằng chiếu lâm, mà học thánh cầu tiên, tùy cái quả tu của người ta chọn lấy; đó là bàn rộng về cái đạo lập-thân trong trời đất phải hoàn-toàn như thế, mà thơ của hiền-thê thì lại chính là tả ra cái ý ấy đó; mình hiểu nặng tình thâm chả khác chi cổ nhân mà muốn cùng siêu-việt

1. Đại dã: Lò lớn của tạo-hóa đúc ra vạn vật.

lên cả cõi thượng-phương như cổ nhân thì nào có được, cái gánh vũ-trụ còn đeo-đẳng đến bao giờ. Thật là cao mà không đến hư, đạt mà không đến khoáng, một khối tâm tình đáng khóc đáng cười.

Nói chuyện tho xong, hai vợ chồng lại đứng lên trông về mé trời tây, thấy suốt từ tây-nam đến đông-bắc, tuyệt nhiên không còn có một cánh buồm nào thấp-thoáng lơ-mờ của thuyền khách vàng-lai, ở cùng tầm con mắt, cho biết đó là gần bờ. Chỉ thấy trên làn sóng xa xa một sợi chỉ trắng thẳng dăng, trên sợi chỉ thì khí trời nghi-ngút pho-phát mập-mờ. Trong chỗ khí trời một vài ngọn núi màu xanh nhọt hàu lẫn với da trời. An-Tiên nói:

– Cái vệt nhấp-nhô chân trời tây-bắc kia há không phải là những ngọn núi của quê-hương ta mà bấy lâu ở đây ta vẫn ngóng trông nhìn nhận đó dư, há không phải là những khí thiêng-liêng của trời đất đã chung đúc nên, đột-ngột đứng giữa trời mà làm tiêu-chí cho một nước đại-bang Tổ-Việt ta đó dư. Những ngọn núi chênh-vênh giữa trời kia, chứa chất bảo-tàng, bao nhiêu tinh-hoa của càn-khôn, mà cung-cấp bao nhiêu sản-vật, giáng-dẫn bao nhiêu thần-thánh, làm giàu-thịnh vẻ-vang cho nước nhà mà chính những tên là Tản-viên Tam-đảo, là Non-dông Rừng-ngang đó dư. Chính tổ tông của ta đây cũng là nhờ cái tú-khí ở những chỗ ấy mới phát-dục nên người. Tuy vật non sông có linh-tú cũng phải nhờ người mới tăng-quang, cũng như ông cha cũng phải nhờ con cháu mới tràng-tồn. Chúng ta đây nào có vô-tình gì với non sông, mà non sông tưởng cũng chả ghét bỏ gì chúng ta đây, mà vì đâu tấm lòng cảnh-ngưỡng non sông đất nước, bỗng tuôn làm giọt lệ oán-mộ mà xụt-xùi bên trời. Từ khi ta xa cách ra đây, đêm ngày lúc nào mà không nhớ trông về chỗ non sông ấy. Ngỡ rằng lên càng cao trông càng tỏ, gọi là nguôi chút nhớ mong; biết đâu lên càng cao trông càng xa đi, mà nổi nhớ niềm thương càng thêm quặn quai. Ôi,

*Bấy lâu ta ở bên trời,
Lòng riêng vẫn nhớ sự đời bên kia.
Nhờ con chim cuốc đêm hè,
Non sông hieu quạnh ai nghe mà gào.*

Nhưng mà thôi, càng trông càng nhớ, càng nhớ càng đau, ta đã nặng lời thề thốt với non sông kia, mà cái công cuộc ta sẽ gây

dụng nên ở đây, há có vì ai. Nay Thượng-đế đã đưa dân đến cho ta có cái cơ sinh-lộ, thì lo gì không có cái ngày trùng-hội với giang-sơn. Vậy ta đặt tên cho cái đồi này là núi Vọng, để mỗi khi lên mà kỳ đảo Thượng-đế và trông ngóng về chốn gia-hương.

Chơi mãi đến chiều hôm, vợ chồng mới đi dứt cỏ khô làm đuốc, ngọn khói bốc lên, vợ chồng An-Tiêm làm lễ khấn-nguyện Thượng-đế, rồi An-Tiêm nói:

– Ngọn khói này là ngọn khói lần thứ hai, ta đã cáo với Thượng-đế rằng: ta đến thừa-nhận cái sản-nghiệp xa-xôi của tôn-quốc, mà Thượng-đế đã ủy-nhiệm cho ta phải đem huyết-hãn mà mở mang ra; lần thứ nhất và ngày thứ nhất là khi ta mới đến lưng đồi mà quan-sát được một phần, lần thứ hai này cách lần thứ nhất cũng không xa gì mấy, mà ta đã quan-sát hết toàn-cục, đã bước tới cửa cái kho bí-tàng, đã đạt tới tuyệt-đỉnh cái đảo này. Thế thì cái công-cán khai-thác ở đây, ta không dám để một lúc nào trễ-nải. Từ đây về sau, kinh-lý đến đâu, được những việc gì, ta lại cáo với Thượng-đế đến đây, mà cái lần *cáo-quyết thành-công* về cuối cũng sẽ có thể tính ngày mà đợi được.

Hôm ấy mãi xem cảnh bể trời không-khoát, lẫn quần đến tối mới về hang.

XII. NGHĨ CÁCH LÀM LỊCH

Trong hang Hướng-Việt, đang lúc đêm khuya, tối mù tối mịt, hai đứa trẻ thì mệt ngủ yên thín-thít, hai vợ chồng An-Tiêm thì giần giọc mãi không thể ngủ được, hết nằm lại ngồi, ngồi chán hai vợ chồng lại đưa nhau ra cửa hang trông, trời tối cũng như trong hang chẳng trông thấy gì. Hai vợ chồng lại đưa nhau vào ngồi nói chuyện, chuyện xa chuyện gần, chuyện nhà chuyện nước, cái cầu đã qua, con đường sau này, nhớ nhung than thở, mỗi lung lại nằm, nằm lại nói chuyện. Vì ngày hôm ấy, cả nhà đi văn-cảnh núi Vọng về, người thấy mỗi-một mà cảm-động một cách băng-khuâng, nên nghỉ sớm, không đi kiếm tằm như mọi tối, nhưng nằm nào có ngủ được đâu.

Nàng Ba nói:

– Mọi khi ở nhà, đêm nào có việc gì cảm-động không ngủ được, thì thắp ngọn đèn chong, người xem sách xem vở, kẻ canh củi vá may, hoặc đánh thức con cái dậy nô chơi cho vui. Bây giờ ở đây dầu đèn không có, nằm chán lại ngồi, ngồi chán lại nằm, càng chuyện càng nghĩ đến sự nhà nổi nước lại càng xôn-xao.

An-Tiêm nói:

– Dầu đèn là sự bổ-khuyết cho vũ-trụ, đạo trời có âm có dương, có ngày có đêm, nhưng ý tạo-hóa không muốn để cảnh đêm lặng-lẽ quá, nên lập ra có mặt trăng, sáng mà mát; chiếu-diệu cho thế-giới ban đêm thêm vẻ linh-lung; tuy-nhiên, bóng trăng có sáng mà không đủ soi rõ, nhiều khi mây mưa u-ám, lại không soi vào trong phòng trong nhà được, nên người ta phải chế ra dầu đèn để cho dài thì giờ mà thêm công việc. Người ta sở-dĩ làm chủ-tể vũ-trụ, làm con tin-yêu của Thượng-đế được cũng vì lập nên được sự-nghiệp như thế; ở đây rồi ta cũng phải tìm cách mà tăng thêm bóng sáng cho ban đêm.

– Ở đây còn tìm thức gì mà thắp sáng được.

– Nghe ở ngoài bể có những con hải-cẩu hải-mã và thú cá to khác có nhiều mỡ làm nến thắp sáng lắm, nhưng những thứ ấy ta không có cách gì mà tìm được rồi. Bây giờ ta hãy chịu tốn nhiều củi đóm để đốt khi có việc gì cần. Sau xem đâu có đom-đóm thì bắt, hay là thứ cây gì có nhựa cháy, hạt gì có dầu thì sẽ dùng mà đốt.

Nói rồi hai vợ chồng cùng trông ra cửa hang vẫn tối mù tối mịt, chả biết là thời-khắc nào, tiếng trùng với tiếng sóng theo tiếng gió đưa ò-ò-ran-rỉ cả ngoài cửa hang.

Nàng Ba đọc lên rằng:

*Đêm sao dài mấy ru mà!
Trống lâu đã vắng, canh gà lại không.
Một đêm bằng mấy năm ròng!
Bể sâu lai-láng ai đong biết sâu.
Lạnh-lùng gió lọt hang sâu!
Cõi bờ mò-mịt biết đâu mà nhìn.*

An-Tiêm nghe vợ đọc xong, cũng đọc tiếp theo lên rằng:

Hang sâu đêm tối nên lò,
Gió bay mới biết kia là cửa hang.
Cõi trần đương giấc mơ-màng,
Có ai biết nỗi đêm trăng này chẳng?

Hai vợ chồng ngâm-nga hồi lâu, Nàng Ba nói:

– Từ hôm ở nhà ra đi đến nay, không biết đã bao nhiêu ngày tháng rồi, phu-quân có nhớ không?

– Hôm phát-vãng là ngày 22 tháng hai, mình đi hai ngày đến cửa Đại-nha, vượt bể mất hai ngày nữa là năm ngày. Hôm sau từ bến Sứ vào đến Hang Kho mất hai ngày, ở Hang Kho mười ngày, là mười bảy ngày. Lại từ Hang Kho dọn sang hang Hướng-Việt mất một ngày, thì mưa xuống như trút, hết ngày ấy sang ngày khác, có khi tối tăm cả lại không phân biệt là ngày đêm nào nữa, thành ra cứ ấy không nhớ đích là mấy ngày, nhưng ước chừng cũng đến hai mươi ngày. Lại từ hôm hăng nằng đến hôm qua lên núi vừa là một tháng. Thế là từ nhà ra đi đến nay cũng đã hơn hai tháng rồi.

– Ở đây không có lịch, mới ít lâu mà đã không nhớ đích ngày tháng, rồi sau thì đến quên mất cả.

– Ở đây ví có lịch cũng không nhớ đích ngày tháng được, bởi vì lịch đủ cả ngày tháng thời-tiết trong một năm, muốn xem thời-tiết nào về ngày tháng nào thì gỡ lịch ra xem, còn số ngày tháng thì cả bàn-dân phải nhớ riêng với nhau ở ngoài, chứ lịch có nhớ được đâu; ví như ở đây mà có lịch, song vì có gì bỗng quên mất số tháng đi thì còn hỏi ai được, gỡ lịch ra xem thì còn lấy gì làm bằng. Tuy thế mặc lòng, lịch-số là một việc thiết-yếu trong vũ-trụ và cuộc nhân-thế, mà vũ-trụ thì bao giờ cũng vẫn có lịch-số thiên niên rồi. Trong một ngày đêm, ngày có bóng nắng, đêm có bóng trăng, cùng những tiếng con cầm điều báo tin sớm muộn; trong một tháng có tuần trăng tròn khuyết; trong một năm có bốn mùa mười hai tháng; trên bầu trời thì ngôi sao chuyển vận, độ thái-dương đi khắp nam-cực bắc-cực có 365 độ và một phần tư độ; dưới mặt đất có hàn thử đấp đổi, có hoa thảo cầm trùng ứng thời- tiết mà thay nhau suy vượng; thế là trong lưỡng gian đều phải theo một cái luật phép nhất-định mà vận-hành, hết lượt lại bắt đầu; còn về vũ-trụ lâu dài, thì đã có những lớp mộc-thạch, những vết tang-thương để ký-chú lấy cổ-kim

đời kiếp. Người đời biết làm lịch là từ đời vua Hoàng-đế mới trắc-nghiệm những lẽ tuần-hoàn trên kia mà làm ra sách Thần-lịch; đến đời vua Nghiêu có hai thứ lịch: một là phép của Trung-quốc nghiệm lá cây minh-giáp gọi là *Giáp-lịch*; hai là phép của ta nghiệm ở mai con rùa gọi là *Qui-lịch*. Từ khi ta đem con thần-qui tặng vua Nghiêu, thì ta cũng tham cả phép qui-lịch nữa. Người đời sở dĩ phải cần đến lịch vì có hai lẽ: một là ghi nhớ lấy thời-dại đã qua mà tra xét việc cũ; hai là dự-toán cái thời-tiết một năm sắp đến mà liệu việc sau. Bây giờ ta ở đây không những việc dưỡng-sinh không ai giúp đỡ, mà đến cái thì giờ cũng không ai kể nhớ với mình. Ôi! Mình càng cách-tuyệt cỏi nhân-thế bao nhiêu, mình càng nghĩ đến những kẻ sinh tạ trong đời thịnh-trị mà không biết đến ơn-huệ của tổ-tông để lại, của làng nước quây-quần thì thật là ngu ngoan quá.

– Thế thì bây giờ có cách gì xem tuế-thời được không?

– Cũng có thể ghi lấy cái đại-yếu được, mà ta phải làm bắt đầu ngay từ ngày mai trở đi. Là nhật lấy *ba mươi cái vỏ sò, mười hai cái vỏ ngán và mười cái vỏ ốc*; đan lấy *ba cái rỏ*, để vào góc hang đánh dấu một cái ghi ngày, một cái ghi tháng và một cái ghi năm. Cứ mỗi ngày nhớ bỏ *một cái vỏ sò* vào trong *cái rỏ ghi ngày*; chính phép thì còn tháng đủ tháng thiếu, nhưng phép đó có người chuyên khoa làm lịch mới tính được, còn ta thì cứ đủ 30 ngày là một tháng, trong một vài tháng lại phải so ngày "*Sóc*" với ngày "*Vọng*" cho đúng tuần trăng, hai ngày *Sóc Vọng* ấy may được ngày mồng một nào, hay là đêm hôm rằm nào, trời quang mây tạnh, ngày xem mặt trăng mới, đêm xem mặt trăng đầy, mà gia-giảm số ngày cho hợp, đủ một tháng thì bỏ một cái vỏ ngán vào trong cái rỏ ghi tháng. Phép lịch có tích phân thừa, ba năm lại phải đặt ra *tháng nhuận*, nhưng ta đã so lần đi với tuần trăng đã không có *tháng thiếu*, thì cũng không phải có *năm nhuận* nữa, cứ đủ mười hai tháng là một năm thì bỏ *một cái vỏ ốc* vào trong cái *rỏ ghi năm*, mỗi năm thì lấy gươm vạch chữ "*can chi*" vào đá; còn như *tám tiết hai mươi bốn khí* trong một năm cùng là *độ nhật thực nguyệt thực*, về ngày nào giờ nào thì ta không có sách xem được, mà những việc đó cũng không cần cho ta lắm. Ta chỉ cốt lấy lá và nhựa cây ghi chép lấy một thiên "*nguyệt-*

*lênh*¹" ở đây xem trong một năm trước về mùa nào, ở đây có những thời-vật thổ-sản gì, để năm sau lại liệu mà tính cách trị-sinh.

Chuyện mãi gần sáng hai vợ chồng mới ngủ. Cách mấy tối sau, tôm he thấy được ít dần mãi đi, An-Tiêm nói với Nàng Ba rằng:

– Độ này về mùa hạ rồi, hết mùa tôm he đến mùa cá, ta phải tìm cách kiếm cá ăn mới được.

– Đồ bắt tôm có cất cá được không?

– Vó tôm thì nhỏ mà cá nó nhanh, động nước nó chạy mất không cất được. Tôi xem những chân núi đá giữa bãi ngoài kia có nhiều khe nhiều hốc, cá vào ăn có từng đàn đông, ta có thể đào hố ở dìa bể mà đánh khăm; đan dọ thả xuống nước; rào đàng chặn các khe núi; chất đá nhỏ bên bãi, rồi thả mồi bằng những ruột sò thối vào những chỗ đó để dử cá vào mà bắt. Rồi sau này ta sẽ tìm cách mà chế được những đồ đánh cho tiện-lợi hơn.

– Cá bể nhiều lắm, tôi không hiểu được mấy thứ?

– Thượng-đế cho ta hơn vạn-vật được cái trí khôn, ta nên biết khắp cả các vật quanh mình ta, phương-chỉ ta lại phải thủ-dụng vào vạn-vật mà cung-cấp cái việc sinh-tồn, thì ta càng biết rộng bao nhiêu, càng lợi-ích cho sinh-kế của ta bấy nhiêu. Bởi vậy Khổng-phu-tử dạy học cũng lấy cách-vật trí-tri làm trọng. Cách-vật trí-tri không những làm cho thần-trí được yêm-bác, mà chính là để cho nhân-sự được phong-hạnh. Nhưng muốn cho cái học cách vật trí-tri có thực-tiến thì cái gì cũng phải nên duyệt-nghiệm mới được. Tôi nhờ được hai cái lịch-duyet sau này mà xem xét được nhiều những thảo-mộc cầm-thú côn-trùng, là khi tôi ở trong cung gần miền thượng-lâm, xem không thiếu gì cây lạ hoa thơm, chim muông kỳ dị. Lại khi tôi tòng-chinh, vào tận thâm-sơn cùng-cốc, gặp cái gì cũng hỏi. Còn loài hải-vật thì tôi tuy không ở bể, nhưng cũng được biết ít nhiều. Kể những cá *kình*, cá *nghe*, cá *côn*, cá *chiên*, trong sách nói to đầy sông đầy hồ thì chưa được trông thấy, chỉ được thấy những cá to vừa như cá *he* đầu như đầu lợn, mình tròn bằng khúc gỗ; cá

1. Nguyệt-lệnh: Tên một thiên sách ở kinh Lễ, ghi thời-tiết và cây cỏ chim muông suy-vượng trong mười hai tháng bốn mùa. Âm-lịch của Tàu với ta theo ở đây nhiều.

ngạc giống như con thần lằn, ta gọi là cá sấu, mình to có thể bắt được cả trâu bỏ ở trên bờ. Cá he cá sấu là hai thứ cá dữ tợn. Đến những cá người ta đánh lưới được để ăn thường thì tôi hay xem ở những hàng cá bể vào bán ở Phong-châu, những cá nhờ-nhờ thì có: Cá dăm, da ráp như cát mà xương mềm, người ta lấy vây nó nấu cổ; cá thủ có bong-bóng ngon, cũng dùng nấu cổ. Những thứ cá ngon thịt thì có: cá gúng, xương rắn; cá khoai, mình dài như con nhệch; cá thu, xương mềm về mùa đông; cá đế, nhiều xương về mùa xuân; cá song, cá nhụ, cá thu, cá thu-ngàng, cá chim, về mùa hạ. Các thứ cá nhỏ như cá dừ, cá duôi, cá mòi, cá dóp, cá be, cá thanh-bôi; lại còn cá rích, cá nhâm, cá son, nhỏ mà nhiều xương, ngâm để làm nước mắm thời ngon, những cá ấy có mùa và có đàn, đánh được đặt một thứ nhiều lắm; còn những cá đánh được lẫn lộn, gọi là "cá ba quân" thì có cá mối, cá mậu, cá phèn-chỉ, cá dưa, cá ngựa, đầu như đầu con ngựa, cá chuồn-chuồn, cá cóc, cá ớt, cá kìm, cá mực, cá dao. Về loài tôm thì có: tôm rồng chà-chạnh mà đẹp, tôm he, tôm đảo, tép diêm. Lại đến những con ở bãi cát thì có: hải-sâm, bông-thùa, sò, ngán. Những con ở chân núi đá thì có: bạch-tuộc hình giống như con nhện, hàu và hà. Bể lại có những thức ốc vỏ đẹp, dùng làm tù và, bát, chén được; ốc xà-cừ để khảm đồ gỗ; con chai có hạt trân-châu quý lắm, còn đôi mối hình giống con rùa, mai dùng làm ngoạn-khí. Đó là mới biết đại-lược những thứ thường thường, còn thì dầu người làm ngư-nghiep ở bể đến già cũng không biết hết được. Nước ta phân-giới với nước Tàu từ dãy núi Ngũ-Linh trở về nam, một dải dư-đồ rộng-rãi, không những cái lợi lâm-sản ở rừng, cái lợi nông-tang ở bình-nguyên đều phong-phú hơn thiên hạ, mà đến cái lợi ngư-diêm, cái lợi châu-báu, cũng không đâu sánh bằng. Thật là cái kho thiên-phú của trời để dành phần, của tổ tông đem huyết-hãn tưới thấm vào mà lưu-truyền lại cho đến nay. Những kẻ được ngồi mát mà ăn bát vàng ở trong bờ cõi ấy, không biết mở mang nguồn lợi cho ngày càng hưng-thịnh thêm lên; mà để cái cơ giậu đổ bìm leo kia đã hiện ra trước mắt, không khéo đến sa lạc vào nơi hang sâu vực thẳm của quân rợ Thục, thì đáng tiếc là dường nào. Hay là cũng bởi dễ kiếm ăn quá, người không phải suy nghĩ, không cần phải vất vả cũng có ăn, nên ngày sinh lười biếng ngư hèn mãi đi, như câu: "dân đồng mầu lầy đầu làm giời" ấy chẳng? Ví như đứa con nhà

giàu xứ quê sẵn ăn sẵn chơi ngay từ thuở lọt lòng, không từng trải qua thế-cố, nên lúc lớn không đủ tài sức mà giữ lấy gia-tư. Nhưng nói thế chả hóa ra đổ tội cho cha ông đất nước hay sao, chẳng qua tội ở đứa ngu hèn, chứ cha ông đất nước làm gì nên tội. Bởi thế cho nên tôi nghĩ rằng muốn cho nước mạnh phải lo dân giàu, cái sự báo đáp cho quân-phụ, cái sự báo đáp cho nước nhà ở ta bây giờ chỉ cho bằng cái cấp-vụ làm cho dân giàu ấy, mà cái cấp-vụ ấy ở ta còn có khó gì. Bởi thế tôi mới xin ra làm cái việc khẩn-hoang là việc cần cho chóng có công hiệu, để Thiên-tử có lòng tin rồi sẽ điều trần đến những việc "*Quan son phủ hải*¹" cho dân có việc mà nước đủ dùng. Ai hay kẻ siểm-du ghen người hiền, ghét kẻ hay, làm cho Thiên-tử lìa bỏ mình một cách điều-đúng thăm-thương. Kẻ gian-du tưởng cái mưu như thế đã già, đã hoại được cái sự-nghiệp của ta rồi. Nhưng họ có biết đâu rằng cái sự-nghiệp trước bởi Thiên-tử tin ta mà ta làm được, mà cái sự-nghiệp sau này lại vì Thiên-tử ghét ta mà ta làm nên. Trước còn có tay vợ tay vịn, mà bây giờ thì tay không, thế thì dang nào về vang hơn. Ông Khổng phu-tử nói: "*Trời sinh đức cho ta, người Hoàn-Đôi có làm gì được ta*". Ôi! trời không định hại người hiền-triết, thì kẻ ác-nhân cũng phải chịu, nay Thượng-đế không nở tuyệt ta, cái phúc tiền-thân ta chưa hết, cái mệnh hậu-lai ta còn nhiều, càng truân-chiên bao nhiêu càng hiển-dương bấy nhiêu, thì cái công việc ta ở đây nay mai, há lại không phải là cái sơ-chí của ta dư? Hiền-thê thử xét mà xem, mới bữa nào khi ta mới đến đây, tưởng không bị rắn độc thú dữ, ma bắt quỷ vô, thì cũng đến nhin đói nhin khát với nhau mà chết. Thế mà cái lương cũ chưa hết đã kế có cái lương mới, đủ mà sống với nhau, ta đã đủ sống được với nhau, há ta chịu ngồi yên hay sao.

An-Tiêm nói đến đây nghỉ một lát, lại nói về việc làm ăn mà rằng:

– Trước khi đánh cá ta phải phơi lấy muối đã, vì thịt loài cá thì lạt, mà ta ăn mặn đã quen, nếu không có muối thì ăn chóng chán.

1. Quan son phủ hải: Cái chính-sách ông Quán-Trọng thi-hành ở nước Tê đặt của quan ở rừng, phủ nha ở bể, để cổ-lệ cho dân làm nghề lâm-sản hải-sản cho nước chóng giàu thịnh.

Từ hôm ấy trở đi nhà An-Tiêm vừa nghề đánh cá, lại giở nghề phơi muối nữa. Khi được nhiều cá, ăn không hết thì phơi khô để dành.

XIII.

THÚ RAU MỚI PHÁT MINH

Bể trời riêng thú sinh-nhai, đua người văn-vật về đời hoang-chấn. Một bữa trưa hôm ấy, trong các món ăn của nhà An-Tiêm thường dùng mọi ngày như tôm he, cua bể, cá bể, lại thêm ra một món rất trân-kỳ hiếm có để điều-hòa với những món trên kia, thì mới đủ chất tu-bổ cho thân-thể như cách ăn thường lệ của người ta trong lục-địa, thật là một món ăn đáng mừng cho cái cuộc sống của nhà ấy. Món ăn ấy có là gì đâu, chính là một món rau mà ông mới tìm ra được. Bởi vì cái đảo này tro-troi, đến những thứ tài-mộc những thứ rau quả thường dùng trong nhân-thế, cái gì cũng hiếm, hay là tuyệt không vậy. Món ăn ấy An-Tiêm tìm được ở đâu, mà là thứ rau gì ở trong ta?

Trưa hôm ấy An-Tiêm ở đâu về, tay cầm một ôm lá, ngọn như ngọn khoai lang, lá như lá sói mà vừa mềm vừa non dẻo-dẻo, chàng về đến cửa hang, đặt ôm lá ấy xuống đá có ý mừng-rỡ lắm,

Nàng Ba hỏi:

– Lá gì thế?

An-Tiêm nói:

– Một thứ rau tôi mới tìm ra được đây. Khi ở trong cung có được ăn một thứ rau "*thạch-phát*" ngon lắm, người ta nói nó ở trên mặt nước chỗ các khe đá ngoài bể, nên tôi cũng có ý tìm mà chưa thấy. Lâu nay ăn độc một vị tôm cá, xốt ruột thêm rau, vì người ta là giống ăn cả thịt lẫn rau quả, cho nên không ăn ngũ-cốc thì cũng phải ăn rau mới đủ điều-duỡng được tạng-phủ.

– Trông không giống thứ rau gì ta vẫn ăn, nếu có độc thì làm sao?

– Tôi đã nghiệm kỹ rồi, tôi lấy lẽ người ta từ hồi cổ-sơ cũng như các con cầm-thú, vớ được cái gì ăn cái ấy. Rau quả cũng vậy, ăn một lần thấy ngon lành, thì lần sau lại ăn, như cái nghĩa hôm đã lâu tôi đã nói, dần dần khôn ngoan, biết nghề làm vườn ruộng,

mới lấy giống những thứ rau quả đã ăn quen về trồng mà đặt tên cho từng cây một. Nhưng mặt đất mông mênh, hóa-công khéo-léo vô cùng mỗi nơi có một thổ-sản riêng, có phải chỉ loanh-quanh mấy thứ rau quả ta vẫn quen ăn mà thôi đâu. Tôi nhớ trong sách "*Thần Nông bản-thảo*" nói đức thần-nông mới lập ra thuốc-thang, ngài phải đi nếm thử từng thứ lá cỏ một. Có ngày bị bảy mươi thứ cỏ độc, ngài đều thần hóa đi được cả. Ngài nghiệm ra có sáu vị là *cam* (ngọt), *tân* (cay), *khổ* (đắng), *hùm* (mặn), *toan* (chua), khi nào không đủ vị gì thì là *đạm* (nhạt). Sáu vị có bốn khí là *hàn* (lạnh), *luong* (mát), *ôn* (ấm), *nhiet* (nóng), khi nào không đủ khí gì thì là *bình* (bình thường). Mỗi vị có một công dụng là *đắng thì tả, cay thì tán, chua thì liễm, mặn thì thấm xuống, ngọt thì hòa-hoãn*. Sách thuốc lại nói vật nào mà khí nó bình, vị nó cam và đạm thì cái tính nó tất hoài mà vô-độc; vật nào độc thì cái tính nó phải nhiệt mà vị nó phải cay, cho nên các vị về thảo-loại duy có thóc là khí bình, vị cam đạm điều hòa, nhiều chất bổ, nên đáng tiên dân dùng làm thứ ăn thường nuôi người; còn rau thì thứ nào cũng có sở-thiên, nên chỉ dùng làm thứ ăn thêm cho điều-hòa tạng-phủ; ta tuy không thần-hóa được các thứ độc, nhưng ta nhờ cổ-nhân có phép khảo-nghiệm sẵn ấy rồi. Tôi lấy phép ấy mà thí-nghiệm một thứ rau này, nó mọc ở bờ bãi chỗ đất ẩm nhiều lắm, tôi còn nhấm sống một vài lá, sau nướng chín thấy ngon và bổ, khí vị cũng như "rau muống bể", có khi đã nướng ăn một mớ to, thấy mát ruột, mà lạnh, mới dám hái đem về đây.

– Bây giờ làm thế nào mà ăn?

– Thong thả rồi ta cũng phải tìm cách chế ra nồi niêu mà nấu-nướng, bây giờ tôi đã có cách này làm cho rau chín được.

Nói xong ôm ôm rau lên trên giềng rửa sạch sẽ, lấy cỏ bọc ngoài rồi chát bùn đi, đem về đốt lửa nung một lát bỏ ra, An-Tiêm ăn trước rồi Nàng Ba mới ăn, hai vợ chồng vừa ăn vừa cười cười nói nói lấy làm ngon lắm. An-Tiêm nói:

– Tôi từ thừa nhất-sinh làm người đến giờ, hàn vị có, phú-quí có, phồn-hoa đã trải, thôn quê đã từng, nào yến nào tiệc, trải biết cả các vị trân-cam bốn bể, mà chưa từng được bữa nào ngon sướng như bữa rau muống bể mới tìm ra, đắp đất nướng chín này. Cho

mới biết ở đời không có cái gì là quý, cái gì là hèn, tạo-hóa sinh ra vạn-vật, tạo-hóa coi cái nào cũng như cái nào, cái nào cũng có một cái công-dụng riêng, có cái nào là khinh cái nào trọng gì đâu; chỉ tại người ta không biết lựa mà dùng cho phải cách, thành ra vật mới có cái khinh cái trọng. Bây giờ thử đem một bát nấu long-tu là thứ sụn cá với một bát canh rau ra kẻ chợ mà hỏi, thì chắc ai cũng nói bát long-tu là trọng, bát canh rau là khinh. Nhưng có biết đâu rằng rau là thứ ăn điều-duỡng, cho cả bàn dân, mà long-tu chỉ là một vị ăn phô bày trong tiệc trọng, thì công-dụng bên nào đã khinh trọng hơn bên nào, mà vội cho ngay là cái này khinh cái này trọng thì cũng liều thật.

Bây giờ ăn uống vừa xong, trời đã xế chiều, mà động thì hướng tây, nắng xiên vào, bức lắm. Nàng Ba đưa hai con ra trước cửa động hóng mát. An-Tiêm thì còn dọn dẹp ở trong hang, Nàng Ba đang trông về mặt bể tây xem trời mà tưởng-vọng. Chợt ngảnh lại đang bên Sứ, thấy có một cánh buồm đen đen, cách xa cửa bể thấp thoáng trên làn sóng, lúc nhô lên lúc chìm xuống mà chạy thẳng vào bến Sứ. Nàng Ba mừng lắm vội gọi líu-lít lên rằng:

– Có một cái mảnh đang chạy vào bến Sứ, thấy ra mà xem. An-Tiêm vội-vàng chạy ra đứng trông thì chỉ thấy buồm, chứ không trông rõ thuyền, nhưng chắc là thuyền vào bến Sứ. Nàng Ba nói:

– Thuyền này chắc là thuyền sứ-giả chứ không phải thuyền thương-khách, vì không phải quốc-sự thì không ai ra đây để làm gì.

An-Tiêm nói:

– Phải, chắc là thuyền nhà vua, một là ra thăm xem ta ăn hết lương rồi thì chết hay sống; một là đem cấp thêm cho đồ dùng; lại một nữa là Thiên-tử đã xét ra biết ta oan mà cho đón về. Nhưng nếu có phải ra đón thực, thì chắc Thiên-tử lúc đem đây ta ngài cũng tin rằng ta ra chỗ đã có nhân-dân như trong lời cáo mệnh, chứ ngài có biết đâu đến cái mưu độc của kẻ gian-ác thế này. Tuy-nhiên, nếu vậy thì Thiên-tử cho ra đón ta bây giờ cũng còn khí sớm, ta thêm khó nghĩ; nếu ta cố-từ thì trái vương-mệnh, mà về thì chưa có chút công-nghiệp gì ở đây, để một cái cảnh tuyệt mỹ, một cái phủ trời hùng-vĩ xa-xôi của tông quốc này, lại yêm-một ở ngoài muôn dặm trùng-duơng, bị mây trời nước bể che trùm đi như từ khi khai-tịch

đến nay, từ nay đến sau, ai còn biết đến, mà còn ích lợi cho ai. Bao lời ta hứa, bao chí ta định, toại-thành hư-không cả, mà ta chung-thân canh cánh bên lòng như người mang nợ chưa trả. Ta vẫn mong rằng ta được ở đây ít lâu để ta đem cái sức chân tay tâm-huyết của một nhà ta mà lập nên công-nghiệp, đưa cái cõi hoang vu lên đời thịnh-thế bấy giờ Thượng-đế sẽ mở đường cho về, cho những kẻ hôn-mê khi-trá, những kẻ phản-ngịch của Thượng-đế biết rằng Thượng-đế là đáng đáng tin, mà người chí-thành mới kham nổi tai nạn, người kiên-nhẫn mới làm nổi công việc. Thì ta không những là tôi con của Thiên-tử phải tận-tụy việc nước, mà ta lại là tôi con của Thượng-đế phải lấy thân làm gương cho đời, chẳng càng hay du!

– Thế nhưng mà ở đâu không tu được phúc, không tận được trung, cứ gì ở một đây.

– Ta hãy ra đón xem thuyền sứ hay thuyền gì.

Bấy giờ Nàng Ba vịn cái áo lụa trắng rách, xé mấy bận đã cắt cả vạt trước vạt sau, An-Tiêm thì cúi trần đóng khố, hai đứa con thì quần áo xóc-xếch.

Nàng Ba nói:

– Ta trở vào ăn mặc tử-tế để ra tiếp tân cho khỏi vô-phép.

Vợ chồng lại vào hang mặc áo chỉnh-tề. Nàng Ba với Mai-Lâm thì ra ý mừng rỡ lắm. Một lát kéo nhau ra. An-Tiêm cùng Mai-Lâm, Nàng Ba dìu Quế-nương, lật đật đi ra bến Sứ. Vợ chồng cứ vừa đi vừa nghe trông ra chỗ thuyền vào, sau bị ngàn lau khuất đi, mới chịu cúi đầu mà đi. Đến nơi thì không thấy cái thuyền ấy đâu cả, trông quanh trông quéo cũng chẳng thấy gì. Nàng Ba nói:

– Có lẽ vì ta nhớ mong mơ-tưởng quá. Rõ-ràng mở mắt mà ra chiêm-bao chẳng?

– Không có lẽ một người lầm chứ hai người cũng mơ cả hay sao! Hoặc là lúc ta đi khuất ngàn lau thì cái thuyền ấy bị sóng to đánh đắm mất mà ta không biết chẳng, hay là gió đánh tạt vào đâu, thử tìm kỹ xem.

Một lát cái thuyền ở đâu lại rềnh lên trước mặt ngoài xa xa.

An-Tiêm vừa trở ra bể vừa bảo Nàng Ba một cách mừng rỡ quố-huớ lên rằng:

– Cái thuyền ấy kia rồi, sóng vỗ tràn cả thuyền đi, chỉ hở một cái mũi ra mà thôi.

Hai vợ chồng bèn cho con đứng xuống bãi cát, cùng nhau vừa trông ra thuyền vừa vẫy tay. Thuyền vào gần mà cái thân thuyền cũng không nổi lên tí nào. Hai vợ chồng đưa con ra gần mé nước đứng trông, bỗng lại thấy chìm-lìm đi đâu mất, hai vợ chồng lấy làm ngạc nhiên sợ hãi.

Nàng Ba nói:

– Hay là thuyền ở dưới long-cung thủy-tế hiện lên tiêu-dao trên mặt bể, thấy người dương-gian ta làm lộ-liễu mà lặn xuống chẳng?

An-Tiêm không nói gì, đứng thẩn người ra có ý nghĩ-ngợi. Tự-nhiên thấy ở gần trước mặt, quấy lên năm sáu cái cục mạnh, phơi mình lên đen thui-thui, to tướng tần-vần, nước bắn lên trắng xóa, sóng cuộn lên như núi, sánh nước cả vào ngang lưng người đứng trên bờ. Nàng Ba với hai con hãi chết khiếp người đi, không biết là làm sao. An-Tiêm cũng hoảng-hốt sợ hãi, vội bế con dắt vợ chạy một quãng xa mới ngảnh cổ lại trông, thì lại thấy một vệt nước phun lên cao ngất trời, nước tỏa ra như mưa rào.

An-Tiêm nói:

– Đúng lại đây mà xem, nó là con cá rồi, cái buồm lúc nãy là vây nó đấy, có thuyền bè nào đâu. Có lẽ nào Thượng-đế không cho ta thành-công ở đây, thì đưa ta đến đây làm gì.

Nàng Ba vừa run vừa thở mà rằng:

– Cá gì mà to đến như thế! chắc là sự hóa phép của vua Long-vương đó thôi, không nên đứng ở đây mà chạm vĩa chẳng.

– Không phải thế, chính là con cá đó. Tôi đã nói vũ-trụ là một nơi tốt lành tự-nhiên, không có cái gì là quái-gở bao giờ. Con cá này là một con trong loài kinh-nghe, mà tiếng ta tổng-danh là cá ông-voi. Tục-ngữ có câu: "*Nhất điều nhì ngư*", là trong vật-loại có chim là lớn nhất, đến cá là thứ hai. Câu ấy trong sách *Trang-tử* về thiên *Tiêu-dao* có nói: "Bể Đông có con cá còn nhảy một cái ba nghìn dặm, hóa ra làm con chim bằng, cánh xò ra, như đám mây rợp trời, vỗ cánh bay một cái chín vạn dặm, ra đến bể Nam-minh là một cái ao trời"; điển ấy tôi đã dẫn vào câu thơ hôm mới đến bến Sứ này để

tả cái nghĩa vũ-trụ cực rộng. Lại các phụ lão ngoài đường bẻ có truyền ngôn rằng: "Có một cái thuyền sáu người lớn nhỏ, bị con cá ông-voi nuốt vào bụng, rồi sáu người ấy cứ xẻo thịt cá mà ăn, giả thử sáu người ấy chỉ ăn mà thôi thì cá không biết. Về sau họ không ăn cũng xẻo để lấy lối ra, cá mới thấy đau bụng, dẩy mãi rồi vào bãi cát chết. Sáu người mới ra ngoài thì người bé đã lớn, người lớn đã già." Hai câu chuyện ấy chẳng biết có hay không, nhưng chính ngày tôi ở trong cung, ngoài bể có đem vào tiến một bộ xương cả. Vua cho bày vào vườn Thượng-lâm làm cái núi non bộ, thì thấy mỗi đốt xương sống của nó bốn người ngồi vừa, Thế thì cái toàn-thân sinh-thời của con cá ấy có thể lượng mà biết được. Con chim to lắm thì chưa ai nom thấy, có lẽ trong thế-gian này mới biết cá là to nhất mà thôi. Người ta sinh ra ở đời cũng như xem hội, xem được cái gì hay là lợi cái ấy. Chúng ta được trải bao nhiêu cái cảnh thiên-nhiên diệu-tuyệt của tạo-vật, há không có cái nhớn-phúc to lắm thì sao có thể được.

Nói xong thì cái vệt nước phun vừa tạnh hết, bể lại im sóng không thấy gì nữa. Trời xẩm-xẩm tối, Nàng Ba giục chồng cho con về.

XIV. CHẾ QUẦN ÁO

Từ hôm ấy trở đi, Nàng Ba cứ nói chuyện đến con cá ông-voi ngoài bến Sứ mà lấy làm kinh-dị mãi.

An-Tiêm nói:

– Vạn-vật trong thế-gian, ta thấy con cá ông-voi thì ta cho cái tài ông tạo làm rất vĩ-đại, nhưng ta nghe nói con "*tiêu-minh*" thì ta lại phải chịu cái tay ông tạo làm rất tử-mỉ nữa kia.

– Con tiêu-minh thế nào?

– Ngày xưa vua Tề Cảnh-công hỏi ông Án-tử rằng: trong thiên hạ có con vật gì là cực nhỏ không? Án-tử thưa có con tiêu-minh, một đàn nó hàng mấy trăm nghìn con làm tổ trên đầu con muỗi, ăn ở bay nhảy một cách ung-dung, mà con muỗi cũng không biết. Ta không biết Án-tử có cái thần-nhỡn thế nào chứ như mắt ta thì không thế nào thấy được.

Nàng Ba nghe nói càng thán-tán cái tài-năng của hóa-công và cái oai-linh của Thượng-đế. An-Tiêm liền đọc một bài thơ "Vạn vật" rằng:

*Ra khơi xem cá ông voi,
Vào hang bắt muỗi xem loài tiêu-minh.
Cũng tâm cũng tính cũng tình,
Cũng vùng-vẫy đủ, cũng sinh nuôi vừa,
Muôn vàn trong một hóa-co,
Chớ đem nông-nổi mà ngờ cao sâu.*

Nàng Ba nói:

– Tạo-hóa đã sinh ra vạn-vật, lớn đến thế nào, nhỏ đến thế nào cũng đều cho được thỏa cái lòng sinh-dục cả. Tuy nhiên, cái sinh-dục của vạn-vật còn theo phép tự-nhiên dễ-dàng, mà cái sinh kế của người ta đã đổi ra cuộc cơ-xảo khó khăn rồi; nay ta ở đây, cái ăn đã vậy, còn cái mặc thì vợ chồng con cái, mỗi người có vài cái quần áo, mặc dày-vò đã mấy tháng nay, mà cái hạn lưu-phóng của ta ở đây chưa biết bao giờ sẽ mãn, mấy tháng nữa mặc rách hết thì lấy gì mà mặc?

– Việc ấy tôi cũng đã nghĩ, nhưng xem sản-vật ở đây, thì chỉ có cây bông cây cói, là có thể đan và chế ra quần áo cùng chiếu nằm được. Hiện-thê vốn biết nghề đan dệt, tôi chắc ta có một thứ quần áo kiểu mới vừa tiện vừa nhã mà mặc chứ chả lo.

– Ví có làm được thì cũng là mang toi khoác bị cho qua, lại còn tiện-nhã gì?

– Tiện-nhã là cái ý-kiến của người đời, không có nhất định được. Có khi một việc mà người này lấy làm tiện-nhã người kia lấy làm rất không tiện-nhã; chỗ này lấy làm tiện-nhã, chỗ khác lấy làm rất không tiện-nhã; lại có khi tiện-nhã cho lúc này, mà lúc khác coi ra khốn khổ, rất không tiện-nhã chút nào. Về việc y-phục, lẽ ấy lại càng rõ lắm. Ta nên xét lại từ đời thái-cổ, ở đây chính là cái cuộc đời hồng-hoang, mà ta phải đi bắt đầu lại, và phải đem cái phương-pháp của tiên dân trong lục-địa mà khi-thác ra, cho nên mỗi việc không thể không dẫn đến việc cố-sơ để làm gương được. – Về đời hỗn-độn thì người ta cũng ở trần như cầm thú, lúc bấy giờ há không coi làm tiện-nhã lắm ru! Bao lâu đến đời Thần-phóng thời mới cho cách ở trường là không tiện-nhã, mới bóc vỏ cây che vào

thân, mà chống với phong sương, và cho khỏi lỏa-lồ. Lúc đó cách đeo vỏ cây đã là tiện-nhã hơn là cầm-thú lắm rồi. Lại bao lâu đến đời vua Hoàng-đế, lại cho cách che vỏ cây làm rất không tiện-nhã, mới dệt vải lụa, chế ra áo xiêm, thì tiện-nhã hơn trước là bao nhiêu. Đến đời Đường, Ngu, lại cho áo xiêm trúc làm chưa đủ tiện-nhã, chế ra gấm vóc có văn-thái "rồng, mây, sóng, sủ", rực-rỡ vẻ-vang, thì tưởng đã là tiện-nhã lắm, không còn gì hơn. Dần dần đến nay từ các nước chư-hầu bên Trung-quốc, đến nước Việt-thường ta, bày ra các lối y-phục phiền-phức là dường nào, mà coi lối Đường, Ngu làm không tiện-nhã nữa. Xem các y-phục đời nay, nào triều-phục, cát phục, quân-phục, hung-phục, nho-phục, thường-phục, áo đi ngủ, áo mùa rét, áo mùa nực, dùng bằng cừ, bằng da, tơ, bông, gai; phân ra quý-tiện đẳng-cấp; lấy làm tiện-nhã lắm, biết đâu sau này lại còn nhiều lối tiện-nhã hơn, mà chẳng cho cách bây giờ là thái-bất-tiện bất-nhã hay sao. Lại như hiện nay ta coi lối y-phục của nước ta làm tiện làm nhã mà cho lối của nước khác như Ngô, Triệu, Sở, Yên, làm không tiện-nhã. Người các nước ấy đối với nước ta cũng thế. Thế thì cái tiện-nhã có phải là bởi ý-kiến của người đời không. Tuy nhiên, việc thiên-hạ bề ngoài tuy nhiều hình-dạng, mà tựu-trung chỉ có một cái nguyên-lý bất ngoại là "để che thân". Trời sinh muôn vật, cầm-thú thì có con da dày, con lông rậm, đủ mà chống với khí trời, đến như người ta thì da mềm mà lông lại thưa, cái vạ cầm-mạo càng dữ-dội hơn là cầm-thú. Nhưng trời lại phú cho người ta cái tay khéo, cái trí khôn, thế là lúc đĩnh-sinh trời đã định cho người ta phải chế lấy quần áo mà mặc rồi đó. Coi đó thì dù phục-sức thế nào cũng chỉ là để che thân, nay ta ở đây người ít đất hẹp, một chút tài-liệu gì không có, mà muốn theo cái lối tiện-nhã như ở cõi đời bên kia, thì làm thế nào được. May Thượng-đế còn dành cho ta một ít bông cối ở ngoài bãi kia, ta nhân cái vật-sản đã có ấy, tham với cái ý-kiến của mình mà chế ra một lối phục-sức mới cho thích-dụng, hẳn đã thích-dụng cho ta được, thì là tiện-nhã cho ta đó. Vậy thì hôm nay trở đi mỗi ngày chia ra làm hai phần, một phần thì đánh cá hái rau ăn; một phần thì đi cắt bông cắt cối về phơi, để chế ra quần áo mặc. Phải liệu cho có quần áo mới mặc ngay đã rồi mới tính đến các việc sửa sang khác được. Còn đồ mặc cũ này thì cắt đi để dành. Khi nào có làm lễ cáo với Thượng-đế, với thần-minh, với tổ-quốc

thánh-thần, sẽ mặc đến; lại chắc thể nào rồi cũng có người ở trong nội-địa ra tới đây, thì ta sẽ lấy quốc-phục mà tiếp-kiến. Tôi nghĩ như thế, không phải tôi có lấy cái đồ phục-súc cũ này là tiện-nhã hơn gì đồ phục-súc mới mà ta sẽ chế ra nay mai đâu. Cái đồ mới tuy chữa trông thấy, nhưng thể nào mà không thích-dụng được, thích-dụng được là tiện-nhã rồi. Là ý tôi muốn để dành những cái y-phục cũ ấy lại làm vật ghi nhớ quê hương xứ-sở, mỗi khi trông thấy thì nó có một cái sức tiềm-linh rất mạnh, xúc-động cho tâm-thần ta phải sinh lòng hoài-cựu mà không vong-bản, sau là cái vật mà mình đã lấy làm kính thì mới cảm-thông được thần-nhân. Cứ kể cái phép trị những nước cựu-bang cố-quốc kia, thì phải làm thế nào cho dân ngày thêm mới, cho càng được tới chốn "*chí-thiện*", thời phạm lễ-văn chế-độ, phạm nhất-thiết những việc nhân-sinh phải nhân thời tùy thế mà biến-thông đi mới được, mà cái cách khu-khu giữ lấy thói cũ thực có hại cho trị-hóa vậy. Nhưng mà cái cảnh-huống cái tình-thế của ta ở đây bây giờ thời lại khác, ở đây là một cái đời hỗn-mang chi-sơ, là cái chốn ly-tuyệt với nước nhà dòng-dõi, ly-tuyệt với thế-gian, phạm những sự dưỡng-sinh hằng ngày, chẳng tìm mới ra cũng chẳng được; cái cơ nó bách cho ta phải quên cả cội nguồn, nó bắt cho ta phải sa-đọa làm thân cầm thú, muôn đời nghìn kiếp không biết đến mình bởi đâu mà ra, thực là dễ lắm. Thì hễ ta còn ghi nhớ được đôi tí gì gọi là di-tích của tự tiền nhân, thì tức là cái dây buộc tâm-hồn ta ở ngoài trời này với linh-phách tổ-tiên trong đất kia làm một đó. Cái dây ấy mà còn, thì ta mới còn biết muốn sống làm người, mà làm người cho không hổ với cao đầy, cho khác với cầm-thú, cho lập nên công-nghiệp ở trong càn-khôn, cho được trọn làm con tin yêu của Thượng-đế mà dãi phúc về sau. Bởi vì làm người sống ở đời đã không biết mình tự đâu mà ra, không biết người sinh ra đời trước ta đã làm nên những công-nghiệp gì cho đời, thì còn biết bằng-cứ vào đâu mà theo đuổi để tiến cái cuộc đời của mình lên bậc hoa-hạ hay di-địch nào nữa.

Hai vợ chồng bàn-bạc xong, chiều hôm ấy khởi hành ra bãi đi cắt cỏ cắt bông đem về phơi. Độ ấy trời nắng ráo, bông cỏ hôm nào cắt về cũng phơi được nắng, thấm-thoát hơn một tháng trời, hai vợ chồng đã chế ra được bốn bộ tân-trang của người lớn trẻ con nam nữ.

An-Tiêm mừng lắm bảo Nàng Ba rằng:

– Thế là cái cõi đời mới của bốn người ta ở đây mới độ ba bốn tháng, mà đã qua được đời hỗn-độn sang đời Toại-nhân, lại qua đời Toại-nhân sang đời Hoàng-đế. Xem đó thì đủ biết Thượng-đế không lúc nào không run rủi, không giúp đỡ cho ta được trông thấy cái công-nghiệp của tiên-thân ta vậy.

Nói rồi ngâm lên rằng:

*Tháng ngày lấy cá thay cơm,
Cất bồng chẻ cói đan làm áo xiêm.
Kho trời sẵn của thiên-nhiên,
Mà công tham-tán là riêng của mình.*

XV.

GẶP TỬ-THI ÔNG LẠC-TUÔNG

Bốn bộ quần áo vừa chế xong thì bị bão mất hai ngày hai đêm. Sáng hôm sau tạnh bão, trời hửng nắng, cả nhà thay quần áo mới. Nàng Ba đem quần áo của vợ chồng con cái ra bãi bể giặt. Nàng bắt được một đoạn song dài độ một sải, ở bên bờ mang về đưa cho chồng xem, bấy giờ chàng đứng ở cửa hang đón lấy khúc song mà xem đi xem lại, nói rằng:

– Khúc song này là cái dây chằng cột buồm, tay người cầm vào đã nhẵn, dây chằng buồm to thế này, thì cái thuyền đã lớn lắm, có lẽ là chiến-thuyền của nước ta bị bão đánh đắm. Dây chằng cột buồm đứt trôi ra đây, thế thì con bão tây-bắc to lắm mới thổi rất được những vật trôi trên mặt bể ra mãi gò này, cứ một vật này thì chung quanh cái gò cũng còn nhiều vật cùng với khúc song này bị bão trôi ra nữa, mỗi buổi chiều ta đi chơi mát ra những khu bãi cát từ tây-bắc đến tây-nam, xem có được cái gì nữa không.

Nói rồi An-Tiên cầm cái khúc song ruỗi hai tay mà uốn ra rồi lấy guom bút hai đầu xước đi cho nhẵn mà rằng:

– Cái này ta để làm cái gậy cho hiền-thê chống khi lên núi, mà giữ làm ghi cái tin buồn của quê-hương mà thần cụ-mẫu¹ đã

1. Cụ-mẫu: Thần làm bão, bão đủ tám hướng gió tên gọi là cụ (đủ); tục Bách-việt ta đời cổ gọi cái móng là thần cụ-mẫu, người Tàu có tả vào thơ Đường-thi.

đưa cho ta biết, bấy nay không biết tin tức trong nước thế nào, nay đã được một cái hung-báo rồi đây!

Nói xong cầm cái gậy song giò lên ngắm-nghía một cách rất trân-trọng ngắm-ngủi, rồi đem cất vào trong động. Đến chiều quần áo cũ vừa khô, vợ chồng gấp gọn-gàng để vào góc động, rồi đưa con ra bãi bể chơi mát. An-Tiêm trong thì đóng một cái khố lụa cũ, ngoài mặc cái áo bị xẻ tà, ngắn đến đầu gối, lưng thắt một cái đai bằng cói, đầu đội một cái nón ghép bằng lá, tay cầm thanh tản-viên điện-quang, chân đi dép cói, cổ đeo cái diu, diu con gái. Nàng Ba thì mặc một cái xiêm cói, một cái áo cộc cói, mà gấu xiêm gấu áo đều để đầu dí tết làm chân chỉ, thắt một cái dây lưng cói bện tròn, và cũng đội nón lá, đi dép cói. Hai đứa con cũng mỗi đứa một cái áo cói, Mai-Lâm thì đi đất. Ba người dắt dây cu-kêu đi tho-thẩn trên bãi cát trắng phau, một bên thì sóng bể rền lên lau vằng nhật xế, một bên thì áng cỏ chân đồi pho-phất dưới bóng tà-dương phai nhạt, trước mặt gió lộng nồm đánh tạt vào xiêm áo Nàng Ba, nghe tiếng sột-sạt, giá-thử khi nàng mới đến đảo này mà trông thấy cái cảnh lổ-lăng lam-lũ như thế, thì nàng không thể cầm lòng được mà không sa mấy giọt lệ thương-tâm. Nhưng bấy lâu cảm-hóa những lời chồng khuyên-dỗ về cái đạo "*tự-tin, tin trời*" thì đã sinh bao nhiêu cái lòng can-đảm, cái chí kiên-nhẫn, cái tài phương-tiện, để cùng nhau chống với tai-nạn, nên nàng nghe tiếng áo bay, cúi đầu ngắm mình, không lấy làm khổ, lại có ý mừng rằng vợ chồng thế mà cũng khéo, An-Tiêm xem biết ý vợ, lấy làm đắc-ý lắm. Chàng cho vũ trụ lúc đó là một cái vườn xuân mà Thượng-đế để riêng cho một gia đình nhà mình tiêu-dao, chàng bèn ứng-khẩu đọc lên một bài rằng:

*Nhỏn-nho đứng trước gió đông,
Gió lay áo cói xiêm lồng tả-toi.
Ngắm ta ta cũng nực cười,
Răng đen má phấn vốn người ta xưa.
Thay hình đổi dạng nên ngờ,
Mà lòng son sắt bao giờ nhạt phai.*

Nàng Ba mỉm-mỉm cười mà rằng:

*Lòng son dạ sắt cho bền,
Răng đen má phấn càng thêm bện lòng.*

Nàng Ba đọc xong thì vợ chồng cùng cười vang lên, vừa cười vừa đi vừa trông xuống mé nước để xem có vật gì rớt vào không. Đi đến một cái bãi cát rộng thung-thình, An-Tiêm cho Quế-nương đứng xuống, rồi cùng nhau trông lên phương trời tây-bắc mà ngắm xem mây dáng chốn hương-quan. Bỗng nghe tiếng vù vù sau lưng, cùng ngảnh lại thì thấy một cái hoa hồng bị gió thổi rụng xuống, rồi gió càng thổi càng lẫn-lóc, tít tắp mù xa như cái bánh xe lăn trên bãi cát, đang đứng xem với nhau thì cái hoa khác lại chạy suột qua, Mai-Lâm ù phá đuổi bắt. An-Tiêm cũng nô với con mà đuổi theo, càng đuổi cái bánh xe cỏn-con có nhiều tua ấy càng chạy nhanh, An-Tiêm hết sức cũng không theo kịp. Lại ba bốn cái khác kể đến. Mai-Lâm rối-rít ngã lẫn cả ra bãi, cả nhà cười ầm lên với nhau. Nàng Ba bèn đọc lên rằng:

*Dan tay góc bể ban chiều,
Mây bay phoi-phới, sóng kêu dùm-dùng.
Giữa cồn cát trắng mênh-mông,
Thằng con đuổi cái hoa bông gió lẫn.
Gió lẫn bông chạy tuyết trần,
Mà cho thằng bé lăng-căng trên cồn.*

Nàng Ba ngâm xong thì thấy có hai con quạ bể ở mé bãi đang nam bay lên kêu mấy tiếng rồi lại đậu xuống. Một lát lại hai ba con nữa ở đâu bay đến cũng xuống đấy. An-Tiêm nói.

— Những con quạ bể nó gọi nhau đến chỗ kia, chỗ ấy có cái gì, ta đến xem đi.

Bốn người dắt nhau lững-thững đi đến gần đầu ghềnh, thì đàn quạ bể bay tán đi. Vợ chồng đưa con rảo bước lên trông xuống vệ bờ cái lạch nhỏ bên đầu ghềnh, thì thấy một người nằm vắt ngang ra đấy. Nàng Ba rùng mình sợ hãi. An-Tiêm vội dắt vợ con đi lùi lại đến chỗ vừa khuất mắt, để cho vợ con đứng lại rồi một mình đi lên đến nơi xem, thì ra một cái xác người đàn ông cao lớn lực-lưỡng, da sắt mảy rậm, cằm én đầu hằm, râu quai nón, hai bàn tay nắm chặt, mắt mở, mặt đỏ như còn hăng máu, đầu tuột mất mũ, chân tuột mất giày, mình mặc cái "áo nậu"¹ đỏ, thắt một cái thắt lưng

1. Áo nậu: Áo quan võ có thêu tùy chức hơn kém khác nhau.

đỏ chít mũi hậu. An-Tiêm nhận đích là người Văn-lang, nhưng không biết là ai. Chàng bèn cởi cái cúc áo ở áo tử-thi mà lật cái vạt "áo mỗ bụng" ra xem, thì thấy một cái túi con khâu vào lần lót, có một cái con so bằng ngà, thích hai chữ hoa-văn là "*Bình Thục*". Chàng khép vạt áo lại rồi cầm cái con so đem lại giờ cho vợ xem mà rằng:

– Trong mình có cái quân-phù này, thì ông này là một viên Bình-Thục Lạc-tướng đang đi đánh rợ Thục, không biết trận-tử ở trận thủy-chiến nào mà bão trời ra tận đây. Xem hai bàn tay và áo đằng trước có nhiều máu ở ngoài bắn vào, mà mình chỗ nào cũng có dấu thủng, thì ông chết khi ông đang xung-sát với kẻ thù, nhưng sao tôi không biết mặt bao giờ. Thấy ông mà tôi lại nghĩ một điều rằng rợ Thục ở tây-bắc nước ta, ta đi vắng mới rằm sáu tháng nay, nó có sang thì còn đánh ở sơn-cước, chứ lẽ nào đã tràn qua trung-nguyên đến hải-tân mà có trận thủy-chiến to thế này!

– Khốn nạn! giặc Thục hạ mất thành Phong-châu rồi thì lão-thân tôi già yếu, thoát sao cho khỏi cái vạ lửa-bình!

– Còn lấy lý mà đoán như thế chứ đã hẵn đâu. Ta phải nên cầu-đảo Thượng-đế thần-minh a-hộ cho nước ta còn, thời nhà ta mới còn, nước nhà ta còn thì ta mới trông mong có ngày được hưởng cái phúc đoàn-viên nơi cố-lý, vậy hiền-thê đứng ở đây với con, để tôi trở lại viếng ông vài lời.

– Thi-thế đã biến đổi nhiều chưa?

– Không biết trăm-nịch từ hôm nào mà thi-thế chưa hề biến động, diện-mạo vẫn lăm-liệt trông như người ngủ.

– *Sống tướng mạnh, chết thần thiêng*, những bậc trung-thần liệt-sĩ vì nước liêu mình như thế, tất có hiển-linh khác thường, ta lâu không được trông thấy cái mặt sống người đồng-bang, may được trông thấy cái thầy chết người trong nước, cũng đủ hả chút nhớ mong, phương-chi người chết lại là một đấng trung-liệt, thì được sùng-bái cái anh-linh của ngài chẳng cũng may ru? lang-quân cho tôi đến với.

– Vậy thì cho con cũng đến.

Bấy giờ lại dắt-díu nhau đến, hai vợ chồng cùng chấp tay vái trước linh-hài. An-Tiêm khấn lên rằng:

– “Chúng tôi là vợ chồng An-Tiêm với Cao-thị và hai con, kính viển vong-linh ông Bình-Thục Lạc-tướng trận-vong mà linh-hài trôi đến mé gò Hải-nam là nơi quốc-giới xa-xăm cách muôn dặm trùng-duong này. Chúng tôi với ông tương-ngộ nhau ở chỗ mé bể gió cát mây mù, lạnh-lùng vắng ngắt này. Trước khi chúng tôi chưa đến thì có một đàn quạ bể đứng châu ông, chúng nó tuy là một giống ác-diều mà thấy linh-hài một đấng trung-thần cũng phải khởi-kính, không dám động hễ gì; tới khi chúng tôi đến thì lại chỉ có chúng tôi là bốn người còn sống với ông là một người đã qui-linh rồi là năm, ngoài ra không còn có ai là người đồng-cửu với ông mà viếng ông nữa. Chúng tôi với ông tuy mình duong hai ngả khác nhau mà cái kiếp phiêu-lưu cũng là một. Ông tuy thác mà thác là vinh, chúng tôi tuy sống mà sống là nhục; vinh là trước khi ông từ-trần đã được mục-kích cái cuộc binh-tranh của nước nhà, đã từng ghé vai gánh cái non sông cho tới lúc thế cùng, mới chịu đem một cái chết mà báo-quốc; tuy lúc loạn-quân rối-rít mà người nước hay sử-thặng đòi sau, không biết đến cái oanh-oanh liệt-liệt của ông nữa, thì trời cũng đã thấu rồi. Cái lễ tống-chung đưa linh-hài ông tới cái đảo thần-tiên này là một lễ của cả vũ-trụ, những tiếng sóng bể ồn-ào là những âm-nhạc bi-ai; những đám mây phát-phối là những cờ minh-tinh đan-triệu; chim trời cá bể là những sĩ-tốt nhân-dân đi tiễn-biệt; cái can-tràng ông bọc-bạch với cao-thâm, cái vong-hồn ông siêu-thoát, mà cái linh-phách ông còn bàng-bạc ở càn-khôn, cái anh-linh bất tử ông còn y-bạn ở cỏ hoa đất nước; thế là ông vinh. Nhục là chúng tôi sống dở chết dở lêu-lổng ở ngoài trời này, thậm-chí đến nước nhà nguy khốn, quân-phụ lo phiền, nhân-dân xã-tắc tôn-tộc phân-mộ, đang hăm-nịch ở trong cái gió bụi rợ Thục, đã không chia xẻ một chút tai-nạn nào, lại mang-nhiên không biết đến nữa, thế là chúng tôi nhục. Tuy vậy dù sống dở sống nhục, sống làm cái kiếp chìm muông thế này, chúng tôi cũng xin cam lòng mà chịu, để làm cái việc của Thuợng-đế với thiên-tử đã phó thác cho. Song le, chúng tôi không biết cái tin lành dữ ở trong nước bây giờ thế nào, vị vạn-nhất cái ngày chúng tôi thành-tựu được công-nghiệp ở đây rồi, mà non sông đã đổi chủ, thì ai sẽ đón chúng tôi về mà chúng tôi sẽ về đâu? Vậy xin ông sống khôn thác thiêng, phù-hộ cho chúng tôi đủ sức mạnh gan bền mà mở-mang lấy cái hòn cù-lao cón-con ở nước ta

này, vong-linh ông cũng được cùng chúng tôi cùng ngóng đợi tiêu-hao của tôn-quốc. Thôi, càng nói càng đau, càng trông càng thảm, bây giờ trời đã gần tối, khí bể lạnh-lùng, chúng tôi xin chào vong-linh ở lại với linh-hài, cho chúng tôi tạm trở về trong hang núi, sớm mai xin lại ra đắp-diểm lấy cái linh-hài của tổ-tiên truyền dõi, của non sông chung đúc nên một khối tinh-trung này, để ông yên giấc mộng lâu dài”.

Khẩn xong, An-Tiêm lại đọc một bài thơ viếng rằng:

Bên ghềnh dưới bóng tà-huy¹,
Ba con quạ bể một thi tướng-thân.
Non sông cũng kiếp nợ-nần,
Cũng đời trôi rạt cũng thân bể trời.
Hỏi ông ông chẳng trả lời,
Nước nhà thắng bại tôi thời hỏi ai!

Nàng Ba nghe chồng đọc mỗi câu, lại càng thêm thốn-thức lên. Đọc xong, hai vợ chồng vừa vái vừa khóc nức-nở rồi đưa con về. Về đến hang thì tối mịt. An-Tiêm cầm đèn ra vệ núi hái được hai cái lá to đem về, vợ thì cầm đèn giờ lên, chồng thì nằm phục xuống gằm cái gai vừa nghĩ vừa viết vào lá làm *lời lụy*² để ngày mai đọc viếng trước phần mộ ông Tiền-Lạc-tướng ngoài bãi bể. Sáng mai tang-tưởng. An-Tiêm cầm gươm và xách cái rọ đan bằng cành cây vắn để đánh cá, một mình đi ra chỗ thi-thể ông Lạc-tướng, còn Nàng Ba thì phải ở nhà để đi hái rau kiếm cá ăn bữa trưa. An-Tiêm đứng ngắm lại phương-hướng mà lẩm-nhẩm một mình rằng:

– Hôm qua đầu chính đông, mà hôm nay quay ra đông-nam trông về cố-quốc, cụ Tiền Bình-Thục Lạc-tướng thực đã hiển-linh ở đây rồi. Ý thần cũng như ý người, vậy xin cho làm lễ an-táng.

Nói rồi An-Tiêm quì xuống cài cái con so ngà vào túi cho linh-hài, lại xé một vuông lụa thắt lưng của ông Lạc-tướng phủ lên mặt cho ông chỉnh-đốn xong mới ra súc cát vào rọ, hai tay bè đi lom-khom đến đổ lên trên đỉnh đầu cho ông tử-tướng một cách rất

1. Tà huy: Bóng chiều đã nhạt, cũng như tà-dương.

2. Lụy: Nhời truy điệu, lời viếng, lời xưng tán cái công đức người chết, tiếng cổ.

thành kính cảm-động. Chàng tự nghĩ trong bụng rằng: "Cái quí báu bất-hủ của tạo-vật tất phải cất vào kho bảo-tàng của càn-khôn như thế này cũng phải, còn quan quách lằng-tắm của thế-tục kia chỉ thêm cho đời sau biết chỗ mà bói cái bất-khiết ra thôi, chứ có ích gì" Từ đó chàng cứ hùy-huych súc cát đổ lần lượt mãi lên, đến trưa vừa xong thì Nàng Ba đưa con và mang đồ-đặc ra. Nàng còn đi ở đàng xa đã trông thấy một cái mồ nhọn đầu nhô lên ở mé ghềnh rồi, nàng mừng lắm, đưa áo mũ cho chồng thay, rồi đem gỗ thom đốt ở trước mộ. An-Tiêm thay mũ áo quốc-phục đứng ra trước mộ vái mà khấn, rồi lấy hai cái lá trong bọc ra, cao tiếng đọc lời *luy* lên rằng:

"Than ôi! Cát vàng một nắm, phơi dãi giữa trời; dào-dạt sóng khơi, cuộn cuộn gió bể! ô vàng khi xế, thỏ bạc lúc tà; ta lại gặp ta, biết chẳng chẳng biết; nghìn thu nghĩa-liệt, một khối trung-hôn; hòa với nước non, bể Nam núi Tản, núi cao bể quảng, lỏng-lỏng kiên-khôn, Than ôi thương thay!"

Đọc xong bụng mặt mà khóc rất thảm. Nàng Ba vừa vái vừa khóc, một lát nàng bảo An-Tiêm rằng:

– Từ rầy mỗi hôm ta phải mang mỗi người một hòn đá ra mà chất chung quanh từ chân mộ trở lên thì mới giữ cho sóng bể khỏi lở được.

Hai vợ chồng đi vòng quanh mộ rồi lại trông về mé tây-bắc trước mộ, cảm-thương vô hạn, loanh quanh mãi mới đưa nhau về.

XVI. ĐÃ CÓ LỄ-VĂN CHẾ-ĐỘ

*G*ió mưa thấm thoát hôm mai, bốn mùa hải-vị sinh-nhai *Glân hồi*. Hôm ấy vợ chồng con cái An-Tiêm ngồi ăn bữa trưa ở trong cái nhà thảo-đường trước cửa hang Hướng-Việt, cứ theo trong sách Mai-thông-ký đã nói, thì cái cảnh-sắc của cái thế-giới bốn người một nhà An-Tiêm ở Hải-nam lúc đó đã có vẻ phong-quang khác trước nhiều lắm. Bấy giờ tiệc bày có một cái mâm thua ghép bằng gỗ càn-cây; đồ ăn rau cá thì sào nấu bằng những cái lon sành mà An-Tiêm mới lấy đất-sét nặn ra, rồi đắp cái lò con mà nung;

những thứ rau cá ấy thì đựng vào những cái vỏ chai vỏ ốc to, bát ăn cũng bằng vỏ ốc sà-cù; giữa mâm lại có cái vỏ chai tròn mà giết để muối; hai vợ chồng với Mai-Lâm thì gắp bằng đũa. Nói tóm lại là bữa ấy đã ra phong-thể một gia-đình ở trong nội địa mà không ăn gio ăn bốc như mọi ngày; nước uống thì có vài cái lon to, để chứa được vài ngày không phải mỗi bữa ăn rồi lại phải ra giếng mát một quãng xa. Lại có cái vòm làm bếp biệt-tích ra đằng sau đầu nhà thảo-đường. Bốn người ngồi trên cái chiếu buồm mà Nàng Ba mới đan ra giải lên trên cái bệ đất về gian mé nam; cách gian giữa bỏ không để đi lại và làm việc; đến gian mé bắc lại có cái bệ đất giải một cái chiếu cói, giữa bệ có một tập lá khô để biên chép, một cái vỏ ốc nhỏ đựng nhựa cây làm mực, vài cái bút bằng gỗ vót nhọn cắm vào một cái vỏ ốc to, mỗi bên bệ áp vách có một cái gối cũng bằng vỏ ốc; ấm chén uống nước cũng dùng bằng vỏ ốc cả; giữa bức thuận trên cửa sổ hướng bắc, ở đấy treo một cái mũ châu, một bên treo một cái gậy song để ghi trận bão ngày nọ, một bên treo thanh gươm tảo-viên điện-quang đã cắt, là vì An-Tiêm mới bẻ làm con dao con, để khi nhiều việc hai vợ chồng cùng có đồ mà làm, còn cái áo giáp cũ cũng treo ở bên. Lại nói đến cái nhà ấy là An-Tiêm tìm mãi mới thấy được ở trong vùng núi đá một chỗ có ít cây nhỏ và thẳng, vợ chồng bàn nhau mỗi hôm thư việc lại dẫn vác về một vài cây, dần dần đã mấy tháng trời mới dựng lên được một túp lều ba gian ấy, trên lợp cỏ, hai đầu hồi với hai bức ở gian bên đằng trước đều chát vách, để cửa sổ. An-Tiêm là người vốn ăn ở chỗ cung quán đã quen, nên tính thích sạch sẽ, chàng chịu khó nhất những hòn đá xanh nhỏ, rồi nung làm vôi mà quét vách trắng lớp; trước cửa gian giữa thì che liếp bằng cỏ, mặt sau liền với cửa hang thì để không; bài huyết-thi ở giữa gian giữa gần mái gianh nét chữ rõ ràng. Ngồi trong cái thảo-đường ấy mà trông ra ba mặt cửa sổ thu-thập được hết phong-cảnh xa gần, về cửa sổ mé nam thì trông thông-thống ngay ra mộ ông Lạc-tướng và cửa bến Sứ, ghé sang đông-nam thì ngọn núi Vọng cỏ xanh, mây trắng, chót vót giữa trời. Lúc đó trời đương trưa nắng nực, sắc yên-ba với ánh sáng ba mặt nhà đều nhấp-nhánh lung-linh, bỗng một con gió nam từ ngoài khơi xa xa đưa đến, làm cho cả nhà đều mát-mẻ tỉnh người ra mà muốn ăn thêm lên mỗi người bát nữa.

Nàng Ba nói:

– Bữa ăn này là lần đầu ở cái nhà mới này, cũng là bữa ăn khánh-thành nhà đây.

An-Tiêm nói:

– Phải. Lại là bữa dự mừng cái công-nghiệp của ta ở đây nữa, ví như làm nhà đã đổ nền xây móng xong rồi, còn nhà cao cửa rộng, mái gấm tường hoa, cứ nhân đó mà lập ra.

An-Tiêm đang nói thì đứng lên đi vào trong hang mang ba cái rỏ "*kỷ-lich*" ra, hai vợ chồng cùng đếm thì được ba cái vỏ sò, ba cái vỏ ngán, và một cái vỏ ốc sên.

An-Tiêm nói:

– Thế là hôm nay là ngày mồn 3 tháng ba năm Canh-tí, vì năm ngoái là năm Kỷ-hợi tức là năm thứ hai của ta ở đảo này rồi đó. Kể ngày tháng từ ngày lên bến Sứ là ngày 28 tháng hai năm ngoái đến hôm nay là ngày mồng 3 tháng ba thì vừa được mười ba tháng năm ngày. Trong cái khoảng mười ba tháng năm ngày ấy là một cuộc đời tân-sáng của ta ở đây, mà cũng là cuộc đời tái-tạo của ta ở đây nữa. Cuộc đời này ngày tháng có bao lăm, mà biến-hóa bằng mấy nghìn vạn năm về đời cổ-sơ trong nội-địa. Mình đang ở đời Chiến-quốc tung-hoành mà bỗng hóa ra làm người ở đời Tuần-phi¹ hay đời Nhân-đê² nào đó, tự mình phải tìm kiếm lấy những thức ăn thức mặc mới cho đủ sống, rồi dần dần bày biện ra có lễ-văn chế-độ, cho cái cuộc đời của mình được sống một cách tôn-nghiêm lý-thú, khác với cái sống của cầm thú, như ngày hôm nay. Dem cái lễ-văn chế-độ ở cái nhà thảo-đường này mà so với cái lễ-văn chế-độ ở Phong-châu thì một văn một dã khác nhau biết trời vực nào. Nhưng mà ở Phong-châu là nhờ được công-đức của tiên-nhân mấy nghìn năm gây dựng, nhờ huyết-hãn của bao nhiêu người giúp giấp nên; mà ta ở đây người tuy có bốn đầu đen, mà làm chỉ có bốn bàn tay trắng, trong cái thời-kỳ 13 tháng 5 ngày đang là một cái hoang-đảo giữa bể giữa trời, mà nhóm ngay lên được cái cảnh nhân-sinh thế này, lại chả đáng mừng sao? Đời ta hôm nay có thể gọi là đời

1. Tuần-phi, Nhân-đê: Tên hai thế-đại thượng cổ.

2. như trên.

Hồng-bàng hay là đời Hoàng-đế được rồi. Lễ-văn chế-độ tuy thô-sơ mà cũng lược đủ, còn từ đây sang đời ngọc-bạch y-thường¹ cũng chẳng xa gì.

Ăn xong, Nàng Ba nói:

– Thế ta cũng sắp phải lên núi Vọng mà làm lễ cáo-đế thôi chứ.

– Tôi còn muốn làm thêm một việc nữa rồi mới lên làm lễ cáo với ngài. Từ khi ta gặp được linh-hài cụ Tiên-Lạc-tướng, biết trong nước có việc chiến-tranh với rợ Thục. Lúc tôi ở nhà đi tông-chinh đánh nước ấy mấy lần, biết nước ấy vẫn có chí khuy-du nước ta đã mấy đời nay. Nước ta gặp phải cái hồi này, bọn quan-lại ngu-trá tham-tàn, làm cho dân nghèo lực kiệt, nên nước nó lại càng sửa vượt qua đặng. Nay giao-chiến mà đã đánh đến mặt thủy rồi thì chắc có cơ nguy lắm, không biết kết cục ra thế nào, tôi lo quá. Trước kia thì ta chỉ mong-mỏi cho cái công việc ở đây chóng được thành-lập, mai một Thuộng-đế sẽ mở đường mở lối cho ta về; đến bây giờ lại thêm một cái lo, ví-dù non sông đến cái kiếp vỡ-lở, thì ta ở đây sẽ ra thế nào. Âu là Thuộng-đế đã mệnh cho ta làm người, phú cho ta cái trí-tuệ thì ta phải lo liệu lấy cái phần đời ta cho khỏi tiêu-trầm, ấy là ta biết đạo thờ Thuộng-đế đó. Vậy phải kinh-kỷ ở đây cho có sẵn một cái nền-nếp là một cái đảo-quốc, phòng xa mà truyền lấy cái tuyệt-thống của ông cha như con cháu nhà Ân ở đất Kinh-man, dòng-dõi người Meo ở ngàn Ngũ-linh. Muốn như thế thì ta phải khai tràng cho con nó học. Tôi vẫn nói rằng cái sống của người ta phải khác với cái sống của cầm thú, là cầm thú thì ngoài sự sống ra, từ tạo-thiên lập-địa, từ có vạn-vật đến nay, con vật nào y-nguyên là con vật ấy, không biến-đổi chút nào; nghĩa là con quạ không bao giờ hót được tiếng con họa-mi, con chó không bao giờ biết làm được việc của con trâu con ngựa. Người ta thì không thế, người ta mới ngày nào còn ở truông ăn sống, lễ-thẻ xó rừng, mà bỗng lập nên thành gia hương bang-quốc, có lễ-nhạc cương-thường, vượt qua cái kiếp tụ-bạ ngu-si, mà lên cái cõi thần-tiên thánh-triết, biết đến công ơn của

1. Ngọc-bạch, Y-thường: Ngọc lựa với áo xiêm, nghĩa là các nước đồng-minh giảng hòa với nhau, mặc áo xiêm đẹp-đẽ để tiếp nhau và đem ngọc lựa để tặng lẫn cho nhau, lễ tục đời Xuân-thu.

Thượng-đế mà nhận lấy cái việc xếp đặt của càn khôn, là vì người ta có biết học. Đời đã phải nhờ có sự học mới tiến-hóa được, thì ta muốn mở lấy một cuộc đời ở đây, ta không thể không chăm về sự học được. Ta không những phải lo liệu về sự sinh-nhai, mà ta lại phải lo liệu về sự lưu-truyền ký-chú nữa, sự lưu-truyền ký-chú tức là sự ta dạy bảo cho con cái ta biết cái đạo ở đời, biết cái gốc làm người, biết trên vũ-trụ còn có thần-minh Thượng-đế vậy.

– Bây giờ còn nhớ sách vở nào mà dạy?

– Cũng không phải nhớ trọn một quyển sách nào. Sách bất-quá là cái mớ biên viết những điều sở-biết của cổ-nhân mà thôi. Đời Thái-cổ chưa có văn-tự, người ta thắt nút dây mà nhớ với nhau, đến đời vua Thương-Hiệt mới bắt chước những cái văn-vẽ của núi sông, trăng sao, chim muông mà chế ra chữ "*lục-thư*"¹, thì đời mới có chữ. Sau tiên-triều đời Hùng ta lại chế ra một thứ chữ "*hài thanh*" nữa, mà văn-tự ở đời càng thịnh. Có chữ rồi mới sưu-tập lấy những nghĩa-lý, những sự-cố mà biên-chép lại thì đời mới có sách. Trước thì có những sách "*Tam-phần, Ngũ-diễn, Bát-sách, Cửu-khâu*" là sách rất cổ. Về sau bên ta thì có sách "*Hồng-bàng thế-phả, Hoàng-cầu cách-ngôn, Thần-tiên liệt-truyện*"; bên Tàu thì có những sách "*chu-quan*" của triều nhà Chu, sách "*Lục-kinh*" của Khổng-phu-tử san-định, đó là những sách tập hợp lại cả. Từ xuân thu trở xuống mới có nhiều những sách riêng của từng nhà soạn ra như những sách *Quản-tử, Án-tử, Lão-tử, Trang-tử, Liệt-tử, Tăng-tử, Tử-tư, Đào công, Tôn-tử* cùng những sách sử-thặng của các nước chư-hầu, sách thì nói về sự-lý, sách thì nói về binh, nông, nghệ, thuật. Sách càng nhiều, nghĩa càng rộng mà học càng khó, người đi học phải như người đi chợ, người đi chợ tìm qua mọi hàng mà mua lấy cái thiết-dụng cho mình. Người đi học xem rộng các sách mà theo lấy điều cần-thiết cho đời mình, chứ không phải là đã học thì câu nào cũng toàn bằng ở cả sách được đâu. Cổ-ngữ có nói rằng: "Cái gì cũng tin ở cả sách thì thà không sách còn hơn..." Lại ngày xưa vua Hoàn-công nước Tề ngồi xem sách trên đền, một người thợ mộc lên, hỏi rằng: "Ngài xem gì?" Hoàn-công nói: "Ta xem sách của cổ-nhân".

1. Lục-thư: Sáu phép đặt ra chữ Trung-quốc.

Người thợ nói: "Thế là ngài xem những lời bã-rả của cổ-nhân đó thôi. Xem như việc làm nghề tôi không truyền được cái khéo cho con tôi, con tôi cũng không học được cái khéo của tôi, phải tự-đắc ở bụng mà ứng ra ở tay mới được, thế là ngài đọc cái lời bã-rả của cổ-nhân đó thôi". Xem thế thì biết chữ là cái của dùng chung, mà sách là nghĩa biết riêng, người trước truyền cái sở-biết cho người sau, người sau lại nhân mà truyền cái sở-biết cho người sau nữa. Nay ta cũng thế, không phải nhớ trọn một quyển sách nào mới được.

– Thế bây giờ con còn bé mới dạy vỡ lòng thì cùng dễ, nhưng sau thì định dạy thế nào?

– Thượng-đế còn để cho ta trường-cửu mà làm việc khai-hoang ở đây thì ta biết đến đâu, ta sẽ biên viết ra mà dạy con cái ta đến đấy, còn cái thiện-biến, thì ở nó về sau. Nhưng cứ bây giờ ta cần dạy cho nó biết nó là đồng-dồi nước Văn-lang mà thụ-mệnh của đức Thượng-đế, thì phạm sự-lý nào có quan-hệ với hai có ấy, ta nhớ đâu ta cứ viết ra mà dạy. Vả xem cổ-nhân người ta học sách thì làm bằng những cái thẻ tre và những cái lá cây bồ, chữ thì viết bằng nhựa cây. Mỗi một cái thẻ hay một cái lá thì viết được bao nhiêu chữ, mỗi một bộ sách thì để khắp mấy cái giường, học khó-nhọc thế, mà cổ-nhân gây nên biết bao nhiêu hiền-hào thánh-trí, thì biết cổ-nhân sở-đắc là ở giảng-đàm ngôn-luận bằng lời nói nhiều hơn là bằng chữ nghĩa, mà lại cần dạy cho con biết tiếng nói nữa. Xem thằng Mai-Lâm năm nay lên sáu, tuy non năm, nhưng nó cũng ngộ nghĩnh thì cũng học được. Còn Quế-nương bao giờ bằng tuổi anh nó lại cho học.

– Dạy những văn-học lễ-phép, còn tiếng nói thì nó tự bắt-chước người lớn, chứ phải dạy gì?

– Trẻ con trong nước chỉ cần học chữ nghĩa, còn tiếng nói thì bắt chước nhau. Nhưng ở đây cả một cái thế-giới có hai người lớn với một người bập-bẹ, một người chưa biết nói, mà hai người lớn thì bận việc luôn, không mấy khi ngồi nói chuyện cho con nghe; vả nói chuyện lại phải trông thấy sự-vật gì thì mới hay nói đến, mà ở đây còn có sự-vật gì để nói đến cho con bắt chước. Tôi xem thằng Mai-Lâm nhiều khi muốn nói cái gì mà không đạt cái ý nó ra được. Lại nhiều khi tôi bảo mà nó không hiểu là nó không biết cái tiếng ấy bao giờ.

Nếu không dạy thì chẳng những Mai-Lâm nó biết ít đi mà đến Quế-nương lại biết ít đi nữa; nhất-đán cái tiên-thân ta mãi thì con cái ta sẽ không đủ tiếng mà nói, quên cả tổ-tiên mà không biết mình là người nữa. Vậy bây giờ ta dạy cho con ta học, mỗi câu trong sách lại phải giảng-giải ra bao nhiêu câu nói ngoài, cái sự vật gì ở đây không có thì ra mẫu cho nó biết.

– Thế thì hôm nào khai tràng?

– Tôi định sáng mai.

Vừa nói vừa đứng đi sang bệ bên kia cầm lấy một tập lá khô đem sang đưa cho vợ xem mà rằng:

– Cái lá này tôi lấy ở trong núi đá, cây nó như cây náng mà cao, mỗi dóng có một lá rộng độ hai tấc, dài độ thước rưỡi, hai thước, không có gợn mà phẳng, phơi khô thì trắng như côi mà bền, gập đi gập lại không giòn, dùng để làm sách tốt lắm. Còn việc dạy thì lúc tôi rồi tôi dạy, lúc tôi bận thì hiền-thê dạy, dần dần mỗi ngày một tí. Trước ta hãy dạy chữ Việt-ngữ là chữ thông dụng trong nước, sau sẽ dạy chữ Hoa-văn là gốc văn-hóa của hai dòng Thần-nông và Hoàng-đế, sau nữa những ca-dao tiếng thổ, là tiếng người thổ-dân đất Việt cũng nên dạy. Ngày ở sông Bờ tôi có chép được nhiều câu hay, như câu *"Mù nhàu mù nhả bố mù phon, mù phục mù phà bố mù cần lòn"*. Nghĩa là có trâu có cau không có vôi, có giường có chiếu mà không có người nằm. Ở cái đời hội-minh sinh-vấn này mà có được cái tài tượng-ký¹ thì còn gì bằng.

Sáng mai Nàng Ba bỏ nắm gỗ thom vào cái lon sành nhỏ đốt lên, rồi để lên trên cái bệ mé tây, đem giấy lá bút que mực nhựa bày ra tề-chỉnh. Trong ống bút lại có cắm một cái cành oa mới bẻ tươi hơn-hón. An-Tiêm vào làm lễ tiên-thánh tiên-su rồi bảo Mai-Lâm Nàng Ba lễ sau. Lễ xong, An-Tiêm ngồi lên một bên bệ lấy giấy bút ra viết mấy chữ cho con học vỡ lòng. Nàng Ba thì bế Quế-nương ngồi bên bệ, Mai-Lâm thì ngồi ở cái chiếu côi giải dưới đất mà học. Nó học cũng sáng dạ, hai vợ chồng mừng lắm. Từ đó cứ sáng thì hai vợ chồng thay đổi nhau dạy con học một chốc rồi mới đi làm.

An-Tiêm nói:

1. Tượng-ký: Người thông-ngôn tiếng ngoại-quốc, chữ kinh Lễ.

– Một cái gò bể từ cổ chưa từng có tiếng người mà nay có cả tiếng trẻ con học tiếng nước Việt, cái tiếng ấy tức là tiếng của tổ-tiên đất Việt mấy trăm đời úng vào miệng đứa trẻ con mà ca-tụng cái công-đức của Thượng-đế và tỏ-than với ngài ở giữa chỗ trời cao bể rộng này đó. Nhân đọc lên rằng:

*Bút que sách lá dạy con,
U-ơ mấy tiếng hú hồn nghìn xưa.
Người xưa vắng ngắt như tờ,
Lời xưa vắng-vắng bây giờ còn nghe.*

Ngâm rồi An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

– Một cái còi đời mà đã biết học thì là phong-khí mở-mang, nhân-sự thành-lập rồi đó, ngày mai ta phải lên núi Vọng mà cảm-tạ Thượng-đế thần-minh, rồi lại kỳ-đảo cho chóng tới ngày trừ-thịnh.

– Lần này ta đã có những cái ốc vặn làm bầu đựng nước, mỗi người đeo đi hai cái, lại có trầm-hương để đốt chứ không phải lấy áo thấp nước và đốt cỏ như mọi khi nữa.

– Thượng-đế đã lập nên vũ-trụ, sinh ra nhân-vật, cả vũ-trụ cả nhân-vật hợp lại cũng không đủ khinh-trọng gì ở trước mặt ngài. Cho nên người ta cứ đem những cái tôn-sùng, những cái thị-hiếu của thế-gian mà dâng ngài thì thực là không đáng; chỉ có cái lòng thành-thực cái việc nghĩa-lý, cái lời đã hứa với ngài thế nào phải làm như thế, là cảm-cách được ngài mà thôi. Ngài đã cảm-cách thì không để cho ai mất lòng tin cậy bao giờ.

Buổi hôm sau chừng giờ Tị, trên đỉnh núi Vọng đang nắng chang-chang, tự nhiên có một con mây u-ám lại ở giữa trời, gió im bóng rợp, một ngọn khói ở chóp núi bốc thẳng lên trên không, ấy là ngọn khói tử-trầm-hương của An-Tiêm mới tìm được ở trong núi đá mà hôm nay hai vợ chồng đốt để cáo với Thượng-đế lần thứ ba đó. An-Tiêm với Nàng Ba cùng quì trước núi cầu khẩn tưởng niệm Thượng-đế thần-minh. Một lát xong, hai vợ chồng cùng đọc mỗi người mấy bài cổ-thi để tụng công-đức Thượng-đế và thần-minh cứ chồng đọc một bài xong thì vợ lại đọc tiếp một bài. Hai vợ chồng lấy làm vui mừng lắm, tưởng như lần này Thượng-đế thần-minh giám-lâm và an-ủi cho hơn là hai lần trước, An-Tiêm lại nghĩ thêm một bài mới đọc lên rằng:

*Cao cao cao tít mù xanh,
Tuy cao mù tít vẫn quanh quẩn gần.
Dữ lành cân nhắc đồng cân,
Mà cơ họa phúc chuyển vần chẳng sai.
Hiện-tiền, quá-khứ, tương lai¹,
Như vòng vòng dích², như quay quay tròn³.*

Bấy giờ hai vợ chồng lại dắt con mà đứng trông thăm-thăm về phương trời tây-bắc. Phương trời nước nổi mây chìm, nhớ quê muốn hóa làm chim bay về. Chuyện trò mãi rồi mới hạ son.

XVII. MÙNG THĂM

Vợ chồng An-Tiên đi làm lễ núi Vọng chuyển này về, hai vợ chồng đều thấy trong mình nhẹ-nhàng mạnh-khỏe; hai đứa con thì chúng nó cũng vẫn chịu ăn chịu chơi, vì ở đây cả một cõi đời chỉ tro ra có bốn người cha con chồng vợ với nhau, còn lấy ai làm vú bô nâng-niu như lúc ở nhà; các cậu không nũng-nịu, không quấy ai được, nên tự bỏ hết cả cái thói xấu của con nhà giàu có, bố mẹ hay nuông ở trong nội-địa. Cái thiên-tính của con trẻ được phát-đạt ra một cách dễ-dàng, vui-vẻ nô chơi cả ngày, nhất là Mai-Lâm tính-khí ngoan-ngoãn dễ bảo, cử-chỉ lanh-lợi, thông-minh mà lại chăm học, nó cũng ám-hiểu cái tình-cảnh của bố mẹ, lúc nào bố mẹ rồi thì dạy cho học và tập viết mấy chữ, lúc bố mẹ phải đi

-
1. Nhà Phật nói: Người ta sinh-hóa có ba đời là hiện-tại (bây giờ), quá-khứ (quá rồi), tương-lai (sau này). Ba đời đều có nhân-quả đan-đầu với nhau, đời này kết cái quả họa hay phúc là bởi cái nhân thiện hay ác đời trước, đời này gieo cái nhân ác hay thiện sẽ lại kết cái quả phúc hay họa cho đời sau, cứ thế mãi vô cùng. Nhà triết học ngày nay cũng dùng cái thuyết ba kỳ nhân quả ấy, nhưng không chỉ về đời người sinh-hóa như tôn-giáo mà chỉ xét về cái khởi kết của muôn sự trên đời.
 2. Cái lẽ nhân quả đan đầu trên kia như những cái vòng ở dây xuân thu, vòng nọ dính vòng kia mãi mãi.
 3. Đó là thuyết tuần hoàn của nhà nho hay là thuyết biến thiên của nhà thiên diễn, lẽ vũ trụ cứ chuyển đi như cái xe quay tít, không có đầu là bắt đầu, không có đầu là cùng tận.

làm, thì Nàng Ba đặt con bé con lên cái vồng bằng vài cái thùng cói mà nàng mới bện ra mắc ở gian mé nam nhà thảo-đường cho Mai-Lâm đánh đưa cho em, lâu lâu thì nàng lại về trông qua rồi lại đi làm. Một buổi tướng-quân với phu-nhân đi kiếm cá về, xâu cá loi-thoi, chân tay lấm-láp, mới về đến đầu nhà nghe tiếng vồng đưa cọt-két, tiếng câu cả Lâm ru em hời-hời, hát những câu ca ngẩn-ngẩn, bài thơ giản-dị, mà ông lớn bà lớn đã dạy cho, thì hai vợ chồng bảo nhau đứng lại đầu nhà bên ngoài cửa sổ vừa đom vừa nghe con hát.

An-Tiêm nói:

– Nghe cái tiếng hát của đứa tiểu-đồng, trông cái miệng cười của đứa hài-nhi, nó có cái thú-vị tự-nhiên thật không âm-nhạc nào vui bằng. Bao nhiêu cái vất-vả về sinh-nhai, bao nhiêu cái phiền-muộn về thân-thế, tự-nhiên tiêu-tán đi đâu cả mà không biết; cái lòng từ-ái của Thượng-đế biểu-lộ ra những chỗ ấy, như ngày về buổi sáng, năm về mùa xuân, có cái khí-tượng hoan-hô âu-yếm vũ-trụ biết bao. Xem như cái cảnh của ta ở đây còn gì vất-vả buồn-rầu bằng, thế mà bấy lâu ta quên cả cái vất-vả buồn-rầu đi mà cùng nhau vui thú, khiến cho cái chỗ vắng-vẻ thiên-cổ này được có cái thú nhân-sinh như ngày nay, há chẳng phải là nhờ có đôi chút con thơ làm bầu làm bạn này du? Mới biết ông tạo-hóa đã nắm-thụ vào trong lòng người ở đời là phải ham cái việc gây dựng con cái, mở-mang cõi bờ; cho nên ở đời cảnh nào cũng có cái sướng cái khổ, mà phần sướng với phần khổ vẫn ngang nhau. Tham-luyến cái vinh-hoa của thế-tục, mà chịu cái ô-nhục của người đời, thì chi bằng kham lấy cái việc thiên-chức mà hưởng lấy cái thú thiên-nhiên thì có hơn không.

Nói rồi vợ chồng mới bước vào trong nhà. Nàng Ba vội vút xâu cá xuống nền nhà mà ôm lấy Quế-nương hôn-hít. An-Tiêm ngấm xem cái dáng-cách của vợ con, cái ngấm ấy chẳng khác chi cái ngấm của người đi đâu xa vợ xa con, nay mới về, trông thấy lạ mắt mà lấm-khảm mừng-thầm. Bởi vì lâu nay chẳng có lúc nào trông đến vợ con, nhất là trông đến vợ thì chỉ trông qua cái khí-sắc mà thôi, không dám nhìn kỹ đối-diện bao giờ, sợ cái cảnh khổ dễ khiến cho hai người càng phải động mỗi đau lòng. Bây giờ thấy vợ con đều đổi ra một cách quang-nhuận sinh-sắc hay hay, khác với cái dáng-cách mọi ngày ở nhà. Còn chàng thì chàng tự nghĩ trong mình, sờ thấy râu rậm mà dài, không có gương soi xem cái diện-mục mình nay ra

thế nào, nhưng thấy mình ăn ngon làm khỏe, mát xương mát thịt, bắp chân bắp tay nở-nang thì chàng tự đoán rằng, mình lâu nay dầu sương dãi nắng, người đã đổi ra một anh béo hoăm đen xì thì phải. Thôi có thế cũng là hay, có thế thì mới thực là cái chân-dung của con trai ông tạo. Có da sắt mình đồng, già mưa dạn gió mới gánh nổi cái việc càn-khôn, thì chàng lấy làm mừng cho cả nhà, chắc có cái thể-lực của Thượng-đế âm-phù mặc-trợ cho mới được như thế. Bỗng trông ra bờ núi trước cửa sổ hướng nam, thấy có một bụi cây mọc xa xa có vài cái hoa nho-nhỏ mà trắng, trông giông-giống hoa mai, chàng bèn mượn cảnh vịnh một bài thơ hoa mai để ngụ-ý, đọc lên rằng:

*Gốc mai nghiêng ngả bên đồi,
Mưa xuân nhuần thấm cây còi lại to.
Gió đông diu-dặt phát-pho,
Thao vàng bông bạc nhon-nho trên cành.
Cho hay tạo-vật hữu tình,
Càn khôn còn rộng còn dành giống hoa.*

Nàng Ba nghe đọc biết ý chồng lấy gốc mai còi lại tơ mà tự ngụ-cảnh gia-đình lúc đó, nàng không nói gì, chỉ gật gù mà mủm-mỉn, nàng nhân trông ra ngoài cửa sổ nói rằng:

– Cái tự-dàn ngoài kia, bệ đã khô rồi, chỉ còn sửa lại lối đi nữa, phải cho xong đi, để lấy chỗ mà lễ bái.

An-Tiêm nói:

– Phải, tôi cũng nghĩ thế, vì mấy hôm cá mú được sai mà lại đang cữ nắng, nên phải phơi lấy ít lương khô nữa để giao cuối hè này mua nhiều khỏi lo. Có sẵn lương thì mới thư mà chăm đến việc sửa-sang khác được. Hơn một năm nay đã nghiệm-khấp một vòng thời-vật thay đổi trong bốn mùa, đã nghĩ được nhiều nghề kiếm ăn, nào vọt, nào vó, nào cần câu cua, rọ, khăm, đăng, lưới, cứ đến mùa nào thì giở nghề ấy, thế là cái việc con nhà chài đấy, mình đã thành thuộc rồi; quần áo thì bông cói còn nhiều, mưa gió cũng có việc làm; hang kho đàng kia chỗ thì chất bông cói, chỗ thì để cá khô, cá mực khô, tôm khô, chỗ thì để đăng lưới rọ cùng củi khô, các thứ tích trữ cũng đã nhiều; còn thứ rau muống bể xem ra nó mọc kế tiếp nhau không bao giờ thiếu ăn, nó cũng như tính rau muống trong nội-địa,

ăn không chán mà cũng mát ruột, ta phải trân-trọng mà giữ lấy cái giống rau ấy để bù vào ngũ-cốc ở đây. Kể cái kế y-thực như thế là chắc chắn rồi, cũng là nhờ được cái thổ-sản thiên-hiên phong-hậu ở đây, ta cũng đỡ cái khổ gian-nan mà không kiếm đủ nhật-dụng, thì cái phúc của tiên-thân Thượng-đế đã cho ta ngó thấy cái hé sáng rồi đó. Nhưng tạo-vật sở-dĩ hậu-dãi người ta là muốn cho người ta khoan cái kế sinh-nhai mà lo những việc lâu-dài trong vũ trụ, chứ trời có ghét gì những sản-vật ở đó mà đem bộn người tham-tàn luôi-biến đến để ăn-tàn phá-hại những sản-vật của trời sinh ra đâu.

Nói rồi hai vợ chồng cùng nhau ra chỗ tự-đàn mới sửa-sang con đường đi vào, rồi vào núi đá đánh cây đánh các thứ hoa về giống từng hàng từng luống. Ở đảo này không có những giống cây to hoa đẹp, nhưng cây tuy nhỏ, hoa gọi là có sắc, giồng được độ đậm trời, cây tươi lại ngay, thì trông cũng ra một cái cảnh-trí đẹp mắt; tiện dịp cũng lại đánh thêm cây thêm hoa về giống ở trước nhà thảo-lư nữa.

Nguyên cái tự-đàn ấy, vợ chồng An-Tiên khởi công làm ngay từ hôm sau ở núi Vọng về, vợ chồng bàn với nhau rằng: "Lễ-nhạc là cái gốc trị nước, có lễ-nhạc thì nhân-đạo mới thành-lập. Cho nên lúc mới đến mở hạt sông Bờ cũng phải lo-liệu việc ấy cho dân ngay. Một ngày có lễ-nhạc thì nhân-đạo lập được một ngày, một người có lễ-nhạc thì nhân-đạo lập được một người. Đây tuy tịch-mịch cũng là một nhà, muốn tính cái việc tràng-cửu, há không lo-liệu lấy nhân-đạo cho một nhà dư? Trên núi Vọng vừa cao vừa xa để riêng làm nơi lễ-trời mà quan-vọng hải-vũ, trên ấy sau dù đông dân cũng không nên lập ra miếu-vũ gì, vì tế trời nên tế bằng một cách thiên-nhiên, thường-niên lên lễ một lần. Còn thì phải có một nơi ở bình-địa gần-gần để thường-thường thờ-kính chiêm-ngưỡng các đức Quốc-tổ, các vị thần thánh trong nước mà phải thiết ra có đàn-sở hần-hoai. Xem có một chỗ chân đồi về giữa quãng, một bên thì hang Hướng-Việt, một bên thì mộ ông Lạc-tướng với bến Sứ, con đường từ nhà ra mộ ông Lạc-tướng hay bến Sứ tất đi qua đó; chỗ đó phong cảnh cũng đẹp, sau lưng là núi Vọng, trước mặt hướng tây-bắc trông về cố-quốc. Lập được một cái tự-đàn ở đó, thì những ngày điển-lễ trong nước như ngày tế các quốc-tổ, các thánh-thần, ngày hóa-nhật đức Phù-đồng thiên-vương cùng những ngày nhớ các bậc vĩ-nhân trong nước, thì vợ chồng con cái đưa nhau ra đó quét sạch rồi đốt năm gổ thơm đặt

ít hoa núi mà tưởng-vọng công-đức các ngài. Ở đây là một nơi ly-biệt với tôn-bang mà làm được như thế, tức là tỏ cái lòng hoài-vọng đó. Chỗ này cũng là cõi nước, ta ở đây tuy còn ít người, nhưng cũng đã có nóc nhà người sống có ngôi mồ người chết, đã ký-thác một cái thâm-tình với cỏ cây đất nước ở đây rồi đó; nữa là cái lo xa còn lù-lù ở trên mộ ông Lạc-tướng kia, bao giờ được tin non-sông vô-dạng¹ thì mới mừng. Thế thì ta đã lập được một chỗ thờ-kính ấy chính là chỗ để duy-trì cái tâm-thân ta với chốn nước cũ muôn dặm xa-xôi kia, chính là để duy-trì cái tâm-thân với tinh-anh tổ-tiên đời trước, với vận mệnh con cháu mai sau ở đây vậy. Ta có làm được những việc có thủy có chung thì Thượng-đế có thương mà giúp cho ta làm nên những công-cuộc lớn-lao mà để phúc về hậu-nhật." Bàn như thế rồi hai vợ chồng mới ra lái cỏ nhật bụi phá quang được một khu rộng-rãi vuông-vắn, chồng lấy guơm xới đất, vợ ra bể xách nước, rồi nhào đất đắp một cái bệ vuông, cho ngang ngực người. Đắp xong lấy đá nện nhẵn. Lại mới nung được một cái bình hương sành để lên trên bệ, thì trông đã nghiêm-nhiên ra ngay chỗ thờ kính tôn nghiêm rồi. Chỉ hiềm không có những cây kiêu-mộc cổ-thụ rườm-rà bóng mát như các nơi tự-đàn ở trong quê nhà.

Hôm sửa sang xong, vợ chồng đặt một mâm hoa, đốt một lò hương, vợ chồng cùng mặc quốc-phục, cung-kính làm lễ, khấn vái chí thành. Tưởng niệm xong, An-Tiêm múa khúc Đại-thần-vũ ca-tụng công-đức quốc-tổ thánh-thần, Nàng Ba thì đọc mấy bài "thơ tụng" tiếp theo, vợ chồng lấy làm cảm-kích xôn-xao một cách lạ đường. Mai-Lâm khi ở nhà đã được đi xem tế miếu về những ngày điển-lễ, nên nay thấy bố mẹ làm lễ, thì cũng hiểu mà mừng rỡ, dẫu em đứng xem không biết mỗi.

Sáng hôm sau trời dâm mát, vợ chồng nghỉ ở nhà chẻ cói đánh sợi, Mai-Lâm thì dỗ em ở cái bệ về gian mé nam, lấy vỏ sò vỏ ốc bày biện cho em chơi. Nàng Ba với An-Tiêm thì ngồi giữa nhà làm việc, mỗi người ngồi một bên đối nhau vừa làm vừa nói chuyện.

An-Tiêm thấy Nàng Ba mình thì mặc xiêm bông áo cói, đầu vấn tóc trần, mái tóc mây lâu nay không lược chỉ gỡ bằng tay gọi

1. Vô dạng: Không can gì.

bằng nước lã, chẳng có dầu sáp gì, mà nó vẫn đen rung-rúc, dính bết vào da đầu, đường ngôi trắng toát mà thẳng; nét mặt thì lại đầy-dặn hơn xưa, nước da càng ra nắng gió lại càng sần-sần, đôi má đào chon-chót phân sắc với cái trán phải đi làm chít khăn óm nắng trắng tinh như ngọc; thật là người tốt không phải về lụa, mà gái ba con mắt trông lại càng thêm mơn. Chàng bèn ngâm lại câu: *"Ngắm ta ta cũng nực cười, răng đen má phấn vốn người ta xưa."* Nàng Ba cũng thở dài một cái mà đọc: *"Răng đen má phấn càng thêm bận lòng"*. Hai người lại trông nhau cả cười, thì đôi mắt phượng của Nàng Ba lóng-lánh như đôi vệt thương-hải ở dưới bóng trắng thu dào-dạt, đưa ánh-sáng cái miệng hoa ngâu, hàm răng hạt rên của nàng mà chiếu-dọi vào trong mắt của An-Tiêm, khiến cho trống ngực An-Tiêm phải nện lên thành-thịch, tưởng như cái thân cậu đồng-tử họ Chủ lại ngã nghiêng đầu trên cánh tay bà Tiên-Dung rồi vậy. Nàng Ba cúi đầu trông xuống. An-Tiêm cũng đứng lên đi ra cửa đứng. Chàng trông thấy mấy bông hoa núi đá mới trồng ở trước cửa mà nghĩ một mình rằng: Ôi! cái vườn xuân kia chẳng phải của đông-quân làm chủ bấy lâu nay thì của ai sao bây giờ chúa xuân yêu hoa mà không nở vin cành là vì đâu, chẳng qua cũng chỉ vì chúa xuân thương hoa dầu mưa dãi nắng mà ái ngại nể vì đấy mà thôi. Vợ chồng mình từ khi bị phóng-trục đến nay, hình ảnh lại càng theo sát không giây phút nào rời, để cùng hiệp-lực đồng-tâm mà theo đuổi với cuộc biến; đem cái tình khâm-trâm ra làm cái nghĩa kim-lan¹, đổi cái lòng yêu giấu ra làm cái bụng kính vì: cùng nhau thiết-tha cẩn-trọng giữ một niềm trai-thành mà khấn cầu Thượng-đế thần-minh cho đủ sức mà vâng chịu cái uy-lệnh nghiêm-nhặt. Tự nghĩ vì mình mà cho thân phận của một nhà đến nỗi oan-khốc thảm-thương nước đời chưa từng thấy này. Cũng may trong nghĩa tử-sinh mà lại được người bạn thiết, cùng nhau một lòng sắt đá, chiến đấu với cái tai-nạn, nuôi lấy đôi chút con thơ của huyết-mạch ân-ái chung đã kết nên này mà gánh lấy cái gánh càn-khôn, đền ơn quân-phụ, trọn nghĩa thờ trời; cho tới ngày cùng nhau mãn kiếp; chứ mình có phải sống như muông cầm muông thú đâu mà sáng không biết thẹn với bóng, tối không biết đau với lòng, không biết

1. Kim-lan: Bạn thân, nhờ đồng tâm như cho vàng như mùi hoa lan.

trên cao-cao còn có chi-chi, mà còn si-tưởng đến nguyệt kia hoa nọ. Về phần nàng thì chắc nàng cũng nghĩ như ta, nên bấy nay vợ chồng cùng nhau ăn ở ra vào, ngày trông nhau mà tủi thân không dám nhìn, đêm nằm chung mà quên cả cái mộng xuân ngày bình-nhật.

Nghĩ thế rồi lũng-thưng đi ra những chỗ cây hoa vừa đi vừa ngắm, hết cây nọ sang cây kia. Xem những bông hoa ở đây khác cả với cái nhan-sắc hoa trên thượng-uyển, thoát trông thì tầm-thường giản-phác, mà tế-nhận mới biết cái vẻ tài-tình riêng. Cho hay hóa-công cũng nhiều tứ khéo, không một qui-cử nào. Lại nghĩ lẫn-thẩn rằng:

"Tạo-vật đối với trong vũ-trụ, không bỏ sót một chỗ nào mà không trông nom thương yêu đến. Người ta cứ thấy chỗ đô-hội thì cho là linh-tú, thấy chỗ hoang-vu thì cho là tịch-liêu, đó là cái ý thiển-khiến của người, chứ có phải ý trời đâu; mà ý người cũng lại là tạm chứ không phải là nhất-định. Thử xem chỗ đô-hội nào mà không hóa làm hoang-vu, chỗ hoang-vu nào mà không đổi làm đô-hội được; thì biết trong vũ-trụ chỗ nào còn có mưa có nắng, còn có con chim ngựa cổ lên trời mà hót tiếng véo-von, bông hoa nở miêng lên trời mà cười chiều hớn-hở, thì chỗ ấy tiện-thị có bao nhiêu sinh-ý, bao nhiêu on-huệ của tạo vật đó.

"Người ta ở đời kết tóc với nhau làm vợ chồng để gây nên gia-đình bang-quốc, chính là bởi cơ trời xui khiến, chứ có phải tự người ta được đâu. Cái nghĩa vợ chồng là hưởng cái thú tình-ái mà làm việc phận-sự, nghiệm sự nghiệp của vợ chồng lớn hay nhỏ, thì biết cảm-súc của tình-ái sâu hay nông. Vợ chồng mình mười mấy năm về trước, tình-ái phận-sự đã nên một cuộc đầm-thắm chứa-chan; bỗng hơn một năm nay, gác hẳn cái tình-ái đương êm-đềm đi mà làm cái nghĩa-vụ rất nghiêm-khắc. Nếu cái nghĩa-vụ kia mà cứ nghiêm-khắc như thế mãi thì cái tình-ái êm-đềm nọ cũng đành mượn đôi chút con thơ mà bỏ qua thời khắc. Song xem cái cơ sinh-lý của một nhà, cũng đã có phần khởi-sắc; ví tai nạn khác nữa ở đâu lung trời sa xuống, khiến cho vận-mệnh của một nhà phải tiêu diệt thanh-tích ở trong hoàn-vũ thì không nói được. Nhưng ví cái phận tiền-thân ta còn thì cái phú-quí trước cũng có thể lại nhân đấy mà thấy được.

"Cận-lai thấy cái dong-mạo của nàng không những đến tiêu-tụy mà lại nở-nang khang-khien thêm ra, thì đủ biết cái ý Thuợng-đế còn thương yêu ta, chưa tuyệt hẳn cái sinh-cơ của ta đi vậy. Thuợng-đế không những bảo ta phải làm tròn cái nghĩa-vụ về thân-thể, lại còn bảo ta phải làm tròn cái nghĩa-vụ về tinh-thần; cho cái sự-nghiệp được thành-tựu bởi một cách bình-thường vui-vẻ, chứ không phải miễn-cưỡng thống-thiết mà mới làm nên. Nếu ta tự đoạn-tuyệt cái tình-ái kia đi là ta trái ý trời mà không quên cái lòng bi-oán đó. Tuy nhiên, nàng là một người hay cả nghĩ, cái gì đã nghĩ đến thâm-thiết thì không còn biết có thân; xem mấy bận ngẫu-nhiên ta đọc ra những câu thơ phong-phú cho giải cảnh buồn, thì nàng đều gạt đi, nay nếu ta bỗng làm điều trái ý nàng thì còn húng-vị gì.

Nghĩ xong bẻ một cành hoa đỏ nhị vàng, nhỏ như hoa cúc rậu. Cầm về cắm vào ống bút, rồi gọi Mai-Lâm đem bút que giấy lá ra tập viết. Nàng Ba thì vẫn lúi-húi làm việc, thỉnh-thoảng ngẩng lên trông chồng dạy con viết, cái dáng điệu-dàng, cái nét tươi-tĩnh, lại càng thêm cảm-động cho kẻ lương-nhân, chàng bèn viết một bài "vịnh-hoa" đưa cho vợ xem mà rằng:

– Tôi vịnh cái hoa trong ống bút này, hiền-thê xem có được không?

Nàng Ba đang xé cái sợi cối trên tay, vội đặt xuống đất, hai tay nâng lấy bài thơ mà xem. An-Tiêm có ý thèn-thẹn, nghĩ bụng rằng: "Vợ chồng ân-ái, đã ba mặt con chết sống với nhau, mà bây giờ tương-đối cũng chẳng khác chi bọn tặng cành thuộc-duộc trên đám cỏ xuân, thì có nực cười không", vừa nghĩ vừa xem ý nàng đối với bài thơ ấy ra thế nào.

Nàng Ba xem ra thì thơ rằng:

*Vườn xuân hoa cũng là hoa,
Cũng hương cũng sắc ngọc ngà trời sinh.
Bồng hoa nở giữa rừng xanh,
Bông hoa nở trước cung Quỳnh¹ cũng hoa.
Cung Quỳnh réo-rất thơ ca,
Rừng xanh thoang-thoảng gió đưa hương trời.*

1. Cung Quỳnh của vua Trụ, tức là Quỳnh-cung. Ý thơ này là nói cung vua.

Nàng Ba xem hết một lượt, đọc lại một lần nữa, biết ý chàng mà tự nghĩ rằng: "Cái ý của trượng-phu ta đáng trân-trọng thay, nhưng tình-cảnh đã đến thế này, sao cho qua với nhau được ngày nào hay ngày ấy, còn vui chi mà ngắm đến cảnh hoa cho thêm chua xót". Nghĩ thế, nhưng rồi lại sợ thất-ý chồng, bèn đưa bài thơ lại cho chồng, nhách mép mà rằng: "Bài này hay đấy", rồi tươi-tĩnh nét mặt mà bảo chồng rằng:

– Hôm nay mát trời ta làm mãi lấy sợi để nắng lên mà phơi.

An-Tiêm lại ngồi xuống chỗ cối, hai vợ chồng lại làm việc như thường.

XVIII. LẠI CÓ ĐỀN

Vợ chồng làm việc lúi-húi, trông lên đã nhá tối, mới đưa hai con ra cửa chơi mát. Bỗng trông thấy ba bốn con quạ bẻ ở ngoài bãi, mỗi con bay một ngả, rải-rắc về tổ. Một con bay qua nóc nhà. An-Tiêm ngẩng mặt trông theo thì thấy nó bay qua cả mấy cái núi đá ở đấy mà theo những con kia bay mãi về đằng tây-bắc. Rồi nghe văng-vẳng có nhiều tiếng quạ bẻ kêu râm-ran cả một nơi xa xa trong vùng núi đá mà mấy con vừa bay đến ấy. An-Tiêm nói:

– Mọi ngày vẫn thấy mấy con quạ bẻ ăn ở vùng bãi mé nam núi Vọng, tối thì bay về vùng núi đá sau hang Hướng-Việt, tôi cứ nghĩ nó về tổ nó ở trong những hốc đá sau hang này. Hôm nay mới biết nó ở mãi đằng kia chứ không phải ở quanh đây. Tiếng kêu nghe như bay lên bay xuống, chỗ nọ ra chỗ kia, nhón-nhác truyền cành truyền cây, thì ở đấy có cái miếu rậm thì phải. Mà tiếng con quạ đậu rồi thì nghe thấp lăm, chắc miếu ở chỗ ấy cũng thấp chứ không cao. Mai tôi thử tìm xem có đường đi được không.

– Có đi phải cẩn-thận mới được.

– Phải, nào có phải thân của một mình mình.

Sáng mai An-Tiêm đóng kho mặc áo bị, đeo một cái rọ, một nắm dây cối, một ít cỏ khô, và gươm với đá lửa. Tay chống cái gậy song để dò nước, tìm đường bãi đi về tây-bắc, lội len-lỏi đi vào những khe núi đá trên bãi nước, mỗi chỗ lại bỏ một cái cối hay phạt một

cây xú xuống để đánh dấu lối về. Cứ thấy nước sắp-sênh cổ chân mà cát tro thì cứ đi, đi một ít lại trào lên mồm đá mà trông chung-quanh. Một chốc thì thấy một cái bãi cỏ xanh nổi trên mặt nước, chung-quanh lác-đác có cái núi đá nhỏ ở rìa bãi, như những cái cọc cắm giữ lấy cái bãi. An-Tiêm mừng ầm, vội-vàng lội đến chân bãi, chống gậy nhảy tót lên trên bãi mà đứng trông vào. Thấy bãi rộng thung-thình, cỏ xanh rêu-rêu, ba mặt đông tây bắc đều nhiều cây to, miễu rậm xanh tốt um-tùm, biết đích đàn quạ bể kêu hôm qua là ở đấy rồi. An-Tiêm trông khắp một lượt mừng rú cả người lên, chấp tay cảm ơn Thượng-đế mà rằng:

– Một cái chỗ giữa bể mà cỏ cây u-nhã, tú-khí uất-thông của Thượng-đế ban cho ta này, ở trong tất còn có nhiều cái đặc-ân nữa chứ chẳng không.

Nói rồi trông lên một cái ngàn thông gần đấy, bèn đi vào thời có nhiều thông lấm. Cây lớn cây nhỏ cũng có, lấm cây lụ-khụ mấy trăm đời đã lũa ra như đá non-bộ mà vẫn sống. Có cây thì đổ đã mục ra, có vô-số mộc-nhĩ. An-Tiêm lấy mộc-nhĩ nhét vào đầy một rỏ rồi chặt thùng mấy gốc cây cho nhựa chảy ra, lại đem cỏ khô của nhà đất đi, ra khỏi rừng thông đốt, lửa bốc lên. An-Tiêm nói:

– Đó là ngọn khói ta cáo với Thượng-đế biết rằng ta đã thừa-nhận lấy cái lâm-viên mát mẻ, cái kho vô-tận thiên-nhiên này để mà cấp phát vào trong cái công-nghiệp của ta ở đây đó.

Bấy giờ lại đi tản-bộ trên áng cỏ mà nói:

– Cái thổ-tính ở đây ảm mà có mâu thế này, tất có mạch cam tuyền tẩm-nhuận ở trong. Chỗ này rất có lợi cho việc canh-nông, sau có dân đến thì ta sẽ để cho bọn ngư-dân với bọn thương-dân ở bên hang Hướng-Việt, mà cho bọn nông-dân sang ở bên này. Nay ta hãy trở lại nhà, kéo mẹ con nàng mong đợi, rồi vài ngày ta lại sang xem xét một lần cho biết khắp cả những chỗ rừng cây bụi rậm kia mà tìm lấy những cái vật giai-phẩm và thưởng lấy những cái cảnh thanh-u nọ.

Bèn đi trở lại ngàn thông trông xuống những gốc thông chém thùng thì nhựa chảy ra lút cả cỏ. Chàng bèn cắt lấy cỏ mà tẩm vào nhựa quán làm một bọc đem về. Về đến nhà mừng rỡ hôn-hở khoe với Nàng Ba. Nàng cũng mừng lắm. Từ độ ấy trở đi, trong cái lều

tranh trước núi đá trên bờ một cái đảo vùng Nam-hải, tối đến trong chỗ tiếng vọng ru em kót-két, tiếng trẻ con học y-a cùng xen với tiếng nói cười ngâm-ngội, có một ánh sáng lọt qua cửa sổ mà thấp-thoáng lơ-mờ soi ra ngoài, khiến cho một đám trời mờ-mịt thiên-cổ đến nay có vẻ ràng-rạng. Ánh sáng ấy không phải là sáng đèn thuyền đi bể, cũng không phải là sáng lửa ma-troi, chính là cái sáng ngọn môi nhựa thông mà An-Tiêm mới tìm được ở cái bãi mí về mé tây-bắc cách hang An-Tiêm ở một quãng, đem về tẩm vào cỏ mà làm môi thấp đêm đó, thật là một ngọn đèn từ khi có đảo đến nay mới có vậy.

XIX TÍNH VỀ SAU

Trong hang từ khi có môi nhựa thấp sáng, được thêm thì giờ, đêm nào vợ chồng cũng thức khuya, lúc làm việc, lúc viết lách. Tối hôm ấy nhà đi ngủ rồi, An-Tiêm nằm với con trai lớn ở nhà ngoài trần-trọc không ngủ được, trở dậy đốt ngọn đèn môi nhựa thông, ngồi nghĩ lẩn-quẩn một mình rằng:

– Vũ-trụ có là gì, vũ-trụ chỉ là một vườn xuân của Thượng-đế, là một cái cội của vạn-vật sinh nuôi. Thượng-đế sinh ra vạn-vật, vạn-vật tự sinh sản mãi ra mà hưởng lấy ơn-huệ của Thượng-đế. Người ta là con trưởng của Thượng-đế, có quyền coi cả vũ-trụ mà mở-mang cái kho bảo-tàng để làm tốt đẹp cho thế-giới, thời người ta lại càng phải tự trân-trọng gây-dựng lấy giống nòi của mình. Cổ có câu: *"Ba điều bất hiếu, vô-hậu là lớn hơn"*, một người đàn ông hay đàn bà mà tự mình làm cho vô-hậu, ấy là một người phải tội bất-hiếu với ông bà; một nước mà tự mình để cho người dân sa hèn lụn-bại, ấy là một nước phải tội bất-hiếu với Thượng-đế. Cho nên cái sự nam-nữ không phải là cái sự vì khoái-lạc, chính là cái kế vì tôn-diêu, mà cái việc sinh nuôi dạy bảo con cái tức là một đạo thờ trời đó, Thượng-đế vốn lòng hiếu-sinh, Thượng-đế không muốn cho loài nào mất giống. Thượng-đế đem cái khoái-lạc mà thưởng trước, chính là thâm-ý tạo-vật lấy cái khoái-lạc mà sai-khiến cho sự sinh nuôi đó. Vật-loại thì nó dùng sự khoái-lạc đúng mực với lệnh trời, mà người ta thì có điều quá-đáng, cũng là vì cái tệ bởi người ta có trí khôn. Những kẻ lạm-dụng sự khoái-lạc thái-quá, đến bỏ mất sự sinh nuôi

là những kẻ ngu-ngoaan không kể, nhưng người ta cũng biết dùng sự khoái-lạc hơn vật-loại, nên người ta cũng thân-ái nhau hơn vật-loại nhiều lắm. Kể cái cảnh-huống của vợ chồng mình ở đây bây giờ, lấy cái việc trước mắt mà xét thì sống cũng là sống gương, còn biết chi là khoái-lạc; mà lấy cái kế lâu dài mà nói thì sự yêu giấu nhau không những là cầu vui mà lại là cái phận-sự còn phải làm nữa. Nếu cái sự-nghiệp ở đây mà sớm được như nguyên thì đã đành, nhưng nếu còn chậm lại, ta chưa kịp thấy, thì cái kế tràng-viern ở đây phải nghĩ thế nào; một cái đảo tốt đẹp quý-báu của quốc-giới xa xôi mà Thượng-đế để dành cho ta này, ta không kịp hưởng cái thành-công khai-thác, thì ta quyết lưu-truyền phó-chức lại cho con cháu ta kế lấy cái chí của ta. Lẽ nào ta chịu để cho cái khí-vận nó đè nén chúng ta cho đến tiêu-trầm mà cam bất-trung bất-hiếu với tổ-tông với Thượng-đế. Lúc trời đất mới mở-mang, một ông Bàn-cổ ra đời mà đến nay sinh-sản biết bao nhiêu dân, làm vẻ-vang rực-rỡ vũ-trụ. Nay vợ chồng tuy cũng đã có đôi chút con thơ thừa-tự, nhưng vợ chồng vừa mới trung-niên, đem cái-nghĩa kính nể bấy nay, điểm chút tình yêu-giấu, Thượng-đế thần-minh giáng phúc thêm cho năm ba lần cát-mộng nữa, thì độ vài ba đời về sau, ta không phải là ông bà Bàn-cổ mà truyền cái giống người Bách-Việt ra giữa cõi đất treo-leo này dư! Nhưng vợ mình chấp-nệ, chẳng biết có nghĩ như mình không, ta phải lấy thơ hỏi ý nàng mới được.

Bấy giờ lại đốt thêm ngọn môi viết bốn câu thơ sau này:

*Hỗn-mang khi mới dựng thành,
 Một hai, hai bốn hóa sinh muôn loài.
 Sinh-sinh là đạo của trời,
 Đã sinh ra giống ở đời phải sinh¹.*

-
1. Hỗn-mang là về thời-kỳ nguyên-khí còn lơ-mờ chưa kết thành trời đất. Cũng như thiên-văn-học ngày nay nói về thời cái tinh khí (nébuleuses) còn trôi nổi trên không-gian. – Cái khí lơ-mờ trên ấy gọi là Thái-cực, rồi Thái-cực mới sinh ra hai khí âm khí dương gọi là lưỡng-nghi, lưỡng-nghi sinh ra bốn khí nữa là tứ-tượng tức là thái-dương, thiếu-dương, thái-âm, thiếu-âm. Rồi bốn khí hóa tương-cầm mà sinh ra vạn-vật mãi mãi. Cũng giống như nhà sinh-lý học ngày nay nói động thực kỳ thủy đều bởi một cái tế-bào, rồi cái tế-bào ấy nở ra hai, hai nở bốn, bội mãi thành nhân vật. – Kỳ thủy trời sinh ra vật rồi vật cứ tự sinh ra con cháu giống nòi mãi mãi.

Viết rồi để ở bệ mà đi ngủ. Sáng mai Nàng Ba dậy ra bệ ngồi, thấy bài thơ mới, bèn cầm lấy xem. Xem rồi có ý buồn-bã không nói gì, An-Tiêm thấy thế cũng ngùng-nguợng, nhưng lại thấy nàng có ý vui-vẻ hơn trước, thì chàng cũng không để ý đến việc ấy nữa.

Độ ấy chừng về mùa thu, nắng đã nhạt, khí trời lạnh-lạnh, lại gặp tuần trăng; tối hôm ấy, vợ chồng giải chiếu trước thảo-lư, ngồi chơi chờ trăng. Chập tối trăng còn khuất cái núi đá sau nhà, An-Tiêm bèn thắp một ngọn đèn nhựt thông ở bên cạnh chiếu để vợ chồng ngồi nô với con. Một lát hai con buồn ngủ, vợ chồng bế hai con vào trong nhà, rồi lại ra ngoài trò chuyện. Bỗng vầng trăng vằng-vặc kéo lên đỉnh núi Hương-Việt, rồi từ-từ lên giữa trời, bóng sáng chiếu ra, cỏ cây mây nước đều có vẻ tinh-huỳnh; ngoài bể xa xa, một vệt sương trắng xóa chặn ngang như cái thành; trước cửa lều, vợ chồng lại được nhận thấy cái vẻ thanh-quang dưới bóng nguyệt của nhau ngày nọ.

An-Tiêm sực nhớ đến cái cảnh đêm rằm năm xưa, ngồi thẩn người ra không nói năng gì.

Nàng Ba thấy ý chồng không vui, tự nghĩ rằng: Cái đạo đàn bà ở đời là phải giữ việc nối dõi, giữ việc tề-gia mà cũng phải giữ việc làm khuây-khỏa cho kẻ trượng-phu. Xem phong thi¹ bên bắc-quốc, có tiếng gà giục-giã lúc tinh-sương², lại có tiếng thư-cưu họa vằn cầm-sắt³; ấy là người xưa đã đủ cái đạo vợ chồng ở với nhau một cách giai-lão cho được êm-ái rồi đó. Minh tuy vụng-về, song từ thừa vịnh thơ Đào⁴ trở đi, làm hết bốn-phận, không hề để cho trong gia-đình có điều gì rầu-rĩ bao giờ. Duy từ khi bình-địa ba-đào tới nay, cái tai nạn nó làm cho xiêu-hồn bạt vía, may nhờ được cái lòng can-đảm cái chí kiên-cường, cái niệm trung-thành thờ trời giúp nước của đáng trượng-phu, nên Thượng-đế thần-minh a-hộ cho mẹ con vợ chồng sống được với nhau ở đây đến giờ. Vả đáng

1. Những thơ phong-dao của các nước gọi là quốc-phong hay là phong-thi.

2. Thơ "Kê-minh" của người hiền-phụ cứ gà gáy thì giục chồng dậy sắp đi làm việc.

3. Thơ "Quan-thư" nói trai lành gái tốt lấy nhau, ăn ở hòa vui như đôi chim thư-cưu ngoài bãi.

4. Thơ "Đào yêu" nói người con gái kịp thời xuân lá đào đang tốt thì về làm dâu.

lượng-nhân ta xưa nay không phải là người nặng tình chần gồi mà nhẹ chí non sông, chẳng qua là chàng bấy nay hết sức khuyên ta biết tin cậy đức Thượng-đế nhân-từ quảng-đại, nay dẫu cái phúc sau lưng chưa thấy mà cái họa trước mặt cũng đã thư thư, nên chàng nghĩ đến ái-ân nghĩa cả mà thương ta; chàng sợ ta đàn bà non dạ, tuy bề ngoài nể chồng thương con mà miễn cưỡng cho qua sớm tối. Nhưng trong lòng vẫn lo-âu khiếp sợ, có ngày rồi đến ngã lòng, nên chàng tỏ ý thương ta, cho ta quên hẳn mọi cái lo âu khiếp sợ kia đi. Ôi! xử một cái cảnh ghê gớm lạ đời này, mà vợ chồng còn dám thương yêu đến nhau, thì mới thực là can-đảm kiên-cường, mới đủ sức sáng-lập lấy một cái cuộc đời mới cho mình. Vậy thì trời chữa tuyệt mình, mà mình nở tự-tuyệt, thì sao cho phải cái đạo thờ-trời, sao cho phải cái đạo thờ nhà thờ nước và thờ chồng.

Nàng nghĩ đến đấy thì An-Tiêm vừa nói:

– Trăng đêm nay cũng giống như trăng đêm hôm rằm ở sông Bờ, thấm-thoát đã ba năm nay rồi, trong ba năm nay biết bao nhiêu nỗi chìm sinh tử, trăng có hay cùng và trăng có nhớ đến hai người cũ, này là ai chẳng? Nhưng sao trăng đêm hôm ấy thì mặn-nồng vậy, mà trăng đêm hôm nay thì lạnh-lẽo như kia?

Nàng Ba mủm-mỉm đỡ lời lên một cách vui vẻ mà rằng:

– Hay là đêm ấy có chén rượu nhạt của trong nhà nên trăng vui, mà đêm nay thì suông hẳn nên trăng buồn?

An-Tiêm cũng bật cười lên mà rằng:

– Đang khi người xưa nguyệt cũ trùng-phùng nhau ở giữa bể trời này, tôi với hiền-thê một người ta làm một bài thơ "Vấn-nguyệt" để ghi cái giai-hứng đêm nay.

– Vâng, xin lang-quân đọc trước.

An-Tiêm đọc rằng:

*Đôi người đôi bóng dưới trăng,
Trông trăng lại nhớ trăng rằm năm xưa.
Xiết bao còn mấy câu thơ,
Mà đôi người cũ bây giờ vẫn đây.
To-tinh mặt nước chân mây,
Nhớ nhau nên đến chốn này tìm nhau.*

Nàng Ba cũng đọc tiếp lên rằng:

*Bấy lâu quên cả tháng ngày,
Thấy trăng thanh, chắc đêm này đêm thâu (thu).
Cần-khôn dần-dặc mối sầu,
Chị Hằng kia vẫn sống lâu một mình¹.
Có thương chẳng kẻ oan-tình,
Sông Ngâu một sợi tơ mảnh năm-năm².*

An-Tiêm nói:

– Đồng-sinh đồng-tử, vắn-vít tơ-mảnh, chị Hằng kia cũng phải thẹn.

Nói thôi cùng nhau trông mặt cả cười, bèn cùng cất dọn vào động...

XX GẶP CÔ VIỆT-NGA

Lại nói về An-Tiêm từ khi tìm được cái bãi mới, vợ chồng mừng lắm, đặt tên là vườn Lạc-viên, theo chữ Lạc-diễn của quốc-tục. Vài ba ngày chàng lại sang một lần, lúc thì lấy mộc-nhĩ, nhựa thông; lúc thì kiếm củi cắt cỏ, lâu lâu lại cho vợ con sang chơi một buổi.

Rày tối mai qua, đã đến mùa xuân thứ ba rồi, An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

– Thượng-đế ban cho ta cái vườn Lạc-viên ấy để bảo-trợ thêm tài-liệu vào cái sự-nghiệp của ta bên này, ích-lợi thực vô-cùng. Nhưng tôi xem cái chỗ linh-tú khác-thường như thế, tôi chắc ở trong còn có

-
1. Đòi nhà Hạ, người Nghệ tìm được thuốc tràng-sinh, vợ ăn cấp uống rồi bay lên cung trăng ở một mình ấy là chị Hằng-nga, mà đòi gọi mặt trăng là chị Hằng, chị Nguyệt (chuyện thần-tiên).
 2. Sao Chức-nữ là con gái trời, trời gả cho sao Khiên-ngưu, vợ chồng mến nhau bỏ cả học-hành canh-cửi, trời giận đẩy sao Ngưu sang bờ tây, sao Nữ qua bờ đông sông Vân-hà. Cứ năm đến tối mừng bảy tháng bảy mới được sang sông tương-hội một lần. Đòi có ăn tết thất-tịch, để kỷ-niệm (chuyện thần-tiên). Ý thơ này nói kẻ bất nghĩa thì sống mãi mà về vãng, người thâm tình thì oan khổ.

một cái trần tàng mà Thượng-đế sẽ đặc-thượng cho ta nữa, chứ không những vật đã thấy đấy mà thôi đâu. Bởi thế tôi chịu khó xem xét lắm, hề thấy một cái quả, một cái lá, một dòng nước, một hòn đất lạ con mắt thì tôi khảo-nghiệm kỹ-càng, xem có dùng làm việc gì được không. Tuy vậy, hôm nào sang cũng chỉ ở được có nửa buổi lại về, nay đã tới xuân rồi, khí trời ấm-áp, bóng thiều-quang soi khắp càn-khôn, các giống cỏ cây được khí dương-xuân đều nảy nở. Vậy ta nên sắp đồ-đặc cho cả nhà sang chơi, trọ lại vài ba ngày vừa thưởng cái cảnh vườn xuân cỏ hoa xinh đẹp, vừa tìm kỹ xem có được cái gì lạ không.

Nàng Ba nói:

– Lang-quân định hôm nào đi?

– Hễ hôm nào sắp đủ lương thực thì sang.

– Phải đấy.

Sáng mai hai vợ chồng chia nhau mỗi người đi làm một việc. Cách một ngày đến ngày thứ ba, vợ chồng An-Tiêm đưa con và gồng gánh lếch-xếch sang chơi Lạc-viên. Đến nơi, An-Tiêm đem gánh để vào bên vòm, Nàng Ba giải chiếu vào ổ trong vòm cho hai con ngồi chơi. Vợ chồng đưa nhau đi tiêu-dao khắp mọi chỗ, hết muōu nọ đến rừng kia, hết trong bụi lại ra ngoài bãi, Nàng Ba nói:

– Một vùng cỏ hoa cây cối thế này mà trừ một thứ quạ bể ra, không thấy có một loài chim nào khác và một con ong bướm nào?

An-Tiêm nói:

– Ý-giả chỗ này bé nhỏ chon-von giữa bể, xa cách cõi lục-địa, nên những giống ấy cũng không ra được.

Hai vợ chồng cùng đi vắn-vơ trên bãi cỏ, An-Tiêm ngâm lên rằng:

*Xanh xanh một áng cỏ xuân,
Nước non chẳng chút bụi trần vắn vương.*

Nàng Ba cũng ngâm lên rằng:

*Đưa nhau lên đến vườn trời,
Trời đi đâu vắng bốn người ngẩn-ngo.*

Vợ chồng càng thấy cái cảnh-vật khác bên Núi-Vọng mà giống với cái cảnh-vật chốn quê nhà, thì lại càng lưu-luyến đến hơn hai ngày, lần mò mọi chỗ, chẳng thấy cái gì lạ, An-Tiêm nói:

– Phàm của quý, tạo-vật hay cất kín, ta chịu khó tìm mãi rồi cũng thấy.

– Hết lương rồi, ta hãy cho con về, khi nào thư thì lại sang.

Hai vợ chồng bèn trở lại vòm. An-Tiêm chợt trông thấy con gái bé, tay cầm mấy cái cây con mà chơi. Chàng vội cầm lấy một cây xem, thì nó giống như cây bí mới nở. Chàng bảo con gái bé đưa cả cho chàng xem, thấy mỗi cái mầm có một cái rễ cái đâm xuống đất, hai cái bẹ tròn mà dầy bởi hai mảnh hột nở ra, một cái nõn mới nhú lên. An-Tiêm hỏi Mai-Lâm rằng:

– Những cây này ở đâu thế con?

Mai-Lâm vừa nói vừa trở ra bãi trước cửa vòm mà rằng:

– Em khóc, con dứt những cây ấy ở chỗ kia cho em chơi đấy.

An-Tiêm vội chạy ra xem, và gọi Nàng Ba cùng ra. Đến chỗ con trở, thì thấy những cái mầm cây ấy mới nở đều một lượt nhiều lắm lẫn cả vào vôi cỏ. Chàng lại nhặt lấy hai cái mảnh vỏ ở ngoài hột mà nó mới nở rơi ra, chấp lại thì to hơn cái hột bí mà mập và đen. Hai vợ chồng lại xét-kỹ, thì những cái vỏ ấy rơi ra còn nhiều, cái nào cũng đen như thế cả, An-Tiêm đoán rằng:

– Những cây này nó cũng về loài bầu bí hay loài dưa gì đó thôi, chỉ lạ có hột đen thì không biết quả nó ra kiểu gì, ta thử đi vùng ra cả chung quanh đây xem có còn không.

Hai vợ chồng lại đi ra khắp cả một khu gần đấy thì thấy lác-đác mỗi chỗ có năm ba cây, chỉ có chỗ xem trước tiên là nhiều hơn mà quang sạch hơn, hai vợ chồng lại trở lại, Nàng Ba nói:

– Sao không có cây lớn nào mà lại có giống cây con?

– Có lẽ thứ cây này có từng mùa, hết mùa thì cây chết, quả bỏ lại rồi cũng thối nát đi, còn ít hột dính xuống đất đến mùa lại nảy lên, cứ tự-sinh tự-diệt như thế mãi. Nhưng cũng là một thứ sản-vật mới thấy ở đây, chứ tôi không thấy bầu bí dưa nào đen hột như hột na thế này bao giờ. Ta hãy cứ nhặt cỏ và chăm chút cho nó để sau ra quả xem sao. Cái lẽ tạo-vật hữu chư trung tất hình

chư ngoại, một cái kho tàng tráng-lệ ở trong đất có nhiều đồ quý; một cái non sông gấm vóc. Khí-hậu trong lành ở trong đất có nhiều nhân-tài lỗi-lạc. Cho nên tôi thấy cái bãi nho-nhỏ giữa bể giữa trời này, mà cỏ cây hớn-hở, cảnh-trí phong-quang, khiến cho khách tâm-phương phải lưu-luyến không dứt tình ra được. Nay trông chỗ cây rừng cỏ nội này mà lại có cái cây giống như những cây ngon lành, mới nảy ra trông đã có cái vẻ kỳ-tú bất-phàm thế này, thực cũng khả-nghi, biết đâu đã không phải là cái sở ước của ta là đây rồi u. Vả tôi đã nói những thứ ăn dùng ở trong đời cũ là cổ-nhân phải tìm nghiệm dần dần. Còn từ nay về sau, còn phải tìm-nghiệm nữa, chứ như thế đã biết hết được cái kho vô-tận của ông tạo đâu. Ta ở đây là cái đời mới, cái gì cũng thiếu cũng cần, mà cái gì cũng phải tìm ra mới có được; bây giờ thấy cái này khác con mắt, ta cứ trân-trọng mà giữ lấy, chẳng được quả mà ăn cũng được cảnh mà chơi, có hại gì.

Hai vợ chồng cùng ngồi xuống nhổ cỏ, rồi vào vườn chặt cành đem ra rào chung quanh. Lại đánh mấy cây con về trồng trước cửa nhà để trông nom cho tiện.

Từ hôm ấy trở đi, công việc trong nhà An-Tiêm, trừ đi hái rau, kiếm cá, đủ bữa ăn rồi, thì lúc nào hai vợ chồng cũng lui-húi ở bên Lạc-viên, trông-trọt những cây con mới tìm được ấy. Kể guom người dao, cắt cỏ xới đất, rồi bỏ hốc, trồng ra mỗi hốc một cây con, mỗi cây cách nhau năm sáu thước. Đến khi đã đủ lá thành cây lớn, xem đích là cây dưa, nhưng không biết là dưa gì. Vợ chồng mừng lắm, càng chăm-bẵm thêm. Nắng quá thì chặt cành cây cắm mà che, mưa lắm thì khơi rãnh cho khỏi úng-thủy. Bữa ăn vội-vã, đêm ngủ mơ-màng, chỉ to-to tưởng-tưởng cho dưa chóng có quả mà quả ra làm sao. Thôi thì nâng-giác nom dòm từng li từng tí, hơn là mong con lớn. Mong cho có lá, lá xanh tốt thì mới mừng; lại mong cho có nụ, nụ nở hoa thì mới mừng. Giữ từng cái lá cho khỏi muối, giữ từng cái hoa cho khỏi thui, không biết những cây dưa ấy kết-quả ra sao, để đền cái công khó nhọc, cái ơn tri-ngộ của hai ông bà An-Tiêm ở nơi vắng vẻ này, mà dưa đã từng vinh khổ bao đời không ai biết tới. Nhưng vợ chồng An-Tiêm cũng đã nhờ có những cây dưa ấy mà được cái thú tiêu-khiển rất vui trong hai ba tháng trời. Đứng giữa vườn dưa mà trông lên tứ bề: núi đá lô-xô, ngàn thông xào-xạc, cây

um-tùm chẳng tiếng chim kêu, hoa rạp-ròn vắng con bướm liệng; chung quanh vắng-ngắt như tờ, non sông khuất nẻo càng ngơ ngẩn người. Thế mà đứng trước cửa vòm mà trông xuống vườn dưa: hàng kia luống nọ, xanh biếc như mây; trước gió lá rung, lá như đón ta mà múa; quanh người hoa nở, hoa như mừng ta mà cười; gọi là mượn thú điền-viên, chẳng ăn hoa-lợi cũng yên-ủi lòng. Đến khi hoa tàn quả kết, vợ chồng lại càng nắc-nỏm, mong đêm mong ngày, mong cho chóng đến kỳ quả lớn đầy mà thử xem ruột xem gan dưa thế nào. Một ngày kia Nàng Ba vì dãi nắng ở ngoài ruộng quá, bốc hỏa lên thành bệnh đức đầu phải nghỉ. An-Tiêm cũng loanh quanh ở nhà mất hai ngày để tìm đồ chữa cho vợ mà chưa khỏi. An-Tiêm phần thì nóng ruột về vợ yếu đau, phần thì nóng ruột về công việc ở bên đồng dưa, nửa buổi hôm sau bỗng nghe thấy tiếng quạ kêu ở bên Lạc-viên nhiều lắm. An-Tiêm bảo Nàng Ba rằng:

- Xưa nay quạ không kêu ban ngày ở vườn bao giờ, mà sáng hôm nay nó kêu như vỡ tổ làm vậy, hiền thê hãy ở nhà với con, tôi sang một tí xem sao rồi lại về ngay.

Nói rồi lội bãi đi sang, tới nơi thấy đàn quạ đồ đen sì cả ở dưới vườn dưa. An-Tiêm vội chạy vào thì quạ bay tản mác cả đi, chàng bèn đi lần lượt từ gốc dưa xem quạ xuống làm gì, thì thấy có mấy quả dưa to, quạ đã mổ thủng ra mà xoi mắt ruột rồi. Chàng trông thấy cái ruột dưa đỏ tươi đồng-độc, mừng lắm. Vội chắt lấy năm quả mà quạ đã mổ thủng, ngồi ngay xuống chỗ bên luống dưa hai tay nâng từng quả lên mà ngẩn ngía. Gang thử một quả xem chu-vi: chiều dài được độ hơn sau gang, chiều ngang một nửa quả hơn hai gang, hình tròn như quả trám mà da xanh đen. Chàng lấy guom cắt ngang một quả ra làm đôi, thì có hai vành bốn sắc khác nhau. Vành ngoài là vỏ xanh và cùi trắng trong như ngà, vành trong là ruột thì đỏ đặc như tiết có vân lộn lên, hột thì đen lóng-lánh hình như cái răng của cô mỹ-nhân nước Việt. Chàng nghĩ một mình rằng:

"Trước kia mà ta chưa đến đây thì cái giống dưa này chỉ để cung cho đàn quạ bẻ ở đây thôi, quạ nó đã thích ăn thì chắc cũng vô-độc, ta thử ném một tí xem xem sao. Nói rồi cắt lấy một khoanh, gọt vỏ ngoài đi rồi cắt lấy một miếng ruột ném một tí thấy ngọt, nuốt đi thấy mát cổ, bèn ăn cả miếng thấy khí-vị thanh-hương êm-ái. Ngẫm nghĩ một lát không thấy xôn-xao ruột gan gì, lại ăn hết cả

khoanh, thấy đang lúc trời oi khí nực, mình bồ hôi tâm-tả thấm cả ra ngoài áo bị, vừa mệt vừa khát mà bỗng mát ngay ruột, tỉnh ngay người ra, khoan-khoái dễ chịu.

An-Tiêm bất-giác lấy làm thích lắm mà rằng:

– Ta định đem nhân-lực mà tranh với cuộc thiên-hoang ở đây, nay Thượng-đế lại đặc-ân mà giúp cho thứ quý-vật này, thời cái công-nghiệp của ta ở đây càng chóng thành-tựu được.

Bấy giờ mới cắt bỏ chỗ quạ ăn đi mà ăn hết cả quả dưa ấy. Ăn xong, chàng tưởng như cái khí thanh-hương thấm-thía ra khắp cả người, không những các thứ dưa đã ăn qua trong nội-địa không thứ nào ngon bằng, mà đến lê năm mùi của Tàu, nhãn lồng vải tiến của đất Việt, là những thứ trân-cam có danh trong thiên-hạ cũng không thấm vào đâu. Chàng bèn đặt tên là "*Tây qua*" là vì tìm được dưa ấy ở mé tây vườn Lạc-viên. Lại gọi là "*dưa đỏ*" là vì ruột nó đỏ. Xem xét kỹ rồi đứng lên cầm guom đi vào trong vườn, vừa đi vừa có ý vui mừng thích ý lắm. Đến vườn cắt dây làm hai cái quang con, chặt một cái cây làm cái gậy, lại đi ném đuổi những con quạ bẻ còn đậu ở trên cây đi, rồi mới ra gánh đem dưa về. Nàng Ba ở trong nhà đang nhức đầu như bổ, miệng thì khô mà khát, người thì nóng mà buồn bực. Mai-Lâm ngồi bóp đầu cho mẹ nó ở nhà ngoài, nghe tiếng bố về đến đầu nhà, cười nói mừng rỡ, nó chạy ra đón. Thấy bố quảy mỗi bên hai quả dưa to, nó cũng reo lên mà mừng lắm. An-Tiêm bèn đem dưa vào để bên bệ cho vợ con xem. Nàng Ba cũng ngồi ngòm dậy, mẹ con mỗi người bẻ một quả dưa mà xem.

An-Tiêm hỏi:

– Hiền-thê đã khỏi dục đầu chưa?

– Lại càng tăng bệnh lên.

– Đã có thuốc đây rồi, rồi đem cái sự quạ ăn dưa cùng những cái tính-chất cam-mĩ của dưa mà chàng đã thí-nghiệm nói cho vợ nghe, tức thì bổ ra một quả cho vợ con ăn. Chàng ăn một miếng trước, cho vợ con bắt chước. Nàng Ba thấy chồng ăn một cách rất ngon lành, cũng cầm lấy ăn và cho hai con ăn. Nàng ăn xong thì đầu thấy nhẹ đi, bao nhiêu bệnh bỗng đi đâu mất cả, nàng ngợi khen cái khí-vị của giống dưa quý-báu ấy mãi mà rằng:

– Nếu không có lang-quân tiên-kiến, thì xuýt nữa ta phụ mất bao nhiêu hồng-ân của Thượng-đế.

Nàng lại thú thực với chồng rằng nàng đã thấy khác mình. An-Tiêm mừng lắm nói rằng:

– Ta thêm được đất, ta thêm được giống dưa quý hóa này, nay mai ta lại thêm được người, thế là Thượng-đế lo liệu cho ta đủ cái kế tròng-viên ở đây rồi đó.

Hôm sau An-Tiêm lại sang cắt một gánh dưa về làm lễ trí-cáo Thượng-đế, thần-thánh và gia-tiên, rồi từ hôm ấy trở đi, hôm nào cả nhà cũng sang vườn dưa từ sáng sớm đến tối mới về để coi quạ. Một buổi đang trưa trời nắng như đốt, vợ chồng con cái bỏ một quả dưa ăn. An-Tiêm vừa ăn vừa đọc lên bài thơ để ký-sự *quả dưa đỏ* rằng:

*Gặp em ngoài cội bể Đông,
Yêu em về một tấm lòng thắm tươi.
Răng đen nhoẻn miệng em cười,
Dấu trời nắng nực cũng người con nồng.
Yêu em anh bế anh bông,
Nước non ghi nghĩa tương-phùng từ đây.*

Nàng Ba nghe chồng đọc mấy câu thơ dưa, mà tủi dưa với một người mĩ-nhân để ngụ cái cuộc nhân-duyên gặp-gỡ, tình-ái nào-nùng, nàng bất-giác cũng đỏ mặt lên, hai người cùng cười phì cả dưa đương ăn trong miệng ra. Nàng cũng thừa hứng mà đọc:

*Nhờ duyên cái phận em tròn,
Bõ công giữ phách gìn son những ngày.
Tương-phùng nghĩa cả là đây,
Nắng mưa che chở nước mây dào-bông.
Chàng về chốn cũ non sông,
Thì chàng cho thiệp về cùng với nhe.*

Hai người lại cười ồ lên. An-Tiêm nói:

– Cho về lắm chứ!

Hai vợ chồng lại bàn đặt một tên nữa cho dưa là "*Việt-nga-quả*". An-Tiêm nói:

– Cứ câu kết bài thơ của hiền-thê thì thế nào rồi ta cũng kịp đem cô con gái má hồng răng đen ở Nam-hải này về nơi quê cha đất tổ, mà chính là câu thơ xăm của thần-minh ứng-khẩu ra.

Thấm-thoát lá vàng dây héo, dưa chảy về hết, vợ chồng chọn ra được mấy quả da mùi đậm-lục, bày chỗ ngồi chơi, mấy quả già để làm giống; còn thì cất cả vào trong hang để ăn dần. An-Tiêm chọn ra mười quả, khấn nguyện Thượng-đế và cầm gai vạch mỗi quả hai bài thơ vào hai má, rồi đem thả ra bốn mặt bể chung quanh đảo mà rằng:

– *Của quý của tạo-vật, không có lẽ trăm-mai, năm năm mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ.*

Vợ chồng lại bàn nhau đến mùa sau sẽ thả số dưa tăng lên để thông-tin cho thiên-hạ biết. Cuối năm ấy Nàng Ba sinh hạ được một thằng con trai nữa. An-Tiêm đặt tên là Mai-Hải. Đảo Hải-nam từ nay đã thêm một người nữa là năm người rồi. Cái cảnh gia-đình của vợ chồng An-Tiêm càng thêm vui vẻ, mà công việc càng thêm phấn-chấn.

Quanh-quẩn đã đến năm thứ bốn, mùa dưa năm nay được nhiều hơn năm ngoái, là vì năm ngoái chưa biết là cây gì, còn trồng thử. Năm nay mới vỡ cỏ rộng, mà trồng nhiều hơn lên, mùa này An-Tiêm lại chọn lấy hai mươi quả, cũng khấn-nguyện Thượng-đế và viết thơ như mùa trước, rồi đem thả ra bể mà nói rằng:

– *Của quý của tạo-vật, không có lẽ trăm-mai, năm năm mười năm, đôi ba mươi năm cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ.*

XI. NGƯỜI HAY LÀ MA

– Tôi đã lả đi mất rồi, mà trời tối như bung lấy mắt, không thể bò đi được nữa.

Một anh đã có tuổi bò đi sau vừa thở vừa nói không ra hơi, nói thế rồi đâm rúi xuống bãi cát. Một anh trẻ tuổi bò đi trước vừa rên hừ-hừ vừa nói:

– Tôi cũng đứt ruột ra đây, kìa chỗ kia có bóng đèn thấp-thoáng, tiếng người xì-xào, ta cố man vào bãi cỏ này kêu to lên để người ta ra cứu.

Ấy là người hay ma, đang khi phương trời tối sẫm, tiếng gió ồn-ào, trong hang lạnh-lẽo, năm bóng rõ mờ, tiếng trẻ khóc y-a, giọng thơ ca ngâm-ngợi, đêm ấy cảnh ấy, đáng cho là vui hay là buồn, dù vui dù buồn, tùy người đối cảnh. Vợ chồng An-Tiêm đã sắp cất-dọn đi ngủ, bỗng nghe văng vẳng ngoài bãi trước nhà, xa xa có tiếng người kêu van rầu-rĩ như trên kia mà nghe ra tiếng sắp hết hơi không rõ.

Nàng Ba sồn cả người lên mà rằng:

– He! tiếng người hay là tiếng ma?

An-Tiêm đứng lên rút thanh Tản-lĩnh điện-quang đến soảng một cái để xuống bên chỗ ngồi, lại nghe, thì rõ ra tiếng nói của người bản-quốc. Không biết là người ở xứ nào, tiếng nói nặng-nặng, nghe ra hai người, người nọ kêu xong lại đến người kia kêu, rằng:

– Lay ông lay bà trong ấy cứu anh em tôi với.

An-Tiêm nói:

– Sí! đã ba năm nay mới nghe thấy tiếng người bản-quốc, chẳng khác đứa trẻ con mà khi mẹ đi vắng mới về mà gọi.

Vừa nói vừa cầm gươm chực đi ra.

Nàng Ba nói:

– Hãy nghe kỹ lại xem đã, ngộ đêm thanh cảnh vắng, ma quái nó hiện lên mà trêu mình thì sao?

An-Tiêm đứng dừng lại mà rằng:

– Vũ-trụ không có sự quái gở, ta ở đây ba năm nay, có thấy cái gì quái gở bao giờ. Nếu phải người phiêu-lưu đến mà không cấp-cứu, thì oan cho người ta mà cũng thiệt cho mình. Còn như ma quái thì mình phụng mệnh vua, mệnh trời làm chúa-tể ở đây, mình sẽ phanh thây nó ra chứ sợ gì.

Nói dứt lời thì mở cửa cầm gươm ra đứng trước vườn hoa hỏi to lên rằng:

– Ai kêu ở đâu đấy?

Thì nghe thấy có một người nói lên ở bên bờ bể trước mặt rằng:

– Lay ông, anh em tôi đắm thuyền trôi đến đây, xin ngài cứu cho, chúng tôi sắp chết đây.

An-Tiêm nghe đích tiếng người, vội vào lấy một nắm mỗi thấp lên và một quả dưa đỏ da trắng ở chỗ ngồi chơi ô đi ra bãi. Vừa đi vừa gọi để hai người ấy thừa lên mà biết chỗ đến cứu. Nhưng người ấy không thừa được nữa, cứ nghe tiếng rên tìm đến. Đến nơi An-Tiêm giơ cái mỗi lên, trông rõ mặt hai người cùng chấp tay vái, mà không nói được nữa. An-Tiêm vội thấp thêm mỗi cho sáng to lên, lấy gươm cắt quả dưa ra đưa cho mỗi người một miếng mà bảo ăn đi. Hai người tay đã nguợng không cầm được. An-Tiêm bèn nắm cả hai miếng ruột dưa vào tay mà vắt vào mồm cho mỗi người mấy giọt nước dưa. Nước dưa chảy vào cổ họng hai người, hai người cùng nuốt đi thì hơi dần lại. An-Tiêm cứ vắt luôn cho hai người, mấy bận nữa, thì đều tỉnh lại cả, nói được và giơ tay xin dưa nữa để ăn. An-Tiêm cứ gọt rồi cắt dưa đưa cho, hai người ăn hết quả dưa, hai người guợng ngồi lên vừa thở vừa nói rằng:

– Ngài chậm ra một tí nữa, thì tính-mệnh anh em chúng tôi không còn, ơn tái-sinh này biết lấy gì báo đền.

An-Tiêm thấy hai người quần áo đã khô, không biết họ giặt vào bể từ bao giờ, đã toan hỏi. Nhưng nghe tiếng nói còn mệt lắm, sợ hỏi người ta phải đáp lại mà nhọc thêm bèn nói:

– Anh em một nước được cứu lẫn nhau là may, làm gì mà ơn với huệ. Thôi mời hai ông vào nhà nghỉ cho tỉnh người lại đã.

An-Tiêm cầm mỗi đi trước, hai bác phiêu-lưu đi sau. Chân đi lấy-bấy không vững, vào đến nhà. Nàng Ba trông thấy mặt người nước nhà mà bấy nay khao-khát thì vội-vã mừng rỡ chào mời. An-Tiêm trở hai bác nằm xuống cái bệ mé nam mà nghỉ. Vợ chồng An-Tiêm thấy hai bác nằm xuống rồi chộp đi được, tiếng ngáy o-o, thì hai vợ chồng cùng mừng cho hai bác mà bảo nhau rằng hai ông ấy chộp đi được thì chóng khỏe lại. Nói rồi hai vợ chồng đi tạo-soạn để thết khách.

An-Tiêm nói nhỏ với Nàng Ba rằng:

– Thật là Thượng-đế đưa hai ông quý-khách đến để làm bầu làm bạn với ta, đợi chốc nữa hai ông dậy, ăn uống no nê đã, ta sẽ hỏi chuyện nước nhà bây giờ thế nào.

Hai bác ngủ được một giấc thức dậy, thấy người đều nhẹ-nhõm, bụng đói lắm, thì bà chủ vừa bung ngay đồ ăn đặt vào, đồ ăn nóng hơi lên ngùn-ngụt. Hai bác thấy bà chủ đặt mâm vào thì sén-vén nể sợ. Bà chủ mời:

– Gọi là suông-sẻ, mời hai ông chiêu tình cho.

Ông chủ cũng đứng mời:

– Mời hai ông xoi thực-thà cho.

Hai bác đứng lên chấp tay. Bác ít tuổi người xương-xương mà cao, trông có ý nhanh-nhẩu nói lên rằng:

– Anh em trôi trên mặt bể đã mấy hôm nay, giạt đến quý-hương đây, nhờ hồng-phúc gặp hai ông bà cứu sống mà lại cho ăn, ơn ông bà thật như trời như bể, anh em về được với vợ với con cũng không bao giờ dám quên ơn ông bà.

An-Tiêm vừa cười vừa kéo hai bác ngồi xuống mà rằng:

– Được. Mời hai ông chiếu-cổ đi, rồi ta sẽ nói chuyện nông nổi với nhau.

Hai bác tưởng chỉ có hai anh em mình là có cái nông-nổi trôi giạt mà thôi, đều ngồi xuống. Bác ít tuổi so đưa ra, rồi cùng ngồi yên, ra ý chờ đợi. Vợ chồng An-Tiêm ngồi bệ mé tây trông sang. Nàng Ba nói:

– Ô hay kìa! hai ông không xoi đi?

Bác nhiều tuổi hơn, người đậm đà mà đen đen, trông có ý hiền lành, nói:

– Anh em còn mệt lắm, không uống được rượu, xin bà bảo em cho com.

Nàng Ba cười ngặt nghèo mà rằng:

– Chúng tôi ở đây không có rượu mà cũng không có com, thành-tâm chỉ có thế mà thôi, mời hai ông miễn chấp cho.

Hai bác nhìn xuống mâm rồi lại trông nhau nhón-nhác, có ý ngần ngại dụt-dè. Bác hơn tuổi nói:

– Hai ông bà đã ban cho, anh em ta ăn đi.

Bấy giờ hai bác cùng trông thấy hai cái vỏ ốc to, đoán là bát, cầm lấy mỗi người một cái, gấp đồ ăn vào mà ăn, nhưng mắt vẫn lăm-lét trông trộm vợ chồng An-Tiêm. Vợ chồng An-Tiêm thấy khách ăn thì vui mừng cùng lánh vào trong hang cho khách khỏi ngượng, vì vợ chồng An-Tiêm bấy lâu ăn những phẩm vật ấy đã quen, thì lúc ấy tưởng ý khách cũng như ý mình. Vợ nằm với con, chồng ngồi bên nói:

– Để hai ông quý-khách xoi xong ta lại bỏ quả dưa nữa để uống nước rồi ta sẽ hỏi chuyện Phong-châu.

Nói xong An-Tiêm trông ra nhà tiền-đường thấy mỗi tắt, vội ra thối lên mà tiếp cái mỗi khác vào. Mỗi cháy sáng lên chẳng thấy hai người khách đâu cả, mâm đồ ăn thì còn nguyên. Chàng soi ra cửa chẳng thấy gì, gọi to lên cũng không thấy thua. Nàng Ba ở trong hang nghe tiếng cũng tắt-tả chạy ra, hai vợ chồng vừa soi vừa gọi khắp chung quanh nhà cũng chẳng thấy tăm hơi gì. Nàng Ba nói:

– Tôi đã bảo mà, đích ma không sai.

Vừa nói vừa run. An-Tiêm nói:

– Trong thiên-hạ này lại có cái lẽ như thế thì lạ thật!

Hai vợ chồng lại vào bộ ngồi. An-Tiêm ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói:

– Tôi xem dung-mạo cử-chỉ của hai người này, thì đích là người sống, chứ không phải ma, dễ thường họ cho ta là ma thì có, nên họ hãi mà trốn mất. Tội nghiệp cho hai người khách lạ quá! để mai xem sao, nếu thực người thì thế nào cũng thấy.

Đêm đã gần sáng, hai vợ chồng mới đi ngủ. Nàng Ba thì vẫn tròn-tròn.

Mới tang-tảng, An-Tiêm đã dậy cầm gươm đi tìm hai bác phiêu-lưu tối hôm qua. Ra đầu nhà mé nam, thấy lốt cỏ mới rẽ, thì chàng cứ theo về vùng ấy mà lùng đi. Nguyên hai bác phiêu-lưu đã sắp chết kia, từ lúc ăn hết quả dưa quý ấy thì tỉnh người lại ngay. Vào nhà lại ngủ được một giấc, tinh-thần khôi phục như thường. Lúc dậy, tưởng anh em trôi vào được cái làng nào, mừng lắm. Đến lúc té-nhận ra thấy nhà thì là một cái lều tranh lụp-sụp, chẳng có lối đục nào; hai vợ chồng chủ nhà ăn mặc lôi thôi kỳ-dị, đã lấy làm

nghe. Lại còn trông thấy hai vợ chồng chủ nhà cùng đẹp đôi, chồng ra dáng tu-mi, hùng-dũng, vợ ra dáng nhan sắc lả-loi; lại thấy hai vợ chồng cứ thì-thọt ở trong cái hang đá chui ra chui vào, thì hai bác càng lấy làm hãi lắm, chắc mình đã bị vào tay những giống yêu-tinh, cà-rồng, dạ-soa, càn-sát gì hay ăn thịt người mà lúc bình nhật thường nghe người ta nói chuyện. Sau bụng mâm lên thì cơm không có, dưa que bát ốc, rau cá tanh-tao, dẫu mọi rợ nào cũng không thô-tục đến thế. Hai bác càng khiếp-sợ mất cả hồn cả vía, nhưng sợ trái ý chủ nhân, hai bác phải gấp đồ ăn nhai nuốt liều đi. May sau vợ chồng chủ cùng chui vào hang, lại nghe trong hang nói rì-rầm, nghĩ là nó bàn nhau sửa anh em mình, thì hai bác càng thêm lo, bầm nhau "trút lánh" mất. Trời thì tối, hai bác dất nhau đi liều đi lịnh, không còn biết đâu là trời đất, đâm cả vào bụi, ngã cả vào đá, sút sỏ cả chân tay mặt mũi ra. Đi đến sáng thì ra đến bãi cát, ngảnh lại tưởng chừng đã xa cái chỗ nhà ma nó ở tối hôm qua rồi. Hai bác mệt quá, ngồi xuống nghỉ, rồi ngã vật ra, từ lúc trốn đến giờ mới dám nói chuyện với nhau. Bác hơn tuổi nói:

– Phúc đức quá! hệt chết hai bận.

Bác ít tuổi nói:

– Tôi trông rõ con vợ nó há mồm ra đỏ như lửa mà chồng nó thì có đuôi.

Hai bác đương thì-thào nói nhỏ với nhau, thì An-Tiêm vừa lục-sục cầm guom đi đến sau lưng, trông thấy hai ông quý khách đương nằm xóng-xuốt trên bãi cát, mừng quá vội nói to lên rằng:

– Ôi trời ơi! hai ông nằm đấy ư? để tôi đi tìm mãi, có dậy về với tôi không?

Hai bác giật mình, vùng dậy lại ù phá chạy, An-Tiêm cứ lẻo-đẻo theo sau mà rằng:

– Hai ông đừng chạy nữa mà mệt, đứng lại tôi bảo, tôi là người làng đây, không việc gì mà sợ.

Trước An-Tiêm còn không dám đuổi, vì sợ hai ông khách chạy quá đứt ruột ra mà chết. Sau thấy hai ông cứ chạy hoài, không dám ngoảnh cổ lại. Chàng nghĩ bụng rằng nếu cứ để hai ông chạy mãi xa quá mình không theo kịp, rồi hai ông bơ-vơ đến chết đói chết khát mất thôi, bất-nhược ta phải bắt hai ông lại mới được. Bèn cúi

đầu chạy đánh vụt một cái như con mãnh-hổ đuổi bắt con mi, vượt lên trước mặt hai bác phiêu-lưu, vung gươm mà đứng sững lại. Hai bác thất-kinh ngã lẫn chiêng ra, cứ lạy soi-soi lên rằng:

– Lạy ông xin phúc xá tội cho hai anh em con.

An-Tiêm cầm hai tay hai bác kéo dậy, tươi-tĩnh nét mặt vừa cười vừa nói rằng:

– Hai ông đừng sợ nữa, tôi chính là anh em ruột thịt của hai ông đây. Vợ chồng con cái nhà tôi cũng mới trôi giạt đến đảo này như hai ông bây giờ, ở đây giữa trời, không có ai sốt, chỉ có hai vợ chồng tôi với ba cháu bé, bây giờ lại được hai ông nữa là bảy người mà thôi, hai ông đừng đi đâu nữa cho thêm khổ ra. Ý hai ông ngờ vợ chồng tôi là ma quỷ gì, nên hai ông sợ hãi mà trốn, có phải không? Chúng tôi không phải ma quỷ gì đâu, chúng tôi chính là máu mủ với hai ông đây, mời hai ông về, tôi sẽ nói chuyện cho hai ông nghe.

Hai bác vốn kinh-khủng, nghe câu được câu chẳng cũng chưa dám tin, cứ chấp tay vái xin tha tính-mệnh cho. An-Tiêm phải dắt tay hai bác đi hai bên, mình đi giữa, thông-dong trên bãi cát mà trở về. Vừa đi An-Tiêm vừa nói:

– Hai ông đừng sợ nữa, tôi kể chuyện cho hai ông nghe, tôi chính là người nước Văn-Lang ta đây; tôi là con nuôi đức Hùng-vương thứ XVII đây.

An-Tiêm nói đến đấy thì ngảnh mặt vào bác hơn tuổi mà hỏi:

– Nay, thế đức Hùng-vương thứ XVII ta ngài vẫn trị vì đấy chứ?

Bác hơn tuổi sẽ nói:

– Dạ, lạy ông, vâng, ngài vẫn còn trị-vì đấy ạ.

An-Tiêm nghe nói đức Hùng-vương XVII còn trị-vì, mừng quá. Lại ngảnh sang bác ít tuổi hỏi:

– Có phải không ông?

Bác ít tuổi thưa:

– Vâng, đức Hùng-vương XVII vẫn còn trị-vì, ngài làm lễ thất-tuần đại-khánh đã bốn năm nay.

An-Tiêm nghe nói sướng lắm, tự nghĩ: À, ông này lại có biết cả việc quân-quốc thì hay lắm. Ngài còn trị-vì, thì vận-mệnh nước

mình không can gì, phúc mình còn dài, nhưng để thông-thả ta sẽ hỏi việc nước mới tường được, đây ta hãy nói chuyện cho hai ông tin mà khỏi sợ đã. Lại tiếp lên rằng:

– Tôi làm con nuôi của ngài, ngài đã cho tôi làm quan Lạc-tướng, mũ áo tôi còn giữ được ở trong nhà kia. Tôi lại đi mở Tân-ấp ở sông Bờ. Cách ba năm nay có người nịnh-thần vu-oan cho tôi, ngài giận mà sai vút vợ chồng con cái nhà tôi lên cái hoang đảo này. Vừa nói vừa trỏ tay lên đỉnh núi Vọng mà rằng:

– Rồi thông thả tôi sẽ đưa hai ông lên núi kia mà trông, chung quanh toàn bể bao bọc cả. Ngài hẹn bao giờ khai-khẩn xong thì mới cho về. Lúc lên chỉ có bốn người là hai vợ chồng tôi với hai cháu và vài bao bánh khô, một thanh gươm này với hai hòn đá lửa. Chúng tôi phải tự tìm lấy đồ ăn thức mặc mà sống với nhau đến giờ, lại sinh được một thằng cháu nữa. Hai ông thấy chỗ ăn ở của nhà tôi đây thì tưởng là nhem-nhuốc, mà chúng tôi phải phí bao nhiêu trí-lực mới gây lên được như thế đó. Nay Thượng-đế đưa hai ông đến đây cho tôi, thấy hai ông, tôi mừng bằng bố mẹ tôi sống lại. Chúng tôi không khổ gì bằng ba năm nay không gặp một người nào trong thế-gian mà nhất là người trong bản-quốc.

Đang nói dở câu chuyện, ngẩng lên vừa về gần đến nhà. Hai bác nghe An-Tiên nói đầu đuôi thành-thiết thì cũng đỡ sợ. Nàng Ba đưa hai con lớn ra đứng trước cửa, trông thấy chồng đưa hai bác về, cười nói vui-vẻ mà rằng:

– Thấy cháu tìm thấy hai ông ở đâu thế? mời hai ông về nghỉ.

An-Tiên đem việc tìm thấy hai ông ở ngoài bãi, rồi vừa mừng hớn-hở vừa khoe với Nàng Ba rằng tôi mới hỏi hai ông được có mấy câu về thiên-tử ta thì hai ông cùng nói ngài còn đang trị-vì, được thế là non sông bền vững thì ta ở đây mới yên bụng. Nàng Ba nghe nói cũng thích, rồi trở vào mình mà bảo hai bác phiêu-lưu rằng:

– Tôi là con gái quan Lạc-hầu họ Cao trước đây, nhà tôi ở Phong-châu, thành Phong-châu vô-sự thì từ-mẫu tôi năm nay chắc cũng còn sống.

Bác ít tuổi nói:

– Dạ, thua bà, trước con cũng nghe tiếng cụ Cao làm quan Tướng-quốc.

Vợ chồng An-Tiêm đưa hai ông khách vào trong nhà ngồi yên.
Nàng Ba nói:

– Thế trước ông làm gì mà biết tiếng cụ tôi?

Bác hơn tuổi nói:

– Thưa bà, chú nó đã đi lính.

An-Tiêm nghe nói đã có gánh vác với giang sơn, thì coi khí-trọng thêm, vội đem mũ đầu-mâu áo giáp và bức cáo-văn ra cho hai ông xem. Bấy giờ ban ngày, hai bác nhìn rõ-ràng cái diện-mạo và nghe cái lời lẽ của hai vợ chồng An-Tiêm tuy ăn ở tiều-tụy mà vẫn có vẻ phong-quang. Lại thấy có những đồ vua ban giở ra, trong bụng mới tin-tin. Bác hơn tuổi nói:

– Lạy quý-tướng-quân và phu-nhân tha lỗi cho anh em con ngu-muội, nhờ đại-on hai ngài mà không biết.

An-Tiêm nói:

– Thôi, ở đây ta gọi nhau là anh là em mà bỏ những danh-hiệu tôn-quí ấy đi.

Lại hỏi bác ít tuổi rằng:

– Ông đi lính về hồi nào?

Bác ít tuổi nói:

– Bẩm ngài, tôi ra lính từ năm đình-dậu, rồi về nhà đã hơn hai năm nay.

An-Tiêm nói:

– Hồi cuối hạ sang thu năm kia, nước ta có cuộc chiến-tranh nào to không?

Bác ít tuổi nói:

– Có, hồi ấy chính tôi đi lính ở bản-bộ Cửu-chân, quân Thục nhân khi việc biên-phòng nước ta sơ-khoảng, nó đánh tràn sang, rồi kéo xuống Vũ-ninh, bắc phù-kiều sang sông Cái, định tiến đánh thành Phong-châu. Nước ta đã náo-động lắm. Thiên-tử hạ Vũ-hịch¹ đi lấy quân các bộ, nhân-dân cũng kết đội xin đi tòng-quân đánh giặc đông

1. Vũ-hịch: Tờ sắc lệnh hay cáo-thị khi cần cấp có đính thêm cái lông chim làm hiệu.

lắm. Quân Hoài-hoan, Cửu-chân chúng tôi tới-tấp kéo đến, các đạo hội binh lại đánh quân Thục ở bờ nam-ngạn sông Cái. Khi đang giao-chiến, may trời nổi bão to quá, quân ta thừa-thế gió bão xung-sát vào trận, nhất là các đạo quân nghĩa-dũng đánh hăng lắm. Quân Thục trôi mất phù-kiều, rơi xuống sông chết không biết bao nhiêu mà kể; quân ta cũng chết nhiều. Tạnh bão quân ta thừa thắng đuổi quân Thục ra khỏi cửa ải. Từ đó Thục không dám sang nữa. Trận bão đó gọi là "*trận bão năm kỷ-hợi*" to có tiếng, và gọi là "*trận bão phù-quốc*".

An-Tiêm hỏi:

– Sau có biết trâm-nịch mất mấy ông đại-tướng không?

Bác ít tuổi nói:

– Có thấy nói chết đuối mất hai ông đại-tướng về hai đạo quân nghĩa dũng, bị nước lũ trôi mất, không dò được xác, mà tôi cũng không nhớ tên. Người ta nói cuộc chiến-thắng ấy là nhờ được bão với quân nghĩa-dũng đánh hăng lắm.

An-Tiêm nói:

– Thế thì linh-hài một ông trôi ra tận đây hãy còn quân-phù ở trong mình, tôi đoán là ông chết về trận thủy-chiến nào với rợ Thục mà đúng thật. Tôi phong-phần cho ngài ở ngoài bãi kia, chẳng biết tên ngài là gì cứ gọi là mô ông liệt-sĩ. Nay mới biết ông là một vị trong hai đấng nghĩa-dân ra cứu quốc. Chả trách ông anh-linh lắm, vợ chồng tôi vẫn thờ kính ông. Vợ chồng tôi từ lúc gặp linh-hài ông thì lo ngay-ngáy về cái vận-mệnh của tôn-bang mà không biết hỏi ai được; mình trôi giạt dạt đành, còn phần-mộ họ hàng non sông xã-tắc thì sao! Nay được nghe hai ông nói đức Thiên-tử còn ngự cực, nước nhà nguy mà lại an, thì chúng tôi mừng bằng người đã chết mà được sống lại, thôi bây giờ Thượng-đế đã xui-rủi cho hai ông đến đây với tôi, ta sẽ cùng nhau tuân-mệnh đức Thượng-đế hết sức làm cái công việc khai-cương này để báo ơn quân-quốc. Thượng-đế không quên kẻ chí-thành thì thế nào cũng có ngày ta được trông mặt họ hàng làng nước mà hưởng phúc xum-vầy. Ôi, cái mô ông liệt-sĩ ngoài bãi kia là cái gương sáng của chúng tôi, xin linh-sảng ông phù-hộ cho anh em chúng tôi chóng thành cái sở-chí. Lại hỏi: – Thế còn hai ông ở xứ nào, vì sao mà phải phiêu-lưu? bây giờ ta là cốt-nhục với nhau rồi, xin hai ông nói thực, đừng giấu nhau.

Bác hơn tuổi nói:

– Chúng tôi là người ở cùng làng về duyên-hải bộ Cửu-chân, làm nghề đánh cá. Tôi là Phùng-Thiện, chú nó đây là Trung Chi-Miêng, chiều ngày hôm kia anh em tám người cùng chở thuyền ra khơi đánh cá, chẳng may gặp cơn giông tố, bất-kỳ đánh đắm mất thuyền, hai anh em tôi vớ được cái cột buồm bằng buong, cứ ghéch đầu lên cột buong, cho sóng muốn trôi đi đâu thì trôi. May giạt vào đây, gặp được ông bà cứu sống cho, xin đem hết cái dư-sinh mà báo đức ông bà.

Bấy giờ vợ chồng An-Tiêm lại đi làm bữa thết đãi hai ông quý-khách. Vợ chồng An-Tiêm hỏi thăm chuyện-văn trong nước hết mọi nơi xa gần, cảm tình chan chứa. Rồi vợ chồng đi kiếm đồ ngon lành về điều-duỡng cho hai bác chóng bình-phục lại.

XXII.

THUYỀN AI THẤP-THOÁNG CẢNH BUỒM XA XA

Gió đã ngớt, bão đã sắp tạnh, ở về mé bể Nam-hải có một cái tàu ba buồm bị bão từ bể nước Ngô¹ giạt đến, gió bắc càng to, tàu cứ phải theo chiều gió mà chạy, tới khi ngớt gió rẽ vào cái đảo trước mặt mà đỗ. Tàu ấy là của một nhà đại thương nước Tê², tên là Trần Tử-Nguyên, thường buôn những hàng-hóa ở chợ Lâm-chi³, sang các chợ Cô-tô⁴ Cối-kê⁵ miền Ngô Việt; rồi lại buôn những sản-vật ở Nam-phương đem về. Chuyến ấy đi có một vị trung-đại-phu là Điền Trọng-tử, bác-học mà hiếu-sĩ. Đại-phu phụng

-
1. Nước Ngô nay là tỉnh Giang-nam, nước Ô-việt nay là tỉnh Chiết-giang, nước Sở nay là tỉnh Hồ-bắc Trung-quốc. Về Thượng-cổ ba nước ấy còn ở ngoài mé nam bản-bộ Trung-quốc, còn là những xứ mọi rợ. Đến đời Xuân-thu thì đều cường-thịnh, thay nhau tranh-hùng ở trung-nguyên. Đến đời Chiến-quốc là cuối đời Hùng-vương thì nước Ngô nước Ô-việt đã đều bị diệt vào nước Sở, chỉ còn cái hư-danh về địa-dư mà thôi.
 2. Nước Tê nay là tỉnh Sơn-đông, Trung-quốc. Nhà Chu phong cho con cháu ông Lã-Vọng họ Khuông. Đến chiến-quốc thì nhà quý-tộc họ Điền cướp nước làm vua.
 3. 4. 5. Lâm-chi là đô-hội nước Tê, Cô-tô là đô-hội nước Ngô và Cối-kê là đô-hội nước Ô-việt.

sứ đem quốc-thư và sính-lễ sang ba nước: Sở, Ngô và Ô-Việt mà đáp tàu buôn đi đường bể. Khi trở về, tàu ra khỏi cửa sông Giang thì gặp bão, cứ lùa chiều gió lênh-dênh trên mặt bể, đã hai ba ngày mới vào đảo ấy, tức là đảo thứ bảy ở ngoài Nam-hải đó. Lúc tàu vào gần mé đảo, Điền đại-phụ với Trần thuyền-chủ cùng lên mũi đứng trông cảnh trời cảnh đảo. Điền đại-phụ chột trông xuống mũi thuyền, thấy một vật gì tròn tròn mà đen đen, nổi mập-mờ trên mặt nước. Đại-phụ sai tên thủy-thủ xuống vớt lên rồi đem dâng Đại-phụ xem thì là một cái quả to bằng cái hũ, hai má có chữ vạch vào. Đại-phụ xem một bên có chữ Hoa-văn thì là một bài thơ rằng: *Hải chi nam hể thiên chi nha, đảo hữu qua hể danh Việt-ngà; ký chu thần hể tất xỉ, tương phi anh hể dăng ba*. Nghĩa là ở cái đảo tận ngoài bể nam, có thứ dưa gọi là Việt-ngà¹ (cô con gái đẹp nước Việt), môi đỏ mà răng đen, sẽ thom danh mà nổi tiếng.

Xem thơ thì biết là một quả dưa, ai nấy cũng lấy làm quả dưa lạ không thấy bao giờ. Còn một má nữa thì nét chữ ngòeng ngoèo, không hiểu là thể chữ gì. Điền đại-phụ đưa quả dưa cho thuyền-chủ xem, bấy giờ thuyền đã hạ neo, buồm đã xuống cánh, sĩ-tốt thủy-thủ xúm đông xúm đỏ cả vào, cũng không ai biết là chữ gì.

Điền đại-phụ nói:

– Đây là chữ Man-thư của người Giao-chỉ², chắc nghĩa cũng như bên Hoa-văn này.

Thuyền-chủ lại trao quả dưa cho Đại-phụ, Đại-phụ hai tay vừa bê quả dưa lệ-khệ vừa trông vào bài thơ ngâm đi ngâm lại mà tán nghĩa ra rằng:

– Con gái đất Việt đẹp đã có tiếng như hai ả Tây-Thi và Trịnh-Đán của vua Câu-Tiền nước Việt đem vào cống vua Phù-Sai

1. 2. Ô-việt trên ấy là nước vua Câu-Tiền, Việt-Nam thì là nước ta bây giờ. Cứ bài khảo-cứu của ông Đốc Arouseau trường Bác-cổ Hanoi mới đây thì cho rằng nước Việt ta tức là dòng dõi nước Ô-việt cổ. Từ khi bá-dô vua Câu-Tiền đổ, nước diệt vào Sở, rồi dân-tộc chạy về phương nam lập ra nước Việt ta ngày nay. Dù thế mặc lòng, nay hẵng cứ những danh hiệu mà sử Tàu sử ta đã đều công-nhận là nước ta, thì về Thượng-cổ là Việt-thường, Giao-chỉ, đến đời Hán là Nam-việt, mà cương-vực thì là Quảng-đông, Quảng-tây, Bắc-kỳ, Thanh, Nghệ, Tĩnh bây giờ.

nước Ngô độ khoảng hơn 100 năm nay, tiếng tài-sắc còn lừng-lấy ở trong hoa-hạ. Nay dưa này đặt tên là Việt-ngà thì tất cam-mĩ lắm. Người nước Việt rằng đen, mà đây nói rằng đen môi đỏ, thì chắc dưa này hạt đen mà lòng đỏ chẳng.

Đại-phu lại hỏi thuyền-chủ rằng:

– Thuyền ta đậu vào đây là phận bể nào?

Trần thuyền-chủ nói:

– Mé tây đảo này trông thấp-thoảng thấy rừng núi rợ Việt-thường, thì đây cũng ở vào trong vùng bể Nam-hải.

Diễn đại-phu lại nói:

– Thế thì chỗ sản ra dưa này cũng gần đây chứ không xa. Hai ông cùng ngồi xuống mui, Đại-phu gọi lấy guom. Quân-sĩ đem guom đến, Đại-phu một tay chống dọc quả dưa xuống mui thuyền, một tay cầm thanh guom kê lưỡi vào đầu quả dưa chực bổ, người cả một thuyền đều nhìn trừng trừng vào xem bổ ra thế nào. Đại-phu lại nói:

– Ngày xưa vua Chiêu-vương nước Sở bị nước Ngô sang đánh phải xuất-bôn sang nước Tùy¹, sau được về nước, thuyền đi trên sông Giang, vua trông xuống sông thấy có một vật tròn mà to bằng cái đấu, sắc đỏ tía. Vua sai thủy-thủ vớt lên, hỏi khắp quần-thần, không ai biết là quả gì. Vua bèn rút thanh guom bên mình mà bổ ra thì ruột nó như ruột dưa, vua ném thấy cam-mĩ lắm, ban cho quần-thần mỗi người một miếng mà rằng: quả vô-danh này ta nhớ lấy để hỏi người bác-vật. Sau nghe có quan Tế đất Trung-đô nước Lỗ² là ông Khổng-tử bác-học, cho sứ đến hỏi. Khổng-tử đáp rằng: Nó là quả bèo, ăn được. Sứ-giả hỏi sao nhà thầy biết? Khổng-tử nói: Một lần tôi có qua nước Sở, nghe trẻ con nó nói có câu rằng: "Vua được quả bèo ở trên sông Giang to bằng cái đấu, đỏ như thái-dương, bổ ra ăn, ngọt như đường. Bởi thế tôi biết." Sứ lại hỏi: "Quả ấy có sẵn không?" Khổng-tử nói: "Cái cây vô-căn nổi trên mặt nước mà kết được quả thì trăm nghìn năm chưa từng thấy, đó là cái điềm

1. Tùy: Một nước nhỏ ở gần nước Sở.

2. Nước Lỗ nay là Sơn-đông Tàu, nước cụ Khổng phu-tử. Nhà Chu phong cho con cháu ông Chu-công làm vua nước Lỗ. Sau cũng bị nước Sở diệt mất.

tán mà lại tụ, suy mà lại thịnh, nên mừng cho ngài Sở-vương". Nay quả dưa này mà quả có giai-vị thì cũng là cái điềm hay cho ta.

Đại-phu nói mới dứt lời thì ấn thanh gươm xuống quả dưa đến sột một cái, bửa ra làm đôi; ruột đỏ tươi, hạt đen nhánh. Đại-phu thấy mình cao-đoán lấy làm thích lắm, đưa cho cả thuyền xem, nhưng mà Đại-phu bỗng đã có ý, mỗi nửa vẫn nguyên một bài thơ. Ông lại cầm gươm khoét lấy một miếng ruột mà rằng:

– Vua Sở không biết là quả gì còn dám nếm, nữa là quả này đích là dưa rồi, ta còn sợ gì.

Bèn nếm xem thì ngọt mà mát lắm, mới truyền một tên thân-nhân đem khoét lấy ruột mà giữ hai mảnh vỏ lại. Một lát ruột dưa tiến lên. Đại-phu với thuyền-chủ mỗi người ăn một miếng, còn phân phát cho khắp mọi người trong thuyền mỗi người một tí. Ai cũng khen dưa quý mà Đại-phu là người yêm-bác.

Đại-phu lại nói:

– Quả dưa này là cái kế "cầu cứu" của người bị phóng-trục hay là bị phiêu-lưu ra một đảo ngoài cùng Nam-hải chỗ tuyệt không ai qua lại, rồi tìm thấy thứ dưa này là sản-vật đảo ấy, bèn dụng-tâm đề thơ thả bể để thiên-hạ tìm đến chứ không sai. Người này cũng là một tay chí-sĩ, lại có biết chữ Man-thư, thì chắc là người về các nước Sở, Ngô, Việt. Thuyền ta có quốc-sự, nhưng kỳ về còn xa, lại nhân tránh bão đến đây, bắt được vật lạ này, ta thử chở tàu chạy vòng ra hết phận Nam-hải rồi đón gió nam mà quay về, để tìm xem có thấy cái đảo có quả "*Việt-ngà-quả*" này ở đâu, may ra có cái duyên tao-ngộ gì với cô Việt-ngà này chăng!

Trần thuyền-chủ xin vâng, bèn sai thủy-thủ kéo neo đánh cánh, cao-sur bẻ lái chạy lượn ra ngoài miền Nam-hải.

XXIII.

ĐÌNH-UỐC THÔNG-THƯƠNG

Đại nói về quả dưa mà thuyền Tê vớt được là dưa về mùa thứ tư năm thứ sáu. Trước mùa này còn một mùa nữa, nhưng mùa dưa năm nay được nhiều hơn cả các năm trước, là nhờ có hai bác phiêu-lưu mới đến, thêm người thêm việc.

Nguyên hai bác Phùng-Thiện và Trung Chi-Miêng từ độ cứu sống, nghỉ-ngoi tỉnh-táo rồi, biết rằng nhà An-Tiêm thực là người mà cũng cùng một số phận như hai anh em mình, chứ không phải là ma-quái yêu-quỉ gì, thì mới mừng. Nghĩ đến cái lúc anh em giạt vào bờ đã chiều tối, bụng đói miệng khát, rét run cả người, cứ theo mé bể mà bò liều mãi đi, rồi thì trời tối mịt lại không biết đâu mà lần nữa. May thấy bóng đèn, mới quay vào trong bãi mà chực bò lên, được vài bước thì hết hơi, phải nằm lăn ra mà kêu. Nếu lúc đó chủ-ông đây không kịp ra cứu ngay, thì anh em tuy có khỏi chôn vào bụng cá, cũng phải phơi xương trên bãi cát kia rồi; thế thì cái công-đức của chủ-ông đây biết lấy chi mà báo đáp. Bấy giờ hai bác lại hồi tưởng đến sáu người phường bạn trong một thuyền cùng bị đắm với nhau kia, mà không ai vớ-viu được cái gì, thì chắc cũng chết cả rồi. Vậy anh em mình còn dày hồng-phúc là dường nào. Hai bác càng mừng thầm cho cái thân sống sót bao nhiêu thì cái bụng thương nhớ cha mẹ vợ con, muốn tìm về quê quán lại càng nóng nảy lên bấy nhiêu. Nhưng trong bụng hai bác chưa hiểu địa-thế ở đây ra thế nào, nên chưa cho cái câu ông chủ bà chủ nói rằng ở đây không có lối về được là thực tình mà vẫn nghi-hoặc. Hôm ấy hai ông bà chủ ra bãi vắng, hai bác đưa nhau ra đầu nhà bên núi đá chỗ có bóng mát mà ngồi than thở với nhau. Trung Chi-Miêng thì nằm xoài ra bãi cỏ, Phùng-Thiện thì ngồi dựa lưng vào hòn đá, thở dài một cái rất là rầu-rĩ mà rằng:

– Xem ở đây vắng-vẻ và tiêu-tụy lắm, ăn ở khổ-sở hơn là loài vật. Không biết vợ chồng con cái nhà ông ấy làm sao mà sống được, cũng lạ! Chứ như anh em ta mà cứ mãi thế này, không bao giờ được hột com vào bụng, thì rồi đến buồn-bã héo-hắt đi mà chết mất thôi. Máý hôm nay bác thế nào, chứ tôi thì khổ lắm.

Phùng-Thiện lại nói:

– Tôi chắc vợ chồng ông ấy phạm tội nặng lắm, vua vút ra đây cho mà chết đi, bây giờ vớ được anh em mình thì mừng mà muốn giữ ở lại cho vui.

Trung nói:

– Vợ chồng ông ấy có tội, chứ anh em ta thì có tội lỗi gì. Bây giờ dù sống chết thế nào, ta cũng cố gượng làm vui cho vợ chồng ông ấy khỏi nghi, đến khi đi làm ta sẽ tìm đường mà cút.

Nói thế rồi lấy làm tự-đắc lắm, Phùng cũng gật gù cho làm phải, trông lên vừa thấy vợ chồng thiên-tử ướt-át, chồng xách xâu cá, vợ ôm ôm rau ở sau động về, trông thấy hai bác đang ngồi chơi mát, thì mừng rỡ, lại mời hai bác về nhà. Hai vợ chồng đi làm bữa. Trung Chi-Miêng nói với vợ chồng thiên-tử rằng:

– Anh em nhờ ông bà nuôi nấng cũng đã khỏe mạnh cả rồi, mai anh em xin đi làm đỡ ông bà. Anh em vốn con nhà nghề, mà xem ở đây cũng dễ kiếm thức ăn, vậy xin ông bà cứ ở nhà làm những việc nhè-nhẹ, chơi với các cô cậu, để mỗi bữa anh em chỉ ra bãi một lát là cả nhà ăn không hết.

An-Tiêm nói:

– Thượng-đế sinh người ta ra ở đời để giúp nên cái cuộc thịnh-dại cho vũ-trụ. Cho nên ở đời ai cũng phải có công-nghiệp, kể việc lớn, người việc nhỏ, cùng nhau gom công góp sức mà tu-tạo lấy cuộc đời mình; ai càng làm được sự-nghiệp rất khó rất lớn, thì càng hưởng-thụ được phúc-đức lâu dài. Các bậc thần-thánh, các bậc hiền-hào đời xưa, mà đến nay ta còn kính mến, đều là những người làm được sự-nghiệp rất khó rất lớn ở đời. Vợ chồng nhà tôi xưa nay không bao giờ dám bỏ qua một chút thì giờ, khi phú-quí lúc hàn-vi cũng thế, không làm việc nọ thì phải nghĩ việc kia. Chúng tôi lấy có việc làm làm vui, mà chỉ lo về việc công-cộng, chứ chưa hề nghĩ lợi riêng tây bao giờ. Nữa là cái cảnh của chúng ta ở đây bây giờ là cái đời mới, mà chúng ta phải tự-lập lấy cơ-đồ. Cái tai-nạn nó vật lộn với chúng ta ở đây rất là khốc-liệt, nó chỉ chực làm cho chúng ta tiêu-tán ra với cỏ bãi mây trời. Chúng ta có vật ngã được cái tai-nạn kia xuống đất mà cười lên trên, thì chúng ta mới sống mà sự-nghiệp chúng ta mới thành, mà đức Thượng-đế ngài sẽ trọng thưởng cho chúng ta về sau. Công ai phúc nấy, Thượng-đế soi xét không nhầm. Bởi vậy ta mong cho ngày một đông-đúc mà gánh vác cùng nhau, chứ có phải mong cho nhiều người đến để làm tôi-tớ cung-phụng cho mình đâu. Vậy nếu nhật-dụng đã đủ thì phải làm mọi việc kinh-doanh khác. Ở đây mỗi năm phải bận mất chừng năm tháng về mùa dưa, là từ khi làm đất cho đến lúc được ăn quả. Vì giống dưa quý-hóa mà Thượng-đế đã ban riêng xuống đây cho ta ấy, mỗi năm ta nên trồng nhiều thêm ra, trước là để an hưởng lấy cái ơn-huệ của ngài, sau là khi có cơ-hội giao-thông, thì một nó cũng đủ khiến cho người ta phải mộ mà kéo

đến. Còn các tháng khác, thì nào việc y-phục, việc phòng-ốc, việc đường-lối, việc trang-trí cảnh-vật cho lược đủ cái nền-nếp một đời người. Như thế thì còn ai là được thông-thả nữa. Ta đã quyết chung nhau một kiếp, ta quyết cùng đem cái khổ-tiết thờ Thượng-đế để báo đáp tôn-bang, khẩn cầu về hậu-nhật, thì hai bác phải giữ lấy cái lòng kiên-nhẫn, cái chí can-đảm, cái bụng thành-thực mới được.

Hai bác đều vâng dạ, từ ngày hôm sau trở đi, An-Tiêm đưa hai bác cùng đi làm. Một hôm An-Tiêm bận ở nhà, cho hai bác ra chân núi Vọng cật cối. Hai bác tiện dịp, trèo ngay lên đỉnh núi Vọng chơi mà không đợi An-Tiêm đưa lên nữa, là vì hai bác có ý cất-lên lên cao để trông xem địa-thế mà tìm đường về quê nhà. Đến khi anh em lên đến đỉnh núi, trông bốn bề tinh một mầu mây với sóng, mông-mênh bao-bọc chung quanh, hòn đảo lặn-lộn ở giữa. Chỉ nhận được chỗ trước cửa nhà ông chủ là chỗ lúc mới giạt vào, còn chẳng biết đâu là trời đất phương-hướng nào cả; mà cũng chẳng biết quê hương mình ở vào mé nào. Hai bác mất cả cái mơ-tưởng về làng, mê cả ruột gan, lạnh toát cả người đi. Hãi sợ không biết chừng nào, vội-vàng rủ nhau bò xuống mà phát ốm lên, chịu về không, chả được cái cối nào, về đến nhà bệnh phát lên âm-âm: Trung thì mở mắt trao-tráo, trông ngơ-ngác mà gọi tên những người nhà hấn, rồi cứ chực đâm bổ ra cửa, như có ai chực đuổi bắt, An-Tiêm hỏi năm bảy điều, cũng không biết An-Tiêm là ai. Phùng thì chỉ nằm co, ngảnh mặt vào vách mà nói nhảm, chẳng rõ câu gì ra câu gì. Càng ngày bệnh hai bác càng nặng thêm, lâu rồi nằm liệt, bất tỉnh nhân-sự. Tới hơn một tháng, vấy-vá tanh-hôi, vợ chồng An-Tiêm với Mai-Lâm thay đổi nhau mà trông nom nâng giắc. Ở chỗ ấy còn làm gì có thuốc thang, mà vợ chồng An-Tiêm cũng không phải là thầy thuốc. Cứ thấy bác nào khát thì vắt nước ruột dưa cho uống, không ăn được thì lấy bánh dày khô còn sót trong hang nấu lỏng ra mà đổ cho. An-Tiêm khuyên bảo vợ con rằng:

— Ta xem cái bệnh của hai bác này, trước đã khiếp-đảm vì trời trên mặt bể, sau lại kinh sợ nhà ta là ma, đến khi biết là sống-sót thì lại tuyệt đường về quê hương; bởi vậy lo phiền quá mà phát bệnh ra. Ta cũng không nên lấy thế làm lạ, cái thường-tình của kẻ chúng-nhân đã ít trí-tuệ mà lại không đủ thành-thực và kiên-nhẫn, nên không đủ sức mà chống nổi với cái nguy-cơ. Ta đã biết mà dặn

bảo hai bác đấy, chứ có không đâu. Thôi bấy lâu ta mong nhớ nước nhà, bây giờ được trả nghĩa hai bác là người đồng-thân, thì cũng đủ. Nếu trời còn để cho hai bác sống mà ở lại bầu-bạn với ta đây, thì hay lắm; bằng cái tiền-thân của hai bác có thể mà thôi, thì hai bác cũng đã có công đem cái tin đích-xác của tôn-bang đến để giải cái lo trời nghiêng đất lở cho ta rồi. Ta phải hết lòng thành-kính mà nuôi-nấng hai bác cho tỏ tấm lòng thành đối với bang-nhân.

Vì vậy vợ chồng An-Tiêm, không ai có lòng kỳ-nê tanh hôi ô-uế gì cả. Hay đâu hai bác cũng còn đôi chút trách-nhiệm với đời, bệnh-thế tự giảm dần đi, rồi thì khỏi. Vợ chồng An-Tiêm mừng rỡ bằng mấy mươi lần cứu được hai bác ở ngoài bãi. Vợ chồng lại đi kiếm về để bổ-duỡng cho hai bác một độ nữa mới bình-phục.

An-Tiêm bàn với Nàng Ba rằng:

– Xem hai bác này ta nên thương-hại cho những kẻ ở đời mà không được tiêm-nhiễm một đôi chút giáo-hóa nào bao giờ, thì thiệt thòi là chừng nào. Đã đành tu-bổ có khác nhau, mới sinh ra có kẻ tốt người sáng; nhưng đến cái chủ-đích làm người mà cũng mơ-màng không hiểu, cái thân trôi giạt trên trần-hải, cái hồn vo-vẩn trên không-gian, không có đâu làm chốn qui-y; thì cái sống như thế còn có nghĩa-lý gì. Vậy ta phải giáo-đạo làm sao cho hai bác biết sống ở đời phải tin-cậy ở đâu, căn-bản ở chỗ nào, đời người liên-tiếp thế nào, thì cái tâm hồn mới có sở-chuẩn mà hành-sự mới được vui lòng. Vậy hiền-thê nghĩ thêm lấy mấy bài thơ ca nữa, nói về nghĩa thờ Thượng-đế, thờ nước nhà, để tôi dạy cho hai bác lúc làm việc nhàn-ngao giải-trí mà quên cái lo phiền, cho cùng với ta cùng sống với nhau ở chỗ trời thanh cảnh vắng này được có lý-thú, mà giúp nên sự-nghiệp cho ta.

Hai bác Phùng, Trung từ khi sống sót lại lần thứ hai này, được vợ chồng An-Tiêm cảm-hóa cho chút đạo-lý, thì tâm-trí mới vững-vàng, thường khi tưởng-tượng như là có đức Thượng-đế và thần-thánh trong nước an-ủi cho mình được hết sức thờ thày giúp nước để mong giở phúc về sau. Một buổi sáng kia, An-Tiêm sang Lạc-viên thăm đưa, mới đi đến ngoài bãi, đã nghe tiếng hát véo-von ở trong chỗ thông reo mây ám bay ra, âm-điệu có ý cảm-kích hăng-hái. An-Tiêm đứng lại nghe hết bài nọ sang bài kia, nào những bài

An-Tiêm làm để xung tụng công-đức Thuợng-đế thần-thánh trong nước, nào những bài cảm-húng, lại những bài Nàng Ba mới nghĩ thêm, bài sau cùng rằng:

*Cầm guom sói đất trồng dưa,
Quản chi dãi nắng dầm mưa giữa trời.
Ngày sau nẩy nhị ra dài,
Ơn ai để lại cho ai tấm lòng.*

An-Tiêm lấy làm mừng lắm. Mùa dưa ấy là mùa dưa thứ ba, về năm thứ năm. Năm nay Nàng Ba thì bận con mọn, hai bác mới đến thì ốm lẫn ốm lóc, làm cho cả nhà bán-bít, nên dưa cũng không được nhiều. An-Tiêm lại chọn lấy hơn 100 quả, quả nào cũng viết thơ vào mà rằng:

"Của quý của tạo-vật không có lẽ trăm-mai, năm năm, mười năm, đôi ba mươi năm, cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ".

Viết rồi bảo hai bác Phùng, Trung đem thả xuống bể chung quanh đảo. Thấy trò An-Tiêm từ đó càng thêm vui lòng, mở-mang công việc. Phùng-Thiện tài trèo thì trèo lên núi đá tìm tổ yến, rồi hai anh em lại cùng xuống bể bắt đôi-môi, xà-cừ, hải-xâm, và mò trai lấy ngọc. Thức thì ăn, thức thì để chơi. Tìm xét khắp bốn mặt đảo không còn sót cái lợi gì mà không biết đến.

Quanh-quanh quẩn-quẩn lại tới mùa dưa thứ tư năm thứ sáu, tức là mùa năm nay. Năm nay An-Tiêm thả 150 quả, cũng viết thơ như các mùa trước mà rằng:

"Của quý của tạo-vật không có lẽ trăm-mai, năm năm, mười năm, đôi ba mươi năm, cho đến mãi mãi, tất có ngày tao-ngộ".

Thả dưa-xuống bể xong, thì gặp ngay bão. Hôm bão tạnh, An-Tiêm đang ngồi ở nhà, Trung Chi-Miêng hát-hơ hát-hải về báo rằng:

– Ở ngoài bến Sứ có một cái mảnh tò lằm mới vào, trên mui có nghi-vệ tôn-nghiêm, cờ đề chữ *Tề* mà người trên mui ăn mặc dị-dạng, tiếng lú-lô, không biết là người nào, chứ không phải là người nước ta.

An-Tiêm nói:

– Thế thì thuyền nước Tề là một nước lớn bên Trung-quốc, chú xem quân-sĩ có đông không?

Trung Chi-Miêng nói:

– Chùng hai ba chục người tất cả mà thôi.

An-Tiêm nói:

– Có lẽ thuyền sứ đi đâu, bị bão giạt đến đây. Lâu nay vắng vẻ, ta kiếm cách để túng lộn với một nhà nho Trung-quốc này xem sao.

Trung Chi-Miêng nói:

– Tôi sợ thấy trò ta ở đây, tiêu-tụy đã lâu, họ nghĩ người nước ta thế này cả, họ lại cười.

An-Tiêm nói:

– Sao người ta chả biết. Trung-quốc ngày nay vẫn đang nhiều-nhuong, khi ở Phong-châu, tôi đã được nghe nhiều bậc danh-nhân ở các nước chu-hầu, không biết có ai ở dưới thuyền này chẳng? Vả mình làm việc phải, sợ gì ai cười. Ta cũng nên cho thiên-hạ biết tới người Văn-lang như ta ở đây, hoặc có sự gì giúp vào cái công nghiệp của ta không. Biết đâu đã không phải ý Thượng-đế đưa lại. Thế họ có trông thấy chú không?

Trung Chi-Miêng nói:

– Có, tôi không tránh kịp. Họ trông thấy tôi, rồi họ nhí-nhố bảo nhau trỏ tôi mà cười, ra ý cười tôi đóng khố và mặc áo côi, chứ chẳng sai.

An-Tiêm nói:

– Chắc thế. Người Trung-quốc hiếu-học, họ thấy một cái hoang đảo, mà người ta còn mọi rợ thế này, tất họ lên xem. Để họ hỏi ta, bắt-nhuộc ta hỏi họ trước.

Bèn bảo Trung Chi-Miêng đi thay quần áo, nhưng chú Trung cũng như bác Phùng, hai bác có vài cái quần áo, thuyền chài đã bị đắm thuyền ngâm trên mặt bể mấy ngày rồi lại ồm một độ, dầy vò như thế thì còn gì. Nay giở ra rách như xơ mướp, chỉ hơn áo côi là chứng rằng người dân đã biết dùng bông sợi mà thôi. An-Tiêm đưa cho Trung một bức thư, bảo đem ra màn đưa cho thuyền-chủ. Trung đem thư ra đến bến Sứ, đứng trên bờ cầm bức thư giơ lên. Người

dưới thuyền biết hiệu đón Trung xuống thuyền, rồi cầm lấy thư đưa trình Điền đại-phu. Thư bằng một tấm lá khô viết nhựa cây, thư rằng:

Văn-lang quốc, Nam-hải lệnh, Mai An-Tiêm, trí thư Tề-quốc chu-sư huy hạ, Tề dữ tề-ấp, phong ngư mã bất tương cập¹, quân việt thiên vạn trùng dương nhi lai, tất hữu hảo ý". Nghĩa là: Quan lệnh Nam-hải nước Văn-lang là Mai An-Tiêm, đưa thư cho thuyền-chủ nước Tề rằng: Nước Tề với nước tôi tình-thế cách xa, ngại vượt muôn nghìn lần bể tới đây, tất có ý tốt gì?

Đại-phu xem xong ngắm-nghía lá tờ mãi rồi cười mà bảo Trần thuyền-chủ rằng:

– Chả phải người đề thơ ở quả dưa Việt-nga hôm qua tôi đã nói thì còn ai.

Liên viết một thư phúc-đáp, gọi sáu người sĩ-tốt, đem thư với một phong chí-vật, dặn theo người đảo-nhân đi lên, đến chỗ quan Hải-lệnh mà đưa vào; và xem cách ăn ở thể nào sẽ về. Trung Chi-Miêng đưa sáu người Tề đi lên bộ rồi, Điền đại-phu nói với thuyền-chủ và các quan rằng:

– Người này muốn lấy cái cách tự-trọng mà tương-kiến ta, thật là tráng-sĩ! Ta không nên lấy cái cảnh khốn-cùng mà miệt-thị người ta.

An-Tiêm từ lúc cho Trung Chi-Miêng cầm thư đi thì đã cho Phùng-Thiện theo sau nấp vào trong bụi cỏ chân đồi để trông xuống xem Trung Chi-Miêng xuống thuyền làm sao. Được một lúc lâu Phùng-Thiện chạy về trước báo có sáu người theo Trung Chi-Miêng lên sắp đến nơi rồi. An-Tiêm bèn mặc mũ áo, đeo guom, ra đón trước cửa. Trung Chi-Miêng đưa sáu người về đến sân, trông thấy An-Tiêm bèn vái và trở cho sáu người Tề biết là chủ-nhân. Sáu người thi-lễ; An-Tiêm cung-kính đáp lại; một người ăn mặc dài rộng ra dáng thư-sinh cầm tờ thư đưa trình An-Tiêm. An-Tiêm giơ hai tay nâng lấy thư, gỡ ra thì giấy hoa-tiên đỏ, mực tùng-yên, nét tốt như cắt,

1. Phong ngư mã bất tương cập: Loài vật lông lên, động lên gọi là "phong: gió", Trâu với ngựa giống cái giống đực khi động lên lông lên, nhưng vì cỗi đất hai nước ở cách nhau xa, không thể quyến dụ nhau được nghĩa bóng là hai nước không can thiệp gì với nhau. (Tả-truyện).

đối với cái thư lá của mình một văn một dã khác nhau là đường nào, thư rằng:

Tề Trung-dại-phu Điền Trọng-tử, phụng sứ Giang Hoài, phàm hồi thừa phong, quan lan vu thiên-trì¹ thích kiến tư đảo thanh thực, nhân vấn tân yên, liễu trí bất-diễn², thứ tỵ hậu quang". Nghĩa là: Quan Trung-dại-phu nước Tề là Điền Trọng-tử, phụng sứ sang các miền sông Giang sông Hoài, trở về thuận gió ra xem nước ao thiên-trì, chợt thấy cái đảo này có khí thanh-thực, nhân vào chơi, gọi là gửi chút quà, sẽ lên hầu sau".

An-Tiêm xem xong mời lai-nhân vào nhà thảo-đường, một tên Tề-tốt đặt đồ chí-lễ, thì là một gói chè tàu. An-Tiêm đối sứ cảm ơn. Nàng Ba ở nhà dưới – bấy giờ đã có một cái nhà dưới để hai bác Phùng, Trung ở – gọt dưa và bỏ ra bày lên những cái vỏ trại to cho Phùng-Thiện và Trung Chi-Miêng bung lên khoản-đãi. Người Tề trông thấy dưa bảo nhau: "*Dưa hầu hôm qua*" – tiếng Tàu "*hầu*" tức là *hảo*, là tốt, câu ấy về sau trong đảo lại gọi dưa đỏ là "dưa hầu", tức là "dưa hầu" – Tiếp-đãi xong người Tề xin về. An-Tiêm lại sai Trung Chi-Miêng gánh một gánh dưa đỏ nặng, Phùng-Thiện thì cầm bốn cặp yến-sào với một lá thư theo người Tề ra tàu đáp lễ. Điền đại-phu nhận thư với lễ rồi cho hai bác Trung, Phùng trở về. Thư như sau này:

Hiền đại-phu quang-lâm, tề-đảo sinh sắc, cần phụng bạc phú³ ngưỡng đáp tiên-thi⁴, tùy tức vãng bá, miễn lao ngọc chỉ⁵. Nghĩa là Quan hiền đại-phu tới đây, khiến cho tề-đảo thêm hay ra; kính dâng lễ mọn, đáp lại lòng ngài, xin sẽ tới hầu, khỏi phiền ngài lại.

Điền đại-phu xem thư rồi nói:

– Ý đảo chủ không muốn để ta lên chơi mà tự xuống yết.

Lại hỏi sáu người sĩ-tốt lên đảo sở-kiến thế nào, sáu người đều nói: Lều tranh bệ đất, chén ốc đĩa trai, chủ-nhân mặc võ-phục rách, đeo thanh gươm cùn, mà uy-phong nghiêm-nhiên một vị đại-tướng;

1. Thiên-trì: Ao trời là bể nam-duong (Trang-Tử).

2. Bất diễn: Lễ mọn, chẳng được tốt (Tả-truyện).

3. Bạc phú: Thuế nhẹ chút vật cung đốn. Chữ ở Tả-truyện.

4. Tiên thi: Thi ơn trước, đối với bè bạn. Chữ ở Trung-dung.

5. Ngọc-chỉ: Chân ngọc. Chữ ở Tả-truyện.

phu-nhân điểm-thực, thân sửa đồ đãi khách; xem toàn đảo chỉ một nhà sáu bảy người lớn nhỏ, ngoài ra không còn có dấu vết dân-cư nào nữa.

Đại-phu nói:

– Ôi! ta sớm biết, quốc-sĩ luân-lạc đến thế ư!

Bèn sai chỉnh-đón nghi-lễ xong thì An-Tiêm với Phùng-Thiện, Trung Chi-Miêng ba thầy trò vừa tới. Quân-sĩ vào báo, Điền đại-phu với thuyền chủ-nhân lên mui đón, quân Tề đứng bài-liệt hai bên mạn thuyền. Ba thầy trò An-Tiêm thông-dong ở cầu đi lên. Hai bên đều tự lấy quốc-lễ tương-kiến nhau rồi mời vào trong thượng-tầng cùng ngồi: một bên thì Trung đại-phu Điền Trọng-tử, hai quan hạ-dại-phu và thuyền chủ Trần Tử-Nguyên một bên thì Hải-nam lệnh Mai An-Tiêm. Điền đại-phu với Mai Hải-lệnh mỗi người một cái bút, một tập giấy, cùng bút đàm với nhau. Hai bên cảm-tạ cái lòng đầu báo, rồi Điền hỏi trước lên rằng:

– Ta xem ngô-tử chính là người phương nam Trung-quốc, nhân có gì mà phải trôi giạt đến đây, cảnh tình bi-tráng là đường nào?

An-Tiêm nói:

– Tiệp-lệnh chính là người thổ-trước nước Văn-lang, mà Trung-quốc thường gọi là Việt-thường. Tiệp-lệnh phụng-mệnh quả-quân ra khai-tịch đảo này.

– Một nhà dăm bảy người mà khai-tịch một cái hoang-đảo giữa bể kia, ta không tin được.

– Tiệp-lệnh đến lĩnh đảo đã sáu năm, hiện còn cáo-mệnh của quả-quân để trên đảo kia, hẹn khi nào khai-khẩn nên công sẽ được về.

Điền đại-phu bèn gọi sĩ-tốt đem hai cái mảnh vỏ quả dưa Việt-ngà đến rồi hỏi An-Tiêm rằng:

– Có phải quả dưa này của ngô-tử để thơ và thả xuống bể đây không?

– Phải.

Điền đại-phu mới đem cái việc gặp quả dưa ấy cùng những lời đoán trước và vì thế mà tìm đến đây, nói cho An-Tiêm nghe. An-Tiêm liền thăm-tạ cái thịnh-tình của Điền đại-phu, Điền đại-phu nói:

– Ta với ngô-tử gặp nhau giữa chốn bể trời không-khoảng, tiện thành cái nghĩa tương-tri, mà ngô-tử hãy còn giấu ta, thì dùng cái kế cầu cứu ấy làm gì?

An-Tiêm thấy Điền Trọng-tử có ý chân tâm đãi-sĩ, bèn đem việc mình thờ vua giúp nước: khi đánh Thục, lúc khai biên, đến khi bị gian-thần thù dật mà một nhà phải lưu-phóng ra đây, thuật lại cho Điền Trọng-tử nghe. Điền đại-phu và cử-tọa cùng các quân-sĩ đứng hầu, đều rợn cả người lên mà trông vào mặt An-Tiêm trùng-trùng. Đại-phu lại hỏi:

– Ôi! Độc thay cái kế kẻ gian-thần! Thế thì từ khi lên đảo cho đến ngày nay, ngô-tử với lệnh-quyển làm thế nào mà sống với nhau được? ngô-tử cho nghe, bỉ phu sẽ đem câu chuyện của một bậc dị-nhân ở Nam-hải về cho sĩ-phu Trung-quốc đều biết và may ra bỉ-phu có điều gì tương-trợ được chăng.

An-Tiêm lại đem công việc từ khi bị bỏ lên đảo, chỉ có hai vợ chồng, hai đứa con thơ với ba tháng lương, An-Tiêm một lòng tin cậy ở đức Thượng-đế, nhận chức-phận mình mà tự tìm lấy cách tự-sinh, ba năm sau tìm thấy giống dưa Việt-ngà và được hai người đồng bang phiêu-lưu đến, tức là người đi hầu đó, cho tới ngày nay.

An-Tiêm nói đến đây, người Tề cả thuyền đều khởi-kính như một vị thần-nhân. Điền đại-phu lại nói:

– Ta xem ngô-tử dũng-lược mà kiên-cường, lại kiêm có cái học phú-cường. Trung-quốc ta ngày nay cũng không nhiều người hơn, thì ngô-tử đi đâu mà không lợi. Trung-quốc đang buổi nhu-tài, vương-công các nước đều hậu lễ để đón rước những bậc hiền-sĩ trong thiên-hạ. Nhân nay nước Tần¹ quật-khởi ở tây-nhung, đánh nước Ngụy² chực

1. Tần là một nước ở mé tây Trung-quốc (nay là phủ Hàm-duong, tỉnh Thiểm-tây). Từ khi được cái đất cũ Tây-kinh của nhà Chu và kiêm-tính các rợ Tây-nhung thì nước mới cường-thịnh, đến đời Xuân-thu, Tần Mục-công làm Bá-chủ cả trung-nguyên. Đến đời Chiến-quốc, Tần-Hiếu-công Thương-Uởng, lại càng phú cường. Đến Tần-Thủy-Hoàng bèn nhất thống Trung-quốc, ấy là nhà Tần.

2. Ngụy là một phần ba của nước Tấn trước (nay là phủ Khai-phong tỉnh Hà-nam). Đời Chiến-quốc, ba nhà quý-tộc chia nước Tấn ra làm ba, lập thành ba nước là Ngụy, Hàn và Triệu, Ngụy là một nước mạnh nhất.

tràn xuống trung-nguyên. Nước Tề tôi là nước phú-cường ở thiên-hạ, bá-nghiệp cả vua Hoàn vua Cảnh, ông Quản, ông Ân cùng vua Uy-vương¹ mới đây, còn lòng-lấy ở hoàn-hải, ngô-tử đã nghe biết đấy. Bởi vậy nước Tề tôi phải ra hô-hào thiên-hạ, "*hợp tung*"² lại mà đánh nước Tần, Bĩ-phu đi đây, chính là sang kết-hiệu với ba nước Sở, Ngô, Việt về việc ấy, quả-quân ngày nay hiếu-hiền hạ-sĩ, hiền-triết như Mạnh-tử³ nước Châu cũng đang lưu ở nhà khách-xá. Nếu ngô-tử chịu khiết-quyến sang chơi Bắc-hải, bĩ-phu tiến lên quốc-vương, ngô-tử được sánh vai với các người hào-kIỆT nơi hoa-hạ, phú-quí lại thấp-bội ngày trước ngay.

– Xin cảm ơn hiền-dại-phu có lòng ái-sĩ, nhưng tiện-lệnh đã vâng quốc-mệnh, đâu dám nghĩ đến thân-mưu.

Diễn đại-phu cười mà rằng:

– Cái việc xẻ núi của ông Ngu-công⁴ bất-quá là một câu ngụ-ngôn; ngày qua tháng lại, năm chẳng đợi mình làm chi mà tự khổ vả người phụ mình chứ mình có phụ người đâu.

– Người ta thụ-mệnh Thượng-đế sinh ở nước nào là dân ở nước ấy, cái ơn tông-bang gây dựng cũng như cái ơn cha mẹ sinh-thành, con chim sống vì có đàn, người ta sống vì có nước, tiện-lệnh biết có chúc-thủ, còn tử-sinh thành-bại xin dâng ý trời.

– Kinh Thi nói rằng: "*Thượng-đế ở bên, chớ nên hai dạ*"⁵. Đó là nói Thượng-đế xét thiện-ác mà giữ quyền họa-phúc cho người đời. Còn khôn đại hay hèn tự mình, Thượng-đế có khu-khu mà giúp cho

1. Hoàn-công, Cảnh-công là hai vua hiền-quân nước Tề làm Bá-chủ ở đời Xuân-thu, đều họ Khương con cháu ông Thái-công-Vọng. Quản-Trọng là hiền-thần của Hoàn-công. Ân-Tử là hiền-thần của Cảnh-công. Uy-vương là vua Tề về họ Diễn mới cướp ngôi của họ Khương. Vua Uy-vương cũng là bậc anh-chủ ở Tề về đời Chiến-quốc.

2. Hợp-tung là một kế các nước hợp sức để cứu nhau khi bị nước khác đánh.

3. Mạnh-Tử tên là Kha, người nước Châu gần nước Lỗ, (hai nước đều về tỉnh Sơn-đông bây giờ). Thấy Mạnh-Tử là một bậc đại-hiền, đại-biểu phái nho-học đời Chiến-quốc, đến chơi nước Tề bấy giờ là đời vua Tuyên-vương.

4. Chuyện Ngụ-ngôn (fable) đời xưa, một ông già quyết sức đất để dời cái núi ra chỗ khác, mấy năm mấy đời cũng không ngại, đời gọi là ông Ngu-công (ông lão ngụ).

5. Tức là hai câu: ở thiên Văn-vương kinh Thi.

từng người một được đầu. Đại trượng-phu ở đời sao cho lưu công-danh ở trúc-bạch¹, để ân-trạch trong hoàn-khu, ấy là cái đạo thờ trời lập thân đó. Còn như gỗ quý mà bỏ nát trong xó rừng, gương thiềm mà bỏ sét trong hộp², thì có phải là cái lòng trời sinh ra hiền-tài thế đâu. Cho nên Khổng phu-tử nói: *"Há như kẻ thất-phu thất-phụ giữ điều tin nhỏ tự dây thân ra chỗ ngồi lạch mà không ai biết"*³.

– Cổ-nhân phát ngôn là có sở-nhân, câu ấy chính trở về nghĩa chữ "Quốc" Công-tử Củ, Công-tử Tiểu-Bạch với Quản Di-Ngô, ba người là Tề, thế thì Quản-tử mà giúp nước Tề hợp được chư-hầu đuổi các rợ di-dịch để cứu dân Trung-hoa, chinh-đốn được thiên-hạ là nghĩa lớn, còn ơn riêng tin nhỏ với một người nào, có kể chi.

-
1. Trúc: cái thẻ bằng tre, bạch là vuông lụa. Cổ-giả chưa có giấy, ghi công vào thẻ tre với bức lụa.
 2. Hai câu này dịch ở sách Đông-châu liệt-quốc.
 3. Vua Tương-công nước Tề vô-đạo, có hai em là Công-tử Tiểu-Bạch và Công-tử Củ đều chạy ra nước ngoài. Sau Tương-công bị loạn chết. Công-tử Tiểu-Bạch về nước trước được làm vua, ấy là Hoàn-công, bèn giết Công-tử Củ, Củ có hai người đầy tớ là Quản Di-Ngô tức Quản-Trọng và Triệu-Hốt. Hốt chết theo thầy. Di-Ngô thì về hàng và giúp Hoàn-công, hợp các nước chư-hầu đánh đuổi được cả các rợ di-dịch hay vào xâm-lấn Trung-quốc. Lấy cái nghĩa lớn thì Quản-Trọng có công to với nước Tề với dân-tộc Trung-hoa; lấy cái ơn riêng thì Quản-Trọng bất-trung với chủ cũ. Vì vậy thầy Tử-Cống hỏi Khổng phu-tử rằng: "Có lẽ Quản-Trọng không phải là người nhân chăng? Vì Hoàn-Công giết Công-tử Củ. Quản-Trọng không chết theo mà lại ra làm tướng giúp Hoàn-công". Phu-tử nói rằng: "Quản-Trọng giúp Hoàn-công làm được Bá chủ cả Chư-hầu, chinh-đốn được cả thiên-hạ, dân đến nay còn nhớ ơn. Ví không có Quản-Trọng thì bây giờ chúng ta phải dóc tóc ăn mặc theo lối di-dịch cả rồi". Thế là Phu-tử lấy cái nghĩa lớn, cái công to đối với nước với nòi-giống mà khen Quản-Trọng tức là người nhân đó. Nên Phu-tử lại nói: "Há phải như kẻ thất-phu thất-phụ giữ điều tin nhỏ, tự dây thân ra chỗ ngồi lạch mà không ai biết đến đâu". Nghĩa là những kẻ bố-cu mẹ-đĩ, giữ điều tin nhỏ, đành chịu chết xó mà vô-ích cho đời thì có làm gì. Ấy chính nghĩa sách Luận-ngữ thì như thế. Ở đây Điền đại-phu ngắt ngay lấy câu dưới mà dụ An-Tiêm để tỏ cái nghĩa vua tôi là điều tin nhỏ không cần, An-Tiêm liền nói khám phá ngay cả cái nghĩa câu trên để phát-minh nghĩa chữ "quốc" và chữ "dân-tộc" ra mà đáp ngầm lại rằng: Ôn quân thần dù nhỏ, song nghĩa quốc-dân thì thật to, không thể nào quên được.

– Cứ như ngô-tử sở-kiến thì Khổng-tử đi lịch-sính các nước chư-hầu, Bách-Lý Hề người nước Ngư¹ mà làm tướng nước Tần đương nay như Tô-Tần², Trương-Nghi³, Thương-Uởng⁴ mọi người đều đem cái học kinh-bang tế-thế đi cầu các thời-quân để hành cái chí mình đều không phải cả du?

– Trung-quốc từ đời nhà Châu phân-phong cho con cháu các bậc ý-thân công-thần làm vua các nước chư-hầu, để cùng phụng thờ Châu. Sau nhà Châu suy, các nước chư-hầu khởi lên trang hành với nhau, nước nào có nhiều người tài thì thắng, bởi thế mới mở ra cái phong "*khách-khanh*"⁵. Tuy nói là người nước nọ sang làm quan nước kia, mà kỳ-thực là cùng một họ-hàng, chung một đất nước trong bờ cõi "*Vũ-cống*"⁶ mà thôi. Khổng phu-tử người Lỗ mà đi lịch-sính các nước là chí Phu-tử muốn giúp cho các nước cùng tôn-phù một nhà Châu. Tôn một nhà Châu tức là yên lấy dân cả trong một nước tôn-bang bàng-đại chung đó. Còn đối với đất tang-tử, thì Phu-tử có lúc nào quên đâu. Xem khi Phu-tử bất-đắc-chí với nước Lỗ, phải bỏ mà đi thì ngài nói: "*Ta đi thông-thả mới phải là cái đạo bỏ nước cha mẹ mà đi*". Lại khi Phu-tử về ở nhà nghe đồn Tề sắp đánh Lỗ, Phu-tử nói: "*Lỗ là nước cha mẹ, ta không cứu không được*", bèn sai học-trò là Tử-Cống đi du-thuyết các nước cho Tề phải bãi binh đi. Thế là đủ biết cái bụng Phu-tử yêu mến nước Lỗ là dường nào. Còn như vì một cái thù riêng, vì công-danh phú-quí mà cam-tâm để

-
1. Bách-Lý Hề người nước Ngư (nay là huyện Ngư, tỉnh Hà-nam Trung-quốc) làm quan Trung Đại-phu. Ngư mất về Tấn, lại sang làm Tướng-quốc nước Tần.
 2. Tô-Tần là người Lạc-duong nhà Chu, đi du-thuyết cho sáu nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề và Sở hợp ước với nhau chống nước Tần, hễ nước Tần đánh một nước thì năm nước đều cứu, gọi là chước "hợp tung". Tô-Tần làm Tướng-quốc cả sáu nước.
 3. Trương-Nghi là người nước Ngụy sang làm tướng-quốc nước Tần, rồi về dụ vua nước Ngụy và các nước Hàn, Tề, Yên, Triệu, Sở cùng thờ nước Tần, gọi là chước "liên-hành" Tô-Tần, Trương-Nghi là bạn đồng-học.
 4. Xem chưa ở số 2 trang tiếp theo.
 5. Khách-khanh: Người nước ngoài đến làm quan.
 6. Vũ-cống: Một tên sách địa-dư của Trung-quốc từ ông Vũ làm ra ở đời vua Thuấn, nói những cống-phẩm của chín châu, nên gọi là Vũ-cống. Đời sau cũng hay gọi sách địa-dư là Vũ-cống.

tuyệt-hận với cái chốn quê cha đất tổ như Ngũ Tử-Tư xử với Sở¹, Thương-Uống xử với Ngụy², thì thực là quá lắm.

Diễn đại-phu trông An-Tiêm viết đến đấy, ngảnh bảo các quan tỳ và Trần Tử-Nguyên rằng:

– Người này tin trời tuấn-quốc³ đến chết không đổi lòng, thật là một đáng đại-trượng-phu, ta nên giúp cho y để biểu cái tiếng cao-ngĩa của người Trung-quốc ta.

Lại nói với An-Tiêm rằng:

– Thôi, cái chí của ngô-tử, ta đã biết rồi; cái kế thả dưa cầu cứu ta đã biết rồi. Ngô-tử đã quyết lòng tự-thệ như thế, Hoàng-thiên

-
1. Tử-Tư họ Ngũ tên là Viên ở cuối đời Xuân-Thu, dòng-dõi nhà danh-thần nước Sở. Vua Bình-vương nước Sở tin gièm bắt Ngũ-Xa là cha Ngũ-Thượng là anh Tử-Tư giết đi. Tử-Tư trốn sang làm quan nước Ngô rồi đem vua Ngô là Hạp-Lư về đánh nước Sở. Bấy giờ Bình-vương chết rồi, con là Chiêu-vương phải chạy trốn sang nước Tùy. Tử-Tư đào mả Bình-vương đánh nát cái tử-thi ra, xui vua Ngô vào đóng ở cung vua Sở hiệp vợ con. Tử-Tư lại lĩnh binh đi tìm bắt Chiêu-vương. Ngô lấy Sở được ba mùa thì người di-thần Sở là Bao-Tư sang Tần xin viện binh về khôi-phục, quân Ngô thua kéo về nước. Tử-Tư lại chở hết bảo ngọc của Sở đem về Ngô, bắt một vạn bếp người Sở đem phân sấp sang đất Ngô. Tử-Tư làm tướng-quốc Ngô, đến con vua Ngô là Phù-Sai nối ngôi, nghe gièm ngờ Tử-Tư có mưu phản, bèn bắt Tử-Tư phải tự đâm cổ chết.
 2. Ưống là một vị Công-tôn, họ vua nước Vệ (nay về tỉnh Giang-nam), ở bên nước Tấn. Đến đời Chiến-quốc Vệ suy yếu, vẫn thân phục về nước Tấn. Ngụy là mạnh nhất trong ba nước Tấn. Vệ-Ưống vào làm quan nước Ngụy đến chức Trung-thu-tử thuộc bộ Tể-tướng. Sau bất-đắc-chí bỏ sang Tần, Tần Hiếu-công dùng làm Tể-tướng, đổi tân-pháp, nước Tần cường thịnh. Vệ-Ưống xin đem binh đánh Ngụy (tức là việc Diễn đại-phu vừa nói trên kia). Ngụy thua xin hòa. Đại-phu Ngụy là Long-Giả trách Vệ-Ưống rằng: "Chim khôn nhớ rừng, trai khôn nhớ chúa cũ. Vua Ngụy tuy không dùng nổi Ngài, song xử với cái nước cha mẹ, Ngài nữ vô-tình dặng du?" Ưống bèn cắt lấy xứ Tây-hà mà cho hòa. Hiếu công thưởng công cho Ưống, phong ở đất Thương-U' hiệu là Thương-quân, nên cũng gọi là Thương-Uống. Ưống dùng cách hình-pháp nghiêm-khốc. Người nước Tần oán giận nhiều lắm. Đến khi Hiếu-công mất, con là Huệ-văn-vương nối ngôi, có người giác Ưống chực làm phản, vua Tần sai bắt, Ưống lại trốn về nước Ngụy. Vua Ngụy bắt được trời giải sang giả Tần. Vua Tần cho năm con trâu xé xác Ưống ra.
 3. Tuấn quốc: Liều thân với nước.

cao sáng, ta chắc cái sở-chí của ngô-tử phải thành. Ta đi đây có quốc-sự không ở lâu được, mai lên đảo chơi rồi phải về. Có Trần Tử-Nguyên đây – dùng bút trỏ vào Trần rồi lại viết - là thuyền-chủ cái thuyền này, ông buôn ở các chợ Ngô Việt về Tề, có cần gì ta sẽ ủy ông mỗi năm một đôi lần tới đây, hoặc có giúp được chút đỉnh gì vào cái công vá trời¹ này chẳng.

Trần Tử-Nguyên cũng gật-gù nhận lời.

An-Tiêm nói:

– Cái lòng khảng-khái hiếu-nghĩa² của hiền-đại-phu với quý-thuyền-chủ, tiện-lệnh không bao giờ quên được. Ví hai ngài có lòng giúp cho thì ở đảo này cũng có đôi chút thổ-sản, xin mời hai ngài lên chơi xem, có dùng được thì tiện-lệnh với tề-quyển sẽ kiếm nhặt mà để dành lại.

Trần Tử-Nguyên hỏi:

– Thứ dưa Việt-Nga có còn không?

An-Tiêm nói:

– Cũng còn, nhưng nếu ngài dùng được thì sang năm sẽ giống nhiều ra.

Bấy giờ chủ-nhân³ dọn tiệc, các quan Tề đều mời An-Tiêm dự tiệc. An-Tiêm ngồi tiếp rượu, rượu xong, An-Tiêm nhất-định không ăn một miếng cơm miếng bánh nào. Các quan Tề hỏi vì có sao lại không ăn, An-Tiêm nói đã sáu năm nay không biết mùi ngũ cốc, nên không ăn được nữa. Điền đại-phu biết ý, liền gọi lấy thêm đồ ăn nhặt tôm cá cho An-Tiêm dùng. Tiệc xong, An-Tiêm xin về, các quan Tề tiễn lên mui, lễ-ý trân trọng. Về đến nhà, tối hôm ấy thắp hai ngọn môi trông sáng rực, cấm hai bên bệ. Một bên vợ chồng An-Tiêm với ba con, một bên hai bác Phùng, Trung cùng ngồi nói chuyện. Ai nấy đều khen-ngợi người Trung-hậu.

An-Tiêm nói:

1. Ngoại sử: Bà Nữ-oa đội đá vá trời. Đây nghĩa bóng là việc khó làm lắm.
2. Hiếu-nghĩa: Thích làm việc nghĩa, khác với hiếu-nghĩa là có hiếu có nghĩa.
3. Người nhà bếp.

– Quan Tề đại-phu là một vị quốc-tộc đại-thần nước Tề, ông ân-cần bảo tôi đưa cả gia-quyến sang bên ấy, ông tiến lên quốc-vương thì được công-danh phú-quí bách-bội khi ở nhà ngay. Tôi nói với ông: "Việt khừ-quốc là việc lớn, để tôi bàn với người nhà cho thỏa-thuận". Vậy hiền-thê với hai bác nghĩ sao?

Nàng Ba nói:

– Thượng-đế đã cho ta được đến ngày nay, đã dần-dần thấy có chuyển-cơ, thì ta quyết nhờ cậy ở ngài cho thành cái sở-chí.

Phùng-Thiện nói:

– Ta nhờ thuyền họ mà về bờ bể nước ta.

Trung Chi-Miêng vội nói lên rằng:

– Anh em ta mà về như thế thì được, chứ như thầy đương ở nhà mà vua bắt phải đi. Nay công-nghiệp chưa thành, trốn về như thế thì ẩn vào đâu? Vả, cái việc có can-thiệp, sao người ta chịu làm.

Phùng lại nói:

– Không thì cứ sang Tề, thầy làm quan được rồi dâng thư về quốc-vương ta mà đi về cả hai nước cho trọn nghĩa.

Trung Chi-Miêng nói:

– Thế cũng không được, người ta dùng mình, người ta phải co-mi mình, vả quan-son cách trùng, nước nọ nước kia, đi về thế nào được. Chi bằng có bao nhiêu sản-vật mai tặng cả cho họ, tất họ phải tặng lại vật-liệu cho ta; hễ có lợi thì họ lại đến.

An-Tiêm nói:

– Chú Trung nói chính hợp ý ta. Thuyền ấy là thuyền buôn của Trần Tử-Nguyên vẫn đi buôn, mai ông sẽ đi với Điền đại-phu lên đây chơi xem sản-vật của ta ở đây thế nào.

Sáng mai An-Tiêm với hai bác Phùng, Trung ra tận bến Sứ đón Điền Trọng-tử, Trần Tử-Nguyên, các quan và tòng-nhân 20 người lên đảo chơi. Người Tề thấy một cái đảo tro-troi, bãi hoang cỏ rậm, lãnh-nhãn tiêu-diều nên không muốn đi xem đâu, mà giục đi thẳng một mạch đến nhà. Đến nơi đã thấy nào dưa Việt-nga, nào xà-cừ, đồi-môi, yến-sào, hải-sâm, cá-mực, bóng cá, vây cá, cá khô đã xếp để ngổn-ngang cả trước cửa. Trần Tử-Nguyên xem rồi khen là những

đồ hàng tốt cả. An-Tiêm lại đưa bốn hạt minh-châu, Điền đại-phu với Trần Tử-Nguyên xem lấy làm quý lắm.

Điền đại-phu thấy bốn hạt minh-châu giá đáng mấy vạn, bèn hỏi:

– Làm thế nào mà lấy được những hạt minh-châu này?

An-Tiêm nói:

– Chúng tôi xuống bể mò lấy những con trai to mà lấy được, ở đây là một chỗ rốn bể Đông-minh, bao nhiêu trân-bảo tụ cả ở đây, nên cũng dễ tìm, hai hạt minh-châu này ở những con trai thọ năm sáu trăm năm trở lên mới có.

Điền đại-phu nói:

– Các nước chu-hầu đưa sính-lễ cho nhau, phải cần đến ngọc bạch nhiều lắm; thì một vật này cũng đủ cho bắc-thuyền phải tìm đến ta dự mừng cái cơ ân-phú cho đảo này.

An-Tiêm khiêm tốn cảm tạ. Trần thuyền-chủ bảo An-Tiêm khai giá ra từng vật để về sau mỗi năm sẽ sang mua hai kỳ, mùa hạ và mùa đông.

An-Tiêm nói:

– Bốn hạt minh-châu xin tặng hai ngài, còn các vật xin thuyền-chủ liệu đổi cho những vật-liệu cần dùng ở đây mà dưới thuyền đã có. Chuyến sau có sang thì xin đem cho những hạt giống rau thóc, đồ điền-khí, đồ công-tác, các con giống súc-vật, và các phẩm-vật về sự sinh-nghiệp của người dân.

Hai ông nhận bốn hạt châu và các vật hạng cho đem xuống thuyền, rồi lại cho khênh đồ vật đem lên tặng lại. Giờ mùi hôm ấy, nổi gió đông-nam thì thuyền Tề nhổ neo về Tàu. An-Tiêm đưa vợ con và hai bác Phùng, Trung ra bến Sứ tiễn thuyền. Điền đại-phu, Trần thuyền-chủ lên bờ cầm tay An-Tiêm có ý ngậm ngùi thương tiếc. Điền Trọng-tử nói tiếng Tề. Mai An-Tiêm cứ nói tiếng hoa-văn thường học, mà hai bên cũng hiểu lờm-bờm cái đại-ý của nhau rồi cùng bái biệt chia tay. Một nhà An-Tiêm đứng nhìn cánh buồm trông-trọc, mãi đến khi thuyền đã xa, khí bể mù-mịt, mới đưa nhau về.

Về đến nhà An-Tiêm nói với người nhà rằng:

– Tôi sinh-bình chưa nói dối ai bao giờ, mà hôm nay phải nói dối về hai hạt minh-châu, tự vấn lấy làm thẹn lắm. Tuy vậy nói dối

mà chịu thiệt để cầu người, chứ không phải nói dối mà lừa người lấy lợi, thì thân-minh chắc cũng thứ cho.

Phùng-Thiện nói:

– Hai hạt châu nhỏ mò được đã đành, còn hai hạt lớn là của quý ở hai vòng tai của bà tỳ nhà mang ra đây, mà ông cũng tặng không cho người ta.

An-Tiêm nói:

– Người Bắc-quốc rất quý hạt châu Nam-hải, mà nó ở với ta đây bây giờ có khác gì hạt sỏi ngoài bãi cát kia không. Phải biết rằng người đời sở dĩ treo non vượt bể, vào tử ra sinh, chẳng qua chỉ vì lợi, Người Tề vốn hiếu-lợi, nên lời ngạn có nói rằng: "*Thanh-Tề biến-trá, Châu-Lỗ nho-phong*". Điền đại-phu là người hào-hiệp, thì đã không có thể sang nữa, còn Trần-thuyền-chủ là một thương-khách, nếu không có lợi to thì còn chịu vất-vả sang đây làm gì nữa. Mình cần người ta đến đây hơn là người ta cần hạt chai của mình, thì cái vật của mình dù quý báu đến đâu há không đáng tặng cái lòng tri-ngộ của hai ông ấy dư? tôi chắc Trần Tử-Nguyên lại sang, sang thì ta có cơ giao-thông được cả với trong nội-địa nước ta nữa. Xem hai ông sở dĩ tìm đến đây thì biết cái giá-trọng của cô "*Việt-nga*" là dường nào. Nhưng mà cái duyên bèo mây gặp-gỡ kia thì có đâu bền chặt bằng cái nghĩa cùng nước cùng non với nhau được, số-phận trăm năm của cô âu đành chịu đợi.

XXIV.

GẶP CỤ CHÁN ĐỜI

Thuyền Tề từ buổi nhổ neo, cảm tình mặt nước cánh bèo đời phen. Hay đâu trên mặt bể Nam-hải lại có một chiếc thuyền nào đã hơn một tuần nay, lênh-dênh một lá gió trắng, lượn khắp mấy vùng đảo-dữ. Trong thuyền chỉ có độ chín mười người, chủ-nhân đối với người trong thuyền như là bất-đắc-dĩ mà phải đi nhờ dờ, chứ không có một cái cảm-tình gì với nhau cả; chỉ trong bữa một bữa hai là vĩnh-quyết với nhau mà thôi. Nền chủ-nhân nét mặt dăm-dăm, cả ngày chẳng rằng chẳng nói, chẳng vui chẳng cười, dằn-dọc ngẩn-ngơ, có ý như chờ đợi một cái giai-âm gì hay là có hẹn ước gì

với ai ở đâu mà chưa gặp vậy. Thế mà người trong thuyền đối với chủ-nhân thì lại càng tỏ ra một cách kính-sợ mến yêu lạ thường. Khi nào yên sóng lặng gió, bể lặng mây quang, thì vào báo với chủ-nhân, chủ-nhân ra đứng trên mũi thuyền cứ trông trông-trọc về hai mặt bể đông-nam, lâu-lâu mới vào. Chỗ nào có một hòn đảo dù lớn dù nhỏ cũng phải ghé thuyền vào; hễ có đất lên được thì chủ-nhân cứ lằng-lặng đi lên, chứ không báo gì cho người trong thuyền biết. Người trong thuyền thấy chủ-nhân đi lên, cũng cứ theo lên mà đi hầu dàng sau. Chủ-nhân ngo-ngác đi tìm quanh tìm quẩn không thấy gì rồi mới xuống thuyền, lại bắt đẩy thuyền ra đi tìm đảo khác, không biết chủ-nhân là ai, mà đi tìm thế là tìm gì.

Một buổi sáng kia, hai vợ chồng An-Tiên nhân đi cắt cỏ, vừa mới đi ra chưa hết ngàn lau về con đường ra bến Sứ, chợt nghe trước mặt xa xa có tiếng xì-xào một bọn đông đi lại.

Nàng Ba nói:

– Có những người nói đông lắm hay là thuyền Tề lại trở lại?

An-Tiên nói:

– Không phải, nghe như tiếng người bản-quốc, ta đi mau lên xem sao.

Hôm ấy đi cắt cỏ là vì trong nhà An-Tiên tuy mới đổi được một ít vật-liệu của thuyền Tề, nhưng An-Tiên bàn với người nhà chỉ nên đem những cái đồ khí-dụng ra dùng, còn vải lụa lương-thực thì hãy cất đi để dành; là sợ rằng chưa giao-thông được với trong bản-quốc là cái nguồn sinh-kế của mình; mà thuyền Tề ví không có lợi gì người ta lại không sang nữa, thì một ít lương-thực vải lụa ấy dùng chẳng được bao lâu, rồi lại nhịn; thì bằng cứ giữ lấy cách ăn dùng ta đã có sẵn mà đã quen, cho yên trí. Bao giờ con đường giao-thông đã mở rộng rồi sẽ hay. Bởi thế công-cuộc thì mở-mang rộng thêm, đồ ăn thức mặc lại cứ y như mọi ngày, nên hôm ấy vợ chồng lại ra bãi cắt cỏ về làm sợi. Đang đi nghe có tiếng người, vợ chồng giục nhau đi lên, ra khỏi ngàn lau thì trông thấy một bọn năm người bản-quốc đi đến. Đi trước là ông cụ già tuổi ngoài sáu mươi, tu-mi đạo-mạo, da trắng xanh, người dong-dỏng cao, mũ thâm áo thụng, thắt lưng ra ngoài con-cón quần xắn móng lợn, chân đi thảo-hải, tay cầm cái gậy ngắn, đi ra dáng còn khang-cường lắm.

Sau lưng cụ thì có bốn người đều trai trẻ cả, ăn mặc ra lối chân quê mà thanh-nhã: một người tay cầm cái nỏ, lưng đeo một rỏ tên; một người cầm một cái gậy trường; một người cầm cái còi ốc bể và đeo con dao nắp (là con dao đi rừng), còn một người đi sau thì quảy đôi bồ nhỏ sơn dầu có nắp. Bọn khách lạ ấy thấy hai người trong đảo đi ra – tức là vợ chồng An-Tiêm – người đàn ông cầm gươm, người đàn bà cầm dao, đều nhan-sắc phi-phàm mà ăn mặc một cách kỳ-dị khác hẳn nhân-gian; thì lấy làm lạ, bảo nhau đứng dừng cả lại. Bọn khách năm người ấy là ai? Chính những người ở cái thuyền vo-vân đi tìm gì ở ngoài bể Nam-hải trên kia đó. Ông cụ già ngảnh lại bảo gì bọn đi sau không biết, thì bốn người đứng xúm lại với nhau, có ý sén-vén. Ông cụ thì tiến lên vài bước, cũng đứng lại, chấp tay kính cẩn, ra ý đợi hai người dị-dạng đi lại. Về bên vợ chồng An-Tiêm, thì An-Tiêm cũng bảo vợ rằng khách đợi ta, ta đi mau đến chào khách. Nàng Ba trước còn nghĩ mình đang mang dây buộc túm, nên thẹn-thò không muốn đến chỗ khách lạ. Nhưng sau cái lòng khát vọng người quê-hương xứ-sở bấy lâu nó thúc bách ở trong, nên lại cố đánh bạo đi theo kịp chồng. Đến nơi cụ già vái chào, bọn đồ-đệ cụ già cũng vái theo. Vợ chồng An-Tiêm vội-vàng đáp lễ lại. Cụ già nói trước lên rằng:

– Lão-phu bõ-ngờ mới tới đây, xin thượng-nhân tha-thứ mà chỉ bảo cho lão-phu được đội ơn.

Bấy giờ hai bên giáp mặt nhau. An-Tiêm trông rõ cái phong-độ ông cụ già càng đáng kính đáng mộ mà nghe nói thì ra giọng một nhà cao-nhân dật-sĩ, bèn cung-kính mà rằng:

– Hai vợ chồng tôi đây là chủ-nhân đảo này, cao-nhân với quý-đồ nhân ra chơi bể, mà quang-lâm tới chốn hoang-đảo của chúng tôi đây, thảo-lư gần đó, xin mới tôn-giá cùng quý-đồ quá bộ vào chơi cho chúng tôi được thừa-nhan, thực là vạn-hạnh.

Ông cụ nói:

– Lão-phu tội-ác thâm-trọng, bị đầy dọa vào cái cối trần ô-trọc bấy lâu, cực nhục biết bao! đã nhiều phen cầu cho giải-thoát mà không được. Nay thượng phương đã cho đem cái thân tàn này về chốn tiên-hương mà nương dưới bóng yên-hà đời đời, thật là tam-sinh hữu hạnh, lại còn đi đâu nữa.

Nói đến đây cụ già ngảnh ngay vào chỗ bọn đồ-đệ đứng, tay thì xua, miệng thì nói:

– Thôi cho về, các người tổng-chung ta thế là đủ. Cái hạn "tù trời" của ta, cái nợ-nần của ta với các người ở đây, có thế mà thôi. Các người về đi, ta không cần gì các người mà các người cũng không nên nghĩ gì đến ta cho bận lòng nữa.

Bọn đồ-đệ vâng vâng dạ dạ, rồi cứ đứng trông nhau, có ý ái-ngại buồn rầu.

An-Tiên thấy sự ngạc-nhiên vội hỏi:

– Sao cao-nhân lại dạy thế, bỉ-nhân không hiểu ra thế nào?

Cụ già nói:

– Lão-phu đã thông-tuyệt với cái bọn "ngu ngoan" ấy lâu rồi, chỉ vì tục-cốt còn nặng chưa phi-đăng được, nên phải đà-lụy họ đến đây thôi. Nay đã hết kiếp với họ rồi thì xin cho họ về.

Nói xong lại đuổi bọn kia mà rằng:

– Về đi, đừng có quấy nhiễu đến đây nữa, mà cho bây có muốn đến, cũng không phải đường lối thế nữa đâu, đừng tưởng lầm, về ngay đi.

An-Tiên trông bọn đồ-đệ lại thấy vâng vâng dạ dạ rồi đứng yên nhìn nhau không nhúc-nhích. Trong bọn có một người cầm cái nỏ, chạc độ ba mươi, ăn mặc xồi lụ, mặt mũi khô-vĩ, người giông-giống ông cụ ấy. Anh ta cứ trông An-Tiên trùng-trùng, nước mắt chảy quanh như có ý muốn nhờ chủ-nhân xin với cụ tạm thư lại cho. An-Tiên biết ý người ấy và tự nghĩ trong bụng rằng:

– Ông cụ này chắc là người chán đời tuyệt-thế, đi tìm tiên. Đến đây thấy cái đảo xa cách cõi đời mà có hai người mình kỳ-dị thế này, thì cụ cho cõi tiên là đây rồi, nên cụ quyết ở lại mà đuổi bọn tụng-giả về. Xem bọn tụng-giả của cụ này, họ có ý chân-thành, mà phong-dạng cũng ra những người hữu-dụng. Họ đối với cụ thiết-tha không nở rời, thì chắc là cha con thầy trò chí-thiết gì với nhau đây chứ không sai. Một nhà mà đem được một cái mảnh đi chơi bể tới đây thì cũng là nhà hào-mại chứ không phải tầm-thường. Thực là Thượng-đế đưa đến để giúp ta, ta cố lưu cả lại, thông-thả sẽ hỏi căn-do thì biết. Nghĩ như thế bèn nói:

– Cao-nhân có lòng hạ-cố đến cái chốn hoang-viễn này, cho chúng tôi được bồi bên tả bên hữu, thì còn gì quý bằng. Song tôi xin thú thực, tôi chính là người trong nước Văn-lang ta, tôi phụng mệnh thiên-tử đưa gia-quyển ra khai-tịch cái hoang-đảo này đã năm sáu năm nay, chứ không phải thần tiên gì. Xin cao-nhân cho các thầy tụng-giả được theo tôn-giá qua chơi trong núi, chúng tôi sẽ bày tỏ khúc nhôi.

Ông cụ già cũng không nghe, cứ đuổi bọn đồ-đệ đi ùi ùi. Thậm chí bọn đồ-đệ phải lùi lại vài bước mà đứng, làm cho An-Tiêm cũng phải hoảng, vì chủ thì đang khát người đến, mà khách thì cứ đuổi người về, An-Tiêm vội nói to lên rằng:

– Chúng tôi lâu nay xa cách chốn quê cha đất tổ tưởng rằng một nhà mấy người, đều phải cùng nhau liêu với cỏ hoa nước mây ở cái hoang-đảo ngoài trời này. Hay đâu Thượng-đế lại đưa cao-nhân với các thầy tụng-giả qua chơi, mà cho chúng tôi được tái-thế tương-phùng những đấng phụ-huynh trong nước, thực là mừng rỡ không biết chừng nào. Nay chưa kịp đôi hồi, mà cao-nhân đã trực-hồi các thầy tụng-giả như thế, thì không phải cái bản-tâm của chúng tôi cầu nguyện bấy lâu vậy. Không được ở lại lâu, cũng xin cho các thầy tụng-giả vào chơi qua trong sơn-động rồi sẽ về.

Bấy giờ ông cụ thấy An-Tiêm nói thiết tình, thì cũng nể mà lặng yên không đuổi bọn đồ-đệ nữa. An-Tiêm bèn mời cụ đi lên và vẫy bọn tụng-giả đi theo sau.

Bảy người chủ khách kéo nhau một bọn thông-dong đi vào hang Hướng-Việt. Cụ già càng đi vào càng thấy cái cảnh vắng vẻ tuyết-trần, những phong-loan trùng-trùng điệp-diệp, đột-ngột chênh-vênh ở trước mặt; sắc đá như lưu-li bích-ngọc, áng mây như trướng phủ màn che, cùng chiếu-diệu với nhau hiện ra nhiều vẻ tuyết-kỳ tuyết-diệu, mà nhân-gian chưa từng thấy; thì càng lấy làm mừng làm vui, tưởng như mình đang tiêu-dao trên chốn non Bồng nước Nhược rồi vậy. Lúc vào nhà lại thấy nào thạch-động, nào thảo-đường, nào chén ốc đĩa trai, nào bút que giấy lá, bày-bien chỉnh-tề; thì cụ càng lấy làm cái phong-vị của tiên-gia có lý-thú thiên-nhiên hơn mấy mươi những cái khí-cụ tiểu-trí tiểu-xảo của người đời. Chưa kịp ngồi, cụ trông

thấy mấy quả dưa "*Việt-nga*" bày ở bệ ngồi, thì cụ chấp ngay tay lại vái An-Tiêm mà thưa rằng:

– Thượng-phương đã cho lão phu có cái duyên tao-phùng mà tìm đến được chốn này, xin đừng đem cái trần-lụy mà thử thách lão phu cho phiền lòng nữa.

An-Tiêm nghe ông cụ nói đến ba chữ "*duyên tao-phùng*" trong bài thơ nôm ở quả dưa thả bể, thì biết là ông cụ sở-dĩ tới đây là vì duyên hẹn ước chứ không phải sự tình-cờ, bèn nói:

– Giống dưa này là sản-vật ở đảo này, bỉ-phu mới tìm được bốn mùa nay. Mỗi mùa đề thơ khấn-nguyện thả xuống bể một ít quả, cầu cho người trong nước biết mà tìm đến để hưởng-thụ lấy cái lộc trân-cam của đất nước mà giúp nên cái sự-nghiệp của Thượng-đế, của Thiên-tử đã ủy cho bỉ-phu ở đây. Nay Cao-nhân nặng tình thanh-khí không ngại ba-đào nghìn dặm mà tới đây, khiến cho một nhà bỉ-phu được có ngày trông thấy mặt non sông cố-quốc, thực ơn này không biết bao giờ quên.

Nói đến đây liền vào trong động thay quần áo và lấy bức cáo-mệnh ra trình cao-nhân xem. Cụ thấy An-Tiêm mặc bộ nhung-phục cũ, cầm bức cáo-mệnh bằng lụa ra, thì giương mắt lên trông An-Tiêm rồi đón tay cầm lấy tờ cáo-mệnh xem qua, liền đặt xuống chỗ bệ ngồi một cách lãnh-đạm mà không nói gì. An-Tiêm thì đem tính-danh thân-thế, bao lòng trung-trực, bao nỗi oan-khiên, cùng những sự sáng-lập lấy một thế-giới cho một nhà ở hoang-đảo này đã sáu năm nay, kể hết cho cao-nhân nghe. Kể xong An-Tiêm lấy làm được đem một tấm cô-trung mà dãi bày với một vị cao-sĩ trong nước, lại là một người "*thanh-úng khí-cầu*" với nhau, thì mừng rỡ lắm. Bọn tụng-giả của ông già ngồi bệ bên kia nghe nói đến đâu, thì ghê rợn cả người đến đấy, kính sợ An-Tiêm, luấy làm một đấng đại-anh-hùng đại-hào-kiệt, chứ người thường thì không tài nào mà sống được; nhưng sợ ông già, không dám nói chòi sang điều nào, chỉ trông An-Tiêm tỏ ý kính-phục mà thôi. Thế mà ông già thì lại đổi ra một cái trạng-thái buồn-buồn, không hớn-hở như lúc nãy, chỉ lẳng-lặng ngồi yên, có lúc lại trông đi đằng khác, như không muốn nghe nữa. Vì sao mà ông cụ lại thế? Tuy chưa xét đến hành-trạng ông cụ từ xưa thế nào, nhưng cứ những lời lẽ của ông cụ nói với chủ-nhân từ lúc gặp ở

ngoài bãi, thì ai cũng đoán rằng cụ đã khốn-khổ, đã thống-tuyệt với người đời mà không thoát đâu cho khỏi. Nay vì câu thơ ở quả dưa thả bể mà cụ tìm được đến đây, cụ tưởng rằng đã khỏi vòng ô-trọc mà về chốn thanh-hư rồi. Khi mới gặp ở giữa đường, nghe chủ-nhân nói đến những câu "*phụng-mệnh khai-hoang*" thì cụ còn tưởng là tiên-nhân thác ra lời tục-ngữ mà thử khách nhân-gian. Đến khi nghe chủ-nhân thuật tường đầu đuôi, đích là một người vương-thần bị lưu-phóng; lại những câu chuyện gian-ác của người đời đã làm cho cụ phải khốn-khổ mà tìm đi, thì cụ chán mà không muốn nghe. Nhất là cụ thấy chủ-nhân còn mê-mệt về cuộc đời, thì cụ càng lấy làm bất-mãn không ưng-y một chút nào, nên cụ cứ ngồi yên, không nói-năng gì. An-Tiêm lại hỏi thăm đến việc nước thì cụ từ là không biết, hỏi đến tôn-hiệu và quý-cư của cụ, thì cụ nói cụ không còn nhớ gì ở cái đời ô-trọc kia nữa; cụ đến đây là quê cụ ở đây, muốn gọi cụ là gì thì gọi. An-Tiêm không hỏi cụ được điều gì, không hiểu cụ là người thế nào, cùng quá, phải ngánh sang bên kia mà hỏi những người đồ-đệ cụ rằng:

– Các ông với cao-nhân đây là người tình nghĩa thế nào?

Người cầm nỏ mà An-Tiêm đã để ý đến từ ngoài bãi, đứng lên thưa rằng:

– Tiểu-tử là con trai cả.

Rồi trở vào ba người mà nói người thì là con trai thứ ba, người thì là học-trò.

An-Tiêm bèn nói:

– Tôn-nghiêm-đường vì cảm-tình với thắng-cảnh mà tới đây, cho chúng ta được gặp nhau, thực là may lắm. Ở đây là một nơi khí hòa đất tốt, trần-bảo chứa-chan, ta đã biết nhau thì ta có thể cùng nhau mở-mang ra thành một nơi lạc-thổ; trước là báo-đáp tông-bang, sau là ta cùng nhau mà tránh cái trần-hiêu trong nội-địa. Bỉ-phu sở-dĩ cầu nguyện các ngài đến chơi xem cũng là vì thế.

Bọn đồ-đệ chưa kịp trả lời thì cụ gạt ngay đi mà rằng:

– Chết nỗi, điều ấy lão phu xin ngài, họ đã vì lợi mà xâu-xé sát-hại lẫn nhau một vùng lục địa mông-mênh kia rồi, nay còn một hòn cù lao thanh-tĩnh, cách-tuyệt ngoài bể này là nơi thần-tiên tụ-hội,

mà ngài còn đem mối lợi dủ bọn ngoan-ngu ấy đến, để họ phá diệt cho hết nốt đi nữa hay sao? Điều ấy lão phu xin ngài.

– Thừa cao-nhân, ta sẽ chọn lấy những kẻ thuần-luong.

– Đã là sói thì con nào không tham, đã là rắn thì con nào mà không độc, còn kén chọn vào đâu? lão phu xin ngài.

– Khổng-phu-tử nói: *"Ta không phải đồ-dãng với người đòi này, thì còn đồ-dãng với ai"*. Kinh Lễ nói: *"Quân-tử mà muốn giáo-hóa cho dân thành phong tục hay thì phải bồi sự học"*. Thế thì ta sẽ đem đạo-giáo của tiên-vương mà dạy bảo cho hồi-thuần lại thì cao-nhân nghĩ sao?

– Dân ở đời tiên-vương thì nhà nào cũng đáng bao-phong mà dân ở đời Hùng-vương XVII này thì nhà nào cũng đáng tru-diệt, vì cái tâm-tính họ đã hỏng đi mất rồi, giáo-hóa như nước đổ là khoai, có ăn thua gì.

– Hơn hai nghìn năm nay mở-mang bờ cõi, từ Ngũ-lĩnh đến Hoan-châu, cũng dân ấy, mà nay cũng dân ấy, chứ có phải dân nào? bỉ-phu thiết-tưởng chỉ vì chính-giáo có lúc hay lúc dở, mà thế-đạo thành ra có khi long khi ô¹ đấy thôi.

– Lão-phu với những người này cũng như với những người trong nội-địa, là thù nghịch với nhau rồi. Nếu ngài cố ý cho họ đến thì xin cho một nơi biệt-tịch, để lão phu khỏi trông thấy mặt họ nữa, ấy là lão phu được đội ơn ngài.

An-Tiêm tự nghĩ một mình rằng: Không biết ông cụ này vì có gì, mà thâm-hận với đời với cả con cái đến như thế? không thể bàn với cụ được, bèn nói:

– Cao-nhân đi bề đã lâu, đạo-thể mỗi-một, xin hãy tỉnh-duyệt để bỉ-phu nghĩ lại xem sao.

Nói rồi đi dọn chỗ để cụ già nghỉ lưng.

1. Long; thịnh-vượng, Ô: suy đồi.

XXV. ĐÌNH DUYÊN NON NƯỚC

Cụ già đi bề đã lâu, chốc mòng đã nhiều, tinh-thần cùng thể-lực đều mỗi mệt, nên đặt mình xuống chiếu thì chợp ngay đi.

An-Tiêm bèn mời bốn người đồ-dệ của cụ xuống chơi nhà ngang cùng nhau bàn bạc. An-Tiêm đối người con trai cả của cụ mà nói:

– Cao-nhân với các ông đến chơi đây, thực là bởi tấm lòng bĩ-phu cầu nguyện. Cái công-nghiệp của bĩ-phu đã hứa với Thượng-đế với quốc-vương ở đây, thực có trông cậy vào các ông, một ngày gặp gỡ, muôn kiếp nhân-duyên, có tin nhau thì mới cùng nhau mưu-tính được mọi việc. về phần bĩ-phu thì bĩ-phu đã dãi bày thực-tình để các ông rõ rồi; còn về phần cụ ta với các ông, bĩ-phu xem các ông đối với cụ một lòng hiếu-thuận kính-thờ, thì biết cái đạo tiên-lý¹ của cao-nhân cũng không phải là tầm-thường. Vậy cụ sở-dĩ định tị-thể mà tới đây, đầu đuôi duyên-cớ thế nào, ngô-huynh cho bĩ-phu được biết, hoặc có điều gì tương-trợ được chăng.

Người con cả nói:

– Anh em chúng tôi vì có gia-nghiêm ngược đời trái thói, mới được tới đây mà hầu một đấng kỳ-khệt của nước ta như ngài, thực lấy làm kính-mến vô-cùng. Anh em xem thấy ngài một lòng thành-cảm với nước với trời như thế, dầu thày trò chúng tôi không tới được chốn này, tiểu-tử chắc Hoàng-thiên cũng dẫn cái co-duyên khác đến, cho ngài thành được cái sở-chí. Nay ngài đã có lòng chu-toàn cho anh em được trọn một chút lòng hiếu-kính với phụ-sư, thì anh em xin gửi thân dưới trướng, hết sức vâng mệnh ngài.

– Các ông không nên lấy cái sự Cao-nhân ngược đời trái thói như thế làm nghi. Nào đời có ra gì mà chả phải ngược, thói có ra gì mà chả phải trái, ta hãy nên xem xét cái tiên-lý của ngài thế nào.

Người con cả của cụ bấy giờ mới khúm-núm mà thưa rằng:

1. Tiên lý: Đi dẫm lên, nghĩa bóng là thực-hành cái Tu-tướng của mình.

– Nhà tiểu-tử họ Thạch, ở hải-tân Cửu-chân, gia-nghiêm tên là Tử-Chương, hiệu Thanh-Toàn, sinh-hạ được ba anh em chúng tôi!, tiểu-tử tên là Thiện-Thừa, người thứ hai ở nhà tên là Thiện-Sự, người thứ ba tên là Thiện-Kế, tức là chú nó đây. – Vừa nói vừa trở vào người cầm còi đeo dao nắp ngời đầy. – Gia-nghiêm tôi từ thuở thiếu-niên đã thừa-đương một cái gia-sản phong-hậu của tiền-nhân để lại. Gia-nghiêm là người bầm-tính trung-trực, thích hào-hiệp, hay thi-tế; hiếu-học mà quảng-giao; trị gia thì rất nghiêm, đãi người thì cực khoan; bà con lân-lý, bè bạn xa gần, nào công nào của, giúp đỡ không thiếu ai; cho đến các việc công việc phúc ở đâu cũng hằng-tâm hằng-sản ít nhiều, mà không có ra mặt lặn-tích chút nào; người vùng ấy đã gọi là "Thạch-thiện-nhân" hễ có việc gì khó thì họ bảo nhau rằng việc này phải có Thạch-thiện-nhân giúp cho mới xong, bởi vậy mà của lúc nào cũng có người đến đông như mắc cửi. Thực thế, tiểu-tử không dám nói ngoa, rồi ngài sẽ biết, thậm chí những người đi lại họ ghen-ghét thù-hằn lẫn nhau đến tai gia-nghiêm cũng mần-thình như không biết. Hồi trung-niên có ra làm chức Bồ-chính¹, được vài tháng không đồng ý với Thượng-quan, lại cáo về; gặp lúc thời buổi nhiều việc, gia-nghiêm tán cả gia-tài, để giúp về việc công việc tư, mà hay đâu sở-ngộ tình những phường gian-tham lừa dối, gia-tài thì hết mà không ích cho ai được việc gì, gia-nghiêm lấy làm bức-dọc lắm. Từ đó không để ý đến việc đời nữa, đi chu-du khắp trong nước, qua khắp núi cao sông cả, kẻ chợ nhà quê, định tìm lấy một nơi thanh-tĩnh mà khiết-quyến đến ở; hay đâu xe ông Văn-Tử² đi đến đâu cũng chỉ gặp như quan đại-phu nước nhà, lại trở về. Bấy giờ trông thấy vợ con cũng ghét, cho là cũng cùng một lò đàng với bọn ngoan ngu kia cả, cái bụng bất-trắc không có thể tin được. Tiệm-đệ đã ngoài hai mươi tuổi mà không cho lấy vợ, sợ lại sinh-sản nhiều mãi ra cái giống ngu-ngoa. Đã mấy lần gia-nghiêm tìm ra những chỗ hang sâu bể vắng, tuyệt-lạt nằm một mình, anh em chúng tôi phải đến khóc-lóc van-vỉ thảm-thiết mới về. Sau tiểu-tử lập một cái

1. Bồ-chính: Chức quan ở đời Hùng-triều.

2. Ông Trần-Văn-Tử người nước Tề, người quyền-thần là Thôi-tử giết vua Tề, ông đang phú-quí, có thái-áp lớn, tự bỏ mà đi ngoại-quốc, đến nước nào ông cũng nói: "Cũng như quan Đại-phu Thôi-tử nước ta". Nghĩa là tính những bọn trộm cướp cả.

am ở sau vườn nhà, vườn ấy ôm vào góc núi, am lập ngay bên mỏm núi, có cây có đá có gió có trăng, bốn bề tĩnh-mịch, để gia-nghiêm nghỉ ngơi. Được hai năm, hôm 14 tháng 5 mới rồi, người nhà ra bể đánh cá, đánh được một con cá to, dài tới năm thước. Không biết là cá gì. Bụng nó có một cái khối rắn chắc, tưởng là trứng, mổ ra thì thấy một quả to bằng cái gối, da nhẵn mà xanh đen, hai má có hai bài thơ, một bài chữ Trung-quốc và một bài chữ quốc-âm, tiểu-tử còn nhớ bài chữ quốc âm rằng:

*Bể nam quê thiếp nghìn trùng,
Trời sinh phận gái má hồng răng đen.
Việt-nga hai chữ là tên,
Nước non non nước chờ duyên tao-phùng.*

Chúng tôi không biết là quả gì, đem vào trình gia-nghiêm, thì gia-nghiêm bảo là quả dưa, tên gọi là Việt-nga. Bỏ ra quả-nhiên là quả dưa, khoét lấy ruột ăn thử thì ngon mát lạ thường, gia-nghiêm mừng rỡ lắm nói rằng: *"Quả tiên-qua này từ Hải-đảo vùng Nam-hải đưa lại, ta xem trong sách "Thập châu-ký" có nói ngoài bể đông có ba cái núi thần-son, thì chính là đây rồi, con cá ấy tức là hải sứ đem triệu-mệnh lại cho ta đó"*. Bèn sai đem chôn cho con cá, mà bắt dọn một chiếc mâm to, sắp đủ ba tháng lương. Một gia-nghiêm với hai anh em chúng tôi, hai bác học trò cũ đây, một người tên là Tử-Ngang – tức là người cầm cái gậy trường lúc nấy. – một người là Tiếp-Trọng – tức là người quảy bồ lúc nấy – và mấy thủy-thủ chở mâm ra bể, đi tìm khắp các đảo trong miền Nam-hải, định đi đủ một tháng rưỡi, nếu không gặp chốn tiên-nhân đã thả quả dưa ấy thì gia-nghiêm cũng ở lại một mình vào cái đảo nào đó mà cho chúng tôi về, chứ gia-nghiêm thì chuyến này thể nào cũng không trở lại cái đời ô-trọc kia nữa, vì lúc ra đi đã quyết-biệt mà nặng lời thề rồi. Mành đi đã chín ngày tìm khắp các đảo không thấy gì, tối hôm qua đến đảo này, sáng ngày lên bờ trông thấy vỏ dưa Việt-nga vớt bỏ bờa-bãi, thì gia-nghiêm mừng lắm nói rằng: *"Hang thần-tiên, chính ở đây rồi"*. Lúc mới gặp Tướng-quân với phu-nhân ra đến bãi thì gia-nghiêm ngoảnh lại bảo chúng tôi rằng: *"Mặt hoa áo lá, không phải tiên thì còn ai"*. Ấy gia-nghiêm sở-dĩ tìm đến đây là thế.

An-Tiên nói:

– Thế thì tôn-nghiêm-đường chính là một đấng chân-nhân quân-tử, lòng yêu đời thương thế rất là sốt-sắng thiết-tha, chứ không phải là chán đời. Vì yêu đời đời không cho yêu, thương đời đời không cho thương mà phải sinh giận bực, tôn-nghiêm thực không phải là người chán đời.

– Tuy vậy mà gia-nghiêm cũng khắc-trách người đời quá, chúng tôi đã can-gián mãi mà cũng không được.

– Ở cái đời ô-trọc mà còn có đấng tiên-giác để quát-tháo cho chúng ta biết là ô-trọc, thì khí thiêng của non sông chưa đến tiêu-trầm hết, tôn-nghiêm thực là một đấng nghiêm-su của đời vậy. Kẻ hiếu-tử thờ đấng thân phải đón biết cái ý-chí của ngài, nay ngô-huynh mà quyết cùng với bỉ-phu để gây nên cái sự-nghiệp khai-hoang ở đây, thì tức là ngô-huynh làm được cái chí bình-sinh thương đời xót thế của tôn-nghiêm đó. Người ta sinh ra ở đời có hai cái mối quan-hệ: một là đối với đức Thượng-đế là chúa-tể chung trong vũ-trụ, dù thần-tiên thánh-triết cũng không ngoài khuôn phép của ngài, mà đời người sinh-sinh kế tiếp, không phải là sủn-soản chỉ một lúc trước mắt bây giờ. Hai là đối với chốn tông-bang là cái nơi mà thân mình và thân-ái ân-tình của mình giằng-buộc ở đó, phải cùng mưu toan lấy cuộc hưu-thích với nhau. Nay ta lấy cái việc mở-mang bờ cõi này làm cái chúc-trách mà Thượng-đế đã ủy cho ta phải làm đây, khiến cho một cái hoang-đảo xa-xôi này nhất-đán thành nơi đô-hội, cho nước được thêm cảnh sắc, cho dân được thêm chốn thê-trị; đất có người thời trị, người có hóa thời hay, dù chẳng cảnh tiên trên thượng-giới thì cũng cảnh tiên giữa hải-hoàn, há chẳng hay du? mà cái thể-thế ấy thì ở đây có thể làm được, mai bỉ-phu sẽ thân-dẫn các ngài đi xem xét cho tường.

– Cái kỳ-tiết của tướng-quân cảm-động đến trời, sớm trưa chỉ một chuyến thuyền là công-nghiệp truyền khắp nhân-gian. Vậy mà một cửa hàn-môn nhà chúng tôi thấy-trò được gần-gũi ngài, thực là có phúc. Sản-nghiệp của nhà tiểu-sinh nhân một hồi gia-nghiêm tán đi để làm việc nghĩa, cũng đã sa-sút. Cận-lai anh em hết sức về việc nông-phố ngư-diêm, thì cũng đã hồi. Vậy tiểu-sinh xin về thu xếp, mộ người sắm sửa vật-liệu và đưa thê-tiểu ra đây; trước là cung-dưỡng gia-nghiêm, cho trọn tuổi già, sau là hầu hạ ngài mà theo đời cái chí cả.

An-Tiêm nghe nói mừng rỡ không biết chừng nào, trông ra thì hai bác Phùng, Trung đi làm đã về, hai bác thấy bốn người khách nói tiếng đồng-châu; thì mừng rỡ, hỏi thăm xa gần mọi việc ở quê nhà. An-Tiêm sai hai bác đi làm cơm để thết khách. Thạch Thiện-Thừa thì sai em thứ ba ra bến Sứ dặn cho thủy-thủ dưới mình biết còn ở lại.

Bữa cơm hôm nay, cơm có rượu có thịt gà thịt vịt, là những thứ mà thuyền Tề đổi cho, còn để dành, nay mới đem làm để đãi khách. So với trong nội-địa thì cũng là một bữa tiệc khách thường mà thôi, nhưng ở đây thì thực là một bữa tiệc đáng nên ghi nhớ trong sáu năm trời thắm-thoát mà bảy người lớn nhỏ nhà ông An-Tiêm đã đưa một hòn cù-lao giữa bể giữa trời từ đời thái-hoang lên đời văn-vật rồi đó. Một nhà ông từ khi tới đảo đến nay cũng mới nếm lại mùi cơm từ bữa ấy là một. Ngày mai An-Tiêm đưa bọn Thạch Thiện-Thừa bốn người đi xem xét khắp mọi nơi, đến ngày thứ ba thì bốn người khách ký-thác cao-nhân lại cho vợ chồng An-Tiêm, rồi vào bắm-mệnh với cụ mà xin về. Khi bọn Thạch Thiện-Thừa sắp ra về, Nàng Ba bảo hai bác Phùng, Trung rằng:

– Tiễn chuyển mình của Thạch đại-huynh thì hai bác nhờ mình về thăm viếng quê hương và mang một bức thư ra Phong-châu báo tin cho gia-từ biết một thể.

Phùng, Trung hai người đều nói:

– Anh em đội ơn ông bà cứu cho sống sót được đến ngày nay, dẫu nát thân khuyến-mã cũng không dám từ lao, nữa là mang thư cũng là một việc dung-dị. Nhưng nay ông, bà còn ở đây mà anh em về thăm cố-hương trước thì sao cho phải. Vậy thư xin gửi Thạch-công cho người đưa ra hộ.

An-Tiêm bèn khuyên rằng:

– Bấy lâu xa cách từ-thân, ai không khao-khát, nhưng nay công-nghiệp chưa thành mà trong nhà biết tin tất sinh ra nhiều sự cho ta rối trí. Vậy ta hãy tạm nén cái lòng tư-mộ lại. Thượng-đế đã mở cửa cho ta thì cuộc đoàn viên chốn cố-viên cũng chẳng bao lâu, ta không nên vội.

Nàng Ba cũng phải nể lời chồng, việc gửi thư đành để ngày khác.

Còn cụ Thạch cao-nhân, từ lúc bọn đồ đệ cụ vào bái biệt cụ để ra về, thì bọn người trong đời cũ mà cụ cho làm cái bọn ngoan-ngu kia, không còn người nào quá-nhiều ở trước mắt cụ nữa, thì cụ mới được thu-thái trong lòng một tí. Vợ chồng An-Tiêm thờ cụ đến tận-thành, nhưng cụ cũng không muốn phiền-lụy gì chủ-nhân, mỗi ngày cụ chỉ cần đến một bầu nước suối trong với mấy viên thuốc "linh-đan" của cụ đã luyện sẵn để trong túi, là đủ tiêu-dao tự-tại. Trước An-Tiêm còn phải đưa cụ đi chơi, sau cụ đi một mình, cụ cứ tha-thẩn khắp các nơi phong-cảnh trong đảo. Cụ được ngắm cái cảnh bể trời thanh-không quang-đăng của vũ-trụ, vắng tuyệt hẳn những cái tầm hơi của người hăm-hè xô-xát nhau vì lợi, thì cụ lấy làm khoan khoái vô cùng, cụ càng tin rằng:

"Tạo-vật sinh ra người là để cùng nhau mà thưởng-ngoạn lấy những cảnh xinh đẹp trong vũ-trụ, chứ không phải sinh ra để ăn tranh lấn quẩn lẫn nhau". Gặp bãi cỏ sạch hay hang đá, cụ thường lưu-liên ở đấy đến hai ba ngày; An-Tiêm tìm đến mời mãi cụ mới về. Đối với vợ chồng An-Tiêm thì cụ tuy cũng kính nể, nhưng thấy tâm-sự của hai vợ chồng đều còn triền-phộc vào cuộc đời lắm, thì cụ cũng có ý bất-mãn, cụ sợ rồi bất-miễn cũng lại tiêm-nhiễm vào với những bọn ngu-ngoan kia, nên cụ cũng không dăm-thăm lắm bằng lúc mới tương ngộ.

Thạch Thiện-Thừa về đến nhà, người ta biết chuyện rồi đồn-đại đi mọi nơi rằng: "Nhà họ Thạch gặp tiên ở cái đảo ngoài bể Nam-hải là nơi mát-mẻ và sản-vật phú-nhiều, dễ làm ăn lắm, nay về khiết-quyển và mộ người ra khai-khẩn". Nhà họ Thạch vốn là một đại-gia trung-hậu ở vùng ấy, nên nghe nói thì ai cũng tin, náo-nức xin đem cả gia-tài và vợ con ra nhiều lắm. Chưa đầy ba tháng trời mà chở ra được sáu chuyến mành, mỗi chuyến ba chiếc mành to đầy những người, súc-sản, lương-thực và khí-cụ. Chở ra đến nơi, tùy ý An-Tiêm khu-hoạch. An-Tiêm chọn lấy những người dân nào cùng làm một nghề thì cho ở vào với nhau một khu nào có lợi tiện cho họ. Dự lập ra được bốn thôn, một thôn ở liền hang Hướng-Việt, gọi là thôn Trung; một thôn ở bến Sứ gọi là thôn Bến; một thôn ở mé đông-nam núi Vọng, gọi là thôn Đáy và một thôn ở bên Lạc-viên gọi là thôn Bắc. Thôn Trung thôn Bắc thì làm nghề nông-phố; thôn Bến thì làm nghề buôn bán và kỹ-nghệ, còn thôn Đáy thì làm nghề chài

lưới. Từ đấy về sau, hễ có người mới đến thì cứ tùy cái nghề mà cho ở vào các thôn ấy.

Trong nội-địa bấy giờ đang buổi nhiều-nhuong xao-xuyến, dân tình cát-cứ ở đâu cũng nguy-ngập không yên; mà cái tin ngoài đảo Nam-hải là chốn cảnh tiên phong-thú, thì không đến nỗi là tin ngoa-truyền quá, vì những người đã vượt bể theo ra, không bao lâu đem những hải-vật về đổi lấy lương-thực nhiều lắm. Nên càng ngày càng kéo ra đông, cả những khách văn-nhân đạo-sĩ cũng chở thuyền ra chơi.

XXVI. CÁO-THÀNH

Ở ngoài bến Sứ bỗng nghe thấy tiếng lệnh râm-ran, tiếng người xí-xổ. Người trong bến tới-tấp ra xem, thì thấy chiếc tàu buồm to tướng mà đen trùi-trùi, đang vào bến. Hỏi ra là thuyền người Tề mà năm ngoái đã vào bến một lần. Nhưng chuyến này sang chỉ có người lái thuyền là Trần Tử-Nguyên mà thôi, còn Điền đại-phu thì không sang nữa. Thuyền Tề vào tới bến, lại vừa gặp mùa dưa Việt-ngà được chẩy, trông lên đã thấy hai ba cái mảnh đồ ở bến, trên bờ thì người bản-xứ trong nội-địa đang khênh gánh "dưa-hầu" là thứ dưa người Tề đã mua về năm ngoái đem xếp xuống mảnh. Tử-Nguyên lấy làm ngạc-nhiên, lên mui đứng trông trước bến thấy hai dãy nhà ở hai bên, giữa thì đường sá, thung-thinh, người đi kẻ lại râm-rập, xa xa lại lác-đác mỗi chỗ dăm ba cái nóc nhà mới. Tử-Nguyên ngờ là thuyền mình đi lạc đường vào một cái đảo nào khác, bèn sai một tên thủy-thủ là người nước Ngô có võ vẽ tiếng Việt-ngữ lên bờ hỏi thăm, thì chính đấy là đảo Nam-hải, đảo chủ là Mai tướng-quân, mà nhân-dân thì mới chiêu đến đó. Tử-Nguyên nghe nói giật mình kính phục An-Tiêm thật là thần-nhân; trước Tử-Nguyên nghĩ cái cảnh-huống ở đảo Nam-hải vẫn y-nhiên như cũ, thì khi tới bến sẽ có mang tặng đảo-chủ một ít thực-phẩm và mời xuống thuyền chơi. Nay thấy đảo Nam-hải bỗng có cơ-đồ hung-thịnh, khác hẳn ngày trước, thì cái sự đối-đãi với đảo-chủ, Tử-Nguyên cũng đổi ngay ra cách khác. Bèn đưa thủy-thủ và lễ-vật lên yết-kiến. Thấy trò vừa mới lên đến bến, thì đã thấy một người thiếu-niên tuấn-tú, khăn

thâm áo rộng đi trước và bốn người nữa theo sau, người nào cũng ăn mặc gọn-gàng ra dáng binh-sĩ đứng đón bên đường; người thiếu-niên vái chào Trần Tử-Nguyên mà rằng:

– Đáo-chủ cho chúng tôi ra nghinh-tiếp sứ-giả của quan Đại-phu nước Tề.

Tử-Nguyên cũng vội-vàng đáp lễ, rồi theo bọn thiếu-niên ấy đưa đi. Nguyên lúc thuyền Tề vào bến thì một người la-tốt ở đầu phố đã chạy về báo, An-Tiêm bèn cho Thạch Thiện-Kế – tức là người thiếu-niên ấy, – đưa bốn người thủy-thủ ra đón. Tử-Nguyên vừa đi vừa trông, chỗ nào cũng thấy cỏ-rả lau-lách đã phá quang thành nương thành ruộng, chỗ thì trồng cây trồng rau đã tốt, đường đi lối lại phong-quang; góc bể nọ chài phơi thuyền đổ, chân đồi kia bờ thả trâu cày, nghiêm-nhiên một cái đảo-quốc đang tân-tạo. Đi khỏi bến Sứ một lát thì đến nhà "tiếp-tân", nhà này là một cái sang đất mới trình¹, lợp cỏ. Vào tới sân, đã thấy An-Tiêm với các người thuộc-viên đứng chờ. Hai người trông nhau mừng rỡ, rồi An-Tiêm mời Tử-Nguyên lên tầng gác. Một bên thì Tử-Nguyên một bên thì An-Tiêm với Thạch Thiện-Thừa, phân tân chủ ngồi yên. Tử-Nguyên đưa một phong thư với hai gói lễ-vật của Điền đại-phu gửi sang, lại một gói chí-lễ của Tử-Nguyên tặng riêng nữa. An-Tiêm giờ hai tay nâng lấy phong thư bóc ra xem, thư rằng:

"Tề Trung-dại-phu Điền-thị trí thư vu Nam-hải Mai hiền-khế. Quân chi cao tiết, ngô Trung-hoa văn giả tham thán, Quốc-quân đặc mệnh chí sinh, lương gian hiệu dăng, nhân sinh phù du, bất diển lộ khao², quân kỳ vật từ".

Nghĩa là: "Quan Trung-dại-phu nước Tề họ Điền gửi thư cho người bạn thân họ Mai ở Nam-hải rằng":

"Trong đất Trung-hoa ai nghe thấy cái cao-tiết của bác thời cũng thán-phục, vì vậy Quốc-quân tôi sai tôi mời bác, bác phải biết rằng người ta ở đời cũng như con phù-du ở trong trời đất mông-mênh

1. Sang là hai tầng của người Thổ, lấy ván làm cái khuôn cho đất núi vào nện rồi lần lượt nhấc cao mãi lên thành cái sang, gọi là trình sang, tức là xây đắp.

2. Lộ khao: Đưa lễ khao đãi ở dọc đường (Tả truyện).

kia có thắm vào đâu, thì nghĩ làm gì, vậy cái lễ sinh mạng này để bác ăn đường sang chơi, bác không nên từ".

An-Tiêm đọc đi đọc lại hai ba lần rồi đặt cái thư xuống chỗ ngồi một cách trân-trọng mà rằng:

– Quý đại-phu có lòng quyền-quyền bất xả, tiện lệnh thực minh-bội không bao giờ quên. Cái khổ-trung của kẻ tiện-lệnh này thế nào đã từng bực-bạch ở trước quý đại-phu với quý thuyền chủ biết cho rồi, xin hai ngài ngọc-thành cho kẻ tiện-lệnh được trọn cái đạo làm kẻ thần-tử ở trong trời đất, thì thuyền-chủ sẽ vì kẻ tiện-lệnh này mà thuyết-minh cho, đồ sinh-vật này sinh phụng hoàn.

Tử-Nguyên tự nghĩ như năm ngoái hoang-tịch là thế mà An-Tiêm còn không chịu dời cái đảo này, nữa là bây giờ đã nên một nơi có nhân dân, có xã-tắc như thế, thì y còn chịu đi đâu nữa, nên nghe An-Tiêm trả lời thì lặng yên, không khuyên dỡ gì nữa. Khoảnh-đãi xong hai bên đem hóa-vật đổi cho nhau; năm nay hàng ở đảo từ đưa cho đến hải-vị trân-bảo thứ nào cũng nhiều hơn năm ngoái. Tử-Nguyên đổi được thuyền đây. Hôm nhỏ sào, An-Tiêm lại gửi đồ sản-vật và một phong thư về cảm tạ Điền đại-phu. Thư rằng:

"Văn-lang quốc, Nam-hải lệnh, Mai-thị tái-bái Tề đại-phu, Điền túc-hạ.

Hải thiên tri ngộ, một xỉ bất-vong¹, quân-quốc thâm ân, mi thủ mạc báo², vạn lý nhục sinh, muội tử³ dĩ từ, duy hiền-dại-phu kỳ lượng chi, đại-phu năng sử ngô lương quốc bang nhân, đặc hổ thông hữu vô, tề-đạo tạ dĩ ân thịnh, thực duy đại tạo, bạc-phú nhất khuông⁴, tái đáp cao-nghĩa".

Nghĩa là: "Quan Lệnh Nam-hải nước Văn-lang là họ Mai tái-bái nói với quan Điền đại-phu nước Tề rằng:

"Được ngài tri-ngộ ở chốn bể trời, không bao giờ tôi dám quên; mà cái thâm-ân của vua, của nước, tôi dẫu nát thân cũng không đủ báo. Thì cái sự hạ-sinh đến tôi ở chốn xa-xôi này, tôi chịu chết mà

1. Một xỉ bất vong: Hết đời không quên.

2. Mi thủ mạc báo: Nát thân không đủ báo.

3. Muội tử: Chịu mờ ám mà chết.

4. Bạc phú nhất khuông: Một sọt đồ thuế đốn ít ỏi. Bốn câu đều ở Tả-truyện.

xin từ. Xin hiền-dại-phu xét cho. Đại-phu mà để cho người dân hai nước ta được buôn bán đổi chác với nhau. Cho tệ-đảo nhờ đó mà nên thịnh-vượng, ấy là ơn ngài nhiều lắm. Gửi chút sản-vật, gọi là đáp lại cái lòng cao-nghĩa của ngài".

Thuyền buôn nước Tề chuyển này về rồi, người ta đồn đại vào trong nội-địa Cửu-chân, Hoài-hoan, cho đến các nước Xà-bàn, Qua-oa ngoài Nam-dương, các lái buôn đều nô-nức chở sản-vật đến để bán cho người Tàu rồi lại cất hàng Tàu về bản-xứ mình. Vì người Tàu thì lúc mới chỉ có người Tề, sau người nước Ngô nước Sở nước Ô-việt cũng kéo đến buôn bán, kẻ thì ở lại mở cửa hàng. Từ đó thuyền buôn các nước ra vào quanh năm, không có kỳ hạn nào nữa. Đảo Nam-hải toại-thành ra một cái chợ đông vui, đồ hàng phần nhiều của ngoài đưa lại, chứ trong đảo thực không có mấy tí. Thứ dưa Việt-ngà đến bấy giờ bất quá chỉ là một vị quà quý làm môi-giới cho các lái buôn xa mà thôi. Một cửa bể đã lập thành phố-xá cho các nước ra vào buôn bán, thời cái cuộc tụ-tập đông-vui sinh-nhai phong-hậu, bất-tất phải kể ai cũng biết. Còn cái sự An-Tiêm đối với cụ Thạch cao-nhân thế nào, thì ta không nên bỏ qua.

Thạch cao-nhân từ khi trông thấy bọn ngoan-ngu trong nội-địa tức là bọn con cái học-trò cụ, họ đưa vợ con và mộ người kéo nhau pháp-phối, thì cụ lằng-lặng không nói gì, rồi lội ngay sang bên Lạc-viên, chui qua rừng muỗu tới một nơi hẻo lánh mà ở lại. Chỗ ấy là một cái doi đất ở Lạc-viên ăn ra, địa-thế nhỏ hơn vườn Lạc-viên mà cảnh-trí lại đẹp hơn; có suối nước trong, có rừng cây rậm, có bãi để hóng gió chờ trăng, có đồi cao để trông xa tứ bề trời bể. An-Tiêm với ba anh em họ Thạch Tử-Ngang, Tiếp-Trọng và hai bác Phùng, Trung sang lạy van mời cụ thế nào cụ cũng nhất-định không về nữa. Bất-đắc-dĩ An-Tiêm với Thạch-Thừa cùng các người phải ra tay giùm một mái tinh-xá để cụ nghỉ-ngoi, rồi cất nhau mỗi ngày hai người sang túc-trực ở cái nhà bên cạnh nhà tinh-xá. Ngoài bọn An-Tiêm, ba anh em họ Thạch, Tử-Ngang, Tiếp-Trọng ra, thì cấm tuyệt không ai được lai-vãng sang vùng đó. An-Tiêm muốn truy ơn họ Thạch, nhân đặt tên chỗ vùng tinh-xá là "*Thạch-viên*". Nguyên-lai một vùng đảo Nam-hải về bên núi Vọng thì tro-trọi đã đành, mà về bên Lạc-viên cũng như bên Thạch-viên, tuy có rừng cây muỗu rậm mà tuyệt-nhiên không có một con thú vật nào. Chim thì chỉ có một loài quạ bể mà

thời, đến những giống ve cùng những giống ong bướm cũng không có. An-Tiêm từ khi mới tìm ra được chỗ đất ấy, đã nghĩ ngay rằng: một bức họa thiên-nhiên tuyệt-diệu như thế này chỉ thiếu mất mấy con vật để điểm-trang nó, thành ra bức tranh cũng phải giảm-sắc; khi nào mình đắc-chí, mình phải giúp cho tạo-vật mà bổ-khuyết thêm vào dăm ba nét bút bằng mấy con vật nữa, thì bức họa mới là toàn-mĩ. Bởi vậy đến nay nhân dịp sửa sang một chốn tinh-xá cho một vị cao-nhân nhàn-ngọa, chàng lại càng tỏ ra rằng: một cái cảnh yên-hà tuyền-thạch, đủ để làm khuây-khỏa cho cái lòng cao-thượng mà vắng hắt thanh-tích của những con vật kia thì cũng một-thú lắm. Cái phận-sự mình là phải mở-mang cho vũ-trụ, tô-diểm cho giang-son, và phải báo-đáp cho người có ơn có nghĩa với mình. Mình đã không để cho cái thế-giới xinh đẹp ngoài trời này chịu cái phận chần-vu mãi mãi, thì mình cũng không đành lòng để cái khu-vũ tốt lành mà mình đã có công khai-thác ra đây chỉ cô-độc có một loài người hưởng-thụ cả cái ơn-huệ của Thượng-đế, mà không cho những con vật thuần-lương kia được dự một phần sinh-dục vào đấy. Và trong một cái đảo-Quốc tân-lập như cái đảo này, có cái quang-cảnh náo-nhiệt, lại phải có cái cảnh-sắc an-nhàn, có cái công-sức của nhân-dân giúp nên thịnh-vượng, lại phải có cái khí-tiết của đấng dật-dân cao-sĩ để huân-đào cho lòng người, thì mới là một nước có đủ nề-nếp được. – Nghĩ như thế, nên mỗi chuyến thuyền về trong nội-địa An-Tiêm dặn đem ra cho đủ các giống quả hoa, côn-trùng, cầm-thú mà ngoài đảo chưa có, để gây cho sinh-sản nhiều ra. Mà những giống quả-hoa, côn-trùng, cầm-thú ra đến đảo, được nơi đất tốt thì sinh-sản ra cũng chóng lắm. Nào lan, nào huệ, nào nhãn, nào cam, đủ các thứ quả ngon hoa đẹp, trồng thành từng luống từng nương; thú thì nào hươu, nào nai, nào vượn, nào hươu; chim thì có công, có khuống, yểng, vẹt, họa-mi, cùng những con ve sầu bướm đẹp, đều là những vật ngày trước ở đây không có, mà nay từng lũ từng đàn; mà xem ra những con vật đó cũng có cảm-tình với người, vì nó thấy người ở đây nhân-lành, không có ý mưu-hại nó, nên nó cũng quán-quít lấy người mà không sợ-hãi như ở trong nội-địa khi trước. Những đêm trăng thanh cùng ngày gió mát, cánh bướm rập-rờn trên bông hoa tươi cười, tiếng ve nào-nùng trong bụi tùm-bum. Hươu dõn nhau trên bãi cỏ xanh, mẹ nằm con chạy; công nhảy nhót trước nhà

tinh-xá, con múa con bay. Tiếng chim ríu-rít trên cành, tiếng vườn nỉ-non đầu núi, cụ Thạch cao-nhân thưởng-ngoạn một cái vũ-trụ kỳ-quan nọ, lại cảm thấy những con vật mới đến, dường như cùng người cùng ca-vũ cái thú êm-đềm tĩnh-tịch của hóa-công đã để dành cho, mà quên cả cái lo phiền xâu-xé ở thế-gian ngày trước. An-Tiêm, Thạch-Thừa biết ý cụ đã nguôi-nguôi mà tạm yên, thì hằng ngày lại cho mấy đứa trẻ con trai con gái lớn của nhà họ Mai họ Thạch là Mai-Lâm, Quế-nương, Thạch Tiểu-ngà và Thạch-Bảo rủ nhau sang bên Thạch-viên. Trước còn tưới cây nhặt cỏ ở ngoài sân ngoài vườn, rồi lân-la vào quét tước cất dọn ở chỗ bên cao-nhân. Thư-thả thì anh em chị em chúng nó lại mang sách-vở ra tập đọc tập viết với nhau ở dưới nhà, dần-dần cao-nhân thấy mấy đứa trẻ nhũn-nhặn và ngộ-nghĩnh, ra vào lễ-phép cười nói vui-vé, cái lạc-thú cùng cái chân-tĩnh tự-nhiên của mấy đứa trẻ làm cho cụ đang hăm-hăm thống-tuyệt với đời,đang bất-mãn với bố mẹ chúng nó; chính ngay chúng nó lúc mới sang hầu cụ, cụ cũng tưởng cái nghiêm-chủng của bọn ngoan ngu đã kéo đến mà lừa đảo cụ. Cụ tuyệt-nhiên không hỏi đến, thế mà bây giờ cụ đã yêu-giấu chúng nó, cụ sờ đầu sờ tai, rồi cụ bảo chúng nó đem sách-vở ra cụ dạy cho học. Từ đó bên Thạch-viên lại thêm ra được một cái nhà học-xá nữa, mà cụ Thạch cao-nhân dần dần đổi cái lòng phần-thế ra cái bụng thương đời. An-Tiêm thấy thế mới lấy làm mừng. Một ngày rảnh việc, bấy giờ sắp đến mùa dưa, An-Tiêm cùng vợ con ngồi chơi trong nhà cung-thất trước hang Hương-Việt, cái nhà này là cái nhà làm lại lần thứ ba rồi, lần thứ nhất là một cái túp bằng gianh que mà chính tay hai vợ chồng An-Tiêm giùm nên. Lần thứ hai thì hai bác Phùng, Trung chữa lại cho rộng rãi hơn. Đến lần thứ ba này thực là một cái cung-thất, nền cao hiên rộng, sáng-khải huy-hoàng. Vợ chồng đang khi trông ngắm ra những phong-cảnh trước cửa sổ phương nam, xa-xa ngoài bên Sứ, thì cột buồm tàu lố-nhố như một hàng rào thua. Trên đồi mé Nam núi Vọng là trại nhà họ Thạc, mái nhà xan-xát như bát úp, con đường bên núi Vọng ra bến Sứ, kẻ đi người lại quần-quật. Về bên hữu con đường ấy, cái mồ ông liệt-sĩ bên mé bể, chót vót một quả núi đá bằng từng hòn nhỏ mà người ta chồng chất dần lên, linh-khí như vẫn u-ám ở đó. Về bên tả con đường ấy cái tự-đàn ngày nào bằng đất mà nay thấp-thoáng những tường xây bệ đá ở trong chỗ

cây thông cây đa, lá tơ bóng rợp. Đang khi cùng nhau ngắm trông vui vẻ, Nàng Ba bỗng sa sầm nét mặt lại gục đầu vào những trần song cửa sổ, không nói năng gì.

An-Tiêm hỏi:

– Hiền-thê có điều gì không vui?

Nàng Ba nói:

• – Thiếp trông thấy cái cảnh-sắc ngày nay mà sự nhớ đến lúc hai vợ chồng với hai đứa con thơ bị bỏ lên chốn hoang-đảo hiểm-ác ngoài trời này, thì lòng nào còn tưởng đến ngày hôm nay nữa. Nhờ ơn Thượng-đế không nỡ tuyệt người ngay, thấm-thoát mười bốn năm trời, đổi một chỗ quanh-hiu thiên-cổ nên một nơi lạc-quốc đông vui như thế này. Tưởng cái công-nghiệp như thế đã là thành-tựu rồi, không biết lang-quan đã đồ-hội đến cái qui-kế chưa?

An-Tiêm nói:

– Cái con đường qua bể đông để về chốn quê hương mà buổi ban đầu hiền-thê đã quyết cùng tôi hóa chim tha đá, xe cát già-chàng mà lấp cho đầy, lời hứa can-đảm kiên-cường kia, còn chứa-chan ở trên mấy câu thơ nợ, thì nay Thượng-đế đã cho ta thành công rồi, cái phận tiên-thân của ta còn dài, ta nên tính về là phải. Nhưng trước khi về tôi có nghĩ hai điều là: 1) ta vì nước mà mở mang nên chỗ đất này, thì ta lại phải vì nước mà chọn người giữ lấy cái sự-nghiệp ta ở đây là nhờ ở một nhà họ Thạch, mà xem nhà họ Thạch cũng là một nhà có tâm-chí với nước non, thì khi ta về ta xin vua cho nhà họ Thạch được thế-thủ cái đảo này để làm chốn phiên-bình cho tôn quốc; 2) tôi xem Đại Thạch-lang được ba đứa con lớn, con gái đầu lòng là Tiểu-nga, con trai thứ hai là Thạch-Bảo, con gái thứ ba là Quỳnh-Hoa, dung-mạo đức-tính chúng nó cũng phảng-phất với ba đứa con ta, vậy tôi muốn xin Tiểu-nga cho Mai-Lâm, gả Quế-nương cho Thạch-Bảo và xin Quỳnh-Hoa cho Mai-Hải, để hai nhà kết cái mối ân-tình với nhau cho thêm được lâu dài, mà ta không phụ với cái chốn ta đã có công đề-tạo nên này, thì hiền-thê nghĩ sao?

Nàng Ba nói:

– Lang quân đã nghĩ cho việc nước việc nhà tu-tình công-nghị vẹn cả hòa hai như thế thì còn gì hơn.

Bấy giờ An-Tiêm bèn cho mời Thạch Thiện-Thừa đến chơi bàn-bạc.

Thạch-Thừa cũng lấy làm mừng, rồi hai người cùng sang Thạch-viên bắm mệnh với cao-nhân, mà chọn ngày làm lễ "cáo thành" ở trên núi Vọng, ở tự-đàn, ở mộ ông liệt-sĩ, rồi hai họ mở tiệc làm lễ cho con cái kết-hôn, tinh-kỳ rực-rỡ, nhã-nhạc vang-lùng, suốt mấy ngày trời trong thôn ngoài bến; vừa xong thì An-Tiêm mới sửa-soạn cống-phẩm và viết thư cho người về vương-triều dâng cống.

XXVII. VUA NHỚ

*Xanh xanh áng cỏ xanh non,
Giang-son vắng-vẻ vương-tôn xa vời¹.
Vĩ đâu góc bể bên trời,
Trăm thân dễ chuộc một người² đồng-lương³.*

Đó là một bài thơ của bọn hậu-cung vua Hùng-vương XVII, người ta thấy ngài đêm ngày trần-trọc, nhớ-nhung một người con nuôi tin yêu có tài-mạo có kinh-luân là ông Mai-Yễn hiệu An-Tiêm bị hàm-oan nơi bãi bể, vậy người ta hát nên bài thơ đó.

Nguyên từ khi triều-đình vắng mặt ông An-Tiêm rồi thì ông Lạc-hầu già họ Thi không còn sợ có mặt nào tân-tiến lên để thiên-tử yêu-dùng mà mon-men vào cái ngôi Tế-tướng ấy nữa, trong thì Hầu cung-đốn hai ông Quan-lang chùng nhùng bọn hoạn-quan biên-bế, ngoài thì Hầu kết nhân-gia với các nhà thế-thần. Hầu dụng-tâm duy-trì cái ngôi phú-quí đỉnh-chung như thế tưởng cũng đã là vững-vàng lắm. Mùa hạ năm ấy, có việc binh-biến nước Thục tiến-bức gần vương-kỳ, nhưng nhờ được trời giúp, binh Thục bị bão chết nhiều, phải lui về nước, vài tháng sau binh Thục xương-quệ chực trùng-lai, Hầu định chước cất đặt cầu hòa thì ngoài biên mới được tạm an,

-
1. Lời Ly-tao: Cỏ non đeo đeo, gã Vương-tôn đi chơi mãi chưa về.
 2. Kinh Thi: Như có thể chuộc được, người ta đánh đổi trăm thân.
 3. Đồng-lương: Cột đường, người có tài-dức chống giữ được nước, cũng như cột đường chống giữ được nhà.

Hầu tự lấy làm công cao, xin vua tấn-phong. Vua thấy bề đẳng của Hầu cũng nài xin cho Hầu nhiều lắm, vua cũng phải chiều lòng bọn đông người mà phong cho Hầu làm "*Thi-quân*" chỗ thái-ấp của Hầu gọi là "*Thi-ấp*", là theo lệ của các nhà Tể-tướng bên Trung-quốc được phong thời ấy. Đã ba bốn năm, khi thì Thi-quân ở vương-kỳ, khi thì về nghỉ ở Thi-ấp để kiểm-điểm tài-sản trong thái-ấp của mình. Trong Thi-ấp thì Thi-quân có dùng một người chủ-bạ là Công-Cật là một người đầy-tớ bí-mật được việc từ khi Thi-quân còn ở chức hạ-liêu, nay cho vào làm chủ-bạ trong thái-ấp, chưa từng xảy ra có sự gì khi-trá bao giờ. Duy-Công-Cật có máu say cờ bạc, dạo này thì lại gặp hồi đen, trong mấy năm kiểm chác trong thái-ấp được đồng nào thì tắt hết mà cũng không đủ. Bởi vậy Công-Cật hóa quần phải làm liều. Một hôm Thi-quân kiểm sổ, xét ra được hai khoản mà Công-Cật ăn cắp tất cả tiền thóc trâu bò về những dân trong Thi-ấp nộp thuế và giả nợ. Thi-quân giận lắm nhất định làm tội không tha. Công-Cật sợ tội quá không biết làm thế nào được, bèn trốn ra trước triều-đường cáo-giác Thi-quân hai việc: 1) Cái số tài-sản ở trại sông Bờ của An-Tiêm. Thi-quân chỉ sung vào binh-phí một nửa, còn thì chuyển-vận cả về Thi-ấp; 2) Cái tòa Đại-tư-nông khai ra lấy của vương-phủ trợ-cấp cho các chỗ khẩn hoang thiên-hạ, kỳ-thực chỉ đem về tư-ấp và các nơi cũng không đâu thành việc gì. Thiên-tử thân xét ra thì việc là thực cả, ngài giận Thi-quân gian-tham hại nước, bèn bãi-truất cả chức tước họ Thi, tịch-một cả Thi-ấp và đầy Thi-quân cùng quyến-thuộc ra ba nghìn dặm. Thi-quân tuổi già sức yếu, đi đến giữa đường vừa mệt vừa phiền muộn phát bệnh ra mà chết.

Vua Hùng-vương XVII bấy giờ mới nghĩ ra An-Tiêm là oan, mà chính Thi-quân vu-chức ra cái oan-ngục ấy. Ngài bèn giáng chỉ ra đảo Nam-hải triệu An-Tiêm và vợ con về, nhưng thuyền Thủy-quân ra đến phận bể Cửu-chân, hỏi khắp cả những dân ở các đảo và ven bể thì chẳng có cái đảo nào gọi là đảo Nam-hải, mà cũng không có vị vương-thần nào cùng gia-quyến bị đầy ra bao giờ. Thuyền Sứ về tâu vua, vua hỏi khắp triều-thần không ai biết cái đảo ấy ở đâu cả, mà Thi-quân là người kết cái ngục ấy thì chết rồi. Sau phải tra hỏi đến người áp-giải lúc bấy giờ là Trần Thủy-sư, thì Trần Thủy-sư đã cách chức về quê, vua đặc-triệu cho đi tìm An-Tiêm về thì được khai-phục lại cả quan-chức. Kể thực ra thì cũng chỉ có Trần Thủy-sư

biết có cái đảo ấy mà thôi, vì một lần ông đi đánh Nam-man, thuyền ra khỏi cửa Thần-phù bị bão, giạt ra đến đấy, khi tạnh bão phải chèo la-bàn mà trở về; lại một lần ông đi càn giặc hải-khẩu, giặc cứ chạy lần lượt hết đảo nọ đến đảo kia, ông cho thuyền đi quá đổi mà lại đến đảo ấy. Thế là ông đến đảo ấy hai lần, nhưng chỉ lên đến bãi cát lại xuống, chứ không vào đảo bao giờ. Bình-nhật ông thường nói với ông Thi-quân việc đến đảo ấy để phô cái tài can-dảm của mình. Thi-quân vẫn nhớ, đến khi lập cái mưu kỳ-hiểm để hại An-Tiêm, thì Thi-quân bịa ngay là đảo Nam-hải ở gần ven bể Cửu-chân, đã có dân cư, để tâu với Thiên-tử trích An-Tiêm ra đó cho biết hối mà thôi. Kỳ thực thì Thi-quân âm-sử Trần Thủy-sư đưa An-Tiêm và gia-quyển ra tận cái đảo cùng kiệt vô-danh này. Nay Thiên-tử hỏi đến, Trần Thủy-sư nghĩ rằng vài bao lương khô với một cái đảo xa cách cõi đời như thế, đến nay dầu nắm xương một nhà An-Tiêm cũng không còn nữa là người, nhưng bây giờ nói ra, không những không còn thấy người đâu nữa, mà sợ lại liên-lụy đến mình là đồng-mur, nên bất-đắc-dĩ ông cũng lĩnh thuyền ra bể, loanh-quanh rồi về tâu rằng: "Cái đảo chỗ An-Tiêm bị trích vỡ cây nước phúc-một cả vào bể rồi", thế là xong chuyện.

Hùng-vương thứ XVII nghĩ đến An-Tiêm là một đứa con nuôi, ngài đã có công gây dựng từ thừa tấm bé, chẳng khác sinh-thành; lại nghĩ đến những lúc chàng vào sinh ra tử để hổ-giá thân-chinh rợ Thục, những cái tài chàng hiến-sách khấn-hoang đã nên công-hiệu, thật là có cái tài kiêm cả Tôn, Ngô, Quản, Án làm một; thì ngài càng thương càng tiếc càng hối-hận lúc bấy giờ vội giận mà cả nghe quá. Mỗi khi nói đến quốc-sự binh yếu dân nghèo thì ngài nhắc đến An-Tiêm mà thở dài, cho đến bọn cung-nữ cũng phải cảm-tình ngài mà hát ra lời thơ trên ấy.

XXVIII. TRIỆU - HỒI

Một buổi sáng kia từ kẻ chợ đến nhà quê, náo-nức tung-bùng, già trẻ gái trai, lũ lần lũ lượt đông như nước chảy kéo nhau ra tận bến Thủy-quân sông Cái, đó là người ta nghe tin một vị vương-thần là Mai An-Tiêm, một nhà bốn người, bị bỏ ra

hoang-đảo ngoài trời, 14 năm nay không chết, mà lập nên thành ấp đông vui, cái người kỳ-tài như thế, nay lại được trở về vương-triều thì nước nhà dân-sự sẽ được nhờ là đường nào, nên người ta mừng rỡ mà kéo nhau đi đón rước. An-Tiêm ở dưới màn đi luân, đầu đội cái mũ câu-mâu cũ đã long lở, ngoài mặc một cái giáp đồ đã rách mướp cả ra, lưng đeo một thanh gươm không vỏ, chuôi thì bằng gỗ, lưỡi thì cụt chỉ còn độ hai gang tay, đó là ba cái vật quân-ân ngày trước mà nay còn giữ lại được; tu-mi tuy có đổi khác mà uy-phong vẫn nghiêm-nhiên một dáng anh-hùng lẫm-liệt như xưa. Kế đến Nàng Ba ngoài cũng mặc một cái áo lụa thâm rách, là cái áo mặc lúc ra đi, mà dung-nhan thì cũng quan-nhuận hơn khi ở nhà. Hai vợ chồng phục-dụng như thế, là để tỏ lòng kính thờ quân-quốc một dạ kiên-trinh là thế nào. Kế đến Mai-Lâm, Quế-nương, là hai người con ở nhà đem đi, rồi đến Mai-Hải là đứa con trai nhỏ mới sinh ở ngoài đảo; rồi đến con dâu con rể; rồi đến Thạch-Kế, Tử-Ngang, Tiếp-Trọng, Phùng-Thiện, Trương Chi-Miêng, là những người ở ngoài đảo theo về. An-Tiêm lên khỏi cầu nói, trông thấy nhân-dân trong cố-quốc là những người bấy lâu mình khai-phát nhớ mong, mà nay đi đón rước mừng rỡ mình đông đảo đến như thế, thì chàng cảm-động mà kêu to lên rằng:

– Ôi các phụ-huynh tôn-tộc, các anh em chị em kia ơi! nhờ ơn Thượng-đế, nhờ ơn Thiên-tử cho tôi lại được trùng-sinh trở về mà trông thấy các ngài đi đón rước tôi đông như thế này, thì tôi cảm-tạ biết là đường nào!

Nhân-dân nghe thấy lời thành-thực, thì đều cảm-khích reo ô cả lên, tiếng người râm ran, động một phương trời; trong bọn đông người đang huyên-náo, Nàng Ba trông ngay thấy Cao phu-nhân đi với họ hàng ra đón con đón cháu, Nàng Ba vội ôm ngay lấy bà mà khóc, bà cũng khóc, An-Tiêm với các cháu cũng xúm cả lại, mẹ con bà cháu chưa kịp hàn-huyên điều nào, thì có vương-mệnh giục kíp vào chầu, và cho bao nhiêu người ngoài đảo đều được vào chầu. Thiên-tử đã đang đợi ở Châu-cung rồi. Mẹ con bà cháu phải rời nhau ra để theo vương-mệnh cho kịp. Bởi vì Thiên-tử tưởng nhớ An-Tiêm đằng-đẵng mười-bốn năm trời, không lúc nào nguôi. Một buổi ngài ra thị-triều, quan thị-thần đệ một tờ thư ngoài bọc gấm vào tâu là thư của một nước đảo-quốc ngoài Nam-hải, và có đồ cống-phẩm kính

dâng. Thiên-tử bèn mở ra xem thì thấy một dòng chữ ở đầu bức thư đề rằng:

"Kẻ tội-thần bị phóng ra đảo Nam-hải là Mai-Yễn, hiệu An-Tiêm bách bách khổ thủ thượng ngôn".

Ngài giật mình kinh-dị nhận lại nét chữ, thì đích là tự-dạng của An-Tiêm, ngài bất-giác cảm-tình lai-láng, không đọc được hết bài thư, bèn sai quan thị-thần đọc lên. Thư rằng:

"Tội-thần Yễn phụng mệnh đưa thê-noa ra khai-thác đảo Nam-hải đến nay đã được 14 năm. Ngu hèn như kẻ tội-thần mà bốn bàn tay trắng, đôi chút máu đào, ở một cái hoang-đảo cách-biệt thế-gian từ khai-tịch đến nay, chưa ai lên tới, mà nay đã dần dần có thành ấp, dân-cư, có các nước ngoài đến mậu-dịch tiệm có cái cơ-chỉ một nơi đảo-quốc, nếu không nhờ có hồng-ân của Thượng-đế, nhờ có uy linh của Thiên-tử và tôn-bang thì sao được thế. Vì vậy kính dâng phương-vật, gọi tở tám thành, dám nói dâng công, xin thánh nhân lượng xét. Tội-thần Yễn và vợ con phủ phục đợi tội ngoài bãi Nam-hải".

Phụng-kê:

"Việt-nga qua 1.000 quả.

Minh-châu 5 đôi.

Hải-vị tươi 10 bao.

Hải-vị khô 10 gói".

Thiên-tử nghe đọc hết tờ thư rồi, ngài rung mình một cái, rồi lặng một lát, có ý lấy làm ngờ mà rằng:

– Có lẽ An-Tiêm là người thần-nhân hay sao?

Ngài lại sai Thị-thần ra chỗ Sứ-giả của An-Tiêm hỏi lại nguyên-ủy xem sao. Sứ-giả của An-Tiêm chính là Thạch-Kế. Kế bèn đem dung-mạo của đảo-chủ và tình-trạng từ khi gặp nhà họ Thạch tới nay kể cho Thị-thần nghe một lượt. Thị-thần lại hỏi:

– Trong thư chỗ kê cống-phẩm có nói 1.000 quả Việt-nga là cái gì?

Thạch-Kế vừa trở vào những quả dưa để trước mặt vừa thưa:

– Đó là thứ dưa sản ở đảo Nam-hải, đảo-chủ mới tìm ra được về năm thứ ba, dưa này lòng đỏ hạt đen như răng người mỹ-nhân

nước ta, nên gọi là "*Việt-nga qua*", đảo-chủ tìm được giống dưa này, nghiệm ra là một thứ trân-cam dị-phẩm, mỗi năm hai vợ chồng lại trồng nhiều thêm ra, rồi khẩn nguyện Thượng-đế để thơ vào ngoài vỏ quả dưa mà thả bể. Trước người nước Tề với người bản-quốc là họ Thạch bắt được dưa và thơ mà tìm đến, sau người các nước mộ cái tiếng mà kéo đến mở mang buôn bán, khiến cho một cái hoang đảo thành ra một nơi lạc-quốc thực là nhờ ở thứ dưa này làm sứ-diệp để đi chiêu-lai thiên-hạ đến vậy.

Thị-thần cứ đầu đuôi vào tâu vua, vua nghe nói An-Tiêm còn sống thật, mà việc mở mang hoang-đảo là việc hiển-nhiên, ngài mừng rỡ lắm mà rằng:

– Quả vậy thì An-Tiêm là người trời, mà phú-quí thật là tự của tiền-thân.

Ngài lại sai quan thị-thần ra lấy một quả dưa vào ngài xem. Quan thị-thần dâng dưa tiến lẫm rồi truyền bố. Quan thị-thần quì trước hương-án cầm con dao chuôi ngà nạm vàng, bỏ quả dưa ra, xắt làm từng khoanh rồi gọt vỏ đi mà bày vào cái đĩa ngọc tiến lên. Thiên-tử trông trong chỗ ruột dưa đỏ như son, điểm những hạt đen lóng-lánh, quả như cái miệng cười của cô Việt-nga. Bấy giờ đang lúc giữa trưa mùa hạ, nắng bức lắm, ngài thử nếm một miếng ruột dưa thấy ngon mát lạ thường, ngài lại sai ra lấy mười quả nữa bố ra ban cho các đình-thần nếm thử. Các quan đình-thần nếm rồi tâu lên rằng:

– Đang lúc khốc-thử, nếm một miếng dưa mà khinh-thanh không biết bức nữa, tưởng "*bàn-đào*" trên dao trì cũng không hơn, An-Tiêm thực là một người trời giáng xuống để khuông-phù xã-tắc, mà quả dưa Việt-nga này thực là điềm lành "*thánh-thọ vô-cương, minh-lương hội-ngô*".

Tâu rồi đều lay mừng.

Thiên-tử bèn sai một quan Lạc-tướng, một quan Thủy-sư đem quân-sĩ và cáo-mệnh chở ba chiếc hải-hạm ra đảo Nam-hải triệu An-Tiêm cùng quyến thuộc về.

Hôm An-Tiêm về đến vương-kỳ, Thiên-tử thiết triều ở Châu-cung là cái cung vừa rộng vừa đẹp. Trời mới bình-minh, các quan thị-thần đã đem nghi-vệ rõ ràng, quần-huynh râm-ran vào rước Thiên-tử và Hậu-phi ra ngự giữa Châu-cung, hai bên tả hữu thì các

vị Quan-lang, Mị-nương, các hàng cộng-khanh đại-phu bài-liệt ngồi châu; ngoài thì cho quốc-dân vào xem đông như đám hội.

An-Tiêm sốc-sếch đưa vợ con và những đảo-nhân vào đến cửa cung, trông thấy Thiên-tử và Hậu-phi, chàng bèn sụp xuống đất mà khóc nức nở. Thiên-tử thân bước xuống bệ ngọc dắt tay chàng lên, an-ủi mà hỏi chuyện. An-Tiêm bèn đem việc của mình mười bốn năm ngoài đảo, một lòng tin cậy ở Thượng-đế ở tiền-thân mà làm cái phận sự của Thiên-tử đã ủy-sử để đền ơn quân-quốc, thuật lại đầu đuôi tường-tận, rồi lại rút trong bọc ra một tập lá khô, mỗi một cái lá có một bài thơ viết bằng bút que mực nhựa dâng lên. Thiên-tử sai quan Tư-đồ đem đọc thì là những bài thơ của hai vợ chồng làm trong bốn năm còn tiểu-tụy về trước, mỗi bài là một cảnh-huống thăm-thê, là một giọt lệ, một giọt máu, bi-thiết oán-mộ quân-phụ nước nhà, một giọng tiêu-tao trang-liệt, ai nghe cũng phải thổn-thức mà cảm phục; đọc xong thơ, Thiên-tử trông thấy An-Tiêm đeo thanh gươm cụt bèn hỏi. An-Tiêm rút thanh gươm và lấy ra một hòn đá lửa đã mòn chỉ còn bằng một cái quân cờ, đặt trước bệ mà tâu là hai vật của nhạc-mẫu Cao phu-nhân giấu cho lúc đi đây và tâu rằng nhờ có hai vật ấy mới sinh-nhai được với nhau, Thiên-tử lấy làm lạ cho một người phu-nhân mà sao biết trước được cái gian-muù để tìm đường cứu giúp như thế. Bấy giờ Cao công-tử đã làm đến quan triều, bèn tâu rằng:

– Việc ấy bấy giờ hạ-thần với đích-mẫu vấn-kế ở cù Hoàng-cầu Cao-son tiên-sinh, lúc ấy tiên-sinh đã chắc An-Tiêm rồi tất về, tiên-sinh nói rằng:

"Người khác thì không về nữa mà An-Tiêm rồi tất về, là vì An-Tiêm có biết tin".

Thiên-tử hỏi các quan rằng:

– Vì sao mà Cao-son tiên-sinh biết trước?

Các quan còn đang bàn đi tán lại, thì có một quan hạ-đại-phu tâu lên rằng:

– Hạ-thần chính là môn-đệ-tử của Cao-son tiên-sinh, nghĩa ấy hạ-thần có được nghe.

Thiên-tử hỏi:

– Thế thì tiên-sinh nói nghĩa làm sao?

– Tiên-sinh con nói rằng: *"Sự biết tin là cái cốt làm việc đời, có biết tin thì lập bề cũng không lâu, không biết tin thì qua cầu cũng không nén vững lòng mà thành sự, kẻ không có tin thì phải nổi chí mà ngã lòng"*.

Bấy giờ thiên-tử với các quan mới tỉnh-ngộ rằng: *muốn làm việc đời phải nên có tin*.

Thiên-tử bèn đặc-mệnh cho An-Tiêm làm Lạc-hầu kiêm chức cũ Nội-dinh thân-vệ Lạc-tướng, vợ con đều được gia-phong. Ấp cũ sông Bờ thì lại phong cho làm thái-áp. An-Tiêm lạy tạ ơn vua, xin lĩnh hai chức còn phong-áp thì xin từ.

Chàng lại dâng sổ hộ-khẩu toàn đảo và xin cho Thạch Thiện-Thừa được thay chàng giữ đảo Nam-hải mà cung chúc-cống vào vương-triều.

Thiên-tử bèn đổi tên Nam-hải gọi là An-Tiêm-châu, bốn thôn ở An-Tiêm-châu gọi là Mai-thôn (tức là Mai-trung-thôn, Mai-bắc-thôn, Mai-tây-thôn và Mai-đông-thôn), để ghi công người khai-thác, mà cho Thạch Thiện-Thừa được thế tập làm quan Bó-chính ở An-Tiêm-châu. Lại ban ngọc lụa để thưởng-tử cho Cao-sơn tiên-sinh với Thạch cao-nhân, còn Thạch-Sự, Thạch-Kế, Phùng-Thiện, Trung Chi-Miêng, Tử-Ngang, Tiếp-Trọng đều thứ-đệ được ban chức tước cả.

An-Tiêm lại dâng ba bài sách nói muốn phòng rợ Thục thì trước phải làm cho nước phú-cường và tu cái cửu-hiếu với Trung-quốc, nhất là hai nước Tề, Sở. Vua đều khen phải.

An-Tiêm cảm tạ ơn Thiên-tử và Hậu-phi rồi xin đưa vợ con liêu thuộc về nhà Cao phu-nhân, mẹ con bà cháu chị em một nhà, mở tiệc đoàn-viên vui vầy.

An-Tiêm đem giống *dưa Việt-nga* tức là *dưa đỏ* bây giờ trồng ra khu ruộng về bộ Giao-chỉ để dạy cho người trong nước biết cách trồng. Lại đặt một lệ mỗi năm thi dưa, để cổ-lệ các nhà trồng dưa giữ được giống dưa tốt; sau người ta gọi chỗ trồng dưa ấy là đất An-Tiêm, đến đời nhà Lê còn gọi là An-Tiêm-lộ. Người ta lại gọi An-Tiêm là *"Tây-quá thủy-tổ"* – thủy-tổ *dưa-đỏ*, – và *"Tây-quá khảo-tử"* – bố mẹ *dưa-đỏ*. – Tục thì *dưa-đỏ* nay hãy còn, khi thi thì tể An-Tiêm làm tổ-sư.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT – 1925

HẾT

HỒ BIỂU CHÁNH **(1885–1958)**

Tên thật là Hồ Văn Trung, còn có bút hiệu là Thứ Tiên. Sinh ngày 1-10-1885 tại làng Bình Thành, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường, nay thuộc tỉnh Long An. Thuở nhỏ học chữ Nho rồi chuyển qua quốc ngữ tại Mỹ Tho, Sài Gòn. Sau khi đậu bằng Thành Chung, ông thi vào ngạch ký lục thuộc Soái phủ Nam Kỳ, tòng sự tại nhiều tỉnh, cho đến năm 1936 lên đến chức Đốc Phủ Sứ. Năm 1941 về hưu, ông được Pháp mời làm Nghị viên Hội đồng Liên bang Đông Dương và Phó Đốc lý thành phố Sài Gòn; đồng thời kiêm chức Giám đốc hai tờ Nam Kỳ tuần báo và Đại Việt tập chí (1942), những tờ báo của chính quyền bảo hộ.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, khi thực dân Pháp gây hấn ở Nam Bộ, lập chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thỉnh thì ông làm cố vấn cho chính phủ này. Khi Nguyễn Văn Thỉnh tự tử ông mới lui về sống hẩn với đời sống sáng tác văn học. Ông mất tại Sài Gòn ngày 4-9-1958 để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ: 64 bộ tiểu thuyết, 5 tập thơ, 12 tập truyện ngắn, 12 vở ca kịch, nhiều tập biên khảo, hồi ký...

Hồ Biểu Chánh viết văn rất sớm – truyện thơ lục bát đầu tay U tình lục của ông xuất bản từ 1909 – lại viết nhiều thể loại. Ông đã đưa văn xuôi quốc ngữ, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết, ở Nam Bộ tiến lên một trình độ mới. Có thể nói, suốt nửa đầu thế kỷ XX, và cho đến cả sau này, các tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh được nhiều thế hệ người đọc hâm mộ, được in đi in lại nhiều lần. Nếu như cuộc đời chính trị của ông còn nhiều mặc mó thì sự nghiệp văn học của Hồ Biểu Chánh lại có nhiều đóng góp lớn cho nền văn học Việt Nam hiện đại.

*

CHÚT PHẬN LINH ĐỊNH

(tiểu thuyết)

I.

Lỡ bước thương người không dám ngó,
Nhớ lời cam nghĩa phải làm khuây.

*M*ùa thu vừa qua, mùa đông đã tới. Cỏ đổi xanh ra đỏ, cây rụng lá phôi nhành. Một buổi sớm mai chứa nhật, ở Hải Phòng bầu trời mù mịt, gió phát lạnh lưng. Mưa phùn phay

phay, cảnh thêm buồn, đường sá bấp bầy đi lấm cǎng. Người đi chợ, tay xách giỏ, tay giấu trong vạt áo, bươn bả bước mau cho bớt lạnh; tốp xa phu, mình mặc áo tơi, đầu đội nón lá, nghêu ngoảnh ngoài đường mà rước khách.

Đồng hồ gõ 11 giờ. Đường từ chợ xuống bến tàu thiên hạ đi dập dìu. Kẻ đi bộ thì choàng áo lạnh, tay che dù, người đi xe thì ngồi trong mui, mình phủ bố. Đã vậy mà lại có kẻ vác rương mà chạy. Xe chở hàng, bánh lăn rầm rầm chen lấn giành nhau đi trước, làm cho người đi bộ phải nép hai bên lề mà tránh.

Tại bến tàu đi Tây, thiên hạ lại còn lao nhao lố nhố hơn nữa: đầu này máy cất hàng lên tàu quay tiếng rầm rầm, đầu nọ kẻ khiêng rương lên thang kêu nhau hè hội.

Trên bờ thì đàn bà bông con đứng chung với mấy ông già chống gậy. Mỗi người đều chong mắt ngó xuống tàu; dựa mé sông thì trẻ trai chen lấn với đàn ông, chộn rộn chàng ràng giành nhau đứng trước.

Chiếc tàu ở Hải Phòng sửa soạn trở về Tây, nhúm lửa khói lên nghi ngút. Những người giàu sang mua giấy đi Pháp đã đem hành lý xuống rồi nên ra đứng chống tay dựa lan can mà chơi. Phía trước mũi có mấy trăm lính đã xuống tàu từ hồi sớm mai, nên đứng lóng nhóng ngó lên bờ, kẻ chỉ chỗ vui cười, người lấy khăn lau nước mắt. Trời càng trưa thiên hạ xuống tàu càng thêm đông. Cách một lát thấy có bốn cái xe kéo chạy xuống nữa. Cái xe đi trước không có ai ngồi duy chỗ cái rương lớn trên nắp có đề nhân như vậy:

Monsieur LÊ HIỂN VINH

Médecin auxiliaire

. Marseille

Cái xe kéo đó thì có một người ngồi. Chùng xe ngừng, mở tấm bố phủ rồi người ấy bước ra, thì thấy một người đàn ông trạc chừng 32 hoặc 35 tuổi, mặt mày sáng láng, bộ tướng gọn gàng, đầu đội nón nỉ màu xám, mình choàng áo mưa màu "nu", không rõ mặc áo gì. Nhưng mà thấy lời hai ống quần ra thì biết y phục toàn bằng nỉ xám.

Ai thấy cái rương lớn cũng đều ngó mà hể ngó thấy nhân đề trên nắp rương rồi thì tự nhiên biết người ấy tên là Lê Hiển Vinh.

Cái xe tới sau nữa lại có một người đàn bà ngồi với một đứa con gái nhỏ chừng 12 tuổi. Người đàn bà này với đứa con nhỏ đều

mặc áo lạnh, song y phục tâm thường chớ không phải đồ tốt, mà gương mặt coi không được vui. Còn cái xe sau chót thì một tên gia đình vạm vỡ ngồi, xe vừa ngừng nó liền nhảy xuống rồi lật đật chạy phụ với tên xa phu tới trước đó mà khiêng cái rương đem xuống.

Lê Hiển Vinh tay dắt con gái, miệng kêu tên gia đình ấy mà hỏi rằng:

– Em biết phòng của qua không?

– Dạ con biết. Cái phòng số 7 ông chỉ cho con hồi sớm mai đó phải không?

– Ừ, phải. Em biểu sắp xa phu khiêng rương xuống trước đi rồi em ở dưới tàu chơi mà coi chừng. Chừng tàu gần chạy qua xuống rồi em sẽ lên.

– Vâng.

Tên trai ấy phụ với hai đứa xa phu khiêng rương lên thang. Đứa con gái mới hỏi Lê Hiển Vinh rằng:

– Bây giờ mấy giờ đó ba?

Lê Hiển Vinh móc đồng hồ trong túi ra coi rồi đáp rằng:

– Mười một giờ ba khắc!

Người đàn bà đi chung một lượt hồi nãy đó là Đoàn Thu Vân vợ của Hiển Vinh, mới bước lại gần mà nói rằng:

– Tàu một giờ mới chạy, nếu vậy thì mình còn nói chuyện chơi được hơn một giờ nữa.

Lê Hiển Vinh day lại cười, rồi cúi xuống ôm mặt con mà hun chùn chụt và dặn rằng:

– Ba đi rồi, con ở nhà phải ráng mà học, chớ đừng có ham chơi nghe hôn con. Má con dạy biểu con phải nghe lời, nếu con cứng đầu cứng cổ, ba giận không thềm về nhà đa.

Con nhỏ nắm tay, nín áo cha nó rồi cười nói rằng:

– Ba về mau mau nghe hôn ba, ba đừng có gạt con với má đa. Ở nhà con ráng học đặng năm nay con thi lấy bằng sơ học cho ba coi.

Lê Hiển Vinh nghe con nói như vậy thì cúi xuống hun nữa, rồi mới day lại dặn vợ rằng:

– Mình phải nhớ lời dặn nhé! Thế nào mình cũng ở ngoài này chờ tôi, chớ đừng về Sài Gòn, bởi vì mình về ông già càng giận thêm chớ không ích gì.

Mà mình cũng nhớ hỏi thăm coi chị Hai Thành chỉ đem con Thu Ba đi đâu; nếu biết chỗ thì muốn người ta đem nó ra mà nuôi; phải ráng mà tìm nó chớ đừng bỏ nó tội nghiệp.

Thu Vân nghe mấy lời chồng dặn thì rung rung nước mắt, nghẹn ngào trong cổ, không nói chi được hết. Hiển Vinh thấy vợ buồn, không muốn dặn dò chi nữa bèn kiếm chuyện khác mà nói rằng:

– Chiếc tàu này lớn, đi vững quá. Hồi sớm mai tôi rủ mình xuống coi chơi mình không chịu đi, phòng rộng rãi, chớ không lúm túm như mấy chiếc tàu nhỏ vậy.

Thu Vân cứ lặng thinh hoài, một lát lấy khăn lau nước mắt một lần. Hiển Vinh thấy vậy trong lòng đau đớn không biết chừng nào, không dám ngó vợ nhìn con, cứ day mặt qua phía chiếc tàu rồi kiếm chuyện khác mà nói nữa rằng:

– Ở ngoài Bắc có thứ mua phùn khó chịu quá, mình lạnh hôn? Nếu có lạnh thì đem con về.

Thu Vân lắc đầu rồi nói nhỏ rằng:

– Không lạnh đâu. Ở đây coi tàu chạy chơi.

Thu Vân nói ở chơi mà giọng nghe buồn thảm lắm, làm cho Hiển Vinh chịu không được; muốn kiếm chuyện nói cho vợ con giải buồn, mà sợ nói ra tiếng bệu bạo rồi vợ con càng buồn thêm nữa, nên đứng trân trân không nói chi được.

May lúc ấy mấy tên xa phu đem rương lên phòng rồi trở xuống. Hiển Vinh móc túi lấy tiền trả bớt cho ba cái xe, còn một cái thì cầm lại đó để cho vợ con về.

Hàng hóa đã cất lên tàu hết rồi, nên máy không quay nữa. Những người đi đưa bà con, anh em đi Sài Gòn, hoặc đi Tây, rảnh rang nên đi xuống tới dưới tàu, thì lần lần cũng đã trở lên bờ. Hiển Vinh móc đồng hồ ra coi nữa, thấy đã 12 giờ rưỡi rồi, day lại nói với vợ rằng:

– Gần tới giờ xuống tàu rồi, mẹ con ở nhà mạnh giỏi nhé, tới đâu tôi gửi thư tới đó cho mà hay, đừng có buồn, mình ráng ở nhà chịu cực vài ba năm tôi sẽ về, không hại chi đâu mà sợ.

Thu Vân nói chồng đáp rằng:

– Em cũng chúc anh đi mạnh giỏi – Nàng nói có mấy lời mà nước mắt tuôn như mưa, không nói chi được nữa. Hiến Vinh đau đớn quá, nên lật đặt ôm con hun, rồi bước lại thang đi xuống tàu, không dám ngoáy mặt vợ. Con nhỏ thấy cha đi, lại thấy mẹ khóc, tuy nó chưa hiểu vợ biệt chồng, cha lìa con đau đớn là thế nào, nhưng nó cũng tủi lòng, nên đứng ngoáy theo cha mà nước mắt tuôn rơi không cầm lại được.

Hiến Vinh lên khỏi thang rồi đi khuất, mẹ con Thu Vân ngoáy hoài mà không thấy nữa.

Cách chừng 5 phút, bỗng thấy tên gia đình coi khiêng rương xuống hồi nãy bước lại thang mà trở lên bờ. Con nhỏ tên là Thu Cúc, lật đặt ngoáy tay kêu mà hỏi rằng:

– Ba em đâu mất rồi anh Bảy?

– Ông còn ở trong phòng.

– Tàu chưa chạy, sao ba không ra đứng ngoài mà chơi như họ đó, lại ở trong phòng làm chi vậy?

– Ông cất đồ một chút rồi ông ra.

Thu Cúc nghe nói như vậy thì mừng nên chong mắt ngoáy cái cửa chỗ đầu thang hoài, có ý trông cha ra đứng đó, dặng cho mình thấy mặt thêm giây lát nữa. Mưa tuôn lác đác, gió thổi lao xao, mẹ con Thu Vân mặc áo lạnh, tay che dù, mà nước mưa ướt mặt, hơi gió lồng lạnh lẽo. Thu Cúc đứng dựa một bên mẹ mà núp gió, song mắt cứ ngoáy xuống tàu hoài. Cách một hồi Thu Vân chỉ dưới tàu và trên từng trên mà nói với con rằng:

– Kia ba con kia kia! Con thấy hôn? Đứng gần ông Tây đội nón nỉ xám đó.

Thu Cúc ngoáy theo tay của mẹ, chừng dòm thấy được cha rồi, thì mừng rỡ hết sức, nên tay thì ngoáy, còn miệng thì kêu:

– Ba, ba! Ba đi mạnh giỏi nghe hôn ba! Sao ba lên đứng đó?

Thu Vân nói rằng:

– Xa quá, con nói ba con không nghe đâu. Phòng của ba con gần chỗ đó nên đứng đó.

Thu Cúc đáp rằng:

– Vậy mà nãy giờ con dòm chỗ đầu cái thang đó hoài chớ!

– Chỗ đó cửa xuống tàu. Phòng của ba con ở tầng trên chớ không phải ở chỗ đó.

– Đi xích ra ngoài đặng gần cầu một chút coi ba có nói chuyện chi hôn má.

Hai mẹ con lần lần đi nói ra gần chiếc tàu.

Hiển Vinh đứng trên tàu cứ lấy tay ngoắt hoài chớ không nói chi hết. Thành linh nghe tiếng chuông rung dưới tàu, rồi thấy người ta chen chỗ cái thang, giành nhau mà trở lên bờ. Cách chẳng bao lâu tàu thổi súp-lê nghe rên tai rồi mở dây. Tàu quạt máy nghe rầm rầm, hai ống khói thấy khói lên đen kịt. Thu Vân với Thu Cúc, mắt nhìn Hiển Vinh không dám nháy, nước mắt chảy có giọt theo gò má rồi hòa với nước mưa. Hiển Vinh đứng trên tàu cũng ngó vợ con trân trân, cặp mắt ướt dầm, nhưng sợ vợ con thấy nên không dám lấy khăn lau.

Tàu lần lần dang ra giữa sông, mỗi tiếng chân vịt quạt nước nó làm đau đốn Thu Vân cũng như nó quạt trong gan ruột. Tàu đứng sững ngay giữa sông rồi rề rề chạy tới. Thu Vân ngó theo thì thấy chồng cũng còn đứng chỗ đó mà ngoắt mình. Cô bủn rủn tay chon, chịu không nổi nữa, nên sập dù dầm mưa để ngó cho dễ. Thu Cúc cũng dầm mưa đứng ngoắt mà kêu "Ba" om sòm. Phía sau lưng họ vợ con của lính xuống đó đưa chồng, đưa cha cũng đều khóc hết thủy. Tàu chạy đã xa rồi, dòm không rõ người ở dưới tàu nữa, thiên hạ lần lần kéo nhau đi về.

Hai mẹ con Thu Vân che dù ngồi chồm hổm tại đó mà ngó theo hoài, không chịu về với họ. Tàu chạy khuất rồi, duy còn thấy khói bay xa xa mà thôi, mà Thu Vân cũng không về, ngồi tại đây mà trí ở dưới chiếc tàu, thấy mình đứng dựa một bên chồng, thấy chồng hun con, thấy con níu tay chồng, nghe chồng dặn ở nhà ráng nuôi con, nghe chồng chúc ở nhà mạnh giỏi, nghe biểu đi về kéo

lạnh, thấy chồng đưa tay mà ngoắt mình, tai cứ lóng nghe, mắt cứ ngó thấy hoài, nên đứng dậy mà đi về không được.

Thu Cúc thấy thiên hạ về hết rồi, duy còn có một cái xe kéo chờ đó mà thôi, nên ngó mẹ mà nói nhỏ nhỏ rằng:

– Thôi đi về má. Ba đi rồi mình còn ở đây làm gì? Mình về nhà chờ ba cũng được mà.

Thu Vân nghe tiếng con nói dường như tỉnh giấc mộng, nên vùng đứng dậy rồi dắt con đi lại xe. Đi mới được vài bước, cô ta lại đứng lại, ngó mông phía tàu chạy, lấy khăn lau nước mắt rồi thở ra. Thu Cúc thấy mẹ như thế thì cũng buồn nguyền trong lòng, nên đứng nắm tay mẹ không biểu về nữa. Mẹ con đứng ngó trước mặt thì thấy dưới sông mênh mông dòng nước, trên trời mù mịt vùng mây, người đã buồn mà cảnh lại thêm buồn, nước mênh mông đưa khách biệt ly, mây mịt mù che người lưu lạc...

Hai mẹ con nhìn cảnh và nhìn nhau mà khóc, khóc một hồi nữa rồi mới chịu lên xe về.

Hiển Vinh làm việc tại nhà thương Hải Phòng mấy năm nay mượn một căn phố trệt tại đường Bonnal ở với vợ con. Thu Vân dắt con về đến nhà thì đồng hồ đã gõ 3 giờ. Thằng Bảy về trước phụ với vú già dọn dẹp quét tước trong nhà, bởi vậy Thu Vân bước vô thì thấy bàn ghế đã sắp đặt chỗ nào để hốc nấy, chứ không còn lộn xộn như mấy bữa trước nữa. Trời lạnh quá nên mẹ con Thu Vân vô nhà rồi thì vú già đóng cửa lại liền.

Thu Vân nằm co trên ván, biểu vú già đi lấy mền đem ra đắp cho nàng. Thằng Bảy vắn đèn lên rồi đi ra nhà sau. Vú già cũng dắt Thu Cúc ra nhà sau thay quần thay áo. Thu Vân nằm lim dim, trong trí cứ tưởng tới chồng, thấy chồng đứng dưới tàu, thấy tàu lướt ra khơi rồi bị gió đập sóng dồi chổng mũi hụp lái, nghiêng qua lắc lại. Một giây lâu cô mở mắt ra nhìn trên bàn viết thì thấy mấy cuốn sách của chồng hay đọc còn sắp trên bàn, cái ghế ban đêm chồng hay ngồi viết cũng còn để đó, hình vật còn đây mà nhớ người đi vắng, thì chín chiều ruột thắt lã chã dòng châu. Chiều bữa ấy nàng không ăn cơm, làm cho Thu Cúc không vui nên cũng không ăn được.

Tối lại khí trời càng lạnh hơn lúc ban ngày. Thu Vân đắp mền nằm thêm thiếp rồi ngủ quên, chiêm bao thấy chồng về dặn rằng:

– Mình ở nhà mạnh giỏi, phải ráng mà dạy con, tôi đi vài ba năm tôi về, đừng có buồn.

Đồng hồ gõ 10 giờ, làm vỡ tan giấc mộng. Thu Vân thức dậy ngồi suy nghĩ rằng:

– Chồng mình vì mình nên phải lướt biển băng ngàn, mà lập chút công danh, đáng chuộc tội bất hiếu. Khi trước mình cảm cái tình của chồng rất nặng, rồi sau mình lại mang cái nghĩa của chồng rất dày, trót hơn 10 năm nay mình chưa hề trả được. Nay chồng mình muốn vẹn niềm phụ tử, muốn trọn đạo phu thê, nên bước chân ra đi, chẳng biểu mình làm việc chi khó, duy dặn mình đừng buồn rầu, phải ráng nuôi con chờ ngày sum hiệp, nếu mình nằm co mà khóc hoài thì té ra mình trái ý chồng mình lắm, thương chồng thì phải nghe lời chồng, chớ thương chồng mà trái ý chồng thì thương nỗi gì.

Thu Vân nghĩ như vậy nên lấy khăn lau nước mắt rồi kêu vú già biểu dọn cơm mình ăn. Thu Cúc đang nằm thiu thiu ngủ trong buồng nghe tiếng mẹ nói nên thức dậy chạy ra, rồi mẹ con ăn cơm với nhau, cũng như ngày thường, không buồn thảm nữa.

II.

Nặng chữ tình thuyền quyền thất tiết,
Nghiêm gia phong, nghịch tử ly hương.

Ông thầy thuốc Lê Hiển Vinh từ biệt vợ con xuống tàu sang qua Pháp quốc đây là con của ông cự hội đồng Lê Hiển Đạt ở Nha Môn thuộc tỉnh Sa Đéc.

Ông Lê Hiển Đạt là người tánh tình chân chánh, cư xử nghiêm nghị, bình sanh ông làm việc gì thì ông suy xét chín chắn rồi ông mới làm; mà hễ ông làm thì phải thành tựu được ông mới nghe, chớ ông không chịu vụt chạt, vui đâu chúc đó như thiên hạ. Khi còn trai, ông hay kén vợ, mà thiệt ông kén cũng giỏi, nên vợ chồng về ở với nhau tâm đầu ý hiệp, chẳng có đôi lứa nào bằng.

Ông cưới vợ 5 năm rồi mới sanh Lê Hiến Vinh rồi thôi, chớ không có đẻ lần nào nữa. Khi Hiến Vinh được 8 tuổi, bà đau sơ sài ít ngày rồi chết thành linh. Ông lẻ bạn buồn nảo vô cùng, mà sợ chấp nối không bằng người xưa, nên ông ở một mình nuôi con, không thèm cưới vợ khác.

Ông có một đứa con, nên ông cung lắm, nhưng cách cung con của ông chẳng phải con muốn vật gì ông cho vật ấy, con muốn nói sao ông nghe theo vậy như thiên hạ. Ông cung con mà lại nghiêm nghị với con, đêm ngày ông chỉ biểu đường ngay nẻo phải cho con, ông khuyên con phải ráng học cho giỏi đặng làm vinh hiển tông môn. Bữa nào con nói tiếng chi sái hay là con học bài quên, thì ông căng nằm dài mà đánh đòn, dầu ai năn nỉ cho mấy đi nữa ông cũng không dung thứ. Nhờ ông nghiêm trị như vậy, nên Lê Hiến Vinh mới 14 tuổi mà thi đậu vào trường lớn Mỹ Tho. Học ở Mỹ Tho mãn 2 năm rồi chàng mới lên trường Chasseloup Laubat. Ở Sài Gòn ông có quen ông phán Nguyễn Văn Kim, gốc ở Nha Môn, nên ông gởi gắm Hiến Vinh cho ông phán đặng mấy bữa chúa nhật Hiến Vinh ra chơi có chỗ ăn chỗ nghỉ.

Ông phán Kim lại còn quen một thầy cự thông ngôn tòa án Trà Vinh tên là Đoàn Thanh Bạch cũng có gởi ông một đứa cháu gái tên là Đoàn Thu Vân, tuổi cũng xấp xỉ với Lê Hiến Vinh đang học tại nhà trắng, chúa nhật ông phán Kim cũng rước ra chơi cho thông thả.

Vợ chồng ông phán Kim không có con, nên ông thấy Hiến Vinh tánh tình mềm mỏng ông thương. Còn bà thấy Thu Vân dung hạnh đoan trang bà mến.

Bởi vậy hễ chúa nhật có hai trẻ ra trường, thì ông thường hay dắt Hiến Vinh đi chơi. Còn bà ở nhà dạy Thu Vân hoặc vá may, hoặc làm bánh. Hiến Vinh với Thu Vân gặp nhau tại nhà ông phán trong mấy tháng đầu thì hơi bỡ ngỡ, bởi vậy tuy đến bữa cơm ngồi ăn chung với nhau một mâm, song ai giữ phận nấy, chẳng hề nói chuyện với nhau mà cũng chẳng hề dám ngó nhau cho chán chường.

Vợ chồng ông phán Kim thấy hai trẻ nhỏ đứa nào tánh nết cũng khít khao nên hai ông bà chẳng nghi ngại chi hết. Mỗi bữa chúa nhật hai trẻ gặp nhau hoài, cho đến bãi trường đứa nào về xứ

nấy mà cũng chưa quen với nhau. Chẳng hiểu trong lúc bãi trường ở nhà hai đứa nó đối trí thế nào, mà đến chừng khai trường chúng nó trở lên Sài Gòn gặp nhau lần đầu, thì Thu Vân lại chào Hiễn Vinh và hỏi thăm bác dưới nhà mạnh giỏi hay không, còn Hiễn Vinh mừng rỡ, thuật chuyện đi đường thấy tàu dụng ghe chìm cho Thu Vân nghe, hai đứa không bỏ ngỡ kiêng dè như trước.

Từ đó về sau, Hiễn Vinh và Thu Vân quen với nhau rồi mỗi bữa chúa nhật gặp nhau khi thì Thu Vân cậy Hiễn Vinh cắt nghĩa bài giùm cho cô làm, khi thì Hiễn Vinh cậy Thu Vân kết nút áo của chàng, song hai đứa cũng giữ gìn nghiêm nghị, đáng việc nói mới nói, phải chỗ cười mới cười, chớ chẳng bao giờ có tiếng lả loi, hoặc có mòi bất chánh.

Nhưng nếu ai để ý rình coi, thì ắt sẽ thấy bữa nào Hiễn Vinh ra nhà ông phán trước, mà Thu Vân chưa ra, thì chàng không chịu thay đổi quần áo. Chàng cứ ra vô trước cửa dòm chừng hễ thấy dạng Thu Vân ngồi xe kéo gần tới, thì mặt mày chàng tươi rói. Có khi ở nhà ông phán, chàng nằm dưới ghế đọc sách, nàng ngồi trên ván thêu khăn, một lát chàng che sách rồi liếc ngó trộm nàng, một lát nàng ngước mắt ngó ra đường, mà mỗi lần ngó ra đường thì nàng đều ngó chàng. Nhiều lúc hai mắt gặp nhau, thì cả hai đều dẩu mắt khác, coi có mòi thẹn thùa e lệ. Người thông hiểu tâm lý ái tình thấy cử chỉ của hai trẻ như vậy thì biết ngay rõ ràng lòng dạ của chúng. Nhưng vì vợ chồng ông phán già cả lại vô ý, nên không dè việc chi hết. Tuy vậy, hai trẻ dẫu thương nhau thì thương trộm, dẫu nhớ nhau thì nhớ thầm, chớ cũng chưa tỏ tình với nhau bao giờ.

Hiễn Vinh học trường Chasseloup Laubat đã hai năm rồi thi đậu lãnh bằng tốt nghiệp. Chàng chở ruong ra nhà ông phán Kim sửa soạn mà về, lại gặp Thu Vân cũng đem ruong ra đó.

Vợ chồng ông phán nghe Hiễn Vinh thi đậu mừng rỡ lảng xãng. Thu Vân nghe tin nàng cũng vui mừng. Song nàng ngồi mà ngó Hiễn Vinh chớ nàng không nói chi hết.

Ông phán hỏi Hiễn Vinh thi đậu rồi tính đi làm thông ngôn, ký lục hay làm thầy giáo? Chàng tỏ rằng cha của chàng đã nhứt định hễ chàng thi đậu rồi thì phải ra Hà Nội học trường thuốc thêm 4 năm nữa, chớ không chịu cho làm việc liền. Thu Vân nghe nói

như vậy chúm chím cười, coi bộ nàng đắc ý lắm. Sáng bữa sau, Hiến Vinh chở rương ra xe lửa mà về. Thu Vân cũng về cùng một ngày, song nàng để chàng đi rồi nàng mới đi sau.

Ra tới nhà ga hai đảng gặp nhau, tuy không hẹn trước mà Hiến Vinh cũng không lấy làm lạ. Thu Vân mượn Hiến Vinh mua giấy xe lửa giùm, rồi hai trẻ mới dắt lên xe, mỗi người ngồi một cái băng đầu mặt với nhau. Từ khi lên xe cho tới lúc xe lửa chạy, hai trẻ ít nói chuyện với nhau. Mà có nói thì nói chuyện qua loa, chớ không nói chuyện chi cao xa.

Xe chạy xuống tới Bến Lức rồi liệt máy không chạy được nữa. Thấy xếp ga phải đánh dây thép về Sài Gòn đăng kêu đầu máy khác xuống kéo.

Trong lúc xe nằm chờ, hành khách ngồi gần hai trẻ đều xuống đất đi chơi. Hiến Vinh với Thu Vân ngồi trên xe mới hỏi thăm việc nhà với nhau. Chừng ấy Thu Vân mới hay Hiến Vinh là con ông Lê Hiến Đạt, lúc đó đương làm nghị viên hội đồng quản hạt, nhà ở Nha Môn, có một cái lò gạch lớn, bán gạch ngói mỗi năm lời ba bốn ngàn đồng lại có ruộng đất nhiều, mỗi năm huê lợi tới năm sáu ngàn giả lúa. Mà cũng chừng ấy Hiến Vinh mới hay Thu Vân là con ông Đoàn Thu Long ở Tiểu Cần, thuộc tỉnh Trà Vinh, cha mẹ nàng đã khuất sớm, có để lại cho nàng hai ngàn đồng bạc. Chú của nàng là Đoàn Thanh Bạch, cựu thông ngôn tòa án, ở tại Ba Se, lãnh bạc giữ giùm và đem nàng về nuôi. Vả chú của nàng giàu lớn, có 5 người con trai mà không con gái, nên vợ chồng ông cung nàng, nuôi nàng làm con cho nàng đi học, thường nói ngày sau cũng chia cho nàng một phần ăn như mấy đứa con trai vậy.

Xe lửa ráp đầu khác chạy xuống tới Mỹ Tho, thì 10 giờ rưỡi rồi, tàu Sa Đéc còn đậu chờ hành khách, còn tàu Trà Vinh thì đã chạy trước bao giờ rồi... Thu Vân lấy làm bối rối không biết liệu lẽ nào. Hiến Vinh nghĩ nàng là phận gái, để nàng bơ vơ tại Mỹ Tho một mình tội nghiệp, nên chàng còn bần dùng thì tàu Sa Đéc mở dây chạy tuốt. Hai trẻ cùng thế phải vô khách sạn mượn mỗi đứa một căn phòng mà nghỉ chờ sáng bữa sau rồi sẽ hay.

Hiến Vinh là trai có tài, Thu Vân là gái có sắc. Hai đảng gần hai năm tuy không nói ra, song đã vắn vít mối tình trong lòng rồi.

Hôm nay gần gũi nhau nơi xứ lạ, không ai biết mình là ai, ăn chung với nhau, không dễ giữ nét dần lòng cho đặn, bởi vậy nhân cái cảnh ngộ ấy mà bày tỏ ý với nhau, rồi trong khoảng đêm vắng canh khuya, mới chỉ non thề biển, đón gió rước mưa, đến sáng bữa sau, lúc dắt nhau xuống tàu kẻ đi Sa Đéc, kẻ về Trà Vinh, thì cả hai đều bịn rịn băng khuâng đường như không muốn chia lìa nhau vậy.

Đến lúc khai trường, Hiễn Vinh lên Sài Gòn trước đăng lấy giấy tàu ra Hà Nội học trường thuốc. Bởi vậy chàng không gặp mặt Thu Vân được, chừng Thu Vân lên tới nhà ông phán nghe bà phán nói Hiễn Vinh đã đi Hà Nội cách nửa tháng trước rồi, thì nàng buồn dầu dầu. Hiễn Vinh ra Bắc Việt mà học, hễ trí rảnh rang thì thường nhớ gương mặt, bàn tay, giọng cười tiếng nói, bộ đứng tướng đi của Thu Vân hoài. Chàng thường ước nguyện thi đậu thầy thuốc rồi thì chàng sẽ thừa với cha đăng đi cưới Thu Vân cho chàng. Dầu có chỗ nào giàu có, xinh đẹp hơn nữa chàng cũng không màng.

Chàng học được hơn ba tháng, bữa nọ chàng tiếp được thơ của Thu Vân. Chàng đọc thơ mà nước mắt nhỏ giọt, mồ hôi ướt đầm. Vì trong thơ Thu Vân khóc và tỏ cho chàng biết rằng nàng đã có thai hơn 5 tháng, và nàng quyết tự vận mà chết, đừng khỏi nhục tông môn, khỏi bị chú rầy, và khỏi hổ người với thiên hạ. Hiễn Vinh tuy khóc, mà chàng không thêm suy nghĩ chi hết. Chàng đọc thơ rồi liền lấy giấy viết trả lời cho nàng. Chàng xin nàng tha lỗi chàng đã ép liễu nài hoa hôm nọ, nên ngày nay nàng phải xử tiết ô danh. Chàng thề với nàng rằng thế nào chàng cũng rửa danh dự cho nàng, thế nào chàng cũng làm cha đứa nhỏ trong bụng, chàng hứa với nàng rằng chàng sẽ viết thơ cho cha xin cha xuống Sa Đéc tỏ thiệt với ông Đoàn Thanh Bạch, rồi xin cưới nàng cho chàng. Chàng lại dặn nàng phải bỏ trường ra nhà ông phán Kim, tỏ thiệt cho ông phán bà phán biết, rồi xin ở lại đó mà chờ tin tức.

Chàng viết thơ cho nàng rồi, chàng viết luôn cho cha và cho ông phán Kim mỗi người một bức thơ, ý như lời chàng hứa với nàng. Cách hơn một tháng chàng tiếp được thơ của nàng nói rằng nàng đã ra ở tại nhà ông phán Kim rồi, vợ chồng ông phán cũng thương thân nàng, nên chẳng có lời nặng nhẹ chi hết. Cách hơn một tháng nữa chàng tiếp được một bức thơ khác của nàng tỏ rằng chẳng biết

cha của chàng có nói gì hay không, mà chú thím của nàng lên kiểm nàng rồi đánh chửi và cấm tuyệt không cho về nhà nữa.

Chú thím nàng lại liệng hai ngàn đồng bạc của cha nàng hồi trước mà trả cho nàng. Mỗi lần được thơ nàng thì Hiễn Vinh trả lời liền, và lần nào viết thơ cho nàng chàng cũng thề thốt sẽ làm cho vẹn về phận nam nhi, dầu thế nào chàng cũng cứu chữa danh dự của nàng, chàng khuyên nàng phải ráng chịu hổ ngươi ít tháng, đợi bãi trường chàng về rồi sẽ hay.

Chàng trông thơ của cha hết sức, mà từ ngày chàng tỏ việc Thu Vân thì chàng không được bức thư nào nữa hết, duy chỉ có mỗi tháng chàng được một cái măng-đa 10 đồng bạc mà thôi. Còn vài ba tháng nữa bãi trường thì chàng được tin nàng đã sanh một đứa con gái tại nhà Bảo sanh Chợ Lớn. Nàng đặt tên đứa nhỏ là Thu Ba. Cách ít ngày chàng được thơ của nàng nói nàng bệnh nên không có sữa cho con bú, nàng phải mượn vú nuôi con.

Người ta thường nói ngày qua tháng lại như thoi đưa mà Hiễn Vinh trông gần hột hơi mới tới bãi trường. Tàu vừa ghé bến Sài Gòn thì chàng lên xe chạy riết qua nhà ông phán Kim. Vợ chồng ông phán Kim thì mừng rỡ, còn Hiễn Vinh với Thu Vân thì người đứng dựa bên bàn, người ngồi trên góc ván mà khóc. Bi lụy một hồi rồi mới chịu lo tính, Hiễn Vinh bước lại bông con mà hun, bà phán thấy vậy mủi lòng nên bà ứa nước mắt. Hiễn Vinh bông con ngồi trên ghế và nói với Thu Vân trước mặt vợ chồng ông phán rằng:

– Tôi vẫn biết cha tôi nghiêm nghị lắm, hễ tôi làm việc chi trái đạo nghĩa thì không khi nào cha tôi dung thứ. Tôi về đây chắc là bị đòn.

Tuy vậy mà việc tôi làm thì tôi chịu, thà tôi chết chứ tôi thề quyết chẳng khi nào để cho người đàn bà vì tôi mà xử tiết ô danh.

"Qua nói đây có ông phán bà phán làm chứng cho qua dầu thế nào qua cũng phải chuộc cái lỗi của qua. Qua là người có học không lẽ qua khiếm nhục đến nỗi để cho phận em có con mà không chồng, còn con Thu Ba có mẹ mà không có cha đâu."

Thu Vân ngồi cúi đầu mà khóc không nói chi hết.

Hiễn Vinh về nhà, vừa bước vô tới cửa thì ông Lê Hiễn Đạt rút roi rượt đánh chửi om sòm rằng:

– Mày là quân mèo đang chó diêm thì ra ngoài chợ ở, không được phép vô nhà tao nữa, cái dòng của tao không có nhơ nhuốc như mày. Mày đừng có về đây mà lây tiếng xấu cho tao.

Hiển Vinh khóc lạy cha chùng nào, cha chàng càng đánh thêm chùng nấy, nên chàng muốn nói mà không nói được tiếng chi hết.

Ông đuổi xô chàng ra ngoài đường, rồi đóng cửa lại, không cho chàng vô. Chàng cùng thế phải đi lại nhà quen ở gần mà ở đậu. Người lối xóm ai thấy tánh ông hội đồng Đạt gắt gao cũng phiền, rồi thấy thân Hiển Vinh bối rối cũng thương, bởi vậy có người lại nhà ông hội đồng mà năn nỉ ông, nói rằng bắt bẻ đánh con sao lành, việc đã lỡ ra rồi còn rầy rà chi nữa; khi không mà có dâu, có cháu nội, cũng là có phước, chớ chấp kinh quá thì phải rẽ đôi lúa của trẻ nhỏ, đường ấy cũng tội nghiệp cho chúng nó lắm. Người ta nói như vậy thì đúng lý, nhưng vì tánh của ông hội đồng không nư tánh người khác, bởi vậy ông cự hẵn không chịu nghe, ông nói quyết rằng Hiển Vinh ngày nào còn học thì ông còn cho tiền hoài, song ông nhứt định dứt tình cha con, hể ông còn sống thì ông cấm tuyệt không cho Hiển Vinh thấy mặt ông nữa.

Hiển Vinh cậy đủ mặt bằng bối của ông nói giùm, mà ông cũng không xiêu lòng. Chàng lấy làm bối rối ưu phiền, một bên là thảo thân, một bên là danh dự chàng không biết liệu lẽ nào. Chàng suy nghĩ mấy ngày rồi rơi nước mắt mà trở lên Sài Gòn, thuật việc nhà cho vợ chồng ông phán với Thu Vân nghe.

Thu Vân đau lòng hết sức, song nàng giả vui cứ theo khuyên chàng chẳng nên vì nàng mà lỗi đạo làm con. Nàng nói rằng phận nàng cô cút, dầu xấu hay tốt hay là chết sống cũng chẳng quan hệ chi, chớ phận chàng có một cha già, nếu làm trái ý cha thì tội ắt lớn lắm. Hiển Vinh đáp rằng đã biết làm con mà nghịch cha thì là trọng tội, nhưng bây giờ cha đã giận rồi cha đã cấm tuyệt không cho thấy mặt nữa, vậy thì chàng phải nhắm mắt đưa chon mà bước trong đường đời, để coi tạo hóa khiến thân phận chàng ra thế nào, chớ chàng không có thể lìa nàng và con Thu Ba được.

Tối lại, ông phán bà phán ngủ hết, chị vú tên là Hai Thành đỡ con Thu Ba ngủ trong buồng. Hiển Vinh với Thu Vân nằm trên bộ ván phía trước nói chuyện với nhau. Chàng tính đem nàng ra

Bắc Việt mà ở với chàng, còn nàng thì cứ khuyên chàng phải bỏ mẹ con nàngặng đặng khỏi nghịch ý cha nữa.

Nói chuyện đến khuya, chàng mơn mõi ngủ quên. Nàng lén ngồi dậy mở cửa đi ra ngoài. Chàng nghe mở cửa một cái kẹt, lật đật ngóc đầu mà dòm. Chàng thấy nàng đứng dưới gốc me, rút sợi dây lung ra ngậm miệng rồi nhắm nhĩa muốn leo lên cây me. Chàng biết nàng tính tự vận nên lật đật xô cửa chạy ra. Nàng thấy việc đã lậu rồi nên đứng khựng mà khóc. Chàng hỏi nàng muốn làm việc gì vậy. Nàng khóc tỏ thiệt rằng nàng muốn chết phứt cho rồi, đặng chàng khỏi mang tội thất hiếu.

Hiển Vinh đứng vịn vai nàng mà khóc, chàng biết lòng dạ nàng chùng nào, càng kính trọng nàng chùng nấy.

Chàng phải khuyên giải nàng hết sức, nàng mới bỏ không tính chuyện tự vận nữa.

Lụi hụi không bao lâu kế tới ngày khai trường, Hiển Vinh sửa soạn đem vợ con đi ra Bắc, chị Hai Thành cũng sẵn lòng đi theo Thu Vân. Nhờ có hai ngàn đồng bạc của chú nàng trả lại đó nên nàng khỏi đói lạnh.

Giấy tàu mua xong rồi thì con Thu Ba lại đau ban nên xuống tàu không tiện. Thu Vân tính ở lại chờ con mạnh rồi mẹ con sẽ ra sau. Hiển Vinh sợ nàng ở lại buồn rầu rồi nàng tự vận nữa, nên chàng không chịu cứ nài nỉ biểu nàng phải đi một lượt. Vợ chồng ông phán chịu lãnh chị vú với con Thu Ba, chùng nào con Thu Ba mạnh rồi ông sẽ mua giấy tàu giùm cho chị vú đem ra sau.

Hiển Vinh gửi bạc lại cho ông phán rồi vợ chồng từ giã con xuống tàu ra Bắc. Chàng tới Hà Nội rồi đánh dây thép cho ông phán hỏi thăm con Thu Ba đã mạnh hay chưa, ông phán trả lời nó đã mạnh rồi, có lẽ kỳ tàu sau ra được.

Đến kỳ tàu sau, Hiển Vinh xuống Hải Phòng đón rước, thì không có chị vú. Chàng đánh dây thép hỏi ông phán thì ông không trả lời. Chàng nóng nảy, lớp đánh dây thép, lớp gửi thơ, đón hai ba kỳ tàu mà không thấy chi hết.

Hiển Vinh viết thơ cho người bạn học cũ cậy lại nhà ông phán Kim hỏi thăm giùm. Cách ít ngày người ấy trả lời, nói rằng vợ chồng

ông phán trong ba ngày mà chết hết, còn chị vú không biết đâu. Vợ chồng Hiển Vinh khóc mà chịu.

Đến bãi trường, Hiển Vinh để Thu Vân ở lại Hà Nội, còn chàng về Sài Gòn trước thăm cha, sau tìm con luôn thể. Chàng tìm con không được, mà cũng không về nhà cha được. Chàng trở ra vợ chồng rất buồn. May trong ít tháng sau Thu Vân sanh được một đứa con gái nữa, đặt tên là Thu Cúc, nên vợ chồng mới khuây lãng được chút đỉnh.

Hiển Vinh mỗi tháng đều được một cái măng-đa 10 đồng bạc. Mỗi tháng chàng đều có viết thư về thăm cha, song chẳng hề được thư của cha bao giờ. Khi học đủ 4 năm thi đậu thầy thuốc rồi, Hiển Vinh về thăm cha, tưởng cha đã nguôi ngoai hết giận chẳng dè về đến nhà cha lại đánh đuổi nữa. Hiển Vinh buồn ý trở ra Hà Nội, xin bỏ làm thầy thuốc ngoài Bắc rồi vợ chồng hăm hút ở xứ người, không dám léo về Nam nữa.

Đến năm 1917, con Thu Cúc được 12 tuổi, bề trên mới sai Hiển Vinh đi qua Pháp giúp trong mấy dưỡng đường trị bệnh cho lính và thợ. Hiển Vinh dự dự không muốn đi. Thu Vân khuyên chồng thừa dịp ấy qua Pháp quốc học thêm lấy cho được bằng bác sĩ, may ra cha vui lòng hết giận hờn nữa.

Hiển Vinh nghĩ vợ có vốn liếng vài ngàn dẫu mình có đi vợ ở nhà cũng chẳng hại gì, nên chàng mới chịu đi quyết lập công danh dặng chuộc tội thất hiếu. Bởi duyên có như vậy nên mẹ con Thu Vân mới đưa Hiển Vinh xuống chiếc tàu "Hải Phòng" mà đi Tây đó.

III.

Nghe chồng mất, vợ hiền lo đáp nghĩa,
Thương con thơ, mẹ yếu phải hồi hương.

Trời chưa tối, nhưng vì mưa tuôn lác đác, gió thổi lao xao, khí trời lạnh lẽo, nên Đoàn Thu Vân biểu vú già đóng cửa rồi nhúm một lò lửa để cho ấm trong nhà.

Thu Cúc vận đèn lên rồi lại ngồi học nơi bàn viết của cha. Thu Vân nằm trên ván gân đó, tai nghe con học mà trí lại nhớ chồng.

Cách một hồi lâu Thu Vân nghe có tiếng giày bước vô cửa, kè nghe tiếng gõ cửa cộp cộp.

Nàng hỏi:

– Ai đó?

Ở ngoài có tiếng trả lời: "Thor".

Thu Cúc lật đật chạy lại mở cửa. Có một người thò tay vô mà đưa một phong thơ rồi bỏ đi liền. Thu Cúc một tay khép cửa, còn một tay đưa thơ lên coi và nói rằng:

– Úy! Thơ của ba gởi về má à! Chữ của ba đây, mà con dấu đóng ở Sài Gòn.

Thu Vân lồm cồm ngồi dậy đưa tay ra, có ý biểu con trao thơ cho mình coi.

Nàng xem ngoài bao, thiệt quả chữ của chồng. Nàng chúm chím cười rồi xé bao rất kỹ lưỡng và rút thơ ra xem.

Trên tàu "Hải Phòng", ngày 30-12-1917

Em ôi,

Hồi sớm mai này tàu vô tới Sài Gòn. Kỳ tàu trước qua đã có viết thơ cho cha mà tỏ việc qua đi Tây, và xin cha lên đón tàuặng cho qua thăm một chút, vì tàu không đậu lâu nên qua về Nha Môn không kịp. Qua chờ đến trưa mà không thấy cha xuống tàu. Buổi chiều này qua đi coi sổ mấy nhà khách sạn hết thấy, cũng không thấy chỗ nào có biên tên họ của cha. Ấy vậy thì đủ biết đến ngày nay cha cũng chưa hết giận.

Em ôi! Qua xét phận qua, thiệt qua mang chữ bất hiếu oan lấm. Qua giữ cho trọn cái danh dự của nam nhi của qua, chớ qua có làm nhục nhả tông môn chỗ nào đâu mà cha giận nên cha đành bỏ qua. Cha với qua mà xa nhau, ấy là tại mỗi người hiểu nghĩa danh dự một cách riêng. Theo ý cha thì phận làm trai chùng tính lập gia thất, phải chờ cha mẹ kiếm chỗ rồi cậ mai đến nói mà cưới cho đủ lễ, nếu chẳng làm như vậy thì là xấu hổ cho cha mẹ. Còn theo qua thì phận làm trai nếu rủi bị tơ tình vương vấn, mà làm cho hư danh tiết một người đàn bà, thì dầu thế nào cũng phải đền lại cái danh tiết của người ta, nếu không làm như vậy thì mình là

bọm bãi chó không phải học trò. Tuy qua không dám nghị luận tánh ý của cha, song trong trí qua đoán chắc rằng qua không có lỗi.

Ví dầu đôi ta ân ái với nhau một giây lát không có thai nghén chi, rồi qua bỏ em, qua cũng còn mất danh dự thay, huống chi em đã lỡ có con, nếu qua bỏ em thì qua phải mang tội làm cho nhơ danh một người đàn bà, rồi lại mang tội làm cho đứa nhỏ không có cha nữa thế thì qua làm sao dặng.

Ồi thôi, vì qua buồn nên qua nhắc chuyện cũ cho hả hơi một chút, chó không phải qua ăn năn việc của qua đã làm dẫu. Cái tội thất hiếu của qua thì qua xin cây Phật Trời soi xét. Dầu cha không thương đi nữa, đôi ta cứ giữ một lòng kính trọng cha luôn.

Qua chắc một ngày kia Phật Trời cũng xui khiến lòng cha tự hối mà hết giận đôi ta nữa.

Em ơi! Vì qua xét lời em khuyên phải, nên qua mới ra đi đây. Vậy em ở nhà em phải thế cho qua coi chừng cho con nó học.

Mỗi tháng qua gởi cho em phân nửa số lương để tiêu dùng, còn vốn của em thì em để hậu thân, đừng có ham lời cho vay cho nợ mà khó lòng.

Em cứ ở đấy chờ qua, chó đừng có về Sài Gòn. Ở nhà nếu có chuyện chi bối rối thì em cậy thầy ba Thiện tính giùm cho. Qua đi đến đâu sẽ gởi thơ đến đấy cho em hay.

Thu Cúc con ơi! Con phải ráng học nghe hôn, nhứt là con phải làm vui lòng má con luôn luôn, nếu ba hay con trái ý má con thì ba buồn lắm dā. Ba gởi hun con một ngàn cái.

LÊ HIỂN VINH

Thu Vân đọc thơ chồng thì ứa nước mắt, nhưng vì có con đứng gần đó nên nàng phải gượng làm khuây, không nỡ khóc.

Con Thu Cúc đợi mẹ đọc thơ rồi nó mới lấy mà đọc. Chùng đọc rồi nó đút vô bao tử tế trả lại cho mẹ, rồi đi lại bàn viết ngòi chống tay lên trán, mắt ngó trong sách mà trí lại nghĩ đến chuyện của cha.

Thu Vân kéo gối mà nằm, tay cầm phong thơ, tay gác qua trán suy nghĩ. Trong nhà im lìm, duy có đồng hồ treo trên vách tiếng nghe lắc cắc mà thôi. Thành linh con Thu Cúc hỏi mẹ rằng:

– Sao mà ông nội giận ba hoài vậy má?

– Con hỏi làm chi?

– Thấy ba viết thơ nên con hỏi cho biết.

Thu Vân thở ra đáp rằng:

– Tại ba con... ở với má, nên ông nội con giận.

– Ông nội có giận má không?

– Giận chứ.

– Từ hồi trước tới bây giờ má có gặp ông nội lần nào không?

– Không.

– Không có gặp mà sao ông nội giận?

– Tại ba con ở với má, mà ông nội con không có cưới, ông nội con nói má là đồ hư, nên ông nội con giận.

– Hư giống gì! Tại má không về cho ông nội ngó thấy nên ông nội giận chứ gì. Ông nội già không má?

– Năm nay đã sáu mươi một hay là sáu mươi hai tuổi gì đó rồi.

– Phải mà ba má dắt con về ông nội, con ngoáy trâu cho ông nội ăn, con bung nước cho ông uống, trong ít bữa thì chắc ông nội hết giận. Má biết nhà ông nội hôn?

– Không.

– Để chừng ba về con nói với ba dắt con về ông nội, đừng thăm ông nội cho biết.

Thu Vân nghe con nói như vậy thì tức cười nên day qua ngó con rồi nói rằng:

– Con léo về đó ông nội đánh nút dít chứ; rất đổi ba con kia còn phải đòn hết dăm về nữa thay.

– Không đánh đâu, ông nội thương con lắm. Lâu lâu con thấy ba viết thơ gởi cho ông Lê Hiển Đạt ở Nha Môn, Sa Đéc, phải ông nội đó hôn má?

– Phải.

– Sao ba viết thơ thăm ông nội hoài, mà không viết thơ cho bà nội?

– Bà nội con còn đâu mà viết.

– Chết rồi hả má?

– Ừ.

– Một lần má nói ông ngoại, bà ngoại chết hết, té ra bà nội chết nữa.

– Thôi, con lo học bài đi rồi ngủ đặng sáng đi học.

Thu Cúc nghe mẹ biểu liền cúi xuống học bài.

Thu Vân gỡ bức thơ của chồng ra xem nữa.

Đồng hồ gõ 8 giờ. Thu Cúc xếp sách vở rồi vô mừng ngủ. Thu Vân xếp bức thơ bỏ vào túi rồi cũng tắt đèn đi ngủ với con. Con mới vô mừng một lát thì đã ngủ khò, còn mẹ nằm lim dim tính việc này, nhớ chuyện nọ, nên ngủ không được.

Đến 11 giờ, Thu Vân ngồi dậy, rồi bước ra ngoài. Nàng vắn đèn lên đọc thơ nữa; đọc một hồi rồi nàng lấy giấy viết thơ cho chồng:

Hải Phòng ngày 6 tháng giêng năm 1918

Anh ôi,

Em mới tiếp được thơ của anh, em hay tin anh đi đường bình an em mừng lắm.

Từ ngày anh xuống tàu đi rồi mẹ con em ở nhà cũng vô sự; con Thu Cúc tuy nhắc anh hoài, song nó cũng siêng học như thường.

Em xin anh để trí thông thả lo lập chút công danh đặng cha vui lòng hoặc may hết giận đôi ta nữa. Anh chẳng nên buồn về tánh ý của cha mà thêm lỗi, mà cũng chẳng nên lo cho thân phận của em mà nhọc lòng.

Em đã nói với anh rằng anh đã lấy tư cách quân tử mà cứu danh dự cho em thì tự nhiên em phải lo làm cho tròn đạo vợ. Xin anh đừng lo chi hết.

Kính chúc anh lộ trình êm sóng, đáo xứ bình an.

Thu Vân

Thu Vân viết thơ rồi nàng không biết chàng đi tới đâu mà gởi thơ theo, bởi vậy nàng ngồi bàng hoàng một hồi rồi xếp bức thơ mới viết đó mà đút chung với bức thơ của chồng.

Cách chừng 10 bữa nữa nàng tiếp được một tấm "Carte postale" của Hiến Vinh gởi về. Coi con dấu thì biết gởi tại Singapour.

Nửa tháng sau, nàng lại tiếp được một tấm "Carte postale" khác gửi tại Colombo.

Nàng được tấm "Carte postale" sau này hồi 10 sớm mai, nàng còn ngồi xem hình và nhìn chữ của chồng, thành linh có một cái xe ngừng ngay cửa, nàng vừa ngược mặt ngó ra thấy thầy ba Thiện là người bạn thiết của chồng ở trên xe nhảy xuống, rồi xăm xăm đi vô nhà.

Thu Vân được tin của chồng đương mừng, kể thấy người bạn của chồng tới nhà, có ý muốn đem tin lành ấy mà khoe, nên thầy ba Thiện vừa bước vô cửa thì nàng liền nói rằng:

– Thầy Ba, tôi mới được "Carte postale" của ông thầy thuốc đây, ông gửi tại Colombo. Chắc bữa nay ông khỏi Port Said rồi.

Thầy ba Thiện đứng khựng tại cửa châu mày mà hỏi rằng:

– Từ hồi sớm mai tới giờ chị có nghe việc chi không?

– Việc chi? Tôi có nghe việc chi đâu!

– Chiếc tàu "Hải Phòng" đi qua Địa Trung Hải bị tàu lặn Đức bắn chìm rồi.

– Húy! Trời ơi! Thiệt như vậy hay sao? Ai nói với thầy đó?

– Có dây thép đánh cho Chánh phủ hồi hôm. Từ hồi sớm mai cho tới bây giờ ai cũng đều hay biết, ông chủ tôi nói lại cho tôi hay, nên tôi lật đật chạy lại đây.

– Nếu vậy chồng tôi chết rồi còn gì!...

Thu Vân ngồi khoanh tay trên ván mà khóc dầm.

Thầy ba Thiện kéo ghế mà ngồi, mặt có vẻ buồn, song không nói chi hết.

Thu Vân khóc một hồi rồi hỏi rằng:

– Tàu chìm nhưng thầy có nghe nói có chiếc tàu nào vớt giùm hành khách hay không?

Thầy ba Thiện nhăn mặt lắc đầu đáp rằng:

– Dây thép nói rõ lắm, nói chiếc "Hải Phòng" bị bắn trong lúc ban đêm, mà lại trời đông mưa, bởi vậy không có tàu nào cứu kịp. Chiếc "Hải Phòng" chìm, mất tích từ ban tàu tới hành khách cộng hơn 500 người, đều chết ráo, không sót một người nào.

Thu Vân than khóc nữa. Con Thu Cúc đi học về, vừa bước vô cửa, thấy mẹ ngồi khóc kể rầm ra rầm rít nó không hiểu có việc chi, nên đứng khựng lại mà ngó, Thu Vân kéo con lại ôm trong lòng rồi khóc và nói rằng:

— Cha con chết rồi, con ơi! Tàu lặn Đức bắn chiếc "Hải Phòng" chìm, nên cha con chết rồi. Thôi mẹ cũng chết cho rảnh, chớ sống mà làm gì!

Thu Cúc thấy mẹ khóc cũng khóc theo, song thấy ba Thiện liếc ngó nó thì thấy mặt nó không buồn lắm, dường như nó không tin lời mẹ nó vừa nói.

Thầy ba Thiện muốn an ủi Thu Vân nên kiếm lời nói rằng:

— Tuy dây thép nói như vậy, song mình cũng chẳng vội tin lắm. Vậy xin chị hãy bớt buồn rầu, để chờ ít ngày nghe lại cho rõ rồi mới dám chắc. Không biết chừng ở bến họ mới nghe thấp thỏm, rồi họ đánh dây thép nói buống như vậy; tàu nào bị bắn cũng có vớt được hành khách, có lý nào chiếc "Hải Phòng" chìm mà người dưới tàu lại chết hết đi.

Thầy nói như vậy rồi từ giã mà về.

Thu Vân biết lời của thầy ba Thiện luận đó là hữu lý, nhưng nàng cũng không bớt buồn rầu được. Nàng cứ nằm khóc hoài, buổi chiều biểu con ở nhà, không cho đi học nữa. Sáng bữa sau nàng sai thằng Bầy đi mua các thứ nhật báo Tây, Nam mới xuất bản đem về cho nàng đọc. Tờ báo nào cũng đều nói chiếc "Hải Phòng" bị tàu lặn bắn chìm trong Địa Trung Hải, hết thấy người trong tàu đều chết chìm không còn sót một người nào.

Tuy Thu Vân chắc chồng đã chết chìm rồi song đêm nào nàng cũng vái thăm trời đất phò hộ cho tánh mạng chồng nàng được vãng vàng, khiến xui trong đêm bi thảm giữa biển ấy có một chiếc tàu vớt chồng nàng, chớ nếu chồng nàng chết thì chẳng những là mẹ con nàng bơ vơ, mà bên chồng nàng lại phải tuyệt hậu nữa.

Nàng vái van rồi trông đợi tin chồng. Nàng trông cho đến một tháng rưỡi mà không tiếp được thư của chồng, lại có ông quan năm mời nàng đến mà cho hay rằng thầy thuốc Lê Hiễn Vinh thấp tùng chiếc tàu "Hải Phòng" bị tàu lặn bắn chìm, nên biệt tin.

Nàng hết trông đợi nữa được. Nàng bèn nấu một mâm cơm cúng chồng, rồi mẹ con xé vải may tang phục mà mặc.

Cách vài bữa có thầy ba Thiện đến thăm. Thấy thấy nàng buồn thì kiếm lời khuyên giải, rồi hỏi nàng bây giờ nàng tính về xứ hay là ở đây kiếm phương thế làm ăn.

Thu Vân đáp rằng:

– Khi ông thầy thuốc ra đi ông căn dặn tôi phải nương nấu ở đây mà chờ ông. Ngày nay chẳng may ông đã khuất rồi, tôi chẳng còn trông mong chi nữa.

Nhưng trước khi tôi theo chồng tôi xuống cửu tuyền tôi phải đáp nghĩa cho chồng tôi xong rồi mới chết. Thấy là bạn thiết của chồng tôi, chắc thầy cũng đã rõ biết chồng tôi vì tôi mà nghịch ý cha. Cũng vì chuyện ấy nên chồng tôi mới đi Tây mà bỏ mạng đây.

Vậy bây giờ tôi phải làm thế nào cho con nhỏ của tôi nó được gần ông nội nó, làm thế nào cho ông nội nó bớt giận cha nó và đem lòng thương nó rồi tôi sẽ chết.

Thầy ba Thiện gật đầu nói rằng:

– Mấy lời chị nói, tôi kính phục lắm. Song tôi xin chị đừng có chết theo chồng. Chết chi vậy? Bây giờ anh đã khuất rồi chị phải sống mà nuôi con chớ.

Thu Vân đáp rằng:

– Nếu ông nội nó chịu nuôi rồi, thì có tôi nữa cũng không ích gì.

– Dầu không ích, chớ cũng không hại.

– Hại lắm chớ! Nếu có tôi thì ông nội nó nhớ việc xưa hoài, làm sao cho ông nguôi cái giận của ông được.

– Theo ý tôi, hễ chị chết thì chị có lỗi với anh lắm.

– Lỗi chỗ nào? Chồng tôi vì danh dự của tôi mà phải lỗi đạo cha con rồi đến đổi phải táng mạng nữa. Bây giờ tôi đành tham sống mà không lo trả nghĩa cho chồng tôi hay sao?

Thầy ba Thiện thấy Thu Vân đã quyết chí, thầy không dám cãi nữa, nên thầy lắc đầu chịu thua.

Thu Vân có cho vay tiền ngày tiền tháng nên nàng phải ở nán lại mà đòi, nhưng vì nàng buồn rầu quá nên đòi tiền chưa rồi mà

nàng đã nhuộm bình, da mặt vàng ẻo, hình dạng ốm nhách. Nàng sợ chết ở xứ người, con không thể gặp mặt ông nội được, nên nàng bươn bả bán đồ đạc, tom góp tiền bạc được một ngàn rưỡi đồng rồi định thắp tùng chiếc tàu "Orénoque" mà về Sài Gòn.

Thầy ba Thiện thấy nàng bệnh nhiều, sợ đi đường sợ không kham, nên thầy theo can gián xin nàng ở nán lại uống thuốc cho mạnh rồi sẽ đi. Nàng vì sợ chết nên không chịu nghe, túng thế thầy phải chiều lòng mua giấy tàu giùm rồi đưa mẹ con nàng xuống tàu.

IV.

Sắp tới nhà, toan lo kế sách,
Gặp người cũ, vội hỏi con thơ.

T Trời biển mênh mông, gió trắng man mác. Giữa lòng trời trắng treo gương vặc vặc, trên mặt biển gió thổi sóng lao xao; trăng dọi nước vàng, nước chào trăng lổ xổ.

Chiếc tàu "Orénoque" chỉ mũi hướng nam mà chạy, rượt trắng tách nước, lướt gió tuôn sương. Lối 12 giờ khuya, bạn tàu với hành khách đều an giấc, duy về phía sau lại có hai người Tây còn nằm trên ghế nói chuyện với tiếng chân vịt quạt quạt ùng ùng hoài mà thôi.

Mẹ con Thu Vân trải chiếu nằm trên "boong" đắp mền mà ngủ. Thu Cúc ngủ được một giấc rồi mở mắt ra thấy mẹ đầu choàng khăn, mình mặc áo lạnh, chon quẩn mền nỉ đương ngồi khoanh tay ngó ra biển. Nó lần lần ngồi dậy hỏi mẹ:

– Má chưa ngủ sao?

– Chưa.

– Bữa nay má còn mệt nữa hay không?

– Bữa nay má bớt mệt, mà trong mình bản thân đã đuối và ớn lạnh quá. Sao con không ngủ đi, mới nửa đêm con thức dậy làm chi?

Thu Cúc lặng thinh không trả lời, Thu Vân hỏi như vậy rồi cũng bỏ qua, cách một hồi lâu, Thu Cúc lại hỏi:

– Mình về Sài Gòn rồi tìm đến nhà ông nội mà ở hay là đi đâu má.

Thu Vân day qua ngó con, ứa nước mắt mà nói rằng:

– Phải đành liêu về nhà ông nội con chớ biết đi đâu bây giờ.

Thu Vân ngừng một hồi rồi nói tiếp:

– Này con, con còn nhỏ dại, lẽ thì má không nói việc nhà cho con biết. Ngặt vì cha con đã mất rồi má thì bịnh hoạn không biết chết bữa nào. Vậy má phải nói chuyện gia đạo của mình cho con rõ, đừng phòng khi má chết thành linh thì con biết bà con bên nội, bên ngoại mà tìm. Bà con bên má chẳng có ai đông, duy có một người chú ruột tên là Đoàn Thanh Bạch ở Ba Se, thuộc tỉnh Trà Vinh.

Còn phía bên nội của con thì có một ông nội con, tên là Lê Hiển Đạt ở Nha Môn, thuộc tỉnh Sa Đéc, hồi trước có làm hội đồng. Ông nội con giàu có lớn, có ruộng đất, có lò gạch, ông sanh có một mình ba con đó mà thôi, chớ không có con nào khác. Bà con hai bên có bao nhiêu đó, con phải ráng mà nhớ.

Thuở nay má tuy có chú, ba con tuy có cha, mà cũng như không, bởi vì ba với má hồi trước gặp nhau, hai bên đều ghét hết thảy. Chú của má thì từ má, còn ông nội của con thì từ ba con, nên ba con không biết chú của má là ai, má cũng chưa gặp mặt ông nội con lần nào. Chớ chi ba con mạnh giỏi, thì chẳng nói làm chi, ngặt vì ba con mất rồi vậy nên má tính đem con về cho ông nội con, đừng như rủi má có chết thì con có chỗ mà nương nhờ, và ông nội con cũng có chút cháu hủ hỉ.

Ông nội ghét ba với má lắm, quyết định không cho ba với má thấy mặt. Vậy má tính về tới Nha Môn, má với con phải giấu giếm, đừng nói thiệt là con cháu chi hết, phải lập thế làm tôi tớ lân la dò tình ý, chừng nào ông nội con hết giận rồi sẽ tỏ thiệt chớ không nên nói liền.

Má còn nói cho con biết việc này nữa; con có một người chị tên là Thu Ba, lớn hơn con một tuổi.

Hồi nó mới được bốn năm tháng thì ba với má lạc mất nó, mười mấy năm nay nó biệt tích không biết đâu mà tìm. Bây giờ về tới Sài Gòn má sẽ lo hỏi thăm tin tức của chị con. Còn phận con thì phải nhớ con có một chị, đừng ngày sau may gặp nhau con hiểu mà nhìn. Hồi nhỏ nó giống con lắm, bây giờ lớn chắc nó còn giống

nhiều hơn nữa. Má có khai sanh của nó trong ruộng song ba con chưa nhìn nó được.

Lúc Thu Vân nói Thu Cúc ngồi chăm chỉ lóng tai nghe. Chùng mẹ nói dứt lời, nó liền cúi mặt xuống mà nói rằng:

– Má lo việc nhà làm chi. Má lo đây rồi má mệt nữa đã.

– Việc nhà của mình con đã biết rõ hết.

– Sao con biết? Ai nói với con?

– Ba nói.

– Nói hồi nào?

– Hồi ba gần đi Tây. Chiều chiều ba dắt con đi chơi, ba nói rõ hết.

– Ba con nói như thế nào?

– Ba cũng nói như má mới nói đó vậy. Mà ba lại có nói rằng tuy ba cưới má ông nội không chịu song sau ba có làm hôn thú rành rẽ rồi.

Còn phận con thì ba có khai sanh hẳn hoi, duy có một mình chị Thu Ba hồi để không có ba, sau lạc mất nên ba chưa nhìn chị làm con được. Ba dặn nếu rủi ba chết con phải khuyên má dắt con về ông nội đừng con nhìn. Ví dầu ông nội không chịu nhìn con thì chùng ông trăm tuổi già, con phải đem khai sanh ra đối chiếu mà lãnh gia tài, chớ đừng để cho người dung ăn uống. Ba lại còn dặn chùng nào con khôn lớn, hễ gặp ai lớn hơn con một tuổi mà mặt mày hoặc bộ tướng giống con thì con phải hỏi thăm gốc gác coi có phải chị Thu Ba hay không. Nếu phải thì con phải nhìn.

Như chị ấy nghèo thì con phải nuôi chị, vì chị lạc mất từ hồi nhỏ, chắc là chị cực khổ lắm, nếu con ăn gia tài của ông nội mà không ngó ngàng đến chị thì tội nghiệp cho chị lắm.

– Ba con có dặn mấy việc đó hay sao?

– Thưa có.

Thu Vân ngồi ngẫm nghĩ một hồi rồi lấy vạt áo lau nước mắt mà nói rằng:

– Ba con lo xa quá. Sao mà biết chết nên dặn như vậy!... Mà má nghĩ người ở đời phải lấy tình nghĩa làm trọng, chớ tiền của mà

sá gì. Má muốn sao ông nội con vì tình máu thịt mà thương con nên nhìn con, chứ má không muốn dùng luật pháp mà giành gia tài của ông nội con.

Vậy má tính về tới Nha Môn, má với con phải giả dạng kẻ nghèo khổ rồi lập thế vô ở đợ với ông nội con.

Hễ vô được trong nhà rồi thì con phải ăn ở cho khéo léo, phải làm thế nào cho ông nội con đem lòng thương con.

Mà má biết trong mình má bệnh lắm sợ má sống không được tới ngày ông nội con thương con, vậy nói cùng mà nghe, nếu rủi má có nhắm mắt theo ba con đi nữa, thì con phải nhớ mấy lời má mới dặn đây mà làm, nghe không con.

Con Thu Cúc cười mà đáp rằng:

– Má cứ nói chuyện chết hoài! Má chết rồi con làm sao nhìn chị Thu Ba cho được. Con có biết chị ấy đâu! Má vui vẻ đặng trong mình khỏe khoắn mà dắt con về ông nội chứ. Má đừng lo, hễ con gặp ông nội con nói chuyện thì ông nội thương con liền.

Thu Vân nghe con nói như vậy nàng cũng cười, rồi mẹ con nằm xuống mà ngủ.

Thu Cúc tánh ham vui, chưa biết lo, nên hễ nằm xuống thì ngủ liền, còn Thu Vân phần thì thương vì nỗi chồng, phần thì lo nỗi con, trong trí không an, nên nằm thao thức cho đến sáng mà ngủ cũng chưa được.

Tàu "Orénoque" tới bến Sài Gòn vào 4 giờ chiều.

Thu Vân trong mình nóng nóng lạnh lạnh song phải gượng gạo muốn cu li vác rương lên bờ rồi kêu một cái xe kiếng chở rương qua chợ Bến Thành, tính lên nhà ngủ "Lục Tỉnh" mà ở đờ. Xe chạy qua gần khỏi cầu Khánh Hội, Thu Vân bỗng thấy ba người đàn ông với một người đàn bà đương ngồi tại đầu cầu. Nàng quay đầu lại mà nhìn rồi kêu người đánh xe bảo ngừng xe lại. Xe đương xuống dốc cầu bị trón, ngừng không được, nên phải chạy luôn gần hết dốc rồi mới ngừng. Thu Vân bèn biểu người đánh xe ngoắt kêu người đàn bà ngồi trên đầu cầu hồi nãy. Người đàn bà ấy đi lại, ba người đàn ông cũng đi theo sau. Khi họ đi gần tới xe, thì thấy người đàn bà

tuổi chừng 40, miệng rộng, da đen, đầu choàng một chiếc khăn vải rằn, mình mặc một cái áo bà ba, vải đen và một cái quần vải đen cũ.

Chùng người ấy tới, Thu Vân mới ló đầu ra mà hỏi rằng:

– Xin chị cho phép tôi hỏi thăm một việc. Tôi nhớ mày mại chị là chị Hai Thành, không biết có phải hay không?

Người đàn bà ấy chùng húng đứng nhìn Thu Vân trân trân rồi cười và đáp rằng:

– Phải, tôi là Hai Thành. Xin lỗi cô, không biết cô ở đâu, tôi quên.

Thu Vân vừa nghe người ấy xưng mình là Hai Thành, thì nàng vội vã mở cửa xe và leo xuống mà nói rằng:

– Tôi hồi trước ở nhà ông phán Kim; tôi muốn chị nuôi vú, chị quên hay sao? Con nhỏ của tôi ở đâu? Chị báo hại quá! Hồi đó chị biệt mất, làm vợ chồng tôi đón chị hết sức rồi trông cũng mỗi hơi. Con nhỏ của tôi bây giờ ở đâu?

Chị Hai Thành cười ngỏn ngoẻn rồi đáp rằng:

– Thế cô là cô ba hồi đó ở nhà ông phán Kim. Lâu quá nên tôi quên. Mà bây giờ sao cô ốm dữ vậy?

Thu Vân chau mày hỏi rằng:

– Tôi hỏi con nhỏ tôi đâu? Dầu chị có mắc việc gì chị ra không được, thì chị cũng phải gởi thơ cho vợ chồng tôi hay, đừng có lập thế rước con tôi, chớ sao chị bật tin như vậy?

– Thủng thẳng rồi tôi nói cho cô nghe mà. Hồi cô đi cô gởi tiền cho ông phán đừng ông ấy mua giấy tàu cho tôi đi sau. Thiệt cô đi ba bốn bữa, con nhỏ hết bệnh. Tôi nói với ông phán mua giấy tàu cho tôi đi, ông phán lần lựa cứ nói chưa có tiền hoài. Rồi kể ông đau mất; cách vài bữa vợ ông đau cũng mất nữa. Tôi có tiền đâu đừng mua giấy tàu mà đi.

– Dầu hai vợ chồng ông phán không đưa tiền đi nữa thì chị cũng đánh dây thép cho tôi hay đừng tôi gởi tiền khác về cho chị đi, chớ sao chị lại nín mất ở trong này?

– Tôi có biết cô ở đâu mà đánh dây thép.

– Còn con nhỏ của tôi đâu? Năm nay nó được bao lớn?

– Nó chết lâu rồi.

– Chết hồi nào?

– Lâu quá tôi có nhớ đâu.

Thu Vân ứa nước mắt, đứng ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi rằng:

– Nó đau bệnh gì mà chết? Chị có khai tử hay không?

Hai Thành bợ ngợ một hồi rồi day mặt chỗ khác và nói rằng:

– Tôi không nhớ... Lâu quá ai nhớ được.

Thu Vân thấy bộ Hai Thành ái ngại mà lại nghe lời đáp lờ mờ nên trong lòng phát nghi, nằng bèn nói rằng:

– Chị nói thiệt cho tôi nghe đi mà, chị giấu làm chi. Tôi chắc con tôi không chết. Vậy chị biết nó ở đâu, chị chỉ giùm cho tôi, tôi cho tiền chị xài.

Hai Thành đứng lặng thinh. Con ngựa kéo xe đi tới hai ba bước, làm cho người đánh xe phải chạy lại trước đầu mà níu nó. Ba người đàn ông đi theo Hai Thành hồi nãy ngồi chồm hổm trên lề đường, dụi đầu lại mà nói chuyện song mắt cứ ngó theo xe kiếng đậu hoài. Hai Thành ngẫm nghĩ một hồi rồi nói mon tron với Thu Vân rằng:

– Hồi nãy tôi sợ cô rầy nên tôi phải nói dối, chớ thiệt em không có chết.

– Vậy chớ nó ở đâu bây giờ?

– Thiệt nó ở đâu tôi không biết; để thửng thửng coi. Có lẽ tôi hỏi thăm cũng ra mối mà. Cô bây giờ ở đâu?

– Tôi ở ngoài Bắc mới về tới đây. Bây giờ tôi đi kiếm khách sạn mượn phòng mà nghỉ một bữa cho khỏe, rồi tôi đi về dưới Sa Đéc.

– Cô ở khách sạn thiên hạ rần rộ nghỉ giống gì đặng. Thôi, cô vô nhà tôi mà nghỉ.

– Nhà chị ở đâu?

– Tôi ở trong Bàn Cờ.

– Cô không biết hay sao? Bàn Cờ ở phía Ô Mai đó. Tôi ở nhà lá, song không chật lắm. Cô với em vô đó nghỉ được. Ở nán vài bữa đặng tôi dò hỏi coi con Thu Ba bây giờ ở đâu.

Thu Vân suy nghĩ nằng phải nhờ Hai Thành mới tìm Thu Ba được. Vừa về tới Sài Gòn mà gặp được Hai Thành, ấy là dịp may; vậy phải theo chị ta đăng biết nhà mà cậy chị ta giúp kiếm con.

Thu Vân bèn biểu Hai Thành lên xe mà đi. Hai Thành trở lại từ già ba người đi với chị ta rồi lên xe và biểu người đánh xe chạy thẳng vô Bàn Cờ.

Xe vô tới ngang cửa, Hai Thành biểu ngừng lại, rồi mời Thu Vân vô nhà. Thu Vân dặn người đánh xe chờ, rồi mẹ con đi theo Hai Thành.

Trong khi Hai Thành móc chìa khóa trong túi ra mở cửa thì Thu Vân đứng ngoài ngó trông. Thuở ấy ở xóm Bàn Cờ nhà cửa thưa thớt, chớ không phải đông đặc như bây giờ. Nhà Hai Thành ở cách nhà hai bên cả một hai chục thước.

Ấy là một túp nhà lá nhỏ và thấp, cửa bằng ván, vách cặp bằng lá dừa. Tuy nhà tùm hùm, song phía trong có một bộ ván dầu với một cái bàn và ít cái ghế. Nhà nghèo mà sạch sẽ, vén khéo.

Thu Vân vô nhà rồi, liền hỏi rằng:

– Đâu chị nói thiệt cho tôi biết coi con Thu Ba của tôi ở đâu.

– Khoan. Để tôi nấu nước chế trà cho cô uống.

– Thôi, thôi. Tôi không khát nước. Chị làm ơn nói chuyện con Thu Ba cho tôi nghe.

– Cô nóng nảy quá. Để thủng thủng tôi nhớ coi... Ờ ờ tôi nhớ hồi đó tôi đau, hết sữa, phần không biết, cô ở đâu mà trả em lại cho cô. Túng thế tôi phải năn nỉ với chị Chín Hô chỉ nuôi giùm.

– Chị Chín Hô ở đâu?

– Chỉ ở gần một bên tôi. Chỉ thấy em Thu Ba thiếu sữa khóc hoài chỉ mới làm ơn bồng về nuôi khuấy sữa bò cho nó bú.

– Chị Chín Hô bao lớn?

– Chỉ lớn mà. Hồi đó sồn sồn, lớn bộn rồi.

– Bây giờ biết làm sao tìm chỉ cho ra?

– Để sáng mai tôi lên Tân Định tôi hỏi thăm coi có ai biết chị ấy bây giờ ở đâu hay không. Cô đừng lo, chắc tôi hỏi ra mà.

– Hồi chị cho con nhỏ tôi đó, nó được mấy tháng.

– Bảy tám tháng gì đó.

– Chẳng giấu chị làm chi, ở nhà tôi trước khi đi Tây thì căn dặn tôi đừng có quên dò tin tức con Thu Ba trong giây phút nào. Nay ở nhà tôi chẳng may mất rồi, tôi lại càng lo làm cho vừa ý chồng hơn nữa. Nếu chị kiếm giùm được con Thu Ba cho tôi, thì tôi cảm ơn chị lắm. Ví như họ muốn đòi tiền công nuôi nó bao nhiêu tôi cũng sẵn lòng thối lại cho họ. Miễn là tôi được gặp con tôi thì thôi, tốn hao chút đỉnh cũng không sao.

– Tôi hứa với cô tôi tìm được thì chắc được, cô đừng lo mà! Thôi, cô ở đây rồi sáng mai cô đi với tôi lên Tân Định mà hỏi thăm. Có cái lên trời thì tôi lên không được, chứ trong lục tỉnh này có chỗ nào mà tôi tìm không tới.

Thu Vân được tin con như vậy thì nàng mừng rỡ vô cùng. Chẳng phải là nàng tránh sự tốn hao, nhưng vì nàng muốn ở gần Hai Thành để hỏi thăm chuyện của con nữa, nên nàng mới bằng lòng trả tiền xe rồi đem rương vô nhà Hai Thành mà ở đậu.

V.

Nghe tin con, khắp khởi lòng vàng.
Hay biệt tích, chan đầm lụy ngọc.

Sời vừa chạng vạng tối, đèn khí ngoài đường đã cháy sáng trưng. Thu Vân đưa tiền cho Hai Thành đi ra chợ mua thịt, trứng vịt, lập xưởng đem về dọn cơm ăn. Hai Thành đi đã lâu rồi mà chưa thấy về, nên mẹ con Thu Vân dắt nhau ra đứng dựa lộ xem chừng và húng mát luôn thể.

Ngoài đường thiên hạ qua lại dập dìu, kẻ đi bộ thì tẻ hai bên, người ngồi xe kéo hoặc xe kiếng thì chạy chính giữa. Một lát lại có một cái xe hơi chạy ngang qua một cái vù, bụi bay lấp mắt, kèn bóp vang tai.

Thu Cúc đứng ngó người ta, ngó xe, một hồi rồi mới nói với mẹ rằng:

– Sài Gòn vui quá má hủ! Phải ba còn, ba đem mình về trong này ở thì vui biết chừng nào.

Thu Vân cúi xuống ngó con, nàng không biết trả lời mà mặt coi buồn ngẩn. Cách một lát nàng nói rằng:

– Phận mẹ con mình như vậy, con còn mong vui làm chi nữa con. Má bây giờ không muốn vui sướng chi nữa hết, duy muốn sao tìm được chị của con và muốn sao cho ông nội của con biết thương hai con thì đủ rồi.

Thu Vân nói tới đó, bỗng thấy hai chiếc xe kéo ngừng trước mặt một lượt. Nàng dòm ra xe thì thấy Hai Thành, tay bung đồ, đương leo xuống xe, còn trên cái xe kia thì có một người đàn ông, đầu đội nón da bìa lớn, mình mặc áo bành tô vàng, quần vải đen, đương thò tay trong túi móc tiền trả tiền xe.

Hai Thành dòm mẹ con Thu Vân rồi cười ngỏn ngoẻn mà nói rằng:

– Bất nhân quá! Hồi nãy tôi đi quên chỉ hộp quẹt cho cô đựng ở nhà đốt đèn giùm, để trong nhà tối mò. Có ở nhà tôi nó mới về đây.

Người đàn ông trả tiền xe kéo rồi bước lại giở nón chào Thu Vân.

Hai Thành nói với chồng rằng:

– Cô thầy thuốc ở ngoài Bắc mới về, hồi nãy tôi nói với mình đó. Mình có hộp quẹt thì vô trước đốt đèn đi.

Chồng của Hai Thành tên Hai Rõ, không nói chi hết lầm lũi đi vô nhà đốt đèn. Thu Vân dắt con đi theo Hai Thành vô sau. Đèn đốt tỏ rõ, coi kỹ lại, mới thấy mặt Hai Rõ mặt thiệt rõ ràng.

Hai Thành nhúm lửa nướng lạp xưởng, chiên hột vịt rồi dọn com ra vợ chồng ăn với mẹ con Thu Vân.

Thu Cúc cứ theo ngó Hai Rõ hoài, coi bộ nó không vui.

Chùng ăn com rồi, Thu Cúc ngồi ngó quanh quất trong nhà rồi hỏi nhỏ nhỏ mẹ rằng:

– Mình ngủ đây hay sao má?

– Ừ, ngủ đờ đây dặng sáng đi kiếm chị con sớm.

– Ngủ đây con sợ quá.

– Sợ giống gì?

– Nhà sao mà cửa vách gì coi cũng óp quá. Ban đêm họ vô họ giựt đồ mình rồi làm sao. Hể má kiểm được chị hai con rồi, má dất chỉ đi về ông nội với con nghe hôn má.

– Ừ.

– Di hai ở nhà đây nói mờ ó quá con sợ tìm không ra.

– Để tìm thử một vài bữa coi. Má vái linh hồn của ba con mách bảo chỉ dẫn cho má tìm, hể ba con giúp thì chắc tìm được.

– Phải a! Để chừng đi ngủ con vái ba con. Mẹ con nói với nhau mới bao nhiêu đó kế Hai Thành bước ra hỏi Thu Vân muốn đi chợ chơi hay không?

Thu Vân nói rằng trong mình không được giỏi, phần thì đi tàu mệt, nên tính nghỉ cho khỏe đặng sáng mai đi hỏi thăm con Thu Ba cho sớm.

Hai Thành bèn lấy một chiếc chiếu trắng còn mới trải trên ván, Thu Vân mở rương lấy mền gối ra sửa soạn mà ngủ. Trong lúc dọn chỗ ngủ thì Thu Vân hỏi Hai Thành rằng:

– Anh hai ảnh đi chơi chừng nào về?

– Ối! Nó đi sáng đêm hơi nào mà hỏi. Có khi nửa đêm nó về, có khi nó đi chơi rồi ngủ luôn nhà anh em.

– Ảnh đi chơi sáng đêm như vậy rồi làm sao ảnh đi làm cho được?

– Nó làm cai nên có dễ một chút. Coi cho người ta làm, chó có làm lụng gì mà mệt.

Thu Vân nói chuyện lồi thoi một hồi rồi ngủ khò. Hai Thành thấy vậy khép cửa đi ra lộ, chọc chú chệt bán mì, chú la rân một hồi, rồi mới chịu trở vô đóng cửa ngủ.

Trời vừa rạng sáng, mẹ con Thu Vân thức dậy rửa mặt gỡ đầu sẵn sàng, đợi Hai Thành dậy đặng đi tìm con Thu Ba. Chẳng dè Hai Thành ngủ tới mặt trời mọc cao mú mới chịu dậy, mà dậy rồi lại bần đùng không chịu đi liền, khuyên Thu Vân để đi chợ về nấu com ăn rồi sẽ đi. Thu Vân nóng tìm con, nên nài nỉ chị đi liền, nói rằng đi hỏi thăm một chút, dầu được dầu không rồi sẽ đi chợ luôn, nghĩ cũng không trễ gì.

Hai Thành đi ra lộ đón kêu một cái xe kiếng, còn Thu Vân ở nhà mở rương lấy cái hộp cẩn ra mà đưa cho con Thu Cúc ôm. Chừng có xe rồi, Hai Thành mới khép cửa lên xe đi với mẹ con Thu Vân.

Khi ra tới xe, Thu Vân hỏi Hai Thành rằng:

– Nhà chị khóa cửa bỏ đó, có rương đồ của tôi ở trong không biết có hại gì hay không?

Hai Thành đáp rằng:

– Không có sao đâu mà cô sợ. Ai dám vô đó lấy. Chẳng giầu cô làm chi, ở nhà tôi nó hung lắm, miệt Bàn Cờ này điểm đàng đều sợ nó hết thấy, không đứa nào dám tới nhà khuấy phá mà cô sợ.

Xe chạy được một khúc đường, Hai Thành thấy Thu Cúc ôm cái hộp cẩn, không biết là hộp chi, nên hỏi rằng:

– Em ôm cái hộp gì vậy? Sao không để ở nhà ôm theo làm chi cho mất công?

Thu Vân ơ hờ nên đáp thiệt tình rằng:

– Ở cái hộp đựng đồ riêng của tôi, có tiền bạc chút đỉnh ở trong, nên đem theo dặng gặp con Thu Ba mà họ nài phải chuộc nó thì có sẵn mà trả cho họ.

Hai Thành chúm chím cười, một lát mới hỏi rằng:

– Từ hồi đó tới bây giờ cô ở luôn ngoài Bắc hay là có về trong này lần nào?

– Tôi ở luôn trọn 14 năm, mới về lần thứ nhứt đây.

– Cô ở ngoài làm ăn khá hôn?

– Ở nhà tôi làm việc nhà nước lãnh lương mà ăn, chớ có làm việc chi đâu mà khá.

– Tôi thấy người nào ở ngoài Bắc về cũng khá. Cô cũng có dư năm ba ngàn chớ?

– Đâu có dữ vậy! Vợ chồng tôi tiện tặn lắm, nên đủ ăn đó là may.

– Nếu cô không có vốn liếng, bây giờ ông thầy thuốc mất rồi cô làm sao mà nuôi con?

- Tôi đem nó về giao cho ông nội nó.
- Cô tính lấy chồng khác hay sao?
- Không.

Thu Vân nói tiếng "không" giọng nghe buồn thảm lắm.

Hai Thành không rõ tâm sự của người ta, nên thấy người ta buồn chị lại tưởng người ta mắc cỡ, nên chị ta cười.

Xe chạy qua khỏi chợ Tân Định một khúc rồi tới một cái đường hẻm, hai bên có hai dãy phố cũ đầu mặt với nhau. Hai Thành biểu người đánh xe ngừng lại. Chị leo xuống và nói với Thu Vân rằng:

- Hồi trước tôi với chị Chín ở trong đường hẻm này đây cho tới con nhỏ năm sáu tuổi tôi mới về dưới Bàn Cờ. Để tôi hỏi thăm coi. Cô đi vô với tôi chơi.

Thu Vân biểu con ngồi trên xe giữ cái hộp cần, rồi nàng leo xuống đi với Hai Thành vô đường hẻm. Buổi sớm mai trong đường hẻm người lớn con nít lao nhao lố nhố, người lớn ngồi trước cửa nói chuyện om sòm, con nít chạy qua chạy lại trũng giỡn inh ỏi.

Hai Thành hăm hở đi trước, Thu Vân chậm rãi theo sau.

Hai Thành đi ngang qua mỗi căn phố đều đứng lại mà dòm. Máy người đàn bà ngồi chơi trước cửa ai thấy mặt lạ cũng đều ngó. Chùng đi gần cùng đường hẻm, Hai Thành đứng lại chờ Thu Vân đi tới rồi chị ta chỉ tay vô một căn phố bên phía tay mặt nói với Thu Vân rằng:

- Đây, hồi trước chị Chín ở căn này đây. Không biết bây giờ chỉ còn ở đây hay không.

Chị ta mới nói lấp đáp mấy lời, bỗng có một người đàn bà mập ú, nước da đen trạ, mũi gãy đầu sói, tuổi chừng lối 50, bận áo túi vải rằn, quần vải đen nhục nhục, chon mang guốc, tay xĩa thuốc, ở trong phố bước ra ngó Hai Thành lườm lườm và hỏi cụt ngắn rằng:

- Nói giống gì? Kiếm ai?

Hai Thành cũng ngó người ấy và hỏi rằng:

- Dì ở căn phố này bao lâu nay vậy dì?

- Hỏi chi vậy?

– Tôi muốn hỏi coi chị Chín hồi trước ở căn phố này bây giờ đi đâu mà.

– Chị Chín nào?

– Chị Chín rằng hô đó mà.

– Nói lời thôi như vậy ai biết chị Chín nào.

– Vậy chớ dì có biết người nào dọn đi rồi dì dọn lại đây hay không?

– Hồi trước con xắm bán đậu hủ ở đây mà.

– Dì dọn lại đây hồi nào?

– Ba năm nay.

– Nếu vậy chị Chín đã dọn đi mất lâu rồi. Hồi trước tôi cũng ở trong đường hẻm này. Để tôi kiếm hết mấy căn phố coi còn người nào quen hay không.

– Kìa kìa, có bà già gánh nước bả ở căn phố đóng cửa đó, bả hay khoe bả ở đây gần 20 năm, lại đó mà hỏi thăm bả.

Thu Vân nghe nói như vậy thì mừng nên cúi đầu tạ ơn rồi mon men đi lại căn phố người ta mới chỉ đó. Hai Thành xóc vô cửa, tuy thấy cửa khóa ngoài, song cũng vỗ cửa, kêu om sòm. Người đàn bà mập hồi nãy kêu mà nói rằng:

– Sớm mai bả đi gánh nước, đâu có ở nhà mà kêu. Chờ một lát chừng tám chín giờ bả về rồi mặc sức mà hỏi.

Hai Thành trở ra, đứng ngó dáo dác và nói rằng:

– Để tôi đi kiếm bả. – Chị ta nói như vậy rồi bỏ đi tuốt. Thu Vân nghe ngẩn ngẩn trong đường hẻm, có ý dòm coi có đứa con gái nào 14, 15 tuổi hay không. Nàng đi hai ba bận mà không thấy, chon chớn mỗi nên ra ngoài tính lên xe ngồi mà chờ bà già gánh nước.

Thu Cúc thấy mẹ liền hỏi:

– Kiếm được không má.

– Chưa. Để đợi bà già gánh nước về rồi mới hỏi.

– Trong đường hẻm này phố coi đã cũ mà lại dơ dáy quá. Nếu từ nhỏ đến lớn chị Thu Ba ở trong chỗ như vậy thì chắc chẳng khỏi

mang bệnh. Ở chỗ gì mà không có gió, tối ngày hửi mùi hôi dưới đường muơng hoài thì chịu sao được.

– Ba con làm thầy thuốc nên con biết cách vệ sinh con nói như vậy, chớ người ta ở đó sao?

– Nếu chỉ ở đây thì tội nghiệp cho thân chỉ lắm.

Thu Vân day mặt qua phía bên kia rồi lấy khăn trong túi ra mà lau nước mắt. Thu Cúc thấy mẹ buồn thì nó cũng buồn, song nó lại còn nói thêm rằng:

– Con nghĩ thân con từ nhỏ tới lớn, con gần ba má, con sung sướng; còn chị Thu Ba cực khổ chắc không có áo tốt mà bận, không có bánh ngon mà ăn bao giờ. Để tìm được chỉ con để hết mấy cái áo tốt của con cho chị bận. Mà má cũng đừng hà tiện nghe hôn má, má mua đủ thứ bánh trái cho chị ăn... Bây giờ con biết rồi, con thương chị nhiều lắm.

Thu Vân nghe con nói như vậy càng thêm cảm động, nên nước mắt nhỏ giọt.

Hai Thành ở phía đằng chợ lon ton đi lại, chùng đi gần tới xe, chị ta nói lấp dấp rằng:

– Con mẹ già nó đi gánh nước xứ nào mất không biết; tôi kiếm mấy máy nước lổ chợ mà không có.

Chị ta nói rồi thì ngồi xuống dựa mé đường. Cách một hồi chị ta hỏi Thu Vân rằng:

– Cô đi chợ chơi hôn cô? Đi một chút rồi sẽ trở lại kiếm bả.

Thu Vân gật đầu. Hai Thành lên rồi biểu chạy lại chợ. Thu Vân đưa cho Hai Thành một đồng bạc, biểu mua thịt cá rồi trưa về nhà nấu cơm ăn, khỏi đi chợ nữa. Hai Thành đi một lát rồi trở ra xe có đủ đồ hết thảy, lại có năm cái bánh cam, năm miếng bánh bò nữa. Chị ta lên xe, mở bánh ra mời mẹ con Thu Vân ăn, Thu Vân không ăn, song biểu Thu Cúc ăn đỡ vài cái bánh, kéo trưa đói bụng.

Thu Cúc lấy một miếng bánh bò mà ăn, vừa cắn vài cái thì ngó Hai Thành mà nói rằng:

– Bánh bò ngon quá. Dì ăn bánh cam đi, để dành hai miếng bánh bò dặng lát nữa gặp chị Thu Ba cho chị ăn.

Hai Thành cười mà nói rằng:

– Chà cháu nó biết thương chị nó há...

Thu Vân cũng cười rồi biểu đánh xe trở lại chỗ đường hẻm hồi nãy. Xe vừa đậu thì thấy có một người đàn bà, tuổi trên 50, vai gánh một cặp thùng không, ở đằng xa đương đi lại.

Hai Thành nói:

– Bà già gánh nước đó chắc! – Rồi lật đật mở cửa xe leo xuống. Thu Vân cũng buơn bả xuống theo.

Khi bà già ấy đi gần tới, Hai Thành la lớn rằng:

– Di ba, cha chả! Năm nay già rồi mà còn gánh nước nổi hay sao, giỏi đa? Để coi dì còn nhớ tôi hay không.

Bà già nhú chon mày, ngó Hai Thành trân trân và hỏi rằng:

– Ai đó?

– Tôi là Hai Thành, hồi trước tôi có chồng săn đá, ở ngang cửa dì đó chớ ai.

– Ờ ờ! Con dĩ chó này, mà tưởng ai đâu lạ.

– Dì này ngang dữ hôn nè! Khi không lại mắng người ta con dĩ chó. Già mà không nên thân.

– Con ngựa này bây giờ nó hỗn dữ bây! Tôi nói chơi mà nó mắng tôi chó. Mày đi đâu đây? Đi với ai đó?

– Ờ, cô đây là cô thầy thuốc, ở ngoài Bắc mới về. Tôi lên đây kiếm dìặng hỏi thăm một chút.

– Hỏi thăm giống gì?

– Hồi tôi ở trên này có chị Chín chỉ ở cách tôi một căn đó, dì nhớ hôn?

– Chị Chín nào?

– Chị Chín răng hô hô đó mà. Chồng chỉ làm dưới máy nước lạnh đó.

– Ờ, ờ! Nhớ rồi. Mà sao? Mày muốn hỏi giống gì?

– Dì biết bây giờ chỉ ở đâu hay không.

– Ai mà biết. Mày đi ít ngày rồi chồng con Chín đó chết. Nó chôn chồng nó rồi nó trả phố bán đồ đi mất, ai biết nó đi đâu.

– Chỉ không có nói chỉ đi đâu hay sao?

– Không.

– Hồi đó tôi có cho chỉ một đứa con gái cho chỉ nuôi, dì nhớ hôn?

– Nhớ. Mà bán 10 đồng bạc, chứ cho.

– Nói vậy, tôi không có sữa, mà tôi thấy chỉ không con chỉ ham con, nên tôi cho chỉ chứ ai mà bán. Dì nhớ hồi chỉ đi đó chỉ có đem con nhỏ theo hay không?

Bà già đứng suy nghĩ một hồi rồi đáp rằng:

– Tao nhớ rồi, có, nó có đem con nhỏ theo.

Thu Vân nãy giờ chăm chỉ nghe hai người nói chuyện, chùng nghe tới đó, nàng mới xen vô nói rằng:

– Bà biết chị Chín đó bây giờ ở đâu, bà làm ơn chỉ giùm cho tôi, tôi cho tiền bà xài. Hay là bà biết người nào rõ gốc gác của chỉ, bà nói cho tôi biết đăng tôi tới đó tôi hỏi thăm họ.

Bà già đáp rằng:

– Tôi ở đây phố này từ hồi mới cất cho tới bây giờ. Nếu tôi không biết thì ai biết được mà hỏi cho mất công. Ở đất Sài Gòn này biết nhau thì biết mặt, chứ có ai tìm gốc gác của ai làm chi. Thiệt tôi không biết, chứ phải tôi biết tôi chỉ giùm cho cô.

Thu Vân đứng ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi nữa rằng:

– Bà biết hồi chị Chín đó còn ở gần bà, chỉ đặt tên con nhỏ chỉ nuôi đó là tên gì hay không?

– Cái đó nhớ không được. Chuyện đã hơn 10 năm rồi. Con nít của người ta, mình có kêu tên kêu tuổi chi đâu mà nhớ.

– Trong xóm này có ai ở đây lâu năm, biết chị Chín như bà không?

– Không có đâu. Máy người ở bây giờ đó họ mới lại ở hai ba năm nay có ai biết được.

Thu Vân ngó Hai Thành mà mặt mày buồn xo.

Hai Thành lắc đầu nói rằng:

– Thôi dứt ngòi rồi! Có biết ai nữa đâu mà hỏi thăm.

Bà già gánh cặp thùng, bỏ đi vô đường hẻm. Thu Vân thở dài rồi leo lên xe với Hai Thành.

Thu Cúc hỏi mẹ rằng:

– Kiểm được chị Thu Ba không má?

Thu Vân lắc đầu, lặng thinh, nước mắt chảy ròng ròng. Hai Thành day qua biểu đánh xe về Bàn Cờ, tiếng xe chạy lịch kịch, nghe càng buồn hơn nữa. Thu Cúc với tay lấy gói bánh bò đưa cho Hai Thành và nói rằng:

– Thôi đi ăn đi cho rồi, còn để dành làm chi.

VI.

Sầu chưa gỡ, lại còn thêm bình,
Vừa tính đi, thì đã mất đồ.

Xe về vừa tới nhà Hai Thành thì đã mười giờ rồi. Hai Thành bung đồ đi vô trước mở cửa. Thu Vân mắc trả tiền xe nên còn ở ngoài lộ.

Hai Thành mở ống khóa cửa rồi day lại thấy Thu Cúc ôm cái hộp đứng sau lưng, bèn nói rằng:

– Ờ, cái hộp đó hả, dì tưởng cháu quên chớ. Cô nói trong hộp có bạc, vậy cháu phải coi chừng đưa cho cô cất, đừng có để hơ hổng, không nên đa.

– Để rồi tôi đưa cho má tôi, cất vào trong rương.

– Ờ, đưa lại cho cô cất, đừng có lơ đễnh mất đây rồi báo hại tôi.

Hai Thành nói mấy tiếng rồi xách cá thịt đi thẳng vô nhà sau. Thu Vân chăm rãi đi vô nhà lột khăn bỏ trên ván rồi kéo gối nằm, không nói chi hết. Thu Cúc đem cái hộp lại mà xin mẹ cất giùm. Thu Vân với lấy cái hộp để bên mình, song cũng nằm đó chớ chưa chịu đi cất.

Cách một hồi Thu Vân ngồi dậy mở hộp ra mà đếm vàng bạc, thì còn đủ 5 đôi vàng với 14 tấm giấy một trăm đồng.

Nàng đương ngồi đếm, Hai Thành ở nhà sau bước ra nói với Thu Cúc rằng:

– Cháu coi chừng giùm cá thịt ở đằng sau đừng dì lại tiệm mua thêm gạo một chút.

Thu Vân để vàng bạc chành bành trên ván, thò tay vào túi móc bóp ra, mở lấy một đồng bạc đưa cho Hai Thành và nói rằng:

– Đây, chị lấy tiền đây mua gạo.

Hai Thành chon di mà mắt liếc ngó vàng bạc, chừng Thu Vân đưa tiền, chị ta miệng thì nói "Tôi có tiền" song cũng đưa tay lấy đồng bạc.

Hai Thành đi rồi, Thu Vân sắp vàng bạc vô hộp lại, đưa chìa khóa cho Thu Cúc biểu mở rương cất cái hộp.

Thu Cúc làm y theo lời mẹ dạy, rồi đi vô nhà sau coi chừng đồ ăn giùm cho Hai Thành. Thu Vân cứ nằm trên ván dầu dầu hoài.

Qua 11 giờ rưỡi Hai Rõ đi làm về, Hai Thành dọn cơm ra rồi mời Thu Vân ăn, Thu Vân nói rằng:

– Tôi không đói, anh hai với chị hai ăn đi. Thu Cúc, con ăn với dì hai đi con. Để chừng nào má đói rồi má sẽ ăn.

Hai Rõ gặp Thu Vân chiều bữa trước, thì chào rồi thôi, chớ không hỏi thăm chuyện chi hết. Bữa nay anh ta thấy Thu Vân không chịu ăn cơm, anh ta bèn nói rằng:

– Cô qua ăn luôn thể cho vui chớ. Cơm nóng cô không ăn, để nguội lạnh hết rồi ăn sao ngon.

Thu Vân ngồi dậy, song nàng cố từ hoài, không chịu ăn. Thu Cúc bước lại gần, nắm tay mẹ mà nói rằng:

– Từ hồi sớm mai cho tới bây giờ má có ăn vật chi đâu, sao má không ăn cơm má? Bữa nay má có mệt hay không? Nếu má không ăn cơm, thì con cũng không ăn... Đi, má ráng đi ăn một chén cơm với con má.

Thu Vân nghe con năn nỉ thì động lòng, nên cực chẳng đã phải đi ăn cơm cho con khỏi buồn. Nàng ngồi lại mâm cơm, bụng chén sót bớt cơm vô bồn chứa lại chừng vài miếng và, song lấy đĩa dầm cơm hoài, không muốn ăn.

Hai Rõ ngồi chồm hồm bụng chén và thẳng búng rồi day qua hỏi vợ rằng:

- Ở nhà sao mày không dắt cô kiểm thử con nhỏ coi?
- Tôi dắt đi một buổi sớm mai rồi còn dắt gì nữa.
- Kiểm được hay không?
- Không, chị Chín Hô chỉ dọn nhà đi đâu mất từ hồi nào, hỏi không ai biết hết.

Hai Rõ day lại ngó Thu Vân mà nói rằng:

- Cô tính sáng mai về hay sao?
- Ừ, kiểm không được con nhỏ tôi buồn quá, thôi về, chớ ở trên này làm chi.
- Cô ở dưới tàu mới lên coi cô mệt quá. Cô ở chơi vài bữa rồi sẽ về. Về làm chi mà gấp vậy?
- Bởi tôi mệt nên tôi phải về, ở đây rủi đau ốm rồi làm sao?
- Đắt Sài Gòn thiếu gì thầy thuốc. Cô rủi có đau thì uống thuốc, có hại gì.

– Không, tôi phải đi Sa Đéc cho gấp, ở nữa không được. Ở trên này chị làm ơn dọ giùm tin tức con nhỏ cho tôi. Hễ chị nghe tin nó ở đâu thì chị xuống kêu tôi. Tiền xe, tiền tàu tốn hao bao nhiêu thì tôi chịu cho. Đây rồi tôi về Nha Môn. Chị xuống đó hỏi thăm lò gạch ông hội đồng Đạt, chị vô kiểm thì có tôi.

Ăn cơm rồi Thu Vân than trong người on ón lạnh lạnh nên đắp mền nằm co. Thu Cúc thấy mẹ như vậy cũng leo lên nằm một bên. Hai Thành rửa chén phía sau hè, Hai Rõ ngồi một bên. Hai người ngồi nói chuyện rầm rì với nhau một lát rồi Hai Rõ đội nón đi làm.

Chiều lại Hai Rõ về ăn cơm. Thu Vân nóng lạnh nằm mê man, ăn cơm không được. Thu Cúc xăn bần một bên mẹ, một lát gỡ mền thăm chừng, một lát rót nước trà nóng bung cho mẹ uống.

Hai Rõ ăn cơm rồi thì trời cũng đã tối.

Anh ta bước lại gần chỗ Thu Vân nằm hỏi rằng:

- Cô nóng lạnh như vậy mà về giống gì được. Thôi, để ở nhà tôi nó ra chợ hốt thuốc cho cô uống nghe.

Thu Vân gỡ mền lộ đầu ra đáp rằng:

– Tại tôi đi hồi sớm mai bị nắng nên cảm. Không sao đâu anh hai. Tôi có ký ninh trong rương, để bớt nóng rồi tôi uống.

Hai Rõ đáp rằng:

– Nếu cô có thuốc sẵn thì thôi, tưởng như không có thì ở nhà tôi nó đi mua cho cô uống.

Anh ta lấy nón đội lên đầu rồi nói với vợ rằng:

– Mày ở nhà coi một lát cô bớt nóng thì nấu cháo cho cô ăn. Tao đi coi hát đả. Không biết chừng tao đi chơi rồi tao ngủ luôn dưới nhà thằng Chín nhỏ, mày ở nhà cứ đóng cửa mà ngủ đừng chờ.

Anh ta nói rồi bước ra cửa đi tuốt. Hai Thành khép cửa lại rồi trở vô nói lẩm bẩm rằng:

– Quân gì mà hể ăn ba hột cơm rồi xách đít đi mất, đi đêm nào sáng đêm nấy. Đi riết đây có bữa chúng đâm chết, chớ khỏi đâu.

Chị ta bước lại hỏi Thu Vân rằng:

– Để tôi nấu một miếng cháo cho cô ăn, ghen hôn cô?

Thu Vân đáp:

– Đừng nấu mất công chị hai. Tôi không đói đâu chị hai.

Hai Thành ngó Thu Vân rồi cười nói rằng:

– Cô ốm quá, không chịu ăn. Vậy mà mập sao được... Ủa! Mà hộp quẹt hết rồi. Để tôi lại tiệm mua một cái, chớ không có đây nửa đêm tắt đèn rồi làm sao.

Chị ta nói dứt lời liền mở cửa đi.

Thu Cúc là đứa hay nói, mà lại ít hay buồn. Từ ngày cha nó bước chơn xuống tàu đi Tây cho đến lúc hay tin cha nó chết, thì mẹ nó buồn rầu than khóc đêm ngày; chẳng phải nó không thương cha, hay là nó không biết buồn, nó thương cha nó lắm, nó hiểu gia đạo nó nhiều, nhưng vì tánh nó đã quen vui rồi, nên hể nhớ tới việc buồn, thì buồn một chút rồi thôi, chớ không phải nó rầu rĩ đêm ngày như mẹ vậy.

Hôm nay đến xứ lạ, vào ở cái nhà cũng lạ, lại mẹ đau nằm đó, chủ nhà bỏ đi mất hết, nó không biết nói chuyện với ai, bởi vậy ngồi mất ngó ngọn đèn, tai lóng nghe xe chạy ngoài lộ, trong lòng nó

bằng khuôn tha thiết, nhớ cha, thương mẹ, tưởng chị, tìm ông lăng xăng. Bữa nay nó mới thiệt buồn phiền, buồn đến nỗi ứa nước mắt.

Thu Cúc có ý trông Hai Thành về, mà nó ngồi trót giờ cũng chưa thấy về.

Thành linh mẹ nó kêu:

– Thu Cúc mở rương lấy cho má một liều ký ninh dạng má uống chút con.

Nó giật mình nhảy xuống đất rồi hỏi rằng:

– Má bớt nóng má há?

–Ừ bớt rồi. Ký ninh má để trong cái ve nhỏ đó con thấy không?

– Thưa thấy. Má nằm đó con đi lấy cho.

Thu Cúc liền lấy chìa khóa đi mở rương, lấy một viên ký ninh cầm trong tay rồi đi rót nước trà bung lại mẹ uống.

Thu Vân tức mền ngồi dậy uống thuốc rồi hỏi con rằng:

– Di hai đi nãy giờ chưa về hả con?

– Thưa chưa.

– Đi mua hộp quẹt gì mà lâu dữ!

– Chắc đi chơi. Má muốn ăn cháo hay sao, nên hỏi di hai?

– Không, má thấy đi lâu nên hỏi vậy thôi.

– Má nóng lạnh như vậy sáng mai đi về ông nội làm sao được?

– Để khuya coi má hết thì đi còn như đi không dạng thì phải ở nán lại đây một bữa nữa, chớ biết làm sao bây giờ.

– Phải chi tìm được chị của con rồi dắt luôn về ông nội thì vui quá má há?

– Nếu được như vậy thì còn nói gì!

– Không biết chỉ ở đâu bây giờ...

Thu Cúc nói tới đó thì ngồi ngẫm nghĩ. Cách một hồi nó men lại ngồi gần bên mẹ nó, một tay sờ vai, một tay vịn vế, nói mon tron rằng:

– Má mạnh riết đi nghe hôn má. Mạnh riết đi dạng có về Sa Đéc. Con nóng nảy lắm, con muốn thấy mặt ông nội coi ông ra thế nào. Hễ ông nội chịu nhìn mình rồi, mình nói thiệt hết, chắc ông nội sai người đi kiếm chị hai chớ gì, phải hôn má?

Thu Vân nghe con nói như vậy thì tức cười, song cũng gật đầu bước vói con.

Hai mẹ con đương nói chuyện, thỉnh linh Hai Thành ở ngoài bước vô nói rằng:

– Ủa, cô bớt nóng lạnh rồi phải hôn cô? Thôi để tôi nấu ba hột cháo cho cô ăn.

– Đừng, chị hai. Tôi bớt bớt một chút, chớ ăn uống gì được mà nấu. Chị đi mua hộp quẹt sao mà lâu dữ vậy?

– Ừ, tôi nói lại tiệm mua rồi về liền, kéo cô ở nhà một mình cô buồn, chẳng dè tôi gặp con tư U nó nói chuyện dong dảnh phát ghét, làm tôi về không dặng. Cô nói cô có thuốc ký ninh, sao cô không uống thử coi.

– Tôi uống rồi. Tôi mới uống rồi kể chị về đó.

– Vậy hay sao!

Hai Thành day qua ngó Thu Cúc rồi hỏi rằng:

– Cháu chưa buồn ngủ sao cháu?

– Chưa.

– Chà! Cháu giỏi dữ!

Hai Thành nói chuyện này, hỏi chuyện nọ lằng xằng một hồi rồi than buồn ngủ, nên đóng cửa mà đi ngủ. Mẹ con Thu Vân nằm đắp mền, mẹ thì mê mê, con thì buồn xo, nên nằm một lát rồi cũng ngủ hết.

Lúc 4 giờ khuya, Thu Vân thức giấc, cả đầu cổ và mình mảy mồ hôi ra ướt đầm.

Nàng tóc mền ngồi dậy tỉnh lấy khăn mà lau, vừa vói tay lấy cái khăn, vừa liếc mắt ngó chừng cái ruong. Nhưng không thấy cái ruong nữa, nàng lấy làm lạ lật đật xuống ghế bưng đèn mà rọi. Ôi thôi! Cái ruong ai khiêng đi đâu mất rồi. Sự sản bao nhiêu dòn vô trong đó hết, nếu cái ruong mất thì ắt mẹ con chết đói! Thu Vân kinh khủng la bài hãi:

– Chị hai ơi, ai lấy cái ruong tôi đâu mất rồi, chắc tôi phải chết!

Thu Cúc nghe mẹ la giục mình thức dậy nhảy xuống đất gọn gàng. Hai Thành ở trong buồng cũng chạy tuôn ra, cặp mắt neoh neoh, hai tay bới đầu, miệng hỏi:

– Giống gì vậy cô?

– Cha chả! Ai lấy cái rương tôi mất rồi.

– Úy! Báo hại dữ hôn! Đầu, cô đưa đèn tôi coi.

Hai Thành xách cây đèn rọi cùng phía trước thì không thấy cái rương, mà cửa cũng còn đóng chặt, chị ta đi lần vô phía trong, rọi ra vách sau thì thấy tấm vách lá ai cắt trống rỗng một lỗ lớn, hai ba người đi qua một lượt cũng được. Chị ta la lên:

– Trời ơi! Ăn trộm cắt vách đây nè! Nó khiêng cái rương của cô đây chó ai! Chết chưa! Để coi nó có lấy đồ của tôi hay không.

Chị ta bước vô buồng rồi vùng bệu bạo la nữa:

– Úy! Thôi rồi! Nó lấy cái áo của tôi nữa rồi. Gia tài có một cái áo nó cũng không chừa! Quân gi mà ác nghiệt quá!

Thu Vân với Thu Cúc đi theo sau lưng, hai mẹ con chết điếng trong lòng nên chảy nước mắt chó không nói chi được hết. Ba người dắt nhau trở ra đằng trước.

Hai Thành để đèn trên ghế rồi hỏi Thu Vân rằng:

– Rương cô có để đồ đạc gì hay không?

– Thì áo quần, vàng bạc, giấy tờ tôi để hết ở trong.

– Vàng bạc có để ở trong nữa sao?

– Chớ sao!

– Trời ơi! Nhiều ít!

– Năm đôi vàng với một ngàn bốn trăm đồng bạc, để trong cái hộp cẩn, tôi đếm hồi sớm mai chị ngó thấy đó.

– Cô bắt cần quá. Sao không để trong mình lại để làm chi trong rương không biết! Báo hại quá... Thôi, cô ở nhà để tôi đi kiếm thằng mắc phong nó về đặng nó kêu biện Tây lại coi, rồi có đi kiếm chó bỏ sao được. Thằng đó khốn nạn thiệt! Phải nó ở nhà nó ngủ giùm làm phúc thì có đâu đến nỗi bị ăn trộm như vậy.

Hai Thành nói lấp đáp rồi mở cửa ra đi. Thu Vân lại ván ngồi khoanh tay mà khóc và nói với con rằng:

– Trời khiến mẹ con mình phải chết đói, khổ lắm con ôi! Chết một để dành chút đỉnh vốn liếng nuôi con, bây giờ chúng giết hết, mẹ biết làm sao?

Thu Cúc tuy buồn, song nó thấy mẹ nó đã bình hoạn mà lại còn thêm rầu rĩ thì nó càng lo, nên nó giả vui nói với mẹ rằng:

– Rủi mất hết thì thôi, má rầu làm chi má. Má đừng lo cho con; ông nội giàu lớn mà có một mình ba là trai mà thôi. Hễ ông nội chịu nhìn con thì có thiếu gì tiền.

Mà má đã tính về tới Nha Môn mình phải lập thế xin vô ở mượn với ông nội đặng lần lần cho ông nội thương, liệu coi như ông nội chịu nhìn thì mình sẽ nói thiệt. Mình đã tính đi ở mượn thì vàng bạc có ích gì, có vàng mình không dám đeo, có bạc mình không dám xài, dầu có dầu không cũng vậy má đừng có buồn.

Không biết chừng trời khiến mình bị ăn trộm như vậy mình mới gần ông nội được.

Thu Vân nghe con nói mấy lời, nàng ngồi ngẫm nghĩ một hồi lâu rồi nói rằng:

– Mà bây giờ má còn có mười hai, mười ba đồng bạc, phần má đau nữa, biết có đủ tiền về tới Nha Môn hay không? Còn một điều này nữa, như về dưới ông nội con không chịu cho mẹ con mình ở, trong lung hết tiền rồi mẹ con mình là sao?

Thu Cúc cười mà nói rằng:

– Má đừng lo, ông nội cho ở mà. Mà dầu ông nội không chịu đi nữa, con cũng lập thế con ở được. Mẹ con mình có đủ tay chơn như người ta, dầu thế nào cũng không đến nỗi chết đói đâu mà sợ.

Mẹ con nói chuyện với nhau mới tới đó, kể Hai Thành với Hai Rõ bước vô. Hai Rõ hỏi bơ hơ bãi hải rằng:

– Đâu, ăn trộm vô chỗ nào đâu?

Hai Thành nắm tay Hai Rõ dắt đi thẳng ra phía sau, vừa đi vừa nói:

– Nó cắt một lỗ vách lớn quá chừng quá đổi. Vô đây mà coi.

Lúc ấy trời đã rạng sáng, nhưng trong nhà còn đốt đèn. Thu Vân bung đèn đi theo Hai Rỗ đợi cho Hai Rỗ coi chỗ ăn trộm cắt vách.

Hai Rỗ vừa coi vừa nói rằng:

– Cha chả! Quân này cả gan thật! Nó dám ró tới nhà tao chó! Để rồi bây coi tao.

Anh ta dạy lại nói với Thu Vân rằng:

– Nó khiêng cái rương của cô mà thôi, hay là còn lấy vật gì nữa?

– Thì gia tài tôi có một cái rương, nó khiêng hết rồi thôi chó còn giống gì nữa!

– Cô biết ăn trộm vô nhà hồi mấy giờ hay không?

– Tôi nóng lạnh nằm mê man, có biết nó vô hồi nào đâu. Chừng 4 giờ tôi thức dậy thấy mất cái rương mới hay.

Hai Rỗ cùn quần, bỏ đi ra trước vừa đi vừa nói với vợ rằng:

– Con con này, mày chết hay sao, chó ngủ giống gì mà ăn trộm phá vách như vậy mà không hay? Ở nhà không coi giống gì hết thấy.

Hai Thành trợn mắt, chất lưỡi trả lời:

– Ờ! Khéo mắng bấy hôn! Đi đêm nào sáng đêm nấy rồi về nói bấy ủa! Sao không giỏi ở nhà mà rình? Có tài nói phách chó hoài.

Hai Rỗ nạt rằng:

– Nín.

– Nín giống gì! Tôi nói như vậy không phải hay sao?

– Phải giống gì? Thứ đàn bà hư, hễ nằm xuống thì ngủ như chết. May lắm, chó phải ăn trộm nó lọt tới quần mày cũng không hay.

– Nó lọt làm chi? Lọt dặng tròng lên đầu mày hả?

– Mày dữ thật hả?

Hai Rỗ xốc tới, bộ muốn đánh vợ. Thu Vân thấy vậy liền can và nói:

– Thôi anh hai, rầy rà làm chi. Tôi mất quần áo vàng bạc nhiều quá, anh hai làm ơn đi có cò bót và xin lính kiểm giùm coi hoặc may bắt được ăn trộm lấy lại chút đỉnh gì chẳng.

Hai Rỗ đáp:

– Cô để đó tôi tính cho. Thằng nào dám rớ tới tôi đây, nó phải chết. Để rồi cô coi.

Trời đã sáng bát, Hai Thành mở cửa tắt đèn. Hai Rõ ra đi, nói rằng mình đi kêu lính. Cách một hồi, Hai Rõ về có dắt theo một người biện Chà với một người lính Việt.

Biện với lính coi chỗ vách ăn trộm cắt, hỏi Thu Vân mất những vật gì, hỏi đâu biên đó. Sau rốt người biện Chà hỏi Thu Vân có nghi ai lấy đồ không. Thu Vân tình thật khai không biết ai mà nghi. Xong rồi biện với lính ra về, Hai Rõ cũng đi theo.

Đến trưa Hai Rõ về có dắt theo một người đầu đội nón da mần cầu, mình mặc áo bành tô trắng, quần lãnh đen, chon đi giày da trắng. Người ấy xưng mình là đội sở mật thám, cũng hỏi Thu Vân lằng xằng như biện Chà hồi sớm mai, và khi ra về có nói rằng:

– Tôi làm đội mật thám mười mấy năm nay, tôi bắt trên năm trăm đám ăn trộm. Việc khó nữa tôi cũng còn tìm ra, huống chi là việc dễ như vậy. Cô đừng lo, trong 24 giờ tôi thộp cổ mấy thằng ăn trộm đó cho cô coi.

Bộ chủ nhà coi sốt sáng lắm, mà đội mật thám nói nghe cũng giỏi.

Thu Vân tuy chưa dám chắc mình sẽ lấy vàng bạc áo quần lại được, nhưng nòng cũng an lòng nên bớt buồn. Phần mất hết đồ, phần nóng lạnh chưa thiết dứt, bởi vậy nòng chưa tính về Nha Môn được, phải nằm tại nhà Hai Thành uống thuốc và đợi tin lính kiếm giùm ăn trộm.

VII.

Nhờ đồng nghiệp sẵn lòng làm nghĩa.

Từ ngày bị ăn trộm cắt vách mà khiêng ruong của Thu Vân, Hai Rõ không đi chơi đêm nữa. Bữa nào cũng vậy, hễ chiều đi làm về thì anh ta nói lính thám dò gần xong, chắc trong một vài bữa sẽ bắt được ăn trộm.

Thu Vân tin lời nên cứ nằm nhà mà chờ. Mà dầu nòng muốn đi nòng đi cũng không được, vì bữa nào cũng như bữa nấy, hễ trưa thì nòng nóng lạnh hoài. Nòng mua thuốc ký ninh uống luôn ba bốn bữa mà chận cũ không dứt. Nòng mồn chí muốn bỏ cửa mà đi, ngặt

vì trong túi nàng còn không đầy 10 đồng bạc. Phần thì trong mình nàng lại yếu lắm, nên đi không kham.

Thu Cúc thấy mẹ bình hoạn lại buồn rầu, ngày đêm nó theo săn sóc an ủi mẹ hoài. Còn Hai Thành ban đầu thì niềm nở mà chừng Thu Vân hết tiền nên không rộng rãi như trước nữa được thì chị ta ló mòi lợt lạt. Tuy chị ta không nói nặng nhẹ tiếng chi, nhưng chị ta không hỏi thăm, ít nói chuyện nữa.

Thu Vân có bệnh rét, chớ không phải bệnh chi nặng, nhưng vì nàng không ăn mấy bữa nên ốm nhách, mặt thỏn, da vàng, miệng đắng, mắt sâu. Đã vậy nàng lại thêm buồn rầu việc nhà nữa. Nàng sợ chết, hễ ban đêm con ngủ thì nàng lén ôm mặt con hun. Nước mắt nhiều xuống mặt làm Thu Cúc giạt mình thức dậy, nó thấy mẹ như vậy thì nó cũng khóc dầm.

Một buổi sớm mai Hai Thành đi chợ, Thu Vân đưa tiền biểu Thu Cúc đi theo mua một cây viết, một bình mực, vài tờ giấy, vài cái bao thơ và cò đặng cho nàng viết thơ.

Thu Cúc đi về, vừa bước vô cửa thì chạy riết lại một bên mẹ mà nói rằng:

– Con biết mặt ông nội rồi, má à!

Thu Vân chung hửng liền hỏi:

– Con gặp ở đâu mà biết?

– Con thấy trong tiệm họa chơn dung, họ có để hình ông nội ở trong. Hình vẽ rồi có đóng khuôn tốt lắm.

– Sao con biết hình đó là hình ông nội?

– Họ có đề tên họ và chỗ ở, rồi họ dán trên cái khuôn.

– Ờ... Con coi ông nội con già hay trẻ?

– Già. Mặt dùn da. Mà ông nội mập má à, chớ không phải ốm. Ông nội lại có râu bộn bộn.

– Bây giờ con gặp mặt ông nội con, con biết hôn?

– Biết chớ sao không biết... Ông nội mặt cũng giống như mặt của ba con vậy. Con thấy ông nội con nhớ ba quá.

Thu Vân ngồi suy nghĩ một hồi lâu, rồi lấy giấy mực của con mới mua về đó mà viết thơ.

Thu Cúc thấy mẹ viết thì lại đứng một bên mà coi, Thu Vân biểu con đi chơi, không muốn cho nó đọc. Thu Cúc đứng dang ra xa xa mà ngó, thấy tay mẹ cầm viết mà run, còn mặt thì dầu dầu, cặp mắt ướt rượt. Thu Vân viết luôn một lượt hai bức thơ rồi niêm lại để trên ghế. Bộ nàng đã mệt rồi nên nàng liền nằm xuống ván mà nghỉ.

Thu Cúc lại coi ngoài bao thơ thì thấy một phong đề gọi cho ông hội đồng Đạt ở Nha Môn. Nó coi rồi hỏi mẹ rằng:

- Minh tính về ông nội còn gọi thơ cho ông chi vậy má.
- Biết có về tới hay không!...

Thu Cúc tuy không hiểu ý nghĩa câu của mẹ nói, song nó cũng bàng hoàng, bộ như muốn kiểm mà hiểu vậy.

Chẳng biết Thu Vân nằm nghỉ mà còn tính việc chi nữa, nên cách chẳng bao lâu nàng lại ráng ngồi dậy viết thêm một bức thơ gọi cho ông Đào Thanh Bạch ở Ba Se.

Đến trưa Hai Rổ đi làm về; tuy Thu Vân nóng lạnh, song nàng gượng ngồi dậy cây Hai Rổ chùng đi thì ghé nhà dây thép gọi ba phong thơ giùm cho nàng.

Thơ gọi đi rồi mà bệnh rét của nàng không chịu dứt. Thu Cúc khuyên mẹ đến thầy thuốc Tây coi mạch đặng uống thuốc. Thu Vân cũng muốn lắm ngặt vì tiền đã gần hết, nếu đi thầy thuốc đã tốn tiền thầy rồi lại còn tốn tiền thuốc nữa, bởi vậy Thu Vân dục dặc không chịu đi. Thu Cúc cứ theo năn nỉ hối thúc hoài nàng mới nhứt định liều tốn 3 đồng bạc, đặng đến thầy thuốc coi mạch. Thầy thuốc coi rồi nói nàng bị rét chớ chẳng có bệnh chi khác. Ông khuyên nàng nên tiêm thuốc ký ninh ít nữa là năm bảy mũi nàng mới mạnh được. Nàng than không có tiền. Ông hỏi căn cước, hay nàng là vợ một vị thầy thuốc vì rủi ro phải vong thân giữa biển, bởi vậy ông làm nghĩa không ăn tiền, biểu nàng mỗi ngày lại ông tiêm thuốc giùm cho.

Thu Vân nhờ có tiêm thuốc nên mới hết nóng lạnh. Thầy thuốc tiêm thuốc ký ninh cho nàng 5 mũi rồi ổng lại còn làm phước tiêm thêm cho nàng 5 mũi thuốc bổ nữa, bởi vậy trong 10 ngày thì nàng đã hết bệnh mà lại trong mình khỏe khoắn như thường.

Thu Cúc thấy mẹ mạnh thì mừng rỡ, tính chuyện đi về ông nội lảng xảng. Nó không dè trong mấy ngày ở tiêm thuốc đó, tuy

thầy thuốc không ăn tiền, song mẹ nó phải xuất tiền cho Hai Thành mua gạo mua cá ăn mỗi bữa, nên chùng mạnh rồi trong túi còn có 5 đồng bạc.

Nàng lại nhà thầy thuốc mà tạ ơn rồi tính sáng bữa sau dắt con về Nha Môn. Hai mẹ con bây giờ còn có một cái áo với một cái quần mặc trong mình đó mà thôi, chớ chẳng có y phục nào khác nữa mà thay đổi. Tuy vậy mà còn được hai cái gối gòn với hai cái mền nỉ. Thu Vân cậy Hai Thành đem hai cái mền nỉ ấy đi kiếm người đổi cho nàng một cái quần vải một cái áo vải và cho con Thu Cúc cũng một cái quần vải một cái áo vải dặng mẹ con có đồ mà thay.

Hai Thành đi một buổi mới đem về cho nàng một cái áo với một cái quần bằng vải đen dày, và cho Thu Cúc một cái áo cụt vải trắng với một cái quần cặm tụt đen cũ xì.

Đến khuya, hai mẹ con thức dậy thay áo đổi quần. Thu Vân mặc đồ vải, cái áo rộng lại dài tay nên coi dị tướng lắm.

Còn Thu Cúc mặc bộ đồ vải của nó cứ đi qua đi lại nhăm nhía hoài rồi lại gần mẹ cười nói rằng:

– Mình bận đồ như vậy mới gặt ông nội được chớ, phải không má? Cha chả! Rủi mà may, chớ chi mình tìm được chị Thu Ba nữa, thì đâu có cái mền nào khác mà đổi áo quần cho chỉ bận.

Thu Vân đang buồn mà nghe con nói như vậy thì nàng bắt tức cười. Nàng xếp quần áo của nàng với của Thu Cúc gói làm một gói và kêu Hai Thành dậy cậy đưa giùm ra ga xe lửa. Hai Thành muốn kêu xe kéo đi. Thu Vân than hết tiền, nên dắt nhau đi bộ. Đi dọc đường, Thu Vân cứ theo căn dặn Hai Thành ráng hỏi thăm giùm việc con Thu Ba, như biết nó ở đâu thì làm ơn cho hay liền.

VIII.

Bởi bởi rồi nhờ có vợ chệt tiếp rước,
Đương cơn may gặp sếp-phơ đưa giùm.

*R*ồi tới nhà ga xe lửa Thu Vân hỏi thăm thầy bán giấy coi chùng nào có xe. Thầy bán giấy nói rằng xe Mỹ Tho đã lên rồi, còn xe Sài Gòn lối chín giờ rưỡi mới xuống tới.

Nàng đương bàng hoàng, bỗng nghe thầy bán giấy xe lửa mở cửa nói lớn rằng:

– Xe gần chạy đa, ai đi Tân An, Mỹ Tho thì mua giấy.

Thu Vân giục mình đứng dậy, liền bước lại mua hai cái giấy đi Mỹ Tho, rồi kể xe tới, lo dắt con lên xe.

Xe lửa chạy âm âm, qua xóm thối síp-lê inh ỏi. Thu Vân ngó cùng trên xe có ý kiểm coi có đứa con gái nào lối 14, 15 tuổi hay không. Nàng thấy không có thì buồn trí, nên ngồi lim dim không thèm ngó ai hết. Nàng nhớ trước mình cũng đi xe lửa như vậy với Hiến Vinh.

Xe xuống gần tới Bến Lức. Lúc xe chạy ngang chỗ xe chết máy năm trước, nàng thấy cảnh cũ càng nhớ người xưa nên trong lòng bát ngát ứa nước mắt.

Thu Cúc sanh đẻ ngoài Bắc mới về Nam lần đầu, bởi vậy nhà cửa ruộng vườn dọc theo đường xe chạy đều lạ con mắt nó hết thấy. Nó để gói áo quần một bên rồi chồm ra ngoài cửa sổ mà xem phong cảnh.

Thấy bầy trâu ăn dưới ruộng nó trầm trồ kêu mẹ mà chỉ, đến cầu Bến Lức nó nói không bằng cầu "Doumer".

Qua tới Tân An xe ngừng, thiên hạ chen nhau kẻ xuống người lên. Thu Vân dòm coi có đứa con gái nào giống con mình hay không. Có một người đàn bà độ chừng 40 tuổi, mập mập cao lớn, miệng ăn trầu, mặt dôi phấn, cạo chơn mày, tóc con sắc lẹm, xách giỏ nhỏ lên xe ngồi đầu mặt với mẹ con Thu Vân.

Người ấy chăm chỉ ngó Thu Vân rồi ngó Thu Cúc, thấy mẹ con y phục lam lũ, mà mẹ bàn tay dụi nhủ, bàn chơn trắng nõn, còn con mặt mày sáng rỡ, da trắng môi son, thì lấy làm lạ, nên ngó một hồi rồi hỏi Thu Vân rằng:

– Thím đi đâu?

– Tôi đi Sa Đéc.

– Đi Sa Đéc sao không đi chuyến xe khuya; thím đi chuyến xe này xuống tới Mỹ quá mười một giờ rồi, tàu đầu còn thím đi.

Thu Vân sực nhớ năm nọ vì xe chết máy xuống Mỹ trở nên trễ tàu. Mà năm nọ trong túi có tiền nhiều nên ở khách sạn, năm nay không có tiền, biết liệu thế nào.

Nàng láy làm bối rối nên trả lời cầm chừng rằng:

– Để xuống đó rồi sẽ hay.

Nàng liền thò tay vào túi móc bóp ra mà đếm tiền, thì trong bóp còn có hai đồng bạc giấy với hai cắc bốn xu!

Người đàn bà ấy thấy Thu Vân đếm tiền mà sao có sắc buồn, bèn hỏi rằng:

– Thím ở đâu mà đi Sa Đéc?

– Tôi... Ở trên Sài Gòn.

– Đi thăm bà con, hay là đi có chuyện chi?

– Thăm bà con.

– Bộ thuở nay thím chưa có đi lần nào hay sao nên thím chưa hiểu tàu bè.

– Chưa, tôi mới đi lần này đây.

– Thím có quen với ai dưới Mỹ không?

– Không.

– Vậy thì phải ở nhà ngủ mà chờ đến sớm mai mới có tàu.

– Ở nhà ngủ... kỳ quá...

– Ủ, đàn bà con gái đi một mình mà ở nhà ngủ thì bất tiện lắm. Thím nói đi Sa Đéc mà đến tại chợ hay là trong làng?

– Tôi đi Nha Môn.

– Nếu đi Nha Môn thì lên Sa Đéc làm gì? Thím đi tàu qua Vĩnh Long rồi đi xe hơi lên Nha Môn đã rẻ tiền mà lại mau hơn nữa.

– Sao vậy?

– Nha Môn ở dọc theo đường Vĩnh Long lên Sa Đéc. Thím đi tàu qua Vĩnh Long tốn có tám cắc, từ Vĩnh Long tới Nha Môn 3 cắc nữa, cộng là một đồng một. Còn thím đi tàu lên tới Sa Đéc tốn tới một đồng một, rồi đi xe hơi trở xuống Nha Môn tốn thêm hai cắc nữa thành ra một đồng ba.

– Nếu vậy thì tôi đi ngả Vĩnh Long.

– Ừ, đi ngả đó phải hơn... Con nhỏ đây là con của thím phải không?

– Phải, con tôi.

– Chồng thím làm giống gì?

– Chồng tôi mất rồi. Còn chị ở đâu?

– Tôi ở chợ Mỹ. Ở nhà tôi bán trà. Tiệm tôi hiệu Khương Ký, ở gần đầu cầu quay đó. Thím không có quen với ai ở dưới Mỹ thôi đi thẳng lại tiệm tôi mà ở cũng được. Ở nhà tôi tuy là chệt khách mà nó dễ lắm thím đừng ngại.

Thu Vân vì ở đậu mà vàng bạc áo quần mất hết, bây giờ nghe người ta mời ở đậu nữa thì trong lòng lo sợ nên không dám chịu lời liền. Nàng ngẫm nghĩ mình còn có hai đồng hai bạc vừa đủ số tiền cho mẹ con đi ngả Vĩnh Long mà lên Nha Môn. Nếu mình muốn phòng ngủ thì sáng mai còn tiền đâu đi tàu. Đã biết nếu mình bán đôi bông tai của mình thì sẽ dư tiền, mà đến xứ lạ biết bán cho ai? Hột xa lông tiệm cầm đồ nó không chịu cầm.

Nàng suy nghĩ hết nước rồi, cực chẳng đã xe lửa xuống tới Mỹ rồi nàng mới chịu theo chị tiệm trà. Chị rước khách về nhà tiếp đãi rất hậu, đã đãi com dĩa bánh rồi lại còn đãi trà ngon nữa. Chủ tiệm trà tuổi đã trên 50, tuy răng sún, mắt lé song vợ chú trong nhà có trọn quyền, muốn làm việc chi chú cũng không cản trở. Thu Vân may gặp gia đình như vậy nên nàng mới an lòng ở mà chờ tàu.

Sáng bữa sau chị tiệm trà mua bánh hời thịt quay dĩa mẹ con Thu Vân ăn no nê rồi mới đưa xuống tàu. Khi tới cầu tàu Thu Vân thấy họ bán bánh mì bèn mua một ổ lớn một cái và hai đồng xu đường cát đựng đem theo phòng khi Thu Cúc đói thì có sẵn cho nó ăn. Thu Vân dắt con xuống tàu rồi thì chị tiệm trà trở lên phố. Cách một hồi chị cũng xuống tàu đem một gói bánh cho Thu Cúc và ngó Thu Vân mà nói: "Cho cháu một gói bánh cho nó ăn. Tôi thấy nó tôi thương quá. Phải thím cho tôi thì tôi nuôi liền".

Thu Vân cười đáp:

– Chị thương nó thiệt tôi cảm ơn lắm. Tôi có hai đứa con, lại mất hết một đứa, còn có một mình nó đó. – Nàng vừa nói vừa ứa nước mắt.

Tàu sắp-lê mở dây, chị tiệm trà mới chịu từ giã mẹ con Thu Vân mà lên. Tàu chạy được một khúc, Thu Cúc nói với mẹ rằng:

– Mình ăn chục com, ăn chục bánh của dì tiệm trà, ba hay mẹ con mình như vậy, chắc là ba buồn lắm.

Thu Vân nghe con nói như vậy nước mắt chảy ròng ròng, lật đật lấy vạt áo mà lau.

Tàu tới Vĩnh Long mới 11 giờ rưỡi. Thu Vân trả tiền tàu cho hai mẹ con hết một đồng sáu, trong túi còn có năm cắc hai xu mà thôi. Bước lên bờ nàng hỏi đường đi Nha Môn.

Theo lời họ nói thì đường xa đến 20 cây số, nhưng vì nàng không đủ tiền đi xe nên đứng đợi khấn châu mày dự một hồi, rồi dắt con đi bộ.

Lúc đi trong châu thành, nhờ bóng cây che đường mát mẻ nên mẹ con Thu Vân chưa thấy cách đi bộ buổi trưa mệt nhọc là dường nào. Thu Vân xách gói áo quần, Thu Cúc xách gói bánh, mẹ con kê vai nhau mà đi. Hễ thấy xe hơi hoặc xe ngựa chạy gần thì mẹ con leo lên lề đường mà tránh. Thu Vân hổ phận nên cúi mặt không dám ngó người trên xe, còn Thu Cúc chẳng hiểu vì tại nó chưa rõ cay đắng mùi đời, hay là tại nó khinh nhờn ngạo vật, mà hễ thấy xe nó đứng lại ngó trân trân rồi cười ngòn ngòn.

Vừa ra khỏi châu thành bỗng có một chiếc xe cam nhông chở hành khách ở trong châu thành chạy ra. Lúc chạy gần tới hai mẹ con Thu Vân, sắp-phơ tốp máy chậm chậm và kêu hỏi rằng:

– Đi không? Đi Cái Tàu, Nha Môn, Sa Đéc thì lên đây.

Thu Vân lắc đầu, sắp-phơ mở máy chạy tuốt.

Thu Cúc hỏi mẹ:

– Xe đi Nha Môn đó sao má không đi má?

Thu Vân nghẹn cổ nên đáp nho nhỏ rằng:

– Hết tiền rồi con à. Ráng đi bộ không bao xa đâu.

Thu Cúc cúi đầu mà đi, rồi nói rằng:

– Chớ chi còn tiền mình đi xe hơi khỏe quá, má hử. Mà mình đi bộ, bất quá thì mình cũng tới chớ gì.

Thu Vân thấy phía trước mặt có một đứa con gái chừng 13, 14 tuổi đi lại, mặt mày tròn trịa, bộ tướng như con mình. Nàng đi chậm chậm mà nhìn, chừng con nhỏ đi tới nàng hỏi rằng:

– Em là con của ai vậy em?

Con nhỏ nghe hỏi thình lình đứng khựng lại, ngó Thu Vân mà hỏi lại rằng:

– Hỏi chi vậy?

– Hỏi cho biết vậy mà.

– Tôi là con bộ Thòi.

– Cha mẹ em còn đủ không?

– Sao lại không đủ.

– Em tên gì?

– Tên Túc.

Thu Vân lắc đầu nói nhỏ nhỏ "Không phải!" rồi bỏ đi.

Trên trời nắng như đổ lửa, dưới lộ nóng tợ đốt than.

Hai mẹ con thuở nay chơn giày chơn dép, xe ngựa xe hơi, bây giờ phải đi bộ, mà đi chơn không trong lúc trưa nắng, trên đầu chỉ đội có một cái khăn mỏng, nghĩ thật thảm khổ là dường nào. Đi giữa lộ bị cát nóng gần phồng chơn, hai mẹ con mới leo vô lẽ mà đi trên cỏ.

Trong lẽ bị đá cục lông chông lại bị đột cỏ nhọn đâm chơn nữa, nên Thu Cúc đứng lại phủi bàn chơn, rồi bóp mà hít hà. Thu Vân rất xốn xang trong lòng, bởi vậy nàng làm ngo không dám ngó con.

Đi mới vài ngàn thước mà hai mẹ con mặt mày đỏ au, mồ hôi ướt đầm, nhứt là con Thu Cúc nó đi nhúc nhắc thấy tội nghiệp lắm. Thu Vân bèn lấy luôn gói bánh mà xách và nắm tay con mà dắt đi. Nàng kiếm chuyện mà nói, cố ý làm cho quên mệt mỏi. Thu Cúc là đứa hay nói mà đến lúc này nó ừ hử cầm chừng không muốn nói chuyện.

Thu Vân biết con mệt, thấy có một cái nhà canh ở dựa bên đường, bèn vào đó cho con nghỉ chơn. Nàng mở bánh ra mới hay chỉ tiệm trà gọi cho Thu Cúc 3 phong bánh in. Nàng bèn hỏi con rằng:

– Con đói bụng không con? Như con đói thì ăn bánh đó. Muốn ăn thứ nào cũng được.

– Mình đi đây không biết chiều mình tới nhà ông nội hay chưa, má?

– Không biết.

– Thôi, mình ăn bánh in chơi. Bánh mì để dành chiều mình ăn đặng thế bữa cơm chiều, chớ ăn bây giờ rồi mình chưa tới nhà ông nội, rồi cơm đâu mình ăn, phải hôn má?

Thu Vân gật đầu. Thu Cúc liền mở một phong bánh in ra, rồi mẹ con ăn với nhau. Thu Vân ăn bánh mà như ăn đất, không ngon ngọt chi hết. Thu Cúc nhai ngồm ngoồm vừa cười vừa nói rằng:

– Ối! Người đời của chung, không hơi nào mà mắc cỡ. Thuở nay mình đãi họ ăn của mình hoài, bây giờ người khác phải trả lại cho chớ, phải hôn má?

Thu Vân day mặt chỗ khác không trả lời.

Ăn hết phong bánh in rồi Thu Vân mới dọn dẹp, gói bánh mì, bánh in, đường cát chung lại với quần áo làm một gói đặng xách cho dễ. Thu Cúc miệng còn nhai bánh, chơn bước ra mé lộ, đứng dòm coi có nhà nào ở gần, đặng lại đó xin nước uống. Nó ngo trở lại phía Vĩnh Long thì thấy có một chiếc xe hơi ở phía đó chạy lại, kèn bóp te te, bụi bay mù mịt. Nó đưa tay chỉ cái xe hơi và kêu mẹ nó ra coi.

Thu Vân gói đồ xong rồi, vừa bước ra lộ, thì cái xe hơi chạy chậm lại vừa ngừng trước mặt hai mẹ con.

Thu Vân thấy cái xe mui kiếng, rộng lớn, sơn màu lá cây, nước sơn bóng ngời mà không có ai ngồi phía sau, duy có người sếp-phơ ngồi phía trước mà thôi.

Xe ngừng rồi, người sếp-phơ ló đầu ra hỏi:

– Đi không? Tôi chở cho.

Thu Vân lắc đầu đáp:

– Không.

– Vậy chớ chị đi đâu trời nắng gần chết lại xách đồ đứng đó?

– Tôi đi Nha Môn.

– Đi Nha Môn thì leo lên tôi chở giùm cho.

– Không được đâu cậu.

– Sao vậy?

– Mẹ con tôi không có tiền nên thùng thảng đi bộ.

– Xa quá mà chị đi bộ sao nổi. Trời nắng này đi đặng chết cho rồi.

– Không có tiền thì phải ráng chớ.

– Cứ nói tiền hoài. Chị có tiền mượn một cái xe tám chín ngàn như vậy mà đi sao nè. Tôi biểu lên tôi chở giùm cho, tôi không đòi tiền đâu mà sợ.

Người sớp-phơ nói tới đó liền leo xuống mở cửa phía sau rồi hối mẹ con Thu Vân lên xe. Thu Vân sợ bị gạt nên dục dặc không chịu đi. Người sớp-phơ nói rằng:

– Tôi bảnh lắm mà. Tôi ở với chủ tôi, hễ đi xe không, tôi gặp ông già bà cả hay là con nít đi bộ tôi chở giùm hết thảy, không khi nào ăn tiền. Chị cứ việc leo lên, đừng có ngại chi hết. Tôi đưa chủ tôi xuống Vĩnh Long, chủ tôi bỏ quên đồ nên sai tôi về lấy, lên cho mau đặng tôi có đi. Cháu lên trước đi, cháu.

Thu Cúc thấy sớp-phơ còn trẻ, tuy ăn nói không được đủ lễ cho lắm, song mặt mày hiền hậu, bộ tướng thành thiệt, nó không nghi ngại chi hết, bởi vậy chùng biểu nó leo lên thì nó lên liền. Thu Vân dè dặt không muốn đi, nhưng thấy con đã leo lên xe rồi, phần thì thấy trên lộ trời nắng đổ hột, bởi vậy nàng miễn cưỡng bước lên theo. Sớp-phơ đóng cửa lại rồi lên đạp máy cho xe chạy.

Ngồi trên xe có mui kiếng che khỏi nắng, mà xe lại chạy vùn vụt gió thổi mát mẻ.

Thu Cúc lấy làm đắc ý nên miệng chum chum cười hoài. Nó thấy nệm ngồi, nệm dựa có bông rất đẹp, dưới chỗ để chơn có lót khảm, trước có treo bình cắm bông hương bông huệ, thiệt là phong lưu sang trọng.

Thu Vân trong lòng không an, nên ngồi lặng thinh.

Thu Cúc thấy mẹ không muốn nói chuyện nó liền day mặt ngo bên đường. Nó thấy mấy người đi bộ nắng nực đổ mồ hôi ướt áo, nó

nhớ hồi nãy mẹ con nó cũng vậy, mà lại thêm đau chơn mỗi cẳng nữa, thì nó càng thương xót phận cực khổ của kẻ nghèo. Nó định nếu nó có xe hơi nó sẽ bắt chước anh sớp-phơ này; bất luận là đi đâu, hễ nó gặp đàn bà con nít đi bộ thì nó chở giùm hết cả.

Thu Cúc đang ngồi tính thầm, thỉnh thoảng anh sớp-phơ day lại nói:

– Gần tới Nha Môn rồi. Chị ghé nhà nào thì chỉ cho tôi ngừng.

Thu Vân không biết chỗ nào mà chỉ nên nói ú ớ.

– Tôi ghé chỗ lò gạch ông hội đồng Đạt, cậu biết hôn?

Người sớp-phơ đáp:

– Tôi không biết. Thôi để tôi ghé đầu cầu đó chị xuống.

Cách chẳng bao lâu đã thấy có cái cầu trước mặt. Xe hơi bóp kèn vang rân, tốp máy chạy chậm chậm, rồi ngừng tại đầu cầu.

Sớp-phơ tay mở cửa, miệng nói:

– Tới rồi.

Thu Vân vội xách cái gói rồi dắt Thu Cúc lật đật leo xuống. Nàng bước tới muốn tạ ơn mà chưa kịp nói thì sớp-phơ đã đóng cửa xe, đạp máy bóp kèn chạy tuốt.

IX.

Thấy nhà lầu, lại không vô đăng,
Vào trại lá mà phải ở đây.

Tại đầu cầu Nha Môn người ta ở đông nhưng trưa nắng kẻ mắc nghỉ ngơi, người mắc làm sau vườn, nên không có ai ở ngoài cửa. Có ba bốn đứa con nít đang giỡn chơi dưới gốc xoài dựa lộ thấy có một cái xe hơi tốt ngừng tại đầu cầu thì chúng nó áp chạy lại mà coi. Chừng chúng nó thấy mẹ con Thu Vân leo xuống, mặt mày sáng láng mà y phục lam lù, thì chúng nó lấy làm lạ nên chong mắt mà ngó, chẳng hiểu vì có nào người bận áo quần như vậy mà được đi xe tốt như vậy. Có lẽ Thu Vân cũng hiểu tình ý mấy đứa nhỏ này, song nàng không bợn ngạo chi hết.

Xe chạy rồi nàng liền bước lại hỏi đứa nhỏ đứng gần:

– Em biết nhà ông hội đồng Đạt ở chỗ nào không em?

Đứa nhỏ ấy chỉ tay mà đáp rằng:

– Kia kia! Qua cầu rồi tới khúc quẹo thấy có nhà lầu đó là nhà ông.

– Ông có lò gạch phải không em?

– Ờ, mà lò gạch ở trên một đồi nữa.

– Cám ơn em.

Thu Vân với Thu Cúc qua cầu. Trời nắng gắt, ván cầu nóng như lửa đốt. Mẹ con Thu Vân nóng chơn quá chịu không nổi nên chạy riết dặng qua khỏi cho mau.

Sắp con nít thấy vậy thì cười rộ.

Qua khỏi cầu rồi, nhờ có cây hai bên che mát, nên mẹ con Thu Vân thủng thẳng núp bóng mà đi.

Đi tới khúc đường quanh, bỗng thấy có một cái nhà lầu lớn và xinh đẹp ở dựa bên đường, phía bên tay trái. Mẹ con Thu Vân đứng ngay cửa ngõ nhìn vào thấy trong nhà mấy cánh cửa đều mở hết, nhưng ngoài cửa ngõ thì đóng chặt.

Thu Vân đứng nhìn hoài, có ý chờ coi trong nhà có ai ra thì hỏi thăm lại cho chắc rồi sẽ vô. Nàng coi kỹ thì thấy ngôi nhà nguy nga thật; phía ngoài đường có xây hàng rào sắt, cửa ngõ cũng bằng sắt.

Trong sân trồng hoa quả, kiểng vật đủ thứ. Mỗi bên trồng sa-bô-chê với mặng cục, còn một bên trồng ổi bồ đào với quít đường. Chính giữa có đúc một cái hồ bằng xi măng, trên cái hồ có xây một hòn non bộ. Dài theo đường vô cửa cái thì để hai hàng chậu, nào là kim quít, nào là bùm sụm, nào là bạch mai, nào là cần thăng, cây nào gốc cũng bằng bắp tay, mà nhánh lại uốn như lân như phụng. Nhà lớn để ghé bàn hực hờ, nhưng không thấy ai nằm ngồi, nhà bếp cất ở phía sau, nên khuất nhà lầu không thấy rõ được.

Thu Vân đương đứng ngóng bỗng có một người đàn ông đi ngang qua. Nàng hỏi thăm thì thiệt quả là nhà của ông hội đồng Đạt.

Thu Cúc nghe nói nhà ông hội đồng Đạt thì kéo áo mẹ và nói rằng:

– Kêu cửa đi má.

Thu Vân phủ tay con rồi lần bước mà đi.

Thu Cúc chạy theo hỏi nhỏ rằng:

– Phải nhà ông nội rồi. Má kêu thì trẻ nhỏ ra mở cửa chó gì.

– Ê! Đừng có nói bậy. Má đã dặn phải giấu mà cứ nói hoài. Ông nội, ông nội gì? Con muốn ông đánh đuổi đặng mang xấu hay sao?

– Bây giờ ông nội thương mình rồi má.

– Nói vậy chó ai mà dám tin. Mình giấu hoài, để độ tình ý coi như ông nội thương thiệt, rồi sẽ nói. Con đừng có chộn rộn, để cho má lo liệu. Má biểu làm sao con sẽ làm vậy, con đừng có cãi hù việc hết, nghe không.

Thu Vân bước lại gốc cây xoài lớn ở dựa cửa ngõ mà ngồi. Thu Cúc cũng lại ngồi một bên mẹ. Nó suy nghĩ một hồi rồi nói với mẹ rằng:

– Ruong đồ bị ăn trộm lấy thiệt là hại quá. Tiền bạc áo quần mất không sao, ngặt khai sanh của con với hôn thú của ba má mất, bây giờ biết làm sao?

– Nếu cần dùng thì mình gửi thơ cho thầy ba Thiện mượn sao lục cái khác, khó gì.

– Được hả má!

– Ừ.

– Còn khai sanh của chị Thu Ba má làm sao?

– Xin lục tại Xã Tây Chợ Lớn. Giấy tờ mất không hại gì, má buồn có một điều là mất mấy bức thơ của ba con, bây giờ không còn dấu tích chi hết...

Thu Vân nói tới đó thì tủi lòng nên bệu bạo muốn khóc.

Thu Cúc cũng nhớ cha nên ngồi buồn hiu. Mẹ con khoanh tay ngồi dưới gốc cây xoài, bộ như người đi đường ngồi nghỉ chân. Cách chẳng bao lâu có một cái xe hơi ở phía Sa Đéc chạy xuống. Thu Cúc đứng dậy mà nhìn, thấy quả cái xe đưa mình hồi nãy, chuyến này sộp-phơ mắc lo bóp kèn đặng qua khúc quanh nên không thấy nó.

Xe hơi chạy qua khỏi rồi bỗng nghe có tiếng người mở cửa ngõ lộp cộp. Thu Vân lật đật đứng dậy, men men đi lại. Có một người đàn ông, tuổi chừng 40, mặc quần đen áo vải đen, miệng rộng ngậm

trầu bô bô, đầu tóc rối chôm bôm, lại có bịt cái khăn xéo trắng, xô cửa ngõ rồi bước ra.

Thu Vân lần lại hỏi rằng:

– Phải nhà ông hội đồng đây không chú?

Người ấy lơ mắt ngó Thu Vân từ trên đầu xuống dưới cẳng rồi mới chịu đáp:

– Phải. Hỏi chi vậy?

– Mẹ con tôi nghèo khổ không có chỗ làm ăn, nghe nói ông hội đồng giàu có mà lại nhơn đức, nên đến đây xin ở làm công việc cho ông mà nhờ hột com dư. Không biết có ông hội đồng ở nhà hôn chú?

– Có. Mà không được đâu. Ông nhơn đức thì nhơn đức, mà có phải ông nuôi hết thầy thiên hạ được đâu. Nếu ông nuôi hết người nghèo như chị vậy thì ông phải cất mấy muôn cái nhà mới đủ cho người ta ở. Không được đâu. Chị ở đâu mà lại đây?

– Tôi ở dưới Vĩnh Long.

– Xa dữ hôn! Ở dưới không ai thềm muốn hay sao mà đi lên tới trên này lận.

– Cũng có, nhưng tôi nghe nói ông hội đồng trên này nhơn đức, lại ông thiếu người nấu ăn, nên tôi mới lên đây.

– Ai nói thiếu người nấu ăn. Vậy chớ vợ tôi đó chi. Nó chết rồi hay sao? Cha chả! Chị này chỉ rửa vợ tôi chớ.

– Ai mà rửa. Tôi nghe họ nói như vậy chớ.

– Chị nghe lầm. Trong nhà thiếu gì người làm công việc. Vợ tôi nấu ăn, tôi làm vườn, thằng Hiếu quét nhà, lau bàn lau ghế, còn thiếu người làm việc gì nữa mà muốn. Chị không hiểu, tôi ở với ông tôi 20 năm rồi, ông tôi thương tôi như con ruột. Người lạ ông tôi không bao giờ chịu muốn đâu mà mong.

– Chú làm ơn cho tôi vô, tôi lạy ông, tôi ở ông bắt làm việc chi cũng được, miễn là mẹ con tôi có com ăn một ngày hai bữa thì thôi.

– Không có được. Hể tôi nói không được là không được. Chị đừng có cãi mà. Ông ể mình hôm nay, cho chị vô lộn xộn rồi ông rầy tôi sao? Đi kiếm chỗ khác mà ở. Thôi, hai mẹ con dắt lên lò gạch ở mà làm gạch không được hay sao, khéo làm rận.

Người ấy khép cửa ngõ lại rồi đi xuống dưới đầu cầu. Thu Cúc muốn xô cửa vô đại, Thu Vân cản không cho, biểu để chờ người bận đồ đen ấy trở về. Thu Vân đón tại cửa ngõ mà năn nỉ nữa:

– Chú làm phúc cho mẹ con tôi vô ở dưới nhà bếp, chừng nào tôi giáp mặt ông tôi bẩm, nếu ông không chịu mướn thì tôi sẽ đi.

Người ấy trợn mắt đáp:

– Chị này nói nhây dữ kia! Tôi nói không được mà cứ theo nói hoài, cho chị vô lộn xộn rồi ông rầy người ta làm sao.

– Ông đau sao đó vậy chú?

– Hỏi chi vậy? Chị làm thầy thuốc, chị hốt thuốc cho mạnh được hay sao mà chị hỏi?

– Không mà, tôi hỏi cho biết vậy thôi.

– Chị này thiệt là nhiều chuyện. Đi đi, đừng có ở đằng trước đây nữa.

Người ấy khóa cửa ngõ lại rồi cầm chìa khóa đi vô. Mẹ con Thu Vân nhìn nhau ứa nước mắt. Tuy vậy mà Thu Vân không chịu đi, cứ đứng ngoài rào dóm vô, có ý muốn coi có ông hội đồng đi qua đi lại trong nhà hay không.

Nàng chờ hơn một giờ đồng hồ mà không thấy tăm dạng chi hết, cùng thế rồi nàng dắt con đi lên kiểm lò gạch.

Thu Cúc đi theo mẹ mà mặt nó bùng thụng lắm bẩm nói rằng:

– Nhà của ông nội tôi mà họ không cho tôi vô, thiệt tức quá.

Thu Vân đi chừng 5 khoảng dây thép thì thấy phía bên tay mặt có một cái lò gạch thiệt lớn, hỏi thăm họ nói lò gạch ấy của ông hội đồng. Đầu đường này có 3 cái lò đương hầm gạch nên khói lên ngun ngút. Đầu đường kia củi chất đống nào đống nấy ngun ngút. Phía trong có hai tòa nhà dài, gạch ngói chất đầy đầy.

Thu Vân coi bên đó rồi day ngó bên tay trái. Trên một miếng đất rộng lớn chừng hai, ba mẫu, mần từ đường lộ chạy vô ráp mé sông, đàn ông đàn bà con nít đương lau nhau lổ nhổ, chỗ thì xúm nhau đào đất, chỗ thì gánh đất mà đi, chỗ thì xe gạch ngói in rồi đem qua lò mà hầm, chỗ thì nhồi đất đổ vô khuôn mà in dặng phơi khô cho sẵn. Dựa bên đường có hơn 10 cái chòi lá nho nhỏ cất rải

rác để cho người làm gạch đục nắng đục mưa. Ở chính giữa miếng đất lại có một cái trại lớn để chứa gạch ngói in rồi, hoặc để lúc nào trời mưa thì nhơn công vào đó nhồi đất mà in cho khỏi ướt.

Thu Vân đứng ngoài lộ ngó một hồi rồi dắt con đi vô miếng đất trống ấy. Nàng thấy có một đám con nít chừng 10 đứa với hai bà già đương lụi hụi in gạch, nàng men men đi lại đó mà coi. Con nít từ 10 đến 15 tuổi ôm đất mình mẩy tèm lem, bà già răng đã rụng, tóc đã bạc, mà in gạch coi lệ làng lắm.

Trong đám con nít có một đứa con gái, trạc chừng 13, 14 tuổi, mặt mày sáng láng mà đầu tóc rối nùi, bận một cái quần vải đen sau dít vá ba bốn miếng, hai ống vo lên trên đầu gối, với một cái áo cụt tay cũng bằng vải, hồi trước thì là màu trắng, mà bây giờ màu ấy đã phai rồi coi như là màu xám. Nó ở đằng xa ôm đất đi lại, vừa ngó thấy mẹ con Thu Vân thì nó ngó Thu Cúc trân trân, rồi nhăn răng cười và hỏi rằng:

– Đi đâu đây? Muốn làm chơi với mấy đứa tôi hôn?

Thu Cúc nghe con ấy hỏi như vậy thì cũng chum chim cười, song nó liếc mắt ngó mẹ nó, rồi day qua coi mấy bà già in gạch, chỗ nó không trả lời. Con nhỏ ấy bỏ ôm đất gần một bên đó, rồi trở đi ôm nữa.

Thu Vân coi một hồi rồi ôm gói đồ ngồi dựa bên một bà già và hỏi:

– Tôi muốn làm gạch quá, không biết họ muốn không bà há?

Bà già ấy day lại ngó nàng rồi đáp:

– Muốn, chớ sao lại không muốn.

– Không biết họ muốn một ngày bao nhiêu hờ bà?

– Thuở nay có lò gạch nào muốn làm ngày bao giờ... Minh làm trăm làm thiên rồi tính tiền chớ.

– Làm một trăm là bao nhiêu?

– Một trăm gạch là một cắc, đại tiểu gì cũng vậy. Còn ngói một trăm thì tính một cắc hai.

– Một ngày bà làm được mấy trăm?

– Không có chùng, ôm đất, nhồi đất thì lâu, chó in mà bao lâu.
Nếu trời nắng, một ngày làm tới hai, ba trăm.

– Không biết mấy người làm đây họ ăn ngủ ở đâu bà há?

– Ai có nhà nấy chó.

– Còn mấy người ở xa, không có nhà tại đây họ làm sao?

– Kia kia, có mấy cái chòi đó, vô đó mà ở.

Thu Vân đứng dậy ngó mấy cái chòi, thấy cái nào cũng cất vuông vức mỗi bề chừng 3 thước tây, trên lợp lá chằm dóp, ba phía thì dùng lá sớ sài, còn một phía thì chừa trống để làm cửa ra vô. Nàng đứng ngẫm nghĩ nếu bây giờ mình không ở đây thì biết đi đâu, mà đi rồi làm sao cho con Thu Cúc hiệp với ông nội nó được.

Nàng đương bàng hoàng, thỉnh linh bà già hỏi nàng rằng:

– Cháu ở đâu mà muốn làm gạch?

– Tôi ở dưới Vĩnh Long. Chồng tôi mất, bỏ mẹ con tôi bơ vơ, không phương thế làm ăn, nên trôi nổi lên đây kiếm công việc làm.

– Chồng cháu hồi trước làm giống gì?

– Chồng tôi cũng làm nhiều nghề lắm. Nó làm... Hồi trước nó làm... lính mã tà... rồi sau nó lại làm sớp-phơ.

– Chết hồi nào?

– Mới chết đây.

– Nếu không có việc làm ăn, thôi ở đây mà làm gạch. Làm gạch không khá gì mấy song cũng đủ cơm ăn.

– Tôi muốn lắm, ngặt vì thuở nay tôi chưa làm, không biết có làm được hay không?

– Có khó gì đâu! Coi người ta làm sao, thì mình làm theo như vậy chó gì. Thôi, ở phụ làm với tôi; làm chung với nhau, chừng tính tiền tôi sẽ chia cho.

– Bà có lòng thương tôi, bà dạy như vậy thì tôi cảm ơn quá. Nhà bà ở đâu? Bà làm phước cho mẹ con tôi ở đậu đừng làm với bà được không?

Bà già buông đất, đứng dậy, lấy cánh tay quạt mồ hôi trên trán rồi chỉ một cái chòi nhỏ gần đó và nói:

– Tôi có nhà cửa chi đâu. Tôi ở cái chòi của chủ cất kia. Cháu muốn ở thì ở với tôi.

Thu Vân thấy bà già hảo tâm thì nàng mừng nên nói rằng:

– Bà làm ơn cho tôi ở với. Thôi, bà làm đi. Để tôi coi bà làm gạch làm sao, tôi học lần, đặng sáng mai làm với bà.

Hai mẹ con ngồi cà rà một bên bà già. Thu Cúc bộ vui lắm, nó coi bà già làm một hồi rồi nói:

– Làm gạch coi thế không khó. Bà làm dễ như chơi. Để mai cháu làm với bà, nghe hôn bà.

Bà già gác đầu. Nó lại day qua nói với mẹ nó:

– Ne má, để mai con ôm đất nhồi như bây trẻ đó, còn má coi theo bà đó mà in, nghe hôn má. Hễ má mệt má nghỉ thì con in chớ ôm đất lấm áo lấm quần hết.

Bà già thấy Thu Cúc còn nhỏ mà biết thương mẹ, biết lo mẹ mệt, biết sợ mẹ lấm áo, thì bà đem lòng thương, nên tay thì làm mà miệng thì nói chuyện với nó hoài.

Mặt trời gần lặn, bà già đi xuống vũng nước gần đó rửa tay rửa mặt rồi dắt mẹ con Thu Vân về chòi.

Đứa con gái hỏi Thu Cúc hồi nó mới vô đó, thấy mẹ con Thu Vân đi với bà già, bèn chạy theo níu tay Thu Cúc hỏi rằng:

– Về nhà bà Sáu ở đặng làm gạch phải hôn?

Thu Cúc day lại cười và đáp rằng:

– Ừ, tôi ở đây đặng làm gạch.

– Được a, ở làm chơi. Tôi dạy giùm cho. Mình ôm đất vô nhồi rồi in chớ có khó gì. Chị em mình chơi với nhau nghe hôn?

– Nhà chị ở đâu?

– Ở trên kia.

Con nhỏ ấy nói có mấy lời rồi tẻ đường đi lên lộ. Về tới chòi, Thu Vân phải cúi đầu khum lưng chun vô mới được.

Nàng dòm coi trong chòi trống trơn; phía tay mặt thấy có một cái chõng mà cái chõng lại khác hơn cái chõng của người ta: sáu cây nạng đóng xuống đất làm chon, trên gác ba cây ngang rồi phủ vạt

tre thua thua. Có một chiếc đệm cuốn bỏ trên chõng chó không thấy mền mùng chi hết. Phía trong có dùm ba cục gạch làm ông táo. Gần đó có để một cái nồi, hai cái ọ, với vài cái chén, vài cái đĩa đá. Tại vật trong chõng chỉ có bao nhiêu đó mà thôi.

Thu Vân thấy quang cảnh như vậy thì nàng đau đớn trong lòng song nàng chum chim cười. Vì nàng nghe con nhỏ hồi nãy kêu bà già ấy là "Bà Sáu" nên nàng bắt chước kêu mà nói rằng:

– Cha chả, chõng nhỏ quá như vậy mẹ con tôi ở đây thì cực cho bà lắm, bà Sáu há?

Bà Sáu day lại cười mà đáp rằng:

– Cực giống gì, ăn nhiều chó ở mà hết bao nhiêu.

– Tối chỗ đâu mà ngủ?

– Có một cái chõng đó chi! Lo dữ hôn.

– Cái chõng nhỏ quá ngủ sao đủ?

– Hại gì. Như có chật thì tôi để cho hai mẹ con ngủ đó tôi ngủ dưới đất cũng được mà.

– Ai mà nỡ để cho bà ngủ dưới đất.

– Hai mẹ con ăn cơm rồi chưa? Như chưa ăn thì nói tôi nấu thêm, chó tôi già cả ở một mình trưa tôi nấu một nồi rồi ăn phân nửa, còn phân nửa để dành chiều.

– Mẹ con tôi chưa ăn cơm, nhưng mà không sao đâu. Tôi còn bánh mì đây, tôi ăn thế làm cơm cũng được, bà đừng nấu nữa thất công.

Bà Sáu lại bếp bung nồi cơm đem để trên chõng rồi bà lấy hết chén đĩa mà sắp ra đó nữa. Thu Vân cũng mở gói lấy gói bánh ra. Hai đảng đều tưởng đảng kia có đồ ăn nhiều, té ra chùng dọn xong rồi mới hay bà Sáu ăn cơm nguội với muối tiêu, còn mẹ con Thu Vân ăn bánh mì với đường cát. Tuy vậy mà nghèo gặp khổ nên không ai cười ai, đã vậy mà ai cũng đói bụng hết thảy nên ngồi ăn coi ngon lắm. Hai đảng lại mời lẫn nhau, bà Sáu ăn thử khúc bánh mì, bà nói nhai không nổi. Con Thu Cúc ăn thử một chén cơm nguội, bị muối tiêu cay nên nó hít hà hoài.

Ăn cơm rồi bà Sáu xách tìn nước mưa ra lấy chén rót mà uống với nhau.

Trời đã tối; bữa ấy nhằm 12 âm lịch trăng đã mọc cao mú, nên dọi vô chòi sáng trung.

Bà Sáu nói:

– Lúc này có trăng nên tôi không mua dầu, bắt nhon quá, bây giờ dầu đâu mà đốt.

Thu Vân trả lời:

– Thôi, đốt đèn làm chi. Nói chuyện thăm mà chơi một lát rồi ngủ, khách khứa gì hay sao mà bà lo đèn đuốc.

Bà Sáu quét chõng trải đệm rồi khuyên mẹ con Thu Vân lên nằm đó mà nghỉ. Thu Vân nhường lại cho bà và xin bà cho mượn một chiếc chiếu để trải dưới dật dặng mẹ con nằm.

Bà Sáu suy nghĩ một hồi rồi nói rằng:

– Có chiếu lúp gì đâu... Ờ, thôi hai mẹ con ở nhà chơi để tôi chạy lại đàng này mượn một chiếc chiếu đem về cho mà nằm đỡ.

Bà nói dứt lời rồi đi liền. Cách một hồi bà ôm về một chiếc chiếu rồi trải ngay cửa chòi. Bà lên nằm thử rồi nói:

– Được rồi. Để tôi ngủ đây cho, hai mẹ con lên chõng ngủ cho rộng.

Thu Vân thấy vậy mới chịu lên chõng nằm. Nàng vừa đặt đầu xuống gối thì gối bay mùi hôi quá nên nàng phải lấy cái khăn mà bao lại rồi nằm mới được.

Bà Sáu nói chuyện lấp đáp một hồi rồi bà ngủ khò. Thu Cúc bị đi nắng gió một ngày nên mệt mỏi, vừa nằm xuống thì nó cũng ngủ liền.

Có một mình Thu Vân bị vạt tre cắn lưng đau mình, phần thì trong trí óc lo tính buồn rầu nên nàng nằm thao thức hoài. Vách có lỗ, ánh trăng dọi vô mặt nàng.

Nàng nhắm mắt lim dim, trong trí nhớ nổi chồng, xét phận mình, thương thân con lằng xằng. Hồi nào lên xe xuống ngựa, chon vớ chon giầy, nằm giường sắt nệm gòn, ăn cá tươi thịt tốt, bây giờ tấm thân lao khổ, chồng mất con khò, không có ai nương dựa. Cha

chồng giàu có, nhà lớn cửa cao ở một bên đây, còn mẹ con mình đã về tới rồi mà phải núp lén trong một cái chòi trống như vậy, mình không được nhìn cha, con mình không được nhìn ông nội!

Đã biết khi trước vợ chồng mình lỡ quấy làm nhục tổ tiên. Mà cái lỗi ấy trong mười mấy năm nay vợ chồng buồn rầu lo sợ hết sức, dường ấy há chưa đủ chuộc cái tội xưa hay sao, mà trời đất nỡ đoạn dây cương thường, còn nỡ dày thân bồ liễu như thế? Thôi, Trời Phật không thương muốn phạt mình cho cực thân khổ trí đáo để thì mình phải cam chịu, vì mình có lỗi nên mình không phép than phiền.

Mình cứ vái Trời Phật xui khiến cho con mình được về ở chung với ông nội nó rồi mình chết theo chồng cho trọn niềm chung thủy.

Nàng nghĩ tới đó rồi ngủ quên.

X.

Đến nông nổi kể chi tân khổ,
Bước gập ghình nhờ có chị em.

Trời vừa rạng đông, bà Sáu thức dậy lấy nồi vo gạo nấu com. Bà làm lộp cộp, Thu Vân giục mình nên cũng thức dậy.

Thu Vân thấy bà nhúm lửa lằng xằng bèn hỏi:

– Bà có gạo đủ nấu hay không bà Sáu?

– Có, có đủ mà.

– Ờ, nếu có thì bà nấu com cho mẹ con tôi ăn với. Chẳng giấu bà làm chi, tôi nghèo quá, trong túi còn năm cắc bạc mà thôi. Để tôi đưa hết cho bà mua gạo. Bà làm phước nuôi giùm cho mẹ con tôi, tôi làm được bao nhiêu tiền tôi sẽ đưa hết cho bà cất. Nàng vừa nói vừa móc túi đưa hết mấy cắc bạc cho bà Sáu.

Bà Sáu nghe lời nói thê thảm, bà lấy làm cảm động. Bà không chịu lấy tiền, mà nàng cứ theo năn nỉ hoài, bà sợ nàng ái ngại, nên cực chẳng đã bà phải lấy.

Com vừa chín thì mặt trời vừa mọc mà con Thu Cúc cũng vừa thức dậy. Bà Sáu ngó con nhỏ cười và nói:

– Dậy cháu, dậy ăn com rồi đi làm. Dữ, mẹ kiếp nó ngủ coi ngon dữ a.

Thu Vân cũng cười và nói:

– Đi một ngày hôm qua, nắng gió nên nó mệt.

Thu Cúc cũng cười rồi đi kiếm nước rửa mặt.

Bà Sáu bung nồi com để trên chõng, còn Thu Vân đi lấy chén đũa đem ra.

Bữa nay cũng ăn com với muối tiêu nữa, chớ không có thịt cá chi hết, mà nhờ com nóng, lại cũng vì bụng đói, nên ba người ăn coi ngon lắm, ăn hết nồi com mà bộ còn muốn ăn nữa.

Ăn uống xong rồi bà Sáu, mẹ con Thu Vân đi lại trại làm gạch. Sắp nhỏ hôm qua đã tới trước rồi, đũa thì còn giỡn chơi, đũa thì đã cởi áo đi ôm đất.

Con nhỏ làm quen với Thu Cúc hôm qua thấy Thu Cúc vô trại thì lật đật chạy lại nắm tay và nói rằng:

– Đi, đi ôm đất với tôi. Tôi dạy cho mà làm.

Thu Cúc sợ ngợ day lại hỏi mẹ:

– Con đi ôm đất cho má nhồi nghe không má? Mà phải cởi áo hay là để như vậy? Nếu ôm đất mà bận áo thì nó lắm hết còn gì.

Bà Sáu hót mà trả lời rằng:

– Cháu để áo như vậy mà ôm, cởi làm chi? Nó có lắm thì chiều mình giặt nó chớ.

Thu Cúc vội vã đi theo sắp nhỏ kia mà ôm đất. Con nhỏ làm quen với nó đó bèn cập kê với nó vừa đi vừa hỏi rằng:

– Chị tên gì?

– Tôi tên Cúc. Còn chị tên gì?

– Tôi tên Nuôi. Tôi năm nay 14 tuổi, còn chị mấy tuổi?

– Tôi 13 tuổi, nhỏ hơn chị một tuổi.

– Hai đứa mình làm chị em với nhau chơi nghe không?

–Ừ, mà lớn hơn tôi thì chị phải kêu tôi bằng em, chớ đừng có kêu bằng chị nữa nghe.

–Ừ.

– Chị còn cha mẹ đủ hay không?

– Cha tôi mất rồi, tôi còn một mình má tôi thôi.

– Chị cũng như tôi. Má chị làm gì? Có làm gạch ở đây hay không?

– Hồi trước cũng làm gạch. Mấy tháng nay má tôi hay nóng lạnh quá nên không dám dầm nước, ở nhà làm bánh bán.

– Bánh gì?

– Không biết chừng, bữa thì làm bánh ết trần, bữa thì làm bánh xôi nước.

– Lòi không?

– Lòi chớ. Một ngày lòi chừng vài cắc.

– Còn chị làm gạch một bữa được bao nhiêu tiền?

– Một tuần tôi lãnh chừng một đồng hai.

– Tôi ráng tôi làm; tôi cầu một tuần tôi lãnh chừng một đồng bạc thì cũng được đủ khá lắm.

– Sao lại không được. Chị làm có tôi giúp cho.

– Tôi đã nói chị kêu tôi bằng em, sao chị còn kêu bằng chị?

– À quên! Thôi kêu bằng em. Em ráng mà làm. Em có má em. Em ôm đất cho má em nhồi mà in thì má em phải làm được nhiều lắm chớ.

– Ờ, má tôi làm chung với bà Sáu. Có bà Sáu nữa thì chắc lãnh tiền được bộn chớ, chị há?

Hai đứa nói chuyện với nhau mới có bao nhiêu đó thì đã tới đồng đất rồi. Thu Cúc đứng ngó một người hình vóc cao lớn ở trần đưa lưng đen thui, đương đứng dưới ruộng mà xắn đất. Có hai ba người khác nữa ôm đất ấy để đồng dựa một bên bờ. Một đám đàn bà con nít bu nhau lại đồng đất đó mà ôm, tốp đem qua trại này, tốp đem qua trại khác.

Con Nuôi a vô ôm đất và kêu Thu Cúc mà nói:

– Ôm đi em, ôm như chị đây nè.

Thu Cúc đứng bỡ ngỡ, chừng nó nghe con Nuôi kêu rồi lại thấy con Nuôi ôm nữa, nó mới bước tới đưa hai tay ra mà móc đất. Nó vừa thọc tay vô đồng đất liền rút ra, rồi đưa hai tay lăm đất lên mà dôm.

Con Nuôi thấy vậy đứng cười ngất rồi nói rằng:

– Ôm đại đi mà! Ôm đất mà em sợ lắm tay thì ôm sao đặng.

Mấy đứa nhỏ kia thấy vậy cũng tức cười, nên đứng ngó Thu Cúc trăn trăn.

Thu Cúc sợ chúng bạn cười nên thò tay vô đóng đất nữa. Nó móc một cục chùng bằng cái tô, mà vì nó sợ ôm vô mình lắm áo, nên nó bùm hai tay mà đưa ra ngoài.

Con Nuôi liền biểu:

– Em ôm đại vô trong mình đi mà. Phải ôm mới nhiều chớ, sợ lắm áo em bùm như vậy thì có bao nhiêu đất.

Sắp nhỏ vùng cười rộ, làm cho Thu Cúc thẹn thùa cúi mặt xuống không nói chi hết. Thành tình không biết đứa nào răn mắng, muốn khuấy chơi, nên liệng một cục đất ước dánh ngay ngực con Thu Cúc làm lắm áo, một bệt bằng cái chén. Thu Cúc buông cục đất nắm trong tay rồi chừ bự muốn khóc.

Con Nuôi ngó sắp nhỏ hỏi lớn:

– Đứa nào chơi đại vậy hử? Em tao còn mới nên nó sợ ngợ. Bây chộc nó tao đánh bây chết a.

Nó nói dứt lời rồi liền móc một cục đất lớn trao cho Thu Cúc mà biểu ôm. Vì áo đã lắm rồi Thu Cúc hết sợ lắm nữa, bởi vậy nó liền ôm cục đất ướm vào mình, không còn sợ ngợ như hồi nãy. Con Nuôi móc một cục đất khác mà ôm rồi biểu Thu Cúc đi.

Hai đứa nhỏ trở về trại, vì ôm đất nặng nên không nói chuyện được. Thu Cúc ôm đất chưa quen, đi dọc đường đất lọt rớt lọt đọt, bởi vậy về tới trại, nó bỏ cục đất của nó xuống thì còn chùng được một tô mà thôi.

Bà Sáu cười và nói:

– Cháu ôm như vậy biết đời nào mới đủ làm.

Thu Cúc cười ngỏn ngoẻn rồi day lại kéo con Nuôi đi ôm nữa. Bà Sáu với Thu Vân nhồi đất của bà ôm sẵn bữa trước rồi bà day nàng in gạch với bà. In được vài chục miếng, bà thấy nàng đã quen rồi, mà đất lại gần hết, con Thu Cúc ôm một mình không đủ làm, bà mới để cho nàng in, còn bà đi ôm phụ với Thu Cúc.

Thu Cúc ôm năm ba bận nó đã quen rồi nên lần lần ôm được nhiều hơn một chút. Đến chừng nó thấy bà Sáu đi ôm phụ với nó thì nó vui lòng nên làm sốt sáng lắm.

Bận vô mắc ôm đất, nó nói chuyện không được, bởi vậy bận ra không nó đeo theo con Nuôi, hai đứa nói chuyện với nhau như kết. Mới gần nhau trong một buổi sớm mai, mà hai đứa nó đã dan díu thân thiết với nhau, ai mới thấy cũng tưởng chúng nó quen với nhau từ nhỏ chí lớn.

Đến 11 giờ trưa, trong lò gạch đánh một hồi trống, những người ôm đất in gạch, già trẻ gì cũng đều kéo nhau về ăn cơm. Con Thu Cúc thuở nay không quen làm, bởi vậy ôm đất có một buổi mà nó đã mỏi tay mỏi cẳng.

Về tới chòi, bà Sáu lấy nồi nấu cơm. Thu Cúc giặt áo đem phơi trước sân, rồi mặc áo túi leo lên chõng nằm; mẹ nó mở gói đưa cái áo lụa cho nó mặc, mà nó không chịu, cứ nói mặc áo túi chơi cho mát. Nó nằm đó bụng đói, tay mỏi mà nó vui như thường.

Nó thấy bà Sáu bung nồi gạo đi vô nó vùng nói rằng:

– Lát nữa làm muối đặng ăn cơm, bà bỏ tiêu ít ít vậy nghe hôn bà Sáu. Bà bỏ tiêu nhiều cay quá cháu ăn không nổi.

Thu Vân nghe lời than của con, nằng động lòng vô cùng. Bà Sáu thấy vậy cũng thương nên nói:

– Cháu ăn muối tiêu không được, thôi để bà lại quán mua đồ về cho cháu ăn.

Thu Vân nhúm lửa xong rồi, bà Sáu bắt nồi cơm lên bếp. Bà biểu Thu Vân coi chừng cho bà đi mua đồ. Bà lấy một cái quâu nhỏ với một cái ve chai rồi xách đi. Thu Cúc muốn đi theo chơi, mà rồi nó mặc áo túi sợ đi ra đường coi kỳ nên nó không đi.

Bà Sáu đi rồi, Thu Vân hỏi con:

– Con ôm đất mệt không con?

– Mệt, mà làm vui quá má há? Hồi nãy má thấy chị Nuôi đó hôn? Chỉ thương con lắm, mà con cũng ưa chỉ nữa.

– Chị Nuôi nào?

– Chị mập mập dạy con ôm đất, cứ theo nói chuyện với con hoài đó.

– Ờ, té ra con đó là con Nuôi hay sao?

– Thưa, phải.

– Con của ai vậy?

– Thưa, không biết. Chỉ nói nhà chỉ ở trên kia, má chỉ bán bánh.

– Con phải nhớ, ai có hỏi thì con phải giấu, đừng nói thiệt là con ai nghe hôn. Con cứ nói cha của con hồi trước làm sớp-phơ.

– Hồi sớm mai thỉnh linh chị Nuôi hỏi tên con. Con nói thiệt con tên Cúc. Có hại gì hay không má?

– Con nói tên Cúc không thì không hại gì, miễn là đừng có nói chuyện gì khác nữa thì thôi.

– Bà Sáu đây coi bộ tử tế quá má há? Mình ở đây mà làm, chắc nay mai mình sẽ gặp ông nội chứ gì.

– Nghe nói ông nội con đau, đi đâu được mà gặp.

– Ông đau rồi vài bữa ông mạnh chớ. Để ông mạnh ông lại lò gạch con theo o bé ông thương con cho má coi.

Cơm vừa mới cạn thì bà Sáu lon ton đi về. Thu Cúc lật đật đứng dậy xem thấy bà mua một quâu gạo, trên có để bốn con khô sặt, còn trong chai thì có nửa chai nước mắm.

Bà cười và nói:

– Máy cắc bạc của mẹ cháu đưa hồi sớm moi, bà mua đồ hết cho cháu ăn.

Thu Cúc vụt nói:

– Nếu ăn hết đồ này rồi làm sao?

– Ăn hết đồ này thì tới lãnh tiền, lo gì.

– Lãnh chừng bao nhiêu bà?

– Một mình bà làm mỗi tuần bà lãnh một đồng ba, hoặc một đồng tư, có khi tới một đồng rưỡi. Nay có hai mẹ con cháu làm phụ, thì lãnh ít nào cũng hơn hai đồng chớ.

Bà Sáu lấy một con khô sặt đưa cho Thu Vân và nói:

– Nướng đi đặng cho cháu nó ăn.

Bà đi trút gạo vô khạp, buột chai nước mắm vô cột cho khỏi ngã đổ, rồi mới treo xâu khô lên mái nhà. Cơm chín rồi dọn ra bà lấy chén rót một chút nước mắm cho Thu Cúc chấm khô ăn cho mặn miệng.

Thu Cúc có khô với nước mắm nó ăn cơm coi ngon lắm, song nó sợ hết nên không dám ăn cho vừa miệng. Thu Vân liếc thấy ý con như vậy nàng dứt ruột, bởi vậy nàng để khô cho con ăn, cứ quẹt muối tiêu với húp nước mắm mà nuốt cơm. Ăn xong bữa rồi mà còn được nửa con khô. Bà Sáu cất để dành chiều cho Thu Cúc.

Cách chẳng bao lâu, con Nuôi đi lại chòi bà Sáu, Thu Cúc vừa thấy nó bước vô sân thì lật đật chạy ra mừng rỡ, rồi nắm tay kéo nó vô kêu mẹ mà nói:

– Chị Nuôi đây nè má.

Thu Vân dòm thấy con nhỏ mạnh dạn mà mặt mày sáng láng thì nói rằng:

– Con nhỏ này con của ai đâu mà coi ngộ quá?

Bà Sáu trả lời:

– Con này là con của chị Chín bán bánh ết trần ở trên kia. Nó có một mẹ một con, mẹ nó thì bình hoạn hoài, mà con này nó làm giỏi lắm.

Con Nuôi lấy tay quào Thu Cúc, rồi hai đứa dất nhau đi ra ngoài trước. Con Nuôi thò tay vô túi lấy ra hai trái mận đưa cho Thu Cúc. Thu Cúc cười và nói:

– Phải chia ra cho chị một trái em một trái chớ chị đưa hết cho em rồi chị còn đâu chị ăn?

– Qua ăn rồi. Cái này là qua để dành phần cho em. Em ăn hết đi.

– Mận đâu chị có vậy chị?

– Mận của nhà qua trồng.

– Nhà chị có trồng mận hay sao?

– Có, nhà qua có quít, dứa, chuối nữa chớ. Bữa nào rảnh qua dất em lên chơi.

– Ờ, được a; mà má chị rầy hôn?

– Không. Mình chơi chớ có làm việc chi đâu mà rầy.

Tối giờ làm mấy người kéo nhau ra trại. Hai đứa nhỏ cặp kè đi trước, bà Sáu với Thu Vân thùng thủng đi sau.

Thu Vân hỏi bà Sáu:

– Lò gạch này của ai bà há?

– Của ông hội đồng, nhà ở chỗ khúc quẹo đó.

– Tôi có thấy nhà đó. Chắc ông giàu lắm bà há? Mỗi tuần bốn thân ông ấy đi phát tiền hay là ổng sai ai?

– Khi thì ổng đi, khi thì ổng sai tài phú của ổng. Hôm tuần rồi tài phú phát tiền. Nghe nói ông hội đồng ể mình, không biết bữa nay ổng đã hết chưa.

– Không biết ổng đã già hay còn nhỏ?

– ổng cũng đã già rồi chớ, nhưng sức lực ổng mạnh lắm. Ối mà ở đời người giàu như ổng vậy cũng không hơn gì tôi đây.

– Sao vậy?

– ổng giàu mà quanh hiu có một mình, không có con cháu chi hết, nghĩ ra thì thân ổng có hơn mình chỗ nào đâu.

Thu Vân cười rồi cúi mặt xuống đất mà đi, không hỏi nữa. Hồi sớm mai bà Sáu phụ với Thu Cúc ôm đất đã nhiều, bởi vậy buổi chiều khỏi ôm nữa. Bà Sáu với Thu Cúc lo nhồi đất rồi in gạch. Thu Cúc chạy xó rớ chung quanh, coi sắp mà phơi.

Con Nuôi buổi chiều cũng lo in chớ không ôm đất.

Nó in cũng gần đó, nên vừa làm vừa kêu Thu Cúc nói chuyện hoài.

Bữa nào cũng vậy, hễ hết đất thì đi ôm, hễ ôm nhiều rồi thì lo in. Mà con Nuôi nó liệu thế nào không biết, hễ chùng nào Thu Cúc đi ôm đất thì nó cũng đi theo mà ôm.

Đã vậy mà buổi trưa nào nó cũng đi làm sớm ghé chòi bà Sáu kiếm Thu Cúc dắt đi, rồi ra ngoài đường nó cho đồ ăn, khi thì cho mặn, ổi, chuối nấu, khi thì cho bánh ít trần, không lỏi một bữa nào.

Một bữa nọ lối 11 giờ trưa, con Nuôi lại xin phép bà Sáu với Thu Vân dắt Thu Cúc về nhà nó chơi. Thu Vân thấy hai đứa nhỏ

trìu mền nhau, nàng không nghi ngại chi hết nên bằng lòng cho con đi với con Nuôi.

Hai đứa nó đội khăn cặp kè mà đi coi bộ vui vẻ lắm. Ra tới lộ rồi con Nuôi dắt Thu Cúc đi lộn lên phía chợ Sa Đéc.

Thu Cúc hỏi:

– Nhà chị ở gần hay xa?

– Trước kia, chỗ có cây dừa cao đó.

– Chị dắt em về đây, má chị có rầy hôn?

– Không. Qua xin phép má qua trước rồi. Bữa nay má qua có làm một con vịt cúng cha qua. Hồi hôm, qua nói chuyện em thì má qua biểu trưa nay dắt em lên chơi đặng ăn thịt vịt.

– Ý! Té ra nhà chị có đám giỗ hay sao?

– Ừ.

– Cha chả! Nếu có đám giỗ thì em lên đó coi kỳ quá?

– Sao mà kỳ?

– Có khách khứa đông mà em ăn mặc dơ dáy quần áo lấm lem, em thẹn lắm chị à!

– Hở thẹn cái gì? Họ giàu họ bận đồ tốt mình nghèo mình bận đồ xấu. Họ ở không đi chơi tự nhiên quần áo họ sạch, mình mắc làm công việc tự nhiên quần áo mình dơ; mình có làm điều chi quấy đâu mà mình sợ mắc cỡ. Mà em đừng có lo. Nhà qua tuy có đám giỗ nhưng má qua không có mời ai hết, em lên đó coi có gặp ai hay không.

Thu Cúc nghe nói như vậy thì yên lòng, nên không dục dặc nữa. Hai đứa vừa đi vừa nói chuyện với nhau, đi được ba bốn khoảng dây thép, con Nuôi đưa tay lên chỉ và nói:

– Nhà qua đó. Chỗ có cây mận lớn đó.

Thu Cúc ngó theo tay của con Nuôi thấy có một cái nhà lá thấp nhỏ song trước sân sau hè đều có trồng cây bít bủ. Nó không biết má con Nuôi có tử tế như con Nuôi vậy hay không. Bởi vậy nó ái ngại, tuy bước tới mà không nói chuyện nữa.

Cách chẳng bao lâu, hai đứa nó tới nhà, Thu Cúc dự dự đứng ngoài lộ. Con Nuôi bước vô sân rồi ngoắc Thu Cúc biểu vô. Thu Cúc

lớn lên bước vô. Trong nhà quét tước sạch sẽ, cửa mở sáng sủa song vắng tanh chẳng thấy ai hết. Chính giữa nhà có dọn một cái bàn thờ; trên bàn có để một cái đĩa chuối lá xiêm, trái lớn bằng bắp tay, mà mới hươm hươm chớ chưa chín.

Thu Cúc mắc đứng ngó, con Nuôi đi thẳng ra phía sau, rồi nghe nó nói rằng:

– Con có dắt con Thu Cúc về đây má.

Có tiếng người đáp lại:

– Đâu dắt nó vô đây coi.

Con Nuôi chạy ra nắm tay Thu Cúc dắt vô trong.

Má con Nuôi đương ngồi chặt thịt vịt, thấy hai đứa nhỏ bước vô thì ngược lên ngó Thu Cúc cười và nói rằng:

– Cháu tên Cúc phải hôn? Hôm nay con Nuôi bữa nào về nhà nó cũng nói chuyện cháu, nên dì biểu nó rủ cháu lên đây chơi cho biết nhà. Cháu ở đó chơi đợi cúng rồi ăn cơm với nhau.

Thu Cúc tưởng má con Nuôi gắt gao nghiêm chỉnh chừng nó nghe mấy lời nói vui vẻ thì nó hết ái ngại nữa nên nó đứng dựa tấm vách lá mà coi chặt thịt. Nó thấy con Nuôi lấy chén đĩa lau, nó cũng bắt chước làm với con Nuôi, tay nó làm mà mắt nó cứ liếc ngó má con Nuôi hoài.

Nó thấy người dính dăng, chừng lối 50 tuổi, da mặt chưa dòn mà hai hàm răng đã rụng hết.

Đồ múc ra tô đĩa xong rồi, hai đứa nhỏ bung sắp trên bàn thờ. Hai mẹ con con Nuôi đốt nhang vái lạy, còn Thu Cúc đứng dựa cột mà ngó. Nó thấy con Nuôi cúng cha, nó nhớ tới cha nó cũng chết, mà nó không cúng được, nó bắt động lòng ứa nước mắt. Má con Nuôi lạy rồi thấy cặp mắt Thu Cúc ướt rượt thì lấy làm lạ nên lật đật hỏi coi tại sao nó khóc. Thu Cúc cứ chảy nước mắt, không chịu trả lời. Con Nuôi mới dắt Thu Cúc ra sau vườn rồi dỗ mà hỏi, chừng ấy Thu Cúc mới chịu tỏ thiệt tình riêng của nó, song nó cũng còn giấu, chớ không dám nói cha nó là ai. Má con Nuôi nghe chuyện ấy thì khen thầm Thu Cúc làm con có hiếu, bởi vậy chừng cúng rồi dọn đồ xuống chị ta theo ép Thu Cúc ăn cho no, sốt cháo gấp thịt về cá cho nó ăn không ngớt.

Thu Cúc ăn cực khổ mấy bữa, hôm nay sẵn có đồ ăn nhiều nên trí tuy buồn mà miệng ăn ngon lắm. Ăn uống xong rồi, đến xế hai đứa nhỏ mới sửa soạn đi làm. Má con Nuôi thấy tánh ý Thu Cúc thì thương, nên theo căn dặn nó hễ vài bữa đi theo con Nuôi lên nhà chơi một lần.

Tối bữa ấy Thu Cúc nằm với mẹ thổ thê thuật chuyện nó đi ăn đám giỗ nhà con Nuôi hồi trưa. Nó cũng thuật luôn sự nó thấy con Nuôi cúng cha thì nó động lòng nên nó khóc. Thu Vân nghe con nói đến đó thì nàng lấy tay vuốt đầu nó mà nước mắt chảy ròng ròng, may nhờ nhà không có đốt đèn nên bà Sáu với Thu Cúc không thấy được.

Làm gạch mới có mấy bữa thì đã tới kỳ lãnh tiền. Kỳ này tài phú cũng cầm sổ đi đếm gạch ngói rồi phát tiền cho nhơn công, chớ không thấy ông hội đồng. Thu Cúc xúi con Nuôi hỏi coi ông chủ lò gạch đi đâu. Chú tài phú trợn mắt đáp:

– Mày hỏi chi vậy? Ông hội đồng bệnh nên nằm dưới nhà chó đi đâu mà hỏi.

Từ ấy về sau, bữa thì Thu Cúc thừa lúc ngủ trưa đi theo con Nuôi lên nhà nó chơi, bữa thì con Nuôi xuống sớm rồi hai đứa dắt nhau đi xuống phía dưới nhà ông hội đồng kiếm bông mà hái. Thu Vân thấy hai đứa nhỏ hòa hảo với nhau nên nàng để chúng nó chơi với nhau thông thả, không ngăn cản chi hết.

Mỗi lần Thu Cúc đi chơi ngang nhà ông nội nó thì nó có ý dòm coi, song không có lần nào nó thấy dạng ông nội hết, không biết ông nội đau thể nào nên nó lấy làm buồn.

XI.

Bị đói cực nàng Vân nhuộm bình,
Thấy cùng khổ ông Hội thương tâm.

Mẹ con Thu Vân ở chung với bà Sáu làm gạch, tuy làm không giỏi, nhưng vì có sức mẹ con phụ, nên mỗi tuần bà Sáu lãnh trên 2 đồng, đủ tiền mua gạo đắp đổi qua ngày. Hai mẹ con ở làm gần một tháng mà chưa thấy mặt ông hội đồng.

Thu Vân đêm nào nằm cũng tỉnh, song tỉnh hoài mà cũng không biết chước chi gặp ông hội đồng cho được.

Thu Vân thuở nay quen ăn có thịt có cá, ngủ có nệm có mừng, tuy trí thường hay buồn, chớ thân chẳng hề cực bao giờ. Gần một tháng nay ăn bữa nào cũng mắm muối sơ sài, chẳng hề có thịt cá, uống thì nước lạnh lẽo không được sạch chớ không có nước trà, ban ngày làm thì bùn lấm dính đầy mình, ban đêm ngủ thì muỗi mòng áp cắn. Đã vậy mà trong lòng nàng lại thêm buồn rầu nên coi nàng càng ngày càng ốm teo rồi bệnh rét của nàng phát lại nữa. Luôn trong hai ngày, hễ mặt trời mọc thì nàng ón lạnh một hồi rồi nóng hằm cho tới trưa mới dậy được. Nàng đi làm gạch không được. Bà Sáu biểu Thu Cúc ở nhà với mẹ nó cho có bạn, mà Thu Vân không chịu, cứ ép con phải đi làm đặng phụ ôm đất với bà Sáu.

Một buổi sớm mai lối tám chín giờ Thu Cúc đương ôm đất với con Nuôi. Vì mẹ nó đau, trong lòng nó lo sợ, nên mặt nó buồn nguyền, không nói chuyện như mấy ngày trước. Con Nuôi thấy như vậy cũng buồn cho phận của bạn nó, bởi vậy nó hỏi thăm rồi cứ việc lo ôm đất, không đành kiểm chuyện nói cười.

Hai đứa nhỏ ra tới đồng đất, móc mỗi đứa một cục ôm trong lòng, rồi đi vô trại. Chúng nó vừa xây lung đi thì thấy có một người mặc quần áo lụa trắng, đầu bịt khăn xéo đỏ, trên có che cây dù đen, đương xăm xăm ở ngoài lộ đi vô trại.

Con Nuôi vừa ngó thấy vụt nói:

– Úy! Ông hội đồng hết đau rồi hay sao mà bữa nay ông đi vô trại kia.

Thu Cúc nghe nói như vậy thì nó đứng ngó sững, không đi được nữa, mặt nó biến sắc. Con Nuôi day lại ngó thấy tưởng Thu Cúc sợ ông hội đồng, nên hỏi:

– Em sợ ổng hay sao? ổng đi coi vậy thôi. Chớ ổng có rầy rà chi đâu mà sợ.

Thu Cúc ôm đất thủng thẳng đi từ bước, vừa đi vừa chăm chỉ ngó ông hội đồng. Ông hội đồng đi mau hơn nên ông tới trại trước, ông sập dù rồi chống xuống đất đứng giữa trại coi làm gạch. Hai đứa nhỏ ôm đất vô tới, con Nuôi đi trước con Thu Cúc đi sau. Thu Cúc liệng ôm đất xuống, mặt mày buồn xo cặp mắt ướt rượt.

Ông hội đồng ngó Thu Cúc trân trân, rồi bước lại vỗ vai nó mà hỏi rằng:

– Cháu là con của ai? Cháu làm ở đây được bao lâu rồi? Có đứa nào ăn hiếp hay sao mà cháu khóc?

Thu Cúc đưa cánh tay lên chùi nước mắt, rồi đứng tấm túc tấm tủi nói không được. Bà Sáu thấy vậy bèn hót mà trả lời:

– Bẩm ông. Nó có hai mẹ con, ở dưới Văng lên kiếm công chuyện làm ăn. Tôi thấy mẹ con nó nghèo tôi thương, nên tôi nuôi đặng phụ làm gạch với tôi gần một tháng nay.

Ông hội đồng châu mày cúi xuống hỏi Thu Cúc rất dịu ngọt rằng:

– Vậy chớ cha cháu ở đâu mà bỏ mẹ con cháu bơ vơ như vậy?

– Thưa, cha cháu chết.

– Chết hồi nào?

– Thưa, chết năm sáu tháng nay.

– Cha cháu hồi trước làm việc gì ở đâu?

– Thưa, làm sộp-phơ ở dưới Vĩnh Long.

Ông hội đồng vừa hỏi vừa ngó Thu Cúc không nháy mắt. Ông nghe nó nói mấy lời ấy thì ông đứng thở ra mà suy nghĩ. Cách một hồi lâu ông vịn vai nó mà hỏi nữa rằng:

– Cháu ôm đất cực khổ nên cháu khóc, hay là có việc chi khác?

– Thưa, không phải ôm đất cực.

– Vậy chớ tại sao?

– Thưa cháu khóc là vì cháu râu má cháu đau nhiều mà không có tiền rước thầy cho má cháu uống thuốc, cháu sợ má cháu chết nữa rồi bỏ cháu bơ vơ một mình...

Thu Cúc nói tới đó rồi khóc rống lên. Con Nuôi thấy vậy liền chạy lại đứng một bên. Bà Sáu cũng đứng mà ngó. Ông hội đồng nắm cánh tay Thu Cúc mà hỏi rằng:

– Má cháu bây giờ ở đâu?

– Thưa, ở đằng chòi bà Sáu.

– Chỗ nào đâu? Cháu dắt ông lại đó coi.

Bà Sáu đưa tay chỉ cái chòi của bà cho ông hội đồng.

Con Nuôi đẩy Thu Cúc và nói:

– Em dắt ông đi đi.

Thu Cúc bước ra đi. Ông hội đồng xách dù đi theo. Con Nuôi chạy vòng rồi kê vai đi trước với Thu Cúc và nói nhỏ:

– Em đừng có khóc nữa. Em khóc qua buồn lắm, không có sao đâu mà sợ, không biết chừng ông hội đồng lại thấy má em đau, ổng cho tiền hết thuốc uống vài bữa thì mạnh chứ gì.

Hai đứa nhỏ với ông hội đồng bước vô chòi thấy Thu Vân quẩn chiếu nằm rên hừ hừ trên chõng. Ông hội đồng đứng phía dưới chõng, còn hai đứa nhỏ đứng hai bên. Thu Cúc với tay kéo chiếu và kêu:

– Má ơi, má! Có ông lại đây, má ngồi dậy một chút, má.

Thu Vân tức chiếu lồm cồm ngồi dậy, mình mẩy nóng hực, mặt mày đỏ au, thấy ông hội đồng không biết là ai, song cũng cúi đầu chào. Ông hội đồng thấy nàng lam lũ hình dáng ốm teo, nhưng gương mặt, nét mày, bàn tay, mái tóc không phải là người bần tiện, thì ông lấy làm lạ, nên ông đứng ngó nàng một chút rồi hỏi:

– Cô em đau sao đó?

– Thưa ông, con rét.

– Cô có cũ đã mấy ngày rồi?

– Thưa năm bữa.

– Mỗi ngày mỗi có cũ hay là ngày có ngày không?

– Thưa, bữa nào cũng có, hễ buổi sớm mai thì nằm vùi.

– Có uống thuốc gì hay không?

– Thưa, không.

Ông hội đồng châu mày rồi bỏ đi quanh trong chòi. Con Nuôi bước lại nói nhỏ với Thu Vân:

– Thưa dì, ông là ông hội đồng, chủ lò gạch này.

Thu Vân nghe nói giật mình biến sắc, rồi nhướng mắt ngó ông trân trân.

Ông hội đồng đi giáp vòng rồi trở lại hỏi Thu Vân:

– Cô em gốc ở đâu?

– Thưa ông, con ở Vĩnh Long.

– Ở dưới Vĩnh Long mà lên trên này làm giống gì?

– Thưa, chồng con khuất rồi, mẹ con bơ vơ, nghe nói ông giàu có lại nhơn đức nên tính lên xin ở với ông làm công việc trong nhà nhờ hột com dư. Rồi bữa con lên, ông ể mình, người ở nhà không cho con vô, nên mẹ con của con phải dắt nhau lên đây ở đậu với bà Sáu mà làm gạch.

– Chồng cháu hồi trước làm nghề gì?

– Thưa, làm sớp-phơ.

– Làm sớp-phơ coi xe ai?

Ông hỏi câu đó thành linh. Thu Vân không biết làm sao trả lời cho xuôi. May nàng cũng lẹ trí nên ngập ngừng một chút rồi đáp:

– Thưa coi xe quan lớn chánh.

Ông hội đồng day mặt ra sân suy nghĩ một hồi lâu rồi ông day vô và nói:

– Cháu rét mà ở chỗ như vậy, lại không uống thuốc thì không thế nào mạnh được. Ông muốn đem cháu về dưới nhà ông ở để ông rước thầy hốt thuốc cho uống, chừng mạnh rồi cháu muốn ở làm công việc trong nhà cũng được hay là muốn đi đâu thì đi, cháu chịu không?

– Thưa ông, thân con nghèo khổ lại đau ốm, chết sống không biết bữa nào. Nếu ông làm phúc cứu con khỏi chết, thì con nguyện trọn đời ở làm tôi tớ cho ông mà đền ơn đáp nghĩa.

Ông hội đồng nghe nói như vậy thì ông chum chim cười.

Ông dặn hễ chiều hết cử rét rồi thì mẹ con dắt xuống dưới nhà ông mà ở. Ông nói rồi liền từ mà về. Hai đứa nhỏ đưa ông ra cửa rồi trở vô. Thu Cúc mắt liếc mẹ mà miệng cười ngỏn ngoẻn. Con Nuôi thấy Thu Vân nằm xuống lật đật đắp chiếu cho nàng, rồi rủ Thu Cúc lại trại ôm đất nữa.

Lại tới trại Thu Cúc liền thuật cho bà Sáu nghe chuyện ông hội đồng biểu mẹ con nó xuống nhà ông mà ở. Bộ nó hớn hở, chớ không phải buồn rầu như hồi sớm mai nữa.

Bà Sáu nghe bà cũng mừng cho mẹ con Thu Vân. Duy có một mình con Nuôi, nó dàu dàu bộ không vui. Thu Cúc thấy vậy bèn hỏi nó:

– Má em bây giờ có chỗ nương nhờ rồi, sao chị không mừng giùm cho em mà này giờ coi bộ chị buồn dữ vậy?

Con Nuôi thở ra và đáp:

– Qua buồn là vì hể em về ở nhà ông hội đồng thì chị em mình hết gần nhau nữa.

– Sao vậy?

– Em có ôm đất làm gạch nữa đâu mà gần.

– Đã biết em không có ôm đất làm gạch nữa, song em cũng lên xuống chơi với chị chứ.

– Em có việc khác vui hơn chơi với qua.

– Em không có chơi với ai mà vui hơn chơi với chị được.

– Chắc không?

– Để rồi chị coi em nói láo hay nói thiệt mà.

Con Nuôi cười ngó Thu Cúc rồi dắt nhau đi ôm đất.

Buổi chiều Thu Cúc ở nhà sửa soạn đặng có đi với mẹ xuống nhà ông hội đồng nên nó không đi làm.

Thu Vân hết cỡ rét. Đến 4 giờ trời mát, nàng biểu con xách gói áo quần rồi dắt đi lại trại từ già tạ ơn bà Sáu đặng có đi. Con Nuôi đương in gạch thấy mẹ con Thu Vân lại lật đật rửa tay rồi đi theo đưa cho tới cửa nhà ông hội đồng.

Hôm trước cửa ngõ nhà ông hội đồng đóng chặt cứng, bữa nay lại mở tâng hoạt. Mẹ con Thu Vân từ biệt con Nuôi rồi đi vô sân, không ai ngăn cản hết. Vô tới thềm rồi Thu Vân bợ ngợ, không biết phải đi thẳng vô cửa nhà lớn, hay phải đi vòng mà vô nhà sau. Thu Cúc ở sau lướt tới, cứ việc bước lên thềm vô nhà lớn. Nó vừa lên khỏi mấy nấc thang thì ông hội đồng ở trong cũng vừa bước ra. Ông thấy mẹ con Thu Vân liền biểu vô nhà. Ông kêu người đàn bà nấu ăn tên là Thị Két lên, rồi dạy dắt mẹ con Thu Vân xuống nhà sau chỉ cái phòng ông đã biểu dọn hồi trưa cho hai mẹ con ở.

Thị Két đi trước, mẹ con Thu Vân theo sau.

Anh Pho là chồng của Thị Két, tay cầm cái cuốc, đương đứng tại cửa nhà bếp, ngó thấy mẹ con Thu Vân ở nhà trên bước xuống thì anh ta xụ mặt nói lầm bầm:

– Dữ hôn! Tưởng là ai ở đâu, té ra hai mẹ con con này mà!

Thu Cúc ngó anh Pho mà cười. Anh tưởng nó kiêu ngạo nên giận đỏ mặt.

Thị Két mở cửa một cái phòng nhỏ và nói:

– Hồi trưa ông biểu dọn cái phòng này cho chị đó.

Thu Vân bước vô phòng, thấy phòng tuy chật hẹp, song quét tước sạch sẽ, lại có lót một bộ ván dầu, và có để một chiếc chiếu trắng. Nàng biểu Thu Cúc đem để gói áo trên ván rồi mẹ con trở ra đi lại căn bếp coi Thị Két nấu ăn.

Thu Cúc được vào nhà ông nội thì nó mừng nên cứ ngó mẹ mà cười hoài.

Nó đứng xó rổ một lát rồi lần lần đi vòng theo nhà lớn coi kiểng vật bông trái chơi. Nó vừa ngó ra phía trước thấy ông hội đồng đương đứng sửa kiểng nó lật đật thối lui; chẳng dè ông hội đồng thấy nó rồi nên ông kêu nó:

– Con nhỏ đó lại biểu chút coi, chạy đi đâu vậy?

Thu Cúc xèn lên đi lại. Ông hội đồng nói:

– Ông giao cho cháu làm việc này: từ rày sắp lên, mỗi buổi sớm mai và chiều cháu phải đi theo mấy cây kiểng vạch lá bắt sâu nghe không.

– Dạ.

– Hễ cháu làm biếng để có con sâu nào cắn lá kiểng thì ông đánh đòn da.

– Dạ.

– Cháu sợ sâu hôn?

– Thưa, sợ.

– Như sợ không dám bắt tay, thì kiếm cây gắp mà bắt nó.

– Dạ.

– Cháu không có áo quần nào khác thay hay sao nên bận đồ lấm lem lấm luot như vậy?

– Thưa có, cháu còn một bộ đồ lụa, song bận sợ nó cũ đi nên cháu để dành.

– Phải thay bận đỡ dặng giặt đồ này cho sạch sẽ chứ.

– Dạ.

– Bận đi. Nó có cũ ông mua đồ khác ông cho.

– Dạ, nếu ông biểu thì cháu bận.

– Hỏi cha cháu còn, có cho cháu đi học hành gì hay không?

– Thưa, có.

– Học mà biết đọc, biết viết hay chưa?

– Thưa, chữ quốc ngữ cháu biết nhiều. Còn chữ Tây thì sức cháu gần đi thi "certificat".

– Chà, cháu học ngồi tới lớp nào?

– Thưa, lớp nhì.

– Nếu vậy thì học đã khá rồi. Thôi cháu đi chơi đi, lát nữa rồi ăn cơm. Mà cháu tên gì?

– Thưa, tên Cúc.

– Tên Cúc... Còn mẹ cháu tên gì?

– Thưa tên... tên Thu...

– Tên... Thu... Thu... cháu năm nay mấy tuổi?

– Thưa, 13.

Ông hội đồng đứng suy nghĩ một hồi lâu rồi ông dạy lại ngó Thu Cúc. Chẳng biết ông suy nghĩ việc gì, mà cũng chẳng hiểu tại sao ông ngó trần trối một hồi rồi ông chau mày mà hỏi rằng:

– Còn cha cháu tên gì?

– Thưa cha cháu chết rồi.

– Ừ, ông biết, cháu có nói hồi sớm mai. Song ông hỏi tên gì chứ.

– Thưa, tên... tên Hai.

– Có lẽ thứ hai, chứ sao lại tên Hai.

– Thưa cha cháu thứ hai mà cũng tên Hai.

– Hự, kỳ dữ hôn. Cháu nói cha cháu hồi trước ở dưới Văng phải không?

– Thưa không, ở dưới Vĩnh Long.

– Thì Vĩnh Long họ kêu là Văng chứ sao. Cháu ở Vĩnh Long sao không biết cái đó?

Thu Cúc bối rối, không biết sao mà trả lời. Nó sợ té mòi nói dối, nên biến sắc và gục mặt xuống đất không dám ngó ông hội đồng.

Lúc đó anh Pho ở ngoài mé vườn vác cuốc xăm xăm đi vô và nói:

– Thưa ông, tôi trồng mấy bụi chuối chà rồi. Trồng chỗ đó chắc mau phát lắm.

Ông hội đồng gật đầu.

Ông khoát tay biểu Thu Cúc đi chơi. Thu Cúc nhờ anh Pho gỡ rối giùm cho nó thì nó mừng nên lật đật trở vô phía sau. Ông hội đồng đứng ngó theo, chừng nó đi xa xa ông lại kêu dặn với:

– Nè, cháu phải nhớ mỗi bữa bắt sâu da, nghe không?

Thu Cúc ngoái đầu lại dạ rồi men men đi vô nhà bếp.

Thị Két dọn com rồi bung một mâm lên nhà trên cho ông hội đồng ăn. Thằng Hiếu là đứa ở quét nhà và lau bàn lau ghế trên nhà trên. Nó lo sót com pha nước, chừng ông ăn rồi nó bung mâm com xuống rồi nó và hai vợ chồng anh Pho với mẹ con Thu Vân mới xúm lại ăn.

Anh Pho thấy Thu Vân vào ở nhà ông hội đồng thì đã không vui mà thấy ông hội đồng lại có ý chiều cố nữa thì anh ta phiền lòng nên ngồi ăn com mà không thèm ngó mặt mẹ con Thu Vân. Thị Két và thằng Hiếu tuy không thương không ghét, nhưng vì chưa quen nên hai người chỉ nói chuyện với nhau, chứ cũng không nói tới Thu Vân.

Mấy người ăn vừa mới nửa bữa, thành linh ông hội đồng bước vô. Ông ngó rồi nói:

– Ờ được. Tao tưởng bây không kêu mẹ con nó ăn com. Két nè, con này nó còn bệnh nên đừng sai nó làm việc chi hết nghe không. Để chừng nó mạnh rồi tao sẽ cắt phần việc cho nó làm. Tao

nói cho bây biết, tao thấy hai mẹ con nó nghèo lại bình hoạn tao thương, tao đem về tao nuôi, chứ không phải nó ở độ đa. Đừng có làm thói ma cũ ăn hiếp ma mới tao không chịu.

Ông nói rồi liền trở ra. Thị Kết với thằng Hiếu ngó Thu Vân. Còn anh Pho thì gằm xuống mà ăn, coi bộ phiền lắm.

Ăn cơm rồi Thu Vân phụ với Thị Kết mà dọn dẹp.

Thị Kết thấy vậy bèn nói:

– Cô qua bên phòng mà nghỉ. Để đó cho tôi làm. Cô dọn dẹp đây ông thấy ông rầy tôi đa.

Thu Vân cười và đáp:

– Làm lắt xắt chút đỉnh mà hại gì.

– Không được! Cô không hiểu ý ông khó lắm. Đây rồi ông rầy chết. Cô đi chơi đi. Tôi nói thiệt chứ không phải nói lấy đầu.

Thu Vân cười rồi bỏ đi qua bên phòng riêng. Thu Cúc chạy theo vô phòng khép cửa lại rồi thuật đủ đầu đuôi cho mẹ nghe những câu ông nội nó với nó nói hồi chiều. Nó mở gói áo ra, lấy quần áo lụa mà thay, nó lại xúi mẹ nó phải thay đồ lụa đặng sáng mai giặt đồ vải mà phơi.

Thu Vân dụ dụ nói rằng mình than nghèo khổ mà mặc đồ lụa thì làm cho người ta sanh nghi. Thu Cúc nói:

– Ấy, má đừng có cãi mà, ý ông muốn mình ăn mặc sạch sẽ, không hại chi đâu má sợ.

Thu Vân nghe lời nên cũng thay đồ vải mà mặc đồ lụa.

Trời đã tối. Mấy người gia đình tản lạc đi đâu không biết. Mẹ con Thu Vân nằm trong phòng nói chuyện rầm rì với nhau. Thu Vân dặn con hễ ông nội có hỏi ở Vĩnh Long mà nhà ở chỗ nào thì phải nói ở trong nhà xe quan lớn chánh, chứ đừng nói bậy mà sái rồi làm cho ông nghi.

Thu Cúc cười và đáp:

– Má đừng lo. Con không có dại đâu. Để ít bữa đây con làm ông thương rồi đem mẹ con mình lên nhà trên cho má coi.

Thu Cúc mới nói tới đó bỗng nghe tiếng thằng Hiếu ở ngoài gõ cửa kêu:

– Em oi, em! Ông biểu kêu em lên nhà trên cho ông biểu. Đi cho mau em.

Thu Cúc lồm cồm ngồi dậy, bước xuống đất và nói nhỏ nhỏ rằng:

– Thấy không má?

Nó mở cửa chun ra thấy thằng Hiếu đứng ngoài cửa bèn hỏi:

– Ông kêu tôi phải không anh?

–Ừ, ông kêu. Đi cho mau.

Thu Cúc lật đật chạy lên nhà trên. Ông hội đồng nằm trên ghế nệm để dựa cái bàn cần, trên bàn để một cái đèn tọa đẳng với bình trà hộp thuốc. Thu Cúc bước lại xá ông và nói:

– Thưa ông, cháu lên hầu ông.

Ông hội đồng day qua thấy nó mặc quần lụa trắng, áo vắn đen, tóc búi vắn vang, mặt rửa sạch sẽ, coi ra vẻ con nhà thanh nhã chứ không phải con nhà bần tiện, thì ông cười và nói rằng:

– Cháu có quần áo tốt quá, nếu có đồ đó thì có phải là nhà nghèo đâu. Mà sao áo của cháu bận coi vắn dữ vậy?

Thu Cúc cúi đầu nói ú ớ:

– Thưa, đồ này của ba cháu sắm lâu rồi... nên bây giờ nó vắn.

Ông hội đồng cười nữa rồi nói:

– Thân thì vắn, mà sao tay với kích còn vừa. Bộ khi cháu lớn nội bề cao thôi hay sao?

Thu Cúc đứng lặng thinh không biết lời chi mà đáp. Ông hội đồng thấy vậy bèn biểu nó đi lại bàn viết của ông lấy tờ nhựt báo để trên hết đem lại gần đèn đọc cho ông nghe.

Thu Cúc vâng lời đi lấy tờ "Nông cổ Mìn đàm" đem lại và hỏi:

– Thưa ông, phải tờ này hay là tờ nào khác?

Ông hội đồng biểu đưa cho ông coi.

Thu Cúc đứng một bên, ngược mắt ngó lên trên vòng cửa giữa, thấy treo một khuôn hình lớn của ông, thiệt quả là khuôn hình nó đã thấy trong tiệm họa chon dung, ở trên Sài Gòn, hôm tháng trước. Nó ngó hình ấy rồi ngó ông thì thấy nét mặt hàm râu tuy giống

hệch, nhưng mặt ông bây giờ ồm thỏn, chứ không phải đầy đủ như trong hình vậy.

Ông hội đồng day qua thấy nó ngó hình ông thì ông hỏi rằng:

– Cháu coi hình đó giống ông hay không?

– Thưa, giống lắm, nhưng mà mặt ông bây giờ coi ồm hơn.

– Ờ phải, hơn một tháng nay có chuyện nhà làm cho ông buồn rồi ông lại đau nữa, nên ồm hơn hồi trước.

– Ông giàu có quá, mà có chuyện gì tới buồn.

– Cháu tưởng giàu thì khỏi buồn hay sao? Ông giàu mà ông có biết vui hồi nào đâu. Mà từ rày về sau chắc là ông còn buồn rầu nhiều hơn trước nữa.

– Phải chi cháu có thể làm cho ông bớt buồn chút đỉnh được thì dầu chết mấy kiếp cháu cũng không nệ.

Ông hội đồng vùng ngồi dậy chống tay lên trán suy nghĩ. Cách một hồi lâu ông đưa tờ nhật báo cho Thu Cúc và biểu đọc bài luận đầu cho ông nghe.

Thu Cúc đi lại đứng dựa cái đèn tọa đẳng mà đọc. Ông biểu nó leo lên ghế mà ngồi, đẳng đọc cho dễ. Thu Cúc làm bộ ké né không dám ngồi, đợi ông biểu hai lần nó mới dám vung lời. Ông nằm ngửa trên ghế nệm mà nghe.

Thu Cúc đọc chậm rãi, tiếng nào rõ tiếng nấy, tới chỗ ngừng thì ngừng, dễ nghe dễ hiểu, bởi vậy nó đọc hết bài rồi, ông khen nó đọc giỏi. Ông biểu nó đọc thêm cho ông nghe vài bài văn nữa rồi nói:

– Được, cháu đọc như vậy ông chịu lắm. Từ đây sắp lên cháu đọc nhật trình và đọc truyện cho ông nghe chơi. Thôi, cháu xếp nhật trình đem để lại chỗ cũ rồi xuống dưới mà ngủ đi.

Thu Cúc vâng lời, xếp tờ báo đem lại bàn viết để ngay thẳng rồi trở lại xá ông mà đi. Ông hội đồng hỏi nó:

– Mẹ cháu có nóng lạnh hay không?

– Thưa, không. Sáng sáng mới có cũ.

– Để mai ông sai thằng Hiếu lên Sa Đéc rước ông Mộng Liêm xuống coi mạch. Ông hốt cho ít thang thuốc uống thì hết chứ gì. Ờ,

mẹ cháu có quần áo nào khác thay đổi hay không, hay là có nội đồ bạn trong mình đó mà thôi?

– Thưa, có một bộ đồ hàng.

– Ờ, tưởng không có thì ông cho tiền may bạn.

– Thưa, có.

– Thôi, cháu đi ngủ đi.

Thu Cúc bước ra khỏi cửa chạy riết xuống phòng rồi ôm ngang mình mẹ mà nói nhỏ:

– Ông bắt con đọc báo cho ông nghe. Bộ ông thương mẹ con mình rồi. Để bữa nào có dịp con sẽ nói thiệt, nghe hôn má.

Thu Vân cười và dặn:

– Chậm chậm vậy! Con đừng có vội lắm mà hư việc.

XII.

Ở khéo khôn con mới được yêu,
Gặp danh y mẹ mau lành bệnh.

Sáng bữa sau, ông hội đồng thức dậy uống chung nước trà rồi đi dạo vườn. Ông vừa bước ra sau thì thấy Thu Cúc tay cầm một cái gắp, đương xắn bản theo châu quít tàu vạch lá kiếm sâu, ông chúm chím cười lần lần đi lại gần mà coi.

Thu Cúc mắc chăm chỉ kiếm sâu, nên không thấy ông hội đồng đi ra. Đến chừng nó ngược lên thấy ông đứng chần ngẩn trước mặt, thì nó giựt mình, rồi lật đật chấp tay cúi đầu chào ông. Ông hội đồng gật đầu và hỏi:

– Có bắt được con sâu nào hay không?

– Thưa ông, cháu có bắt được hai con đeo cây đàn kia. Cháu giết rồi.

– Giỏi đa! Kiếm nữa đi. Kiếm cho đủ mấy cây kiếng hết thấy, đừng có bỏ sót cây nào, nghe không.

– Dạ.

– Còn mẹ cháu làm việc gì ở đâu?

– Thưa ông, má cháu tới cỡ rét nên nằm trong phòng.

– Vậy hay sao? Có cứ sớm dữ hôn!

Ông nói vừa dứt lời thì ông vội vã đi vòng vô phía sau.

Ông kêu gia dịch vang rân, biểu Thị Kết rót nước trà nóng cho Thu Vân uống, hồi thằng Hiếu chạy lên trên lầu ôm cái mền nỉ cũ xuống đưa cho Thị Kết đắp cho Thu Vân.

Ông làm chộn rộn một hồi rồi đi lên trên lầu. Ông mở tủ lấy một đồng bạc đưa cho thằng Hiếu và hồi nó biểu ra đón xe đò lên Sa Đéc rước danh y Mộng Liêm là bạn thiết của ông.

Thu Cúc bắt sâu xong rồi trở vô phòng thấy mẹ đắp cái mền nỉ đỏ thì nó mừng. Nó giở mền rờ đầu mẹ rồi ôm áo quần vải của mẹ thay ra hồi hôm đem xuống mé rạch mà giặt. Nó đương lui cui phơi đồ, thỉnh linh có vật gì rớt một cái thạch sau lưng nó. Nó giựt mình day lại coi thì thấy một trái mãng cầu xiêm chín rụng nằm dưới đất.

Nó mừng quỳnh lật đật lượm đem vô nhà bếp lấy một cái đĩa bàn để vô tủ tể rồi bung lên nhà trên cho ông.

Ông hội đồng cầm trái mãng cầu mà hỏi rồi biểu Thu Cúc đem để trên bàn ăn. Thu Cúc để xong vừa xây lưng đi thì ông kêu lại biểu:

– Cháu lại bàn viết của ông sắp giấy tờ cho sạch sẽ tủ tể lại một chút. Thằng Hiếu nó làm biếng nó không dọn dẹp để lộn xộn quá. Mà nó dốt, nếu nó thò tay vô đó thì còn lộn xộn hơn nữa.

Thu Cúc đi lại bàn viết, ôm hết đồ đạc để qua bên bộ ván, lấy chổi lông gà quét bụi trên dưới sạch sẽ rồi mới sắp đồ lại. Mục để một bên, ống viết để một bên. Sách chữ nho nó để riêng một chồng; cuốn lớn để dưới cuốn nhỏ để trên. Truyện quốc ngữ nó lựa riêng từng bộ, rồi sắp theo thứ tự. Nhứt báo nó cũng lựa số nhỏ sắp ở dưới, số lớn sắp trên. "Nông cổ Mín đàm" để riêng một chồng, "Quốc dân Diễn đàn" để riêng chồng khác.

Tới mấy cuốn sổ nó sắp theo sổ, mấy phong thơ nó để theo thơ, giấy trắng để riêng một chỗ.

Ông hội đồng nằm trên ghế liếc mắt coi chừng. Ông dòm thấy con nhỏ làm kỹ lưỡng thì ông gục gặc đầu, bộ vừa ý lắm.

Thu Cúc dọn dẹp vừa xong thì thằng Hiếu ngoài cửa bước vô, lại có một người trạc chừng 50 tuổi, mang cặp mắt kiếng gọng vàng,

đầu bịt khăn đen, mình mặc áo lương đen, quần nhiều trắng, chon mang giày Tây da vàng cũng hăm hở đi vô. Ông hội đồng lật đặt ngồi dậy chào:

– Thưa thầy mới xuống. Mời thầy ngồi, Hiếu a, chế nước đem đây uống.

– Đứa nào đau mà anh cho rước?

– Hôm qua tôi đi lò gạch gặp một con nó nghèo mà lại bệnh quá. Tôi thấy vậy tội nghiệp; nên tôi biểu nó xuống nhà tôi ở đợi tôi kiếm thuốc cho nó uống, chứ ở đó chắc nó chết. Nó rét mà sắc nó ốm quá.

– Còn anh bữa nay thiệt mạnh hay chưa?

– Tôi mạnh rồi. Thuốc tể của thầy đưa bữa hôm đó, đêm nào tôi cũng uống.

– Ờ, ráng mà uống cho hết, anh còn ốm lắm. Ăn cơm biết ngon hay chưa?

– Vài bữa rày tôi ăn cơm được. Cha chả, mà ban đêm tôi ngủ ít quá.

– Tại anh buồn việc nhà nên ngủ không được chứ gì.

– Thấy nghĩ đó mà coi, làm sao không buồn được.

– Ai biểu hồi trước anh gặt gao quá làm chi.

– Không gặt thì trị việc nhà sao xong.

– Anh mạnh rồi anh nhơn ra một tháng đi chơi đặng kiếm con nhỏ thử coi.

– Tôi cũng tính đi kiếm đa. Để ít ngày trong mình cho thiệt giỏi rồi sẽ hay.

– Bệnh nằm đâu? Tôi coi mạch rồi về, vì tôi còn đi Đất Sét nữa.

– Thủng thẳng ăn cơm rồi sẽ về chứ.

Ông hội đồng đi vô cửa sau. Thu Cúc nghe nói chuyện nãy giờ thì biết người khách ấy là danh y Mộng Liêm, song nó không hiểu ông hội đồng nói rầu việc nhà là rầu việc chi mà cũng không hiểu ông đi kiếm ai.

Ông hội đồng dắt ông Mộng Liêm đi xuống coi mạch cho Thu Vân. Thu Cúc lon ton chạy theo, có ý lóng nghe coi ông thầy thuốc nói bệnh mẹ nó nặng nhẹ thế nào.

Thu Vân đang nóng vui, bỗng nghe tiếng người nói chuyện rồi lại nghe tiếng giày bước vô phòng, nàng bèn giở mền mà dòm. Nàng thấy ông hội đồng với ông Mộng Liêm, nàng lật đặt tốc mền ngồi dậy.

Ông Mộng Liêm kéo cặp kiếng lên, ngó thấy Thu Vân một chút rồi mới biểu nàng nằm xuống cho ông chẩn mạch. Ông coi mạch đủ hai tay rồi đứng dậy bước ra cửa và nói với ông hội đồng:

– Bệnh không có chi lắm. Rét võ gia, cứ "Cảm mạo phát ban tán" mà uống riết thì nó tuyệt. Còn nó ồm đó có lẽ tại tâm bệnh nên khó trị một chút. Tuy vậy nếu anh cho nó tiền đăng nó uống thuốc, thì tôi chịu khó làm nửa tể cho nó uống.

Ông hội đồng đáp:

– Thầy cứ việc làm đi. Tiền để tôi trả cho. Mà thấy nói nó ồm đó là tại tâm bệnh, tôi sợ không phải. Tôi tưởng tại nó nghèo nần ăn uống bất thường, lại rét dây dưa hoài nên nó ồm chớ.

– Không phải đâu. Người tướng mạo thế mà nghèo nỗi gì. Chớ anh không coi tay chon mặt mày đó hay sao? Người đó ở trong nhà phong lưu mà ra đa. Không biết tại sao mà bị gian nan đó. Để rồi anh hỏi lại coi.

– Nó nói chồng nó hồi trước làm sếp-phơ cho ông chánh Vĩnh Long. Chồng nó chết nên nó xiêu lạc lên đây.

– Vậy hay sao?

Ông Mộng Liêm ra tới cửa, ngó thấy Thu Cúc đứng xó rờ tại đó, ông nhìn mặt nó rồi hỏi:

– Con nhỏ này là con ai?

– Con của con bệnh đó.

– Con nhỏ này có phải là con nhà nghèo đâu.

– Nó nói vậy thì hay vậy.

– Té ra bây giờ anh tính nuôi kẻ nghèo mà làm phước hay sao?

– Thừa phải. Tôi buồn quá, tôi tính cất một cái nhà để nuôi con nít mồ côi mà làm phước.

– Anh tính như vậy thì tốt lắm. Con cháu mất hết, bây giờ tiền bạc để dành làm gì.

Thu Cúc lên coi thì thấy ông hội đồng ứa nước mắt.

Ông hội đồng kêu Thị Két biểu dọn com ăn. Ông Mộng Liêm cố từ, nói rằng ông đã ăn cháo hồi sớm mai rồi, để ông về đặng có đi Đất Sét. Ông hội đồng cầm không được phải để cho ông Mộng Liêm về, song ông kêu thằng Hiếu biểu đi theo đặng lấy thuốc.

Vì thằng Hiếu đi khỏi, còn anh Pho mắc làm cỏ ngoài vườn, bởi vậy Thị Két dọn com rồi Thu Cúc phụ bung lên cho ông hội đồng ăn. Thu Cúc thế cho thằng Hiếu, đứng sót com pha nước. Chùng ông hội đồng ăn com rồi ông lấy dao xẻ trái mãng cầu chín cây của Thu Cúc lượm ngoài vườn hồi sớm mai ăn tráng miệng. Thu Cúc thấy vậy lấy làm vui lòng; mà ông ăn có miếng nhỏ, còn bao nhiêu ông cho nó hết, biểu bung xuống mà ăn. Nó được ông yêu riêng lại càng mừng nhiều hơn nữa.

Đến trưa thằng Hiếu đem về 10 bao thuốc "Cầm mao phát ban tán". Ông hội đồng kêu Thu Cúc đưa một bao, biểu đem cho mẹ nó uống liền. Thu Vân uống một lát đổ mồ hôi dầm dề, trong mình mát rượi.

Lối 3 giờ chiều, ông hội đồng biểu Thu Cúc lấy khăn đội đặng đi với ông thăm lò gạch. Thu Cúc mừng hết sức, chạy riết xuống phòng lấy khăn và cho mẹ hay rồi lên đi với ông. Ông cháu thùng thảng vừa đi vừa nói chuyện, coi bộ thân thiết với nhau lắm.

Ông hội đồng ghé bên lò, lật sỏ của tài phú ra xem rồi đứng coi thợ ra lò. Ông ở đó một chút rồi đi qua bên phía trại in gạch ngói, các tiểu công thấy ông hội đồng đi vô mà có một đứa con gái mặc quần lụa áo vân đi theo, thì lấy làm lạ nên đứng mà ngó hết thấy. Chùng đi gần tới bà Sáu với con Nuôi nhìn biết đứa con gái ấy là Thu Cúc thì chung hửng.

Thu Cúc đi riết lại chào bà Sáu với con Nuôi. Hai người này hỏi áo quần đâu mà mặc đó vậy, thì Thu Cúc cười mà không chịu nói. Bà Sáu nói:

– Thôi, bây giờ mầy sung sướng rồi. Có phúc quá!

Con Nuôi kéo tay Thu Cúc hỏi nhỏ:

– Má của em hôm nay còn nóng lạnh nữa không?

– Còn. Mà không sao. Hồi sớm mai ông có rước thầy thuốc coi mạch cho uống thuốc rồi. Từ hồi trưa cho tới bây giờ hết nóng nữa.

– Hồi trưa qua có xuống thăm, mà qua không dám vô, qua đứng ngoài cửa một hồi rồi qua về.

– Bất nhơn dữ hôn! Em mắc ở đằng sau nên không hay.

– Em đi rồi, qua buồn quá. Từ hồi sớm mai cho tới bây giờ qua hết muốn làm.

Con Nuôi nói tới đó thì mặt nó buồn nghiêng. Thu Cúc thấy vậy nên cũng buồn xo.

Ông hội đồng rình nghe hai đứa nhỏ nói chuyện, ông thấy tình chúng dan díu như vậy, ông bước lại bảo:

– Cháu có xuống nữa thì cứ việc đi vô. Ông không rầy đâu mà sợ.

Ông nói rồi liền biểu Thu Cúc đi với ông qua trại khác.

Thu Cúc từ giã bà Sáu với con Nuôi mà đi. Con Nuôi đứng ngó theo rồi ngó bà Sáu mà cười. Bà Sáu nói:

– Phải lắm mà! Con nhỏ dễ thương quá, ông hội đồng thấy nó tự nhiên ổng thương. Ông không có con cháu gì hết không biết chừng ổng bắt nó làm con nuôi rồi lớn ổng gả nó lấy chồng đa. Mới có một bữa mà ổng cho mặc đồ tốt rồi lại dắt đi chơi. Nó ở ít ngày đây rồi ổng chia gia tài cho nó chớ gì?

Con Nuôi đứng ngó con Thu Cúc hoài, ngó cho đến chừng Thu Cúc đi đủ mấy trại rồi trở ra lộ mà về với ông hội đồng nó mới chịu nhồi đất in gạch.

Tối lại ông hội đồng cũng kêu Thu Cúc lên nhà trên nữa. Bữa nay ông không biểu đọc nhật báo, ông lại đưa bộ truyện "Tái sinh duyên" biểu nó đem lại bàn ngồi đọc cho ông nghe.

Ông nằm ngửa trên bộ ván gỗ gần đó, thằng Hiếu đứng quạt một bên. Ông nghe một hồi rồi chê Thu Cúc ngồi xa nên ông nghe không được rõ. Ông biểu lại vắn ngồi cho gần ông. Thằng Hiếu được nghe đọc truyện thì nó đắc ý lắm nên lật đật chạy bung một cây

đèn đem để trên ván rồi nhắc một cái ghế để dựa ván đăng Thu Cúc ngồi đọc cho dễ.

Thuở nay Thu Cúc không biết truyện này, nay nó được đọc một lần đầu, mà lại đọc cho ông nội nó nghe nữa, bởi vậy nó lấy làm vui lòng mà đọc lắm. Ông hội đồng nghe truyện mê mẩn, nên cứ nằm lạng thình để cho Thu Cúc đọc hoài. Đến chừng đồng hồ gõ 11 giờ ông sức nhớ khuya rồi. Trước khi Thu Cúc đi ngủ ông lấy một bao "Cảm mạo phát ban tán" biểu nó đưa cho mẹ nó uống thêm đăng chận cũ.

Sáng bữa sau Thu Cúc thay quần áo vải đi kiếm bắt sâu. Ông hội đồng dòm thấy ông kêu ông rầy, một hai cũng biểu phải đi thay đồ hàng.

Thu Vân uống mới hai bao thuốc mà không có cử rét nữa. Tuy vậy mỗi bữa ông hội đồng cũng biểu uống thêm một bao hoài, uống cho đủ 10 bao đăng trừ căn cho tuyệt. Cách ít ngày ông Mộng Liêm gởi nửa tể thuốc xuống, ông hội đồng cũng trao cho Thu Vân và dặn mỗi đêm phải uống đăng lấy sức lại.

Thu Vân hết rét rồi nàng mới bàn tính với con lập thế thử ông hội đồng. Một buổi chiều ông hội đồng ăn cơm rồi, ông nhắc ghế ngồi trước cửa hứng mát.

Mẹ con Thu Vân mặc đồ sạch sẽ đi vòng ra phía trước, dất nhau bước lên thêm rồi ngồi ngay trước mặt ông mà lạy.

Ông chung hứng lật đật hỏi mẹ con Thu Vân muốn việc gì. Thu Vân đứng dậy rồi khép nép thưa:

– Bẩm ông, thân con nghèo đói bệnh hoạn, nhờ ông chiếu cố nên con mới còn sống được đây. Mẹ con không biết làm sao mà đền ơn đáp nghĩa, bởi vậy mới dất nhau lên đây lạy ông, xin phép làm trâu ngựa trọn đời mà đền ơn tái tạo. Nếu ông nhận lời thì mẹ con của con lấy làm có phúc lắm.

Ông hội đồng gãi đầu đáp:

– Không, chuyện chút đỉnh mà đền ơn giống gì. Ông thấy cháu gặp lúc cùng khổ, ông động lòng, nên ông làm ơn mọn có đáng gì lắm mà nói. Nhưng cháu nói bây giờ mẹ con cháu bơ vơ, không có nơi nương dựa, vậy nếu cháu muốn ở đây thì ông nuôi. Phận ông

có một mình, có một đứa con trai đã chết rồi, còn hai đứa cháu nội gái thì chúng nó lạc mất hết không biết ở đâu. Ông nuôi 10 đứa như cháu vậy cũng được, chẳng luận là cháu. Sẵn dịp ông cũng nói luôn cho cháu biết; như cháu chịu ở đây, ông không dùng cháu làm tôi tớ đâu. Tuy cháu nói mẹ con cháu bận tiện nhưng ông coi tướng mạo, ông thấy tánh tình thì ông nghi cháu nói dối lắm. Bộ cháu đó có phải là con nhà hàn vi đâu. Vậy cháu ở thì cháu coi sóc giùm việc trong nhà, nghĩa là coi miếng ăn miếng uống, manh quần tằm áo cho ông, còn con Cúc nó tằm trâu, vắn thuốc, chế nước, giữ mừng, đọc truyện, viết thơ vạy thôi, chớ ông cũng không bắt làm việc chi nặng nề. Phần việc ông cắt như vậy đó.

Áo quần thì ông cho bận. Còn tiền xài chút đỉnh, hễ có cần dùng thì xin, chớ ông không muốn trả tiền công như sắp tôi tớ trong nhà. Cháu chịu không?

Thu Vân thưa:

– Bẩm ông, mẹ con của con đã tình nguyện làm tôi tớ, mà ông quảng đại, ông muốn đối đãi như con cháu, có lý nào con không chịu. Bẩm ông, hồi nãy ông nói ông còn hai đứa cháu nội gái lạc mất, vậy ông không kiếm coi?

– Việc riêng của ông, cháu chẳng nên hỏi.

Thu Vân muốn thừa dịp ấy dò ý ông, ngặt ông trả lời cụt ngủn, lại lộ sắc giận, nên nàng nín khe không dám hỏi nữa. Ông hội đồng chau mày ủ mặt, ngồi lặng thinh một hồi lâu rồi nói:

– Hai mẹ con ngủ dưới nhà bếp, ban đêm có việc cần dùng khó kêu lắm. Thôi, để phòng đó cho hai vợ chồng thằng Pho nó ngủ.

Để mai biểu bày trẻ khiêng bộ ván gỗ nhỏ trên lầu xuống rồi lót phía trong, dựa bên thang lầu, chỗ bước ra cửa sau đó, đặt ban đêm hai mẹ con giăng mừng ở đó mà ngủ với nhau.

Thu Vân nghe ông dạy như vậy liền đáp:

– Bẩm ông, ông thương mẹ con của con ông hậu đãi như vậy, thiệt con cảm đức lắm. Nhưng vì con xét phận con hèn mọn quá, nên con không dám đeo bông. Vậy xin ông cho phép con nhỏ ở trên này mà hầu trà thuốc cho ông, còn phận con thì ông để ở dưới bếp cũng được.

– Đừng có ngại. Để phòng dưới cho vợ chồng thằng Pho. Nhà trên này rộng quá, ban đêm ông rút lên lầu với thằng Hiếu, bỏ tầng dưới vắng teo. Mẹ con cháu ngủ ở đó đặng coi nhà luôn thể.

– Dạ, nếu ông dạy ngủ đặng coi nhà thì con vung.

– Ừ... Cháu biết may vá, biết nấu ăn hay không?

– Bẩm ông, con biết.

– Ờ, như biết nấu ăn thì coi phụ mà chỉ cho con Két nó làm, chớ con đó bây giờ nó làm biếng, nấu lấy có, nhiều bữa ăn không được.

– Dạ,

– Còn con Cúc, cháu biết làm toán không?

– Bẩm ông, cháu biết.

– Ờ được. Vậy để mai một biểu tài phú đem sổ sách xuống rồi duyệt lại giùm với ông. Một tháng nay ông mắc ỉ mình không coi sổ được, bỏ phú cho tài phú, không biết nó làm sao. Thôi, hai mẹ con đi ra sau mà chơi.

Hai mẹ con Thu Vân xá ông rồi bước xuống thêm. Mẹ con liếc mắt ngó nhau, cả hai đều chúm chím cười.

XIII.

Thấy ông khóc, cháu liền khai thiệt,
Nghe tiếng than, dâu bắt động lòng.

Anh Pho thấy mẹ con Thu Vân được lên ngủ trên nhà lầu lại càng giận hơn nữa, nhưng giận thì giận thâm trong lòng, chớ chẳng hề dám nói tiếng chi. Còn mẹ con Thu Vân tuy được ông hội đồng yêu dụng, song con chẳng hề xác xược, mẹ chẳng hề kiêu căng, cứ giữ tánh ôn hòa, khiêm nhượng mà ở với kẻ trong nhà, bởi vậy Thu Vân chỉ biểu cho Thị Két nấu món này, nướng thứ kia mà Thị Két không buồn, còn Thu Cúc cậy mượn thằng Hiếu cũng không chống chỏi.

Mỗi bữa ăn Thu Vân bày nấu canh thứ này, chung thứ nọ, chiên vật kia, món nào nêm cũng vừa, gia vị cũng đúng, ông hội đồng ăn đẹp miệng, nên ông vừa ý lắm. Có bữa ông khen đến đôi nói rằng nếu thuở nay mà có Thu Vân coi nấu ăn cho ông, thì chắc

ông mập lấm. Thu Vân nghe như vậy lại càng ráng sức lo lắng hơn nữa, đã lo tráo trở vật ăn cơm, mà trưa lại còn làm bánh, lại còn chung trứng gà, đặt cho ông ăn giải lao.

Nàng đã lo miếng ăn miếng uống, mà còn lo dọn dẹp trong nhà nữa. Nàng bày cho ông mua vải mua ren, rồi nàng may màn treo theo mấy cửa sổ, may nệm lót mấy ghế ngồi. Mỗi buổi sớm mai nàng biểu thằng Hiếu đi bẻ bông rồi nàng lựa cắm vào mấy cái lục bình nhỏ để theo mấy cái bàn làm cho cái nhà lầu của ông hội đồng hồi trước buồn bực quạnh hiu, bây giờ trở nên khoảng khái hực hỡ.

Mỗi ngày Thu Vân dọn dẹp sửa soạn thêm một chút, mỗi ngày ông hội đồng được vui vẻ thêm một chút, bởi vậy trong lòng ông càng thêm tho thối mà ông không hiểu tại đâu.

Con Thu Cúc, phận sự của nó bắt sâu mấy cây kiểng, nó chẳng hề dám sơ sót, mà khách tới nhà nó còn lo rót nước lấy trà. Nó đọc nhật báo, đọc truyện cho ông nghe, rồi nó phụ với ông lo cộng sổ sách của tài phú. Ở chưa mấy ngày mà ông hội đồng đã ghiền nó rồi. Ông muốn sao cho có nó ở một bên ông luôn luôn, hễ nó xuống nhà hoặc ra ngoài vườn liếp, ông thấy vắng mặt lâu, thì ông kêu chói lói. Trời mát, ông đi dạo vườn phải có nó đi theo, bữa nào ông đi thăm lò gạch thì cũng phải có nó đi theo mới được.

Thu Cúc nhờ như vậy nên hễ ít bữa thì gặp con Nuôi với bà Sáu một lần. Mà lần nào cũng vậy, hễ hai đứa nhỏ gặp nhau thì chúng nó mừng rỡ cũng như cách nhau đã năm bảy tháng.

Có một bữa ông hội đồng có dịp đi Sa Đéc. Ông đi ngang qua tiệm bán hàng, ông sực nhớ mẹ con Thu Vân có một bộ đồ hàng mà thôi, ông bèn ghé vô tiệm mua 4 quần lãnh đen, bốn sắp xuyến bốn màu đen, trắng, tím và sô-cô-la. Ông ôm về đưa cho Thu Vân và nói:

– Hôm nay ông tính mua áo quần cho mẹ con bạn mà quên lửng. Nay có dịp ông mua cho đó. Cháu cắt rồi may hết đặt mẹ con bạn với nhau. Bạn đi, có rách ông cho cái khác.

Thu Vân thấy ông hội đồng càng ngày càng thương mẹ con mình thì nàng lấy làm mừng. Đêm nào nàng cũng lo tính không biết làm sao tỏ thiệt với ông rồi giao con cho ông, đặt nàng đi tìm con Thu Ba, dầu được dầu không nàng cũng sẽ tự xử đặt cho tròn ước nguyện. Có khi nàng thấy ông vui vẻ với nàng, nàng muốn lại

thua thiệt cho rồi, mà rồi nàng nhớ lại hôm nọ nàng vừa muốn hỏi thăm con cháu của ông thì ông nổi giận, cấm không cho hỏi tới việc đó, nên nàng dọm mấy lần mà không có lần nào dám nói.

Mẹ con Thu Vân nương nấu ở nhà ông hội đồng đã gần hai tháng. Một buổi sớm mai, trời mưa lâm râm, cỏ cây mát mẻ nên đợt lá xanh tươi, còn người ta thì bị lúng túng ở trong nhà nên ai cũng buồn nguyền. Thị Kết đi chợ mua đồ chua về, Thu Vân không có công việc làm, nàng mới lấy áo lên ngồi trên bộ ván gần cửa sau mà may, Thu Cúc đứng phía trước chống tay lên cửa sổ mà coi anh Pho vô phân đám bông huệ. Thằng Hiếu thì lum khum lau chum ghế chum bàn, miệng nói lảm bảm:

– Trời sao mới tảng sáng đã mưa. Làm sao giặt đồ cho được.

Ông hội đồng uống hết một bình trà rồi ông lần lần đi lại bàn viết. Ông đứng đó một lát rồi leo lên bộ ván lót khít một bên mà nằm. Ông kêu Thu Cúc và nói:

– Cúc ạ, cháu lại kéo hai học tử bàn viết ra. Cháu soạn giùm giấy tờ coi cái nào đáng thì cất, còn cái nào không đáng thì bỏ đi để nhiều cái lộn xộn coi chật cứng.

Thu Cúc vung lời đi lại bàn viết. Nó kéo học tử bên tay mặt ra trước, rồi ôm hết giấy tờ đem để trên ván gần chỗ ông hội đồng nằm. Nó thấy ở trên hết có một tờ giấy viết bằng chữ nho, nó không hiểu tờ gì nên trao cho ông hội đồng coi. Ông hội đồng coi rồi nói rằng:

– Giấy của hương hào Khuê muốn ruộng, để đây rồi ông đem lên lầu ông cất.

Thu Cúc lượm tờ kế đó viết bằng quốc ngữ, nó đọc cho ông hội đồng nghe; ấy là tờ của tài phú lãnh tiền trước giao ở làm công một năm. Ông hội đồng cũng biểu đưa cho ông cất. Kế đó nữa là tờ báo cáo hàng hóa của nhà hàng "Thanh Phát" ở Sài Gòn. Thu Cúc đọc cho ông nghe rồi ông biểu xé bỏ.

Thu Cúc lượm tới một cuốn "Đại Việt Tạp Chí". Nó vừa muốn hỏi ông hội đồng coi nên cất hay bỏ, mà chưa kịp hỏi, kế thấy lòi ra một phong thơ ngoài bao thì đề tên họ ở chỗ ở của ông hội đồng mà chữ đề thì giống hệt tuồng chữ của mẹ nó.

Nó biến sắc, buông cuốn tạp chí rồi lượm phong thơ mà nhìn, nó coi con dấu nhà thơ, coi ngày tháng gởi, thì quả là phong thơ của mẹ nó gởi hồi đương đau nặng ở nhà Hai Rõ. Nó liền nói:

– Thưa ông có một phong thơ đây.

– Thơ của ai? Mở ra đọc thử coi.

Thu Cúc thủng thẳng rút thơ trong bao ra, rồi đứng đọc như vậy:

Thưa cha,

Con đây là vợ của thầy thuốc Vinh, con vẫn biết cha không thương con, nên cha đọc thơ của con chắc là cha giận lắm.

Thiệt con chẳng muốn làm cho cha phiền lòng. Ngặt vì con mang bệnh nặng, chắc nay mai đây con phải chết, nên con phải ép lòng viết bức thơ này cho cha hay chồng con đi Tây bị tàu chìm nên chết rồi. Đứa con gái lớn của con lạc mất hồi nó được năm sáu tháng, muời mấy năm nay vợ chồng con tìm không ra mối. Con còn một đứa con gái nhỏ năm nay đã được 13 tuổi, con tính dặt nó về giao cho cha rồi con tự vận mà chết theo chồng.

Con ở ngoài Bắc về Sài Gòn bị ăn trộm lấy hết tài vật, rồi kể con mang bệnh nặng. Nay mai đây chắc con phải chết. Thân con dầu chết con không tiếc chi, thậm cho con nhỏ bơ vơ không nơi nương tựa. Đã biết vợ chồng con trái ý cha nên cha không thương. Mà nay con đã chết rồi, còn dâu thì cũng sẽ chết, vậy trước khi nhắm mắt theo chồng, con gởi lại cha thương giùm hai đứa cháu nội gái vì tội lỗi của cha mẹ chúng nó chó chúng nó chẳng có lỗi chi, nếu cha không thương thì tội nghiệp cho vong hồn của chồng con nơi chín suối lắm. Vài lời tâm huyết, kính lạy cha đừng con từ biệt dương trần.

Thu Cúc đọc thơ thảm thiết của mẹ nó thì nó cảm động nên nghẹn cổ, ứa nước mắt, nhưng vì sợ ông hội đồng phát nghi, nên đọc ngấp ngừng ngấp ngừng mà phải gượng gạo đọc. Chừng nó đọc rồi nó ngó lại tính hỏi coi phải cất hay là phải bỏ, thì nó thấy ông hội đồng nằm day mặt vô vách mà nước mắt chảy đầm dề. Nó đứng ngó sừng, trong trí lộn xộn, không biết liệu lẽ nào. Thành linh ông hội đồng ngồi dậy chùi nước mắt và nói:

– Bây giờ biết ở đâu mà kiếm.

– Thưa ông, ông muốn kiếm vật chi?

– Kiểm hai đứa nhỏ, chó kiểm vật chi.

– Ông thương hay sao mà kiểm?

– Giận thì giận cha nó, chó chúng có tội lỗi gì mà giận. Bây giờ cha mẹ chúng nó chết hết rồi, phải kiểm chúng nó mà nuôi, chó bỏ sao đành.

Thu Cúc vừa nghe ông nói mấy lời, nó vừa mừng vừa khóc, chạy a lại ôm ông hội đồng:

– Ông nội ơi! Cháu đây nè!

Nó nói có mấy tiếng rồi ôm riết ông mà khóc rống lên.

Thu Vân đương ngồi may ở phía sau, nghe tiếng con khóc, không hiểu có việc chi, lật đật bỏ kim chạy ra. Nàng thấy ông hội đồng ngồi trên ván, hai chân thòng xuống đất, nước mắt chầm ngoàm, còn Thu Cúc thì úp mặt trong bụng ông mà khóc, nàng nghi việc đã lộ rồi nên nàng đứng khựng lại đó, có ý chờ coi việc trở ra làm sao.

Ông hội đồng một tay vịn lưng, một tay vuốt đầu Thu Cúc, cặp mắt roi lụy mà miệng cười ngòn ngòn. Ông cứ ngồi như vậy một hồi lâu, ông ôm đầu Thu Cúc nhẹ nhẹ đưa ra và cúi xuống hỏi:

– Té ra cháu đây, còn mẹ cháu đó hay sao?

Thu Cúc dạ nho nhỏ rồi đứng dậy day lại thấy mẹ nó, nó liền nói:

– Má ơi, con nói thiệt với ông nội rồi.

Thu Vân lật đật chạy lại ngồi bẹp xuống gạch trước mặt ông vừa lay vừa khóc:

– Xin cha tha lỗi cho mẹ con của con. Cách mấy tháng trước con tưởng đã chết trên Sài Gòn rồi, con Thu Cúc sẽ bơ vơ xiêu lạc cũng như con Thu Ba nữa nào dè Phật Trời phò hộ, nên cứu giúp rồi đưa mẹ con của con được vào đây. Xin cha thương giùm...

Thu Vân nói có bao nhiêu đó rồi khóc tấc tấc tuổi nói không được nữa. Ông hội đồng thấy vậy ông động lòng quá nên ông cũng khóc theo. Thằng Hiếu không hiểu có chuyện chi mà ba người bi lụy nên nó cầm nui giẻ đứng ngó trôn trôn.

Cách một hồi lâu ông hội đồng lau nước mắt và biểu Thu Cúc đứng dậy:

– Vì cha giận thằng Vinh trái ý cha, nên hồi nó đi Tây nó có gởi thơ cho cha xin cha lên Sài Gòn đón nó đặng nó nói chuyện. Cha ghét cha không thèm lên. Vậy nó chết hồi nào, chết tại đâu, con nói cho cha nghe thử coi.

Thu Vân bước lại đứng dựa bàn viết rồi thủng thảng tỏ hết đầu đuôi mọi nỗi cho ông nghe. Nàng tỏ tại có nào Hiến Vinh mới đi Tây, tại làm sao mà Hiến Vinh chết, tại làm sao nàng mới chịu dắt Thu Cúc trở về Nam. Nàng thuật luôn những chuyện nàng về đến Sài Gòn phải ở nán kiếm con Thu Ba mà bị chúng giựt hết tiền bạc quần áo, kể nàng mang bệnh nặng, tưởng chết nên gởi thơ mà trời.

Nàng ở đậu tiệm trà Mỹ Tho, nàng đi tàu hết tiền nên về tới Vĩnh Long rồi đi bộ, nàng gặp sếp-phơ tử tế đưa mẹ con nàng đến đầu cầu Nha Mân, nàng xin vô nhà bị anh Pho cản trở nàng phải lên lò gạch nướng nấu. Nàng thuật từ đầu tới đuôi, không bỏ sót đoạn nào hết.

Ông hội đồng nghe rõ khúc đó rồi ông lại biểu Thu Vân thuật lại khúc trước cho ông nghe nữa. Thu Vân mới bắt đầu kể chuyện nàng gặp gỡ Hiến Vinh tại nhà ông phán Kim, hai đảng dan dứu rồi mới ra ân ái, Hiến Vinh đi Hà Nội rồi thì nàng có thai. Chừng bãi trường Hiến Vinh về thì nàng sanh con Thu Ba đã được ba tháng. Vì ông hội đồng quyết tuyệt tình phụ tử nên nàng tính tự vận mà chết. Hiến Vinh rình thấy mới cứu nàng rồi dắt nhau ra Bắc. Vì con Thu Ba có bệnh, đi một lượt không được nên nó mới lạc mất.

Nàng kể khúc đầu cũng rõ ràng như khúc đuôi vậy.

Thu Vân nói hết rồi ông hội đồng mới nói:

– Vì ngày trước thằng Vinh nó không để cho cha định đôi bạn cho nó, nó tự chuyên, làm cho sái gia phong, nên cha giận cha mới dứt tình phụ tử. Cha không dè vợ con nó mà được như vậy. Ngày con hay cha giận nó mà con quyết tự vận đặng cho nó khỏi mang tiếng bất hiếu đó, thiệt con là đứa biết điều lắm. Phải cha hay như vậy thì hồi đó cha xá tội cho rồi. Mà hai tháng nay con vào ở trong nhà đây, cha coi tính ý con, thì con thiệt là khôn khéo. Cha lấy làm tiếc lắm, bây giờ cha biết thì thằng Vinh đã chết rồi.

Ông nói tới đó thì ông cảm động nên ông khóc nữa. Hai mẹ con Thu Vân cũng khóc. Đến chừng Thu Vân thấy ông hội đồng đã lau nước mắt rồi, nàng mới bước ra lạy nữa và thưa rằng:

– Thưa cha, bữa nay cha đã rõ hết việc của vợ chồng con. Cha đã biết trong mười mấy năm trời vì cha giận mà vợ chồng con buồn rầu lo sợ hết sức. Chồng của con vì muốn chuộc tội nên lướt biển bằng ngàn mà phải vong mạng. Nay con đã đem con Thu Cúc về đến đây rồi, vậy con cúi xin cha vui lòng nhìn nó đặng cho con rảnh rang tính phận của con.

Ông chung hửng nên chặn hỏi rằng:

– Con tính việc gì? Thôi thì ở đây, chớ con còn tính đi đâu hay sao?

– Thưa cha, tuy bây giờ cha xá tội cho con rồi, song con còn nhiều việc buồn khác nữa.

– Việc gì? Con nói thiệt hết cho cha nghe, con muốn việc gì cha cũng cho hết.

– Con còn buồn việc con Thu Ba không biết nó xiêu lạc xứ nào. Trước khi chồng của con ra đi có dặn con phải dò tin tức luôn luôn.

Nay chồng của con chết rồi, mà con lại biết con vú hồi trước nó bán con Thu Ba cho một người tên là Chín Hô. Vậy con xin gởi con Thu Cúc ở đây đặng con đi tìm con Thu Ba. Con phải tìm cho được nó mà giao tới tay cha, rồi con chết mới yên.

– Con muốn kiếm con Thu Ba, để thủng thẳng rồi cha sẽ lo liệu, con đi kiếm sao cho ra.

– Thưa cha, con thường vái Trời Phật hoài, có lẽ Trời Phật cũng giúp cho con chớ.

– Con đừng có cãi cha. Cha không cho con đi đâu hết. Từ bữa cha được bức thư của con, thì cha tưởng con đã chết rồi, bởi vậy cha thương hai đứa nhỏ cha buồn rầu đến đổi sanh bệnh. Hôm bữa hai mẹ con tới đây mà thằng Pho nó không cho vô đó là tại cha bệnh đa.

Hơn tháng nay cha mạnh rồi, cha cũng muốn đi kiếm, mà mắc việc nhà đa đoan nên cha đi chưa được. Cha buồn rầu ăn năn đến nỗi muốn cất nhà để rước nuôi con nít mồ côi. Thôi để vài bữa cha

sắp đặt việc nhà, cha giao hết cho con coi, rồi cha đi chơi đặng cha kiếm con Thu Ba cho.

– Thưa cha, xin cha đừng có tính giao việc nhà cho con.

– Sao vậy?

– Con không còn sống được đâu.

– Con đừng nói quấy, sao mà không sống.

– Thưa cha, bởi vì tình vợ chồng của con khác hơn tình vợ chồng của người ta lắm. Chồng của con là người quân tử, vì sợ con ô danh xử tiết mà phải chịu sâu chịu khổ mười mấy năm trời, rồi lại phải vong thân tuyệt mạng nữa. Có lý nào con ham thanh nhàn phú quý mà quên ơn chồng hay sao. Từ ngày chồng con chết, con tự nguyện sẽ đem Thu Cúc về tới cho cha, cha hết giận mà nhìn nó rồi, thì con phải chết theo chồng đặng đền bồi nghĩa nặng. Ngày nay phận con Thu Cúc xong rồi thì phận của con, con phải tính.

– Thiệt là đau hiền! Đáng quá! Vậy mà thuở nay tôi ghét vợ chồng nó chó! Hu! Hu! Con ơi, con đừng... Nếu con chết... hu, hu... thì cha chịu sao được... Cha bây giờ già rồi... Cha ở có một mình... Hu... hu... Con phải sống đặng hủ hỉ với cha... Trời khiến thằng Vinh nó chết, thì con nuôi dưỡng giùm cha... chó con chết nữa, thì lúc cha yếu yếu biết cậy nhờ ai. Con phải sống đặng giúp cha tìm con Thu Ba chó... Hu, hu, hu...

Ông hội đồng vừa khóc vừa nói nghe rất thảm thiết. Đã vậy con Thu Cúc lại khóc và nói rằng:

– Ông nội đã già yếu, còn con thì khờ dại, nếu má chết theo ba, bỏ ông nội với con rồi làm sao.

Thu Vân cảm tình cha chồng, lại thương nỗi con dại, bởi vậy nàng cũng đứng khóc ngay.

Thằng Hiếu nãy giờ tuy đứng xa, nhưng nó lóng nghe đủ mọi việc hết, nên nó lén đi tọc mạch nói cho vợ chồng anh Pho hay. Anh Pho, Thị Két, thằng Hiếu dắt nhau lên đứng núp dựa cột mà coi, ông hội đồng dòm thấy bèn kêu hết lại và nói:

– Bây biết mẹ con của con Thu Cúc là ai không? Dâu với cháu nội tao đó.

Mấy đứa áp lại mà xá Thu Vân.

Thu Cúc mặt mày còn nước mắt đầm đề song nó thấy anh Pho xá thì nó tức cười nên nói:

– Anh Pho, anh biết chưa? Hôm trước anh xô đuổi, không cho vô thì không? Từ rày sắp lên đùng có đuổi nữa nghe hôn.

Pho lỏn lỏn đáp:

– Thưa cô, hôm trước tại cô không nói thiệt nên tôi có biết đâu. Xin lỗi cô.

Thu Cúc chạy lại vỗ mặt anh Pho một cái chách rồi cười xòa. Ông hội đồng với Thu Vân thấy vậy cũng tức cười.

Ông hội đồng kêu Thị Két mà biểu rằng:

– Két a, cơm nấu rồi thì con dọn ăn. Dọn trên này ba cái chén, ba đôi đũa nghe không.

Thị Két dạ rồi quày quả trở xuống nhà bếp với anh Pho. Thăng Hiếu múc nước cho ông hội đồng rửa mặt. Mẹ con Thu Vân đi xuống nhà sau chỉ cho Thị Két nấu đồ ăn, mỗi người đều lảng xảng, mà mặt ai coi cũng có sắc vui vẻ. Trời cũng đã dứt mưa và chói nắng sáng lòa trước sân.

Thu Vân coi nấu nướng rồi dọn cơm. Ông hội đồng kêu dâu, kêu cháu lên ăn chung với ông. Ông ngồi giữa, Thu Cúc ngồi một bên, Thu Vân ngồi một bên, vừa ăn vừa nói chuyện, người thuật chuyện này, người hỏi việc khác, nói hoài không dứt.

Buổi chiều ông hội đồng dạy mẹ con Thu Vân thay áo quần mới đặt đi với ông. Thu Vân tưởng ông hội đồng dắt đi thăm bà con cô bác, nằng sợ bận đồ lờ lợt người ta nói, nên mẹ con thay áo quần hàng cũ mà mặc. Ông hội đồng không chịu, buộc mẹ con phải bận đồ mới của ông mua cho, cực chẳng đã Thu Vân phải vung lời.

Ông hội đồng đi trước mẹ con nối gót theo sau. Ông hội đồng dắt lên lò hầm gạch rồi dắt qua mấy trại, đi tới đâu ông cũng nói cho người giúp việc biết Thu Vân là dâu của ông, còn Thu Cúc là cháu nội.

Vừa bước vô trại, chỗ bà Sáu làm, Thu Vân lật đật chạy lại nắm tay bà. Còn Thu Cúc thì a vô ôm con Nuôi, làm cho áo mới của nó dính hai ba bệt bùn. Ông hội đồng ngó mà cười rồi ông nói với bà Sáu:

– Tôi nhờ có bà nên tôi mới gặp con dâu với cháu nội tôi đây. Tôi cảm ơn bà lắm. Vậy từ rày sắp lên bà làm mỗi trăm gạch tôi cho bà hai cắc còn mỗi trăm ngói hai cắc ruồi. Thu Cúc cháu phải nhớ dẫn tài phú tính giá ông định đó mà trả cho bà Sáu.

Bà Sáu với con Nuôi chung hững không hiểu chi hết. Ông hội đồng cắt nghĩa sơ sài ít tiếng cho bà Sáu biết, rồi hỏi mẹ con Thu Vân đi qua trại khác kéo tối. Thu Cúc níu tay ông lại mà nói rằng:

– Ông nè, cháu biết làm gạch cực khổ lắm. Ngày nay là ngày vui mừng của mình, vậy cháu xin ông nhen dịp này tặng tiền công cho người giúp việc hết thảy. Cháu xin ông từ rày sắp lên mỗi trăm gạch và mỗi trăm ngói ông cho thêm 2 xu nữa cho ai nấy vui mừng chung với mình.

Ông hội đồng gặc đầu lia lia và nói:

– Được được, cháu muốn cho thêm bao nhiêu ông cũng chịu hết.

Ông kéo tay Thu Cúc biểu đi. Thu Cúc ngó ngoái lại và nói:

– Bà Sáu, chị Nuôi, trưa mai đi xuống nhà ông nội tôi chơi, nghe hôn?

Ông hội đồng đứng lại nói tiếp:

– Cháu tôi nó mời có nghe hôn? Thôi mai làm một lát rồi đi xuống dưới nhà dặng ăn cơm chơi với nó một bữa. Bà Sáu đi, bà nhớ dắt con Nuôi theo, chớ đừng có quên a.

Bà Sáu dạ rân, bà với con Nuôi không thềm làm nữa, cứ đứng ngó theo mẹ con Thu Vân rồi bàn luận, luận bàn sự ông hội đồng nhìn dâu với cháu nội.

Sáng bữa sau, ông hội đồng biểu Thu Vân dẫn Thị Kết đi chợ mua đồ ăn cho nhiều dặng nấu cho bà Sáu với con Nuôi ăn với.

Thu Cúc lấy làm mừng. Lối 9 giờ mẹ nó mắc coi cho Thị Kết nấu nướng, nó bèn nói với ông nội nó rằng:

– Cháu sợ bà Sáu với chị Nuôi không dám xuống ăn cơm. Xin ông nội cho phép cháu đi lên trại kêu mới được. Cháu đi một chút rồi cháu về liền.

Ông hội đồng gặc đầu rồi kêu thằng Hiếu dắt Thu Cúc đi chơi.

Cách chẳng bao lâu Thu Cúc trở về, có dắt đủ hai người. Bà Sáu với con Nuôi xẻn lên cứ núp vô trong nhà bếp mà đứng. Thu Cúc để cho bà Sáu nói chuyện với mẹ nó, còn nó nắm tay con Nuôi dắt lên trên nhà lầu, đi từ sau ra trước chỉ đồ đạc cho coi. Ông hội đồng thấy cháu nội vui vẻ, ông nằm trên ghế ngó nó, bộ ông toại chí lắm.

Đồ nấu xong rồi, ông hội đồng biểu dọn một bàn lớn trên nhà lầu rồi kêu mẹ con Thu Vân, bà Sáu và con Nuôi lên ăn chung với ông. Ông ngồi trên đầu bàn, một bên thì Thu Vân với bà Sáu, còn một bên thì Thu Cúc với con Nuôi. Bà Sáu với con Nuôi thấy ông giàu sang mà tử tế quá nên không khếp nép nữa, bởi vậy ăn com ngon, lại nói chuyện vui, làm cho ông hội đồng quên cái buồn hiu quạnh ngày xưa.

Ăn com rồi hai đứa nhỏ dắt nhau ra trước chơi một hồi rồi Thu Cúc chạy vô xin phép ông nội với mẹ đi thăm má con Nuôi. Ông hội đồng không muốn làm buồn cháu, nên ông chịu cho đi, song ông dạy phải chờ thằng Hiếu ăn com rồi nó đi với, chớ không muốn để cho cháu đi chơi một mình.

Người ở trong làng ai nghe nói ông hội đồng mới nhìn được dâu với cháu nội ở trong lò gạch của ông thì cũng lấy làm kỳ; người quen biết nhiều thì lật đật đến hỏi thăm, còn kẻ không hay gần gũi thì đi qua đi lại trước cửa, có ý xem dâu, cháu nội của ông hội đồng coi thể nào. Ông hội đồng đương dắc ý, nên ai hỏi ông cũng nói thiệt, không giấu giếm chi hết.

Chiều bữa ấy, ăn com rồi sớm mà trời lại thanh bạch, ông hội đồng biểu thằng Hiếu nhắc 3 cái ghế để trước sân rồi ông kêu hai mẹ con Thu Vân ra ngồi nói chuyện chơi với ông. Ông ngó dâu mà nói rằng:

– Thuở nay cha tưởng là cha vô phúc, cha không dè ngày nay còn được như vậy.

Thu Cúc mừng nói rằng:

– Cha chả! Phải mà trời khiến cho ba sống lại, ba về đây gặp má với con đương ở với ông nội chắc ba mừng lắm.

Thu Vân nghe con nói tới chồng thì nàng ngồi buồn hiu.

Ông hội đồng thấy vậy bèn nói rằng:

– Đường xá xa xôi, dây thép nói mờ ớ, không biết chừng thằng Vinh nó xiêu lạc đâu đó, để hết giấc rồi sẽ biết. Còn chuyện con Thu Ba để đầu tháng cha sẽ đi Sài Gòn rồi cha muốn nhật báo rao coi ai biết nó ở đâu chỉ cho cha chuộc. Làm như vậy chắc tìm được.

XIV.

Tưởng đã chết nào dè sống lại,
Thương hèn lâu, mới đặng nhìn nhau.

Thầy thuốc Lê Hiển Vinh đi Tây giữa đường bị tàu lặn Đức bắn chìm tàu biệt tích, các quan cũng nói vậy.

Lê Hiển Vinh không chết. Khi chiếc tàu "Hải Phòng" bị bắn chìm chàng đeo trái nổi thả lêu bêu trên mặt biển. Sáng ngày có một chiếc tàu buôn chạy ngang, quan tàu ngó thấy chàng, bèn thả ca nô đi rước. Chàng lên tới tàu thì đuối sức nên nằm ngay đơ. Dưới tàu cho thuốc trót nửa ngày chàng mới tỉnh dậy. Chàng coi lại thì chiếc tàu này là tàu buôn của nước Áo. Quan tàu xét giấy tờ, bắt chàng đem về nước cầm tù.

Hiển Vinh bị cầm tù bên nước Áo cho đến mãn giấc, nước Pháp với nước Áo bãi chiến đối tù với nhau, chàng mới về được. Về tới nước Pháp chàng muốn đánh dây thép cho vợ, nhưng vì trong túi không có tiền dư nên chàng đánh dây thép không được. Chàng vừa viết thư lại gặp kỳ tàu chạy qua Á Đông, quan trên dạy chàng về kỳ tàu ấy, chàng nghĩ gởi thư vô ích, nên viết rồi chàng xé bỏ. Về tới Sài Gòn chàng muốn đánh dây thép cho cha hay, mà rồi chàng nhớ bạn đi có gởi thư trước mà cha không thèm lên đón đưa, bây giờ đánh dây thép nữa, dẫu cha có muốn lên Sài Gòn, lên cũng không kịp, nên chàng cũng bỏ qua.

Hiển Vinh đi thẳng ra Hải Phòng. Tàu tới rồi, chàng tưởng vợ con còn ở chỗ cũ, nên buơn bả chở rương lên đó. Nào dè đến nơi đồ đạc dọn trong nhà coi khác, mà người ở trong nhà cũng lạ. Chàng hỏi thăm vợ con thì không ai biết ở đâu mà chỉ, chàng lấy làm bối rối, bèn ngồi xe đi thẳng lại nhà thầy ba Thiện. Chàng bước vô thấy thầy ba Thiện đương ăn cơm, thầy ngó thấy chàng, thầy chung hứng,

lật đặt buồng dừa đứng dậy nhìn chàng trân trân, không nói tiếng chi được hết.

Hiển Vinh cười và hỏi:

– Anh quên tôi rồi hay sao? Tưởng tôi chết rồi phải không?

Thầy ba Thiện chạy lại ôm Hiển Vinh cười mà chảy nước mắt:

– Trời ơi! Ai cũng tưởng anh chết chìm rồi! Sao mà về được?

Hiển Vinh thuật sơ việc của mình cho thầy ba Thiện nghe, rồi hỏi thăm vợ con mình bây giờ ở đâu. Thầy ba Thiện thuật việc Thu Vân ở nhà nghe tin tàu chìm, chồng biệt tích, nàng rầu và nhuốm bệnh ốm xanh xao như tàu lá. Nàng sợ chết xú người, bỏ con bỏ vợ, nên dắt con về Nam tính giao cho cha chồng rồi tự vận chết theo chồng mà đáp nghĩa xưa. Rủi thay! Nàng về tới Sài Gòn ở đậu nhà người ta, bị ăn trộm lấy sạch tron áo quần vàng bạc. Nàng lại mang bệnh nặng, có viết thư mà trối rồi từ ấy biệt tích, sợ nàng đã chết rồi.

Thầy ba Thiện thuật tới đó rồi đi mở tủ kiếm bức thư của Thu Vân gởi cho thầy trao cho Hiển Vinh xem.

Hiển Vinh mở bức thư ra thấy tuồng chữ của vợ, thì tay run bầy bầy. Chàng coi thư nói như vậy:

"Thầy ba ơi! Khốn nạn cho thân tôi lắm. Tôi về tới Sài Gòn bị ăn trộm lấy tiền bạc áo quần sạch tron. Mấy bữa rày tôi đau dậy không nổi. Không có tiền cho con ăn cơm hằng ngày, có đâu mà uống thuốc. Tôi biết trong mình tôi đau nhiều lắm, chắc không bữa nay thì qua ngày mai tôi phải chết. Vậy trước khi nhắm mắt theo chồng, tôi viết ít chữ cho thầy hay. Tôi nghiệp cho con Thu Cúc bỏ vợ, không biết nó có đủ trí mà tìm về Nha Môn hay không, mà về đó rồi không biết ông nội nó nhìn nó hay không nữa. Khổ lắm thầy ba ơi! Thôi, chúc cho thầy mạnh giỏi, tôi chết..."

Hiển Vinh đọc thư rồi, chàng gục đầu, hai tay bụm mặt mà khóc. Đã chết đi sống lại về tới quê nhà tưởng là vui, nào dè sống về được lại còn thảm khổ hơn là chết chìm nơi đáy biển nữa! Phải dè như vậy thì thà là buông tay mà chìm phút cho mát thân khỏe trí hơn!

Chàng khóc một hồi rồi nói với thầy ba Thiện:

– Anh cho tôi ở đậu ít bữa.

Thầy ba Thiện biểu trẻ trong nhà ra ngoài xe khiêng hành lý của Hiến Vinh vô.

Hiến Vinh đến sở Điều dưỡng trình diện. Ông quan năm, làm đầu Sở ấy đã hay tin Hiến Vinh khỏi chết rồi, bởi vậy Hiến Vinh bước vô thì ông mừng rỡ lắm.

Ông hỏi mấy thầy giúp việc mau mau làm giấy cho Hiến Vinh lãnh lương, rồi ông lại nói Hiến Vinh muốn xin việc gì ông sẵn lòng cho hết thầy. Hiến Vinh tỏ thiệt với ông rằng lúc chàng vắng mặt, ở nhà vợ chết con xiêu lạc, nên chàng muốn xin phép nghỉ sáu tháng sắp đặt việc nhà. Ông làm giấy cho phép nghỉ liền.

Hiến Vinh được nghỉ rồi chàng từ già thầy ba Thiện xuống tàu trở về Nam.

Tàu chạy ra biển, lúc chiều mát, chàng đứng dựa lan can ngó trời, ngó nước, chàng ngắm cảnh chùng nào càng đau lòng chùng nấy. Có khi chàng giở thơ của vợ ra mà đọc, hễ đọc đến đâu thì nước mắt chảy tuôn tràn đến đấy. Chàng trách ông trời sao ở chẳng công, chàng làm tội lỗi gì mà mười mấy năm nay khiến cho cha giận, để cho chàng chịu thảm đêm ngày, rồi bây giờ lại còn nữ giết vợ chàng, nữ bắt đứa con nhỏ của chàng cũng phải xiêu lạc như đứa con lớn nữa.

Từ ngày chàng vì danh dự mà se tơ kết tóc với Thu Vân, cha của chàng không suy xét giùm cho chàng nên đoạn tình phụ tử.

Tuy chàng xét mình không có tội lỗi, nhưng buồn thì có buồn, chớ chẳng bao giờ chàng dám để ý giận cha. Hôm nay vợ chàng chết dọc đường, con chàng xiêu lạc mất. Trong lòng chàng ưu phiền thống khổ, nên chàng trách ông trời rồi chàng lại cố hờn cha. Con trong nhà chỉ có một trai, mà nay lại được hai đứa cháu nội gái. Gắt gao chi lắm vậy, sao chẳng biết thương con thương cháu, khiến cho con buồn thảm, làm cho cháu lạc loài? Mặt mày cũng da cũng thịt như người ta, mà lòng dạ sao cứng như đá vậy?

Hiến Vinh rầu quá cuồng trí, chàng tính cùng rằng để chàng đi riết về nhà tỏ cho hết cái ác của cha cho cha biết, rồi chàng tự vận mà chết trước mặt cha, cho cha thấy cái tánh khư khư giữ phong hóa hủ bại của cha đó đã làm tiêu tan hết hai đứa cháu nội, giết

chết một con dâu, rồi bây giờ giết luôn tới thằng con trai nữa. Sống nữa mà làm gì? Lòng cố giữ chữ hiếu mà cũng mang tiếng thất hiếu?

Vợ hiền con thảo nay đều tiêu tuyệt hết, sống vui sướng gì mà sống!

Hiển Vinh tính tới đó rồi đứng ngó mặt biển chơn trời mà khóc, thâm kêu trời kêu nước mà xin chứng minh giùm lòng cho chàng. Chàng khóc cho đến tối rồi trở xuống phòng nằm dầu dầu, trông tàu tới bến cho mau đăng cố đi riết về Nha Môn nói cho hả hơi rồi chết.

*

Từ ngày ông hội đồng Lê Hiển Đạt nhìn được dâu với cháu nội đến nay, kể đã hơn sáu tháng rồi. Ban đầu ông lên Sài Gòn mượn hai tờ nhật báo để lời rao, hứa chắc rằng ai biết được tin tức con Thu Ba chỉ giùm cho ông thì ông thưởng năm trăm đồng bạc. Ông đợi hoài không nghe động tịnh chi hết, còn ở trong nhà thì Thu Vân ngày như đêm cũng nhắc nhở Thu Ba hoài. Ông thấy vậy nên ông dắt mẹ con Thu Vân đi Sài Gòn hai lần, lần nào cũng ở chơi một tuần lễ đăng dò dẫm tin tức. Thu Vân đi kiếm nhà Hai Thành thì Hai Thành đã dọn nhà đi đâu mất, không còn ở Bàn Cờ nữa. Hai Thành mà còn trốn nữa, thì có phương gì mà gặp Chín Hò! Đi Sài Gòn hai lần, mà lần nào cũng ngơ ngơ ngáo ngáo đi không rồi cũng trở về không, chớ không nghe tin tức con Thu Ba chút nào hết.

Một buổi sớm mai con Thu Cúc đi với ông hội đồng lên thăm lò gạch, nó thấy vắng mặt con Nuôi nó mới hỏi thăm bà Sáu coi con Nuôi đi đâu. Bà Sáu nói rằng:

– Má con Nuôi đau hơn nửa tháng nay. Vài bữa rày má nó bệnh nặng quá nên nó ở nhà, không thấy xuống làm gạch.

Thu Cúc nghe nói như vậy thì mặt nó buồn xo. Đến trưa nó xin phép với ông nội và má nó đăng đi thăm con Nuôi.

Ông hội đồng thấy trời nắng quá; nên ông dục đặc cho đến xế ông mới chịu kêu thằng Hiếu biểu dắt con Thu Cúc đi.

Nhà con Nuôi đóng cửa sùm sụp, trong ngoài vắng tanh. Lên tới đó, Thu Cúc biểu thằng Hiếu đứng trước sân chơi, rồi nó cúi đầu chun vô nhà. Nó nghe ở trong buồng có tiếng rên nho nhỏ, rồi lại nghe có tiếng khua lộp cộp. Nó đi nhẹ nhẹ lại chỗ cửa phòng mà

dòm, thấy con Nuôi đương sắc chén thuốc đắng bung cho má nó uống. Con Nuôi thấy Thu Cúc thì gật đầu chào, tuy miệng nó chum chim cười song mặt nó buồn bực lắm.

Thu Cúc bước vô ngó má con Nuôi rồi hỏi:

– Má chị đau sao đó? Hôm trước chị có nói mà tôi tưởng ể mình sơ sài vậy thôi. Hồi sớm mơi này tôi lên lò gạch, tôi không thấy chị tôi hỏi thăm, bà Sáu nói tôi mới hay. Bữa nay có bớt chút đỉnh gì hôn?

Con Nuôi chảy nước mắt mà đáp:

– Bệnh của má chị một ngày một nhiều.

– Chị có rước thầy hốt thuốc cho uống không?

– Có ông thầy thuốc Bảy, ở xóm trên, hôm trước ổng coi mạch giùm một lần và hốt cho hai thang thuốc. Chiều hôm qua, hốt thêm thang nữa uống còn một chút đây, mà coi bộ cũng không khá.

– Sao chị không rước ông Mộng Liêm trên Sa Đéc, ổng giỏi lắm, nhờ có ổng nên má tôi mạnh, mấy tháng nay lại có da có thịt đó, chị không thấy hay sao?

– Thưa cô...

– Chị kêu tôi bằng cô nữa? Nếu chị kêu tôi bằng cô tôi về đa? Tôi nói cứ kêu bằng em như hồi trước vậy mà, bây đặt kêu cô hoài.

– Nghèo quá có tiền đâu mà rước thầy giỏi.

– Hại gì! Ông nội tôi nói ông Mộng Liêm không phải làm thuốc kiếm tiền như người ta vậy đâu. Giàu thì ổng mới ăn tiền, còn nghèo thì ổng làm phước.

– Dầu ổng làm phước, mình cũng phải có tiền hốt thuốc chứ. Má tôi có chút đỉnh hờn nay hốt thuốc mua dầu hết rồi còn dầu nữa mà rước thầy khác.

– Để tôi về tôi thưa cho ông nội tôi hay, xin ông nội tôi sai thằng Hiếu đi rước. Như ông Mộng Liêm có ăn tiền bao nhiêu thì ông nội tôi trả cho.

Tuy hai đứa nói chuyện nhỏ nhỏ, song má con Nuôi nghe, nên nhướn mắt ngó. Chị ta thấy Thu Cúc, bèn ngoắt nó lại đứng gần, và hỏi nhỏ nhỏ rằng:

– Cô lên thăm con Nuôi chơi hay có việc chi?

Thu Cúc lắc đầu đáp:

– Cháu nghe nói dì ể mình, nên lên thăm dì, chớ có chuyện chi đâu.

Má con Nuôi lặng thinh một hồi rồi nói:

– Cô là cháu nhà giàu, mà cô không kiêu căng, nghe tôi đau cô đi thăm, thiệt tôi cảm ơn quá.

Chị ta nói mấy lời rồi chảy nước mắt rung rung.

Thu Cúc đáp:

– Có chi đâu mà ơn nghĩa. Bây giờ cháu giàu mà cách mấy tháng trước cháu cũng nghèo vậy chớ. Hồi đó dì thương cháu, bây giờ cháu giàu rồi cháu quên dì với chị Nuôi hay sao.

Má con Nuôi nói:

– Thiệt đáng quá! Nhỏ mà ở như vậy hèn chi mới được phước. Con Nuôi phải bắt chước cô đó mà ở đời nghe hôn con.

Chị ta nói tới đó rồi coi bộ mệt nên nín mà nghỉ. Cách một hồi chị ta mới nói rằng:

– Thuở nay cô thương con Nuôi, cô làm chị em với nó, đến chừng cô được giàu sang rồi cô cũng không phụ nó. Bữa nay nhơn có cô lên đây, vậy tôi xin tỏ với cô một điều. Tôi biết trong mình tôi đau nhiều lắm, sợ sống không lâu nữa. Vậy nếu tôi có theo ông theo bà rồi, thì xin cô làm phước thừa với ông hội đồng đăng cho con Nuôi nó ở mà hầu hạ cô, chớ tôi chết thì nó bơ vơ, còn ai đâu mà nương dựa.

Con Nuôi nghe má nó trời như vậy thì nó động lòng nên ngồi ghé bên giường mà khóc, Thu Cúc thấy vậy cũng cảm thiết, song muốn làm cho yên lòng người bệnh nên đáp:

– Dì đừng nói như vậy, chị Nuôi chỉ buồn. Không có sao đâu mà sợ. Cháu mới nói với chị Nuôi để cháu thừa với ông nội cháu cho người lên Sa Đéc rước ông Mộng Liêm hốt thuốc cho dì uống. Dì uống của ông vài thang thì mạnh chớ gì. Còn phần chị Nuôi thì xin dì cũng đừng lo. Cháu thương chỉ cũng như chị ruột cháu vậy. Nói cùng mà nghe, ví như trời khiến dì mất đi nữa thì cháu lo cho

chỉ, hễ cháu sướng thì chỉ sướng, chừng nào cháu nghèo mạt, thì chỉ mới cực khổ. Di đừng có lo, cứ an tâm mà dưỡng bệnh.

Má con Nuôi nghe nói như vậy thì mặt có sắc vui. Chị ta nằm suy nghĩ một hồi nữa rồi nói tiếp:

– Bữa nay nhơn có cô đây, tôi phải tỏ thiệt chuyện riêng của con tôi cho nó biết luôn thể. Nuôi ơi, má nói thiệt cho con biết. Con không phải là con ruột của má đâu. Hồi con được năm sáu tháng má thấy con ngộ nghĩnh má mua má nuôi, nên má mới đặt tên con là Nuôi đó.

Con Nuôi với Thu Cúc nhìn nhau chung hững. Con Nuôi đứng dậy nói:

– Má bày chuyện chi vậy má? Má không thương con nữa hay sao mà má nói như vậy?

Má con Nuôi đáp:

– Má sợ má chết nên má nói thiệt cho con biết chớ.

Con Nuôi ngồi xuống khóc nữa.

Thu Cúc hỏi:

– Di nói chị Nuôi là con nuôi của di. Vậy chớ cha mẹ ruột của chỉ là ai đâu?

– Tôi không biết.

– Ủa! Vậy chớ hồi trước ai bán chỉ cho di?

– Hồi trước tôi ở trên Sài Gòn, ở gần con đó nó nuôi vú cho người ta. Không biết tại sao họ muốn vú nuôi rồi họ bỏ, nên con vú nó bán cho tôi mười đồng bạc.

– Hồi trên Sài Gòn di ở chỗ nào?

– Tôi ở trong đường hẻm gần bên chợ Tân Định.

Thu Cúc nghe nói như vậy thì run tay, biến sắc, lật đặt hỏi nữa:

– Người vú bán chị Nuôi cho di đó phải hồi trước lấy săng-đá hôn?

– Phải.

– Phải tên là Hai Thành hôn?

– Phải. Sao mà cô biết? Con đó sau nó đựng một thùng chồng làm dưới hăng, mặt rõ chẳng, họ kêu là Hai Rỗ, rồi dọn nhà về ở đâu phía Chợ Đũi.

– Hồi trước rằng dì hô, nên lối xóm kêu dì là Chín Hô phải không?

– Phải. Sao cô biết rõ như vậy?

Thu Cúc chạy a lại ôm con Nuôi vừa khóc vừa nói rằng:

– Trời đất ơi! Chị hai tôi đây mà tôi không biết, để đi kiếm xứ nào chứ! Chị hai ơi, em không đề ngày nay chị em gặp nhau như vậy, thiệt là phước lớn không biết chừng nào. Đi, chị đi với em xuống nói với má và ông nội hay. Đi mau mau, cha chả, tôi mừng quá... Anh Hiếu a anh Hiếu, anh chạy riết về kêu má tôi chút... Mà thôi để hai chị em tôi đi. Đi, chị hai, đi.

Thu Cúc bôn chôn quỳnh quít, cứ níu tay con Nuôi mà kéo và thúc đi.

Con Nuôi không hiểu Thu Cúc làm việc gì kỳ cục như vậy, nên nó vịn thành giường trì lại mà mắt nó ngó má nó trân trân.

Má con Nuôi thấy vậy cũng lấy làm lạ nên hỏi Thu Cúc:

– Cô nói cái gì vậy? Tôi không hiểu. Đâu cô nói cho tôi nghe thử coi tại sao cô kêu con Nuôi bằng chị hai?

– Để cháu nói cho dì nghe. Hồi trước má cháu ở trên Sài Gòn, để chỉ đây rồi muốn dì Hai Thành nuôi vú. Ba với má cháu có việc phải đi ra Bắc gấp, mà lúc ấy chị hai cháu đau, nên đem đi một lượt không được.

Ba cháu để tiền bạc cho dì Hai Thành và dặn, hễ chị hai cháu hết đau rồi mua giấy tàu đem ra sau. Dì Hai Thành ăn hết tiền bạc rồi bán luôn tới chị hai cháu mà trốn mất.

– Tôi có đề như vậy đâu?

– Phải hồi đó dì Hai Thành bán cho dì hôn?

– Phải. Nó bán cho tôi mười đồng bạc.

– Dĩ bất nhơn quá! Mười mấy năm nay ba với má cháu tìm chị hai cháu không được rầu rĩ không biết chừng nào. Cách mấy tháng trước má cháu về tới Sài Gòn thời may gặp dì Hai Thành. Má

cháu hỏi dĩ chối, nói cho dĩ chứ không phải bán. Má cháu có lên Tân Định kiểm dĩ nhưng trong xóm dĩ ở hồi trước đó không ai biết dĩ đi đâu. Có dĩ dĩ ở đây đâu!

– Hồi con Nuôi được bốn năm tuổi, nhà tôi mất, vì ở Sài Gòn không có phương thế làm ăn, nên tôi phải trở về đây.

– Sao dĩ ở một bên ông nội cháu đây, mà từ hồi đó đến bây giờ dĩ không nói thiệt?

– Tôi có biết con Nuôi là con của ai đâu mà nói.

– Ờ phải. Dĩ có biết đâu. Mà mấy tháng nay ông nội cháu rao trong nhứt trình hỏi ai biết Chín Hò chỉ ra, ông nội cháu cho tiền sao dĩ lại không nói?

– Ông có rao nhứt trình hay sao? Tôi có hay bao giờ đâu mà nói. Phải tôi dĩ con Nuôi là cháu ông hội đồng thì tôi nói liền dặng nó sung sướng tấm thân, chứ tôi dĩ nó cực khổ làm chi. Cha chả, con tôi có phước quá! Nếu thiệt như vậy tôi hết lo cho phận nó rồi.

– Thiệt là may quá! Ông nội với má cháu chắc mừng lắm.

Thu Cúc nói mà hào hển, nó nói với má con Nuôi rồi day lại kéo con Nuôi nữa:

– Thôi đi chị hai, đi xuống dưới nhà một chút, dặng cho má với ông nội mừng. Ba đi Tây chìm tàu chết rồi. Rủi quá, phải ba còn sống thì vui lắm. Thôi đi.

Con Nuôi nghe rõ đầu đuôi rồi thì nó chung hửng, nửa mừng nửa nghi, nên đứng ngó Thu Cúc rồi lại ngó má nó. Thu Cúc thúc dĩ nữa, con Nuôi mới nói rằng:

– Chuyện em nói đó qua không hiểu. Bây giờ má qua đau qua bỏ mà đi sao được. Thôi em về thưa lại má em hay, coi má em liệu làm sao đã chứ.

Thu Cúc gật đầu buông tay con Nuôi ra, rồi chạy ra sân, hối thằng Hiếu về. Nó vừa đi vừa chạy hào hển, thằng Hiếu chạy theo hỏi việc gì nó không thềm nói, cứ co giò chạy riết. Vừa bước vô cửa, Thu Cúc kêu rân:

– Má ơi má! Con tìm được chị Thu Ba rồi. Má lên đem chỉ về cho mau má.

Thu Vân đương đứng dưới nhà bếp, nghe con kêu nói om sòm, liền chạy lên hỏi:

– Gì vậy con?

– Con tìm được chị Thu Ba rồi?

– Ở đâu?

– Trên kia.

– Trên nào?

– Chị Nuôi đó ă.

– Hả? Ai nói với con rằng con Nuôi là Thu Ba.

– Má chỉ; má chỉ là chị Chín Hô ă.

– Úy cha chả! Thiệt hôn?

– Sao lại không thiệt. Con hỏi rồi. Má kêu hỏi lại mà coi.

Thu Vân mừng quỳnh, nên rộn rục chạy đi kiếm ông hội đồng. Ông đương tắm trong nhà tắm, nằng đứng ngoài kêu mà nói:

– Thưa cha, Thu Cúc nó nói con Nuôi đó là Thu Ba cha à. Cha cho con lên nhà con Nuôi hỏi lại coi, nghe hôn cha.

Ông hội đồng ở trong đáp lại:

– Ừ, con lên trên hỏi lại coi. Con đi trước đi, cha tắm rồi cha sẽ lên sau.

Thu Vân với Thu Cúc dắt nhau mà chạy; trời còn nắng mà quên đội khăn. Ông hội đồng tắm rồi bước ra kêu thằng Hiếu lấy áo quần mau mau cho ông thay, đặng ông đi theo mẹ con Thu Vân. Ông thay đồ xong rồi, ông hỏi thăm thằng Hiếu coi nhà của mẹ con Nuôi ở chỗ nào rồi ông lấy dù đi. Ông ra khỏi cửa ngõ, ông sực nhớ bỏ quên xâu chìa khóa trên đầu giường của ông, ông bèn vội vã trở lại lấy. Ông lên lầu coi tủ sắt, tủ cây đều đóng tử tế, ông bỏ chìa khóa vô túi, kêu thằng Hiếu mà dặn coi nhà rồi ông mới đi nữa.

XV.

Cha con sum hiệp hết ưu phiền,
Chồng vợ trùng phùng quên khổ não.

Ông hội đồng nghe nói con Nuôi đó là Thu Ba, ông muốn đi riết lên nhà nó coi có thiệt như vậy không.

Ông che dù đi dài theo hai hàng kiểng vừa ra tới nửa sân ông thấy có một cái xe hơi chạy chậm chậm rồi ngừng ngay trước cửa ngõ. Một người mặc đồ tây nỉ ở trên xe leo xuống, tay xách một cái hoa ly. Xe liền mở máy chạy.

Người lạ ấy vô cửa ngõ rồi thì cứ lăm lăm đi riết. Bộ đi mạnh dạn mà mặt mày hầm hừ lắm. Ông hội đồng tưởng khách nào lạ nên ông khựng lại mà ngó. Chùng người ấy ngó thấy ông hội đồng đứng giữa sân thì vội vã đi lại. Đi gần tới, người ấy để cái hoa ly xuống đất, lấy nón cầm trong tay rồi nói chằm bằm:

– Thưa cha, con về đây.

Ông hội đồng đứng nhìn trân. Chùng ông thấy quả là Hiến Vinh, con trai của ông, thì ông biến sắc lỗ khóc lỗ cười, không biết nói sao được, ông vùng la lớn lên:

– Ủa! Vinh! Mày còn sống hay sao? Cha chả là may!... Vậy mà nó nói mày bị tàu chìm chết rồi chứ!

– Thưa cha, con dễ chết đâu! Con về đây mà chết trước mặt cha cho cha vừa lòng chứ!

– Ê! Đừng có nói bậy! Chết đi sống lại tao mừng quá mà mày nói cái gì vậy?

– Thưa cha, con nói thiệt chứ. Con sống lại dặng về mà chết cho cha thấy.

– Sao mà chết?

– Vậy chứ sống làm gì? Sống mà sầu não, sống mà ngâm đắng nuốt cay, sống vui sướng gì đó mà sống.

Ông hội đồng chum chim cười.

Ông định tỏ thiệt những việc ở nhà, mà vừa mở miệng thì Hiến Vinh lại nói:

– Cha ở với con thiệt là ác lắm. Vì cha mà con sầu thảm mười mấy năm nay. Vì cha mà vợ của con phải chết dọc đường dọc sá, còn con của con thì xiêu lạc mất hết. Cha giết con luôn nữa đi cho vừa lòng cha. Con nói thiệt, nếu cha không giết con thì con cũng đâm hòng con mà chết cho cha coi.

Ông hội đồng cười ngất. Ông bước lại vỗ vai Hiến Vinh và nói dịu dàng:

– Con giận cha lắm phải không? Con giận phải lắm. Bây giờ cha biết cha ở với con gắt gao thiệt. Thôi, chuyện cũ bỏ đi, đừng có nhắc tới nữa.

Hiến Vinh cười gằn và chận đáp:

– Bây giờ cha biết cha ở gắt thì đã muộn rồi, cha biểu bỏ chuyện cũ, bỏ sao cho được.

– Sao vậy.

– Làm sao con quên vợ con của con được. Con phải chết. Chết trước mặt cha bây giờ đây.

Hiến Vinh khóc dầm. Ông hội đồng cười rồi kéo tay chàng mà nói:

– Con vô nhà ngồi mà khóc. Khóc cho lung đặng hết phiền rồi một lát vợ con của con trở về đây gặp nhau cho vui.

Hiến Vinh nghe nói như vậy thì càng thêm buồn nhiều nên nói:

– Con đau lòng xót dạ hết sức mà cha đành vui cười pha lúng chi vậy cha.

– Cha nói thiệt. Con vô nhà đi, rồi một lát nữa vợ của con sẽ dắt thêm một đứa con nữa của con về đây mà mừng con cho con coi.

– Vợ của con bây giờ ở đâu? Kiếm được con Thu Ba rồi hay sao? Cha đã chịu nhìn chúng nó rồi hay sao? Chúng nó về đây hay là cha đi kiếm?

Ông hội đồng kêu thằng Hiếu xách hoa ly cho Hiến Vinh còn ông nắm tay Hiến Vinh mà kéo đi vô nhà. Hiến Vinh ngơ ngẩn lơ khốc lơ cười, không hiểu vợ con ở đâu mà cha nói như vậy.

Vô nhà rồi, ông hội đồng đề vai Hiến Vinh biểu ngồi trên ghế. Ông ngồi một bên mà tỏ cho chàng nghe rằng mẹ con Thu Vân ở

Hải Phòng nghe tàu chìm chàng chết, bèn dắt nhau trở về Nam. Đến Sài Gòn bị ăn trộm lấy hết vàng bạc áo quần, rồi Thu Vân lại đau nặng, Thu Vân gởi thơ mà trời với ông, ông muốn lên Sài Gòn mà tìm ngặt vì trong thơ không có nói chỗ ở nên ông không biết ở đâu mà kiếm. Ông buồn rầu ăn ngủ không được, nên ông mang bệnh hơn một tháng. Lúc ấy Thu Vân mạnh rồi nàng dắt con xuống đây vô ở trong lò gạch mà làm công. Ông thấy mẹ con nghèo khổ bệnh hoạn ông thương, nên đem về nuôi. Cách 2 tháng sau tình cờ con Thu Cúc nói thiệt ông mới biết, chớ nếu mẹ con nó giấu hoài thì chắc ông cũng không dè.

Ông hội đồng thuật chuyện, Hiển Vinh lóng tai nghe. Ông thuật tới đó rồi nói:

– Còn cái việc con Thu Ba thì cha muốn nhứt trình rao ai có biết nó ở đâu thì chỉ giùm, cha thưởng 500 đồng bạc. Cha với vợ của con có đi Sài Gòn hai lần, hỏi dò thì hồi trước con vú bán con Thu Ba cho một người đàn bà tên là Chín Hô, mà tìm Chín Hô không được. Hồi xé con Thu Cúc đi chơi tình cờ nó hỏi ra mối. Té ra con Thu Ba từ nhỏ chí lớn làm trong lò gạch của cha đây mà cha không hay. Con Thu Cúc chạy về kêu rồi mẹ con nó dắt nhau lên trần. Cha đi theo vừa mới ra gần tới cửa kế gặp con về đó.

Hiển Vinh nghe rõ đầu đuôi rồi thì mừng quýnh đứng dậy nói:

– Vợ con của con đi chỗ nào, xin cha chỉ giùm đặng con lên đó coi.

Ông hội đồng cũng đứng dậy:

– Thôi thì đi với cha.

Hai người vừa bước xuống thêm thì thấy Thu Vân, Thu Cúc với con Nuôi ở ngoài bước vô cửa ngõ. Hiển Vinh thấy vợ con thì quýnh quíu trong lòng không thể dần được, nên chàng chạy riết ra một tay nắm Thu Vân, một tay nắm Thu Cúc cười om sòm mà nước mắt chảy đầm dề.

Thu Vân và Thu Cúc thấy Hiển Vinh, tưởng trên trời mới rớt xuống, nên đứng sảng sốt, không nói được một tiếng. Thu Cúc ôm cha chặt cứng mà khóc. Thu Vân đứng một bên chồng cũng khóc òa. Con Nuôi không hiểu chi hết nên đứng dang ra mà ngó. Thu

Vân hỏi chồng tại sao còn sống mà về được. Hiển Vinh thuật sơ chuyện của mình trong ít tiếng cho vợ con nghe.

Thu Vân bước lại nắm tay con Nuôi và nói với chồng:

– Mẹ con tôi mới tìm được con Thu Ba đây.

Hiển Vinh thuở nay chưa thấy mặt con Thu Ba, nay mới thấy nó đây, tuy nó ăn mặc lam lũ, song chàng không nghi ngại chi hết, vùng cúi xuống ôm mặt nó mà hun và nói:

– Mười mấy năm nay cha mẹ thương con nên khóc gần hết nước mắt. Ai dè ngày nay về đây rồi lại gặp con!

Vợ chồng và hai đứa con dắt nhau vô nhà. Ông hội đồng đứng trên thềm gạch ngó con dâu, và hai đứa cháu nội thì ông lấy làm đẹp dạ, nên ông vuốt râu mà miệng cười chum chím.

Vô nhà rồi Thu Vân thưa với ông hội đồng:

– Thưa cha, chị Chín Hô đau nhiều quá mà không có thuốc men chi hết. Chỉ có ơn nuôi con Thu Ba thuở nay, bây giờ mình làm sao đền ơn lại chỉ.

Ông hội đồng chưa kịp nói, thì Hiển Vinh hốt mà nói rằng:

– Chỉ ở chỗ nào đâu, dắt tôi lên đó coi mạch thử coi. Như có thể cứu được thì tôi ráng mà cứu chỉ.

Ông hội đồng nói:

– Con đi với cha.

Ông hội đồng với Hiển Vinh ra đi. Thu Vân, Thu Ba và Thu Cúc cùng đi theo. Lên đến đó Hiển Vinh coi mạch cho chị Chín Hô rồi nói:

– Bệnh tuy nhiều, nhưng không thấy chỗ nào hại. Tôi có thể cứu được, song phải lâu lâu một chút bệnh mới mạnh.

Chàng ngó quanh quất trong nhà:

– Ở nhà chật hẹp thấp thỏi quá như vậy biểu dùng đau sao được. Mà chỉ ở đây có một mình rồi ai nuôi chỉ. Thưa cha, để biểu bày trể đem võng lên võng chỉ về dưới nhà mình đặt cho thuốc cho dễ.

Ông hội đồng gác đầu lia lịa:

– Được, được, con muốn thế nào tự ý con.

Ông liền bước ra kêu lối xóm biểu hai người mạnh dạn lấy vông mà khiêng giùm Chín Hô đem xuống nhà ông.

Ông dắt vợ chồng Hiễn Vinh về trước, để Thu Ba với Thu Cúc ở lại đặng đi một lượt với chị Chín Hô. Về đến nhà, Thu Vân biểu anh Pho với thằng Hiếu dọn cái phòng dựa nhà bếp chỗ nàng nằm khi trước cho chị Chín Hô nằm.

May Hiễn Vinh có vài mũi thuốc để sẵn trong hoa ly, lại có kim để tiêm thuốc nữa, nên chùng vông chị Chín Hô xuống tới nơi, chàng tiêm cho chị ta một mũi thuốc, chị ta khỏe liền. Thu Ba cứ cà rà một bên mà coi chùng, bộ nó thương yêu mẹ nuôi lắm. Thu Vân lấy một bộ áo quần mới của Thu Cúc đưa cho Thu Ba bận đỡ. Thu Ba ban đầu còn bỡ ngỡ mà rồi nó thấy cả nhà đều tỏ ý thương nó, ông nội thì ngồi ngó con cháu rồi vuốt râu cười hoài, cha thì đứng xăn bắn một bên mà vuốt ve, mẹ thì lo gỡ đầu, thay áo cho nó, em thì cứ theo nắm tay mà nói chuyện, bởi vậy nó mới dám chắc sự thiệt, nó mới mừng mừng trong lòng.

Anh Pho rượt bắt vịt làm thịt, vịt la om sòm. Thị Két nấu com trong nhà bếp khói lên ngui ngút. Thằng Hiếu chế trà rồi lấy thuốc, múc nước rửa mặt rồi rót dầu làm đèn, nó chạy lăng xăng chon không bén đất.

Đến chiều com cháo dọn đầy một bàn, Hiễn Vinh cứ lo nói chuyện, không nhớ tới việc ăn uống. Ông hội đồng ngồi lại bàn ăn rồi nói lớn:

– Thôi, ăn com. Để thủng thảng rồi mặc sức mà nói, không thiếu gì ngày giờ. Đi ăn com để đồ ăn nguội hết.

Hiễn Vinh nghe cha biểu mới dắt vợ con đi ăn com. Ông hội đồng ngồi trên đầu bàn, một bên thì Hiễn Vinh với Thu Ba, còn một bên thì Thu Vân với Thu Cúc, vừa ăn vừa nói chuyện.

Cha con sum hiệp, chồng vợ trùng phùng, một câu chuyện nghe mấy tiếng cười, mặt người nào coi cũng tươi rói.

Thu Vân thuật rõ những việc tân khổ của mẹ con nàng ở nhà lại cho chồng nghe. Khi nàng thuật tới lúc vợ chồng Hai Rổ đoạt tài

vật của nàng thì Hiến Vinh giận quá, nói để làm đơn gửi lên quan biện lý Sài Gòn mà thưa, đặng trừng trị cái lũ gian ác ấy.

Ông hội đồng can:

– Thôi con. Bây giờ mình có phước được sum hiệp một nhà rồi, mình cũng nên làm phước cho thiên hạ. Hại người ta làm chi. Đã biết con Thành nó bán con Thu Ba. Bây giờ có Chín Hô làm chứng thì con trị tội nó được. Còn thằng chồng nó âm mưu giết của, nếu con xin sở mật thám xét cho hẳn hoi thì có lẽ cũng ra mối. Mà thôi! Làm cho ra lẽ mà ích gì. Mất vàng bạc bao nhiêu để cha thường cho. Cũng nhờ vợ chồng con Thành nó làm như vậy nên bây giờ mình mới được vui vẻ như vậy.

Vợ chồng Hiến Vinh nghe cha dạy như vậy thì kính phục lắm, không có lời nào mà cãi được. Ai nấy còn ngồi suy ngẫm mấy lời hiền đức của ông hội đồng.

Vợ chồng Hiến Vinh ngồi ăn mà cứ liếc ngó con Thu Ba hoài. Cách một hồi Hiến Vinh nói với vợ:

– Tôi coi cái trán với cái miệng con Thu Ba nó giống con Thu Cúc quá, mà sao mình gặp con Thu Ba năm sáu tháng mà mình không biết? Dở quá.

Thu Vân cười và đáp:

– Tại tôi không dè nên không để ý coi cho kỹ. Mà trời khiến cũng kỳ, hai đứa nó gặp nhau thì chúng nó thương nhau quá.

Con Thu Ba chúm chím cười hoài không nói chi hết.

Sáng bữa sau Hiến Vinh đánh dây thép lên Sài Gòn mua thuốc trị bệnh cho chị Chín Hô. Chàng sẵn sóc điều dưỡng trong nửa tháng thì chị Chín Hô thiệt mạnh.

Ông hội đồng tỏ dấu cảm ơn những người làm nghĩa với con cháu ông trong lúc hoạn nạn, nên ông kêu bà Sáu và chị Chín Hô về ở nhà đặng ông nuôi.

Ông lại cho phép vợ chồng Hiến Vinh dắt con đi Trà Vinh tạ tội với ông Đoàn Thanh Bạch và viếng mộ vợ chồng ông Đoàn Thanh Long. Bận về vợ chồng Hiến Vinh dắt con đi thẳng lên Sài Gòn tạ ơn ông thầy thuốc làm nghĩa trị bệnh cho Thu Vân. Thu Vân lại xin chồng ghé Mỹ Tho đặng nàng thăm thím tiệm trà.

Hiển Vinh đi chơi trọn nửa tháng rồi mới trở về Nha Môn. Ông hội đồng được hạnh phúc, ông muốn chia cái phúc của ông cho con nhà nghèo, bởi vậy ông dạy Hiển Vinh xin từ chức thầy thuốc rồi ông cất một tòa nhà ngói lớn phía bên kia đường ngay cửa ngõ nhà ông, để rước và nuôi dưỡng con nít mồ côi và người già cả bệnh tật. Ông giao cho vợ chồng Hiển Vinh coi sở ấy làm phúc cho kẻ cô cút nghèo nàn. Còn lò gạch với ruộng đất thì ông nói với hai đứa cháu nội hễ ông đi thăm lò gạch thì có Thu Ba, hễ làm từ tá mướn ruộng thì có Thu Cúc.

Một nhà vui vẻ, cha con chồng vợ thuận hòa.

Một buổi chiều, ông hội đồng nhắc ghế ra ngồi trước sân mà hóng mát. Thu Ba với Thu Cúc đi vòng theo mấy cây kiểng mà kiếm sâu. Hiển Vinh với Thu Vân dắt nhau đi qua đi lại theo mấy bờ sông mà nói chuyện. Ông hội đồng nhìn con ngó cháu, trong lòng thơ thới ngoài mặt tươi cười. Nhiều khi ông nói nhỏ một mình:

– Hạnh phúc như vậy mà mười năm nay mình không biết hưởng.

HỒ BIỂU CHÁNH - 1928

HẾT

*

KHỐC THẦM

(tiểu thuyết)

I.

KHÁCH LẠ ĐẾN NHÀ

Ồm oi, em! Huệ với lại bữa nay trở bông hết, thiệt là đẹp, ra đây coi chơi, em.

Ấy là mấy lời của một cô mỹ nữ, mới mười chín tuổi, tên là Đoàn Thu Hà, lối bốn giờ chiều, đứng giữa vườn hoa trước nhà, kêu mà nói nói với em trai Đoàn Công Cẩn.

Công Cẩn đã được mười lăm tuổi rồi, nhưng vì trò nhỏ xương, nhỏ vóc nên người không quen biết, ai thấy trò cũng tưởng trò chừng lồi mười ba tuổi mà thôi. Trò chống tay đứng dựa lan can trước cửa, đương nhịp chân hút gió, bỗng nghe chị kêu, liền chạy qua ngó chị mà cười, rồi thung thủng bước xuống thêm đi ra sân.

Thu Hà với Công Cẩn là con của thầy Hội đồng Đoàn Công Chánh ở Mỹ Thạnh, nhà cất dựa đường Thốt Nốt đi Long Xuyên, Thu Hà học trường Nữ học đường trên Sài Gòn, hôm tháng trước thi đậu luôn hai khoa, lấy được Diplôme và Brevet Élémentaire. Còn Công Cẩn thì học trường Chasseloup Laubat, đã được một năm thứ nhứt rồi. Vì chị đã thi đậu rồi, em lại gặp dịp bãi trường nên chị em dắt nhau về nhà mấy tuần nay mà vui chơi với cha mẹ.

Trời chiều man mác, ngọn gió lao rao. Trong vườn hoa, đầu này bông phấn khoe màu nâu, đầu kia bông lái khoe màu trắng, bông nâu coi thiệt đẹp mà bông trắng coi càng xinh. Đã vậy mà tại cửa ngõ có xẻ hai bên hai cái đường nhỏ chạy dài vô sân rồi giáp nhau ở trước thêm nhà. Dọc theo hai đường ấy, một mé thì trồng lan, một mé thì trồng huệ đều tro bông, nên ngồi trong nhà ngó ra thì thấy mỗi bên một lần đỏ lỏm đối với một lần trắng nõn.

Tuy cái sân của thầy Hội đồng Chánh kêu là vườn hoa, nhưng mà vườn hoa này cũng giống như mấy vườn hoa khác trong Nam Việt, nghĩa là có trồng bông, mà cũng có trồng cây trái nhiều thứ nữa. Trước thêm nhà có để hai hàng đôn, trên mỗi cái đều có một chậu kiểng, kim quít, sơn tùng, cần lẵng, bùm sùm, bụi thì uốn nhánh kỳ khôi, bụi thì tủa lá yếu điệu. Hai bên thì cam mật, quít đường trồng ngay hàng, cành lá sum sê, mà bông trái chưa trổ. Phía ngoài thì lý trồng xen với mạn dày bít, lại thêm trồng một hàng rào bằng bông lồng đen, nên hễ đóng chặt cửa ngõ rồi, thì người đi ngoài đường không thấy trong vườn được.

Thu Hà mình mặc áo tím quần trắng, chơn mang giày nhung xanh, tay trái đeo một chiếc huyền, tay mặt đeo một chiếc vàng hột xoàn, tai đeo một đôi bông cũng nhận hột xoàn, cổ đeo một sợi dây chuyền nhỏ, tuy không có trang điểm như mấy con gái nhà giàu có học kia, nhưng cô vừa có sắc vừa có đức, lại thêm có vẻ thiện chơn, nên gương mặt coi vừa nghiêm trang vừa thanh lịch, ít cô gái nào bì kịp.

Cô nắm chùm bông huệ rồi cô cúi xuống, kê mặt vô mà hủi, bàn tay cô dịu nhiều, da mặt cô trắng ngần. Bông kê mặt cô bông lúc lắc oạt òa, còn cô hủi bông rồi, cô vừa lòng nên cô cười chúm chím. Cô thấy Công Cẩn ra gần tới, cô buông chùm bông ra mà nói:

– Bông tốt mà lại thơm quá.

Công Cẩn cười và đáp rằng:

– Chắc là bông nghe chị thi đậu, nên rủ nhau nở hết thả đảng mừng chị đó đa chị Hai.

Thu Hà liền trả lời rằng:

– Em nói đó có lẽ phải đa. Thuở nay chị thương bông lắm, hể bãi trường ở nhà chị vô phân tưới nước cho nó hoài, nay chị thi đậu tự nhiên nó phải nở mừng chị chớ.

Thu Hà nói và cười, núng hai bên gò má hai đồng tiền, bày hai hàm răng trắng trong và khít rịt, mắt ngó thật là có đức, miệng nói thật là có duyên. Đã vậy mà lại thêm gió phất cái áo tím mỏng của cô bó sát trong mình, làm cho thấy rõ cái vóc của cô yếu điệu thanh tao, rồi bay hai lai quần lên, làm cho lòi hai bàn chơn no vun, bày hai còm chơn tròn no và trắng nõn.

Vì Công Cẩn là em, nên trò không thấy dung nhan tuấn tú của chị, lại trò còn khờ, nghe chị nói chơi như vậy, trò không biết lời chi mà đối đáp, trò mới lựa một chùm bông huệ nở đều, trò nắm mà hủi rồi bỏ đi tới. Thu Hà đi theo em, gió phất mái tóc làm cho năm ba sợi phủ xuống mặt, cô lấy tay mà vén, ngón tay dịu dàng, đầu tóc đen mượt.

Hai chị em đi tới đám bông lài, bèn đứng lại mà trầm trồ. Công Cẩn với tay ngắt một bông, Thu Hà la lên rằng:

– Ý! Đừng có hái, em. Đừng có hái, hái chi vậy? Uống quá.

Công Cẩn hủi bông rồi trao lại cho chị, Thu Hà lấy bông lại cầm mà coi, sắc mặt buồn hiu, mà nét buồn coi còn xinh đẹp hơn hồi nãy nữa. Cô ngó cái bông rồi trách em rằng:

– Bông tốt như vậy mà em hái chớ. Chị tiếc quá. Đừng có hái nữa nghe hôn em.

Công Cẩn gật đầu cười và nói rằng:

– Chị không cho tôi hái bông, để tôi kiếm trái lý ăn chơi.

Trò nói dứt lời thì buơn bả đi tới mấy cây lý. Thu Hà thùng thảng đi theo em. Cô ngoái lại trong nhà rồi kêu em mà nói rằng:

– Có ba với má kia, em. Em hái đừng có làm gãy nhánh ba rầy đa.

Vừa lúc ấy hai vợ chồng thầy Hội đồng Chánh đương bước xuống thêm mà ra sân. Ông Hương chủ Lung là chú ruột của thầy Hội đồng, nhà ở dưới phía Bò Ót, ông lên thăm hồi trưa, vì vợ chồng thầy Hội đồng cầm quá, nên ông phải ở lại chơi với cháu, ông cũng đi theo ra trước thêm mà húng mát.

Thầy Hội đồng Đoàn Công Chánh năm nay đã được bốn mươi lăm tuổi. Thầy gốc gác ở Mỹ Thạnh, cha mẹ khuất hết, trong thân tộc duy còn có một người chú là ông Hương chủ Lung đó mà thôi. Còn vợ là cô Lý Thị Cơ, nhỏ hơn thầy hai tuổi, vốn là con của một bà Cai tổng cự ở dưới Ô Môn thuộc tỉnh Cần Thơ.

Hai vợ chồng có danh giàu có và nhon đúc ở miệt Cái Sao, Cái Sắn. Cái danh ấy không phải là danh giả, bởi vì thầy Hội đồng đứng bộ hơn năm trăm mẫu điền hạng nhứt, mỗi năm thầy thu huê lợi gần hai chục ngàn gia lúa, mà vợ chồng thầy ở rộng rãi, tá điền, tá thổ đũa nào túng tiền hoặc là túng lúa thì thầy cho mượn chớ chẳng hề thầy chịu cho vay, còn trong làng xóm ai gặp hoạn nạn thì thầy cứu giúp cho hết thảy.

Thầy Hội đồng Chánh không biết chữ Tây, mà thầy thông chữ Tàu; những sách Tàu gọi là tân thư, thì chẳng có bộ nào trong nhà thầy không có. Lại các thứ tạp chí, nhật báo quốc âm, thầy mua đủ hết, thứ hay cũng mua mà thứ dở cũng mua; thầy nói rằng nếu người ta nghị luận đúng thì mình phải biết mà khen, còn nếu người ta nghị luận sai thì mình cũng phải biết mà cãi, chớ mình chê dở mà không đọc, thì mình có biết dở chỗ nào mà tránh.

Vì thầy đọc tân thư và nhật báo nhiều, nên tuy thầy không học chữ Tây, song kiến thức của thầy cũng rộng rãi như người có học. Thiệt thầy không chịu can dự đến quốc sự, nhưng mà thầy tôn trọng quê hương, thầy yêu mến đồng chủng, lại thầy hay chăm nom những vấn đề thuộc về khai thông dân trí, hoặc bảo thủ lợi quyền cho người Việt Nam. Hội nào lập ra cũng có thầy hùn hết thảy. Có

hội bị lỗ, nên tan rã, thầy mất hết vốn hùn mà thầy không giận, lại nói rằng: vạn sự khởi đầu nan; mới tập đi thì phải vấp té nhiều lần, rồi mới đi vững được chớ.

Thầy đã biết lo giúp đời, mà may lại được gặp một người vợ hiền. Mấy năm sau đây, thị Cơ mang lấy bệnh ho, thầy thuốc cấm lo đến việc nhà, chẳng làm chi; hồi trước cô còn mạnh mẽ, cô thể cho chồng mà xem xét trong nhà ra đến ngoài ruộng đi nữa, mà chồng làm việc chi, dầu tốn hao bao nhiêu cô cũng chẳng có một lời phiền trách. Cô Hội đồng thuộc về hạng đàn bà biết kính trọng chồng, biết trưởng chí chồng, nên chẳng hề khi nào có ngăn trở việc của chồng làm. Mà thầy Hội đồng thuộc về hạng đàn ông thương yêu vợ, biết lo việc nhà, nên chẳng hề bao giờ thầy làm cho vợ buồn, mà cũng chẳng hề khi nào thầy để phạm danh giá.

Vợ chồng sanh có một đứa con trai với một đứa con gái đó mà thôi. Lúc con còn nhỏ thì vợ chồng đã ước nguyện cho chúng nó ăn học cho đến cùng, đặt chúng nó đủ tư cách, đủ trí thức mà đảm đương với thế cuộc. Phận Thu Hà là gái nên học trong nước cũng đủ rồi, còn phận Công Cẩn là trai phải học cho cao mới được. Năm ngoái Công Cẩn thi lấy bằng sơ học xong rồi, thì thầy Hội đồng Chánh muốn cho trò qua Tây mà học. Vì bởi thị Cơ than có bệnh hoạn, lại con còn nhỏ quá, nên thầy Hội đồng sợ vợ buồn, mà phải dần lòng để cho con học tập theo trí thức hạ lại như người.

Mà cha mẹ biết lo lắng cho con, lại gặp con cũng biết làm vừa lòng cha mẹ. Thu Hà thuở nay cần cố lắm, nên bây giờ mới thi đậu lấy luôn hai bằng cấp trong một năm. Còn Công Cẩn mới vào trường lớn năm đầu, mà hôm bãi trường được thưởng năm cuốn sách tốt.

Về sự ăn học thì hai trẻ đã làm cho cha mẹ vui lòng rồi, mà về sự ăn ở thì chúng nó cũng làm vừa ý cha mẹ lắm. Công Cẩn còn nhỏ nên về nhà cứ lo chơi mà thôi, song cách chơi của trò thường êm thấm, thấy người lớn biết cung kính, thấy kẻ nghèo biết thương yêu, chớ không phải vức vắc ngang tàng như con nhà giàu khác. Còn Thu Hà, cô đã nếm chút đỉnh mùi tân học, mà cô không chịu làm theo những thói tân nữ nhi. Cô ghét những gái hót tóc cụt, đi giày cao gót, mặc y phục theo đám, cô chê những gái cạo chon mày, môi thoa son đỏ lòm, tay xách bóp nhỏng nhảnh. Thuở nay hễ bãi

trường thì cô về nhà, lo coi sóc miếng ăn miếng uống cho cha mẹ, cô cắt lụa may áo may quần cho em. Cô chẳng hề nói nặng tiếng với trẻ ở trong nhà, cô thường hay cho tiền những con nít nghèo trong xóm. Cô có một tật mà thôi, cái tật ấy là cái tật khinh bỉ những kẻ mưu lợi cầu danh, chiết báng những người nịnh hót giả dối. Thấy Hội đồng thường nói với con:

– Cái tật của con đó không phải là xấu, song không thích hợp với thời thế. Ba coi đời bây giờ ai giả dối nịnh hót thì mới sang, ai giỏi mưu lợi cầu danh thì người ta cho là trí. Nếu con nghịch những người ấy, thì còn ai đâu mà con ưa?

Hễ Thu Hà nghe cha nói vậy, thì cười và đáp:

– Không còn ai thì thôi, chớ thứ đồ giả dối nịnh hót, ỷ thế hiếp cô, biểu con ưa sao cho được.

Chiều hôm nay, hai chị em Thu Hà dắt nhau ra ngoài cửa ngõ, chị xem bông, em hái trái. Thấy Hội đồng xuống thêm rồi kêu trẻ ở nhắc ghế ra, đặt thầy ngồi chơi với ông chủ Lung. Chú cháu nói chuyện cây trái một hồi, rồi ông Hương chủ Lung hỏi:

– Con Thu Hà nó thi đậu rồi, thôi, vợ chồng bây giờ coi chỗ nào phải gả phút nó đi. Con gái đời này để nó lớn tuổi quá không nên.

Thầy Hội đồng cười và đáp:

– Vợ chồng cháu cũng tính có chỗ nào phải thì gả, chớ để làm chi. Ông Huyện hàm Hạ, ở Lai Vung, ổng có cậy người ta nói đó, mà để thủng thẳng ít bữa rồi hỏi dọ ý nó coi.

Ông Hương chủ lấy cái khăn rằn vắt trên vai xuống mà lau miệng, vuốt râu rồi nói:

– Tưởng là ai, chớ ông Huyện hàm Hạ tao biết. Ông là người giàu có mà nhơn đức. Mấy làm sui với ổng thì xứng lắm. Như ổng có cậy nói con Thu Hà cho con ổng, thôi thì gả đi.

Thầy Hội đồng làm lơ không nói nữa, mà coi sắc mặt thì biết thầy suy nghĩ trong trí lắm. Cô Hội đồng nhả trầu quăng dưới gốc cây, rồi cô nói:

– Hồi hôm tôi có nói với nó chuyện đó, nó nghe thẳng nọ học có bằng cấp sơ học mà thôi, còn ông già nó làm Huyện hàm, thì nó

cười ngất. Tôi coi ý nó chê thằng nọ học ít, mà nhất là nó ngạo chực Huyện hàm lắm.

Ông Hương chủ châu mày mà hỏi rằng:

– Người ta làm Huyện hàm, sao lại ngạo người ta?

Ông hỏi chưa dứt lời, bỗng nghe tiếng xe hơi ngừng ngoài cửa ngõ. Hai vợ chồng thầy Hội đồng ngó ra, thì thấy hai người bận đồ tây bước vô, người đi trước, mặc quần áo tussor, là thầy Từ Bá Hỉ, chủ hãng sửa xe hơi ở Cần Thơ, kêu cô Hội đồng bằng dì, còn người đi sau, mặc quần trắng áo nỉ xạm, tay có tang, đi giày đen, đội kết rằn, trạc chừng hai mươi lăm tuổi, gương mặt sáng sủa, tướng đi khoan thai, thì lạ hoắc không biết là ai. Bá Hỉ vô khỏi cửa ngõ rồi, thấy hai chị em Thu Hà đứng dựa cây lý bên phía tay mặt thì giở nón mà chào và nói:

– Nghe em thi đậu, nên có dịp đi Long Xuyên qua ghé mừng cho em.

Thu Hà cúi đầu và đáp:

– Cám ơn anh Hai. Chị Hai mạnh phải hôn anh Hai? Sao anh không cho chị Hai đi với?

Bá Hỉ nói:

– Qua đi thỉnh linh, để khi khác rồi qua dắt chị Hai em lên thăm.

Bá Hỉ dắt người lạ ấy đi vòng theo cái đường bên tả mà vô nhà. Hai chị em Thu Hà hướn bước noi cái đường bên hữu mà vô. Tới thêm Bá Hỉ chào mừng ông chủ với dì và dượng, rồi trình diện người đi theo mà nói:

– Người bạn cháu đây là Mông Xừ Lê Vĩnh Thái du học bên Pháp, thi đậu tú tài đã hai khóa rồi, mới về chừng một tháng nay.

Thầy Hội đồng Chánh bắt tay Vĩnh Thái và nói:

– Tôi lấy làm may mắn mà được cậu Tú tài đến nhà, vậy tôi xin thỉnh cậu vô.

Vĩnh Thái cúi đầu một cái rất nhanh nhả, rồi chon bước lên thêm, miệng chum chim cười mà đáp rằng:

– Cháu được biết ông, cháu cũng vinh hạnh lắm. Cháu đến làm rận cho ông bà, xin ông bà tha lỗi.

Thầy Hội đồng lật đật nói:

– Không, không, tôi vui lắm chứ! Có rận chi đâu.

Hai người khách theo chủ nhà mà vô cửa, Ông Hương chủ với cô Hội đồng cũng thủng thẳng theo sau. Còn Thu Hà và Công Cẩn thì dắt nhau đi bết qua góc vựa lúa, rồi vô nhà cầu, Thu Hà còn giặt cái bông lài trên đầu tóc.

II. LUẬN ĐÀM THẾ SỰ

Phía cửa của thầy Đoàn Công Chánh cất theo kiểu kim thời, nên bề ngoài coi có vẻ thanh bai, còn bề trong dọn có đủ nghi tiết. Phía trong thầy đặt ba bàn thờ cẩn ốc xa cừ, lau chùi bóng láng, lư chon đèn đồng trắng đánh dầu sáng ngời. Phía ngoài, mà chính giữa, thầy để một bộ ghế xa lông, còn hai bên thầy lót hai bộ ván gỗ đỏ. Đầu trên thầy dọn hai cái phòng khách, còn đầu dưới thầy để làm phòng ăn, có tủ buffet chung rượu đủ thứ.

Cách chung dọn trong nhà nửa theo tân, nửa theo cựu, nên khách lạ bước vô, ai cũng biết chủ nhà ăn ở theo nay, mà tánh ý theo xưa.

Thầy Hội đồng dắt Bá Hỉ với Vĩnh Thái thẳng vô bộ xa lông mời khách ngồi. Bá Hỉ, Vĩnh Thái ngồi một bên, thầy ngồi một bên, còn ông Hương chủ thì nằm ngửa trên cái ghế xít-đu, để phía ngoài mà đưa lúc loắc.

Thầy Hội đồng kêu thẳng Tùng, là đứa ở mà biểu lấy ly khui rượu sâm banh, Bá Hỉ đứng dậy nói:

– Thưa duợng, đừng biểu khui rượu. Cháu không dám uống đâu. Hai anh em cháu đi chơi, cháu cầm bánh xe, chứ không có đem sớp phơ theo. Uống rượu đây rồi cháu say về cháu táng bậy vô cây mang khốn.

Thầy Hội đồng không thềm nghe, thầy cứ biểu khui rượu rót bốn ly. Thầy bước ra mời chú, thì ông Hương chủ lắc đầu nói:

– Cháu uống với hai cậu đi. Tao không ưa rượu Tây.

Cô Hội đồng ngồi bên ván thấy chú không chịu uống rượu, cô lật đật tằm miếng trầu rồi biểu con Khéo, là đứa bộ hạ, đem cho chú ăn.

Thầy Hội đồng mời khách uống rượu rồi hỏi Bá Hỉ:

– Hăng sửa xe của cháu lúc này khá hôn?

– Thưa, khá khá. Cháu tính mua chừng năm cái xe lớn để đưa bộ hành đường này chơi. Hễ có xe đưa thì chắc là cháu lên trên này thường.

Thầy Hội đồng liếc mắt ngó Vĩnh Thái rồi hỏi:

– Còn cậu Tú về thăm nhà rồi cậu trở qua học nữa hay là thôi?

– Thưa ông, hồi cháu ra đi, thì cháu tính lấy được cái bằng cấp Tấn sĩ văn chương rồi cháu sẽ về. Rủi quá, cháu mới thi đậu hai khóa Tú tài, kế ông thân cháu mất, bà thân cháu đánh dây thép biểu cháu về. Cháu về hôm nay, bà thân cháu bận bịu quá, nên chắc là không cho cháu đi nữa.

– Cậu ở bên Pháp được mấy năm?

– Thưa, bốn năm.

– Cậu biết học sanh Việt Nam bây giờ ở bên được chừng bao nhiêu?

– Thưa, chừng ba bốn trăm.

– Chả, cũng bộn há! Thuở nay tôi thường nói hoài, thanh niên là hy vọng của nước nhà. Dân tộc ta sau này có mở mang được, là nhờ mấy cậu học sinh du học bên Âu Mỹ. Ngày nay số học sinh ấy đã được ba bốn trăm, thế thì trong năm bảy năm nữa, dân tộc ta có lẽ mở mắt được chút ít.

– Thưa ông, lời ông nói không lẽ cháu dám cãi, chớ theo ý cháu thì học sanh của các nước thiệt là hy vọng của quốc gia, còn học sanh của mình là hy vọng của tử điểm trà đình, chớ không có ích lợi chi chi xã hội.

– Sao vậy?

– Cháu đây là học sanh, nên cháu thấy tình hình rõ hết. Những học sanh của mình hiện đương ở bên Pháp bây giờ đây, có một phần

cần cố lo học, còn hai phần thì chỉ ăn chơi, phá tiền của cha mẹ, chớ có học hành chi đâu. Mà cái bọn qua Pháp đăng ăn chơi đó thì vô ích cho xã hội ta đã đành rồi, còn tội lo học đó cũng không ích chi hết. Nói ra thì họ ghét, chớ thiệt cháu nghĩ đến mạng vận của chủng tộc mình chừng nào cháu càng buồn thêm chừng nấy. Mình làm học sanh, xuất thân đi ngoại quốc mà du học, mình phải ghi tạc trong trí nhớ rằng đối với quê hương, đối với đồng chủng, mình phải rèn tập tư cách, đăng chừng mình trở về mình tô điểm cho quê hương, mình mở mang cho đồng chủng mới phải. Có lý nào qua Pháp rồi, lại sắm áo quần cho tốt, rồi khi thì tìm đến chốn phiến ba mà ăn chơi, khi thì ra ngoài mấy bãi biển mà hứng gió. Còn cái bọn lo học thì học thế nào kia, chớ học mà chỉ trông mong lấy bằng cấp cho lớn, rồi cưới vợ dâm, vô dân Pháp, đăng trở về gõ trên đầu bọn dân ngu ở nhà nũa, ông nghĩ thử coi, học như vậy đó đáng mừng hay là đáng ngán?

Bá Hỉ cười mà nói:

– Toa nói thái quá! Cũng có người thương nước thương dân, chớ có lẽ nào hư hết hay sao?

– Ai đâu, anh chỉ thử coi?

– Toa đó.

– Không. Tôi là đồ bỏ mà kể gì. Mà dầu tôi có thương dân thương nước đi nũa, thì một mình tôi lại làm việc gì được?

Thầy Hội đồng là người có chí lo cho đời, nay thầy gặp Vĩnh Thái còn trẻ mà có tâm huyết thì hiệp ý thầy lắm, nên thầy rót rượu ép mời uống nũa. Bá Hỉ với Vĩnh Thái đồng chối từ không dám uống nhiều. Thầy Hội đồng đương hứng chí, thầy sợ khách về gấp, nên thầy kêu vợ mà nói rằng:

– Má nó coi biểu bày trẻ dọn com, đăng mời thầy Hai với cậu Tú ăn chơi nhé.

Cô Hội đồng đáp rằng:

– Thưa, tôi có dọn bày trẻ rồi. Uống rượu chơi một lát, tối tối rồi sẽ ăn com, chớ bây giờ còn sớm quá.

Bá Hỉ đứng dậy nói:

– Thưa dì, đừng có lo cơm nước chi hết. Để cháu chơi một chút rồi cháu về.

Thầy Hội đồng can:

– É, cháu về chi gấp vậy nà. Ở ăn cơm chơi rồi tối sẽ về.

– Đường xa, về tối khó lắm.

– Khó cái gì? Trời có trăng, mà xe hơi có đèn nữa, đi ban đêm mát, chớ có sao đâu mà sợ. Không mấy thuở gặp cậu Tú, ở chơi đặng cậu Tú ở ăn cơm với dưỡng một bữa.

– Thưa dưỡng dạy như vậy, cháu phải vung.

Vĩnh Thái ngó thầy Hội đồng và cười và nói rằng:

– Cháu mới đến nhà thăm ông bà một lần đầu, mà ông bà hậu đãi quá. Nếu cháu từ thì mang lỗi với ông bà, còn nếu cháu vung thì sợ e thất lễ.

– Ở ăn cơm chơi, vợ chồng tôi mừng lắm, có chi đâu mà sợ thất lễ. Cậu nói chuyện nãy giờ đó, tôi biết cậu là người để ý về mạng vận của nước nhà. Theo đời này, những người có học thức, ai cũng lo tranh danh trục lợi, chớ ít ai biết lo cho quê hương xã hội. Nếu bọn học sanh ta mà có chí như cậu vậy hết thầy, thì nước ta may mắn biết chừng nào.

– Thưa ông, lời ông mới nói đó cháu kính phục lắm. Đời này ai cũng ham cầu danh lợi, chớ không ai lo tô điểm quê hương. Ngó quanh quất chỉ thấy người lo làm quan, kẻ lo làm giàu, thậm chí những người xưng mình là có trách nhiệm vực nước bình dân, mà họ cũng lo danh lợi cho họ, chớ nào thấy họ bình vực ai đâu. Mà làm quan, làm giàu rồi chi vậy. Làm giàu đặng có bạc mà mua chức hàm cho lớn, mua mẽ đay cho nhiều. Chớ phải làm quan đặng dạy dân cho khôn ngoan, làm giàu đặng cứu dân hết cùng khổ, thì mình sùng bái, chớ mình đâu dám kích bác họ.

– Cậu luận tình hình xã hội thiệt là đúng. Trí não của người bây giờ thời vậy đó. Mấy năm nay tôi dòm thấy như vậy tôi cũng buồn. Mà buồn thì buồn, chớ biết làm sao?

– Thưa ông, xã hội ta bây giờ như người có bệnh nặng. Vậy thì phải lo chạy thuốc, chớ ngồi khoanh tay mà rầu hoài thì người bệnh chết còn gì.

– Phải có ông thầy hay mới được!

– Biết thầy hay ở đâu mà tìm bây giờ?

– Thưa, thầy nào cũng hay hết thầy, miễn là ông thầy phải cho hết lòng mà thôi.

– Mấy năm nay thiếu gì thầy lãnh trị bệnh cho xã hội, mà nào có thấy bệnh giảm chút nào đâu?

– Thưa tại thầy không tận tâm, mà cũng tại thuốc cho uống không nhằm nữa, nên bệnh mới dây dưa như vậy đó.

Theo ý cậu, bây giờ phải cho thuốc cách nào?

– Thưa ông, cháu còn thơ ấu, cháu đâu dám lãnh thuốc cho xã hội. Cháu có cái lòng nhiệt thành mà thôi, chớ có tài trí gì đâu mà dám khoe khoang.

– Không. Mình luận nghe chơi, có hại gì.

– Theo ý cháu, nếu muốn khai hóa cho quê hương, thì phải lập một cái chương trình cho rành rẽ, rồi noi theo đó mà thi hành. Cái chương trình ấy phải phân ra làm ba đoạn:

1. Khai hóa trí thức.
2. Chấn hưng kinh tế.
3. Tài bồi đạo đức.

Về đoạn khai hóa trí thức, thì phải lập trường trung đẳng, cao đẳng cho đủ giai cấp, cũng như các nước văn minh vậy, đừng đào tạo nhơn tài mà dùng. Phải lập ấn quán, thư quán rồi dịch sách văn chương triết lý, khoa học lịch sử, tiểu thuyết mà truyền bá tư tưởng hay, tài nghệ giỏi của Âu Mỹ cho người mình hiểu.

Về đoạn chấn hưng kinh tế, thì phải lập hãng lớn để góp mua đồ nội hóa mà xuất cảng bán cho ngoại quốc, để trừ đủ thứ hàng ngoại quốc, mà bán cho dân mình dùng. Phải lập lò công nghệ để chế tạo vật liệu cơ khí. Rồi cũng phải lập ngân hàng cho lớn để giúp vốn cho nhà đại thương và nhà công nghệ của mình.

Về đoạn tài bồi đạo đức, thì phải chọn một tôn giáo để làm đạo chung của dân mình, rồi vận động làm cho mọi người đều tín ngưỡng, đều sùng bái đạo đó, đừng cho dân trong nước một bụng một lòng, hết xích mích giận hờn nhau nữa.

Vĩnh Thái ngồi đàm luận, lời nói khi trầm khi phù, có hăng có chán, đến chỗ giận trợn mắt nắm tay, đến chỗ buồn thở ra chắt lưỡi. Đã vậy mà cậu nói lời nào nghe cũng có lý, cậu tính việc nào coi cũng cao xa, rõ ràng là một đúng thanh niên tân học, đã có lòng nhiệt thành với quốc dân mà lại có tài tổ chức cuộc khai hóa nữa. Thầy Hội đồng ngồi nghe, thầy mê mẩn không nháy mắt, không cục cựa. Chùng Vĩnh Thái nói dứt rồi thầy mới nói rằng:

– Lời cậu luận đó vừa ý tôi lắm. Thanh niên Nam Việt như vậy mới phải, chớ thứ đồ đi đánh dóc đặng xin tiền đó mà thanh niên gì?

Cô Hội đồng bước lại gần chồng mà nói nhỏ cho chồng hay rằng cơm đã dọn xong rồi. Thấy Hội đồng liền đứng dậy bước ra mời chú rồi mời Bá Hỉ với Vĩnh Thái đi ăn cơm.

Chủ khách đi qua phòng ăn. Bá Hỉ thấy cô Hội đồng với Thu Hà lằng xằng coi trẻ ở bụng dọn mà không chịu ngồi ăn, thì nói:

– Thưa, cháu mời dì ngồi ăn cơm luôn thể.

Cô Hội đồng đáp:

– Cháu ăn đi, dì chưa đói.

Bá Hỉ nói tiếp:

– Thôi, con Hai đi ăn, em.

Thu Hà chúm chím cười và đáp:

– Thưa, anh Hai dùng đi, để em coi cho bây trẻ nó dọn rồi lát nữa em sẽ ăn.

Vĩnh Thái liếc mắt ngó Thu Hà, rồi kéo ghế mà ngồi, bộ nghiêm trang tề chỉnh lắm.

Thầy Hội đồng còn muốn nghe Vĩnh Thái nói chuyện nữa, nên mới ngồi ăn được vài miếng thì thầy hỏi:

– Cái chương trình khai hóa cậu nói hồi nãy tôi phục lắm. Vậy mà bây giờ cậu tính cậu khởi sự thi hành đoạn nào?

– Phải thi hành luôn ba đoạn một lượt mới được.

– Một mình cậu mà cậu làm sao cho xiết?

– Cháu có tài gì đâu mà làm được. Cháu về ra đó cho bực cao minh kiến thức hiệp nhau mà làm lấy chớ.

– Cậu nói phải. Trong cuộc khai hóa, phải có đông người, chớ một mình thì làm không nổi. Mà bây giờ cậu nói thử nghe chơi, như cậu không đi học nữa, cậu ở nhà rồi cậu làm việc gì mà giúp ích cho đồng bào?

Thu Hà đương mở tử rượu mà lấy thêm một chai rượu chát, cô nghe cha hỏi như vậy, thì cô khựng lại, lóng tai nghe coi khách trả lời làm sao. Vĩnh Thái suy nghĩ một chút rồi đáp rằng:

– Cháu có làm thì cháu lãnh cái đoạn khai hóa trí thức mà thôi, chớ hai đoạn kia cháu không được thạo cho lắm.

– Mà cậu lãnh cái đoạn đó cậu tính lập học hiệu hay là lập ấn quán?

– Nếu cháu có tiền nhiều thì cháu vừa lập học hiệu vừa lập ấn quán.

Bá Hỉ trợn mắt nói rằng:

– Toa muốn làm hết, không dặng. Làm thứ nào thì làm một thứ mà thôi, chớ làm nhiều việc rồi toa coi sao xiết...

– Cái đó có hại gì. Mình tổ chức ra rồi việc nào mình cũng đặt người coi sóc riêng, mình kiểm duyệt vậy thôi, chớ phải mình ngồi dạy học hay là mình đứng quay máy in hay sao mà sợ một mình không xiết. Trước hết cần lập một cái ấn quán cho lớn rồi lập nhật báo để cổ động khuyến khích đồng bào. Phải kích bác cái bọn giả dối nịnh hót ỷ thế ỷ quyền. Phải đánh đổ thói hư tật xấu, nghĩa là phải gỡ mà quăng những mọt ghẻ của xã hội đi rồi xúc thuốc thì bệnh mới lành được.

– Toa chọc ỏ ơng nó áp nó đánh toa chết chớ.

– Chết lại sợ sao? Chết vì nước, chết vì dân, tôi vui mà chết lắm.

Vĩnh Thái nói câu ấy mà khí sắc coi hùng hào, giọng nói nghe mãnh liệt, làm cho Thu Hà đứng ngó trân trân, thầy Hội đồng ngồi cười chum chim, coi bộ cha con đều kính phục lắm.

Ăn cơm rồi, thầy Hội đồng cũng còn muốn cầm khách ở lại nói chuyện chơi nữa. Vĩnh Thái cũng không tính về, duy có Bá Hỉ nói trắng đã mọc, canh đã khuya, nên từ tạ chủ nhà mà đi. Thầy Hội đồng đưa khách ra cửa ngõ, khách lên xe đi rồi thầy mới trở về.

Thầy thấy vợ con đang ngồi chơi trên ván, thầy liền nói rằng:

– Cậu Tú ăn học thiệt là đúng đắn. Cậu có kiến thức, có đóm lược mà lại thêm có lòng nhiệt thành với việc công ích nữa. Người như vậy khó kiếm lắm.

Cô Hội đồng với Thu Hà cũng hiệp ý với thầy Hội đồng nên nghe nói như vậy mẹ con đều gật đầu cười. Ông Hương chủ Lung ngồi bên kia, ông vùng đứng dậy nói rằng:

– Mấy người nói nhiều quá đó không tốt.

Thầy Hội đồng chung hứng, thầy đứng ngó chú mà đáp rằng:

– Cậu Tú nói nhiều, mà cậu nói hay lắm, chớ phải nói bậy hay sao.

– Hay giống gì? Làm được kìa mới giỏi, chớ nói, ai nói lại không được? Tao coi tướng cậu Tú đó không được chon chắt.

– Người học Tây thì bộ tướng họ như vậy hết thấy, nhứt là cậu có ở bên Pháp, cách đi đứng đàm luận giống theo người Pháp nên chú coi không hạp con mắt chú chớ.

Ông Hương chủ bước ra ngoài, ông không cãi nữa, mà coi bộ ông không chịu cho lời của thầy Hội đồng là phải. Thu Hà ngồi buồn hiu, cô ngó sững ngọn đèn một hồi, rồi cô đi một mình ra sân mà chơi. Đồng hồ đã gõ mười giờ mà cô cũng còn thơ thẩn trong vườn hoa, lúc đứng ngó mặt trăng, lúc cúi hủi bông huệ.

III. GÀ CON LẤY CHỒNG

Đám cha làm mẹ có con gái, hễ con lớn rồi thì lo sợ lắm, đã lo dạy cho con nó có nét na, mà lại còn sợ mười hai bến nước không biết con gặp bến trong hay là bến đục.

Đã biết Thu Hà là gái có sẵn nét na, biết trọng danh tiết nên vợ chồng thầy Hội đồng Chánh ít lo về phía đó. Nhưng mà Thu Hà năm nay đã mười chín tuổi rồi, con nhà giàu đến tuổi đó ai cũng đã có chồng có con rồi hết, duy có một mình cô cứ lo học hoài, học giỏi chừng nào lại càng phải kén chồng xứng đáng chừng nấy, thế thì cha mẹ không lo sao được.

Từ bữa nghe tin con thi đậu hai cái bằng cấp đến nay, thì vợ chồng Hội đồng Chánh thường bàn tính với nhau về sự gả con lấy chồng. Ông Huyện hàm Hạ là người giàu có hiền lành mà làm có chức phận, làm sui với ông thì xứng đáng, không chỗ nào mà chê được, ngặt vì con trai ông học ít quá, Thu Hà không bằng lòng, nếu ép mà gả nhầm, chừng cưới rồi nó khinh bỉ chồng thì ăn ở với nhau sao được. Mà ở đời này ai nữ ép duyên con, huống chi con có học, ép nó không phải dễ.

Vợ chồng bàn tính kén chọn hết sức, rồi mới hiệp ý nhau kiếm một chàng rể cho có tài học xứng với con gái mình, giàu nghèo không cần, miễn là biết lễ nghĩa, có chí khí thạo việc đời thì thôi. Nhà mình giàu có, nếu gặp rể nghèo thì mình giúp cho nó làm ăn, có hại chi đâu mà sợ. Người khôn ngoan lễ nghĩa mới quý, chớ bạc tiền ruộng đất xá gì, bởi vì vợ chồng thấy Hội đồng Chánh tính như vậy, nên thấy ông Hương chủ Lung xúi làm sui với ông Huyện hàm Hạ, thầy Hội đồng Chánh mới làm lơ, để cho vợ tỏ ý Thu Hà không chịu cho chú hiếu.

Sáng bữa sau, ông Hương chủ Lung về, thầy Hội đồng Chánh nói chuyện chơi với vợ con, thì thầy nhắc nhở khen ngợi Vĩnh Thái hoài, thầy cứ nói Vĩnh Thái đáng mặt con trai Nam Việt, kiến thức rộng, học hỏi cao, luận hiện nay, khí phách cứng, mà lại có lòng nhiệt thành với nước với dân nữa.

Tuy trong lúc khách tới nhà, Thu Hà giữ lễ không dám chường mặt ra mà nghe nói chuyện, song cô lục đục ở trong cô nghe đủ hết, không sót một lời. Cô cũng khen cách điệu đàm luận, cô cũng phục tâm chí nhiệt thành của Vĩnh Thái lắm. Bởi vậy hôm nay cô nghe cha nói tới cậu, thì cô nói rằng:

– Cậu Tú luận việc đời thật là đúng đắn. Ba nói phải lắm, người như vậy mới đáng gọi là trai Nam Việt.

Cô Hội đồng nghe con khen Vĩnh Thái, thì liếc mắt ngó chồng mà cười rồi nói với con rằng:

– Cậu Tú có đúng đắn thì để đàn ông con trai người ta khen, chớ phận con gái con nói làm chi?

Thu Hà nghe mẹ quở, cô hồi tâm rồi cô hổ thẹn, nên cô ngồi cúi mặt không dám ngó ai nữa hết.

Công Cẩn vùng nói:

– Ba gả chị Hai cho cậu Tú đó đi ba. Gả đặng bãi trường con bắt cậu dạy con học.

Thu Hà bước lại xô vai em một cái nhẹ nhẹ và rầy rằng:

– Đừng có nói bậy nào.

Rồi cô bỏ đi vô trong buồng. Vợ chồng thầy Hội đồng ngó theo Thu Hà rồi ngó nhau mà cười chúm chím.

Thầy Hội đồng Chánh ái mộ tài năng, tâm chí của Vĩnh Thái lắm, tuy thầy chưa nói ra chớ trong bụng thầy đã có để ý muốn gả con gái cho Vĩnh Thái rồi. Hôm nay thỉnh linh Công Cẩn nói bắt tử, mà Thu Hà mắc cỡ, chớ không phải kháng cự, bởi vậy thầy lấy làm vui lòng. Đêm ấy thầy bán tính với vợ để thấy hỏi dò coi Vĩnh Thái là con của ai, gốc gác ở đâu, có vợ hay chưa. Nếu cậu chưa có vợ, mà cậu cũng đành Thu Hà, thì thầy sẽ biểu cậu cậy mai đến nói.

Cách vài ngày, thầy Hội đồng Chánh đi Cần Thơ.

Thầy ghé hăng sửa xe hơi mà thăm cháu là Bá Hỉ thấy dưỡng thì mừng rỡ hỏi thăm lăng xăng, thầy Hội đồng nói chuyện dông dài một hồi rồi hỏi rằng:

– Cậu Tú tài cháu dắt lên chơi bữa hỏm đó là con của ai, ở đâu vậy?

– Thưa, con của thầy thông Tiền, hồi trước làm việc tòa.

– Hôm trước cậu nói ông già cậu khuất rồi, vậy chớ bây giờ bà già cậu làm giống gì ở đâu?

– Thưa, bà già cậu về quê quán ở trong Cái Răng.

– Cậu có vợ con rồi hay chưa?

– Thưa chưa. Từ nhỏ chí lớn cậu đi học, cậu ở bên Tây mới về chừng một tháng nay, vợ đâu mà cưới gấp như vậy được. Dưỡng hỏi thăm chi vậy?

– Chẳng giấu cháu làm chi, con Thu Hà học đã xong, mà nó cũng đã lớn rồi. Di với dưỡng muốn kiếm chỗ có học thức khá khá mà gả nó. Hôm nọ di với dưỡng thấy cậu Tú tài Vĩnh Thái thì di với dưỡng vừa ý lắm. Dưỡng xuống đây là xuống hỏi thăm cháu coi

cậu Tú đó ra thế nào, có đáng gả em của cháu hay không. Như nên gả, thì cháu biểu cậu cậy mai lên nói, dì với dượng sẽ gả cho.

Bá Hỉ ngồi châu mày suy nghĩ một hồi rồi mới đáp rằng:

– Thưa dượng, việc này quan hệ lắm, cháu không biết sao mà dám nói. Hồi nhỏ học tại trường tỉnh Cần Thơ, thì Mông Xừ Vĩnh Thái học một lớp với cháu. Đến sau cháu lên trường Taberd, còn cậu lên trường Chasseloup, cậu học bao lâu đó không biết rồi cậu đi Tây. Cháu biết cậu là biết hồi nhỏ, cậu ở bên Tây về hôm nay, cháu gặp cậu có vài ba lần gì đó, nên cháu không hiểu tánh tình của cậu ra thế nào, mà dám nói chắc.

– Cậu nói chuyện nghe phải lắm mà.

– Thưa phải, cậu học khá, nói chuyện hay cậu có bằng cấp tú tài thiệt.

– Vậy thì cũng đủ rồi. Còn bà thân của cậu là người thế nào, cháu biết hôn?

– Thưa, cái đó cháu không hiểu. Cháu có nghe nói như vậy: Vợ chồng thầy thông Tiên sanh có một mình cậu đó mà thôi. Hồi trước thầy thông Tiên làm việc Tòa, thầy có chuyện lời thôi sao đó, quan trên ngưng chức thầy hết một lúc, rồi thầy xin thôi, về cất nhà ở trong Cái Răng. Máy năm nay, thầy ở không, kiếm đất mỗi thầy kiện. Thầy chơi bài bạc lung lắm, thế khi thầy mắc nợ nhiều, nên thầy chết rồi, chủ nợ ó lên kiện, thi hành phát mãi mấy chục mẫu đất của thầy hết. Vợ thầy hết tiền, không thể để cậu Tú bên Tây nữa được, nên mới kêu về đó. Bây giờ hai mẹ con ở một cái nhà lá nhỏ ở trong Cái Răng.

– Sự nghèo giàu dượng không cần, miễn là người phải thì thôi. Cháu cũng biết, sự nghiệp của dượng tuy không lớn, song cũng đủ mà nuôi con. Dượng muốn kiếm rể có học thức, có tâm chí, chớ kiếm người nhiều tiền nhiều ruộng mà làm gì?

– Dượng nghĩ như vậy thì phải lắm. Con hai có học giỏi, nếu có chồng Tú tài thì mới xứng với nó. Cậu Vĩnh Thái bề ngoài coi được rồi còn bề trong không biết thế nào, vì vậy cho nên cháu dự dượng một chút.

– Cách cậu nói chuyện đó thì đủ biết cậu có tâm chí rồi, cháu còn nghi giống gì nữa?

– Thưa dượng, đời này thiên hạ họ xảo quyết lắm. Cháu thấy có nhiều người hay móc mồi bằng cấp mà câu vợ giàu, lại còn có nhiều cậu để hai tiếng ái quốc nơi chót lưỡi mà nhử bạc giấy. Chán ngán quá, nên cháu nhắc tin bụng họ lắm.

– Cháu dắt Vĩnh Thái lên nhà dượng chơi mà cháu có nói trước cho dượng có con gái hay không?

– Thưa không?

– Nếu vậy thì cậu đâu có đề mà cậu sắp đặt trước đăng làm cho dượng mê cậu.

– Tuy cháu không nói trước, mà hồi vô tới cửa ngõ, cháu có gặp con Hai, cháu mừng nó thi đậu, cậu thấy nó, cậu nghe cháu mừng nó, thì tự nhiên biết rồi.

Thầy Hội đồng ngồi lặng thinh ngẫm nghĩ coi bộ thầy dụ dụ, không biết phải nhứt định lẽ nào. Bá Hỉ rót nước mời dượng uống, rồi nói rằng:

– Nãy giờ cháu nói chuyện với dượng về sự cậu Vĩnh Thái đó, là cháu nghi ngại vậy thôi, chứ không phải cháu nói cậu là người xấu. Cậu về nhà hôm nay, cháu không có nghe cậu làm việc gì quấy. Không biết chừng tánh tình tâm chí cậu tốt, không phải như mấy người khác... Vậy xin dượng liệu lấy, cháu không dám đốc, mà cũng không dám cản.

– Có con gái, muốn gả nó, thiệt là khó liệu! Biết sao mà lựa chọn. Con của mình đẻ, mình nuôi nó trong nhà từ nhỏ chí lớn, mà mình cũng chưa biết bụng nó thay, hướng chi là con của người ta, mình làm sao mà dám chắc.

– Việc cưới gả thì nhắm mắt đánh may rủi với Trời, chứ biết sao được dượng.

– Cháu cũng biết, thuở nay dượng ham lo việc công ích lắm. Dượng coi tánh ý con Thu Hà nó cũng giống dượng; nó trọng việc công hơn là việc tư. Mấy năm nay, dì với dượng tính kiếm một đứa học giỏi, có tâm chí, biết lo việc đời, mà gả nó, chứ dượng không muốn gả cho thứ con nhà giàu mà trí não hèn hạ, cứ lo cầu danh

cầu lợi. Có ông Huyện hàm Hạ bên Lai Vung cậy nói mà cưới cho con ông đó, mà nó không ưng, dì với dượng cũng không chịu. Nay dượng thấy bộ cậu Tú tài nầy được, nên dượng mới tính gả nó đó. Mà dượng dòm coi ý con Thu Hà nó cũng đành nữa. Cháu nghĩ coi có nên gả hay không?

– Dượng muốn gả cũng được. Vợ chồng như vậy thì xứng nhau rồi, ngặt có một điều là Vĩnh Thái nghèo mà thôi.

– Nghèo không ngại gì. Con Thu Hà nó không kể cái đó đâu.

– Nếu em nó không chê nghèo thì được.

– Đâu, bữa nào cháu gặp cậu Vĩnh Thái, cháu nói mí thử coi cậu chịu không?

– Cậu lấy chớ, sao lại không chịu. Dượng để cháu hỏi rồi cháu sẽ viết thư cho dượng.

– Được. Như cậu chịu thì cháu nói cho cậu biết, dượng không đòi lễ vật gì đâu mà sợ. Dượng cho đi nói, rồi chừng nào cưới cũng được, không cần lễ gì nữa hết. Song dượng giao một điều này. Dì với dượng ít con lắm. Thằng Công Cẩn mắc đi học, nếu gả con Thu Hà đi xa, thì trong nhà quạnh hiu. Đã vậy mà dì của cháu bệnh hoạn, cần phải có con Thu Hà giúp coi sóc việc nhà, vậy dượng gả nó thì dượng bắt vợ chồng nó phải ở với dượng. Cháu nhớ nói việc đó cho rành rẽ.

– Dạ, dượng an tâm để cháu nói.

Bá Hỉ cầm thầy Hội đồng ở ăn cơm, rồi kêu sếp phơ biểu đem xe hơi ra mà đưa thầy về. Khi thầy Hội đồng lên xe thầy còn dặn với Bá Hỉ rằng:

– Cháu nói rồi, thì cháu viết thư liền cho dượng biết nghe.

Thầy Hội đồng về nhà, thừa lúc canh khuya vắng vẻ mới thuật việc mình tính với Bá Hỉ lại cho vợ nghe. Cô Hội đồng cũng đồng tình hiệp ý với chồng nên cô nghe rồi cô nói rằng:

– Để coi như ở dưới họ chịu thì tôi sẽ dọ ý con nhỏ. Tôi chắc hễ mình gả chỗ này thì nó ưng.

Cách năm ngày, Bá Hỉ đi với vợ lên thăm dì dượng. Trong lúc vợ Bá Hỉ nói chuyện chơi với Thu Hà ở phía đằng sau, thì Bá Hỉ nói riêng với thầy Hội đồng rằng:

– Hồi sớm mai hôm qua, cháu gặp Vĩnh Thái cháu tỏ ý muốn làm mai em Thu Hà cho cậu. Cậu dục dặc, coi bộ không quyết định. Mà cậu dục dặc đó, không phải là cậu chê em Thu Hà, ấy là tại cậu xét phận cậu nghèo, sợ đi nói mà dượng không gả thì xấu hổ. Cháu bảo lãnh nói dùm trước, như di với dượng chịu rồi sẽ bước tới... Cậu chịu, song cậu xin để cậu về thưa lại với bà thân rồi sẽ trả lời. Chiều hôm qua cậu trở ra, lại có bà thân cậu đi theo nữa. Coi bộ cô thông Tiên mừng lắm, cô cậy cháu làm mai giùm. Cháu có tỏ các ý của dượng của cô nghe, thì cô chịu hết thảy, song cô nài cho phép cô đến nhà đặng thấy mặt em Thu Hà và biết di dượng một lần.

Thầy Hội đồng ngồi chăm chỉ mà nghe, chừng Bá Hỉ nói dứt lời thì thầy cười và hỏi rằng:

– Cháu có giao gặt sự dượng tính bắt rể đó hôn?

– Thưa có chớ, cô thông Tiên chịu, mà Vĩnh Thái cũng chịu nữa.

Vĩnh Thái lại nói rằng cậu là người có chí lo cho nước nhà. Nếu mà mà gặp được cha vợ với vợ cũng có chí đó thì cậu phỉ nguyện, không còn vui gì bằng.

Thầy Hội đồng đắc ý, liền biểu Bá Hỉ dắt cô thông Tiên với Vĩnh Thái lên coi Thu Hà, lên bữa nào cũng được, miễn là đánh dây thép cho hay trước một bữa đặng thầy sửa soạn com nước mà đãi khách.

Bá Hỉ về có hai bữa thì đánh dây thép định ngày chàng dắt cô thông Tiên với Vĩnh Thái lên. Vì cô Hội đồng đã có nói trước với con rồi nên Thu Hà trang điểm ra chào cô thông Tiên, lại tèm trầu rót nước mời cô.

Hai bên đều thuận ưng hết thảy, nên việc gả cưới tính dễ như chơi. Cô thông Tiên ở ăn com cô thừa dịp vợ chồng thầy Hội đồng sẵn lòng cô liền nói đại mà xin phép bước tới. Thầy Hội đồng chịu lời. Thầy định cho bữa nay là lễ hỏi, vậy hễ chọn ngày nào tháng nào tốt thì làm lễ cưới, chớ khỏi có lễ chi nữa. Luôn dịp cô thông Tiên nói rằng nhà cô có tang, nên cô xin làm phòng bên gái chớ cô không rước dâu, cưới đủ ba bữa vợ chồng Vĩnh Thái sẽ dắt nhau về cùng ông bà.

Vợ chồng thầy Hội đồng cũng bằng lòng như vậy.

Thu Hà thuở nay lo ăn học, chớ chẳng hề khi nào tính tới sự lấy chồng. Thi đậu vừa mới về nhà thì nghe mẹ thở thở nói việc con của ông Huyện hàm hạ muốn gấm ghé. Cái ái tình của cô còn trong ngần như nước lóng, còn trắng nõn như bông lài, bởi vậy mới nghe nói lấy chồng thì cô giựt mình, chưa thấy mặt, chưa biết nhà của chồng là thế nào, mà cô đã kháng cự. Những lời cô tỏ với mẹ mà chê con ông Huyện hàm học dở, chê ông Huyện hàm thanh danh, tuy bề ngoài nghe hữu lý, nhưng mà bề trong thiệt cô vì trọng cái tiết của cô nên cô chê, chớ không phải cô chắc gì con ông Huyện hàm là đồ bỏ, ông Huyện hàm là nịnh hót. Người nào có biết tâm lý phụ nữ chút đỉnh, thì cũng đoán chắc rằng trong lúc cô Thu Hà thi đậu mới về đó, dầu ai muốn nói mà cưới cô, thì cô cũng chê hết thảy, chớ không phải cô chê một mình con ông Huyện hàm đó mà thôi. Đối với con ông Huyện hàm thì cô chê học dở, còn đối với trai khác thì cô cũng sẽ có cơ khác mà chê nữa.

Mà tuy là cô chê chồng, song cái vấn đề lấy chồng nó đã chạm trí của cô rồi, nó làm cho cô dầu ra vườn hoa thơ thẩn, dầu nằm phòng kín mơ màng, chẳng có lúc nào mà cô quên nó được.

Cô đương cảm xúc về sự lấy chồng, thành linh cậu Tú tài Vĩnh Thái tới nhà. Cậu đẹp trai, cậu học giỏi, bộ tướng cứng cỏi, văn nói hùng hào mà cậu lại có tấm chí muốn giúp nước giúp dân nữa. Rõ ràng là một người chồng hóm nay Thu Hà đương tưởng tượng trong trí. Bởi vậy cô thông Tiên với Vĩnh Thái về rồi, tối lại vợ chồng thầy Hội đồng Chánh hỏi dò ý con, thì Thu Hà chịu liền, không chê bai bác bẻ chỗ nào hết.

Từ đó cho tới ngày cưới, thì Thu Hà mặt mày tươi tắn, trí não tiêu diêu. Chiều mát cô đi dạo vườn hoa, thì cô thầm tưởng trong ít ngày nữa mình sẽ có một người chồng đứng đắn, lúc trăng tỏ nhắc ghé ra đây ngồi mà bàn tính việc công ích với mình. Canh khuya cô thức chong đèn trong phòng thì cô tính toán coi phận sự của mình phải làm thế nào mà trưởng cái chí ái quốc của chồng, hoặc giúp cho chồng khai hóa dân chúng.

Thu Hà thì ngày đêm tiêu diêu mẩn ý về sự lấy chồng. còn thầy Hội đồng thì lo mua một cái xe hơi, lo sơn phết nhà cửa đặt rước chàng rể. Cả nhà đều vui vẻ, thậm chí lối xóm cũng mừng cho Thu Hà.

IV. VỢ CHỒNG TRÁI Ý

Đám cưới nhằm ngày mười sáu tháng tám âm lịch Thu Hà đã có học thức, mà lại vui chữ vu qui, nên cô không lấy sự có chồng mà hổ thẹn như gái khác. Cô ra tiếp khách, chuyện văn ăn uống như thường. Chùng rồi đám hai họ về hết, cô lảng xăng phụ với cha mẹ mà coi cho tá điền, tá thổ dọn dẹp đồ đạc. Vĩnh Thái cũng xớ rớ coi sóc, chỉ việc này biểu việc kia. Thu Hà thấy chồng, cô không ái ngại chi hết; có lúc cô đứng gần một bên chồng, có chuyện cô phải nói với chồng, mà dẫu đứng gần hay là nói chuyện cô cũng giữ tư cách tự nhiên, cô chẳng hề ké né bợ ngợ.

Đến chiều hai vợ chồng thấy Hội đồng lấy có không đói bụng nên không chịu ăn cơm, lại ép vợ chồng Vĩnh Thái phải ăn với Công Cẩn. Thu Hà mới ngồi ăn chung với chồng một lần đầu, nên cô e lệ chút đỉnh, song cái nét e lệ ấy nó có pha cái vẻ vui mừng chớ không phải e lệ rồi ngồi cứng đờ, không dám ăn, không dám nói.

Nội nhà ai dòm ý tứ của Thu Hà, thì cũng đều biết cô vui mà lấy chồng lắm. Chẳng hiểu vì có nào qua ngày sau sự vui của cô trong mười phần giảm bớt hết năm phần, mà ngày đó đã vậy rồi qua ngày sau nữa cũng vậy, cô cứ lục đục ở phía trong, dường như cô sợ ra ngoài trước gặp chồng, gặp cha, hoặc thấy lan thấy huệ.

Cưới đủ ba bữa rồi, vợ chồng thầy Hội đồng Chánh sửa soạn đồ đạc cho con rể đi về Cái Răng mà làm lễ ông bà. Khi lên xe hơi mà đi, thì coi sắc mặt Thu Hà không được vui, mà đến chiều trở về sắc mặt cũng không đổi.

Tối lại, vợ chồng thầy Hội đồng ra ngồi tại bộ ghế xe lông giữa nhà. Thấy Hội đồng kêu con và rể ra đứng hai bên, rồi thầy móc trong túi lấy ra một ngàn đồng bạc mà đưa cho Vĩnh Thái và nói rằng:

— Ngày nay hai con đã thành hôn rồi. Thuở nay hai con mắc lo học hành, không chơi bởi được. Vậy nay ba với má cho phép hai con đi chơi một tháng, muốn đi đâu tùy ý hai con. Cái xe hơi ba mua đó là mua cho hai con đi chơi. Vậy hai con lấy xe đó mà đi. Còn một ngàn đồng bạc này hai con dùng mà làm phí lộ. Như đi đến đâu mà rui hụt tiền thì đánh dây thép về, ba sẽ gởi tiền thêm

cho. Hai con muốn dắt nhau đi Đế Thiên Đế Thích hay là đi Phan Thiết, Phan Rang gì thì đi. Muốn sáng mai đi cũng được. Đi chơi cho phỉ chí đi, rồi sẽ lo làm ăn, hoặc lo giúp đời.

Vĩnh Thái lộ sắc vui mừng, nắm chặt mười tám giấy xăng trong tay và nói rằng:

– Con nghe nói Đế Thiên Đế Thích tốt lắm, để con dắt vợ con lên coi chơi. Đi chừng một tuần lễ con về rồi sẽ lên Đà Lạt.

Cô Hội đồng day lại thì thấy Thu Hà đứng buồn thiu, dường như ý con không muốn đi chơi, cô bèn hỏi rằng:

– Con không muốn đi Đế Thiên hay sao?

– Thưa, đi thì đi... Con xin ba má cho phép con dắt em con đi với con.

– Ờ được. Hai con dắt em nó đi cho vui. Thôi, ngày mai lo sửa soạn đồ đạc rồi sáng một đi cho sớm.

Vĩnh Thái nghe vợ đòi dắt em theo, chàng không cản trở, nhưng mà chàng nhúu chơn mày, coi bộ không được vui.

Qua ngày sau, cô Hội đồng thấy Thu Hà mặt mày không tươi tắn như khi trước nữa, cô lấy làm lạ, nên kêu con lại ngồi gần một bên, cô giả coi thợ dệt đình áo khéo hay là vụng, rồi cô hỏi nhỏ con rằng:

– Tại sao hôm nay con buồn vậy con?

Tâm sự của Thu Hà tràn trề không thể kể xiết. Tưởng lấy chồng, là kết bạn với một người nam tử đồng tâm đồng chí, khinh lợi, khinh danh, đáng chung trí, hiệp lực mà diu dắt đồng bào tấn bộ. Nào dè tưởng tượng đó là giấc chiêm bao, nào dè người chồng học giỏi nói hay đó cũng như người khác. Mới một bữa đầu thì đã hiểu lấy chồng đáng cho người ta ôm ấp, mà thêm một bữa sau nữa, lại thêm hiểu người ta cười mình là vì tại cha mẹ mình nhiều tiền nhiều ruộng, chứ không phải là tại tâm, tại chí, tại nghĩa, tại tình gì hết.

Thu Hà đương ngổn ngang trong lòng, đương náo nê trong trí, bỗng nghe mẹ hỏi, thì cô lấy làm cảm xúc, cô muốn tỏ tâm sự cho mẹ hiểu, ngặt vì cô liếc ngó mẹ, cô nhớ mẹ bệnh hoạn, không nỡ làm cho mẹ buồn, nên cô cười mà đáp rằng:

– Con có buồn việc chi đâu.

Cô vừa nói vừa cười, mà cô ứa nước mắt, nên day mặt chỗ khác, không dám nhìn mẹ.

Đồ hành lý sửa soạn xong rồi, vợ chồng Vĩnh Thái với Công Cẩn bèn từ giã cha mẹ mà đi du lịch. Khi lên xe Thu Hà muốn để Công Cẩn ngồi phía sau với mình, Vĩnh Thái xụ mặt nói rằng:

– Để em ngồi phía trước với sếp phơ được mà. Ngồi sau ba người chật quá, ai chịu cho được.

Thu Hà vẫn biết xe tới bảy chỗ ngồi, bề ngang rộng lớn, dầu Công Cẩn ngồi sau cũng không chật gì, mà vì nghe chồng nói như vậy, lại thấy sắc chồng không vui nên cô nín khe, để cho em leo lên phía trước.

Xe qua khỏi chợ Long Xuyên rồi chạy thẳng lên Châu Đốc. Buổi sớm mai, trời thanh bạch, gió mát mẻ. Lên tới Mặc Cẩn Dung, ngó qua phía tay trái thì thấy đồng rộng một dải mình mông, lúa sạ một màu xanh lét. Ở xa xa thì mấy hòn núi Thất Sơn sắp nằm lúp xúp từ dưới Xà-tón lên tới Nhà Bàn, chỗ hủng như ai đập, chỗ cao có khói bay, thấy cảnh vật lăm vể hữu tình thì nhớ sức trời với tay người thật là dày công sáng tạo.

Công Cẩn thấy đồng rộng núi dài thì khắp khởi trong lòng, nên day lại phía sau mà nói rằng:

– Anh Hai, chi Hai, núi coi tốt quá há?

Thu Hà gật đầu cười vì em, còn Vĩnh Thái ngồi dựa ngửa lạng thình, không thèm ừ hử.

Thu Hà là gái đa tình, trí cô hay cảm, lòng cô hay động. Đã vậy mà tánh ý cô lại hiền hòa, cô không biết giận hờn ai. Cô ngắm cảnh rồi cô cũng cảm hứng, nên day qua ngó chồng mà nói rằng:

– Hể có cảnh đẹp tự nhiên phải có văn nhơn, phải có thi sĩ. Quê hương ta có cảnh xinh đẹp như vậy, không biết tại làm sao mà quốc dân lại hủ bại quá.

– Cảnh gì đâu mà xinh đẹp?

– Cảnh này coi là đẹp lắm rồi, còn gì nữa.

– Hứ! Thứ đồ bỏ! Qua bên Pháp coi mới sướng mắt chó.

Thu Hà muốn nói chuyện với chồng, giọng nói đã thanh bai, ý tứ lại cao thượng, mà Vĩnh Thái trả lời rất thấp thỏm, lại ngồi khít lại gần rồi choàng tay qua sau vai vợ, làm cho Thu Hà thất vọng, tuy cô không trái ý chồng, song cô buồn bực, nên ngồi trơ trơ hết muốn nói chuyện nữa.

Lên tới Châu Đốc xe đậu nghỉ máy. Thu Hà biểu chồng dắt đi kiếm nhà hàng ăn cơm cho no rồi sẽ đi. Vĩnh Thái nói rằng:

– Vô nhà hàng ăn làm gì? Quán đó là ăn cướp. Mình vô nó cho ăn đồ bậy bạ, mà nó chém ba người ít nữa là năm sáu đồng bạc. Để đi mua ít ổ bánh mì, vài hộp cá mòi, đem lên xe mình ăn, rồi chiều lên Nam Vang sẽ ăn cơm.

Vĩnh Thái bước xuống xe và biểu vợ đi theo. Thu Hà móc túi đưa cho sếp phơ một đồng bạc và nói rằng:

– Anh đi ăn cơm cháo cho no đi, rồi còn đi nữa. Đường xa lắm anh phải lo trước đừng có để đói bụng nhé.

Sếp phơ lấy tiền rồi đi vô tiệm cháo. Vĩnh Thái dắt vợ với em đi kiếm bánh mì mà mua. Đi khỏi xe rồi, chàng nói với vợ rằng:

– Sếp phơ nó ở với mình, ăn lương một tháng tới ba mươi lăm đồng. Đi xe thì nó phải đem tiền theo mà xài, chứ cho nổi gì?

Thu Hà cười và đáp rằng:

– Nó nghèo nó đi với mình, thì mình phải cho nó ăn chó.

– Có cho thì cho nó một hai cắc đủ ăn cơm, cho gì tới một đồng bạc lận.

– Thấy nó nghèo, cho nó như vậy nó vui lòng.

– Cách mình ở với tôi tới như vậy đó, nó lột da mình đổ khối.

Thu Hà không muốn cãi lầy việc này nữa, mà cũng may lúc ấy Vĩnh Thái thấy bánh mì, mắc lật đật ghé vô mà mua, nên thôi cản rần sự vợ lãng phí. Chàng lựa ba ổ bánh mì lớn rồi hỏi cô vợ chệt ngồi bán đó rằng:

– Bánh mì này chị bán bao nhiêu một ổ vậy chị?

– Thứ đó một cắc thầy.

– Giống gì mà mắc dữ vậy. Tám xu được hôn? Như bán tôi mua cho ba ổ.

– Không được đâu, thầy. Tôi đếm trong lò chín xu một ổ, bán cho thầy tám xu sao được. Bán một ổ lòi có một xu nhỏ chớ nhiều nổi gì.

– Thôi, ba ổ hai cắc tám được hôn?

– Hồng được, thầy. Ba cắc.

– Hồng bán thì thôi.

Thu Hà đứng ngoài đường với em, dòm thấy chàng ke re cắc rắc từ đồng xu với người bán bánh, bực mình mà lại hổ thẹn, nên day mặt chỗ khác không ngó. Vĩnh Thái trở ra nói với vợ rằng:

– Đi kiếm chỗ khác mua. Bên mình bán bánh mì ngang tàng quá, bán không có cân lượng gì hết, lại nó muốn bán giá nào nó bán. Bên Tây làm như vậy có được đâu, ở tù chết.

Thu Hà lặng thinh, riu riu đi theo chồng, mà sắc mặt coi buồn nguyền.

Mua có ba ổ bánh, hai hộp cá mà Vĩnh Thái dắt vợ với em đi giáp chợ, với tới ba bốn tiệm mua mới được. Chùng lên xe Thu Hà hỏi rằng:

– Cha chả! Không có đem dưa theo làm sao mà ăn cá mèi đây?

– Hú! Cần gì dưa. Bóc vậy ăn cũng được mà. Đi chơi ăn vậy mới ngon chớ. Bực sang trọng bên Tây họ đi chơi họ cũng ăn quấy quá, có cần nữa muổng gì đâu.

– Bóc xóc-xích hay là ram-bom thì được, chớ cá mèi bóc dơ tay quá rồi nước ở đâu mà rửa.

– Chùi bấy bạ rồi lên Nam Vang rửa.

Xe chạy từ Nhà Bàn Vô Tịnh Biên, Thu Hà thấy nhiều cái cảnh thiệt là đẹp, nhưng vì cô sợ nói ra không hiệp ý chồng rồi chồng cãi nữa, nên cô ngồi nín thinh mà ngó, không dám thổ lộ cái tình cảm húng của cô.

Vừa tới Tịnh Biên thì gặp một đám mưa lớn, nước đổ ào ào, gió thổi vụt vụt. Tại đây có một chiếc đò để chở xe qua kinh Vĩnh Tế. Khi xe tới bến đò, Thu Hà thấy giông nữa, nên biểu sắp phơ đậu xe

mà nghỉ, đợi hết mưa rồi sẽ qua sông. Vĩnh Thái nhơn dịp ấy mới khui cá mòi rồi biểu vợ với em ăn. Công Cẩn đói bụng quá, nên lật đật bẻ bánh mì rồi bóc cá mòi mà ăn ngồm ngoàm với Vĩnh Thái. Con Thu Hà tuy cô cũng đói, nhưng mà cô không quen thói bóc lột, nên có ăn bánh mì lật mà chịu, chớ không ăn cá mòi. Vĩnh Thái thấy vậy bèn nói với vợ rằng:

– Ăn chớ, cá mòi ngon lắm mà. Ăn thử coi.

Thu Hà hà cười mà đáp rằng:

– Mình ăn đi, tôi nhai bậy bánh mì chơi, chớ tôi không đói.

Vĩnh Thái thò tay bóc một con cá cầm mà cắn, và nói rằng:

– Làm cách thì sạch ruột. Không ăn thì hai anh em ta no bụng.

Cách một hồi dịu mưa lắng gió. Vĩnh Thái ăn rồi biểu sếp pho kê cu li sữa soạn đồ mà đưa xe qua sông. Bốn tên cu li cởi áo bỏ trong nhà rồi đội nón lá dầm mưa chạy ra mà kéo dờ cho xe xuống. Thu Hà thấy mấy người cu li ấy chống dờ trong mưa gió lạnh lẽo, cô mới lấy một đồng bạc mà cho. Vĩnh Thái trợn mắt nói rằng:

– Cho cái gì? Chúng nó làm đây có ăn lương của nhà nước, chớ phải làm không hay sao mà mình trả tiền công.

Thu Hà đáp rằng:

– Trời mưa gió, họ cực khổ tội nghiệp, thầy họ, cho họ chút đỉnh họ vui lòng.

– Ví như họ không vui rồi sao? Bộ khi mình là thiên hộ hay sao, nên gặp ai cũng cho tiền hết thấy?

– Cho người nghèo chút đỉnh mà hại gì. Thuở nay tánh tôi quen như vậy đó, hễ ai có công giúp tôi thì tôi đền ơn cho họ.

– Nhà nước sắm chúng nó cho mình dùng thì chúng nó phải chống dờ mà đưa mình, chớ ơn gì. Bên Tây nhà giàu họ xài tiền đúng lắm, nhằm chuyện bao nhiêu họ cũng không tiếc, còn không nhằm chuyện, dầu một đồng điều họ cũng không lợi, chớ họ không xài như mình vậy đâu.

– Bên Tây khác, bên mình khác, phân bì sao được. Cũng một loại với nhau, người có tiền phải thương người không có tiền chớ.

– Phải, mà sao mình biết mấy đứa này không tiền. Ai nói với mình đó?

Không phải Thu Hà không đủ lời mà cãi với chồng, nhưng vì cô thấy cô một ý, chồng một ý, dầu cãi ăn chồng đi nữa cũng không ích lợi gì, bởi vậy cô nhơn dịp sắp phơ đương rở xăng, sang số cho xe lên bờ, cô mới chồm tới mà dặn sắp phơ cẩn thận, cô không thêm nói với chồng nữa.

Đến xế, lên tới Nam Vang, Vĩnh Thái biểu sắp phơ chạy trong vòng Châu thành mà kiếm khách sạn. Xe vừa mới ngừng, thì có một bà già đầu bạc trắng, vóc ốm teo, quần áo lang thang mặt mày nhăn nhú, thay cầm cái quẩu nhỏ, tay chống cây gậy tre lần bước lại đứng một bên xe rồi đưa cái quẩu nhỏ mà nói rằng:

– Cậu mợ làm phúc cho ít đồng xu mua cơm ăn.

Thu Hà thấy người già yếu đói rách, cô động lòng, nhưng vì từ hồi sớm mai cho tới bây giờ cô cho người ta tiền hai lần, đều bị chồng trộ trạo, cô sợ cho nữa bị chồng rầy, nên cô quay qua ngó Vĩnh Thái, có ý chờ coi Vĩnh Thái có vui lòng cứu giúp bà già nhiều ít gì không.

Vĩnh Thái ngó bà già rồi chau mày nạt rằng:

– Ê! Bà già này làm lộn xộn rồi trí người ta. Đi chỗ khác mà xin.

Bà già riu riu bước dang ra. Vĩnh Thái lườm ngó theo mà nói rằng:

– Xứ mình sao có nhiều người làm nghề ăn mày quá! Bên Tây ai đi xin tiền như vậy, hễ lính gặp thì kéo cổ đem về bắt giải tòa bỏ tù mặt kiếp.

Thu Hà nghe mấy lời bất nhơn của chồng thì cô lấy làm bất bình, nhưng mà cô dần lòng nói êm ái rằng:

– Người ta già yếu tật nguyên, làm công việc không nổi nữa, nên người ta mới đi xin chớ.

– Già yếu tật nguyên thì kiếm việc nhẹ mà làm, ai lại cho phép đi xin. Đùng có thương quân đó, không biết chừng kiếp trước họ ở ác lắm, nên trời phạt họ đa. Nếu mình cho họ tiền mang lỗi với trời đất, biết hôn?

Vĩnh Thái vừa nói vừa mở cửa xe mà leo xuống. Công Cẩn đã xuống trước rồi, trò móc túi đưa cho bà già một cục bạc. Bà già xá

trò mà tạ ơn rồi chống gậy lần đi. Vĩnh Thái thấy Công Cẩn cãi lời mà cho ăn mày tiền, thì chùng tức giận, nên ngó em trân trân, coi ý như chàng muốn nhảy lại mà bóp tay mới đã nư giận.

Vĩnh Thái vô khách sạn muốn phòng rồi biểu vợ với em vô mà nghỉ. Chàng cởi áo rửa mặt và hỏi vợ em thay đồ sạch sẽ đặng đi dạo chơi một hồi, kiếm nhà hàng mà ăn cơm. Công Cẩn đến xú lạ trò thấy nhà cửa mỗi mỗi đều lạ mắt, trò lấy làm thích ý, nên lật đật thay đổi quần áo đặng đi chơi. Còn Thu Hà ngồi buồn xo, trong lòng hết biết việc gì là vui nữa. Vĩnh Thái thôi thúc cô sửa soạn. Cô thở ra mà đáp rằng:

– Thôi mình với em đi chơi, để tôi ở nhà..

– Sao vậy?

– Đi xe đường xa mệt quá, để tôi nghỉ.

– Rồi làm sao mà mình ăn cơm?

– Không hại gì, để chút nữa tôi đói bụng, tôi biểu bồi đi mua bánh mì cho tôi ăn cũng được.

– Tự ý. Thôi để tôi đi đặng kiếm đồ mua đem theo xe ngày mai mà ăn.

Vĩnh Thái dắt Công Cẩn xuống thang lầu mà đi. Thu Hà nằm dầu dầu, không tính ăn uống chi hết, mà trong đêm ấy cô ngủ cũng chẳng được.

Sáng bữa sau, Thu Hà than trong mình không được giỏi, nên khuyên chồng trở về. Vĩnh Thái tưởng vợ đau thiệt, nên nghe lời vợ mà về. Công Cẩn không được thấy Đế Thiên, Đế Thích, trò tiếc quá nên cần rần hoài.

Vợ chồng thầy Hội đồng Chánh thấy con về sớm thì lấy làm lạ, chùng nghe nói Thu Hà trong mình không được giỏi thì có bụng lo, té ra về nhà rồi thì Thu Hà ra vô ăn ngủ như thường, chẳng thấy bệnh chi hết. Cách ít bữa thấy Hội đồng biểu đi chơi nữa. Thu Hà nói rằng:

– Con ngồi xe hơi đi đường xa sao hay chóng mặt quá, con không dám đi nữa.

Thầy Hội đồng tưởng thiệt nên không ép, mà Vĩnh Thái ơ hờ, nên chàng cũng không khuyên mời.

V CÒN TOÀN KHAI HÓA

Một buổi chiều, ăn cơm mà mặt trời chưa lặn. Vợ chồng thầy Hội đồng Chánh lục đục ở phía sau, còn Vĩnh Thái với Công Cẩn thì dắt nhau đi chơi theo bờ lộ.

Thu Hà xách một cái ghế mây đem để dựa mấy bụi bông lài rồi ngồi ngắm cỏ cây cảnh vật trong vườn chơi. Bông huệ với bông lài cũng còn đua nở, mùi thơm bát ngát, cây cam với cây lý cũng còn giành tươi, đơm lá xanh dòn. Bông hoa cây cỏ cũng sồn đẹp dễ như lóng trước, nhưng mà Thu Hà nhìn xem thì trong lòng không vui vẻ như khi thi đậu mới về. Cô ngồi tại đây mà trí cô tưởng việc ở đâu, cô suy nghĩ một hồi cô cứ cúi mặt xuống đất hoài, đến nỗi gió quật nhành lài, chùm bông đụng tay cô mà cô cũng không thềm day lại.

Cô ngồi chưa được bao lâu thì thấy Vĩnh Thái với Công Cẩn đi chơi về, hai chàng bước vô cửa ngõ, nói chuyện ôm sòm. Vĩnh Thái đi lại chỗ cô ngồi, rồi hỏi rằng:

– Mình ngồi suy nghĩ việc gì đó?

Thu Hà chum chim cười mà đáp rằng:

– Suy nghĩ việc đời chơi, chớ có chi đâu.

Vĩnh Thái thấy Công Cẩn đi thẳng vô nhà, chàng cũng đi theo, song vô tới nhà rồi chàng lại xách một cái ghế trở ra, để gần một bên vợ và ngồi vịn vai vợ mà hỏi rằng:

– Mình suy nghĩ việc đời là việc gì đâu, mình nói cho tôi nghe thử coi.

Thu Hà tay kéo vạt áo, mắt ngó xuống đất, cô dự dự một chút rồi mới đáp rằng:

– Tôi tính coi bây giờ làm việc chi cho có ích, chớ ở không mà chơi hoài hay sao.

– Làm việc gì bây giờ?

– Làm việc gì cũng được, miễn có làm mới vui chớ ở không mà chơi hoài thì vô ích cho đời, coi buồn quá.

– Phải. Mình nghĩ như vậy thì nhảm lắm. Phải lo làm ăn chứ ở không mà xài của cha mẹ hoài hay sao.

Thu Hà nghe mấy lời, biết chồng không thấu hiểu ý của cô, nên cô châu mày ngó chồng mà đáp rằng:

– Mình tưởng trí tôi đề tiện đến nỗi sợ mình ở không, ăn xài hao tốn của cha mẹ tôi hay sao, nên mình nói vậy? Nếu mình tưởng như vậy thì mình lảm nhảm lắm. Vợ chồng mình đều có học thức. Tôi nói mình phải lo làm là làm những việc gì có ích cho nhà nước, có ích cho xã hội kia chứ. Sánh với dân các nước, thì người Việt Nam mình thua sút người ta hết thảy mọi bề, về phương diện tri thức cũng thua, về phương diện tài nghệ cũng thua, mà về phương diện kinh tế cũng thua. Vậy bọn tân học phải lo làm làm sao mà diu dắt người mình lên đường tấn hóa đặng đi cho kịp người ta. Chớ nếu mang cái danh tân học mà cứ lo sung sướng tẩm thân, không thêm lo khai hóa dân tộc, thì đối với mình có tội nhiều lắm.

Vĩnh Thái cười ngất rồi ngó vợ mà nói giọng pha lửng rằng:

– Chà chà, đàn bà con gái Việt Nam bây giờ cũng biết lo việc đời, cũng biết nói khai hóa đồ nửa hán!

– Đàn bà con gái Việt lo việc đời, lo khai hóa, làm như vậy là bậy lắm hay sao mà mình cười?

– Việc đó là việc đàn ông con trai người ta lo, đàn bà con gái biết gì mà nói.

– Phải, mở mang trí thức cho dân tộc, bênh vực quyền lợi cho nước nhà, ấy là phận sự của đàn ông con trai. Việc ấy tôi cũng biết như vậy, tôi có cái bao giờ đâu. Chớ chi đàn ông con trai, hể có trí thức ít nhiều mỗi người điều biết lo làm cho tròn phận sự thì đàn bà con gái cũng nên chui vào bếp mà nấu cơm, cũng nên thụt trong buồn mà cho con bú, có lý nào dám chường mặt ra ngoài mà nói chuyện khai hóa. Ngặt vì đàn ông con trai của mình bây giờ coi tệ quá. Có lẽ mình cũng ngó thấy chứ, phần nhiều họ chỉ cầu danh ham lợi, chớ có mấy người do công ích đâu. Nếu đàn bà con gái không can dự vào đặng giúp với mấy người đàn ông biết lo đó, thì đồng bào ta biết đời nào mới mở mắt.

Vĩnh Thái nghe vợ nói như vậy thì ngồi lặng thinh mà suy nghĩ. Chàng thò tay ngắt một cái bông lài mà hửi rồi mới nói rằng:

– Minh nói phải lắm. Đàn ông con trai của nước mình là đồ bỏ cả. Chẳng kể chi mấy người học lam nham ở bên này, thậm chí họ đi du học ở bên Pháp về, phần nhiều cũng không ra cóc rác gì hết. Tôi thấy đời như vậy thiệt tôi ngán quá, nên hết muốn tính việc gì nữa.

– Sao mà ngán? Đời tẻ thì mình phải lo sửa lại, chớ ngán nỗi gì?

– Thiên hạ họ đấu tranh giàu sang, nếu mình chăm lo làm công ích thì mình đại hơn họ quá.

– Minh nói như vậy sao phải. Ai có thói dề tiện, ham giàu sang mặc ai. Minh phải giữ cái tánh cao thượng, cứ lo giúp ích cho đồng bào. Bọn dề tiện ấy đâu có được giàu sang cho mấy đi nữa, thấy mình chúng cũng hổ thẹn, chớ đâu dám chê mình đại.

– Ối! Đời này họ kể gì là phải quấy, hễ giàu sang là cao, còn nghèo hèn thì thấp. Dân còn ngu quá, họ có hiểu ai là người giúp ích cho họ, ai là người hãm hại họ đâu. Mình làm phải với họ cho mấy đi nữa, họ cũng không biết công ơn, mà sợ e họ còn khinh bỉ mình nữa chớ.

– Phong tục tồi tệ, thì mình ăn ở cho cao thượng, đừng làm gương tốt cho người ta bắt chước mà làm theo. Dân trí còn u ám, thì mình phải khai hóa đừng cho người ta biết đường ngay mà theo, nẻo vạy mà chừa.

– Sửa phong tục, khai dân trí, là hai điều khó lắm, một mình lo sao nổi.

– Hễ mình đề xướng lên thì ắt có người khác giúp với mình chớ.

– Theo ý mình bây giờ phải làm thế nào đâu, mình nói cho tôi nghe thử coi.

– Mình học giỏi, mà mình là đàn ông nữa, việc ấy mình thông thạo nhiều, tôi trí thức bao nhiêu mà dám nói.

– Ấy, giả đồ như tôi là thằng chồng ngu, không biết việc chi hết. Bây giờ mình dạy cho tôi biết cách giúp ích cho đời vậy mà.

Mấy lời nói ấy, ý thì khiêm, mà giọng thì ngạo, bởi vậy, Thu Hà nghe rồi cô mắc cỡ, cúi đầu lặng thinh. Vĩnh Thái cười và nói rằng:

– Này giờ tôi muốn cãi với mình chơi, chớ phải tôi là thằng vô dụng như bọn tân học bây giờ đó đâu. Tôi lo giúp ích cho đời từ hồi

tôi còn nhỏ kia. Vì tôi muốn giúp ích cho đời nên tôi mới đi du học. Ở bên Pháp mấy năm tôi lo tính hết sức, tôi quyết chí học thành tài trở về quê hương, thì tôi sẽ hy sinh cái thân của tôi cho xã hội mà lo khai hóa đồng bào.

Mà về tới xứ sở mấy tháng nay, tôi dòm thấy công cuộc trong nước, tôi thám dò thái độ của người mình, thì tôi bất ngao ngán trong lòng không biết chừng nào. Tôi vắng mặt mấy năm tưởng là trình độ học thức của người mình ở nhà đã được nhắc lên cao chút ít, té ra trình độ cũng vẫn như cũ, mà tâm đức coi ra còn sụt thấp hơn xưa. Cái óc của dân tộc mình hư rồi, khó mà sửa cho nên lại được. Mấy tháng nay tôi tính gần nát trí khôn, mà cũng chưa tìm được cái phương châm nào có thể giúp cho người mình tấn hóa được. Nên chơi thì chơi tôi buồn lắm. Tôi tức quá. Chớ chi tôi giàu, có một hai triệu đồng bạc, tôi sẽ làm cho họ coi.

Thu Hà nghe chồng nói vậy, tưởng chồng thiệt có lòng nhiệt thành, nhưng giận thể tình ám muội nên thán oán, bởi vậy cô ngó chồng rồi hỏi rằng:

Làm sao mà có đến một hai triệu cho được?

– Vậy chớ muốn làm việc công ích mà không có tiền, thì làm sao được?

– Vả cuộc khai hóa không phải sức một người mà lo cho nổi, mà cũng không phải làm một ngày mà rồi hết được. Những người có lòng lo việc công ích, ai tùy theo sức nấy mà làm. Một người lo một việc, một ngày làm một chút, nhờ sức đông người, nhờ công nhiều người, mới mong thành tựu được. Ấy vậy, cuộc khai hóa mình phải mong nả mà làm, song làm thì phải làm cho có tuần có tự, hốt tốc lắm cũng không nên. Bây giờ mình phải liệu sức mình và coi chỗ nào cần ích gấp hơn hết thì làm trước, chớ thấy cuộc đời rồi chán ngán không chịu làm, thì ai gọi mình là người có chí, còn làm hốt tốc quá thì không thành tựu được, mình đã thất công lại vô ích nữa.

– Bây giờ mình muốn cho tôi làm việc gì?

– Kỳ xưa tôi lén tôi nghe mình tỏ cái chương trình khai hóa với ba, thiệt tôi phục quá. Nếu mình do theo cái chương trình đó thì hay biết chừng nào.

– Hứ, nói nghe mà chơi thì dễ, chứ xướng ra mà làm, thì có dễ gì sao? Kỳ xưa, tôi nói cái chương trình khai hóa chia ra làm ba đoạn phải hôn? Bây giờ phải làm đoạn nào? Phải lo khai hóa trí thức, hay phải lo chấn hưng kinh tế, hay là phải tài bồi đạo đức?

– Theo ý tôi bây giờ cần phải lo quảng khai dân trí.

– Quảng khai dân trí phải làm sao?

– Cái đó tự ý mình liệu, mình muốn lập học đường hay mở nhựt báo, hay là lập ấn quán gì cũng được.

Vĩnh Thái lắc đầu, nhắm mắt trề môi mà nói rằng:

– Muốn làm việc đó, mỗi việc phải có vốn một trăm ngàn làm mới được. Mình có tiền hay không?

Thu Hà day mắt ngó ngay chồng mà đáp rằng:

– Hễ mình làm việc phải thì ba giúp tiền, chứ tôi làm giống gì mà có. Mà có làm việc gì thì chừng năm mười ngàn vậy được, chứ cả trăm ngàn ba giúp sao cho nổi.

– Nếu có làm thì phải làm cho hẳn hoi, chứ làm lồi thôi ai thèm. Năm mươi ngàn đồng bạc mà làm cái gì, lập trường dạy con nít trong xóm học A B phải hôn? Hay là lập nhà in để in giấy tiền? Thôi đừng có nói chuyện khai hóa, đừng có tính việc công ích nữa, nghe ghét lắm. Phải lo làm cho có tiền đã rồi sẽ hay.

Vĩnh Thái nói chưa dứt lời thì chàng đứng dậy, rồi chấp tay sau đít, huân đai đi vòng trong vườn bông. Trời đã chạng vạng tối, mà lại mây giăng mù mịt trên nhành lá cây lọt sắc, trong vườn hoa quả phai màu. Thu Hà ngồi ngó theo chồng mà thở dài, rồi cô đứng dậy xách hai cái ghế đi vô nhà, mặt buồn xo, mắt ứa lụy.

Thu Hà gần chồng có mấy bữa thì thấy tánh ý chồng trái hẳn với tánh ý của cô. Hôm nay ngồi đàm luận việc công ích với nhau, lại thêm thấy khí phách của chồng không giống khí phách của cậu Tú tài đến nhà cô hồi tháng trước. Tuy cô buồn nhưng mà có Công Cẩn ở nhà, tối ngày cô theo nói chuyện chơi với em, nên sự buồn của cô còn có khuây lảng được chút đỉnh. Cách ít bữa sau, tới khai trương Công Cẩn đi học rồi, Thu Hà không còn người thân thiết mà hủ hỉ nữa, tự nhiên phải nói chuyện với chồng. Cô gần gũi chồng chừng nào, cô buồn duyên tủi phận chừng nấy. Vợ thì nắm chắc

lòng thành thiệt, chồng thì chuốt ngót tiếng phỉnh phờ, vợ thì ăn một đọi nói một lời, chồng thì nói một đường tính một ngả. Vợ chồng đường ấy. làm sao mà gọi là loan phụng hòa minh.

Cô Thu Hà lấy làm bức bối trong lòng, nhưng mà cô không biết tỏ với ai được. Đã biết trong nhà có cha mẹ, mà nếu mình than thở với cha mẹ, thì làm cha mẹ buồn bức như mình nữa chớ không ích gì. Mà mình than thở làm chi? Mình than thở rồi sửa tánh ý chồng mình lại được hay sao mà than thở? Ôi thôi! mà hồng nhan bạc mạng, căn số vô duyên thì chịu, than thở làm chi.

Thu Hà tủi phận chưa nguôi, thì kể rầu nỗi mẹ nữa. Vừa qua mùa đông bệnh ho của cô Hội đồng Chánh phục phát, cô thổ huyết luôn ba bốn bữa rồi cô nằm liệt không dậy nổi. Thấy Hội đồng rước đủ thứ thầy chạy đủ thứ thuốc, mà bệnh cũng không thấy giảm. Thu Hà tuy mắc lo săn sóc mẹ, song không quên buồn nỗi chồng, mỗi sâu của cô lại càng rối lên, bởi vậy cô ăn ngủ không được, thân thể gầy mòn, nhan sắc mười phần giảm hết ba bốn.

Cô Hội đồng nhờ thầy hay thuốc tốt, nên níu sự sống của cô lại được ít ngày. Nhưng mà cô mang chứng bệnh hiểm nghèo, dầu thuốc tiên cũng khó mà cứu được, bởi vậy qua tháng mười một cô không thể chịu nổi nên phải nhắm mắt từ biệt chồng con mà về âm cảnh.

Thu Hà với Công Cẩn khóc than không ráo nước mắt, còn Hội đồng Chánh đau lòng rồi rít lên lo lửng như kẻ không hồn. Trong đám tang nhờ có Hương chủ Lung với Vĩnh Thái coi sóc sắp đặt, chớ cha con thầy Hội đồng Chánh không biết tới sự việc chi hết.

Cuộc sống chung yên rồi, Công Cẩn trở lên trường mà học lại. Thầy Hội đồng buồn rầu hết muốn lo việc trong nhà nên giao cho rể coi trâu gó lúa ruộng.

Đến ngày làm tuần bá nhựt cho vợ, có bà con tụ đủ mặt, thầy Hội đồng nhơn dịp ấy bèn giao hết sự sản cho con rể cai quản đặng thầy đi chơi. Ông Hương chủ Lung thấy cháu tính như vậy nhứt chơn mày mà nói rằng:

– Vợ chồng con Thu Hà là con nít, cháu giao hết cho chúng nó coi như vậy sao được. Cháu buồn rồi đi chơi năm mười bữa rồi về, chớ bỏ phú việc nhà như vậy không nên.

Thầy Hội đồng đáp rằng:

– Cháu buồn quá nên tính đi du lịch ngoài Trung Kỳ, Bắc Kỳ chơi ít tháng, rồi sau cháu qua Hương Cảng Thượng Hải nữa. Không hại gì, vợ chồng nó đã lớn rồi, thử coi nhà coi ruộng có khó gì đâu mà sợ.

Ông Hương chủ Lung lặng thinh không cản nữa, song coi bộ ông không vui.

Cúng tuần cho vợ xong rồi, thầy Hội đồng Chánh lấy năm ngàn đồng bạc bỏ vào lưng rồi từ giã con gái và con rể mà đi du lịch.

Thầy Hội đồng mới đi hồi sớm mai, kế chiều lại Vĩnh Thái kêu vợ biểu đưa chìa khóa tủ sắt cho chàng giữ. Thu Hà lấy làm bất bình, nhưng vì cô sợ trái ý chồng, nên riu riu móc túi lấy xâu chìa khóa mà đưa.

Vĩnh Thái ngó vợ cười mà nói rằng:

– Bây giờ ba giao cho tôi cai quản sự nghiệp, vậy để tôi làm công chuyện chơi.

– Làm công chuyện gì?

– Tôi thi hành chương trình khai hóa.

– Mặc coi nhà đây, đi đâu được mà khai hóa.

– Ủa, ở nhà lại làm không được hay sao? Để tôi chấn hưng kinh tế cho mình coi.

Thu Hà ngó quay mặt chồng rồi xoay lưng đi xuống nhà sau, không nói nữa.

VI. VỪA LỘ TÁNH TÌNH

Vĩnh Thái nói thì làm liên, chớ không chịu để lâu như người khác. Sáng bữa sau, vừa mới thức dậy thì chàng sai thằng Tùng là đứa ở trong nhà, xuống kêu Hương hào Điều lên cho chàng hỏi thăm công việc.

Hương hào Điều có bà con xa xa với thầy Hội đồng Chánh nên kêu thầy bằng chú. Khi anh ta mới được mười lăm tuổi thì cha mẹ đều khuất hết. Thầy Hội đồng thấy bộ mềm mỏng thật thà, nên

đem về mà nuôi đặng bông ằm sẵn sóc Công Cẩn. Anh ta càng khôn lớn, tánh tình càng trung hậu. Vợ chồng thầy Hội đồng đem lòng thương nên chùng anh ta được hai mươi tuổi, mới đứng cưới thị Sen là con gái của bà Hương giáo Phiến cho anh ta, rồi cất cho một cái nhà lá ba căn, cửa ván, cột vuông, ở phía dưới đầu xóm mà cho ra ở riêng, lại giúp cho một trăm đồng bạc và năm chục công đất mà làm ăn. Tuy thị Sen húng hính ua lức đực ở trong nhà mà trang điểm, ít chịu buôn chải với chồng ở ngoài đồng, nhưng mà nhờ Điều siêng năng, mạnh mẽ, sóc vác, nên năm nào ăn xài rồi trong nhà cũng còn dư được đôi ba thiên lúa. Thầy Hội đồng thấy Điều biết lo làm ăn, lại càng thêm thương, nên cách ít năm sau thầy dỡ đầu cho làm hương hào, rồi từ khi cô Hội đồng có bệnh thì thầy lại cậy hoặc phụ lo góp lúa, hoặc lo coi thu tiền đất giùm cho thầy nữa. Hương hào Điều là người biết ơn nghĩa, giúp việc cho thầy Hội đồng thì anh ta tận tâm cũng như làm việc của anh ta, mà thầy Hội đồng cũng là người có con người, nên phú thác việc gì cho Hương hào Điều thì thầy không nghi ngờ chút nào hết. Tình bà con của hai người thật là xa, mà cách đối đãi với nhau coi chẳng khác nào chú cháu ruột.

Năm nay Hương hào Điều được ba chục tuổi, cưới vợ đã tám năm rồi mà sanh có một đứa con trai năm tuổi, đặt tên là thằng Đặng. Anh ta cao lớn vạm vỡ, bộ thì mạnh dạn, mà tánh thì ôn hòa, lại có tật thương vợ thương con, cứ bắt vợ ở nhà nuôi con, không cho đi làm việc chi hết.

Anh ta đi thăm ruộng mới về, quần còn ướt nhem, đương ôm con mà nựng, kể thằng Tùng xuống kêu. Anh ta thay đồ mặc một cái quần lãnh, một cái áo bà ba lụa đen, đầu bịt khăn xéo trắng rồi lật dật đi với thằng Tùng.

Vinh Thái đương ngồi tại bàn viết, chùng thấy Hương hào Điều bước vô nhà, bèn kêu lại rồi biểu ngồi cái ghế gần đó và nói rằng:

— Ba tôi đi chơi, giao hết ruộng đất cho tôi coi mà cho mướn. Tôi dò trong sổ thì biết người nào mướn bao nhiêu, số lúa ruộng là bao nhiêu, song tôi không hiểu ai làm sở nào. Tôi muốn đi tới mấy sở ruộng hết thấy, đặng coi sở nào tốt, sở nào xấu. Tôi cũng muốn đi coi hết mấy sở thổ trạch cho biết nữa. Tôi nghe nói anh biết ranh

rấp ruộng đất của ba tôi hết thấy, xin anh làm ơn dắt tôi đi coi chơi được hay không?

Hương hào Điều cười và đáp rằng:

– Dượng muốn đi coi thì tôi dắt dượng đi. Cha chả, mà đi cực lắm, dượng đi nổi hay không?

– Cực cái gì?

– Phải đi xuống nhỏ mới được.

– Đi xuống thì đi, hại gì.

– Nhưng dượng chịu cực được thì đi. Dượng muốn bữa nào đi?

– Khởi sự đi bữa nay. Ăn cơm rồi đi. Bữa nay anh rảnh hay không?

– Lúc này lúa thóc làm rồi hết, tôi ở không có làm việc gì đâu mà không rảnh.

– Ờ được. Thôi, anh đi kiếm một chiếc xuồng cho sẵn đi, đợi ăn cơm rồi mình đi.

– Có xuồng dưới nhà tôi, chèo nào đi thì xuống lấy mà đi.

– Ai bơi?

– Tôi bơi cũng được.

– Thôi, anh ở đó chơi, đợi cơm chín rồi ăn cơm với tôi, để tôi sửa soạn cây súng đợi đem theo, như gặp chim cò mình bắn chim.

– Dượng bắn giỏi hôn?

– Khá khá chứ không giỏi gì lắm.

– Cha chả, cây súng đó chú Hội đồng cung lắm, không bao giờ chú chịu cho ai bắn, dượng động tới đây tôi sợ chú về chú hay chú rầy.

– Hại gì nà.

Ăn cơm rồi, Vĩnh Thái bận một bộ đồ tây bằng bố xám rồi mang súng đi với Hương hào Điều. Chàng không thèm nói cho vợ biết mình muốn đi đâu, mà Thu Hà thấy chồng đi, cô cũng không thèm hỏi.

Xuống tới nhà Hương hào Điều, thị Sen lật đật ra chào Vĩnh Thái, còn thằng Đặng nó thấy Vĩnh Thái nó sợ, nên nó nắm vạt áo má nó và đứng nép một bên. Hương hào Điều mặc lăng xăng lo tát

nước chiếc xuống và ôm chiếu xuống mà trải. Vĩnh Thái đứng trong nhà mà chờ, chàng ngó quanh quất một hồi rồi bước lại vỗ mặt thằng Đặng và nhìn thị Sen mà nói rằng:

– Chi này chi dễ thằng con ngộ quá.

Thị Sen mắc cỡ quá nên cúi mặt xuống chum chim cười.

Hương hào Điều dọn xuống rồi mới mời Vĩnh Thái xuống đi. Thị Sen dắt con xuống bên ngó theo. Vĩnh Thái đưa tay ngoắc thằng Đặng, mà thị Sen mắc cỡ nên dạy mặt chỗ khác.

Vĩnh Thái đi coi ruộng đất luôn hai ngày, bữa nào cũng đến nửa chiều mới về. Bữa sau chàng về tới nhà, tắm rửa thay đồ vừa rồi, thì nghe xe hơi ngừng ngoài cửa ngõ. Chàng bước ra mà dòm, cô Thu Hà ở phía sau cũng bước ra mà ngó.

Có hai người mặc đồ tây bước vô sân, mỗi người đều có mang một cặp mắt kiếng đồi mồi, tay có ôm một cái cặp đựng giấy tờ đầy nhóc. Vĩnh Thái thấy khách lạ nên trở vô ghế mà ngồi. Hai người khách bước lên thêm rồi gõ cửa. Vĩnh Thái đứng dậy bước ra. Một người khách cúi đầu chào và nói rằng:

– Tôi là Lê Hung Nhon chủ bút Quốc Dân báo.

Người khách thứ nhì liền tiếp mà nói rằng:

– Còn tôi là Trần Công Nghĩa chủ nhà máy xay lúa hiệu Nam Phát ở Chợ Lớn. Hai anh em tôi ghé thăm thầy Hội đồng.

Vĩnh Thái nắm tay chào khách và nói rằng:

– Tôi được tiếp hai ông thật tôi lấy làm may, mà hai ông đến thăm ba tôi thì hai ông lấy làm rủi quá, vì ba tôi đi du lịch không có ở nhà.

Lê Hung Nhon cười và đáp rằng:

– Không hại gì, thầy Hội đồng đi khỏi mà gặp được cậu thì cũng không phải là rủi.

Lê Hung Nam không đợi mời, liền ngồi xê trên ghế, ôm cái cặp trong lòng mà nói rằng:

– Tôi mới hiệp với mấy ông bạn đồng chí mà lập tờ Quốc dân báo. Vì tôn chỉ tờ báo chúng tôi là khai thông tri thức bảo thủ lợi quyền kết giải đồng tâm chấn chỉnh phong hóa cho quốc dân. Bởi

vậy báo xuất bản mới có mấy số mà được công chúng hoan nghinh từ Nam chí Bắc. Mà cậu cũng biết tờ báo được đông người đọc chừng nào thì thế lực chúng tôi càng thêm mạnh, mục đích của chúng tôi càng mau đạt chừng nấy, nên chỉ chúng tôi ráng cố động thêm hoài, chúng tôi quyết làm thế nào cho tờ báo chúng tôi vô cho đến tận trong làng trong xóm, các hạng người trong ba kỳ, đều được nghe những lời khuyến khích, đều được xét những lời nghị luận của chúng tôi; có như vậy thì cuộc khai hóa quê hương, là chủ hướng của chúng tôi, mới mau kết quả được. Bởi ý đó, nên tôi đến cậy thầy Hội đồng và cậy cậu mua giùm một năm tờ Quốc Dân báo, lại cậy làm ơn cố động cho anh em ở mấy làng xung quanh đây mua giùm nữa. Cậu giúp cho chúng tôi, chẳng những là chúng tôi mang ơn mà cậu lại còn có công với Việt Nam xã hội nữa.

Vĩnh Thái ngồi chim bĩm mà nghe, chừng Lê Hung Nhon nói dứt lời, chàng đáp rằng:

– Ông nói nghe hay lắm, mà theo sở kiến của tôi, thì nhứt trình quốc ngữ in uống giấy mực đọc mất ngày giờ chớ không có ích chi hết.

– Cậu nói như vậy tôi xin đỡ lời cậu. Nhứt báo cũng có nhiều thứ, có thứ nói xàm còn có thứ hữu ích, chớ nào phải hết thảy là giấy gói đồ dẫu.

– Tôi chưa thấy tờ báo nào hữu ích, hết thảy lập ra đều để mắng lộn với nhau, hoặc để xoi bói nói xấu chuyện riêng của thiên hạ chớ ích gì?

– Cậu chỉ gộp như vậy thì ức quá. Đâu cậu mua thử Quốc Dân báo một năm rồi cậu đọc coi hữu ích hay là vô ích.

– Từ hồi nào cho đến bây giờ tôi nhứt định không thèm đọc nhứt trình quốc ngữ. Đọc đã thất công, mà còn phát giận nữa. Để thì giờ lo làm việc khác có ích hơn nhiều.

– Cậu lo làm việc gì mà gọi là có ích hơn? Trong thời kỳ nầy người Việt Nam ai có chút tâm huyết, ai có chút học thức, cũng đều chăm nom khai hóa nước nhà. Cậu thuộc trong bậc thanh niên tân học mà sao cậu không để ý vào việc công ích chút nào hết vậy?

– Ông đừng có nói những tiếng khai hóa và công ích. Tôi đi du học bên Pháp tôi về, mà tôi chưa dám nói khai hóa, tôi quyết

chí hy sinh tánh mạng tôi cho xã hội, mà tôi chưa dám nói công ích. Tôi tưởng phải lo làm là tốt hơn dọn lời mà nói. Nói không làm được thì nói làm chi.

– Té ra cậu đi học bên Pháp mới về sao?

– Phải.

– Tưởng là cậu học lời thôi, nên cậu không biết lo khai hóa nước nhà, chớ cậu đã có xuất dương du học, thì cái trách nhiệm của cậu đối với xã hội còn nặng hơn của anh em chúng tôi nhiều lắm. Cậu chẳng nên công kích báo quốc âm, cậu phải giúp với chúng tôi, cậu phải đấu cật đấu lưng với chúng tôi mà dìu dắt đồng bào lên con đường tấn hóa.

– Xin ông đừng có tưởng nhà soạn báo được độc quyền khai hóa, phải làm chủ bút mới lo khai hóa đồng bào được, còn làm nghề khác thì không được phép. Khai hóa là cái nghĩa vụ chung của bọn có học thức, chớ không phải là cái trách nhiệm riêng của mấy nhà soạn báo đâu. Bọn có học thức mỗi người đều tùy chức nghiệp của mình mà lo. Ông làm chủ bút thì ông lo khai thông dân trí, ông nầy làm chủ nhà máy thì lo ruồng mở đường kinh tế, tôi làm ruộng thì lo cải lương nghề nông, người khác làm quan thì lo dạy dỗ dân cho chúng nó hết ngu, người khác nữa làm thầy giáo thì lo rèn đúc tánh tình trẻ em đặng ngày sau chúng nó trở nên người đứng đắn. Ai có phận sự nấy. Sao ông lại buộc mỗi người đều phải giúp cho ông. Ông tưởng hai mươi triệu đồng bào ta cứ mua nhứt trình mà đọc, đừng thềm làm chi hết, sẽ trở nên văn minh được hay sao?

– Cậu luận nghe kỳ quá! Tôi có nói một mình chúng tôi mới được lo khai hóa đâu mà cậu cãi. Tuy vậy mà tờ báo là cơ quan của cuộc khai hóa, tờ báo là cây thước để đo lòng dân nóng nguội được bao nhiêu, tờ báo là cây đuốc để soi đường cho quốc dân tấn bộ. Trong hoàn cầu ai mà chẳng trọng báo giới, ai mà chẳng công nhận sự ích lợi của báo giới. Phải, cậu nói phải lắm. Bọn có học thức phải tùy chức nghiệp của mình mà lo làm những việc công ích. Nhưng dầu làm việc gì cũng nuôi tờ báo của mình, đặng cho tờ báo có thể lực mà bênh quyền lợi của mình, mà khai đường dẫn lối cho người mình chớ không chịu phụ giúp để cho tờ báo chết thì cũng như mình đập tắt cây đuốc rồi còn thấy đường đâu mà đi tới.

– Hừ! Báo quốc âm mà kêu là cây đuốc văn minh sao được. Tôi cãi nữa e sợ mịch lòng ông. Tôi xin tỏ với ông một lời này: ông nói tờ báo của ông là đại hữu ích cho quốc dân. Vậy ông để thông thả cho quốc dân xét, như thiệt có ích thì người ta mua, chẳng cần phải khuyên mời ép uống.

– Phải mua mà đọc thử rồi mới biết hữu ích hay vô ích, chớ không mua mà đọc thì làm sao biết được?

– Đọc mà làm gì? Chớ chi đọc báo rồi khôn ngoan khỏi học, đọc báo rồi giàu có khỏi làm, đọc báo rồi rùng rậm hóa ra lương điền, đọc báo rồi tiệm của khách trú hóa ra tiệm của người Việt được hết thì tôi mua liền, chẳng cần gì đợi ông đến nhà mà mời.

Lê Hung Nhon rùng vai rồi day mặt ngó ra sân, coi bộ bất bình lắm. Vĩnh Thái cười mà nói rằng:

– Xin lỗi ông, nãy giờ tôi muốn cãi với ông cho ra chơn lý mà thôi, chớ tôi không phải phiền trách việc chi, nên kiếm lời kích bác ông. Tôi nói thiệt với ông, tôi đây là người có nhiệt tâm về sự khai hóa lắm. Nhưng mà tôi ở bên Pháp trở về mấy tháng nay tôi chủ tâm về cuộc chấn hưng kinh tế cho đồng bào, trí tôi chăm lo sự ấy mà thôi, không thêm tính tới việc gì khác. Ông lập nhật báo, ý ông quyết khai thông dân trí, tôi lo ruộng vườn, ý tôi quyết chấn hưng lý tài. Tuy chúng ta mỗi người đi một đường, mỗi người lo một việc, nhưng mà mục đích của chúng ta cũng như nhau. Chúng ta chỉ lo khai hóa đồng bào mà thôi, chớ không phải tranh danh trục lợi chi đó. Vậy tôi chúc cho ông với tôi đều được thành công, ngỏ khỏi hổ thẹn với nước non, ngỏ được vẹn toàn phận sự.

Lê Hung Nhon vừa muốn trả lời thì Trần Công Nghĩa đưa tay mà cản và nói rằng:

– Ông chủ bút không nên ép cậu mua nhật báo. Cậu là một nhà tân học đa văn quảng kiến, đọc nhật báo quốc âm có bổ ích cho cậu ở chỗ nào đâu. Huống chi cậu đã nói trí cậu mắc chăm lo hưng chấn kinh tế thì cậu có thông thả đâu mà cây cậu giúp khai thông dân trí...

Trần Công Nghĩa ngừng lại mà tăng hắng, rồi ngó Vĩnh Thái mà nói rằng:

– Cậu nói cậu lo chấn hưng kinh tế thì cậu đồng chí với tôi. Vậy để tôi bàn việc này với cậu.

– Việc chi đó?

Trần Công Nghĩa mở cặp lấy một mớ giấy in mà nói rằng:

– Việc tôi sẽ nói đây là một việc đại công ích, nếu mà thành được, thì sẽ có ảnh hưởng đến cuộc kinh tế của người mình nhiều lắm. Cậu là người chăm lo kinh tế, hề tôi nói ra chắc là cậu chịu lắm.

– Tôi có biết việc chi đâu mà chịu.

– Ấy, để thủng thẳng rồi tôi nói cho cậu nghe mà, cậu gấp quá. Tôi chen vai nơi thương trường mà cạnh tranh quyền lợi với khách ngoại bang mấy năm nay, tôi dòm thấy có nhiều chỗ người mình bị đè bị ép, thiệt tôi tức lắm. Cậu dư biết, lúa gạo là thổ sản nhiều nhứt của xứ Nam Việt ta. Lúa gạo của người mình làm ra, mà chùng bán thì hề họ định giá nào thì bán giá nấy, chớ mình không có quyền định giá. Họ mua lúa của mình thì rẻ, họ xay ra gạo rồi họ bán cho ngoại quốc và cho mình thì mắc, té ra mình làm đổ mồ hôi xót con mắt, mà cái lợi thì họ chiếm phần nhiều. Tôi có nhà máy xay lúa mấy năm nay, tôi mới thấy chỗ ức đó được, bởi vậy tôi tính rủ người mình hiệp nhau mà lập một công ty cho lớn, vốn chùng năm chục muôn, đăng lập nhà máy lớn rồi mua lúa xay ra gạo mà bán thẳng cho người ngoại quốc. Tôi định vốn năm chục muôn là định đăng làm thử, nếu trong ít năm mà thấy khá thì kêu hùn thêm mà làm lớn hơn nữa. Tôi tính rủ điền chủ ở lục tỉnh hùn vốn hết thấy, đăng lúa của mình thì bán cho công ty của mình, khỏi sợ khách trú mua giành giựt. Mỗi phần hùn định số năm trăm đồng, vậy xin cậu hùn dùm ít chục phần, đăng chung lo văn hồi quyền lợi của mình, kéo để thiên hạ họ hưởng uống quá.

– Ối! Việc hùn hiệp khó lắm. Người mình lười thôi, làm bậy đổ khỏi mất vốn hết.

– Sao mà lười thôi? Việc buôn bán lúa gạo tôi thạo lắm, không thể nào lỗ được.

– Nói giỏi sao được! Khách trú họ thạo bằng mười mình, mà nhà máy họ trên Chợ Lớn còn bị khánh tận hoài đó, ông không thấy hay sao?

– Cái đó là tại họ muốn giựt, chứ có phải lỗi mà sập nhà máy đâu.

– Nếu nói họ giựt, còn người mình ra làm lại chắc mình không giựt hay sao?

– Đâu có sổ sách hẳn hoi, giựt sao được.

– Sổ sách, sổ sách! Chừng muốn giựt sổ sách lại cần được hay sao? Thuở nay tôi ghét hùn hiệp lắm. Làm việc gì thì làm một mình dễ hơn.

– Cậu muốn chấn hưng kinh tế, mà cậu không chịu kết đoàn thể, cậu tính làm một mình, thế thì cậu có đủ sức mà kinh doanh cho lớn được đâu, còn mong chi chấn hưng kinh tế.

– Mình không đủ sức thì ban đầu mình làm việc nhỏ, lần lần mình sẽ làm lớn.

– Phải hùn hiệp mới được. Muốn cạnh tranh quyền lợi thì phải lập cơ hội, chứ không nên làm một mình. Cậu phải hùn vào công ty của tôi đăng làm gương cho mấy điền chủ ở trong tỉnh.

– Không được. Làm sự gì cũng phải khảo cứu cho kỹ lưỡng, chứ nhắm mắt mà làm như vậy có được đâu.

– Cậu nói như vậy, thôi tôi để lại đây cho cậu một mớ điều lệ với một mớ tờ bố cáo đăng cậu coi. Cậu có gặp ông điền chủ nào, xin cậu làm ơn chỉ giùm cho họ coi với. Cậu khảo cứu đi, trong ít ngày rồi tôi sẽ trở lại. Tôi chắc cậu coi rồi cậu ưng hùn lắm.

Trần Công Nghĩa để một mớ giấy in trên bàn, Vĩnh Thái ngó lơ, coi bộ không chú ý đến. Hai người khách ôm cặp đứng dậy cáo từ mà đi. Vĩnh Thái đưa ra cửa. Lúc bắt tay từ giã, Lê Hung Nhon cười mà nói rằng:

– Tôi tiếc quá, không gặp được thầy Hội đồng.

Vĩnh Thái cũng cười mà đáp rằng:

– Tôi cũng tiếc cho hai ông rủi lắm.

Khách đi rồi, Thu Hà bước ra mời chồng đi ăn cơm. Vừa ngồi lại bàn ăn thì Vĩnh Thái cười ngất, rồi nói với vợ rằng:

– Tụi nó đi nói dóc kiếm tiền, bị tôi đẩy đi xa lắc.

– Sao mình không mua giùm một năm nhứt trình cho người ta?

– Mua làm gì? Tiền đâu mà mua đồ tầm bậy như vậy?

– Cuộc khai thông dân trí mình làm không được, người ta ra người ta gánh vác, mình phải giúp sức cho người ta chớ.

– Mới khi khô chớ khai thông dân trí! Bày đặt đảng khai bóp phoi thiên hạ chớ khai giống gì.

– Người nào, mình cũng chê đê, việc nào mình cũng bác bỏ hết, thôi có làm giống gì đâu mà công ích.

– Mình đừng có bĩ sử, để tôi chấn hưng kinh tế cho mình coi mà.

– Mình coi mình lo chấn hưng kinh tế, sao hồi nãy mình không chịu hùn đảng lập nhà máy xay lúa?

– Hùn đảng cho nó ăn.

– Có lý nào, việc hùn hạp thì có sổ sách, họ ăn gian thì họ ở tù chớ.

– Trước khi lo lợi ích chung, thì mình phải lo chí lợi riêng cho mình đã. Nếu mình không lo cho mình trước, thì chết đói rồi thì làm sao lo cho thiên hạ được.

– Hôm trước mình cãi với tôi, mình nói nếu muốn thi hành chương trình khai hóa thì phải có vốn cho lớn mình mới làm được. Bữa nay người ta đến rủ mình hùn đảng có vốn cho lớn, sao mình lại không hùn?

– Để mình lo làm cho có tiền nhiều đã, rồi sẽ tính tới việc khai hóa, biết hôn?

Thu Hà vừa muốn đáp nữa, thì kế Hương hào Điều bước vô.

Vĩnh Thái thấy mặt Hương hào Điều liền nói rằng:

– Anh phải nhớ nghe hôn, anh Hương hào? Nhớ kêu tá điền, tá thổ, trua một tụ lại đây cho đủ mặt, đừng để sót người nào. Còn mai nầy anh biểu thằng Mau với thằng Tùng cầm dây cho anh đo mấy miếng đất thổ cư hết thảy. Người nào ở vương vức bao nhiêu anh biên cho rành, theo như lời tôi dặn anh hồi trua đó, nghe hôn? Ở nhớ kêu bà con mấy cái mả đó nữa nghe.

Thu Hà nghe chồng dặn Hương hào Điều lảng xãng, không hiểu ý chồng tính việc gì, nên ngồi ngó trần trần.

VII. THẤY RÕ TÂM CHÍ

Y lời dặn trước, đến bữa đòi tá điền tá thổ thì Hương hào Điều biểu vợ nấu cơm ăn sớm rồi xăm xăm lên nhà thấy Hội đồng Chánh đặng coi họ có tới đủ không. Anh ta bước vô thấy thằng Mau đương chùi lau bàn ghế, anh ta mới hỏi thăm coi Vĩnh Thái đi đâu. Thằng Mau nói Vĩnh Thái đương thay áo quần trong buồng. Hương hào Điều bèn đi thẳng xuống nhà sau.

Vừa xuống tới nhà cầu Hương hào Điều gặp Thu Hà ở dưới nhà bếp bước lên. Thu Hà đứng lại mà hỏi rằng:

– Ở nhà tôi biểu anh kêu tá điền tá thổ lại làm chi vậy?

Hương hào Điều lắc đầu nói không biết. Thu Hà châu mày đứng ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi rằng:

– Vậy chớ ở nhà tôi biểu anh dắt đi đâu, mà đi trọn hai ngày đó?

– Dượng Tú biểu tôi dắt đi đặng chỉ hết mấy sở ruộng, mấy miếng đất cho dượng coi.

– Ở nhà tôi không có nói với anh chuyện gì hay sao?

– Không. Dượng có nói chi đâu. Dượng biểu tôi đòi tá điền tá thổ, biểu tôi đo cho kỹ mấy cuộc ở trong miếng đất thổ trạch; dượng biểu tôi vậy tôi hay vậy, chớ tôi có biết chi đâu.

Hai người nói chuyện tới đó, kể Vĩnh Thái ở trên nhà trên bước xuống, mặc đồ tây coi đàng hoàng, vừa thấy Hương hào Điều thì hỏi rằng:

– Anh biên mấy cuộc ở của tá thổ đâu, anh đưa tôi coi.

Hương hào Điều lật đật rút xấp giấy trong túi mà đưa.

Vĩnh Thái liền trở lên nhà trên, lại ngồi nơi bàn viết, rồi lấy giấy viết ra mà viết. Chàng ngồi biên chép hoài cho tới chừng cơm dọn rồi, thằng Tùng lên mời, mà ý chàng cũng chưa muốn đi ăn.

Lúc ngồi ăn cơm, trong trí chàng mắc lo tính chuyện gì không biết, nên lơ lơ lửng lửng không muốn nói chuyện với vợ.

Tá điền, tá thổ rải rác kéo tới nhà, người nào cũng bước vô xá vợ chồng Vĩnh Thái rồi đứng xó rọ dựa xó cửa. Thu Hà thấy ai cũng

chào hỏi, mời ngồi rồi hối mấy đứa ở lấy trâu ăn. Còn Vĩnh Thái thì ngồi nghiêm nghị, ai xá thì gật đầu mà thôi, không thềm nói chi hết.

Ăn cơm rồi Vĩnh Thái dẫn Hương hào Điều coi chùng như ai nấy có tới đủ thì cho mình hay, rồi chàng bỏ đi lên bàn viết mà ngồi nữa.

Gần mười giờ, tá điền tá thổ mới đến đầy đủ. Vĩnh Thái ôm giấy tờ sổ sách đem lại để bàn giữa mà ngồi, biểu tá điền đứng qua một bên cho phân biệt. Hương hào Điều bước lại nói rằng:

– Mấy người tá thổ đều là tá điền hết, chớ có ai ở trong đất mà không muốn ruộng đâu.

Vĩnh Thái cười. Chàng lật sổ ra mà coi rồi kêu Phó lý Thâu biểu lại đứng ngang trước mặt mà hỏi rằng:

– Mùa rồi đây chú đóng lúa ruộng còn thiếu năm chục gia phải hôn?

– Thưa duợng, phải.

– Tôi kỳ cho chú ba ngày chú phải đem mà đóng cho tất. Nếu chú không vung lời thì tôi lên tòa đóng bạc vào đơn mà kiện rồi tôi phát mãi đồ đạc hết, lại tôi bắt mà giam thâu chú nữa đạ, nói cho chú biết.

– Thưa duợng, hôm trước tôi có bẩm với thầy Hội, tôi xin mùa tới tôi sẽ đóng. Thầy Hội bằng lòng rồi. Bây giờ duợng biểu tôi đóng, tôi còn có vài chục gia để ăn, có lúa đâu mà đóng.

– Không được. Ba tôi không có nói với tôi chuyện đó. Tôi thấy trong sổ ba tôi ghi chú còn thiếu năm chục gia thì chú phải đóng. Nếu chú cừ ngạnh, tôi bỏ tù chú, mà tôi lấy ruộng lại cho người khác mướn, không để cho chú làm nữa.

– Thưa duợng, tôi nghiệp tôi quá.

– Tôi nghiệp cái gì? Chú muốn giựt nên chú không chịu đóng cho đủ chớ. Tá điền gần một trăm người ai cũng đóng đủ hết, duy có một mìn chú nghênh ngang, chú không chịu đóng, để tôi làm cho chú coi tôi.

– Thưa duợng, duợng hỏi hết thầy bà con đây coi. Mùa rồi ruộng của ai cũng trúng hết, có một mình tôi bị chuột cắn phá nên tôi thất quá, không có đủ mà đóng lúa ruộng, chứ phải tôi dám cừ ngạnh hay sao. Thuở nay tôi nhờ thầy Hội mà no cơm ấm áo, có lẽ

nào tôi dám như vậy. Tôi làm ruộng của thầy hơn mười năm rồi, mới có năm nay rủi thất quá nên tôi mới thiếu đó.

– Hồi làm tở tá chú có giao hể lúa bị chuột cắn thì chủ điền phải bớt lúa ruộng hay không?

– Thua không. – À, còn như mùa rồi ruộng chú trúng quá, chủ điền có buộc chú đóng thêm lúa ruộng hay không?

– Thua không.

– À, phàm làm ruộng hể trúng thì nhờ, còn rủi thất mùa thì chịu, chớ chối cãi cái gì. Không biết, chú làm sao thì làm, tôi kỳ cho chú trong ba bữa phải đem năm chục gạ lúa mà đóng cho đủ. Nếu để trễ một ngày tôi cũng bỏ tù và lấy ruộng lại nữa.

– Thua duợng, xin duợng thương tôi. Thiệt tôi có biết làm sao cho có năm chục gạ lúa đóng bây giờ.

– Thì chú bán nhà bán cửa, bán đồ bán đạc, làm sao chú làm, tôi biết đâu.

Phó lý Thâu ứa nước mắt, đứng nín khe một hồi rồi than rằng:

– Bán nhà rồi nhà đâu mà ở. Còn đồ đạc trong nhà có món nào xứng đáng đâu mà bán được.

– Như không có đồ mà bán, thì dợ vợ dợ con làm sao thì làm chớ.

– Chớ phải ai chịu muốn thằng nhỏ tôi thì tôi cũng dợ nó.

– Thằng nhỏ chú được bao lớn?

– Thua, mười chín tuổi.

– Hỏi thử mấy người này có ai chịu muốn không?

Ai nấy đều nín khe, không ai chịu muốn. Vĩnh Thái trầm ngâm một hồi rồi nói với Phó lý Thâu rằng:

– Thôi, chú đem con chú lên ở với tôi mà làm công việc nhà. Chùng nào chú có năm chục gạ lúa đem đóng đủ rồi tôi sẽ cho nó về.

– Dạ.

– Sớm mai chú phải dắt nó lên đây đa, nghe hôn?

– Dạ.

Vĩnh Thái ngồi dựa ngửa lên ghế, liếc mắt ngó tá điền rồi chậm rãi nói rằng:

– Bữa nay tôi kêu mấy người tụ lại đây là vì tôi có chuyện muốn nói với mấy người. Mấy người cũng biết, thuở nay ba tôi ở với mấy người tử tế lắm. Bây giờ ba tôi buồn, ba tôi không muốn biết tới việc ruộng đất nữa, ba tôi giao hết cho tôi coi. Tôi muốn kế chỉ của ba tôi, nên tôi cũng lấy lòng nhon đức mà ở với mấy người. Mùa này tôi muốn khỏi sự thi cho một cái ơn cho mấy người chơi. Tôi nghe nói thuở nay, năm nào cũng vậy, mấy người hớt tiền lúa, chạy sấp chạy ngửa, vay đầu này hỏi đầu kia, bị người ta bó buộc ăn lời cắt hòng. Tôi làm chủ điền mà để cho tá điền tôi đi vay của người khác như vậy thì tội nghiệp cho họ mà cũng hư danh giá của tôi nữa. Ấy vậy tôi muốn mấy người lấy bạc lấy lúa của tôi mà xây dựng, chớ đừng đi hỏi của người ngoài họ cười tôi. Tôi nhứt định hễ ai muốn một trăm công đất thì tôi giúp cho hoặc năm chục đồng bạc hoặc năm chục gia lúa, tùy ý ai muốn lấy bạc thì lấy, ai muốn lấy lúa thì lấy. Như ai muốn hai trăm công thì tôi giúp số bằng hai, ai muốn ba trăm công thì giúp số bằng ba. Mấy người cũng nghĩ cho tôi, không lẽ tôi giúp vốn cho mấy người làm ăn, mà mấy người không trả tiền lời cho tôi chút đỉnh. Ở miệt này chủ điền cho tá điền vay, thì ai cũng ăn lời quá lẽ hết thảy, cho một gia lúa tới ngày họ đòi hai gia, cho một đồng tới ngày họ đòi hai đồng. Tôi nhon đức, tôi không đành cắt cổ mấy người quá như vậy đâu. Tôi định cho năm chục gia lúa, tới ngày mấy người dong vốn và lời tám chục gia mà thôi; bạc cũng vậy, hễ năm chục đồng thì tới ngày vốn và lời tám chục đồng. Vậy hễ đầu mùa mưa thì mấy người phải thay tờ tá hết thảy. Lúa ruộng thì tôi sẽ y số cũ, chớ tôi không tăng. Nhưng hễ làm tờ tá thì phải làm luôn cái giấy hỏi bạc hoặc hỏi lúa, ai muốn đất nhiều thì hỏi nhiều, ai muốn đất ít thì hỏi ít, tùy theo số đất mà làm tờ tá, và muốn lấy bạc hay lấy lúa tùy ý mình, cái đó tôi không ép. Mấy người hiểu hay không?

Mấy người tá điền dạ ran. Có ông cự Hương sư Nhân râu le thè, tóc bạc hoa râm, mặc quần lãnh đen, áo quần đông lục soạn tam công, ông bước ra nói rằng:

– Dượng ở với tá điền như vậy thì tử tế thiệt. Nhưng mà ai có thiếu thốn hoặc lúa ăn, hoặc bạc xài, thì mới lấy, còn ai không cần dùng thì thôi, chớ dượng buộc ai cũng phải hỏi bạc hoặc hỏi lúa hết hay sao?

– Hết thấy, ai cũng phải lấy.

– Như tôi không cần dùng, tôi lấy làm chi mà chịu số lời.

– Sao lại không cần dùng? Phải lấy mới được.

– Tôi không cần dùng, tôi xin không lấy. Tôi làm tới ba trăm công đất, nếu tôi phải lấy một trăm năm chục đồng bạc đem về để đó rồi tới ngày tôi phải trả tiền lời tới chín chục đồng thì oan cho tôi quá.

– Ai không chịu lấy bạc hoặc lấy lúa, thì tôi lấy đất lại, người ta bằng lòng hết, có một mình ông nhiều chuyện, ông kỳ quá. Ông không bằng lòng thì đi mượn đất ruộng khác mà làm.

Ông cự Hương sư Nhân bị rầy, ông xui lơ, không dám kêu nài nữa. Ai nấy cũng lặng lẽ không còn dám cãi.

Vĩnh Thái kêu thằng Tùng biểu rót một chén nước trà cho chàng uống rồi chàng nói tiếp rằng:

– Việc ruộng tôi nói rồi, bây giờ tôi nói qua thổ trạch. Mấy bữa rầy tôi hỏi thăm tôi mới hay thuở nay mấy người cất nhà cất cửa, trồng cây trồng cối, choán ở trong đất của ba tôi, mà không có đóng tiền chi hết. Tôi mới coi ruộng đất của ba tôi, tôi cũng không bó buộc mấy người làm chi, ngặt vì năm nay nhà nước đánh thế đất thổ trạch mắc lắm, đã thu thuế theo số sào mẫu rồi còn thu thuế nóc gia nữa. Mấy người cũng hiểu, tuy là đất thổ trạch song hồi trước ba tôi cũng xuất bạc ngàn mà mua, chớ phải ai cho không hay sao.

Nếu để dùng lập vườn mà trồng cây trái thì huê lợi cũng nhiều. Ba tôi để cho mấy người cất nhà ở, trồng rau trồng chuối mà dùng, thì ba tôi đã thất lợi rồi, bây giờ thì còn phải đóng thuế nữa, thì thiệt hại lung quá. Vậy tôi xin mấy người phải chung nhau mà chịu số thuế đó. Mà bây giờ để cho mấy người chia thuế thì cũng khó, nên tôi mới cậy anh Hương hào đi đo đạc tôi chia cho công bình, ai choán nhiều đất thì chịu nhiều, ai choán ít thì chịu ít. Đất ở Sài Gòn, Chợ Lớn người ta cho mượn mỗi một thước vuông một năm tới năm mươi đồng. Mình ở ruộng, không lẽ đòi mắc quá như vậy. Tôi định mỗi thước vuông, mấy người chịu nửa đồng xu một năm mà thôi. Mỗi người choán bao nhiêu đất, tôi đã đo và biên vào sổ rồi, chừng nào làng họ thu thuế tôi thì tôi sẽ kêu mấy người đem đóng

cho tôi, đừng tôi đóng lại cho làng. Vì sự này thuở nay không có, nên tôi phải cho mấy người hay trước.

Tá điền tá thổ đều lặng thinh, ngó nhau mà chịu. Có một người hỏi rằng:

– Thừa dượng, không biết phần tôi phải đóng chừng bao nhiêu.

– Chú tên gì?

– Tư Đồ.

Vĩnh Thái lật sổ coi rồi nói rằng:

– Chú choán tám trăm bốn chục thước. Chú phải đóng bốn đồng hai.

Tư Đồ le lưỡi lắc đầu. Vĩnh Thái nói rằng:

– Nhà chú thì nhỏ mà tại chú choán đất trồng đồ nên phải đóng nhiều chớ sao. Hôm qua tôi muốn cán đều với nhau mà chịu. Mà rồi tôi nghĩ người choán đất nhiều kẻ choán đất ít, bắt chịu đồng với nhau thì không công bình.

Vĩnh Thái xếp sổ lại rồi hỏi rằng:

– Còn mười mấy cái mả chôn ngoài ruộng phía trên đầu xóm đó, là mả của ai vậy? Đâu ai bà con với những người nằm đó thì bước ra đứng riêng một bên đây coi.

Gần hai mươi người bước ra phía tay mặt mà đứng đôn ông có, đôn bà cũng có.

Vĩnh Thái ngó mấy người mà nói rằng:

– Mấy người đắp gò mả trong ruộng, hư ruộng hết. Tôi muốn mấy người nhon mùa nắng này mà lấy cốt những mả ấy đem chôn chỗ khác.

Mấy người đều rập nhau mà nói đã chôn lỗ rồi, bây giờ lấy cốt biết đem đi đâu mà chôn.

Vĩnh Thái ngồi ngẫm nghĩ rồi nói rằng:

– Mấy người nói cũng phải. Mấy người không có đất riêng, nếu bắt lấy cốt rồi mấy người biết đem vô đất nào mà chôn. Mà để đó hoài thì thiệt hại cho tôi nhiều lắm. Vậy tôi định mỗi cái mả mỗi năm phải đóng cho tôi một đồng bạc. Không phải là tôi làm gắt, ấy là mấy người bồi thường sự thiệt hại cho tôi đó thôi. Như người nào

chê mắc, thì thông thả muốn lấy cốt đem qua đất khác mà chôn cũng được. Tôi không ép.

Ai nấy đều nói rằng:

– Đóng một đồng bạc thì đóng, chớ biết làm sao bây giờ.

Vĩnh Thái đứng dậy nói rằng:

– Tôi nói chuyện xong rồi, thôi mấy người về đi. Này, mà phải nhớ hễ đầu tháng tư này thì thay tờ tá hết thấy đa, đừng có lấy bạc lấy lúa. Để tôi mượn in sẵn tờ tá với giấy vay, đừng mấy người khỏi thất công viết.

Tá điền tá thổ cúm rúm kéo nhau ra về. Khi họ ra ngoài sân rồi, Vĩnh Thái còn kêu Phó lý Thâu mà nói với rằng:

– Phó lý Thâu, sáng mai chú phải dắt con chú lên ở đa, nghe hôn.

Phó lý Thâu dạ, mà mặt mày buồn hiu.

Vĩnh Thái vô nhà, thấy còn có một Hương hào Điều đứng đó, thì chàng và cười và bước lại vỗ vai anh ta mà nói rằng:

– Anh coi tôi tính như vậy có lợi nhiều hay khôn, hử? Anh ráng cho tôi hết lòng. Tôi sẽ thưởng công anh xứng đáng lắm. Anh cũng phải làm bộ lấy lúa vay như họ, xong tới mùa tôi không ăn lời anh đâu. Còn tiền thổ cư tôi cũng tha anh nữa, không sao đâu mà sợ.

Thu Hà từ nhỏ chí lớn hễ đi học thì thôi, chớ về nhà thì nghe những lời hiền lương, thấy những chuyện nhơn nghĩa. Vì cô sanh trưởng trong cái nhà như vậy, nên tánh cô đã không kiêu căng, mà lòng cô lại hay thương người nghèo khổ.

Thuở nay cô coi tá điền tá thổ của thầy Hội đồng cũng như bà con, ai đáng anh cô kêu anh, ai đáng chú cô kêu chú, ai đáng bác cô kêu bác. Đã vậy mà cô nghe ai thất mùa cô liền xin cha mẹ chế giảm, cô thấy ai đói rách thì cô thường lấy tiền xức lúa mà cho.

Bữa nay cô thấy chồng cho đòi tá điền tá thổ tới, cô không hiểu có việc chi, nên cô ngồi thêu dựa cửa sổ ở trong buồng mà cô lóng tai nghe chăm chỉ coi chồng nói chuyện gì. Chừng cô nghe chồng bó buộc Phó lý Thâu về năm chục gia lúa, thì cô bầy gan ứa mật, cô buông cái bàn thêu mà đứng dậy. Cô muốn bước ra ngoài mà nói với chồng rằng:

– Chú Phó thiếu lúa tôi, chứ không phải thiếu lúa của mình mà mình đòi. Tôi cho chú đa, mình không được phép mà đòi chú nữa.

Mà mới bước được vài bước rồi cô nghĩ: Chồng mình đang nói chuyện với người ta, nếu mình ra bĩ sủ, thì còn gì là thể diện của chồng mình. Hễ mình không trọng chồng mình thì thiên hạ coi chồng mình ra cóc rác gì nữa.

Cô nghĩ như vậy nên trở lại ngồi mà thêu. Mà ngồi thêu, cô nghe cái giọng giả dối của chồng nói với tá điền, cô nghe cái cách xảo trá của chồng tính mà ăn cướp dân nghèo khổ, thì cô bực mình tức giận quá, nên cô thêu không được, mà ngồi cũng không yên. Cô đứng dựa cửa buồng lóng tai mà nghe không sót một lời nói. Cô muốn bước ra mấy lần, mà lần nào cô cũng vì thể diện của chồng nên cô không nỡ.

Chùng thấy tá điền về hết, Vĩnh Thái đương vỗ vai Hương hào Điều và nói và cười, thì cô đi ra mà hỏi chồng rằng:

– Cách khai hóa của mình như vậy đó phải hôn?

Vĩnh Thái ngó vợ và cười và đáp rằng:

– Phải. Đây là về cái đoạn chấn hưng kinh tế.

– Thôi, thôi đừng có nói nữa. Tôi mắc cỡ lắm.

– Mắc cỡ cái gì?

– Tôi mắc cỡ cho mình, chứ mắc cỡ cái gì?

– Tôi làm sao mà mình mắc cỡ cho tôi?

– Hồi nào mình nói nghe êm tai lắm. Mình nói mình sẽ hy sinh tánh mạng của mình đặng đánh đổ quyền thế nhà giàu mà bình vực cho bọn nghèo nàn. Sao bây giờ mình lại khắc bạc nhà nghèo quá như vậy?

– Ủa. Người khôn thì phải tùy cơ ứng biến chứ. Gặp hồi nào làm theo hồi ấy, cái đó là lẽ tự nhiên.

– Mình đổi tánh, mình nói nghe kỳ quá.

– Con người ai mà giữ một tánh tới già được. Vậy chứ mình không nghe câu tục ngữ: Ăn theo thuở, ở theo thì, đó hay sao?

– Mình dạn nói quá.

– Sao mà dạn, sao mà nhất?

– Thôi tôi hiểu tánh ý mình rồi. Cãi làm chi cho thất công. Song tôi nói cho mình biết trước rằng tôi cho đứt chú Phó lý Thâu năm chục gia lúa đó đa, mình đừng đòi nữa, mà cũng đừng có biểu con chú lên ở. Còn tá điền ai có thiếu lúa thiếu bạc đến đây mà hỏi thì mình sẽ giùm cho người ta, ai không hỏi thì thôi, mình không nên ép. Mà giùm lúa giùm bạc thì cho mượn chớ đừng có ăn lời, tôi không chịu đâu. Tôi cũng không muốn cho mình đòi tiền thổ cư của ai hết. Cha mẹ tôi không giàu bao nhiêu, song cũng không túng đến nỗi cần sảy mà đòi tiền của người nghèo như vậy. Lại những mô mã trong ruộng đó là ba tôi cho chôn đa, mình không được phép đụng tới người khuất mặt.

Thu Hà giận nên nói tiếng nghe hằn hẹ lắm. Vĩnh Thái thấy vợ ngăn trở việc của mình làm, thì châu mày trợn mắt mà nói rằng:

– Việc của tôi làm, mình là đàn bà, mình biết gì mà xen vô.

– Phải, tôi là đàn bà, tôi không biết chi hết song tôi biết thương loài người, tôi biết thương kẻ nghèo, nếu tôi không bênh vực giúp đỡ cho người ta được thì thôi, chớ tôi không đành lợi dụng quyền thế mà bó buộc hiếp đáp người ta như mình vậy.

– Mình không hiểu, để tôi cắt nghĩa cho mình nghe. Tôi có bó buộc hiếp đáp ai đâu? Tôi lại không biết thương nhà nghèo hay sao? Nhưng mà mình làm chủ điền mình phải ở cho hằn hời, tá điền họ mới sợ. Nếu có một người cừ gan không chịu đông đủ lúa ruộng, mà mình không làm gặt, thì mấy người khác họ bắt chước họ dong thiếu hết thảy, rồi làm sao. Còn việc cho vay ấy là tôi cứu giúp họ, có cái gì đâu mà hiếp đáp. Tôi định số lời nhẹ hơn thiên hạ hết thảy, chớ phải tôi cắt cổ tá điền hay sao? Tôi đòi tiền thuế thổ cư với mô mã, là tôi đòi số tiền thiệt hại của mình lại, có bất nhon chỗ nào đâu? Chùng ba về, ba nghe mấy việc của tôi làm đây chắc là ba chịu lắm, phải hôn anh Hương hào? Tôi nói cái này cho mình biết, nếu mình muốn khai hóa nước nhà, thì trước hết mình phải làm sao cho có tá điền đã chớ. Mình phải để cho tôi làm, sao mình lại cản trở?

– Xin mình đừng có nói chuyện khai hóa nữa, tôi mắc cỡ quá. Khai hóa cái gì, mà người ta mời mua nhứt trình không chịu mua,

người ta rủ hùn nhà máy không chịu hùn, rồi bày mưu sâu kế độc đảng giết bọn nhà nghèo, mà còn dám nói khai hóa!

Thu Hà nói dứt lời liền bỏ đi xuống nhà sau, Vĩnh Thái ngó Hương hào Điều mà nói rằng:

— Anh xuống biểu sếp phơ đem xe ra rồi tôi với anh đi lên Long Xuyên chơi.

VIII.

NHÀ NGHÈO NHÌN NHÀ GIÀU

Chẳng có việc chi buồn bằng vợ chồng không hợp ý nhau. Vĩnh Thái lên xe hơi đi chơi rồi, thì Thu Hà ra nằm trên ghế xích đu mà ngó ra vườn hoa, trí lững đững lơ đờ, mắt nửa nhắm nửa mở.

Trước thềm gạch nắng dọi sáng quắc, ngoài rào cây bật gió im lìm. Con chó vàng nằm khoanh dựa cánh cửa mà ngủ, bụng thở hơi hóp; con gà cồ đi vùn vơ ngoài sân rồi đập cánh gáy ó o; Thăng Mau với thằng Tùng mỗi đứa ngồi dưới chân một cái bàn, tay cầm nùi giấy mà lau bụi.

Thu Hà nằm lim dim cho đến xế, bỗng đâu con chó vàng trong cửa nhảy xuống thềm mà sủa vang rân. Thu Hà giật mình mở mắt ngó ra sân, thì thấy Phó lý Thâu đi vô lại dắt thằng con trai đi theo nữa.

Phó lý Thâu vừa bước lên thềm, thì Thu Hà vụt hỏi rằng:

— Chú đi đâu đó chú Phó lý?

— Thưa cô, hôm tháng giêng tôi đóng lúa ruộng còn thiếu hết năm chục gạ. Tôi xin với thầy để qua mùa tới tôi sẽ đóng. Thầy cho rồi, mà bữa nay dựng hai buộc phải đóng cho đủ, bằng không thì phải đem thằng con lên ở. Năm nay tôi thất quá, có lúa đâu đủ mà đóng. Hồi sớm mai dựng dạy ngày mai phải dắt thằng con tôi lên. Tôi nghĩ nay cũng vậy mà mai cũng vậy, lại bữa nay tốt ngày nên tôi dắt phứt nó lên đảng cho nó ở với cô và dựng.

— Không. Thầy hai thầy sợ tá điền họ dễ người. Hồi sớm mai sẵn có đủ mặt thầy làm gặt với chú như vậy, đảng cho họ thấy họ

sợ, chứ bắt con chú ở mà làm gì. Ở trong nhà bạn trai thì có thằng Tùng với thằng Mau đủ rồi, còn muốn thêm chi nữa. Chú đem nó về đặng nó giúp cho chú.

Phó lý Thâu chung hửng, không biết nói sao được. Thu Hà thấy bộ anh ta lụng khụng thì cười và nói tiếp rằng:

– Tôi nói thiệt đa, chú đem nó về đi.

– Cha chả, nếu cô không cho nó ở, rồi dựng đòi lúa tôi, tôi biết lấy chi tôi đong?

– Thôi, năm nay chú thất mùa thì nhờ ông bà năm tới chú có trúng chú sẽ đong.

– Cô nhơn đúc quá! Tôi nói thiệt với cô, tôi có một mình thằng này là lớn, tôi nhờ nó lung lăm. Nếu cô dựng bắt nó ở, thì tôi cụt tay.

– Thầy hai thầy nói chơi với chú, chứ bắt nó lên ở mà làm gì.

Phó lý Thâu mừng quá, nên biểu con vô xá Thu Hà mà về. Cha con Phó lý Thâu bước ra khỏi cửa rồi, thằng Mau nói rằng:

– Cô ở tử tế với nhà nghèo quá, còn dựng gắt thần kinh. Hồi sớm mai dựng biểu thiệt đa cô, chớ không phải biểu chơi đâu.

Thu Hà cười mà đáp rằng:

– Chú Phó lý nghèo gần chết, làm gắt tội nghiệp chú, ai nỡ làm cho được.

Người có đúc hể mở miệng ra thì nói những lời hiền từ, khiến cho thằng Mau là đứa liếng xáo, mà nghe rồi nó cảm, nên nó nói rằng:

– Thiệt, ở trong làng này ai cũng phục cô hết thấy. Cô hỏi thử thằng Tùng mà coi, chớ không phải tôi nói lừa đâu.

Thu Hà giả đồ không nghe, cô đứng dậy mà đi xuống nhà dưới.

Vĩnh Thái đi chơi với Hương hào Điều đến tối mới mò về. Khi ngồi lại ăn cơm, chàng nói với vợ rằng:

– Bữa nay đi chơi mà có ích lăm. Tôi đi coi đất trên Mạc Cần Dung. Miệt trên đất hoang, coi thế còn nhiều. Để tôi xin khẩn ít trăm mẫu chơi.

Thu Hà lặng thinh mà ăn, dường như cô không muốn nghe lời chồng nói.

Sáng bữa sau, Vĩnh Thái thức dậy sớm, chàng biểu sếp phơ đem xe hơi ra cho chàng tập cầm tay bánh. Chàng tập cho tới trưa chàng mới trở về. Khi bước vô cửa chàng vụt hỏi lớn rằng:

– Phó lý Thâu có đem con lên ở không há?

Thằng Mau thưa rằng:

– Chú có dất lên hồi xế hôm qua, mà cô Hai không cho ở, nên chú dất nó về.

Vĩnh Thái nổi giận đi riết ra sau kiểm vợ mà hỏi rằng:

– Sao mình dám cãi lời tôi? Tôi biểu Phó lý Thâu đem con lên ở, sao mình đuổi về đi hử?

Thu Hà thấy chồng giận thì cô cười mà đáp rằng:

– Chú nhờ có một thằng con lớn, nếu mình bắt nó ở thì tội nghiệp chú quá. Chú có hứa với tôi để mùa tới rồi chú sẽ đong số lúa thiếu mùa này, nên tôi biểu chú dất con chú về.

– Mình ngu quá, mình dễ với tá điền đây, đổ khỏi mình bị họ lột da mình.

– Người nghèo, mình bó buộc người ta làm chi.

– Ủa, nghèo thì chịu, chớ nghèo rồi giựt của người ta như vậy hay sao? Thấy kệ, để tôi bắt làm giấy, qua mùa phải đong một trăm gia.

– Mình làm một trăm cái giấy đi nữa, cũng không có ích gì.

– Sao vậy?

– Tôi biết chẳng hề khi nào ba chịu ăn lời như vậy đâu. Cầu cho có lúa của người ta đong số thiếu đó mà thôi, ăn lời làm chi. Con mình buộc người ta làm giấy, nếu tới ngày người ta không có lúa mà đong rồi mình giết người ta hay sao.

Vĩnh Thái rùng vai ngoe nguẩy bỏ đi ra đằng trước, không thềm nói với vợ nữa. Thu Hà thấy bộ chồng như vậy thì cô đứng ngó theo, miệng chum chum cười, mà nước mắt rung rung chảy.

Lối ba giờ chiều, Vĩnh Thái ngủ trưa thức dậy tắm rửa thay đồ rồi đội nón đi tập cầm bánh xe nữa. Chàng men men đi xuống nhà xe, thấy thằng Mau đương ngồi chồm hổm mà nói chuyện với sếp phơ, chàng mới đi bét ra đứng dựa vách mà tiểu tiện và lóng

tai nghe thử coi hai đứa nói chuyện gì. Hai đứa đều ngồi day lưng ra phía ngoài cửa, nên chúng nó không thấy Vĩnh Thái. Thăng Mau hỏi sếp phơ rằng:

– Anh tập dạy Hai cầm tay lái được chưa?

– Mới tập một buổi sớm mai này mà cầm sao được. Có giỏi nào cũng phải năm bảy bữa chứ.

– Nè, anh đừng có tập. Anh tập cho được biết cầm tay bánh thì hại cho anh lắm đạ.

– Sao vậy?

– Tôi biết ý dưỡng. Hễ dưỡng biết cầm tay bánh rồi dưỡng đuổi anh liền.

– Ồi, cần gì vậy, ở chỗ này không được thì đi ở chỗ khác, thiếu gì người muốn mà lo.

– Dưỡng có hứa với anh hễ tập cho được biết cầm tay bánh rồi dưỡng cho anh bao nhiêu tiền hay không?

– Không.

– Nếu dưỡng không hứa cho tiền, thì anh mà đại gì mà dạy uổng công.

– Dưỡng là người sang trọng giàu có, hễ tập cho được xong thì tự nhiên dưỡng cho tiền chứ cần gì phải nói.

Thăng Mau trề môi lắc đầu mà nói rằng:

– Anh lầm rồi! Dưỡng không phải như cô Hai vậy đâu. Cô Hai tử tế, cô biết thương yêu nhà nghèo, cô biết xét công cho đứa ở. Dưỡng gắt gao ác độc lắm, không biết thương ai hết. Dưỡng tính việc nào thì dưỡng cũng muốn giết con nhà nghèo. Phải mà hôm qua anh nghe dưỡng nói chuyện với tá thổ thì anh mới ghê. Cô Hai tử tế, cô gặp thăng chồng gì bấp trăm quá như vậy không biết.

Thăng Mau nói tới đó, thì Vĩnh Thái bước vô động một đạp ngang hông té lăn cù. Vĩnh Thái mắng rằng:

– Quân chó đẻ, cho ăn ngạt mặt còn nói lén chủ nhà. Tao đánh chết cha mày cho mày coi tao.

Vĩnh Thái và nói và nắm đầu thăng Mau mà kéo dậy, rồi tay thì thoi, chơn thì đá, làm cho thăng nọ sung mặt sặc máu mũi.

Thằng Mau muốn chạy, nhưng bị nắm đầu nên không thể chạy được, nó muốn la nhưng sợ bị đánh nữa nên không dám la.

Vĩnh Thái đánh thằng Mau rất lâu, thằng nọ cứ ôm mặt đưa đầu mà chịu, chớ không dám chống cự chi hết, song Vĩnh Thái lúc ấy cũng như con chó điên, không biết thương xót người đồng loại, chẳng thèm xét những lời chúng nói hành mình đó hữu lý hay vô lý, chàng cứ đánh đập hoài, đánh cho đến chừng vợ hay, vợ chạy xuống mà kéo chàng ra rồi dắt chàng đi lên nhà trên chàng mới thôi. Mà khi đi theo vợ, chàng còn day mặt lại và đưa tay hăm thằng Mau rằng:

– Để rồi mày coi tao. Tao không hại mày được thì tao không phải là con người, nói cho mày biết.

Thu Hà dắt chồng lên tới nhà trên rồi cô nói rằng:

– Có việc gì thì thủng thẳng mà nói, làm giống gì đánh người ta dữ quá vậy?

– Tôi làm cho nó chết tôi mới nghe! Thứ đây tớ nói hành chủ nhà mà biểu đừng đánh sau được?

– Nó khờ dại thì mình rầy nó, chớ đánh đập làm chi?

– Đã hai mươi một tuổi rồi còn khờ dại gì nữa? Nó khôn hơn mình nữa chớ, đừng có nói nó dại.

– Nó có tật liếng xáo hay nói bậy nói bạ, hơi nào mà giận nó.

– Thì nó nói bậy mới đánh.

– Mình sao ham đánh người ta quá! Ai đánh mình như vậy mình biết đau hay không, sao mình nỡ đánh người ta.

– Tôi làm việc gì mình của bác bẻ hết thảy. Thế khi mình khôn mình giỏi hơn tôi lắm hay sao không biết?

– Tôi nói phải quấy cho mình nghe, chớ có bác bẻ chi đâu. Mình nói như vậy, thôi mình giết chết người ta cho hết đi, tôi không nói nữa đâu.

Thu Hà đi vô buồng kiểm đồ mà may. Vĩnh Thái chấp tay sau đít đi qua đi lại trước hiên, bộ mặt hầm hừ, coi thế chàng còn giận hung lắm.

Thằng Mau bị đánh sưng mặt sưng mình, lại miệng mũi đều chảy máu, nên nằm ngổng trong nhà xe mà rên. Bọn nhà nghèo thương hay thương nhau. Sếp phơ lấy khăn đem nhúng nước mà lau máu cho thằng Mau, rồi lại kiểm dầu Từ bi mà thoa mấy chỗ sưng, mấy chỗ bầm.

Thằng Mau nghe Vĩnh Thái hăm thì nó sợ bị đánh nữa, nên lần đi ra sau vườn chuối, lựa mấy bụi rậm mà trốn.

Đến chiều, Thu Hà lén đưa cho thằng Tùng một đồng bạc và biểu nó kiểm coi thằng Mau nằm đâu mà săn sóc giùm nó và mua thuốc cho nó uống. Thằng Tùng đi kiểm cùng nhà xe, nhà vợ, nhà bếp, nhà gà,, mà không gặp, hỏi thăm sếp phơ, sếp phơ cũng không biết ở đâu mà chỉ. Thằng Mau núp ngoài vườn chuối nghe tiếng trong nhà kiểm mình, tưởng Vĩnh Thái sai kiểm đặng đánh nữa, bởi vậy nó sợ quá, tối lại nó vén vạch rào chun phía sau mà ra ruộng rồi lẩn mò đi về nhà cha nó là Hai Sủ ở làng Vĩnh Trinh.

Ông Hai Sủ tuổi đã gần sáu mươi, hai vợ chồng sanh có hai thằng con trai mà thôi, thằng lớn tên Chậm, nó đã có vợ có con, nó ở chung với ông mà làm ba chục công đất mướn; còn thằng Mau là nhỏ, thì ông cho nó ở với thầy Hội đồng Chánh, mỗi năm thầy Hội đồng cho tiền công ba chục đồng bạc.

Đêm ấy trong nhà đều ngủ hết, thỉnh thoảng nghe tiếng vỗ cửa mà kêu rằng:

– Anh Hai ơi, anh Hai mở giùm cửa cho tôi vô chút anh Hai.

Ông Hai Sủ đã trọng tuổi nên ông ngủ sẽ thức. Ông vừa nghe tiếng kêu thì ông hỏi rằng:

– Đứa nào kêu chi đó?

Ở ngoài có tiếng đáp lại:

– Tôi là thằng Mau. Mở cửa dùm chút tía.

Ông Hai Sủ và đi thăm lại mở cửa và hỏi rằng:

– Về chi chừng này nè?

Thằng Mau không trả lời, nó đợi cha nó mở cửa rồi nó chun vô. Ông Hai Sủ kêu thằng Chậm mà hỏi hột quẹt đặng đốt đèn, ông nói um làm cho bà và vợ chồng thằng Chậm cà sấp con nhỏ của nó đều thức dậy hết cả.

Chùng đốt đèn lên rồi ông Hai Sứ lại hỏi con về làm chi nửa đêm. Thăng Mau khóc mà nói rằng:

– Dương Hai đánh tôi lung quá, bây giờ trong mình tôi đau cùng hết. Dương lại hăm dưỡng giết tôi chết, nên tôi sợ tôi trốn về đây.

Ông Hai Sứ chau mày nói rằng:

– Mình ở với người ta thì làm công chuyện cho người ta, ai biểu biếng nhác làm chi cho người ta đánh. Ăn đồng tiền của người ta có phải để gì hay sao nên lấp lửng.

Thăng Mau ngồi ghé trên đầu ván mà khóc không nói nữa.

Anh nó bung chong đèn đem lại gần, thấy áo nó dính máu thì thất kinh hỏi rằng:

– Đánh bằng cái gì mà có dính máu đây nè?

– Bà Hai Sứ nghe nói lật dật chạy lại coi, bà thấy con bà mặt mày sung vù, mình mẩy chỗ u chỗ bầm thì bà ứa nước mắt. Bà rờ con mà nói rằng:

– Đánh như vậy thì chết người ta còn gì! Bây giờ con đau chỗ nào đâu con?

Thăng Mau rờ ngực rồi chống tay bên hông tả mà nói rằng:

– Cái ngực tức quá mà bên hông đây cũng đau nữa.

Bà Hai Sứ biểu con nằm xuống mà nghỉ. Bà ngồi khoanh tay một bên nó, bà cứ ngó con mà thở ra, đau đốn trong lòng quá nên không biết sao mà nói. Ngọn đèn leo lét, trong nhà im lìm, chỉ nghe tiếng thẩn lẩn chắt lưỡi với tiếng thăng Mau rên nho nhỏ mà thôi. Thành linh thăng Châm cất tiếng nói rằng:

– Quân có tiếng nó ỷ quá, coi mạng người như con chó. Để thăng Mau nó chết đây rồi coi tao.

Ông Hai Sứ day lại ngó con mà nói rằng:

– Đừng có nói bậy mà mịch lòng thầy Hội đồng.

– Tôi có nói thầy Hội đồng đâu mà tía sợ mịch lòng. Cha chả, đến nỗi này mà còn sợ mịch lòng gì nữa.

– Thầy Hội đồng ở tử tế lắm.

– Phải, thầy ở tử tế mà rể thầy ỷ quá như vậy sau được.

– Tại thấy đi khỏi chó. Mà chắc là cũng tại thằng Mau làm sao đó nên dưỡng Hai dưỡng giận, chó có lẽ nào khi không mà dưỡng đánh nó. Thôi, để sáng mai tao dắt nó ra đặng nó lay mà xin lỗi dưỡng. Đã lấy tiền của người ta rồi, thì phải gắng công mà ở cho đủ ngày đủ tháng, nửa chừng mà tháo trút như vậy sao được, ở tù chó phải chơi đâu.

– Tôi dóa quá! Đồ ăn chục com của vợ mà còn làm phách nữa. Thằng Mau ở với thầy Hội đồng, chó nó ở với dưỡng hay sao mà dưỡng được phép đánh nó.

– Dưỡng là con rể, sao dưỡng đánh lại không được. Đừng có nói lếu mà mịch lòng cô Hai. Cô Hai cổ cũng tử tế lắm.

Thằng Chậm bỏ đi lại vờng mà nằm và nói lảm bầm rằng:

– Ở ác lắm, có bữa chúng đâm chết, đổ khỏi.

– Mày nói giống gì đó?

– Chó tía không có nghe hay sao? Mấy bữa rầy tá điền của thầy Hội đồng họ kêu rêu quá.

– Kêu rêu giống gì?

– Thầy Hội đồng đi chơi, giao ruộng cho rể thầy coi, ở nhà rể thầy bó buộc tá điền tá thổ quá, muốn đào mồ cuốc mả ông bà người ta, nên họ kêu rêu, chó kêu rêu giống gì.

– Ối. Chuyện của người ta ăn thua gì với mày mà mày nói. Mày đủ sức chống cự với người ta hay không? Nói bậy nói bạ rồi mang họa đa. Phận mình nghèo thì lo làm ăn, ráng ít tháng nữa thằng Mau nó ở đủ rồi, tao đem nó về, tao muốn thêm ít chục công đất của bà chủ Diện cho nó mần một vài năm, may có dư chút đỉnh rồi lo vợ cho nó. Năm nay nó đã hai mươi một tuổi rồi. Phận mày đã xong bây giờ phải lo cho nó chó.

Đứa con nhỏ của thằng Chậm đương ngủ trong buồn vùng ré khóc vang rân. Vợ thằng Chậm phải hát ra rít mà dỗ nó.

Cái chong đèn hết dầu nên lu lẩn lẩn, ông Hai Sủu sợ tắt, mới biểu Chậm đi gài cửa rồi còn ngủ. Thằng Mau cũng nằm rên hoài, mà bà Hai Sủu cũng ngồi khoanh tay một bên con. Tuy đèn tắt, trong nhà tối om, song nước mắt của bà cũng cứ chảy ra hoài, không ráo được.

IX. NHÀ GIÀU HẠI NHÀ NGHÈO

Vừa mới tảng sáng thì ông Hai Sửu đã hối con dâu nấu com cho ông ăn đặng ông ra xóm.

Thằng Mau tuy còn tức cái ngực và rêm cùng mình hết, song mẹ nó ép quá nên nó phải ráng ngồi dậy mà ăn một chén com.

Ăn com rồi, ông Hai Sửu biểu thằng Mau đi với ông ra nhà thầy Hội đồng đặng lạy Vĩnh Thái mà xin lỗi. Thằng Mau lắc đầu nói rằng:

– Tôi đau mà đi giống gì được. Tía ra ngoài tía nói sao tía nói. Chùng nào thầy Hội đồng về tôi sẽ ra tôi ở, chớ bây giờ tôi ra dưỡng Hai dưỡng đánh tôi chết.

Bà Hai Sửu cũng nói tiếp rằng:

– Con nó bị đánh, bây giờ nó đau, mà ông biểu nó đi đâu. Để nó ở nhà đặng kiểm thuốc men cho nó uống chớ. Ông ra thưa với cô Hai mà xin phép cho nó nghỉ ít bữa.

Ông Hai Sửu nghe vợ con nói như vậy thì ông không biểu con đi nữa. Ông lấy cây dù cán tre mà cặp trong nách rồi đi ra một mình. Ra tới nhà thầy Hội đồng, ông vừa bước vô sân thì thấy cái xe hơi đậu đó. Ông vô tới thêm lại gặp Vĩnh Thái đội nón đi ra. Ông lệt khấn xá Vĩnh Thái mà nói rằng:

Thưa dưỡng Hai, hôm qua dưỡng đánh thằng nhỏ tôi, rồi nó sợ nên nó trốn về trong tôi. Tôi tính dắt nó ra đặng nó lạy mà xin lỗi dưỡng, ngặt vì nó đau bụng, nó đi không được, nên tôi ra xin dưỡng làm phước cho nó nghỉ ít bữa đặng nó dưỡng bệnh. Chùng nào nó mạnh rồi tôi sẽ đem nó ra ở.

Vĩnh Thái ngó ngang ông nọ mà hỏi rằng:

– Chú là cha của thằng Mau phải hôn?

– Thưa phải.

– Nó ở đâu bây giờ?

– Thưa, nó về trong nhà tôi.

– Chú về nói cho nó biết, tôi không muốn thấy cái bản mặt của nó nữa. Hễ tôi gặp nó thì tôi đánh nó chết. Chú phải về chạy cho đủ ba chục đồng bạc đem trả lại đây cho mau, nếu không có thì tôi làm nó ở tù đa, nói cho chú biết.

– Thưa duợng, tội nghiệp tôi quá, tôi nghèo mà tiền bạc đâu có...

– Thầy kệ, làm sao thì làm không biết. Tôi kỳ cho chú ba ngày, nếu không có đủ ba chục đồng bạc thì chú coi tôi.

Vĩnh Thái và nói và leo lên xe hơi mà đi. Ông Hai Sủu ngẩn ngơ, đứng ngó theo, không biết liệu làm sao được. Ông còn ôm cây dù rách, nắm cái khăn rằn đứng xó rớ dưới thềm, bỗng nghe tiếng Thu Hà ở trong nhà kêu ông mà biểu rằng:

– Ông Hai, ông đi đâu đó? Vô đây đặng tôi hỏi chút coi nào.

Ông cóm róm bước lên thềm rồi vô đứng dựa cửa. Thu Hà mời ông ngồi và hỏi rằng:

– Thăng Mau nó có về trong nhà ông hay không?

– Thưa có.

– Thăng đại quá. Hôm qua nó nói bậy nói bạ làm cho thầy Hai thấy giận thấy đánh nó. Ông phải răn dạy nó, đừng có để nó đại như vậy nữa. Nó về trống, nó có nói với ông tại sao mà nó bị đòn hay không?

– Thưa không. Nó cứ nằm rên hoài, nó có làm việc gì được ở đâu. Mà tôi cũng không thềm hỏi mà chi, tại nó đại nên nó mới bị đòn, chớ giống gì đó mà hỏi.

– Sao mà nó rên.

– Mặt mày nó sung chù vù, mình mẩy nó bầm đen, mà nó lại nói nó lói trên ngực, với đau cái hông nữa.

– Ông kiểm dầu kiểm thuốc rượu mà thoa bóp cho nó. Ông hốt vài thang thuốc bắc cho nó uống nữa, nghe hôn.

– Dạ.

Thu Hà móc túi lấy ra mười đồng bạc mà đưa cho ông Hai Sủu và tiếp rằng:

– Đây nè, ông lấy tiền đây đem về hốt thuốc cho nó uống, ít bữa nó mạnh rồi ông ra nói cho tôi hay.

Ông Hai Sứ chung hứng, ông cầm hai tấm giấy năm đồng đúng lo le một hồi rồi nói rằng:

– Thưa cô Hai, cô thương thằng nhỏ tôi nên cô cho tiền, thiệt tôi đội ơn cô nhiều quá. Mà hồi nãy duợng Hai biểu tôi thối đủ ba chục đồng bạc lại... Tôi không biết làm sao.

– Thối bạc gì?

– Duợng Hai nói duợng không cho nó ở nữa, nên phải đem bạc trả lại.

– Ồi, thầy hai thấy giận nó nên thầy nói như vậy, không sao đâu, ông đừng có lo. Ông về kiếm thuốc cho nó uống, ít bữa nó mạnh rồi ông biểu nó ra ở lại.

– Thưa, duợng Hai duợng nói duợng ghét nó lắm, hễ duợng thấy mặt nó thì duợng đánh nó chết.

Thu Hà đứng suy nghĩ một giây lâu rồi cô nói rằng:

– Thôi, mà dầu cho nó có mạnh rồi ông cũng biểu nó ở trống mà chờ chừng nào ba tôi về rồi nó sẽ trở ra ở lại.

Ông Hai Sứ xá Thu Hà mà về. Chừng về tới nhà, ông thuật chuyện lại cho vợ con nghe, ông khen ngợi cảm mến cái lòng khoan nhom của Thu Hà hoài.

Ông đưa cho thằng Chậm một cái giấy năm đồng mà biểu nó đi hốt thuốc cho thằng Mau uống. Ông lại nói rằng:

– Mấy thấy hôn? Tao nói cô Hai tử tế lắm. Đừng có nói bậy nữa, cổ nghe cổ giận, nghe hôn.

Trong ba bốn ngày kể đó, Vĩnh Thái mắc lo kiếm đất trên phía Mặc Cần Dung mà mua, nên chàng quên lửng việc thằng Mau. Một bữa nọ, chàng đi về, chàng sực nhớ lại bèn kêu vợ mà hỏi rằng:

– Hôm nay tôi mắc đi hoài. Vậy chớ cha thằng Mau có đem ba chục đồng bạc mà thối lại hay không vậy mình?

Thu Hà bước ra hỏi rằng:

– Bạc gì mà thối?

– Nó ở một năm ba chục đồng. Bạc nó lãnh trước rồi, có làm giấy tờ hẳn hoi. Bây giờ nó trốn không chịu ở nữa, thì nhon hủy công, ngân hủy lợi, nó phải đem số bạc mà thối lại, chớ bạc gì.

– Ông Hai Sủu ổng nghèo quá, tiền đâu mà thối.

– Ủa! Nói nó nghèo rồi bây giờ mình bỏ tiền mình hay sao?

– Tại mình đánh nó gần chết, rồi mình còn hăm he nó nữa, nên nó sợ nó về trống, chớ phải khi không mà nó tháo trút hay sao nên mình đòi tiền lại.

– Hồng biết! Nó phải đem đủ ba chục đồng bạc mà trả lại đây, nếu không có thì nó sẽ coi.

– Đánh người ta gần chết mà còn đòi tiền lại nữa.

– Chùng nào nó chết tôi mới chịu bỏ số bạc đó, chớ nó còn sống thì nó phải thối đủ, nếu cừ ngạnh thì tôi làm ở tù.

– Mình đánh nó bây giờ nó đau, nên tôi cho phép tía nó đem về mà chạy thuốc cho nó. Chùng nào nó mạnh thì sẽ ra ở nữa, thối bạc làm chi?

– Tôi không muốn cho nó bước chum tới nhà này nữa.

– Không muốn thì thôi. Đuổi người ta mà còn buộc thối bạc nổi gì?

– Ừ, để rồi coi.

Vĩnh Thái bỏ đi ra ngoài sân, không thèm nói chuyện với vợ nữa. Tối lại chàng viết một tờ có khai rằng thằng Mau có làm giấy ở một năm ba chục đồng bạc, lãnh trước tất số rồi, mà nó ở mới tám tháng rồi nó trốn, lại ăn cắp một cái đồng hồ vàng giá đáng một trăm hai chục đồng, một bộ đồ mát bằng lụa trắng giá đáng mười đồng với một cái nón nỉ xám giá tám đồng ruỡi.

Sáng này chàng bắt Hương hào Điều với thằng Tùng đứng chúng, rồi biểu Hương hào Điều đem cho Hương quản và Xã trưởng thị nhận đăng chạy tờ đến cho quan Biện lý.

Cách mười bữa, Vĩnh Thái nghe người trong xóm nói có gặp thằng Mau đi chơi, chàng biết nó đã mạnh rồi, nên chàng viết một lá đơn bằng chữ Tây, ghim tờ có theo, rồi đem đến hầu quan Biện lý mà xin bắt thằng Mau trốn ở tại nhà cha nó ở làng Vĩnh Trinh. Quan Biện lý thấy tờ có có làng thị nhận đủ phép, bèn xuất trát cho Hương quản làng Vĩnh Trinh bắt tên Mau mà giải nạp.

Vì có lời của Thu Hà dặn, nên cha con ông Hai Sửu vững bụng không lo sợ chi hết; tuy thằng Mau uống thuốc lạnh mạnh rồi, song nó cũng cứ ở nhà chờ chừng nào thầy Hội đồng về rồi nó sẽ lạy mà xin ở lại.

Còn Thu Hà cũng tưởng chồng giận thằng Mau nên hăm he như vậy rồi bỏ qua, chớ không bó buộc đầy tớ của cha mình, nàng không dè chàng lập mưu gian kế độc mà hại cho nó ở tù.

Bữa nọ ăn cơm sớm mai vừa rồi, vợ chồng Vĩnh Thái đang ngồi phía trước mà chơi, thỉnh thoảng ông Hai Sửu chạy a vô và khóc và nói rằng.

– Tội nghiệp con tôi lắm cô dưỡng ôi! Không biết cô dưỡng thua làm sao mà trất tòa dạy Hương quản bắt chồng con tôi mà giải đi rồi. Thiệt nếu con tôi ở tù thì chắc vợ chồng tôi chết. Xin cô dưỡng làm phúc cứu giúp dùm nó tội nghiệp.

Thu Hà chung hững ngó chồng mà nói rằng:

– Ai mà thua kiện nó hồi nào đâu? Mình có thua thằng Mau trên tòa về việc gì hay sao?

Vĩnh Thái cười gằn và gục gặc đầu mà nói rằng:

– Biết đâu, thì để giải nó lên tòa coi quan Biện lý nói làm sao rồi sẽ biết mà.

Ông Hai Sửu cóm róm khoanh tay đứng dựa cửa nghe Vĩnh Thái nói như vậy, ông mới nói rằng:

– Hồi này Hương quản bắt nó, Hương quản có nói nó bị dưỡng Hai cáo nó về tội ăn trộm và sang đoạt. Tội nghiệp quá! Xin dưỡng thương, nó có ăn trộm sang đoạt vật gì của cô dưỡng đâu.

Thu Hà châu mày ngó chồng, sắc mặt cô giận lắm. Còn Vĩnh Thái thì hớn hở như thường, chàng chum chim cười và nói rằng:

– Nó có ăn trộm, có sang đoạt hay không, thì đợi đến giữa tòa rồi sẽ biết, chú cãi chỗ này có ích gì đâu. Tôi có nói trước cho chú biết, tại chú khi dễ tôi, chú tưởng tôi nói phách chớ không làm gì đến con chú được, thì bây giờ chú phải chịu, chớ tội nghiệp nỗi gì kia.

Ông Hai Sửu đứng khóc, chớ không còn lời nào nói nữa. Thu Hà hiểu rồi, cô biết tại chồng cô lên tòa cáo báo sao đó, nên quan Biện lý mới dạy bắt thằng Mau, bởi vậy trong lòng cô khinh bỉ chồng

vô cùng, nhưng vì ông Hai Sủu đúng đó, cô không thể lộ cái sự bất bình của cô ra được, cô phải dần lòng mà nói rất dịu ngọt với ông Hai Sủu rằng:

– Thôi, ông về đi, quan có bắt thằng Mau thì bắt, chớ không hại chi đâu mà sợ. Nó ở với ba tôi, ba tôi đi khỏi, nó ở nhà làm quấy cách nào đi nữa thì vợ chồng tôi cũng đợi ba tôi về rồi sẽ hay, chớ không lẽ vợ chồng tôi giết nó đâu mà ông sợ.

Ông Hai Sủu cúi đầu lạy nữa, ông vừa lạy và nói:

– Xin cô dưỡng thương giùm nó kéo tội nghiệp. Nó có tính liếng xáo chớ không khi nào gian giảo. Hôm nay nó mạnh rồi tôi muốn dắt nó ra đặng nó lạy cô dưỡng mà ở lại. Tại nó sợ dưỡng nó giận, dưỡng đánh nó nữa, lại cô cũng có biểu thôi, để chừng nào thấy Hội đồng về rồi nó sẽ ra, nên tôi mới để nó ở nhà.

Thu Hà khoát tay biểu ông nọ đi về, để đó cho cô tính, bởi vậy ông xá vợ chồng Vĩnh Thái rồi lau nước mắt mà bước ra cửa.

Thu Hà ngồi đợi ông Hai Sủu ra khỏi sân rồi cô mới hỏi chồng rằng:

– Mình thua thằng Mau trên tòa, mình nói làm sao mà quan bắt nó đó?

– Việc tôi làm, mình không cần gì hỏi.

– Phải, việc của mình tôi không cần biết làm gì mà việc này không phải là việc của mình, thằng Mau là đứa bạn của ba, dầu nó có quấy cho mấy đi nữa, thì mình cũng phải chờ ba về rồi mình thưa cho ba hay đặng ba liệu định, chớ sao ở nhà mình tự lệnh mà hại nó?

– Ba giao cho tôi cai quản việc nhà. Tôi có đủ quyền mà làm việc, có cần gì mà đợi ba đâu.

– Dầu ba giao cho mình cai quản việc nhà đi nữa, mình lại làm như vậy hay sao?

– Đầy tớ nó khi dễ tôi, mình không cho tôi trừng trị nó hay sao hở?

– Dầu có trừng trị thì trừng trị bằng cách nào, chớ mình đánh người ta gần chết, rồi kiếm chuyện cáo gian cho người ta ở tù nữa,

tôi nín làm sao cho được. Thằng Mau nó lấy của mình vật gì, nó giựt của mình bao nhiêu, mà mình cáo nó ăn trộm và sang đoạt?

– Nó ngay hay là gian để chùng tòa xử rồi sẽ biết.

– Mình làm cho người ta ở tù, có lợi gì cho mình hay sao, mà mình hăm hăm dữ vậy?

– Hễ ai khinh khi tôi thì tôi giết hết cả.

– Mình nói chi những tiếng độc ác như vậy? Hồi nào mình nói mình ghét những bọn giàu sang ỷ thế mà húng hiếp nhà nghèo, mình quyết hy sinh tánh mạng của mình đặng bênh vực hạng người nghèo khổ, sao bây giờ mình làm việc gì, mình nói tiếng gì, mình cũng cố ý muốn giết bọn nhà nghèo vậy?

– Ô, hồi trước khác, bây giờ khác chớ?

– Khác là sao?

– Mình thuộc trong hạng người nào, mình phải bênh quyền lợi cho hạng người nấy chớ sao?

– Mình nói sao đó, tôi hiểu ý chưa rõ. Có phải mình nói hồi trước mình nghèo, nên mình phải bênh nhà nghèo mà ghét nhà giàu. Rồi bây giờ mình giàu, nên mình bênh nhà giàu mà ghét nhà nghèo hay không?

– Phải. Ấy là lẽ tất nhiên.

Thu Hà vừa nghe nói mấy lời, thì cô liền đứng dậy ngó ngang chồng mà nói rất nghiêm chỉnh rằng: – Bây giờ tôi mới biết chắc mình là một người vô lương tâm, mình là một chú bọm bãi mượn hai chữ "ái quốc" để ngoài chót lưỡi mà kiếm gạo.

Cô nói dứt lời, cô bỏ đi riết xuống nhà sau, ngoài mặt thì buồn, còn trong lòng thì khinh bỉ chồng vô cùng. Có lẽ Vĩnh Thái mắc cỡ hay sao, mà chàng ngồi nín khe, không dám nói lại một tiếng nào nữa hết.

Tối bữa đó, Thu Hà buộc chồng phải lên tòa mà xin rút đơn ra và xin thả thằng Mau. Vĩnh Thái dục dặc không chịu nghe lời. Thu Hà nói rằng nếu không làm y theo lời cô biểu, thì cô sẽ lên quan Biện lý mà kêu oan cho thằng Mau. Vĩnh Thái sợ vợ lên tòa nói lời thôi rồi lời sự cáo gian của mình, nên cực chẳng đã chàng phải chịu.

Sáng bữa sau, Vĩnh Thái lên tòa. Tuy không phải chàng hết giận thằng Mau, chàng đi đây là vì sợ mang tiếng mà phải đi, song lên tòa chàng thiệt hết lòng mà xin bãi nại. Ngặt vì quan Biện lý không cho, ngài nói rằng thằng Mau bị phạm luật hình, quyền buộc tội về ngài chứ không phải về tài chủ, bởi vậy Vĩnh Thái trở về mặt mày buồn hiu. Chàng thuật những lời quan Biện lý lại cho vợ nghe. Thu Hà không tin Vĩnh Thái phải thể nhiều tiếng rất nặng nề, chàng lại hứa rằng để đến bữa tòa xử chàng sẽ kiếm thế mà gỡ tội cho thằng Mau, chớ chàng không buộc nó nữa.

Vì sợ mang tiếng với đời, mà cũng vì sợ trái đạo làm vợ, nên Thu Hà phải dằn lòng làm lảng nhưng mà sự khinh bỉ chồng là một người giả dối, là một người độc ác, thì không thể nào bớt được. Vì là chồng, nên cô phải ép mình mà ăn chung một mâm, ở chung một nhà, song ăn thì ăn, ở thì ở, và trước mặt tôi tớ thì cô làm bộ kính trọng chồng, còn riêng trong trí cô thì chồng không bằng mấy đứa ở đợ.

Cách ít ngày có trát tòa đòi Vĩnh Thái hầu, đăng tòa xử vụ tên Mau. Đến bữa đi hầu, Thu Hà đòi đi theo. Vĩnh Thái sợ vợ nghe những điều cáo gian trong đơn của chàng, rồi bất bình mà nói vậy giữa tòa thì mình có tội, nên chàng năn nỉ với vợ, xin vợ ở nhà, chàng lại hứa bướng rằng thế nào chàng cũng xin cho thằng Mau khỏi ở tù.

Thu Hà tuy khinh bỉ chồng, song không có lòng làm nhục chồng. Ban đầu cô muốn đi theo lên tòa đăng lóng tai nghe coi như chồng không nhiệt tình, chồng còn khai gian mà hại thằng Mau, thì cô sẽ đối nại mà cứu nó. Mà rồi cô nghĩ hể nín không được, cô nói ra thì còn gì chồng, dầu tòa không buộc chồng về tội đánh thằng Mau có thương tích và tội cáo gian cho nó đi nữa, thì chồng cũng mất thể diện với thiên hạ; cô là vợ mà cô khai tội ác của chồng trước mặt công chúng thì ai coi cô ra gì. Bởi cô nghĩ như vậy nên cô không đòi đi theo nữa.

Vĩnh Thái đi hầu đến trưa chàng mới về. Thu Hà nghe tiếng xe hơi vô sân, cô bước ra có ý muốn biết coi tòa có tha thằng Mau hay không. Vĩnh Thái thấy vợ thì cười ngỏn ngổn và nói rằng:

— Tôi xin hết sức mà không được. Tòa kêu án nó bốn tháng tù.

Thu Hà châu mày đáp rằng:

– Nó vô tội mà lập mưu hại nó như vậy, coi mình độc ác là đường nào?

– Tôi xin không được, tại tòa kêu án nó, chớ phải tại tôi hay sao?

– Dầu bữa nay mình có xin cho nó đi nữa, mình cũng không chuộc cái tội ác của mình được. Tôi sợ e mình không khỏi cái quả báo này đâu.

– Hừ, quả báo cái gì? Nó khinh khi tôi thì nó phải ở tù. Có vậy nó mới tồn.

– Nó đại nó nói bậy, thì mình đã đánh nó gần chết rồi, chưa vừa hay sao?

– Tôi không hiểu tại sao mà mình bênh thằng Mau quá.

– Phải. Tôi bênh thằng Mau. Tôi bênh nó là vì nó vô tội. Duy có hạng người giả dối độc ác như mình đó thì mới không biết thương ai hết, cứ kiếm chuyện mà chặt đầu lột da người ta, biết hôn?

Vĩnh Thái rùng vai bỏ đi thay áo. Thu Hà ngó theo chồng, cô giận lung lắm.

Đến xế hai vợ chồng ông Hai Sửu dắt nhau ra kiếm Thu Hà mà khóc kể nỗi oan của con. Thu Hà đã động lòng mà lại bối rối, cô không biết liệu phương nào mà làm cho hai vợ chồng ông Hai Sửu bớt buồn, cô mới mở tủ lấy một trăm đồng bạc mà đưa cho và nói rằng:

– Việc đã lỡ rồi. Thôi, hai ông bà đừng có buồn, ở bốn tháng tù cũng không chết đâu mà sợ. Ai ngay ai gian có trời đất làm chứng cho. Vì nó ở với ba tôi nên nó mang hại đó. Vậy tôi cho ông bà một trăm đồng bạc mà thường bốn tháng tù đó.

Hai vợ chồng ông Hai Sửu lấy bạc đi về, mà cũng không hết khóc.

X. CHA TRÁCH CON

Một cô thiếu nữ, có sắc có hạnh, có học thức ít nhiều, có lòng thương nòi giống, mà cha mẹ lại giàu có nữa. Làm người mà được như vậy, thì sự vui sướng đã thấy trước mắt, có ai dám đoán một ngày kia phải chịu khổ não bao giờ.

Tội nghiệp cho Thu Hà! Cô thấy vui sướng mà rồi cô không được hưởng! Cô tưởng là khỏi khổ nữa, té ra bây giờ cô phải mang.

Khi chồng mới đi nói, cô vui mừng không biết chừng nào. Chẳng những là cô vui mừng được lấy chồng học giỏi mà thôi, cô lại còn vui mừng được kết nghĩa trăm năm với một người biết thương nước thương dân, biết lo bênh vực bọn yếu hèn, không chịu lòn cúi mà mua danh chắc lợi. Hỡi ôi! Sự vui mừng của cô đó mau tan cũng như bọt nước, mau rã cũng như mù dương. Người chồng mà cô quyết kính trọng trọn đời đó, bây giờ cô mới hay nó là một đứa bọm bải rất độc ác, nó đã không biết thương ai, nó đã không biết bênh ai, mà nó lại còn giả dối hung bạo hơn bọn tá điền của cô hết thảy. Mà người chồng ấy cô phải ăn ở với nó cho đến mãn đời, cô phải vâng theo ý nó luôn luôn, nếu cô bứt dây cương thường thì cô mang tiếng lộn chồng, nếu cô nặng lời phản đối thì cô mang tiếng vợ妒! Tình cảnh như thế, còn gì mà mong vui sướng. Căn số như thế, làm sao mà không sầu não.

Người ta buồn, người ta còn có chị em để phân trần than thở, may cũng có thế mà khuây lảng được chút đỉnh. Thảm thay! Thu Hà không còn mẹ cũng không có chị em, cái khổ tâm này biết tỏ với ai, biết cùng ai mà than thân trách phận. Mà tỏ làm gì, than làm gì. Mình tỏ cử chỉ dè tiện của chồng cho người khác biết, thì mình lại tốt gì? Mình than thân mình vô duyên vô phúc với ai khác, rồi họ làm cho mình hết sầu hết thảm được hay sao?

Bởi Thu Hà nghĩ như vậy, nên cô ôm sầu ấp thảm ở trong lòng, chỉ ban đêm cô úp mặt lên gối mà khóc thầm đó thôi chứ không có nói một tiếng gì, hoặc làm việc gì tỏ ý khinh bỉ chồng cho tới tở hoặc tá điền thấy được.

Từ này cô coi cái thân cô cũng như khúc cây, ăn ở với chồng mà không có tình nghĩa chi hết. Từ này cô coi chồng cô cũng như không có, cô muốn tính việc gì tự ý cô, chồng muốn làm việc gì tự ý chồng, cô không bàn luận, cô không khuyên giải chuyện gì hết. Vĩnh Thái thấy vợ không cãi lẽ về chuyện của chàng làm nữa, thì chàng phần chí quyết sẽ thi hành cái chủ nghĩa chán hưng kinh tế của chàng. Thu Hà không thềm nói tới, song cô dặn riêng tá điền

tá thổ, hễ ai bị Vĩnh Thái bó buộc hoặc hiếp đáp, thì tới nói cho cô hay.

Thu Hà hết trong mong cải lương xã hội, khai hóa đồng bào được nữa, thì cô lại quyết lấy sức riêng của cô mà giúp ích cho bà con nhà nghèo trong làng. Cô dọn cái nhà dưới cho trống, rồi cô để bàn để ghế làm cũng như một cái trường học. Cô biểu hết thầy những người trong xóm, ai có con đem đến đặng cô dạy cho chúng nó học. Mới bữa đầu mà con nít đã tụ đến đông nút, và trai và gái kể hơn ba mươi đứa. Cô thấy có đứa quần áo rách tả tơi, cô chịu không được. Chiều lại cô ngồi xe đi lên chợ, cô mua vải, mua giấy, mua viết, mua mực, mà cô lại còn mua vải đen vải trắng rất nhiều nữa.

Sáng bữa sau, con nít tụ tới cô phát cho mỗi đứa một cuốn vải. Cô lại kêu ít người vợ tá điền ở gần tụ tới rồi cô đưa vải ra biểu cắt mà may quần đặng cô cho mấy đứa nhỏ rách rưới nó bận. Cô ngồi mà dạy con nít học AB, tuy là một song cô quên hết sự buồn được, nên cô làm ơn cho con nít nhà nghèo, mà cô lại cảm ơn chúng nó vô cùng.

Vĩnh Thái thấy công việc của vợ làm, tuy chàng không cảm, song chàng rung vai trẻ môi mà nói rằng:

– Khéo làm chuyện ba láp.

Thu Hà mở trường dạy học mới được ít bữa, kế vợ chồng Bá Hỉ ở dưới Cần Thơ lên thăm. Thu Hà nghe xe hơi ngừng trước cửa, không biết là xe của ai. Cô sai thằng Tùng chạy ra coi rồi nói trở vô thưa rằng xe của vợ chồng Bá Hỉ. Cô lật đặt lên trên nhà trên mà tiếp khách, chẳng dè cô vừa mới đứng dậy, thì vợ Bá Hỉ đã xuống tới chỗ cô dạy học. Vợ Bá Hỉ thấy con nít ngồi vây xung quanh Thu Hà thì nàng cười ngất rồi nói rằng:

– Cô làm cái gì đó? Dạy học trò hay sao?

Thu Hà cũng cười mà đáp rằng:

– Thưa, em dạy học. Buồn quá nên dạy trẻ em của lối xóm chơi. Xưa rày anh Hai chị Hai mạnh hử? Có anh Hai lên không?

– Có. Cha chả! Cô có chồng rồi cô rút ở trong nhà hoài, không chịu đi đâu hết. Sao không xuống Cần Thơ chơi vậy hử?

– Thiệt xua rày em không xuống thăm anh Hai chị Hai được, em lỗi lung quá. Song em xin chị Hai xét lại mà tha lỗi cho em. Ba em đi du lịch, giao hết việc nhà cho em, vì vậy em không nói đi đâu được chứ không phải em vô tình với chị.

– Dữ hôn! Nhà có xe hơi, chạy đi chơi một ngày một buổi rồi về, ai búng nhà em đi đâu hay sao mà sợ, nê bo bo ở nhà mà giữ hoài vậy?

– Đã biết như vậy đó chút. Ngặt vì đi mà không yên trong lòng thì có vui vẻ mà đi... Đâu để em lên nhà trên chào anh Hai. Mời chị lên trên này.

Hai cô dắt nhau trở lên nhà trên. Thu Hà chào mừng Bá Hỉ rồi mời vợ Bá Hỉ lại ván ngồi uống nước.

Bá Hỉ với Vĩnh Thái nói chuyện và cười om sòm.

Cách một hồi hai chàng dắt nhau ra ngoài sân mà coi xe hơi. Vợ Bá Hỉ ngó mặt Thu Hà và hỏi rằng:

– Cô làm giống gì, mà lúc này cô ốm dữ vậy?

– Em buồn quá, nên phải ốm.

– Sao mà buồn? Buồn việc gì? Vợ chồng có rầy rà với nhau hay không?

Thu Hà nghe câu hỏi sau đó cô lấy làm cảm xúc. Cô ứa nước mắt, muốn nhơn dịp này mà bày tỏ tâm sự cho chị nghe. Mà rồi, cô nghĩ dầu vợ chồng Bá Hỉ biết được căn nguyên sự buồn của cô, thì cũng không sửa tánh tình ý chí của Vĩnh Thái được, bởi vậy cô dần lòng giả vui mà đáp rằng:

– Từ khi má em mất đến bây giờ, em thương nhớ hoài, không nguôi trong lòng được. Em buồn việc đó chứ có buồn việc chi nữa đâu.

– Tại số trời định dì tới từng tuổi đó mà thôi, em chẳng nên buồn chi lắm. Em buồn rồi dì sống lại được hay sao?

– Chị nói cũng phải. Ngặt vì hồi má em còn sanh tiền, em thương má em lắm, nên bây giờ em khó nguôi. Chớ chi má em còn sống...

Thu Hà mới nói nửa câu sau, rồi cô chảy nước mắt, nói không được nữa. Vợ Bá Hỉ thấy vậy, mới lựa lời khuyên dỗ, rồi kiếm chuyện vui mà nói cho Thu Hà quên nỗi buồn.

Bá Hỉ trở vô nhà rồi thẳng lại chỗ Thu Hà ngồi mà hỏi thăm tin tức của thầy Hội đồng Chánh. Chàng nói chuyện với Thu Hà vui vẻ vô cùng, lại người vợ cũng xen vô, rồi vợ chồng pha lúng với nhau, coi bộ tâm đầu ý hiệp, tương thân tương ái lắm.

Thu Hà cầm khách ở lại ăn cơm chiều rồi sẽ về. Bá Hỉ coi mình đã có hẹn lờ với người ta đặng nói chuyện hùn đưa xe hơi bởi vậy đúng bốn giờ, chàng từ giã vợ chồng Vĩnh Thái rồi hối vợ lên xe mà về. Thu Hà đưa khách ra xe, vợ Bá Hỉ còn kêu mà nói với rằng:

– Bữa nào rảnh, hai ông bà xuống chơi nghe hôn. Tôi trông lắm đa.

Thu Hà gật đầu mà cô ứa nước mắt. Cô trở vô nhà, ngồi dạy con nít, cô nhớ vợ chồng Bá Hỉ thân ái với nhau, rồi cô nghĩ đến phận cô thì cô lấy làm đau đớn trong lòng. Cô chống tay cúi mặt xuống bàn mà khóc. Sắp con nít dờm thấy, chắc là chúng nó buồn, nên ngồi lặng trang không học, không giống như hồi nãy nữa. Cô khóc một hồi, rồi cô lau nước mắt và hối sắp nhỏ học.

Cuối tháng ba, trời bắt đầu mưa một đám rất lớn, nông phu ai nấy đều lo sắm sửa phăng, cày, bừa, trực, đặng chờ ruộng có nước mà dọn đất gieo mạ.

Vĩnh Thái xuống nhà Hương hào Điều chơi và biểu anh ta đi nhắc tá điền đặng họ đến vay bạc hoặc vay lúa. Tá điền ỷ có lời của Thu Hà dặn trước nên có vài người túng tiền, họ mới đến làm giấy mà lấy bạc, còn bao nhiêu, họ nín hết không thêm đến.

Thầy Hội đồng Chánh du lịch ngoài Trung kỳ rồi lần lần thầy đi thẳng ra Bắc kỳ. Mỗi tuần lễ thầy đều có gửi về cho con gái và rể một bức thơ, để cho chúng nó biết thầy đi tới đâu. Bức thơ chót thấy gởi tại Hải Phòng và thầy nói thầy sẽ đi xem Vịnh Hạ Long. Đã hơn hai tuần rồi, Thu Hà không được tin của cha nữa.

Một buổi sớm mai, Vĩnh Thái đang rầy vài người tá điền ở nhà trên, về sự không chịu trả bạc, còn Thu Hà thì mắc dạy sắp con nít ở dưới nhà dưới chó chúng nó đọc vắn, thỉnh linh có một cái xe hơi chạy vô cửa, rồi thằng Tùng la ôm rằng:

– Thầy về! Thầy về!

Thu Hà lật đật đi lên nhà trên, thấy cha xuống xe rồi mà còn đương đứng ngoài cửa ngõ, thì cô mừng quýnh, cô chạy ra chào cha rồi coi thằng Tùng vác hành lý đem vô. Vĩnh Thái thôi rầy tá điền nữa, chàng cũng chạy ra cửa mà mừng thầy Hội đồng.

Thầy Hội đồng Chánh tắm rửa, thay áo quần rồi thầy mới thuật lại cuộc hành trình cho con rể nghe, thầy đến chỗ nào, được thấy phong tục gì, được xem thấy cảnh gì, thầy thuật đủ hết. Sao rút thầy lại nói rằng:

– Có đi chơi mới thấy rõ hiện trạng của nước nhà. Ba thấy ba buồn quá! Từ Nam chí Bắc quyền lợi về thương mại và công nghệ thì người ngoại quốc họ choán mà hưởng hết. Đồng ban ta nếu không lo ngại trong chốn ruộng rẫy, thì là làm mướn cho thiên hạ. Tình cảnh như vậy, biết chừng nào mới leo lên được mà ngồi cái địa vị chủ nhơn ông.

Thu Hà tuy mừng cha, nhưng mà nghe cha than mấy lời thì cô buồn hui. Còn Vĩnh Thái, chàng hí hửng như thường, nghe sự đau đớn chung như vậy chàng đã không động lòng, mà chàng lại buông lời nói rằng:

– Người mình còn ngu quá, sánh với Chệt, mình còn thua xa, chẳng luận người Âu châu.

Thu Hà châu mày đứng dậy đi liền, cô không muốn nghe chồng nói nữa.

Đến bữa cơm thầy Hội đồng nói chuyện với con rể, thầy tỏ ý rằng trong vài tháng nữa thầy sẽ xin giấy thông hành đi du lịch mấy nước ở miền Cực đông như: Trung quốc, Nhật Bản, Lữ Tống, Xiêm La. Thu Hà vừa nghe cha tính đi nữa thì cô nói rằng:

– Ba ở nhà, ba đi chi nữa ba.

Lời cô nói nghe rất bi ai, bộ cô ngồi coi rất buồn thảm. Người có ý, ai nghe lời cô nói, ai thấy bộ cô ngồi thì cũng biết cô sợ cha đi chơi nữa lắm, nên xin cha ở nhà. Bởi vì thầy Hội đồng vô ý, lại thầy không dè ở nhà có chuyện chi nên thầy cười và nói rằng:

– Có sao mà sợ, mình biết nước mình, mà mình cũng phải biết nước người nữa, rồi mình so sánh cái nào dở của mình mà chừa, cái nào hay của họ mà học chớ.

Thầy Hội đồng nghỉ vài ngày khỏe rồi, thầy mới biểu sếp phơ đem xe ra cho thầy đi Bò Ót mà thăm người chú là Hương chủ Lung. Khi sửa soạn ra đi, thầy hỏi Thu Hà rằng:

– Ủa! Thăng Mau đi đâu, mà mấy bữa rày ba không thấy mặt nó vậy con?

– Thưa nó ở tù.

– Sao vậy?

– Nó nói lên anh Hai thăng Cẩn sao đó không biết, nên đánh nó rồi thưa nó với tòa bỏ tù nó.

– Dữ hôn! Nó có nói lên thì rầy cho nó sợ mà thôi, sao lại làm cho nó ở tù lặn?

Thu Hà day mặt chỗ khác, không muốn trả lời, mà cũng không dám ngó cha.

Thầy Hội đồng đi chơi, chẳng hiểu tên sếp phơ hay là Hương chủ Lung nói với thầy làm sao, mà chiều thầy về, sắc mặt buồn so. Ngồi ăn cơm thầy không nói chuyện, lại chùng ăn cơm rồi, thầy kéo ghế xích đu ra trước hiên mà nằm, thầy cứ gác tay qua trán mà suy nghĩ, không nói tới ai hết.

Thầy chờ đến tối, thầy kêu con và rể ra đứng hai bên, rồi thấy hỏi bông lông, không biết hỏi con hay là hỏi rể:

– Ba đi khỏi, con ở nhà làm sao mà họ than van quá vậy hử?

Thu Hà cúi đầu lặng thinh không trả lời.

Vĩnh Thái cười ngỏn ngoẻn và hỏi lại thầy Hội đồng rằng:

– Thưa, ba đi khỏi, con ở nhà lo quản suất việc nhà, Con tính làm công chuyện bộn rộn. Con có định cải lương cách cho muốn ruộng đất lại. Mà con làm đâu thì trúng luật đó, có cái gì mà họ than van?

– Phải. Theo lời người ta nói thì con cải lương cách cho mượn ruộng đất thiệt. Ngặt có một điều này: chớ chi con cải lương cho tá điền tá thổ người ta nhờ thì ba cũng cầu, cái này con cải lương đăng lộ da nhà nghèo thì tội nghiệp cho người ta quá, sao con nỡ làm như vậy?

– Thưa, con lộ da ai đâu?

– Hú! Vậy mà còn cãi nữa sao? Để ba hỏi con: có phải ở nhà con bày hể ai làm một trăm công ruộng thì phải vay năm chục gia lúa, hoặc năm chục đồng bạc hay không?

– Thưa, phải!

– Lúa năm chục gia tới kỳ phải trả tám chục gia! Bạc cũng vậy, vay năm chục đồng tới ngày phải trả tám chục đồng!

– Ý con muốn giúp cho tá điền làm ăn, họ khỏi đi vay đi hỏi người ngoài bị bó buộc dần thúc. Ấy là con làm ơn cho họ chứ.

– Cắt hòng người ta mà ăn lời, làm ơn nổi gì? Người ta không cần dùng, mà cũng ép người ta phải vay, thì là hiếp người ta quá!

– Thưa ba nghĩ lại mà coi. Hết thấy chủ điền họ cho vay vốn một trăm họ ăn lời một trăm, con định số lời có sáu chục mà cắt hòng cái gì?

– Họ là xã trí họ không biết thương nhà nghèo, họ không kể nòi giống, họ làm sao thấy kệ họ, mình phân bì với bọn quấy như vậy mà làm gì?

– Có đi tu thì mới làm phước, chứ hể ra làm ăn thì phải tính lợi chứ. Ở bên Tây cũng vậy, hể gặp cái gì có lợi thì phải làm, chứ ở nhơn nghĩa quá thì làm giàu sao được.

– Thuở nay ba thương con nhà nghèo lắm, giết nhà nghèo dặng mà làm giàu, ba không thể làm được. Còn tá điền của mình, thì mình phải để đất cho người ta ở, con bày đặt thầu tiền đất người ta chi vậy?

– Thưa, đất ba mua cũng bạc ngàn chứ! Lại nhà nước đánh thuế chứ có chuẩn miễn cho ba đâu. Nếu ba cho thiên hạ họ ở thí, rồi ba lấy tiền đâu mà đóng thuế.

– Hú! Đóng thuế lại phải hết bao nhiêu đó mà phải cán cho tá điền chịu! Mình đóng thuế cho nhà nghèo họ được ở yên ổn lại hại gì hay sao!

– Trời ôi! Ba ở như vậy thì gia tài của ba nhà nghèo họ ăn hết con gì?

– Theo lẽ tự nhiên, kẻ khôn thì phải thương kẻ dại, kẻ giàu phải giúp người nghèo chứ. Nếu không thương, không giúp nhau thì sao gọi là nghĩa đồng bào đồng loại cho được. Mà con buộc vay và

con trâu thổ cư cũng chưa ác cho lắm. Con bày đào mồ cuốc mả đem chôn chỗ khác, bằng không thì phải đóng cho con mỗi cái mả mỗi năm một đồng bạc, cái đó bậy quá, người ta hờn con là tại cái đó đa. Gắt gao cho lắm vậy hử?

– Thua, không phải gắt. Mồ mả thì phải chôn theo nghĩa địa chớ để chôn bậy chôn bạ thì hư ruộng đất hết còn gì. Ruộng đất giá một ngày một thêm mắc, nếu không gìn giữ cho họ phá tán, thì mất giá còn gì.

– Thà là ruộng của ba mất giá, chớ ba không nỡ đào mồ cuốc mả ông bà người ta đầu con.

Thầy Hội đồng nói rất nghiêm chỉnh, làm cho Vĩnh Thái không dám cãi nữa. Thầy lặng thinh suy nghĩ một hồi rồi thầy nói rằng:

– Ba tưởng con là đứa biết lo bồi đắp quê hương, biết lo giáo hóa chủng tộc. Té ra con mới làm thử mà ba đã thấy chí óc quyết giết nhà nghèo mà làm giàu, thế thì làm sao mà ba dám phú thác việc nhà cho con được. Con phải đổi tánh đi, con phải làm theo những lời con nói chuyện với ba hồi con đến thăm ba lần đầu đó. Vậy thì mới phải là thanh niên tân học, mới phải là con nhà Việt Nam, chớ nói một đường rồi làm một ngã thì uống cái công con ăn học lắm.

Vĩnh Thái lấy làm hổ thẹn, nhưng mà chàng không muốn chịu thua, nên cất tiếng đáp rằng:

– Thua ba, con là bậc thanh niên tân học, khai hóa quê hương là mục đích của con...

Chàng mới nói mấy tiếng thì thầy Hội đồng khoát tay nói rằng:

– Thôi! Thôi! Con đừng nói gì nữa hết. Con phải xét mình mà sửa tánh trước đi đã. Ba muốn thấy con làm, chớ ba không muốn nghe con nói nữa đâu. Thôi, hai con vô ngủ đi.

Vĩnh Thái riu riu đi vô. Thu Hà buồn hiu, cô cũng theo chồng mà vô nhà.

Sáng bữa sau, có mấy mươi tá điền kéo đến mà xin với thầy Hội đồng dặng khời vay bạc hoặc vay lúa. Thầy Hội đồng cười và nói rằng:

– Thăng Hai nó nói chơi với bà con chứ nó có ép ai đâu. Ai cần dùng thì tôi giúp, bằng không cần thì thôi. Tôi cũng không thâu thổ cư, không thâu mồ mả chi hết. Bà con hãy yên tâm. Từ rầy sắp lên tôi không đi chơi nữa đâu mà sợ.

Vĩnh Thái nghe cha vợ nói vậy, thì càng buồn mà lại có sắc giận nữa.

XI. VỢ PHIÊN CHỒNG

Thầy Hội đồng Chánh không tính đi du lịch nữa. Thầy ở nhà đăng lấy cái quyền cai quản ruộng đất lại, cho Vĩnh Thái hết phương làm hại con nhà nghèo.

Có một bữa, thầy tỏ ý muốn cho Công Cẩn đi Tây mà học cho mau. Thu Hà vừa nghe cha nói như vậy thì cô đốc vô rằng:

– Ba tính cái đó hay lắm đa ba. Hổm nay con cũng muốn xin với ba cho em con đi, nhưng vì sợ ba không vui lòng nên con chưa dám nói.

Thầy Hội đồng liền đi lo xin giấy tờ, rồi thầy lên trường đem Công Cẩn về nhà chơi ít bữa đăng có xuống tàu.

Thu Hà lằng xằng lo may quần áo, lo mua lương tráp, sửa soạn hành lý cho xem đi. Gần tới ngày tàu chạy, thầy Hội đồng với vợ chồng Vĩnh Thái đều đưa Công Cẩn lên Sài Gòn.

Vĩnh Thái với thầy Hội đồng mắc đi mua giấy tàu và đổi ít trăm quan tiền tây cho Công Cẩn bỏ túi xuống tàu mà xài. Thu Hà ở trong khách sạn với em, cô thừa dịp vắng chồng, cô mới nói với em rằng:

– Ba má sanh có hai chị em mình mà thôi. Phận chị là gái, chẳng kể chi. Có một mình em là trai, em phải gắng sức mà học cho thành công, đăng ngày kia em trở về, em lo bồi đáp cho quê hương, em làm rõ ràng cho dòng giống. Em phải ghi trong trí mà nhớ luôn luôn rằng em đi du học là học cho quê hương, học cho chủng tộc, chứ không phải học cho có trí thức đăng dễ kiếm gạo, kiếm tiền, hoặc học cho khôn ngoan đăng hiếp kẻ ngu dại như họ vậy. Cái thân chị bây giờ còn cũng như mất, sống mà không có chủ

hướng, không có mục đích, gấm chẳng khác nào một khúc cây khô, đã không có ích chi cho đời mà sợ e ngày kia chẳng khỏi làm buồn cho ba nữa. Chị nghĩ tới phần số của chị, thiệt chị tức không biết chừng nào...

Thu Hà nói tới đó rồi cô khóc dầm dề, không nói được nữa. Công Cẩn không rõ tâm sự của chị, nhưng mà trò nghe chị than bao nhiêu đó thì hiểu chị buồn về nỗi chồng. Trò ngồi suy nghĩ một hồi rồi nói rằng:

– Chớ chị hồi đó chị đừng thèm lấy chồng, để bây giờ chị em mình đi hết qua bên Tây mà học, thì vui quá.

Thu Hà ngược mắt lên ngó em trần trần, nước mắt còn chảy ròng ròng mà cô không lau, cô nhìn em một hồi rồi cô thở ra mà nói rằng:

– Chị có dè đâu. Bây giờ biết ăn năn thì đã muộn rồi.

Tàu gần chạy, nên lo chở đồ đạc đưa Công Cẩn xuống tàu. Vĩnh Thái nói với Công Cẩn tía lia, dạy cách đi học đường, dặn cách ăn ở bên Pháp, làm cho thầy Hội đồng với Thu Hà không nói chi được hết. Lúc tàu gần kéo neo, Thu Hà nói với em mấy lời này:

– Thôi em đi mạnh giỏi. Em phải nhớ mấy lời chị dặn đó nhé.

Cô nói rồi liền theo chồng với cha mà trở lên bờ, và đi và iau nước mắt.

Đưa Công Cẩn đi học xong rồi, thầy Hội đồng với con rể trở về Mỹ Thạnh.

Cất tiền, bán lúa, cho vay bạc, hay là cho mượn, việc nào thầy Hội đồng cũng bốn thân lo lắng hết thảy, chớ thầy không biếu con mà cũng không cậy rể làm giùm. Vợ chồng Vĩnh Thái cứ ăn ở không.

Thu Hà nhờ có cha ở nhà nên cô bớt buồn, lại nhờ mấy mươi con nít trong xóm đến học đó nữa, cô mắc dạy dỗ chăm sóc chúng nó, nên cô quên nỗi niềm tâm sự được chút ít.

Vĩnh Thái mất quyền cai quản, chàng lấy làm phiền, chàng nghĩ vợ kẻ vạch với cha nên cha mới hết tin cậy, bởi vậy tuy chàng không nói ra, song trong trí chàng oán vợ lắm.

Thường bữa chàng hay cầm bánh xe hơi mà đi chơi một mình. Còn bữa nào ăn cơm chiều rồi, trời tối thì chàng đi ra lộ men men xuống nhà Hương hào Điều mà nói chuyện.

Thu Hà coi chồng cũng như không có, bởi vậy chồng đi đâu tự ý chồng, cô không hề hỏi thăm tới.

Một đêm nọ, nhơn dịp thầy Hội đồng ngồi nói chuyện với con rể, Vĩnh Thái mới nói rằng:

– Thưa ba, lúc ba đi khỏi, con ở nhà con có đi chơi trên phía Mặc Cần Dung, con thấy miệt trền ruộng tốt mà giá rẻ, nên con có mua năm chục mẫu. Tuy con mua năm chục mẫu nhưng bây giờ thành tới một trăm năm chục mẫu, bởi vì có hai miếng đất cặp hai bên đó, cộng lối một trăm mẫu, họ khai hóa trồng tĩa hết rồi, song họ chiếm đất quốc gia mà họ không có khản, con dọ chắc rồi nên con đã vô đơn xin khản tại quan chủ tỉnh. Sớm muộn gì hai miếng đất ấy cũng sẽ về con nữa. Con tính ở không cũng vô ích, vậy con xin ba cho con mượn một ngàn đồng bạc đặng con làm vốn lên Mặc Cần Dung cày cấy sở đất của con đó chơi. Mùa rồi họ làm lúa sạ trúng quá, con chắc sẽ làm được, lại có anh Hương hào Điều ảnh hứa coi giùm cho con thì con không lo chi nữa.

Thầy Hội đồng lóng tai nghe rõ rồi thầy nói huờn dài rằng:

– Con muốn làm ăn thì ba giúp tiền cho, cái đó thì được. Nhưng ba khuyên con đừng có tính giựt đất của người ta. Cái đó ác lắm. Người ta đổ mồ hôi, xót con mắt mới khai phá được một khoảnh đất mà cấy lúa. Nếu con lập mưu kế mà lấy của người ta như vậy tức người ta, họ không dung con đâu.

Vĩnh Thái cười và đáp rằng:

– Thưa ba, việc đó không hại gì. Hễ mình làm đủ phép thì thôi. Mà như ba không muốn cho con khản thì để con làm thử năm chục mẫu đất của con đó trong một mùa coi như khá thì con kiếm đất xung quanh mà mua thêm nữa, mỗi năm mua thêm một miếng, có lẽ một ngày kia cũng sẽ nhiều được. Bây giờ con phải khởi sự cất một cái nhà, mua vài đôi trâu.

Thầy Hội đồng gật đầu nói rằng:

– Như con mua đất mà làm thì được. Ba sẽ giúp vốn cho con đăng cát nhà mua trâu. Bây giờ con muốn lấy bao nhiêu tiền?

– Thưa, một ngàn.

– Để sáng rồi ba sẽ đưa cho. Mà con nói thằng Hương hào Điều nó sẽ giúp với con; nó đi lên trên rồi ai làm ruộng cho nó dưới này?

– Thưa, ảnh lên xuống, hễ dưới này có việc làm thì ảnh về, chừng nào rảnh thì ảnh chạy lên trên coi giùm cho con. Ruộng dưới này dễ, chỉ muốn người ta làm cũng được, không cần gì có ảnh.

– Nếu nó có liệu giúp được cho con thì càng tốt. Nó là đứa trung tín, con tin cậy được, chứ đứa khác không xong đâu.

– Thưa, ảnh đã hứa chắc với con rồi. Con lại có hứa hễ chỗ nào họ có bán năm mười mẫu con sẽ thưa với ba giúp bạc cho ảnh mua đăng ảnh làm riêng. Ảnh nghe nói như vậy coi bộ ảnh ham lắm.

– Mùa màng đã tới rồi. Nếu muốn làm thì làm riết, chớ không thì trễ còn gì.

– Thưa, hễ ba đưa bạc thì con đi làm liền.

– Để sáng rồi ba đưa.

Sáng bữa sau thầy Hội đồng đưa cho Vĩnh Thái một ngàn đồng bạc. Vĩnh Thái bốn thân đi xuống kêu Hương hào Điều lên sửa soạn đi Mặc Cần Dung. Thầy Hội đồng thấy Hương hào Điều thì thầy nói rằng:

– Mầy thạo công việc làm ruộng. Mầy ráng giúp sức với thằng Hai, hễ nó có com thì tự nhiên mầy có cháo. Làm đi, làm thử một mùa coi, như có khá thì tao giùm bạc cho mầy mua một miếng đất mà làm riêng nữa.

Hương hào Điều nghe chú hứa giúp bạc mua đất thì anh ta lấy làm đắc ý, nên coi bộ sốt sắng sửa soạn mà đi lắm.

Ăn cơm sớm mai rồi, Vĩnh Thái lấy xe hơi mà chở Hương hào Điều đi Mặc Cần Dung.

Lúc ban đầu, lớp thì lo qui tụ tá điền, lớp thì lo cất chòi cất trại, nên Vĩnh Thái để Hương hào Điều ở trên ruộng rồi một vài ngày chàng chạy lên thăm chừng và đốc sức một lần. Vì ruộng ở dưới Mỹ Thạnh cấy trễ, Hương hào Điều chưa có công việc gì làm

ở dưới này, nên anh ta không cần về nhà, cứ ở miết trên Mặc Cần Dung hoài.

Có bữa Vĩnh Thái đi thăm ruộng về, rồi tối lại chàng đi xuống nhà Hương hào Điều chàng nói rằng Hương hào Điều có nhắn lời với vợ nên phải xuống nói lại với chị ta. Việc như vậy có lẽ kêu vợ Hương hào Điều lên nhà mà nói cũng được, song anh ta không kêu lại chịu cục ra đi. Mà việc như vậy có lẽ nói chừng vài phút đồng hồ rồi cũng xong; anh ta nói cách nào không biết mà ở gần trót giờ mới chịu đi về.

Có bữa Vĩnh Thái lại chở vợ con Hương hào Điều đi lên ruộng, chàng nói rằng Hương hào Điều nhớ con nên cậy đem lên cho anh ta thăm.

Mà hễ có vợ con Hương hào Điều đi, thì chàng cầm bánh xe mà đưa đi, chớ không cho sếp phơ theo, lại chừng về thì hết canh một mới về tới nhà, chớ không chịu về sớm như mấy bữa khác.

Đi thăm vợ Hương hào Điều trong lúc ban đêm và chở vợ Hương hào Điều lên thăm ruộng thường lắm, cái cử chỉ như vậy thiệt là dễ cho người ta nghi. Nhưng vì thấy Hội đồng vô ý, còn Thu Hà thì cô không kể tới chồng, nên trong nhà không ai nói tiếng gì, Vĩnh Thái mới tự do không ái ngại chi hết.

Lúa trên Mặc Cần Dung sạ xong rồi, Hương hào Điều mới trở về dọn dẹp nhà mà cấy đất của mình làm dưới Mỹ Thạnh. Có Hương hào Điều về, Vĩnh Thái lại càng xuống nhà chơi thường hơn nữa; có Hương hào Điều ở nhà, chàng cũng ở nói chuyện, mà dầu Hương hào Điều có mắc đi ra ruộng nữa thì chàng cũng cứ việc ở chơi.

Trong lúc sau đây vợ Hương hào Điều lại càng trang điểm hơn hồi trước nữa, tối ngày thường đi giày đi guốc, mặc quần lãnh áo lụa, gỡ đầu lẳng nhuốt, đánh răng trắng trong, lại có mua xà bông thơm để rửa tay, mua nước thơm để rửa mặt. Còn thằng Đặng là con của Hương hào Điều, bây giờ nó lại có nón tây mà đội, nó lại có trái banh mà chơi; hễ nó đòi ăn bánh thì má nó lại có bánh mì hộp mà cho nó ăn nữa.

Vĩnh Thái thân thiết với Hương hào Điều, tự nhiên vợ con Hương hào Điều được sung sướng; người trong xóm không ai nghi

việc chi hết, mà dầu ai có nhiều chuyện, muốn nghi bậy bạ đi nữa, thì cũng nghi để bụng chớ chẳng dám nói ra.

Một buổi sớm mai, ông Hội đồng Chánh mặc đi đám giỗ dưới nhà ông Hương chủ Lung.

Bá Hỉ dắt một người anh em bạn ở dưới Cần Thơ lên thăm Vĩnh Thái rồi rủ Vĩnh Thái đi lên Châu Đốc ngắm xem núi Sam chơi. Vĩnh Thái thay đồ rồi lên xe Bá Hỉ mà đi, tính lên Châu Đốc sẽ ăn cơm.

Thu Hà ở nhà một mình, cô day sắp con nít tới mười giờ rồi cô cho chúng nó về. Cô ăn sơ sịa ba hột cơm, rồi đi ra đi vô một hồi, trong lòng sanh buồn, nên cô lấy cái khăn đương thêu nửa chừng, cô đem ra phía trước nằm trên ghế xích đu mà thêu.

Gió thổi hiu hiu, trong nhà lặng lẽ, mấy đứa ở đều lục đục phía dưới nhà sau, đứa thì kiếm chỗ nghỉ ngơi, đứa thì xách nước rửa chén. Thu Hà tay thì lụi kim rút chỉ, mắt thì chăm bảm ngó đường thêu, mà trí lại nghĩ đến duyên phận của mình.

Thình lình có thấy bóng người bước lên thêm, cô day mặt ngó ra, thì là Hương hào Điều bước vô, lại có dắt thằng con là thằng Đặng theo nữa. Cô không ngồi dậy, cứ nằm và thêu và hỏi rằng:

– Đi chơi, anh Hương hào. Thằng nhỏ anh trọng đến há! Qua sang năm anh cho nó lên trên này tôi dạy giùm nó học.

Hương hào Điều đứng ngó đón dắc, dường như không nghe mấy lời của Thu Hà nói; anh ta đã không trả lời mà lại hỏi rằng:

– Hồi này tôi thấy dường Hai đi xe hơi với ai đó, phải hôn cô?

– Ừ. Anh Hai tôi ở dưới Cần Thơ lên rồi rủ nhau đi đâu đó không biết.

Hương hào Điều đứng sớ rớ, ngó quanh quất một hồi nữa rồi nói rằng:

– Chú có ở nhà không cô Hai?

– Ba tôi đi đám giỗ dưới ông tôi. Anh hỏi ba tôi chi vậy?

Thu Hà liếc mắt thấy Hương hào Điều mặt mày buồn xo mà nước mắt lại rung rung chảy, cô lấy làm lạ bèn ngồi dậy ngó ngay Hương hào Điều mà hỏi rằng:

– Anh có việc chi mà coi bộ anh buồn dữ vậy?

Có lẽ sự buồn của Hương hào Điều nó tràn trề trong lòng không thể ngăn chặn lại được nữa, nên anh ta vừa nghe hỏi như vậy thì nước mắt tuôn dầm dề. Anh lấy vạt áo và lau nước mắt và nói rằng:

– Tôi có việc buồn quá, nên tôi thấy dưỡng Hai đi khỏi, tôi tính lên đặng nói chuyện cho chú nghe.

– Anh buồn về việc gì? Đâu, anh nói cho tôi nghe rồi ba tôi về tôi thưa lại với ba tôi, được hôn?

Hương hào Điều dự dự không muốn nói. Anh ta và khóc và nói rằng:

– Dưỡng Hai ở bậy quá. Dưỡng nhờ dưỡng lấy vợ tôi.

Thu Hà nghe mấy tiếng ấy vang tai, chẳng khác nào sét đánh. Cô bỏ hai chơn xuống đất, mắt ngó sừng Hương hào Điều, nghẹn cứng trong cổ, không biết sao mà nói được. Hương hào Điều đứng khóc rầm rức. Thu Hà chống tay lên cằm, day mặt ngó ngoài sân, mà nước mắt cũng chảy ròng ròng.

Thằng Đặng buông tay tía nó dặng chạy ra trước hiên mà chơi. Trong nhà im lìm, trông ra sự buồn thảm đã lai láng cùng hết.

Thu Hà ngồi tro tro một giây lâu rồi hỏi nhỏ Hương hào Điều rằng:

– Sao anh biết thầy hai lấy vợ anh? Anh có bắt được hay là anh nghe người ta nói?

Hương hào Điều đáp rằng:

– Thiệt là tôi không thấy. Hồi chiều hôm qua vợ tôi đi chơi đàng xóm, tôi ở nhà nằm nói chuyện chơi với thằng nhỏ tôi. Nó thỏ thẻ học lại tôi mới hay. Nó nói mấy lần dưỡng Hai chở nó với má nó lên trên ruộng, đi về dọc đường dưỡng Hai hay bắt nó ngồi coi xe, rồi dưỡng dắt má nó vô nhà nào không biết, mà ở trông lâu lắm rồi mới ra. Cái đó cũng chưa chắc mà tin, nó còn nói nhiều lần tôi không có ở nhà, dưỡng Hai xuống chơi rồi dưỡng Hai vô trong mùng mà nằm với má nó. Có nó đó, nếu không tin, cô kêu nó hỏi thử coi.

Thu Hà lắc đầu mà nói rằng:

– Con nít nó nói bậy nói bạ, hơi sức nào mà nghe.

– Con nít thấy sao nói vậy, chớ nó biết giống gì mà đặt chuyện. Đâu cô kêu nó cô hỏi rồi nó nói hết cho cô nghe mà.

Hương hào Điều kêu thằng Đặng rồi nói với nó rằng:

– Con thấy dưỡng Hai với má con làm sao đâu, con nói lại cho cô Hai nghe đi con.

Thằng nhỏ lắc đầu không chịu nói. Cha nó thúc riết nên nó mới nói rằng:

– Má dỗ tôi ngủ, dưỡng Hai vô mừng dưỡng Hai nằm rồi dưỡng Hai ôm má. Tôi thấy má có hôn dưỡng Hai nữa.

Thu Hà khoát tay, ý không muốn cho nói nữa. Cô chảy nước mắt ròng ròng, cô lấy khăn trong túi ra mà lau, rồi nói với Hương hào Điều rằng:

– Lời con nít mà tin sao được. Anh hỏi người ta rồi người ta nói anh bày đặt xúi nó nói như vậy, anh mới làm sao? Anh có bằng có nào đâu mà đối nại?

– Không, tôi có tính đối nại chi đâu. Thuở nay tôi nhờ có chú bảo bọc nuôi dưỡng rồi cưới vợ cho tôi. Tôi có nhà ở, tôi có cơm ăn, tôi cũng nhờ chú. Ngày hôm nay dưỡng Hai không nghĩ dưỡng làm việc như vậy, tôi lên đây tôi lạy chú mà giao nhà cửa lại, đừng tôi dắt vợ con tôi đi xứ khác mà làm ăn.

– Chỉ như vậy mà anh còn dặt đi đâu?

– Vợ chồng đã ở có con rồi, tôi bỏ nó sao được.

– Chỉ hư như vậy mà anh còn thương chỉ hay sao?

– Vợ chồng sao lại không thương.

Thu Hà lắc đầu thở ra. Cô ngồi suy nghĩ một hồi lâu rồi cô hỏi rằng:

– Bây giờ anh đi đâu? Anh đi ra rồi làm nghề gì mà ăn?

– Tôi tính lên Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm chỗ làm thuê làm mướn mà ăn cũng được.

– Anh tính như vậy quấy lắm. Chỉ có hư thì anh bỏ chỉ mà kiếm vợ khác, chớ chuyện gì lại phải bỏ xứ mà đi.

– Vợ chồng ở với nhau tám chín năm rồi, bây giờ bỏ sao được. Mà bỏ nó, tôi nói làm sao mà bỏ?

– Anh khai tội chỉ ra, rồi anh đuổi chi đi đâu chỉ đi, có khó gì đâu.

– Như nó chối rồi làm sao?

– Nếu chỉ chối thì anh rình bắt chỉ, anh làm cho vỡ lở ra, thiên hạ thấy rõ, thì chỉ hết chối chó gì.

Hương hào Điều châu mày, lặng thình, đứng gục mặt xuống đất mà suy nghĩ. Cách một hồi anh ta mới nói rằng:

– Cô nói phải, không biết chừng con nít nó nói bậy. Dượng Hai thương tôi lắm, lại dưỡng là người học giỏi nữa, có lẽ nào dưỡng ở quấy như vậy. Xin cô đừng nói lại dượng, mà cũng đừng thua với chú biết chuyện này làm chi. Để thủng thẳng tôi dò tình ý con vợ tôi coi.

Thu Hà gật đầu. Hương hào Điều dắt con đi về. Thu Hà ngó theo, cô đau đón trong lòng, như gan teo, như ruột thắt.

Chồng khôn nạn đến nước này à?

XI. VĨNH THÁI BỊ GIẾT

Một buổi sớm mai, thầy Hội đồng Chánh đương xản bản ở phía trước mà coi thằng Tùng vô phân mấy bồn bông huệ. Có ba người lạ mặt đứng ngoài cửa ngõ dòm vô, một người tóc bạc răng rụng, bận áo xuyến dài, còn hai người còn trai bận áo quần xắn. Thầy Hội đồng ngó thấy liền kêu mà hỏi rằng:

– Ai đó? Đi có việc chi thì vô đây.

Ba người thủng thẳng đi vô sân, người bận áo dài đi trước, còn hai người bận áo xắn đi sau.

Khi mấy người vô tới rồi, thầy Hội đồng hỏi rằng:

– Mấy bà con ở đâu? Có việc chi hay không?

Có một người bận áo xắn đáp rằng:

– Anh em tôi ở trên Mặc Cần Dung xuống kiếm thầy Hai.

Thầy Hội đồng biết là tá điền của Vĩnh Thái, nên thầy dắt hết vô nhà, rồi kêu Vĩnh Thái ra nói chuyện. Vĩnh Thái ở trong buồng bước ra, biết hai người bận áo xắn là tá điền của mình, nên hỏi rằng:

– Hai người xuống có việc chi?

Hai người ấy xá Vĩnh Thái rồi một người nói rằng:

– Bẩm thầy, hai anh em tôi thấy thầy lâu lên nên xuống trước là thăm thầy, sau cho thầy hay lúa lóng này tốt lắm. Mùa tới đây một công chắc không mất mười lăm gia. Ngặt vì lóng nay anh em tôi hết lúa ăn, nên xuống bẩm thầy làm ơn giúp cho anh em tôi mỗi người chừng mười gia mà ăn đỡ, rồi tới mùa anh em tôi trả lại.

Vĩnh Thái châu mày đáp rằng:

– Máy người làm ruộng coi lời thôi quá mà cứ hỏi tiền hỏi lúa hoài. Hai người thiếu lúa ăn, còn mấy người kia thiếu hôn?

– Bẩm, ai cũng thiếu hết. Hai anh em tôi đi đây, họ cũng cậy hỏi giùm cho họ nữa.

Giống gì mà tới mười gia, tôi phát cho mỗi người năm gia mà thôi, thiếu đủ làm sao thì làm lấy. Máy người đi về đi, để mai một tôi biểu anh Hương hào ảnh chở lên phát cho.

Vĩnh Thái day qua hỏi ông già bạn áo dài đen đó rằng:

– Còn ông này đi đâu đây?

– Thưa thầy, tôi là Nguyễn Văn Khỏe, tôi làm miếng đất giáp với đất thầy mua đó.

– Ờ, mà ông xuống dưới này làm gì? Ông muốn hỏi lúa hay sao?

– Thưa không, tôi xuống nói chuyện với thầy. Tôi nghe làng họ nói thầy vô đơn thầy khẩn miếng đất của tôi rồi. Tôi nghiệp tôi lắm thầy! Tôi chiếm cứ khai phá miếng đất đã hơn mười năm nay, nếu thầy khẩn thì thầy giết tôi còn gì. Họ nói hễ thầy khẩn rồi thì thầy đuổi tôi. Cha chả! Thầy làm như vậy thì thà thầy cắt cổ tôi chết cho rảnh.

– Tôi có biết đâu. Nếu ông nói đất của ông thì ông phải có bài vĩnh viễn. Tôi khẩn là khẩn đất quốc gia, tôi có khẩn đất của ông đâu.

– Ờ, nếu thầy khẩn đất quốc gia thì tôi có tranh cãi làm chi. Tôi sợ thầy khẩn chồng lên đất tôi, nên tôi mới nói chớ.

– Ông nói chuyện lợi thôi vậy sao được. Nếu ông có bài bộ thì tôi làm sao mà khẩn được kia.

– Bởi tôi chưa có bài bộ, nên tôi sợ thầy khẩn chồng chớ.

– Ông về đi, không có đâu. Để bữa nào tôi đi lên trên, ông chỉ đất cho tôi coi rồi sẽ hay.

Vĩnh Thái bỏ đi ra ngoài đứng hút gió không thèm nói chuyện nữa. Thầy Hội đồng thấy vậy, nên mời ba người ấy ăn trầu. Ba người cũng không dám ngồi, đứng lơ lảo một hồi, rồi xá thầy Hội đồng và ra xá Vĩnh Thái mà về.

Vĩnh Thái hỏi thầy Hội đồng mà mượn sáu chục gia lúa dâng phát cho tá điền. Thầy Hội đồng cho, Vĩnh Thái sai thằng Tùng đi kêu Hương hào Điều lên nhà mà cậy anh ta chở lúa lên Mạc Cần Dung dâng phát cho tá điền mỗi người năm gia. Hương hào Điều chịu đi.

Hương hào Điều mượn ghe và mượn hai tên bạn rồi bữa sau đem lại nhà thầy Hội đồng mà chở lúa. Đến mười hai giờ trưa ghe lúa lui. Vĩnh Thái đưa Hương hào Điều xuống ghe, chàng hỏi rằng:

– Nước nầy ghe chùng nào mới lên tới ruộng vậy anh Hương hào?

– Khuya tới.

– Dữ hôn! Đi gì lâu quá vậy!

– Đường xa mà bị nước đổ nữa, đi mau sao được.

– Nếu khuya nầy tới, thì buổi sớm mai, anh phân phát lúa cho họ rồi chiều mai anh về tới chớ gì.

– Dễ hôn, cầu sáng mắt biết về tới hay chưa mà.

Ghe đi được chùng vài giờ đồng hồ Vĩnh Thái mới thưa với thầy Hội đồng lấy xe hơi mà đi Cái Răng thăm mẹ, chàng nói chàng xuống dưới chơi một đêm rồi trưa mai chàng sẽ về. Chàng hỏi rồi liền lấy xe ra, bốn thân cầm tay bánh mà đi, không thèm đem sóp phơ theo.

Đến chiều ông Hai Sủu dắt thằng Mau ra nhà thầy Hội đồng. Hai cha con bước vô cửa, thầy Hội đồng đương ngồi đọc nhựt trình, ông Hai Sủu liền lột khăn xá thầy mà nói rằng:

– Thưa thầy, thằng Mau ở tù mãn rồi nó mới về hồi trưa, nên tôi dắt nó ra dâng lạy thầy. Tôi nghe thầy về hôm rày, mà tôi mắc có bệnh, nên không có ra được mà nói chuyện cho thầy nghe.

Thầy Hội đồng bỏ tờ nhứt trình, thầy ngó thẳng Mau mà hỏi rằng:

– Mây ở với tao được mấy tháng, coi bộ mây tử tế, chớ không có việc gì, mà sao tao mới đi khỏi, mây ở nhà làm giống gì mà lộn xộn như vậy hử?

Thằng Mau và khóc và nói rằng:

– Thưa thầy, con có dám làm việc chi lộn xộn đâu. Xin thầy cho phép con đọc công chuyện cho thầy nghe. Thầy đi chơi, thầy giao quyền cho dưỡng Hai, dưỡng ở nhà dưỡng hà khắc với tá điền tá thổ hết sức. Bữa đó con xuống nhà xe chơi. Con ngồi nói chuyện với anh sếp phơ, con nói cô Hai tử tế còn dưỡng Hai gắt gao lắm. Dưỡng rình nghe, dưỡng nói con nói xấu dưỡng, nên dưỡng đánh con sặc máu, bầm mình, sung mặt, rồi dưỡng còn hăm dưỡng giết con cho chết dưỡng mới thôi. Con đau quá mà lại sợ dưỡng đánh nữa, nên con trốn mà về nhà tía con, đặng con kiếm thuốc uống. Dưỡng làm tờ có mà phao con trốn có lấy đồ, nên tòa bắt bỏ tù con.

Thầy Hội đồng chung hứng, thầy chưa kịp hỏi nữa, thì ông Hai Sửu tiếp nói rằng:

– Thưa thầy, thiệt ức quá. Thì thằng Mau nó về hồi tối, sáng ngày tôi lật đật chạy ra xin lỗi với dưỡng Hai, và xin phép cho nó ở nhà ít bữa đặng nó uống thuốc. Dưỡng đánh nó bịnh nhiều quá. Dưỡng hổng chịu, dưỡng buộc tôi phải đem đủ ba chục đồng bạc mà trả lại, dưỡng không cho nó ở nữa. Tôi năn nỉ với cô Hai. Cô Hai đưa cho tôi mười đồng bạc biểu về hốt thuốc cho nó uống, cô lại biểu tôi để nó ở luôn trông, chừng nào thấy về rồi tôi sẽ dắt nó ra. Chẳng biết tại làm sao khi không rồi dưỡng Hai phát đơn lên tòa thua thằng con tôi, dưỡng nói nó ăn trộm đồ mà trốn. Thiệt là oan hết sức. Tôi nghiệp, cô Hai cổ biết thằng nhỏ tôi ở tù oan, nên cổ thương cổ mới cho tôi một trăm đồng bạc.

Thầy Hội đồng châu mày ngồi suy nghĩ một hồi rồi thầy hỏi ông Hai Sửu rằng:

– Té ra con Hai nó có cho ông một trăm đồng bạc hay sao?

Ông nọ đáp rằng:

– Thưa có. Vậy chớ thầy về hôm nay cô Hai không có học chuyện này lại cho thầy nghe hay sao?

Thầy Hội đồng lắc đầu rồi kêu Thu Hà om sòm.

Thu Hà vừa ra tới thầy hỏi rằng:

– Ở nhà thằng nó làm việc gian mà hại người ta, sao con không cản nó?

– Thưa, con cản hết sức mà không được.

– Nếu con cản không được thì bữa tòa xử, con lên giữa tòa mà làm chứng cho ngay thẳng mình bạch, sao con làm thỉnh, để cho tòa phạt thằng Mau tới bốn tháng tù.

– Thưa ba, hôm đó con cũng có tính như vậy, mà rồi con nghĩ nếu con đi minh oan cho thằng Mau, thì tự nhiên con phải khai sự quấy của chồng con ra. Làm vợ mà khai sự quấy của chồng giữa công đường thì trái đạo nghĩa quá, vì vậy nên con phải làm thỉnh mà để cho thằng Mau ở tù.

Thầy Hội đồng gãi đầu, ngồi nín thỉnh một hồi rồi thầy hỏi nữa rằng:

– Hôm nay ba về sao con không đọc rõ công chuyện lại cho ba nghe?

– Thưa, đọc lại cho ba nghe thì làm buồn cho ba nữa, chớ có ích chi đâu. Việc đã lỡ rồi, bây giờ biết làm sao...

Thu Hà nói tới đó, cô ứa nước mắt. Thầy Hội đồng ngồi suy nghĩ, mặt coi buồn hiu. Ông Hai Sứu xin để thằng Mau ở lại đăng cho đủ mười hai tháng công. Thầy Hội đồng nói rằng:

– Thôi, tôi cho nó về luôn ở nữa làm chi. Số bạc con Hai cho ông kỳ xưa đó còn hôn?

Ông Hai Sứu đáp rằng:

– Thưa, tôi còn giữ y nguyên, tôi có dám xài đâu. Vợ chồng tôi tính để dành đăng chừng nó ở cho thầy mãn rồi, tôi đem nó về mà lo vợ cho nó.

– Thôi, ông đem nó về lo vợ cho nó đi. Năm nay lỡ mùa rồi. Như nó muốn làm ruộng thì qua sang năm tôi để cho nó ít chục công đất nó làm.

– Thầy tử tế quá. Cô Hai cũng vậy. Có một mình dưỡng Hai thiệt là khó.

Cha con ông Hai Sứ từ giã ra về. Thầy Hội đồng bỏ ra trước sân. Thu Hà buồn so, cô muốn đi theo cha, nhưng mà ra tới cửa, cô suy nghĩ thế nào không biết, mà cô lại không đi nữa, cô trở vô lấy cái hình của mẹ, đem lại ghế ngồi mà nhìn.

Từ bữa Thu Hà nghe Hương hào Điều than phiền về sự Vĩnh Thái lấy vợ của anh ta, thì cô chua xót trong lòng, ăn ngủ hết được nữa. Không phải cô ghen. Không, cô không có ghen. Cô đã khinh bỉ chồng lâu rồi, cô không còn một chút tình gì với chồng nữa. Chớ phải cô thương yêu lắm hay sao mà ghen. Cô chua xót trong lòng là chua xót phận cô vô duyên, đụng nhằm một thằng chồng đã giả dối, đã hung bạo, đã ác nghiệt, đã đê tiện, mà lại không biết cang thường luân lý nữa. Cô chua xót trong lòng là chua xót cho phận của Hương hào Điều vì cô mà gieo cái họa trong nhà. Rồi đây có lẽ gia đạo tan tành, vợ chồng rời rã. Sự buồn rầu của cô, cô không có thể nói ra cho ai biết được. Sự buồn rầu của cô, cô không biết ngày nào mới gỡ cho xong, vì vậy nên cô thất chí ngã lòng, ban ngày còn lảng khuây, chớ hễ ban đêm thì dầm dề giọt lụy.

Đêm nay trời mưa rỉ rả, như tiếng đờn thảm, như giọng hát sầu. Sau vườn, ảnh ương kêu uỳnh oang, trên vách thằn lằn chắt lười. Thu Hà nằm một mình trong phòng, nhớ những hồi còn đi học, lòng son cao vọng, vóc ngọc trong ngần, rồi bây giờ lòng đã lạnh tanh, vóc lại nhơ nhuốc, thì cô chán ngán cuộc đời, cô phiền trách tạo hóa.

Đồng hồ treo phía trước gõ mười một giờ. Thu Hà đương mơ màng, bỗng nghe có người vỗ cửa trước mà kêu:

– Cô Hai ơi. Cô Hai!

Cô không biết là ai nên bước xuống đất, rồi bung đèn đi ra. Khi ra tới cửa phòng, thì thấy thầy Hội đồng cũng đương bung đèn ra phía trước, mà ngoài cửa lại cũng có tiếng kêu: cô Hai! hoài. Thầy Hội đồng hỏi rằng:

– Ai kêu đó? Chùng này kêu mà làm gì?

Ở ngoài có tiếng đáp rằng:

- Thưa, tôi.
- Tôi là ai? Thằng Hương hào phải hôn?
- Thưa, phải. Chú mở cửa giùm chút chút.
- Mấy đi chở lúa sao mây trở về?
- Tôi đập chết dượng Hai rồi.
- Hả? Mây nói giống gì vậy?
- Dượng Hai lấy vợ tôi, tôi bắt được, đánh chết hết rồi.
- Úy! Trời ơi!

Thầy Hội đồng lính quỳnh mở cửa không được. Thu Hà kinh tâm, cô bung cái đèn trong tay, cô đứng trân trân, không bước tới được nữa.

Cửa mở được rồi, Hương hào Điều bước vô, đầu tóc xù xộp, mặt mày tái xanh, quần áo ướt mem, tay lại có xách một cây tâm vòng dài chừng một sải. Anh ta vừa ngó thấy Thu Hà thì khóc và nói rằng:

– Tôi bắt được quả tang rồi. Tôi làm bộ đi chở lúa, lên tới chợ Long Xuyên tôi đậu ghe lại tôi chờ trời khuất mình rồi tôi đi bộ về tôi rình. Tôi núp phía vách sau. Tôi thấy trời mưa hoài, tôi tưởng không có. Té ra dượng Hai ở đâu phía dưới Thốt Nốt đi xe hơi lên, dưỡng ngừng xe ngang chỗ bụi gừa lớn đó, rồi dưỡng lại nhà kêu cửa. Vợ tôi ra mở cửa. Dưỡng biểu vợ tôi đi chợ. Vợ tôi nói bỏ con ở nhà một mình không được, nó biểu dưỡng ở đó mà ngủ. Hai đang nói chuyện dang ca với nhau một hồi rồi dất nhau vô mừng. Tôi rình ở ngoài tôi thấy hết trội. Tôi giận quá, nên tôi tông cửa tôi vô. Vợ tôi chạy ra, tôi đập cho nó một cây nó té nhào. Dượng Hai áp ra giựt cây muốn đánh tôi. Tôi càng thêm giận nên tôi đập đùa dưỡng nữa. Tôi đánh hai người ngã hết, còn nằm hai đống ở dưới nhà, cô xuống cô coi.

Thu Hà loạn trí, cô không khóc mà cũng không nói một tiếng chi hết, cứ bung đèn đứng chết trân.

Thầy Hội đồng hỏi Hương hào Điều:

- Vậy mà nó chết hay không?
- Ai?

– Hai đứa khốn nạn đó chó ai!

– Chết hay chưa không biết. Cây này đây mà tôi đập một người lối hai chục cây lận, máu chảy lung quá, nằm êm ru, hết cục cựa nữa, rồi tôi mới đi đây.

Thầy Hội đồng lấy cây tầm vông của Hương hào Điều đem dựng dựa bàn viết, kêu thẳng Tùng biểu đốt một cái lồng đèn, rồi thầy đi xuống nhà Hương hào Điều, thẳng Tùng xách lồng đèn đi trước, thầy đi giữa, Hương hào Điều đi theo sau.

Trời đã dứt hột mưa rồi, mà mây còn vẫn vũ, nên tư bề tối đen. Thu Hà thấy cha đi, cô mới để cái đèn trên bàn, rồi cô ra cửa đi theo xa xa. Xuống tới nhà Hương hào Điều, khi bước vô thì cô nghe thầy Hội đồng nói với Hương hào Điều rằng:

– Hai đứa chết hết rồi còn gì. Dại quá, ở tù chết.

Thầy Hội đồng lại biểu thẳng Tùng vác cái mõ đem ra sân mà đánh hồi một cho bàn cận với làng chạy tới.

Hương hào Điều nghe tiếng mõ, anh ta sợ, nên ngồi dựa góc cột, ôm mặt mà khóc. Thằng Đặng đứng xấn bấn ở bên cha nó, tuy nó không hiểu án mạng quan hệ thể nào, song nó cũng sợ, nên mặt mày tái xanh, không dám nói chi hết.

Thu Hà như điên, cô đứng ngó thân của chồng nằm dưới đất, máu chảy đỏ cái áo trắng, cái quần trắng, mắt mở trao tráo, mặt sung chù vù. Cô lại ngó qua thân của thị Sen, rồi cô ngó Hương hào Điều, thấy quang cảnh ghê gớm, cô rùng mình rợn óc. Cô bỏ đi ra ngoài sân, chùng ấy nước mắt của cô mới chịu tuôn ra đầm dề, nhưng mà không ai biết chắc vì cô đau đớn nỗi chồng bị giết, hay là vì cô tội nghiệp phận Hương hào Điều bị tội, hay là cô hổ thẹn phận cô vô duyên mà cô khóc.

Làng xóm chạy tới, hỏi sơ công chuyện rồi bắt Hương hào Điều còng lại. Thầy Hội đồng dắt Thu Hà về, thầy biểu sắp phơ xuống cây gừa lớn mà đem xe hơi về, rồi thầy sai Thu Hà ngồi xe xuống Cái Răng mà báo tin cho cô thông Tiên hay.

XII. THU HÀ ÂN HẬN

Trời vừa mới hùng sáng thì Thu Hà đã rước cô thông Tiên lên tới. Có ai kêu không biết mà Hương giáo Phiến cũng ra tới một lượt.

Cô thông Tiên ôm Vĩnh Thái, bà Hương giáo Phiến ôm thị Sen, hai bà khóc kể nghe rất thảm thiết. Hương hào Điều cũng khóc, mà Thu Hà cũng khóc. Tuy cả bốn người đều khóc, nhưng mà mỗi người buồn rầu đau đớn khác nhau, lại cái án mạng nầy nó can hệ đến danh dự của mỗi người, nên khóc than thì khóc, mà không có một lời nào oán trách Hương hào Điều hết.

Hương quản lên tòa báo cho quan Biện lý hay. Quan Biện lý dắt quan thầy thuốc xuống khám xét hai tử thi, hỏi sơ Hương hào Điều với thầy Hội đồng Chánh, lấy cây tầm vòng làm đồ tang vật, bắt Hương hào Điều dắt về và cho phép chôn thầy của Vĩnh Thái và thị Sen, Hương hào Điều bị còng đem lên xe, anh ta và khóc và xin gởi thẳng Đặng lại cho thầy Hội đồng, làm cho làng xóm ai thấy cũng đều ứa nước mắt, duy có cô thông Tiên với bà giáo Phiến ung bụng lăm mà thôi.

Thầy Hội đồng đứng cưới thị Sen cho Hương hào Điều, mà thầy cũng đứng gả con gái thầy cho Vĩnh Thái nữa, bởi vậy thầy lãnh lo chôn cất luôn hai cái tử thi. Vì chết một cách rất ghê gớm, mà lại phạm đến danh dự nữa, nên cô thông Tiên với bà giáo Phiến xin làm sơ sài mà chôn phút cho rồi. Thầy Hội đồng nghe lời, nên không dám để lâu. Quan Biện lý cho phép bữa trước thì sáng bữa sau chôn liền, chôn hai cái mả chung trong một đám ruộng. Vợ chồng Bá Hỉ với Hương chủ Lung hay tin, đều có lên thăm và ở luôn mà đưa đám ma. Tá điền tá thổ cũng đều tụ đến đủ mặt hết cả, song ở trong nhà thì họ làm bộ buồn, còn hể bước ra ngoài mà hai người gặp nhau thì họ xầm xì mà cười.

Hạ khoán xong rồi, dắt nhau trở về. Thu Hà mặc đồ tang đi với vợ Bá Hỉ, thỉnh linh cô nghe sau lưng có tiếng nói:

— Vậy cho yên phận cô Hai, kéo cổ buồn hoài, tội nghiệp quá!

Cô day lại thì thấy thằng Mau đương nói chuyện với thằng Tùng. Hai đứa nó bị cô ngó, chúng nó sợ, nên nín khe, rồi sụt lại sau, không dám đi gần nữa.

Đến trưa cô thông Tiền theo xe Bá Hỉ mà về. Khi cô từ biệt, cô ôm Thu Hà mà khóc và nói rằng:

– Con của má nó ngu lắm. Vợ như vậy mà nó làm chuyện như vậy, hi hi, hu hu...

Cô nói không được nữa, cứ lấy khăn dụi mặt mà lên xe.

Khách về hết, duy còn có một mình ông Hương chủ Lung ở lại mà thôi. Tối lại thấy Hội đồng Chánh nằm gác tay qua trán, bộ buồn hiu. Ông Hương chủ Lung bèn nói rằng:

– Cái buồn này là tại nơi mây. Hồi đó tao đã nói thằng đó tao coi bộ tướng không được, mây cãi tao, mây nói nó giỏi, nó có chí. Hứ! chí gì vậy.

Thầy Hội đồng thở dài và đáp rằng:

– Kén rể thì kén như vậy chớ kén làm sao nữa. Tại nhà tôi vô phước nên khiến gặp việc không may, biết làm sao bây giờ?

Thu Hà nghe cha nói với ông đương bàn việc nhà, cô bèn đứng ra trước mặt cha, rồi khóc tấc tấc tấc tấc mà nói rằng:

– Con là đứa có tội lắm. Chồng của con chết đó là tại con, vợ của anh Hương hào Điều chết cũng tại con, mà anh Hương hào Điều bây giờ ở tù cũng tại con, xét lại thiệt con độc ác lắm. Con phải chết thì con mới khỏi ăn năn.

Thầy Hội đồng lồm cồm ngồi dậy ngó con mà hỏi rằng:

– Con nói cái gì vậy?

– Thiệt, tại con nên mới gây ra cái họa lớn ngày nay đó.

– Tại sao vậy, con nói cho ba nghe thử coi.

– Hôm trước anh Hương hào Điều hay vợ ảnh lấy thầy hai, ảnh lên nói với con đặt dất vợ con ảnh đi xứ khác làm ăn. Con cản, con không cho đi, con biểu ảnh bỏ vợ ảnh, ảnh sợ không bằng có, ảnh nói bỏ vợ ảnh không được. Con mới bày chuyện xúi ảnh rình bắt làm cho vỡ lẽ đặt cho có đủ tang chứng mà bỏ chỉ. Ba coi có

phải là tại con, nên mới sanh sự hay không? Nếu con không cần, con để cho ảnh dắt vợ con ảnh đi, thì không có chuyện gì hết.

– Con xúi nó bắt, mà con có biểu nó phải đập chết bọn dâm bôn hay không?

– Thưa, không.

– Nếu con không biểu nó giết người ta, thì con có lỗi gì đâu mà ăn năn?

– Anh Hương hào Điều là người không có học thức. Ảnh lại thương vợ ảnh lắm nữa. Hễ ảnh bắt được, tự nhiên ảnh không biết dằn lòng. Con xúi ảnh bắt ấy là con đưa dao cho anh chém người ta. Đã biết theo luật pháp thì con không có tội, nhưng mà lấy theo lương tâm thì cái tội của con nặng lắm. Vì vậy nên hai bữa rày con ăn năn quá, nếu con không chết thì con nhớ cái tội ác đó hoài, không thể nào con an tâm được.

– Hôm trước thằng Hương hào Điều nó hay, nó lên nói với con, sao con không nói lại cho ba biết?

– Con thấy ba vì con mà ba buồn đã nhiều rồi, nên con giấu không muốn làm cho ba buồn thêm nữa.

Nãy giờ ông Hương chủ Lung ngồi lặng thinh mà nghe, chùng Thu Hà nói tới đó, ông mới cất tiếng mà cãi rằng:

– Cháu có cái gì mà ăn năn đâu. Cháu cũng không nên buồn. Thằng chồng của cháu nó làm bậy, nó lấy vợ người ta, thì người ta giết nó đáng lắm. Nó tử tế gì đó mà tiếc.

Thu Hà chậm rãi đáp rằng:

– Dầu không tử tế, cũng là chồng. Làm vợ mà xúi người ta giết chồng mình, tức nhiên cũng như mình giết, ông biểu đừng ăn năn, cha chả! Không ăn năn sao được.

– Cháu đừng nói bậy. Cháu phải nghe lời ông, cháu bỏ đi, đừng có thêm nhớ tới chuyện đó nữa.

– Cháu chết họa may cháu mới hết nhớ sự ấy.

– É! Chuyện gì mà chết nữa! Công ăn học thuở nay, bây giờ vì thằng chồng khốn nạn như vậy mà chết theo nó hay sao? Cháu coi thằng chồng đó trọng hơn cha cháu hả?

Thu Hà nghe ông chú quả trách thì cô châu mày rồi thủng thẳng trở vô buồng.

Mình buồn cũng phải, mà ông chú quả cũng phải. Mình làm vợ, tuy không phải mình cầm dao giết chồng, song mình xúi người khác, tức nhiên cũng như mình giết, thế thì dầu mình có sống, mình cũng hổ với lương tâm trọn đời. Mà bây giờ mình chết nghĩ cũng khó lắm. Cha mình sanh ra có hai chị em mình mà thôi. Cái hy vọng, cái thương yêu của cha mẹ thuở nay dồn về hai chị em mình. Nay em mình đi du học, mình ở nhà mà phụng sự cha. Nếu mình chết đi, bỏ cái buồn rầu lại cho cha thì mình lỗi cũng nhiều lắm.

Có hai vấn đề đó, một là ăn năn về sự xúi Hương hào Điều rình bắt dâm bôn, hai là lo sợ về sự tự vận phải mang lỗi với cha, mà nó làm cho Thu Hà tự bâng hoàng đêm ngày, ăn ngủ không được, không biết phải giải quyết thế nào cho hợp với lương tâm, mà cũng cho trọn niềm phụ tử.

Ban ngày cô mắc dạy sắp con tá điền mà còn mắc sẵn sóc giùm thằng Đặng nữa, nên cô khuây lảng được chút đỉnh. Thảm thay! Trong lúc ban đêm cô nằm quanh quệ một mình trong phòng, cô nghe tiếng đế, cô nhớ tới việc cô hại chồng, cô nghĩ tới tiền trình u ám, sống thì phải chịu ảo não, mà lại không có mục đích gì, chết thì được yên thân, ngặt mang lỗi với trên trước, bởi vậy cô bối rối trong trí, lạnh ngắt trong lòng, cứ nằm gác tay lên trán mà thở ra hoài. Một ngày cô ốm thêm một chút, làm cho thầy Hội đồng thấy vậy thầy lo sợ, nên thầy kiếm đủ lời mà khuyên giải.

Ngày lun tháng qua, Vĩnh Thái mới chết đó mà đã tới kỳ làm tuần bá nhật.

Tòa Đại hình đòi thầy Hội đồng Chánh lên làm chứng vụ Hương hào Điều sát nhon. Thầy đi hầu, thầy lại dắt Thu Hà đi theo. Hương hào Điều đứng giữa tòa mà khai rõ mọi việc. Thu Hà nghe người ta lặp đi lặp lại cái tên của chồng mình không biết mấy lần, mà người ta nhắc chuyện xấu chó không phải chuyện tốt, bởi vậy cô lấy làm hổ thẹn, cô lén bỏ đi ra ngoài xa, không muốn ở đó mà nghe nữa. Tòa xử rồi, thầy Hội đồng Chánh ra kiếm con mà nói rằng:

– Tòa nghĩ vì Hương hào Điều bởi sự ghen mà phạm tội sát nhơn, lại nó ngộ sát chứ không phải cố sát, nên kêu án nó có một năm tù.

Thu Hà thở ra và đáp rằng:

– Vậy cũng là may, chứ nếu Tòa kêu án ảnh nặng thì con càng ăn năn nhiều hơn nữa.

Khi về tới nhà, thầy Hội đồng mới nói với con rằng:

– Thôi, việc đã yên rồi hết, con đừng có buồn chi nữa. Con Sen là đàn bà hư, nó chết đáng lắm. Vĩnh Thái xảo trá mà lại gian dân, trời khiến nó phải chết một cách khốn nạn như vậy thì cũng phải. Còn thằng Điều tuy nó giết tới hai mạng, song hai mạng ấy chết đáng lắm, nó làm như vậy mà răn thiên hạ, nên tòa kêu án nó nhẹ nghĩ cũng phải. Con đừng có buồn rầu nữa. Con phải để trí mà lo giúp ích cho đời. Không lẽ ba nói chồng con chết đó là phước của con, nhưng nếu nói thiệt mà nghe, thằng đó nó sống thì nó hại xã hội, chứ không ích chi đâu mà tiếc. Con nghĩ thử coi ba nói đó phải hay là quấy.

Thu Hà ngó cha trân trân một hồi rồi cô khóc và đáp rằng:

– Lời ba nói đó thiệt là chơn chánh. Nhưng mà con đã lỡ làm vợ người đó rồi...

– Phải, ba hiểu lắm. Phận con là gái, trăm năm một chồng, may gặp chỗ tốt thì nhờ, rủi gặp chỗ xấu phải chịu. Chớ chi chồng của con còn sống mà ba xúi con bỏ nó thì là ba quấy; nay nó chết rồi, mà nó chết một cách nhơ nhuốc quá thế thì ba biểu con quên nó, ba không có lỗi chi hết, mà con nghe lời ba con quên cho rảnh, con cũng không có lỗi gì.

– Tại con nên chồng con mới chết.

– Mà cũng tại chồng con nên con mới buồn rầu, phải hôn? Ba gả con lấy chồng, ba tưởng chồng của con biết thương người, biết giúp đời, té ra nó đã không thương không giúp ai mà nó lại còn báo thiên hạ nữa.

Thu Hà ngồi suy nghĩ một hồi lâu rồi cô nói rằng:

– Ý con cũng như ý ba vậy. Năm ngoái con lấy chồng là vì con tưởng kết bạn với một người có tâm chí đáng chung lo giúp ích cho

đời. Té ra con lắm, nên hơn một năm nay con buồn hết sức, song con buồn thì con cần rằng mà chịu chứ biết nói với ai... Con nhớ lời em của con nó nói thiệt là phải lắm...

Thầy Hội đồng liền hỏi rằng:

– Nó nói giống gì?

– Bữa nó xuống tàu nó thấy con buồn, nó mới nói rằng: Chớ chi con không lấy chồng, chị em dắt nhau qua hết bên Tây mà học đặng ngày sau trở về chung lo khai hóa nước nhà, thì tốt không biết chừng nào.

– Phải, nếu ba dè duyên con lỡ dở như vậy thì hồi đó ba gả con lấy chồng làm chi, để cho con đi du học còn có ích hơn nhiều. Em của con nó nói phải lắm chớ.

– Bây giờ con muốn ba cho con đi.

Thầy Hội đồng ngồi lặng thinh mà suy nghĩ. Thu Hà nói tiếp:

– Cái mục đích về sự sống của con là giúp ích cho đời. Vì phận con là gái, không biết làm sao mà đạt đến cái mục đích ấy được, nên con mới tính lấy chồng. Tưởng là có chồng đặng giúp với chồng mà làm việc công ích, té ra thiên hạ có miệng mà không có lòng. Mượn tiếng công ích đặng kiếm cơm ăn, chớ kỳ thiệt là họ công hại. Bây giờ con không tin ai nữa hết, con chỉ tin bụng con mà thôi. Con xin ba cho con du học ít năm, con mở rộng kiến thức, con luyện tập tài nghệ. Con nguyện chừng con học thành công rồi con trở về, con sẽ làm đàn ông mà lo việc khai hóa. Được như vậy thì sự sống của con mới có mục đích, họa may con mới hết buồn rầu được.

Thầy Hội đồng gập đầu mà nói chậm rãi rằng:

– Con muốn như vậy cũng được.

Thu Hà đi Tây. Cô học hai năm lấy được bằng tú tài. Hiện nay cô đương ở trường Luật khoa đại học tại Paris; học sinh thầy đều kiêng nể tài học của cô, mà lại cũng kính trọng tâm chí của cô nữa.

An Trường, *Septembre 1929*
HỒ BIỂU CHÁNH

MỤC LỤC
TẬP I (1887-1932)
Quyển 1

• Lời nhà xuất bản	5
• Lời đầu sách	7
• Lời giới thiệu	9
• Lời dẫn tập I (1887-1932)	17
1. NGUYỄN TRỌNG QUẢN (1865-1911)	21
+ Thầy Lazaro Phiên (truyện, 1887)	22
2. NGUYỄN CHÁNH SẮT (1869-1947)	45
+ Nghĩa hiệp kỳ duyên (Chăng Cà Mum, tiểu thuyết, 1920)	45
+ Lòng người nham hiểm (tiểu thuyết, 1926)	104
3. TRẦN QUANG NGHIỆP (? - ?)	171
+ Lửa tình (tiểu thuyết, 1931)	171
4. LÊ HOÀNG MUU (Mộng Huê Lầu) (1879-1941)	300
+ Người bán ngọc (tiểu thuyết, 1931)	301
5. NGUYỄN TRỌNG THUẬT (1883-1940)	507
+ Quả dưa đỏ (tiểu thuyết, 1925)	507
6. HỒ BIỂU CHÁNH (1885-1958)	695
+ Chút phận linh đình (tiểu thuyết, 1928)	695
+ Khóc thầm (tiểu thuyết, 1929)	821

VĂN XUÔI LÃNG MẠN VIỆT NAM (1887-2000)

TẬP I (1887-1932)
Quyển 1

*

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.1 - TP.HCM
ĐT: 8225340 - 8296764 - 8220405
FAX: 84.8222726 - EMAIL: nxbtphcm@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc TRẦN ĐÌNH VIỆT

Biên tập:

Phó giám đốc HOÀNG MAI

Sửa bản in:

Phòng văn học NXB

Bìa + Biên tập mỹ thuật:

NGỌC ANH - VĂN ĐƯỢC

Vì tính:

CẨM HÀ

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Xí nghiệp in FAHASA.
Đóng xén tại DNTNSX NGÔI SAO - ĐT: 8640798.
Giấy đăng ký KHXB số: 81-2005/CXB/64-65/THTPHCM
ngày 2/11/2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12/2005.

Văn xuôi lãng mạn VIỆT NAM 1887 – 2000

Tập I 1887–1932

... Giai đoạn 1887 đến 1932 là giai đoạn mở đầu cho dòng văn học chữ Quốc ngữ của Việt Nam và, cũng là giai đoạn mở đầu cho dòng văn học lãng mạn. Mặc dù vậy, những tác phẩm lãng mạn thời kỳ này đã sớm khẳng định chỗ đứng của mình trong văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm như những bản tình ca, hấp dẫn, cuốn hút độc giả từ đầu đến cuối. Và ở đây cũng không thiếu những tráng ca và bi ca... mà dư vị ngọt ngào và đắng cay còn lại cho đến thế kỷ 21.

Vietnamese Romantic Prose 1887–2000

Volume I 1887–1932

The period from 1887 to 1932 is the initial stage of the literary current using *chữ quốc ngữ* (Vietnamese romanised script) and also that of the romantic prose current. Though in their initial stage, the romantic literary works in this period have soon got a footing in Vietnamese literature. Many works manifesting themselves as arresting love songs capture the readers' attention from cover to cover. And quite a few bittersweet epics and elegies still remain until the 21 century.



0109914

GIÁ: 140.000đ